

NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP

TẬP II



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NGUYỄN TUÂN
TOÀN TẬP

NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP
II

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập: **NGUYỄN THỊ HẠNH**
Bìa: **VĂN SÁNG**
Sửa bản in:
PHÒNG VĂN HỌC
HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
GIỮ QUYỀN SỬ DỤNG

*In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Xí nghiệp In Phan Văn Măng.
Số đăng ký KHXB: 29/CXB-63/VH ngày 14/01/1999. Trích ngang
KHXB: 76/GP ngày 31/3/2000. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2000.*

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

NGUYỄN TUÂN
TOÀN TẬP

(Năm tập)

II

(TÁC PHẨM TỪ 1940 - 1945)

NGUYỄN DẰNG MẠNH

biên soạn và giới thiệu

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Hà Nội - 2000

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH
sưu tầm và giới thiệu

NGỌN ĐÈN DẦU LẠC*

(Phóng sự)

* Hà Nội - Hải Phòng - Sài Gòn

Édition Mai Linh

Phúc Yên - Phú Thọ - Uông Bí - 1939

Văn bản *Ngọn đèn dầu lạc* và *Tàn đèn dầu lạc* do nhà văn Vương Tri Nhân cung cấp. Sách xuất bản khi Mặt trận dân chủ Đông Dương đã chấm dứt. Chế độ kiểm duyệt sách báo của thực dân rất khắt khe. Nhiều câu văn, đoạn văn không liền mạch là do kiểm duyệt cắt bỏ. Có khi cắt bỏ cả một trang, thậm chí cả một chương sách.

Mặc dù xuất bản năm 1939, chúng tôi xếp *Ngọn đèn dầu lạc* vào tập II cho liền mạch với *Tàn đèn dầu lạc*.

I

VUA TIỆM BĂNG HÀ

Tôi mở đầu thiên phóng sự này bằng một cái chết. Cái chết của Chú Trô. Chú Trô - vua tiệm ở xứ Bắc. Tôi lấy cái chết của ông tị tổ nghề bán đầu tiệm ở Hà Nội thay làm lời mở đầu.

Chiều hôm 2 Mai 1939

Đi đến đầu Hàng Bông, Phủ Doãn, một ông bạn trẻ gầy đét như mắm khô, trông người là bung ra sái được, vội cản tôi lại và rề rề cái giọng đau thương:

- Khốn nạn người thế mà chết.

Tôi nhìn người bạn với sự nghi ngờ. Một phé nhân như y, một người nghiện hút như y đã đốt cả cơ nghiệp nhà ra sái, đã đốt cả tình cảm ra tro, một người như y mà trái tim chỉ còn chứa đầy tro và muối, chỉ biết có a phiền và đặt a phiền lên mọi cái thiêng liêng ở đời. Ủ, một người như thế mà cũng lên giọng khóc.

Tôi lùi lại một bước, nhìn thẳng vào đáy đồng tử y, muốn lấy mắt bảo y nên tránh ra một bên, nhường đường đi cho tôi rảo bước. Nhưng y vẫn kênh cang, bởi vì kênh cang là đức tính số một của dân nghiện. Y toe toét:

- Trong bọn *ken cờ*, tao là người thứ nhất biết cái tin Chú Trô mất.

Vậy ra bạn tôi đang khóc vua tiệm.

- Chú Trô mất!

- Ừ, người đầu tiên biết đóng thuốc phiện vào cối đồng bán lẻ đã mất... Thế sao mấy chả làm ra bộ vội vàng đi ngay. Ai đã thèm xin xỏ mày tiền hút mà mày đã phải chạy.

Có thể chứ. Tôi liền đổi luồng tư tưởng, vui vẻ cùng đi sóng đôi với ông bạn để cùng đá động đến cái chết của ông vua tiệm ở đất Hà Nội.

Trong một tiệm hút, chúng tôi là ba người đang đá động đến vong linh ông Phùng Văn Trô nhất danh nữa là Chú Trô. Vẫn cái ông Trầm nghiện kiêm nghề tương số nói nhiều nhất. Trầm chỉ vào tôi ra giọng chế giễu:

- Chuyến này thì mày tha hồ mà tả nhé. Tả cảnh, tả tình, tả người, tả cả người sống lẫn người chết. Nếu tao không nhầm thì mày đang lúng túng về đoạn mở

dầu cho tập *Tàn đèn dầu lạc*. Còn đợi gì mà không dùng (!) ngay cái chết này. Độc giả thích (!) lắm đấy. Mới hay cái đau buồn riêng tây của một người lại có thể làm vui cho một số người khác. Mất cho tớ một hộp thuốc vàng hạng *lục*, tớ kể cái tiểu sử Chú Trô cho mà nghe.

Cho đỡ ngượng nghịu, ông bạn liền cười hề hề, cất cao mãi cái giọng vịt:

- Ở đời, có cái gì là cho không đâu. Mọi sự giúp đỡ đều phải trả bằng tiền cả...

Tôi ngắt lời:

- ... nếu không trả được bằng thuốc phiện!

Một lúc sau, nghĩa là sau mấy còi thuốc, tôi được biết rằng cái phút cuối cùng của Phùng Văn Trô cũng long trọng chẳng kém gì.

Nhưng lúc bác sĩ Le Roy des Barres tới thì Chú Trô đã thở hắt ra rồi. Và ngay buổi chiều hôm 2-5, Chú Trô đã thở hơi cuối cùng trong căn buồng số 3 nhà thương Khách, y như một cái tim bác lúc cạn phao dầu ở một bữa thuốc ban ngày.

Thế rồi chúng tôi dự đoán xem ngày mai đưa đám Chú Trô về tận làng Láng, trong bọn quen biết những ai sẽ là người có cái bốn phận phải đi sau xe tang. Chúng tôi cười khúc khích mỗi khi đàn cử được ra tên

một người quen biết. Chúng tôi lựa chọn mãi cho đủ bốn người chấp phát và cử đi, cất lại y như là người của nhà đám phải sắp đặt công việc chôn cất vậy. Một suýt nữa, tôi chết sặc khói thuốc, khi ông bạn tướng số nói:

- Thật là một điều đáng tiếc. Giá cái tên H. Ch... nó không chạy làng lên Văn Nam phủ thì thế nào nó cũng được nắm cái dải đi bên quan tài. Nếu nó không muốn cầm, nhà đám cũng dúi vào tay nó.

Tôi ngồi nhồm đậy, chiêu xong ngụm nước, nói lúng búng:

- Thế cái làng văn và làng báo ở cái kinh đô văn vật của chúng ta sẽ cử ai đại diện? Khéo không lại để cho thiên hạ chê cười bọn cầm bút là vô tình.

Hôm nay là 3-5, ngày cất đám Chú Trô. Cả một buổi sớm nay, mưa rả rích. Những người nghiện mỗi khi đẹp trời, ngả bàn tính trong nhà thường hay phàn nàn với bạn hút: "Giá ở bên ngoài, trời đổ cho trận mưa thì bữa thuốc sẽ ngon thơm vô cùng". Có lẽ trời đã thể đến cái tâm tình người nghiện, mặc dầu người ấy chỉ là cái thầy ma một ông vua tiệm nên giữa một tiết hè khô nẻ, mà cũng lác đác mưa bay. Hạt mưa nặng và mau thêm mãi. Tôi đã khoác một tấm áo cao

su, đi lên nhà thương Khách, xem người ta nhập quan Chú Trô.

Cứ lời nhà đám nói thì đúng mười hai giờ đám khởi hành từ nhà thương Khách và đi về tới nghĩa địa làng Láng. Bảy giờ đã quá Ngọ rồi mà cả một dãy hàng lang nhà thương Khách, vẫn chưa có lấy một linh hồn người nhà đám. Ở góc sân, một gánh vàng hồ gờ tung chất đầy hai thùng cái, phủ ngập cỏ mấy chai rượu công ty. Chỉ có thế.

Tôi lần mò vào nhà xác; tôi muốn nhìn rõ mặt một người nghiện lúc chết để so sánh xem cái sắc mặt một người nghiện chết rồi, với cái nét mặt một người nghiện còn sống, nó khác nhau những gì. Không, cũng không khác gì mấy. Nước da xám bệch, cặp môi thâm, và tí lông trắng ở cặp mắt mệt mõi của Chú Trô, cũng chỉ đến xám bệch, thâm và mệt mõi bằng cái nước da, bằng cặp môi và mắt của một số đồng những bạn tôi đang sống nhan nhản ở giữa Hà Nội của tiệm hút. Tôi nhìn kỹ hơn. Thì cái mặt vua tiệm, nếu lật miếng giấy phủ mặt lên, là chúng ta có cả một tảng thạch in đã vấy vữa.

Nhà đám đã tới tập đến. Tôi ngắm kỹ cái ảnh truyền thần phóng đại sắp để vào cái linh sa của một đoàn đám ma. Ở thành khung ảnh phong tục Trung Quốc đã đính vào đấy hai cái trương nhĩ có nam mắt

kính và lòng công. Trong lòng khung, Chú Trô mặc áo Tàu có khuy tết, đội một cái mũ nôi và nét mặt tươi tỉnh như cái hồi mười năm về trước còn ở ngõ Gạch, chú vui vẻ chiêu chuộng những ông khách hàng khò lỉnh và trung thành mỗi khi họ đòi cho được cái dọc tàu bằng đồng nặng cầm cứ sái cả cánh tay đi.

Đám đã bắt đầu đi.

Thế này thì ra tôi đi đưa đám một ông chủ tiệm, hờ trời! Tôi tự hỏi tôi xem tôi lấy tư cách gì mà theo sau cái xe đại-dư bốn ngựa phủ vải đen này. Bước một bước chân phân vân của tôi dẫm lên những thỏi vàng hồ. Tiếng thỏi vàng hồ vỡ bụng kêu đến rắc, nhại đúng âm thanh một thỏi sái các khi bị một móng tay già dạn cấu mạnh ngắt ra từng viên một.

Áp hẳn vào xe tang là Chú Cầu và Chú Trương, hai người giúp việc rất tin cẩn của Chú Trô những khi đóng một cỗ thuốc thổ nào là non thế nào là già, thế nào là mát, thế nào là ngon. Vậy mà đã âm dương hai ngả; một buổi “chiều” thiên cổ, như chiều nay, hai Chú đang buồn rù rượi, buồn như cái tiếng chú Khách già rao phá sáng thông những đêm tháng mười ở phố vắng có mưa phùn.

Tôi đi bên cạnh ông Paul Q... một thân chủ lâu năm ở tiệm Chú Trô. Ông Paul này trước kia là một hoa tiêu cầm máy bay ở...

Từ ngày ông Tây lai này thôi bay ở trên không thì ông đâm buồn rồi cứ thế ông đến nhà Chú Trô dè ngày ngày bay ở trên cạn vậy. Ông thật là một người đi mây về gió, cả nghĩa bóng và cả nghĩa đen. Buổi tổng biệt nhau của “cái nghĩa tử là nghĩa tận” ghép một phi công Tây lai nghiện đi đưa đám một chú Khách chủ tiệm lức vân du, tôi đổ ai dám khoe mình chơi chữ giỏi hơn Sự Vật.

Trừ một số con cháu trong nhà ra, đám vắng người đưa quá. Tôi có biết đâu rằng, mãi đến khi đám đi qua cổng khu Đấu Xảo, cái tốp người cháu chực sẵn ở đấy mới nhập vào cho nó đông thêm và dài thêm. Đàn ông có, đàn bà có. Đây là một ông bác sĩ, đây là một ông y sĩ, đây là những thiếu phụ An Nam có những cái tên đâm nghe rất du dương. Và những ông chủ tiệm dơi đã lâu ở đây để biểu dương một cái tình đồng nghiệp. Có ông làng chơi kia, trong lúc vội vàng rút mùi soa lau mồ hôi, đã đánh rơi xuống mặt đường một cái hộp *Kalmine*, để đến nỗi mấy viên thuốc táo sẵn rơi tung toé cả lên nền nhựa mặt đường. Ý chừng đấy là thay mấy thỏi vàng hồ rắc thêm nữa để đánh dấu hộ Chú Trô một con đường về. Đoàn người đưa đám dài thêm mãi. Thật là cả một thế giới nghiện đang làm tối sầm cả một con đường rộng sáng. Ngoài cái mẩu đen của tang tóc, lại còn cái màu cầu xin của xám của sái, của muội đèn dầu nữa.

Mãi đến bây giờ, tôi mới thấy tôi là trơ. Ồ, nghĩ cho nó cùng, thì đúng là tôi định khiêu khích dư luận rồi còn gì nữa. Khi mà tôi dám đi đưa ma Chú Trô thế này, là tôi đã ngồi xồm lên luân lý của mọi người. Nếu tôi chưa có vợ, thì tức là tự tôi, tôi đã đóng cửa Tương Lai, Thân Thế của tôi vậy. Tương Lai hiểu theo cái nghĩa rất tròn trĩnh. Con gái nhà lành, từ đây ai bằng lòng để cho tôi “xin bàn tay” ? Nếu có người muốn hỏi tôi tại làm sao lại nhập vào đám này, tôi sẽ trả lời thế nào cho ổn?

- Vì tính tò mò của nghề nghiệp chăng?

Như thế chưa đủ, phải thêm:

- Để đáp ơn một người đã làm giàu Việt ngữ thêm được một tiếng nữa. Tên người chết kia đã biến thành một động từ rồi. Đã bao nhiêu lần chúng ta nói với nhau: “Đi *trô* đi: *trô* nhiều quá - *trô* chưa đủ...”. Chính cái chú Khách già vừa nằm xuống kia đã đem sung công tên tuổi mình vào ngôn ngữ xứ này. Thành ra bây giờ nói chuyện cùng nhau về một cái thú chơi, mà nhiều người đã không nhớ rằng mình nhắc đến tên cúng cơm một ông chủ tiệm. Mời hay:

Tự cổ thánh hiền giai tịch mịch;

Duy hữu hấp giả lưu “kỳ” danh

II

XUỐNG MỘT TÒ LY HÔN

Đây là lời thú tội của một dân nghiện, dân nghiện đó là tôi, là ông, là hân, là tất cả mọi người đã từng lấy cái tiệm hút hạ cấp làm nhà của mình, ăn cả cơm đen lẫn cơm trắng ở đấy, ngủ đêm rét mưa ở đấy với một cái nệm vải ruộm nâu kéo lên khỏi tấm ngực lép, đã từng lấy tiệm hút làm nơi tiếp khách, những lúc say sưa là có thể châm lửa đốt trời được.

Cái cảnh tôi ăn ở với Á Phiến đã quá là cái cảnh một lứa đôi, già nhân ngãi, non vợ chồng.

Tôi làm bạn với nàng, đến bây giờ đã mười năm thiếu mấy tháng. Bao nhiêu là kỷ niệm. Ngày vui, tôi gọi đến nàng. Đêm buồn tôi cũng gọi đến nàng. Xa nàng, tôi thấy nhớ. Rồi đau, rồi ốm. Thiếu nàng, đôi phen tôi đã thấy cuộc đời là vắng vẻ.

Vì nàng, tôi đã hy sinh bao nhiêu là thứ tình thiêng liêng. Tình vợ, tình bạn, tình của một công dân trai tráng đối với đất nước giữa những giờ trọng đại. Thế mà nàng cũng chưa vừa lòng. Nàng còn muốn tôi

tự diệt tôi đi nữa. Nàng là cái hiện thân của một con hồ ly tinh trong truyện Liễu Trai yêu người thư sinh, rút hết tinh khí của thư sinh chán rồi rút cục là biến mất và để lại cho trần gian một cái xác co quắp, hình thù cổ quái. Nàng quả là một người nhân tình nghiệt chường và nghiệt chường. Cái giống thuốc phiện vốn là độc. Nó là một cái địa ngục trên hòn đảo không có tên ở giữa biển đại dương mà chúng ta là những tù trọng án bị vĩnh viễn đẩy ra đấy. Nếu ở cái xã hội đầy tội lỗi của chúng mình, có những tên tử tù còn muốn vượt ngục, còn muốn chọc thủng cái lưới canh phòng chặt chẽ, thì tôi, một dân nghiện chân chính, tôi, đêm nay cũng có cái tư tưởng muốn thoát ly thuốc phiện. Bởi vì tôi đã biết chán tôi cũng như có những lúc tôi đã đem cái sự nghiện hút của mình ra mà ngạo nghễ với thiên hạ. Tôi còn nhớ một chuyện cổ tích mà tôi đã học một được của ông hàng xóm cổ rụt, vai so, mắt trắng dã, môi thâm sì. Ông ta đốt đèn, kể với tôi và một người bạn ghét cay ghét đắng thuốc phiện rằng:

“Xưa kia một ông nhà giàu, có một người con trai, con lại con một và có tính chơi bời. Sợ con phá hết cơ nghiệp, người cha đã ép con phải nghiện cho được thuốc phiện để giữ lấy cửa nhà. Người con lúc đã thích thuốc phiện và vui lòng làm người nghiện, lúc bấy giờ mới tìm cách để bênh vực thuốc phiện vốn bị tất cả nhân loại nói xấu và lại vu cáo nữa. Một hôm,

muốn bắt chước kiểu nhà thông thái kia khi định chứng tỏ một điều gì thì phải làm một cuộc thí nghiệm khoa học, hần muốn tỏ ra cho đời thấy cái hay ho của nha phiến, hần đã bày ra mặt đất một chén thuốc phiện và một bát phân người. Bên cạnh bát phân phơi đến ba nắng đã thổi hoăng có ruồi bầu, là một chén thuốc lấy ở chai thuốc chôn dưới đất lâu ngày đã có mùi chua và lên men mốc. Bên cạnh một vật rất ty tiện, có cả một vật rất quý giá. Hần tóm gáy con chó vện, di mồm chó xuống bát phân và chén thuốc, thử xem con cháu chọn thử thực phẩm nào. Như mọi người chờ đợi một cái gì xảy ra mà mình đã đoán trước được, hần vỗ tay âm lên khi con chó vện dùng bát phân và ché bỏ chén thuốc ngon lành”.

Ông hàng xóm nghiện của tôi, kể đến đây, ném tiêm vào lòng khay, ngồi nhồm hần đây, và kết luận rằng:

- Mới hay chỉ có giống chó là ché thuốc phiện thôi, các ngài ạ.

Ông hàng xóm, lấy làm khoái chí, tu cái vôi ấm nước nóng đánh ực một cái và còn gặt gù, khi thông điếu thuốc lão:

- Có như vậy, các ngài ạ.

Bạn tôi không hút và tôi đã hút thành bệnh rồi, hai chúng tôi vẫn ngồi im. Lẽ tất nhiên là một người

nghiện như tôi lúc bấy giờ, đã chia cái vui hóm hỉnh của câu chuyện và cái vui ngụ trong sự chửi xỏ của ông hàng xóm, và lẽ tất nhiên, ông bạn trong sạch của tôi ngồi ngay râu ra đấy, bị lừa, đã chửi thề: “Ba cái thằng nghiện động nói chuyện là toàn chuyện đùa”.

Câu chuyện ấy, tôi đã nhắm lấy làm lòng, như người ta thường học thuộc lòng những danh ngôn và những câu lịch sử của một số ít người được cái phần đông nhân loại suy tôn lên làm vĩ nhân. Với truyện cổ tích học mót ấy, gặp ai từ chối điều thuốc của tôi mời, là tôi lại được một dịp ngạo nghễ khi thuật đúng câu chuyện cổ tích như thế vào giữa cái mặt sáng sủa của họ. Gần mười năm nay, tôi đã vứt cả cái phẩm giá làm người thanh niên..... tôi đã bỏ, bỏ hết để vươn cổ ra làm thầy cái cho thuốc phiện. Tôi đã cài cho A Phiến như một nghệ sĩ can đảm đứng lên bênh vực cái tác phẩm bạo dạn của mình, với cả một tấm lòng công phần. Khi đổ hai mươi mấy tấn nha phiến xuống bể gây ra trận Nha phiến chiến tranh với chính phủ Anh-cát-lợi, Tổng đốc Lương Quảng là Lâm Tác Từ hăng hái làm án nòng Tiên Nâu như thế nào thì tôi cũng hăng hái bênh vực thuốc phiện như vậy. Lúc bấy giờ tôi là một họa sĩ cách mệnh, đứng trên diễn đàn phòng triển lãm cả tiếng tìm lẽ phải cho bức tranh

người đàn bà..... trước khi cái thắm mỹ quan của bọn trưởng giả dám công nhận cái..... mỹ thuật.

Thế mà hôm nay, nằm đối ngọn đèn dầu lạc, tôi dám chửi thuốc phiện đấy. Tôi đã nói xấu A Phiến. Sự cắn nhau đau đã thay cho sự yêu nhau lắm. Đêm nay, một mình, một bóng, một đèn, tôi cảm thấy tôi trong mười năm nay, đã là một phế nhân. Đến bây giờ, tôi thấy tôi là một cái tim bác tự thiêu diệt mình trong một cái bầu pha lê gọt đã cạn hết dầu mỡ. Tôi tự phóng hỏa tôi, nếu tôi không lách mình ra khỏi cái cảm dỗ của ánh sáng dầu lạc.

Chậm còn hơn không bao giờ có. Ừ thì bỏ! Thôi cùng liều. Nhưng tại sao thế?

Bởi vì hôm qua, tôi đã nuốt hết, tôi đã hút hết số tiền 5\$00 mà bạn hiền của tôi cho tôi để biên tên vào một bản danh sách những người đi chơi vịnh Hạ Long. Cái *croisière* này vui biết bao, đẹp biết bao, khoẻ biết bao. Cái chân trời của vịnh Bắc kỳ, hẳn phải là rộng hơn cái chân trời của những tiệm hút phố Hàng Buồm. Người bạn hiền đã làm cho tôi cảm động hết sức khi bỏ năm đồng bạc vào túi tôi và nói:

- Trông độ này người mày hư lắm. Mày không tự biết cái sức khoẻ của mày dạo này xuống quá. Mày có chụp ảnh, gior ảnh cho người ta xem, người ta cũng rõ mày là nghiện, chứ đừng nói là trông thấy người.

Người ngắm gì mà trông như là mới móc ở dưới mả lên. Có muốn sống thì tắm bồ ngay đi. Và phải bắt đầu bằng một cuộc thay đổi không khí. Nhân tiện có cái bọn *croisière* đi vịnh Hạ Long, mày cầm số tiền này đóng cho họ. Tao biên sẵn cho một cái *bon* nữa ra thằng Khách Phúc Kiến mà lấy những bánh, rượu, hoa quả và đồ hộp mà dùng trong khi đi lấy gió trên mặt bể.

Tôi ừ ào, nhận tiền, nhận tám *bon* có chữ ký sẵn và cả những cái vở vai rất an ủi của một người bạn tỏ lòng thương hại mình. Để rồi đi hút thuốc phiện và đến 1 giờ sáng, đêm ấy, thì đốt hết cả số tiền 5\$00 trên cái bắc dậu lạc. Tôi đã đi du lịch trong tiệm hút. Những bánh trái và đồ hộp khuôn ở hiệu thực phẩm về, bữa bãi ở giường tiệm hút và các bạn tôi khi đã hút say, ăn no, còn chế điều cả đến cử chỉ hào hiệp của ông bạn tốt:

- Về chuyện. Việc gì phải đi *croisière*. Hút thuốc phiện cũng là một cách du lịch qua không gian và thời gian rồi. Mà những thứ người nghiện ngập như bọn mình, thì xem phong cảnh vào lúc nào. Không nuốt được ít khói, thì Tự Nhiên, thì Tạo Vật có đến là kim cương cả, là ngọc thạch cả, đây cũng không màng. Các *vous* thử nghĩ, nước mắt nước mũi chảy nhễ nhại, hắt hơi, sổ mũi, đi đại tiện mất hàng giờ, bấy nhiêu thứ cũng đủ nhục người rồi. Còn xem cái gì nữa!

Một bạn nữa nướng hộp cá kho dầu olive lên ngọn đèn cho nó nóng món đồ ăn nguội, và thêm vào những câu lý thú hơn:

- Không biết nó nghĩ làm sao mà nó định đi du lịch. Định leo núi, định tắm nắng, định hít gió lồng! Đã giết người chưa! Một thằng xưa nay chỉ biết có cái điệu nằm nghiêng một chiều; kiềng ánh sáng đến nỗi suốt ngày phải nằm trong phòng tối; kiềng gió đến nỗi không dám dùng quạt điện sợ ngọn đèn hơi lay động thì hỏng mất điệu thuốc! Nó sợ tiếng động khê, thế mà bây giờ xông vào giữa cái âm âm của sóng bể, sao mà nó hay hài hước thế.

Một bạn nữa, chỉ những cái dụng cụ ở khay đèn và cười vào mũi tôi:

- Thôi, con xin ông. Ông đừng giở trò khỉ ra, mà người ta cười cho. Đây là một cái tẩu, đây là một cái cống đựng nước thấm chân tẩu. Nếu ông có khao khát muốn thấy những hình thù cổ quái của các hòn đảo Hạ Long, thì ở nhà ông ở tiệm này, cái tẩu này cũng gần giống như cái dáng củ lao *Le Crapaud* và cái bình đựng nước kia cũng là cả một hòn củ lao *L'Encrier*. Việc gì phải đi đâu. Cái thế giới của ông là ở đây. Cái tuổi của mình là nằm hút để nghĩ về siêu hình học chứ du lịch mà làm cái thá gì.

Trong bọn, chỉ còn một người nữa là chưa chịu lên tiếng nhạo tôi. Bây giờ y mới cười lên như phá:

- Chúng mày thử hình dung lấy một thằng trô hạng nặng, mặt bấm ra thuốc phiện được, cũng mặc quần short, cũng chống can, cũng đeo một cái hòm da. Ở người khác thì những cái phụ thuộc đó là hay ho, là có tính cách du lịch, thể thao. Với một anh trô, cái quần short đã trở nên một cái quần lót cụt như chúng ta đang mặc đây để nằm hút cho gọn, cái can có vẻ là một chiếc dọc tẩu và cái hòm da kia chỉ là một cái service portalif. Có ngu lắm thì người ta mới nhầm là chiếc hòm ảnh. Của người ta đi đến đâu là sáng sửa đây; bọn mình đi đến đâu tối râm cả một góc trời lại. Màu thuốc sái, còn tối hơn màu hắc ín nữa kia mày ạ.

Cả một tiệm hút được dịp cười huyền não.

Nghĩ lại, tôi lại cũng thấy họ nói đùa thế mà đúng. Và tôi đem số tiền tặng kia đáng lẽ góp vào việc du lịch trên bể, đem dùng vào việc du lịch trong một tiệm hút.

Nhưng chiều hôm nay, bạn tôi vẫn còn thấy tôi thất thủ giữa phố Hàng Buồm và đã rõ chuyện đó. Tôi sắp mở miệng định nói lấy một câu mà tôi chưa biết là câu gì, bạn hiền của tôi đã mắng như tát nước vào mặt.

- Thế ra mây là một cái giống gì chứ không phải là một giống người nữa. Mây đã hút cả tiền tao đưa nhờ mây đi đặt một bức trường phúng đám ma, mây đã hút hết cả tiền mua đồ mừng đám cưới, mây đã hút cả một pho Tự vị Larousse Universel của tao - ông cấm cái, không mây lấy thì ai vào đây - ở mây đã làm rụng tao đến như thế, lần này mây lại hút cả *croisière*, thôi thế là mây hoàn toàn chết nơi lòng tao rồi. Tha thứ gì mà cứ hai ngày lại phải thứ cho mây một cái lỗi nhỏ, ba ngày lại tha cho mây mỗi cái lỗi nhón. Mây đừng nên bắt tay tao nữa. Gặp ở đường, ông cấm không được chào ông. Đồ quốc sĩ !

Bạn hiền của tôi, quay đi, kéo qua phố Hàng Buồm một mối hận dài. Tôi nhìn theo xấu hổ, tưởng có thể chết ngay được. Các ngài đừng nên bêu môi. Tôi mà cũng biết xấu hổ à? Một người đã vô sớ bất chí đến như tôi mà cũng dám nói đến lòng liêm sỉ ư ? Không, tôi thành thực lắm mà, ít ra là ở phút này. Không, dù sao tôi cũng còn chút ít cái gì của thằng người. Cái “nhất điểm linh đài” trong người tôi chưa chịu lụi tắt hẳn. Tôi vội chạy theo người bạn hiền, níu áo anh lại, thể rất to với anh ở giữa đường phố, tưởng như là mình ở một chỗ vắng người. Tôi đã giơ ngón tay lên như một hướng đạo sinh lúc tuyên thệ chính thức được nhập vào đoàn và mặc quần áo của đoàn.

- Tôi xin thề với anh, trên đầu những người thân yêu nhất của tôi rằng, từ phút này, tôi bỏ thuốc phiện. Tôi lạy anh, anh cười lên cho tôi một tí. Để tỏ cho tôi hiểu rằng anh vẫn không nỡ bỏ tôi và để cho nó ấm lòng tôi lại.

Bạn tôi không những không cười, lại còn nghiêm nghị hơn bạn này:

- Tôi biết ông thề rồi. Nếu lời thề của ông có thiêng thì những người thân yêu nhất của ông ở trên đời đã phải chết hết cả và dưới tuổi vàng cũng uất lên mà chết đi chết lại có đến vài mươi bận. Ông cứ đi thẳng con đường của ông. Ông cứ hút, và tôi xin ông đừng đến đám của nhà tôi để lấy tiền mua thuốc cai nữa nhé. Có nhớ mấy lần lấy thuốc cai rồi không?

Lần này người bạn “mày tao chí tở” của tôi lại gọi tôi là ông. Thời thế là hết, là mất. Tôi rơm rớm nước mắt. Đến như người bạn bền nhất của tôi mà cũng không cho tôi một mảy may tín nhiệm nữa, thì là phá sản rồi, thì là tôi thanh toán đời tôi rồi.

Đau đớn lắm, cô Tiên Nâu của tôi ơi!

- Tôi chán tôi lắm. Tôi chán cô lắm. Hút điếu thuốc hôm nay, tôi thấy nó ngai ngái. Đánh phải bỏ nhau. Và ngày mai tôi nguyện đem chẻ bàn đèn của tôi. Nàng Tiên Nâu nên thương tôi và tìm một người bạn khác. “Tình xưa giờ nghĩ đến, yêu nhau nên có phụ

nhau mà!". Ở đời, còn chán vạn người muốn bắt nhân tình với nàng, nàng ạ. Tìm họ mà đánh ban. Còn tôi, tôi đã trở nên một nhân tình khôn ngoan. Những bài thơ từ trước chúng ta tặng nhau điểm điểm những giọt nước dựa phù dung, và mẩn than sái ta trả lại nhau. Cái duyên hương lửa, ta xí xoá. Và muôn vàn bất đắc dĩ, ta lìa nhau. Từ phút này, Nàng nên đi con đường của Nàng, mà làm cho trọn cái sứ mệnh Ma Túy. Tôi, trở về nơi cuộc đời lành và đẩy vệ sinh, lạc quan. Tôi đã nhất quyết. Nàng nên kính trọng cái ý định của tôi. Đây này, Nàng trông! Cối thuốc bông có ngọn lên ấy, tôi đã vứt tọt vào ống nhổ?

III

BÚ ỚNG TRE

Hôm nay là một đêm tháng ba.

Chiều hôm nay, cái trời nắng hè đi vắng. Vòm trời xám lại như một buổi chiều thu. Trận gió chiều, hiu hiu thổi lọt phòng vắng. Cũng trúc se ngọn cỏ, cũng tơ chùng phím loan. Trời khô quá, dây đàn cứ thi nhau mà đứt phùm phụt, ngọn bút lông vừa rút khỏi thuỷ trì ra là đã khô nhọn hắc đầu. Giữa tháng ba mà được sống lại những giờ không phút của ngày thu thì vị, tôi cũng bắt chước các bậc cha anh ngày xưa, đem một cút rượu trắng ra nhấm với một chiếc mực khô nướng, để hưởng vớt lấy cái ngày cuối xuân còn sót lại. Say rồi, tôi trôi kệ sự đời, nằm lăn kềnh ra ngủ như một nhà nho lúc muốn tiếp liệp, lấy cái quán trọ bên đường cái quan làm nhà của mình, không cần gối, không cần đệm.

Thức giấc dậy, chuông nhà thờ điểm một tiếng ngân dài. Và tôi thấy lạnh. Tôi trần trọc, vì thiếu một tấm chăn đơn. Gần tháng nay, Hà Nội nóng dừ dội quá. Suốt ngày người ta chỉ xoay tròn ra với một cái khăn sà vệt vát lên vai, chốc chốc lại lau mồ hôi mình như một chú Khách phố Hàng Buồm. Hết lau mồ hôi, đứng lên lại ngồi xuống và không được ngon giấc ngủ ngày người ta chỉ có ngồi xuống như thế để mà nghe cái tiếng gỗ nứa rất khô, rất gọn ở những bộ đồ sa lông gỗ lát bị xé dọc. Không làm thơ được, người ta chỉ gất gồng một cách vô lý với tất cả mọi người. Chả trách được ở xứ nhiệt đới Nam kỳ, người trong đó ít làm thơ ca du dương và hay có tính gây lộn và chêm chặt nhau là phải. Khí hậu! Ảnh hưởng.

Đã một tháng nay, hồn lãng mạn của tôi bị chết khô vì nắng. Đêm nay nhờ trận gió lạnh, từ đâu thổi về, nó lại sống lại. Mà có riêng gì tôi mới cảm thấy sự dễ chịu. Trên đầu hồi nhà hàng xóm bên trái, một con măn cái tam thể đang ngoeo ngoeo, cất cái tiếng gọi rất thiết tha của ái tình. Nó uốn xương sống nó cong lên như cái cầu vồng, đuôi nó thẳng đườn ra như một cây roi điện, rồi cứ thế nó gọi chơ mãi sang phía đầu hồi, nhà hàng xóm bên phải. Bên đầu hồi nhà hàng xóm bên phải, một con măn đực đen như đêm giao thừa đang găm gừ đi lại chỗ có tiếng gọi. Đã gọi cảm hay chưa? Ngồi bỏ thông chân bên thành giường, tôi

cảm thấy những cái gì đã gắn chết ở trong người tôi đang dùng dùng sống dậy. Nó cứ ứ cả đến cuống họng tôi. Giá tôi là một người đàn bà, thì cái ngực tôi lúc bấy giờ đã phập phồng một cách rất rõ rệt và rất khiêu khích cho người xung quanh lắm đấy. Cái rét tháng ba này, tôi nhận thấy nó kỳ diệu ma túy hơn cả là một trận mưa rào đối với một người thiếu phụ giữ phòng không lúc gặp lại một người chồng viên quy. Ừ, thảo nào mà người thế gian khéo bịa ra cái chuyện nàng Bán may áo cho chồng. Rét Nàng Bán! Cảm động thay! Đến một thằng cai thuốc như tôi mà lúc này cũng biết xúc động vì cái đẹp của một đoạn thời tiết lỡ lắm. Giá cái khay đèn hồi trước chưa làm mất đi, thì lúc này tôi đã bày mâm hút ra, bằng lòng hút lại mấy điếu, nhất nhê có nghiện lại cũng cam, rồi kéo luôn mảnh chăn đơn lên ngực rồi ngáy ngất và nghĩ ra ngoài cái sống và cái chết của con người ta ở đời.

Nhưng không, mâm hút từ ngày bỏ nghiện, đã bán đất, bán rẻ đi rồi; và trong gian phòng vắng vẻ, không có một cái gì để đắp lên người cho đỡ lạnh. Giá đừng sớm vội đưa cái *ba đờ suy* ra Vạn Bảo nhỉ! Tôi thấy tôi đang nhớ một cái gì ghê gớm lắm. Những mảnh tình cũ kỹ chăng? Hay vẫn là thuốc phiện? Có lẽ là cả hai thứ. Vì trong đầu tôi, tưởng tượng của tôi đang vẽ một hòn nhựa to bằng quả mơ xèo xèo trên miệng

ngọn đèn lúc tỏ lúc mờ. Và ẩn hiện bên đèn, một người đàn bà đang nằm nghiêng, cánh tay phải có nhẫn bạc cũ chống lên nắm tay trái có đeo vòng huyền và người đó đang nường cái cục nhựa kia, không cần mau, không cần chậm. Tôi lấy áo tây cắt, định trùm nó lên bộ pyjama và định mở cửa ra đi ngay. Nằm ở nhà không yên được. Tôi nấn lại túi xem căn cước và thẻ có còn đấy không. Tôi đã cho chìa khoá vào cánh cửa. Nhưng nghĩ thế nào, tôi lại trở lên, thay quần áo, ăn mặc rất chỉnh tề, mặc bộ tussor đóng cả gilê vào như là một người sắp đi dự một bữa tiệc long trọng nào. Phải, biết đâu tôi lại không đi mất cả đêm nay và lại cả ngày hôm sau nữa. Và biết đâu, ở nhà này ra, tôi lại chạ gặp một ông bạn bat mạng nào ở tiệm nhảy ra về, sẵn ô tô, lại không kéo tôi đi thẳng một mạch về cái tỉnh trung du kia để thay đổi không khí và để cho ông bạn đỡ buồn bã trong một lúc bị tình phụ và ngà ngà say. Cuộc đời tôi, hồi gần đây, hay có những cái bất thình lình như vậy.

Tên xe lùn, hếch càng xe ở cửa tiệm nhảy Fantasio, nhận thấy bóng người quen, vội mở mồm chào một cách rất là không lương thiện:

- Lại xuống mụ... rửa móng tay, cậu nhá.

Tôi dầm lên càng xe, châm cái mẩu thuốc Lucky âm bở sót ở túi áo trên đã từ hai hôm nay.

Xuống mãi Hàng Chuối, xa lắm. Lạnh lắm. Tìm cho tao một nơi nào gần đây.

Thế rồi là cái xe chạy. Trên trời mờ mờ, chuỗi sao Bắc Đẩu đã quay lộn cái thùng xe thiên văn xuống dưới và đánh tung bê ba con ngựa và thẳng xà ịch tí hon bật lên giữa vòm trời xanh. Cái xe đã đổ đánh cach một cái lên vỉa hè phố Hàng Cót. Lần này là lần đầu tôi bước chân vào nhà này, một cái nhà ba tầng, ngoài có cổng sắt, có lá cốt bưng kín lỗ then hoa sắt. Tôi lúng kúng bước vào cái tầng dưới là cái tầng nhà xưa nay người ta vẫn để cho bồi bếp ở và để chứa rượu, nếu tôi không.....

Một bà... đứng tuổi, đang nằm ăn thuốc phiện ngồi dậy nhìn tôi đến một lúc rồi mới cất cái tiếng rè rè chào tôi một câu. Tôi làm ra bộ nghịch ngợm, giơ thẳng cánh tay đáp lời chào, như kiểu Hitler chào binh lính lúc đứng trên xe hơi tiến vào kinh thành Vienne. Cái cánh tay chào của tôi lại còn ngụ cái ý bảo bà già cứ nằm yên mà hút thuốc, đừng nên phiền vì sự tôi đến lúc đêm hôm. Tôi kéo ghế ngồi, nhìn thẳng vào một người đàn ông đầu húi lối bàn chải mà tôi ngờ là người quản gia. Y tiến lại gần bàn, co ngón tay, khai:

- Hiện giờ có một cô lai, một cô Khách, và một cô nữa.

Tôi nhìn ba cô thập thò ở cửa thì một người mặc quần cụt có viền đang ten, một người mặc áo ngắn cổ cao lối Trung Hoa và một người nữa ăn mặc thật là khó nói quá. Tôi lại nhìn thấy hai chiếc khay đèn, khay bên giường đã đổ đèn và bên cái giường đối diện, vẫn hương lạnh đèn tắt.

- Tôi muốn hút chơi mấy điếu đã.

- Dạ ở đây không phải là tiệm hút. Nhưng các ngài muốn dùng thì cứ 0p.30 một điếu và trả cho các cô ấy ngồi tiêm đúng 1\$00.

Tôi làm ra bộ không kỳ quẩn, gạt đầu đưa bao diêm bảo thắp đèn trong cái khay lạnh lẽo. Rồi vọng về bên bà đầm, tôi uốn lời cho ra phết phong tình:

- Thưa bà, tôi là một khách đi chơi đêm. Ngồi trên xe thấy lạnh, và trời lại có mưa phùn, tôi vào đây nhờ bà một chỗ nằm để cho nó ấm lại lòng.

- Thưa ông, nếu ông có lạnh nhiều, chúng tôi xin sang bên ấy để ủ cho ông.

Tiếng người nào mà ấm áp thế! Bây giờ tôi mới để ý, thì ra có cả một người đàn bà trẻ và đầy cũng đang nằm im mơ mộng, mãi bây giờ mới chịu lên tiếng. Tôi nhìn kỹ, và nhớ hình như đã gặp ở nơi nào. Người đàn bà mặc áo Tàu, cắt tóc ngắn rủ vào tai tôi: “Cô Anna ấy mà”. Phải rồi, Anna, người con gái đi đạo

Thiên chúa, đã có một hồi tàn tán rợp trời Hà Nội ăn chơi! Tôi gạt tay, quay đầu dọc vào phía người con gái tiêm thuốc hầu và nói một câu khinh bạc:

- Thông hộ cái dọc tẩu đi đã. Người ta sẽ hút điếu sau.

(Kiểm duyệt bỏ 6 trang liền)

IV

HỌP NHAU ĐỂ NÓI XẤU
NGƯỜI VẮNG MẶT

Ở hiệu Đông Hưng Viên ra, trả xong tám hào chỉ tiền ăn bánh bao và uống nước trà trưa, họ lững thững đi bộ dưới cái trời nắng tháng tư đang nung chảy cái mặt đường nhựa. Nhựa đường bắt đầu vừa ra như là lúc mới ở nồi nấu hắc ín của sở Lục lộ đổ ra trước khi rải lên một lượt cuối. Dẫm tên phu xe, chân không có dép làm bằng lớp bánh ô tô, vô ý dẫm thụt chân sâu xuống hai phân tây nhựa đường nhùn như kẹo hồng, đã xuýt xoa đến chảy nước mắt và tha hồ rửa cái nắng Hà Nội. Vậy mà ba chàng thanh niên kia vẫn tươi tỉnh bêu ba cái đầu bù không mũ, nhân nhả đi dưới trời hè tàn nhẫn. Mỗi người cặp ở nách một tập báo Tây của Messageries Hachette mới về kỳ tàu Tây chiều qua. Giá đeo một cái kính râm, thứ có nước của nhà Bào chế bán kính, mà nhìn họ cho nó bớt đi cái gât gao của nắng lòe đi, thì ta có thể nhầm họ là ba chàng công tử đi du xuân. Trông ung dung dừng bước ở ngã tư Hàng Buồm và Hàng Đường.

- Định giải khát đấy à!

- Bây giờ về thì chán chết. Ở nhà tao, nóng lắm, không thể nào mà ngủ trưa được.

- Thế định đi đâu bây giờ.

- A, đi xem matinée học trò. Ở Olympia đầu hôm nay nó chớp cái Voyage Daladier ấy. Nghe nói ghê lắm. Tàu bay! Tàu lặn! Tàu bò!! Các thứ phòng thủ tụi mày à!

- Cũng vô bổ. Mày để yên cái chuyện phòng thủ đấy cho tao. “Thành lữ đã có chùa xây; can chi bọn nghiện lo ngày lo đêm”. Có phải mày định đi xem chớp bóng không?

- Ủ, tao còn đồng bạc. Nhưng chỉ tiêu được bảy hào thôi.

- Được rồi, đi làm mấy cối. Đưa đồng bạc đây, tao chạy đi ra đầu Hàng Đào, mua mấy điều Lucky đã.

- Có đi ciné thì đi, chứ đi tiệm bây giờ thì tao xin chịu. Nóng bỏ mẹ đi thế này, vào tiệm để mà hăm à. Tao không phải là tiếc gì mấy hào chì. Đấy, đồng bạc đấy, chúng mày muốn hút thì cứ đi đi. Đưa cho tao ba hào là đủ.

Người ta đã mua xong 4 điều thuốc lá thơm bán lẻ ở hiệu con mụ Khách Hàng Đào, mất một hào. Người ta đã trả lại 0.30 cho người chủ tờ giấy bạc bị ứ

hiếp. Cầm sáu hào xu kền nằm trong tay chắc chắn, hai kẻ kia định đi hút với nhau và bỏ rơi người bạn chủ đồng bạc trên hè đường phố Hàng Đào. Không biết nghĩ thế nào, mà T.Q. lại còn chạy theo H. và nói một cách thành thực:

- Về làm gì. Đi với chúng tao cho vui. Tao tìm cái tiệm này, có đủ quạt điện cho mày. Mày không hút, thì cứ nằm đấy cho tao. Chữ tiêu tiền của mày như thế này nó cũng không sướng.

- Tao mệt lắm. Và lại chiều nay tao có việc hẹn, phải đi với một người. Để chủ nhật sau, sẽ gặp lại nhau.

- Thôi, chúng tao hiểu rồi. Mày chỉ sợ đi tiệm thì hỏng mất cái cổ cồn là cứng và cái bộ áo trắng của mày chứ gì. Có đi luôn cả cho vui thì chúng tao mới lấy sáu hào, chứ mày về thì đây mày cầm luôn cả đấy. Chơi thế không thích.

Thế là sợ bạn giận dỗi, H. lại phải lê đéo đi theo T.Q. và K. ra đến Bờ Hồ. Thấy họ rẽ ngoặt lên đến Hàng Gai mà vẫn chưa dừng bước mà trời thì vẫn cứ nắng chang chang, H. trụt chân đi lại sau và kêu:

- Tiệm nào ở cái hộ này?

- Thì cứ đi theo chúng tao.

T.Q đã mạnh bạo bước vào hiệu sách Quốc Hoa thư quán đòi mua một tờ giấy da dầu emballage thật rộng. Cô hàng sách, phải cuốn tròn tờ giấy to rộng bằng cái chiếu, mồ hôi chảy cứ ròng ròng. Thế rồi, vẫn cứ nhẩn nha như những người vô công, rồi nghề, cái bộ ba ấy cuốc bộ xuống phố Hàng Bạc, rồi ra hàng Mã Mây. H. phân vân không hiểu cái tờ giấy da dầu kia, chúng nó mua để làm gì mà xem chừng ra thiết tha lắm. Thiết tha hơn cả mấy điều thuốc lá Lucky bọn nó giắt ở trên túi trên, mỗi đứa hai điều. Vào tiệm, T. Q. hét châm đèn, quát bồi lấy quạt điện và cái bình phong che bàn đèn to vừa bằng một cái cặp sách mở rộng. Rồi y căng tờ giấy emballage ra bên nửa phía giường bên phải bảo H.:

- Đây mày xem. chúng tao đổi với mày kính thành đến thế. Chiếu như chiếu “cậu chùa Hương”. Đây, mời ông nằm xuống đây. Chúng tôi nằm bên kia, thuận tay tiêm. Bây giờ có cái chiếu mới mua trải ra rồi, mày không sợ bẩn quần áo nữa nhé. Nhật Bản dùng mùi soa giấy, nghĩ ra cũng không cừ bằng cái chiếu giấy của bọn mình.

H. buồn cười quá, sắp sửa rút cái mùi soa kẻ ô vuông ra để phủ lên cái gối nhờn nhờn một thứ mồ hôi tứ chiếng, thì K. đã đưa cho chàng cả một pho sách đóng gáy da mượn ở thư viện và nói:

- Gõ cái này sạch nhất. Gõ cho chán đi rồi mai tao trả thư viện.

(Kiểm duyệt bỏ)

T. Q. bắt bác, K. nằm tiêm và H. thì xem báo Tây. Cối thuốc đầu tiên đã cạn. Đến cối thứ nhì, H. bị ép hút hai điếu thuốc nguyên. K. cao hứng nhại bằng giọng Huế:

- Thuốc nước, dễ thương hĩ!

H. không thấy kêu nóng nữa và kêu rằng thuốc phiện tưởng hút vào nóng, thế mà sao chàng thấy cả người bây giờ mát rượi, y như là vừa mới ngâm nước đá xong. T. Q. được người công nhận cái đức tính của thuốc phiện, đỡ lời:

- Mày cứ chịu khó, mỗi ngày dùng một ít, mày còn phát minh ra nhiều thứ. Mày tưởng dân nghiện là ngu cả đấy. Nếu trời rét hút nó vào mà không nóng được người cứ ran cả lên, và trời nực, hút nó vào mà không thấy dịu được cái cơn hỏa trong người xuống, thì thiên hạ mất tiền đến đây chả ngu lắm sao. Trời nực, mày hút cho say rồi, mày có thể đắp chăn mà

xem sách được. Và khi ấy, thấy người ta tắm nước lạnh, người mày có thể nổi da gà lên được. Ồ, lại có thế nữa kia đấy. Trong khi người khác quạt phành phạch thì mình thấy dễ chịu, ở xương sống lại tê tê buốt buốt, trong khi người khác co ro chọc thùng cái trời mưa gió đêm đông, thì người mình cứ hăm hấp tưởng có thể về vặn ngay cái hoa sen mà tắm nước là ngay được; dân nghiện có cái chỗ ấy là hơn thiên hạ.

Ca tụng công đức Ả Phiền xong, cái bộ ba trẻ tuổi này đổi câu chuyện, quay ra nhắc nhỡm đến tên một vài người thiếu mặt ở đấy. Đầu tiên họ còn nhẹ nhẹ trong sự phê bình, sau cùng thì sự phê bình đã trở nên khắt khe. Họ đã bắt đầu nói xấu và có mấy phút là họ đã vu cáo thêm nữa.

- Từ rầy tao lạy chúng mày, có đi đâu thì đừng có dẫn cái thằng T. đi nữa nhé. Rước ông ấy đi đến đâu là ông ấy vẽ râu đến đấy. Vẽ cả hai bên. Ông ấy vẽ vào mặt ông ấy chán rồi ông ấy vẽ sang mặt mình.

- Nó hút dũ quá. Hút hơn Claude Farrère!

- Mày thử tính hôm nọ, vợ chồng thằng Đốc B. nó mời tao đi xem cái phim ảnh Jeunesse Olympique. Nhân tiện có thằng T. ở đấy, họ cũng mời luôn. Tao phải đưa mắt để cho nó từ chối ngay đi. Thế mà nó còn nhoẻn miệng cười, nhận ngay và cứ گیر mãi cái lợi xám với bộ răng vàng khè khè ra mà cười mãi. Đến

lúc vào rạp, ngồi thì ngồi loge, chung quanh toàn Tây Đám cả, mà ông ấy cứ hắt hơi thổng mãi vào mặt người ta. Tao cứ điên cả lên. Thứ nhất là lúc bà Đốc B. khê rút mũi soa ở xác ra, lau mãi ở cổ và tà áo. Tao đoán chắc ông T. nhà mình đã ho văng sang đây một cục đờm đen. Người ta đang chớp, mà cứ đứng lên ngồi xuống, tìm mãi trẻ con bán kẹo tây. Thì ra ông ấy vừa nuốt hai viên, có khổ không! Kêu đắng mãi.

- Thân phận đã nặng như thế, thì dẫn diệu đến đây làm gì?

- Thế mới có chuyện. Cái thằng ấy cho nó ngồi cạnh cái bà cụ già gì cứ lấy vé cinêma hạng bét, đến đây chỉ để ngủ, ừ cái bà cụ già có búi tóc, có xe hơi, cho nó ngồi cạnh bà cụ ấy được đấy.

- Mà làm sao, nó lại cứ chọn những cái phim như Les Dieux du Stade và Jeunesse Olympique mà đi xem.

Diễn kinh! Nhảy sào! Ném tạ! Có, có cái dọc tẩu đây cầm lấy mà nhảy; có cái vấu đấy, cầm lấy mà ném vào cái mồm ngáp.

- Ấy, lại còn cái ông L., ông anh em con chú con bác với ông nữa. Sao mà của thừa ở đâu thế! Cứ động đến chơi nhà ai, thấy cái gì lạ lạ là chỉ thích táy máy thôi. Cả một bộ đồ rửa móng tay của người ta mà quanh quẩn thế nào, ông ấy nâng ngay một con dao

con. Đến lúc người ta biết, thì mới khai lên là định xin về để cạo mặt tấu, vì bộ đồ rửa móng tay này những sáu bảy con dao kia. Sợ nhiều quá. Lại còn một hôm, ông ấy đi theo mình xuống hiệu thợ may quần áo tây. Đứng chơi thế nào mà rút hết một cái mép tấm hàng vải đắt tiền của người ta. Hiệu nó không biết. Thế mà lúc ra ngoài đường, còn dám giơ ra khoe với tao: “Này, mày xem cái đám sợi này, về làm cái bác đèn, bắt dầu lên khoe lắm đấy, mày à!”.

Hôm vừa rồi anh tao mới mua lọ Collyre Jaunne Caseaux để tra mắt. Ngoảnh đi ngoảnh lại, đã mất rồi, tao ngờ chỉ có nó. Đến lúc đến nhà, thì đã thấy cái lọ ở đấy. Ruột thuốc ông ấy đổ đi đâu cả, và đã cho vào đấy một ít rượu ta. Nó bảo dùng đựng rượu đánh sái, định bóp xuống một giọt là cứ đúng một giọt, không bao giờ phải sái nát hay sái khô, như là cái lõi cho nước phồng chừng bằng cái đầu móc dục. Thế có phục không!

Họ còn kê khai ra nhiều cái thí dụ quái gở về cái tính tắt mắt của bạn quý của họ. Họ được một bữa cười no. K. nói:

- Cứ xem cái lõi cười rất Đường quan của bọn mình chưa phải là bẹp thực thụ. Vì chính là nghiện, thì không mấy khi dám cười to như thế. Rã hết thuốc, tụi mày à.

H. đòi về đi rendez-vous, và triết lý:

- Tao cho ở đời chỉ có những người vắng mặt là thiệt thôi. Bị người ta nói xấu đủ cách. Chung qui chỉ có anh vắng mặt là đại, giá những thằng T. thằng L. hôm nay cũng có ở đây, thì làm gì chúng ta đã kể bởi nhau ra. Chứa chắc chúng mình đã là hay hơn hơn ai.

V

TIẾNG KÈN A PHIẾN

(Kiểm duyệt bỏ gần hai trang)

Một ông An Nam chủ tiệm ở đây, thấy cái việc dùng máy điện không dây là một việc dở, đã nghĩ ngay đến cách sắm một cái máy Radio Philipps, đặt ngay ở tiệm hút nhà mình. Những người không ngó xa, nghĩ rộng như ông phán En Lờ, thường chỉ khen ông chủ tiệm bằng một câu thèm thuồng:

- Gớm, người anh em độ này mát mặt quá. Lại mua được cả radio “để ăn” thuốc!

Chớ sao! Không có tài làm to..... ông phán En Lờ chỉ định đem cái hộp máy vô tuyền con kia ra kinh doanh trong phạm vi tiệm hút của mình vậy.

Đầu tiên, người ta chỉ đến đây hút để nghe các cuộc hòa nhạc ở các vùng Hương Cảng Phi Luật Tân

vọng về mỗi chiều, mỗi tối. Thành ra có một hồi, có những ông yêu âm nhạc quá, nhưng lại phải cái bệnh của Lê Ngoạ Triều, làm việc gì cũng đều nhất nhất phải nằm đo giường, họ đều kéo nhau đến đây tiệm, đúng giờ và ngày nào cũng cứ thế. Rồi sau, thành một thói quen, họ đã có một tiếng lóng trong bọn, mỗi khi đi hút.

- Đi nghe hòa nhạc đi.

Cuộc ca đờn cứ thế mà đi đều đều ở trong cái tiệm nhà ông phán En Lờ. Cái hộp máy Philipps của ông chủ tiệm tiếc rằng chỉ là một hộp vô tuyến điện thu nhận luồng điện nếu nó lại thêm là một hộp máy phát được ra luồng điện nữa, thì thế giới cũng sẽ nhận được một thứ nhạc do cái đài nhà ông phán En Lờ phát ra. Điều nhị, điều kèn rất Ấn Độ, do một số nghệ sĩ Bắc Kỳ thổi lên, giọng nghe âm âm. Thật là một điều đáng tiếc. Có nhận lấy, mà không có trả được là thế. Nằm dài trên sập để chơi cây kèn Ấn Độ, chân gõ díp ba, tay ra díp bảy gõ nó vào cái dọc tấu đã trở nên một nhạc khí kỳ diệu; tai nghe những âm thanh đưa lại từ cái vô hình ma quái của khoa học, nhiều ông nghiện đã muốn gọi đến cái người ta tìm ra thuốc phiện mà suy tôn lên làm Tiên Sư hạnh phúc nhân loại.

- Gớm, sao mà Bồ Tùng Linh thế!

- Sao mà Edgar Poe thế!

Bốn ông nằm bên sập hút bên này nhìn sang ba ông nằm sập bên kia, đối diện nhau, mà lừ đừ, lơ lơ như lũ con bệnh nằm nhìn nhau sắp chết trong một buồng phúc đường bố thí có hai dãy giường con bệnh kê đối nhau. Những sập hút nhà ông chủ EnLờ này, có cái gọi đến lòng thích của khách chơi là đều đem sơn son và thếp vàng cả. Sơn đã xuống màu như sơn đỏ phủ trên thân tượng gỗ mít tạc Phật tổ của một nếp chùa cổ. Vàng cũng đã xuống màu như bóng nước vàng cũ mạ nơi gáy những cuốn sách cổ thư bày trong thư viện công chúng.

Các cuộc hòa nhạc các nước lần lượt nổi lên. Có nhiều thứ âm nghe liu lô. Những cái âm điệu ngoại quốc ấy thấm vào lòng làng nghiện bao nhiêu thì ở khay đèn bác đã xù xì đâm hoa, lòng cối thuốc tiện bằng đồng khối cũng vơi dần mãi xuống. Ông chủ tiệm cười.

Một dân nghiện, hút đã đủ bữa, nói chuyện chớ sang sập hàng xóm trước mặt.

- Này, sao trong đám nghiện, làng báo, làng thơ làng tiểu thuyết có đủ rồi. Đông lắm, ấm cúng lắm. Dân hiem thiếu một ít ông nhạc sĩ, họa sĩ. Có cái bọn này, không thấy xông vào các tiệm...Hay tụi ấy đều có bàn thờ bày ở nhà?

- Ồ, giá có bọn ấy nữa thì vui tuyệt, chúng ta sẽ có đủ các thứ tài hoa chính hiệu để mà ca tụng công đức Thuốc phiện.

Một ông mở một cái màn gong, dọn giường đi ngủ. Nhưng vẫn còn chong ngọn đèn dầu trên đầu sập để đọc sách. Muối bây giờ đã bắt đầu nhiều. Một người nói kháy chủ tiệm:

Ông phán nhà dọn tiệm mà có cả hòm máy vô tuyến, kể trong làng chủ tiệm, cũng ít có lắm. Nhưng làm thế nào cho hết được muối nữa, thì hút thuốc sẽ để vương còn nhiều. Tôi thấy S. bảo tôi rằng ông nuôi muối và ai cố tình đánh chết muối, cứ ba hào một con. Chết mà còn đủ vện đôi cánh thì hai hào.

Cả tiệm thuốc cười ngặt nghèo. Chủ tiệm vội đưa một bánh hương vòng Nhật Bản cho ông khách hàng hay nói xỏ đó đốt để trừ muối.

Trông cái sập sơn son có mắc màn vải xô trắng của ông gì đang xem sách với ngọn đèn nhỏ bắc, thật cả là một cổ hậu sự của nhà giàu có rủ lá màn thờ.

Trông cái sập cùng sơn son ngay cạnh đây có đốt hương vòng, thật là một cái quan tài trên nắp đã có nghi vệ của thờ cúng, của tưởng nhớ.

Hai giờ sáng. Bọn nghiện của tiệm này là những xác chết đợi nhập quan. Cả một bức hoạ bằng thứ thơ đầy tử khí của Beaudelaire.

“*Độp, rộp, rộp, độp*!” Có một ông còn cố vịn cái quả nôm nơi hòm vô tuyến để nghe tin thời sự Đức! Nhưng vịn và tìm luồng điện không đúng nhâm lẫn vào một cái luồng hòa nhạc nào tận Y-pha-nho, thành ra cái hộp Philipps kia buột ra một tiếng rè lạnh.

Nó như tiếng cái kèn tẩu mà anh thợ kèn đang mơ ngủ, bị nhà đánh thức dậy thổi hộ một bài kèn thờ để con cháu dâng cơm “Bát cơm cái trứng, hồn ơi hơi hồn!”.

Tiếng rè lạnh ò ò ở hộp vô tuyến điện còn nấc lên như cây kèn bị nước bọt nhạc công chảy nhiều quá vào dăm kèn.

VI

**BỮA THUỐC HỒNG PHIẾN
NGOÀI QUÊ HUƠNG**

Tôi đang mãi ngắm bức tranh giấy tuyên chi vẽ một bụi trúc. Chỉ vền vện có một bụi trúc và bốn câu thơ đề chữ rất xương kính.

Bất tạ Đông quân ý,

Đan thanh độc lập danh.

Mạc hiềm cô diệp lạc,

Chung cửu bất điều linh

Bốn câu thơ của một người muốn biểu dương cái khí tiết của kẻ quân tử, gửi nỗi niềm vào một khóm trúc! Cái lối nghĩ và lối chơi cổ điển của người phương Đông muôn năm!

(Kiểm duyệt bỏ)

Trong một gian phòng rộng độ hai mươi bảy thước khối không khí ở tầng gác thứ tư tòa China - Building, xây trên mặt đảo Hương Cảng, ông già Đà-phá-lôi và tôi nằm đối diện ăn thuốc phiện vào một buổi chiều mồng ba Tết, mưa rét phẫn phẫn. Trời mưa ở Hongkong có cái lối như là mưa ở Huế, nghĩa là mưa không hạ hồi phân giải, mưa dầm như dải một cách rất liên miên, người ta chỉ có thể ngồi nướng ngô ăn chơi và ngồi cạy bùn ở gót guốc hàng hai ba tuần lễ.

Đà-phá-lôi tiên sinh và tôi hôm nay, thực là đủ điều kiện tinh thần để lạm dụng Á Phiện. Ông, một người đại phú thương thất bại đã dầm ra cảnh sống câu dầm; tôi, một tên kệp hát bóng, dần điệu sang đây làm trò si-la-ma cho các Chú, bị các Chú phản và bỏ rơi ngoài hè phố từ hôm qua, mồng hai Tết. Những lúc này, tưởng có một tấn thuốc phiện, hút cũng cứ bay đi; mỗi điều, tiêm đủ một đồng cân.

Hôm nay xa nhà, râu lòng và túi tự ái, nếu không có thuốc phiện, thì đến bỏ mẹ. Chúng tôi hít khói vào rồi lại nhả khói ra như một cái ống khói toa đầu máy xe lửa.

Đà-phá-lôi sinh sáng bóng ngồi nhòm dây, vừa đánh một con sái, vừa lấy dọc tẩu chỉ vào bức tranh cổ:

- Nị không tình ý. Có khó gì mà không tìm được. Những lá trúc của bụi trúc là những chữ của bài thơ tứ tuyệt. Nó quý và đắt tiền ở chỗ đó. Nị nhận rõ từng chữ chưa? Ở cái giống trúc bên phải, lá trúc xum xòa, nị nhận rõ đủ năm chữ “Bất tạ Đông quân ý” rồi chứ? À, à, hây hây! Không thừa một nét, không thừa một chữ. Người ta điểm lá trúc theo tượng hình từng chữ đấy mà. Ngộ mua bức tranh này “để ăn” thuốc *phận* à.

Trên đầu cái bàn đèn, bức tranh cổ pho cái mình trúc rậm rịt mấy trăm lá nhọn. Tôi nhớ đến Hà Nội, Hà Nội tiêm hút mà trên đầu mười cổ tỉnh không có cá tính...

Điều thuốc hút ở bàn đèn của Đà-phá-lôi sinh sáng hôm nay có mùi vị cổ kính bao nhiêu thì những điều thuốc hút trước kia trong những tiệm của Hà Nội quê hương càng ngấm lại có mùi lờm lợm bấy nhiêu.

Tôi hút đã nhiều lắm rồi. Thử lấy cái bút lông phết nước lên mặt chiếc điện Thanh thảo, thì nước sủi lên sùng sục. Tôi hút boóng của người ta cũng chỉ đến thế thôi. Thêm một viên nữa, thì tôi có thể bảo tôi là bất thành cú được lắm. Ông Đà-phá-lôi tuy hiếu khách, tuy khinh tài, tuy mến tôi, nhưng tiếc rằng ông không phải là một cây thuốc phiện. Ở trường đời, thường có

những cái hận khó nói như thế lai láng trong lòng một chiếc khay đèn.

Buổi tối mồng ba Tết, tôi cảm thấy còn muốn hút thuốc phiện nhiều nữa. Khi mà cái lòng nhớ quê đã mênh mông đem cái lòng rầu lên được đến cực điểm thì cái bụng hút thuốc phiện của lữ khách cũng được là không bờ bến. Nếu thuốc phiện đúng là một thứ thuốc độc, thì tối hôm mồng ba Tết Nguyên đán năm Mậu dần tại Cù lao Hương Cảng, tôi vui lòng đầu độc tôi; người tôi sẽ trúng độc, nhưng cái sâu uất ở trong người tôi cũng bị giết đi. Đây là cái điều mong muốn duy nhất của tôi khi tôi lủi thủi leo từng cái cấp si moong trơn ướt ở xóm Bó-lố-cái. Thật là một đẳng sơn.

Leo cấp đá mưa làm trơn bóng như quét mỡ nước, nhớ đến cái ị ạch ở quê hương mỗi khi đi dâng hương ngày giêng hai từ chùa Ngoài vào chùa Trong động Hương Tích, lòng sâu xứ trong người tôi muốn kêu lên một tiếng nấc. Chung quanh tôi cái mùi “tứ chiếng” sao mà đặc thế. Kìa là một lũ thủy Anh đổ bộ; kìa là một toán lính xứ E-cốt mặc váy kẻ ô vuông xanh đỏ; đây có dăm tên lính Mỹ ngả ngốn giang tay nhau giữa đường đón đi Tàu.

Tôi lọt vào một cái tiệm thuốc hồng phiến hạ cấp. Tiệm này hẹp. Muốn cho được nhiều giường hút, chủ tiệm đã kê giường theo một chiều cao. Chắc xưa kia y

đã có phen làm nghề hàng hải. Cho nên giường ăn thuốc ở trong cái phòng chật chội này được đóng theo kiểu giường nằm trong các cabine tàu biển. Cứ từng tầng, từng đợt cao dần lên sát trần nhà, kể có đến mười lớp giường. Trông mười tầng giường cái nọ đè lên cái kia, đèn đóm như sao sa, tôi ngờ rằng đây là một cái đàn chay của bữa cúng Thượng nguyên người ta làm lễ nhượng sao. Ở một thị trấn lớn, số dân phải lấy con số hàng triệu trở lên mà tính, ra người ta không bỏ phí một tác thuốc khối không gian chút nào cả.

Không biết họ đến từ bao giờ mà tiệm đã đông nghịt hết cả. Ở mười lớp giường có cơ man là người. Không một mảnh chiếu rách nào là không có một ngọn đèn dầu lạc soi tỏ. Tôi bám cái cột cái, cho mũi giấy vào từng nấc khắc trùng vào cột làm bậc thang, tôi leo lên cái tầng giường thứ mười. Ấy thế mà cũng còn không được dùng nguyên một bàn đèn. Tôi phải nằm hút chung khay đèn với một chú Khách già người khô như một cái xác ướp vua Pharaon Ai Cập. Nói là hút chung một khay, nhưng vẫn là riêng. Tên bồi tiệm bung dọc, tiêm và một ngọn đèn mới, leo cột, đưa dụng cụ đặt vào khay của chú Khách già. Tôi gọi:

- Ừng sắp cô.

Năm chục viên thuốc hồng phiến, to bằng hạt lúa ngô, đỏ tươi như mầu cánh sen trông có giống như những viên thuốc của hãng bào chế Tây phương. Trông mà muốn nuốt chửng, chứ không muốn hút. Tôi lăn ềnh ra sàn, gói đầu lên cái cối sứ trắng men xanh. Thấy lạnh gáy, tôi nghĩ đến cái thớt để kê đầu tên tù tử tội ở các pháp trường nước Hà Lan mà người ta xử tử bằng một cái lưỡi búa tẩm sét. Tôi hơ cái nhĩ tẩu cho nóng, nhét một hột hồng phiến cho nó cán vào lỗ nhĩ, tôi nướng cho đỏ cái tiêm lên rồi dùi vào hạt thuốc cánh sen. Thế là kéo, kéo một hơi. Thuốc nhạt nhạt, làm khô cuống họng, hình như khói hồng phiến đi qua đến đâu là rút luôn cả nước tận ở thớ thịt đến đấy. Nó lại hơi ngọt và có mùi thơm như va ni.

Hút hồng phiến nhanh hơn là hút a phiến. Mồm đang hút điếu thứ nhất, thì tay đã cầm sẵn viên thuốc thứ hai. Nhắc khỏi cái vấu (làm bằng cái hồ sứ rót rượu bị cửa cụt vôi) ra khỏi đèn là thuận tay, tôi đã ấn hạt hồng phiến khấc vào đấy, gõ mạnh mặt vấu đánh cốc một cái vào thành chụp đèn, thế là lại dùi, lại đâm, lại hút. Nhanh lắm, tôi nghiệm ra ở các tiệm hồng phiến, không có mấy cái chụp đèn lạnh, vì một người nghiện hồng phiến biết tự trọng là bao giờ cũng gõ rất hùng dũng cái vấu sứ của mình vào miệng sáo chụp đèn. Có thể thuốc mới chắc.

Cả tiệm hồng phiến vang lên như bài nhạc còn trùng trong ánh cỏ mùa thu bên xứ mình. Những tiếng gõ tấu lúc rít thuốc vào nhĩ liên tiếp nhau chan chất như tiếng roi chầu quất vào tang trống hát cô đào ở một đám ăn mừng một lúc hát luôn mười mảnh hát. Tiệm thuốc khói um. Muỗi đi hết. Chả cần phải đốt hương trừ muỗi nữa. Tôi tưởng chừng sơ mi và cổ cồn của tôi đang ngả ra màu vàng óng của đoạn tre được gác bếp.

Một vài lúc, mấy chú Khách nằm ở sàn dưới khít ngay chúng tôi lại nhao nhao lên, chửi bọn nằm trên:

- Tiu nà ma.

Vi bọn trên này cựa nhiều quá, đánh rơi mấy con rệp qua kê sàn và lọt xuống bàn đèn dưới. Và khi lấy bẫy, những ông già quá bữa tay đâm ra bắt chuồn chuồn, đã rớt nước không đúng vào chén tổng làm lênh láng cả mặt sàn và thấm lậu xuống mặt những người nằm dưới.

Có người nắm chân tôi, rất mạnh. Tôi nhòe dậy. Thì ra đây là một nhạc công dí ngay cái hồ bịt da trăn vào cái mặt bự của tôi và hỏi tôi muốn nghe y kéo hồ trong lúc ăn thuốc không. Tôi lắc đầu. Y lại men sang các bàn bên. Một bài *Nhị voong* xoắn vào tai lâng ngiên đã ù, và xé rách cái màn khói khét. Không khí tiệm hồng phiến trở nên dữ tợn. Bài thơ bất diệt của

Ả Phiến, đã biến thể thành một bài về linh tập chim gái ở cổng đồn các tòa Đại lý xứ An Nam. Tôi ngó lên thì lưng vào cái tường sâu quảng mà ẩm thấp đùn mãi ra những dòng mồ hôi mồ hồng. Rồi tôi dặng háng khạc một cục đờm đen gò mình nhô đầu ló ra ngoài mép sàn, nhỏ nó xuống đất. Nó không chịu xuống đất kêu một tiếng bẹt và đậu vào mũi giấy Tàu của một người vô danh nằm ngay sàn dưới. Ở dưới lại chửi lên: “Tiu nà ma!”. Tôi không lấy làm phiền lòng tí nào cả. Vì ở đây, ai cũng khạc nhổ một cách chí tử như thế cả. Vào đến đây là người ta đã cời hết cả những cái nhĩa nhận để lại ở ngoài bậu cửa tiệm có treo cái đèn lồng rồi.

Cổ tôi như bị tắc thở. Mắt tôi trông mờ. Nhìn vào những ngọn đèn chung quanh, những ngọn đèn ở dưới chân, tôi thấy nhòe hết cả. Chỉ có khói dăng mù mù và mỗi ngọn đèn là một cái mặt trăng cón con có viền một cái quảng, một cái tán.

Theo đúng phép hút hồng phiến, tôi móc túi lấy một quả lê, nhai ngồm ngồm như người rừng ăn quả rừng, ngay dưới gốc cây. Vẫn còn thấy háo, tôi lại bóc luôn một trái cam Siu Châu.

Ra cả một cái tiệm đều làm như tôi cả.

Đầu tôi rức như có người đánh đai sắt lên. Tôi không có thời giờ để nghĩ đến cái quê hương xa vời

nữa. Bây giờ tôi phải nghĩ đến tôi đang say hồng phiến. Ấy là mới có năm mươi viên thôi còn những sách sáng mỗi bữa dùng tới năm trăm viên, mỗi viên năm xu tiền Anh thì sao? Có lẽ đến cái trình độ tự sát này, thì không ai có thể nghĩ đến cái gì khác nữa. Công dụng của hồng phiến ở chỗ ấy chăng?

Tôi lại bám cột sàn tụt xuống như một anh lính thủy mới tập bài học đầu tiên của đại dương, bị say sóng khi treo xong lá cờ báo hiệu lên chồm cột tàu.

Bước cao thấp, tôi lại đội cái mưa phùn của đêm Hongkong. Nó thấm vào chân tóc đến đâu, tôi lại tỉnh đến đấy.

VII

ĐIỀU THUỐC CỦA KÝ GIẢ TỜ NHẬT BÁO

Phố Hàng Buồm, một tiệm hút, cũng thường thường vào bậc trung. Ta có thể liệt tiệm này vào một tiệm cổ. Nếu sau này hội Ái hữu “Les Amis du Vieux Hà Nội” có định tìm lại những dấu vết cũ của đô thành, hẳn không khỏi không đếm xỉa đến cái nhà gác này. Ở đấy là bao nhiêu khởi điểm của những lịch sử nghiện ngập. Một người con trai sinh trưởng ở Hà Nội, trừ phi hẳn suốt đời ở nhà đóng cửa đọc sách thánh hiền không bước chân ra đến ngoài thì không kể, còn thì đều có biết đến cái tòa nhà nhũn nhặn này.

Chủ nhân?

Hà, một quái tượng trong làng chủ tiệm! Những thứ người đặc biệt này là phải liệt vào cái loại người một khi chết đi, tức là mang luôn cái nguyên văn đi theo và không có để lại cái bản sao trong quê hương của yên hà. Hiếm lắm. Và những cái gì là hiếm có ở

thế gian, bao giờ cũng là vật quý. Thường lại là thế này nữa: bao nhiêu quý vật lại tìm quý nhân. Thế rồi, khách nhớ nhà hàng; đêm đêm, các người đáng quý của Hà Nội - nghiện có năng tìm tới tiệm này. Họ đến đây một cách rất trung thành. Trong mười người thì có đến chín người có sổ hút chịu, tháng tháng trả một kỳ. Lại còn một hạng hút chịu có quyền thế hơn nữa, đúng ba tháng mới trả một kỳ. Tức là mấy ông già, nguyên trước kia làm việc nhà nước, giờ sống bằng cái lương hưu trí, cứ ba tháng lĩnh một kỳ. Già rồi thì về vườn. Các ngài công chức đã đủ tuổi trời, lại vẫn còn mãi lộc nước, đã được mọi người công nhận cho cái quyền được thanh nhân và hiếu tình. Xưa kia người ta thường trưng cái nhân của một ông quan lúc được cất cái gánh xã tắc lui về cái nhà quê của mình, bằng sự sửa sang một cái vườn hoa cúc. Bốn cúc chốn cố viên ấy mà! Bây giờ, những ngài làm việc Tây, không trồng cúc. Nhưng họ đã tìm lấy một cái vườn theo sở thích riêng. Đây là cái quyền của một người, thứ nhất là người đó lại có một số tiền nhất định để xài từng mỗi kỳ ba tháng một. Các ông ấy, phần nhiều đã lấy cái tiệm Hàng Buồm này làm cái vườn cảnh. Ở đây, "có cây trăm thuốc, có hoa bốn mùa". Hoa bốn mùa, là cái ngọn đèn dầu lạc, cháy cả đêm, lẫn ngày; cây trăm thuốc là cái luồng khói đưa lên từ con tim bác lúc lút ống muống, sa vào cái bầu pha lê.

(Kiểm duyệt bỏ)

Một ông bình bút một tờ nhật báo, khoái vì câu chuyện, cười ha hả, làm cho lay động tất cả bấy nhiêu ngọn đèn của tiệm hút. Ông nhà báo, giữa hai điều sai nhất, nói tiếp vào câu chuyện cụ phán hưu trí.

- Thưa cụ, cái việc lương cũ lương mới là một vấn đề quan trọng mà chúng tôi đã tỏ ra thái độ phản đối. Suốt mấy tháng, cứ trang nhất cột hai, chúng tôi cho in chữ compact 8, nói mãi. Cụ có xem đấy chứ?

Một cô ngắt câu chuyện hỏi luôn ông nhà báo:

- Nay thế cái việc điều tra ra vụ ăn trộm đồng hồ Omega ở Gô-da là toa làm đấy à! Cừ đấy. Nhưng toa cũng hay giờ thôi.

(Kiểm duyệt bỏ)

Bỗng tiệm thuốc trở nên ồn ào. Vì hai ông phóng viên của hai tờ báo hàng ngày khác đã rầm rộ đi vào, gót giầy nện thuyñnh thuyñnh. Một ông lấy tin cho tờ báo Tây và một ông lấy tin cho một tờ báo quốc văn to nhất Bắc kỳ, có in ảnh nữa. Họ cởi áo, bắt tay người bạn đồng nghiệp.

- Thế nào, anh không ra Đốc lý vừa rồi à?

- Thế nào, anh không đi nhà hát Tây, nghe diễn thuyết về đệ nhất bách ngũ thập chu niên cuộc cách mệnh Pháp? Đông ghê.

Ông làm báo nhên đây, mời các bạn nằm và noهن miệng cười.

- *Moa* già rồi, không khoẻ bằng ai, nên không muốn xông xáo nữa. Vả chẳng, những hội họp ấy, cứ nằm ở nhà cũng viết được thừa. Tưởng tượng ra cũng thấy rõ. Chứ không hay sao!

(Kiểm duyệt bỏ)

- Thôi đừng lên mặt bố nữa. Anh có dám tưởng tượng nổi bài diễn thuyết ở nhà hát Tây bữa nay không?

- À, phải đấy, *toa* cho *moa* mượn tí. *Moa* dịch luôn. Đêm nay cho máy chạy.

Cả ba người đều cười. Hai người mới đến, lấy cái giường đối diện bỏ vắng. Bồi tiếm châm đèn, họ bắt đầu tháo giấy, gỡ tập báo ở Tây vừa gửi qua và đọc qua một lượt những đề mục to tướng ở trang nhất mấy tờ báo Nam kỳ. Trong khi ấy, bên giường kia,

người bạn họ, đang dịch bài diễn văn Pháp ra tiếng Nam. Cây viết chì vót nhọn hoắt vẫn thao thao bất tuyệt trên trang giấy, bỗng ông nhà báo lão thành giật giọng hỏi:

- Tiers - Etat dịch là gì hờ các *toa*?

Không ai trả lời, vì không ai biết nên dịch chữ gì. Người dịch vẫn cầm đầu dịch, dịch lấy nhanh, dịch cho thông nghĩa, và lúc gần xong hỏi:

- Này, hôm nay những ai dự lễ?

Bên giường này, một người móc túi lấy ra một nắm giấy trắng to hơn lá thiếp, vuốt thẳng từng mảnh một, đọc.

Bỗng y kêu inh lên và vặc vời người bạn nằm cạnh mình:

- Thôi, khỉ quá, có hàng ghế cuối là nhiều người *moa* không thuộc mặt, thì lại không lấy được tên người nào cả. Thằng khỉ này, may giục ngẫu mãi lên, thành ra tao không kịp bóc những tấm các dán vào bàn ghế. Bây giờ, biết thằng nào vào vời thằng nào mà tường thuật.

(Kiểm duyệt bỏ)

Cái làng báo họp ở tiệm này giờ đã đông. Một người lão luyện trong nghề phóng viên vừa vào cởi áo cao su mưa, và xin anh em bà tờ giấy khổ nhón.

- Viết gì thế anh?

- Bài phỏng vấn cụ Tham tri bộ Lại về kỳ thi Tri huyện vừa rồi.

- Anh gặp rồi? Giỏi đấy. Anh có thừa mẫu đối thoại nào không dùng được vào tờ báo của anh, anh sẽ cho tôi một ít. Tôi cũng muốn làm độ một cột. Nhưng hai hôm nay có đến mà không gặp lão. Hình như ngài khiếp mấy “ông Tham sở” nhật trình lắm.

- Nào ai gặp. Cứ gì phải gặp, mới viết phỏng vấn được. Làm báo như *toa* thì chung thân lạch bạch. Cứ đợi có đi đến tận chỗ mới viết phỏng sự, cứ đợi tóm đúng người ta mới viết được phỏng vấn thì còn xoi *toa* mới lành nghề... Đi đến nơi mà có mắt không biết trông, có tai không biết nghe, thì định đi để làm lợi riêng cho các hãng xe tàu và giết chết cơm của các ô-ten à! Cứ nằm ở nhà mà tưởng tượng cho đúng. Tôi làm việc dựa theo phương pháp của Maurice Dekobra hồi y làm báo bên Mỹ. Nghĩa là thí dụ muốn phỏng vấn một người nào, mình nghĩ sẵn lấy những câu hỏi và thứ nhất là mình đã viết sẵn trong đầu mình những câu trả lời của người ta. Nếu lúc tìm người ta, mình gặp thì nói qua cho người ta biết là mình định

viết như thế. Thế thôi. Nghĩa là có tóm được hay không, mình cũng cứ đăng bài như thường, mặc dầu người ta không có tuyên ngôn gì cả. Khi mà mình đã đi đúng đôi guốc mình vào bụng người ta rồi, thì cứ thế mà tổng ra. Mình chỉ nên thuật lại những điều họ nghĩ chứ không nên thuật lại những lời họ nói. Lời nói bao giờ cũng phản ý nghĩ. Và chăng, nếu ở xứ mình, có những anh đi phỏng vấn không lành nghề, thì cũng có những anh bị phỏng vấn mà không hiểu câu mình nên trả lời thế nào cho phải đường phải lối.

- Thế anh đã gặp phải người nào bị anh phỏng vấn như thế mà tỏ ý ngạc nhiên ở đầu dây nói không?

- Khi nào. Chỉ có một lần như thế này: là tôi thuật lại trong bài đúng như nhờ vị chính khách nọ cung khai không sai một chữ. (Tuy quốc văn chưa có mẹo mực, luật lệ về khoa tốc ký, nhưng tôi nhớ rõ từng chữ. Vì chỉ có mấy câu rất ngắn thôi mà lại). Bài ra, y đòi cải chính cứ ngẫu cả lên, làm như mình vu oan giá hoạ cho y không bằng. Thôi, đưa giấy đây. Cho mượn cả bút nữa. Bút của moa hết mực rồi.

- À, hình như đêm nay hành hình thằng Thổ giết tên đội khổ xanh tài bạc phải không?

- Ừ, năm giờ. Vừa rồi, ông “Đờ” Hà Nội còn ngất ngưỡng ở tiệm ăn, đánh ngã những một chai bố. Độ này, hình như lão ta cũng sợ sát sinh lắm rồi.

- Này anh a, thế thì đêm nay, bọn mình, mỗi người làm thêm vài cối nữa, cho đến bốn giờ sáng, rồi thì lừng thừng kéo nhau ra cửa Hỏa Lò là vừa.

To miệng vẫn là mấy ông làm báo. Họ là tướng Quảng Lạc. Nhưng được cái nhiều chuyện kỳ lạ, rắc rối, nên cả tiệm không ai tỏ lòng khó chịu. Hơn một chục cái nhĩ tẩu rất hìn, réo vang lên như tiếng vua Thuỷ dâng nước lấy gỗ chò, đá hoa. Người viết bài rất hòa tặc, kẻ đọc báo rất mê mải, đây đó vài người kể chuyện cổ tích một cách ồm ỹ.

Dưới đường cái, một giọng chua như phân mần, và rè vờ như tiếng thanh la rạn nẻ, cất tiếng rao:

- Ai bánh gi...ây giò.

Cả bọn đồng thanh:

- Ô, đã cái thằng bánh giò người Sơn Nam Hạ đi rao hàng rồi. Ba giờ rồi.

Một người dí cổ tay vào gần ngọn đèn lục lạc, nhìn đồng hồ đeo tay và nói:

- Cái thằng bánh giò đi. Nó là cái đồng hồ sống của bọn ăn sương như tụi mình đây. Đói rồi, có ăn bánh không?

Thôi đi ăn phở xào.

- Bây giờ khi mở cửa hiệu nữa! Bánh cuốn cũng tắt lò rồi.

- Đốt anh đi, thế mà cũng đòi làm báo ban đêm. Có biết hiệu phở Trường Ca, đình Hàng Bạc không? Từ rày có đói vào lúc gần sáng, không có chỗ nào cho ăn nữa, thì cứ đến đây. Các thứ phở. Thôi, dậy mặc áo vào. Tao đãi cháu phở.

Thế là cả bấy nhiêu người làm báo có tài đều âm âm kéo nhau đi xực phở.

Trong tiệm phở Trường Ca, lơ thơ vài anh kép hát Hiệp Thành, có những cái tóc mai rất rậm như lối tóc những nhà quý tộc nước Anh, đang ngồi ca rất khẽ bản hát *Kim tiền*, chờ một bát phở nóng. Mấy tên cu ly sắc sảo trong nghề làm ăn ban đêm, đang đổi áo số cho nhau để thay phiên kéo xe hàng.

(Kiểm duyệt bỏ)

Các nhà làm báo, ăn xong một lượt tái nạm, ngồi đợi mẻ khác, mới đem chuyện ông chủ tiệm của họ ra mà kể.

- Ở nhà bố Uy-liêm đệ nhị.

- Ai là Guillaume II?

- Chủ nhân tiệm mình chứ ai. Mày xem cái bộ râu ghi đông xe cuốc của ông ta có đủ tạc cái mặt Hoàng đế Đức Cách Lan không?

- Kể ra trong làng tiệm có ông ta khá giả nhất. Từ địa vị một ông nài ngựa, hồi còn mồ ma hầu tước De Montpézat có những chuồng ngựa oanh liệt, cho đến bây giờ có nhà cửa, ra vào, ăn ngủ có nghi vệ, có trật tự, cũng giỏi lắm đấy chứ. Tao phục đấy. Tối tối, mỗi lúc làm sổ kết tiệm xong, cụ lại đi ăn cơm Tây và bao giờ cũng nhớ mua về cho con chó Fox một ổ bánh mì. Phong lưu lắm.

- Ông ta lại còn là một người cừ khôi nữa.

Thôi, ông ta thì còn phải kể. Đủ làn lối. Tử tế rất tử tế, mà đã giở giọng ậm ọ, a, thì phải biết.

- Có thể mới vững tiệm. Làm tiệm còn khó hơn làm bar.

Nhắc lại câu chuyện xử tử mà họ sắp đi xem, một người vừa lấy vỏ chanh chùi mồm, vừa hỏi:

- Deibler, đao phủ thủ Paris chết rồi, thế giờ ai thay?

VIII

NHỮNG ĐÚA CON ĐÀN CỦA
NGHỆ THUẬT

Ông Hàn Louis Gillet khi nói về phản quang ánh sáng của đêm Paris chiếu tỏ nền trời, đã viết:

“Người ta cứ tưởng những trò ăn chơi đã gây nên cái quang ánh sáng ở trên đô thành và đã làm cho Ba-lê mất ngủ; thật là không đúng; tạo nên được quang sáng đó, không phải là những thú ăn chơi, mà chính ra là vì có một vài nghệ sĩ phải thức trọn đêm để thai nghén một cái hình hay là một vài thi sĩ đang mài dũa mấy vần thơ”.

Những buổi tối đi ra khỏi thành phố Hà Nội, đứng từ các vùng ngoại ô, như Chợ Dừa, Đống Mác, Bạch Mai, Cầu Giấy, Yên Phụ hay là đứng bên kia Gia Quất, mà quay đầu nhìn lại, ta cũng thấy một vầng sáng hồng hồng lơ lửng thủ phủ. Ánh sáng hồng hồng

đó là phản quang của Hà Nội, đèn điện cháy khắp tám bộ.

Ánh sáng thành thị ! Đầu đề một tác phẩm bằng nhựa của hế Charlot và khởi điểm cho cơ man là thăm kích của một đời nhà quê ra tỉnh!

Nhìn thấy cái quang sáng làm đỏ nền trời, nhiều người không khỏi nghĩ ngay đến cái đêm Hà Nội, có ăn có chơi, có thức đến bạch nhật để cười như đùa ươi và để tiêu tiền như là của bất được. Rồi người ta kêu âm lên Hanoi Sodome phong hoá suy kém!

Góp vào cái phản quang tung bừng vui vẻ ấy, ta phải đếm kể đến cả những thứ ánh sáng leo lét của những ngọn đèn dầu lạc trông có vẻ rất trung cổ. Người ta thắp nó lên chỉ để hút thuốc phiện ở các tiệm, cái đó lẽ tất nhiên phải là thế. Nhưng, có một thiếu số đêm đêm đã đốt ngọn đèn không phải hút thuốc phiện để mà hút thuốc phiện, nhưng để mà gieo một âm điệu, gọt một vần thơ hay là tìm một chút không khí cho một cái tác phẩm trữ thuật nào.

Họ là những người phải nhờ vả đến thuốc phiện để làm việc bằng óc. Ả Phiến là Nàng thơ của họ. Thiếu thuốc phiện, họ không sáng tạo ra một cái gì nữa. Khói thuốc vào trong người họ, đã hâm nóng một trí tưởng tượng mạnh, và với cái tưởng tượng bị nhân lên ấy, họ đã tạo ra một cái hình, một cái mẫu, một cái

tiếng và những cái gì là linh động. Những đứa con của nghề sĩ đó thai nghén rất mạnh bạo trong một lúc tinh thần bạn với Ả Phiến, những đứa con ấy (một cuốn sách, một bài thơ, một bức tranh, một bản nhạc) là công trình của thuốc phiện. Thế rồi mỗi khi ở cữ xong một tác phẩm, họ lại còn phải hút nhiều hơn, vì đứa con vừa lọt lòng mẹ đã rút mất nhiều sức sống của họ, bây giờ họ cần phải lấy lại. Lại hút nữa.

Cũng như trăm nghìn người nghiện khác, cái điều đầu tiên của họ không bao giờ là một điều thuốc của con nhà nghề. Có ai muốn làm người nghiện bao giờ. Tại thuốc phiện mạnh hơn lòng người. Thuốc phiện có ma, điều đó cũng chưa biết thế nào mà dám bảo là ảo, là huyền hoặc.

Dám nghề sĩ thường hay sống bằng sự bóng gió xa xôi, càng lấy làm sung sướng và hết sức thương thức cái chuyện cổ tích xứ Ba Tư, co đả động đến Ả Phiến.

...Ngày xưa, ở nước Ba Tư, có một người đàn bà đẹp. Nàng bị chồng phụ tình, ruồng bỏ đến nỗi nàng phải tự tử. Xuống dưới Tuyền đài, nàng nguyện có được tái sinh thì phải trả thù cho tất cả cái giống đàn ông rất bạc. Xét đến tập hồ sơ của nàng, vua Diêm Vương thấy oan khuất bèn cho gán bệ rồng và hỏi: "Ta thấy con là oan khổ, muốn cho con lại đầu thai lên làm người, con nghĩ sao?". Nàng nghĩ kỹ, quỳ tâu: "Muôn tâu Bệ hạ, thần thiếp xin Bệ hạ cho hoá làm cây thuốc phiện mọc trên mặt đất dương gian. Thần

thiếp không dám làm người đẹp nữa”. Thấy mặt rỗng tỏ ý không hiểu, nàng tâu tiếp: “Sở dĩ thần thiếp lia côi dương, xuống đây làm oan quỷ của tình trường, là vì thần thiếp thấy rõ sự bạc đen của lòng người. Nay lại được đầu thai lên mà lại đẹp như kiếp trước, thần thiếp e rằng còn phải tự ải nữa. Cúi xin Bệ hạ, cho thần thiếp được làm cây thuốc phiện, sự gì xảy đến cho cây thuốc phiện, sự đó sẽ xảy đến và thần thiếp xin cam chịu”. Đức vua côi âm bèn chuẩn cho. Từ ngày ấy, xứ Ba Tư có cây thuốc phiện chi chít những trái phù dung. Và người thế gian, một khi đã tìm tới nàng, thì những thứ bần bầu ấy thấy đều trung thành cả. Không diễn lại cái trò phụ tình như ở kiếp trước. Hoặc người ta có ruộng bỏ nhưng không bao giờ dứt được. Nàng Phù dung sinh đẻ rất nhiều và bây giờ cả một xứ Ba Tư mông mênh là bờ côi của nàng. Cánh đồng cây phù dung, trông cứ ngút ngàn.

Đây là lịch sử cây thuốc phiện.

Bọn nghệ sĩ được nghe một chuyện cổ tích rất tượng trưng vô tay.

- “Thiên phương dạ đàm” quái nhĩ!

- Xứ Ba Tư, quê hương thuốc phiện muôn năm!
Những cánh đồng phù dung muôn nghìn năm!

- Thế mà năm ngoái, một suất nửa tôi bỏ thuốc phiện thì có bần tiện không. Nghe chuyện cây thuốc phiện, còn thú gì nữa. Mà thật đấy các anh ạ. Hễ bắt đầu hút một điếu là nghiện một điếu. Bỏ sao được.

Những cái bọng lang băm bấy về ra thứ thuốc cai này với thứ thuốc cai nọ là một lũ chỉ ngu. Không biết anh có đọc cuốn “*Journal d’une désintoxication*” của Jean Cocteau không? Ghê lắm anh a, ghê vì rất đúng. “*Patience du pavot. Qui a fumé, fumera; l’opium sait attendre*” Thế có sợ không. Ai đã hút, sẽ phải nghiện. Thuốc phiện biết chờ đợi. Nghe như lời sấm của thánh Mãi Se trong Cựu ước kinh, lúc đứng trên núi giảng về thập điều.

Cái nơi mà họ hay đến để bình văn nhiều nhất là cái tiệm nhà ông H. ở phố Bắc Ninh. Đây là cái từng gác cũ kỹ ở trên một cái xường gỗ. Ông chủ tiệm cũng là một người “con ông cháu cha” lắm. Nghĩa là lúc người ta thất thế, thì mở tiệm. Cũng như các thứ con nhà đại gia văn tự vấp bước thì dạy học xì xằng ở vùng quê, hay là mở tiệm đối tượng cho nó qua ngày, cho nó đỡ buồn tay, thứ nhất là cho nó đỡ buồn cái dạ dày.

Vậy thì ông chủ tiệm phố Bắc Ninh là một hạng chủ tiệm chẳng được - tôi dịch chữ bất đắc dĩ.

Ở đây cái gian giữa là gian của tạp khách. Còn hai cái buồng có hoành phi câu đối của cụ Cố, xưa đi làm quan còn để sót lại, ông H. dành riêng nó cho bọn nghệ sĩ đến đây viết và bình văn.

Họ đến không có ngày giờ nhất định. Có khi lại đến mà không cần đến sự hút nữa. Họ chỉ cần một

chỗ mà thôi. Là một người của Đông phương biết tự trọng, và theo đúng lời của cổ hiền giả, họ đã đem áp dụng cái câu: "Con người ta nên ngồi hơn là nên đứng và, nếu được nằm, thì lại còn hơn là ngồi" đúng vào thời biểu ngày ngày. Lúc nào cũng nằm. Nằm hút, rồi lại nằm ăn nữa. Họ nghiêng đầu lên bốc những miếng Lạp xưởng, xúc thìa cơm, hoặc gấp chiếc bánh cuốn, y như người La Mã ăn yến tiệc bao giờ cũng nằm dài trên thứ trường kỷ.

Ăn xong, nếu không đá động đến văn nghệ, thì họ lại tự bào chữa cho cái lối sống vô thường của họ.

(Kiểm duyệt bỏ)

Chúng nó cứ kêu rinh lên là mình sa ngã. Và chơi bời. Nếu lấy cái lối sống của mình ra mà gọi là chơi bời, thì cũng đáng nên thương hại cho sự chơi bời lắm. Một đồng bạc thuốc, bốn năm tháng chơi cả đêm để mà làm việc với tường tượng! Rẻ quá.

(Kiểm duyệt bỏ)

- Này, tao cho, đối với văn sĩ An Nam cái tiệm thuốc nó giống như cái tiệm cà phê văn chương của bọn cầm bút bên Tây hồi thế kỷ mười chín. Chúng ta đã chữa bao nhiêu là bản épreuves bài ở đây. Ở đây chúng ta đã khởi công biết là mấy cái sản phẩm của tưởng tượng rồi.

- Tao không thể ngờ rằng những bài chúng mình viết rất tha thiết, rất thiêng liêng tôn thờ, viết rất kịch liệt lại nhú lên, lại gây ra bởi những cuộc nói phiếm nói láo ở đây.

Câu chuyện tay tư mới có đến đấy thì hai người nữa bước vào. Mặt họ dài lăm, đủ tố giác sự ăn ngủ không điều độ. Mắt họ có những cái lòng trắng của người sốt rét rừng và có những cái mí mệt nhọc. Dưới nách tay mỗi người có cơ man là báo chí, sách mới sách cũ.

- Lâu nay hai thằng mày đi đâu?

- Về nhà quê viết cho xong cuốn truyện. Tiền lấy tiêu hết rồi, giờ viết trả nợ.

- Nhà quê cũng có tiệm à?

- Không, phải mượn tỉnh của hàng xóm, thiếu gì.

- Thôi bảo nó lấy mấy cối nữa, mày nằm sang bên này, rồi bảo thằng D. nó bình xem cái văn mày trong

bản thảo này đã bớt cái điệu khóc than du dương đi chưa.

D. được cả bọn cử lên để bình văn ông bạn K.

D. tùm tùm hỏi tác giả:

- Đọc văn theo cái lối kể chuyện Mạnh Lệ Quân cho bà ngoại nghe không cần dấu phết, không cần chấm câu xuống dòng, hay là đọc thế nào?

- Đọc từ tế, mảy. Cái tiểu thuyết ngắn này chỉ có sáu mươi trang thôi. Mà nguy quá, tao chưa biết nên kết cấu như thế nào cho gọn.

Anh chàng B. cũng vừa đi với K. đến, bây giờ mới nói:

- Nó hút hết một mình nó 1 hộp 20gr. Rồi nó ngồi suốt một phần đêm và nửa ngày hôm sau, nó kéo một mạch. Tao phục. Nó viết như cái máy. Hay ho hay không thì chưa biết, nhưng viết khoẻ như thế hoá chẳng có Honoré de Balzac sống lại thì mới địch nổi. Nhưng mà nó cho vào nhiều nhân vật thừa quá.

Cả bọn tiếp:

- Hút cho lấm vào thì đẻ ra nhiều người trong truyện chứ sao.

D. đọc, đọc mãi. Mọi người lắng tai. Bỗng nín, y kêu:

- Chưa xong à. Thế mà định chấm dấu hết như thế nào?

K. thở khói, vuốt cái ngực lép sắp nổi cơn ho.

- Chỗ ấy mới rầy. Tao cũng đang lúng túng. Có lẽ bây giờ phải cho vài thằng trong truyện chết bớt đi, chết bệnh, chết tai nạn, hay là tự tử cũng được thì hoá chàng mới ổn và gọn được đoạn kết.

Cả bọn cười. Rồi cả bọn càng nghiêm trang lấy bút chì gạch vào hết những tên “anh hùng” nào trong truyện phải chết. Y như là Tòa án Cách mệnh nước Pháp đệ nhất Dân chủ lựa chọn nên cho ai lên đoạn đầu đài trước, ai lên sau.

K. tỏ ý tiếc rẻ mấy cái tên rất đẹp, bị loại một cách xa xỉ như thế. Đ. gắt:

- Màỵ không xử tử bớt chúng nó đi, cả bấy nhiêu đũa cùng sống chật cả truyện của màỵ, thì đổ làm thế nào cho lọt được cái đoạn chót tiểu thuyết.

- Ai bảo màỵ đẻ ra nhiều người. Định viết theo lối Mỹ sao, mà nhưng nhúc có đến mấy chục cái tên người khác nhau. Ra thuốc phiện hay gọi cho người ta làm tính nhân. Nó nhân cả không gian, cả thời gian, cả khoái lạc, giờ lại nhân cả luôn cái nhân số trong các tác phẩm của bọn cầm bút như anh em mình: “L’opium agrandit ce qui n’a pas de borne; Allonge l’illimité, approfondit le temps...” Baudelaire bảo thế!

IX XEM TUỐNG DỌC TÀU

Hôm nay là mồng hai tháng năm năm Kỷ mao.

(Kiểm duyệt bỏ)

Là ngày năm mươi ngày của Phùng Văn Trô, cái ông vua tiệm thuốc đất Hà Nội! Là một dân bẹp biết nhớ cữ, hôm nay tôi lại đến hút ở nhà Chú Trô, y như kiểu người thân mật đến ăn giỗ một đám ma, bởi vì hôm cất đám, tôi có đi theo xe tang. Cái mâm cỗ của tôi là một mâm hút. Ngọn đèn cổ tinh của tôi cháy thi với ngọn đèn thấp nơi bàn thờ Phùng Văn Trô. Ở đấy, la liệt đĩa bánh bao, bánh tằm sẫm, và một cái khay đèn thờ là những thứ đồ cúng vốn mỗi ngày dâng một lượt như là kiểu Annam mình cúng cơm suốt cho đến ngoài ngày tứ cửu. Chính giữa và trong cùng bàn thờ,

Chú Trô mỉm cười trong tấm ảnh phóng đại và nhìn ra cả một tiệm hút đang hút vang cả nhà lên như đám nhạc công nổi bài kèn thờ trong những lúc tang gia tiến cơm hay quan khách dâng đồ điếu. Ngọn gió lửa hút qua khe cửa, làm lay động tấm màn thờ có tét quả găng và nơi diềm, lòng thông hai chiếc đèn lồng viết mấy chữ “Phùng phủ” chữ bát phân, nét rất sắc và đậm. Tang gia hôm nay có làm chay trên chùa Hòa Giai nữa. Kê đi lên chùa người ở chùa về, luôn luôn như là mắc cửi. Giữa sự nhộn nhịp, một người nhà nói:

Có cả ông Đốc tờ H. cũng có mặt ở trên chùa rồi.

Bà Trô đội cái mũ mấn, khăn chưa xong ở nhà lại chạy lên chùa. Người ta bảo bà ta trước kia là một gái của nhà chùa. Nhưng lúc này, tôi chỉ thấy bà là một người quả phụ như trăm nghìn người quả phụ khác. Nghiên, người bồi tiêm đàn anh ở nhà này lảng xảng chạy đong thuốc. Người ta bảo anh ta trước kia là một tên bồi lanh lợi nhất ở khách sạn Métropole kiếm được nhiều tiền nhưng kiếm được nhiều tiền bao nhiêu thì lại đem phá hết ở nhà chú Khách này bấy nhiêu. Rồi lúc hết thì lại đăng luôn làm người tiêm thuốc luôn trong tiệm chú Khách. Con người ta tưởng xếp đặt cuộc đời mình như thế cũng đã là gọn lắm. Hôm cất đám Chú Trô, Nghiên cũng quán rồi mấy vòng khăn trắng.

Hút hết một còi, tôi ngẫm đến sự an bài của đảng Tạo hoá ở đây mà tôi cho là khéo. Một ông Khách có tài quay quắt trong sự đổi chác, một cái son phấn của lâu xanh, một cái lâu linh của khách sạn góp nhau lại thành một bộ ba trong cái thế giới nghiêng! Tôi tưởng trong Nhân loại, không ai có thể hiểu nhau và thương nhau bằng họ. Tôi thấy sự lục đục giữa đám tri thức hồi gần đây (tỉ dụ như sự tranh giành giữa hai bọn nghệ thuật vì nhân sinh và nghệ thuật vì nghệ thuật) mà tôi bắt thêm cái sự thỏa thuận của họ. Rồi tôi lại nghĩ đến công đức Chú Trô.

....Giữa hồi 1925 ấy, Phùng Văn Trô, cũng đem sung công cái tên không thơ mộng gì của mình vào Việt Nam từ ngữ. Cái tên của một Hoa kiều nghiêng ngáp đã trở nên một danh từ của ngôn ngữ chúng ta. Thời gian và sự thông dụng đã công nhận một danh từ mới, trước kia chỉ là một cố hữu danh từ (nom propre) của một cá nhân.

Kỹ sư Mansard lấy tên mình đặt tên cho một tầng nhà dựng thượng lương.

Ông xã trưởng Poubelle để lại tên mình vào một cái sọt hót rác.

Y sĩ Guillotin lưu cái tên mình cho người sau bằng cái máy chém mang tên mình.

Nhà quý phái de Plessis Praslin được hậu thế nhắc tới vì thứ kẹo praline có hạnh đào tán nhỏ ngào đường.

Đến bây giờ ở đây, Phùng Văn Trô đã làm giàu cho Việt ngữ thêm được một tiếng nói.

(Kiểm duyệt bỏ)

Cối thứ hai đã cạn sạch

(Kiểm duyệt bỏ)

Tiệm hút mỗi lúc hương thơm càng lắm, khói càng thêm dày đặc và đèn càng đỏ ngọn mỗi lúc một nhiều. Một vài người nhắc đến cái sự nghiệp của Chú Trô, đã lôi ra mấy cái dọc tẩu quý báu của nhà này.

Một thiếu niên đang hút thuốc nguyên, giơ cái dọc tẩu lương đoạn bịt đồng đang dùng, khoe với ông bạn cùng giường làm như là dọc tẩu của mình đem theo.

- *Toa* xem cái dọc này, chỉ có hút thuốc không thì chủ nhân mới đưa ra. Bây giờ có trả đến 200p.00 bà *Trô* cũng không để lại cho.

- Quý ở cái gì?

- A, quý lắm. *Toa* phải biết hút nặng như lão *Trầm Trô*, mỗi ngày mấy đồng mà y ngậm cái dọc này, cũng thấy chồi. Nặng lắm. Vả chãng dọc này, giữ nó thì luôn luôn phát tài. Đấy *toa* xem, xem đó có bao đang không.

Người bạn cầm lấy chiếc dọc, nhắm một mắt lại, Tra cái dọc vào hương ngọn đèn, ngấm mãi như là người săn bắn nhằm cái đích sắp mổ cò. Y kêu:

- Ủ, nó ôm đèn thực. *Moa* thấy người ta bảo nếu đang có dọc tốt, bao đang, làm ăn đang khá, mà đem cho hay bán đi, thì thế nào cũng ăn mày.

- Chính thế. Lại còn những thứ dọc tẩu phản chủ nữa. Cái thứ dọc tẩu mà cứ ưỡn ngửa lòng vào đèn, thì có cho không, cũng không ai dám lấy. Lại còn một thứ dọc giết người nữa. Mua dọc, nên xem kỹ cái đốt trúc chỗ có mấy cái mấu. Nếu có một đường hõm đánh trúng xuống thân dọc chạy lại phía đầu ngậm, nhọn hoắt thì đừng có rước vào mà chuốc lấy họa. Cái vết trúng những người sành sỏi đều gọi là cái dọc kiếm.

Nó đâm suốt vào ngực thằng hút. Thế nào cũng bắt đắc kỳ tử. Chính mắt tao đã được biết một cái dọc độc kiếm chuyên tay qua bốn người nghiện, thì bốn người đều chết và vỡ tiệt cả. Cái thằng chủ thứ năm chiếc dọc đó chưa chết, nhưng hiện giờ đang nằm trong Hỏa Lò. Đoan sắp tịch ký nhà. Những hai ki lô thuốc lậu kia mà!

X

TÀI TỬ VỚI NHÀ NGHỀ

- Ai?

- Tôi. Chúng tôi.

- Nhưng mà là ai mới được chứ? Ông Bê đi vắng rồi.

Ở ngoài cửa sổ, tiếng cười khúc khích. Và tiếng đấm cửa lại mạnh hơn ban nãy. Chủ nhân vội tắt phụt ngay ngọn đèn đi. Chủ nhân chính là cái ông thông Bê vừa nhét ngón tay vào lỗ mũi trả lời với bọn người gọi cửa nói dối là mình vừa đi vắng rồi. Ở ngoài hiên sát hè phố, người ta lắc quả đấm càng mạnh và ba bốn giọng say rượu xì xồ nói tiếng Tây.

- Thôi, đi lên tiệm.

Có lẽ hôm nay nó đi vắng thật. Thằng Bê thích xem Phùng Há lắm. Đầu hôm nay, tuồng của me xù Bửu thu nửa tiền, có lẽ hẳn đi xem rồi.

- Tao nghe rõ tiếng nó mà lại. Cứ đâm đi. Nó sốt ruột sẽ phải ra mở. Máy bố nghiện là hay có cái điệu treo miến chiến bài cáo ốm lắm đấy.

Thông Bê không làm thế nào được, hỏi chơ ra:

- Có phải bọn me xử Bình đấy không?

Bọn me xử Bình ở ngoài, đắc chí cười lên như phá. Thông Bê khê mở cánh cửa sổ cạnh giường nằm ăn thuốc, ló đầu ra ngoài với cặp mắt hấp háy.

- Các vụ đi đâu mà khuya thế. Đi hát, dỗi cô đào, bỏ về chẳng? Tay cầm chai gì thế?

Bình đi cái cổ chai, nút bịt giấy bạc vào mặt thông Bê, nói đùa rằng đây là chai alcool à bruler, tuy Bê đã nhận rõ mười mười đây là một chai rượu sâm banh hạng trung bình chứ chưa phải là rượu bọt. Thông Bê cười hê hê, vắn câu chì. Tấm cửa giữa chưa mở rộng, cả bọn người ở ngoài ồ vào rất nhanh như bọn người đi lính chắn ngày lụt ở cửa phủ. Bà thông Bê mở mắt dậy vì ngọn đèn điện sáng chói, vội ẩm đưa con khóc thét vào nhà trong. Bà ta không kịp quay ra chào bạn chồng. Và có lẽ cũng chả cần chào. Vì từ trước tới giờ, các ông ấy lui tới hút chơi, cũng không có chào hỏi ai ở nhà này cả.

Bọn Bình đánh hơi. Họ, bốn người, đều kêu râm lên có mùi gì khét. Mà khét thật, như mùi cháy quần áo da.

Bình nhảy ngay lại giường dí tay vào chụp đèn.

- Biết ngay mà. Vừa mới thôi tắt phải không? Sao, dạo này lại có bố nào hay quấy thế?

Thông Bê vừa pha nước, trả lời:

- Đâu cũng như thế. Nếu không phải là các vụ, có dư thính *moa* cũng chả mở. Lão Sin vừa mới đi qua đây, định vào chặc tôi bữa thuốc, neho neho gọi: "Bác Bê hút thuốc có một mình thôi à!" Tôi vốn ghét hần, nên tôi bộp ngay: "Chả hút một mình thì hút mấy mình nữa!". Hần biết tôi không mạn mà như ngày trước, nên cũng cút mất. Độ này, xem chừng ra cu cậu cũng trần lăm. Vừa rồi tôi không biết là các vụ, tưởng hần lại quay lại, nên tôi nói thác là đi vắng. Ngồi cả sang bên này, *moa* đủ bữa rồi. Uống đỡ mấy chén chè hạt này rồi pha ấm chè Tàu chính hiệu mà uống. Nhỏ ơi! À, mợ bảo nó đặt ít nước sôi nhá.

Thông Bê quơ lấy cổ chai sâm banh, ngắm đến mòn được cái nhãn hiệu, gật gù:

- Thứ này uống được đây.

Y cất chai rượu lên đầu giường và sự vui sướng càng rõ rệt gấp bội khi bọn Bình quẳng xuống mặt bộ

ngựa, hộp thuốc 10gr kê đánh bịch một cái. Sĩa ra đồng tám bạc ra đấy, trông không gì vui mắt bằng.

Giáp tháo giấy, chỉ cái bàn đèn lạnh lẽo, kêu:

- Này, trông cái bàn đèn nhà ông nghiện cứ lù lù ra đấy mà không đỏ ngọn, đúng như là trong nhà có người chết. Cho bao diêm, thắp ngay lên cho nó hết ngay tử khí đi.

Chủ và khách, tất cả năm người quây quần vây lấy cái khay đèn. Họ cười khi khi và nhắc đến chuyện một cái nong mà chứa được đến tám người nằm hút mà vẫn còn cứ rộng. Chủ tranh lấy mở hộp thuốc cho khách, mở tung hẳn ra, chứ không mở cái lõi cổ điển dùi một lỗ con. Y nói là y muốn khoe cái tài mở nắp hộp đồng của y, trông cái nắp nậy lên, gò củ nhẵn bóng như mài dũa. Nhưng sự thực thì chủ nhân làm thế để các ông khách hết đường mang về, nếu hộp thuốc hút còn thừa lại. Chính ông thông Bê mở hộp thuốc của mình thì bao giờ cũng chỉ dùi một lỗ nhỏ, phồng những khi dờ dang thì cắn vào đấy một cái đầu tăm làm nút hay ấn một cục sỏi nhất bit kín lại, bỏ túi rất tiện. Thế mà hễ động mở đến hộp thuốc của người khác, thì thông Bê nhất định đòi mở tung. Chỉ hộp thuốc kénh nắp, chỉ chai rượu quý, Bê phàn nàn thêm:

- Thế này mà có thêm một kilo nho tươi nữa thì “đẹp” quá.

- Chủ nhân cũng còn thích được hoa quả sao? *Moa* tưởng nó già thuốc!

Biết người ta xỏ mình, Bê tùm tùm và kêu inh lên rằng mình say lắm rồi không hút được nữa, Bình quay mãi cái vú dọc vào mặt. Sự thực y không thích hút thuốc nước. Y hút sái mới đủ nghiện và mới thấy ngon. Y cho rằng hút thuốc không, nó, nó có vẻ chơi bời quá.

Tụi Bình và Giáp chuyển tay tiêm được đến mười điếu rồi. Ông thông Bê vội ngăn lại:

- Hãy tháo nó ra đã. Cái tẩu này nóng mau lắm. Chỉ chịu được mười điếu thôi. Ấy là hút xong một hai điếu, đều phải lấy bút lông thấm nước lau mặt cho diện thì mới đỡ hại sái ở trong.

- Mấy ông thực thụ cẩn thận ghê.

- Không thế thì hút sao cho đúng phép được. Các *vu* là tay chơi, hút thế nào cũng được, miễn là được hút thuốc không thì tự cho là thích rồi. Phi phạm, vung vãi nhiều quá. Chả mất gì của *moa*, nhưng *moa* trông thấy các *vu* để thuốc xa đèn, cạo hết những thuốc dính ở mặt tẩu mà không hứng vào chén, là *moa* xót ruột lắm. Các *vu* chưa biết quý thuốc. Tây gọi nó là vàng đen, l'or noir, là không sai chút nào.

Bính lấy cái mũi tiêm, cho vào họng tẩu, ngoáy rào rào, và gõ ra chén đẩy một nạm sái tảng, vàng óng mầu cánh gián. Giáp thấy thích quá, đòi lấy móc dọc đánh sái cắc, Bính lừ mắt, thấy chủ nhân vào nhà trong lấy chai dầu, bảo khê bạn:

- Tao ngu gì mà không biết hút sái nhất. Nhưng chơi thế là mày không nghĩ gì đến người khác đấy nhá. Mày mang hộp thuốc xuống đây, định hút cả sái nhất nữa, thì thông Bê nó xơ mũi cái gì. Thế tức là mày đóng cửa mày ở nhà này đấy. Lần sau đám cửa là nó bảo đi vắng.

Bê ra rót dầu. Y nhìn Bính nhồi điều thuốc cứ sọt bung lên từng sợi trắng dẻo như tơ, không những y không khen, mà y còn chê nữa.

- Tụi các vụ là tay chơi có khác. Tiêm không cần giữ sái. Tiêm đã chặt, chắc, mà còn cứ nhồi để khoe hoa tay mãi.

Y càn sọt ruột tợn khi bọn khách bốn người bắt đầu giờ cái lối hút rất khê, rất chậm ra. Họ để điều thuốc lên miệng chup, kéo thuốc không lên tiếng, chỉ thấy điều thuốc sùi mặt quỷ. Thông Bê tự hỏi: "Tụi nó chơi khôn lạ. Nó hút thuốc như thế, thì cái lũ sái trong tẩu thành ra than cả rồi. Còn ăn thua gì. Nó hút cái kiểu nghệ sĩ như thế, thành ra là vừa thuốc nước vừa là sái nhất trong một hơi thuốc đi thẩu vào

đến đáy phổi". Bính trở hết tài nghệ thuật: ban nãy tiêm toàn tròn quýt, giờ tiêm rất lồi khẩu mía, mỗi lần phóng điều thuốc vào nhĩ, rút mạnh tiêm ra kêu đến khắc một cái, chủ nhân lại trở mắt nhìn. Bây giờ ý mới bắt đầu nói xa xôi bóng gió:

- Bác Bính tiêm khéo thật. Nhưng muốn cho bác lúc nào cũng có đồ tốt mà dùng, có lẽ hai ngày lại phải thiết lại cái nhĩ tẩu. Tiêm bạo tay như vụ thế là dễ huếch nhĩ tẩu lắm.

Bính vờ ngắt câu chuyện.

- Này, sao lão Sìn lại bị bác tẩy ra mặt thế?

- *Moa* ghét nó quấy tợn lắm. Ai đời nó hút có ba điều thuốc, ngồi cạo ra cả đất, đánh đến bốn điều sái mà nó còn dám khoe với tôi rằng như thế hần có giỏi không. Tôi điên cả ruột lên, muốn táng cả cái đèn vào mặt và bảo hần rằng bao giờ nướng tẩu nhà người ta lấy được hết cao thì lúc ấy mới thật là giỏi hết chỗ nói. Mà saõ cái thằng ngu và chả hiểu ý tứ gì cả. Ai đời, đến ngồi quấy, tôi đã vờ gõ mặt tẩu, vờ thúc mé sái ở trong tẩu ra lòng chén, tôi gắt gồng nói đi nói lại đến ba lần câu: "Ra đi cho ông hút" mà hần cứ ngồi mãi đấy. Ờ, các vụ không biết chứ cái thằng Sìn là chánh đều đấy nhé. *Moa* còn nhớ lại cái lần *moa* mất việc định lại nó hút chạc mấy điều. Hôm ấy nó còn một đồng cân thuốc trong cái hộp sừng. Nó tiêm

tuốt cả một đồng cân thuốc thành một điếu rất to, to bằng quả nhãn lồng. Rồi nó đưa cho *moa* thử xem *moa* có dám hút không. *Vu* bảo, có là gan xứ Nghệ thì mới dám hút cái điếu thuốc bần mệnh của hần lúc đó. *Moa* phải nói dối là hút rồi. Thế mà sau này hần còn đi rêu rao ra ngoài rằng là thế nọ thế kia. Ừ thì hôm ấy hần hãy mời *moa* hút lấy một điếu thuốc, một điếu sai nhỏ, hần cũng còn được đủ phần hần kia mà. Việc gì đã phải chơi cái lối rùa mát nhau như thế.

Chai Sâm banh đã mở. Mọi người uống rất thường thức. Duy chỉ có ông Thông Bê là uống chậm nhất và cố ý uống rất dè dặt cái cốc của mình.

- Ấy, *moa* để dành, cho nó vào cái lọ con, thỉnh thoảng đánh sái, cho mấy giọt vào, ngon và dẻo lắm nhé.

Thế rồi y mắt la mày lét, nhìn mãi hộp thuốc của bọn Bính, xem nó đã vơi đến đâu rồi.

XI

CHÍNH “HẮN ĐẤY”

Trương và Lê liền mười hôm nay, không hẹn nhau mà cứ vào khoảng mười giờ sáng lại gặp nhau ở một cái tiệm rất tạp ở Hàng Đàn.

Họ đều là người hút chơi cả. Chính người hút nói thế và những người quen biết Trương và Lê cũng đều nhận thấy thế. Hút chơi tức là chưa nghiện. Đến hôm qua, ngày thứ mười, họ vẫn là người hút chơi. Nhưng sau một thời kỳ mười hôm chơi nhả với thuốc phiện, mỗi buổi sáng, mỗi người làm hết một cối ba hào, một thỏi sái nam thâu và thêm một cối nhỏ một hào để bao sái nữa, sau những ngày liền liền hút đúng giờ, đúng cân lượng, đúng bữa, đúng chỗ như vậy, họ lấy làm ngờ ngợ. Nhưng mà chả lẽ nó bất chống thế. Có những người hút chơi hàng mười mấy năm kia mà!

Sáng hôm nay, có hai người buồn to, ngồi bẻ chiếc bánh bao ở bàn ăn điểm tâm hiệu Tự Hưng Lâu.

Trương và Lê vẫn không hẹn nhau, vẫn ăn hút riêng rẽ, không mời mọc nhau một bữa ăn, một bữa hút, vậy mà cứ đúng giờ ấy của buổi sáng thì cặp họ lại gặp nhau ở một tiệm trà Quảng Đông để chốc nữa lại gặp lại nhau trong một tiệm thuốc gần đây. Ra cái thời biểu của hai người thiếu niên con nhà giàu ấy (cha mẹ họ đều là đại phú thương có đến ba bốn địa chỉ trong cuốn Annuaire điện thoại nhà dây thép mỗi ngày) hồi gần đây là như thế này:

Không biết hôm qua họ ngủ ở đâu, chỉ biết lúc hiệu ăn đã gần vội hết cái số thực khách ăn sáng để đi làm sáng ở sở hay ở xưởng, thì cậu Trương bước vào. Lúc này, bánh tằm sấm và sủi mại đã tới cái quả hấp thứ một trăm linh mấy rồi thì phải. Kia lại cậu Lê, mấy tên phổ kê quen họ lắm, thường tỏ sự thân mật bằng cách rút tiền ở sổ cộng ngân bữa ăn và những lúc thân quá thì lại ghéch chân lên thành ghế, nói dăm ba câu về những người nào là con bạc hay lại đây ăn Sủi dề hay bà nào hay đánh Mặt sược ở trên gác. Họ kênh càng ăn quà sáng, uống nước rất chậm, hình như sự rất thông thả là một điều kiện tối cần cho sự ăn ngon. Xong bữa điểm tâm có tính cách Ăng-lê đó, nghĩa là thừa thãi đầy đủ như một bữa cơm chính, họ cặp kè nhau đi tới tiệm hút. Nằm hút, rồi mơ màng, rồi nhắm mắt, đến một giờ chiều hay nếu không muốn lơ mơ nhiều sau bữa thuốc, thì vào

giữa lúc còi báo trưa nhà Địa Ốc ngân hàng rú lên, họ đều ra Hàng Buồm uống nước và ăn bánh trưa ở cái tầng gác thứ nhì. Nếu ở trà đình ra, có gặp bạn bè rủ rê nữa, thì lại hút nữa.

- Một còi thôi! Bằng không gặp ai thì họ về cái nhà của họ để làm một giấc ngủ chờ tới sớm tới. Họ dùng quấy quá cái bữa cơm gia đình. Rồi lại thắng bộ tịch vào, đi dạo phố. Những người thợ cắt tóc thường sửa tóc mai, đánh phấn và bôi mỡ brillantine lên đầu họ, vào cái giờ này. Với một tâm hồn vui vẻ và một cái thể xác trẻ trung, họ đã ngã vào một nhà hồng lâu, nếu không là thanh lâu hay là một tiệm hút quen dùng luôn làm phòng ngủ. Để rồi buổi sớm mai, mặt mũi lại biếng rửa, đầu tóc bơ phờ, họ lại đi đến hiệu cao lâu ăn bánh và uống nước sáng.

Sớm nay Trương mời Lê, cùng ngồi ăn một bàn với mình. Chàng tạ sự ra rằng ăn chung vui hơn là ăn riêng. Và tự hỏi sao từ trước tới nay, mãi đến bây giờ mới ngồi ăn một bàn. Hai người vốn quen nhau đã lâu lắm mà. Uể oải nhấp chén nước Thiết quan âm đặc sệt như chén trà mạn của một tiệc trà mà bài diễn văn phải chờ đợi đã mãn canh mãn vô một ông thực khách danh dự, Trương có vẻ lo lắng hỏi Lê:

- Đằng ấy hút từ bao giờ? Kể từ cái điều thứ nhất.
- Hai năm nay.

- Tớ hỏi thực chẳng ấy câu này nhá: Có sợ nghiện không?

Lê nhắc chén ra khỏi làn môi, sắp trả lời, thì hắt hơi một cái rất to. Trương mỉm cười. Chừng như biết mình đã đủ tố giác mình bằng một cái ngáp thêm nữa tiếp chỗ đến tiếng hắt hơi vừa rồi. Lê không cần giấu giếm nữa:

- *Moa* ngờ có nhẽ bị rồi.

Lê, như một người vừa nhớ ra một chuyện gì cần phải làm ngay, y vội giục Trương đi. Lại đến đây: Cái tiệm của mọi ngày.

Bây giờ Lê mời Trương cùng nằm một giường với mình, để đái lại người bạn vừa chèo kéo mình cùng ngồi một bàn ăn ở hiệu. Lê, mọi lần, ít khi cho bồi hầu tiệm. Tự tay chàng làm lấy, một là muốn tự mình ngấm lấy cái tác phẩm của mình vừa tạo ra gửi vào lỗ nhĩ; thứ nữa là tránh được cái mô hôi và cái vè nhem nhúa của những tên bồi thuốc. Lúc bấy giờ là lúc người ta còn hút chơi, thấy điệu thuốc đẹp, có khi trình tràng mãi chưa chịu hút. Bây giờ khác. Bây giờ là sự cần dùng. Lê cảm thấy thế, khi bảo bồi tiệm rất mau, đưa ông bạn mình hút trước.

- Bây giờ hút, chẳng ấy có chịu được những cái đông đúc, ồn ào nữa không?

- Sợ lắm. Ngay cái lối dùng chung một khay đèn tuy chỉ hai người thôi, nhiều hôm không thấy thú như cái kiểu ngày trước bốn năm thằng quần tụ chung quanh một con bấc cháy cho đến bạch nhật.

- *Toa* thấy “nó” bắt *toa* như thế nào?

- Tớ cũng không rõ là nó đã bắt chưa.

- Thấy nó khác khác trong người là tự khác biệt chứ lại.

- *Toa* thử gọi nó lên, rồi *moa* nhận ra dần dần xem.

- Có phải trong người nó moi moi, lăm lăm lúc buồn chân buồn tay như cần phải đập phá một cái gì phải không? Nếu để quá lăm thì nó như có giới đục trong tuỷ xương phải không? Lại còn như thế này nữa: bụng thấy no tuy miệng đói, lúc nào cũng chỉ muốn nằm thôi.

- Ừ, ừ có như thế. Hai vai mỏi luôn. Khớp xương như rào hết cả ra. Mi mắt rất nặng. Mồm bả ra. Thấy nước sợ như người bị chó đại cắn.

- Gì nữa? Cứ nhớ dần ra.

- À, à, hay gắt. Cáu một cách vô lý với mọi người.

- Sao nữa?

- Tưởng như không muốn mở miệng ra nói với ai nữa. Muốn đừng ai phiền đến mình, tuy lúc ấy mình cho mình cái quyền quấy nhiễu đến mọi người. Quấy tiền, quấy yên lặng và tha hồ không kiêng nể tự do của người khác.

- Và nếu chưa được hút, thì có trông thấy gái đẹp, lòng mình cũng không đập...

Lê tùm tùm:

- Đúng thế. Nhiều khi lại còn thấy cuộc đời như hết cả sinh thú. Người bản thân lạ.

Hai người ngấm nhau một hồi lâu. Trương và Lê đều công nhận đạo này họ không thích diện nữa. Cổ áo không cần có cà vạt, đi giày không muốn xỏ bít tất và giá suốt ngày được đi giày *ban* cho nó dễ tụt ra, thì họ sướng lắm. Móng tay họ dài và đều để tang cả. Trương hỏi tiếp:

- Đang như thế, được hút vào, thì sự thay đổi trong người có không?

Lê nghĩ ngợi:

- Có lắm chứ. Tự nhiên thấy vui dần, đang như mè mà hồi tỉnh lại, tự thấy muốn nói nhiều lắm. Gái cùng nhiều và hay hứa hẹn với bè bạn những chuyện mà mình tưởng có thể làm được ngay.

Hai người suy nghĩ hồi lâu rồi đều kêu:

- Bỏ thầy, chính hấn rồi đây đây ầy ạ.

Hấn đây là thuốc phiện. Chữ hấn viết với chữ H hoa rất to.

Trương và Lê trầm ngâm, nửa muốn rủ nhau đứng dậy đi, nửa muốn lấy thêm vài cỏi nữa nằm thêm để nghỉ đến thân thể mình từ phút này, để nghỉ đến những biến trạng trong sinh lý của những người đã trót đùa quá với thuốc độc.

Ngoài gác sân tiệm, mưa làm mờ những viên gạch lá nem.

TÀN ĐÈN DẦU LẠC*

(Phóng sự)

I

TẬP KÝ ỨC CỦA NGƯỜI BỒI TIỆM

Bữa cơm chiều không có rượu thịt trong một tửu quán trung bình đã đến lúc dùng tới ống tăm gỗ Nhật Bản mà ông chủ quán, một chú Khách béo Quảng Đông cứ rầy lên đây đấy, nhất định bảo là tăm gỗ Trung Quốc. Chúng tôi là vài người làm báo, đang kênh cang một cách không xứng đáng với mấy tách cà phê thiếu hẳn hương thơm và loãng như nước vối. Câu chuyện nghề nghiệp trong phạm vi phóng sự được đặt lên mặt thăm, lúc bấy giờ là một cái khăn bàn ăn trắng hoen ố xì dầu và nước xốt. Mọi người chêm một câu, rút ở sự nhận thấy hàng ngày trong nghề.

Nội tác phẩm trong nghề cầm bút, bạc nhất có lẽ là những bài báo. Có hay tám vạn nghìn tư, qua tới ngày hôm sau chữ dùng nói chỉ đến năm sau là đã trở nên vô vị rồi. Ai nhắc tới làm gì.

Đù biết những sản phẩm về tinh thần mà căn cứ hẳn vào thời sự, nếu không thành đoáng vị thì là nhạt théch, một khi nó không còn ở địa hạt thời sự nữa. Có ai nhớ tới, nhắc tới một bài báo rất hay của hôm qua, hôm kia, hoặc là năm vừa rồi đâu. Ấy, xưa nay những cái gì nẩy mầm bén rễ trên thời thượng của một thời khắc đều có những số mệnh yếu như thế.

- Nó cũng như là cuộc sống của mọi thời thượng về phục sức chẳng hạn. Chẳng hạn, giờ có anh bạn nào còn nhớ tới cái một chơi yo yo không?

- Hóa cho nên tôi muốn quay ra nghề viết văn. Thời gian có bao giờ làm già và chết được một cuốn tiểu thuyết hoặc một vở kịch đâu, nếu truyện và kịch có một giá trị văn chương.

- Các anh là những đứa con bất hiếu của nghề. Tôi chưa biết nghề báo nó khinh bạc ở đâu, nhưng tôi hãy được biết các anh là bọn không quý nghề. Những thứ khẩu khí ấy sẽ làm nguội hết lửa thiêng liêng của phụng sự. Các anh cứ nói thế, thì những người như Albert Londres chà thành ra góc cá sao ? Có được cái tiếng tăm của Londres, cũng còn lâu mới mai một được.

- Bất hủ hay là bị quên ngay, *moa* không cần biết. *Moa* chỉ thấy bọn phóng sự như Londres là kiếm được nhiều tiền lắm. Cái đó là điều kiện tối thiểu.

(Kiểm duyệt bỏ)

Một người nữa, biểu đồng tình:

- Có thể, có quyền ngồi xổm hẳn lên xu hướng ngu đại và bản tiện của bọn độc giả hạ cấp kia, có chăng là mấy bố thi sĩ và những nhà viết tiểu thuyết có tính cách thần bí. Bọn họ có quyền sống trước thời đại của họ.

- Thôi, giải tán. Đứa nào đi hút thì đi hút đi; đứa nào phải mần công chuyện thì đi mà mần đi. Hơn chín giờ rồi.

Vũ Trọng Phụng đi lùi lại sau với tôi, với một câu chuyện riêng. Rằng:

- Tao có một cái đầu đề này bỏ lăm. Ủ, phóng sự.

- ?

- Có một tên bồi tiệm có thể gọi là thánh sư trong nghề tiệm thuốc. Hắn cũng có chữ nghĩa. Hắn viết được một tập nhật ký, không, một tập ký ức thì phải hơn. Bao nhiêu những trò “cấm phạt” *ma bùa*, đều có ghi ở trong đó hết. Nếu mày muốn dùng, đưa cho hắn một số tiền, lấy lấy, không có thằng khác cũng xoi mất.

• Tôi hồi ấy, cũng đang cần một thiên phóng sự cho tờ tuần báo nhà. Tôi muốn bắt ngay lấy câu chuyện của người bạn đồng nghiệp; nhưng tôi hơi ngờ ngợ, tự hỏi sao miếng thịt nạc ngon như thế, bạn tôi lại không ăn mà lại có bụng thảo nhường cho tôi. Xưa nay chúng tôi đi lại với nhau, thân thì vẫn là thân, nhưng đã có bao lần rồi, chúng tôi giấu nhau từ một cái **tin** hàng ngày mà vẫn không ai dám trách móc nhau **lấy** nửa lời. Việc ấy đã là một thói quen. Nay lại nhường cho nhau những một tập ký ức, hẳn đấy phải là một đoạn xương củ chuối khó gặm !

- Giá tao không muốn đi sang địa hạt khác, như tao vừa nói ban nãy, thì tao đã mua rồi. Tập ký ức đó, tài liệu nhiều, toàn những chuyện sống cả, nhưng lúc lấy về, cũng còn phải chần lại, xào nấu lại mấy lần nữa rồi mới ăn được.

Thấy lời bạn là thành thực và nghĩ đến điểm cần kíp cho công việc mình tôi xiêu lòng.

- Ủ, thế thì bây giờ ta lại nhà tác giả đi. Y ở đâu?

Nhà cửa gì. Tác giả là bồi tiệm thì nhà y là cái tiệm thuốc, và chúng ta tới đấy, y sẽ tiêm thuốc cho chúng ta hút. Nghĩa là cuộc buôn bán giữa ta và họ sẽ thương lượng trong lúc nằm dài, kẻ tiêm thuốc, người bắt đầu dọc. Chưa có việc thương mại nào tiện và đỡ mệt như thế.

Chúng tôi cười mãi đến cửa tiệm nhà 55, phố Mã Mây. Vũ Trọng Phụng gọi một người bồi tiệm trông rất linh lợi tới làm hộ thuốc hút. Tôi hiểu ngầm đấy là tác giả tập ký ức. Cạn xong một cối thứ nhì nữa, anh bạn chỉ người tiêm thuốc:

- *Luý* có viết được một tập nhật ký về đời sống trong tiệm. Định bán cho tôi, nhưng tôi chưa dùng tới. Anh có cần và xem có thể lấy được, thì cũng là một việc nên lắm. *Luý* là Trần Bình Dân, tục danh là Xuân. Lăn lóc bao nhiêu năm trong những cái nhà như chế này rồi đấy.

Tôi không nói gì cả. Tôi đang mãi nghĩ đến

(Kiểm duyệt bỏ)

Cái lối làm báo ở bên Mỹ bây giờ.

Chỉ có một ông nghị viên mới viết được bài về nội trị. Chỉ có một nhà ngoại giao chính thức mới viết được về tình hình Quốc tế. Nếu một nhà thảo mộc học, giám đốc một viện Bách thảo ăn lương nhà nước mà có bài điều tra về tình e lệ của một cây trinh nữ hay sự giao hợp của nhị hoa thành nên quả do sức đồng loã của gió nội cỏ, thì thế nào họ cũng mua bài đó ngay. Có khi họ lại cần tới tìm đến nữa. Bởi vì họ đã tóm đúng được những cái thẩm quyền. Tin vào sự mầu nhiệm của phương pháp làm việc rất hợp lý đó tôi đã bảo Trần Bình Dân đưa tôi cái bản thảo của y và bảo y rằng:

- Nếu bác không tham lam quá, ta có thể trao tiền và mức cháo luôn trong đêm nay.

Nhờ đi, tiếng lại, giá cả đã định, Trần Bình Dân nghỉ tay tiêm, nhận tiền và muốn tỏ cho tôi biết rằng trong người y vẫn lưu thông một thứ máu ăn chơi không cần gì cả, y xòe tệp bạc, nói luôn:

- Rồi tôi cũng đến tiêu với các bạn tôi trong một đêm nay cho hết !

Cái đó là quyền của bác ta. Tôi chỉ biết khi nhận bản thảo, khi trao xong tiền mua tôi còn cần phải lấy mấy chữ nhượng quyền tác giả của bác ta. Thế này thì ra tôi là một nhà xuất bản trong một đêm nay.

Trên một mảnh giấy cũ đã vàng, lèm nhèm những vệt bụi sẫm và giọt dầu loang. Giọt dầu loang mãi cho hết diện tích tờ giấy đoạn mai này. Tôi đã đọc cho Trần Bình Dân tức Xuân viết những dòng mà từ trước tới giờ, tôi đã bao lần viết cho một nhà xuất bản to ở đây. Người bồi tiệm ký tên, cười. Chả biết nhà xuất bản kia...

(Kiểm duyệt bỏ)

Vài mẩu chuyện tâm tình vụn vặt sau cuộc mua bán, đã cho tôi biết thêm rằng bác Xuân của tôi là một người kiếm đã ra tiền lắm, nhưng vốn tính phong hoa, chàng cao lâu chè chén, hát xướng chim chuột hết cả.

- Thế, tố cáo hết cả những bí mật nhà nghề, bác không sợ sự báo thù của liên đoàn chủ tiệm ở đây sao?

- Tôi sắp làm lại cuộc đời.

Tập ký ức nằm gọn trong tủ sách.

(Kiểm duyệt bỏ)

Những ngày rồi việc, tôi giờ lại tập ký ức kia, càng đọc càng thấy rức mắt. Tác giả nó, có một lối hành văn giống hết đám xương kỹ viết thư cho nhân tình. Nghĩa là không cần chấm câu, không cần xuống dòng. Mà lại viết bằng bút chì, lơ mờ nhòe hết. Tưởng những trang thư của cha Faria trong chuyện *Hầu tước Monte Cristo* còn có thể rõ hơn. Toàn tập nầy đến sáu mươi trang mà cứ viết một hơi như thế, không có chữ hoa, không có một chỗ hở để chen vào vài dấu chấm câu. Thật là một thứ văn nhất khí, thao thao bất tuyệt. Tôi phải lấy hết cái thông minh và cả cái tài đoán của tôi ra, để ngắt câu văn. Tôi nhận thấy cả cái khổ sở của một nhà Nho thời cũ điểm chấm son bên dòng chữ nối dính vào nhau hàng chương một. Chấm câu xong trong tinh thần, tôi mới nhận thấy tập ký ức đó không đáng được.

Bởi vì phần chú trọng và nhiều nhất trong đó là toàn nói đến những chuyện dâm loạn.

(Kiểm duyệt bỏ)

Hôm nay sà vào cái tiệm hút của chú Khách Sầu ở phố Hàng Đàn, cái chú Sầu vừa là chủ tiệm hút số

nhà 84, vừa là chủ hiệu cao lầu Hoa Mỹ xế cửa tiệm, tình cờ tôi gặp lại Trần Bình Dân, một người làm đi làm lại cuộc đời mấy lần rồi mà giờ vẫn giúp tôi nướng một miếng nhựa cho nó sùi mặt quý lên. Ra thuốc phiện là có ma thực. Nó giam buộc người ta cả đến một cái việc sớm tôi tìm mưu hổ khẩu ở một cái tiệm giờ ngang trên miệng chao đèn búp măng.

- Tôi ở Vân Nam mới về.

... về, để dành cũng được ít vốn.

Tôi cũng biết thế. Tôi buồn chán, đi ra phía trước gác tiệm, thì trước tiệm là hội quán hội Trí tri, phát phơ ngọn cờ ngày nghỉ. Sau tiệm là một cái lò đúc thủy tinh của một hiệu thông phong ở phố Hàng Bỏ, mặt sau ăn ra đến đây.

Nhìn vào các giường hút, tôi thấy cái nhân loại ở đây, vào một buổi trưa hè, cũng không khác gì với cái nhân loại bên lò thủy tinh ấy.

II

MỘT NGƯỜI KHÔNG MUỐN VỀ

Sớm hôm ấy, Lưu Thần, buồn... để tay lên vai tôi, rồi nắm tay tôi và bảo rằng:

- Tao phải về Thanh Hóa mất. Vợ tao nó bắt tao chiều nay phải về luôn với nó. Tầu tốc hành.

Không hiểu đến nguyên uỷ mỗi buồn của Lưu Thần, tôi lùi cách anh hai bước, rút bả vai tôi khỏi bàn tay thân mật kia và hỏi:

- Ừ thì về, rồi lại ra. Có cái gì mà rũ rượi ra như vậy ?

- Mà không hiểu. Nhưng thôi, chả cần cắt nghĩa nữa. Trưa nay mày lên tao ăn với vợ chồng tao bữa cơm gia đình. Rồi nói chuyện sau.

Tôi nhận lời. Lưu Thần lên xe đi. Cái dáng anh ngồi xe không thua gì kiểu một con bệnh tim vào cổng cổng bệnh viện bố thí. Cái người ấy xưa nay là sự

thiếu não hiện thành hình người. Tôi còn lạ gì cái thứ đau khổ ấy. Có người bạn trông thấy Lưu Thần lúc nào người cũng cứ chảy ra như thối kẹo gập tiết nôm, đã đặt cho anh một cái tên tự khí dài một chút. Họ gọi anh là “sự đau khổ của loài người”. Lưu Thần biểu tự là sự đau khổ của loài người! Cả một kinh thành Hà Nội đều nhận rõ như thế. Nhưng hôm nay sao Thần đau khổ như chưa bao giờ tỏ rõ ra đến nhường ấy. Tôi hỏi tôi.

Anh là một người mến cảnh Hà Nội, mến người Hà Nội. Anh thường nói thật to rằng nếu anh có quyền lựa chọn cuộc sống và nếu phép luân hồi của nhà Phật là đúng, thì anh dám đổi đến năm bảy cuộc đời sống ở các chốn khác để được ở đây chỉ lấy một trong năm bảy phần kia. Anh vẫn bảo rằng sống được làm người của Hà Nội thì chết anh cũng nhất định làm con ma của Hà Nội. Nhất nhè là phải làm thứ ma đói, anh cũng đành lòng. Có lần anh ốm nặng, thập tử nhất sinh, vợ con ông bà cô bác phải thân hành ra đem anh về quê. Hôm anh gượng gao đứng vững được, anh đã vội lẫn mò ra Hà Nội. Lại gặp chúng bạn cũ, anh vẫn còn thờ hớn hên, nắm tay mọi người, nói như tên tù rên và lướt lướt như một con đi khóc:

- Mấy ngày ở nhà tôi đã tưởng là đi đứt rồi. Trước cái chết thực mà tôi chờ đó, lòng tôi đã chết trước thêm mất một lần nữa. Tôi sẽ khổ lắm, nếu không

được chết ở Hà Nội. Bệnh tôi chưa giảm được lấy vài mươi phần trong trăm phần trăm trọng. Nhưng cũng cứ mò ra đây cho được thấy lại anh em và được hỏi thăm lại các phố phường Hà Nội. Rồi vạn nhất, nói gờ mờ, nếu có sao đi nữa thì... thì đã có các anh chấp phát. Tôi nhận biết tôi là một thứ người “sinh vi danh giáo chi tội nhân; tử vi tình trường chi oan quỷ”. Nhưng có lam tội nhân của danh giáo, thì tôi cũng chỉ muốn cái danh giáo ấy là danh giáo nơi Hà Nội. Chết có phải làm thứ quỷ oan của trường tình, thì tôi cũng chỉ muốn cái chết đó xảy ra trên đất Hà Nội. Người của Hà Nội thì phải gửi về cái huyết đất đỏ cũng của Hà Nội. Nên trả lại cho César cái gì là của César. Ha, ha!

(Kiểm duyệt bỏ)

Thế mà chiều nay, cái người ấy bị vợ con bắt rời khỏi ngay Hà Nội.

(Kiểm duyệt bỏ)

Tôi vẫn nghĩ lung về cái khổ của Lưu Thần khi tôi ngồi vào bàn ăn, có rượu có thịt của mâm cỗ cúng ngày tuần. Vợ Thần vui cười cho được tỏ rõ cái tâm quy cố hương của nàng. Còn Thần, vật vờ...

(Kiểm duyệt bỏ)

Giữa hai miếng thịt bỏ mồm, Thần nói lóng bằng tiếng Tây với tôi:

- Tao lấy mày. Mày nghĩ cho tao một cách gì để cho tao được ở lại đây mấy hôm nữa. Chỉ có mày là nói được thôi.

Tôi lấy lời phải chăng, nói:

- Anh phải về. Anh không thể để vợ con về một mình như thế. Thứ nhất là lại về nhà vào một kỳ giỗ long trọng. Các ông già bà cả ở nhà thấy anh không cùng về với chị ấy, sẽ nghĩ ra sao ? Thứ nhất là anh không có lẽ gì chính đáng để lần nữa ở lại đây.

- Ngày kia mới là ngày giỗ. Tao chỉ ở lùi lại một ngày thôi mà.

Tôi góp nhờ, xin với chị Thần để mai anh ấy sẽ về sau. Chị Thần ngần ngừ, hơi lườm chồng và sau cùng thuận đưa cho chồng 5p00 và dặn riêng tôi:

- Vâng, nếu nhà tôi có việc riêng phải ở lại để tính toán với anh thì tôi phải về trước vậy. Nhưng nhà tôi là một người chơi bởi đã mất nết, tôi rõ lắm. Và đã mấy chuyến, đều bỏ mặc mẹ con tôi về nhà một cách thui thủi như một bọn góa bụa mồ côi. Vậy tôi trông cậy vào anh, ngày mai phải giục cho nhà tôi về cho kịp giờ.

Chị Thần và các cháu ra tàu suốt, để anh Thần ở lại với chiếc sơ mi bản mặc luôn ở người. Hành lý và áo quần riêng của chồng, chị đều mang về trước, tin rằng đây là một cách nhiệm mầu để buộc người chồng phải về chồng. Làm như là thiếu áo quần thì một người chồng hư đến đâu cũng không thể nấn ná, lẩn tránh ở lại chốn Hà Nội dễ sa ngã này được.

Thần đã đi với tôi ra đến đầu phố, lại quay trở lại nhà, nói là để giao cho thằng nhỏ đồng bạc cho nó ăn uống trong mấy bữa hai vợ chồng vắng nhà. Mai anh sẽ đi sớm, không có dịp quay về đây dặn dò nó nữa. Thế nghĩa là đêm nay anh đã định không ngủ nhà; anh sẽ ngủ với tôi, với người khác, với... Ô, Hà Nội thiếu gì người để ngủ với chúng ta nếu chúng ta có

tiên lại có một thứ tự do đặc biệt trong cái luân lý sống của mình.

Vậy là đêm ấy Thần và tôi nằm ở một cái tiệm, hút thuốc phiện tay đôi, điệu chú điệu bác, để nghe Hà Nội ban đêm rỉ rên dưới trận mưa Ngâu không có hạn kỳ. Thần sung sướng như người vừa mới giành lại được quyền tự do.

- Nay mày, thỉnh thoảng được không có vợ lấy dăm ngày, thích ra phết.

Đêm hôm ấy, tôi mở mắt thao láo cả một đêm say thuốc để khai luận cùng Thần về sự ấm lạnh của con người ta trong tình đời, và để cùng nhau nói xấu dăm bảy người bạn thân vắng mặt.

Ngoài kê cửa sổ tiệm hút, ánh sáng bình minh đã rụt rè ngấp nghé, muốn vào mà hình như vẫn còn sợ cái ánh sáng đèn dầu lạc vốn không ưa gì mình. Tôi giục Thần:

- Ra tàu thì vừa đấy.

Thần miễn cưỡng, mặc quần áo ra đi. Còn thừa thời giờ, chúng tôi rẽ vào một tiệm bánh tây ăn sáng, dùng đồ điểm tâm, kê thì cốc sữa tươi, người thì miếng xúc xích. Nhìn cốc sữa, Thần ước:

- Tao muốn cho nó nhờ mẹ nó tàu đi.

Thế mà nhờ tàu thực, đúng như lời ước của bạn. Đến ga, tàu vừa ra khỏi đầu *ghi*. Thần vô tay:

- Tao nói có sai đâu !

Mấy người *bất-tê*, cũng như tôi, đều không hiểu tại sao lại có thứ hành khách đi trật lờ chuyển xe của mình mà lại còn vô tay mà cười một cách thống khoái được.

- Này mày, tao lại trở lại cái tiệm ấy ngủ vậy. Mưa lắm. Cũng chả đi đâu được, từ giờ cho đến trưa mới có chuyến khác về Thanh Hóa.

Gần trưa tôi trở lại tiệm rủ Thần đi ăn để rồi cùng ra ga với anh luôn thể. Thần đang ngủ, lòng trắng cặp mắt vẫn không nhắm hết. Trên khay đèn người ngủ, ba cái cối đồng đã vơi hết thuốc. Tôi đập mãi, lay mãi.

- Thôi, về ra đi lên hiệu làm gì. Bảo nó mua luôn cái gì về đây ăn quấy quá cho nó xong. Tao không thích ăn mây, như mày đã rõ.

Chiều tỉnh bạn, tôi và Thần đã ăn bữa cơm trưa có một bát canh *sường thóong* và bốn cái *lạp xường* để nguyên cả chiếc trên một cái mâm gỗ lồi có vế bầy ngay dưới chân bàn đèn. Ông chủ tiệm chen vào một câu:

- Ông xem, nội các tiệm hút Hà Nội, có nhà nào có những cái mâm gỗ tươm tất như thế để các ngài dùng lúc ăn uống chè chén.

Thần xì xụp húp canh, đỡ nhời:

- Đúng thế. Trông nó có phong thể lắm.

Và quay lại phía tôi:

- Này đi tàu trưa vất vả lắm, anh ạ. Mà cũng không lợi hơn được mấy thời giờ. Đằng nào thì cũng tối nay là mình có nhà. Để đi tàu 5 giờ chiều. Xe tốc hành nó chạy nhanh đỡ sốt ruột. Sáu mươi cây một giờ; chỉ đổ các ga chính thôi.

Ông chủ tiệm cũng kêu rằng như thế là phải lắm. Tôi không lấy làm phải lắm, vì tôi thấy phiền phiền trong bụng khi nghĩ đến lời gởi gắm của chị Thần. Nhưng cũng phải chịu và đợi anh Thần hút xong một cối thuốc tráng miệng bữa cơm nữa. Tôi diu anh về nhà tôi, với cái ý định từ phút này tôi phải cạnh anh ấy, như lính giữ tù và 5 giờ chiều sẽ "giải" anh ấy ra ga, cho con tàu đưa cái người bữa bãi, lếu lảo ấy trả về cho một gia đình có chiếc bàn thờ sắp đồ hương đèn...

Con tàu tốc hành *súp lè* rồi xịt khói, rồi quay vòng bánh. Thần cầm mũi soa vẩy tôi. Tôi thờ dãi nhìn một kẻ lữ hành cứ đứng rũ rượi tì mình vào đầu toa. Đi

là chết một phần... Tôi ở lại vui sướng, vì đã không phụ lời ký thác của chị Thần. Tôi đã trả lại anh ấy cho chị ấy, đúng lời hẹn, đúng ngày hẹn.

Bỗng hôm nay, có tiếng đàn bà gọi cửa dữ dội hơn lối gọi cửa của lũ phu đòi thùng ban đêm. Tôi đang xem sách bên cái khay đèn dầu lạc không có dọc, không có tiêm, không có móc, không có tẩu. Bực mình, tôi mở cửa với sự vùng vằng và... mặt tôi đã di sát vào mặt... mặt chị Thần. Tôi đổi giận, vui một cách vội vã:

- Chị ra sớm vậy ? Anh đâu ? Không cho các cháu lại luôn thể cho chúng kể chuyện ông nội ?

Chị Thần lặng im nhìn thấu đáy đồng tử tôi. Vụt một cái chị điểm ngón tay trỏ vào giữa trán tôi:

- Anh cũng là một người xấu. Nếu tôi không là một người có giáo dục thì tôi gọi anh là giống gì. Anh gọi Thần ra đây. Hắn làm tôi cực lòng lắm rồi.

Vợ Thần cứ nói, nói mãi bằng cái điệu ấy. Và tôi mặt cứ như chàm đỏ. Có ngọn đèn đường soi tỏ cái bề bàng của tôi. Thế ra Thần không về, vẫn không về. Thật tôi không hiểu.

- Anh phải mặc quần áo đi tìm nhà tôi ngay với tôi. Trời ơi trời, có ai mà chồng con như thế không.

Tôi phân trần hồi lâu, tả tỉ mỉ cả cái phút đưa anh ấy lên tàu:

- Tàu gần chạy, tôi còn bám lên bực lên xuống, đưa cho anh ấy lọ dầu Nhị thiên đường kia mà. Hay là có xảy ra chuyện gì trong khi đi đường chẳng ?

- Chuyện gì ? Tôi biết rồi. Ở ngoài này vui lắm. Tôi sẽ bắt được quả tang cho hần đừng chối nữa.

- Nhưng mà bây giờ tìm anh ấy ở đâu ?

- Nghe nói nhà tôi dạo này hay đi hút tiệm. Anh dẫn tôi đi. Anh nên thương tôi mà đưa tôi đi hết các tiệm, sao cũng thấy.

Tôi và chị Thần hai chiếc xe giờ, đi đã khắp xóm Hàng Buồm, Mã Mây, Sầm Công. Tôi cùng chị Thần, sau cùng đã dầm lên cầu thang cái tiệm hôm trước tôi đã nghỉ một đêm ở đấy với Thần.

Thì trời ôi! Thần đang mặc quần cụt, múa dục tấu, hát nghêu ngao ở đấy với hai người lạ mặt nữa. Đã giết người chưa! Nền si-moong cốt sắt sàn gác dưới chân tôi muốn sứt.

Hai vợ chồng Thần nhìn nhau cười. Chị ấy cười gần để soạn lời cho một trận lời đĩnh. Anh ấy cười để cho đỡ ngượng trong phút bất thành linh.

- Minh sướng nhỉ !

- Sớm mai tôi về mình ạ. Thế thiếu đồ nấu hay sao mà mợ lại ra?

- Mai mình về làm gì? Ở nhà đã hóa vàng rồi.

Chúng tôi là một bộ ba đi rời rạc trên vỉa hè, trong mỗi người có một thế giới tư tưởng đen ngòm. Mấy con nhà thổ khúc khích cười, khi hẳn nghe thấy chị Thân vừa đi qua, đang ray rứt chống:

- Tôi đã van kêu mình, muốn chơi gì thì chơi. Hát xướng, nhảy đầm, me Tây, tôi có dám nói gì đâu. Nhưng mình tha cho tôi, đừng có hút xách vào. Mình không về thì mình bảo trước, việc gì mà làm khổ tôi đến thế này, hả mình.

Tôi đang nghĩ nhiều lắm. Rồi tôi cũng hiểu nhiều lắm. Ra Lưu Thần nghiện rồi. Anh không dám về Thanh vì ở Thanh không có tiệm hút. Thần đã đi tới cái trình độ của thuốc phiện bỏ tù mình ở một chỗ nó làm cho người ta không dám đi xa nữa nếu bên cạnh không kẻ kẻ có đem theo một bộ đồ hút. Chả nhẽ về nhà mỗi lúc bày được cái bàn đèn ra cho cả nhà trông thấy sự vô phúc ấy hay sao ? Ra Thần đã đánh lừa tôi, cũng có lên tàu, nhưng đến Thượng Tín gì đó thì anh nhảy sang autorail lộn về Hà Nội.

Nếu chị Thân hiểu rõ người chồng mình đã bắt nhân tình nặng với nàng tiên Phù dung Nâu rồi thì chị cũng không nên trách anh ấy sao không về quê

vào kỳ giỗ. Bởi vì quê hương của anh ấy bây giờ là đây. Nghĩa là tiệm hút. Cái quê hương này vững bền lắm, khó mà bỏ được, trừ phi cho anh ấy thiết lập bàn thờ ngay ở nhà. Chị há chẳng thấy những người đàn bà khác, cũng xấu số như chị, phải nghiêng răng cười vợ lẽ cho chồng để cho người bạn trăm năm không xứng đáng ấy đỡ đi cô đào nhà hát ?

Ngọn đèn dầu lạc thấp ở nhà, dù sao cũng còn làm ấm được một khoảng giường.

III**ĐÁNH SÁI BẰNG NƯỚC MẮT**

(Kiểm duyệt bỏ)

IV

MỞ MỘT NGÔI HÀNG CƠM... ĐEN

Thật là ông Ba Quỳnh cố ý hại tôi hay sao mà, ông xộc ngay vào nhà cụ Cả Hàng Đào, chào hỏi tôi cứ ngầu cả lên. Ông Quỳnh cũng thừa hiểu nhà tôi không phải ở Hàng Đào. Cửa hiệu hàng tấm của cụ Cả, chỉ là một chỗ mà ông bà tôi hay đi lại để giữ mối hàng. Tôi tới đây, là lại để ăn giá tư hộ đấy thôi. Nhà tôi không phải, ông Quỳnh xông vào làm gì? Mà dù có thực là nhà của tôi ở, ở một cách biệt lập như những đứa con trai tự trọng phải lìa gia đình mỗi khi có vợ, ừ, mà có thể chẳng nữa thì ông Quỳnh dám vào nhà đột ngột như thế sao? À, ra quấy nhiễu thật.

- Này, tôi mời các ông các bà thử ngắm hộ tôi xem. Ông Quỳnh nhà tôi mặc một cái áo vải trắng dài cũ, thời gian đã bắt ngả màu khói gác bếp, chân đi một đôi giày Tàu đế cao su. Khăn xếp đội trên đầu mép đã lòi ruột con bấc trắng; chữ nhân xộc xệch và tụt mất một nửa, thành ra khăn đã hóa chữ nhất; và mấy

vành khăn bóng nhoáng như quệt mỡ, tìm mãi không thấy được lấy một hạt cát của thứ hàng lượt. Cái khăn ấy, ông Quynh nhả tôi chỉ cầm ở tay lấy điệu, chứ tôi chưa bao giờ thấy ông đội nó lên đầu. Dầu luy ấy à ? Tóc lông cò mái tóc gọng kính và tóc gáy cụp chân xoắn vào như tóc các nhà thầy xấu chân máu. Nước da thì bọt ra như sắc mặt một thằng chết đường bị sương móc làm nhọt bệch ra từ hôm trước, mắt trắng dã, môi thâm sì. Cái thứ môi thâm, dầy cặp nướng chả được, mỗi lúc cười huếch ra, lại để lộ ra ít cái răng đen hạt huyền mũi na; cái bựa răng ấy mà làm chất gấn chân muối Sài Gòn tàn diêm, thì có đốt chết cả một toán linh cũng còn thừa vô khối. Kinh nhất là cái hơi người ông ta. Khét lên let. Lại còn mùi thuốc sái nữa. Phải, cứ lướt qua người ông Ba Quynh là đủ biết ông ấy nghiện ngập. Khói ngọn đèn dầu lạc tẩm mãi cái áo của ông đến nỗi gọi áo là giẻ lau thì tủi cho ông quá, nhưng tưởng cũng không biết có danh từ nào đúng hơn được. Lại còn những cái móng tay thì là sự kiệt tác của bản thiù. Trong mười đầu móng để tang, cổ cây ra mà lại viên thành một cục lớn thì có nhẽ được đến mấy đồng cân câu ghét ba thứ rượu, sái, dầu hòa lại.

Đấy, một người như thế, đi qua Hàng Đào, thấy tôi ở trong nhà Cù Cả mà dám nhảy vào nói chuyện với tôi thì đã giết tôi hay chưa ? Thật sớm ngày chủ nhật,

đứng ở cửa Gó-Đa, bị một cô đào Ngã Tư Sở mặc áo cổ bánh bao bánh bẻ, nhoén miệng chào cũng không đến nỗi phải sượng mặt bằng. Lại còn thêm cái phiền này nữa. Xưa nay nhà Cụ Cả, vẫn ngờ tôi ăn thuốc và nghiện rồi. Tôi chối đây đẩy mà không ai tin. Bây giờ cái bố Quỳnh này vào đây là hại tôi cho chết rồi còn gì. Thứ người mặt bầm ra thuốc phiện được, đi ra đường nhà Doan trông thấy là phải bắt ngay, thì chối cái làm sao? Ờ, không là bạn nghiện thì sao tôi lại quen ông ta, chơi với ông ta để cho ông ta vào tận nhà đây mà chèo kéo hả ? Ông Quỳnh quả là người giết tôi không cần đến gươm đao.

Thế mà ông còn định gắn dít vào cái đôn sứ nhà Cụ Cả để uống cho tàn một ấm trà mạn ướp sen. Chắc là hôm qua hút nhiều, háo nên uống cứ chén tống một. Tôi đã vội lạy Cụ Cả xin về, kéo ông Quỳnh ra đường.

- Bác định làm cái điệu gì, mà tìm tôi ở đây. Phiền quá !

Ông Quỳnh dùm cả cái người bé nhỏ của ông lại, tỏ vẻ nhận lỗi đã làm một việc phương hại đến tôi.

- Tôi rất lấy làm hối hận. Tôi biết vào nói chuyện cùng ông anh ở đây là không nên. Nhưng giá xét lại được cho nhau một chút, thì tôi hút bữa thuốc trưa nay mới không đến nỗi nhạt phèo.

Tay ông vẫn cầm một chiếc dọc tẩu, cuốn vào trong tờ giấy nhật trình không phủ kín hết cái ống hút. Ông Quỳnh nhìn mãi mũi giày Tau và cái ngón chân cái giao chỉ đang chọc thủng giấy mình.

- Chắc là bác cần hỏi tôi điều gì khẩn cấp ? Cái số tiền của B. thiếu, tôi đã bảo hấn đưa lại ngay cho đủ để bác dùng rồi. Thế hấn vẫn tránh mặt à ?

- Không. Tôi nhận đủ đã lâu rồi. Tôi định nói với ông anh chuyện khác kia. Chuyện vui.

Ông Ba Quỳnh nhìn tôi, cười:

- Số là đàn em vừa mở một cái tiệm. Sạch sẽ lắm. Có công bên đi riêng. Đèn điện thấp cả đêm. Đèn xem sách cũng có. Ba thắng nhỏ. Năm giường rộng, không kể giường đóng thuốc và đánh sái của tôi.

- Thôi tôi cùng mừng cho bác.

- Để tôi nói nốt. Cái dọc hút toàn thuốc có bảy mẩu trúc Thất hiền quỳn, chữa bụng, bảo đặng, tôi cũng đã lấy được về rồi. Mặt tẩu có hai chiếc Tiên Tiên, một chiếc Thanh Thảo, một chiếc Vân Nam dáng nắm lục lăng và còn thì toàn tẩu Trúc Phong Thái Cổ, hút đến đâu đều tách sái đến đấy.

- Biết rồi. Khá lắm rồi. Nhưng mà để lúc khác hãy nói chuyện con cà con kê. Giờ tôi vội lắm. Ở đâu ?

- Xế cửa nhà bà Hai Quả Đào, ngõ Hàng Mắm ấy mà.

- Ngõ Hàng Mắm nào ? Bà Hai Quả Đào nào ?

- Tức là ngõ La Tật, đâm thẳng từ nhà Vạn Bảo ra phố Hàng Buồm.

- Thôi được. Tôi nhớ rồi.

- Nhưng mà bao giờ ông lại chơi ?

- Thì lúc nào rỗi rãi, tôi sẽ lại.

- Không được. Tôi muốn ông anh sốt sáng hơn kia!

Vẫn giữa cái phố Hàng Đào buôn bán to, rất nhiều người lịch sự qua lại như nước chảy hai dòng xuôi ngược, vẫn giữa cái phố Hàng Đào rất “nhì mục quan chiêm” ông Ba Quỳnh, một tay hoa mai cái dọc tẩu đã tòi hẳn ra ngoài giấy nhật trình, một tay nắm lấy cổ áo tôi và lè nhè:

- Ngày mai, tiệm của đàn em làm lễ khai đăng đây ông anh ạ. Xin ông anh nhận lời tới cho, châm hộ cho đệ một ngọn đèn cho nó đỡ bắc thì quý hóa lắm. Cái vía ông anh đệ vẫn biết lành lắm.

Tôi ừ ừ à à cho xong. Giả vờ đứng dính mũi vào tủ kính đợi cho ông Quỳnh rẽ khuất đi rồi mới tiến bước. Nghĩ đến lời chào mời ân cần của một ông chủ một tiệm thuốc khai trương, tôi nhớ đến hồi mười năm

về trước đây, những chủ nhà hát ả đào, vào những ngày tất niên, cầm đến nhà khách quen những hộp mặt kính đựng thuốc lá guôn có đỉnh nhân con bướm trang kim và nhí nhoe: “Thế nào, mừng một anh cũng xuống mở quả nút để cho các di nó mừng tuổi và để em hát một câu chúc thọ nhá !”. Rồi tôi lại nghĩ đến chuyện người ta lựa chọn những người quen có vía lành tốt, dặn sẵn trong năm, để ngày tết Nguyên đán đến xông đất cho cả nhà người ta được vạn sự như ý.

Ông Ba Quỳnh nhìn tôi cười.

Ông Ba Quỳnh bảo tôi có cái vía lành.

Biết thế nào là lành ? Vì tôi có một cái vía lành, ông Ba Quỳnh cậy tôi đến tiệm ông, thắp một ngọn đèn dầu lạc, cho nó đỏ ngọn vào một ngày khai trương hồng phát. Trời ơi, thế ra ngẫm cho kỹ, cái giá người tôi cũng chỉ là giá trị một người cô đào rượu được nhà chủ và chị em bầu lên để cáng lấy việc mỗi khi nhà có khách uống rượu phải bày ra lên chiếu, cái mâm ví gỗ mà thôi. Người cô đào rượu lành tính, mát tay, người ta giao phó cho việc mở nút chai rượu ty, đổ nó vào bát ô tô, lau mười cái thìa sứ, mời mọc quan viên vào tiệc, bởi vì thói mê tín trong giáo phường đã chứng tỏ khi nào cứ đến đào nương ấy dọn rượu thì không có ai mưa, chửi rửa người nhà, đập phá đồ vật

và người. Nhờ đến tôi châm một con bấc dầu lạc khánh thành cái tiệm hút của ông, ông Ba Quỳnh muốn nhờ cái vĩa của tôi để tránh cho mai sau những trường hợp hút chịu quyit tiền sổ và mất mát diện tấu và dọc móc chẳng ?

Tôi buồn buồn, tủi tủi với những ý nghĩ vừa qua. Thi, vẫn còn lẩn lút ở phố này làm gì nữa, ông Ba Quỳnh ở đâu lại chạy lại. Gì thế kia nữa? Lại còn gửi gắm gì nữa hở ! Ông Ba Quỳnh thở hồng hộc móc túi áo vạt con, đưa cho tôi đến mười tám các.

- Suýt nữa quên không đưa ông anh ít tám các này. Đây là những tám các mời khách; ông anh gặp các bạn hữu hay chơi, thỉnh thoảng thích dùng một vài điều lúc từa hậu trà dư, xin ông anh trao hộ cho và nói thêm vào cho vài lời giới thiệu. Họ đến càng đông tôi càng có phận nhờ. Đa đa ích thiện.

Ông cười như một người ngâm ngải vào rừng tìm kỳ, lúc quá ngày quên đường về, hóa diên xé quần áo và cười nhảy như người rừng giữa sơn cước. Tôi cầm một tám các, đọc. Đây là tám bia dầy, có đánh máy chữ:

NGUYỄN VĂN QUYNH

Salon de thé
dầu vẹo phố La Tật và Ngõ Gạch
HANOI

Tôi đã tìm những bạn đồng nghiệp cầm bút và đánh tiếng hộ cho ông Ba Quỳnh. Nhìn đến cái địa chỉ là ngõ Hàng Măn, nhiều ông bạn phóng viên, thuộc các phường, các phố Hà Nội như là rõ mười ngón tay của mình, đã bấu môi:

- Thế là cái tiệm thuốc mới này ở xế cửa một nhà thổ có số hiệu đỏ của nhà nước. Ổn lắm đấy mày ạ. Rồi mỗi lúc đi qua, tha hồ mà đụng chạm với các... đi du côn cầm giấy. Chả chơi. Thiếu gì chỗ khác.

Tôi vội nói vun vào:

- Lão Ba Quỳnh thú vị lắm. Truyện cổ tích của Hà Nội, lão biết cứ vanh vách. Lão là một tập ký ức sống của Hà Nội từ 1890 trở về đây. Tha hồ mà hỏi tài liệu.

(Kiểm duyệt bỏ)

Còn tiệm,... cũng dọn tạm ở đấy thôi. Tôi sẽ bảo hấn tìm nhà khác.

Đêm hôm ấy, tôi đã tìm đến ông Ba Quỳnh đúng lời hẹn, để khánh thành cái tiệm thuốc mới ra mắt với người đời - đời ghiền. Chủ nhân, chừng như chờ đợi tôi lắm, đã khăn lượt áo thâm, đứng chờ ở cầu thang

gác, lấy cả hai bàn tay xóc đen những cái, nắm lấy cổ tay áo rất sạch, trắng của tôi rung lắc mãi. Tôi vênh cái mặt hốc hác của tôi lên,...

Ông Ba Quỳnh quát bồi tiệm dọn cho tôi một cái giường ở chỗ góc là chỗ mát mẻ, rộng rãi nhất. Ba tên bồi chạy cứ tiu cả lên, va đụng vào nhau đến vấp, suýt đổ cả bình phong. Tôi móc bao diêm, trình trọng quẹt một que lửa, di vào bác cổ đèn nơi chụp, nửa trong nửa mờ có bốn chữ lệ: *Lưu hương biệt thụ*. Phía giường đối diện, là một bà... không ra trẻ và cũng không ra già, nằm vắt chân lên nhau xiêm áo xô xéch hết. Ông Ba Quỳnh ghé vào mạn thành bọc hút sơn son có hàng con triện hồi văn thiếp vàng. Có lẽ cái bà... kia và tôi là hai thượng khách của ông Ba Quỳnh bởi vì trong số năm cái bọc hút, chỉ có hai chiếc là sơn son thiếp vàng. Bà... một; tôi một. Tôi lừ mắt, liếc sang phía sập sơn bà... và ngắc đầu có ý hỏi chủ nhân xem "nàng" là ai. Ông Ba Quỳnh tùm tùm ghé mồm vào tai tôi:

Suyt! Bạ hàng cũ

(Kiểm duyệt bỏ)

.....chưa đăng ai cả. Bà ta hút số. Tôi vừa mở một cái compte cho bà ta đấy. Tên ấy à! Người ta thường gọi là cô Phin.

Ông Ba Quynh đổi giọng, gọi bồi, nghe oai và sang lạ:

- Ấy ơi, có đứa nào hầu ở ngoài ấy không ?

Hai tên bồi trông linh lợi - linh lợi như những đứa có cái chất ăn cắp và xô vật và ma cô ở trong người chạy đến rất nhanh, như vô lấy chủ hần đang thông điệp thuốc lão.

- À, chúng mày mang ấm chén con lại đây, tao pha trà Tàu ông Tham xơi. Và từ rày về sau, khi nào ông Tham đây tới chơi, thằng Năm phải hầu thuốc nghe! Quan bác ung cái thằng Năm này chứ ? Hần sạch và cần thận.

Vậy là khi không, tôi được cái hàm Tham biện tuy ông Ba Quynh cũng thừa hiểu không bao giờ tôi làm việc nhà nước. Và tôi có riêng một thằng Năm sạch sẽ hầu tôi mỗi khi tôi tới đây hút thuốc. Tôi sung sướng; người ta khi được biệt đãi như thế ở tiệm, cũng là một điều nên ngẫm nghĩ.

Tôi hút hai điếu. Ông Ba Quynh hút một rồi xin đứng dậy, trông nom hàng trong ngày mở cửa đón

khách. Tôi vội níu ông lại, đi vào tay ông một cặp giấy và hỏi:

- Cái này bác xem xem nó như thế nào ?

Đây là những ảnh...

(Kiểm duyệt bỏ)

vừa in toàn đen vừa in các màu xanh đỏ, mà tôi đã xé được ở các tạp chí Sex - appeal, Lire à deux, Paris - magazine. Sự bài trí trong phòng một hiệu cắt tóc, cạo râu rất trắng lẹ kia, hôm vừa rồi đã gợi cho tôi cái ý muốn làm quà cho ông Ba Quynh những ảnh này để ông làm sous-verre. Ông Ba Quynh mừng quýnh:

- Quan bác chu đáo quá. Ra người chơi rộng có khác. Nghĩ hộ cả cho đàn em đến những cái này, thì quý hóa quá. Đệ đã nghĩ đến ảnh này mà chưa biết xoay vào đâu. Thật là may quá. Những cửa này mà lỏng kính, treo lên đầu các giường mỗi giường độ hai tấm, hút thuốc say rồi mà mơ mộng, thì có mà chết ngất cả. Tha hồ mà say !

Tôi cười khi khi để chủ nhân nghĩ thêm ra được một vài thứ cần dùng nữa trong cái cửa hàng chưa được đầy đủ về một vài mặt.

- Nay, ông anh kiếm cho đệ một ít chuyện kiếm hiệp nữa. Độ đâm pho “Quái kiệt” “Dao bay” “Đảng hủ hồn kiếm sĩ” hay là cái quái gì gần như thế. Những thứ tên truyện ấy, nhớ thế nào cho rõ, cho hết được. Và ít tạp chí cũ có ảnh. Những thứ nào đăng tòa báo loại bỏ đi ấy mà. Cứ vớt đến đây cho khách hàng của đệ nghiền ngẫm những lúc no say và còn muốn nằm mãi để giết thời giờ.

- Nói đến giết thời giờ thì còn ai bền và kéo dài bằng dân *ken cờ*. Nay ông Ba, ngộ như tiệm ta chỉ có năm giường, lúc có thêm khách tiến vào đông mà vẫn có những bố không biết thương người, nằm ám quẻ mãi?

- Muốn giữ khách lại thì mới khó, chứ muốn đuổi thì dễ lắm. Lấy dọc đi, đổi đèn xâu vào đèn đang sáng, lấy kéo, hoặc là mượn cái gối. A, hãy nói đến thí dụ này. Không có gối, ông nằm mãi chẳng ?

Hà, hà.

Năm giường hút, giờ đều có khách cả. Ở mỗi giường, chủ nhân đều sà xuống ngồi đưa đẩy vài câu chuyện kết giao. Một giường đã xong, khách hàng lúc trả tiền, nói cười là lời:

- Chả nhẽ, mới mở hàng lại đi hút chiu. Được rồi để tôi đánh tiếng cho, còn chỗ lè ông cho hộ cậu bồi.

Ông Ba Quỳnh lại đưa cho khách đến mười tám danh thiếp có chữ *Salon de thé* thay vào cái dòng chữ in nói về nghề nghiệp đứng dưới tên tuổi một nơi lá thiếp danh.

- Không đưa nào cầm đèn để ông xuống cầu thang à. Nhà này phải cái cầu thang dốc quá và tối quá.

Ông Ba Quỳnh quên nói rằng cầu thang hơi tối quá, ướt át quá nữa. Vì ban này, lúc tôi vội vã lên, tôi đã dẫm phải một viên gạch long đường vôi miết, nước phọt vào thấu háng và dẫm cả đống quần và cái ống máng gạch ở phía trên cửa cầu thang, đã vỡ, rỉ mấy giọt nước đặc vào đầu tôi. Tôi sờ tay lên đầu, dí tay vào mũi, có mùi thum thum như nước gạo và nhầy nhầy như mỡ chày nước rửa bát mùa đông tháng giá.

Đồng hồ mới điểm có chín giờ tối. Trái với lệ thường, tôi đã muốn về. Vì cái đầu tôi ngứa ngáy vô cùng. Mấy giọt nước máng cống rỏ vào khi nãy, giục tôi nên đi ngay để tìm ngay một tiệm hớt tóc. Quá chín giờ, sợ các hiệu đóng cửa hết, thì tôi mang cái đầu bưng của tôi, biết nhờ cậy ai tẩy uế hộ nó cho để mà đêm nay ngủ cho êm thắm được. Suy một cái bực mình lần quất trong chùm tóc trên đầu tôi, một buổi khánh thành tiệm hút ông Ba Quỳnh.

(Kiểm duyệt bỏ)

Trước khi chào chủ nhân ra về, tôi còn ngồi bên cái giường đánh sái của ông Ba hỏi ông ít tiểu tiết về nghề nghiệp. Cái giường này thực là một tổng hành doanh của một đại tướng. Cái giá gác đến gần chục cái dọc tầu, y như một cái giá gác của các thứ kiếm và súng, cờ lệnh, cờ tuyết mao. Dọc tầu đủ loài sẽ tổng cùn, trúc huyền, đôi mối, đồng lương đoạn, cái thư, cái hùng, lại còn một cái dọc bằng gỗ cây ốt để riêng cho những người có chứng đau bụng kinh niên dùng nữa. Cối đồng đồng thuốc để ở khay đèn trung ương xếp thành hàng dài, bên một cái bàn toán, con toán bằng hạt cườm cườm, mỗi lúc có ai gọi lấy thêm một cối thì chủ nhân lại lấy mũi tiêm gạt hạt cườm cườm kêu đánh tách một cái. Một vị Nguyên soái, trong bộ Tham mưu, mỗi lúc dò sự tiến quân, mỗi lúc cầm một lá cờ con lên chiến tuyến hành quân ở bức họa đồ nhà binh, tướng cũng không nghiêm trọng bằng. Bên ánh ngọn đèn xanh, ông Ba truyền lệnh cho bồi đánh những con sái nạm thêu dài bằng sợi rau muống cạn. Ở trên cái giường chủ tiệm này, ở trên trần có một cái lọng rủ quả bông đủ năm màu. Chỉ còn thiếu có cây phát trần và vài chiếc quạt và nữa,

thì cái khu giường ông Ba Quynh sẽ biến thành chỗ ngồi của một ông Đại thần cáo lão.

- Này, thế bác nộp thuế nhà nước với nhà Đoàn như thế nào?

- A, hai mươi hai đồng năm hào, Salon de thé hạng tư. Năm giường. Tức là có năm mâm hút. Trước kia thì có mười sáu đồng mấy hào thôi. Người ta cứ trông số khay đèn mà đánh thuế. Khai man thế nào được.

(Kiểm duyệt bỏ)

- Thế hạng nhất thì mấy chục ?

- Chá rõ. Nhưng đánh vào loại hạng nhất thì như là tiệm mù... phố B. N. ấy. Và Salon de thé vào loại hạng nhì thì như là nhà bà đốc Tr. ấy. To tiền lắm.

- Ngoài khoản này, thường còn phải những cái gì khác nữa cho sự duy trì của tiệm?

- Không nói đến khoản thuốc phải có sẵn lấy ở sở Đoàn hoặc ở cờ bài, tôi phải lo cả đến đóm, đến cái đám than đun nước uống. Than luyện mỗi ngày đốt tới 200 hòn. Cứ sáu xu một trăm viên. Mình giữ được khách không những chỉ ở chỗ dọn tốt, nấu tốt, đèn tốt,

thuốc không pha, đông đủ, bồi hân cẩn thận, mà lại còn ở chỗ cái ấm nước trà hạt nọ cho ngon, lúc nào cũng nóng cháy cổ. À, nhân nói đến pha trà hạt nọ, tôi phải nhắc đến cái dân Hàng Bạc mới được. Thế gian chưa có ai pha trà hạt nọ giỏi, ngon và bền trà bằng dân Châu Khê - người Hàng Bạc vốn là dân Châu Khê đến ngụ vì lập nghiệp ở Hàng Bạc. Tôi tưởng chỉ có sái thuốc là có bao thôi. Té ra lại có cả bã trà bao nữa. Vẫn giữ bã cũ pha cho khách uống, không chịu thay ấm khác, nhưng cho thêm một dùm trà mới vào cho nó có tí tị hương. Thế gọi là trà bao. Nhưng bao khéo thì trà vẫn không có mùi nồng. Ông thử uống chén này xem. Nào trà nguyên ấm hay là trà bao nào! Hề, hề! Lại còn đóm ăn thuốc lão nữa. Cứ cái thứ đóm Bồ Đề của nhà máy Diêm nó loại ra mà mua lại là thú hơn hết. Gỗ Bồ Đề lấy ở các rừng Tuyên Quang, Thái Nguyên về, nó ngâm ở hồ ao vùng huyện Thanh Trì ấy chứ đâu nữa. Sao mà hay hỏi kỳ thế? Định cũng mở tiệm để cướp khách của đàn em này hay sao đấy?

Tôi và ông Ba Quỳnh cười, chúc nhau một đêm tốt và từ giã nhau trong cái hơi thần khí của mấy chục viên than luyện đang cháy và hình hai cái ấm đồng nước sôi to gần bằng cái ấm đồng chế nước trà ở hiệu cao lâu Đông Hưng Viên, trong cái làn khói hỏa mù của tiệm đã đông người nằm, vào một ngày khai trương hồng phát.

V

MỘT ÔNG ẤM CUỐI MÙA

Tôi phải nói ngay rằng ông Ấm X. là người nghiện thuốc phiện phong lưu nhất trong cái số bạn nghiện tôi được biết từ trước tới giờ, nghĩa là trước mười năm nay, từ cái ngày tôi còn là một gã thư sinh mặt trắng, ngậm lấy dọc tẩu lần đầu tiên hút một điếu thuốc để cho thuốc tắc tị sùi cháy trên ngọn đèn không lệch, để thổi một cách vụng về cho tắt luôn ngọn đèn, để người tiêm thuốc trúng mắt lên máng yêu tôi là một tên chạy lệch trong việc hút. Lẽ cố nhiên !

Ông Ấm X. là cái còn sót lại của một cái gì sắp hết nhãn. Giữa thời đại mới, ông là một thứ người cũ. Ông lạc loài vào giữa phong hội mới để làm một người đại biểu xoàng xĩnh cho cái thế hệ đã sắp chấm dứt hết. Thấy ông sống chúng ta lại liên tưởng đến những ông ký lục già, những ông tú tài các khoa cuối cùng được cái bổ vào ngạch tòa sứ Trung Bắc lương kỳ, mà

ngày nay còn lại được vị nào là nhà nước Bảo hộ dùng cho hết thời chứ không có lấy thêm nữa.

Không rõ ông Ấm X. hút điều thuốc thứ nhất vào thời kỳ nào, bởi duyên cớ gì (ai hút thuốc, điều thuốc trước tiên mà chẳng có duyên cớ ?), nhưng từ khi tôi được ông Ấm nhận cho vào trong sự thân mật giao tình, tôi đã thấy ông hút dữ dội như một người mại bản Khách. Tôi còn nhớ, lần đầu tiên tới chơi ông, tôi mê truyện cổ tích của ông, nằm chơi đến sáng giường chiếu nhà ông liền ba đêm hai ngày, lúc ra về cái áo trắng dài cổ đứng hồ cứng của tôi đã thành ra nhuộm vàng. Khói thuốc trong phòng hút của ông Ấm, đầy đặc có như sương khi núi các vùng thung lũng tại Mán Mường.

Trong mấy năm đi lại với ông, chưa bao giờ tôi thấy cái công sừng đựng thuốc của ông phải vơi. Bên cái khay đèn có thành có quách, có văn kỷ lấp kính mờ khảm lan cúc trúc mai phủ kín bàn đèn như một cái lồng bàn đặc, Mỗi khi xong bữa thuốc bao giờ ở chân giường cũng có những thực phẩm tẩm bổ, mùa nào thức ấy. Ông hút xong bữa thuốc, cẩn thận lấy bấy lên văn kỷ những bát đĩa nhỏ nhắn như đồ sứ trong nội, bảo tôi cùng chia ăn với ông:

- Ra cậu cũng tốt lộc. Hôm nào cũng gặp chân vị. Chúng ta cùng là một dòng mạch phong lưu. Chén đi.

Câu nói này về sau ông Ấm X. phải bỏ hẳn mỗi lúc mời tôi cùng nếm những món ăn bổ âm hoặc mặn hoặc ngọt. Chừng như ông đã nhận thấy nó là sáo ngữ. Bởi vì lúc nào, ngày nào cạnh bàn đèn nhà ông cũng có sẵn những món ăn ngon và câu kỳ. Nếu không là một bát yến hấp đường phèn, một chén chè cùi nhân lỏng lấy sen làm hột, thì là một con gà ác đem tần với ý dĩ trắng, một liên bóng sống thả mười quả trứng gà lộn gấc thành hình chim con v. v... Có lẽ cái người vô danh thị kia đã được ở gần ông Ấm X. rồi sau đó mới làm ra bài phú thuốc phiện, có những câu:

*Mùng xuyên lỗ, rèm thêu tam hựu, nệm kim quy,
chăn cù, gối xếp, làng xa mã nghênh ngang;*

*Xe cam lộ, tàu dáng lục lăng, bàn tê giác, tiêm bạc,
móc thần, khách tài tình nghiêng ngửa;*

Đèn pha lê miếng trám miếng huỳnh,

Khay vân mẫu nhất thi nhất họa.

*Năm canh những Bạch thơm Cống nặng, tương
đến câu vưu vật dị nhân;*

*Bốn mùa đều gió mát trăng thanh, sao bằng cảnh
dương xuân triệu ngâ.*

Ngon đèn thay nhật nguyệt hai vừng,

Chiếc điều hợp long vân mọi vẻ.

*Giải khát sẵn đường phèn đường phổi, trà ô long
hương mộc thanh kỳ,*

*Nhuận trường có bánh ngọt bánh bùi, cháo yến
huyết bột đao mát mẻ.*

Lúc phong lưu nghĩ cũng nên đời;

....

Tả đến hình dáng, mặt mũi người nghiện ngập,
người ta thường nói độc, nói mất:

- Thằng ấy, trông ảnh cũng biết là nghiện.
- Mặt ông ấy, bầm cứ vọt thuốc ra từng tia một.
- Trông thấy hần, là Nhà Đoàn bắt ngay búng ra
sái được.
- Mặt với mũi gì mà gác được cả diện tấu lên!

Ông Ấm X. sống để hút và hút để cải chính những
lời chỉ tên điểm mặt ông một cách dè bieu kia. Mặt ông
hồng hào, môi ông đỏ, răng trắng, mắt sáng, móng tay
không để tang. Thật là mặt một ông Ấm phong lưu.

Nhiều hôm say sưa cao hứng, ông gọi người nhà
quạt than cho hồng để gây một đỉnh trầm. Đã thú
chưa! Khôi trầm, khôi thuốc kín phòng, cứ đùn đùn
lên, muối cứ rầu cả cánh lại mà rơi rụng xuống như
bụi tàn vàng hóa. Ông Ấm X. chỉ hai lần khôi thơm
giao nhau trên sập hút:

- Tôi nghiệm ra người Tây Phương không biết cái thú chơi khó. Cậu chịu khó đứng dậy ra chỗ cầu chì ở góc kia, bật cái ngọn đèn điện lên cho nó có vẻ Tết một tí, ở ngoài, hình như trời vẫn mưa phải không? Tôi bây giờ không phải là tạ khách, đoạn tuyệt hết với bạn bè cũ. Nhưng đi ra ngoài, tôi ngại lắm. Cóng thuốc thì đầy, chặn len thì âm, trừ phi có giặc đến thì không kể, chứ phải tội vạ gì mà đi đâu.

Thế rồi ông nằm xem truyện *Liêu Trai* chữ nho.

Say thuốc rồi mà xem *Liêu Trai* thì nhất. Đáng tiếc cho những người có chữ Hán, biết thưởng thức Bồ Tùng Linh mà không biết chơi a phiến.

Thế rồi hết *Liêu Trai*, ông lại đọc *Tam Quốc* nguyên văn.

- Xem *Tam Quốc* chữ Hán thú vị lắm. Các cậu ít chữ Hán, cứ phải đọc văn dịch, không thể lĩnh hội được hết cái hay. Cái lão Nghiêm Xuân Lâm dịch *Tam Quốc* lão quá. Có cái bản dịch của ông Phan Kế Bính, xem còn đỡ đỡ.

Ông Ấm X. thích nhất cái đoạn Nễ Hành cời trướng đánh trống, mắng Tào Tháo giữa bàn tiệc. Tôi tò ý thích nhất chỗ Hạ Hầu Đôn rút mũi tên ra khỏi mắt, nuốt luôn con người với câu: "Tinh cha huyết mẹ không nên bỏ". Chúng tôi cười hể hể, để ông Ấm X. ngâm sang bài *Phú Á Phiến*:

Sắc vàng tơ nhô vện lưng ong chạy tầu, ấy chính
danh là Bạch là Cống;

Minh mỏng bọt to, sùi mặt quỷ sa đèn, ấy là cửa
trên Ngâu trên Tụ.

Tính nguyên thăng tán, trừ phong hàn quyết giặt
giải hiên kỳ;

Vị hữu thanh lương, ôn tì vị ắt cướp công quy phụ.

Kìa những kẻ buôn hương bán phấn, nhớ ôn hương
mà dụ khách phồn hoa.

Bao nhiêu người kế lợi thương công, mượn tình
thúc để tiện khi tính số;

Chốn quyền môn quý khách càng chen,

Đoàn vũ nữ ca nhi cùng mộ.

Cũng có kẻ giận công danh trắc trở, bạn cùng
người cho khuây nợ tang bồng,

Lại có người buồn quê quán xa xôi, chơi cùng người
cho khuây niềm vãn thụ.

Đọc xong câu phú này, tôi nhận thấy ông Ấm X.
thoáng có ý buồn.

Thường nhiều bữa thuốc đang vui đang ngon chả
có ai làm cho thất trực tí gì cả, ông Ấm lại có những
phút buồn xa xôi như thế. Vào những giây phút này,

có nhiều hôm ông đã nói xấu vợ ông và lại có ý lấy tôi ra làm người làm chứng cho cuộc đời của ông.

- Tôi lấy nhà tôi cũng là một sự cực chẳng đã. Một người như tôi, chẳng gì cũng là con nhà quan. Một nhà quan lớp trước. Nếu không vì thuốc phiện bắt buộc, còn xơi tôi mới hạ mình đánh bạn chung thân với những thứ người đàn bà làm nghề cô đỡ.

Mà sao lại quái thế. Đã có can đảm làm nghề cô đỡ, làm sao lại không dám yêu cái nghề của mình, làm sao lại còn sợ bóng sợ gió những lời tiếng của luân lý cũ, làm sao lại còn dựa vào thân một ông Ấm sứt như tôi để mua chuộc lại với Dư luận. Tôi vẫn là một ông Ấm hiền lành; vợ tôi là một con Sa-dờ-phẩm. Mặc dầu chúng tôi lấy nhau có cưới xin và nộp cheo ở làng.

Tôi biết nói cái gì vào lúc ông Ấm X. đã nói xấu vợ ông xong rồi ? Tôi rụt rè:

- Thưa ông, tôi tưởng việc vợ chồng nó cũng là duyên số cả.

- Cậu nói chuyện hay nhỉ! Thế nghĩa là việc hôn nhân có như là đánh một tiếng bạc liêu. Tôi đã đem giá một gia đình cũ ra mà đánh? Tôi thua. Nhưng nghĩ rằng vợ tôi đã chính thức đem tôi ra làm bung xung Dư luận, tôi, tôi tội gì mà không đòi lại những quyền lợi đem lại bởi một cái trách nhiệm. Cái trách nhiệm của ông ông Ấm có một người vợ mở một hộ

sinh viên. Hóa cho nên tôi bắt vợ tôi phải trả chỗ đó cho tôi bằng sự thả cửa hút thuốc thừa thải và ăn uống vô chừng mực. Công việc vợ tôi, tôi không biết đến. Cũng như bạn của tôi lại đây, tôi không bắt vợ tôi phải chào hỏi. Lúc nào thiếu thuốc, thiếu dầu, tôi có quyền to tiếng. Nếu vợ tôi còn cần đến cái giá của tôi để phủ lên cái giá của một nữ khán hộ sinh như một nước sơn danh giá, thì tôi vẫn còn có quyền thấp đèn của vợ tôi, hút thuốc của vợ tôi. Sự chung chạ của tôi là thế.

Trời ôi, nào tôi có biết. Tôi không ngờ một ông Ấm X. đọc toàn sách cũ, mà lúc phải xử cảnh nghịch, lại có những ý tưởng thực hành bạo và thật như lối người Âu Mỹ trong quan niệm về đời vật chất. Và ra cái ông Ấm X. này hút thuốc phiện bằng những tiếng khóc của đám trẻ con trong cái nhà dờ dề này ở phố K.T. Và tôi, những lúc lại thăm ông Ấm, đi qua một cái thang gác có bông, có băng, những lúc phùng trường tắc hí hút với ông X., vì một lần khỏi thuốc mà tôi cũng có dính líu đến lũ hải nhi kế tiếp nhau đến mà khóc cái tiếng khóc đầu tiên ở hộ sinh viện này. Và ra người ta lấy nhau, lắm lúc cũng chỉ là một cuộc đi buôn chung mà hai bên đều có lợi. Và những lúc ngồi chễm chệ trên xe, nhà có chuông bấm, bà Nguyễn Thị B. vợ ông Ấm X. đi mua thuốc ty hàng mấy chục hộp một, mua thẳng của nhà Đoan có trừ hoa hồng, mỗi

khi tiện đường đi mua bông băng, thuốc tím ở nhà bào chế, những lúc sắm thuốc phiện cho chồng như thế, là bà đã tỏ ra là người buôn bán thực thà, còn nhớ chia lãi cho một người có cổ phần với mình.

Một đêm xuân vừa rồi, ông Ấm X. đốt rất nhiều trầm, vẫn trong cái gác nhà họ sinh của người vợ bất đắc dĩ của ông. Hoa thủy tiên nở mãn khai, chèo mạn sen đượm hương, hơi trầm ngát bốc ngùn ngụt từ trong ruột đỉnh. À, nói đến cái đỉnh của ông Ấm X. làm bằng vỏ đồng những hộp thuốc ty của ông Ấm hút từ trước. Cái công sưu tầm và cái tiền mua thuốc hộp, kể cũng đã là nhiều. Ở vai đỉnh có bốn chữ triện. Trông cái đỉnh cổ kính và trang nghiêm lắm. Tôi không đọc nổi bốn chữ triện, nhờ chủ nhân đọc hộ.

- *Phi yến thu lâm!* Đến những nhà nho khá, cũng không đọc được, nữa là cậu.

- Sao lại "*Phi yến thu lâm*" ở một cái đỉnh? Ngụ ý gì? Diễn tích gì? Ông giảng cho

Ông Ấm X. cười một cách tinh quái:

- Chả có diễn cố gì cả. Cậu đọc bốn chữ *phi yến thu lâm* cho thực nhanh, xem nó thành ra câu gì.

Tôi chưa hiểu ý chủ nhân. Nhưng cũng cứ lắp bắp trong mồm, đọc bốn chữ *phi yến thu lâm* nhận thấy

thanh âm lúc nhanh và lơ lơ biến thành câu *Phiện thú lẩm*. Tôi phát âm to lên, chủ nhân cả cười.

- Phiện thú lẩm. Nghĩa là thế, chứ còn ngụ ý và điển tích gì nữa.

Chuyện đang vui, mùi trầm đang ngát, hương trà và hương thủy tiên đang bốc thì tự nhiên ông Ấm X. hét rầm người nhà lên:

- Đưa nào vào mà không đóng cái cửa cầu thang lại. Có đưa nào đấy không? Bảo mãi.

Một tiếng đóng cửa kêu rầm, làm tắt luôn cả tiếng một đứa trẻ con đang chào đời ở một gian phòng nhà dưới. Tôi cũng vừa thoáng nghĩ thấy mùi *lô-bích-kê* và mùi thuốc vàng thì ông Ấm mặt còn cau có nói luôn:

- Thủy tiên, hương chè sen và trầm mà lẫn với thuốc vàng và mùi *kê-din* thì có giết người không? Gớm sao cái mùi nó mạnh thế. Cái cảnh tôi, nó có những cái khổ như thế luôn luôn. Cảnh khổ gây nên, bởi mùi thuốc nhà họ sinh chừng đã qua, ông Ấm lại kể tiếp đến những phong vị dễ chịu của người hút thuốc phong lưu. Rồi ông cho tôi xem cái mặt tấu Thanh Thảo, rất tách sái, rất đắt tiền, rất mát, hút không nóng.

- Gia vô Thanh Thảo tấu, bắt thị thực yên nhân, câu a.

Rồi ông cho tôi xem một cái hộp quả trám chạm thủng, chạm một cái thuyền có cửa sổ khoang thuyền mở ra mở vào được. Cái cửa thần tình, cái tác phẩm tiểu xảo ấy của một chú Khách đem từ Hồng Kông sang bán cho ông.

Rồi ông còn lấy một tấm kính hiển vi bắt tôi soi vào một mũi tiêm, thân tiêm có chạm chìm hai dòng thơ Đường thi, nét chữ chạm không nhòe, không mất lấy một cái chấm thủy, một nét móc.

VI

TIỆM THUỐC VĂN CHƯƠNG

Cái truyện ngắn “Gió hồ” của bạn Đình viết khéo quá. Anh Đình nói chuyện gió heo may xô đuổi bèo Nhật Bản trên Hồ Tây. Trên mười hai trang giấy bản thảo, chỉ có một luồng gió của mùa thu già. Thịnh thoảng, cảnh điểm thêm vào một con chim bói cá, một đàn sâm cầm hoặc đám bầy chiếc nhạn nâu chập chờn trên nước hồ gợn đuổi bắt mấy con vờ vờ. Anh có cho chen vào một câu văn gợi cảm của Paul Valéry “Gió đã lên. Phải cố mà sống”. Truyện viết không có gì cả. Chỉ có gió và gió. Gió chạy trên cuộc sống nhạt nhạt; gió tạt vào lòng một vài cái số phận đã bã ra và còn mãi mãi bẽ bàng với cái tung bùng của một số người nhận đời là một bữa tiệc lớn mà họ không đến nổi phải gậm có xương thôi như những người khác bị đến chậm. Truyện viết chỉ có một người chủ động. Người ấy có lẽ là tác giả. Tác giả và cảm giác của tác giả trước đợt gió vì vù trên nước hồ. Trừ một số tri thức

có óc phê bình tinh vi, độc giả đọc truyện “Gió hồ” kêu cứ um cả lên. Tôi liên tưởng nghĩ đến cái lối hành văn của Marcel Proust mà lại muốn cười. Trong tập “Đi tìm Thời gian lãng phí”, Proust đã dành 20 trang liên tiếp chữ cỡ 8 để tả một người cựa mình, vật mình trên giường. Những vị độc giả thích những truyện có nhảy ngựa, bắn súng, lửa cháy đỏ cả tiểu thuyết, từ đầu đến cuối, hoặc người trong truyện tiêu tiền cứ phải hàng triệu một, đánh chết thế nào cũng không thương thức được những sự quan sát tỉ mỉ rất có giá trị tâm lý này.

Lần ấy, dưới cái truyện ngắn đã làm anh nổi bật lên trong năm văn chương ấy như một ngôi sao Hôm vào lúc hoàng hôn, anh Đình đề: “Viết tại mái Tây Thiên Hương Các, một đêm thu già.” Đọc mấy chữ này nghe sướng tai quá. Nghe Tầu lạ. Thư vu Tây thiên Thiên Hương Các! Thử dịch ra chữ Hán, nghe xem có sợ không? Tôi không lấy gì làm sợ lắm, nhưng lần ấy, thường thức văn anh Đình, một đêm lạnh, phải đắp áo *ba-đờ-suy* hở chân hở vai trong một tiệm Sấm Công tôi đã tự nói: “Có một cái mái tây một tòa lầu Thiên Hương để ngồi rình gió vò nhầu mặt nước hồ và ghi lại cho đúng, thì gì mà hành văn chả hay. Bao giờ cũng cần phải có hoàn cảnh để mượn làm khung cảnh cho tác phẩm sáng tạo. Có gì là lạ.

Minh mà có một tòa Thiên Hương Các, ngôi đây mà cảm khái thì viết còn có thể dồi dào hơn thế.

Một buổi Đình gặp tôi ở vườn Thư viện, hôm đang nhồm nhoàm chiếc bánh tây ba xu có giắt chả trâu. Anh ngỏ ý muốn nói chuyện lâu với tôi và được nằm mà nói thì tiện hơn. Anh đắm xương sống chỗ thất lưng, nhả nhò kêu độ này thận hư, đến quy mất.

- Đi xuống dưới này ... Xuống cái nhà lầu mà mỗi lúc viết văn tại đây, được bài nào hay, tôi không quên làm quảng cáo cho nó... Cái Thiên Hương Các mà anh cứ nằn nì muốn được biết ấy mà !

Trên toa tàu điện xuống Bạch Mai, Đình vui vẻ, tôi vui vẻ. Tri tưởng tượng của tôi đang vẽ một tòa nhà soi mình bên ven hồ, hoặc đầm, hoặc một vùng nước nào, có liễu rủ mảnh, có cửa sổ tròn, có bao lơn con tiện gỗ sơn son. Tàu xuống gần mãi lại Bạch Mai. Thiên Hương Các ở Bạch Mai, Hoàng Mai! Nhiều mẫu đẹp lắm đây ! Những dư vị của nhiều cảm giác thuộc về thị cảm một ngày xa xôi bỗng vụt nổi dậy trong cường ký của giác quan, chứ không phải là cường ký của trí tuệ. Một bức họa, một tấm thảm Ba Tư có những mẫu tím hoa cà, mẫu xôi gấc, mẫu tàn nhang, mẫu đỏ máu vượn, màu xanh gân tre Đàng Ngà, màu khói hương, mẫu cổ đồng, mẫu đen gỗ mun, mẫu hồng đỏ quỳên v.v...

Đến chùa Liên, tàu đỗ, chúng tôi xuống. Rồi Đinh tũm tũm dẫn lộ, đưa tôi vào một tòa nhà gác cửa kín mìn mịt và phải đi vòng ra cửa sau, rồi lên một cái cầu thang gạch. Lại một cái tiệm hút ngoại ô. Không có gì lạ. Tôi chắc là Đinh giữa đường nổi cơn nghiện lên nên vội phải tạt vào tiệm này để kéo mấy điều đã rồi có đi đâu hây hay. Bạn tôi hút đã hết hai cối sừng và một con sái dài hơn con giun. Người quản lý tiệm có cái sẹo ở cổ, mới làm nghề này, trông nom tiệm giúp một ông bạn mở tiệm giấu tên. Trước kia ông ta bán thịt dê, mở hiệu Tô Vũ ở xóm Hai mươi bốn gian, dịch kiếm hiệp đăng feuilleton rez-de-chaussée cho báo hàng ngày và thỉnh thoảng đi về các tỉnh xệp diền kịch làm phúc, vừa giúp cho các hội từ thiện, vừa là để doanh kim cho sự nhật dụng. Ông quản lý mới vào nghề mà thông thạo quá, những 2p50. Có khi hai chữ R.O. về nhà phải viết lấy. Tôi hỏi kỹ hơn, ông vẫn vui lòng cho nghe, nhưng có ý gắt gỏng:

- À, cái đó tùy ở sức tiêu thụ trong khu vực của mình chứ. Ty lớn một ngày được lĩnh tới 700gr, ty nhỏ 500gr... À, mở tiệm, việc cần nhất lúc đầu là gây sái. Gây sái, có như gây mè... Hai lạng rươi thuốc thì được một lạng sái - một lạng tây ăn hai lạng rươi ta; một đàng 100gr, một đàng 40gr. Ông tưởng một lạng thuốc đã nhiều lắm à. Bốn mươi năm côi ba hào chứ có bao nhiêu.

Ông nghỉ chuyện, tôi chờ bạn tôi ăn thuốc cho xong đi. Bỗng ông quản lý tiệm, ngồi vụt trở dậy, đổ chúng tôi.

- Đố mấy ông biết Hà Nội hiện có bao nhiêu tiệm kể cả thượng hạ lưu, từ tiệm hai bàn đèn cho đến tiệm hai chục bàn đèn ? Đố nói cho đúng được.

Có ai biết mà nói. Ông quản lý tự trả lời cho câu hỏi, xòe cả năm cái ngón tay mà móng đều để tang tất cả bằng sắt:

- 370, gần bốn trăm cái tiệm, các ông biết hộ thế cho tôi.

Tôi giục Đình đã xong rồi thì đi đi thôi. Bạn tôi ngơ ngác rồi cười ngặt ngheo.

- Đây là Thiên Hương Các chứ còn đâu nữa. Anh chê cái lầu này chẳng ?

Tôi không hiểu, mặt cứ tếu ra. Tôi bực mình và nhìn theo ngón tay Đình trở lên một bức hoành phi nền làm bằng giấy hồng hoàng trên có viết ba chữ đại tự chân phương. Trời ôi, té ra Thiên Hương Các là một cái tiệm hút hạ đẳng ở ngoại ô. Ba chữ lớn rành rành kia. Ra bạn tôi viết những bài văn, rất hay, rất trong trẻo - trong trẻo như pha lê - ở cái lầu nhà này. Nếu các bạn gái đọc văn anh Đình mà có bị huyền diệu về ba chữ Thiên Hương Các ghi vào cuối

bài, thì cái đó là lỗi ở cái đầu đầy lãng mạn của các bạn. Và cũng nên khen riêng cái ông chủ tiệm ấy đã là một hồn thơ, trong khi đại đa số thương gia nghĩ tên đặt cho cửa hàng mình có giỏi lắm thì cũng chỉ đến những chữ Sinh, Lợi, Quảng, Long, Vạn và cái gì... gì, Kỳ, Lợi Kỳ, Quảng Vạn Long, Quảng Kỳ, vân vân.

Khói thuốc phiện là hương của Trời. Theo luồng khói ấy mà lên Thiên đường. Và có một anh văn sĩ nghiện vẫn nuốt cái khói ấy vào ruột để trả lại bao nhiêu là viên châu, hòn ngọc.

Đinh thích chí vì điều ngộ nhận của tôi đã đến lúc được cải chính bởi hoàn cảnh. Tôi đứng trầm ngâm ở mái lầu Tây Thiên Hương Các, nhìn ra một chùm ao chuôm nước đen như nước cống và mỗi đợt gió lướt qua đẩy lại gửi vào bụng tôi một ít mùi tanh tanh của bùn lầy và mùi nhạt nhạt của rau muống sống và bèo cái. Khói lửa hơi rơm dưới nhà bếp hun vàng, cái tay vịn cầu thang si-moong lên Thiên Hương Các. Hời những người chuộng những danh từ đẹp và kêu và xa xăm mơ mộng, nên coi chừng! Tôi đã biết một cô bạn gái tên là Giáng Hà, mà răng thì vẩu, mặt thì vuông và những lúc a dua mặc áo Lơ mua thì trông như một cái xe bò mất cả hai bánh, một ngày thì xe hoa.

Bên bàn đèn, tôi nằm còng queo như con tôm rang, nhìn Đình làm thuốc. Anh tỉ tê:

- Cái đời viết văn của tôi, gom góp các loại lại, đến bây giờ in được ra, kể cũng nhiều lắm. Nhưng chỉ có những bài viết ở nhà này là tôi lấy làm sở nguyện. Nàng Thơ của tôi là bà Chúa Nâu. Nhưng phải là bà Chúa Nâu ở Thiên Hương Các. Có nhiều cái tên nó ám ảnh anh lạ. Có nhiều chữ anh không hiểu nghĩa gì cả, nhưng thanh âm của nó thừa sức quyến rũ và cám dỗ anh. Hóa cho nên tôi đã bảo đi bảo lại các anh ấy phải nên thận trọng khi mệnh danh những tác phẩm của mình. Vẫn biết cái tên sách hay không đủ làm cho hay được một cuốn tiểu thuyết dở. Nhưng một cuốn sách viết khéo, mà có cái tên hay thì vẫn “câu” thêm nhiều độc giả. Và nghệ sĩ có những chứng thôi riêng mà chính họ cũng không hiểu được. Như Pierre Benoit, lúc đặt tên cho nhân vật truyện bao giờ tên cũng có chữ A đứng đầu.

Tiệm Thiên Hương Các vỡ đã tới hơn hai năm nay. Và Đình cũng mất mặt từ ngày ấy. Tôi chỉ còn được làm bạn với anh ở trên trang chữ in các báo chí có anh trợ bút. Kỳ vừa rồi mới lại gặp. Cũng không nồng nàn, vô vấp như mọi người. Thuốc phiện có công dụng làm cho ta lãnh đạm với cuộc sống bên ngoài và buộc ta lẩn hẩn vào cuộc sống bên trong, nếu cái tạng của ta là có chút ít trí thức. Thuốc phiện làm cho mặt

Đinh lạnh như tiền và còn làm cho Đinh dài hẳn người ra nữa. Hun đốt mãi thì còn gì mà chả ! Có ai đã nhìn kỹ một con rệp khi bị đốt không ? Nó dài mình nó ra gấp đôi lần rồi nó nổ đánh bép một cái !

Gặp nhau là y như vào tiệm. Tôi và Đinh chẳng có lần nào sai cả. Trong cái tiệm ông Tr. ở phố hàng Mã Mây, vào một buổi trưa ấy, tôi nhìn sang cái giường hút góc phòng tối om, thấy một người đứng tuổi đang lúi húi viết. Viết một cách đắm say, tưởng chừng như có phải ngừng lại mà gãi lưng hay gãi vai thì có thể đứt ngay mạch tư tưởng. Người ấy lấy cái gối da đầy mồ hôi của tiệm kê làm sous-main. Dưới ánh đèn dầu lạc leo lét vàng càn cạch, người ấy để nghiêng tám gối soai soãi vào phía đèn như là một người thợ chạm rọi tám gỗ khắc theo chiều nghiêng để lần tìm nét trở. Đinh chỉ tay ra phía ấy hỏi tôi:

- Có biết ai đấy không ? Một yếu nhân trong làng báo Nam kỳ đấy. Một người đã từng qua Tây.

(Kiểm duyệt bỏ)

Hỡi sáu bảy nghìn hay là một vạn độc giả của tờ báo bạn đồng nghiệp đàn anh của tôi, các người có

biết cái cách thức và cái tài làm việc của những người viết báo không?

Đình nói tiếp:

- Chắc ông Đ. đang vội viết để gửi bài cho kịp chuyến tàu tốc hành đi Nam khoảng 5 giờ chiều. Bên Tây, những người viết văn hay lang thang ngoài phố cho mỗi chân rồi sà vào tiệm cà phê vừa viết, vừa nhấm nhót và uống rượu, lúc hứng lên thì viết vào những mảnh đơn nhà hàng lật trái lại. Một người, năm người cùng tới tiệm đó để làm văn. Thế là hiệu cà phê xoàng xĩnh trở nên tiệm cà phê văn chương, tiếng thơm lưu mãi đến thế kỷ sau và phảng phất mãi trên tả ngạn sông Seine. Bên lịch sử văn chương, người ta ghi cái giá trị các tiệm cà phê văn chương ngang với những salon văn chương. Mình không có tiệm cà phê văn chương. Người Á Đông thích nằm hơn là ngồi. Nên người nghệ sĩ ở đây mới gây nên được những cái tiệm thuốc văn chương.

Câu chuyện đến đây thì Đình và tôi thấy đói, rủ nhau đi ăn bánh và uống nước buổi trưa. Chế ẩm nước Thiết quan âm, Đình đã lâu nhau chửi tên hầu sáng:

- Cái nghiệp chúng nó bao giờ cũng thế. Hễ pha nước là chúng dốc ộc nước sôi vào ấm cứ đẩy phê ra

thế này. Bao giờ cho trả ngấm. Mình có bảo nó chế ít nước chứ thì nó sợ phải hầu *quần sử* đến ba bốn lần.

Nói tiếp về câu chuyện tiệm thuốc văn chương, Đình thiết tha nói giống một:

- Tôi không tin ở thuốc phiện nữa rồi. Trước tôi tưởng a phiến là một định thức để thoát ly. Không phải, anh ạ. Sự kinh nghiệm này tôi đã phải trả giá bằng xác thịt của tôi mỗi ngày là mỗi suy mòn. Có lẽ tôi mắc chứng nghiện vì thuốc thì có một phần mà vì tính hiếu hữu và thích giao dịch thì đến chín phần. Mà cũng không phải là hiếu hữu, là thích giao dịch nữa. Tâm hồn tôi phức tạp quá, nhiều biến chứng quá, anh nhỉ! Hút những điếu thuốc đầu tiên, tôi thấy thuốc có đem lại cho mình một chút an ủi. Nhưng những điếu tiếp theo, tôi đã hút không có tin ngưỡng như trước nữa. Hút mà không tìm được lẽ phải của nó, mà để cho tâm óc phải ngày ngày thêm hèn kém, tôi cho cái thảm kịch của người nghiện mang trong người lẫn với tàn tro là ở đây. Tại làm sao người ta lại không dám thực thà ca tụng thuốc phiện một cách công khai, nếu thực người ta nhận chân thấy cái nhiệm màu của nó trong cái sở thích của mình? Tôi cho những người ấy là hèn cả. Nếu tôi thấy a phiến đúng là phương thuốc gỡ đau khổ về xác thịt và giúp ích lớn cho tư tưởng giới mình khi mình nhập định lắng mình vào khói thuốc, thì tôi sẽ có can đảm nói to

và bảo chữa nó. Nhưng không, có những người hút thuốc để ngu độn thêm. Có những người hút thuốc để mất dần cái thông minh trong sạch. Cái đó nó cũng tùy từng cái tạng người. Có những người không nhận được thuốc phiện mà vì lang chạ mãi rồi thành ra tù binh của Á Phiện.

Lúc này mắt Đình sáng ngời. Tiếng nói của anh là cả sự thiết tha trong lời cầu cứu:

- Tôi dám chắc rằng bây giờ nếu bọn nghệ sĩ chúng ta biết tổ chức lại cuộc đời vật chất, gây lấy một nơi hội họp thay cho những tiệm thuốc thì cuộc đời bọn ta sẽ sáng dần. Có một cái tửu điểm chẳng hạn. Tửu điểm ấy là hình thức cái câu lạc bộ của đám văn sĩ yêu phóng túng tự do và không nặng nề về gia đình. Chúng ta sẽ bình văn, viết văn, ký sách, chữa bản thảo bài in và thường gặp gỡ ở đấy. Bởi chúng ta không có một cái nhà công cộng cho tử tế nên mới hay chui rúc vào những tiệm thuốc phiện. Một ngày, hai ngày, một điệu, hai điệu, rồi thì thành ra lũ chiến bại hết trong cuộc sống. Bây giờ tôi còn một tí thơm sáng trong lòng, tôi còn nghĩ tới điều này để cải thiện đời sống của mình. Mai một thuốc vào sâu quá, tôi xuống quá là tôi đâm ra không cần gì nữa. Thế là vừa.

Hôm ấy chúng tôi thương nhau như chưa bao giờ có. Rồi chúng tôi dự phác một chương trình mở cửa

hiệu cao lâu thay cho tiệm thuốc phiện. Cái khó nhất là tìm người thủ quỹ. Vì làm thế nào mà lại có thể bán chịu cho anh em cầm bút được. Chấm hết cho cái mộng cao lâu ấy, chúng tôi cười rất to khi một người nói:

.- Cái cô giữ két ở quầy tửu điểm của mình, phải là một thiếu phụ góa đập vào cái kiểu mẫu chính là bà Trương Phố giọt lệ thu.

VII

HOA SÁI

Tôi quen ông ký Lượng từ hồi ông còn là ký rượu mở một ty rượu ở gần Phủ Hoài. Hồi ấy rượu chỉ toàn là một thứ rượu Phong Ten chứ chưa có những thứ rượu Văn Điển, Vạn Vân. Mỗi tháng ông bán được có hàng bốn năm nghìn lít, kiếm được kể cũng khá. Cứ buôn bán một cách thực thà với cái số rượu tiêu thụ như thế kể cũng đã làm giàu được rồi. Ông ký Lượng lại còn nghĩ thêm được một cách ăn cắp bạn hàng. Mỗi khi dốc rượu ty mình vào chai vào hũ của dân quê đưa đến, ông cho dốc thật mạnh. Nước rượu chảy ông ọc, nghe vui tai lạ. Nước rượu gần vơi đến cổ chai là ông lại quay ngược chai lại, dựng vào xó. Tốp ấy vào mua xong đã ra, tốp khác lại vào. Hết ngày, vợ ông làm sổ, ông thì ngồi xồm gần lại những chỗ rượu của bạn hàng còn đọng lại trong vỏ chai của ty ông. Bởi vì ông ký Lượng muốn cho nước rượu phải đọng lại như thế nên cứ độ sáu mươi vỏ chai lít thì ông

cũng gạn được một lít. Một lít rượu ăn không, ăn cắp của bạn hàng. “Nhu thế này đỡ nguy hiểm hơn là pha nước lã, mợ a”. Ông vừa gạn vừa cười bảo vợ ông làm sổ xong, đang nhặt những cái nút rượu bằng thiếc phát cho đàn con làm đồ chơi. Cái công ngồi hàng buổi mà dốc rượu ty mình vào vỏ rượu của người ta mang đến thế nào cho thật có nghệ thuật, rồi tối lại ngồi mà gạn lại, mà vét lại, cái công của ấy thực cũng là công của mồ hôi nước mắt của ông ký Lượng.

(Kiểm duyệt bỏ)

Cái gì vào được bằng tiếng sáo thì lại ra khỏi bằng tiếng trống.

Ông ký sau khi đánh đu với tinh, đem hết cả những cái gì bòn được ở đám khố bện để đãi nơi quần hồng, sau khi ấy ông đã bán luôn cả cờ bài và sang tên ty cho người khác. Cái lúc ông ký Lượng bắt đầu lâm vào cảnh ăn mày, tôi chỉ biết có tí thế thôi.

Bỗng một đêm mùa thu vừa rồi, bạn tôi dắt tôi đến một tiệm hút ở đường Hàng Bột. Tôi đã nhận ngay chủ tiệm ấy chính là ông ký rượu Phủ Hoài. Bạn tôi,

tôi, ông ký Lượng, một bộ ba đang nhìn nhau với ngạc nhiên.

- Ra cái *me sù* Tuấn này xong cũng nhiều chỗ lắm. Vu biết rõ chủ nhân, thế mà cứ vờ vỉnh, lúc kéo vào lại còn hỏi những là tiệm của ai, có sạch không...ồ, bỏ vờ lạ.

- Lâu lắm mới được gặp lại ông ký đây nhỉ? Có người trên tỉnh Sơn lại bảo tôi rằng mấy năm nay ông vào trong Bình Định buôn ngựa. Trông ông dạo này khô và xấu đi.

- Hút mà lại. Thế cậu độ này cũng đâm ra chơi cái này rồi đấy à. Hai cụ ở nhà chắc buồn lắm đấy... Dạ xin mời hai ông cùng ngồi tạm xuống đây đã. Cành ơi! Con bảo ai quét cái sập trong đi để các ông nằm.

À, lại cả thằng Cành nữa! Chính thằng bé Cành này trước kia đã học được cách ăn cắp rượu của ông ký Lượng truyền cho. Được là cận thần của ông ký, ngày nay, ở Hàng Bọt, nó được làm *gérant* tiệm này, nạo tẩu đánh sái, thấp đèn, đưa sổ biên chịu, đóng thuốc, cân thuốc, và có thể lại... pha thuốc nữa. Tôi muốn buồn cười.

- Cuộc đời ra nhỏ hẹp thực ông ký nhỉ!

- Cậu bảo cái gì?

- À, không, ông bảo cho hai anh em chúng tôi hai cối. Lấy thuốc không ấy thôi.

- Cảnh ơi, hai ông xoi thuốc nước, con lấy cái dọc hoạt nhất ở giữa giá ấy nhá.

Vội một cối, tôi bỏ bạn tôi nằm đọc tiếp pho truyện *Hỏa thiêu Hồng Liên Tự*, la cà sang giường ông ký Lượng. Cái bàn đèn của ông chủ tiệm có khác! Khay rất rộng, có kính dây phủ mặt khay ép xuống một miếng gấm thất thổ; chung quanh khay có thành, lại có cả quách nữa. Trong lòng khay, trăm thứ bà dẫn, trông mà rúc cả mắt lên. Những người nghiện ra có tài tham bác thực. Những cái gì là của vứt đi ở chỗ khác, khi họ nhặt được, những lúc họ say thuốc, họ ngồi vừa đốt con muỗi, giết cái rệp, vừa mài, rửa, chấp nói, ghép thành những đồ dùng được việc trong phạm vi bàn đèn. “Đấng thánh nhân không bỏ một vật gì”. Vì có cái khéo léo ấy, ông Thánh Lượng nhà tôi đã biết lấy cái griffe chao đèn điện làm cái kiềng bếp để cô thuốc trên đèn hút; như cái cục sứ thùng bụng poulie basse của nhà máy Đèn dùng chằng dây điện thì dùng làm sao được vào bàn đèn? Dùng để cắm điều thuốc lá cháy cho nó tắt ngấm đi khi bận bắt lấy đầu dọc. Có cứ không! Đây chỉ là hai cái thí dụ đơn giản còn con trong mấy chục cái thí dụ tài tình và phức tạp hơn nữa. Ông ký Lượng còn lắm cái đồ vật cổ quái công kênh hơn nữa. Cái máy hâm nước trà tươi của ông lúc nào cũng nóng vừa phải thì thực là một tác phẩm của tiểu kỹ nghệ.

Cái tiệm của ông trông sạch mắt lắm. Nghĩ đời ông cũng thú. Ngày xưa đong rượu, giờ đong thuốc. Con người ta kiếm miếng đắp đổi qua ngày giờ mà trong cách mưu sinh giữ được hệ thống như thế là khó lắm đấy ông Ký ạ.

Ông ký Lượng, cho là tôi nói có ý định xỏ, nhưng mà cũng đúng lẽ đấy, dùm hai cái môi tướng giặc chết đường lại.

- Ông bảo? Hệ thống! Hệ thống là cái gì? Đây tôi thì chữ nghĩa ít, cậu đừng có chơi chữ nhá. Có cái lão gì hôm nọ vào đây đã hút chịu lại còn xỏ mình là thằng lái buôn hàng đầu độc. Đánh sái đến đất ruột tẩu phải kêu khóc lên mà lại cứ hay nói sang. Lão ta chúa hay kêu đòi chỉ thiu soe dọc

- Ai hở ông?

- Tên hần dễ nhớ lắm kia mà. A...a... Cậu bảo hần chơi thế này này có định làm bố người ta không: hút rất ít, thỉnh thoảng được hôm dất bạn đến cứ đẩy nhà mình lên, thì ông ấy chỉ gọi lấy độ hai cỏi, một cỏi mẹ, một cỏi con cho nó có chuyện, rồi thì là ông ấy bỏ một hộp thuốc thiếu niên ở trong túi ra, dúi một lỏ, bóp dẫn thuốc ra hút bằng tiêm, bằng đèn, bằng dầu, bằng dọc và diện của mình. Đến ngay ở khách sạn, có mang rượu đến uống cũng còn phải trả tiền “thuế nút” nữa là.

- Hộp thuốc “thiếu niên”?

- Cái thứ hộp năm nhò ấy mà...

Tôi cười rất to, thưởng thức cái danh từ này và đổi lần luôn cho câu chuyện.

- Ở dưới ông có đông khách không?

- Đạo này cũng lèo tèo lắm. Nhưng tôi đã có cách khác. Chứ những không, chứ chỉ trông vào khách hàng như ông Ba Cường - phải rồi, tên cái lão mang thuốc nhà đến đây hút là Ba Cường, làm nghề chủ thầu - chỉ trông vào khách không thôi thì bị gậy đến nơi ngay. Tôi còn phải buôn sái nhất, sái nhì rồi lại đem bán lại cho các tiệm khác.

- Sái? Tôi tưởng ăn thua gì mấy hờ ông?

- Cậu tưởng! Theo thời giá 5p20 một lạng sái nhất; 4p20 một lạng sái nhì. Tôi bán khi được hời giá, có lúc sái nhất tới 6p00.

- Làm thế nào mà biết được sái nhất?

Ông Ký Lượng tôi nay vui tính quá.

(Kiểm duyệt bỏ)

Cắn một thời chè lam, quay sang phía bạn, tôi nhồm nhoàm nói:

- Cứ trông cái hoa sái thì biết ngay tốt hay xấu. Hề hoa sái đỏ cánh gián, béo và nở, chắc, to thì là sái nhất. Sái nhì thì hoa nó héo, ít, lép và xuống mầu.

Thuốc ty thì bao giờ hoa sái cũng chắc và óng hơn là hoa sái thuốc ngang.

- Gặp phải nôm, sái chảy ra hết thì phân biệt thế nào?

- Biết chứ lại. Sái tốt nó chảy đẹp như mặt mĩa láng trong lòng công sành. Và chẳng đó là việc của con mắt người có làm đến nghề thì mới tỏ.

Nhân nói đến chuyện buôn và bán sái, buôn cát, bán cát và bán lẻ từng đồng cân nữa, ông ký Lượng lúc cao hứng, khoe luôn rằng ông có một ông quan thầy cũ có lòng thương người đến cực độ.

- Mỗi tháng tôi lại đi lĩnh bổng một lần. Ngài cho tôi cứ từng hộp *bích quy* *Ăng lê* một. Có một lần tôi cân cả giẻ, sau khi đã trừ bì đi rồi, được 17 lạng. Hơn một cân sái. Nghe đã sướng chưa. Gán 100 đồng. Chỗ ấy cũng phải chia cho bác bồi hầu cận ngài độ một chục. Cả hai ông bà đều đáng quý cả. Những lúc tôi lần mò tới nơi để ăn mỳ của ngài, bà thường ban cười, coi mình như là con nuôi ấy. "*Luong oi, cu - oan hôi may có tit công?*" Ông bà ấy ăn ở có tình với người mình lắm. Hút như ông bà ấy thì mới bỏ.

(Kiểm duyệt bỏ)

Ông Trương Quốc Dung làm quan to, triều vua Tự Đức, ở trong cuốn *Thoát thực ký văn*, có viết:

Nha phiến do ở Tầu, Tây đưa lại, hình trạng giống như cứt gà, có thể làm nát ruột gan, có thể làm mất thần trí người ta. Người nào nghiện nó, cũng phải khuynh gia bại sản, hại tính, hại đời. Cái độc của loài cây cỏ, không có thứ gì khốc liệt bằng nó.

“Ông Thị Lang Nguyễn Đình Tân nói rằng: “Thuở nhỏ ông ta chơi với bọn thiếu niên bợm bãi, chỉ hút vài lần liền thành nghiện, lại sợ có người khác biết, giấu giếm đề tiện không thiếu cách gì. Lâu rồi thần trí càng u mê, chỉ biết hút (!), không còn biết nhân gian lại còn có sự đáng lo đáng mừng (!). Nếu như nửa ngày mà không được hút, thì sẽ buồn bã muốn chết.

“Ông ta sợ lắm, bèn mời thầy thuốc giải chữa.

Thầy thuốc cho thuốc. Thôi hút vài ngày, các chứng nổi lên âm ỉ, suýt nữa thì chết. Thầy thuốc bèn bắt phải cố nhịn. Sau vài ngày đi tả ra phân đen, thối và có mùi a phiến. Bảy ngày bớt dần. Hai mươi một ngày thì khỏi hẳn.

“Ông ta lại nói khi sang sứ Tầu, thấy có người thông sự họ Lý, triều nhà Thanh, cũng nghiện thứ đó. Đi cả ngày trên con đường Trục Lệ mà không được hút, hẳn chết ngay trên xe, cừu khiêu có trùng bò ra; trùng có mỏ nhọn và cứng (!) và giống như con bọ gậy trong nước.

“Ông ta lại nói: “Khi vào chơi nhà một người nọ, ghé chiếu rất sạch sẽ, tự nhiên có con mối ở trên mái

nhà rơi xuống rồi chết. Hỡi người bên cạnh, họ nói nhà này vẫn hay hút thuốc phiện chỗ đó. Con mới đó cũng nghiện thuốc (!). Bây giờ có khách, lâu lắm không được ngửi khói thuốc nên nó chết.⁽¹⁾

- “Gần đây, ở bộ Công, có viên Viên Ngoại nghiện thuốc phiện. Người đó rất khỏe mạnh, đương độ trung niên bỗng bị bệnh nặng. Khi nguy kịch, giọt nước không thể vào miệng, nhưng vẫn lấy tay vẩy đưa đây tới hút thay rồi lấy ống tre mà thổi khói vào miệng. Người đó nuốt cái khói hà đó. Một lúc thì chết. Đáng sợ như thế.

“Ta - Trương Quốc Dung - lúc ở Gia Định, có khi uống rượu với bọn đồng người. Say rồi mọi người đều hút nha phiến, họ nèo ta cùng hút. Mới hút vào miệng, trong bụng đã thấy rộn rạo khó chịu. Rồi thì bụng dưới quần đau mót đại tiện và lại muốn thổ, y như chứng can hoắc loạn mà trong sách thuốc đã nói.

(1) H.Jammes trong tập Kỷ yếu của Hội Khảo cứu Đông Dương cũng có nói đến việc loài mèo ở các vùng chung quanh tràn vào các khu có tiệm hút ở xứ Bắc Kỳ. Con chó, mỗi khi thấy chủ sửa soạn cái “ống tre” thì cũng ngoe nguẩy chạy đến ngay. Nhưng lúc chủ hút ở nơi khác vắng thì con chó ấy tỏ ra rồi rít bán khoản, chốc chốc lại có ngáp. Con chó ấy chỉ bình tĩnh được khi nào mà nó được hít lại cái mùi say sưa kia.

G. Miraben, trong cuốn *Fumce divine* đã nghiệm ra rằng loài chuột, nhện và thạch sùng hay xán gần đến chỗ có bàn đèn; những con vật nhỏ ấy mỗi khi được la cà mon men lại gần thuốc phiện thì lấy làm khoái lắm và cũng lơ mơ nữa; và chúng rất trung thành với thói quen ấy.

Ta trách họ. Họ nói đó là tại ta hút chưa quen và lại lỡ bị gió cảm, cho nên như thế; hút lâu rồi mới biết hay. Ta nói:

“Nhưng mà người ta chịu mấy trận gió cảm thành chứng đau bụng.

“Một lúc mới khỏi

“Sau đó, ta nghe người ngoại dương (!) chế ra thuốc ấy, có pha thêm vật bẩn thỉu (!?) vào, để cho người ta đã ham thì không bỏ được. Nhưng họ chỉ đem bán cho người ngoại quốc, người trong nước thì bị nghiêm cấm không ai được hút⁽¹⁾. Bấy giờ mới biết

(1) Theo một tập phóng sự và điều tra của Marise Querlin thì ở Pháp nhà nước và pháp luật rất là nghiêm ngặt với những người đam mê thuốc sái. Những vụ bắt và khám người ghiền thường gây nên những việc tai tiếng rất ớn sòm trước dư luận. Một người “đi mây về gió” là bị bao do thám của ty cảnh sát Phong tục dò theo và ở sở, người ấy có sổ tình nghi biên đủ hình dáng tên tuổi và điểm chỉ vào nữa. Một kẻ tàng trữ chất độc a phiến thường phải chịu phạt giam từ hai tháng đến hai năm và phạt tiền từ một ngàn quan đến tới một vạn quan.

Năm 1927, sở Cảnh sát Pháp bắt tất cả là 257 vụ “chơi” a phiến; 137 vụ ở các quận hạt và 122 vụ riêng ở vùng Ba Lê. Và sự khám xét các tư gia bị tình nghi có hấp yện cũng trong vòng một năm ấy đã phát giác ra ở cảng Toulon có chín tiệm hút và hút (hit thuốc phiện trắng) và ở cảng Marseille, không kém gì, cũng có được tám tiệm.

Việc điều tra của Marise Querlin trong tập phóng sự “Les Drogues”, còn nói rất rõ về những cách chử lậu thuốc phiện. Thường người ta hay lợi dụng những sổ thuốc khai ở đơn hàng y dược mà dùng làm thuốc hút. Dưới sự bảo đảm và nhân danh y giới, người ta đã cố luôn luôn thuốc mà hút, mặc dầu chính phủ hết sức bài trừ. Ai cũng rõ rằng a phiến có công dụng rất lớn trong sự chữa chạy nhiều bệnh đặc

giống Phiến quý(!) làm ra thuốc độc để hại người. Vật đó thật là đáng ghét.

“Theo phép ngày nay, người nào tàng trữ, mua bán từ một cân trở lên thì đều phải tội chết; nếu không đầy một cân và kẻ hút trộm thì phải phát phối. Nghiêm cấm như thế, cốt để giữ toàn sinh mệnh cho người ta vậy”.

Nói về a phiến, L Laloy, trong cuốn “Yên kinh” - tôi dịch chữ *Le Livre de la fumée* - có nói rằng người ta biết trích quả phù dung ra lấy nhựa nấu thuốc từ cuối nhà Minh. Trong sách ấy tác giả còn dạy người ta những điều kiện và lễ nghi khi hấp yên và giảng:

“- Khói thuốc thần tiên, sinh xương ở xứ đạo Phật gốc, đã gây nên đạo Lão”.

biệt. Sở Y tế và các bác sĩ, dược sĩ có quyền mua. Nhưng dù 1 tấn thuốc dùng vào chữa bệnh thì có đến 40 tấn a phiến và 20 tấn hồng phiến bị đánh tháo đem ra ngoài cho người tư gia hút cho đỡ nghiện, cho thoả sở thích riêng. Đánh tháo làm cho được? Đánh tháo thế nào? Đây là cái bi quyết của các đảng buôn thuốc phiện quốc tế. Sang đây, sung nhập vào đoàn buôn thuốc lậu, khắc biết rõ.

Bên Pháp ngày nay, có những bác sĩ dựng những bệnh viện riêng chuyên chữa : những dân nghiện trong thời kỳ cai thuốc, lấy những danh từ tốt đẹp kín đáo như “chuyên trị về các chứng thần kinh hệ” hoặc “các chứng về ẩm thực bồi dưỡng” (sic) v.v... Tác giả có nhắc đến ít trường hợp cai thuốc của mấy con bệnh nguyên ở thuốc địa Đông Dương về nằm điều trị ở bệnh viện ngay tại Ba Lê.

Nhưng những bệnh viện này đã gây ra nhiều chuyện lố bịch. Như là nhiều kẻ ghiền, khi không tìm được thuốc phiện ở thị trường lậu nữa thì đưa nhau vào điều dưỡng ở đây. Chẳng gì cũng còn có thuốc - tuy ít mà hút đỡ đỡ trong ít ngày

Dâng tông đồ Lão học , không làm gì cả. Đạo vô vi! Không nhất cử, không nhất động, kẻ ấy chỉ có hút. Thế là gần được đạo. Đạo Ả Phiền.

Về điểm này, Marise Querlin cũng có nói:

“- Hút thuốc phiện trắng (cocaine), người ta bị một cơn điên chốc lát. Cơn điên ấy gây cho ta sức bành trướng sáng tạo, cho ta năng lực và đem lại cho ta cái lý tưởng của Nietzsche - người xương lên cái thuyết người hùng thờ sức mạnh.

“Thuốc phiện đen làm tê liệt não cân hoàn toàn, đem lại cho ta cái lý tưởng của Phật giáo”.

Những người Pháp đứng làm tiên phong trong thú chơi a phiến là những sĩ quan, những người đầu tiên của thời đi chinh phục thuộc địa.

Albert de Pouvourville có nói nhiều về thứ người này khi họ đi lại với thuốc phiện. Tập “Hạnh phúc thứ năm” của ông là một tác phẩm có liên can nhiều đến Ả Phiền.

Claude Farrère, trong cuốn *Fumées d'Opium* và thứ nhất là cuốn *Les Civilisés* đã mượn khung cảnh Đông Dương nói đến thuốc phiện. Ca tụng thuốc, ông viết: “Tiệm thuốc đẹp như một mảnh vỡ đồ đào xứ cổ Hy Lạp”.

(Kiểm duyệt bỏ)

Jean Cocteau đã gọi người nghiện là một cái tác phẩm. Chả rõ là tác phẩm gì. Nhưng tác giả thêm: “Một tác phẩm chấp cả sự phê bình”. Nói về sự giao thiệp giữa cái xã hội ghiền, Cocteau viết trong cuốn *Nhật ký cai thuốc phiện*: “Hút hai người đã là nhiều. Hút ba người là khó. Hút bốn người là sự không thể được”. Chúng ta có nên suy nghĩ nhiều về câu này, khi ta cao hứng rủ hàng tốp, hàng đoàn một lại chơi nhà một ông bạn nghiện có bàn đèn ở nhà.

Philippe Soupault, một danh sĩ đồng thời, một cây bút già dặn của phái siêu chân viết những câu “hay” như thế này: “Mặt trời tịch dương nhuộm chân trời một mầu máu, máu một thứ máu của những vụ án mạng do tôi gây nên bằng tưởng tượng.

...Tôi lắng thấy những con sâu một đực mồn những bức tường bằng chất kim”.

Người ta thường nói trong “những tác phẩm hay” sao cũng có sự cộng tác của quỷ Satan. Có thể nhại câu ấy thành: trong những văn phẩm thoát thực sao cũng có sự cộng tác ma túy của Á Phiến.

- Thế nhưng mà, dù sao, cái người nhạc công thổi khói trong cây kèn hút vẫn chịu tiếng muôn đời là một phế nhân.

Có lẽ người đầu tiên xưng nên danh từ này tặng cho kẻ đem đời mình liên với Á Phiến, người ấy là

Tổng Đốc Lương Quảng Lâm Tác Từ, người kếp chính trong vụ Nha phiến chiến tranh. Hồi ấy trong khu vực hai tỉnh Hoa Nam, Tổng Đốc ra lệnh ai nghiện thì phải đi mua lấy thuốc mà hút. Và ở ngực phải bó buộc đeo một tấm mộc bài có khắc hai chữ: Phế nhân. Vì chẳng khác kẻ mắc chứng phong hủi phải mặc thứ áo riêng trùm kín người và đi đến đâu lắc chuông cho người ta lánh mình, ở thời Trung cổ bên Tây phương.

Hỡi ôi, một sợi tóc là một cái tội, một làn khói thơm là một cái tội. Tội với Danh giáo, tội với những người không hút thuốc phiện. Đáng sinh ra muôn loài, lúc sinh ra thẳng người, có vẻ cho nó phải có những bốn phận gì hay chỉ sinh nó ra và trời kệ nó, muốn sống cách nào thì cũng mặc không?

Một ông bạn nhà Nho ghiền, lúc phú quý giật lùi trong cảnh yên hà, dụng cụ hút rầy chỉ còn là một cái vấu sắt, đã nhại truyện *Tam Quốc* mà thở khói, than: "Trời đã sinh cây thuốc phiện sao lại còn sinh ra ta?" Ông cảm cảnh thuốc men, có ý oán trời, trách người - cái thứ người sống chỉ để gây nên dư luận trong xã hội.

VIII

KHÓI THUỐC TRÊN DÂY NÚI YÊN TỬ

Dù ai quyết chí tu hành

Có về Yên Tử mới đành lòng tu

Lần lửa mất đúng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, mãi đến ngày hôm nay chúng tôi mới lên được đường đi Yên Tử Sơn. Người thủ xưởng ra cuộc hành hương này là ông Ph.Đ. Ông là một người mộ đạo Phật. Ông còn là một người nghiện nặng. Ông tha thiết rủ tôi đi lên núi cùng ông một phen vì đã nhiều lần nằm nghiêng bên đèn với nhau, ông đã biết đến cái tai mọn của tôi trong việc nấu cơm đen. Tôi tiêm chặt điều thuốc, không đánh bắn xuống khay, không sa đèn và biết nuôi sái cho nó khỏi xác, khỏi cháy. Lắm khi thương yêu tôi quá, ông đã thành thực bảo tôi rằng vạn nhất có bị thất bại trong cuộc sống, tôi cũng chưa đến nỗi phải tay bị, tay bát như ai. Vì rằng, với cái đường tiêm (!) vững vàng ấy, tôi vẫn có thể đến xin

việc tại nhà riêng một vài quan... ở đấy, ông thường bảo tôi thế giữa hai điều thuốc ngon lành. “- Con người ta, chỉ sợ ở chỗ không có tài thôi chứ ạ”. Ông thường gọi tôi là chú những lúc thân mật.

Tôi lấy làm bùi ngùi cho thân thể con người ta, một khi phải đứng giữa một cái ngã tư như vậy. Và trong tôi, đang sống lại vài hình ảnh của một hạng thất nghiệp sống ở vỉa hè Hà Nội, ở bến tàu điện, một tay gãi cái tai bẹp, một tay giơ đủ năm ngón tay móng dính xài để xin tiền, với một câu tiếng Pháp cổ truyền: “Thưa ngài, trước kia con cũng có công ăn việc làm ở các sở tòa, nhưng bây giờ con vô nghề và nghiện... Mơ-si-ơ, ay-ê pi-chi-ê..”.

Ông bạn Ph. Đ. mãi đến ngày hôm nay mới chịu rời Hà Nội để lên đường ra Yên Tử, vì suốt một ngày hôm qua, ông bận thiết lại cái nhĩ tửu và cứ điên lên vì việc khan thuốc phiện. Các cờ bài đều không bán, kêu là hết rồi. Sự khủng hoảng thuốc ở các ty bao giờ cũng là cái triệu chứng buồn sợ của mỗi kỳ nguyên tăng giá thuốc.

- “Những lúc này giá mình sẵn tiền và có *tuy ô* và biết trước được, mua trữ thuốc theo giá cũ thì tha hồ mà phát. Chóng hơn thả cá chú ạ”.

Ông bạn Ph. Đ. nói thế, buổi mai này, khi dầm lên bậc cầu thang tuổi tác của tiệm chú Tắc, xế cửa rạp hát Quảng Lạc, trước khi ra xe ca đi Hải Phòng

Trong tiệm chú Tắc, có đến chín mười người đang nhao nhao lên vì giá thuốc lên và cùng đọc một lúc mấy tờ nhật báo buổi sáng cùng phát hành ngày 1 er Avril 1940.

“Theo nghị định quan Toàn quyền đã ký ngày 29-3-10, thì giá thuốc phiện của các cỡ bài bán cho các người dùng đều tăng lên 22 phần 100 giá cũ”.

Trời ôi! “Thế này thì ra a phiến bán theo giá kim cương”, một ông Tham theo điệu tuồng và thở dài mạnh quá, làm tắt phụt ngọn đèn khói dầu lạc bay khét mù và béo ngậy.

(Kiểm duyệt bỏ)

Nghe thấy bạn tôi tuyên bố cuộc đi chơi núi Yên Tử - người nghiện thể mà chúa hay bép xép - một ông nghiện cũng bị chứng phong chạy hậu giật méo mồm như chú Tắc Què, vội nhồm ngay đây:

- Này, có đi qua Yên Tử, cho tôi gửi lời thăm sư cụ chùa Giải Oan trên ấy một câu. Nhà sư ấy hồi năm ngoái về vùng Hải Dương khuyên giáo, có nằm hút với tôi một bữa. Lão khoe có cái dọc sề tổng củn tốt lắm. Bác lên đấy, chẳng cần đem dụng cụ đi theo cho nó thêm kênh càng. Một vùng Yên Tử, chùa nào cũng có bàn đèn. Khách thập phương có nổi cơn nghiện trong chùa thì cứ bạch thực cùng sư cụ, người sẽ độ cứu cho ngay. Cửa chiến vốn rộng.

Ông Ph. Đ. nháy tôi và thích chí nói bô bô:

- Thế thì anh sướng quá, chú ạ. Nếu thế thì trên ấy hẳn có thuốc ngang. Sao từ xưa, bọn ta chẳng lên vùng ấy mà chơi!

Đi du lịch với bạn nghiện mà không bị cái nạn lờ xe, hút đồ ngang là một sự hân hữu đáng phải ghi nhớ để đời. Sự kinh nghiệm mà tôi đã từng phải trả giá rất đắt đã cho tôi biết sợ nhiều ông bạn nghiện hện cùng đi với mình để rút cục thì bỏ lỡ hết mọi công chuyện. Trời mưa rỉ rả, kéo được cái mền đơn lên ngang ngực và côi thuốc mà đẩy, mà đồ hăm lại toàn là chất bổ âm, thì có trời mà bảo ông ấy dựng được người dậy. Những lúc tự tức như thế, có giắc kéo đến nơi, các ông ấy cũng còn ngần ngại mới chịu rời bỏ cái quê hương mình thu nhỏ lại trong một cái mâm hút. Bao giờ cho tôi đánh mất được một câu châm ngôn

này đượm mùi sái của một ông bạn tự bào chữa cho mình khi ông huỷ một cuộc viễn du mà chính tự ông đề xướng lên trong phút say thuốc: “Đi đâu thì cũng đến thế thôi. Năm tiệm như thế này cũng du lịch khỏi ra rồi. Du lịch mà không cần gì đếm xỉa đến hai điều kiện không gian và thời gian. Đi chơi lại còn điều bất tiện là lạ nước lạ cái, mình chỉ nhận thấy sênh nhà ra thất nghiệp. Chứ như còn nằm ở đây, các bạn cứ đồ hộ tôi ngọn đèn lên, là thấy bốn bể cũng là nhà cả. Hề, hề!”.

Buổi sớm ngày 3-4, chúng tôi họp thành một đoàn khách hành hương đi lễ Phật. Tôi chống một cái gậy trúc tươi đặt ngay ở rừng trúc Yên Tử. Ông Ph. Đ. cũng chống một cây gậy như thế. Nhưng gậy của ông vẫn chỉ là một cái dọc tẩu. Ông Ph.Đ. vừa leo núi, vừa gượng nhẹ cây gậy. Nó có đúng bảy mắt ở đốt và ông định lúc về thì làm thành cái dọc hút.

Đi qua cổng đồn Năm Mẩu, có người thuộc đường núi, bảo cho biết rằng con đường này là lối đi về của bọn Khách tải thuốc phiện lậu và nhà nước cho đóng đồn phòng triệt ở đây để phá bọn buôn lậu. Cái tên Tổng Công có dịp được nhắc tới.

Chùa Lân, chùa Giải Oan - nơi chúng tôi nghỉ đêm đầu. Buổi tịch dương, đứng ở mái chùa Giải Oan nhìn

xuống cảnh dưới chân núi lởm chởm, buồn như một buổi chiều của người nghiện thiếu thuốc từ sớm mai.

Chưa kịp ăn cơm chiều mà bạn tôi đã cho bày bàn đèn. Ngọn đèn vừa tỏ bắc thì sư cụ Tâm Hoan cũng sà xuống cái bục gỗ một nát của ngôi chùa nghèo. Ông Ph. Đ. thủ lễ đứng dậy xin lỗi và xin phép nhà chùa để ăn thuốc.

- Bạch cụ, như thế này là thập phương rất lấy làm không phải với nhà chùa.

Tâm Hoan hòa thượng cười xòa:

- Có việc gì. Xin đạo quan cứ tự nhiên cho thì hơn. Bần tăng cũng thế. Ai cấm. Tháng trước quan Tuấn... thượng sơn hành hạt, ngài có hỏi, bần tăng cũng cứ thú thực với ngài rằng có hút, vì ở trên này sơn lam chướng khí nhiều lắm, một chút bỏ đề tâm khó mà an toàn được.

- Vừa nói, vừa cười, Tâm Hoan hòa thượng vừa xoay mãi cái chụp đèn búp măng của bạn tôi và than khổ vì cái chụp nôm của nhà chùa vỡ đã lâu mà không sao mua được và khoe rằng mãi đến khóa hạ năm ngoái mới nhờ được ông đội Chuyên ở vùng mỏ, thiết hộ cái nhĩ cho chiếc tẩu Lương hữu hương.

Thấy nhà chùa nói đến chuyện trùng tu chùa hàng năm, tôi mới để ý đến mấy mẫu gỗ vút ngổn ngang ở

trước cửa thiền. Tất cả bấy nhiêu gỗ, có lẽ cũng nấu vừa nổi bánh chưng to đủ cho một gia đình năm miệng ăn Tết đến hôm hóa vàng thôi. Ngờ đến lòng sư cụ chùa đây đã phải tàn nhẫn bóc lột Phật Tổ, sẽ rất nhiều của của nhà chùa cho được đủ hút, tôi nhớ thêm rằng ban này lên chỗ bệ thờ Phật, tôi thấy bát nhang nào cũng không được đầy chân nhang. Lơ thơ quá cái bát nhang ở chùa Bà Đanh nơi bờ sông Châu Giang. Chẳng nhẽ ở đây sư và tiểu xìa ráng dử dội đến thế? Thế này thì ra hương và nến đã biến sang cả khói thuốc và dầu lạc rồi. Nơi Tam bảo chùa Giải Oan, hương có lạnh, khói có tàn, thì nơi cổ tịnh của Tâm Hoan hòa thượng, hoá chẳng mới ấm được ngọn đèn.

- Ở trên sơn thượng này, lắm lúc túng thiếu những dụng cụ, là cực lắm. Tôi ở đây thế mà cũng khách khứa luôn. Hết tháng ba là hết hội trẩy chùa, vẫn khách thập phương. Nhưng vào khóa hạ, các đạo hữu đi trung châu về thì chư sư lại đều có vào đây hút rồi mới thượng sơn. Sư cụ Tâm Nhiên trên chùa Cả, mỗi lúc hạ sơn đều có ghé tôi. Người hút ít thôi. Độ một đồng cân.

Ông Ph.D. ngắt chuyện sư cụ:

- Dạ thế còn như cụ ?

- À, tôi thì cũng ít. Cái thế giới Yên Tử này nghèo lắm, lấy đâu mà hút cho nhiều như ở dưới đồng bằng các ngài được. Mỗi khóa xuân, hơn bù kém, các đạo quan cúng vào được độ trăm bạc. Tôi cũng có làm việc phúc, hưng công tu sửa lại chùa và thừa thãi chút nào thì lạy Phật ! Bần tăng đem ra hút dè. Hết khóa xuân, chỉ dám dùng có một bữa.

Tôi hãy biết thế và nghe cái ông sư Tâm Hoan kể rất chuyện phá giới:

- Quan Tuần phủ... tháng trước lên đây, đi đủ 60 người, 5 cáng, đem một con dê lên giết ở đây. Ngài có ép bọn tôi ăn thịt dê, đợi cho ăn mặn xong đâu đấy rồi ngài mới quả tàn tệ.

(Kiểm duyệt bỏ)

Ở đây xa chợ búa. Ăn mãi măng trúc măng mai, nó cũng nhạt mồm. Thỉnh thoảng phải cho bà hộ hạ sơn kiếm con cá miếng thịt về... Thiên hạ sát sinh... chứ mình có sát đâu.

Tôi không lấy làm lạ về những lời trơ tráo của nhà sư có thể làm tủi hổ đến cái đạo tâm của một kẻ chân

tu. Có người trong đoàn đi lễ Phật đã bảo nhỏ cho tôi biết về ký vãng của sư chùa Giải Oan. “Trước khi đến đây quét lá ăn mày lộc Phật, sư Tâm Hoan là một anh thầy cúng xứ đồng bằng”. Sư Tâm Hoan - pháp danh như thế, sao lại chẳng vui - thật là một người lắm chuyện. Người góp mãi mãi dẫu không ai hỏi.

- Thế ra các “cụ” ở vùng mỏ Vàng Danh lên. Đi đường Làn Thập có xa hơn. Giá đi lối mỏ Bí - Cho của ông Bạch Thái Bưởi thì được xem cả chùa Cẩm Thục. Cái ông quan huyện huyện sở tại - thế mà chúa hay hỏi lục vấn. Ngài có đòi tôi hạ sơn xuống huyện để giảng cho ngài nghe về sự tích chùa Cẩm Thục. Tôi được cái tài biện bác, bịa vung cả lên mà trả lời cho nó xong chuyện.

Sư Tâm Hoan đắc chí cười vào giữa cái mặt ngọc nhiên của bọn tôi. Tôi tin rằng sư cụ sẽ không hoan hỉ như thế nếu biết rõ rằng trong thâm tâm tôi, tôi đang ghi tội ác của một kẻ tu hành. Tưởng chỉ có hút thuốc phiện, ăn mặn thôi, giờ lại còn đeo một tội nói dối nữa.

Cái đêm nay ngủ ở chùa Giải Oan, tôi định ninh rằng ở đây còn lắm điều hay lắm.

Trời chưa tối. Thấy tôi dăm dăm nhìn vào gốc mơ già xanh tươi mà không quả, nhà sư lộ luôn cái tâm thuật buôn bán của mình:

- Gốc mơ ấy sai quả lắm. Những đạo quan nào muốn chỉ khát, tôi vẫn cho tiêu bán để thêm vào tiền đèn nhang.

Ôi bắt buộc phải hiểu chữ đèn nhang này theo một nghĩa thuốc sai.

Lúc nhá nhem chùa lại thêm được một bọn già thượng sơn nữa. Họ cũng xin nhà sư tá túc một đêm ở đây. Bà hộ, thấy họ ăn mặc xuềnh xoàng toàn áo vải, hỏi một câu khinh bạc đồng đánh như giọng một tên bồi buông khách sạn đãi người lữ khách nghèo.

- Các cụ ăn cơm nhà chùa hay là đã có cơm nắm mang theo rồi!

- Dạ xin nhà chùa cho một bữa.

Bà hộ mỉm cười, mắt sáng lên như đồng kền năm mới đúc.

Cái ông sư bác ở chùa Hà Trang dưới đồng bằng, cứ mỗi khóa xuân lên đây giúp việc sư cụ Tâm Hoan, để có dịp sê ít lộc Phật, cười tình như một ông chủ hiệu tạp hóa, đang cò kè với đám già thượng sơn vì mấy lá bùa trấn trạch: "Dạ, các cụ phải cho đúng một hào một lá, thì nhà chùa mới dám nhận tiền".

Một hồi chuông uể oải điểm vào câu kinh ể à của khóa tụng buổi chiều. Tôi ngẫm mãi về câu phàn nàn ban nãy của sư cụ. "Ngày hai bữa chiều mộ, mất đúng

năm hào chỉ. Hết hội, thì rút xuống một bữa". Tôi ngờ rằng hết hội, trong chín tháng ròng, ở đây người ta cũng rút việc thỉnh chuông ngâm kệ xuống có một buổi thôi. Sao lại không thế ?

(Kiểm duyệt bỏ)

Hãy dùng thời giờ và tiền bạc mà hút đã.

Đêm hôm 26 tháng hai ta, trong chùa Giải Oan có hai cái bàn đèn thuốc phiện đang nhấp nháy con bấc, cháy sáng ngời như chấp cả sức sáng của mấy cây đèn dầu và nền bạch lạp lèo tèo nơi Tam bảo. Một bàn đèn của bạn tôi. Một bàn đèn của sư cụ Tâm Hoan.

Sau hồi chuông chiều thu không, phó mặc cho sư bác muốn đánh đám ra làm sao thì làm, sư cụ trèo lên cái gác chuông chim dưới trai phòng, châm đèn ăn thuốc với vẻ trịnh trọng của người đợi cái giờ sung sướng của mình đã đến. Tôi được mời lên đây. Ngắm nhà sư lấy cái môi mỏng thử đầu dọc tẩu, tôi lại muốn hiểu ra rằng những giọt sấp dưới chùa kia phải rõ nhiều khi gió núi thổi mạnh, chỉ là những giọt nước mắt của một đảng Từ Bi không thềm nghĩ cả đến sự trừng phạt một đứa con bán thiu cứ cố đòi nắp dưới

bóng một cây bồ đề vùng đây để phóng uế ra đây. Tôi để ý đến khay đèn của nhà chùa, rất lấy làm chú trọng về mấy tờ giấy bản dùng để lau khay. Đây là những quẻ thẻ có lẫn cả một đôi tờ in chữ mộc bản xé ở một cuốn kinh nào. Hỡi ôi! Ngoài cái cửa mắt cáo, cây núi, khí núi mịt mù và cái máng nước suối ngàn vẫn róc rách.

- A di đà Phật, bản tăng xin dùng trước.

Gần đủ bữa, bấy giờ sư Tâm Hoan mới cố ép tôi hút một điếu sái nhì. Ra người tu hành cũng như kẻ trần tục, bởi vì đã là nghiện thì người ta đều có quyền bản thủ cả đến khi đãi khách. Tôi gạt cái dục:

- A di đà Phật, vãn sinh này đã có bàn đèn ở dưới kia rồi. Xin nhà chùa cứ tự nhiên cho... Được nằm cùng bên một khay đèn với sư cụ, cũng đủ là vinh dự lắm rồi.

Tôi thành thực nói với sư cụ câu ấy vì cứ như điều tôi biết rõ, thì không khi nào một vị hòa thượng biết tự trọng đứng cầm đầu một ngôi chùa lại cùng ngồi thụ trai với một ai. Huống chi bấy giờ tôi lại cùng được nằm với sư Tâm Hoan, để cùng người “thụ a phiến” ! Mô Phật !

Nhân có bà hộ - trông tựa như mẹ Bạc Bà - nhí nhảnh lên và thấy có tôi lại leo xuống khỏi cái gác

chuông chim, Tâm Hoan hòa thượng hít mạnh điều thuốc lá hăm và nói về sự tích bà hộ chùa này.

- Bà nguyên mình cao, số nặng, có số thờ chư vị. Bà ấy, sau một hồi ở thử các nơi, mới tìm được lên đây để đội bát nhang thờ mẫu. Linh của đức bà Thượng ngàn đấy.

Dưới gian nhà thờ tổ đem đôi làm phủ thờ mẫu kia, áp ngay vào nơi Tam bảo, tôi lắng rõ tiếng anh cung vãn - trông lại cũng tựa thằng Bạc Hạnh - đang cất cao giọng ngang với giọng đàn mỗi lúc người đạo quan ấy lên xong một giá đồng. "Xe giá á á hồi loan..." Sư cụ cười hỏi tôi:

- "Cụ" có biết rằng có những giá đồng lúc lên phải hút thuốc phiện không ? Giá đồng ông Hoàng Bảy. Lịch sự và dài điểm lắm.

Tôi ngắm kỹ nhà sư, đôi cặp mắt chứa đầy những dục vọng hạ cấp. Tôi có tìm đến mối tương quan giữa nhà sư khả quái và bà hộ chùa này trông cũng khả nghi. Tôi lại nhớ ra rằng hồi chiều, một đàn gà sống không thiện, cái mào còn đỏ thắm, chạy sục cả vào trai phòng.

Sư Tâm Hoan lại ép tôi hút một điều sái khác. Lần này tôi nhận lời vì tin rằng điều sái có khi cũng là một miếng trầu và sự thân mật trong câu chuyện sẽ cho tôi biết một vài ẩn tình nữa của nhà chùa.

- Cụ tổ tôi trước giàu lắm. Mỗi khóa để dành được đến mấy nghìn.

- ?

- Cụ tổ tôi tên là Lê Thanh Toán. Giá cụ đừng tham lam quá, đừng làm quế già bán điều cho người ta và nói ngoa lên rằng đây là quế núi Yên Tử thì cũng chẳng đến nỗi bất đắc kỳ tử. Năm cụ tôi bị đưa ác nhân nào giết cả với hai chú tiểu là năm Quý Hợi, cách đây độ 18 năm.

Tôi nghĩ lan man: Thấy thế, trò thế, chùa như thế này. Làm sao dưới chùa này lại không có một cái nhà hầm nữa nhỉ! Để cho tôi có ngay một vị ác tăng hoàn toàn ở trước mắt như là ở trong những truyện kiếm hiệp Trung Hoa.

Không biết ai đã bắn tin cho nhanh thế, mà nhà sư đã biết giá thuốc vừa tăng.

Xong bữa thuốc, không từ chối lời mời của một người trong bọn, tôi ló đầu lên lỗ thang, Tám Hoan hòa thượng xuống trai phòng ngồi một chân trong đám bài chẵn góp hai hào trút đĩa. Nhà sư lên bài, thỉnh thoảng có những câu chửi cây bài làm cho tôi nhớ đến cái xã hội me Tây ở phố Hàng Bún vào những ngày mưa và chồng họ đi ăn cơm *bốt* hoặc gác trai binh. Nhà sư một cái túi hầu bao, đầy những hào giấy tiền cúng Phật mà lúc nãy bỏ vào, nhà sư đã

không cần giấu giếm nổi sung sướng. Bây giờ thua bạc, nhà sư phải rời bỏ tiền ra khỏi ví trông không khác gì đứa trẻ bị cưỡng ép bỏ cái ống tiền.

Vừa ù xong ván bài, sư Tâm Hoan vui miệng kể:

- Nay cụ ạ, những ngày hội nhiều khi tôi phải đặt tỉnh ngay dưới cái bệ thờ Phật. Không thể mà nằm mà nhìn ra ngoài thì tiểu nó đỡ hết tiền người ta đặt lễ.

Tôi lấy làm chán nhà sư Tâm Hoan quá. Ngáy lên đến cổ cái mùi hương ở Giải Oan này rồi.

Đêm nay tôi say, vì ông bạn Ph.Đ ép hút.

- Sớm tỉnh mơ ngày mai, chúng ta lại thượng sơn từ đầu canh năm. Còn những năm ngôi chùa nữa. Chùa Cả này, Một Mái này, Vân Tiêu này, Bảo Sái và chùa Đồng. Phải biết từ bây giờ trở lên, đường mới bắt đầu khó. Đêm nay tôi phải hút nhiều lên rồi gói ghém luôn lại để mai đi sớm... A, vận động nhiều, cứ thượng sơn mãi, số thuốc hút phải tăng lên chứ.

Tôi đùa, chen vào:

- Nghĩa là trung châu đất bằng, đáng lẽ một bữa hai chục điếu cả sái nhất thì một bữa ở đất núi, hút để lấy lực đăng sơn, thì phải hai mươi nhăm điếu chứ gì.

- Hơn thế nữa. Có lẽ đến ba chục ấy. Người nghiện mỗi lúc du lịch tốn phí nhiều khoản lắm chú ạ.

Tôi lại tiêm những điều rất đích đáng cho bạn tôi hút, lòng phấp phồng chỉ lo không đủ sức mà ngày mai bạn tôi quy ở sườn núi thì ấy mới là đại họa. Cái bàn đèn đối với người nghiện mỗi khi phải đổi chỗ là một đứa con mọn mang theo; và có một ông bạn nghiện cùng leo núi với mình thì lại càng là một cái địu.

Bảo nhau nên ngủ sớm, chúng tôi quây lấy cái khay đèn. Một người cứ bảo để đèn dầu lạc mà ngủ.

- Có cái lạ, là sáu bảy người quần lấy khay đèn đồ ngọn mà ngủ thì không có đồ vỡ đụng chạm gì cả. Hễ đèn lút bắc tắt thì y như mất trật tự và khay đèn bị quơ phải, đồ dùng xô vỡ lung tung. Lúc chúng mình ngủ, ra cái tiêm thức của mình vẫn làm việc và lấy ngọn đèn làm cữ. Đấy các bác cứ nghiệm mà xem.

Lúc tôi tỉnh giấc dậy thì đã là canh tư. Chùa Giải Oan nghèo, cửa ngõ chẳng có, chắn chiếu mang theo thì không, khí núi tràn vào, trai phòng lạnh như nền *si-moong* nhà tu kín. Bọn tôi đốt lửa sưởi như ở xứ Mường, đốt lửa trên nhà sàn.

Tôi lên lên Tam bảo nhìn cây đèn dầu bông leo lét trước cái bát hương không ấm góc nhang, tôi nhớ đến câu chuyện nhà sư Tâm Hoan và nhớ luôn đến vị sư trẻ dưới chùa Lân, nơi chúng tôi ngả mặt lúc trưa hôm qua. Trông sư Tuệ Quang, có hút hay không thì không rõ, nhưng không đến nỗi tục và lỗ mãng trơ tráo như sư Giải Oan này, sư Tuệ Quang người vùng Cẩm Giàng - Hải Dương.

Từ ngày sư tổ Tâm Cảnh tịch đi thì Tuệ Quang hòa thượng thay sư tổ giữ chùa. Nơi trụ xứ của sư Tuệ Quang nước độc lắm, quanh năm rừng lim rụng lá, người quanh vùng cứ nửa tháng một lại một lần sốt rét. Nhà sư mặt xanh vồ như mặt một sinh viên trường đại học trước ngày thi ra tại giảng đường. Nhà sư chữ Pháp thông thạo nhưng không dùng đến, chỉ nói, tiếng Nôm pha những danh từ Hán dùng trong Sơn môn. Bao giờ tôi quên được cái nét mặt tử vì đạo của nhà sư trẻ ấy. Tôi nhớ đến cái cách nói chuyện của sư Tuệ Quang. “- Dạ, chùa đây xây từ đời Trần. Cuối Lý, đầu Trần. Lúc bấy giờ thái bàn thiên hạ xuất gia. Người ta đi tu nhiều lắm. Phật giáo ở ta, hồi ấy thực đã có một thời toàn thịnh. Và lúc vua nhà Lý vào núi tu sửa mình, tục truyền có cả một đàn cóc đi theo. Đến trước chùa Giải Oan, đàn cóc đều hóa đá cả. Vàng, ở trước chùa Giải Oan, chỗ bãi tung tượng phu cổ thụ ấy... Dạ, ở sơn môn chúng tôi đây thì bát cơ bát khát. Đứng ngo thì chúng tôi thụ trai, chỉ ăn ngày,

một bữa. Về việc ăn, nhà chùa chúng tôi chia ra buổi sáng là giờ ăn của chư Thiên, buổi trưa là chư Phật, buổi chiều là súc sinh và buổi tối là ngã quỷ”.

Tôi nhớ lại lúc bấy giờ chúng tôi ngả mẫn, nhà sư lánh đi. Tôi lấy làm hơi thẹn vì những thực phẩm béo mẫn kia đã đem theo vào chùa Lân một lũ ruồi nhặng ồn ào. Chúng ta gặt lấy những cái gì mà tự tay chúng ta đã gieo xuống là thế.

Đêm tỉnh giấc, đứng ở mái Giải Oan tự, so sánh hai vị sư, tôi muốn cầu Phật Tổ giữ cho Tuệ Quang hòa thượng dưới chùa dưới được trong sạch và đi tới đạo. Cảnh chùa Lân đẹp lắm. Tùng trượng phu, trúc quân tử và những tháp cổ đẹp như thế mà người chủ tự kém hèn, đức Phật có bị thiệt thòi nhiều lắm. Tôi muốn bẻ ngay một vài pho bụt ở Giải Oan này ra xem có phải tượng Phật ở đây sư cụ Tâm Hoan tạc bằng sỏi thuốc phiện không, bởi vì nhà sư đây, khi đã không cần giấu khách thập phương, hút một cách công khai như vậy thì chùa đây đã đủ là một cái tiệm công yên rồi. Hỡi người lính Đoàn muôn năm nên lên đây mà thừa hành công vụ, đâm hộ tôi một cái thuôn sắt vào rốn pho tượng đã mất khí thiêng từ bao giờ.

Đường đi từ Giải Oan lên chùa Cả dốc ngược lên mà ông Ph.Đ. vẫn đủ sức đăng sơn làm cho nhiều người trong bọn ngạc nhiên. Đêm qua ông hút trộm thuốc lên có khác. Đây, công dụng của a phiến. Tôi nhớ đến những thổ dân vùng Nam Mỹ, mỗi lúc vượt

giải *Cordilière des Antes* thì họ chỉ ngậm có một cái lá coca - cây coca dùng để chế bột thuốc phiện trắng - và không thấy đói, không thấy khát ròng rã sáu tháng trong vùng núi.

Sư cụ chùa Cả cũng hút, nét mặt khô xác đi như lớp da khô của một bậc sư vận tâm hoá để thoát xác. Chùa Cả là ngôi chùa cũ nhất, tên chữ là Hoa Yên Tự. Sư cụ Tâm Nhiên (!) mà ăn thuốc ở Hoa Yên Tự (!) tưởng người và cảnh, còn gì phù hợp hơn nữa. Chọn chùa mà hút hay sao có khác ! Nhưng lúc này tôi lại phục mấy ông Tây thuộc địa về cách bày biện phòng hút theo cảnh Tam bảo nhà chùa, đặt mâm hút ở ngay dưới một pho tượng để lên một cái tủ có chạm cánh hoa sen nở và chủ nhân lúc hấp yên thì mặc áo Tàu rộng lòa xòa như áo cà sa. Tôi lại nhớ đến một vị Tây trí thức ở Hà Nội. Lúc hút thuốc phiện đọc sách đóng lại theo lối kinh Hoa Nghiêm thì mặc áo nhà chùa !

Tôi muốn bào chữa cho đám tăng lữ trên thế giới Yên Tử này khi họ hè nhau sa đắm vào thuốc phiện. Thuốc phiện có công dụng diệt dục. Mà đạo Phật cũng chỉ mong cho chúng sinh đi tới chỗ không độ ấy thôi. Và chẳng cái Nát bàn của nhà Phật xa xôi và hăm hồ lắm, sao có bằng được cái Nát bàn này rở mớ được tại hiện tại, những lúc trong lòng khay, hồng lên một cồi thuốc đầy. Mỗi ngày cũng hai lần đèn hương để hút rồi mà “thiền định”, tôi thấy nhà sư nghiện cũng vẫn

không đi ra ngoài cái giáo lý và pháp giới của đạo mình.

Sư cụ Hoa Yên Tử nói rằng: nhà chùa hiện vẫn có sẵn bàn đèn, chúng tôi có muốn dùng ngay thì cụ sẽ cho tiểu bưng ra trai phòng.

- Còn như bắn tắng đây thì cũng “kim nhật, kim thời” thôi. Có đâu mà “chung niên” được như cụ Tâm Hoan dưới ấy. Những lúc thiếu thuốc vẫn cứ phải cho các chú ấy xuống dưới lấy lại. Cụ dưới Giải Oan trừ được nhiều lắm.

Với một vẻ cười a tòng, nhà sư nhoén miệng. Bạn tôi hãy cứ biết vậy lại khoác cái túi bàn đèn riêng thẳng đường lên chùa Vân Tiên. Chúng tôi nhất định đêm thứ hai ngủ ở chùa Vân, sau khi lên thăm Thiên Trúc Tự, tục danh là chùa Đồng, ngôi chùa cao nhất một giải Yên Tử. Đứng ở chùa Đồng những buổi trong giờ, nhơn tuyến có thể thu được đến cả toàn cảnh vùng Móng Cái. Tôi theo sau bạn tôi thúc chân vào rìa núi, cảm thấy cái thú vô cùng được làm người khách hành hương nhất thời, nếu trong đầu không bị cái say nặng nề của bữa thuốc hút ở chùa đêm qua hành tội. Thành ra phong cảnh quanh mình mất hết cả đường viền. Và mỗi tiếng chào của người xuống núi chào bọn tôi đang lên núi lại vang dội trong óc nhưc nhối. Những câu “Đạo quan thượng sơn”, “Đạo quan hạ sơn”. Cứ thế mà đánh dấu lấy từng đoạn đường lên Yên Tử, hai bên tùng trúc rườm rà. Ông Ph.Đ. vẫn

đeo cổ tinh sau lưng như cậu nhỏ sói con đeo *túi dết*. Tôi vẫn chống cây gậy trúc xanh tươi mà lăm lăm nhìn cái đốt giữa, tôi cũng muốn bắt chước ý bạn, cắt ngay để dành làm một cái dọc. Đoạn trúc bao dăng, sẽ tha hồ mà ôm đèn và lợi sái.

Đã đến chùa Vân Tiêu. Ông bạn Ph.Đ. nở một nụ cười vì đến cái “trạm” này ông có quyền bày bàn đèn và hút từ buổi trưa cho đến sáng mai hạ sơn về, mặc kệ ai muốn lên chùa Đồng, rẽ qua Bảo Sái hay tạt qua chùa Một Mái. Ông vốn mộ đạo, nhưng đứng trước Phù dung đạo cô, ông vẫn cứ phải coi cái lòng thờ Phật là nhẹ hơn.

Đêm ở chùa Vân Tiêu có êm ấm và nhẹ nhàng hơn đêm ở Giải Oan. Sư bà chùa Vân thực là người chu đáo quá. Đêm Tuy ni cô thấy chúng tôi ngả mặt, không quên cho thêm một bình rượu thuốc của nhà chùa không rõ ngâm để làm gì mà lại sẵn thế ? Tôi đã say thuốc phiện tôi lại say rượu của chùa, tôi lại ăn măng trúc để giá hai thứ độc đang lấy cả hình hài tôi làm một bãi chiến trường. Lúc bấy giờ, tiếng bà hộ ở dưới bếp ngân dài một câu sa mạc. “Bây giờ kẻ Việt người Hồ; sông Ngân ai bắc cầu Ô cho gần”. Tôi lấy làm tủi thắm cho những cái gì là trong sạch ở người tôi, khi tôi thoáng ngộ nhận đây là một xóm yên hoa chứ không phải là một mái chùa. Lạy Phật tổ chứng minh cho công đức, thực quả nhìn nhà sư thấy Đàm Tuy lúc này, tôi thấy Sư thầy là đẹp lắm, là có duyên

lắm. Hay nói cho đúng ra, ni cô xưa kia chưa lên đây quét lá giữ chùa, ni cô phải là một trang giai nhân cười lên là phải đổ vỡ một cái gì. Sư thầy tuy nâu sồng nhưng vẫn không giấu được hết vẻ lẳng lơ trong phục sức. Cái áo nhung *Bác-tơ-lê* ngả nâu già ấy “nói” nhiều lắm. Sư thầy mỗi lúc xuống núi, cái miệng có tuổi kia mà nói lên thì đến người không có lòng mộ đạo, đến người ngoại đạo cũng cứ phải cúi tiển trùng tu vào phả khuyến chùa như thường.

Đêm nay có thêm sư cụ chùa Đào Xuyên, tận vùng đồng bằng Gia Lâm lên đây để tôi tình cờ được hầu chuyện. Đào Xuyên hòa thượng là một bậc chân tu lâu lâu mấy môn kinh luật, luận và nghe đâu lại am cả quyền thuật nữa. Cái người ấy đáng kính lắm. Chẳng thế mà Đàm Tuý ni cô một lúc lấm lét nhìn người là lộ ra một vẻ sợ hãi. Đợi Đàm Xuyên hòa thượng an nghỉ lâu rồi sư thầy mới dám sà xuống chỗ bàn đèn và tiết ra một chút bí mật của ngôi chùa cũ. Cái bí mật ấy cũng vẫn được một mùi thuốc phiện:

- Ngày xưa, sư tổ ở đây hay nấu thuốc phiện lắm. Chính tay tôi ngồi nấu nhưa, có những cục to bằng cái ấm giở, dặt đến trăm bạc chữ chẳng ít. Mỗi lần canh nấu cứ hàng chục chậu thau một. Lắm lúc tôi ăn cắp của sư tổ những cục to bằng nắm tay đem bán mà cụ không biết. Sư tổ bắt tôi ngày ngày leo núi tìm cây giềng vàng, về đem giã từng cối lớn, lọc gạn lấy nước trong, đem nấu thuốc, thuốc sẽ nở hồng và tiêm tốt

lắm. Hút cả năm không hết mà lại còn bán xuống các chùa dưới nữa.

Mô Phật! Cái thế giới Yên Tử này kể cũng đã là vui lắm. Đêm ở Vân Tiêu say thuốc, tôi thấy bữa thuốc đêm nay ngon như chưa bao giờ thấy. Tôi đã từng say a phiến trên boong tàu bể một đêm bể có sóng ngầm và trời mưa rì rả. Cái cảm giác lừng lờ khoái hoạt ấy dù sao vẫn thua cảm giác đêm nay ở Vân Tiêu. Suốt mấy canh, không một tiếng chó sủa, không một tiếng gà gáy. Chỉ có nhựa thuốc xèo xèo. Say rồi ra tựa lan can mái tây chùa cổ, nhìn xuống ở chỗ xa xa dưới chân núi thấy cả một đám cháy của lửa điện Quảng Yên và Port Redon. Tôi mới nhớ lại, từ mấy bữa nay được trốn vào núi, tôi không hề thấy bóng dáng một thầy Cảnh sát nào.

Buổi sớm ngày sau; lúc sắp hạ sơn, sư thầy Đàm Tuỳ vẫn xơi lời lưu luyến và nói cười vang cả một trai phòng. Bọn tôi đã ngả nón để nói câu từ biệt mà sư thầy, nhân thấy tôi quảy mấy chục giò lan Yên Tử đem về làm quà cho bạn quen dưới đồng bằng, sư thầy còn chỉ đám cỏ cây trước Tam bảo:

“Cây hồng kia, đã ba đời sư rồi mà vẫn không bói được quả nào. Kia lá mợ, lá mạn. Nhiều thứ lắm, chỉ hiểm không có quả”.

Tôi đã lần xuống núi được mấy mươi bậc sông trâu mà vẫn còn muồn vòng quay lên hỏi Đàm Tuỳ ni cô xem bởi tại đâu mà cây không kết được quả.

THẾ LÀ MẤT MỘT NƠI NGHỈ MÁT

(Tùy bút)

Đề tặng anh em Xuân Thu

Từ dạo vào hè đến giờ, Nguyễn năng lui tới cái hiệu cao lâu ấy uống nước trưa, và thày vào một bữa cơm trưa, Nguyễn mỗi lần dùng độ dăm bảy chiếc bánh cà ngọt lẫn mặn. Chàng ăn mỗi bữa cơm chính của một ngày như là người khác ăn chơi ăn đùa vậy thôi. Một ấm nước trà, vài đĩa bánh, một gói hạt dưa. Thế rồi xĩa răng. Thật là đúng cái lối muốn làm quý phái của người Huế: “Ăn chơi ba hột...” Nguyễn ăn rất chậm. Nhìn mồm chàng nhai và nuốt rất thông thả, người ta lại nghĩ đến cái cách ăn uống của một số người thanh bạch phải ăn chậm, nhai cứ vừa cả cơm ở trong miệng, để đủ thời giờ suy nghĩ về cái giá trị của một miếng bánh hàng ngày đánh đổi bằng những giọt mồ hôi cần lao. Nhiều khi vừa ăn, Nguyễn vừa lơ đãng ngửa mặt lên trần nhìn cánh quạt trần

bay vù vù, mồm chàng mấp máy như mồm con cá đớp rêu và bọt nước ở mặt hồ ao về mùa nắng. Nguyễn có hết cả dáng điệu một con bệnh đang vào thời kỳ uống thuốc ghé bổ, ăn giả bữa, tập lại cho quen cái miệng bấy lâu nay nhạt nhẽo và cơ hồ đã lạc cả mùi ngũ cốc.

Những trưa chàng ăn một cách uể oải như thế, thường là vì chàng đã làm việc suốt cả buổi sáng, chạy qua một vài nhà in sửa chữa những bài báo. Mồm chàng nhai, óc chàng suy tưởng và lòng chàng rung động. Chốc lát Nguyễn lại nhìn tất cả bấy nhiêu người cùng ngồi ăn rải rác ở các bàn và thấy những người “hàng xóm” ấy đều vui vẻ gấp và húp, Nguyễn lại cười mỉm. Chàng nhận thấy cái hứng thú của con người ta sống được làm người, rồi lại được có mà ăn đúng vào giữa lúc đói, không thiếu thốn, không phí phạm thừa mứa. “Mỗi một hột cơm là một hạt ngọc”. Nguyễn nhớ đến câu nói của mẹ, hồi chàng còn mặc quần khoét đũng, mỗi lúc chàng đánh vãi cơm xuống chiếu hay là vét không sạch bát. Nguyễn lại nhớ đến câu chuyện của cha mình bàn về cái ông già cự phú ấy người cùng tổng “Ngắm kỹ thì cái ông cụ Tư ấy không có một cái tướng gì nói về sự ông giàu có. Ông cụ chỉ có mỗi một cái nét này. Là từ ngày nhỏ, ông ta thấy ai đánh rơi hạt ngô, hạt cơm nào ở chiếu hoặc dưới đất, hoặc bất cứ ở nơi nào ông ta cũng đều bốc bỏ mồm. Trời thương lại mà cho ông khá giả đấy.

Thầy ngày xưa theo quan Đốc tập bài trên tỉnh, mỗi quả trứng vịt kho ăn hàng bảy tám ngày. Các con ngày nay nhờ được ơn cha mẹ hàn gắp bù trừ cho không nên ăn hoang, mặc phí quá”.

Nguyễn ăn hai chiếc bánh mặn *vũ coóc*, uống một ngụm trà Quan Âm, ăn hai chiếc bánh dừa nhân trứng muối, một chiếc bánh bao lớn, rồi lại chiêu tiếp một ngụm trà nóng nữa, và tự hỏi mình ăn uống như thế này là vừa phải hay là kiêu sa mất rồi. Không, không, từ sáng giờ chàng làm việc nhiều quá. Chàng có quyền dưỡng xác thịt chàng như thế. Và chẳng, cả một bữa như thế, gọi là đi ăn cao lâu mà chỉ có độ ba bốn hào chi thôi. Ăn cơm trọ trung bình bây giờ giữa Hà Nội này cũng phải mất gần ấy tiền một bữa thì mâm cơm mới gọi là sạch sẽ được.

Nguyễn đến ăn bánh buổi trưa ở từng gác dưới hiệu D.H.V. này đã thành một thói quen. Nhiều kẻ ác mồm, có tính ghen ghét, thấy thế cho chàng là ích kỷ. “- Nó sống một thân một mình, không có vợ con, kiếm được đồng nào thì bỏ vào miệng hết cho thích khẩu. Cái thứ mũi dòm mồm ấy mà lại”! Nguyễn, sự thực, nhiều khi có nhớ đến vợ ở xa và tin rằng nếu đủ tư cách để mang theo vợ con lên đây ở thì có lẽ chàng không phải đi ăn như thế này, dẫu dè xèn thế nào nó cũng tốn hơn là ở nhà mình có người dòm nòm đến bếp nước. Phải làm người thực khách của hiệu cao lâu

D.H.V., Nguyễn tìm thấy nguyên nhân bữa bãi ở chỗ mình không đưa được gia đình lên ở trên Kinh đô này, cái gì cũng đắt đỏ. Chả nhẽ lại vì thế mà rời bỏ Hà Nội! Ô, Hà Nội đẹp lắm, Hà Nội là nơi gặp gỡ của trí thức, là địa bàn của thiếu niên, là quê hương của văn nghệ, là nơi người ta có thể phát triển và phát biểu cá tính, năng tính của mình, là nơi mà chúng ta có quyền được sống với quan niệm riêng mà không cần hỏi đến ý kiến ông hàng xóm như ở những tỉnh xếp - mỗi cử động, mỗi lời nói đều bị đám trưởng giả cổ hủ dòm ngó tới.

Từ có nắng mới đến giờ, Nguyễn lại nhận thấy cái trà lâu này còn là một nơi thừa lương của chàng nữa. Gác rộng, mái cao, đã sẵn gió của trời, lại có quạt điện nữa. Nguyễn có thể đến đây trốn nắng cả buổi trưa, vừa nghỉ ngơi, vừa ăn, vừa làm việc bằng óc, bằng tưởng tượng. Vào vụ này, cái nóng của Kinh thành thật là tàn tệ. Thật là nắng không chẻ vào đâu được. Nhiều người có tiền, đã được cơ để dứt tình với Hà Nội, ra các vùng bể tắm gió và đổi gió. Đi nghỉ mát, ít lâu nay đã là một thói quen cần dùng của một số người thừa bát ăn ở đây. Vậy mà riêng với Nguyễn, không phải xa lánh cái thành phố chàng quyến luyến, mỗi ngày với vài hào chỉ chàng vẫn có thể đến đây trốn nắng và đổi gió. Cứ độ khoảng mười một giờ - có khi mới tắt hồi còi mười giờ thôi - là chàng đã tới

Đ.H.V. rồi. Ngồi một lúc cho ráo mồ hôi, mở một tờ báo, mở một trang sách ra, Nguyễn uống một ấm trà, trầm ngâm rồi cảm thấy mát mẻ và lạc quan vô cùng. Ở đây thực là một cái băng thất giữa mùa viêm nhiệt. Ở băng thất này, người ta không cần đến nước đá mới thấy được mát. Với cái sở thích cổ truyền của người Đông phương, Nguyễn thấy một ấm trà đặc, nóng bao giờ vẫn giải khát và hợp với tính chất mình hơn là một chai rượu bia. Chàng cho nhiều người uống rượu bia, đánh sót mất cái thú trà Tàu hạ ẩm là một điều a dua đáng tiếc.

Lương, Phú, Văn, Đức, Đồ, Gia và cả hai anh Xuân Già và Xuân Trẻ nữa, cũng nhận thấy cái gác Đ.H.V. này là đáng quý và đem đặt nó lên thành một nơi nghỉ mát rất rẻ tiền. Cùng Nguyễn, họ ngày ngày quần tam tụ ngũ ở đây, siêng năng hơn cả những chủ Khách Quảng Đông vốn là bạn hàng quen của trà thất. Tuy tâm, tuy lực mỗi người, mỗi người thay phiên trả tiền trà mỗi buổi họp. Đ.H.V. đã gần biến thành một câu lạc bộ của họ. Như là con cháu cùng nhớ ngày giỗ Tổ chung, ngày nào cũng vậy, cứ cái giờ ấy là họ đã tề tựu đủ cả rồi. Nếu có một người khiếm diện, thì người nhớ đến kẻ vắng mặt, lại chính là cái đám phổ ky vẫn luôn tay chế nước cho họ uống từng tý một. Mấy người hầu sáng ấy dễ thương quá đi thôi.

Đám phổ ky không thuộc được tên từng người một, chúng chỉ hỏi khê:

- “Thưa ông, ông gầy gầy hôm nay lại không tới? - Hôm nào ông đặt hộ con một đôi câu đối mừng một người làng làm nhà mới ! - Cái ông tóc quần quần hay cười ấy, tôi qua cũng có lại đây, không thấy các ông, ông ấy lại đi ngay - Ông lùn và đen đi Sài Gòn lâu quá ông nhĩ!...”

Dại khái thế.

Đám phổ ky hề cứ thấy bóng một người trong bọn lên là đã bấy những sáu bảy chén uống nước và sáu bảy đôi đĩa với một nụ cười tri kỷ vụng về. Thấy bồi bàn có cảm tình với mình, nhiều hôm bọn Nguyễn, lạm dụng đến thiện cảm ngồi cho đến bốn giờ chiều mới chịu giải tán. Có người rót nước, có người mở quạt. Tội gì đi đâu ? Ngoài kia nắng lắm. Lúc bấy giờ ẩm chè tàn rót ra chỉ còn có mùi nồng.

Một hôm vì có việc vội, Nguyễn giục bác Năm (Nguyễn có cái lối rất ngộ là bất cứ hầu sáng An Nam nào, chàng cũng đều gọi tên là bác Năm) - Cho anh em ăn chóng lên để còn ra tàu. Cái anh phổ ky đứng tuổi ấy đã hóm hình trả lời: “Tàu của các ông đến bốn giờ chiều mới chạy kia mà!” Và vừa hô giục đầu bếp, vừa tươi cười chế nước sôi. Thế rồi bác Năm xin phép đọc nhờ tờ nhật báo để ở bàn.

Bọn Nguyễn đối với gác Đ.H.V. nhiều khi không tới thì thấy như nhớ nhân tình. Và người nhân tình ấy đã từng nhận được những câu tâm sự thiết tha của bọn Nguyễn vào những lúc họ ngồi rốn lại, lúc tiệm ăn đã vãn cả người, lúc mặt trời đã làm dài cái bóng tường ở gác sân sau. Không còn gì êm đềm mát mẻ bằng cái gác dưới lầu trà Đ.H.V. vào khoảng ba bốn giờ chiều. Bọn Nguyễn tận hưởng những phút êm dịu này. Quạt điện cứ khoan thai mà quay cánh, phở ky cứ lặng lẽ mà rót nước. Vỏ hạt dưa khô nhẹ rót xuống sân gác đánh dấu từng phút thời gian êm ả đi qua trên một lớp dầu xanh đang dần mất vào trang bản thảo, trang báo chí. Nguyễn mơ màng nhìn khói thuốc tuôn mây cuộn cuộn, chấp tay ra sau tới chỗ cầu thang ngắm những nét chữ chân phương ở bức hoành có bốn chữ đại tự “Hoa giáp hương thôn”. Phú, mỗi lưng, gấp cuốn sách bài học Ăng-lê, đứng đây ngắm bóng mình trước tấm gương lớn, tập gò nét mặt một vai kịch chàng sắp đưa lên sân khấu. Văn - cái người con trai vẫn tự phụ mình là một người đại ẩn ở ngay Hà Nội, bởi vì “đại ẩn cư thành thị” - ngồi bầu những nùm bánh dừa và bắt bẻ đôi câu đối trước mắt: - “Đông bích đồ thư, Tây viên hàn mặc”, câu này đáng lẽ phải treo ở một tường nhà người cư sĩ, lấy cái thửa vườn chung quanh thảo lư mình làm một thế giới

riêng. Đây nó cốt gò lấy cho được chữ cho hợp vào tên hiệu để treo chơi. Láo quá!

Nguyễn thủ thi:

- Này không gì bằng một cái nhà in ngay ở xế cửa một hiệu cao lâu hoặc cạnh một lầu trà. Lúc rức đầu lên vì tiếng máy và hoa mắt lên vì phải chứa một trang chữ in cỡ số 6 nhỏ xiu, được sang hiệu pha một ấm trà chính hiệu cho tỉnh táo tinh thần, đời người danh sĩ phải quý những giây lát ấy lắm. Rượu ngà ngà vào rồi lại trở về nhà in, nhìn những con chữ ở bát chữ nhảy múa trong cái không khí ma quái của ấn quán nó quấy rầy mình. Sống đời được đấy, anh em ạ.

Gia hỏi Đỗ:

- Độ này tưng mầu vẽ, thế nào đến đây mình lại vợ được cái ông ăn mặc ta ấy, ngày nào cũng gu gu cái lưng có tuổi, xách cái ô lại đây uống trà.

Đỗ cười:

- Trước ông ta là một cầu tướng hội Lạc Long đấy. Mới độ mười năm mà sọp đi như thế. Bây giờ ông ta hút. Không ai nhận ra người ấy trước kia đá bóng giò nữa.

Mỗi người nhắc đến một hình ảnh thực khách mà họ gặp luôn luôn buổi trưa ở gác này và cùng nhau cả cười.

Rồi mỗi người lại trình trọng bày tỏ những ước vọng của họ đối với tương lai. Họ uống đã nhiều trà ở lầu này và xây tại gác này cũng vô số là lầu đài ảo tưởng. Hàng ngày họ gặp nhau ở đây để thổ lộ hết cho nhau nghe tất cả những đau đớn và vui sướng của riêng mỗi người được thấy trong một ngày sống. Họ lấy một ấm trà chuyên ra làm một cái cớ để thương mến nhau, để đỡ quanh què trong cuộc sống nơi phồn hoa.

*

* *

Vậy mà hiệu Đ.H.V. sớm nay cửa đóng im lìm. Nguyên ngơ ngắc đọc bản yết thị nói "Tạm đóng vì thay quản lý và tính toán sổ sách". Ô, biết bao giờ cho họ tính toán xong. Anh em chú Khách già Quảng Đông ấy, đấu tranh nhau vì gia tài về cái tửu điểm này. Bao giờ cho kết liễu cuộc chia của này để cửa hàng lại mở, để bọn Nguyễn lại trở lại chốn cũ đầy những hơi hương của cả bọn.

Buổi sớm chủ nhật mùa hè này, đứng trước hiệu cao lầu cửa khoá then cài, vắng tanh mùi xào nấu mọi

khi, Nguyễn có cảm tưởng như hồi còn hay đi hát, xuống chơi nhà nhân tình mà người ca nhi tài sắc ấy đã ôm đàn đi xa, không có để địa chỉ lại. Chàng bâng khuâng, thấy cuộc sống chốc bồng buồn tênh. Đàng sau chàng, cái ông ký già gù lưng mọi ngày ấy đang càng thêm cái lưng xuống, chống cán ô, đọc yết thị. Người ấy thất vọng cũng gần như Nguyễn.

Nguyễn thần thờ, va đụng cả vào đám người đông đúc đi trên hè phố Hàng Buồm. Chàng ngán ngẩm vào một hiệu ăn ở gần đấy, gọi một ấm trà theo thói cũ.

Cũng trà Quan Âm mà hương vị trà ở đây nó thế nào ấy. Trà thì ngái mà nước sôi thì nồng. Đáng giận nhất là tên hầu sáng ở đây nó có một lối chế nước dốc đánh ọc một cái dầy tú hụ cả ấm lên. Như thế này thì đến chiều tối mới ngâm được trà, hờ giờ! Nguyễn lại càng nhớ đến mấy người phổ ky bên Đ.H.V. họ rót nhẹ nhàng, ít ít đủ một vài chén thôi. Đến bao giờ cho Nguyễn luyện được một ít phổ ky khác theo cái khuôn phép ấy. Ngồi trong cửa hàng mới lạ này, Nguyễn thấy hàng cũng thơm tất và có lẽ lại xán lạn hơn. Đồng đánh bóng lộn, quạt máy trần nhiều hơn, tường kẻ hoa hoè hoa soi, sắt đều mạ kền sáng nhoáng; nhưng chàng vẫn cứ nhớ cái lối bày biện cũ kỹ và mộc mạc ở bên tửu điểm Đ.H.V. Ở đây cách nấu nướng và trưng bày đều theo một gia sáo cũ. Bồi bếp ở đây

nhANH hơn nhưng vẫn thua người bên kia vì cái nết ngoan. Và những thực khách ở đây đều có vẻ ô hợp tứ chiếng, họ ồn ào quá.

Nguyễn càng thấy mình là lưu lạc và nhớ nhung cái không khí thân mật ở chốn cũ.

Chàng buồn rầu nhận thấy mình gần như là già đi rồi. Bởi vì khi mà người ta không muốn thay đổi thói quen nữa, thì cuộc đời đã đi sang cái độ suy mòn.

Và từ nay, các bạn cũ sẽ thất tán hết. Cả bấy nhiêu đứa đều không có nhà, chọn lựa mãi mới được cái tửu điểm Đ.H.V. này là vừa ý mọi người và mượn nó làm cái nhà của cả bọn. Bỗng cái nhà ấy tan, trời ôi! Quá là một biến cố vừa xảy tới trong đời bọn họ. Thực thế, đối với những người gần nấp sống có gia đình ở Hà Nội họ có cần gì biết đến những cái nhà này. Nhưng với bọn Nguyễn, việc này là một tai biến. Bao giờ bọn Nguyễn mới lại có một nơi để đoàn tụ.

Nắng thế này, ở giữa Hà Nội tìm đâu ra một miếng đất thừa lương, một chỗ nghỉ mát tốt như thế. Lại còn nguy thế này nữa. Là tháng bảy Tây tới đây, thư viện lại cũng theo lệ hàng năm đóng cửa một tháng, thì rồi lấy chỗ nào mà ngồi cho yên thân để bấm một sợi tơ lòng, những lúc lòng tim được một chút thơ, Nguyễn cảm thấy trong cơ thể mình, thiếu

hắn cái đình ốc cái và lo từ giờ, nó sẽ xộc xệch lung củng nhiều lắm.

Trước mặt chàng, lại cái ông ký gù gù lưng ấy, không rõ cũng chạy vào đây tự lúc nào, đang ngồi trước mấy món đồ ăn mà không thèm đụng đũa tới. Uống ngụm trà, ông nhăn nhó súc miệng, nhổ xuống thêm gạch hoa bắn tung toé. Và xìa răng thở dài. Người ấy cũng đang buồn vì mất một nơi nghỉ mát giữa thành thị.

2 Juin 1940

Trung Bắc Tân văn số 18 (30-6-79)

MỘT NGƯỜI MUỐN ĐẬP VỠ ĐÀN

(Truyện ngắn)

Đêm thứ bảy này, cũng như tất cả những đêm thứ bảy trước, Xuân phải đánh đàn nhiều quá, bởi vì những tối thứ bảy là tối kiếm được nhiều lời, những tối mà khách sạn Bagatelle trên đường Quận Ngựa mở cửa cho người ta ăn và nhảy cho đến sáng bạch nhật. Thật đúng như cái lối chơi “sáng đêm” của thành phố Sài Gòn, người ta có thể đi xem Tuồng, Cải Lương từ chín giờ tối cho tới gần sáng, giữa chừng chỉ nghỉ mất một chút đủ thời giờ để đưa cái miệng khô nhặt vào Chợ Lớn ăn dặm bảy miếng sủi dề, hồ lấy sức lại để xem tiếp lớp tuồng càng gần đoạn chót, càng múa may nhiều, càng inh ỏi nhiều.

Xuân đi trên con đường dề Parreau giải nhựa, trời mát thế mà chàng vẫn luôn luôn rút mùi soa ra thấm mồ hôi dẫm mái tóc và trần cả xuống thái dương. Ba bốn giờ sáng rồi còn gì ra xe pháo ở chỗ này.

Xuân định rẽ ngang sang phía nhà dậu Tam Đa, rồi xuống tìm Quý, người bạn chàng cũng làm nhạc công ở tiệm khiêu vũ Moulin Sans Souci. Tiệm khiêu vũ sát ngay ven Hồ Tây này, ở xóm Thụy Khuê, nguyên trước là một mái đình cổ. Nơi thờ kính cũ kỹ ấy giờ cũng đông khách thập phương đến “chơi” lắm bởi vì người ta đã sửa sang lại cho nó thành một cái *Nhà Xay Lúa Vô Ưu*. Quý vốn đàn ở đấy, cũng kiếm được ra tiền. Nhưng từ ngày có người Tàu sang đây lánh nạn đông quá, Quý gặp cái cô Tú Sương Hương người Thượng Hải manh mãnh ấy, Quý đâm ra chán nghề, chỉ muốn hủy hợp đồng với chủ tiệm và Xuân không chắc bạn mình có còn ở đấy nữa không mà đến tìm cho mất công. Lâu nay Xuân muốn gặp lại Quý, nhưng tối đến thì là cái thời khắc biểu của tất cả nhạc công, và lúc ban ngày có được rảnh việc, nhưng người nhạc công còn phải ngủ trả nợ cho mất đêm qua, đêm kia, đêm kia... Thành thử Quý và Xuân lâu nay không có gặp nhau và bây giờ Xuân lại cứ thẳng đường đi Parreau mà đi, nhất định không rẽ sang *Nhà Xay Lúa Vô Ưu* tìm bạn nữa. “Thà không tìm hẳn nhau, còn hơn là tìm mà không thấy”. Xuân thở dài, tai lắng nghe chuông sớ *La Pho* điểm bốn tiếng rè rè bên bờ hồ nước. Xuân thấy đêm gần tàn, nhớ đến ăn và tự bảo: “Biết thế ban này mình cũng cùng ăn đồ nguội với anh em cho nó xong. Cái lão chủ tiệm ấy được cái

khá là đêm đêm lúc hết giờ đánh đàn cho khách hàng của lão chơi nhảy, lão không có buồn xin về bữa ăn đêm của đám anh em nhạc công mình”.

Đi qua Bách Thú, tuy là đi ở vòng ngoài công viên mà Xuân cũng bắt lấy được một vài tiếng động của cái vườn rộng mà đêm đã nhuộm thắm một màu bí mật và tội lỗi. Một con gấu nhở rừng, rống mạnh lên mấy tiếng liên tiếp, nghe như tiếng người thuê nhà trên gác hay kê lại chiếc tủ áo. Một con công chột tỉnh ngủ, tường đã sáng, vội kêu mấy tiếng “Xấu hổ! Xấu hổ!”. Đã đi đến cổng đình Ông Bảy rồi mà Xuân vẫn còn nghe thấy cái thanh âm đồng vọng của một con vườn cái kêu rầu. Người làng Ngọc Hà đã lủ lượt gánh rau đi qua Cửa Bắc, xuống bán ở chợ Đồng Xuân từ bao giờ.

...Cái hiệu cháo lòng sáng ở ven đường Cửa Nam, trông sang chợ là một nơi có đủ hạng người đến. Nhưng số đông, vẫn là đám phu xe. Người ta vào đây là để ăn cho mau, cho ấm cái bụng trống không rồi đi làm việc ngay với cái ngày cần lao của người ta bắt đầu từ lúc còn tối đất. Xuân phải lấy đêm làm ngày theo với nghề sống của mình, đến đây húp một bát cháo nóng để rồi về đi ngủ. Chàng thấy mệt lắm, chán lắm, xương thịt buồn như người nghiện thiếu a phiến. Nếu bây giờ ăn xong, lủ về đến nhà mà giấc ngủ lại chưa đến cho thì Xuân tin sẽ phải khổ sở vật vả nhiều

lắm. Đã có bao nhiêu người rất khôn ngoan, không bao giờ dám điên dại lấy một phút, vụt trở nên phạm nhân, tiêu tiền một cách kiêu ác, đập phá đồ đạc và đến cả những cuộc đời chung quanh, chỉ vì lúc bấy giờ, họ đã cầu nguyện mãi một giấc ngủ không chịu đến cho đúng lúc.

Trời đêm nay đổi tiết, mọi vật trở nên khô cứng, co lại. Ở góc buồng riêng của Xuân, có một cây đàn đứt dây. Sợi dây ruột mèo đứt đánh bộp một cái. Tiếp cái tiếng khô ngắt rã rời ấy là một hồi tiếng vang của chùm kim thanh yếu ớt rỉ rên rung trong thùng đàn khô nỏ. Lòng Xuân cũng se lại vì cái âm hưởng tượng trưng ấy. Thương cây đàn đã mấy bữa bỏ quên không đánh đến, quên không nối dây những lúc cây đàn được vô sự. Xuân vận trái lại những trục đàn, đánh chùng lũ dây xuống. Trục đàn không có dầu trơn, gắt rít lên. Nhẹ nhàng chải dây đàn, vuốt sợi tơ, Xuân chợt nhớ đến một mẩu chuyện được nghe đã lâu lắm ở một nơi hoà nhạc. Là cái ông Hoàng Ngũ Đại ấy, ở Huế, những ngày phải lên trên Tân Lăng trông nom lăng tẩm và sửa sang những chỗ vôi gạch nứt mẻ, biết sẽ phải vắng khỏi phủ mình lâu ngày, trước khi đi, bao giờ tự mình cũng lấy cái áo lụa xanh năm thân đột chỉ trứng rận của Đức ông đem đắp phủ lên cây đàn cho khỏi có bụi bám vào dây và cho sợi tơ đỡ ải. Họ kêu là ông Hoàng ấy ủ đàn.

Dàn đứt mất cái dây đại, Xuân lăm bắm: “Đứt vào quãng giữa thế này thì nói sao được nữa. Thế là lại mất hai đồng bạc mua sợi khác. Mà bây giờ là ngày cuối cùng tháng”.

*

*

*

Khách sạn trên Quần Ngựa đêm hôm thứ bảy này lại đông như lệ thường. Đám nhạc công phải đàn luôn tay. Họ là sáu người. Một người Tây lai, một người Phi Luật Tân, một người Tàu và hai người nữa cùng một quốc tịch với Xuân. Xuân xử cây đàn contrebasse mà anh em thường gọi đùa là cây đàn bò.

Đám người giàu có ngồi ở dưới kia phần nhiều là người ngoại quốc dạt nhau tới tiệm Bagatelle để thoả mãn ít nhiều nhục dục. Một cặp vợ chồng già uống rượu để tiếc đời. Một cặp nhân tình trẻ muốn say sưa để mà càng thương xuân. Giữa hai món ăn, họ nhảy. Bọn Xuân, theo bài khiêu vũ phải đàn liên thoảng lên cho những người ấy tìm thấy được vui trong lòng. Bọn Xuân, như một cái máy thụ động, cứ việc ngồi đấy ôm lấy nhạc khí mà đàn, đàn cho đến sáng hừng. Bao giờ những vị thực khách kia đã mỏi, nghỉ, thì đám nhạc công cũng mới được quyền mỗi mệt. Đám nhạc công thực tình nhiều buổi đã muốn phản kháng lại, không

muốn bấm phím nữa, không muốn ngậm cái đầu dăm kèn, không muốn hoa cây vỹ lên nữa. Tai họ đã gây những thanh âm quen thuộc ngày ngày của khúc loạn tấu rồi.

Xuân cảm thấy cái đời nhạc công của mình ở một khách sạn khiêu vũ, không những là vô vị mà còn nhọc nhằn là khác nữa. Tấu nhạc trong hoàn cảnh này đã hết là một cái thú thanh cao âm thầm của tâm hồn. Ra từ trước tới giờ Xuân chỉ là một kẻ a tòng vô tình giúp một tay vào những trò kiêu sa dâm ác của một đám người thừa ăn mặc, tìm nhau ở đây để ăn một bữa cơm đắt tiền, mượn tiếng đàn để làm tiêu một cuộc no say hân diện và trai gái ấy đã mượn luôn âm nhạc để cho nhau chút ảo tưởng của tình ái mà mặt thực thì chỉ là những thú tính thô kệch. Ra Xuân đã hoa mãi một cây vỹ, tòng đảng chạy theo những cái ô trọc, trong lúc xuẩn động ấy đã gây nên bao nhiêu ồn ào và đổ vỡ. Chàng buồn rầu hơn nữa, khi nhận thấy từ trước tới giờ, chưa bao giờ mình là nghệ sĩ, tuy đã sáu bảy năm nay, đêm nào mình cũng đánh đàn. Đánh đàn để làm vui cho thiên hạ. Và trong lúc ấy thì mình quên lãng hẳn cái lòng mình. Người ta thường bảo đáng nghệ sĩ là một kẻ chứa ích kỷ và tính vị kỷ ấy đã là nguyên tác của bao nhiêu tác phẩm lớn. Nhưng bấy lâu nay Xuân đã duy tha quá. Xuân chỉ biết có người chung quanh. Chàng đã

chạy theo thiên hạ mà hoà nhạc, chàng đã ca ngợi những cái vui buồn tầm thường ở cạnh mình. Cái công chúng múa may quay cuồng ở dưới sàn nhảy Bagatelle kia, là những người đang vui, đang buồn, đang nhớ nhung, đang thương tiếc, đang sung sướng. Mỗi người có một tâm cảnh. Họ trúng số, họ nhớ nhà, họ muốn khóc vợ, họ đánh mất tình nhân, họ đều mượn đến tiếng đàn của bọn Xuân để biểu lộ thêm cái tâm trạng họ. Hình như họ cần phải kêu to lên cho rõ cái vui buồn ở lòng họ. Ừ, thế này thì đáng giận thực. Đời bắt Xuân sinh ra cầm một cây vĩ thì cây vĩ ấy tưởng chỉ phải hoa lên để diễn tả những điều u ẩn của lòng Xuân thôi, chứ sao chàng lại đi ca ngợi những thất tình của thiên hạ. Xuân nhận thấy mình, từ trước đến nay, đối với thiên hạ thì hậu quá mà đối với riêng mình thì đã quá bạc bèo.

Tiếng đàn đang trí của Xuân vấp đến khổ này là bốn lần tái phạm, nắc mạnh lên một cái. Anh em cùng ngồi cử nhạc, thấy Xuân lỗi điệu, đưa mãi mắt cho bạn, lấy chân đá vào giấy bạn để nhắc Xuân uốn vĩ theo vào nhạc luật bởi vì bản đàn đang vào khổ dồn và dưới kia khách khứa nhảy đang hứng. Xuân càng lạc hết cả cung bậc. Mắt chàng hoa lên.

Giữa lúc ấy, có người ném mạnh cái đĩa gạt tàn thuốc lá rơi thồm vào bụng Xuân.

- Ê, lũ nhạc công, đàn địch lỗi gì thế hử? Bay cho tai bọn tao là tai trâu cả sao !

Bà đầm cùng nhảy với người to lớn vừa nói câu ấy và có lẽ là vừa ném cái gạt tàn thuốc lá ấy, cũng biu môi ra cười.

Xuân chống đàn xuống sàn đứng thẳng mình dậy, tay cầm ngang cây vĩ như một người dưng si hoành ngang cây giáo để nghênh địch, mắt lừ lừ thử thách. Chàng giận quá không nói được ra tiếng. Bọn Xuân lại hòa nhạc tiếp, bởi vì ông chủ tiệm Bagatelle đã khéo khu xử đôi bên.

Lúc nghỉ tay đàn, có một người ốm yếu, rụt rè đến gần bọn Xuân, để một đồng bạc giấy vào lòng đĩa.

- Tôi xin mấy anh bản đàn *Con sông Danube xanh*.

Dưới sàn nhảy người ta lại tái cuộc.

Bọn Xuân đánh bản đàn *Con sông Danube xanh* hay như chưa bao giờ được thế! Bởi vì cả bọn Xuân đều lấy làm thương người khách lẻ loi kia bởi vì cả bọn đều có thiện cảm với người khách chơi ốm yếu kia vừa rón rén lên để một đồng bạc vào lòng đĩa với tất cả cái chân thành của một khách yên hoa nghèo và có giáo dục. Bọn Xuân không rõ tên và địa vị người khách cứ hôm nào đến cũng chỉ xin có bài đàn đó. Họ chỉ biết trước kia, vị khách đó ăn mặc sang hơn bây

chạy theo thiên hạ mà hoà nhạc, chàng đã ca ngợi những cái vui buồn tâm thường ở cạnh mình. Cái công chúng múa may quay cuồng ở dưới sàn nhảy Bagatelle kia, là những người đang vui, đang buồn, đang nhớ nhung, đang thương tiếc, đang sung sướng. Mỗi người có một tâm cảnh. Họ trúng số, họ nhớ nhà, họ muốn khóc vợ, họ đánh mất tình nhân, họ đều mượn đến tiếng đàn của bọn Xuân để biểu lộ thêm cái tâm trạng họ. Hình như họ cần phải kêu to lên cho rõ cái vui buồn ở lòng họ. Ừ, thế này thì đáng giận thực. Đời bắt Xuân sinh ra cầm một cây vĩ thì cây vĩ ấy tưởng chỉ phải hoa lên để diễn tả những điều u ẩn của lòng Xuân thôi, chứ sao chàng lại đi ca ngợi những thất tình của thiên hạ. Xuân nhận thấy mình, từ trước đến nay, đối với thiên hạ thì hậu quá mà đối với riêng mình thì đã quá bạc bèo.

Tiếng đàn đang trổ của Xuân vấp đến khổ này là bốn lần tái phạm, nấc mạnh lên một cái. Anh em cùng ngồi cử nhạc, thấy Xuân lỗi điệu, đưa mãi mắt cho bạn, lấy chân đá vào giấy bạn để nhắc Xuân uốn vĩ theo vào nhạc luật bởi vì bản đàn đang vào khổ dồn và dưới kia khách khứa nhảy đang hừng. Xuân càng lạc hết cả cung bậc. Mắt chàng hoa lên.

Giữa lúc ấy, có người ném mạnh cái đĩa gạt tàn thuốc lá rơi thôm vào bụng Xuân.

giờ và hay đi với một người đàn bà dong dong, tóc tợ màu da đồng. Nàng đẹp lắm. Mê nàng, bao nhiêu người nhảy đầm. Bây giờ, người đàn bà ấy, có đến mấy tháng không lui tới tiệm này. Và vị khách kia, muốn trung thành với kỷ niệm ngày vui cũ, cứ cách một đêm lại tha cái thân hình cô độc lên đây, người trông bạc nhược hơn trước, quần áo nhàu nát hơn trước và uống rượu thì chỉ dám uống cầm chừng và chỉ chọn những thứ nào rẻ tiền nhất. Hôm đầu, người khách đó ngập ngừng đặt đồng bạc vào tay anh Khương đánh chũm chọe và nói như khóc: *Con sông Danube xanh* đã là một cái ám ảnh trong đời tôi. Các anh vui lòng cầm tạm lấy chỗ này. Tôi giờ không đủ tư cách để mời các anh uống rượu. Mỗi vị một tuần! Phải long trọng được như thế thì mới xứng đáng phải không các anh nhỉ!"

Dứt bản đàn *Con sông Danube xanh*, có một người to béo khác thích quá vỗ tay hô ầm lên, chạy lên cái bệ âm nhạc, nói bô bô:

- Này, đám nhạc công, ta đãi mấy người một tuần rượu.

Đến lượt Xuân, Xuân lắc đầu, không uống rượu mời của người to béo ấy. Chàng chỉ bảo bồi rót cho mình một cốc nước lọc. Giá như mọi hôm thì dù có không uống, chàng cũng cứ bảo bồi lấy cho mình những thứ rượu đắt tiền. Tội gì, có người dừng mớ trà

tiền mà lại không phá và làm lợi cho lão chủ một chút. Nhưng đêm nay, Xuân chán và bức lắm rồi!

Cái người to béo ấy đùa mấy câu thô tục xúc phạm đến lòng tự ái Xuân, Xuân cầm luôn cả cốc nước đá hắt vào bộ quần phục của y.

Đêm thứ bảy ấy, mới có một giờ khuya, mà Xuân đã được về nhà, bởi vì đêm ấy cũng là đêm cuối cùng của Xuân tấu nhạc, tại tiệm Bagatelle. Chàng đã xin thôi việc ngay sau lúc ồn ào đó và nếu không thôi thì chủ khách sạn cũng chẳng nhận chàng nữa. Đêm ấy trời ngả nồm, Xuân về đến nhà, trần trọc mái. Trời nồm, dăm bảy con gián gặp ánh sáng đèn, bay vung lên, cánh lướt qua mấy cây đàn không phủ túi lụa, dây đàn vang rung lên rồi nhạt dần thanh âm trong cái buồn tênh của một đêm nhạc công vừa giải nghệ...

*

* *

Cứ này Xuân không phải làm việc đêm, dăm ra ngủ cả ngày lẫn đêm, cửa đóng kín mít, phần âm phần dương thành ra lẫn hết. Những lúc Xuân chợt mở mắt, chợt nhớ đến cái cử chỉ của người khách thô bỉ hôm nọ đã làm chàng nổi phần bỏ nghề. Xuân lại nhớ đến những lúc mình lĩnh lương, rủ anh em đi hát ban ngày ở xóm. Xuân cũng đã hành hạ mấy người

kép đàn đáy những lúc họ nhớ đàn thiếu một khổ để che chở cho một cô đào hát xóc phách non tay. Xuân cũng đã làm tình làm tội họ, những khi họ mệt không ra công đàn lối đàn khuôn; những sợi dây đại ấy nắn mệt lắm và đau đầu ngón tay lắm... Bây giờ suy bụng mình chàng mới thấu rõ đến lòng họ lúc ấy... Chàng ghéech lên cây đàn ở đầu giường và lấy làm chán cho cái nghề đánh đàn làm vui cho thiên hạ. Chàng vươn vai, tay khoa phải đàn, chiếc đàn rớt xuống sàn tương tan vỡ ra ngay được. Mọi khi, đàn rơi như thế, Xuân đã xuýt xoa nhiều. Nhưng bây giờ chàng mặc cho đàn rơi không cần biết đến cái đồ vỡ ấy... Xuân vốn ít Nho học, chàng chỉ nhớ mang máng lại cái truyện ông gì ngày xưa đem chẻ cây đàn vì cái ông gì ấy - người tri kỷ thăm âm mình - đã chết đi. Giá lúc này, tìm lại được cái anh bạn kể chuyện ấy mà hỏi cho ra mấy cái tên người xưa thì thú biết chừng nào.

Ngủ đã nhiều quá, mắt hùm sụp, Xuân hôm ấy cần phải ra đường đổi không khí. Lâu nay cứ ngày ngủ, đêm thức, mặt chàng bọt ra như người thiếu máu. Soi gương, Xuân thấy mặt mình còn thiếu cả ánh sáng nữa. Thấy một người mù thổi sáo cốt để bán lạc rang cho mau hết hàng, Xuân bực mình quá, đòi lại đồng xu đã đặt vào lòng bàn tay đưa trẻ đeo thùng lạc. Mua tờ báo, xem thấy cái tin nhà nước cấm các

tiệm nhảy đầm không cho khiêu vũ nữa, Xuân nở một nụ cười.

“- Cũng là hay. Bây giờ mọi người nhạc công sẽ thất nghiệp, sẽ không phải đàn cho thiên hạ nữa. Họ sẽ đủ thời giờ để đàn riêng cho lòng mình nghe thôi. Và anh em đều có thể cùng trở nên nhạc sĩ cả, nếu biết lựa phím mà tìm thấy chính cái vui buồn riêng tây của lòng mình”.

Trung Bắc Chủ nhật
số 19 (1940)

CÓ MỘT NGƯỜI KHÔNG MUỐN ỒM NỮA

(Truyện ngắn)

Đêm vừa rồi, Nguyễn lại lên cơn sốt rét. Cứ cách một ngày, sốt và rét lại trở về. Vào những ngày cắt cơn, Nguyễn nhớ đến bệnh tình đêm trước cả xác lẫn hồn bị lạnh và nóng kế tiếp nhau mà dày vò, chàng lại tưởng như đây chỉ là một cơn ác mộng. Thật vậy, không ai ngờ rằng người ta đang khoẻ khoắn tươi tỉnh như thế này, ăn ngủ đều như thế này mà lại là tội nhân của một thứ bệnh giam lỏng mình đây. Trông thấy Nguyễn vững vàng như thế không ai dám bảo rằng hôm qua hẳn đã là một thằng ốm và ngày mai đây hẳn sẽ lại ốm như thế, nghĩa là rét và sốt, rồi bỏ cơm cháo, rồi chề thuốc chề thầy và rồi nói mê rất nhiều câu quái gở. Cứ kể những lúc tỉnh táo, vào những ngày chẵn, bệnh cắt cơn, nằm tỉnh dương mà nghĩ đến những ngày lẻ, bệnh nổi lên để hành con bệnh, Nguyễn tưởng những cử chỉ ấy của mình chỉ là những trò đùa và ngày mai đây - là cái ngày lẻ mà

sốt rét đã hẹn hò về lại với mình - không khi nào chàng lại có thể diễn lại những trò giống như hi lộng ấy được.

Cái gì mà đêm qua, trời nóng làm tử và giường gỗ cứ xê dọc thớ gỗ từng tấm một, tiếng kêu nỏ như bẻ cành củi khô, mà chàng lấy cả một cái chăn dày những sáu cân bông trùm kín cả đầu lẫn chân, nằm phủ phục, chống hông lên trời rên hừ hừ và kêu la mãi vì vẫn thấy lạnh ở hai vai và buốt ở sống lưng. Sau một trận đại hàn thì tiếp đến một cơn nóng mà cơn bệnh tưởng chừng như gió nam ở tất cả những buổi chiều mát của cuộc đời này cũng không thổi tan được. Những ông lang và những sách thuốc quả quyết rằng bệnh sốt lên cơn nóng ghê nhất là chỉ đến ba mươi chín độ rưỡi. Nguyễn không tin. Nguyễn cho rằng đây là lời nói của những ông lang chưa bị ốm lần nào. Nóng cháy người lên như thế mà lại không tới bốn mươi độ là nghĩa lý gì ?

Những lúc sốt, Nguyễn có những ý muốn gì ấy à ? Lúc bấy giờ, kẻ đau ốm đã quên cả lễ phép đối với những người khỏe mạnh chung quanh trông người nào cũng đạo mạo trịnh trọng cả, kẻ đau ốm đã cởi cả áo lẫn quần, vứt tung hé hết lù vải lụa che đậy hình hài và trả lại manh quần tấm áo cho sự van mình phiền phức xong rồi, thì Nguyễn muốn nhảy tùm ngay vào cái bể nước kinh niên ngoài sân, hoặc chạy vụt sang

chú Khách bán thực phẩm trước cửa, xin ngồi lọt thõm vào cái máy nước đá ướp các đồ ăn và rượu bia trong mùa viêm nhiệt. Nguyễn đã nóng đến phát điên lên chứ chẳng phải là chuyện chơi. Người ốm ấy gất, hét, chửi, nguyên, dọa nạt cả những sinh vật hèn mọn ở trên trần, nơi vách và dưới nền nhà. Nằm trên giường bệnh, phì nhổ thuốc, xỉ vả ông thấy vắng mặt, Nguyễn có nhiều phút thấy mình cần phải giết người thì trong người may ra mới đỡ nóng. Ai dám bảo sức nóng chỉ có không đầy bốn mươi độ ? Nguyễn tin rằng giữa cơn nóng, chàng loã lồ thân thể, cào xé bất cứ cái gì bận mắt chàng, giữa lúc ấy đem hàn thử biểu đo cặp vào nách chàng, thì cặp đến cái nào là phải vỡ bung cái ấy. Thủy ngân phọt ra hết. Sức nóng phải là hơn nước sôi, phải là quá một trăm độ. Ghê quá. Lại còn mưa ra giun sống nữa. Lại khóc cả người chết lẫn người sống nữa. Cả nhà Nguyễn đâm sợ.

Cơn nguy kịch đã qua.

Bệnh nhân được nghỉ đúng một ngày, để ngày mai lại chịu lại những cực hình của bệnh sốt rét cách nhật.

Nguyễn bắn khoăn, nằm mở mắt thao láo, đem mãi cái nhỡn tuyến mệt mỏi của mình ra mà đuổi theo mấy cặp muỗi ngày đang vi vu ôm yêu nhau qua một vùng không gian sặc sụa mùi ký ninh lẫn vị thuốc bắc. Vợ Nguyễn đưa quần áo cho chàng thay.

- Này, hôm qua mình lên con sốt dữ dội hơn tất cả những cơn mọi ngày. Mình chửi cả cụ Hai lại thăm và biểu cân táo trắng kia kìa. Mình lại gọi tôi là Dung. Lại còn Dung nào nữa ? Người bạn học của tôi mà mình vẫn ca tụng là người đàn bà lý tưởng ấy mà.

Nguyễn hơi ngượng. Xấu hổ vờn lên khuôn mặt xanh rờn chàng một chút lòng dào. Nhưng Nguyễn vẫn nghe vợ kể tiếp:

- Chắc lúc mê sốt thì chẳng nhớ lại được những câu mình nói. Tôi vừa sợ vừa buồn cười khi thấy mình mở hơi ra như tấm, rồi mình bắt cuốn hết màn lên và lại gọi cơn gió là chú. “Ai gõ cửa đây? Chú gió đây phải không?”.

Nguyễn đối chiều nằm, nhếch mép cười:

- Ai lại nói mơ đến như thế. Chỉ bịa.

Vợ Nguyễn nguýt và muốn tỏ cho chồng biết mình không có ý vu cáo một người ốm, nàng bèn tương ngay chứng cứ ra: một tờ giấy có những dòng chữ chì xanh ngùng ngoằng. Trong cơn sáng sốt không rõ Nguyễn đã mê thấy gì mà viết nguỵch ngoạc những câu tối tăm ma quái như: “... Cái người lái đò chở những linh hồn tội nhân sang ngang bến sông Hắc thủy ấy, có hai con mắt đỏ rực lồi hẳn ra ngoài như hai cái đèn bin soi xuống một vùng nước đặc như bùn lầy. Những vết ánh sáng nơi mắt người lái đò chiếu ra, đỏ và rung

rinh như những con chạch máu oằn oài. Mùi nước tanh hơn mùi hột vải bỏ bếp và mỗi phả vào mặt, lại hâm hấp nồng nồng như hơi lửa lò vôi. Cái bát cháo lú của bà cụ già cho ăn vừa rồi thế mà đủ làm cho ta quên mất đường về. Bên kia bờ, không một tiếng chó, không một tiếng gà, lạnh tanh, đen và buồn quá...”

Nguyễn đọc đi đọc lại, tự cho những dòng viết trong cơn mê sốt như thế là hay lắm nếu, lúc ấy chàng đã cố ý dùng sức mạnh của trí tưởng tượng để vẽ nên một cái gì trong loại văn huyền ảo. Nguyễn lại tự nhủ: “Nếu ở cái đời khoa học đều thiết thực cả như thế này, mỗi đứa chúng ta đều ghi nhận lại được kết quả những ảo cảnh và cảm giác của mình khi tinh thần rối loạn vào lúc bệnh tình khủng hoảng, thì sẽ có rất nhiều bức họa kỳ dị quái đản lưu lại cho cái đám hậu thế khoẻ mạnh lắm đây”! Vợ Nguyễn vẫn nói:

- Minh thấy những cái gì mà lạ thế? Bà cho là mình đã lỡ trêu phải cô cậu ở đền phủ hoặc cây đa miếu thiêng nào, nên đã đem khăn áo của mình ra ngã ba để hủ hồn. Hôm nay mình tỉnh nhiều lắm. Có lẽ đúng đấy. Tính mình ngộ ngược kia. Chồng có khỏi rồi lại đưa anh đưa em mà đi rừng đi bể, nhờ trêu vào ma mường thì khốn đấy.

Nguyễn thấy nhạt tai, nhạt mồm, nhạt cả mắt. Con mắt nhạt lại nhìn vào giữa một cái phòng nhạt.

Nguyễn bảo vợ đưa cho mình cả tập báo ứ trệ lại mấy bữa nay không giở đến. Thế giới độ này nhiều việc biến cải quá. Cuộc đấu bể giữa nhân loại. Cuộc đấu bể trong lòng người phải làm chứng cho thế kỷ. Bức dư đồ bình diện lại có sự thêm bớt.

... Lại có một Kinh thành nữa gặp vạ.

Gập tờ báo lên ngực, Nguyễn thấy ồm đau lúc này là một điều đại sỉ nhục cho một trang thiếu niên. Chưa bao giờ hơn lúc này, Nguyễn thấy khổ vì thiếu sức khoẻ và thêm tiếc cái sức khoẻ cũ của mình bị mòn mất đi vì những ngày trác táng xưa xa.

Nói gì chuyện xa. Mới năm ngoái đây thôi chứ đâu xa. Những bạn phùng trường tác hí đã ganh ghét với Nguyễn bởi vì họ thấy Nguyễn càng chơi bởi càng khoẻ, càng lấy đêm làm ngày thì lại càng tỉnh táo, lại càng ăn nhiều, uống nhiều, hút nhiều, nói chuyện ở đám đông người lại càng có duyên và vào những lúc trác táng sa ngã liên miên như thế, hề gặp một việc làm ăn gì phải tính toán bằng tài bằng trí, thì Nguyễn chưa hề vấp hoặc hớ lấy mấy may. Những lúc được cuộc sống hậu đãi như thế, Nguyễn cũng thừa hiểu rằng chẳng qua là do sức khoẻ lồi dấn đi hết. Phong, sương, cảm, mạo của cuộc đời bữa bữa khinh địch hãy gửi tội Nguyễn đấy, đợi lúc nào cái máy lớn ấy gặp giờ thiếu một cái đinh ốc thì chúng sẽ nhao nhao nổi dậy để phá cái đại cục trong người Nguyễn một thể. Dẫu đồ, bìm leo, quả có như sự tiên tri của Nguyễn.

Hơn một năm nay chàng hay ốm vặt. Lưng mỏi, vai mỏi, xương sống lỏng lẻo và ống chân buồn như có giò đục. Chưa có tuổi mà mỗi lúc tiết trời giao nhau, là cơ thể chàng lại xộc xệch mấy buổi. Người ta bảo chàng có chứng phong thấp. Và người ta lại bảo rằng mười người chơi bời thì có đến chín kẻ thể nào cũng phong thấp. Nguyễn cũng chẳng lấy thể làm tức mình mà lại còn cho là phải, là đúng nữa. Con người ta sống cho có điều độ thì đã vội việc gì đến thế ? Cái quả ngày này bao giờ cũng do cái nhân ngày nọ kết nên. Chính chàng đã tự tạo lấy sự suy đồi đọa lạc, chứ nào phải tiên thiên kém hay thiếu gì cho nó cam. Vậy cho nên không dám oán trách và chỉ biết cố hứng chịu, Nguyễn đã bình thân mà hắt hơi, mà sổ mũi, mà nhức đầu, mà buồn bã nơi chân tay và cả nơi tâm tư. Hơn một năm như thế. Ốm đã là một thói quen. Một cơ thể suy mòn vốn hay gây cho người ta một cái tinh thần ủy mị, Nguyễn đã thấy những dịp mình được ốm như thế là một cái cơ để mà chính thức tuyên bố một cái tinh lười. Lười một cách chân chính, phải có người nói ngọt, cho ăn ngon, nâng giấc và chiều những cái eo oẹ nũng nịu, Nguyễn còn muốn cái gì nữa ! Lúc ốm, lại còn là một dịp để đình chiến với cuộc sống, bỏ dở những công việc làm chung với những bọn ngu tợn buống mà lỡ gặp phải trên đường đời, không phải thực hành những lời hứa đã đến kỳ hạn, và đuổi những chủ nợ ra khỏi nhà mình, nói nhăng nói cuội nói lớn mà không ai dám ngăn cấm. Nguyễn đã cho những

ngày ốm một cách nhẹ nhẹ như thế tức là một lối xa xỉ trong cuộc sống của người muốn sống bằng tình cảm. Mỗi tháng ốm độ một kỳ. Mỗi kỳ độ hai ba ngày, cứ ăn rồi lại nằm dài như kiểu anh đồ thể hệ trước lúc chưa hiển đạt, nằm ườn ra đấy mà đợi cái thời của mình. Làm phí hao thời giờ, người ta bảo lại còn là một nghệ thuật nữa kia đấy. Tưởng phải tranh đấu, hoặc kiến thiết gì bằng những tư tưởng tích cực thì Nguyễn hàng, chứ cái lối tiêu cực như thế thì Nguyễn giỏi lắm. Cái nghệ thuật tiêu phí thời khắc của mình, thật không có ai truyền cho mà chàng đã tỏ ra là một người có nghệ chắt chiu và tinh vi lắm.

Nguyễn đã trau dồi hết sức cái tính hiếu tính của mình và để đối đáp lại với chung quanh, lắm khi chàng chỉ ngậm miệng.

Nguyễn không hiểu tại làm sao lại có những người mà mặc kệ một mình họ, họ cũng cứ họp được thành một cái chợ mà sự ồn ào nhộn nhạo không có thể chệ vào đâu được.

Thấy được cái cảm giác thú vị rất quý phái của những ngày mình bắt buộc mình phải ốm để thoát ly khỏi cuộc sống trong giấy lát, để duyệt lại cuộc sống bên trong của mình, Nguyễn lại lấy làm ái ngại cho những người ở đời chưa hề bao giờ dám ốm hoặc được ốm lấy một ngày. Họ rầm rĩ nó quen đi rồi.

Nguyễn nhớ lại cái lần ấy phải đấu cờ tướng với Trường, người bạn cũ tự phụ là kỳ hầu. Trường đánh

cờ cao, đi quân rất nhanh và trong mười sáu quân, quân nào Trường cũng phải dụng đến và trừ tướng sĩ tượng không kể, còn thì anh đều bắt chúng nó đổi chỗ khắp cùng cả bàn cờ. Chiêu tả chiếu hữu, chém trước chém sau, ván cờ ấy Trường vẫn không làm gì nổi Nguyễn, mặc dầu những quân gỗ kia đã mệt nhọc mà vẫn phải cố chiếu người cầm quân đang thích tấn công. Cờ Nguyễn vẫn vững vì có con mã ba đứng giữ đấy từ lúc mới xuất quân. Nguyễn hóm hỉnh chỉ con ngựa lạng lẽ ấy và nói chọc Trường: “Đấy anh xem con đứng vẫn hơn con đi và ở đời nếu cái thằng ồm không xương hay nằm như tôi đây lại vẫn còn hơn được thằng ngời một trật nữa”.

Những lúc Nguyễn ồm, chàng thấy sức sống của mình lại được tăng thêm vì những thềm thuổng, thương tiếc và mong chờ. Ồm là nghỉ ngơi, là nằm mà suy tưởng đến những ngày về trước và định lấy những ngày về sau. Nhưng cái thú ồm đau ấy thường là đắt tiền nên ít người dám màng đến.

Và cả ngay đến Nguyễn, dạo này chàng cũng không dám đùa cợt với cái siêu thuốc nữa rồi.

Cứ này, tiếng vang những việc từ ngoài đồn dập đưa vào xứ đã nhắc nhở các từng lớp người ở đây phải nghĩ đến một cái gì, phải tính làm một cái gì để định lấy phận mình và giữ lấy giá mình. Hình như có những âm thanh huyền bí xao động trong lớp không khí mới. Và trời đất năm nay lạ quá. Cái gì mà đã

cuối tháng tư sang tháng năm rồi mà có lắm buổi sớm mát lạnh như mùa xuân, có lắm buổi trưa dịu hiu như mùa thu và có lắm buổi tối, trời mưa gió náo nùng như tiết Thất tịch. Sự mưa nắng trong một ngày rất là thất thường và trái hẳn với thời tiết. Các ông già bà cả bảo đây là cái trời của loạn ly. Nhiều người đang khỏe mạnh và đều gãy gục xuống cả. Khác với quan niệm cũ, bây giờ thấy người chung quanh đau yếu, chàng lại thấy lúc này mình cần phải khỏe. Khỏe để mà gánh lấy việc. Cái việc lấy tai mắt mình ra mà làm chứng cho thời đại. Ôm lúc này, tức là một điều tối bản tiện, người ta bỏ phí mất nhiều sử liệu, người ta hụt tay đánh sống mất cơ hội làm người. Những lúc này người ta nên giữ đủ sức khỏe để nhận lấy một cái sử mệnh gì. Nguyễn nghĩ đến những đứa con trai thời loạn. Và tin rằng mình là đứa nạn nhân cuối cùng của thời bệnh.

Sớm nay cái cây lim cổ thụ ở vườn Bách thảo chỗ vườn du nhà kèn ấy, rụng hết lớp lá già. Nguyễn ngồi xem cây đổi lá, đổ lá xuống như mưa. Nguyễn thấy đây chỉ là một cuộc lia rụng không thể không có được. Lớp nhựa giấu trong lằn vỏ cây già sù kia đang đẩy lộc non chồi nhiều và giục cây cao lớn, mạnh hơn nữa lên. Nguyễn thấy lớp nhựa xuân trong người mình cũng đang chảy nhiều lắm.

CON SU TỬ MỘT NĂM QUÍ SỬU

(Truyện ngắn)

Họ là bốn người hình thù kỳ quái, ngồi bên một chậu tiết đánh đứng đỏ như son, trong một căn nhà lá ở ô Đống Mác, một buổi sớm Tết Trung nguyên.

Cái làng chơi sư tử giấy rằm tháng tám ở đất Bắc vào đời hai vua Thành Thái và Duy Tân vốn đã quen với bốn cái tên ngộ nghĩnh của bốn vị tay chơi này. Ấy là Ngổ Béo, Vạng Sài Goòng, Trưởng Lỡ và Sường Sáu Ngón.

Nhân vào kỳ tết rằm tháng Bảy, Ngổ Béo cho họp mấy bạn đồng chí lại để dự định việc làm đầu sư tử và tổ chức đám rước vào ngày Trung Thu chỉ còn trong có một tháng nữa thôi.

Ngổ Béo là người không có học, tính ngộ ngược, lực khoẻ lắm và đã từng ghi tên tuổi mình vào xã hội hỗn loạn thời ấy bằng một huyền sử đem về từ một cái bãi lau sậy lịch sử đất Hưng Yên. Ấy là người đồng thời

nói thế và cũng chưa từng thấy Ngồ Béo cải chính một lần nào. Trong cái đời Ngồ Béo, nhất sinh, kẻ thất phu ấy chỉ lấy việc múa sư tử làm một điều khoái hoạt nhất. Đời sống của Ngồ Béo, cả một năm hình như chỉ có một ngày rằm tháng tám là đáng kể. Y đã nói rằng “Nếu đức Thánh Tản Viên có hạ sơn mà cho em một cuốn sách ước thì em chỉ ước rằng đời em ngày nào cũng được là một ngày tết Trung Thu. Tết Trung Thu, hợp thành đảng đi múa sư tử, đánh trống trận, bật hồng, cướp cô và đập bánh nướng, thú lắm các chú ạ”.

Ngồ Béo có một người vợ chuyên làm nghề bán thịt ở cửa ô. Thấy người đàn bà đồ tể ấy, chọc tiết lợn, cạo lòng lợn và những lúc liếc lưỡi dao bầu vào cán cân sắt tiếng nghe rít rít mau mau như tiếng mảnh vỏ chai cạo ống giang, nhiều nhà hàng xóm lấy làm rợn rợn ở trong lòng mình, ở đằng sau gáy mình. Họ phỏng đoán trước đến những cuộc xô xát giữa vợ chồng Ngồ Béo. Có một lần, người chồng bạo thiên nghịch địa ấy, một buổi say rượu, đã muốn đem vợ ra để làm sinh vật tế cờ. Ngồ Béo bắt luôn con dao bầu sáng nhoáng của người vợ lằng loàn đang cầm ở tay vừa tuột xuống vì bàn tay nhầy nhụa những mỡ. Vợ Ngồ Béo tránh miếng đoản đao, thuận tay vớ được chai rượu, ghè mạnh dít chai vào thành giường cho mất hẳn cái cù lao ở trôn chai đi. Đường chai vỡ, lồm

chờm những răng cửa sắc muột. Vợ Ngổ Béo cầm lăm lăm cái khi giới bằng thủy tinh mà chuôi là một cái cổ chai, thử thách chồng: "Mày tài giỏi thì cứ vào đây với bà" Cuộc đổ máu ấy không xảy tới và sẽ không bao giờ xảy đến nữa vì hai vợ chồng Ngổ Béo đã biết nhau là xứng đáng kết làm đôi bạn. Vợ chồng phục lẫn nhau đã đành mà ngay đến các "chú nó" cũng thường ca ngợi đến cái đức tính gan dõm của vợ Ngổ Béo.

Cái chậu tiết hãm kia là của vợ Ngổ Béo để lại cho chồng trước khi đội mẹt thịt nhà ta góp với cái nháy nhòn của buổi chợ sớm tại cửa ô. Nàng đã bảo chồng:

- Hôm nay là ngày Tết, buổi chiều ai chả phải cúng và đón các cụ ở "dưới ấy" lên. Vậy nhà nên mời các chủ ấy ăn uống vào buổi sáng. Tôi hãm tiết rồi đấy. Nhà mượn chú Trường Lờ giúp cho một tay. Tôi phải đi bán thịt chợ Tết, chứ nếu được rồi mà ở nhà thì phải biết, gái này mà đánh tiết canh thì cứ xâu lại mà treo.

Buổi sớm ấy, có bốn kẻ thất phu ngồi uống rượu với tiết canh ở cửa ô Đống Mác. Máu đông món nhấm có màu sắc một chậu huyết ăn thề. Gọi đến việc mùa sư tử năm nay, Ngổ Béo nhắc lại chuyện năm trước và trách luôn Sường Sáu Ngón:

- Chú hỏng. Năm nay không cho chú chặn hậu nữa. Chặn hậu thế nào mà năm ngoái chú để cho bọn

Bạch Mai nó cướp mất đầu sư tử, và để cho chú Trương Lữ bị ba nhát xéng chém vào trán.

Trương Lữ xoạc miệng ra để nói to, làm răn rúm lại ba cái sẹo bóng phía trên lông mày.

- Mấy vết thương của em dạo ấy cũng chả có gì là đáng kể. Chơi dao thì phải có lúc đứt tay chứ. Có cái đáng phàn nàn là chúng ta đã đánh mất một cái đầu sư tử rất quý. Khởi thủy là tự tay anh Ba tôi làm ra nó. Đến đời chú tôi múa là được 4 năm. Tôi kể nghiệp vào, vừa vãn cộng lại được là chín năm. Giá năm ngoái không bị kẻ kia cướp qua tay, năm nay ta làm một cái lễ thập chu niên cho con sư tử của bọn mình thì vẻ vang biết mấy.

Sương Sáu Ngón muốn cho anh em đừng lời mình ra mà trách móc nữa, bèn kể một câu chuyện làm quà với Ngô Béo:

- Các anh đều biết lão Sập Vây làm tài phú ở hiệu Đông Hưng Viên đấy chứ. Chú ấy muốn anh em mình năm nay lại lên múa ở hiệu chú. Hôm nọ gặp em trong ngõ Sầm Công, chú có bảo đã để dành riêng một quầy thịt lợn rừng sấy Quý Châu để làm riêng mấy cân bánh nướng treo giải sư tử cho anh em mình.

- Ừ thì múa. Bánh nướng Đông Hưng Viên ngon có thể quên nguy hiểm được đấy. Năm nay anh lại cất công từ dưới này lên tận Hàng Buồm một chuyến nữa.

Chả phải vì tham mấy miếng bánh, nhưng chính là để cho những đám khác chúng nó biết rằng đây mình bắt chấp đến cả chúng nó vì chúng cứ tưởng rằng giang sơn nào là của riêng anh hùng ấy. Để rồi năm nay ta thử xem cái bọn thằng Thiêm Thử Sắt ở ô Quan Chưởng có còn giữ độc quyền nữa thôi. Nó thường bảo phố Hàng Buồm là riêng của nó, đứa nào dám đem sư tử lên đến “giang sơn” nó mà múa thì nó cho một nhát xẻng và một manh chiếu bó xác.

- Sập Vây lúc ấy thích anh lắm. Lão bảo anh múa hay lắm. Đến ngay bọn tuý tướng quân Cờ Đen đóng ở tỉnh Đoài, ngày xưa múa cũng chỉ hay đến thế thôi. Lão còn khen anh về cả cái tài ăn bánh nướng nữa. Mỗi cân bánh chỉ ăn có bốn miếng. Vừa múa vừa ăn. Dứng công kêêng trên vai bốn năm người nối lên nhau làm cái thang đã chênh vênh rồi mà anh chỉ múa đầu sư tử đỡ có một tay, còn một tay thì thò từ trong mồm sư tử ra giật bánh giải mỗi cái vừa một miếng ngồm ngoàm.

Ngô Béo cười khi khi một hồi, xong rồi bèn nhìn ra phía cửa mà kêu:

- Quái, sao cái tên Lương Con bây giờ chưa thấy mò tới nhỉ. Anh đã nhắc đi nhắc lại đến ba bốn lượt để hẩn nhớ ngày mà xuống rồi kia mà.

- Lương Con nào ? - Vạng Sài Gòong hỏi.

- À, một đàn em. Con một ông đồ! Thế mới thú chứ. Có chú Vạng đây chưa biết đến hán đấy nhỉ. Để anh kể chuyện cho mà nghe. Nguyên ông cụ để ra chú Lương Con là một người đi thi mãi mà không đỗ. Ông bèn theo lũ cháu sang Hà Nội ở luôn ở Hàng Bạc với những người làng làm nghề vàng bạc. Chín phần mười những người Hàng Bạc là thuộc về phường Châu Khê tỉnh Hải Dương cả đấy chứ. Ông ta bây giờ ngồi viết chữ cho những người thợ chạm khắc vào vàng bạc và gần ngày Tết thì mang chậu mực và cây mực ra đình Hai Ông Tướng Hàng Bạc mà viết câu đối thuê. Một ông bố hiền lành như thế mà lại để phải một ông con chỉ thích múa gậy và nhảy đá bì cát. Lương Con hay xuống đây học võ, thụ nghiệp cụ Cử Miên, tập chuyên lắm nhé. Có y làm đàn em, năm nay làm đầu sư tử cũng đỡ được một khoản giấy bản. Y có khoe rằng Cụ Đồ Châu Khê có những mấy chục chồng sách nhỏ tẩn vào mấy cái níp sơn đỏ cứ chắc cứng lại. Chỗ ấy mà đem ra dùng thì có bởi đến một chục cái đầu sư tử đại mới hết được giấy bản... Năm nay có bởi, ta cho bởi độ mười lăm lượt giấy. Khí nặng một tí nhưng tha hồ cho xẽng cước chém xuống.

Gần tàn tiệc, Lương Con mới tới. Để trả lời một câu hỏi bằng mắt xích của Ngổ Béo, chàng buồn rầu nói rất khẽ:

- Ngày mai mới có dịp đưa xuống được. Em rình cả đêm hôm qua, cả sớm nay mà vẫn không cây được mấy cái níp sách.

Ngày mai, đúng hẹn, Lương Con đưa xuống nhà Ngô Béo có đến hai bồ con sách chữ Nho.

Đã sẵn cái cốt gỗ đầu sư tử mượn từ đâu và đưa về từ bao giờ, bọn Ngô Béo xoay trần ra bắt đầu bôi đầu sư tử để kịp chơi rằm tháng sau.

Họ tháo sách, để riêng ruột sách ra một tập và bìa phiết cây ra một tập. Họ bỏ bìa cây ngâm vào những nồi nước và sau khi bìa đã sùng nước thì đem bỏ vào cối mà giã như giã giò. Những nắm bột giấy lẫn chất cây nâu nâu ấy, họ dùng để đắp mũi, đắp gò má và mi mắt và sùng sư tử.

Người ta gỡ những tờ giấy bản ruột sách, căng phẳng ra và đắp lên cốt gỗ một lượt lại một lượt. Dưới sức thấm tẩm của lần hồ vữa, những chữ son, những chấm son chấm câu đã hết cả tươi thắm và xạm mãi mãi xuống. Hôm cái đầu sư tử thành hình đắp bồi thì cái mùi thơm của những cuốn sách chữ Nho của Ông Đồ Châu Khê đã là một cái mùi ung ung như mùi gỗ ngâm nước bùn. Tháng bảy hay mưa dầm, khí trời lại nồm, mùi ung ung ấy càng bốc mãi.

Đây là cái kết quả mười năm đèn sách của Ông Đồ Châu Khê. Bao nhiêu công phu của Ông Đồ Châu Khê

ngồi gầy lưng chấm câu cho mấy bộ Kinh giờ chỉ còn là thế. Trong cái đầu sư tử giấy, có cả một bộ *Kinh Thi*, một bộ *Kinh Thư*, một *Kinh Lễ*, một *Kinh Dịch*, thêm một tập thơ của Ông Đồ những lúc than thân, những lúc than thời. Cái thời của Ông Đồ Châu Khê đã hết từ năm ngoái kia rồi, nghĩa là năm Nhâm Tý, nhà nước mở một khoa thi cuối cùng cho người theo chữ Hán. Năm Nhâm Tý khoa thi cuối cùng, Ông Đồ Châu Khê cũng lại bay. Và năm nay là năm Quý Sửu, Ông Đồ ấy vẫn chỉ là một Ông Đồ ngồi án ọc trông giảng ở một cái gác tầu mã phó Hàng Bạc, với một ông bạn già cùng lỗi giờ sinh như mình.

Đêm rằm tháng tám ấy, trước khi vào tiệc rượu thưởng giảng - có rượu cất hương sen Hồ Tây, có ốc gác mở hóng bếp, có xôi vùng nén - Ông Đồ Châu Khê pha một ấm chè hạt, nước sôi đun bằng những mẩu vầu chè lạt bẻ khuôn vàng còn thừa lại, tàn than trắng xóp như bông. Để thi vị hoá cảnh mình thanh bạch, Ông Đồ gọi chè hột là chè tùng viên - hột tùng! - và cái than hoa loài tre kia là than bạch tuyết. Ông nhìn trắng và tự nhủ rằng *đem than bạch tuyết mà nấu chè tùng viên* thì còn gì thơm ngon bằng. Phường Châu Khê, người Hàng Bạc, xưa nay vốn lại có tiếng là pha chè hạt rất ngon.

Ngoài đường phố có tiếng ồn ào của những đám rước sư tử diễu qua và tiếng trống, thanh la vọng mãi vào cái gác sâu này.

Ông Đồ Châu Khê, vẫn chưa biết là Lương Con, con mình đã rút mất mấy phần ruột sách quý của mình, bèn chỉ mấy cái sách sơn son cũ màu, nói với người bạn già bằng một giọng cảm khái:

- Chữ Nho bây giờ hết thời rồi. Sách thánh hiền bây giờ chỉ còn là đám giấy loại. Mỗi vụ Trung Thu, bọn làm đầu sư tử phá hại không biết bao nhiêu là sách của cổ nhân. Một cái hồi loạn Văn Thân, bọn ta đã bị cái nạn ấy rồi. Bao nhiêu sách giấy bản là đem ra làm áo giáp hết... Bác không tin lời tôi nói thì hôm nào thử lấy một mũi dằm đâm xem có thể thấu qua được một cuốn Tinh Lý này không. Hết làm áo giáp trấn thủ đỡ mũi nhọn đánh nhau lại đến làm cốt bồi đầu sư tử múa chơi, cái công tiền nhân đeo một cái bỏ "Kính tích tự chỉ" sau lưng những lúc lượm giấy rơi ngoài đường, nghĩ mà lại tiếc quá bác ạ.

May mà tôi còn giữ lại được hết cả ở trong kia.

Cụ tự đắc, nhấp chén cười khà.

Cũng một đêm rằm ấy, vào cùng một cái giờ cảm khái của Ông Đồ Châu Khê, ở phố Hàng Buồm, có một đám múa sư tử to quá, đang đòi ăn giải thưởng.

Nhiều tay anh chị quen, búi tóc giấu trong một vuông nhiễu xanh trông như đức Thánh Quan, cũng nghỉ một buổi xe cao su con bộ ngựa; phụ vào đám rước Ngổ Béo để trợ lực lúc động dụng.

Ở trước con sư tử do Ngổ Béo múa rất dịu dàng, Lương Con đánh côn, múa ngọc để dư con thú càng quay cuồng nhiều. Trông Lương Con không ai ngờ đây lại là con một Ông Đồ. Ở trán chàng có một cái sứt mẩu gần kinh, ở ngực chàng có một cái thần hồng bằng nhiễu điều, ở bắp chân chàng có một đôi xà cạp vằn hổ rất ăn với đôi giày Tàu điểm một quả bông hoa diêm sơn. Lương Con thỉnh thoảng lại cho bật hồng, ngậm một ngậm dầu tây phun vào búi giẻ cháy nơi đầu que sắt. Lửa bùng lên, soi sáng con sư tử, soi rõ vào mặt Lương Con mồ hôi chảy ròng ròng. Chàng hét, chàng lộn. Tiếng trống và thanh la lúc thưa lúc mau làm cho mọi người đều say với cái đầu sư tử râu bạc phơ phơ. Nhưng mọi người đều lăm lét nhìn nhau khi hai cái xe bò kia đã đun từ cuối đám rước lên đến gần chỗ múa. Một xe bò toàn chiếu côi. Một xe bò toàn xẻng bóng nhoáng. Và đuốc nứa. Và đuốc giẻ tẩm dầu.

Nhiều người nghỉ trước đến lúc hai đám du côn cướp đầu sư tử của nhau và chém nhau bằng xẻng và liềm tử thi nhau bằng chiếu, nhiều người tự hỏi xem có nên bỏ dở cuộc vui mà về ngay bây giờ hay không.

GIÁ ĐỒNG QUAN GIÁM SÁT

(Truyện ngắn)

Người tôi bây giờ xấu lắm rồi. Cả đến cái giọng cũng kém. Còn ăn được nhau chỉ có một vài ngón đàn. Nghĩa là cũng chẳng hơn gì ai. Chứ ai đây tôi muốn chỉ người đồng nghiệp của tôi. Tôi nói rằng cả một đời về vang của tôi - tôi, một anh cung vãn trước đẹp giai, đẹp giọng hát - giờ tuy còn tài giỏi ở một vài điệu đàn ngọt, nhưng cũng không dám lấy đó làm chắc chắn cho sự mưu sinh, làm đảm bảo cho những ngày còn lại với sự lo hồ khẩu, bởi vì đến cái môn đàn châu vãn thì hồ như ai cũng đàn hay hết cả, cũng đàn được hết cả. Cái tài đánh đàn của một kếp cung vãn hình như không có chia cao thấp, non già như là bên đám đàn đáy hát ả đào chẳng hạn.

Nói đến cái đàn nguyệt châu vãn trước bệ thờ các Phủ Mẫu có những chiếc nón quai giấy mã lòng thông cùng treo rủ với những đôi hài hoa cánh phượng, có những ngai bạch xà, hoàng xà uốn khúc châu bên linh

vị thì hình như thiên hạ thấy đều đã trông thấy trước mặt mình một cây đàn, cầm dọc ngược cần đàn lên, người cung vắn mồm há hốc ra và ề a với những tiếng tơ: phành, phành phành phành.

Vậy ở một người cung vắn, cái tài nắn phím so dây không là đáng kể.

Đáng cho người ta chú ý là cái giọng hát của mình làm thế nào mà nó trong như rót cong được câu vắn châu vào tai người gần mình. Trong các làn hát, hơi hát, điệu hát, có lẽ hát châu vắn là khó nhất, vì nó ít có những hơi đệm, giọng mồm như là bên chèo, tuồng, ả đào, trống quân, vắn vắn. Lên xuống và chuyển giọng không khéo, dễ bị đâm ngang và giọng thành ra bó cứng lại.

Ngày trước, giọng tôi còn tươi gọn, tôi sống rất phong lưu, quanh năm, ngoài những lúc phải ôm đàn mà hát thờ, là tha hồ mà đánh tổ tôm, góp có khi hai ba chục một hội. Một cái nghề tinh, một cái thân được vinh nhân, có đúng !

Tất cả con cái nhà thánh thời ấy đều chuộng đến tôi. Những giá đồng do những người đàn bà trung lưu ngói hầu các đền phủ thì không kể; chứ còn như các bà cô ấy đã sắm nổi vài hòm khăn châu áo ngự bằng tơ thật với những thẻ bài bằng vàng thật, thì đều có triệu đến Trường Bùng này cả. Họ tranh nhau mà mời

tôi đi đàn, nhiều khi phải đi theo các bà, các cô ấy đến những ngôi đền cùng những cái phủ lọt vào tận giữa rừng, hẻo lánh quá, đi cứ mất hàng mấy ngày đường, bộ có, thủy có, lắm lúc tuy không được cùng nằm một chiếu nhưng được ăn cùng mâm với các cô, các bà ấy, lúc cùng thừa huệ thánh, cũng thú đáo để. Cái tên Trương Bùng hồi ấy chừng có như là một cái đàn đất tiền chỉ có đám phụ nữ phá của thì mới sấm nổi. Chưa có người đàn bà hầu bóng nào mà dám ném que nhang thương tiền cho tôi, dưới ba hào một thẻ nhang. Cái giá ba hào một thẻ nhang thương đã thành một ước lệ. Nhiều khi tôi vừa đàn vừa cười thầm, mỗi lúc có bà nào đã tiết kiệm mà vẫn cứ muốn làm ra mặt hoang, cũng ném thẻ nhang thương, nhưng độ vài que nhang nguyên vẹn, thì lại chêm vào một số rất nhiều que hương bẻ đôi. Lúc tan cuộc hầu bóng, Bùng tôi trình hương mà linh thương; và chỗ que nhang bẻ đôi, thì cứ hai cái bẻ gãy tinh làm một thẻ ăn ba hào.

Cái hồi ấy, quanh năm thôi thì hết tháng tám giỗ cha thì lại đến tháng ba giỗ mẹ, hết tháng sáu hội Gai thì lại đến tháng hai hội Mía. Rồi ngày vía đức Mẫu này, rồi ngày đàn đức Thánh nọ. Tôi cứ đội một chiếc nón dừa chóp bạc cán hoa vàng, quai lụa, trong áo cánh lụa, ngoài áo sa tây khuy ngọc thạch, ai gọi đến đâu là xách cây đàn khám xà cừ đi theo đến đấy. Thành thử tôi quen rất nhiều bà hầu bóng. Và các bà

ấy nhăn mặt tôi đến nỗi nhiều khi tạ xong Thánh Mẫu, các bà ấy còn bông phèng với tôi nữa. Ô, có nhiều người ăn nói có duyên và nũng nịu đáo để. Nó cũng là cái tật của người hay hầu bóng các ông Hoàng ngá ngốn, lá loi hay sao ấy. Họ cong cớn ở miệng, họ lại cong cớn ở mấy ngón tay cầm một điều thuốc tổ sâu kền ướp huê sỏi, huê ngâu. Nhiều bà lại còn thích cung vãn nịnh mình một cách vụng dại nữa, càng ngờ nghệch bao nhiêu thì các bà ấy càng ưa bấy nhiêu.

Tưởng đến một người cung vãn như Trưởng Bùng tôi mà nịnh hót một bà có tính đồng bóng thì không ai cù ký tôi mà tôi cũng cứ cười đến lăn ra như mô. Chiều nịnh một bà hầu bóng lúc bà ta lên giá đồng ông Hoàng Bảy ăn thuốc phiện và chim gái, nói và cười hé hé và dặng hăng, đã là một sự khó tròn được. Đến như chiều nịnh được bà ta lúc bà ta đã giải đồng rồi, lại càng khó quá.

Vậy mà tôi đã ra tâm mà chiều một bà hầu bóng, suốt một năm ấy, đèn phủ nào có khoá hội la tôi đều kê kê bên cạnh bà để đàn liên thoắng, hát chầu một cách liên miên và lúc “ngài” về đồng xong và “ngài” thăng rồi, thì tôi lại ton hót bà ta nhiều câu trơ trên quá, cho đến một đêm, trên cái bệ gạch trước điện cái phủ riêng lập ở nhà bà, bà ta buộc tôi phải nhận lấy những đặc ân cuối cùng (!) của bà.

(Kiểm duyệt bỏ)

Tên bà ta là bà Chánh K. Trước bà lấy một quan Đoan, nên mới thành ra cái tên Chánh K. nhưng vì tiếng K. là chữ Tây khó đọc nên mọi người đều gọi gọn thon lòn bà là Chánh. Chả cần phải khai thêm tên, cứ gọi là bà Chánh không thôi thì cái làng đồng bóng ở đây cũng hiểu là ai rồi. Đến phủ nào mà bà Chánh chả đã cúng một số tiền lớn.

Bà là người xấu lắm, khô gầy như xác mắm. Răng vấu, mặt rỗ, mũi tẹt trũng xuống, tóc đã ngắn mà lại cứ đòi để mãi cái đuôi gà. Chỉ được cái bà Chánh lúc lên đồng thì đeo đẹp ít ai bì. Tôi đàn hầu Thánh cũng đã nhiều, nhưng chưa thấy người nào hầu bóng có đáng đến như bà ta. Mười ngón tay bà ta đẹp như mười cái tháp bút. Cổ chân bà ta tròn. Ngón chân dài và không hở kẽ. Gan bàn chân đầy mà không vương. Với con người kém sắc và kém dòn ấy, hình như trời ban riêng cho đôi bàn tay và đôi bàn chân ấy để mà lên đồng, để mà múa và nhảy và phô khéo.

Tôi nói rằng lúc bà Chánh lên đồng thì bà đẹp vô cùng. Cái thân hình gầy đét ấy đã có áo ngực rộng che kín. Cái mặt rỗ và cái bộ răng vấu ấy đã có khăn châu phủ kín. Tơ lụa đã đắp điểm cho những khuyết điểm trên người một người đàn bà luống tuổi. Cứ kể vua Mẫu còn để cho bà Chánh làm người thì năm nay bà cũng... cũng phải đến bốn năm, bốn mươi sáu gì đó. Thành ra lúc bà hầu bóng, bà chỉ phải phô trần ra hai

cái tay ngón búp măng và đôi bàn chân gót đỏ như son và tròn như gót người phong lưu và đài các.

Bà vốn mình cao số nặng, Vua Mậu bắt ra làm lính từ đã lâu lắm. Trước khi đội bát nhang, bà đã tìm lên ngàn xin làm bà hộ ở một ngôi chùa trên vùng núi Quảng Yên. Nhưng rồi bà lại không ở chùa cho trọn được mà quét lá ăn mây Phật. Phật chê bỏ thì đã có Mậu thương. Bà bèn làm con cái Thánh. Ngoài những kỳ đi trẩy các hội, tháng tháng ngày tuần, bà đều có hầu bóng ở điện riêng lập ở nhà. Rằm, mồng một nào, tôi cũng phải tới đấy để hát châu văn. Bà trả tiền đàn cho tôi theo lương tháng, tính theo tháng ta, cứ mừng một thì linh lương. Nhiều hôm bà lại cho cung văn uống sâm banh nửa. Nhiều bà bạn bà Chánh, hay ngồi hầu dâng để đưa ống nhổ, chén nước, phiến gương và thay quần áo cho đông lúc hết mỗi giá, đều nhăm nháy và đưa mắt cho tôi một cách gian xảo lạ. Thậm chí có bà còn bỏ nhỏ vào tai tôi rằng bà Chánh mê tôi và xin tôi nên lợi dụng và lạm dụng những thiện cảm đó đi. Thình thoàng bà Chánh lại còn dắt tôi đi ăn cơm cao lâu nửa và hay đưa cho tôi những tặng phẩm đắt tiền. Bít tất phin tây hàng tá, rết đã có *bun-o-ve*, nực thì hàng tơ. (Đây này, đôi bít tất *ba-g hét* trở rua rách tôi đang đi đây là vật còn sót lại của hồi ấy). Cái nhẫn quá tim một đồng cân vàng tôi đeo ở tay, nguyên là của Hội đồng chấm thi châu văn năm Tý ở đền Cồn Linh (?) ban giải thưởng cho, bà bắt tôi cất đi, chê rằng ít vàng quá. Bà đánh cho tôi

một chiếc những ba đồng cân. Bà bảo có to thế, lúc bấm đàn, trông nó mới khéo...

... Đêm hôm ấy, bà Chánh hầu bóng lâu quá, như cái lối quen của bà. Chả giá đồng nào bà bỏ. Các thứ giá đồng các ông Hoàng, bà lên không sót một giá nào, từ ông Hoàng Cả, cho đến ông Hoàng Bơ, Hoàng Bảy, nghĩa là có bao nhiêu ông Hoàng thì bà hầu hết. Hết mỗi giá, tôi lại kéo rề giọng ra: "*Xe giááá... hồi loaaan*". Bà Chánh hết làm ông Hoàng bắn chim, rồi đến ông Hoàng đi ngựa rồi đến Cô Chín Giếng bơi thuyền rồng. Đêm đã khuya lắm rồi. Các bà hầu bóng đỡ mái gương bạc, lược bạc, ống nhổ bạc, cũng đã mệt lắm. Vậy mà mỗi lúc con đồng bị hành, đám ngực thùm thụp, họ đều cứ phải kêu nhao nhao: *Tấu cô, cô đẹp chín nghìn... Tấu cô, người trần mắt thịt...* Bà Chánh lại cười the thé, múa que hương, nuốt lửa hương như thầy phù thủy phần sài nhà.

Rồi bà Chánh lên ngay một giá đồng quan Giám Sát. Giá đồng này dữ dội lắm. Người nào nặng cân thì mới hầu đến quan Giám Sát. Trông con đồng búi tóc ngược lên, mặt đỏ dữ như chín vì rượu, thất lưng điều thất lẩy bụng con, mỗi người hầu bóng cầm một đầu ghì thật mạnh lại như lúc liệm phải buộc bụng tử thi, trông sợ lắm. Bà Chánh nhảy hét vang cá điện. Bà nhảy mãi. Nhảy chồm chồm trên tiếng đồng hồ, cứ như là đánh ghen với Thánh.

Không hiểu tại sao mấy bà hầu bóng đêm ấy lại bỏ về cả, bỏ bà Chánh nhảy một mình trên chiếu hoa. Trước khi ra về, các bà ấy hình như có nhảy tôi thì phải. Tôi cứ việc đàn. Dịp đàn lúc này mau lắm. Đêm ấy tôi lại không đem người phụ cung văn đi theo để gõ nhịp, thành ra đàn mệt hơn mọi ngày.

Đèn nến trên điện nhiều nơi tắt dần vì thiếu người nối sáp. Tôi bận với đàn, hát khô cả họng mà cũng không có ai rót cho chén nước. Tôi chỉ mong cho bà Chánh chóng thăng. Tôi đang lim dim. Bỗng bà Chánh hét lên, con đồng giải đồng và lăn vào người tôi. Cái cần đàn gây đánh rắc. Tôi sắp đỡ bà Chánh dậy, thì bà đè rấn tôi xuống, miệng bà tìm miệng tôi... Lúc ấy tôi chỉ ngửi thấy mùi khét của khói nến, lẫn với mùi nhang và mùi huệ ngát. Tôi không hiểu tại sao lúc ấy tôi không chạy và chỉ nằm yên trước cái bệ gạch lạnh, bên tai vẳng tiếng bà Chánh hỗn hển: “Cò ban tài cho, cò ban lộc cho, cò ban phúc cho Trưởng Bùng nhé!”. Bà cười sằng sặc lên rồi bà thiếp đi. Tôi lên ra về, sau khi đã lấy vuông khăn châu lụa bạch đắp phủ lên một cái mặt đỏ và một bộ răng vầu vừa rồi đã ập mái vào mặt tôi. Từ đó tôi kinh tởm, không lai vãng đến nhà bà nữa. Bà Chánh ấy hơn tôi đến tám, chín tuổi.

Trung Bắc chủ nhật số 32

13-8-1940

MỘT CẢNH RUỐC DẦU CHẠY TANG

(Truyện ngắn)

Cũng như cụ Hàn Ông, cụ Hàn Bà lấy làm mừng thâm trong bụng. Cái khổ người này thường là cái sướng của người khác!

Bà cụ Trường Hàng Bút khỏe mạnh thế mà chết ngay, không ốm một trận nào, không uống một thang thuốc chén nào, thì thật là việc trời - việc trời không biết sao mà nói trước được. Nhận cái tin này, vợ chồng cụ Hàn Cửa Nam lại đâm ra mừng rơn.

Cụ Trường Hàng Bút và cụ Hàn Cửa Nam vốn là chỗ thông gia với nhau đã từ mấy năm.

Định xin cô Bình Hàng Bút cho cậu Bé nhà, vợ chồng ông Hàn kể đã dày công đi lại với đảng cụ Trường. Sêu tết tốn kém và mệt quá. Tháng năm đậu xanh và ngồng, tháng chín tháng mười chim ngói và cốm và hồng, rồi thì động đàng ấy có ngày kỵ và cả đến một cái giò dúi, chả một tuần nhang nào giò dưới

ấy mà trên này không góp nển, ừi chào ời ! Có những người nào đã từng trầy trật vì đi hỏi vợ cho con rồi thì mới thấu đến những cái bực mình của vợ chồng ông Hàn Cửa Nam.

Nhưng bố mẹ không lo cho con trai - cậu Bế lại là con một nữa - thì định lo việc cho người thiên hạ sao? Lo lẽ cưới nay mai cho cậu Bế mà vợ chồng cụ Hàn cứ khô héo dần. Sự gầy sút ấy, nào giấu được ai. Cả xóm Cửa Nam đều thấy rõ.

Tiền cưới nay mai đã đành rằng tốn. Nhưng thỉnh thoảng, những việc đầu đầu xảy đến cho nhà gái lại còn hại thêm cho nhà ông Hàn một ít tiền nữa. Những sự tiêu pha ngoại phụ, lắm khi ông Hàn Cửa Nam phải bỏ bạc ra khỏi tráp mà càng thêm giận cho nhà thông gia sao lắm ách nạn thế. Thôi chẳng qua chỉ vì thằng Bế. Xử được cho nó đẹp như thế thì tức là đẹp mặt con mình một khi nó làm rể nhà người. Cụ Hàn vừa tự an ủi, vừa tiêu tiền. Vậy cho nên cái đạo cụ Trưởng ông dưới ấy ốm, cụ Hàn phải gửi xuống cho thông gia một ông đốc tờ chả hiểu thuốc thang mạch lạc có giỏi không, nhưng chỉ biết rằng cái ông bác sĩ ấy tính tiền đi thăm bệnh rất đắt. Một ông lang kẻ đơn đắt, ông Hàn lại vì tính sĩ diện, được trả những tiền đắt đó ấy, thế là đủ rồi. Ông cụ Hàn có cần gì nhà gái có người sẽ mau lành mạnh; ông chỉ cần cho dưới ấy biết rằng ông đã phải tiêu cho họ một số tiền.

Xử thế cho được lịch sự, cuộc xã giao nào mà chả tốn! Và khi người ta đã là một ông thông gia nhà nhận với mình đến bậc cho mượn đốc tờ, thì khi gả bán con gái, cụ Trương Hàng Bút cũng nên liệu mồm mà thử thách sinh lễ. Rồi ra cũng còn hơi chán. Đồng tiền đi trước vẫn là đồng tiền khôn. Ấy là cho được đúng với lòng mình cụ Hàn đã nghĩ thế. Chứ xưa nay cụ Hàn có làm được một cử chi nào gọi là hay, là tốt mà ở trong tuyệt nhiên không có ý cầu lợi.

Vậy thì nhân được cái tin dưới thông gia đưa lên, nói rằng cụ Trương bà vừa mất, cụ Hàn ông bèn báo ngay vợ:

- Bà may và tôi còn đợi gì mà không nhân dịp này đi xuống xin luôn con Bình cho thằng Bé nhà. Vào lúc nhà gái đang bối rối thế này, mình cố xin cưới chắc phải cho và nhất định là không dám bày vẽ thách thức như lúc bình thường. Bà phải biết mình giảm được cái khoản ô tô và cỗ bàn đi cũng đỡ nhiều lắm. Thôi, thế mà cũng là may.

*

*

*

Trong đám thân tình, có lẽ bà Thông là người thứ nhất đến chia buồn với ông Trương Hàng Bút, trước khi sự chủ cho chính thức phát tang cáo phó. Bà

Thông vốn là một cái gạch ngang nối nhà ông Trường Hàng Bút và ông bà Hàn trên ấy. Bà Thông lấy danh nghĩa là một bà mối đến chia buồn với nhà gái.

- Sống chết thực là lẽ đời, cụ Trường ạ. Cụ bà nằm xuống như thế, hưởng thọ cũng gần năm chục tuổi đấy cụ nhỉ? Nhân sinh thất thập là một điều khó lắm. Cứ kể kể cụ bà về như thế cũng là đến cõi rồi, không sớm quá và cũng không muộn quá.

Ông cụ Trường chả biết nên có một nét mặt thế nào cho nó tiện khi có một người đến phân ưu buổi đầu tiên, chỉ biết ngồi thừ ra và gọi người nhà rót nước đưa trâu. Bà mối bôm bẻm khẩu trâu gầy gầy và phảng phất cái mùi tanh người chết còn nằm trong nhà chưa liệm, nói tiếp:

- Như cụ bà nằm xuống, dầu con đã đủ cả. Chỉ còn thiếu chút rể. Tưởng cụ nên nghĩ đến. Việc lúc này ở nhà ta là việc buồn, là việc lo liệu cho người chết. Nhưng cũng vì đấy mà phải tính luôn đến chuyện người sống ngay đi thôi.

Nhân có cụ Hàn nhà trai đến để chia buồn - đấy là bà mối và cụ Hàn đã thông đồng mưu tính với nhau đến phân ưu sao cho được cùng một lúc có mặt tại nhà gái, chứ nào phải ngẫu nhiên gì - bà Thông bèn nối nốt câu chuyện ngắt quãng, chỉ luôn sang phía cụ Hàn:

- Luôn thể có cụ Hàn tôi ở đây và được hiểu rõ ý tứ bên nhà trai, chúng tôi muốn được cụ cho cưới chạy tang. Về việc cô Bình nhà ta và cậu Bế trên cụ Hàn, miệng tiếng thiên hạ thấy nói ra nói vào nhiều lắm rồi. Vẫn biết hai nhà đi lại với nhau, từ ấy đến nay, cụ bà đã thương nhận nhờ cho thì cũng chả ai làm gì cho ngang trở được. Nhưng không may cụ bà nhất đán hết lộc, phải theo về với Trời Phật, công việc giờ thêm khó ra nhiều quá. Chờ cho được hết cái tang ba năm, chúng tôi sợ về sự gièm pha của bên ngoài thì rồi tội cho đám nhân duyên đôi trẻ về sau này lắm cụ ạ.

Bà Thông nín bật. Cụ Hàn và cụ Trường ông nhìn vào cái rỗng tuếch của phòng khách. Nhà cụ Trường Hàng Bút đã lạnh vì người vừa chết, phút này lại giá cứng thêm vì câu chuyện khó nghĩ.

Bà Thông bấm cụ Hàn ra ngoài một lúc; trở vào bà đặt vào lòng đĩa khay trà một chiếc phong bì trong có ba tờ giấy hai chục.

- Đây là chỗ cụ Hàn chúng tôi gọi là đưa cụ, đòi được góp một phần vào việc ma chay cụ bà nhà. Xin cụ cho chúng tôi được coi việc dưới nhà đây cũng như là việc trên cụ Hàn. Chả có gì là nhiều nhồi. Gọi là góp vào đám cụ bà một cỗ xe đòn đám ma bốn ngựa.

Sự chủ vốn nghèo, biết nói thế nào, nếu không là nhận phứt số tiền sáu chục của nhà trai giúp mình rất đúng dịp.

Và phải trả lời cho dứt khoát về chỗ người ta đến xin cưới con gái. Cưới xong con gái rồi hãy chôn bà vợ. Việc hỷ đã rồi hãy tính đến việc hiếu. Người chết đâu đã bằng người sống - đang sống một cách lung tung.

Cụ Trưởng trả lời về chỗ xin cưới chạy tang mà bà Thông nhắc lại đến lần này là thứ ba:

- Vàng thì thôi, cụ Hàn tôi trên ấy đã định như thế là phải, chúng tôi lúc bồi rồi, cũng không dám nghĩ khác. Nhưng cũng nên để tôi hỏi qua lại con bé cháu xem đã.

Cô Bình khép nép bên cửa, bị những ba người lớn hỏi dồn như quan lấy khẩu cung, mặt dài ra theo với dòng nước mắt. Sự chết mất mẹ đã làm cho người cô thon đi. Trước kia cha mẹ con song toàn, cô Bình hơi phịch. Cái chết của bà cụ, đã làm cho cô xinh đẹp hơn mà cô không tự biết. Bà mỗi nhìn cô, cười:

- Cụ nhà định hỏi ý kiến cô. Cô nên trả lời sao cho tỏ ra mình là một người con gái đảm đang và biết đờ dẫn được cha mẹ bằng lối quyền biến lúc này.

Cô Bình nhìn xuống gấu quần lấm láp, nói rất khề:

- Thưa bà, về việc con đã có cha và chú và anh chúng con định liệu. Chúng con là con gái út chỉ có phận vâng theo. Nhưng mẹ vừa nằm xuống, bỏ đấy mà đi sao đành... mẹ ơi!

Thế rồi cô sụt sịt. Tiếng khóc “ơ hờ hờ” chỉ chờ dịp để òa to. Cụ Trường thấy con mếu máo, sức tưởng lại phận quan phu của mình, thấy lòng nao nao. Bà mỗi là người nhanh nhẩu, biết rằng nếu không vội chân ngay những khối buồn kia lại thì nát mất chuyện, bèn nói luôn:

- Cô nói chí phải. Nhưng thà cụ nhà còn hấp hối, cô sớm tối ở bên giường trông nom siêu thuốc và giặt gia cho cụ; thế là phải đạo lắm. Bây giờ cụ nhà sớm quy tiên, trăm việc lo liệu, nhỏ từ việc thấp tuần nhang, nhón đến việc cất đặt ma chay, tôi tưởng đã có những bậc đàn ông khác trong nhà, đâu đã đến phận con gái.

Bà quay luôn sang phía ông bố:

- Thôi thì những lúc rối reng như thế này, cụ cũng nên ừ đi cho một tiếng, để trước nữa là vong hồn linh thiêng cụ bà được yên vui vì có thêm được một cái mũ rơm con rẻ và sau nữa cho đàn trẻ chúng nó được sớm thành gia thất. Vậy thì năm có một tháng, một tháng có một ngày, một ngày có một giờ, chúng tôi đã chọn được giờ lành tháng tốt, định đến trưa mai lại xin cụ

cho cô Bình về trên cụ Hàn... Và xin phép cụ chúng tôi về, để liệu công việc. Ngày giờ kịp lắm rồi.

*

* *

Cái đám cưới ấy, thật quả là một đám cưới chạy tang. Nghi lễ giảm, sinh lễ giảm, tiệc tùng giảm. Nhà trai chỉ cho có hai xe hơi đến cửa nhà gái. Một xe dành cho cô dâu không có kết hoa, một xe nhà trai đến đón dâu thì phù rể vền vện có một người kèm với một ông chủ hôn ăn mặc xuềnh xoàng. Lá thiệp báo hỉ của cậu Bé có chua xuống phía dưới một dòng chữ con và ngà: *Lễ thành hôn sẽ cử hành hết sức thân mật*. Chưa bao giờ một câu văn xã giao được dùng theo nghĩa đen đúng nghĩa và đúng chỗ đến như thế.

Nhà gái cũng chẳng trang hoàng gì mấy vào dịp vui mừng. Sự bài trí trông rất đĩnh đoàng và càng ngấm, quan khách càng thấy rõ chỗ thiếu vẻ tân tằm. Những màu đỏ hình như tối ủa mãi xuống. Người ta cười nửa miệng, người ta uống có nửa cốc; chén nước trà Tầu không có một ti hương thơm nào. Bởi vì mọi người đều hiểu rằng sau cái vui chiếu lệ này, và đằng sau cái bức vách ngăn phòng khách này với nhà trong, đằng có một cái buồn bằng xương bằng thịt đã thiêu, đã ôi, đã tanh ngòm, chỉ muốn được chóng vùi xuống lòng đất một cái huyết. Bao giờ cái xe hoa trắng đỗ ngoài

cửa kia đã đi rồi, thì người ta sẽ cho đi nốt cái khối buồn này xuống nghĩa trang. Cái xe rước cô Bình chưa được lần vòng bánh, người ta hãy tạm quên cụ Trường bà lại đây! và để cụ nằm hai tay buông xuôi trên chiếc giường. Đứng cách lá màn vải xô trắng buông rủ độ một thước, người không rõ cảnh tình nhà này, tưởng đâu cụ Trường bà đang ngủ một giấc rất ngon như mọi người sống khác thôi.

Lê đón dâu thế là gần xong.

Người ta dắt chú rể và cô dâu vào lay mẹ vợ.

- Thôi, cụ đang mệt, để cụ ngủ cho đủ giấc. Cụ miễn lễ cho chú rể.

Bất kể lời ông chú vợ đứng thị kiến đây, cậu Bé cũng cứ lay như thường. Cậu Bé vốn quý nhân cách thường xướng lên cái thuyết phải bỏ cái tục người sống lay người sống ở một đám cưới. Nhưng lúc này, cậu lay mẹ vợ thì thụp bên màn, trông rất thành kính, vì cậu biết là mình chỉ đang lay một con ma mới. Cậu bằng lòng lay một cái vong hồn.

Cô Bình có mấy tiếng nấc khác thường, trong lúc biệt ly này nó làm cho cái thứ nước mắt của con gái về nhà chồng khỏi đến nổi vô nghĩa lý như ở mọi đám rước dâu khác đã gây nên câu "*Khấp như thiếu nữ vu quy nhật*".

Đám cưới sứt sùi rời khỏi cửa nhà gái. Một tràng pháo nổ. Nó nổ một cách gât gao quần quai đúng như

tiếng vỡ của những quả pháo tống hung thần lúc một đám hiếu lên đường.

Cái đám hiếu ấy, sự thực, bây giờ mới rục rịch cho tiểu liệm và đại liệm, chứ cũng chưa thành phục. Đến đêm nay người ta mới cho cử ai.

Cô Bình, vào giờ nhá nhem, phải chiều cậu Bé ép mời uống một chén rượu hợp cần. Chén rượu ấy cô chỉ uống có một nửa. Lòng cô nghĩ nên để dành nửa chén rượu hợp cần ấy để lúc khuya, về Hàng Bút, sau khi nhận phần áo và mũ mấn vải xô, cô sẽ đổ xuống một búi cỏ sa mao đặt trước linh sàng mẹ.

Trông người bạn trăm năm đang bẻ cái đầu gà một cách rất ngon lành, cô Bình - bây giờ đã nghiêm nhiên là bà Bé - lại ngậm ngùi nghĩ đến mấy mâm cỗ ở nhà bị ế hôm vừa qua. Cỗ thì cỗ bát, cũng vậy bóng, long tu, bào ngư, hàu sì, do tay cô và chị dâu cô làm rất kỹ lưỡng. Vậy mà ế, thì đã nhục chưa.

Khách mời đến ăn, họ kháo nhau rằng “cỗ có mùi của hơi lạnh, các ngài ạ”.

Cậu Bé tập mãi mới bịt được mồm và cắt cái tiếng “ô hô” trước linh sàng mẹ vợ được rên như một tiếng bạc thông khuôn. Có người đã ghé sát vào tai một người khác đứng bên lù thợ kèn và khen người con rể ấy tiếng khóc có hậu lắm.

*

* *

Cả nhà giai nhà gái, vui nhất có lẽ chỉ có cụ Hàn Cửa Nam. Lấy tình thông gia; lúc đi theo linh cữu bà cụ Trưởng Hàng Bút, cụ Hàn tính nhằm sự phí tổn về việc cưới xin cho cậu Bé. Ông nhìn theo cậu Bé đầu đặt một cái vành rế bằng rơm có một cái dải vắt ngang, ông tự nhủ như là nói thầm riêng với con trai mình: “Tao mà không nhân cái dịp người ta nằm xuống mà xin ngay nó cho mày, thì còn chán là chờ với đợi và khối là tiền chín tiền sống. Còn thằng Hai em mày, nếu tao cũng lại chộp được dịp mà xin cưới chạy tang cho nó nữa thì, những số tiền đầu cơ để được ra ấy, mua được cái xe hơi bốn chỗ ngồi đấy các con ạ”.

Cái đám cưới ấy đã đi qua. Cái đám ma ấy đã đi qua. Tiếp cái bánh dầy có dán nhãn chữ Phúc đỏ và quả nem buộc lạt nhuộm đỏ chia phần, cũng vẫn những người ấy ở cùng phố Hàng Bút với cụ Trưởng lại nhận thêm được một phần biếu nữa. Nhưng phần biếu sau, nhãn bánh dầy và lạt buộc nem đều nhuộm màu xanh.

Và nếu người ta chịu tò mò một tí sẽ tìm được ra tên cái bác làm bánh, làm nem ở Ngõ Trạm là người đã nhận một trăm bánh dầy kèm nem của cụ Hàn Cửa Nam đặt và một trăm bánh dầy nữa cũng kèm nem của cụ Trưởng Hàng Bút đặt, hai đơn hàng cách nhau có một ngày; hàng hôm trước giao cho đám hỷ

thì dán đỏ, buộc đỏ; hàng hôm sau giao cho đám hiếu thì dán xanh, buộc xanh. Những điều nhỏ nhặt này, chả cần phải dặn bác làm bánh thừa. Mười năm ở Hà Nội, bán hàng, bác đã quen với những cách thức buộc, dán trong các dịp vui, dịp buồn của bạn hàng tìm đến bác lúc có dịp vui, lúc có dịp buồn.

Trung Bắc chủ nhật - Số 36

10-11-1940

MUỘN CÁI VUI CỦA NGƯỜI KHÁC

(Tùy bút)

Nguyễn vừa mới đi chơi xa về. Quần áo mặc luôn ở người nhàu bủn, râu tóc bừa bộn. Chàng có cái diện mạo của một kẻ ở rừng bồng chốc có dịp đặt chân lên đất thành phố ! Chàng mở va li, trong đó áo quần cứ guộn tròn thành từng bó cứng chắc lại vì lớp mồ hôi của cuộc viễn du vừa khô ráo. Cái bể trong của chiếc va li, sau một cuộc đi chơi, cũng mệt mỏi như cái bể ngoài của kẻ đi chơi xa về. Đây là những cái nền nếp trong trắng, tươi thơm, sáng sủa của hành trang, của tấm lòng cởi mở và đầy mơ vọng trước một ngày khởi hành ?

Nguyễn vội đi nằm, tìm sự thoải mái cho thân thể và đánh dấu lại trong đầu mình, trong tâm mình một vài hình ảnh, một vài câu nói lượm lặt được ở dọc đường. Cái việc thú vị ấy, người ta thường gọi là việc soạn lại những dòng bút ký lữ hành.

Trên bàn bụi bặm, một tập thư và báo chí chồng chất thành một bó cao đã buộc, Nguyễn dựng mình trở dậy đi ra phía bàn giấy, bóc xem ngay những trang chữ viết, những trang chữ in nó dính buộc chàng với cuộc sống ở đây. Cuộc sống ấy, hơn một tuần lễ nay đã đánh xổng mất Nguyễn và vẫn đợi chàng trở lại để mách bảo cho chàng biết đến những cái gì “đã” xảy ra ở đây.

Đọc qua loa tập báo chí ghi lại một vài tình trạng vụn vặt của xã hội vẫn không có gì là mới, và những biểu diễn linh tinh của lòng người ở đây vẫn chịu yên ổn thấp hèn với những thoả mãn phù phiếm, Nguyễn thất vọng.

“- Thế mà mình tưởng đã có một cuộc biến cái gì lớn lao có thể đem lại một chút hăm hở cho mình.”

Soạn đến tập thư, không thấy một chiếc bì thư nào có đường viền đen của giấy báo tang, Nguyễn cho ý nghĩ của mình theo ra sau một tiếng ngáp dài:

“- Trong chỗ giao tình tân lẫn cựu, từ hôm ấy đến giờ, vẫn không có một người nào chết bớt đi cho. Đã sốt ruột chưa ? Nếu bây giờ vì một phép thần bí gì, trong sự sống của loài người, sẽ không có sự chết chóc, sẽ không có một người nào chết, mọi người đều cứ lù lù sống mãi ý ra đây, thì không biết rồi cuộc sống của con người ta sẽ nặng nhọc đến bậc nào nhỉ! Từ xưa

tới giờ, ai ai cũng đều bạc đãi Thần Chết cả. Đã mấy người biết cảm ơn cái Chết”.

Nguyễn vẫn soạn thư. Cái gì mà lại có cả một tấm bìa hồng bỏ vào trong một cái bì thư cùng màu phấn hồng thế kia hờ giờ! Thiếp báo hỷ! A, ra có một người quen sắp thành người... đứng đắn đây. Hôn nhân. Thành gia thất. Hạnh phúc. Kiến thiết. Hoài bão. Nguyễn mỉm cười, để tất cả hoài nghi vào một tiếng cười.

Nhưng mà ai lấy vợ thế này? Nguyễn nhìn kỹ cuối lá thiếp. Ô, ra anh bạn Song Dục. Cái người bạn lành như hạt gạo trăn mễ và hiền đến nỗi chưa từng ngửi đầu một con nhặng xanh, ừ, người bạn ấy sắp lấy vợ, nghĩa là sắp làm lại cuộc đời, nghĩa là sắp thành một cái bản ngã khác, - càng nghĩ đến, Nguyễn càng không muốn nghĩ nữa. Thôi thì cũng cứ cho là vui đi. Và Nguyễn đang đem tất cả thông minh của mình ra để cố tìm trong đầu lấy một cái đồ vật gì hay hay, có ý nghĩa để mừng người bạn. Và chẳng ngày cưới cũng cận kề lắm rồi. Ừ, ngày mai ngày mốt gì đây là ở dưới nhà bạn sẽ cho nổ những cối pháo toàn hồng xác rụng xuống xô bồ như một rừng đào lúc gió ngàn hạ hết cánh hoa khai xuống thăm cỏ lau.

*

*

*

- Kia, anh Song Dục. Tôi đang định thân hành đưa cái gói kia xuống mừng anh... Lấy vợ! Vui nhỉ! Anh ngồi xuống đây. Sao trông anh xanh thế? Trung một cái mặt thiếu máu vào giữa một ngày trọng đại, giữa một ngày vui nhất trong đời mình, hồng lắm đó.

Song Dục cười, và nói luôn cho Nguyễn biết rằng mình đã cắt chàng đi phù rể hộ đấy.

Nguyễn tưởng bạn mình muốn đùa:

- Anh bảo tôi đi phù rể? Có lẽ anh cũng thừa hiểu tôi đã là bố sáu đứa con vừa trai lẫn gái. Còn son trẻ gì nữa mà đi phù rể.

- Cái đó không hề gì. Trong bốn bạn phù rể tôi chọn, thì đã ba bạn là bố trẻ con. Tôi có cái ý chương chương như thế, anh chiều tôi vậy.

- Thế nhưng mà rồi ăn mặc ra làm sao ?

- Áo gấm. Tôi đã mượn đủ áo gấm cho các anh đến một chục bộ, rộng hẹp dài ngắn đủ cả, các anh thử cái nào vừa thì mặc.

Thế là Nguyễn phải đi phù rể, không còn chối cãi vào đâu được nữa. Chàng nằm khăn chờ đợi cái không khí náo nhiệt một buổi ăn cỗ bát, dọn đường trước cho một ngày tốt lành đi rước dâu, chàng sẽ xứng xứng mặc một cái áo gấm, chui vào một chiếc xe hơi hòm kính.

Nguyễn di mặt vào tấm gương, tin rằng hôm ấy mình sẽ buồn cười lắm.

Mà quả như điều Nguyễn dự đoán, buổi sớm hôm ấy chàng ngấm mình trong gương nhà anh bạn Song Dục, thấy mình là đáng buồn cười thật. Nguyễn đang sống một ngày mới với một tâm hồn mới quá. Cả mấy người bạn chàng cũng vậy. Cái khăn mượn, cái áo gấm mượn, đến cả cái áo trắng dài cũng mượn, trông cả bọn như một đám lễ sinh. Trương, Đỗ, Đức và Nguyễn, cả bốn “anh” phù rể ghé đầu khít vào nhau như là lúc đi chung một tấm ảnh bán thân, ngấm lẫn mặt nhau trong tấm gương mới của một người vừa đưa mừng nhà đám, cùng nghiêng ngệ và cùng cười rộ. Trông hay đáo để. Đức có vẻ một ông Ấm cuối mùa. Đỗ trông như một viên Tri huyện hậu tuyển. Trương có cái phong thái một ông Lãnh binh lúc phải cất bộ giáp trụ để khoác một tấm áo thường phục của quan văn. Đến lượt anh em phẩm bình cái đầu Nguyễn nghiêng ngả trong gương thì ai nấy đều bảo nhau là “trông hần như một tên đề lại già”. Còn Song Dục thì ái dà! Thật là một ông tân lang, mày râu nhẵn nhụi, áo quần phẳng phiu. Khi mà người ta sung sướng, thật cũng khó mà giấu diếm không cho lòng mình dừng tiết lậu ra ngoài bằng quần áo được. Mỗi người lại còn vẩy cho nhau vài giọt nước hoa *Cái điều mà người đàn bà muốn* và xóc lại cho nhau một cái cổ áo đỏ.

Chưa bao giờ Nguyễn đi phù rể, chàng thấy mình say sưa với cái vui của bạn lồng vào trong một cái tâm trạng rất mới của mình.

Nhưng mà dưới kia nhà đám đã bóp còi inh ỏi giục cả bọn mau xuống mà đi đi thôi. - “Dạ xin các ngài lên đường cho, được giờ lắm rồi”. Cái ông chủ hôn - cả một thân áo trước xệ xuống vì đám huy chương bằng bạc, bằng vàng, bằng đồng, bằng chì - hi hường nói thế.

Ừ thì đi. Nguyễn khom khom chui vào cái xe hòm kính. Thế rồi cái đoàn xe ấy - cái nào cũng rộng rãi - vù vù qua cầu Bồ Đề. Trời phẫn phẫn mưa. Nguyễn hút si gà, hút thuốc Ảng Lê, hút thuốc Hoa Kỳ, đến thuốc Ai Cập, rồi đến thuốc có hương vị Thổ Nhĩ Kỳ. Dịp cầu thì dài và gọi cảm một cách cầu kỳ, trời thì cao rộng và lòng sông thì... thì nước xoáy những vòng tròn rất đẹp mắt. Lòng Nguyễn vui nhộn như người ta đang rước đèn hội Tây ngay trong bụng mình. Chẳng cảm thấy được sông là một cái vịnh dự hơn là một cái luy. Chẳng không ngờ mình lại hoan lạc được đến nhường này. Hoan lạc một cách thành thực vị kỷ chứ không phải là vì tính cách thù thế của trường hợp này.

Anh bạn Song Dục thấy Nguyễn vui trong tấm áo gấm nền huyền như một bà già được một bát canh, nở

những nụ cười cảm ơn thầm; từ hôm trước, anh chỉ sợ lo Nguyễn chiêu đảm vì phải dựa vào cái đảm rước này mà có lẽ chỉ có vai chính là mới thấy đẹp mắt đẹp lòng thôi.

Theo sau một cái xe hoa trắng, thu gọn mình trong một tấm áo hàng tơ dệt hoa ngũ sắc, Nguyễn không chờ đợi đến sự phục hưng đột ngột này của một tấm lòng hồ đã héo cạn. Một buổi sớm ấy, đi phò tá một người bạn đang tìm hạnh phúc ở người đàn bà, trên con đường nhựa Hải Phòng nhẵn lì, Nguyễn ngỡ ngơ hình như chính mình cũng vừa thoáng chớp được cái bóng của Hạnh Phúc. Một tí Hạnh Phúc xối thì. Một giây lát Hạnh Phúc trong hiện tại. Khi mà người ta cảm thấy mình được vui một cách không cần xếp đặt! Nguyễn có cần gì nhiều. Chẳng muốn nói to một câu hoặc giơ tay giơ chân lên để tỏ thêm rằng mình đang lấy làm bằng lòng cái buổi sớm đẹp tươi này. Lúc này, Nguyễn lại thấy cần tha thứ cho một người nào nếu không thể tha thứ cho tất cả chung quanh.

Đến phủ Mỹ Hào, đoàn xe dừng lại trước cổng làng cô dâu. Nguyễn ngà ngà say vì không khi bèo ngựa một buổi mai mát đặc đang tràn ngập hai buồng phổi, vì tốc lực trong hơn nửa giờ đồng hồ, vì khói các thứ thuốc lá thấm tẩm bộ lòng thanh tâm. Chẳng ngại ngất, loạng quạng bước xuống xe, nhìn lũ tre già ẩm bụi phủ lấy cổng gạch làng, rũ vạt áo gấm nhàu,

tường dẫu như mình là một kẻ nào hiển đạt được về thăm lại quê hương một ngày xuân tiết, sau những năm lang bạt kỳ hồ. Nguyễn lấy bộ điệu, đứng cho các bạn chụp tấm ảnh kỷ niệm ngay chỗ cổng làng, bên lề đường cái quan. Những lúc này chàng khó mà giữ cho tự nhiên được.

Một tràng pháo nổ, khói mù mù. Nhà trai vào đến ngõ. Một tràng pháo nữa lại làm lũ chim bồ câu trắng lồm lộp bay vung lên khoảng giới xanh. Cô dâu lên đường về nhà bạn Nguyễn.

Con đường về, ồ, sao mà chóng thế. Đã đến cửa nhà Song Dục rồi. Vừa đúng Ngọ. Cái ngày vui đã đến đoạn giữa, đã hết một nửa. Một quả ăn đã đến lúc chín và quá một tí nữa, chỉ quá một lúc nữa thôi, nó sẽ mòm, sẽ nẫu! Nguyễn hơi nao nao vì cảm thấy một ngày đẹp sắp tàn.

Nguyễn muốn người ta đốt pháo nữa cho nhiều lên, để khói cứ đùn lên mãi mãi làm cho những người ngồi đây nhìn chẳng được nhau, tuy là gần nhau trong tác gang.

Cô dâu và chú rể đi lễ các bàn thờ. Bốn ông bạn phù rể và bốn cô phù dâu đi dài ra như là giai nhân tài tử của một ngày chơi hội xuân. Giá cuộc sống của Nguyễn cứ ngày nào cũng là một ngày đi phù rể ?

Cả một cái phố xóm ngoại ô nhìn cái đám cưới dài có đuôi ấy mà cười một cách thân thiện. Cái cười của hàng xóm, lúc này, giấu đầu cho hết độ lượng bao dung!

Giữa đường, Nguyễn bắt gặp một người bạn đứng trên tàu điện đi ngược lên phố. Người ấy cười nháy và nói lòng bằng mắt. Hôm nọ Nguyễn và người ấy đều có chung dự một đám cưới và một đám ma luôn trong một ngày. - *"Buổi sớm cùng đi chấp phát theo một cái xe tang người tội nghiệp; buổi chiều cùng đi nâng cốc để mừng một người sung sướng; anh và tôi có thể mãi mãi làm thư người của hiếu hỉ thiên hạ không?"* Nguyễn vừa nhìn cái gấu quần xa tanh trắng phủ kín hờ gót chân tròn một cô phù dâu đỏ như son đi trước, vừa nhớ đến câu nói khó chịu của người bạn vừa gặp kia.

Thế rồi là bây giờ mọi người đều ngồi vào bàn tiệc. Rượu vào, Nguyễn trở nên bạo dạn. Chàng đã dám nhìn thẳng vào mặt vợ bạn. Vợ bạn không có tính bên lên. Bất giác, Nguyễn nhớ đến một câu thơ cổ: *Khấp như thiếu nữ vu quy nhất...* Vốn có tính lắm cảm hay lo nghĩ trước cho đoạn chót của mọi việc, Nguyễn vẫn vợ ngồi tưởng đến một ngày rất gần cái ngày nhón nhịp này, có những người thiếu phụ chỉ còn đẹp được bằng cái đẹp của Đức hạnh thôi. Và khói lửa củi trong bếp cùng với tiếng khóc bú của một hòn máu lọt lòng sẽ giục người ta chóng già hơn là một người đàn ông

giang hồ khi phải nghe mãi, hàng mười lăm năm một, cái tiếng gà gáy pha trộn với tiếng móng ngựa dồn trong hơi sương đậm khách.

Bàn tiệc đã tỏ vẻ mỗi mệ.

Nguyễn cảm thấy mình sắp là người thừa ở chốn này, bèn xin lui về. Sang gác nhà bên cạnh thay áo, trả lại chiếc áo gấm hoa vàng dát bạc cho nhà đám, Nguyễn lại sắp trở lại với những cái bình lặng quen thuộc mọi ngày của chàng. Hơi men ngà ngà và dư vị ngày vui làm cho Nguyễn đang tưởng đến bây giờ là bao giờ. Dầu sao cái ngày vui kế ấy cũng là một giấc mơ bằng vàng diệp. Nguyễn đã đi gần cái sung sướng của chung quanh!

Chiều già đám, Nguyễn và ba người bạn phụ rể rời đều gồi lên đồng áo gấm mà bàng hoàng. Mặt đất trước nhà Song Dục, gió chiều lật ngửa những cánh pháo tươi thắm.

Trung Bắc chủ nhật - Số 37
(17-11-1940)

MỘT NGƯỜI TỈNH RƯỢU ĐỐT CHÁY RỪNG TRÚC

(Truyện ngắn)

Bản chụp thiên truyện "Một người tỉnh rượu đốt cháy rừng trúc" bị khuyết mất đoạn mở đầu. Đoạn này có thể tóm tắt như sau:

Nguyễn ở nhà ông Chánh Năm, một thổ ty người Mường đã ba bốn ngày. Hôm nay, ngồi bên ông Chánh Năm, từ khung cửa nhà sàn, Nguyễn nhìn ra cánh núi rừng đẹp tuyệt vời, tiếc không phải là họa sĩ để ghi lại những cảm giác của mình bằng nét và màu.

... Cảnh núi âm u bỗng có tiếng súng nổ vang dội từ khoảng xa kín nào về. Ông Chánh Năm bình thần bảo Nguyễn:

- Nè, quan nè, chiều nay thế nào nhà ta cũng có thịt nai hoặc thịt lợn rừng uống rượu. Cái lộc của quan tốt lắm. Đây chắc là dân tôi đi săn trong rừng,

sùng dân tôi mà nổ thì sao cũng phải trúng một con gì. Nhờ cái lộc của quan, nhà tôi hôm nay sao sao cũng có sơn hào họ đem mang biếu. Dân vùng này, bất cứ là ai bắn săn được một cái gì, không kể là xa gần, họ đều phải có mang vào đây trình biếu ít ra là một quây.

Quả như lời ông Chánh Năm, chiều ấy có hai người Mường đưa vào một quây nai, thịt còn tươi thơm đảo để. Ông Chánh Năm truyền cho người nhà làm rượu và cho đi mời một ông ký dây thép, một ông ký nhà thương và một ông giáo đến uống rượu. Cứ lời ông Chánh thì nội vùng đây, những người Kinh mà gọi là chơi được thì chỉ có ba ông này. “Các ông ấy được cái tâm điền cũng khá, còn những người khác thì xáo trá lắm; động đi lại với chúng tôi là chỉ muốn lừa lọc chúng tôi.” Sự thực, ông Chánh mời mấy vị công chức ấy đến chơi là muốn làm vui cho Nguyễn, cho trong nhà được nhộn nhịp thêm một ít cười nói của họ và cho Nguyễn đỡ buồn. Ông Chánh ngờ rằng một người đã sống quen với Hà Nội như Nguyễn, một khi phải lên xứ Mường đìu hiu này, không có nước đá, không có xe cao su, không có nhà hát cùng rạp chớp bóng, làm sao mà không khỏi buồn được.

Sau bữa cơm tối, uống rượu với thịt nai bày la liệt trên mâm đồng lót lá chuối thì ông Chánh cho lệnh bày tiệc rượu cần. Theo phép xã giao trên vùng

Mường, khi mà chủ nhân quý trọng khách phương xa tới chơi, lúc bày đến rượu cần, thường hay gọi cả vợ và con gái ra để bồi tích.

Trên cái nhà sàn nền bằng nứa đập rập, giữa bốn cái chiếu hoa can lại, là một vò rượu cần tua tua những cần trúc. Nàng Hai và nàng Ba xiêm áo tề chỉnh, ngồi quỳ bên vò rượu, làm nổi bật hẳn tiệc rượu lên. Cây đèn đất tức tối với sắc đẹp của hai Nàng, nước òng ọc chảy xuống đèn dưới, hơi đất phun mạnh, ngọn đèn nấp và bốc sáng hẳn lên gấp đôi ba lần này.

Nguyễn đã say vì tiệc rượu mặn vừa rồi, lòng đã lão đảo, bây giờ ngồi vào tiệc rượu cần nữa, chàng thấy mệt, muốn xin lui, lại sợ chủ nhân mịch lòng. Nhưng có lẽ chàng phải ngồi vào chiếu rượu cần là vì có nàng Hai và nàng Ba. Đây, lúc chênh choáng, ngấm mỹ nhân dưới hoa đèn, sao trông quái ảo đến thế. Nhìn hai nàng, Nguyễn dần dần nhận thấy cái cảm dỗ của Rừng Xanh. Hai nàng gọi chàng là "cái quan" và lúc Nguyễn uống thua rượu cần họ phạt chàng và đem cởi cả áo chàng ra mà đổ nước lã, mà quạt như quạt bánh tráng, theo một ước lệ riêng của Rượu cần. Nàng Hai cười ngật ngheo. Nàng Ba cười sằng sặc. Nguyễn cũng muốn cười cho khéo như hai người con gái Mường. Ba người lăn ra như mớ, cùng cười như là đều bị ai đè ngựa mình ra mà cù ký.

Trông dâm loạn quá... Hơi rượu thấm dần, tiếng cười nhạt dần, cái ngọn đèn đất độc nhất vô nhị kia tự nhiên hoá thành hai ngọn, ba ngọn rồi cứ thế mà nhân tăng mãi lên. Rồi ánh đèn nhoè, rồi những đường viền khuôn mặt và thân thể nàng Hai và nàng Ba cũng nhoè luôn. Nguyễn lim dim mắt, lấy dục vọng và thèm muốn ra mà dặt hai hình ảnh lảng lơ hai cô nàng đưa vào trong một cái tầng sâu nhất trong lòng mình. Thế rồi Nguyễn thiêm thiếp trên chiếc ghế bồng gạo ban nãy chàng quỳ lên để nhận cần rượu uốn cầu vòng trước cái mặt chín dừ của mình.

Lúc Nguyễn tỉnh rượu, nhìn ra khung cửa sổ nhà sàn, thấy hai cái sừng trăng hạ huyền đã cài vào một đám lá một chòm rừng phía tây rất gần tầm mắt. Trống trên chòi châu ly, điểm bốn tiếng đùng đục, Nguyễn thấy hơi lạnh chỗ bụng dưới và phía ngực trên thì nóng vô cùng. Cuộc rượu ban tối để lại cho lòng người say tỉnh cơn vào lúc sáng những dư vị băng khuâng, hối tiếc và u hoài. Bóng dáng lả lơi ban tối của nàng Hai nàng Ba và hơi lạnh rừng đêm bí mật lúc này cho Nguyễn cái cảm giác nửa rờn rợn nửa tê mê của một người đã nhát mà lại hay đọc chuyện *Liêu Trai* ở gác trọ vắng, những đêm mưa dầm gió bắc.

Sáng hôm sau, đưa đầy tớ hầu ngựa nhà ông chánh Năm tùm tùm gãi tai thưa cùng Nguyễn:

- Dạ đêm qua quan say rượu quá. Nàng Hai sợ quan ngộ lạnh, có ra nằm bên cạnh quan để ủ cho quan đỡ giấc. Nhưng quan đập mạnh quá, cô phải bỏ vào trong nhà.

Nguyễn trở mắt nhìn đứa ở ngây ngô kia đang hầu đóm và hầu chuyện mình. Chàng cũng chả lấy gì làm ngạc nhiên khi ở Mường, có một người con gái con nhà lang đạo được lệnh cha mẹ ra nằm ủ cho khách một đêm. Tục lệ ở đây vốn thế. Nhưng nghĩ đến cái đêm qua đẹp như mộng, chàng lại vẫn thấy khoan khoái trong người.

Chàng bảo đứa ở đẩy tờ thắng ngựa đưa cho mình một cây nỏ và đi vào cánh rừng gần đấy, dặn lại người nhà: "Lúc nào ông Chánh dậy thì nói tôi không ăn cơm trưa".

Cánh rừng Bù ở cạnh con sông Luông là một nơi có nhiều trúc xe đu. Cạnh rừng có con suối Ngả Hai, thỉnh thoảng nước dòng trên lại gửi về một chiếc lá thắm. Những hòn đá giả ở đây, hòn nào cũng tròn và to như một cái sọ người. Vào rừng trúc, sớm nay Nguyễn rắp tâm phải chơi lửa một hôm cho thực thoả thích trước khi trở về Hà Nội. Chàng đánh diêm châm vào cỏ gianh, cỏ bùng cháy và ngọn lửa dần dà liếm vào cánh rừng trúc. Trúc nổ lách tách rồi nổ đùng đùng. Một lúc nữa các mắt trúc đều liên tiếp mà nổ,

đều như là tràng pháo chớp ba chớp tư. Thịnh thoảng lại có một tiếng nổ đoảng rất to như tiếng ông lệnh. Ấy là một cây vầu bị vạ cháy lây với rừng trúc bị đánh hoá công.

Lửa và khói ngùn ngụt, Nguyễn thấy nóng ran cả người. Chàng cởi hết quần áo, lội xuống suối ngàn, ngâm mình chìm lìm xuống khe, chỉ ngóc có một cái đầu lên để phì phò thở khói tẩu thuốc điếu. Nguyễn nhìn rừng lửa bùng bùng reo, tự cho mình là con người văn minh, lúc muốn được gần tảo vật và trở lại với mọi rợ, với hoang phá, không một manh áo nào phủ thân, không một thành kiên gì sẵn trong đầu. Bên cạnh lửa, trong suối nước, Nguyễn thấy sung sướng, không muốn nghĩ đến ngày trở về. Trở về thành thị là lại tù túng, là lại giả dối và che dầy.

... Ông Chánh Năm dần dì lăm và nàng Hai nàng Ba đẹp lắm. Rượu thì ngon, rừng trúc thì nhiều và người thì ngon lành.

Nguyễn còn hơi choáng váng vì rượu đêm qua, ngón những trái ổi rừng, sim chín và ngâm mại mình ở dưới suối, muốn thời gian đứng im như thế trên cái cảnh nước lửa và một thằng người loà lổ được làm sơn nhân trong một buổi đi nghỉ nắng xa khỏi Kinh thành.

CHIẾC LƯ ĐỒNG MẮT CUA*

(Tuỳ bút)

* Theo bản in của Nhà Xuất bản Văn Học - Hội Nghiên cứu giảng dạy Văn học Tp. Hồ Chí Minh - 1989

Tôi không phải là một kẻ sưu tầm các đồ vật như những người khác thường chơi bát chén đĩa sứ cổ, chơi tem sống tem chết, bướm bướm ép, các bức hoạ lẫn cả của người thời trước và người thời bây giờ, chữ ký đào kép tuồng hát bóng Âu Mỹ cùng là cây cảnh hoặc các thứ báng súng v.v... Của lạ và vật quý trong thế gian, biết thế nào mà kê khai cho hết được. Vào các thư viện bảo tàng khắp các nước mà tìm lấy. Khôi.

Tôi không có cái chí cóp nhặt đồ vật, coi cái sinh thú ấy làm nhẹ. Không những thế, tôi còn thấy cái việc ấy là luy nữa. Nó buộc con người ta mạnh lắm. Nó cũng như là tình cảm. Thêm vào đời mình một tí là phiền lại tăng thêm một tí.

Nhưng có nhiều khi mình không đi tìm đồ vật mà vật lại tìm đến mình. Làm thế nào. Nhiều lúc chúng đến với mình đông quá, làm mình đâm hoảng. Rồi tưởng có khi phải coi cái nhà lụp xụp của mình lên đến mấy tầng nữa thì chứa mới xuể.

Những người nào đã có cha mẹ già héo hoặc người bạn trăm năm nằm xuống, ít ra là một lần rồi nhỉ? Cái đóng câu đối xa tanh, cái chồng trưởng phúng bằng vóc, bằng nhiều, bằng dạ. Eo ôi! Cứ kể mà phải treo lên cho đủ mặt đủ tên quan viên chia buồn, thì phải dùng thêm bao nhiêu hàng cột con cột mẹ nơi mấy dãy hành lang nhà đám thì mới vơi được những lò chữ khách sáo ấy nhỉ? Từ phàm viễn ảnh. Nhất chiêu thiên cổ. Hổ sơn vân ám. Di sơn vân ám. Cảm khái hệ chi. Treo lên, đóng thêm dinh treo lên nữa. Lại vẫn nhất chiêu thiên cổ và cứ na ná như thế mà kế tiếp nghĩa những cái tứ buồn này đã dập theo một khuôn khổ sẵn sàng. Đối với một người vừa lên đường làm một cuộc du lịch dài rộng, đối với một người chết, cái buồn nào mà chẳng giống cái buồn nào, không hơn kém, nó cũng chỉ là một cái buồn cộc thun lùn; ý chừng những kẻ sống đứng tên nơi lạc khoản nghĩ thế, hơi ôi. Ngẫm đến sự làm ăn của mấy nhà tiểu tư sản sống bằng cái tiểu công nghệ làm đối trưởng mà nhiều người tử tế đi dẫn đầu cho cái đuôi một đám ma trình trọng, đã muốn cười đánh đùng một cái cho người nằm trong thùng gỗ kia giật mình, nếu có biết chữ Hán thì nên nghiền dũa mà đọc mà xem thiên hạ họ tiếc họ thương mình sao giống nhau đến thế. A, thế ra người ta đã có sẵn một cái định thức để mà buồn và khóc. Ba đồng một cái ý tình nhớ tiếc bằng dạ

xanh chữ da đen. Năm đồng một cái tứ sáu hoài nên xa tanh chữ nhưng. Bây giờ vải lụa cao. Giá sinh hoạt tăng nhiều, người ta không thể khóc người thiên cổ theo giá cũ nữa.

Nhưng đất thì đắt, chẳng nhẽ có người quen vừa ra ma - cuộc sống lại được thêm một chỗ ngồi tốt, cái thế đứng của mọi người lại nói rộng thêm được một chút để cướp phần ánh sáng và không khí bỏ thừa lại kia - chẳng nhẽ người ta lại không ơ hờ hờ mấy tiếng để bit mắt người cùng sống, nên câu đối và trướng phúng cứ tuôn đến ăm ắp gần như làm tắt thở được cả một cái nhà vừa có người chết. Không treo lên mà yên được với họ sao. Treo của ai lên và đừng nên treo của ai lên? Đứng trước cái chết, không được phân đẳng cấp giai cấp, ai ai cũng bình đẳng cả, chao ôi, thế mới chết chứ. Không treo được lên cho hết thì có mà chết ngay với những người chia buồn có tặng vật kia. Mà treo lên được cho đủ thì lấy gì ra mà treo vào, chẳng nhẽ lại dâng nhờ mấy câu đối phúng sang mặt tương các nhà hàng xóm chung quanh bình an vô sự.

Thế nhưng mà cái người có tang buồn bị tặng những dòng chữ chia buồn na ná, tương tự và trùng nhau ấy, dẫu sao cũng chưa lấy gì làm buồn lắm. Còn có những cái cuộc buồn khác bức hơn thế nữa. Thí dụ: cái buồn của một nhà phê bình văn học có tài khi bị tặng sách. Đọc cuốn sách tặng đã chẳng còn có một

hứng thú, đã hết là sở thích và trở nên một hình dịch nặng nề. Sách của một nước mỗi ngày mỗi đi thêm vào đường kỹ nghệ hóa, sách của một thời máy móc in ra đến đôi không có chỗ bày mỗi giờ hàng nghìn vạn cuốn, đọc sao cho hết. Mà không đọc thì đời gian, đời trách. Đọc mãi, phải đọc mãi như người dài sạn tìm vàng. Đã đánh sách hay đem đến một nụ cười. Nhưng cái đồng còn lại kia? Đốt. Đem bán cân. Thế nhưng, hết đồng ấy lại có đồng khác. Mỗi kỳ tàu phát thư, nhận sách của người phu trạm gọi ra ký nhận, cái bực ngự sử văn học ấy đã thấy rõ sách chẳng còn là quý vật đi tìm quý nhân nữa. Cái người ấy nếu một ngày gân dây mà không chết bẹp đi về đồng sách tặng - không thích cũng mặc, người ta cứ gửi tặng, đem giết hoặc bỏ tù người ta đi à - tưởng cũng là một sự lạ. Đây là tất cả sự nhục nhã của một người mà đời sống đã được kết thân với sách một cách rất chặt chẽ. Rồi sách, bất cứ sách gì nó cứ tìm cái cửa ấy mà nó đến. Chém nó nó lại càng tìm đến mà đầu thai vào. Những vật ấy đã thành một cái va, đã thành một cái tai nạn giết người. Thế mà có ông bạn tôi còn ước ao được giữ một chân phê bình ở một tờ báo nọ để hưởng cái phần sách các nơi gửi tặng, hồ mong cóp nhặt cái của thập phương ấy lại cho thành được một cái tủ sách gia đình. Nó không hay gì, nhưng bày trong nhà, gáy xanh gáy đỏ nặng lên trông cũng vui mắt, cũng kín

được mấy ngàn tủ sách bỏ trống. Nó tấp nham thực đấy, nhưng không mất tiền. Tội gì? Tội gì?!

Tôi đã tự mời tôi đến chơi nhiều nhà không phải là lạ nhưng không bao giờ đến nỗi có thể là người thân mật của mình được. Để làm gì? Để ngắm nghía rờ mó nhiều đồ vật bài trí gian phòng khách, cái đứng, cái treo, cái ngồi trông đến là ngó nghè. Có lắm đồ vật nằm ngồi một cách oan uổng quá. Nó làm cho tôi lạc cả sự nhận xét. Tìm mãi mà không thể nào nhận thấy sự tương quan giữa đồ vật và chủ nhân, giữa đồ bày chơi cùng cuộc sống riêng của chủ nhân. Ai mà chẳng có cuộc sống riêng, thôi thì có cùng già lắm, ta cũng cứ phải cho là ai ai chung quanh ta cũng phải có lấy một chút sống riêng đi.

Một lần, tôi đã khép chân khép tay, nhấp chén trà phát du, vừa lăm lét nhìn cái bức hoành sơn nền gấm chữ lệ khắc nổi bốn chữ *Kế thế công hầu*, vừa hỏi vị chủ nhà còn nhỏ tuổi ấy rằng:

- Các cụ nhà ta, thời trước làm quan về triều nào thế vậy?

- Dạ thầy tôi hiện giờ tông sự tại phủ Thông Sử, còn ông nội chúng tôi trước làm việc ở nha Thương Chính.

- Thưa, bức hoành này là có người mừng?

- Dạ mua đấy chứ. Bỏ tiền túi ra mua đấy, chứ có ai mà mừng đâu. Thầy tôi mua đấy. Chả một hôm

thấy tôi nhân đi phiếm, rẽ vào nhà Tầm Tầm, thấy họ bán rẻ quá, và trông thấy cùng hay hay, liền mua về treo. Bức tường giữa nhà mà không có gì treo cho nó kín phía trên đi, trông nó trống trênh thế nào ấy, ông a.

Một lần khác, đến chơi một nhà giàu xổi nọ, mới quạt khỏi lên được độ một đời thôi, tôi đã phân vân và kinh hãi khi ngắm một thanh bảo kiếm có dây kim tung gác trên một cái giá gỗ quý. Trái với thói kiếng ky của con nhà tướng, tôi cứ rút phăng lưỡi kiếm ra khỏi vỏ, nắm đốc kiếm, soi lưỡi thép ra ngoài ánh sáng, thấy lờ mờ bốn chữ *Lỗ Hiến Quận Công*. A, tổ tiên nhà này đã lập nên nhiều võ công! A, chủ nhân là cháu mấy đời một vị Công thần nhà Lê chẳng (tôi ngờ là triều Lê vì cứ lời sử chép thì nhà Lê có nhiều Quận công nhất). Cái người chủ nhà ngu muội và không biết nói dối làm tốt cho cái giá họ nhà mình ấy đã nói một câu thành thực để cho tôi phải thất vọng:

- Ông thích cái con dao bẩy đó lắm à? Của người ta cầm đấy. Đầu ba bốn quan tiền kèm gì đó. Để tra số mới nhớ được. Để trên đầu giường ngủ đêm hôm có động dụng khi trộm rình thì giữ nhà kẻ cũng tiện.

Cũng tiện! Cứ kể tiện thì vô cùng. Thì cái "con dao bẩy" đó đem thay con rựa mà ché củi tã cũng được. Hơi ời là cái số phận của những vật có giá mà không tìm được cửa quý mà gửi thân. Nghĩ luẩn quẩn mà lại

thêm tội nghiệp hộ cho mấy ông Mã Chiếm Sơn cùng Quan Công bị treo hình ảnh, tô màu thuốc ở cửa lên cầu thang vải nhà danh kỹ xóm Khám Thiên.

Nói đến tranh ảnh treo trong nhà, tôi lại không thể quên được những bức truyền thần phóng đại ở nhiều cái bức vách trường giả ấy. Những bức vẽ bằng chì than lông trong kính, khéo quá. Cái gì đẹp quá vốn ít khi được là thực, nên nhiều khi có dịp ngồi đối diện với vợ chồng nhà nọ song song dưới hai bức truyền thần của họ cũng đang sánh đôi trên tường quét vôi bột thuốc, tôi đâm ra nghi ngờ và phân vân không hiểu rằng hai cái hình người ở trên tường kia là thực hay cái đôi ngồi dưới đất và trước mặt này mới chính là không giả. Mặt ảnh và mặt người đều có những nét tự túc, những vẻ tự mãn giống nhau quá. Ở nơi này, có một cái gì thừa cần phải vứt bỏ bớt đi. Tự nhiên đang sống lù lù ra đấy, mình lại đi treo ảnh mình ở ngay giữa nhà mình cho người đồng thời trông một hóa ra hai để chẳng còn biết đằng lối nào mà thừa hời.

Có nhiều đồ vật đeo cạnh vách, nhiều khi chỉ tỏ ra mình là một người đại dột hoặc là một cuộc sống đại dột, nếu chưa hoàn toàn là khổ luy. Cũng như những kẻ kia luôn luôn lâm vào cái cảnh chạy nơi nằm chôn ở, mỗi lần dọn nhà là lại có dịp thải bớt đi một ít đồ vật cũ, mới; thỉnh thoảng tôi lại kiểm lại những kỷ

niệm cũ thường ghi lại và kết gửi vào những vật con con vụn vặt. Một con dao rọc sách. Một cái độn tóc. Một cái vòng chìa khóa. Một cái hộp gỗ sơn. Một vuông khăn lụa, một dải cà vạt của một người lên dương. Một cái tẩu thuốc lá của người tri kỷ khuất bóng. Một cánh hoa héo của một ngày chủ nhật ngã nghiêng trên áng cỏ ngoài châu thành. Một lá thư xa. Một cái bàn thảo của một người đồng nghiệp xấu số. Một tấm thực đơn của tiệc rượu (đang vui hay đang buồn?) của một người bạn gái bước thêm một bước nữa. Trong cái đám kỷ vật linh tinh ấy, còn những gì nữa?

Còn một chiếc lư đồng. Đồng mắt cua. Nhỏ thôi. Đường kính rộng nhất nơi thân lư cũng chỉ bằng cái đường kính chiếc mặt tẩu Văn Nam da đá. Trông xinh lắm. Đến chơi gần bàn viết của tôi, thấy chiếc lư đựng kim gấm và dùng luôn làm vật chặn giấy cho gió khỏi lật ngửa những trang chữ ướt, nhiều ông bạn nghiện đã năn nỉ đòi lấy đem về bày vào khay đèn nhà. Ăn cắp không được, chiếm không xong, các bạn tôi đòi đánh đổi, tôi vẫn từ chối. Người ta hôn mắt với tôi, không viết thư cho tôi và dọa không thêm đi lại với tôi nữa. Việc ấy chẳng còn là một lời đe dọa suông. Bởi vì sau đấy, đã có người bạn đoạn tuyệt với tôi ra mặt. Những người bạn quái quỷ của tôi vội hắt đi một phần, thực cũng vì chiếc lư đồng mắt cua nhỏ bé

ấy giá có đem phát mại đi, gặp những người ưa chuộng thì hời giá lắm cũng chỉ được vài đồng bạc là cùng.

Nhưng có bao giờ tôi lại đi làm một việc buôn bán như thế được. Mỗi lần dọn lại những ngày cũ của mình, kiểm lại đồng kỷ vật xa xưa, tôi cho bớt đi những vật đã trở nên thừa, hoặc hủy đi một vài bó thư đã trở nên nhạt nhèo quá, đọc lại chỉ thấy bề cùng nguỵng - tôi đã phỏ mặc một ngọn lửa đem những di tích ấy biến thành một lớp tro nguội và nếu thiếu lửa thì tôi đã xé vụn tập thư ấy ném vào một cơn gió, gió đưa cái đám giấy rách ấy đi như là gió ngàn già lửa lũ bướm non, lắm lúc trông theo mà thấy tội quá chừng. Tôi đã hủy thư từ, đã cho bớt đi nhiều vật khác, nhiều cái kỷ niệm trông xinh ngộ lắm, nhưng đến cái lư đồng mắt cua thì tôi không muốn loại nó đi một chút nào. Nó đã đánh dấu một quãng đời tôi. Nó đã là một cái mốc rõ ràng trên một thời đường đi ngược về kỷ vàng. Nó đã là người làm chứng đứng đản cho một chuỗi ngày cũ.

Kể lại lai lịch chiếc lư đồng mắt cua này, có lẽ tôi đã nghĩ đến - vài lần phần trong muôn một - những người bạn giận dỗi cùng tôi vì không bắt buộc được cái kỷ vật ấy thay đổi chủ. Khốn nạn, cái thực giá của một cục đồng nguyên liệu ấy phóng có bao làm. Mà cứ đòi lấy cho thêm tội. Cuộc đời mình đừng đản ngăn

nắp là thế, khi không đòi ghép thêm một đồ vật kim khí có một cái tiểu sử quái quỷ ấy vào mà làm gì. Không có số mạng làm Thiên tử thì đòi giữ một cục ngọc tỷ để mà làm gì. Chẳng bao giờ phải dính dáng đến việc bút mực viết lách mà hề thấy người ta có cái bút máy tử tế là cứ đòi chiếm, không cho - không cho không phải vì tiếc, nhưng chỉ vì thương cái vật quý sẽ thành vô dụng; một cây bút tốt mà ở với một người thất học vô tài thì tức là lúc con mần đã phải gánh công việc của con chó đấy - không cho thì lại hờn oán, các người là người kỳ thật.

Về chiếc lư của tôi, tôi nói rõ ngay thế này để cho các người đừng tiếc nữa.

Vân hay lư đỉnh nào mà chẳng dùng vào việc đốt trầm. Lư đỉnh nào mà chẳng được đặt trên những bệ các nơi cao nghiêm tôn thờ. Sân nhà Thế Miếu, đình chùa, Bàn thờ gia tiên.

Nhưng chiếc lư của tôi suốt hai đời chủ, chỉ được đặt những nơi không đáng gọi là tôn thờ chút nào. Nó đã tuôn nhả những vòng khói thơm giữa những nơi hôi hám ẩm sũng. Nó đã phải đốt nóng trong hoàn cảnh xóm hắt ả đào. Cái rất thanh cao ấy đã phải ở giữa một cái rất tục bạo. Nghĩa là cuộc đời tinh thần của chiếc lư ấy đã lạc cả sứ mệnh, ý nghĩa rồi, chẳng đáng chàng làng nữa rồi. Các người còn muốn rước về nhà nữa hay thôi? Nhưng đối với tôi thì cái công trình

kim khi nhỏ mọn ấy lại là cả một cuốn tiểu thuyết trong người mang theo đời mình. Ồ, chuyện: cái gì có mất thiết riêng đối với một người này thì không thể nào cũng thích hợp như thế cho một người khác được, vốn như thế mà lại.

Ngày xưa... Ở đất Thanh Hóa.

Nói thế thành ra xa xôi như truyện cổ tích mất rồi. Việc tôi, mới cũ đi chỉ độ mười năm trở lại đây thôi mà.

Mười năm trước, tôi là một người đi tù về. Trước khi đi tù, tôi cũng là một người được đi học như mọi con nhà khá giả khác. Không được biết đến cái thú đèn sách nhà trường, cái thú đi thi nữa, tôi bèn tìm đến cái thú giang hồ. Nhưng giang hồ không đúng luật, không hợp lệ⁽¹⁾ tôi đã phải trả giá cuộc viễn du ấy bằng một năm ở ngục, tên họ đổi lấy một con số, chữ đầu đúng theo hàng vạn. Có người bảo như thế cũng là phải.

Ở tù ra, vẫn lại chẳng biết nên làm gì cho phải cả, tôi đâm đầu đi làm thư ký cho một hãng điện khí. Cái số lương hàng tháng chẳng nhiều nhời gì, nhưng cũng đủ cung cho tôi uống rượu và tìm các tro giải phiền. Thấy mẹ tôi, vợ tôi, tưởng đâu tôi là một người đại bất

(1) Kiểm duyệt bỏ ba dòng.

đắc chí, đều có ý kiêng nể cái việc dùng thời giờ của tôi ngoài gia đình.

Cái nhà ở của tôi lúc bấy giờ chỉ là những nhà hát. Mỗi đêm một nhà, đêm nay nhà này, đến mai nhà khác, hết khắp lượt thì lại lộn vòng trở lại, kể cũng tiện lắm. Vì tôi có tài cổ động mạnh, đám "liên hữu" nơi sở buôn ấy đã cùng tôi kết nên thành một cái đảng chơi, tiền lương của mọi người đem làm quỹ hành lạc chung gửi nó vào lòng một cái trống, vào lòng một cái chai, một cái cốc. Một cái bàn ăn nơi tiệm cao lâu là một cảnh nhà. Một cái chiếu rượu hát cũng lại là một cảnh gia đình.

Ấy thế rồi cái duyên nơi hàng viện đã cho tôi gặp một người. Một người đàn ông. Đã có tuổi và hiện bấy giờ đứng làm chủ một nhà hát. Ấy là ông Thông Phu.

Ngày đó, tôi mới có hai chục tuổi đầu. Tuổi ông Thông Phu gần gấp đôi tuổi tôi. Lần đầu tiên, tôi gặp ông không phải ở nơi nhà hát của ông mà lại ở một mâm rượu xoàng tại nhà một người bạn cũng vừa được phóng thích, thì lúc bấy giờ cũng đi làm việc nhà nước. Tại buổi nhậu kiến đó, tôi còn nhớ mãi mấy câu thơ của người bạn tôi tặng ông Thông Phu vốn là một cái tình bèo nước cố giao:

Từ kẻ rời chân phố Hạc này

Ngắm duyên hồ hải thế mà hay

*Bình Khang bác đã mười năm chú
Lục Lộ tôi lên một chức thầy*

.....

*Giang hồ cho chán cho chê đã
Trời để riêng ta đất nước này.*

Chùng như đã có nhiều người trong cái đám tửu đồ phóng phiếm nơi Thang Quận này nói năng với ông Thông Phu về cái hàng trung lưu của tôi thế nào đây nên gặp tôi lần đầu mà ông Thông Phu đã đãi tôi như một người bạn cũ đã cùng có một ít thời đường chung chạ. Dáng điệu ngôn ngữ của tôi bấy giờ hoàn toàn là của một thư sinh, mặc dầu một năm giam buộc đã tạc lên mặt tôi những nét chắc chắn của hoài nghi. Căn cứ vào môi thiện cảm từ buổi sơ ngộ đó và theo cái lối kết giao của con nhà Nho lớp cũ, ông Thông Phu và tôi đã trở nên một đôi vong niên hữu, đôi bạn đi lại với nhau, người ít tuổi thì năng kính, và người nhiều tuổi thì năng nhường, nhường lời nói, nhường miếng lộc bổng chung, nhường một cái thế đứng.

Tôi mến ông Thông Phu lắm, không phải vì lúc bấy giờ tôi mới bước vào cái đời ăn chơi, định lợi dụng ngay đến những kinh nghiệm tai quái của một người chủ nhà hát ả đào. Ông Thông Phu là chủ nhà hát đã mười năm thực đấy, là một người nghiện nặng thật đấy, nhưng ngày lại ngày, ngồi rình tỉnh tỉnh ông, tôi nhận thấy ông có đủ phong thái của một người tài tử.

Đánh trống rất xinh, tiếng trống không ra tiếng trống anh kếp, làm thơ làm phú, làm văn tế rất hay, hay kết giao với đám anh em cơ nhỡ và thỉnh thoảng có kẻ ngu dại nào trong đám sinh tụng phải hậu tạ một số tiền để đền đáp cái lá đơn kiện có kết quả thì lại rủ vài anh em đi nhàn tản về vùng quê, tìm về những làng có mở hội nghe chèo, đánh cờ đất ăn giải, trong hành lý có một cỗ khay đèn a phiến nhỏ tiện và một bộ Quất Trung Bí. Rồi ngâm rồi vịnh, cơ nghiệp nhà và việc hồ khẩu ở nhà phó mặc cả cho lũ con em cười với tất cả làng chơi thiên hạ, cho người vợ xóc phách ở nhà hoặc đi hát mảnh.

Trước khi đứng làm chủ nhà hát, ông Thông Phu là một người có danh phận lương thiện của một xã hội trưởng giả trung lưu đương thời của chúng ta. Ông cũng là một người viên chức chính ngạch nhà nước. Ở một cái tỉnh nhỏ Trung kỳ, cách đây hai chục năm, khi mà người ta làm việc ở tòa sứ, với một cái chức thông ngôn có chất máu giang hồ tãi tử ấy ở trong huyết quản đã là một người thiếu lương tâm nhà nghề đối với phận sự nơi buông giấy. Đến sở thường là chậm, luôn luôn bỏ sở ra đi trước giờ bãi, cứ lầm tiếng trống châu nha môn ra tiếng trống châu hàng viện, lấy giấy công văn của sở ra để đánh máy chép bài hát và dùng luôn những tên tùy phái mặc áo lính tòa làm người chạy thư tình riêng cho mình; giữa hai bản đơn

kiện, ông Thông Phu lại ngừng bút để mấp máy miệng nhấm những khổ đàn dây khuôn phép rất du dương, lấy thước kẻ mép cần chỉ đồng gỗ vào thành bàn giấy cầm nhịp cho điệu đàn mồm. Ông Thông Phu đã đem tất cả những thói tục bữa bãi vào giữa một nơi công đường trang nghiêm, ông ngủ gật trên tập công văn còn lưu cữu lại để lúc choàng thức dậy thì lại mở ngăn kéo bàn giấy ra tìm bữa ăn đã giấu sẵn trong đó. Bánh, thịt quay, lạp xường, rượu, nhồm nhoàm ăn uống như một viên chức Ấng Lê dùng luôn bữa trưa tại sở. Sở đã gần thành ra một tiệm cao lâu mà hầu sáng phở kê thì là đám loong toong. Cái người công chức giang hồ ngay trong sở mình đã chẳng là một sự giấu diếm che đậy mãi được nữa rồi. Một buổi sớm ấy, quan Công sứ đã nghiêm nghị như một người tộc trưởng một gia đình nền nếp, gọi ông Thông Phu lên báo cho ông biết rằng “Chính phủ Bảo Hộ rất tiếc rẻ không dùng được ông vì hạnh kiểm của ông thiếu nhiều quá. Ông đã treo một tấm gương xấu cho các bạn đồng sự ông”. Chẳng ở được sở nhà nước thì ông Thông Phu ở luôn ở dãy nhà hát của mọi người thiên hạ vậy. Ở đây không ai soát hỏi căn cước và hạnh kiểm của ai cả. Và từ ấy, sở lương nhà nước vội đi được một cái môn bài mới. Ông Thông Phu mở nhà hát, vợ đứng tên.

Thấy tôi vốn cũng làm ký lục ở tòa sứ Thanh Hóa vào thời ấy, trong câu chuyện lúc trà dư nhắc đến vợ

chồng ông Thông Phu cũng có kể lại nhiều đoạn hay hay. Về sau đánh bạn với ông Thông Phu, tôi có thuật lại cho vợ chồng ông Thông Phu nghe những điều gia nghiêm nói về ông.

Những lúc chuyện bù khú như thế tức là nhà vắng hát, vợ chồng ông Thông Phu và tôi đều quay vào một cái bàn đèn đặt ở một cái buồng khuất. Ba gian nhà giữa, đèn măng sông vẫn sáng rực, một lớp cửa bức bàn vẫn mở rộng để chờ khách hát đi qua ghé chơi. Nhưng quá mười hai giờ rồi, gian nhà giữa, ét xăng đèn không thấy reo vui như lúc chập tối nữa và các cô ấy ngồi bày ra hai bên trường kỷ từ tối đã có nhiều người mệt mỏi, ngáp ngắn ngáp dài. Tiếng cười suông đã biến ra câu nói mơ và con em đã có người ngủ ngồi đầu gối đỡ lấy cằm. Đôi vợ chồng tiem lẫn cho nhau hút mả sái bét - ông và bà Thông Phu đều nghiện nặng - và bảo nhau:

- Thôi không có ai hát xướng đâu. Bảo các cô ấy đóng cửa lại đi nghỉ đi thôi. Quái, sao mừng một đầu tháng này, ai hát mở hàng mà vía gan thế nhỉ?

Cấm bằng là không phải thừa tiếp quan khách người ngoài nào đến chơi vào khuya khoắt này nữa, vợ chồng ông Thông Phu và tôi đều xoay ra lối người trong nhà bày trò làm vui lẫn cho nhau cho nó hết đêm vậy. Bữa thuốc hút say như thế, vợ chồng ông Thông Phu khó mà đi ngủ ngay được. Lại nói chuyện

làng chơi lớp cũ và cái lớp bây giờ. Nhắc đến làng chơi lớp cũ, vợ chồng ông Thông Phu có đả động đến tên thầy tôi. Bà Thông Phu quai mồm ra:

- Đi hát mà như ông cụ đề ra chú cũng giỏi. Trong ba năm liền, mà không tối nào là không góp mặt ở dưới xóm. Những câu hăm và bài hát của cụ làm, nghe gọn và xinh đáo để. Ông cụ phải cái không uống được rượu.

Người chồng chen vào:

- Chứ đâu có hát rượu như chú bấy giờ ấy. Thơ ông nhà ta đặt nhiều câu kỳ cục, nghe đến mà cái lòng mình nó cũng trôi chảy được như dòng nước. Hồi này thì ông cụ từ hẵn rồi. Phủ huyện cùng anh em làm việc ngoài tòa có đất mời lắm thì cụ cũng chỉ đi một chốc một lát, nằm ăn thuốc rồi về thế thôi. Mỗi lần đi, cụ lại dắt cái diện Thanh Thảo và cái dọc tẩu lưỡng đoạn một đầu có cái nắm tay bằng kỳ nam đi theo.

A, vợ chồng ông Thông Phu đã ngồi giữa cái nhà hát của vợ chồng ông để nói đến cái đoạn đi hát của thầy tôi và lại nói đến cho riêng tôi nghe - tôi, lúc này đang tập tồng đi sâu vào con đường ấy. Đã thân mật thay. Thân mật hơn nữa là ở chỗ xưng hô hàng ngày. Tôi kêu vợ chồng ông là anh với chị. Thừa anh thừa chị. Và nói với tôi một điều gì, bất cứ lúc riêng tây hoặc chỗ đông người, ông bà Thông Phu đều gọi tôi là chú. Thậm chí đối với con em nhà ông, tôi cũng vẫn

là chú. Những tối nhà đông khách hát, vợ chồng cùng bận tay cả, lũ con em có hỏi điều này vật nọ, vợ chồng chủ nhà hát đều bảo chúng: “Vào mà hỏi chú.” - “Vào nói với chú đưa cho bác mượn mấy hào lẻ mua chai rượu” - “Vào nói với chú thắp hương hộ cho” - “Vào nói với chú sạch tay, chú lên đèn hộ cho” - “Vào nói với chú cứ xới rượu trước đi rồi bác vào sau. Bác gõ nốt mấy khẩu phách nữa rồi bác vào đây” - “Mày vào nói với chú tảo sẵn cho bác giai mấy điều thuốc cốt. Hộp thuốc để trong tráp da sơn nơi đầu giường ấy. Đây, chìa khóa đây.”

Được vợ chồng ông Thông Phu gọi là chú, lòng tôi lúc bấy giờ không biết có buồn mà lại chỉ có kiêu hãnh thôi. Rồi coi tôi như một người chân tay, họ đã cho tôi đi sâu vào việc riêng trong nhà. Lắm lúc muốn mua thêm một người có đầu hàng xóm nào hoặc thái bớt một cô trong nhà, chủ nhà lại cũng có hỏi đến ý kiến tôi. Đã thăm chưa, đã sướng chưa, hờ Giời! Đối với nhà ông Thông Phu, tôi không còn tí nào là một người khách nữa. Tôi đi không ai đưa ra cửa, không ai nhắc nhòm. Tôi đến, từ nhà chủ đến con em, không ai tỏ vẻ mừng hoặc ngạc nhiên, cả bấy nhiêu người cũng chỉ khẽ ngắc đầu lên với một câu bình dị: “Kia chú”. Hai chữ “Kia chú” đã thay cho một câu chào hỏi. Kể đến mâm cơm dọn bày ra, thì người ta lại bình thản bày thêm vào đấy một đôi đĩa và một cái bát, ăn hay không mặc ý tôi.

Một tháng. Một năm. Một cái Tết Nguyên Đán rồi lại tiếp đến một cái Tết Nguyên Đán.

Ấy thế rồi một buổi chiều mùa Xuân, một biến cố lớn đã xảy tới một cách đột ngột, gieo trút bao nhiêu kinh hoàng vào giữa nhà ông Thông Phu.

Liên sau cái tai vạ bất ngờ ấy, ông Thông Phu đã chẳng còn là người lành mạnh nữa. Ông đã thành ra một người câm khẫu, nửa người bại liệt hẳn đi. Cái tám hình hài ấy đã trở nên vô dụng, ngày đêm thoi thóp chết dí trên giường bệnh. Những người sạch sẽ béo tốt, lành mạnh, lúc nào cũng được ăn tiêu dư dật vào cái đồng tiền mình kiếm được thừa thãi để rồi sống với sự tôn trọng phép vệ sinh làm cho thân người lúc nào cũng thơm tho sáng sủa, thật không bao giờ có được một ý niệm cảnh ông Thông Phu đây. Nửa năm trời ngoạ bệnh như thế, có lẽ cái người ốm liệt đó cũng quen đi, nhưng một người ngoài đang đi giữa một vùng ánh sáng trong trẻo và không khí thơm nhẹ, bỗng chốc phải chui vào cái buồng con bệnh triển miên này để gửi vào cái lá màn buồng rủ vàng như hun khói bếp ấy một câu hỏi thăm tặc trách, chắc người đó sẽ được lấy làm sung sướng vô cùng khi được trở về với cái không khí của ngoài đường và thể không bao giờ dám trở lại cái xó tối tăm thiếu não ấy làm gì nữa.

Nhưng tôi vẫn cứ phải đi lại ra vào cái buồng bệnh - thật là tôi “phải” ra vào nơi này - mặc dầu tôi vẫn biết rằng ở ngoài mấy thước khối không khí bị đầu độc ấy chỉ có mấy bước thôi, tôi sẽ được tự nhiên, tôi sẽ được vui vẻ cử động, cười nói với tất cả những cái gì có sinh khí. Ở đây là một sự chết mòn. Ở đây là một cái mồ sống.

Những buổi phải chui vào trong cái màn khai ầm nửa cuốn nửa buồng đó, cầm cái mũi tiêm sắt soan bữa a phiền hàng ngày cho con bệnh chờ chết kia, tôi muốn rỏ một giọt nước mắt vô ích để tiếc cho ông Thông Phu và để thương rộng ra đến tất cả những cuộc đời phóng đảng khác lúc lâm vào cảnh ốm liệt, bệnh giữ riết ở một chốn tối tăm làm nó chỉ chiết và gây buồn phiền cho mình đến thế là cùng.

Ông Trời chơi nhiều miếng khăm mà thật vậy! Mỗi được dịp chúng kiến là mình mỗi thêm khiếp sợ.

Một người hay bôn tẩu vì sinh kế và cũng vì cảm thêm thấy nhân trần là một hứng thú, như ông Thông Phú đây chẳng hạn, thì đâm ra bán thân bất toại, cái bộ chân ấy què một nửa tức là cuộc đời ấy gãy cả, gãy hết cả. Trông cái miệng ông ta méo mó, để chỉ còn phát ra những tiếng ú ở thời thì mình lại càng hết muốn sống.

Ông Thông Phu vốn là một người hào hoạt, nửa cuộc đời trở về trước chỉ dùng cái miệng có duyên ấy

để đọc thơ mình, bình thơ thiên hạ và những mẩu chuyện góp cổ tích do ông kể là những tác phẩm linh tinh mà không mấy ai phỏng theo được. Uống không sinh vào một thời Chiến Quốc, chứ thực ra, cái miệng ấy thuyết khách cũng có tài lôi kéo người ta về hòa với mình lắm. Nhiều kẻ đã lấy làm sợ kiêng cái tài biện báo của ông Thông Phu và lúc biết miệng ông mang tật, họ bèn mượn một câu trong bài *Xích Bích* “Cổ nhất thế chi hùng dã ồ... ừ... như kim yên tại ại tai... hử...” mà thương vay cho, theo một giọng ả đào đọc phú.

Ông Thông Phu mà què, mà câm thì là một chuyện tối phi lý ở cuộc đời, thì tức là một người kiếm hiệp cụt tay của một thời dụng võ vậy. Ngó, rộng ra xa ngoài buồng bệnh này, tôi càng nhận thấy nhiều kẻ kia lành lặn, không chút tật bệnh là sống một cách phi phạm quá. Nhưng cái thân thể toàn vẹn và bất tài ấy quả là thừa, quả là đã làm uống đến công sinh thành của tạo hóa. Có một đôi chân vững chãi mà chỉ để ngồi bó gối trên giường vợ, hể động ra đến ngoài là đi không thành bước, rồi đâm bước bảy bước ba đâm cả lên mu chân người khác, thì sao Giời lại không bắt những người ấy què quặt. Có một cái miệng tròn trĩnh chỉ để thốt ra những câu vô duyên và những lời xàm bậy, ăn không nên đợi, nói không nên nhời, thì sao những người ấy Giời lại không bắt họ

cấm khẩu đi, để gây nên trật tự mới cho cuộc sống đầy hỗn độn này.

Từ khi ông bị cấm khẩu, tôi thiết thời rất nhiều, còn đi lại với ông ngày nào là chỉ thấy có lỗ vốn thôi. Tôi nhớ đến cái hồi miệng ông chưa có tật, những đêm nhà hát thừa vắng khách, ông cho đốt một ít trầm vụn vào cái lư đồng nhỏ bé đặt trong lòng khay đèn, rồi ông ngâm thơ cho tôi nghe. Thơ của ông làm ra cũng có. Ấy, những câu thơ hay như thế mà không có ông Thông Phu giảng dẫn cho ra nguồn gốc sự tích lai lịch thì về sau này, khối kẻ sưu tầm khảo cứu nông nổi sẽ qui nó vào cái đám vô danh thị hoặc gán bầy cho những người ở đâu đâu đấy. Chính ông đã đọc cho tôi nghe một bài ca đượm mùi thời thế của một người giả vờ làm đồ gàn:

*Đời là thế, thế là đời
Ai là người biết, biết người là ai
Trăm năm trước đã qua rồi
Trăm năm sau, lại tẻ vui còn chờ
Hãy bàn cái quang lưng lơ
Sinh ra lơ lưng bây giờ mà hay
Nghìn xưa ai có thể này
Nghìn sau ai biết thế này là sao?
Ai hay, ai dở, ai sao?*

Nước cờ nước thấp nước cao là gì

Có khi... rồi cũng có khi!

Và một bài khác - cũng một điệu ngang phè như thế - vốn là lời tự trào của viên thừa phái nông nghênh, suốt một bài chỉ day dứt mãi vào chữ Thừa.

Ông là thừa phái Hoàng Nông

Ông ngồi ông nghĩ mình ông cũng thừa

Người trong trời đất đã vừa

Cớ sao con tạo lọc lừa ra ông

Mất thừa ông chẳng buồn trông

Thấy gái má hồng ông chỉ liếc qua

Miệng thừa ông chẳng nói ra

Câu chuyện đậm đà, ông nói đủ nghe

Tay thừa, ông chẳng buồn phê

Sân đấu đỏ nhòe, ông nhấn mực đen

Chân thừa ông chẳng buồn len

Ông cứ đường liền ông bước ông đi

Bụng thừa ông chẳng buồn suy

Ông cứ gan lì mà việc cũng xong

Ông còn thừa cái gì không?

(1)

(1) Lời Nhà xuất bản - Còn 3 câu nữa tự ý tác giả rút bớt ra. Quý độc giả cố hiểu lấy vậy.

Còn như riêng thơ của ông Thông Phu ngâm vịnh, tôi chỉ còn nhớ được ít câu vụn vặt. Đề cảnh Sầm Sơn, ông có bốn câu:

Ai dựng thôn quê thành phố xá

Vì đâu bãi cát nổi lâu đài

Lạ cho nước mặn đông chưa thề

Những mặt sang giàu mới biết chơi.

Và vịnh cảnh thị Kiều về cái đoạn Từ Hải chết đứng rồi lờ sa vào Hồ Tôn Hiến, có những câu quái quỷ như là:

“Bốn bề anh hùng còn đại gái - Thập thành con đi mắc mưu quan”. Bắt bề Tân Đà về bài *Tây Hồ Vọng Nguyệt*: “Mảnh tình sè nửa ngày vì nước, tri kỷ trông lên đứng tận trời”, ông cho như thế chưa đủ để thích thực cái đề bài thơ. Nhưng ý ông làm, ông cho là phải làm hai câu đó ra như thế này: “Này nước Kim Ngưu ba mặt rộng - Kia con Ngọc Thỏ chín từng cao”, thì mới là sát đề và chữ đối nhau chan chát.

Phải trông thấy ông Thông Phu huênh hoang, tự cười mũi, giang tay lúc đọc mỗi giai cú lên thì mới thấy cái thú rung đùi ké và góp nhời bàn về thi phú.

Cái miệng đọc và ngâm thơ ấy giờ đã có tật nguyên, chống nẹ nơi giường bệnh, mọi khi ông còn tỉnh táo thích chí về một giai thoại văn chương gì do bọn tôi góp lẫn với nhau cho nó hết những đêm hầu

cận cơn bệnh, ông Thông Phu muốn nói mà chỉ ám ở và tội nhất là phải trông thấy ông ta tỏ ý chia vui cùng anh em. Ông Thông Phu cười mà như mếu, mặt dần dúm lại như khuôn mặt lệch lạc vỡ nát của một kẻ chiến bại bị hơi ngạt cùng diêm sinh ở mặt trận về. Để lãnh thâm cảnh đó, bọn tôi từ đấy không dám nói vui trong lá màn bệnh nữa, định tránh cho phé nhân đó những nét cười gượng gượng đau khổ.

Vậy rồi, có một buổi tối, tôi đang ngồi nường thuốc cho con bệnh nghiệm như mọi ngày, tôi phải giựt bản mình lên vì tôi trông ông Thông Phu có tất cả dáng điệu một người lên cơn bệnh chó dại cắn. Đầu nghiêng, hai mắt đảo ngược, miệng ú ớ như người bị ma mộc đè và chân tay cử động như một con đồng bị giấc ngủ thôi miên xui khiến. Và lúc mà tứ chi ấy co ruỗi được với sự mệt mỏi quái dị thì chân tay ấy oằn oại như chân tay một con bệnh già đã từ lúc đã đâm ra phát điên. Tôi vội chạy ra gọi bà Thông Phu vào.

- Chị vào xem anh ấy làm sao ấy. Nhanh lên!

Tôi lạng ra ngoài, chờ, phần vì sợ, phần vì tưởng cái phút này đã là lúc ông Thông Phu được trả hết nợ sống, được thoát hết cái khổ sở và nỗi sống nhục và trong cái phút lâm chung thiêng liêng ấy, tôi không nên có mặt ở đầu giường để cho người chồng bất hạnh ấy được tự nhiên mà đối dang cùng vợ một đôi chút việc nhà còn đọng lại chẳng. Ai mà chẳng có một chút

tâm sự để dành. Trái với sự chờ đợi của tôi, bà Thông Phu đã trở ra với một nụ cười:

- Gớm chết, chú làm tôi hết hồn. Tưởng là cái gì. Anh định cho chú cái lư đồng ở bàn đèn ấy đấy. Vào linh lấy và đem về nhà mà làm gia bảo. Ừ chà, anh quý nó hơn vàng đấy. Chú đi lại đây mãi - từ lúc nhà tôi còn chưa lâm nạn - thì chú biết đấy chứ còn gì nữa. Khỏi người định lấy mà chú xem, dầu thân đến mấy đi nữa, đã có ai nhắc nó ra khỏi cái nhà này một phút chưa. Chú đừng làm ra bộ ngờ nghệch nữa. Tôi nhớ hình như hồi anh còn lành mạnh - mấy lần chú đã năn nỉ định lấy mà nhà tôi chỉ cười không thôi, không nói ra sao cả.

Tôi trở vào buồng bệnh, tay vẫn giơ cầm cái tiêm sắt đầu nhọn có điều thuốc nướng chưa chín hết. Con bệnh nhìn tôi, lấy mắt ra hiệu chỉ xuống chiếc lư đồng mất của nơi khay đèn và lúc thấy tôi kính cẩn nâng cái vật kim khí ấy lên ngang ánh đèn với vẻ trầm ngâm thì ông Thông Phu nắc cười lên mấy tiếng. (Bây giờ mỗi lúc phải nằm ở lữ xá, cạnh một ông bạn có tính cười sảng sặc trong khi mê ngủ, tôi lại hồi tưởng đến tiếng cười ông Thông Phu khi ông vui lòng sang chiếc lư đồng đó cho tôi làm chủ). Những nét cười thành tiếng ngằn đó càng làm cho khuôn mặt ông Thông Phu mếu máo thêm. Tôi lại đặt chiếc lư đồng ấy xuống lòng khay đèn, buồn rầu nói với kẻ tạt nguyên:

- Anh cho cái vật này là quý lắm. Nhưng hãy gửi lại đây. Để hôm nào kiếm được một cút thuốc phiện ngang - độ một hai lạng - đưa xuống cho anh dùng, gọi là đánh đổi, rồi sẽ đem lui về.

Ông Thông Phu gật gật, nở thêm mấy nụ cười để tỏ ý cảm ơn sự chu tất của tôi. Nét mặt người đau khổ ấy muốn biểu lộ sự hài lòng, lại càng dãn dùm thêm như một cái mặt gấu đem phơi nắng.

Tôi làm bạn với cây roi châu từ ở đất Thanh Hóa, một năm gì đó trước ngày làm bạn lạch tuổi của ông Thông Phu.

Nhưng thực ra, từ lúc kết giao với ông Thông Phu, tôi mới nhận rõ cái chân tướng nơi hàng viện. Rồi từ ấy, ngày tháng lần lữa, tôi đã có dịp được nghe tiếng đàn đây ở giữa một sông bạc Cốc Lếu lẫn trong tiếng nước non sông biên giới chảy xuống phía Hồ Kiều (tôi ở Lào Cai có một đêm, một đêm không trăng, vị trí lập tỉnh tôi không thuộc, nên không rõ dòng nước chảy về Hồ Kiều hay chảy từ Hồ Kiều ngoặt lại). Tôi đã lắng nghe một cô đào xứ Nghệ trọ trọ ngâm bản *Tỳ Bà* bên bờ sông Hương, “giọng liu lô buồn nổi khó nghe”, tôi đã cho đánh một cái xe thổ mộ xứ Nam kỳ lên Phú Nhuận để suýt nữa phải nghe một cô đào Bắc trôi dạt vào đây đã lâu năm, giọng hát cổ kính và hồ biến thành khúc ca cải lương. Tôi còn... tôi còn những gì nữa?

Tập vở này không phải là một tập phóng sự về nhà hát và cũng không phải là một thiên nhật ký ghi lại đủ một thời kỳ khủng hoảng tâm thần. Có lẽ tập vở này cũng lại chỉ là những trang tùy bút chép lại một ít tâm trạng tôi cũng lại là những ngày phóng túng hình hài. Đối với xã hội trưởng giả, tôi vốn chịu tiếng là một đứa chơi bời nghịch ngợm. Nghe người ta dị nghị mãi, nó cũng quen đi rồi. Quảng đường lêu lổng của tôi, không rõ đến niên hiệu nào là chấm dứt hết. Nhưng vụt nhớ lại chuyện mười năm cũ, tôi đã thấy những thoi đường ấy mở đầu từ lúc ông Thông Phu cho tôi cái lư đồng mắt cua nhỏ bé ấy.

Về người tiền chủ cái kỷ vật đã để lại những kỷ niệm thiết tha đó cho tôi, lâu nay tôi không nhận được một chút tin tức nào. Lâu nay, nghĩa là đã ba bốn năm nay.

Có người bạn phùng trường tác hi gặp lại hồi đầu năm nay lại bảo ông đã từ trần.

Hỡi ôi!

Cố nhân

Một vệt khói nhạt trên lư đồng.

Thang Quận, Tân Ty, tiết Thanh Minh

Trời đất gì mà lâu bền mãi thế này. Ngày giờ gì mà dềnh dàng ra mãi như thế này. Hai que đồng hồ đầy xô cũng như không muốn nhích thêm quá cái đà

nhất định của cái vật máy. Trờ ra rồi lại trở vào, tôi chẳng làm gì, tôi chẳng nghĩ gì, tôi chỉ chú ý vào bóng nắng. Ánh nắng ngoài hè mới chỉ đến có đỉnh đầu. Bao giờ mới được hoàng hôn? Và đến bao giờ thì ánh tà dương mới tận cùng? Trông mấy cây cột đèn bằng xi măng cốt sắt giống bên lề đường, lưng chừng thân cột lủng lẳng chiếc bóng thủy tinh hình quả và không có tia lửa điện loè, tôi hoài cảm vẩn vơ như một khúc sông lấp. Cột đèn xi măng màu xám bệch như màu sắc những ngày tháng đã vô sự mà lại hết rượu. Thủy tinh bóng đèn điện không có lửa, dưới ánh nắng bóng bẩy như đồ tế nhuyễn mạ và vô liêm sỉ như những cuộc đời không có chân giá, mỗi tí hào nhoáng phủ lên trên chỉ toàn là của đi mượn hoặc lường gạt của tất cả chung quanh.

Hồi còn ở trong lao, luẩn quẩn suốt ngày, tôi chỉ nghĩ đến những chuyện ăn uống. Cửa chùa, mặn ngọt béo bùi cay, cái gì cũng thêm, thêm quá đũa ốm đòi ăn giả bữa.

Đi tù về, tôi chỉ thêm chơi. Chơi cảnh, chơi người. Cảnh, bất cứ chỗ nào của tự nhiên. Người bất cứ là ai, bất cứ hạng nào; chơi xong rồi bỏ, có định giữ gìn đâu mà phải lựa lọc. Cái đám người quen của tôi thực đã tạp và bất đẳng quá chừng.

Từ một cuộc gặp gỡ tình cờ một tối bữa trước, cái người bạn hành lạc ấy đã hẹn chắc với lòng tôi rằng

tối bữa này phải gặp nhau nữa để đi tìm vui. Trong những nhà hát. Tiến bỏ ra mua vui, cái anh bạn ấy cam đoan là gánh lấy hết.

- Dã đành, nhưng ở đâu?

- Chọn xem. Thích chỗ nào thì ở. Tôi đến nhà cũng được. Thế nào tôi chơi cũng xong cả.

Nghe cái anh bạn mới có một dúm tuổi đầu, mặt bầm ra sữa mà lại cũng nói cái giọng lão giang hồ, tôi đã lộn cả tiết lên, định cho một trận, nhưng nghĩ lại làm như thế thì mất một người chơi, tôi vội nói:

- Việc gì mà nói cái giọng chán chường yếm oanh như thế. Chỗ nào vui vẻ sạch sẽ gọn gàng chu tất thì mình phải tìm mà tới hơn là những nơi luộm thuộm khác. Tiến thật chứ có phải là gỗ đeo đâu.

- Vậy thì để đến lúc ấy sẽ hay. Tôi sẽ lại tìm anh đằng nhà, cùng đi rồi tiện đâu tươm tất, chúng ta sẽ cùng bước vào.

- Tìm tôi ở nhà không tiện. Như mọi anh em đều biết cả đây, có việc gì giao thiệp cùng ai, có mấy khi tôi tiếp bạn ở nhà đâu. Mọi việc khác còn thế, huống hồ việc của bọn ta bây giờ lại chỉ là việc đi hát.

- Thôi thế thì lại cứ đến cái nhà này vậy. Ai đến trước thì nổi trống trước cho nó tiện. Anh có người bạn nào thú vị thì cứ mời đến.

Đứng ngắm một cái mặt trời ba giờ chiều rầu úa sau một con chai ung vỡ rò máu, đang chênh chênh ngã về Đoài, tôi đã nhớ lại cả những đoạn đối thoại này. Và lòng càng cầu nguyện cho ngày chóng tắt hết những tia nắng cuối cùng đi. Thành phố bật đèn là cái giờ phút của tôi.

Lâu nay, tôi không chịu sống ban ngày, hình như chỉ ở được đêm tối thôi. Tôi thích đêm tối lắm. Thích nó hơn cả một người đàn bà phong tình, hơn cả một anh kếp hát yêu mọi cái hoạt động bằng ánh đèn, bằng màu bằng tiếng chung quanh một cái sân khấu.

Ban ngày, thường tôi lừ đừ, tối thì tôi lại trở nên nhanh nhẹn. Đến như câu chuyện trao đổi bất cứ là ai cũng vậy. Ban ngày, tôi nói chuyện uể oải, nhất gừng dở dở ương ương, mặc dầu tôi thừa hiểu rằng cái thói phát ngôn như thế là có hại đến quyền lợi của mình. Tôi nghiệm ra tôi chỉ say đắm những lời tôi nói vào lúc đã lên đèn rồi. Câu chuyện của tôi trình gửi với chung quanh chỉ có duyên, có lẽ độ, có thủy chung có mạch lạc, dưới một cái ánh đèn thôi. Người ta đã nói đến những bộ mặt có nước da ản đèn. Người ta đã đá động đến những khách đã đi chơi đêm nói chuyện có duyên. Cái duyên của một câu chuyện “ăn” đèn. Tại đèn? Tại chuyện? Tại người nói? Hay tại có bóng tối trùm lên?

Nào tôi có hay. Hình như trong người tôi có hai cái tôi. Một cái bản ngã khác thuộc hẳn về phần đêm. Nếu ban ngày tôi đã thờ ơ, lửng khửng, e lệ, chán mỏi thì từ buổi tối trở đi, tôi lại nhanh nhẹn, thiết tha ham sống và cười đùa luôn luôn. Chúng như chỉ có đêm hôm và bóng tối mới là cái hoàn cảnh vững chắc cho tâm thần bất định của tôi. Cái tâm thần ấy có lẽ là tâm thần của tất cả những người quen thân lạc nhiệm những tập quán của truy hoan.

Đêm đến, đi ở ngoài đường - không cần đến con đường ấy tối om, đầy ánh sáng điện, hoặc bóng tối lại chen lẫn từng đoạn với hình kỷ hà học những mẫu ánh sáng của các nhà còn thức rọi ngang lên mặt đường - ngậm một điệu xì gà, chống cây gậy đầu khoằm lòn trong bàn tay, vừa đi vừa lắng rượu của mình thấm vào máu mình, vừa nghe tiếng chân mình dẫn đường cho cái bóng bẹp lép mình, tất cả bấy nhiêu đều được nhòa lẫn trong cái nặc danh của Đêm. Trời ời, cuộc sống tình cảm của tôi về phần đêm sao giấu có đến thế được nhỉ. Cái phong phú về tình tình tôi giữa cảnh khuya nhiều khi đã làm tôi quên hẳn rằng trước lúc ấy chỉ có mấy giờ, trước cái phút thiên hạ đổ lửa tôi đã chỉ là một người nghèo nàn, hèn nhát, sợ cả mọi biểu diễn của cuộc sống.

Khi nào tôi yêu được cái người bạn đạo đức khô khan ấy mỗi lần phải từ giã là chỉ để lại cho mình cái

đư vị một bát cơm nguội rưới nước ốc. Vậy mà những lúc gặp ông đứng vắn vợ dưới cái quăng đèn điện chỗ ngã tư đường phố, nhìn cái đám thiêu thân, muỗi mất và châu chấu non kẻ vẽ những hình tròn nhanh gấp dưới chao đèn công cộng mà tôi lại có cảm tình với ông. Tôi lại cảm thấy rằng ông ta cũng có lẽ phải của ông ta. Và nhiều buổi ban ngày, ra tôi đã bắt công đối với nhiều người chỉ vì người ta không giống mình. Ra ban ngày, trước nhiều giá trị tinh thần, lòng tôi đã khép lại một cách vô lý.

Xô rě lớp không khí trời tối, tôi đã tháo mở cả một tấm lòng, đãi những người quen đang xuôi ngược kia một cái chào tử tế chính đốn hoặc gửi vào tâm họ một câu hỏi thăm săn đón. Rồi tôi lại còn có thể niềm nở chuyện vãn và dừng chân rất lâu, đứng lại với cái bọn người quá tâm thương vô vị ấy. Cả người họ không có một tí gì đáng kể. Nhưng đêm tối đã cho họ được ngang hàng với bất cứ là ai ở cuộc đời này. Không, những thế, họ lại còn nghênh ngang, đi đứng ngả nghiêng, cười nói oang oang là khác nữa. Họ dám gọi tất cả người chung quanh là thằng là con hết cả. Chỉ có bóng tối nặc danh làm chứng cho những nhời bất kính ấy thôi. Ở giữa một thời máy móc dễ san bằng phẩm giá người này, khi mà người ta đã leo được lên một chiếc xe hàng chạy bằng nhân lực gọi nhắc đến những kỷ nguyên trung cổ, khi mà người ta đã vắt

được cái chân lên, giục một cái xe chạy vùn vụt dưới dây đèn điện thì ai mà chẳng giống như ai. Bóng tối đánh lộn sòng hết. Ngồi trên một chiếc xe kéo ban đêm, kẻ thường nhân vô danh tiểu tốt cũng có quyền ngồi chễm chệ như những đấng thiên tài tốt chúng, như những bậc vĩ nhân hiển giả xuất phàm.

Mặt trời đã rụng xuống đằng sau một dải thành gạch kiểu Vauban. Lòng tôi hứng khởi dần lên. Bụng dạ tôi cũng rạo rỏ luôn một lúc với đèn điện phố bật tung. Cả người tôi rung động lên như cái rap tuồng kia ở Cửa Tả đã bắt đầu nổi những trống giáo đầu. Tôi rước tôi bước ra đường. Đuổi theo tôi là những lờm nguýt và thờ dài vô hiệu lực của thân quyền.

Chân tôi nhẹ, đầu tôi bận bịu những vui thú, lòng tôi rộn ràng. Trong ấy đang có một đám rước đèn. Đám rước đã đỗ ở một hiệu tạp hóa người Chệt. Lấy có là đổi một đồng bạc ra để có hào lẻ trả xe, tôi bóc ra một gói thuốc Ăng-lê và khói lam một điệu yên nương thổi phèo ra ngay ở mặt quầy hàng đã vẽ lên không gian hình ảnh một khuôn mặt ca nhi. Luôn mấy đêm không gần con người từng trải ấy, tôi đã tơ tưởng đến người ta như là người khác từng tưởng vọng đến một thiếu phụ lương thiện. Tôi đã nhớ đến cái hoàn cảnh đặc biệt nơi người con hát ở, qua một cô gái nhảy kinh thành, chiều chiều lại nhớ chiều

chiều, nhớ dịp kèn, một khi về ở với một người đàn ông tỉnh thượng du, định làm lại cuộc đời.

Từ lúc thôi không làm thư ký hãng bán điện nữa, tôi ít giữ đúng lời hẹn với những người cố tri chỗ lâu hồng. Một lời hứa chắc tức là tiền bạc rồi đấy, nhưng đảm bảo chắc chắn cho lời hứa, thường là dư tiền, sẵn tiền. Chẳng biết cái ông Quý Bô ấy xưa vốn có là một người giàu có không?

Gần một năm tròn đi làm sổ sách cho cái sở tư ấy, tôi tịnh không đưa về nhà một đồng nào, đem tiêu tất cả đi như là một thứ của bất nghĩa. Tôi đã đem cái tiền ấy ra mua lấy những cái cười hời giá và rã rời - nhiều cô đào cười để chẳng bao giờ tỏ một ý vui chân thành - và để tập đòi lấy những thói khinh bạc hèn nhát cùng những lối ngôn ngữ lếu láo giả dối. Lúc không đi làm nữa, đâm ra xoay tiền quanh để phụng sự những thói quen cũ, tôi đã đem lại những điều hay ấy mà truyền cho những người khờ khạo khác. Cái đám trẻ trung một lứa như tôi này đã bầu tôi làm quân sư.

- Anh là người thối lợ.

- Anh là người vừa tung vừa hứng, vừa đánh trống vừa ăn cướp. Câu chuyện chỉ có thể thôi đấy. Anh nói cả lấy một mình.

- Ai thèm đấu khẩu với. Ngồi với anh khó nói chuyện lắm. Mà thôi đi, đừng nói chuyện vờ vĩnh, dăm

bảy hôm lại giả đồ giờ cái bộ tịch “hấp lim” ra. Đây thừa biết rồi.

- Chuyện của anh thực đem ra mà cúng được. Chỉ mọc sung sung ra. Tài thế. Chúng em mà có định nói niếc cái gì thì ít ra cũng phải “mục đích” cho hai năm rở mười đã.

- Anh nói như thế mà không sợ mù mồm à. Không sợ chị ấy ở nhà để ra con gổ, chân ra trước à?

- Em cần cõ lạy anh. Đối với các anh ấy đang mền bác em, đi lại đây xướng hát luôn luôn, anh đừng nên đem những việc cũ của em ra mà nói. Anh thể độc với em một câu là không bao giờ lật tẩy em nhá. Chúng em làm mỗi cho một người, người thì không đẹp nhưng được cái nói chuyện màu mè thì có thể đẹp gấp rưỡi anh. Chị ấy cũng đã ba chìm bảy nổi chín lênh đênh, ném cơm thiên hạ đã chai cả mồm ra rồi. Làm mỗi luôn tức thì nhá!

Trong cái thời kỳ tôi đi hát bằng tiền người khác, những câu đại để như trên, nghe đã nhảm. Động thấy tôi đến cùng với một bọn đông người lác các là đã có một cô bấm riêng ra một chỗ để nhẩn nhỏ một vài lời. Một bên là những người bạn chơi ngang, một bên là những người đàn bà quái quỷ cười cợt để sinh nhai, tôi đứng giữa nhận tâm sự, để rồi nhiều khi phẩn cả đôi bên, chẳng khác gì một tên do thám ăn lương cả của hai nước đang găng nhau từng tấc đất biên giới.

Có nhiều chủ nhà hát đã gọi tôi là giặc, là một tên làng chơi hay sinh chuyện để điều, quấy nhiễu xóm hát cứ vừa cả ra. Nhưng vốn biết tôi hay làm cố vấn giết người cho một vài đám trẻ đại thừa tiền và lại thích đàn đúm, nhiều chủ nhà hát chiều chuộng tôi ra mặt. Họ gọi tôi là người ngọc, là anh Ấm, là ông cụ non, là ông chủ báo, là quan tham nhật trình (!) - tôi lúc bấy giờ thông tin viên quen cho một tờ nhật báo phía Bắc. Ô, nói đến chuyện một người phóng viên nhật báo ở tỉnh xếp thì quá lạ lắm. Chắc những kẻ bình bút có bài, nhưng mà chỉ lão thành sống với nghề ở chính giữa chỗ Kinh đô xuất bản ra những tờ báo thôi, không tài nào hiểu được cái uy danh của một ký giả xoàng ở các địa phương. Ở một tỉnh nhỏ mà mọi người ở mọi tầng lớp xã hội đều có quan niệm rất trưởng giả về danh phận và nhân phẩm, mỗi khi trong nhà mình thoáng có một việc gì xảy ra là chỉ sợ hàng xóm và phố phường dị nghị, họ đã e dè cái bọn thông tin cho các báo. Cái việc tường thuật hàng ngày ấy theo mục việc vặt các tỉnh, họ chỉ gọi là việc hót lèo. Trông thấy bóng một kẻ thông tin cho báo chí là họ lánh như lánh hủi. Không bao giờ họ yêu kính được, nhưng họ gớm, tởm, sợ. Mỗi lúc có việc gì xảy ra trong hạt mình, cái anh thông tin viên chạy cứ nhăng lên, cái đó đã đánh; những lúc ngồi rồi tán láo, các chuyện của bậc ký giả ấy lại càng nặng nề, nói

toàn chuyện châm lửa đốt giới, ghẹo người trong gương. Ấy thế rồi giữa một mâm rượu bữa bộn của nhà hát, người ta bô bô khoe mẽ với đám đàn bà khờ khạo ấy rằng “cứ để đấy, về là đã cho nó mấy cột”. Nó đây là những bậc quan viên có án tích với nhà hát này hoặc trên cái trường tình đây, họ đã gửi lại những kỷ niệm xấu xa đau xót đến của đến người. Cái lúc này - có rượu, có hơi đàn bà, một thứ đàn bà mua chuộc được bằng tiền - cái lúc này là cái lúc một người phóng viên đơn hèn bất tài cũng dám gọi những ông quan đầu tỉnh mình là, là... một cách rất xách mé, mặc dầu họ vẫn biết rằng những vị Thủ hiến ấy muốn trục xuất mình khỏi tỉnh lúc nào cũng được. Ấy thế rồi cứ theo cái đà huênh hoang ấy, người ta dám đem tên những bậc đáng tôn kính trong nước ra mà gọi là thằng. Chưa có cái thứ người thanh niên nào trong dân gian lại có cái thái độ bất kính và anh hùng rơm như một người phóng viên tỉnh xếp lúc cao hứng rượu bên một đoàn cô đào. Cái đám sơn phấn lầu hồng, vào giờ phút ồ ạt cười rồn này lại là những con chim hoạ mi cái rất lợi hại, mỗi nhời lời là gửi vào tay kẻ nghiêng ngả kia là cả một thùng dầu tây tưới thêm vào bếp lửa lòng.

Tôi đã kiêu hãnh ngay một cách rất rôm khi bà chủ nhà hát không ngủ được vì những câu chuyện hài hước, hảo hớn rất huyền ảo nơi cách cái buồng riêng

của bà chỉ có một bức tường con kiến, ló đầu ra góp vào mâm rượu hỗn độn một câu khen tôi:

- Mồm mép nhà báo có khác. Kiến trong lỗ phải bò ra. Tiếc rằng dì nó lại ra Bắc mất rồi. Dì nó cũng vui chuyện lắm. Phải cái tính ngang ngược, miệng lưỡi lại đá chút “càn long” thành ra không ăn giọng với đám quan viên ở đây. Giá còn dì nó ở nhà những lúc này đối đáp cùng ông, chắc tâm đầu ý hợp lắm. Dì nó đâu cũng con nhà gia thế tử tế như ông...

Con nhà gia thế như tôi? Tôi tự nhiên uống thìa rượu thấy đắng. Ngừng ngay đĩa, ngồi thần người ra, tôi đã nhìn rất lâu một khoảng sân nhà hát nước mưa làm loang như tráng mỡ nước. Lòng tôi rầu buồn hơn cả mấy chục bó cúc dầu dãi giữa ngoài trời ấy từ mấy tháng trước, thân đã tua tủa nhô lên những hình nấm không có tên gọi.

Tôi bước chân lên tàu. Con tàu lửa ấy đến Nghệ không đỗ hẳn lại, còn đi nhiều nữa trên đường sắt, nhưng tôi đã bỏ đoàn tàu đẹp đẽ ấy mà tạt xuống nhà ga Vinh. Cái chuyến ấy tôi định đi Nam Kỳ. Nhưng lại chia đường đất ra làm hai chặng mà thành phố Vinh là một cái đoạn đình. Không đành lòng đi thẳng, tôi đã muốn ghé xuống đây để chào một người bạn, tông sự ở Bến Thủy. Tôi còn nhớ hôm tôi lên tàu ấy là một ngày thứ hai hoặc thứ năm gì của một tuần lễ buồn tênh.

Ở mãi một chỗ, ngày nào cũng đi hát, cũng nhắc lại bấy nhiêu câu nhảm nhí, diễn lại mãi mấy chương trình sử ời rẻ ấy, có mà là người đời. Ngày giờ của tôi không thể rời rạc hơn thế nữa. Thời ấy tôi đội mũ và tôi đặt nhiều buổi phiên bực gắt gông cả với một cái đỉnh bảy phân đóng ngập nửa vào bức tường vôi. Tối đến, mũ áo để ra đi rồi ngày mai trở về nhà, lại móc mũ áo vào cái đỉnh cũ ấy. Cái đỉnh của mọi ngày. Cái đỉnh của những ngày đã cũ.

Tôi nhớ ra rằng, tôi đóng nó vào vách vôi đã hơn một năm trời. Hôm ấy, tôi mới lĩnh tháng lương đầu tiên, mua được cái mũ dạ, bèn đóng cái đỉnh ấy vào tường treo ngay cái mũ lên. Không những treo mũ, tôi lại còn móc bao nhiêu áo tây vào đấy nữa. Cái gánh mũ áo ấy cũng khá nặng. Sức nặng trĩu ấy có thể lôi kéo cái đỉnh ấy xuống, làm đỉnh phải bật long ra khỏi tường. Tôi đã chờ một tiếng ầm xuống sàn gác, giữa một đêm ngủ nhà, để rồi lồm ngồm dậy dọn cất cái đỉnh mũ áo rơi ấy.

Nhưng lạ quá, cái đỉnh ấy chẳng bao giờ bật ra khỏi tường. Tôi vẫn chờ mãi. Thời tiết hết hanh rồi lại nồm cứ đều đều kế tiếp mà đổi thay quanh một cái đỉnh. Mùa mưa ầm thấp đã qua. Kế đến mùa nắng gắt. Nóng nỏ đã làm khô cứng lại di sắt mà mùa ẩm trước đã ký gửi lên thối sắt bé nhon. Hòn gạch xưa của bức tường tôi cứ việc như thế mà ngậm chặt lấy

đầu đình. Cái đình chẳng còn rụng rời xuống nữa. Đã bao nhiêu lần tôi móc lên đây những đồ vật phục sức đây những hơi hương của tôi? Bên cạnh tôi, ở xa, ở gần, bao nhiêu cái gì không phải là tôi đã đổi thay? Mà cái sống gương gạo của tôi thì cứ chết cứng trên một cái đình đã hơn một năm. Ngày nào cũng quanh quẩn ở đây để treo vào đây một cái mũ và để lại nhắc cái mũ ấy ra rồi đội lên đầu mình (Trên đỉnh đầu, giá dùm tóc ấy chẳng bao giờ ngã màu). Thói quen. Thói quen hàng ngày. Những thói quen hàng ngày tầm thường của một cuộc sống tầm thường.

Phải ruồng bỏ những thói quen xoàng xĩnh đó đi. Ấy thế rồi một buổi ngồi nhà uống rượu một mình nhắm với nỗi bức mình phát nguồn ngay từ trong lòng mình ra, tôi đã vùng đứng dậy, đi lại mé tường nhỏ mạnh cái đình bấy phân đình vứt nó đi. Tôi lay cái đình không chuyển. Nhờ có một cái đình nhỏ, tôi không ngờ rằng thân thể tôi đã hoàn toàn vận động. Mồ hôi vã ra. Cả một thân sau sơ mi ướt đầm. Tôi đứng cạnh bức tường, một tay phải tì vào tường cho đầu đỡ choáng váng, lắng nghe tiếng con tim đập mau gấp như sau một cuộc chạy nhanh. Việc cử động thân thể ấy đã đem lại một nỗi buồn sợ rất lớn cho tâm thần. Tôi đã không lay được một cái đình chứ đừng nói tới chuyện nhổ nó ra khỏi tấm tường với nữa.

Tôi thoáng nghĩ đến chuyện những người tập luyện thân thể, giữ sức khoẻ của mình như vật báu, thường có tài rút một cái đinh đóng thuyền đã ngấp sâu vào thân một cây cột lim. Họ rút đinh ra nhẹ nhàng, tường chừng như đấy chỉ là một trò đùa của trẻ con nghịch nhấc những chân que hương lên khỏi bát nhang nêo tro.

Thế này thì ra tinh thần tôi bạc nhược lắm rồi. Tôi tính lại niên xỉ của tôi. Chao ôi, đấy là cái thành tích rục rờ của những đêm trắng bên những bông huệ tàn. Thúc nửa vào. Cười nửa đi. Uống mãi vào. Hít nửa vào. Hát xong thì lại không bao giờ nên để chén cạn và phải can mãi cho hết những chén đầy nửa vào. Ôi! Ôi tôi ơi! Ôi những người bạn thân nhất của tôi ơi!

Đã thế này thì tôi không thể để cho cái đinh ấy yên lành ở tường được nữa. Ồ, đã có chiếc kìm. Lập tức tôi đi mượn ngay cặp kìm thép của ông hàng xóm. Thế mà cũng hì hục loay hoay mất một lúc. Đinh rút nhỏ rồi, vôi trát tường ả vỡ xuống, tường phô bầy một lỗ gạch loe từ trong ra như một cái miệng phễu, bột gạch già nhuộm lên miệng lỗ tròn một màu đỏ chết. Tôi ngấm chuôi đinh cũng nhuộm đỏ một màu tối ấy, nghĩ đến mấy phút lao lực vừa qua, tôi tưởng rằng tôi vừa bẻ hộ một cái răng hàm cho một người có tuổi. Lỗ hồng tường tuôn bột gạch đỏ ra, vẫn há hốc miệng máu chờ một cái chổi lau chùi cho.

Ngay tối hôm nhỏ đình, không phải mặc mũ áo vào một cái mẩu nào nơi tường cũ đã mất rồi, tôi cứ để luôn mũ trên đầu và đóng luôn quần áo mà ngồi lù lù giữa nhà. Mệt quá, tôi ngả lưng xuống tràng kỷ, kéo luôn mũ phủ kín mặt như người hành khách hạng tư kiếm một giấc ngủ trên ghế dài con tàu tối.

Không ai gọi tôi dậy cả, nhưng linh tính tôi nhớ đến giờ ra tàu tối, đã đánh thức tôi dậy. Nhà tôi thấy tôi xách va li ra xe, kéo riêng vào buồng hỏi tôi đi đâu.

- Đi làm ăn xa. Hơi xa một tí. Sẽ có thư về sau. Đừng cho ông bà biết vội.

- Minh lại đi làm hàng điện nữa à?

Tôi không trả lời, bước ra. Thấy từ nẻo xa đang đi lại phía cửa nhà tôi một cô đào trẻ rất quen thuộc, tôi lại vội thụt vào. Không phải là tôi có thói quen mê tin sợ gặp gái lúc xuất hành nhưng tôi đã muốn tránh cho tôi một việc phiền. Thế nào gặp tôi ngồi trên xe với chiếc va li, cái cô đào sắp đi lại kia cũng vồn vã chào và gởi một câu. Mà vợ tôi thì lúc ấy đang mặc cả xe đứng ngay ở cửa.

Người đào nương đi qua cửa nhà. Nàng nhìn tôi, lăm lét nhìn vợ tôi, tùm tùm, vừa bước đi nhanh vừa cười úp xuống những hòn đá trên đường cái phố. Cái người phu xe già vốn vẫn kéo đưa tôi xuống xóm hát và đang ghéch càng xe lên hè chờ tôi ra ga, nở một

nụ cười a tông rất có tính cách buộc tội cho tôi, trước mặt vợ tôi đang ngẩn ngại.

*

* *

Hồi ấy, xe lửa từ Bắc vào Nam chưa đi suốt được như bây giờ. Chỉ đi đến Cửa Hàn. Rồi từ Cửa Hàn đến Nha Trang, quãng vận tải dài ấy phải dùng xe hơi.

Hồi ấy, tàu tốc hành chưa được thường nhật như bây giờ. Mỗi tuần chỉ hai chuyến vào ngày thứ ba và thứ sáu.

Tôi lên ga vào một ngày thứ hai hay thứ năm gì đó, của một tuần lễ làm lại cuộc đời (nghe mấy chữ làm lại cuộc đời, sao nó gợi cảm và vui khoẻ đến thế).

Tôi đã trình trọng tỏ ý định làm lại cuộc đời tôi cho anh bạn tôi ở ngay ga Vinh lúc vừa mới xuống tàu gặp anh ra đón đi từ Bến Thủy lên.

- Trước khi đi thẳng vào Nam kỳ, tôi muốn ghé thăm anh, nói chuyện với anh một hôm cho nó há, rồi tôi lại đáp chuyến tốc hành đi Tua Ran. Tôi ở với anh một hôm cũng đủ chán thời giờ. Chị và các cháu từ độ vào với anh cũng vẫn thường cả đấy chứ?

- Lại tổng về quê cả rồi.

Nói xong một câu cộc lùn ấy, bạn tôi cười hì hì. Tôi muốn hỏi thêm nhưng hai chiếc xe tay bọn tôi đã cách

hắn ra một khoảng. Giữa phố đông, nói chuyện riêng mà to thì chẳng còn là tiện nữa rồi. Tôi để dành câu chuyện ấy về nhà bạn vậy.

Bạn tôi cho chạy xe lên trước rất nhanh, vượt tôi một quãng rất xa rồi bỗng đỗ lại trước một nhà ở phố Cống Dệ Nhị. Phố này phần đông nhà ở chỉ là nhà hát, người bạn tôi vốn là một người ốc xạo chơi bời khét tiếng, tinh rất vong mạng, chưa từng chê vút một cuộc du hí nào, chưa từng lui trước một người đàn bà nào cười cợt với anh. Đối với tôi, anh là một bậc tiền bối trong sự rượu chè, đi bợm, thuốc xái, tôi có muốn noi theo anh, kể cũng còn chật vật chân. Anh đã là tấm gương bóng nhoáng, một kiểu mẫu chói lọi cho những kẻ muốn tập đời có một cuộc đời phù phiếm phóng đảng. Anh đỗ xe trước cửa một nhà hát, không có gì là lạ. Tôi cũng họ xe lại, đợi anh ra rồi cùng đi về nhà anh ở Bến Thủy.

Nhưng tôi đã không khỏi phiền lòng khi một cô đào nhỏ tuổi từ nhà hát chạy thẳng vào cái xe của tôi, giơ tay ra giật lấy hành lý từ trên xe xuống đất và miệng nhí nhánh.

- Chị em bảo mời anh vào nhà.

Cô bé lại nói thêm một câu làm quà:

- Chị em vẫn nhắc đến anh luôn luôn. Được tin anh vào chơi, chị em mừng lắm. Chị em đang quán lại tóc và đánh phấn.

- Chị nào?

- Anh đừng vội. Em biết cả. Cái ảnh của anh, chị em dán vào mặt trái nắp hòm da, em cũng được thấy.

- Nhưng mà ai? Chị nào?

- Chị Phương của anh chứ còn chị nào đây nữa. Tôi càng ngạc nhiên hơn lúc chưa được biết tên. Tôi gặp cũng nhiều cô đào nhưng trong cái đời tình cảm lằng nhằng của tôi nơi hàng viện, tôi chưa quen một cô Phương nào thân mật đến nỗi gửi tặng được ảnh cho người ta đem mài tận vào Nghệ dán nó vào một cái nắp hòm da. Tôi phẩn vân nghĩ kỹ dờ lùi về những đêm hát cù.

Anh bạn tôi đã chạy nốt ra, miệng toé toét quá cô bé đứng đấy:

- Hãy vào đây đã. Ta cho xem cái này hay lắm. Người cù của mày độ này trông ngộ hơn trước nhiều lắm nhé.

Tôi đứng sững trước một người đàn bà đẹp bắt đầu nói trước:

- Không chào Phương đi. Bây giờ đổi tên rồi. Không còn là Tỉnh nữa. Anh có đi tìm Tỉnh ở ba phố Cống này hàng tháng cũng chẳng một ai biết mà chỉ cho dấu. Thế nào, đi Sài Gòn đấy à? Cho Tỉnh đi

mấy. Có vào Sài Gòn thì lại được dịp thay đổi tên thêm một lần nữa. Thì lại vứt cái tên Phương này đi.

Tôi đã cho Phương nói lấy cả một mình, lòng riêng bạn bậu với một vài kỷ niệm vụn vặt ngày trước.

- Sao anh buồn rũ rượi ra thế?

Rất vô lý, tôi trả lời: Không. Anh bạn tôi bắt đầu nhóm nóng cái không khí tên bẽ:

- Mau lên. Hai người nói chuyện tâm sự đi. Tôi tạt về sở một lúc rồi quay trở lại đây ngay.

- Thế anh không cho tôi về, về...

- Đây là nhà chúng ta rồi, chứ anh còn định đòi đi đâu nữa. Anh định về tới dưới Bến Thủy ấy à? Ở dưới, tôi bây giờ chẳng có một ai. Đây tớ cũng cho đi hết cả rồi. Ăn cơm hiệu. Tớ ngủ ở xóm. Hôm nào mệt lắm thì tớ mới chịu về nhà ngủ. Hôm nào buồn lắm thì mới về nhà thay quần áo, à Phương, em bảo dọn buồng tắm cho anh Nguyễn vào tắm. Xong cái cuộc tẩy trần này, anh đợi tớ trở về rồi cùng uống một chén tẩy trần. Tôi đã dặn Phương làm cơm rồi.

Tôi còn biết làm thế nào. Bạn tôi vụt ra sở bỏ tôi ngồi đấy đối diện với Phương. Phương lại nhắc lại câu hỏi ban nãy:

- Sao anh buồn rũ rượi ra thế?

Tôi định dùng lại cái chữ “không” vô lý như cũ để trả lời, nhưng tôi đã tìm được một câu khác tuy không đúng sự thực nhưng mà gọn lọt hơn.

- Đi tàu mệt quá.

- Anh nằm đỡ xuống đây. Va li không có cái gì lôi thôi bí mật cả đấy chứ? Em mở ra lấy sẵn quần áo ra cho anh tắm và thay nhá.

*

* *

Đêm ấy, tôi bị anh bạn và Phương hà hiếp, bắt ép uống một bữa rượu trùng phùng rất ghê gớm. Đêm ấy và lại cả đêm sau nữa. Nhời ngọt ngào thành thật của bạn tôi cảm dỗ tôi.

- Anh thì việc quan tư gì mà vội vã thế cho nó khổ cái thân. Tôi cũng chẳng dám giữ anh ở lâu. Nhưng chẳng mấy khi cất công vào thăm tôi - và nhân lại gặp cả Phương đây, thế là anh có thêm một cố nhân nữa - anh hãy ở thêm lấy vài ngày nữa. Anh không bằng lòng thì tôi cũng không để cho anh đi chuyến tàu đêm nay. Không đi chuyến thứ ba này thì anh đi chuyến thứ sáu tới đây vậy. Tôi chỉ giữ anh đến hôm thứ sáu này thôi. Nghĩa là chỉ có ba bốn hôm nữa chứ mấy mà cứ rối cả lên. Thôi uống đi. Chai Sâm banh nữa. Ê cô Phương, nếu hôm nay mà anh Nguyễn không say, các

cô mà để cho ông bạn tôi tình thời anh chém cả nhà đem đầu lên bán cho Quán Ca đây nhá! A lê, hôn nhau đi! Một cốc một hơi.

Chai này rồi chai khác. Giữa một chai gần cạn hết và một chai sắp nổ nút, là một cô Phương làm nũng như con trẻ vọc quấy đến thiu cả người tôi ra. Bạn tôi quát tháo ầm nhà cửa nhà hát lên và cổ động chúng tôi phải “yêu” nhau loạn xạ hơn thế nữa kia. Lá mần rũ buồng, anh nói tiếng Pháp chớ sang giường tôi:

- Vốn liếng mày có bao nhiêu mà đòi dấn thân vào đất Sài Gòn? Ở trong ấy củi qué gạo châu, mày quen được bao nhiêu người tốt mà dám đi một cách phiêu lưu như thế hử? Ráng đợi lại mấy bữa nữa tao có món tiền người ta chồng họ, tao chia cho một nửa mà thêm vào, nghe chưa. Ngu lắm con ạ. Đã chắc làm ngay được cái đỉnh đúng gì mà cứ rồi cả lên như việc quan lửa đốt dầu ấy.

Tôi nằm nghe cái lời hứa nồng nàn thành thực và chu tất của một người bạn có tính hào phóng và có luôn cả nét say sưa.

Giữa phút tin bạn và đang tính xếp lại nhật ký đăng trình, tôi choàng nghe thấy một tiếng còi súp lè vẳng từ đầu phố lại. Đường xe lửa vô Nam vốn đặt ngang qua phố xóm Ba Cống. Tôi nghe rõ những tiếng ầm ầm của một đoàn tàu làm chấn động quảng đất quanh nhà.

Tỉnh nhẩm, vào cái giờ khuya này, tôi biết đây là chuyến tàu đêm đi Cửa Hàn.

Những tiếng sì sì mở hơi nước đầu máy, những tiếng ầm ầm các vòng bánh sắt lăn bỗng hụp tắt. Tôi biết ngay là cả một đoàn tàu vào Nam đã lướt hết qua cái rào sắt chắn ngang đường. Giá mà đêm nay anh bạn tôi không nèo lại thì tôi đã được đứng ở hiên một cái toa cuối cùng để lúc tàu qua quãng đầu phố Cổng Đệ Nhất, tôi được nhẹ nhõm trong lòng gửi một cái chào vui vẻ cho người phu giữ ghi đang vẩy hết nước bọt ra khỏi cái dăm kèn chiếc còi đồng, ngăn các xe thành phố lại, bên một cái biển đỏ và một ngọn đèn đỏ.

Lòng tôi nao nao vì rượu ngấm thì ít mà có lẽ rất nhiều vì tiếng con tàu vừa chạy xuôi. Con tàu ấy chẳng có tôi. Nó không thể chờ tôi được. Có bao giờ chuyến tàu lại không chịu đi nữa vì có một người lơ trệt. Tôi tha thứ cho nó. Cái giống máy móc nó vốn vô tình như vậy. Tôi lại ước muốn trở ngay lại cái thời cũ mà người đại lý khách chỉ đi bằng sức vó ngựa, đến mỗi quán mỗi trạm, chủ nghỉ lại thì con tuấn mã cũng cứ phải đợi chờ và có sốt ruột giục chủ lắm thì cũng chỉ dám rồ gò móng xuống quanh đất một gốc cây dương giả, lá càng rữ buông song song với đôi sợi cương da. Tiếng đoàn tàu đi qua đã hụp tắt xong thì

vắng vẻ của đêm tràn ngập nhà hát và thắm mãi vào lòng tôi. Tôi thở dài.

- Gặp nhau vui như thế này, sao anh lại thở dài? Anh quay mặt lại đây.

Phương hỏi gặng nữa. Thấy tôi im lặng, nàng lay tôi. Cái tàn thuốc lá đã bị lay động, rơi tọt vào cổ áo sơ mi tôi làm tôi nhòe dáy. Lục đục mãi không ngủ, tôi lại cho bùng khay đèn vào hần trong màn. Trong lá màn kín bùng, nhiều con muỗi lọt len vào từ nãy, bị khói thuốc quyen chặt lấy cánh, rụng xuống như những vụn mỡ hóng bếp lửa. Đêm gần về sáng. Đêm đã thuộc về phần đầu tiên của ngày hôm sau. Cái cô Phương vốn có tính thu vén ngăn nắp đến cả lúc đi ngủ ấy đã làm một việc thừa. Cô xoa tóc, đứng lênh nghênh trong tấm màn rủ đốt nến soi muỗi, thiêu muỗi. Chẳng cần bị cháy cánh mà những con muỗi vo ve ấy cũng đã trở nên vô hại, im lìm rụng xuống vì những làn khói thuốc phiện u hoài trần trọc của tôi thở suốt mấy canh.

Đã có nhiều đêm như thế. Đã có ba bốn tuần lễ như thế. Hết một đêm thứ ba này, hết một đêm thứ sáu này lại đến một đêm thứ ba khác, một đêm thứ sáu khác. Con tàu tốc hành xuôi miền Nam vẫn cứ chạy đều đều qua Vinh mỗi đêm thứ ba thứ sáu mà chẳng bao giờ có tôi làm hành khách góp một phần xê dịch với cái thiên hạ túi bụi đang trình ấy. Nhiều đêm

chán chương, tôi đã tưởng có lẽ tôi phải chết già ở cái nhà hát cô Phương này và linh hồn u uất sẽ phảng phất ở đây mãi, làm một vị tiên chủ để mai sau người ta sẽ hương khói giải oan hộ cho.

Anh bạn tôi ngày nào cũng lui tới.

Cái số tiền lộ phí của tôi đã đem ra cúng vào những phí khoản vật vãnh cho những đêm ồn ào ở nhà hát rồi. Mỗi ngày một tí như cá dồ muối. Buồn ra mặt, mỗi ngày tan sở về để cùng nằm ra đây với tôi, anh than:

- Cái số anh nó vất vả đen đui thế nào ấy. Cái bà góa chồng họ cho tôi xưa nay là người thủ tín lắm. Chưa bao giờ bà ta sai hẹn với tôi. Tôi vẫn giục luôn nhưng bà ta cứ bảo tôi phải chờ. "Họ, tháng này thu khí chậm". Anh bảo làm thế nào! Hát nhà này mấy chục cháu, tôi đã chi đâu. Thôi, nó lỡ ra như thế, anh cũng cứ phải tùy cảnh mà ở, mà đừng buồn. Lại phải uống rượu chứ còn làm gì hơn được nữa. Để tôi đi kiếm thêm vài thằng bạn nữa, đến cho nó làm huyền não nhà lên vậy. Chứ anh và tôi thức mãi, gầy cả rồi. Hôm nay đi giặt lửa được mấy đồng, anh cầm lấy bảo nó đi mua một vài đĩa gì tí nữa chén vậy. Tôi về ngay đây.

Người bạn đi vắng. Nhà hát tẻ thêm. Trong người tôi càng là bãi sa mạc oi bức. Tôi không còn đủ can đảm để mà ấp ủ cái cô Phương xinh xẻo ngoan ngoãn

ấy nữa. Trông thấy Phương lại gần tôi, tôi thấy rợn. Phương ít ngày gần đây cố làm vui cho tôi, nhưng tội nghiệp! Nàng chỉ đem lại cho tôi những cảm giác kinh tởm? Tôi chỉ cho tôi là một người ốm nuốt phải mớ thịt quay và ngửi những mùi xào nấu béo nóng. Mai rồi còn gì nữa. Không thể mỗi, không thể mệt hơn cái cữ ấy. Về sau này tưởng lại chuyển đi huyệt ấy, tôi đã phải lấy làm lạ rằng sao, với gần một tháng đóng đô ở nhà cô, cô vẫn không dành cho tôi một đứa con hoang nào cả. Giá mà có cái kỷ niệm ghê gớm ấy mà mang về nhà thì tôi sẽ đặt tên cho đứa con là Vinh để ghi lấy những ngày bấp bênh vô lý ở cái thành phố ấy.

Nghĩ lại càng thêm thương cho anh bạn. Tự lãnh chữ tình không lọt vào một tiếng oán tiếc nào của dục vọng.

Ai nói với tôi những chuyện kinh doanh kèn cựa, không những tôi đứng dưng mà lại khinh miệt người ta ra mặt nữa. Thế có vô lý không, thế có đại dột không.

Cái trại của tôi ở ngay đầu làng Hạc. Có lẽ gọi là cuối làng thì phải hơn, vì ở cái góc này, sự sống ngày ngày trông vắng vẻ quá chừng. Làng Thọ Hạc ở sát ngay tỉnh lỵ. Từ cổng trại tôi bước ra vài chục bước là cảnh thành thị, và bước vào một bước là đã hoàn toàn

thôn dã. Xóm giềng toàn những ông lý bá, ông hương cự, bà hương tuần. Ở đây ngày tháng ôn hoà. Một lũy tre xanh và một hàng dừa non ngăn cách hẳn cuộc đời bằng lạng ở đây với cái sống bên ngoài. Bên ngoài trại, cách vài chục bước là một con đường cái rộng dẫn xuống tỉnh. Từ trại tôi xuống đến nhà dây thép, chừng độ hai cây số.

Tôi thu dọn ít đồ vật để lên trại ở. Một bộ ngựa, vài chiếc chiếu cói, một cái bàn viết, một cái ghế, vài chồng sách báo cũ và một ít bát đĩa, nồi, dĩa. Thùng gạo và chai nước mắm đã mang ra xe. Tôi ngược mắt bảo vợ và con đừng đi. Nhà tôi bảo cứ lên trước đi vài ngày rồi sẽ lên sau. Tôi hiểu ngay ý nhà tôi. Lâu nay, người ta vẫn đồn cái trại ấy có ma. Và có nhiều lần trước tỏ ý muốn đem nhau lên trại ở để tránh cho nhà tôi những câu xì và của mẹ tôi - ở đại gia đình nào mà thường ngày chẳng xảy ra những chuyện mẹ chồng nàng dâu - vợ tôi vẫn ngần ngại:

- Lên ở trại? Trại thì hẻo lánh. Ở cuối làng. Hàng xóm thân không có. Nhà thì neo người. Nhưng lúc tối lửa tắt đèn, cậy ai? Rồi những đêm mưa to gió lớn, cậu bỏ tôi ở một mình một cái trại mà đi chơi đi hát, bỏ mẹ con tôi một bóng đèn, rồi làm thế nào. Nhưng lúc ấy chạy một bước mà về lại với ông bà được sao. Đi thì dễ mà về thì khó lắm, cậu nên biết thế. Thà ở đây với ông bà còn hơn. Sự mè nheo dẫn dắt của bà,

tôi phận làm dâu nghe nhiều và lâu nó cũng đã quen tai rồi. Và chẳng ở trên ấy lại lắm ma lắm nữa. Mưa dầm gió bắc, ngồi mà ngắm những con đom đóm lập lòe bay vào thăm nhà thì eo ôi... Thôi cậu ạ.

Ấy thế là tôi đã đưa một mình tôi lên cái trại hoang. Cái ngõ đi vào trại sao khuất đến thế này. Tre hai bên rào các nhà bên đâm tua tủa ngang lối ngõ. Ban ngày mà ngõ âm u như trong cánh rừng sâu. Đêm tối đi vào ngõ mà không có đèn, thế nào những cánh tre gai cũng quật vào mặt.

Tôi vừa bước vừa gạt những cành tre cùng dây leo. Những giọt nước đọng trên cành lá rơi xuống lớp dấp nặng như đêm thu. Đêm qua mưa to, thảo nào. Nhiều tiếng chó khác nhau sủa vang. Nhiều cái đầu người nhà què ló ra phía ngõ một cách tò mò. Tôi đi thẳng vào cái trại của tôi: cổng trại không có cửa đóng.

Tôi ngừng bước ngắm cái bất động sản của tôi. Trong thửa đất hoang vu, cỏ cao đến đầu gối, rau sam mọc đầy lối đi mà tôi tự hỏi ngay tôi xem tôi có thể can đảm với cảnh này cho trọn vẹn không. Cái cảm tưởng sơ đầu của tôi lúc đặt chân vào trại là ở đây chỉ rất có rêu và cỏ. Toàn rêu, toàn cỏ, không một tiếng gia súc, không một tiếng người. Sự thực thì trong cái trại hoang này vẫn có một người ở: lão bếp Quyên. Đã từ lâu, ông bà tôi cho lão ở nhờ đây cho lão trông luôn thế. Lão Quyên trước kia là một người lính tòng chinh

qua Pháp. Nhưng đi binh lại về binh, cuộc đời lão ở cái làng quê hương không có một chức vụ hoặc tư sản gì giữ lão, lão bèn lên tỉnh kiếm ăn và lấy cái trại hoang này sớm tối đi về. Những ngày mùa ngày hái, lão tìm đến những vùng lân cận bán nhân công. Vào những cử khác, lão lại đem hai cánh tay ấy để đến những chỗ đài tải hàng, ai muốn đẩy xe bò thì lão cho thuê hai cánh tay. Và những lúc nào không ai thuê mượn gì, thiếu tiền ăn thì lão lại ra các lũy tre quanh trại, chặt bớt vài cây tre đực ngã xuống làm một cái thang, một cái chông, đem ra chợ bán, bán được bao nhiêu là mua muối gạo tất. Lão chém tre rồi lão lại chặt cả măng. Xem chừng dạo này sinh kế và công việc làm ăn của lão cùng quẩn lắm thì phải. Tôi đứng ngắm mấy hàng tre quanh trại thưa thớt, để rõ những lỗ trống đến người chui, cùng lọt kia thì tôi thừa hiểu.

Tôi lên ở trại là một việc bất thành linh, nên lão Quyên cũng không biết. Và tôi đã vào đến cái sân trại rồi mà lão cũng chẳng hay. Tôi bước lên thêm. Trước sau nào thấy bóng người. Tôi đi xuống bếp. Có một người bán thiu, khoác cái áo lính cũ vài vàng như xơ mướp, đang bó gối ngủ bên một cái nén ngụi tắt. Lão Quyên! Lão ngủ mà một tay vẫn cầm chiếc điều cây dít sẵn mỗi thuốc còn nguyên, tay vẫn cầm một thanh dóm. Choàng mở mắt, lão luống cuống:

- Lay cậu! Cậu lên chơi mà con không hay.

- Không, tôi lên ở hần trên này đây bác ạ. Bác chạy ra phía đường cái, đứng ở gần cầu Hạc ấy mà đón cái xe bò chở những đồ vật của tôi chuyển dần vào. Đưa tôi cái chìa khóa mở cửa nhà trên.

- Dạ, để con ra mở. Cậu có diêm, xin cậu một que. Con xin phép ăn một miếng thuốc lá cái đã. Từ sớm giờ, bếp không có lửa. Định sang bà Cự bên cạnh lấy lửa về, nhưng con nghĩ cũng chẳng có gì bắc lên bếp mà nấu nướng, nên con lại thôi.

- Thế vợ và con đâu cả?

- Dạ, đi hàng dưới chợ.

- Đi bán măng phải không?

Tôi vừa nói, vừa cười vừa nhìn ra lũy tre trước nhà so le kín hờ như một cái hàm răng người có tuổi. Lão bếp Quyên lặng im, định tùm tùm mà không dám, chỉ gãi tai gãi đầu. Lão vốn biết cái tính dễ dãi của tôi. Những lúc xuống nhà có công việc, trước mặt ông bà tôi, tôi vẫn che chở cho lão.

- Dạ, trộm phép cậu, đói quá, không có việc làm, thỉnh thoảng con có cắt ít măng. Nhưng không dám nói với cụ ở dưới ấy. Nay cậu lên ở, để vợ chồng con rào kín lại. Và con hầu com nước cho cậu để xin những chỗ thừa mưa mỗi bữa cho hai đứa nhỏ. Có cậu

lên ở hần trên này, rồi trông trại cũng phải vui thêm ra.

- Thôi, bác đi ra đón xe bò thì cũng vừa đẩy kéo họ lại kéo quá lên phía A-ba-toa-mát.

Lão Quyên đi khỏi, một mình tôi lặng ngẫm sự hoang vắng sống trong cái trại chết này. Cái sân gạch rêu phong. Từ chân tường, mỗi cứ thế mà đùn lên đến nóc, kẻ những đường oằn oại. Tấm cửa cái vừa mở, bước vào gian nhà giữa, tôi ngửi thấy một mùi mốc lạnh lạnh. Bên chái buồng bên, mùi ẩm ấy gọi đến cái không khí ngụi kín những nơi chính tấm những gian chùa cổ thiếu sự hương khói quanh năm. Mùi cứt gián cứt chuột điểm thêm vị tởm lợm vào cái khí thê lương của nếp nhà mệt mỏi. Hai chái buồng bên, nóc vốn là hai cái sân thượng, nước mưa tự ứ đọng lại, thấm xuống kẻ gạch, rỉ xuống những rui gỗ đỡ trần nhà. Nhiều giọt nước mưa lưu cữu chưa đủ sức nặng để rớt xuống nền, vẫn còn bám lấy thân những rui gỗ, có ánh sáng soi vào, long lanh như giọt sương cảnh buổi mai, vườn vừa ngọt trận mưa đêm. Có một chút gió từ ngoài tạt vào. Những giọt nước mưa vẫn chưa chịu tụt xuống, cứ đánh đu dưới dầm lim mục và dun dấy qua lại. Chao ôi, cái mặt tường phía sau nhà này, quay về hướng tây, có cửa sổ, những đêm cuối tháng có bóng giăng dòm trộm vào thì là cả một thiên tình sử gọi đến nước mắt đây. Đêm sáng giăng sông, nằm

đây mà vẫn một mảnh nguyệt là, thì chẳng cần đến hình bóng một người đàn bà nào thêm vào mà người ta cũng thừa có một khung để lồng vào đấy một cái ảnh của một mái tây để lạnh hương nguyên.

Tôi trèo lên gác sau nhìn xuống một lũy mã ở rải rác về phía Bắc vườn. Phía đông Bắc trại bị choán gần hết vì một cái cồn, dừa dại mọc um tùm. Cứ lời người làng thì ở trên cồn Rùa, vẫn có ngôi mộ cổ của một ông Cồn Thiết Trụ Hầu, làm quan võ đầu từ thời hậu Lê gì đó. Ngoài cồn Rùa là lũy tre bọc trại, là ruộng rồi đến con đường hoá xa đi ngang qua lò sát sinh của thành phố.

Tôi đếm được đến tám chín ngôi mã, chòm mã râu râu một thứ cỏ may. Giữa ban ngày mà có nhiều con quạ đen dạn bóng người, dám nô rồn trên những ụ đất dựng cột khí và nghiêng đầu nghiêng cổ liếc mãi mò xuống bụi cỏ. Lòng tôi rờn rợn. Tôi bước xuống lầu, với cái tin tưởng rằng những chuyện ma người ta đồn là chắc có thực. Phần ám khí ở đây nặng lắm, nặng đến nỗi cái tiếng te te gà hàng xóm sau trại gáy mà nghe nó cũng như thế nào ấy. Ở cái nhà mốc này, giữa cái trại hoang này mà đọc *Liêu Trai* thì thú tuyệt. Thế này thì ra cái trại tôi là một bãi tha ma rồi còn gì nữa.

Tôi nghĩ lộn lại về những ý thích trước của tôi đối với những cảnh ẩn dật mà tôi lại muốn cười lên để chế nhạo tôi ở giữa cái chỗ tịch liêu nửa mùi thôn ổ nửa đã thị thành này. Người ta thường bảo cái gì nhỉ? À, đại an cư thành thị, tiểu an cư lâm tuyền. Cảnh trại đây có lẽ là một nơi xứng đáng cho một người trung ẩn để dựng lấy cho mình một cái sống dừng dung tiêu cực. Lúc này, tôi mới biết rằng đi ở ẩn là một việc không dễ như người ta cứ tưởng. Nó khó như là việc đi tu ấy. Những lúc buồn phần, ai mà chẳng nghĩ ngay đến sự đi ở lánh khuất, đến sự vào chùa. Nhưng cái buồn trong tâm tư không vững, không chuyên nhất, một khi đã đứng trước u tịch rồi, người ta lại càng thêm nhớ tiếc những tiếng động của tất cả những cái gì mình định bỏ xa lùi lại về ký vãng.

Tôi đang phân vân nghĩ nên ở hay là lại lộn về ở dưới phố cho nó ấm lòng hơn - những nỗi bực bội của hoàn cảnh đại gia đình dẫu sao cũng vẫn còn là sinh khí, cũng còn là cái liên lạc nối mình vào cuộc sống, chứ ở đây chỉ có sự mỏi và mùi chết - thì bếp Quyên đã khuôn đồ đạc vào.

Chiều đến, bếp Quyên thổi cơm cho tôi. Trên mái bếp lợp lá lẫn với cỏ khô, những vòn khói lam đem chút yên ấm cho lòng. Nhưng xong một bữa cơm ăn một mình - một bữa cơm không có rượu - tôi cũng vẫn vợ và thấy thương nhớ bất cứ cái gì đã lọt vào lòng

từ trước tới giờ. Thậm chí nhớ cả đến những tên đào nương vô nghĩa lý nhất trong cái xã hội thanh sắc vốn đã quá rạc rầy. Trong gánh sầu hoài, phút này, một đầu lại còn nặng thêm những chuyện bực mình. Rửa chân cạn mấy cái, leo lên giường, tôi định cố ngủ đi một giấc để sớm mai dậy, tôi sẽ sửa lại tấm thân cho gọn, dâng hẳn một tấm lòng sớm mới cho một buổi mai vui cười tràn lãn trên cây và cỏ khu trại. Buổi bình minh nào mà chẳng nhẹ nhàng.

Tiếng còi báo hiệu vào ga của một chuyến tàu tối vắng ngoài bờ tre đã dựng tôi dậy nhanh. Đứng trên gác thượng vọng ra cái đoàn tàu loe sáng đang lướt theo lũy tre đầu làng, tôi nhận thấy cuộc đời tôi không thể vắng tanh, vắng ngắt hơn thế này được nữa. Tôi rùng mình, thấy cái giấc ngủ cô đơn trong một đêm đầu ở trại hẻo lánh là ngại lắm. Tiếng vọng của đoàn tàu đã nín bật. Giun dế ngoài nội cỏ thăm xuống lại vắng lên với đóm nhấp nhô. Từng đợt dài trên đường bờ các thửa ruộng xa, tiếng còi huýt và tiếng tù và của đám phu tuần làng được an phận lúc sương tức đang gọi nhau canh trộm trong cái mò mò của canh đồng.

Tôi khóa cửa lại, xách đèn điện bấm ra đi bảo bếp Quỳn trông lấy trại.

Một loạt chó sủa ran. Tay gạt tay đèn, tôi đã lọt ra khỏi cái ngõ quanh co. Đặt chân lên con đường

chính xứ, màu phấn đường nhòe như màu dải sữa sông Ngân trên đầu, lòng tôi nhẹ vơi hẳn đi. Từ đầu đường, đổi lại tiếng trống chầu xóm, quán giờ, tiếng trống rõ mồn một, nghe tròn và xinh đáo để. Trong người tôi, bao nhiêu thói tục cũ lại thức tỉnh lại hết.

Tôi bước vào nhà hát ông Thông Phu mặc dầu ở đây có khách hát rồi. Ông Thông Phu đang ăn thuốc phiện dưới nhà cầu.

- Kia chú. Lâu nay đi đâu mà không thấy?

- Đi chơi một chuyến xa quá. Định đến thuật chuyện cho anh nghe. Chị đi vắng à?

- Dưới phủ Hoàng, ông phủ chả mở tiệc khao khiêu cái gì mà những ba ngày kia. Họ đón chị xuống hát từ hôm qua. Có chóng lắm thì cũng đến đêm mai chị mới về được.

Tôi tranh lấy việc tiêm thuốc. Rồi ngả lưng làm điều thuốc cho chủ nhân, tôi rầu rầu tường thuật cho ông Thông Phu nghe về một tháng rui ro ở đất Nghệ. Chủ nhân lại còn lấy làm khoái trá.

- Ấy, đấy chú xem đấy, hề chú đi đến đâu là y như có chuyện đến đấy. Thôi, cái số có điểm ra như vậy, việc gì mà phiền. Sự nó sinh chứ ai muốn sinh sự mà làm gì.

- Bây giờ tôi xin ông bà tôi lên ở biệt hản ra ở trên trại anh ạ. Cái trại trên Hạc, anh biết rồi đấy chứ? Hình như anh đã tiểu ầm với tôi trên ấy một hôm.

- Biết. Biết lắm. Trông nó như cái am của bực cư sĩ ấy. Ở đấy mà nghiền *Tam Quốc* và nói nhảm, ê a hát chèo thì thú lắm, ơ hơ hơ.

- Bắt đầu từ hôm nay, tôi đã dọn nhà lên. Tôi vừa ăn buổi cơm chiều đầu tiên một mình ở trong trại rồi mới xuống đây đấy chứ.

- Cũng hay. Anh em mình đã thân rồi lại càng thân thêm. Gần mà lại càng gần. Từ nhà tôi mà vào trại chú, độ ba bốn trăm thước chứ mấy. Nhưng chỉ sợ chú không ở nổi thôi. Giai ở trại, gái ở hàng cơm. Không phải tôi chê chú nhát gan hoặc ngu ngốc đâu, nhưng tôi muốn nói đến cái nét hiếu động của chú. Cái tuổi của chú đang còn muốn những sự bay nhảy tứ tung, đã ngồi yên thế nào được, đã tự mình bỏ tù mình thế nào được? Nhưng thôi, hãy cứ biết thế đã. Ở đây ngày nào hãy biết ngày ấy và hay ngày ấy. À mà chú ạ, cái làng Hạc này chú đã lòng cho hết các đường trong làng chưa? Sao mà lắm lối dọc ngang đến thế vậy? Tôi đã xem kỹ rồi. Làng này mà đánh bạc, khó vây lắm nhá. Vây chặt đến đâu, con bạc cũng cứ tẩu thoát lọt. Làng này dám cướp lạ đất, không dám vào đâu. Chỗ trại chú ở, khí khuất một tí. Cuối làng.

Có điều vắng. Nhưng rồi cảnh cũng phải tùy chủ. Hôm nào, tôi lên chủ, rồi tội mình cùng sang bên ông Tú làng Hạc, rủ mấy anh ngốc đánh cờ ăn ít tiền chơi.

Gian nhà hát ngoài có tiếng ồn ào. Những chữ tục tiêu vang ra nghe rõ lắm. Chỉ thấy chủ nhân tùm tùm chữ không tỏ ý khó chịu chút nào. Cái nhục của nghề. Ông Thông Phu hẳn đã quen tai nên không cảm động mấy may. Một cô đào đứng tuổi vào, thấy tôi vội khẽ chào "Lạ chủ ạ" và trình luôn với chủ nhân:

- Thưa bác, bốn quan viên họ dờ quẻ, đòi đi. Họ để hai đồng bạc vào lòng tráp trầu. Con không dám cầm.

- Con có biết bọn nào không? Khách lạ hay quen?

- Lạ cả. Bọn công tử. Hình như có cậu Thường, con ông Phán gì vẫn hay xuống nhà ta ấy.

- Thôi được. Con cứ ra nhận lấy chỗ hai đồng bạc ấy. Nhớ lấy kiểu người các ông ấy và lần sau các ông ấy có trở lại thì con báo các dì ấy phải cẩn thận hơn. Mỗi lúc gặp người khi quyết cương không biết điều, mình phải nói chuyện mệt lắm.

Câu sau, ông Thông Phu xoay sang tôi, phàn nàn riêng. Ông cười khà, nói tiếp:

- Thôi bây giờ hai thằng mình khiêng cha nó tỉnh ra ngoài thắp đèn lên mà chơi giữa nhà cho nó sướng. Chúng mày không chơi thì đã có các ông. Thiếu gì

người chơi ở nhà này hờ chủ! Ta ra nhà ngoài nào. Ấy ời, vào bưng khay đèn ra nhà ngoài cho bác vào, bảo đóng tất cả bộ cửa ngoài lại.

Ông quay lại tôi cười hề hề, giọng thân mật:

- Nhiều khi, vợ con đi vắng cho đôi ba bữa, thú ra phết, chú ạ.

Bà Thông Phu, tôi đã biết. Còn con? Làm gì có. Nhưng chủ nhân cứ nói thế. Đôi vợ chồng nghiện cả ấy, con thật thì không có, nhưng những con nuôi, con mày thì nhiều lắm. Họ ở bốn phương giờ tìm đến giúp “bác giai bác gái” cứ đẩy cả nhà ra đó. Rồi họ đổi tên đổi tuổi, tự ý đổi lấy để chôn bót đi một đoạn đời cũ, hoặc nhờ “bác” đặt cho một cái tên khác nghe nó vui tai và xinh hơn. Muốn gì thì gì, cái tên cô đào nào mà chẳng đẹp, mà chẳng là danh hiệu của một thứ hoa hay là một vật gì quý giá ở cuộc đời này. Lan, Mai, Phụng, Bình, Ngọc, Cúc, Trúc, Sơn, Tâm, Sâm và còn bao nhiêu cái tên ghép những hai chữ đọc đến, nghe như là tên những người đàn bà có cầm bút ký tên vào báo chí.

Cô Bích Liên, cô Hồng Liên, chị Hạnh Liên, chị Hoàng Liên. Đóa sen màu vàng. Bao giờ thì có giống hoa sen đen xuất hiện giữa các đám cây cỏ lạ ở đất Bình Khang xứ này?

- Kia, chú còn đi đâu mà xỏ giấy. Cô Xinh đâu, không lấy cho bác đôi guốc. Đưa sang cho chú kia mà.

- Tôi nói thực với anh là hôm nay tôi thành tâm xuống hát dưới anh. Anh để cho tôi kiếm mấy người bạn có tính đùa rất ôn.

- Sao hôm nay chú lại có cái giọng dờ hơi như vậy? Chú và tôi nằm tay đôi như thế này với nhau, không là hát hay sao?

- Anh hiểu nhầm cái ý của tôi mất rồi. Để tôi nói thêm. Có lẽ, anh cứ để bàn đèn trong buồng thì hơn. Cái đám người quen tôi sắp đưa xuống, anh không chịu được đâu. Họ không những đã trái tính trái nết mà cái đức độ làm người cũng hãy còn kém lắm - tôi mới nói đến sự làm người khách làng chơi thôi - Có anh cùng ngồi ở nhà ngoài, họ sẽ không được tự nhiên câu chi các cô ấy, họ bỏ về hết với cái cảm tưởng rõ rệt là một đêm chơi không được như thế tức là không đi hát, có đi xuống hát cũng bằng không. Đã hay rằng xuống dưới anh, có hát hay xuống chơi thôi, bao giờ anh chị cũng coi tôi như người nhà, không phải đem những lời khách tỉnh ra mà đãi. Tôi đã không lấy làm điều mà lại còn thích nữa. Đã hay rằng nằm đối diện với anh mà thanh đàm, nó là một cái thú âm thầm ít người tập được đấy, nhưng đêm nay anh phải cho tôi ngồi giữa cái cảnh ồn ào chốc chốc điểm vài tiếng cốc bát loảng choảng đổ vỡ. Tôi ban nãy nói là các bạn chơi tôi sắp mang xuống, có tính ôn, nhưng chính tôi, trong đêm nay, cũng thấy thèm sự huyền ảo, vậy

anh cứ vào nằm lại trong buồng riêng đi. Tôi kéo họ xuống uống rượu, nói quá, cử động bạo ngược một hồi cho hả hết hơi rượu và xong rồi sẽ lại vào nằm nói chuyện với anh cho đến sáng.

- Tính chú ít nói, sao bữa nay lại có cái thích trái ngược như thế?

Từ hôm ở Vinh về, tôi đã cảm nhiều lắm rồi. Một ngày hôm nay lên cái trại bỏ hoang đã lâu, tôi lại càng thấy sự im vắng mông mênh một cách ghê gớm. Không, mai kia anh phải lên trại, nằm một đêm một ngày thì anh mới biết. Cái im lặng đêm tối ở trên ấy, có lẽ không đến nỗi kinh sợ bằng cái im vắng ban ngày. Tôi đứng trên gác thượng, nhìn xuống miếng đất ngổn ngang những thứ cây quái gì ấy mà trong lòng tôi hiu quạnh dằng mãi lên. Hiu quạnh sống trong người mình và chung quanh mình, cái gì cũng chỉ gợi đến những ý xa vắng, lạnh và cũ và mãi và ngừng hết. Ngồi ăn một mình cả một mâm cơm chiều nay, tự nhiên tôi có cái cảm tưởng gờ đại là mình đã trở nên một người góa bụa, hoàn toàn góa bụa. Góa vợ con, thân thích, anh em bạn, góa nhân loại, góa hết cả. Bát cơm và vào miệng, chỉ là những miếng thê lương. Tôi vừa ngồi ăn, vừa ngồi nhìn hoàng hôn thả sương chiều xuống mặt cái trại quạnh quẽ. Làn sương là là trên ngọn tre thưa gầy, trên mấy chòm dừa vàng úa, trên cái bể cạn giữa sân không có một giọt nước

chứa rồi làn sương lù lù đi vào nhà, vòn lấy một mâm cơm đã đi hết hơi. Tôi rùng mình, cố đập vỡ xuống nền gạch có rêu một chiếc bát để được nghe những tiếng động mạnh bạo tàn nhẫn. Nhưng cái bát bị quãng ấy, có vỡ tan ra từng mảnh vụn, mắt tôi có trông rõ, mà quái lạ, hình như không gây ra được một tiếng loảng xoảng nào. Tôi vẫn tưởng thính giác tôi vốn làm việc chậm sau thị giác, tôi vẫn chờ đợi. Tại tôi vẫn chờ, mắt tôi vẫn đắm đắm chiếu xuống đồng mảnh sứ vụn, giống như một người lớn tuổi ngồi rình một quả pháo âm ngòi dẫn thuốc. Không khí vẫn không bị một tiếng động mạnh nào xé vò và xô mạnh ầm ra, lại dần dà cứng thêm, thắt chặt vòng vây lại quanh tôi, quanh mâm cơm. Những vệt khói tan của bát canh bị khí lạnh nén đè tịt xuống, lại lẩn xuống đáy bát. Tôi nhìn ngang ra chung quanh. Mấy bức tường ẩm đang toát mồ hôi, rỉ tuôn bật ra những hạt nước li ti và khi hạt nước đã to được bằng cái mắt cua đồng, đủ sức nặng để rụng, thì hột nước kéo dài ra rỉ tuôn theo vạch tường như những giọt lệ chảy dọc xuống. Đã từ những ngày hoang vắng nào, những giọt nước mắt ấy đã chảy mà vệt nước mắt ấy đã có đường bờ, đã có rêu xanh vòn lấy cạnh! Nghĩ thắm thía, tôi cảm thấy khoảnh trại đây là một chốn lạnh cung mà tôi chỉ là một tên yêm hoạn cầm một chiếc đèn lồng phát lượt xa tanh chiếu rọi mãi để tìm những người

cung nữ đã chết mòn từ bao giờ. Tôi buồn một cách rất nên thơ. Rồi trong cái buồn lại lẫn cả kinh sợ. Trong người càng thấy lạnh, đã lên giường nằm rồi mà không tài nào ngủ được, tôi mới nhớ ra lúc chiều, tôi đã phạm vào một điều vụng về rất tự đáng trách. Là tôi đã cố tình không uống rượu. Ở cái trại ấy mà không có rượu và bạn thì chết mất anh ạ. Cái cảm tưởng vào ngày đầu tiên ở trại của tôi là nó cứ rờn rợn thế nào ấy. Không phải mình hân sợ ma đâu. Nếu ma hiện lên, có lẽ mình không chạy đâu, mình sẽ ngồi hoặc nằm mà xem xét. Nói cho đúng ra thì tôi đã hết sức sợ cái cảnh im vắng trong trại tôi hết cả buổi chiều nay. Tôi bèn lẩn xuống đây, để tìm những cái ồn ào. Hôm nay - nói anh đừng giận - tôi không cảm thấy cái thú của một cuộc chơi tay đôi lặng lẽ như nhiều ngày đêm khi nằm bên khay với anh. Trong lòng tôi đã ngấy lên vì lặng lẽ rồi. Nếu anh muốn tránh cái ồn ào của nhà anh, mai mốt mời anh lên trại tôi, nhớ đem theo pho *Liêu Trai* in chữ thạch bản nằm xem với một ngọn đèn hoa kỳ thì tha hồ mà lặng lẽ im vắng. Thôi, để tôi đi tìm mấy tên giặc xuống cho nó làm âm ỹ lên cái đã. Anh vào đi.

Những người bạn trùng trường tác hí của tôi, cái đức huyền nào thực không chề vào đâu được. Họ đánh trống như là đám hoả đầu quân bầm thịt viên trên cái quây bếp một hiệu cao lâu Quảng Đông to lớn. Họ nói

chuyện tâm sự với nhau mà như là hầu sáng hô tiền hàng. Họ vắn cô đào, họ chơi hoa như là lính đi cắt cỏ ngựa về cho ngựa quan ăn. Nhà hát là cái chợ. Âm âm. Một chợ người. Đến tôi đã quen rồi mà tai mắt cũng cứ rồi cả lên.

Bạn tôi dạy tôi uống rượu quay thìa, uống rượu đánh diêm, uống rượu đưa vòng. Tôi ngà ngà, đập ngay một cái bát. Bát vỡ, tiếng ròn tan. Ừ, có thể chứ. Chứ cái bát đập lúc chiều trên trại chẳng kêu thành một tiếng nào. Ở đây nhiều sinh khí có khác. Rượu vào, người ta ăn nói ghê quá, trắng trợn quá. Một bên là quan viên, một bên là ả đào, giữa cái đám hát quan họ không có trật tự ấy, sự vi von hay đáo để. “Mì lại”, “rồi thì là mà” “âu, mà nhẩy” “em chả...” “... lần đầu em đến cái chỗ vườn hoa đồ hội, thật là một cái ân hận được gặp các quan anh, có điều gì không phải, xin các quan anh đừng trách nhiệm các em...”. Vui lắm. Thú lắm. Tôi đã cười như con khỉ, như người giấy chết. Tôi đã lẩn đùng ngã ngựa ra, tôi đã bò lê bò cang ra giữa chiếu rượu, vừa bò vừa úp mặt xuống đồng thìa bát ngổn ngang vừa hét: “Cho mấy chai bố nữa. Phải đánh ngã vài cây bố nữa”.

Bao giờ thì tôi lại được đi Sài Gòn nửa hờ Giời! Ở trong ấy còn vui hơn ngoài này. Vả lại, không cần có rượu thấm vào.

Rượu tan. Gà gáy. Một cái thân hình nhỏ bé rúc vào vách tôi. Bốn góc nhà, có những tiếng thì thảo. Đức Thích Ca Mâu Ni bảo rằng chúng sinh phải thương lấy nhau và Đức Chúa dạy rằng: Hỡi các con hãy khá sinh nở cho nhiều vào.

Ấy thế rồi mặt trời lên cao không biết là năm hay bảy con sào nữa, tôi vẫn ườn xác ra như một kẻ bị đắm tàu, mệt quá chỉ còn nằm được như thế mà bơi ngửa.

Trưa rồi. Thời giờ là vàng bạc. Tôi phải vùng trở dậy vì chủ nhân đã cho thỉnh vào để ăn cơm sáng. Cái cô Lý hay cô Huệ bé con ấy cứ luẩn quẩn mãi bên mâm cơm. Cô bé e lệ, thấy tôi nhìn lâu thì lại cúi mặt xuống. Tôi hỏi cô bé đã ăn cơm chưa và nếu chưa thì ngồi xuống, ông Thông Phu giấy nẩy lên:

- Ấy không được. Chủ đừng nuông các cô mà đâm ra hỏng hết, không sai bảo gì được nữa. Các cô ấy đã có mâm khác.

Quanh cái mâm bên giường kia đông đúc những toán chị em giúp việc trong nhà, vẳng lên một chuỗi cười dài. Cái tiếng cười khúc bác ngấm ấy hình như đại để riêng tặng tôi. Họ lại thì thầm, chỉ trỏ tôi và chỉ trỏ luôn cô bé Lý hay cô Huệ gì đó. Mặt cô bé càng đỏ thêm, lủi đi mất. Tôi nhìn và mang máng nhớ hình như đêm qua chính cô ấy đã quạt hộ tôi cái màn. Muỗi ở nhà hát, bao giờ mà chẳng nhiều, và người

khách chơi nào mà chẳng tìm một cái màn cho kỳ được. Để rồi lúc người ta vào quạt màn cho thì muỗi lại càng có dịp chui tha hồ vào cái màn hở hang mà đốt đầy cả mặt hai người lên. Thế mà có nhiều vị khách khó tính lại còn ọ ọ, chọn lọc cho được người quạt màn nữa kia. Buổi nhá nhem cùng ngày ấy, bà Thông Phu đã trở về giữa lúc tôi và ông Thông Phu cùng ngồi vào mâm cơm chiều. Bà đon đả, toe toét xách túi phách chạy vào.

- Kìa chú. Cái sổ chú tốt lộc có khác. Lên chơi là y như đúng vào ngày Thánh cho chị ăn lộc. Khối tiền đây. Về qua chỗ quán gì ấy mà, thấy họ vừa vớt cán giò lụa ra mình thấy ngon mua ngay. Này các cô đâu, vào bảo cắt giò ra để chú và bác xơi rượu. Và có cần mua thêm gì nữa, ăn một bữa cho sướng, hở chú ? À, quên mất chưa hỏi nhà tôi. Vậy chớ còn thuốc không hở mình?

Bà Thông Phu móc túi lấy chìa khóa, ổng với trầu, thuốc Lào vút ra giường. Bấy nhiêu củ chỉ, bà cốt làm để cho nghe thấy hào nhớn hào con kêu lèng xèng và bạc giấy bật cả ra ngoài miệng túi áo cánh. Tôi phải nghĩ như thế. Ông Thông Phu cười, chỉ tôi:

- Ở nhà, người ta cũng phong lưu chán. Hôm qua chú hát đấy. Tôi chưa cho về trại vội, bảo chú rằng, tối nay thế nào mình cũng về. Mình đã định nếu hôm nay bà mày vẫn còn phải giữ lại ở phủ hát nốt một

buổi rã đám thì ở nhà là hai thằng đây sẽ khênh mẹ nó bàn đèn ra giữa nhà chơi với nhau, không cần tiếp rước đưa nào nữa.

Bà Thông Phu nguýt yêu người chồng nghiện. Ông Thông Phu đắc chí vì câu nói lão có duyên, tu vôi ấm nước nóng đánh chọt một cái, cười hể hể. Bốn cái môi tái nhạt ấy, vào những giờ phút thương mến nhau bằng cái tình già này, tôi thấy tươi sáng hẳn lên và còn đáng vẻ hơn là những cặp môi son trẻ khác tô son hình quả tim.

- Thôi mình đừng thay quần áo vôi. Nằm lên bên kia, tôi tiêm cho mấy điều đã.

- Ngoài đường lạnh quá chú ạ. Để chị hút mấy điều cho nó đứng đỡ đi rồi chị bắt cho chú nghe cái câu gỏi hạc này này. Đêm qua hát ở phủ, các quan khen hay bắt hát đi, hát lại mãi và thưởng mê tiền ra. Có cái ông cụ Huân gì ở phủ Hoằng - chú có biết không nhỉ. Người có tuổi hay đội cái nón tu lơ như nhà sư ấy mà - sao mà tốt giọng đến thế. Ông cụ lại bắt bẻ chị về cái màn hãm ba bức nữa. Thôi, giọng hát nam bắc huỳnh pha, ông cụ đủ cả, có đào non thì cứ gọi là lứt hết, là mời đi về. Ông cụ lại hay thơ thiếc nữa. Hẹn hôm nào lên tỉnh sẽ lại đây hát. Thôi, có gặp, thì anh em nhà chú lại xoắn lấy thì hai cái xỉ mũi này, hai cái cửa này lại lặn vào nhà mà kết nghĩa.

Tôi chen vào:

- Rồi thì người ta mới khiêng anh ấy đi ngao du hàng mười mười lăm hôm chứ.

- Đây chẳng ai thêm giữ, nếu thiên hạ vẫn cứ cung đủ thuốc phiện cho anh chú. Nhà tôi ở nhà lăm thì chỉ tổ rước các bố trẻ đến hát biên sổ chứ được cái tích sự gì. Nghĩ đến cái cơ màu tháng trước mà tôi tưởng tan nhà hát. Ai đời đã hát chịu mà còn mượn tiền chị ngoài tiêu vật. Tiền hát bảy tám châu, mình cũng không dám hỏi. Hỏi, lại sợ các bố ấy mặt sung mây sia ra rồi bao nhiêu cái tử tế nhân nghĩa trước là vứt toi hết cả. Rồi chú có mở nhà hát, chú mới hiểu đến cái nông nổi thắm thía của chị.

Tôi mở nhà hát! Tôi thân mật ra nhìn kỹ bà Thông Phu. Ô, cái bà ăn nói mới lạ chưa và thí dụ mới chết người chứ? Thực vậy, thế có cái bóng đội đầu lạc nhà bà kia, chưa bao giờ tôi có cái ý tưởng làm chủ cô đào... Thấy tôi tếu mặt ra, ngồi im lặng, ông Thông Phu lại tưởng tôi sượng sùng về câu chuyện vợ ông day dứt đến những người hát chịu mà trong số đó có tôi là một người cũng vào hạng đứng đầu nơi sổ đoạn trường nhà ông, ông vội bảo chữa cho tôi và bảo vợ:

- Hôm qua chú hát, chú đã đưa tiền cho tôi rồi. Cu cậu làm bộ làm tịch lại còn không chịu chi giá nội.

Bà Thông lườm chồng, thở vội khói thuốc ra lỗ mũi tu vội ẩm nước nguội, nhồm dầy cướp lời:

- Ô hay, mình ăn nói đến là hỏng. Người ta đang nói chuyện cái tình đời cho chú ấy nghe thì đâm ngay một câu nghe đến là thối. Để chú không hiểu, chuyện thiên hạ chú ấy lại bắt vào chuyện chú ấy, rồi lại tưởng tôi nói xa xôi, cạnh khỏe.

Chồng gắt:

- Gì mà nặng thế. Ừ thì hôm qua chú ấy hát đưa tiền ngay, người ta cũng nói cho biết, chứ ai bệnh gì chú ấy và chú ấy ngọng gì mà phải bệnh.

Đến lượt tôi là thằng bị cáo, khai một cách nhỏ nhẹ:

- Tôi cũng biết rằng chị ấy nói chuyện một cách tự nhiên thế. Nhưng nhân nói đến chuyện hát xướng, tôi cũng nhớ lại xem tôi còn thiếu dưới chị tất cả là mấy châu để tôi lo liệu đưa anh chị tiêu đỡ.

- Thôi khi ạ, đừng có méo mồm méo miệng mà ồm ồm. Hát lưu cữu như thế, chị nào mà nhớ cho xuể. Đã muốn nhắc đến nợ cũ thì đây người ta cũng luôn thể bảo cho người có nợ biết rằng phải lo đi thì vừa. Cuối tháng này mà không có thì người ta chẻ đầu ra, đã nghe rõ chưa hử?

Tôi cười, vợ chồng chủ nhà hát cười. Thế là xí xóa câu chuyện suýt thành to.

- Thôi, mình để tôi tiêm lấy. Ngồi dậy mà uống rượu với chú đi. Tôi cũng ăn cơm sau với. Ấy ời. Có

cô nào đứng ngoài ấy không? Bảo bác thêm cái trứng nhá. Lúc nào vắn cơm hãy bác. Có tiền, tội gì mà chất bộp ăn uống kham khổ, phải không chú. Có tiền không chịu ăn cho nó sưng cái lỗ miệng, nghĩ cũng đại. Ăn nhịn để dành mãi, ốm ngay một trận, thuốc đơn thuốc kép, thế là lại nhẵn củ kiệu. Giậu đổ bìm leo thế là cô đào trong nhà bỏ đi hết, đưa thì vay nợ, đưa thì trốn và cuỗm thêm ít đồ. Ủi già, lạy Thánh mới bái.

Rồi bà Thông Phu cười như ngựa hí. Bà vốn có tính đồng bóng. Tôi rung đùi, lấy đầu tăm xiên từng khẩu giò lụa như một ông đồ kiết, dở mó một cái cầm chưa có râu và nhìn mãi một cái tường ngày xưa hẳn quét vôi trắng. Gian nhà ngoài, tiếng nhiều đôi giày tây lộp cộp như đoàn ngựa tù cẳng lâu ngày trong tàu cỏ.

- À, nhà đã có khách hát chưa, các em?

- Mời các quan ngồi chơi xơi nước. Dạ chưa ạ.

Một buổi tối, đi ăn một đám giỗ dúi ở dưới phố về, tôi nhẩn nha xách cây gậy lụi đi bộ về cái trại làng Hạc. Đến xóm Quán Giò, cửa nhà hát ông Thông Phu đèn sáng trưng, chưa có khách. Thói thường, những buổi ngà ngà rượu về trại mà đi qua đây, tôi hay tạt vào cái nhà hát quen thuộc này, nói nhảm một vài câu và nếu cao hứng lên thì hát ngay cũng chưa biết

chừng. Có tiền hay không, ở cái nhà thân mật này, là một điều chưa cần nghĩ đến vội.

Nhưng lần này đi qua mà tôi không muốn vào, cách đây hai ba hôm tôi đã tạt vào thăm vợ chồng chủ nhân, ở mãi đến gần khuya rồi còn gì nữa. Thăm gì mà thăm lắm thế. Vả chẳng, hôm nay lại là mừng một đầu tháng, tôi không muốn đem cái vía của tôi vào nhà hát, thứ nhất lại vào một nhà thân, sợ cả tháng nhà người ta làm ăn không ra tiền rồi lại mang điều, mang tiếng. Tôi biết tôi có một cái vía độc lắm. Người ta đã bảo thẳng như thế vào mặt tôi nhiều lắm rồi. Vả chẳng cần đến người chung quanh vạch mặt chỉ tên, cứ trông thấy nhiều con chó mực nó sủa mãi tôi - tuy chủ nhà đã quát mắng rồi - cứ trông lũ trẻ nhà bạn nó meo máo khóc thét lên như đau bão, mỗi khi tôi đòi ẵm trẻ, thì tôi đủ biết lắm. Tôi đã đi qua cái miếng ánh sáng vuông rộng nhà ông Thông Phu rọi ra đường. Đến gần điểm tuần canh, bỗng có tiếng người chạy theo gọi tôi. Tiếng con gái. Thì ra đấy là một con em ở nhà hát ông Thông Phu.

- Thưa chú, bác em mời chú vào chơi.

- Bác giai hay bác gái? Và có chuyện gì vậy?

- Không biết. Thì chú cứ vào rồi sẽ hay. Bác em đứng trong nhà, thoáng thấy chú đi qua, chạy ra cửa gọi thì chú đã đi xa rồi. Làm cháu phải chạy đuổi theo một quá.

Quay trở lại, trên mấy thước đường, lòng tôi phân vân. Chẳng có nhẽ lại đòi tiền một cách khiếm nhã như những chủ nhà hát tầm thường khác? Hay là chủ nhân vừa có bổng ngoại có miếng chín gì định cho mình ăn?

Tôi vừa chào xong vợ chồng chủ nhân, bà Thông Phu vừa cười vừa chỉ sang một người đàn bà, ngồi bên bàn đèn, đầu trùm một chiếc khăn vuông bằng the.

- Còn đây nữa. Không chào đi.

Tôi quay lại phía thiếu phụ. Một người lạ, mà ra vào đây luôn luôn, tôi chưa từng gặp bao giờ. Người tầm thước. Mặt to. Mắt sắc. Mũi dọc dừa. Hai chúng tôi nhìn nhau, càng nhìn càng ngỡ ngàng. Bà Thông Phu bèn cười phá lên.

- Thôi đừng nhìn nhau mãi như thế nữa. Đã gặp nhau bao giờ mà đòi nhận ra nhau. Để ta giới thiệu cho. Đây là cô Tâm mới ở Nam vào. Cô đào hát đấy. Còn đây là... là một người em kết nghĩa của bác giai. Tương giặc ở dưới xóm đấy.

Bây giờ ông Thông Phu mới lên tiếng:

- Mình chỉ hay nói vậy. Nhà tôi tính hay đùa, cô Tâm mới vào chơi, có nghe chuyện bác gái thì cô phải hiểu chuyện của bác nói theo một cách khác. Đây là chú nó. Một con người ngọc đấy.

Giọng ông Thông Phu cố làm ra đứng đắn, nhưng mọi người đều phì cười. Tôi đã để ý đến cái cười của

cô Tâm. Tôi thấy cô là người có duyên. Một cái duyên mặn mà với đôi hàm răng đen nhánh.

- Mình co chân lại cho chú ngồi chứ.

Dứt lời bà Thông Phu bảo chồng, bên phía giường kia tôi cũng thấy cô Tâm khẽ rút chân, lấy vạt áo sau phủ kín bàn chân lại như lúc người đàn bà ngồi xếp xuống bệ thờ Phật. Tôi thấy tôi có cảm tình ngay với cái dáng người gòn dẻo của Tâm. Người khí thô vóc nhưng mà gọn. Cứ thế mà tôi nhìn mãi, hình như cố chú mục để mà phát minh ra những nét đẹp chưa bộc lộ hết khỏi người ca nhi mới lạ. Tâm ngồi ăn trầu, nhỏ nước cốt trầu vào ống phồng, trông có vẻ bà lắm. Mỗi lúc nàng ngược nhìn tôi, mắt nàng lại bất gặp mắt tôi. Không e lệ, nàng mỉm cười. Nhìn nhau mãi, tôi hơi ngượng ngáp, vội quay lại chủ nhân:

- Phải đấy, nhà có mỗi mình bác hát cũng mệt chết. Bác đón thêm cô Tâm ở Nam vào, là một điều đáng nên lắm. Vậy cô Tâm mới vào tàu tôi?

- Dạ thưa ông, chúng tôi vào đây từ hôm qua.

Lời thưa gửi của Tâm làm tôi phải để ý. Xưa nay trong nghề nghiệp, một cô đào bắt gặp bất cứ ai, bất kể cả trường hợp giao tiếp nào, không cần thân, không biết sơ, thường bao giờ cũng xưng là em và hô người khác là anh. Lắm lúc người anh bị gọi là anh ấy, dưới cằm, bên mép, râu ria mọc đã um tùm. Thật là nát câu chuyện quá.

Tâm nói hai chữ “chúng tôi” một cách rần rỏi gây gọn, nghe đến, lỗ tai không thể không thích được. Từ lúc mới vào, trong khi kiểu người Tâm, tôi cứ tưởng cái tiếng phải là chua lăm. Tôi không ngờ tiếng nàng lại ấm được đến bậc ấy. Tôi tự bảo tôi về cô Tâm này rằng hát khuôn khổ, hay không thì chưa biết, nhưng với cái tiếng ấm như thế, có ngồi nói chuyện với nhau thì cũng không đến nỗi què kệch.

- Chú đang nghĩ gì?

- Vậy chị đón cô Tâm từ hôm qua. Hôm qua là ngày nguyệt tận, mọi việc đều không nên. Tôi vẫn thấy anh chị hay kiêng kia mà.

- Không, cô Tâm vừa mới đến với bác mới có trong ngày hôm nay thôi đấy chứ.

Tôi nhìn Tâm, nàng cắt nghĩa.

- Dạ vào từ hôm qua, nhưng chúng tôi ở một nhà khác dưới Cầu Chanh. Rồi có người mới mách cho nhà ông bà Thông Phu trên này. Chúng tôi hỏi ở Nam vốn đã có biết tiếng. Bèn tìm lên.

- Quý hòa quá nhỉ!

Nghe tôi khen Tâm với một giọng nói rất làng chơi, bà Thông Phu nguyệt tôi một cái thực dài. Bà chạy ra ngoài. Bà gọi luôn tôi ra ngoài bỏ nhỏ vào tai tôi:

- Thế nào, hôm nay nghe hát chứ?

- Chị đến hay đùa. Tiền nợ mấy cháu cũ đã trả cho chị đâu.

- Người ta cho hát chịu mà lại.

- Chả dám. Tôi vẫn nhớ ngày hôm nay là ngày mồng một đầu tháng ta. Thôi để mai kia, có món tiền phải chăng, sẽ hát cho nó tử tế.

- Khi à, sao mà lúc định chu đáo thì nói ra cách cẩn thận đến thế? Buổi chiều đã có mấy người hát mở hàng và chị tiền rồi. Mấy ông giáo ấy thường hay hát ban ngày. Tâm lên vào buổi trưa, vừa ngồi được một lúc thì phải gõ phách ngay. Tay phách cũng sắc đáo để. Nó ngâm thơ khá lắm. Tôi cho chú con bé đấy, nếu phải duyên phải số của hai người. Thường chú lên xuống hát giúp anh chị, cứ cô đọc cô quả mãi chẳng ai là vừa ý, trông thấy chú bỏ cỏi bỏ cút, tôi cũng không yên bụng. Vậy ra luôn nhà ngoài đi, gõ mấy tiếng trống gọi cho thực oai. Rồi chị bảo Tâm nó ra hát. Rồi anh chị sẽ bùng khay đèn ra sau.

- Nhưng ai đàn hờ chị? Nhà ta làm gì đã muốn được người đàn.

- Thì gọi người đến đàn chứ gì. Định gọi ai đàn? Kép Ngôn nhá? Chỉ có Ngôn thì mới đàn khuôn được.

Thấy tôi không trả lời, đứng tần ngần, chưa tỏ ý quyết định, bà Thông Phu hiểu ý, một tay móc túi, một tay vỗ vai tôi cười.

- Không có xu nào dính túi thì đây, chị lại cho mượn thêm đồng bạc để tí nữa chị tiền cho kếp. Ông thì bao giờ mà chẳng sang và bao giờ mà lại không làm tốt. Còn việc ăn uống, thì đêm có đói, chị sẽ mua cho chai rượu và dăm chục que nem nướng. Không sợ.

Tôi cười ra nước mắt, biết rằng mình đang cảm động quá. Trong thiên hạ, người tốt bụng ra vẫn còn nhiều. Và khen bà Thông Phu lúc này thì thực là một việc thừa.

Ngồi trên bục giữa nhà, ngồi cầm cái roi gỗ khổng lồ chấm câu hát cho Tâm, thỉnh thoảng tôi lại giờ trò kênh kiệu ra, bỏ chơi một vài khổ đồn không chịu điểm trống để cho vợ chồng nhà chủ cùng nằm đấy tùm tùm cười về phía tôi và hạ một chữ: “Được”. Từ ngày đi chơi, hình như mãi đến lúc này tôi mới phát minh ra cái thú trong sự đi hát và tự bảo từ đây càng nên gắng luyện lấy một cái tài và một cánh tay cho từ tế để khỏi phụ đến cái công phu của một số người đẹp có tài tiếng xã hội thanh sắc một thời. Sau một đêm gần kề, Tâm có thiện cảm đối với tôi.

Ngày một thêm quen thuộc nét và ngày một thêm thân. Chúng tôi đã thành đôi bạn và nếu nói theo cái giọng của làng chơi thì chúng tôi trở nên một đôi nhân tình. Trước mặt ông bà Thông Phu, có lần tôi đã lồng vào ngón tay cô Tâm một cái nhẫn màu đen gọt bằng vỏ gạo dừa. Đây là một cái vật thủ công còn sót lại

của những ngày đi tù: những ngày mưa, ngày chủ nhật không phải đi làm cỏ thì ngồi trong trại gọt nhãn, mài nhãn chơi.

Tâm giờ cái nhãn kỳ dị ấy lên ánh chụp đèn búp măng và lấy tí dầu lạc nơi bàn đèn bôi vào nhãn cho nó bóng. Ông Thông Phu và bà Thông Phu thấy đôi trẻ quăn quít nhau, cười rất độ lượng. Tôi nhìn ông Thông Phu gầy như một nhà tu hành khổ hạnh, tôi nhìn cái nhãn gạo dừa vừa đeo vào ngón tay trở cho Tâm, tôi thoáng có một cái ý tưởng dính đến một thứ tôn giáo. Tôi nhận thấy ông Thông Phu phảng phất có những nét điểm đậm đau khổ của một vị giáo sĩ nhận lấy cái sứ mệnh bạc bẽo đi hành đạo ở một xứ mà nhân tâm còn bán khai, và trên cái miếng đất khô cạn bất trắc này, ông đã gặp Tâm và tôi cũng lạc lõng vào đấy. Vốn cùng chịu chung phép tắc của một thứ văn minh của người cùng thời cùng loại giữa một cảnh đất khách quê người, chúng tôi đã đưa nhau đến trước mặt vị giáo sĩ đạo Cơ Đốc tình cờ ấy để đeo vào làm phép công nhận hộ cho một cái tình yêu thương đã xảy ra giữa một hoàn cảnh chưa có quy tắc, thiếu chế độ luân lý và đảm bảo của trật tự.

Tôi đã đem những cái ngoan cái khéo và tất cả những cái phong nhã trong người tôi ra mà đãi Tâm. Trước mặt ông bà Thông Phu, chúng tôi rất nhi nhảnh trong sự chiều chuộng. Lời nói và cử chỉ trẻ trung của hai đứa tôi hình như có lần đã gọi nhắc cho vợ chồng

ông Thông Phu một cái thuộc về ký vãng đôi bạn già yếu ấy. Một tối hút xong một bữa thuốc rất ngon lành, nghĩa là không có điều nào chảy hoặc sa đèn và thứ nhất là điều cuối vẫn hoạt, kêu vo vo, tuy là mẻ sái ba, bà Thông Phu đổ tôi và Tâm biết được cái khởi điểm cuộc tình duyên giữa ông và bà ấy.

- Chị đổ chú và em biết đấy?

Bà gõ đuôi dọc tấu vào đầu ông Thông Phu đang mơ màng, lim dim và tay gãi trên quần áo.

- Tôi đổ cả mình đấy. Xem mình còn nhớ không nào? Tại làm sao mà tôi biết mình, tôi để ý đến mình và rồi sau lại thành ra vợ chồng?

Tâm vờ ti hần vào người tôi, véo một cái rất mạnh. Cái véo dứt được thịt ra ấy lại chỉ làm tôi buồn cười to. Nghỉ ngơi một lát, ông Thông Phu mới trả lời, miệng nói mà mắt vẫn nhắm:

- Tại cái củ gừng nướng chứ gì nữa.

Thích chí, bà Thông Phu không cần tìm cái viên sái bắn ra chiếu, vội đặt lại đèn vào giữa khay, khen chồng: "Ồ, giỏi!". Bằng lòng bỏ một viên sái không chịu tìm đến kỳ cùng là một sự hiếm có trong tâm tính người nghiện. Nhưng phút này, câu chuyện tâm tình giạt lùi về dĩ vãng lại còn đáng kể hơn điều sái. Ngắm kỹ bà Thông Phu, tôi ngờ lúc còn con gái, hẳn bà Thông Phu cũng không đến nỗi xấu.

Bà kể chuyện những ngày đã qua:

- Này chú ạ, thực đây, anh nhà làm bạn với chị cũng chỉ vì có một ánh gừng nướng. Hồi ấy, chị chả có chứng đau bụng mà. Nó mà lên cơn thì tưởng nhảy được từ giường nọ sang giường kia. Anh mới đi xin đầu được củ gừng và xuống bếp nướng cho chị. Hồi ấy, anh nhà chủ đẹp trai kia chớ đâu lại có như bây giờ ấy. Giấy “dón” củ nghệ, áo sa tây hoa mép đỏ, can bít bạc, bít tất lụa tím, mũ ca lô chê. Cu cậu cứ thế mà chúi xuống bếp thổi bếp gio, bụi cứ mù cả lên. Nghĩ tình, mình đâm ra cảm. Rồi là lấy nhau. Chẳng cứ gì phải ba chìm bảy nổi chín lênh đênh mới yêu thương nhau được cho bền, em và chú ạ. Đây em và chú xem!

Những đêm vui và thân như thế là chúng tôi lại cho đi gọi cái người đàn bà Huế vẫn bán nem nướng đến, bảo quạt cho dấm chực xâu rồi cùng cất chén hể hả với nhau cho đến lúc gà gáy. Rồi Tâm lại lấy cái chăn bông vải hoa đắp cho tôi. Nàng có chăn gối riêng. Mỗi lần đổi chỗ ở theo cái đà nghiệp dĩ của một con hát trôi nổi giang hồ là nàng lại đem chăn gối đi theo, cùng với cổ phách và chiếc hòm da sơn đen.

Nói đến tấm chăn bông của Tâm, tôi nhớ rằng nhiều đêm chúng tôi gây phiền lụy cho vợ chồng ông Thông Phu không biết bao nhiêu.

Từ khi có Tâm vào hát giúp, nhà ông Thông Phu trở nên đông khách lui tới. Lắm khi tôi tranh mà cũng không thừa chỗ.

- Thôi, việc gì chú phải giành nhau với bọn họ. Tiền của họ nó như nước chảy ấy mà. Chú ~~đích~~ thế nào được. Có họ hát là anh chị không túng rồi, chú đừng ngại. Chú cứ nằm chơi với tôi ở nhà trong là được rồi.

Tâm cũng cho như thế là phải. Nhưng tôi, được thể có nhờ nói ấy, tôi đã lạm dụng cái chỗ chí tình của chủ nhà hát và đêm nào cũng dẫn thần xác đến nằm ở gian nhà trong, lắm lúc không còn biết ngưỡng là gì nữa. Cứ cái chần bông của Tâm mà quần vào người, nằm bên khay đèn, trông lù lù chẳng khác gì mả Đạm Tiên. Nhiều khi, nhà ông Thông Phu đã mất hết cả khách vì cái chần của Tâm. Lắm bọn ngủ đêm lại, lúc Tâm hát xong chạy xuống nhà dưới, họ vào buồng sục thấy có cái chần vừa đẹp vừa sạch, lôi ra đắp, để lúc Tâm lên tìm chần cho tôi thì là thành ra cả một cuộc giằng co rồi cãi cọ. Rồi ầm ầm giận dữ, họ bỏ về, gọi nhà chủ lên trả tiền kèm đi. Nếu chủ nhà hát có nói một vài câu nhẹ nhàng khuyên Tâm nên chỉnh lại tính nết, “đừng nên làm mich lòng ai, vì nhà ta là một nhà buôn bán phải cần đến khách hàng” thì Tâm xi mặt ra, nói rằng:

- Không, chỗ cháu hát đó, nếu họ không trả thì em xin đền. Nếu em không sẵn tiền mặt trong người thì hai bác cứ trừ vào tiền hát của em.

Ấy thế rồi là Tâm chui tọt vào tấm chăn. Tôi rất lấy làm ngượng đối với ông bà Thông Phu, chỉ muốn chui ra khỏi chăn ngay. Tôi còn biết nói thế nào. Ông bà Thông Phu cùng thân, mà Tâm cùng thân. Tôi chỉ biết ngồi im mà xem, vô ích như một người chồng ngồi nhìn vợ lờ đi tiếng lại với bố mẹ đẻ mình. Phiền nhất là những việc khó chịu như thế thường kéo dài ra đến mấy buổi. Sáng ngày hôm sau và ngày hôm sau nữa. Tâm vẫn làm mình làm mẩy, có khách đến nghe hát, nàng nhất định không ra mặt, lấy cớ rằng khan giọng, rằng trong mình có bẩn.

- Mời bác ra hát hộ em vậy. Chứ em khô khan cả cổ. Hoặc các ông ấy muốn nghe ai thì cho đi gọi họ đến, rồi lấy cái tiền mảnh hát của em mà chỉ cho họ vậy.

Tiếng Tâm nói đối với chủ nhà hát vẫn trong trẻo như thường. Bà Thông không muốn mảnh hát lọt vào tay người ngoài, lại lỏp ngóp bò ra ngoài nhà xin lỗi quan viên và gõ phách thay. Tôi bảo Tâm:

- Em không thấy hai bác đối với em tốt là như thế, quý là như thế sao? Không nên làm phiền cho người ta. Cái tính em thật là mưa nắng không chừng, đến ngay anh nhiều khi cũng khó chịu.

- A, anh lại cũng vào hùa với ông bà ấy nữa à? Anh phải biết vì ai mà tôi không cho họ đập lẩn đập chung cái chăn của tôi? Hơi hương của tôi...

- ... Đã đành rằng thế, nhưng mà...

- ... Nhưng mà làm sao? Tôi rất buồn mà nói cho anh biết rằng tôi đã bắt đầu chán cái tỉnh này rồi đấy. Tâm vào đây, hay thì ở mà dở thì lại quay về Bắc. Khối người chào hỏi đón đưa. Nặng bỗng nhẹ tênh, khăn gói lại rút, khó gì. Gió lại đưa đi, ấy mà!

Tâm cười gằn. Cái cười ấy nghe cả quyết lắm và đúng là tiếng cười sinh chuyện của những người trắng hoa đến lúc đã muốn tỏ giọng phũ phàng ra mặt.

Nhưng rồi sau những ngày bực mình ấy, cũng chẳng ai đi đâu cả, và cũng chẳng ai làm sao cả. Tâm vẫn không về Bắc mà tôi vẫn lù lù ra đây để đáp một cái chấn bông đã gây ra nhiều chuyện. Và ông bà Thông Phu ăn ở trước sau vẫn không có gì là lệch lạc cả.

Tôi liên miên nằm ở nhà ông Thông Phu, đổi đêm làm ngày, vậy mà cũng được gần ba tháng liền. Rượu, trà, thuốc phiện, đàn bà và công nợ. Tăm tiếng chơi bởi bắt đầu từ đây và không thể nào đậu được ở nhà nữa. Có lần vợ tôi đã bắt được tôi quả tang nằm ăn thuốc phiện với Tâm trên một cái giường giải rơm, góc rạ dưới nhà ông Thông Phu. Chẳng hiểu nhà tôi đã nghĩ như thế nào mà ngay lúc ấy không to tiếng.

Nhà tôi chỉ thờ dài sau câu: "Cậu thích nằm cái ổ rơm ấy lắm à?". Có lẽ vợ tôi đã cảm bằng tôi là một

người thừa quá cho nàng mất rồi. Từ dạo đó, tôi thấy nhà tôi sần sóc mấy trẻ hơn là trước. Tôi ngờ rằng nhà tôi đã muốn chuyển hết cái lòng yêu chồng sang một cái tình yêu con. Lòng tôi ngổn ngang cũng biết hồi sợ. Nhưng lòng hồi lỗi ấy chỉ vững được có một vài giờ vào buổi sớm, những lúc tôi ở nhà hát ra về, bước qua ngưỡng cửa nhà, không một ai thềm ngắc đầu lên nhìn, không một ai thềm trách móc cho một tiếng, để mặc kệ mình lẳng lẳng lên cầu thang gác. Nhìn cái bộ quần áo vò nhàu, ngấm cái dầu bủ trong gương và cái bộ răng vàng ệch những khối các thứ thuốc, lấy lược gỡ tóc thì y như thế nào cũng có một cục cái đã dính bết vào đây, tôi đã tự ngấm đi ngấm lại cái mình tôi, lấy làm ê chề đau tủi vô cùng, tưởng rằng không thể nào trở lại xóm yên hoa được nữa, mặc dầu ở đây có một trăm ông Thông Phu và một ngàn cô Tâm. Tôi lại nhủ tôi rằng thôi, cái lần này là lần cuối cùng. Nhưng buổi chiều đã đến. Mặt trời đã vàng nhoe sau cái nếp thành tỉnh rồi đấy. Kéo một giấc ngủ ngày rất ngon lành, tôi đã vùng trở dậy, để đứng trước một cảnh hoàng hôn. Lòng tôi thấy vui vui. Và trong tai hình như có đủ âm tiếng đàn đáy. Buổi hoàng hôn mà nhiều khi lại có cái phong vị của bình minh. Cái giờ này mới là lúc khai mào cho ngày sống của tôi. Không cần đến khai vị nữa, chỉ một thau nước lã rửa mặt không thôi, là tôi đã thấy chân muốn nhảy nhót, miệng muốn huýt sáo cùng ngâm thơ và ngón tay muốn rờ mó đến nhiều thứ. Những khổ đàn xa xăm

lại vắng trong lòng nhộn nhạo. Có khi tôi lắng nghe nó thành ra một điệu Thét Nhạc: “Đờn ơi đờn, một tiếng dương tranh. Chung thừa ngọc ó, đờn nào nùng chiều ơi o á á n”.

Tôi thay quần áo, chải chuốt ngắm nghía và nhớ đến người ta, có lần, đã gọi tôi là một con đĩ đực. Ban ngày ngủ, lúc nhá nhem thì mới làm dáng để lượn.

Tôi đã coi hẳn nhà ông Thông Phu là một cái nhà của mình. Ăn ở đấy, ngủ ở đấy, tắm rửa ở đấy. Ai muốn hỏi han điều gì cũng do đấy. Chỉ vì một lẽ không được nhanh tiện, chứ không có thì nhà hát ông Thông Phu cũng thành nột ra một cái hộp thư của tôi nữa. Đây vốn là vùng ngoại ô châu thành ấy, người phu trạm thành phố không phát thư đến, giao chậm của phủ Đông Sơn chuyển giao chậm hơn mất hàng mấy ngày. Cách vài ngày, tôi mới tạt qua về nhà một lần, thay ít quần áo sạch và đem theo đi ít quần áo nữa. Tất cả nhét vào một cái cặp da gọn quá. Thấy mẹ tôi có hỏi đến thì tôi đã có sẵn một câu nói dối dùng đi dùng lại không biết đã bao nhiêu lần. “- Thừa con đi vắng ít hôm. Về vùng quê thăm mấy người bạn”.

Thấy mẹ tôi cũng là người cả tin thật. Thứ nhất là thầy tôi. Ai đời có một lần thế này mà thầy tôi cũng cho là thật nữa kia.

Nguyên có một người nhờ thầy tôi làm xong một việc lòi thoi ở nhà quê, có đem lên tạ thầy tôi nữa

hòm sâm banh. Thấy tôi không uống được rượu, bèn cho cất vào trong buồng thờ. Một buổi tạt về nhà, tôi lục lọi thấy, và nghĩ ngay được một cách lấy hết lũ chai rượu đó đi. Tôi đã gò lấy vẻ nghiêm trang, trình với thầy tôi rằng hiện giờ có người mách cho một chỗ đi làm rất tốt. Nhưng phải có ít lễ chín đưa đến trước thì mới được giáp mặt chủ và người ta mới nhận lời.

- Thế người ta muốn thứ gì?

- Dạ thường thường như thế thì chỉ đưa độ mười chai rượu thứ có giá là tiện hơn hết.

- Bây giờ thì biết nên mua rượu gì?

- Con thấy ở trong buồng thờ có ít chai sâm banh vào hạng khá. Thấy cũng không mấy khi uống đến. Giá đem lễ họ thì khỏi mua ở hiệu ngoài nữa.

- Ừ, như thế thì cũng tiện. Ờ, muốn đem thì cứ đem. Nhưng phải cẩn thận kéo đưa cho một người không chắc chắn thì việc đã chẳng xong mà còn chịu tiếng là hớ nữa. Mỗi lúc đến nhà người ta mà đòi rượu lại sao? Thấy thấy những người nhận lo việc là rất hay lếu lảo.

Thế là tôi đã đưa ra xe cả cái hòm rượu ấy đem thẳng xuống xóm, gởi mỗi nhà vài chai, thỉnh thoảng cho mở nút kê đánh đốp một cái, chúc lấy một cái tiếng chơi sang.

Tôi nằm ở nhà ông Thông Phu nhiều quá đến nỗi nhiều chủ nhà hát cùng xóm đã phải ra mặt ghét. Có đêm nào đến với các bạn hát sẵn chờ hẹn ở đấy, thỉnh thoảng lạc vào nhà họ một lúc là y như được nghe những câu nói mát.

“Mấy khi rông lại đến nhà tôm - Ở bên này, chị em đây đều là nhà quê cả, đâu được tài khéo bằng cô Tâm bên ấy - Chúng em không dám ngồi như thế, ngộ cô Tâm đi qua trông thấy thì bất tiện quá - Chị em đã cho gọi về rồi kia kìa”.

Có thể, Tâm đã cho người nheo nhéo tìm tôi “về ngay” có việc cần hoặc thân chinh đến tận cổng nhà hát hàng xóm rủ tôi đi chơi phố mua ít thuốc vải lụa hay là uống một cốc cà phê. Một lần Tâm bắt cùng đi bộ và buộc tôi phải đi qua phố Cửa Hậu. Tôi ngần ngừ, tỏ ý không thích. Lâu nay, tôi đã bán hẳn cái xóm Cửa Hậu. Ở đây, đối với vài nhà hát quen, tôi đã để lại nhiều châu hát chịu và từ ngày gặp Tâm, tôi bắt cố vãng lai và cũng không có một lời khất khứa nào cả.

- Tại sao anh lại không đi con đường ấy? Hay là phải đi phố với em mà anh ngượng? Ra điều rằng, nhà hát phố Cửa Hậu toàn là sang trọng mà Tâm chỉ là một cô đào xóm Quán Giò, dẫn Tâm đi qua, sợ họ cười chê.

Tâm đã có giọng nói xẵng và cười một cách khó hiểu. Tôi phải chiều ý. Nhưng đã đi ngược khỏi phố một lượt rồi, Tâm còn bắt đi quay xuôi lại một lần nữa. Nàng vênh vác, khúc khích. Tôi nhìn thẳng, không ngó ngang vào một nhà hát nào cả. Nhưng tôi thừa biết ở bờ hè nhiều nhà hát mở rộng cửa, đèn sáng trưng, có vô số người đàn bà đang thì thầm về tôi và chỉ trỏ theo tôi. Đi khỏi phố Cửa Hậu không thấy xảy ra một việc gì, không có ai chạy theo gọi giắt giọng, tôi thở mạnh như cất được một gánh nặng.

- Thôi, bây giờ thoát khỏi cái phố nguy hiểm rồi. Em chỉ cần đi với anh qua đây một lần thôi. Một việc dù có hay mấy, cũng chớ nên nhắc lại lần thứ hai. Anh vui lên đi thôi chứ.

- Có điều gì đáng vui đâu? Em vừa nói cái việc hay hay ấy là việc gì vậy?

Trên đoạn đường đi ra ngoài thành phố không có ánh sáng của đèn điện, Tâm nói bằng một giọng thành thực thiết tha:

- Anh nợ tiền các nhà hát nhiều lắm. Nợ từ khi em chưa đặt chân tới cái tỉnh này kia. Từ hôm em đến hát giúp ông bà Thông Phu, kể có gần ba tháng, anh liên miên ở cạnh Tâm, không có đi hát ra ngoài một chầu nào cả. Và những nợ cũ của người ta, anh cũng chẳng có dịp trả cho ai cả. Có điều em bằng lòng nhất ở một người đi chơi như anh là anh đã giấu kín em

những chuyện ấy. Phàn nàn chuyện công nợ vì chơi bởi với một cô đào mình đang quán quýt là một điều vụng về rất keo bẩn. Có người khai ra như thế, tưởng là đánh cao được cái giá ăn chơi của mình. Có người khai ra vì cái lẽ muốn bịt lối thừa gởi của một người bạn hay xin hay hỏi, nghĩa là làm như thế để cố tránh những việc người quen có thể quấy quả đến tiền bạc may vá sắm sửa. Tôi đã gần như người thập thành rồi, còn lạ gì. Riêng đối với anh, tôi thấy cái nét im lặng đó là thu thủ và vì thế hôm nay tôi muốn gỡ cho anh một cái tiếng trước mặt những người - không kể là chủ nhà hát được cô đào hát - xưa nay vốn đái anh rất tốt. Cái việc anh đi lại với Tâm trong mấy tháng, còn ai lạ gì nữa. Thứ nhất là cái tính hơi du côn của Tâm lại gây cho Tâm nhiều người thù oán, nói xấu nói nhảm nữa. Thế nào họ chẳng bảo anh đã đưa cho tôi bao nhiêu là của chim của nỏ. Và vì vậy, mới đọng hết những chỗ công nợ cù lại. Hôm nay, cố kéo anh qua cái phố Cửa Hậu, lượn lên lượn xuống như thế là Tâm muốn khất nợ cho anh đấy. Cho họ hiểu rằng anh vướng vào tôi, anh đang tốn phí về tôi, đang bận vì tôi không phải là ít và chưa có thời giờ để nghĩ đến họ. Tình và tiền của anh hiện giờ đều mắc có việc cả rồi, không để thừa cho ai cả.

- Nói làm quái gì những chuyện phiếm ấy. Nghĩ đến, tôi rất ngượng. Tâm chưa tiêu vào của tôi một đồng nào. Chẳng dám nói đến chuyện sắm xe sắm

ngựa, mua đồ đạc bày nhà riêng, nhưng ít ra cũng phải mua hộ ít quần áo hoặc đưa cho nhau thỉnh thoảng mười lăm đồng ăn quà vặt cùng là vui cây bài canh bạc với chị em trong xóm chứ. Đàng này...

- Việc gì phải đến nhắc nhỡm những việc vặt đó. Tâm đã lấy thì nhiều lắm. Xưa nay, em đã có tai tiếng là đi vụt thiên hạ dữ lắm kia mà. Họ đã gọi em là cái máy nhai tiền. Không sẵn tiền thì không nên quen "con" Tâm. Tình cảnh của anh quẫn, chỉ có Tâm biết chứ thiên hạ ai chẳng bảo khác. Thì anh để cho họ hiểu nhầm như thế một phen đã làm sao. Tâm cũng không định ở đây nữa. Còn ít hôm nữa là Tết. Tâm về quê thăm nhà, thăm chồng (!) thăm con (!) và không biết có dịp trở vào nữa không. Ở đây lại còn chán hơn ở nhà, ở quê nhà nữa.

Thấy tôi có chiều suy nghĩ, nàng tiếp:

- Chắc anh đang suy nghĩ về chuyện Tâm về. Không nên nghĩ gì thêm nữa. Mất vui. Gần nhau nhiều quá, phải có xa cách thì mới khỏi chán. Phải duyên vừa lứa thì còn gặp khối. Vả lại, Tâm ít ngày gần đây, cũng có ý nhớ nhà... Còn việc em về quê, anh không cần đưa cho em tiền nữa. Chỗ tiền em hắt giúp ông bà Thông em đã lấy ra mảnh hát nào đâu. Cũng được đến trên ba chục anh ạ. Thế là thừa tiền rồi. Từ nay đến hôm em về quê ăn Tết, cấm anh không được nhắc lại và đả động đến. Cần nhất là trước hôm đi,

hai đứa phải uống một bữa rượu cho tử tế; ngoài ông bà Thông, anh và Tâm, không cho ai dự nữa. Đông, nó loằng chuyện ra.

Tâm nhất định ngày ba mươi Tết là về quê. Đi chuyến tàu sớm. Chiều hai mươi chín, tôi buồn như cái tết sắp đến của những người nghèo về tiền nong và rất giàu về tâm thuật, lòng chứa đầy những ý đẹp ý tốt mà hoàn toàn thiếu hết phương pháp thực hành với mình, với chung quanh. Tôi buồn và xấu hổ nhất là vẫn cứ để bà Thông Phu bỏ tiền túi ra mà đi chợ mua thức ăn làm bữa nhậu tiễn Tâm ngày mai về quê. Bà Thông Phu và Tâm xách rổ đi ra chợ tỉnh rồi, tôi ngồi nhìn cái nhà hát vẫn còn chống chéng chưa có một vật nhỏ mọn gì gọi trước đến cái Tết chỉ còn có hai ngày nữa thôi.

Ông bà Thông Phu và thứ nhất là Tâm vốn thích hoa hồng, tôi có cái ý tưởng là tối hôm nay, lúc động đũa bát, trong nhà phải có không biết bao nhiêu là hoa hồng. Hoa hồng về tiết này ngày gặp nắng, đêm gặp mưa nhẹ, mưa nắng điều hòa, nở cứ tung hết ra ở mọi khoảnh vườn dưới Lò Chum. Đi một cái xe cao su xuống Lò Chum, cầm một cái kéo vào những cái vườn rườm rà xanh um điểm vô khối là chấm đỏ thắm, đỏ chói, đỏ lợt, xen vào những chấm trắng, cái giờ phút ấy trong một ngày cuối năm, còn có gì nhẹ nhõm hơn nữa. Gật đầu chào ông chủ vườn, cười với

mấy đứa bé bán hoa, xoa đầu bọn trẻ tưới vườn bắt sâu lá, huýt sáo miệng dỗ một con chó quen, xong rồi là đi vào luống hoa mà lựa cành cắt cuống. Chao ôi! Sung sướng thay: Cái thềm muốn ấy chỉ đem lại cho tôi những buồn cực. Vì lâu nay, tôi nợ tiền hoa hồng các vườn ấy đã nhiều lắm rồi. Mãi không trả được, không dám xuống đến nửa tháng nay. Mấy người chủ vườn tôi quen ở bờ con sông đào Bến Ngự vốn nghiện thuốc phiện. Biết rằng thấy được cầm một hộp thuốc họ có thích hơn là cầm lấy đồng tiền, tôi thường trả tiền chơi hoa cho chủ vườn bằng cách đưa cho họ những hộp thuốc phiện. Dăm bảy lần xuống cắt hoa về thì đưa cho họ một hộp năm phân. Mười mười hai lần thì một hộp mười. Các chủ vườn hồng đều nhận cái ước lệ mậu dịch đó là tiện và tôi cũng thấy thế là lịch sự hơn cái lối cứ đưa vật mỗi lần dăm bảy xu hoặc một hai hào bạc. Hồi ấy, thuốc phiện nhà nước bán có một trăm đồng một cân tây, tưởng đưa như thế cũng là phải chăng, nếu có tính tiền hoa theo như giá hoa tháng ở các thành phố lớn. Nếu họ có thiệt thòi thì chỉ thiệt về chỗ tôi hay cắt những cành dài, nhiều khi mất hại nhiều nụ con mới nhú lên. Tôi vốn rất ghét cái lối ngắt hoa sát dài sát cuống, trông không có chân, chẳng khác gì hoa bút để cúng rằm.

Tính chỗ tiền nợ còn đọng lại ở các chủ vườn hồng, giờ có muốn cho thanh toán để trở được lại vườn cũ

mà cầm kéo cắt sang lớp hoa mới, thì cũng phải có đến ba bốn hộp thuốc mười phân, mới xong. Tiễn buổi chiều định xoay đưa cho bà Thông Phu đi chợ làm rượu tiễn biệt Tâm cũng còn không có nữa là. Nhưng mà chẳng nhẽ tôi cứ ngồi ỳ ra đấy, không chịu đi tìm kiếm thêm lấy một vư vật gì để góp thêm vui vào cái bữa rượu cuối năm, có một người tri kỷ tên là Tâm sắp lên đường.

Ở cái buổi chợ Tết chiều ngày ấy, tôi đứng trước một cái bàn độc của một người bán thủy tiên, còn độ một chục củ, phần nhiều là hoa kép. Có mỗi một củ đơn thì đã mãn khai. Người bán thủy tiên thấy tôi do dự nhiều quá, dọn một cái cười chào hàng rất chân thành, bảo tôi:

- Thủy tiên năm nay khó có hoa đơn lắm. Có mỗi một củ, hăm mãi mà không được. Nếu cậu có muốn dùng đúng vào giao thừa thì có cái củ hoa ở cốc xanh kia. Phải cái nó là hoa kép.

- Nhưng tôi không sẵn tiền đây. Nếu có bằng lòng để đến chiều ba mươi hãy lấy tiền thì tôi mua hai củ này.

Một buổi chợ hoa có ngày năm tàn, tôi lại là một người đi mua hàng chịu. Hát quanh năm đã hát chịu rồi! Cái nghiệp xui ra thế chẳng? Tôi sờ dī có cái can đảm dám hỏi mua chịu của một người bán hàng phiên

chợ Tết là vì bác ta có biết tôi và xưa kia khi bác ta còn là một người ôm gà đá, bông nước cho gà ở các trường đá gà, tôi vẫn cứ mang bác, lúc thì một bao diêm sái nhất, lúc thì một cái áo tây hoặc chiếc áo sơ mi thái. Bác vui vẻ:

- Dạ được, cậu cứ lấy. Chiều ba mươi cậu cho đem trả cũng được, qua năm mới, cậu mở hàng cho con cũng càng hay. Vợ chồng con bây giờ ở chung với chú cháu ở xóm Cửa Tiền. Chú nó bán phở.

- Thế nhưng mà cho tôi mượn cả cốc kia. Chốc nữa tan chợ, bác cho đưa cả cốc xuống nhà ông Thông Phu. Biết nhà ông Thông Phu ngoài Quán Giò đấy chứ?

Trên mâm rượu tối ấy ở nhà ông bà Thông Phu, khói mờ món ăn nóng đun mùi lạnh của chia ly. Trên đồng than hồng trong chiếc lư lấy ở bàn đèn chủ nhân ra, tôi rắc vào những vụn trầm Quảng Nam bốc trộm ở bàn thờ gia tiên lúc tạt về qua nhà khi ban nãy ở chợ rẽ về thăm lại vợ con. Cố làm ra bộ vui mà thỉnh thoảng Tâm vẫn thốt ra câu thơ ngâm với một giọng sầu nhớ mệnh mông. Hai củ thủy tiên mua chịu, củ đơn đã mãn khai như muốn rầu cành úa lá và khóm kếp hàm tiếu thì như càng muốn giấu kỹ trong cành hoa khép những giọt nước rầu rĩ tuôn.

Rượu nửa chừng, cao hứng, tự ý Tâm đem phách đã cất kỹ trong hòm da ra gõ. Trước ngày lên đường,

Tâm đã định nghỉ hát. Nhưng lúc này Tâm ngà ngà rượu, tỏ ý say thêm đôi với nghiệp, khổ phách gõ xình hơn mọi lần, tiếng phách ròn vui như tiếng chim buổi sớm mai trong bụi cây. Trái với tiếng phách vui, giọng hát Tâm đượm mùi sầu xứ, mỗi hơi chuyển từ làn này sang làn khác là một giọng cảm động đầy tha hương thương nhớ. Và “chẳng biết ly ai dễ biết chữ tình”, phút này ngồi bên cạnh Tâm, tôi ngấm hai vợ chồng ông Thông Phu nhường nhau từng miếng gắp, tôi ngấm tôi, tôi ngấm Tâm, những thành kiến cũ của tôi trong tình trường đổ nhào hết. Cái đường giới hạn ngăn chia thế nào là một cái tình đối với con gái nhà lành và thế nào là một cái tình đối với con hát, sự phân biệt nhẹ nặng ấy đến lúc này nhoe lẩn hết. Tâm nhìn thẳng vào cái cây khói mọc từ lòng lư trầm lên cao độ một thước ta rồi mới kết xoắn lại như tán cây bàng, như một vòm cây nhân bằng khói, Tâm nhìn làn khói mà hát, mắt long lanh, tiếng hát có tinh thần và nhiều chữ mờ, nhiều hơi mớm rất thần tình. Giọng hát đẹp này vẳng lên vào một trường hợp cảm động lúc năm đã hồ tán hình như đủ gột hết khói người Tâm tất cả những bản thủ trát vào kể từ lúc dán thân vào nghề. Một giọng hát hay và run run này là một bài kệ ngâm lên để rửa hết tội lỗi trong đời Tâm. Từ khi đi lại với Tâm, chưa bao giờ tôi cảm thấy tôi có thể lấy tình nhân đạo ra mà đãi ngang hàng đến bậc ấy. Trước kia tuy có gần gũi, chia sẻ khoái cảm,

nhưng vẫn có sự rẻ rúng ở trong. Tôi vẫn cho nàng là người của một thứ tổ chức luân lý khác hẳn. Trước cái thuần túy của đàn hát, nàng và tôi đang cùng nói chung một thứ tiếng của tâm hồn.

Đêm gần về sáng, Tâm đuổi tôi về cái nhà của tôi, nhất định không cho tôi đưa ra ga. Nàng dúm vào tay tôi một mẫu giấy:

- Em có làm được một bài thơ bốn câu. Gửi lại tặng tất cả quan viên tỉnh Thanh, thay một lời từ biệt. Em đi rồi hãy xem. Cả bác Thông và anh có muốn chữa thì chữa.

Nàng đi rồi, tôi đọc thơ. Thơ rằng:

Lộc Thánh cho ăn độ thế thôi

Phách xênh chị lại tếch xa chơi

Châu Thang của hiểm người càng hiểm

Chị đình ch ơng chị với lũ Hời.

Tâm lại dám xưng là chị! Và lại dám gọi những người ở đây là người Hời! Láo đến thế thì thôi.

Trước giờ giao thừa bước sang Tết năm ấy, tôi mò lên thăm ông Thông Phu, đưa ông xem bài thơ. Ông cười ngặt nghẹo, kêu Tâm là một “con bé quái quỷ, thế nào lũ Hời ở đây cũng có đứa đòi đánh”.

Ông luận về Tâm:

- Con bé nó ở gần tại mình, thành ra nhiệm phải cái khẩu khiêu khinh bạc. Tính nó lại vốn du côn sẵn.

Mình vô tình lúc luận bàn thế sự với nhau, không ngờ lại cùng trau dồi cho nó cái sự khinh đời ngạo của. Anh e đời Tâm rồi không được trọn vẹn đâu chú a. Và cả bọn mình rồi cũng đến vậy.

*

* *

Thời tiết trong một năm, nguy hiểm nhất là lúc thu về và thứ nhất là lúc xuân sắp đi. Chẳng cần gì phải được là người đàn bà góa bụa trong vòng tuổi trẻ mà người ta cũng vợ vắn, thương nhớ và thèm khát một cách rất là vô sở cứ, không bằng chứng, không có tâm trạng rõ rệt. Nhiều người đang khỏe mạnh hẳn hoi mà cũng thấy muốn thèm ốm chơi lấy vài ngày, nằm yên đấy mà lắng con tâm mình đã biến thành một cái phong vũ biểu rất tinh vi. Vào những cử này, tiết mùa giao nhau, nhiều ông lang thuốc nhìn những biến tượng trong trời đất mà mừng quỳnh.

Ngồi trên một cái nhà bè ngắm một cánh bướm xuôi lúc mặt trời vàng rực trên sông Mã là không thể không nhớ những người bạn đi xa. Trông thấy lớp lá già các cây rụng, đâm chồi lộc mới là lớp nhựa trong người mình cũng muốn bốc ngược lên như nhựa cây. Rồi khủng hoảng. Rồi muốn ưu du. Rồi muốn lười biếng. Nổi nóng lạnh trong tâm tưởng thật không có chừng mực nào cả. Cái anh bạn tòng sự ở nhà giày

thép Thanh Hóa, giữ việc đóng dấu bì thư đi các nơi và từ các nơi gửi về, đã truyền cho tôi một điều quan sát rất ngộ của anh trong khi thừa hành công vụ. Là cứ tháng ba ngày tám, sao có lăm phong thư ướp nước hoa đến thế! Cái thì bì tím hoa cà, cái thì bì màu hồng phấn, màu xanh da trời, màu vàng hoàng yến. Xuân đi, thu về mà lại. Anh đã nói:

- Áp dấu trạm vào những cái bì thơm tho đầy mùi về yêu thương ấy, mình thấy nó có thú hơn là giết những con tem của những cái bì thư bọn lái buôn có in tên hiệu cả trên đầu mặt trước và lại đầy cả mặt tự dạng sau nữa. Lăm buổi, tôi ngắm nghía rất lâu nhiều lối đây cá tính mà tôi muốn lấy sơn tàu mà đóng dấu niên hiệu cho họ, chứ đem đóng cái mực đen nhà nước vào, mình thấy nó phí cả những cái tư tưởng luyện ái phong kín ấy đi anh ạ.

Điều nhận xét của anh bạn công chức kia càng làm cho tôi thêm băng khuâng. Tôi mới nhớ ra rằng Tâm đi đã gần ba tháng nay mà tỉnh không có một lá thư nào. Tôi chẳng nhận được một cái phong bì tím hoặc lơ nào. Phải để cho người đi xa quên mình. Phải để cho người quen được vui với cảnh mới. Phải cho người lữ khách cái quyền phụ bạc những tình cùng cảnh tại nơi vừa rời bỏ. Tôi đã giải muộn bằng những ý tưởng khoan dung đó.

Năm bảy bữa, tìm lên trên nhà ông Thông Phu chốc lát, thì chúng tôi đều nhắc mãi một câu đã thành ra cũ mèm:

- Sao Tâm nó về lâu thế nhỉ?

Đôi vợ chồng chủ nhà hát cũng thành thực nhớ Tâm và nhiều lúc pha trò với tôi:

- Cu cậu nhớ tình, dạo này phờ ra, nhưng trông lại có vẻ đứng đắn nghiêm chỉnh hơn. Vắng Tâm, cu cậu không còn biết nói nhảm với ai. Anh chị hỏi thực chú câu này nhá. Không được chối hoặc giấu. Vậy hai người đã có gì với nhau chưa?

Tôi chỉ biết cười để trả lời. Cả một mùa xuân này, ông bà Thông Phu đã vui đùa chòng ghẹo tôi như thế và tôi cũng đã cười suông lương lự như thế. Để rồi có một buổi chiều cuối xuân sang hè, những cái cười ấy không có dịp trở lại trong nhà ông Thông Phu nữa. Một biến cố lớn đã ập đến, gắn miệng tất cả mọi người trong cái nhà hát này.

*

* *

Cuối xuân năm đó, không rõ nhân dịp gì, làng Hạc mở hội, treo giải cờ đất. Giải cờ đất làng treo cũng không lấy gì làm to, nhưng những tay cao cờ các vùng

lân cận đều có vẻ hết cả để thử sức nhau giữa chỗ công chúng.

Ông Thông Phu là một người xinh cờ. Ở người ông, đánh cờ đã là một cái bệnh, một cái tật. Ông nghiền ngẫm cờ, những thế trận xuất quân và những thế hiểm lúc cờ tàn, ông thuộc lầu lầu. Nhất sinh đọc sách, ông chỉ mãi miết với ba thứ sách: *Kiểu*, *Tam Quốc* và bộ *Thế trận cờ Quất Trung Bí*. Nước cờ tướng, con đứng con đi, con đánh người con giữ nhà, pháo trấn hà, ngựa ngoạ tào, pháo oa tâm thủy đế, thế nghịch, thế thuận, bắt dứ chiếu bóng, thôi ông chẳng còn sót nước gì. Nhiều người chơi cờ tướng đã liệt ông vào bậc kỳ hầu. Tôi đã được xem ông Thông Phu đấu cờ nhiều lần. Trông ông gò một nước cờ lắm lúc thật là tử công phu. Cờ đất cũng vậy mà cờ bàn cũng vậy. Bao nhiêu đau khổ mệt nhọc hiện cả lên trên mặt ông. Nhiều người chê ông thế là không đẹp. Theo ý họ thì người đánh cờ cao mà đẹp cần phải có một vẻ mặt bình tĩnh điềm đạm, bị người lấy mất quân không hốt hoảng đau buồn, chém được quân người không lấy thế làm hí hứng. Nhưng tôi nghĩ khác, khi ngắm ông Thông Phu có những đường gằn hằn hai bên thái dương mỗi lúc ông đi con cờ hoặc suy nghĩ im lặng trên bàn cờ. Phải, dàn quân cho ván cờ cũng chẳng khác gì một công trình sáng tạo trong nghệ thuật. Và sự sáng tạo nào, sự thai nghén nào về

tâm tưởng suy nghĩ mà chẳng đau khổ mệt mỏi. Việc gì mà phải giấu. Đâu có phải là một chuyện xấu mà không cho những cái quần quai dầy vò thắc mắc ấy hiện lên khuôn mặt cho đến hết!

Làng Hạc treo giải cờ đất mà lại mở ngay cạnh nhà mình - từ nhà hát ông Thông Phu đến sân đình làng Hạc để vạch nước đi bàn cờ đất, chỉ có mười mười lăm bước - lẽ tất nhiên ông Thông Phu không thể miễn nợ được. “Chẳng lẽ ngày Xuân lại chịu ngồi yên mà xem thiên hạ nó đấu trí với nhau ngay bên nách mình, ngứa mắt, tức máu lắm”. Ông tấm tức nói thế.

Ông Thông Phu đã dò sang đình làng Hạc từ ngay lúc người ta cho cắm trích khảo cờ người dự đấu thứ nhất.

Từ hôm qua hôm kia, ông Thông Phu đã dậy sớm, trái với thời biểu mỗi ngày của một người nghiện lười biếng. Ông hút trừ buổi thuốc sớm cho thật thừa, cơm nước tử tế, bắt vợ tảo sắn cho mấy điều thuốc nữa dặt vào túi rồi hăm hở sang đình, tay cầm cây quạt thước phòng che đầu khỏi mưa nắng giữa giờ lúc điều khiển quân tướng trên bàn cờ đất. Mỗi lần ở đình về, mặt ông tư lự vô cùng, vợ và các con em hỏi, ông thường quên trả lời, mồm ông lẩm bầm, ngón tay ông phân phát vào giữa không trung những nước cờ nhớ lại hoặc đang nghĩ thêm. Cả nhà biết ông bận về những ván cờ giải khó khăn, đều len lét, sự kính trọng cái

tỉnh mịch cho một khối óc đang tính lường quả đã rõ rệt. Tôi, mấy ngày có đám cờ cũng khuấy khoả trong dạ, đỡ nhớ Tâm và lên ở liền ngày đêm với ông Thông, lúc ở bên nhà, lúc chạy sang đình. Có tôi làm bạn để ôn lại những nước cờ người này đi như thế, người kia đi như thế, ông Thông nói chuyện cả đêm.

- Có nhẽ ngày mai, đánh với thằng cha ấy, tôi phải đánh đến pháo gánh mới được chú ạ. Nó đánh nhanh lắm. Ngựa của nó đi cũng sáng nước lắm. Phải tính xe bớt đi và chém què ngựa nó cho nó mất cái lối giao chân đi.

Ngày hôm sau, tôi sang bên đình, ngay lúc xuất quân mới có vài nước, đã hết sức lo buồn cho ông bạn. Không biết ông Thông Phu đi đứng lạng quạng thế nào mà gầy ngay mất một tượng. Rồi cờ đâm bí. Chỉ còn đỡ chứ không có chen vào được một nước đánh nào cả. Trời đã về chiều. Tôi tạt qua nhà hát, táo thêm ít điều thuốc phiện để đưa sang cho ông Thông Phu theo lời ông dặn.

- Có nhẽ tại hôm qua tôi hút kém thuốc, lại kém ngủ nữa, nên hôm nay đi cờ đâm mê lẫn cả chú ạ. Chú về nướng nhanh lên cho anh mười điều rồi cầm ngay sang đây.

Vì bà Thông Phu đang hút dở, phải đợi nên cái việc táo thuốc mới dềnh dang ra thế. Tôi vẫn ngồi chờ bà Thông dùng xong cái ngọn đèn dầu lạc ấy, tại

thình thoảng bắt được cái tiếng dội về những dịp trống tiêu cổ bên đám cờ hội thúc giục một người đánh cờ chậm đi quân. Rồi có một lúc gần về chiều, tiếng trống một đò hình như bằng hản đi.

Bỗng phía ngoài, có một tiếng kẹt cửa rất mạnh rồi tiếp đến gót chân thình thịch của một người lạ mặt chạy ập vào buồng.

- Thưa bà, mời bà sang bên đình ngay. Ông Thông Phu nhà ta làm sao ấy.

Bà Thông Phu chồm dậy, dọc tẩu gạt đổ bóng đèn búp măng:

- Làm sao? Làm sao hở bác?

- Dạ cũng không rõ. Đang đi quân cờ, bỗng ngã lăn ra sân đình, mắt trợn, miệng sùi bọt mép và chân tay xám lạnh cả đi.

- Ôi chú ôi! Chú ôi là chú ôi!

Tôi đã vụt chạy ra đường. Thì vừa bắt gặp người ta công ông Thông Phu về. Trẻ con làng, theo đến cửa, thành một cái đuôi dài. Bà Thông Phu khóc tru tréo lên, cô đào trong nhà đều nhón nhác. Đặt được ông Thông Phu vào màn đã là một việc khó khăn mệt nhọc, mỗi chậm trễ là càng tăng thêm dần dúm rên rĩ cho người ngộ cảm kia bị vực về. Ông Thông Phu đứng là đã bị trúng một cơn gió độc, nhiều người xúm

quanh giường bàn soạn. Tấm thân còm nhỏ kia, bây giờ lại càng tóp quắt thêm. Ông nằm dài trên giường đã gạt khay đèn về một bên, nếu không có một chân đang run co lên thì cái hình hài ấy đã là cả một cái xác chết chờ khám liệm để nhập quan.

Bà Thông Phu, phủ phục xuống mép giường, khóc bù lu bù loa. Cái đèn thuốc phiện bé ngọn chỗ cuối giường góp thêm lạnh lẽo cho không khí tang ma.

Ông Thông Phu vẫn rên khê. Hơi thở yếu lắm. Lâu lâu lại điểm những tiếng hừ hừ phát ra từ hai lỗ mũi để rồi có lúc lại chẳng phát ra một tí hơi thở nào cả. Cái gương bỏ dục bỏ túi mà một cô đào đứng tuổi để vào trước môn, trước lỗ mũi của ông Thông Phu theo một điều truyền bảo của một người bạn già chạy đến hỏi thăm, có lúc đã chẳng mờ nước thủy, đã chẳng bắt được tí hơi ẩm nào tiết ra. Tất thở rồi chẳng? Trông mặt ông Thông Phu lơ lơ, miệng méo co mím lại, bàn tay dầm ra bắt chuôn chuôn. Cái miệng méo xệch đi, cách một lúc lâu lại nhai không một cái. Thanh âm tiếng nhấp môi giống một khê nhẹ nhắc đến cái im vắng những buổi trưa oi oi trên làn nước tù hãm, mặt ao bèo xứ quê thỉnh thoảng có tiếng một vài cá lớn buồn bực ngoi lên đớp bọt rêu đặc.

Cứ lời mấy vị kỳ cựu làng Hạc cũng xinh cờ hiện có mặt bên đình lúc ông Thông Phu ngộ nạn trên bàn

cờ đất, thì ông ta không phải là phải gió đâu. Ông có máu uất. Và ông đã uất vì một nước cờ hớ, hớ đến nỗi lạc vào thế trận hiểm của bên địch bày. Đi nhầm một nước cờ lép đó, ông cũng chưa thua ngay đâu, còn đến mười mấy nước sau nữa kia. Giá con sĩ ấy, ông Thông Phu cho ghềnh bán nguyệt lên thì cờ mình vững, quân bên địch phải tìm đường rút về chống đỡ đôi xe gần được lệnh của ông sắp đặc dụng. Đằng này ông Thông Phu lại đi lắc cái con tốt biên ấy để đến nỗi vỡ cái thắng lợi của thế cờ mình và lại chuốc lấy sự thua nữa. Cho nhớ xong một con tốt biên ấy, cầm cán cờ vào lỗ nửa trên, ông Thông Phu biết ngay là hỏng. Nhưng cờ đất luật nghiêm lắm. Cổ kim mấy ai đã được hự một nước, đã được đi lại một nước nhờ nhàng. Tiếng trống tiêu cổ vẫn long tong giục giã. Bên địch thấy ông Thông Phu nhắc cán biển con tốt biên lên, cười một cách khinh bỉ không cần giấu. Gia di, những lời chê bai của đám bàng quan ở sau lưng lại cứ lọt rõ mãi vào tai người thấp trí sa cơ. Thôi thế là xong. Lầm vào nước hiểm của trận hãm này thì có đến hồn Trương Ba nhập ngay vào người ông đang mê man cũng không thể gỡ được. Điều đáng uất nhất là nước cờ sắp định việc thua được lại là một nước cờ thiếu lịch sự, phú ác, tức cứ như có người cầm cục búa đánh vào mặt. Và thứ nhất đối phương lại là một kẻ mà trước tới giờ ông Thông Phu vốn khinh miệt. Có

lần ở chỗ đông người tử tế nhân nhã, ông Thông Phu đã dám to tiếng thách hấn đánh cờ tiền và chấp cho hấn nửa ngựa kia mà. Thế mà... bây giờ...

Chẳng cần phải đợi đến lúc người ta chiếu tướng mình đến chắc cứ lại không chạy được mà người ông Thông Phu sau một con cờ chuyển dịch một cách nhờ nhàng ấy đã cứ lịm dần đi. Rồi là mãi, rồi lặn đùng ra giữa sân đình, trước sự ái ngại của mọi người, trong số đó có kẻ vô danh kia giật giải. Việc ông Thông Phu uất ngā vì một nước cờ lầm vụng đã ghi một trang thống thiết bi đát trong lịch sử chơi cờ đất Thanh Hóa.

Tính ông Thông Phu hiếu thắng. Đánh trống chầu thì tự khen mình là hay nhất nước Nam, cờ thì tự cho là quán cả Trung Bắc lương kỳ và về thơ thì ông thường vén đuôi lên, lúc mình ngâm thơ mình thì kêu rằng “Gieo được một chữ như thế tức là thừa xuất nhập cổ kim, là quý khốc thần kinh rồi đấy”. Tính khách khí của ông Thông Phu, nhiều bậc trí giả đàn anh lang bạt kỳ hồ trở về, vốn có cảm tình với cái tài của ông, mỗi lần đến thăm đã phải khuyên ngăn và phân nân hộ cho rất nhiều. Nhưng cái nghiệp của tài hoa tài tử là như vậy. Thừa một điểm tài thì lại thiếu hụt mất cái đức nhũn nhặn.

Tính ông Thông Phu hiếu thắng đã mạnh đến như thế, người gầy ốm, bệnh phiền rề rề, và một buổi đánh cờ đăm ấy lại kém thuốc thiếu ngủ, ở ngoài thì gió nồm giữa trời vào một thời tiết giao mùa chưa hay giở mặt, ở trong thì phần tức góp vào với sức phá phách của lòng tự ái bị thương tổn, làm gì mà buổi cuối ngày xuân nhăm nhờ một ván cờ đăm ấy, người bạn chênh tuổi của tôi lại chẳng uất đi, lịm đi và ngã nhào trên một khoảnh đất công vạch phần vôi, kẻ hoa thị với ô vuông.

Ông Thông Phu thua một ván cờ ghê gớm đó để rồi mãi mãi đeo lấy tật nguyên. Bán thân bất toại và cảm. Giá lúc thụ bệnh rồi, chết luôn cũng là nhẹ nợ. Sống dai dẳng trong mấy năm với một cái bệnh không chữa được, vẫn cứ phải hút thuốc phiện do người chung quanh hà mớm khói cho, vẫn cứ phải phơi bày ra tất cả cái hèn xấu bản tiện của một tấm thân hư hỏng chỉ gọi đến lòng thương hại vô ích, tiêu cực và kinh tởm - bất nhân hay là chính đáng của lớp người thân cận khỏe mạnh. Sống như thế chỉ là một cách bêu riếu nhân loại, vào trường hợp này mà còn có người nọ kêu án việc tự ái kia đấy. Nếu ông Thông Phu mà đã tìm được cách tự hoại mình đi rồi và nếu cảnh thiên đường không hẳn là một sự hư văn của tôn giáo, thì chắc ở ngoài thế giới này, Trời cũng đã dành cho ông một chỗ ngồi hân hoan yên nghỉ rồi chứ chẳng

không. Mấy năm trời sống lay lút, phế nhân đó đã chịu bao nhiêu đau thảm nhục nhã nhọc nhằn. Tưởng cái cổ phần đau khổ đó sẽ cho ông Thông Phu cái quyền đem đánh đổi nó ra một cái gì ở quấy ngân hàng của Thượng để vốn sông phẳng công bình với tất cả chúng sinh đã chịu phần đóng góp cho xót thương ở hạ giới này. Trong thời kỳ ông Thông Phu mang tật, vào một năm thứ ba hay thứ tư gì đó, tôi có đưa một người bạn lên thăm ông tại cái buồng bệnh có nhẽ từ ngày ông ngoạ bệnh ở đấy, không một ai có dịp đưa đi đưa lại vài nhát chổi sể. Tối lắm. Chật lắm. Mà con bệnh thì không nhích khỏi được giường bệnh. Đại tiện, tiểu tiện, ăn, hút, chập chờn và co quắp đều ở trên mấy tấm ván một áy cả.

Người bạn tôi là một cựu sinh viên trường Thuốc Hà Nội, người Thanh Hóa và trước kia cũng đã từng nghe cái đám lăng tử nói đến tên ông Thông Phu. Nhân về Thanh thăm phần mộ gia tiên, gặp tôi, anh bạn tỏ ý muốn tìm ông Thông Phu nói chuyện và rủ ông ta đi chơi các vùng quê. Chẳng nhẽ mà tôi lại phì cười khi nghe người bạn tỏ ý đó. Đi tìm một anh câm để nói chuyện đời và đi rủ một kẻ bại nửa người cùng đi chơi vùng xa với mình! Lúc người ta lành lặn thì chẳng tìm đến. Tôi bảo ngay cho anh bạn biết rằng việc đó quá muộn rồi và tôi bèn kể ngọn ngành cho

anh nghe về cảnh đau khổ của ông Thông Phu gần đây.

- Nếu vậy thì càng nên đến thăm lão ta nữa. Biểu lão hộp thuốc. Đã mấy năm nay, tôi vẫn có cái ý tìm đến ông Thông Phu. Nhiều người đã mách tôi rằng, ông biết nhiều chuyện nhiều việc lạ ở tỉnh này lắm. Nhưng mình cứ nay lần mai lửa, một lẽ nữa cũng vì thiếu người đưa đến. Tôi nghiệm ra cái việc tìm người hay mà đánh bạn, không nên lười, có dịp là phải tìm đến ngay. Mình cứ lần lửa mãi là hỏng nhờ, là mất và rồi đâm ra hối tiếc. Đây, anh xem như cái việc cầu thân với ông Thông Phu đây, giờ lão què liệt là mình thiệt. Trước kia đã có lần tôi tiếc mãi một ông nhà nho rất hay, biết rất nhiều điều bí ẩn kỳ quái trong suốt một khoảng giao thời này. Mình lười quá, cứ lùi mãi cái ngày đi tìm đến nhà ông, thành ra đến lúc mình lần mò về đến được làng ông cụ thì cái cuốn đã sử sống ấy chẳng còn nữa. Tôi tiếc quá và tự trách mãi. Anh cứ đưa tôi đến ông Thông Phu. Tôi muốn gần ông ta trong một buổi để xét qua căn bệnh ông. Chẳng dám chữa, nhưng để tìm một chứng thực này cho cái luận thuyết củ của tôi.

Tôi đã đưa bạn tôi đến ngồi bên bàn đèn ông Thông Phu ngoài Quán Giò. Lúc ra về, anh bạn lắc đầu:

- Không phải. Tôi quyết rằng không phải.

- ?

- Chẳng có gió độc gì hết. Chẳng có phần uất gì hết. Cái việc tê liệt nửa tứ chi và cảm khẩu này chỉ là những biến chứng của bệnh giang mai. Tôi đã thấy nhiều rồi, hồi còn tập thực nghiệm ở bệnh viện Hà Nội.

Ngay cái đêm đầu gặp nạn, người ta vực ông Thông Phu về nhà, trong tâm khảm tôi, có sự hỗn loạn của tư tưởng. Tôi nghĩ ngợi ghê gớm như một viên chủ nhà băng lúc ngân hàng mình sắp đệ sổ cáo cùng. Trước cái biến cố lớn xảy đến giữa nhà hát, cái thái độ sốt sắng của tôi sẽ như thế nào mới là không ghê lạnh? Cho nó thoả đáng được, kể cũng tốn sự suy tính lắm. Đã đành rằng tôi không là thân nhân của ông Thông Phu, không có một tí dây dưa máu mủ nào bắt tôi phải gánh một phần trách nhiệm về chỗ đau buồn, tốn tiền thuốc men chăm nom đó được, nhưng sự thân thiết từ trước tới giờ đã cấm tôi không được dửng dưng và trốn tránh. Tôi muốn tỏ tình. Nhưng cái ý tình đẹp nào muốn được tỏ rõ ở giữa cuộc đời này mà lại chẳng cần đến tiền được. Lại buồn, lại nghĩ.

Đêm đó, không một ai lại dám tưởng ông Thông Phu còn có thể sống được. Thấy chồng khác nhiều lắm, mắt cứ trợn lên, toàn thở hắt ra cả, bà Thông

Phu càng khóc, trong tiếng khóc, đã chen vào bao nhiêu là chữ ở hờ hơ.

Phố xóm đã thừa tiếng trống. Ông Thông Phu mê man, cả nhà lay gọi mãi mà không tỉnh.

Con bệnh nào về gần sáng ra cũng đều nặng cơn cả. Không ai hy vọng ông Thông Phu có thể trở về với cuộc sống. Nếu đêm nay ông chưa tắt nghỉ hẳn thì ông cũng chỉ thoi thóp như thế để mà đi dần về cõi chết. Trên đầu giường, có người đã để sẵn chiếc đồng hồ để xem giờ, đánh giờ cho kẻ hấp hối.

Tôi khoác áo ra đi. Bà Thông Phu tưởng tôi bỏ về vội níu tôi lại.

- Anh hông mất chú ạ. Chú gắng ở đây đêm nay. Nhà chẳng còn ai đỡ dần chỉ bảo. Một mình chị, chị sợ lắm!

- Tôi đi gọi đốc tờ cho anh đây mà.

- Chưa chắc có ăn thua gì không. Với lại trong nhà, giờ không sẵn một xu, biết người ta tính bao nhiêu?

- Phải gọi đốc tờ mới được. Tôi về ngay đây. Chị bảo dọn sẵn chỗ buồng này cho nó thoáng đi một chút để cho đốc tờ người ta đến xem ra thế nào.

Tôi tìm đến cổng nhà riêng vị bác sĩ người Pháp trông coi việc y tế nhà nước, ở ngay liền cạnh nhà thương.

- Thưa ngài, ở vùng ngoại ô, có một người đàn ông ngộ gió từ ban chiều, không nói được, không cử động được, từ đây xuống đây không đây hai cây số.

Bọn người tò mò hiếu sự đã dân ra cả nhường chỗ cho quan đốc tờ Tây tay xách cái hòm tiêm vào. Ông không bắt mạch, ông nhìn bệnh nhân mấy phút, nhìn bọn đàn bà ăn mặc diêm dúa đứng sau ông rất đông. Tôi cất nghĩa cho ông biết rằng đây là một cái nhà hát. Ông lại nhìn cái bàn.

- Người đau kia là chủ nhà hát? Nghiện?

Ông gât gù, cựa ống thuốc, tiêm cho ông Thông Phu một mũi dầu long não. Từ lúc vào cho đến lúc về, ông rất thần nhiên, không dạy bảo ra sao cả. Tiền bác sĩ ra xe, tôi khất ông chỗ tiền thăm bệnh và tiêm thuốc, hứa bữa sau sẽ đưa lên buồng giấy nhà thương trả. Bác sĩ lấy một cuốn sổ con ra ghi tên và chỗ ở ông Thông Phu.

Tôi trở vào buồng bệnh, vén lá màn nhìn mặt con bệnh. Diện sắc ông Thông Phu có khá hơn trước một tí. Mắt ông mở rộng thêm ra được nhưng vẫn dại lăm. Rồi cái miệng thất thanh đã phát ra được những tiếng ế ấ, nghe lại còn thắm hơn những cái rên hừ hừ ban nãy. Phía sau tôi, có mấy cô chủ nhà hát hàng xóm đã vội khen đến hiệu quả của mũi thuốc. Người ta lại còn thì thầm khen tôi là một người ăn ở có tình và là

một người đi chơi sang trọng. Trong cặp mắt họ đắm đắm, tôi đọc rõ được bao nhiêu là thèm muốn, tôi thừa biết rằng từ bây giờ trở đi, sau khi cái việc đám mời “ông Ba đốc tờ Tây” chữa cho ông Thông Phu đã làm quảng cáo cho cái tên tôi lan rộng trong phố xóm rồi thì cái giá một người làng chơi của tôi được nâng cao lên quá cái giá của những kẻ phá của mỗi lúc hành lạc đột hàng bạc trăm. Và từ nay, ở đâu thì không biết chứ ở một cái xóm Quán Gió này, nhiều chủ nhà hát sẽ hoan hỉ đón nhận tôi nếu tôi đặt chân vào nhà họ. Rồi tha hồ mà hát chịu, mà hoành hành.

Lòng tôi nửa buồn, nửa xấu hổ.

Đối với ông Thông Phu, chẳng cần phải nói thêm nữa, sự có mặt của ông ở cuộc đời đã đem lại cho tôi nhiều giờ phút thú vị. Tôi đã nhận thấy ông là hay hay. Nhưng lúc này, nếu ông có tắt nghỉ đi thì tôi cũng không thấy gì là thiệt thòi, là thương xót lắm. Có những cuộc mắt mắt không đủ gây được nhớ tiếc và bất lòng mình phải vắng ngắt hẳn đi trong một thời gian hoặc trống trải qua suốt một đời người. Nếu cái sống của ông đã có nhiều buổi giúp vui cho tôi, - trải lại với lối suy luận về tính tình, - cái chết của ông Thông Phu vẫn không làm gì cho tôi khác được hơn là bình thường, mặc dầu chúng tôi phải nhận nhau là tri kỷ. Những điều rắc rối như thế này, tự tôi tôi cũng không biết giảng ra thế nào. Tôi chỉ nhớ rằng gặp

trường hợp hỗn tạp như vậy người ta hay nhắc đến những chữ: những phiền toái của tình cảm.

Rồi tôi đâm ra nghi ngờ cái cử chỉ vừa rồi của tôi mà nhiều người đứng ngay sau tôi đã gọi là tốt. Lúc đi tìm thầy thuốc cho ông Thông Phu, có lẽ tôi đã chỉ làm việc đó cho nó tắc trách đi thôi, chứ sự thực ở trong người tôi, phút ấy nếu tôi muốn thành thực ngay với tôi đã, thì tôi phải nhận ngay rằng cử chỉ của tôi thiếu hẳn tính cách thiêng liêng của đau xót, của thiết tha. Và tôi đã làm quảng cáo cho tôi bằng việc làm giả dối, xảo quyệt rẻ tiền. Về cái điểm này, tôi muốn được ở gần những người tri giả để cùng chấp chính, tôi muốn được những bậc chuyên môn làm việc từ thiện chỉ giáo hộ cho.

Nhưng điều xét nhận ấy cũng chưa làm cho tôi bực bằng cái lúc tôi vụt nhớ ra rằng ở nhà tôi, chưa bao giờ tôi đi tìm thuốc cho một ai cả. Ở nhà tôi, nào có phải thiếu người ốm đau. Bố tôi hen suyễn kinh niên, vợ tôi hậu sản. Đứa con gái nhỏ tôi mắc chứng mạch lươn. Gọi là thân trong đời mình, thì ba người yêu nhất đó phải gọi là thân chứ còn ai vào đây mà tranh giành được phần nữa. Vậy mà tôi đã chẳng chạy thuốc tìm thầy cho bố, cho con, cho vợ bao giờ. Phỏng thử có kẻ đem cái việc đi tìm đón bác sĩ chữa cho ông Thông Phu mà kể lại với nhà tôi thì không rõ vợ tôi sẽ hiểu ra thế nào và coi tôi là cái giống gì đây.

Thế là riêng với nhà, tôi đã bạc rồi, mà còn về chỗ đối với thiên hạ, tôi cảm thấy tôi cũng chẳng hâu hơn được chút nào. Giá tôi đã tâm thành khi đón đốc tờ cho ông Thông Phu thì trong cách xử thế của người con trai, tôi còn viện ra được cái câu "Hậu ư thiên hạ bạc ư gia" để mà tự mình an ủi mình.

Ông dầu long não không phải là thuốc chữa được chứng bệnh hiểm nghèo. Thường nó chỉ dùng vào việc trợ lực cho người ốm lúc nguy kịch. Bác sĩ đi rồi, ông Thông Phu vẫn sống dở chết dở như thường. Con gió độc không thể độc hơn thế nữa. Mồm ông Thông Phu hồng. Hai cánh tay hồng. Một chân hồng. Những lúc phế nhân lấy cái đầu ngo ngoáy trên cổ để ra hiệu muốn được thoa mỡ một vài sự cần dùng cho thân thể vương lấy cổ tật, trông thiếu não quá. Phải trông thấy ông Thông bậm bệ, bực tức khi người nhà diễn sai lầm cái ý muốn của ông thì mới thấy tất cả điểm nhục và thống khổ của một người mắc tật bệnh. Miệng cảm nhưng giá không hồng tay thì cũng còn dùng lối bút đàm thay vào được, để cho ngày tháng của mình bớt nặng nề đi.

Cái hôm ông Thông Phu gọi cho tôi chiếc lư đồng mất cua, tôi gọi đến cái lịch sử bí mật của nó mà hồi lạnh lặn còn nói được, có lần ông đã đã động đến: "À, để bao giờ tôi kể cho chú nghe câu chuyện chiếc lư này thì hẳn chú phải thích lắm. Y như chuyện *Guơng*

vỡ lại lành trong tích cũ ấy”. Bao giờ đây? Lúc này ông cho tôi chiếc lư, lấy đầu lấy mắt ra hiệu, cái mồm co mím lại, tôi gọi đến cái câu ông nói ngày trước về chiếc lư ly kỳ, bỗng mắt ông Thông Phu sáng quắc lên để rồi lại tôi đọc lại ngay, bao nhiêu tâm tức hiện hết cả lên trong tròng mắt. Tội nhất là ông vẫn hướng về phía chiếc lư con mà bậm bẹ với vợ, tưởng chừng như vợ có thể hiểu hết những ý của mình ra hiệu cho nhau, tôi thấy các cô ấy ngồi đấy là thừa; không có việc gì, không ai động đến, trông đến là tội nghiệp. Rồi càng đi sâu vào chốn hàng viện, mình càng thấy cái đức làm người của mình mỏng thêm mãi, mình càng thấy thân hình suy kém dần. Trong có ít năm hành lạc mà tâm thuật đã hỏng rất nhiều vì nha phiến, vì rượu và thứ nhất là vì những cái hôn nhảm nhí.

Tôi còn nhớ một lần, vì một lẽ bất buộc, tôi phải “đi” ảnh chung với một cô Tuyết hay cô Mai gì đó. Trốn mãi không được, lần ấy, trong tấm ảnh, tôi đã đứng, đã phải cười cho tươi ảnh theo một cái ý của “nàng”. “Nàng” ngồi một chiếc ghế bành, tay cầm một cành huê giấy. Tôi đã lộn trở lại hiệu ảnh một mình, cho riêng tiền người thợ ảnh để lúc in xong nửa tá ảnh, họ dùng cho ngâm giấy ảnh vào chậu thuốc mạ giữ cho nước ảnh. In xong lấy về, mỗi lần giở ra xem,

gặp ánh sáng, lại tối dần xuống một ít. Rồi có một hôm, ánh đèn kịt lại không còn hình bóng một ai trong ấy nữa. “Nàng” vốn lại hay tin dị đoan, cho như thế là một điềm gở, đâm ra lo ngại. Tôi chỉ chờ có thế. Và cũng làm ra bộ mê tín, tôi đã bảo “nàng” rằng ảnh bay màu, còn độc hơn là gương vỡ mà “chúng ta không sớm liệu mà buông nhau ra ... mà thù nhau đi”. Chúng tôi bằng lòng đoạn tuyệt lẫn nhau. Đêm cuối cùng đó, mời tôi đến nhà hát, nàng cho dọn một bữa tiệc rượu rất sang, nói trước là của mình dọn riêng để đãi bạn tình chứ không cho tôi được tình đến chuyện trả tiền như những kỳ hát trước. Ngồi uống rượu nhìn nhau, thấy nàng thành thực cảm động về sự chia rời, tôi cũng phải giả vờ bùi ngùi. Tất cả bấy nhiêu trò quỷ thuật tốn hơi sức thời giờ, chỉ vì cái lẽ rất giản dị là tôi không muốn lưu một cái ảnh của tôi trong một cái tủ chè nhà hát, bên cạnh một cái vỏ chai sâm banh ngậm một đóa phù dung bằng giấy bóng đỏ. Bao nhiêu bạn tôi đã bị bày như thế ở giữa nhà hát rồi.

Tôi đã hèn nhát đến nỗi không có can đảm nhận một câu hỏi thăm của một đào nương, một buổi sớm chủ nhật, trước cửa Gôđa, vào một cái giờ mà phố Tràng Tiền ngựa xe như nước, áo quần như ném, mỗi con người lượn qua đây là có cái bề ngoài của một

trang giai nhân tài tử. Bất gặp tôi là người quen cũ, nàng đã mừng rỡ vô cùng, chạy lại chào và bắt đầu hàn huyên. Tôi đã gò một bộ mặt lạnh như mặt người Ăng-lê, tỏ vẻ ngạc nhiên để cho nàng hiểu là nàng đã nhìn nhầm, nhận nhầm. Nàng luống cuống mặt đỏ lên, xin lỗi rồi lùi mất vào đám đông. Rồi tôi lại còn kéo dài cái ý ác ấy, vào luôn cái hiệu kia để xem nàng đang đánh ngã một chai nước hoa vỡ tung toé trên mặt tủ hàng. Tôi đã có được bấy nhiêu tàn nhẫn chỉ vì nàng là một cô đào xấu. Người đã xô xé mà lại cứ thích mặc quần áo tân thời, cổ bánh bao bánh bèo, định làm một người nộm quảng cáo một cách rất có hại cho một kiểu áo mới chăng? Định giết những bác hoạ sĩ phỏ may chăng? Một thời, gần nàng trong nhà hát, tôi vẫn nhận nàng là tốt nét, rất quý tôi thương tôi, nhưng ở nơi công chúng này, nàng đừng nên ra mặt quen tôi thì phải hơn. Cái đẹp lúc này còn cần quý hơn mọi cái nét làm người kia.

Tôi đã phụ đến cả cái chí tình của một người chủ nhà hát một tỉnh vùng xuôi. Ấy là một đào nương đứng tuổi, quý tôi như vàng, nâng niu tôi như ngọc, giữ tôi ăn ở nhà hát cứ hàng tháng mà tiền nong thì không cần nghĩ đến. Nàng gọi tôi là ông, tôi gọi nàng là bà. Các con em thì gọi là cậu mợ. Nàng đã đưa tôi

về quê chơi. Cũng nhà ngói, cây mít, ao trước vườn sau, có trâu có bò, có em giai làm lý trưởng. Nàng đã nhắc tôi nhớ đến những ngày giỗ mẹ nàng, và lắm lúc đã tỉnh đến những chuyện về lâu về dài. Vậy mà một hôm, tôi đã bỏ đi thẳng, đành từ chối cái tình già ấy, vì một buổi ngồi giữ nhà hát cho nàng đi chợ cân ngô cân gạo, tôi soi mặt vào gương, tự nhiên thấy đôi lông mày mình cứ trắng dần mãi ra. Thế này thì ra tôi sắp làm trùm nhà hát đây à? Các con em đã nhất loạt gọi tôi là bác rồi.

Nửa tháng sau, tôi nhận được một lá thư của người cô đào già, mở đầu như thế này:

"Tình Hà Nam ngày..."

Kính gửi Ông-cầm-quạt-Tấu-tay-trái..."

Lẽ tất nhiên, trong lá thư, bà ta xỉ vả tôi hết điều.

Lại còn cho là xứng đáng, tôi đã cất kỹ bức thư tình đặc biệt đó và bất giác nhớ lại mấy câu thơ đọc vận ngộ nghĩnh của một ông bạn đọc cho nghe với một giọng khôi hài:

Mình có thương tôi phải lấy tôi

Lấy tôi mình phải kiếm nuôi tôi

Trăm năm tôi có điều chi nữa

Xênh phách mình khua để cúng tôi

Nghĩ đến chuyện cái “bà Hà Nam” tôi đã thoát được khỏi kia mà lắm lúc tôi cứ giật mình đánh thót. Nếu độ ấy, tôi cứ lần lữa mãi, sớm trưa ôm ấp một cái tình già, bà ta để cho một mụn con thì rồi sẽ không gỡ được nữa, và có nhẽ đến phải lấy thân mà trả nợ đời cho ai, chẳng khác chi cái cảnh huống anh Bảo, một người bạn tội nghiệp của tôi.

Anh Bảo là một người viết văn, làm báo, tính tình phóng khoáng, bề ngoài cứng lạnh, nhưng gần anh lâu, mới biết anh là một người trong loài tình. Anh có quen một cô đào hát có danh phận. Cái cô Hương ấy có tài có sắc, thực đã xứng đáng làm người tình nhân của Bảo. Cứ đi sớm về trưa với tình mãi, một ngày họ Bảo đã chính thức nhận Hương làm vợ lẽ. Thế rồi người ấy mắc chứng lao, không thấy thuốc nào chữa được. Một ông lang ngoại khoa đã bày cho Bảo lấy máu dê sống mà chữa cho tình. Bảo đã mua đem xuống chùa Mối một con dê, chọc cuống họng dê, cầm một cái ống cao su vào đấy. Một người giữ con dê giãy chết, kêu be be, máu chảy ra lênh láng dưới chân giường người ốm nằm cứ như dán xuống mặt chiếu hôi hám. Bảo thì nâng Hương nghển dậy, mồm ngậm một đầu ống cao su đã cầm sẵn vào cái lỗ thủng nơi yết hầu dê đỏ loang. Hương hút máu ừng ực. Con vật bị xót, quần quại. Cuộc truyền huyết lâu độ mười phút và những ngày sau, bệnh người vợ lẽ vẫn cứ một

ngày thêm nặng. Cái điều đáng buồn nhất cho anh Bảo là nhà Hường vẫn có lực, tuy lâu nay không dọn nhà hát, nhưng ăn tiêu thuốc thang trong nhà Hường vẫn sẵn tiền. Bảo không phải đưa đồng nào. Giá phải đứng vào cái địa vị lo chạy thuốc cho nàng, thì chưa chắc Bảo đã đầy đủ được cho hết bốn phen; nhưng tôi tưởng dầu sao, như thế cũng vẫn còn thú hơn là người ta không cậy đến mình lo chạy một ít tiền gì. Thành ra mỗi ngày Bảo xuống chùa Mới, chỉ là một việc trình diện sông và ngượng với tình. Hỏi thăm xong một câu, Bảo ra cái màn nhà ngoài nằm, để sáng ngày mai lại đi tàu điện lên phố để chạy tiền xe và lo riêng việc nhà bên kia cầu Bồ Đề là nơi vợ cả đóng. Trông thấy anh Bảo cứ tíu tít lên vì chuyện vợ lẽ vợ cả, bây giờ không viết lách gì nữa, tôi càng thêm nghĩ. Một cái ngòi bút trước kia dùng để chiến đấu, để chứng tỏ một điều gì, để khóc thương một cái gì ở cuộc đời này, cái ngòi bút ấy bây giờ han rỉ rồi và nếu có dịp được cắm vào hòng bình mực thì anh Bảo chỉ có dịp viết thư tình, viết văn tự và biên bông mua chịu thực phẩm. Mấy cuốn sách tôi đưa cho anh đọc, không rõ anh có mở đến trang sách không; nhưng lúc anh đưa trả lại thì giữa những trang sách, thỉnh thoảng lại có vài sợi tóc đàn bà dính vào và bìa thì vết tròn bát in những vòng hoen ố. Người, thấy có mùi thuốc bắc. Tôi biết Bảo, không thể gọi là sơ giao được, nhưng chưa bao

giờ tôi tìm đến nhà anh. Một lần xuống chùa Mới, qua nhà Hương, mấy ông bạn cùng đi chơi bèn rủ tôi vào thăm Bảo.

Đã hơi khuya. Trong nhà, một ngọn đèn hoa kỳ. Có bạn đến, Bảo vội bật đèn điện. Bao nhiêu cái một mỗi của gian phòng có người ốm nằm trong kia đều hiện lên dưới cái ánh sáng bóng đèn điện mười nến vàng càn cạch. Một cái ván ngựa đầy bụi, không có chiếu phủ. Đây là cái giường mỗi ngày Bảo vẫn ngủ để canh người ốm. Chiếc đồng hồ trên vách, quả lắc vẫn chạy tích tắc, nhưng tôi có cảm giác kinh hãi rằng thời gian ở đây đã bị bó cứng chắc lại. Chúng tôi nhấp một chén trà tàu không có hương vị gì, hơi lấy làm lạ, vì xưa nay Bảo là người sành và khó tính về việc uống trà.

Có người hàng xóm vào gọi ông cụ để ra Hương đi đàn. Ông cụ tìm cây đàn đáy dựng sau một lá màn vải xô một cái bàn thờ ma mới. Mẹ Hương vừa chết, chưa tới kỳ giỗ đầu. Bảo xưa nay vốn chải chuốt trong phục sức, lúc này mặc chiếc sơ mi dẹt xanh kẻ ô vuông, tay hờ khăng khiu. Quả là đáng điệu một anh kếp nghiện một gánh tuồng cải lương rạp ngoại ô. Tôi đã thấy cái nhục luy phai tàn của một kiếp sống. Rồi tôi mới nhận ra Bảo là một người có can đảm. Một buổi tình cờ đặt chân vào nhà vợ hai anh, tôi đã hiểu Bảo hơn là khoảng bảy tám năm vẫn gặp anh để bàn luận về văn thơ cùng nghệ thuật. Ra về, tôi nghĩ bụng

rằng nếu sau này, đến cái lúc ngồi bút ngửa ngáy của tôi có xui tôi viết một cuốn tình sử Việt Nam, thì tôi phải mượn câu chuyện tâm sự của Bảo và Hương dựng làm một thiên mở đầu.

Người vợ lẻ của Bảo đã chết vì bệnh lao. Bảo đã nhờ một anh bạn thân đảm bảo cho mình đi thuê chịu một cỗ xe đòn đám ma hạng nhất, bánh cao su, bốn ngựa. Từ xa trở về Kinh thành, gặp Bảo tôi thấy anh tóp đi nhiều. Tôi đã không chia buồn cùng anh và còn thành thực mừng cho anh nữa. Anh không tỏ vẻ giận. Hai đứa tôi bèn uống rượu, nhắc đến một vài tên người bạn quen trong cái đám tình chung.

Cái tết năm vừa rồi, một suýt nữa thì tôi lại bỏ nhà.

Buổi sớm ba mươi ấy, tôi đã nhận phần giữ nhà cho ông bạn, để cho ông được yên chí mà về quê lễ nhà thờ tổ và được hầu gần dưới gối cụ cố bà trong mấy ngày Nguyên Đán. Ông bạn đã dặn đây tờ mọi việc phải làm lúc đi vắng. Không tin ở cái ý định của tôi, ông hỏi gặng lại:

- Nếu anh không ở Hà Nội, phải về Thanh ăn Tết thì từ giờ đến trưa, anh phải cho tôi biết để tôi tìm ngay ông bạn khác canh nhà dùm cho vậy. Từ ngày tôi góa vợ, giang hồ nó quen mất đi rồi. Nhưng anh thì còn chị ấy, các cháu và các cụ, phải về chứ. Tôi

mấy năm cũng không về nhà chỉ có không đầy ba chục cây số. Năm nay cố tôi nhắn người làng ra, bảo thế nào cũng phải về. Giờ tôi đi Phòng. Tôi sẽ lại có ở đây sớm mai về quê sớm mừng tuổi mẹ tôi. Thế anh nhất định như thế nào?

- Không, tôi không muốn về nhà.

Ông bạn ra ga. Tôi tu hết nửa chai rượu, ngủ ngay. Rồi có người lay tôi dậy. Mở mắt ra thì giờ đã về chiều, tai đã nghe thấy tiếng pháo vài nhà cúng sớm thình ông bà ông vải về. Ngần - một cô đào Khâm Thiên tôi quen hồi gần đây - chỉ hai cái bồ con nằng đặt giữa nhà.

- Em về quê đây anh ạ. Lên chào anh. Và nếu anh sẵn tiền, em lấy một ít mang về quê tiêu thêm. Chuyến đầu tháng này, bốc mả cho thầy em, tiêu nhiều quá. Giờ về, lại đến lượt lo việc phó lý cho chú tư nó, cũng lại phải mất năm bảy chục khao là ít. À, anh chưa xem ảnh đứa con của em đấy chứ nhỉ.

Ngần ngời tí tê kể nỗi gia sự, bên cạnh có một cái liễn da lươn dựng trầu không, cây vò.

- Biết các anh hay ăn trầu, em mua lên biếu cả liễn này. Cả dao bài và ống vôi nữa. Để em tèm sẵn cho độ trăm miếng, Tết có khách khứa khỏi chạy đi mua lẻ. Mà ai đã dọn hàng nước ngay trong hôm Tết!

Tôi đứng dậy, lục đôi bồ của Ngân. Pháo, rượu mùi. Hoa giấy trang kim cắm bàn thờ. Một gói cà cuống đồ. Pháo hoa cải cho trẻ con chơi. Giấy, dép, guốc, lê, táo. Và cảm động nhất là ba bộ đài gỗ đựng chén rượu sơn son có nắp cùng với một cái bài vị cạnh thiếp vàng. Chưa bao giờ, tôi lại tưởng tượng được cái lòng một người cô đào sống cuộc đời giang hồ trôi dạt vô thường mà lại có thể chu đáo với gia đình, thiết tha với thân quyến, với một cái Tết ở quê hương nặng đến bực ấy. Mình vẫn tự xưng là một người của xã hội lương thiện, là một đứa con trưởng của một gia đình ngăn nắp mà sao đối với nhà, với quyến thuộc, mình lại có thể hững hờ đến nỗi cố tình không trở về, trong mấy ngày vui này. Thế này thì ra tôi hỏng quá rồi. Và cái chữ hiếu - trào phúng thay - lại tìm được thấy ở cái đám sơn phấn lầu hồng. Tôi bèn đổi ý kiến. Sớm mừng một Tết, tôi ra tàu về nhà, sau một đêm giao thừa uống rượu say với ông bạn và đi xe giờ cho hết đêm ở ngoài phố, xem ở ngoài phố, xem thiên hạ đón cái xuân sang. Vào cuối giờ giao thừa, xuân năm mới đã đến với tôi giữa phố Hàng Bông Niệm bằng hai cô gái nhà lành đi hái lộc về, tóc thẻ rủ xuống lưng áo màu hoa đào. Lòng tôi vui nhẹ, tin rằng năm mới rồi sẽ lành lặn, với cái triệu hai em xinh tươi hồn nhiên lương thiện vừa gặp kia. Ngồi trên con tàu về nhà, tôi nghĩ mà lại cảm ơn thâm đôi bồ của Ngân đựng đồ sắm Tết. Không có Ngân với hai cái bồ ấy, thì Tết này

tôi lại vắng nhà nữa, để cho bao nhiêu người nhà tôi phiền một cách vô ích.

Tháng giêng ăn Tết ở nhà, tháng hai tôi trở ra Hà Nội, với ý định là phải lập lại cuộc đời. Làm lại mái. Lập nữa. Và thế không bước chân vào nhà hát nào nữa.

Nhưng một buổi sớm mùa xuân, vừa bắt nghe một hồi còi mười giờ ở quảng Ngã Tư Sở xong, thì từ cửa một nhà hát mở có người réo to tên tôi:

- Hãy dừng lại! Vào đây có người hỏi cái này đây.

Tôi lại bước vào cái nhà hát xộc xệch ấy. Kia, Nhẫn, một người tình cũ, diện sắc vẫn không khác gì mười năm xưa, hồi nàng còn hát ở xóm Cừu Hậu, Thanh Hóa. Trông mặt nhau cả cười, nàng hỏi tôi có còn ở Thanh nữa không.

- Thế Nhẫn bây giờ ở Hà Nội à? Từ bao giờ?

- Bây giờ không là Nhẫn nữa. Là Xuyên kia. Ở Hà Nội đã ba năm nay, sau mấy năm ở Hải Phòng. Cái hồi em bỏ Thanh Hóa lánh về Phú Nghĩa, anh về tìm, em có biết. Giá được gặp anh cái hồi lui về nhà quê đó, thì em cũng chả đến nổi lần mò ra Phòng - cái nơi đồng chua nước mặn ấy mà làm gì.

Gặp lại Nhẫn - à Xuyên - cái cảm tưởng đầu tiên của tôi là sự ái ngại. Khốn nạn, bao nhiêu năm trời đi tranh khôn giành khéo, bán cười cho thiên hạ mãi,

để bây giờ vẫn là cô đào, và lại là một cô đào ở Ngã Tư Sở. Tất cả những phong vị tỉnh Thanh bỗng sống lại trong người tôi. Tiếng kèn lính khố xanh tập thổi trên mặt thành Thanh Hóa. Tiếng xe cút kít những kỳ phiên chợ, và hình ảnh một vài người bạn chết. Tôi nhớ lại cái hồi đi từ Thanh ra Nam, rồi lại đi tàu thủy từ Nam về Phủ Nghĩa tìm Xuyên mà không được gặp, tôi đã băng khuâng đau khổ như thế nào.

Chốc lại gặp cố nhân, tôi lại đành phụ nhời ước tự tôi hẹn với tôi lúc đầu năm là lập lại cuộc đời mình. Và lấy cớ là trung thành với những kỷ niệm cũ, dăm bảy ngày tôi lại xuống nhà Xuyên một lần, rủ cả anh em bạn xuống, kể những đoạn tình xưa cho họ nghe, rồi ăn cơm uống rượu, để tàn cuộc rượu thì mình lại càng chán mình hơn những năm cũ. Những lúc vui đùa, các bạn tôi đều gọi Xuyên là “cô Phủ Nghĩa”. Máy người bạn thân hay nhập vào những cuộc vui ấy của tôi, mỗi lần thấy vắng bên mâm cơm của anh em ở nhà, nhắc đến tôi, lại bảo nhau:

- Thăng cha ấy, hôm nay có nhẽ lại đi ăn giỗ dưới Phủ Nghĩa.

Mùa xuân cái năm đã thê không đi hát mà lại cứ xuống nhà hát như thường ấy đã hết, để một đêm bắt đầu sang hè, tôi lại ngồi canh Xuyên ốm nặng. Nhà nhiều muỗi, Xuyên bảo tôi vào trong màn. Nằm cạnh

Xuyến ồm, đầu giường và quanh giường là bát thuốc, chai thuốc và quần áo bẩn vừa thay ra, tất cả một thời kỳ làm bạn với ông Thông Phu - cái người tặng tôi một chiếc lư đồng cổ - và trông nom ông ồm ngày xưa ở Thanh Hóa lại vụt hiện về trong đầu tôi.

Tôi đã ngồi nhòm dây, nhìn Xuyến vừa uống xong chén thuốc bắc, chợp mắt ngủ. Bó gối dưới chân giường, tôi lặng ngắm những cần thuốc bắc đọng nơi đáy bát đàn. Trên nắp một cái hòm da đen là vật tùy thân không rời Xuyến một bước, một chai nước chanh mở sẵn nút và một quả cam Siu Châu chưa bóc, lần vỏ tươi có ánh đèn con soi vào. Người Xuyến bé mỏng hẫ đi, dán sát xuống chiếu. Nhìn Xuyến thở rất khó khăn, không rõ vì liên tưởng gì mà tôi đã nghĩ đến cái việc anh Bảo thuê chịu xe tang đưa chôn người vợ bé ở chùa Mới ngày nọ.

Gần sáng, lúc thất lại ca vát ra về, tôi đập khẽ Xuyến dậy:

- Xuyến là người bên lương hay bên giáo?

TUỶ BÚT*

I

*. Cộng Lực - MCMXLI - 1941

MỘT LÁ THU KHÔNG GỬI*

*Hà Nội không điểm,
niên hiệu sở bưu chính*

Anh Ngh.

Trong ba tháng nay, tôi gửi cho anh có đến bốn lá thư mà không thấy anh trả lời. Thư đó đều gửi về hội sở Ai hữu Đông Dương ở Paris. Tôi chắc anh lại đi làm tàu rồi. Hồi gần đây, anh chẳng viết cho tôi: nếu cái hồ khẩu ở trên cạn chặt vật lắm thì anh lại tìm việc trên mặt nước là gì? Và anh có nói rõ rằng một thủy thủ tàu kia muốn nhường cho anh chân giặt là quần áo trên chiếc tàu lớn nổi Le Havre và New York. Đi Mỹ! Khoái nhỉ! Nhưng nghe không thôi mà trong người tôi đã rậm rật. Tôi dăm ghen và ghét anh. Vì anh hơn tôi nhiều quá. Trong việc cày cục, xoay xở đi

* Đây là một lá thư xưa - trước đã đăng ở Tạp chí *Tao đàn* dưới cái đề : "Thêm đi" - định gửi cho một ông bạn giang hồ. Bỏ quên trong ngăn bàn viết, lúc tìm thấy lại định gửi theo qua Pháp thì cái ông bạn bồng tàu đã trở về quê hương sống cuộc đời trên cạn với sự yên nghỉ ngon lành. để phân giang hồ, để chửi những ngày phiêu lưu cũ.

ra ngoài tôi nhận ra anh gặp nhiều cái may mắn. Nói lại chuyện cũ. Anh còn nhớ cái đêm tiểu hành? Anh đứng trên boong tàu Jeau Laborde tôi đứng dưới kè đá Sáu kho. Chốc là hai ba năm.

Anh được vui với xê dịch, có khi thờ ơ với thời khắc qua; nhưng người phải chôn chân đứng chết một chỗ với lòng hoài vọng trung thành, người đó thấy ngày tháng dài và nặng như ngày tháng của tôi nhân bị khổ sai có kỳ hạn. Cái thằng được đi thì lại cứ được đi mãi; còn đứa phải ở nhà thì lại cứ phải mòn héo với cái tùn mủn một cuộc đời hẹp hòi. Anh có biết anh làm khổ tôi một cách vô tình, mỗi khi anh đi qua một xứ lạ, nhớ tôi, gửi về cho hoặc một tấm ảnh, hoặc một lá thư? À những con tem bản xứ ấy đã làm tôi bồn chồn. Anh gửi cho tôi bao nhiêu thư và ảnh từ trước đến giờ, tôi đều giữ gìn và lấy chỉ đỏ buộc chúng lại thành một tập. Tôi xếp thư theo thứ tự ngày tháng nhận được và để vào trong một cái hộp xinh xắn. Một gã phong tình sưu tầm thư bạn gái cũng không có thể âu yếm và thận trọng hơn được. Tình thoảng nhớ đến anh tôi lại đem thư cũ ra đọc. Tôi, lúc ấy, theo dõi bước đường đi của anh qua những dòng chữ viết bằng thứ mực thay đổi màu luôn. Những mảnh giấy anh dùng làm giấy viết thư kể lẻ với tôi nhiều lắm, về sự luôn luôn đổi chỗ ở của anh. Trên đầu giấy viết thư có sẵn chữ in, lúc thì tôi thấy đó là tên một thương thuyền, lúc thì lại là tên một khách sạn ở một cảng lớn nào. Và giấy thư in ấy mỗi lần tôi hồi hộp nhận

được, lại mang tên một lữ điểm mới hay là tên một tàu buôn chạy một con đường bể khác. Cứ như vậy mà suy tưởng, thì ra không mấy khi anh sống luôn lấy độ ba bốn tháng liền trong một hoàn cảnh. Đến một nơi, gửi lại đấy chút ít bản sắc của mình, để rồi lại đi. Đi cho thực nhanh với mọi kỷ niệm mang theo của nơi vừa rời bỏ. Nếu một ngày tới, có thể trở lại được với cảnh cũ để độ bàn chân mình vào ấn chứng của thời đã qua, thì càng hay. Bằng không, thì cũng không sao. Người bộ hành, không quê hương, không biết biên thủy của xứ sở, không có chương trình ngày mai, mấy khi định được cái bước của mình. Có bao giờ hấn tự chủ được bước đi. Bắt một thằng phiêu đảng phải hẹn đúng ngày trở lại, khi hấn chống gậy lên đường, hấn sẽ lúng túng, ngập ngừng, như một gái mãi dâm bị người ta căn vặn về quá trình truy lạc.

Anh vừa đi, vừa triết lý. Những lời trong thư, nhiều chỗ xác đáng lắm. Tôi không nghĩ khác. Cứ ngồi ro ró trong gian buồng kín, bất kể đến thời tiết đổi thay chung quanh mình, người ta không làm gì có được tư tưởng phóng khoáng về đời giang hồ. Mặc dầu người ta là nhà viết tiểu thuyết có tiếng, là một ngòi bút sắc phụng sự cái trí tưởng tượng lớn lao. Nghề thuật người đó cao đến bậc nào đi chăng nữa, người đó cũng không dám ngồi để nghĩ và tả sự giang hồ nếu, ít ra, người đó đã không sống những phút bổng

bệnh. Phải sống với du lịch đã rồi hãy nói tới du lịch. Như anh chẳng hạn.

Đứng về phương diện một người lấy sự hoàn toàn phát triển giác quan của mình làm lẽ chính cuộc sống, tôi không cho gì thiết thời bằng trung thành với một chỗ ở.

Giống ớt quý cay đến chảy nước mắt, trồng mãi trong một khoảng vườn, có ngày chỉ sinh ra những quả nhạt nhẽo. Tình yêu của nghệ sĩ rất đậm thắm kia sẽ chết và biến thể nếu người ta lấy sự vĩnh viễn trung thành của hôn nhân trong tình yêu duy nhất ra để trói buộc nó. Đấng tài hoa sinh ra không phải chỉ để yêu một người đẹp hay một cái đẹp. Cõi trời đất có vô vàn tác phẩm. Vả chăng miếng cao lương, ăn lắm đâm ra nhàm. Phải thay thực đơn đi.

Thay thực đơn cho dạ dày, thay thực đơn cho giác quan. Trong cuộc sống, tôi muốn dùng bao giờ ngày hôm nay của tôi lại giống hết ngày hôm qua. Có tấn kịch nào dài độ năm sáu lớp mà bấy nhiêu đảo kép cú hoạt động trong một cảnh bài trí? Mà người ta vẫn chịu được không?

Sinh thú của người là hưởng cho nhiều cái bất thành linh và mọi cái không chờ đợi. Tôi muốn mỗi ngày trong cuộc sống của tôi phải cho tôi cái say sưa của rượu tôi tân hôn. Mỗi một ngày tới lại đem cho ta một ngạc nhiên nó bất trí tò mò làm việc. Khi nào mà người ta không biết sống nữa thì chỉ còn có cách

trở lại nguyên bản của mình là bụi bặm. Một đấng Cứu thế kia đã chẳng ví chúng ta với bụi bặm là gì.

Cái nhặt nhèo trong cuộc sống có lẽ rất rõ rệt khi mà ta cảm thấy như gần đi tới độ chót của con đường sống.

Trong cuộc thi đường trường *cua-rơ* kia buồn rầu, một khi hấn đến được đích. Hấn sẽ không còn được hưởng sung sướng của phút lấy gối và gò mình trên yên xe, rút vòng bánh. Hấn chỉ thấy thú vị khi đích chỉ như một bóng ma đẹp dử hấn trên chiều dài đường đất và giây phút. Đích càng lùi sâu, hấn càng sống nhiều, sống gấp đôi, gấp ba, gấp trăm người khác để gắng gỏi, để thêm muốn. Rồi có một phút kia, hấn tóm được đúng đích. Đấy, chính trong lúc ấy là hấn lấy làm chán cho đời hấn lắm. Vì trên mọi hoan hô âm ỉ, hấn thấy cuộc biểu diễn đã kết liễu với cái buồn tênh, với cái tẻ ngắt của một việc đã hoàn thành. Bao nhiêu sốt sắng, bông bột của phút đi, đã nhường chỗ cho thờ ơ của phút đã đến.

Đi, để mà đến. Đến... nhưng sau đó, còn gì nữa? Hay là chỉ còn có lòng khao khát bị bỏ rơi vì ý nghĩa của giới hạn?

Tôi đã nhiều lần khóc rất khê để kín đáo chia buồn với một vài người về câu chuyện đi chinh phục trái tim đàn bà. Ái tình đẹp ở chỗ bấp bênh của nó. Nó

xây nền tảng lên nhục, luy và mọi cái gì gọi là bất mãn trong cảnh nghịch. Nó là cái bóng hiện ra để làm khổ kẻ đào hoa trong giấc mơ. Sự chiếm đoạt tình yêu, chỉ đáng kể ở những đoạn chơi hú tim với tâm tình.

Nhưng, cái ngăn trở khó khăn cần phải có để cầm hơi người ta, để dứ người ta, bây giờ đã dẹp bằng đi rồi. Thì thiên tình sử chấm dứt hết. Cái kết quả sự chiếm được lòng đã dẫn người ta đến một chỗ rộng tuếch của cõi lòng. Vì mảnh tình kia không còn thắc mắc lòng người như vô cùng vô tận của vũ trụ nữa. Người ta đi chiếm lòng yêu với hết thầy say sưa thêm sống. Lúc thành công, lại ngớ ngẩn không biết dùng thắng lợi đó để làm gì. Người ta, lúc này chỉ là một lão tướng đang rúc một hồi còi đồng trên một ngọn ải quanh quẽ đã phai hết mùi bi mật chiến tranh. Và trước luồng gió đen, lá cờ đắc thắng không lay động. Lòng người ta bóp lại bởi hưng hờ. Cái bất thành linh trong phiêu lưu đã hết, thì lòng người thêm sống những giờ rạo rực cũng chết mòn. Rồi, đời kẻ ấy chỉ còn là phản ánh một kiếp tu hành “đã không biết sống làm vui”. Mọi thị dục ở người ngủ thiếp đi cả.

Tình cảm đã đi tới không độ thì đời người đã là một sự vô vị rồi trước khi người ta kịp thấy đời là vô vị.

Thế mà có những người không bao giờ phải thối thức vì trót sống một đời vô vị. Họ vui trong sự thu

nhỏ đời động vật thượng lưu vào cái chắc chắn cơm áo đều đều. Những tiểu sử ấy, không khi nào ghi lấy một chuyện bất thành linh. Một ngày của họ cũng như một năm của họ. Cứ bằng phẳng, êm lặng thế thôi, những cuộc đời có khuôn khổ nhất định ấy thì ngày hôm nay, cũng như ngày hôm qua và sẽ tựa như ngày sắp tới. Đời họ hình như đập đúng thời biểu một ngày đã tiêu lên làm mẫu mực.

Có kẻ sống trọn đời người chỉ biết đi từ nhà mình đến một chỗ nhất định rất gần, rất gần. Gót giày họ mòn trên con đường cũ mềm và cọc thun lùn. Con đường ấy là con đường của mãi mãi. Họ gặp lại bấy nhiêu bộ mặt đã quen thuộc lắm, quen thuộc đến nỗi trông nhau mà không thấy nhau và không cần nhớ nhau nữa. Gặp gỡ như thế, có cũng là không. Họ nói những câu đã dùng bữa qua và sẽ nhắc đúng lại trong những ngày tới. Lời nói đối với họ, có khi không phải là để diễn tư tưởng. Họ cầm đến những cái đồ vật mà sự rờ mó luôn tay đã mài tròn những cạnh góc sắc nhọn. Việc làm không có thay đổi đã đem lại cho họ cái hoạt động của thành người không có tri khôn và kém bề cảm giác. Bấy tính ở người họ, chỉ là bấy cái bào thai non tháng muốn thò ra ngoài. Đấng Tạo sinh ra người ấy để mà đứng im giữa cái lục đục, bông bột của muôn loài. Đây là một việc đầy ải dài dằng dặc giữa kiếp hóa sinh. Đây là một bức tranh tĩnh vật.

Trời, - nếu thực có một ông Trời trào phúng - Trời đã bắt tội người ấy làm người để nhắc cho chúng sinh biết rằng cứ gì phải tiến hóa theo hai bề thời gian và không gian thì mới là sống. Để lúc chết, người ta làm cho một mộ chí ở quê nhà, ngoài lũy tre xanh, với mấy lời minh: “Ông ấy sinh năm..., tháng..., mất năm..., tháng... Từ lúc vào đời cho tới lúc ra đời, ông không để lại cho người chung quanh một kỷ niệm. Vì đời ông không có lấy một kỷ niệm còn con. Như thế, ông là một người sung sướng. Cũng sung sướng như kiểu dân tộc kia không có lịch sử”.

Đây là những người không bao giờ tôi hiểu được. Phải, chúng ta là hạng người thêm sống, thêm đi, chúng ta là hạng người đem cả một kiếp sống để phụng sự xê dịch, chúng ta hiểu thế nào được họ. Quan niệm trái ngược, người ta thường nhạo tôi: “Thằng ấy dám có cuồng vọng muốn trước bạ đời hẳn vào địa dư trái đất”. Họ cười, tôi cũng cười.

Bệnh du lịch phát sinh ở người chúng ta tự bao giờ? Mà bây giờ, nó đã đi tới một thời kỳ không thuốc thang nào chữa được. Một ông thầy thuốc về tâm bệnh, đã bảo tôi: “Chứng này thuộc về tim và óc. Bốc thang thuốc này thì kể cùng dễ kê đơn. Nhưng tìm được đúng vị thuốc hơi khó một chút. Được tính phải thuộc về loại âm có chất lạnh. Để cho nó giảm chân hỏa vượng trong người. Nhưng nếu bốc không khéo thì

phí cả vị thuốc sống, chết cả con bệnh và lụy cả đến ông thầy. Mà con bệnh đừng tưởng chết yên lành trên giường bệnh đâu. Không, con bệnh sẽ trợn mắt không có ai vuốt cho, trên một mảng bè trôi tranh trong vùng nước lớn, hay giữa một đám cát vàng mà gió sa mạc động lòng thương hại mỗi lúc nổi trận quay cuồng còn kể công với những kẻ giang hồ qua đây “Thế mà ta đã có công đắp cho hấn một nấm mồ”. Những vị thuốc này, rút ở những cái gì gọi là thiêng liêng thuần túy của người dân bà. Thí dụ, gạn được những giọt nước mắt của người vị hôn thê rõ trẻ, đẹp trên chiếc gối đầm, đem thả sương mùa thu, rồi cho uống. Hoặc là giọt nước mắt đặc, mặn, đầy mùi trách móc của một bà cụ già đang tựa mình bên cửa củi khô, nhìn mặt trời trượt xuống cánh đồng chiêm. Hoặc là giọt nước mắt loâng và ngây thơ của con trẻ ở trường về, bị bỏ khi thấy trên thành mâm cơm gia đình có một đôi dưa thừa và một chiếc bát đẹp bỏ không. Ấy cứ uống mấy vị đó, thì khỏi bệnh du lịch”.

Có lẽ tôi bị chứng bệnh này vì định mệnh bắt buộc như thế chăng? Một ông thầy tướng, có tài trông người là gọi được đủ thứ sao chiếu mệnh, đã bảo tôi một cách thương hại rằng: “Cứ cái lối lãng bãng, lêu vêu, vất vợ vất vương, cầu bơ cầu bất của thầy, nhất định thể nào cũng có sao Thiên Mã cư ở Mệnh. Nó cũng như số của đám sơn phấn lâu hồng, một trăm

người là y như đều có Đào Hoa hay Hồng Loan thủ mệnh cả. Đấy, chẳng tin thì khai ngày sinh giờ đẻ cho đúng, già sẽ lấy giùm cho một lá số Tử Vi có câu giáng cận kề". Tôi kính dâng ông thầy tướng một hồ rượu nhạt và điếm tình đọc khẽ trong óc, bằng tri nhớ, mấy câu thơ Baudelaire.

Mais les vrais voyageurs sont ceux-là seuls qui partent

Pour partir; cœurs légers, semblables aux ballons,

De leur fatalité, jamais ils ne s'écartent,

Et, sans savoir pourquoi, disent toujours: Allons!

Lòng tôi buồn rười rượi, anh Ngh. ạ. Tôi phải tìm ra cho ra căn nguyên bệnh du lịch. Hay là cha tôi và mẹ tôi đã thổi, đã hà những hơi thơm, những thở nồng phiêu lưu vào một hòn máu đỏ! Nếu thực ý định của hai đấng tác giả đời tôi là thế, thì thực là một sự cưỡng đại vô cùng. (Tôi nói câu này với thành kính hoàn toàn của một lòng hiếu). Như thế há chẳng phải là bằng lòng cho tôi làm một điều tôi vô ích cho gia đình.

Tôi ngờ rằng bệnh du lịch đã truyền vào người tôi, không phải ở phía mẹ, mà ở phía cha. Hồi tôi còn bé, những lúc thấy tôi xa vắng nhà, mẹ tôi thường phàn nàn vụng trộm về đoạn đời đã qua của thầy tôi. Tôi

mới biết rằng ngày trước, thấy tôi không mấy khi ăn tết Nguyên Đán ở nhà, mặc dầu, trong những ngày long trọng đó, mẹ tôi lại còn có những mối phiền về chuyện ở cử mấy anh chị em tôi mà số kiếp chỉ cho làm người trong có một vài hơi thở.

Trong những ngày đó thấy tôi làm những gì ? Thấy tôi đi chơi Chợ Giời vùng Hòa Bình, ngăm vịnh trong những lúc nhàn tản ở Chợ Cột, Đông Triều, vào trong Quảng Nam chơi chùa Non Nước, đi đá núi Ngũ Hành. Có lần thấy tôi nặng tình với bạn, đã coi nhẹ lòng quê, và trong một ngày mừng một Tết kia, lang thang với cái tiểu sành đựng hài cốt ông thân sinh ra ông bạn. Kể đến đây, mẹ tôi ngừng lại lâu và kêu: “Sao lại có người lạ thế. Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng. Có đời thừa nhà ai, giỗ tết ở nhà thì bỏ, mà đi bốc mả cho người ngoài”. Tôi lại còn biết thấy tôi có lần đi thi hỏng, buồn rồi cứ “ngao du sơn thủy” mãi và một hôm gõ cửa một ngôi chùa nọ. Nhưng nhân duyên còn nhiều lắm, thấy tôi lại đào thuyền. Rồi sau khi đó, “tứ tỉnh đường ngoài” và “ngũ tỉnh đường trong” thấy tôi đều có in vết chân cả. Mẹ tôi thuật đến đây, lại ghen ngào nhấp chén rượu thuốc và kinh sợ nhìn tôi với cặp mắt buồn rầu. Có lẽ mẹ tôi hôm ấy mới nhận thấy trong tình tình và nét mặt của tôi một vài bản sao của cái tâm tính cha tôi. Mẹ tôi buồn như một người đàn bà nhẵn nhụi biết trước

mình chỉ có sống thêm nữa để mà hy sinh càng nhiều nữa. “Chồng hỡi chồng! Con hỡi con!”.

Tôi vẫn biết thế, nhưng mà làm thế nào được, vì trong cái sản nghiệp tinh thần di truyền lại cho tôi, tôi nhận thấy phần cha nặng hơn phần mẹ. Câu phong dao *Ba năm lưu lạc giang hồ, một ngày tu lại cơ đồ vẫn nên* mà tôi nhắc đến đây trong một phút thương đến thân quyến, câu đó có thể an ủi cho tôi không, hờ anh Ngh.. Nhưng mà thăm lăm trời ôi! Mùi khói than đá đầu tàu hỏa tuôn nhiều lên vòm trời, vẫn không buông tha tôi. Mùi than khí của con tàu vẫn cảm dỗ tôi hoài. Tôi đã bị một con đường dài và một vùng nước rộng ám ảnh tôi.

Ở một nơi xa hẻo lánh đường xích đạo, khí hậu hồ giống khí hậu Bắc phương, mà có những đêm cuối xuân, tôi muốn nhắm lấy được, để tin mình đang sống ở xứ sa mạc, mỗi khi tôi thấy chòm sao sáng nhấp nháy trên bóng đen chum lá cọ lặng im. Bầu trời khô sáng và nền trời xanh ngắt màu biếc cánh chả kia muốn biến tôi hóa làm con chim bằng. Nó thúc giục tôi đừng đứng im. Muốn dời đi đâu thì đi, miễn là đừng ở mãi chốn này. Phải thay đổi.

Có một dạo người nhà đòi hỏi tôi nhiều quá, tôi phải khăn gói về nằm ở Thanh Hóa. Dạo ấy tôi ốm, mất đến mấy tháng tròn. Thịnh thoảng nhận được thư của anh Đ... ở chiếc *Athes I* hay carte postale của anh

K... Th... ở tàu *André Lebon* gửi về, lòng tôi lại rạo rực. Anh tính những lúc như thế, thuốc bổ nào cho lại. Uống chén nào vào người cũng như là nước lã dội qua cây gỗ rắn. Chẳng biết làm gì, tôi chỉ làm thơ tự trào và giở những tập sách mỏng quảng cáo du lịch, nhìn những tranh nhỏ tô thuốc sặc sỡ vẽ hình mũi tàu bể, bánh xe hỏa hay cánh tàu bay.

Hôm đầu tiên tôi bắt đầu lia được giường bệnh, tôi vội vã chống ba-toong ra ga Thanh Hóa. Không phải để nhanh nhẹn nhảy lên toa xe hỏa với cái khoan khoái của một hành khách đường trường đâu. Những giờ tàu Hanoi - Sài Gòn hay Sài Gòn - Hanoi ghé mấy phút ở Thanh, là tôi đã có mặt ở sân ga rồi. Một hôm, hai hôm... năm... mười hôm. Hôm nào cũng một bộ điệu. Anh phu kíp, thằng bắt-tê, thầy ký soát vé cửa, ông sếp ga, có ý nhìn tôi và phân nản sao lại có người đi đón bạn một cách trung thành như thế. Đón ai? Mà hàng nửa tháng cứ túc trực ở ngoài ga. Đời xưa quan địa phương tiếp giá, nghênh đạo ngự cũng không được kiên nhẫn như vậy.

Không, tôi đến đây chỉ để nhìn trong làn khói trắng, tìm hơi thở nhọc mệt của một cái máy chạy rầm rộ trên hai đường sắt.

Đây là chuyến tàu suốt từ Nam ra Bắc, sớm nào cũng có. Còn buổi chiều tối, tôi lại làm bạn với đoàn tàu đi ngút ngàn về phía xuôi. Ngọn đèn đỏ báo hiệu,

móc ở toa cuối cùng, trong phút âm u rời bỏ sân ga, đã kể lể với tôi bao nhiêu cái bí mật say sưa của một con đường bằng đá và sắt vắt trên sông núi xứ sở. So sánh mình với mọi hành khách tươi tỉnh hay nhọc mệt ngồi ló đầu ra cửa toa, tôi yên chí tôi là một người bị lừa lọc và nguyên nhân thiệt thòi về việc du lịch chừng như không phải tôi gây nên.

Sân ga đã trở lại với quạnh hiu. Tôi khổ sở về nhà nhìn mâm cơm để phần. Tôi có cảm tưởng vừa đi đưa đám một người yêu về. Nét mặt tôi cũng đã tỏ cho người nhà biết tôi đang buồn bực. Nhà tôi lại hiểu rằng người ốm chưa lại sức, thường hay có lối ngổ ngợ dai dai như vậy. Ở gần nhà ga, tôi nghe còi tàu rõ mồn một. Có những đêm, sau tiếng còi xé được mây của đoàn tàu bất thường, tôi hốt hoảng tung chăn dậy, mồ hôi chảy ròng ròng. Những lúc này tôi thấy thương vợ con lắm. Nhà tôi, như anh đã rõ, vốn là người hiền lành. Xưa kia, vì tôi sớm biết đời tôi là gán cho mây, gió và bụi rồi thì có khi nào tôi để lụy cho một người đáng lẽ sung sướng được, nếu...

Lắm đêm tôi bảo nhà tôi bung lại phía giường cái va ly bầu bạn. Tôi thở hắt hắt lau chùi va ly như rửa mặt cho một đứa trẻ chưa đầy năm. Lúc nào tôi mệt thì tôi gục đầu xuống va ly thiếp đi trong chốc lát.

Nhưng thấy nhiều lần như vậy, nhà tôi hiểu rõ tôi chỉ đau bệnh du lịch và thấy tôi lành mạnh dần dần, lại càng lo nghĩ lắm.

Muốn tỏ ra là người không có ý khêu gợi lòng lo buồn của vợ, tôi không thức giấc dậy để lau va ly nữa. Nhà tôi thấy thế, cũng tạm yên lòng và vui vẻ dần.

Chỉ có một hôm tôi thôi không uống thuốc nữa, muốn kỷ niệm một ngày đẹp, tôi rủ nhà tôi cho cả mấy đứa nhỏ đi chụp chung một bức ảnh. Vợ tôi hỏi một câu mà, thuật lại đây, tôi thấy tội nghiệp vô cùng.

- Mình sắp đi xa phải không ?

Chao ôi!

Tôi còn nhớ ngay đêm đó, tôi đọc mấy trang sách về Cổ Học Hy Lạp. Đọc sách để cho tâm hồn được êm dịu mà trái lại, tôi thấy tấm lòng đi trong người tôi càng sôi lên sùng sục như dầu nấu trong vạc. Sách ấy chép phong tục Hy Lạp, ca tụng cái đức hào hiệp của họ trong khi tiếp khách phương xa tới, dù là khách lạ. Về thời ấy, người Hy Lạp có cần biết khách là ai. Trông thấy bụi bám đầy người, biết người ta từ nghìn dặm tới, đãi người ta một bữa thịnh soạn, có rượu nồng, có dê béo, xong rồi mới hỏi một câu thân mật: "Bây giờ, quý khách vui lòng thuật chuyện thấy, nghe được trên đường trường cho ta nghe cùng". Giá tôi được sống vào xã hội ấy, để nói chuyện phiêu lưu nhì. Đây mới thực là thiên đường của bọn lưu đày. Giá trị của chúng ta sẽ được đặt theo phẩm lượng của từng trải.

Và có lẽ người giang hồ bấy giờ lại đâm ra nhớ tiếc cái thời bị hất hủi kia đây anh ạ!

Cứ quan niệm thế giới trật tự, một số đông đã gọi chúng ta là quái vật. Lòng tự ái, sự độc lập trong phạm vi tư tưởng đã bảo chúng ta nên coi thường cái vô ý thức đó. Chúng ta yêu chúng ta quá, chúng ta yêu đời chúng ta quá. Vàng ngọc nào mà đem đánh đổi được. Nhưng với cái bừa bãi của đời sống chúng ta, tôi thấy đời quanh hiu của chúng ta lại còn vắng vẻ thêm một từng nữa, nếu ta không biết gây lấy chút ấm áp cho lòng. Anh có nhiều khi thấy mình tuy đứng giữa một đám đông mà lẻ loi quá chừng? Chúng ta đã đi quá cái trình độ khinh người chung quanh rồi. Chúng ta cũng không thương hại họ nữa. Bởi vì lòng thương hại tuy là một đức tốt nhưng rất tiêu cực. Và chẳng, tôi không dám thương ai cả, cũng như tôi không muốn người ngoài phản nản hộ cho tôi. Nếu có phải dùng đến đức tính đó trong một vài trường hợp, thì chúng ta hãy thương hại lấy chúng ta đã.

Đời không dung được bọn ta. Cũng như ta không chịu được cái hiện tại của cuộc sống. Tôi muốn chúng ta ở sát cạnh nhau, không cho một bóng ai lèn vào lòng mình, nếu một mai, tình cờ của cuộc sống cho ta sự đoàn tụ. Rồi trong một mái từ điểm mà ta sẽ cất nhắc lên làm gia đình của kẻ không có sở cứ, làm nơi câu lạc bộ của bọn lang thang, chúng ta sẽ an ủi lẫn nhau, sẽ đổi cho nhau những nguồn cảm xúc. Vào

những buổi chiều xám ngắt, gió lùa mỗi lúc lọt rèm càng làm mầu nền rõ nhiều giọt nước mắt sắp trên nút chai rượu mạnh, chúng ta sẽ sẵn sóc đến sức khoẻ của từng người. Ta sẽ trân trọng đọc những đau khổ kín đáo ẩn dưới vết răn của từng bộ mặt. Ta sẽ nói rất ít để khỏi lấp mất tiếng gọi của thiên thai. Câu nói của người đồng điệu thường có cái nhiệm mầu làm thức tỉnh biết bao thứ thật buồn rầu ở mình chúng ta. Và chỉ có những người trôi dạt nơi góc bể mới an ủi nổi kẻ sầu muộn chỗ chân mây. Trên bữa tiệc của bọn khách bên trời đang ngồi rũ bụi, trong những buổi âm thầm như vậy, tránh sao khỏi có tiếng đồng vọng buồn bã của con tâm giang hồ bị quấy vẩn lên. Nhưng, hẳn cũng phải có một tiếng cười. Ta nên biết tổ chức những tiếng cười như thế cũng như cách tìm lối thoát hơi cho một nổi nước sôi. Muốn giữ vững cái thế giới của ta, ta phải đề phòng những cuộc ngoại xâm, ta sẽ canh giữ cửa vào câu lạc bộ với cả tấm lòng đố kỵ của một đoàn nghệ sĩ đối với giai cấp trưởng giả.

Anh phàn nàn trong thư trước rằng ở Paris nhiều khói, nhiều bụi lắm. Mỗi lúc ngoáy mũi, nhìn ngón tay trở đen sì như một thỏi mực tàu. Thi dụ có dịp về, gặp lại anh em trong câu lạc bộ mộng tưởng kia, nếu anh ngoáy mũi như vậy cho anh em xem ngón tay, tôi dám chắc nhiều người chưa từng ở Paris sẽ ao ước muốn có những thỏi mực tàu như vậy đem chung ra để bảo đảm cái giá trị đi xa và nhiều của mình.

Bao giờ Ngh. về? Hỏi câu này làm gì? Hay là chỉ để cho anh không trả lời được. Thôi, mệt và mỏi tay lắm rồi. Anh ở bên ấy luôn luôn vui và mạnh mẽ.

Ng.T.

Tái bút - Một lá thư dài của một thằng lười viết thư, hẳn phải làm cho anh ngạc nhiên. Nhờ cái va ly Hartmann tôi được trông thấy sớm nay ở một hiệu tây đấy. 450\$00! Người bán hàng cắt nghĩa cho tôi nghe, tôi mới biết va ly kia đắt vì nhẹ, không thấm nước mặn, nước không rì vào trong được, mặc dầu người ta vô ý đánh rơi xuống bể hay ngâm vào nước để thử hàng năm sáu ngày. Nó cao gần bằng đầu người, mỗi khi dựng đứng nó lên là có cả một tủ áo. Ở trong đựng đủ quần, áo, giấy, mũ, cả mùa nóng và mùa lạnh. Thực là một vật đáng làm bạn với một kẻ giang hồ biết tự trọng. Cái thời này, mang cái khăn gói vải tây điều không thể được nữa rồi. Một đời gió bụi, đồ không đủ là một cơ để người ta nhem nhúa khi ra ngoài. Nếu chúng ta có dịp được tặng nhau đồ vật kỷ niệm, tôi sẽ đan cử cái va ly hòm kia ra. Các khách sạn lớn, các hãng tàu biển, nhà ga xe lửa tha hồ mà dán lên đấy những nhãn giấy in xanh đỏ.

Ng.T.

NHỮNG NGỌN ĐÈN XANH

(Thu phân 1939)

25-8 - Vô tuyến điện ARIP truyền tin Đức và Nga đã ký với nhau một bản hiệp ước bất xâm phạm. Các chính khách Anh, Pháp không chờ đợi sự phản bội của Nga. Bao nhiêu người nhận tin này đều hoảng hốt lấy làm không hiểu. Tôi, một người chỉ lờ mờ về môn học lịch sử so sánh lại càng lấy làm không hiểu lắm nữa.

Giáp biên thủy xứ sở, gần ải Nam Quan, tàu bay Nhật vẫn ném bom xuống làng Lòong Cống Chạp và vô tình đã đánh rớt nhiều quả trái phá xuống đoàn xe vận tải dầu xăng do các tài xế người Nam chuyên chở. Biết thêm thế.

Viết xong hai thiên cho tập phóng sự dài nhận viết khoán cho một tờ báo hàng tuần ở đây, đêm nay giờ tập báo chí ở Tây vừa qua kỳ tàu mới, trong tạp chí "Petite illustraion" nói toàn về phòng thủ thụ động, tôi

đã để ý đến câu này: “Đứng xa năm nghìn thước, ánh sáng một ngọn nến trông vẫn rõ”.

Đêm thu dài có sương lạnh, vẫn tiếng nước vỗ trong lòng điệu bát là ấm áp hơn hết. Đứng lên nằm xuống, lục đục mãi, hút thuốc lão mãi, tôi không ngủ. Nghĩ đến những đêm cũ từ bao giờ, tôi nhớ đến tên một bến nước Tầm Dương, có một con thuyền trống trải, cắm sào cạnh lớp lau già. Tôi cố nhớ lại hai câu thơ của ông bạn cha tôi nhạo người tỳ bà nữ đầy mãi một con thuyền không trong bóng nguyệt. Phải rồi:

Thiên nhai không sái không thuyền lệ

Bát giá thương nhân khả nại hà

Tôi vắn to đèn, vớ số báo Crapouillot cũ, bàn về một niên hiệu lịch sử: Tháng chín năm 1938. Nói về việc Tiệp Khắc bị thôn tính ở đây, Jean Bernier viết như thế này: “Không nên tính việc chính trị ngoại giao như là tính việc tâm tình. Lòng yêu và tình bè bạn, bụng quân tử và sự trung thành không có dính dấp gì đến sự cầm đầu cho một nước, ở nước mình cũng như ở nước khác”. Thế rồi, tôi hiểu cái đại thể sự giao hiếu giữa các nước, một buổi chiều, một buổi sớm Quốc tế. Câu chuyện các nước chư hầu pho Đông Chu Liệt Quốc, cũng tựa như thế. Lịch sử chỉ là một sự mãi mãi bắt đầu.

26-8, Như mọi buổi sớm, tàn ấm trà buổi mai, tôi mở tờ nhật báo xem các nhà thuyết khách đủ các màu da đã dẫn văn minh nhân loại đi tới đâu. Từ tháng bảy năm 1937, Nhật bắt đầu cướp Thượng Hải, phá bến Ngô Tùng, xem tin tức láng giềng đã trở thành một cái nguyền. Trà uống ít lâu nay không đậm hương. Một phần nữa cũng vì đây là thứ trà tầu nội hóa. Núi Vũ Di Sơn, nơi giống trà độc nhất của Trung Hoa đã là một đất căn cứ dụng võ của Nhật tại vùng Nam Hoa rồi.

Cuốn tiểu thuyết dài phải đưa gấp cho một Nhà xuất bản mà tôi đã nhận hết tiền đưa trước, định lấy nhan đề là "Bữa bãi", vẫn chưa được một dòng mở đầu nào. Dầu sao tôi vẫn tin rằng đó không phải là tang chứng của tính lười. Người ta - thứ nhất khi người ta là một tâm hồn Việt Nam của năm 1939 - chẳng nhẽ chỉ biết có văn chương? Và làm văn thôi? Tôi là người rất thích phụng sự cho Văn Nghệ. Nhưng có nhiều bản khoản khác đã lên vào lòng một nghệ sĩ từ khi, thêm vào thời bệnh, chúng ta còn nhận thấy cái thắc mắc về thời cuộc nữa. Kia từ đâu thổi về, hơi gió vàng đã để chỗ cho trận gió cuốn cờ; vừng sao trên đỉnh đầu đã thêm đuôi dài lóe sáng như đuôi ngôi sao chổi, và chỗ chân trời gợi hồn thơ xa mộng của mọi ngày, mây đóng thành kéo rộng một mầu tang thê thảm, hung hăng.

Tôi tìm đến các nhà bạn thân. Anh Hồ cùng mấy người quen, đang bình bài thơ *Con Quay* của Edgar Poe và khen mãi cái điệp vận: *chẳng bao giờ* càng dùng nhiều, càng thêm thanh âm đìu hiu cho tứ sâu bài thơ bất hủ của đấng con nước Hiệp Chúng Quốc.

- Điệp vận “chẳng bao giờ” ở nguyên văn là *Never more*, âm ở nguyên văn, đọc theo âm chữ Anh, réo rất vô cùng.

Tôi lại tới nhà anh Vương, ở đấy người ta cùng đọc thơ.

Bài thơ mới của Lưu Trọng Lư:

*Em không nghe rừng thu,
Dưới trăng mờ thổn thức!
Em không nghe rạo rục,
Hình ảnh khách chinh phu.
Trong lòng người ly phụ”.*

Ngồi thắm âm mấy lời nhẹ nhàng, đi sâu vào lòng như tiếng đàn ma luyện, tôi vẫn thấy không đoạn tuyệt được với thú nghe bình thơ làm thơ. Nhưng ở vào phút nghiêm trọng này của một thế hệ, tôi muốn người ta ngồi lên yên con ngựa chiến ô linh mà gieo một vần thơ hòa nó vào tiếng trống giục bóng trắng thanh rớt xuống một mặt thành.

Nhật báo ở Kinh đô phát hành từ buổi sớm, tối nay cho máy Linotype ra một tờ phụ bản đặc biệt

phát không, truyền cái tin vùng Thất Khê bị bom Nhật thả lăm vào xóm chợ, một buổi sớm chợ phiên đông người họp.

Cái tên bác sĩ gì nghe nói đã mua máy Rolative rồi, và được phép ra tờ nhật báo mới, còn đợi gì mà chưa bắt ngay lấy thời cơ.

Chưa bao giờ người ta làm báo thông tin mà phát tài như hồi này.

Mùi diêm sinh đã phủ tà tà lên chốn địa đầu xứ sở.

Người đi ngoài đường tăng thêm gấp mấy ngày thường.

Mấy cô bạn gái hỏi tôi có muốn mua các thứ vải tây cống hay cát bá thì đến ngay tiệm người Chà các phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường mà mua. Giá rẻ lắm. Một hào một thước. Người ta giảng nghĩa rằng: "Đây là cái lò vải trắng không bán được trên vùng Đông Đẳng Nam Quan bị ế nên họ mang về đây định bán non đây già đi. Người Hoa kiều vùng trên ấy không dám mặc đồ trắng. Mặc đồ trắng nhòm nhơ nơi biên thủy là ám hiệu của bọn Hán gian gọi phi cơ Nhật.

Tôi lang thang, muốn làm khách không nhà trong đêm nay.

Phố Henri d'Orléans, Hàng Đậu, phố Nhà Thương Khách, đèn đường đã thay bóng trắng, đổi ra bóng

xanh. Bây giờ là những ngọn đèn xanh lè ánh sáng lạnh thấm lạnh đến lòng bộ hành.

Đêm nay viết lấy sáu trang cho bài truyện ngắn, đưa nhà in xếp kịp tờ báo ngày kia lên khuôn lớn. Đây là một đoạn tình, “Chàng” và “Nàng” hờn nhau và làm nũng nhau suốt mấy trang bản thảo.

Lòng tôi xao xuyến như thế mà viết được những dòng êm và mơ mộng như kia, tôi thấy lối trừ thuật của tôi đã hết chỗ hợp thời.

Người ta dù là nghệ sĩ, há chẳng nên sống với thời đại, trong lúc râm rộ này?

Mấy hôm trước, Tòa Đốc Lý mộ người tình nguyện giúp việc phòng không trong thành phố, tôi đã đùa với ông bạn công chức kia: “Chuyến này được làm phu cáng gánh người bị thương ngoài phố, chúng ta có vớt đi cũng không hết đồng hồ Oméga trong các túi nạn nhân.

Tôi đã nhận thấy cái vô liêm sỉ của một câu nói đùa.

Chủ nhật 27-8 - Giấy yết thị phòng thủ thụ động dán đầy mặt tường các ngã ba, ngã tư dạy người trong tám hộ nên như thế nào lúc giữa đường gặp nạn binh hỏa.

Máy tờ nhật báo đều ra số đặc biệt ngày chủ nhật.

28-8 - Ông Thống sứ Bắc kỳ De Tastes bị dời sang Quảng Châu Văn. Ông Toàn quyền Brévié, người lữ khách đặc biệt của tàu buôn Président Doumer vẫn chưa về Tây được. Chiếc thương thuyền bị giữ ở bến Tân Gia Ba. Đại tướng Catroux quyền Toàn quyền Đông Dương phải nghỉ ở Rangoon vì chuyến tàu bay của ngài gặp gió bão, phải ghé một cách bất thường trên đất Diên Điện.

Vua Bảo Đại đánh điện bảo cho thần dân trong nước chỉ nên bình tĩnh.

29-8 - Ban kiểm duyệt báo chí, sách đã thành lập.

Bản thông cáo nhà đương chức truyền cho dân gian phải trình báo ngay, mỗi khi thấy tàu bay lạ mặt hạ thổ.

Lòng tôi rộn ràng. Đi tìm những bạn thân để nói ít chuyện tâm tình, không được gặp lấy một người. Ra họ cũng ra đường hết cả. Ai mà ngồi yên một chỗ được trong lúc này. Tôi lại thần thờ dưới dãy bóng điện xanh lè. Đêm khuya, bên ngọn đèn xanh riêng ở nhà, tôi lại viết một truyện ngắn nữa. Đã chán chưa!

Lúc ban chiều nhà in giục tôi phải đưa cái truyện ngắn cho sớm hơn mọi kỳ, vì bây giờ phải đưa bài ra ty kiểm duyệt. Trời ôi! Cái loại trừ thuật của tôi hiền lành lắm mà! Trong sáu bảy trang giấy mỗi kỳ bài báo “Chàng” và “Nàng” chỉ là những cái mơ mộng khóc một bông hoa rụng, nhìn một dòng nước chảy dưới gậm cầu. Tôi gục đầu xuống thành án thư lấy làm xấu hổ nhiều với công việc quá êm ả của mình. Rồi trên cái văn kỹ, ngòi bút trở nên ngần ngại. “Chàng” và “Nàng” hôm nay biết nên làm cái gì bây giờ!

Cuốn “Les secrets de la Censure” và “Les dessous de la Guerre” của Paul Allard đọc, giờ sao hứng thú đến thế. Sách của Robert Boucard và những bài có cái tên ký Jean Bardanne chẳng hạn là những món ăn thích hợp nhất cho tinh thần.

30-8 - Bạn tôi đang ngồi đề bài tựa cho một cuốn truyện dài theo lời yêu cầu của một bạn nhà văn sắp ra sách. Việc làm anh hùng nhất của tôi trong ngày ấy là đã cắm tập giấy đề tựa đẹp như giấy hoa tiên, vứt tôm vào giỏ giấy. Bạn tôi và tôi to tiếng. Thờ ợt tôi sau cơn xung đột, càng buồn rầu như chưa bao giờ thấy. Bức gia thư, gọi tôi nên sớm khăn gói mà về, càng làm cho tôi khó chịu.

Những cửa hiệu bán đồ thực phẩm mở sổ hàng tháng đã ra giọng đóng sổ bán chịu cho tôi.

31-8 - Người bạn gái vẫn ứng tiền cho tôi mượn tiêu trong những ngày túng thiếu vật đã phàn nàn rằng mấy bát họ cô cầm cái vừa khô hết. Đây là một triệu chứng trong sự khủng hoảng về tín nhiệm.

Cái gia đình nhà dưới đang túi bụi gói ghém quần áo về quê. Chiếc bồ năm xu mọi ngày giờ tới một hào. Họ không quên đem cả con sáo mỏ vàng chân chì đi theo. Con sáo biết nói, càng nói nhiều hơn mọi ngày. Trong cuộc sống, con chim linh diệu riu rít cũng còn biết vội vàng.

1-9 - Anh bạn ở chung với tôi, có người ý trung nhân lại chào để mai sớm theo mẹ về quê lánh nạn. Tôi ngắm kỹ hai cái nửa ấy của một khối chung tình. "Nhất cá thị thiếu niên khách; nhất cá thị thiếu niên hôn".

Không khí có nhiều sóng điện mấy bữa nay giục người ta nên sống cho nhanh, nên yêu cho vội vàng. Yêu trong tâm hồn không là đủ. Phải yêu cả bằng xác thịt mình ghép chặt lại làm một với xác thịt của người yêu. Kéo nữa lại hóa chậm quá. Biết đâu ngày mai chẳng là không có bao giờ nữa.

Tôi mặc quần áo bảo bạn: "Đêm nay tôi không ngủ nhà. Anh đừng đợi cửa. Tôi gửi lời chào chị mai về quê với cụ cho được bình yên".

Hai người trẻ, đẹp, trong sạch ấy nhìn tôi bằng bốn con mắt cảm ơn.

Đêm nay tôi ngủ lại một tiệm thuốc của một bà đầm phố Bắc Ninh vợ hết hai cối đồng nhựa, tôi nghĩ đến cái gian gác ở nhà đang biến thành một cái phòng khách sạn cho thuê trong đó có hai người trẻ trung đang hòa nước mắt để làm rượu nồng tối tân hôn. Tôi lại nhớ lại những cảm giác năm cũ. Hà Nội phòng không lần thứ nhất, đêm 30-9-38.

Mấy người nằm ăn thuốc buồn bên nói chuyện ở Hải Phòng, đèn đường vừa mới thay toàn bóng xanh! Và họ chung nhau thuê riêng cả chiếc xe car mới về được đây. Ra họ vừa mới đến Hà Nội và cũng tìm đến a phiến để trấn cái hồi hộp trong lòng.

- Đáng lẽ mai mới là chính kỵ. Nhưng bà tôi làm giỗ trước đi một ngày để họ hàng gặp nhau cho đông. Giỗ xong là bà tôi và chúng tôi ra xe. Vừa mới tới! Tôi có bảo bà Huyện cùng ngược luôn, nhưng bà ấy còn vướng một lũ điệu, nên chưa chịu ngược.

- Cứ nháo lên như thế chứ đã việc gì. Bác có nghe lời sấm cụ Trọng Trinh: Long vĩ, xà đầu khổ chiến tranh, can qua xứ xứ khởi đao binh...!

Long vĩ, đuôi rồng tức là cuối năm Thìn; xà đầu, đầu rắn là ty, đầu năm Ty, cuối năm Thìn thì mới có việc binh đao. Mình đang là Kỷ mao; Canh Thìn, sang năm kia.

- Lúc chiều quan Toàn quyền mới đến Hà Nội nhận chức, trên này có gì lạ không?

2-9 - Cái Buổi Chiều Lớn chưa xảy tới cho Đông Dương nên trời Hà Nội sớm nay vẫn sáng sủa như thường.

Không kịp chào, người em tôi gặp tôi, xoè cả tờ báo có những dòng chữ to: Đức tiến quân đánh Ba Lan, quân tiến đánh những năm mặt.

Người tôi rậm rật. Tôi nhớ đến cái bìa phía sau tập báo *Nam Phong* cách đây hơn hai chục năm về một con rồng đỏ há miệng. Con rồng đỏ đó, ở một yết thị kia, có dòng chữ: Rồng Nam phun bạc, đánh đổ Đức tặc! Tôi liên tưởng tới một người chú họ xa lắm, hôm nọ từ nhà quê lên đây, trong lúc tức khí với làng họ, ôm lên đây một cái mộng được làm lính tòng chinh qua Pháp như những người lớp trước.

Sớm nay tôi phải ra phòng sinh tử giả thú tòa Đốc Lý, làm chứng khai sinh cho đứa con trai người em ruột. Ông tôi ở nhà đặt tên cho cháu là Ngô Tùng. Hôm nay vừa đầy cửu tháng Ngô Tùng! Thím nó sinh hạ nó vào đúng hôm hai quả bom Nhật rớt xuống chợ Thất Khê, làm chết mất 67 người. Trời mà cho làm người được, tôi không rõ sau này thằng cháu Ngô Tùng sẽ làm vương tướng gì cho nó xứng với nỗi lo sợ của hai tác giả đời nó trong những ngày trầm trọng này.

Ở ngã ba, ngã tư lại thêm một tờ giấy yết thị nữa, có in màu cờ tam tài nước Pháp. Lệnh động binh. Đêm hôm nay, rạng ngày mai, giữa giờ tý binh lính phải tựu ngũ. Những dòng quần chúng ngoài đường không thấy nhi nhảnh, đùa cười nữa rồi. Người người lặng lẽ chờ đợi một cái gì sẽ xảy ra. Giữa vườn hoa cạnh nhà Giấy Thép, một hiệp phu đang đào hầm hố. Đất cuốc lên, vút vào ngôi tượng đồng đen kỷ niệm vị Toàn quyền, cứ đùn mãi lên như chôn đứng một ông Bôn Be.

Mấy anh em ở tòa soạn, thấy tôi tới, nói cho biết rằng thi sĩ Đông Hồ từ Hà Tiên du lịch ra Bắc, đi chơi vịnh Hạ Long với người em gái, có ghé thăm tôi hồi chiều qua và đầu chiều nay lại đáp tàu tốc hành trở về Nam Kỳ.

Tôi tìm ra ga trước giờ khởi hành chuyến xe tốc hành. Cả chuyến tàu hôm nay sợ sệt. Tất cả bấy nhiêu lữ khách đều chết một phần trong lòng, một chiều nay lên đường để tránh thoát cái chết chưa biết thế nào mà nói trước được ở đây. Thoát khỏi cái tình trạng tâm lý đó, họa chăng có hai người. Là ông bạn Đông Hồ và ông Nguyễn Trọng Thuật, tác giả “Quả dưa đỏ”.

Nặng tình khứ lưu, hai ông đang làm thơ. Ông Nguyễn Trọng Thuật đọc một bài tống biệt ông Đông

Hồ. Ông Đông Hồ trong lúc tàu chưa chạy cũng khẩu chiến đọc một bài lưu giã. Ồi giờ ời! Cái giống thi sĩ. Tôi muốn kêu to lên xin người ta nên ngó tới cả một đoàn lũ khách đi xa lánh nạn kia mà “thần tiên vừa vừa chữ”. Nhưng tôi thấy hai ông ấy cầm tay nhau, nhìn tận mặt nhau mà đọc thơ, với cái thiêng liêng, với cái trịnh trọng của phút ly sầu, tôi chỉ biết có nhìn một cách yên lặng. Nhiệm phải cái không khí thơ ấy, lúc này tôi cũng muốn có ngay một ve rượu rót mời ông Đông Hồ một chén quan hà với một câu cũ kỹ: Khuyển quân cánh tận nhất bôi tửu...

Thằng H. con anh Lưu Trọng Lư, đứng cạnh mẹ nhô đầu ra khỏi khung cửa toa tàu, hí hửng cười với cha đưa tiễn mẹ hân và hân ra ga, lánh về quê Quảng. Tôi mừng tượng nhớ đến lũ hải nhi rời khỏi xứ Tây Ban Nha trên những toa xe chạy ra biên giới Pháp. Những tiếng máy chạy, những tiếng động nơi khu nhà ga Hà Nội, chiều nay không giống những tiếng của mọi ngày khởi hành trước.

Không hiểu vì lẽ gì, quá 17 giờ rồi mà ông sắp ga chưa nổi hiệu còi đồng và phát lá cờ đỏ.

17 giờ 45, tàu mới quay vòng bánh. Tôi tự hỏi tôi sao tôi không muốn rời Hà Nội, mặc dầu tôi vẫn có một cái chỗ để mà về. Chắc ở đấy, nhiều người cũng lấy làm lạ cho tôi lắm. Tàu ra khỏi ghì. Nhìn theo hút

làn khói trắng, một người trai thời loạn những thêm động lòng giang hồ.

... Không biết trong đầu ông ta có những gì, mà hôm nay ông Nguyễn Phan Chánh mở cửa phòng Triển Lãm để phô bày những bức tranh lụa của ông. Lúc này người ta có tiền còn để mua một cái mặt nạ tránh hơi ngạt chứ. Sự thức thối ra không phải là sở trường của giống nghệ sĩ.

Bữa cơm tối nay, tôi muốn dùng ở một tửu quán. Ăn cơm vào một buổi tối như thế này ở nhà, thì cái ngon tìm ở đâu? Bữa tối nay tôi uống rượu cốt lấy say. Đã lâu quên hẳn hương rượu nồng. Rượu vào sáu không tiêu tan, mà lòng càng bận bịu thêm.

Đêm chưa hết nửa. Cái máy nước đầu phố nước liên tiếp chảy ồ ồ. Hai chiếc kim đồng hồ chỉ ngược chống lên nhau thành một gạch 24 giờ. Rồi 0 giờ. Phút này trong trại lính đang điểm số hiệu từng cơ, từng ngũ một. Nửa đêm truyền lệnh định ngày xuất chinh. Nước thanh bình *năm mươi* năm cũ.

Có cơ man là chuyến tàu bất thường âm âm tiếng máy chạy ở phía Cổng Dục sau nhà. Tôi hút hết hơn một gói thuốc, đóng tàn thuốc vô định nơi địa gạt cao đã có ngon.

Chủ nhật 3-9 - Lão trưởng phố cho dán vào tường cạnh nhà một bản yết thị: Tối nay tập phòng không.

Có hai nhà kia chung tiền mua đến một tấn lap xường chất đầy một xe ca-mi-nhông chạy vào Văn Đình. Trên nóc xe, lênh nhênh một chiếc sập gụ chân quì.

Các tờ báo buổi chiều ra thêm tờ buổi sớm. Và đã có lệnh sung công các xe hơi tư gia.

Đèn đường trong tám hộ gần thay bóng xanh hết. Bóng 200 nến rút xuống 100 nến. Tường khách sạn Teverne Royale, chủ tiệm đã cho dán những giấy: "bán tiền ngay"! Một cái triệu chứng không lạc quan chút nào.

Vừa chấp tối các phố đều tờ mờ đỏ ngọn đèn xanh lè và tím sẫm. Những tiệm khiêu vũ vẫn mở cửa và dưới những ngọn đèn xanh, thành phố Hà Nội cũng đang nhảy một bài valse dài quá. Những xe hơi bật kín đèn pha, dò đường bằng hiệu còi. Chỉ có đèn xanh, đèn tím, đèn đỏ báo hiệu và lơ thơ ít ánh sáng vàng đèn xe hơi rọi sương mù. Thật là một cảnh đêm của hồ, ma và quỉ. Thêm vào cái đêm *Liêu Trai* này, các bì cát chứa cháy ngổn ngang bên hồ mới dào.

Vợ chồng H. Ng. và tôi vẫn đi một cách tò mò vòng quanh Hồ Kiếm. Ánh sáng đỏ và xanh hoa lý nhà Thủy Tạ chảy xuống hồ tù hãm như những ống điện néon có kèm những con tiện ngồng ngoèo màu sơn đỏ da chu. Đứng sau màn liễu rủ, nhìn thẳng vào Thủy

Tại phía bên kia, tôi tưởng đấy là một tòa thủy cung muốn chìm xuống đáy hồ im vắng.

Ngồi uống cà phê tại nhà Thủy Tạ, bọn tôi lắng chờ hiệu còi báo động.

Đồng hồ tay chỉ 21 giờ. Còi báo động bắt đầu. Còn gì rên rĩ thê thảm bằng. Đèn tắt một loạt. Trong tối tăm, chuông nhà thờ phụ họa với còi báo động. Tiếng còi khóc, ghê rợn như tai chưa bao giờ nghe thấy, trên nóc lò sát sinh Địa Ốc Ngân Hàng, người ta đang chọc tiết một con bò mộng. Tiếng còi nấc lên rồi vắng xa như tiếng sáo gió một con diều thả về từ một cõi âm nào. Thế rồi trắng nhú lên, sau nóc nhà Philharmonique. Tiếng còi vẫn rĩ rên, rồi nấc mạnh rồi chết hẳn, như là tiếng tù và ai oán của hiệp sĩ Roland cầu cứu trong thung lũng Ronceveaux. Tiếng còi đau khổ vắng ngán trong bảy tám khổ vừa khoan vừa dài, vẫn nâng đỡ lấy một mảnh trăng ốm, bị chém khuyết hẳn một góc. Mặt trăng vàng nâu màu bệnh hoạn đốm soi trên một chân trời sứt rết. Hơi nước mặt hồ hăm hấp bốc lên thổi vào mặt như hơi lửa của lò vôi: nóng, nhạt, tanh. Hồ về phía sở Bưu Điện đen sì và vắng như đêm bờ nước rộng đã hết đò. Một vài ngọn đèn xanh lơ lỏi trên địa hồ, chỉ là mấy ngọn lửa chài bên sông quanh què. Đường viền những hình cây lồi lên, lôm xướng gợi đến hình ảnh núi chùa Hương khi mình đi tàu thủy vào bến Đục. Tì vào thành si-moong

con triện nhà Thủy Tạ Le Lac, tôi có cảm tưởng như tựa lan can một chiếc thuyền rồng tắt ngấm cả nền đèn lồng, từ từ đi vào đò Suối, trong một giấc mơ ngày dâng hương.

Trên đỉnh đầu động cơ máy bay nổ rầm rầm và đều đều. Bụng phi cơ có mắc đèn; phi cơ xê dịch trên không sáng như một cái tinh lạc chậm trễ. Tiếng máy rì rì trên nền lơ mờ lốm đốm thùng rỗ lỗ sao, làm lung lay một mảnh trăng phiến nảo, vàng kèn kệnh. Chưa bao giờ tôi thấy trăng úa ác như thế và tiếng khuya độc đến chừng ấy.

Mặt trăng có bệnh tật ở hình và sắc vẫn trườn mình lên mãi và soi xuống một thành phố đủ cái bề ngoài của Sodome và Gomorrhe. Trên các mạch máu cái Kinh thành đã lạnh cứng, người người ngoe nguẩy như ma đi không sát đất và phào phào nói với nhau như những người mơ ngủ diễn lời ú ớ cho một cơn mê. Trăng úa càng cao càng trắng xanh lẫn lẫn. Cắm đèn sao không cắm cả đèn trời! Một tên hàng quà rong vừa ba lơ vừa rao bánh lóc bếu rất to. Người Hà Nội vốn hay đùa.

Bãi chợ Hàng Da dưới tia râu của trăng ốm, tro trên như bãi chợ đầu làng, một ngày dịch trâu bò. Những hiệu còi đội xếp rúc trong âm u không khác gì tiếng còi phu tuần gọi nhau trong đêm tháng củ mật.

22 giờ rưỡi. Còi lại oán khóc, nấc và rì rên. Cuộc phòng không hết. Dưới ánh ngọn đèn xanh khoảng phố Đường Thành, một bà già Nhật Bản lê đôi guốc gỗ đi về phía Tiểu Điền Lữ Điểm. Thật là một cái bóng lu lờ rất tượng trưng đủ làm đề cho một bức kakémono về phần màu hồ lơ.

Tôi về nhà vặn to ngọn đèn hoa kỳ xanh lè nhỏ bằng hạt đậu.

Trong cái vắng lạnh đêm nay không ngủ, những thanh âm càng lạ hơn mọi ngày.

Vẫn mấy ngọn đèn xanh và một bóng nguyệt tà và tiếng máy nước đầu phố chảy ồ ồ.

4-9 - Thôi, thế là chiến tranh. Giới ngoại giao các nước đã gọi sứ thần về. Các kiều dân ở Paris, Londres, Berlin đã lục tục hồi hương.

Chính phủ Bảo Hộ ở đây đã bắt đầu cầm giữ người Đức lại. Lại đại chiến. Đã hơn 20 năm...

Người tôi lên một cơn sốt rét. Cái sốt rét ấy là lòng rậm rật của một thế hệ tôi đang tự đánh cho mình nhiều dấu hỏi nghiêm trang cổ kính.

Đi đọc Arip về, có người tin cho biết rằng bà nhạc tôi vừa mất chiều qua, tại huyện Đông Anh bên Phúc Yên và chiều nay cất đám.

Đêm qua người ta đi tìm tôi! Không gặp được là phải.

Người ta không thể chọn lúc mà chết có khác. Sao bà nhạc tôi lại chết vào hai mươi tháng bảy ta này? Sao lại không sớm hơn, sao lại không chậm hơn?

Việc của thời đại to lắm, lo và sợ nhiều lắm. Việc nhà thì đã mùi gì. Lòng thương của tôi đối với một người già vừa nằm xuống không phải là không động, nhưng sự thực, thì tôi thấy nó ít ỏi quá. Cái ai tin làm tôi thương buồn thì có một phần mà bực mình thì có đến chín phần. Giá lúc sinh thời, bà nhạc tôi, hát húi tôi, làm một việc gì cho tôi phải hờn oán lâu ngày, thì giờ tôi đã dễ tính lắm rồi.

Phận tôi là rể út. Vợ tôi thì ở xa. Sự giao thông cách sông, cách cầu, cách đò bao nhiêu là cái khó trong lúc nhộn nhạo này. Đi dật lửa được mười lăm đồng bạc bây giờ, là cả một sự hàm ân khó mà quên được trong một đời người.

Tôi đánh giầy thép về Thanh Hóa cho vợ và các con ra ngay mà nhận lấy vuông khăn trắng mới. Hồi còn mồ ma bà nhạc tôi, lũ con tôi vẫn quần quýt lấy bà ngoại chúng có phần nhiều hơn là bà nội.

Tại phòng giấy Công An Cục quận nhất phố Hàng Trống là nơi phải trình diện xin dấu kiểm duyệt, tôi đã biết rõ những cái bực mình trong những ngày

chẳng thái bình. Tây và Đầm Khách Cao Ly và mấy người tuy phái sở Hàng không Air France đều cấp tay đi tản bộ như tôi trong sân sở Cẩm.

Rồi không có trưởng, không có câu đối, không có lễ diếu, tôi đã qua cầu sông Nhị Hà. Nắng cháy đốt người đã đốt luôn cả một tấm phiên trong lòng một người đi chịu tang. Suốt mấy nhịp cầu Bồ Đề, linh gác lưới lê tuốt trần. Bên đầu cầu, súng cao xạ đã bày thành thế nghênh chiến.

Tôi hướng theo tiếng vọng bài kèn thờ lẫn vào nhà đám. Tôi vốn không lấy gì làm thuộc đường nơi quê nhà vợ.

Người ta đã vận cho tôi một cái mũ nùn rơm và đưa tôi mặc chiếc áo thụng trắng. Trước quan tài đã đóng nắp, đã gắn sơn sáu con cá, tôi lạy hai lạy một vái. Ông rể già lên mặt đàn anh, hát hàm hỏi tôi:

- Cô nó và các cháu không về kịp sao?

Tôi lừ mắt nhìn ông anh cọc chèo, muốn bảo thăm ông rằng đến ngay lúc thái bình họa có đi tầu bay, thì vợ tôi mới kịp về chịu tang mẹ lúc này. Người ta sao mà khó tính đến thế. Làng đã vào. Mười hai người trai làng, cởi trần sắp hàng tư, lạy vong linh người chết và hè nhau vào chuyển cữu, theo lệnh cụ tiên chỉ chấp hiệu. Sống nhờ làng, chết cũng nhờ làng là thế.

Rồi đám ra đồng. Tôi thất thểu đi theo tiếng khóc om sòm của một đám người xô gai.

Đám ma lúc tổng chung, buồn nhất có lẽ là lúc hạ huyết rồi tiếng hòn đất đầu tiên ném xuống kêu đánh bộp một cái trên mảnh ván thiên. Tiếng đất đổ xuống kêu lộp bộp mạnh hơn. Nó kêu lộp bộp như trận mưa giọt lệ đổ rất mau trên những vật đã cứng và rỗng. Mắt tôi giờ mới chịu đỏ ngầu và đầm lệ. Lúc sống bà nhạc tôi, thương vợ chồng tôi như là hai đứa trẻ con - vợ tôi là con gái út, lúc chưa xuất giá, ở nhà vốn đã chịu thiệt thòi nhiều lắm. Tình thương con trẻ là một sự đền bù. Máy hàng nước mắt sống, viên lấy quảng mắt, tôi ngờ rằng tôi khóc thay vợ tôi lúc này đang phiền vì không được nhìn mặt mẹ vào lúc cuối cùng.

Tôi hôm nay tôi phải có mặt ở Hà Nội, một là để đi đón vợ con xem có ra hay không; hai là xem có gì thay đổi ở Kinh thành đang phòng thủ trong sự chiêu đám.

Biết đâu trong một buổi tôi đi chịu tang vắng Hà Nội, đã chẳng có một cái gì ghê gớm xảy tới cho Kinh thành rồi. Ngày xưa, chỉ vì xa Kim Trọng về đất Liêu Dương hộ tang chú mà cuộc sống êm dịu của Kiều đã là có cả những tai biến dồn dập suốt mười lăm năm.

Chiếc đò dọc, khởi hành từ xẩm tối ở bến Ảnh chỗ dốc đầu làng, ngược con sông Thiên Đức Giang rồi ăn vào lòng sông Nhị Hà. Bóng ngày tàn còn soi rõ lòng nước bùn sông đỏ như máu pha loãng.

Xa trông không biết mấy mươi vì cầu Bồ Đề lơ mờ đen, tôi tưởng chỗ ấy là nơi giang khẩu phủ sương mù, diễn lại cảnh Trần Hưng Đạo cắm cờ ở sông Bạch Đằng. Thuyền càng gần lại, tôi nhận thấy đèn trên cầu đều là đèn xanh tím như đèn của Hà Nội đêm qua phòng thủ phòng không. Địa hữu ngạn sông Nhị Hà, đèn đóm tối mờ xanh, sâu thẳm vô cùng. Đau ốm cũng vô cùng.

Cái thuyền lớn qua gầm cầu sắt, đưa một người có tang mới, về Hà Nội để nhìn một Kinh thành cũng chịu tang.

Từ cao, gió gửi xuống tiếng máy kêu của đoàn phi cơ tuần tiễu. Ánh đèn xanh đỏ chỗ Cầu Đất trông có thể lẫn với đám tinh tú gần nhất và nhấp nháy nhất trên nền trời Hà Nội.

... VÀ NHỮNG DỊP CÒI

(Thu phân 1940)

Trưa hôm 23-9. Còi. Chập dây chẳng? Hiệp ước Pháp Nhật ký tại Hà Nội đêm qua rồi kia mà...

Vẫn còi. Còi một dịp, hai dịp và rỉ rên nữa. Thế này thì không phải là chập dây nữa rồi. Tôi đã đứng ở ngoài đường. Nắng tháng tám chang chang chiếu xuống một thành phố nhốn nháo. Người nhốn nháo, xe hơi như nước chảy và những tiếng cánh cửa lửa dồn vào nhau ở cửa các mặt hàng, nghe như tiếng đóng cá quan tài.

Có một người đàn ông ốm yếu đang thuê một chiếc xe tay về Ngã Tư Sở. Người phu xe đòi đúng một đồng rưỡi bạc. Giá nhất định. Đây là trước cửa chùa Thái Cam.

Trên nóc hai khách sạn Joseph và Paris xóm cửa Đông những binh sĩ Pháp xoay ba cổ súng cao xa và in hình mình lên một nền trời không hiền lành nữa.

Tôi rẽ vào nhà một người bạn ngõ cửa. Liền com trưa còn bốc khói, bát nước mắm ớt chưa ngấu bọt, nhưng trước sau nào thấy bóng người. Bạn tôi từ ngoài đường đi vào:

- Bà tôi và các em nó đã đi nhờ chiếc xe buýt của ông hàng xóm chạy ra ngoài ô rồi. Có lẽ chạy xuống Văn Điển. (Bà cụ ấy như chỗ tôi biết, thì xưa kia đã chạy giặc cờ đen một lần. Nước mắt thừa ấy của một cô thiếu nữ buổi giao thời. Giờ lại là một thứ nước mắt bà già của một buổi nữa cũng giao thời). Vậy mà có người hiền triết nào đã nói rằng: những cái đau khổ lớn không bao giờ được khóc tới hai lần.

Thế rồi tôi ra ga, vừa gặp một đoàn xe ca-mi-ông Hồng Thập Tự của nhà binh. Một chuyến tàu Lạng Sơn cũng vừa vào ga. Đêm qua chỗ biên giới tại đồn Đồng Đăng có một cuộc thử lửa và diêm sinh.

Buổi chiều các nhật báo thi nhau mà đăng những bản thông cáo của Chính phủ.

Thời loạn điểm vào đêm Kinh thành những chấm rục rờ. Một gạch xanh cỏ non ở các ngã tư. Một chấm đỏ ở các hầm đang đào. Một bóng đèn màu nước biển ở các bốp gác. Chung quanh và trên những đóm lửa mầu ấy, đêm bao la, đêm lù mù. Trong bóng tối nhiều cái bóng thủ thi lướt qua. Cái đêm ấy người ta ngủ chỉ nhắm có một mắt. Và bình tĩnh nhất có lẽ chỉ có

ông bạn nghiện của tôi đang ngồi tảo đến mấy chục điếu a phiến, cho vào một cái ống aluminium.

6 giờ 15 sớm ngày 24-9, lại còi. Nhiều người chạy ra phía hồ Hoàn Kiếm, mắt còn dính dứ. Người quen gặp nhau, chào nhau bằng một cái ngáp dài.

Người quen đầu tiên tôi gặp trong một buổi mai không thường này là một ông Tú năm Thìn - ông vừa đỗ Tú tài Tây phần thứ nhì hồi đầu Septembre vừa rồi.

Thật là một ông Tú tài Tây năm 1940. Trông ông phờ phạc, tôi lại nghĩ đến những ông Tú Cử khoa Ất mao ở trường Nam. Tôi ngồi trên đám cỏ non dĩa hồ, thả chân xuống mặt hồ. Mọi khi ngồi thế này là phải phạt vi cảnh. Không ai phạt tôi cũng như trưa hôm qua, không ai phạt những chiếc xe tay chở những bốn năm người lớn hoặc những chiếc xe đạp “boóc-tê” bằng hai ba người.

Những nhân viên Ban cứu tế đeo ống mặt nạ gọi cho tôi nghĩ đến điều này: là trong một gia đình đông và hòa thuận, một khi có hơi ngạt mà cả nhà chỉ mua được có một cái mặt nạ thôi thì ai dùng? Bố nhường cho con, vợ nhường cho chồng, cháu nhường cho ông hoặc là không ai nỡ đeo, cứ chùng chình không nỡ để đợi cho hơi ngạt cứ thấm dần vào phủ tạng! Một cái kịch một hồi rất hợp thời: một cái mặt nạ, một đôi nhân tình và một hồi còi báo động.

Nhiều tốp người chạy loạn ở các bến ô tô xe điện diễn lại một hồi *Tam Quốc*. Thiếu phụ mặc áo cổ bánh bao, bánh bẻ kia sao lại không là My phu nhân; người ẵm con kia sao lại không là Cam phu nhân và chàng trẻ tuổi xách giỏ mây kia sao lại không là Triệu Vân?

Buổi chiều, tôi văng lên vườn Bách Thảo đã trở nên một doanh liễu. Đàn hươu sao sau dinh ông Bảy đang ngơ ngác nhìn miệng những “ông” thần công.

Xâm xắm tới, tôi ra ga để xem người ta rời bỏ Hà Nội chạy về miền Nam. Tàu Sài Gòn thêm những hai ba chuyến trong một ngày. Ngoài sân ga lũ khách nghìn nghịt, nói tiếng Tàu, tiếng Pháp, tiếng Ảng Lê, tiếng Chà Và. Đây là một cái lều Babel, và phút này đang có những vị Thần bị đổ nhào. Nhiều bà Đầm không đánh phấn. Nhiều ông Tây mở hời đầm áo. Trong chuyến xe lửa hạng phong lưu mọc “toàn toa hạng ba”, người ta cũng dẫm lên chân nhau chí chèo tranh chỗ như ở những chuyến tàu hành khách Việt Nam mọi ngày. Quân hồi vô phèng là thế.

Xóm hát ban đêm trống phách lại nhiều hơn bao giờ. Chơi lấy chết là thế. Ngày mai biết còn những gì? Bạn tôi, đêm ấy ở Vạn Thái hút những hai gói Lucky và hát những hai nhà.

Hồi còi sớm 25-9 ngắn lắm. Không có gì lạ hơn là ở ngoài đường đi qua phố nào cũng chỉ thấy tiếng búa nện gỗ. Người ta đóng cửa chợ chắc. Người ta thử

khóa cửa, rồi người ta bỏ nhà về quê. Bao nhiêu là tiếng còi xe hơi mở hết tốc lực, văng vào tường các phố vắng như mùa dịch. Chỉ bỏ anh bán khóa, anh lò rèn và hiệu thợ may. Một cái quần short và một chiếc sơ mi ka ki giờ bán đến chục bạc và ở ngoài đường nhan nhản những quần áo tây cộc. Chưa bao giờ cái dân này du lịch mạnh đến thế. Triệu chứng của thời đại.

Trong một quán ăn có người nhắc rằng luôn ba cái tết Trung Thu liên liên, Hà Nội đều trải qua một cơn sốt rét kịch liệt. Bão táp hay nổi vào kỳ thu phân.

Ngoài đường có nhiều đàn bà Tàu cải trang làm đàn bà Việt. Có nhiều cô Đám lai cũng mặc quần lĩnh đội nón dứa gò găng. Cái giá người Việt Nam lúc này được giá rồi chẳng? Tôi có quen một người bồi. Y nói rằng hôm qua, y được cái hân hạnh đón chủ đi xe hơi về tránh nạn ở quê làng Sét, trải chiếu nằm xuống nền đất đình làng.

Sớm ngày 26-9, còi báo động lâu đến ba giờ. Lại ngồi ở địa hồ Kiếm. Cây lộc vừng đánh rớt những cánh hoa đỏ xuống những người câu tôm. Ra mấy bữa nay, mấy người này cứ có còi là họ ra đấy đào giun, vừa câu tôm vừa lánh nạn và lúc thả cần xuống mặt hồ có những con kéo vó lượn bên đóa hoa trôi dạt thắm, họ là một lũ Khương Tử Nha ít tuổi ngồi đợi một cái gì. Chông tre và chiếu cời dây ven hồ. Dưới góc cây cổ thụ, vài đứa trẻ thơ ném thìa lia. Trước bóp

Hàng Trống, lại có một dãy hầm nữa đang đào thêm. Người phu vừa đào vừa hát một câu chèo. “Ba năm (bác còn)... trấn thủ lưu đồn. Hữu thân... hữu khổ...” Bên cạnh đấy một bác đồ tể cho đỡ một gánh hàng tiết canh lợn. Tôi nghĩ đến những bữa tiết canh của ngày mai bằng máu người trên đất này. Vài người lính tập và cảnh sát ngả lưng vào gốc liễu, tay ôm cái mặt nạ phòng thủ. Đồ sứ cổ, xưa kia vẽ tích Mã Liễu.

Báo buổi chiều thông tin phi cơ Nhật ném bốn quả bom xuống Hải Phòng sớm nay. Lại thêm bao nhiêu người nữa rời Kinh thành. Đây là hạng do dự cuối cùng.

Phố phường như cảnh chiều ba mươi Tết. Chợ vắng, người vắng. Gió heo mà như gió nồm cuối năm.

Nhà nhem tối, tôi ngồi uống cốc Pernod trong một tửu điếm; ông bạn họ Tô, người Tàu, quản lý quán rượu này bảo rằng sắp không có bán Pernod nữa, ở Pháp đã bắt đầu cấm. Biết rồi. Vì thế mà tôi uống. Tôi đã vừa uống vừa nói chuyện với mấy viên hạ sĩ quan Pháp. Quanh bàn rượu thật là người ba đảng: Pháp, Hoa, Việt. Cái bộ ba này đang cùng chịu chung một đau khổ về lịch sử mà riêng tôi, tôi lại còn được tự hào một cách dở dắn, nghĩa là thấy mình còn là bậc tiền bối về một môn gì.

GIÓ ĐÃ LÊN

*Gửi ba người bạn chiến bại
trong sự sống*

Nửa tháng nay, gió heo may nổi lên rất nhiều. Những cây sấu giồng ở địa thông cũ nơi thành đô đổ lá cứ rào rào. Mỗi buổi sớm hiu hắt đám phu lục lộ tha hồ mà quét hót.

Soi kỹ mặt mình vào một mảnh gương Tư Mã như một kẻ có tính đồng bóng, mỗi buổi sớm trở dậy, tôi thấy mặt tôi càng tái nhợt, mắt có phần sâu trũng xuống, má hóp đi ít chút và lưỡng quyền đội mải lên. Rồi gầy gầy lạnh, tôi vụt nhớ đến những tấm áo kép mùa đông năm cũ còn vương gửi nhà Vạn Bảo. Tôi thấy đã cần phải đưa chúng về.

Gió rì rào chạy trên các cây hè phố.

Năm nay tơ cao và hàng len thì hiếm. Nhớ đến cái lạnh của mùa sắp tới, tôi càng thêm nghĩ đến cái bấp bênh của sự hồ khẩu từ trước tới giờ.

Đã mấy tuần nay, tôi lười như một chàng tân lang sau đêm rượu tân hôn, tôi thần thờ như một gái góa nhìn cái bóng nắng chiều. Vào những ngày này, sống, quả đã là một sự gắng gỏi đáng kể lại với người quen thuộc xa gần.

Ngày lại ngày, tôi bỏ bằng mất thói quen làm việc của mọi ngày. Cũng như hôm qua, hôm kia và rồi sẽ tợ như ngày tới, cuốn sách vẫn chưa rọc, tờ tạp chí vẫn lành cái băng, và tập giấy viết vẫn trắng tinh như khối óc đứa trẻ. Đọc đã ngại rồi mà viết thì lại càng thêm ngại lắm. Mà viết làm gì để thêm tội cho giấy mực. Những phong thư đã để sẵn địa chỉ bao nhiêu là cố nhân ở mọi phương trời xa xa vẫn hé mở mép bì thư chờ một chút hồ phong kín.

Chẳng nhẽ cứ đi mãi ở ngoài đường như một gã du đang, tôi đã rẽ vào thư viện. Rồi lục, rồi tìm, rồi do dự, tôi đã rừ bay tung cái lớp bụi của Tư Tưởng. Không nhan để một cuốn sách nào, không tên một tác giả nào gọi được lòng cầu biết, tinh tò mò của tôi như mọi ngày. Mọi khi đọc sách là một cách giải trí, là một phép mầu giữ mình trước những mồi mọc tầm thường nhưng dễ dàng cám dỗ của những ngày vô liêu và khủng hoảng. Nhưng hôm nay, nhưng bây giờ, sách đã hết là một người bạn hiền. Nhìn cái lớp vàng đã xuống màu ở gáy da sách mà càng thấy trơ trên lạ.

Trong phòng đọc sách, nhiều cái đầu tóc xanh um, đọc và học mê mải quá. Tôi lại khép cửa phòng văn lại. Cối cửa kêu một tiếng rè.

Ngoài sân viện sách, lá úa một mùa bệnh rụng xuống vai pho tượng đá trắng làm tôi nhớ đến một ngày “Ngày Tự Trường” - nghĩa là một cái gì xa vắng đã lâu rồi. Mười năm rồi chứ ít hay sao! Cái tươi sáng, cái hăm hở của tuổi ấy, hết rồi, mất rồi. Mà người ta thì cứ đi sâu mãi vào cuộc sống, mà người ta càng đi xa thì lại càng thêm tiếc thềm những ngày đầu tiên của Khởi Hành.

... Một buổi sớm ấy, cái đám ma đi từ cổng sau nhà thương Phủ Doãn ra có một điệu kèn nghe mới lạ quá. Đây là một điệu tân nhạc. Đây là một lời mời mọc. Đây là một bài ca lên đường. Lên đường về Hư Vô. Một buổi sớm ấy, khi mà người ta đã không tin tưởng vào cái kỳ thú của cuộc sống nữa, thì cái Chết đã là một chân lý không cần phải chứng tỏ. Cái chết còn cho người ta tin rằng chết đi chỉ là bắt đầu một cuộc sống khác ở nơi khác. Tiếng kèn làm tôi say sưa như một chén quan hà không chờ đợi.

Gió lay mạnh, gập đôi lại những tà câu đối vải tây cống nguyên vẹn lần nước hồ. Vải hồ phỉ phật với gió

sớm hiu hắt đuổi theo cái xe tang bao giờ cũng chậm chạp kênh cang.

Tôi đã ngà ngà say vì tiếng kèn tống biệt...

Hôm nay có một người lên đường.

Trong không khí khô nỏ bài *Xuân Nữ* nghe ròn tan. Người nhạc công ráo cổ, đánh rớt nước bọt vào ruột dăm kèn, tiếng kèn rè và đục mất một nhịp rồi nấc lên và vít xoáy vào khoảng thu già. Nhờ nhàng một tiếng kèn, tiếng trống bản vấp đến một khổ. Rồi cái âm nhạc lạnh và gắt ấy lại đều đều mà đi, mà rớt từng giọt với thời vàng hồ rụng xuống.

Trên con đường khô sạch dẫn xuống nghĩa trang ngoài thành đô, gió heo thổi lá sấu rụng, thổi thoi vàng hồ rắc, thổi tắt nến thất tinh xe dư, thổi khô bát cơm trứng dưa bông đi hơi đã từ lâu, thổi lật mấy giải mũ mấn nép trong lá màn phương du.

Gió heo thổi theo một chiếc quan tài, gió heo còn tọc mạch đến chuyện lòng người còn lại. Mỗi một hạt bụi của gió heo gửi về phủ vào mặt là tất cả cái thú vị buồn rầu của những cái gì phải mòn mỏi, phải phôi pha, phải tàn rữa.

Mấy bữa nay, nút lọ dầu Khuất Thân có một hương vị êm ái và quyến rũ.

Ôm được rồi chăng?

Ốm được, kể cũng là một cách để tạm yên thân. Cũng như chết đi là một cách để yên thân hẳn.

Tôi nhớ đến một cái thềm ước của một người bạn văn chương cách đây đã mười năm. Hồi còn sống, Hoàng Tích Chu, những lúc bị gieo neo về cuộc sống, có than rằng: "Tôi chưa bao giờ được ốm". Không bao giờ được ốm, người ấy cứ phải gắng gượng với công việc. Và lúc người ấy được cáo bệnh, một buổi chiều tháng chạp năm Giáp tuất, thì người ấy lại được ốm một cách đầy đủ quá. Người ấy nằm xuống giường bệnh để không bao giờ ngồi dậy nữa, thuật kể lại cho người khoẻ ở gần quanh mình được biết cái cảm giác buồn mỗi khi bị thối gan. Người ấy ốm một chuyến để rồi hết hẳn. Để đưa cái đám ma một người làm báo gắng gượng mãi với một cái nghề quá mới mẻ và quá bạc bẽo ở xứ này, trận sóc phong tháng chạp nổi lên hăng hơn cả trong một mùa chết. Cuối năm ấy - một chiều hai mươi chín Tết, gió lại ngà nồm.

Chiều hôm nay, gió heo may nổi mạnh.

Chiều hôm trước gió heo mới về, tiếng gió còn là rì rên thôi. Buổi tối bữa thu non ấy, sống nhà trọ ra đường, một bọn người truy hoan đã lôi tôi xuống hàng viện. Thu đã lại, phải đi nghe ngâm *Tỳ Bà*. Trong một gian nhà hát Khâm Thiên, một đêm ráo hoảnh, tiếng cây vô để cầm ngân vang trong trẻo. Không khí gian gác rung lên như pha lê. Tiếng đàn đáy không ủng

như mọi đêm trước. Người kích cổ bằng lòng, tôi bằng lòng. Người kép cùng bằng lòng. Rồi tôi ướm roi. Người nghệ sĩ khuất nhục ấy, sau khi bấm đến khổ dựng đã hằn cả ngón tay khô gầy trên mấy sợi dây đại dây trung, nhoen miệng cười.

- Thưa ông, tiếng trống của ông hôm nay có ý khoan hồng hơn, không riết rầu, khắc khổ như mọi ngày.

Phải, người kép có tuổi ấy nhận đúng đấy. Ít ngày nay tôi là một người quảng đại. Cái độ lượng ấy tôi đã đem cả vào buổi hành lạc. Cái người biết mình sắp ốm, cái người thấy tinh thần và thể xác mình dễ dè những bệnh cùng phiền, là một người biết thương kẻ khác, tha thứ cho những nhầm lẫn xảy ra quanh mình.

Rồi trong nhà hát đã vắng tiếng cười, đã thưa cột nhả, tiếng một sợi tơ co đứt đánh phụt bạo quá, làm rung cả toàn bộ kim thanh ghim trong bụng cây đàn nguyệt. Không khí vẫn trong như pha lê lại rung lên, lại ngân lên nữa. Trời cứ thế về sáng mà khô thêm mãi. Gió lùa qua những kẽ của khô nẻ nghe càng rì rầm. Lá ngoài đường đổ xuống rào rào như mưa mau hột. Người con hát, chừng cảm thấy cái lạnh của mùa đã dôn dập về, ngời nhích mãi lại cạnh tôi và thuận tay, đã tìm và đòi nhổ những sợi tóc bạc trong mái tóc mà thời gian đang lướt qua đã sớm ngả hộ màu.

- Dấu anh nhiều tóc bạc. Phải nhổ đi!

Cái đó đã hẳn! Biết rồi. Trong vòng ba mươi tuổi đầu, ai muốn già làm gì, ai muốn giữ lấy ở trên đầu mình mà làm gì những hòn đá đầu tiên của ngôi mộ. Nhưng mà không, tôi đã gạt bàn tay đào nương ra.

Những sợi tóc bạc trên đầu tôi là dấu hiệu của một nguồn máu có bệnh, là ấn chứng của một dĩ vãng mưa gió sa ngã, là cái báo hiệu của tuổi vàng đã chấm hết. Khi nào tôi lại muốn giữ lấy để mà khoe những cái tóc tổ cáo ấy. Bởi vì tôi cũng biết sợ già. Bởi vì dù sao tôi cũng ham sống lắm. Có lẽ tôi đã dối tôi khi tôi cứ kêu rêu mãi là muốn ốm và nhận thấy cái chết là một sự thoát ly. Không, tôi còn yêu đời của tôi và luôn cả đời của người khác nữa.

Tôi còn khao khát sống. Thấy cuộc sống lâu cá quá, kiêu hãnh quá, khó tính quá, lúc phần uất, tôi cũng muốn nằm bệt xuống cho nó hết cả mọi đòi hỏi ở đời, cho nó yên cái chuyện trăm năm thân thể của một người lắm lỗi đi. Nhưng mà chưa thể thế được.

Tôi muốn lòng tôi trẻ mãi. Trẻ cả cái bề ngoài nữa. Tôi không từ chối một bàn tay mềm mại nhỏ hộ tôi mấy sợi tóc bạc trên mái đầu. Nhưng tay ấy, ít ra phải là tay sạch sẽ, thơm tho, hiền lành của một người lương thiện nào. Chứ như ở đây, bây giờ, tay người con hát bẩn và bạo quá.

“Chị ơi, bao giờ chị về?”

Tôi đã bỏ nhà hát, bỏ lại bên phao đèn dầu lạc cạn, người con hát nằm co ro lấy vạt áo sau đắp kín hông thay mảnh chăn cù. Trên đường gió heo thổi vù vù. Nhựa đường phết khô lăm. Ngay những đầu ngã ba, ngã tư có máy nước mà đường cũng khô ráo. Ruột cây sấu héo hắt vì lớp quả dâng cho một mùa, ruột cây sấu hết nhựa không giữ nổi được những chiếc lá già xanh lia khỏi cành. Lá rụng xuống khô nhẹ khép nép, nhưng đợt gió heo may gạt lá guôn tròn xuống hai bên rãnh, xua đuổi lá, tiếng nghe mau và gắt gao quá. Cái giống gió là một giống tối vô tình.

Đêm nay là đêm thu già. Gió heo báo tin lạnh của mùa. Mới có là một buổi giao mùa mà bóng đèn đường đã kém sáng như giữa cái tối lạnh của tiết đông có sương có mù có mưa phùn. Hơi thu làm tê tái cả đến lửa đèn đường. Bóng đèn mờ hỏ trong đêm thu kéo dài trên nhựa đường những chiếc bóng người đầu đã thụt xuống, cổ đã muốn ngấn đi, vai đã muốn độn mãi lên. Người Bộ Hành đi đêm, tiếc đời, thương nhớ ngày xuân qua, chính vào buổi thu này la cà với gió heo đang thổi vào cái bóng mình in trên nhựa đường khô cứng.

Chân cột đèn sặc xám, một người đội sếp tỳ lưng vào yên xe đạp, lấy dao con cắt những cái mạng rô xước nơi đầu ngón tay thô tục. Đây đó một vài trẻ bán cà phê rong, tuy không có khách uống mà cũng cứ

quạt đồ lò than đun nước để cho đỡ vắng. Lửa là một người bạn từ khi cái lạnh là cái lạnh. Một cái lạnh dài và ròn, uốn cong những tấm gỗ cửa mọi nhà đóng kín bùng và làm rộp lên những lần vôi cũ của mấy dãy tường nát bao lấy mấy cái xương cùi khô nỏ, khô nỏ cả đến lớp mặt cửa phủ nền xương.

Tôi thêm một điều xì gà, một chiếc ba toong. Tôi muốn gọi đến những ngày đông sắp tới.

Gió heo vì vù, bốc cát tung trời.

Gió heo gõ ít phần cây dạ hương cuối mùa trộn vào bụi đường đêm đang loanh quanh nơi ngã tư trống trải và lộng gió. Mùi dạ hương không gắt và ngát như mùi dạ hương đêm hè nồng nữa rồi. Có dịu như thế thì mới chịu được. Có lắm cái đẹp, có lắm cái hương sắc ở đời như vậy đấy. Mình chỉ chịu đựng được, mình chỉ gần được vào những giây phút gần lu mờ, vào những lúc ồm yếu phai nhạt đi một ít.

Gió mùa thu già đang pha loãng chất dạ hương vào không khí, biến cái hương nồng thành một mùi dịu dịu.

Hương thừa thái một loài hoa của mùa trước đã hết kiêu hãnh, trở nên khiêm tốn như một vài cái tài hoa thần đồng, một lúc biết mình chỉ còn trong khoảnh khắc, thì trở nên nhún nhường, gây lại thiện cảm với chung quanh.

Đêm thu già, gió heo lòng từng đợt dài, tôi lắng tiếng đi của đôi chân tôi kém ròn rã khác hẳn mọi ngày xưa xa, tôi lại nhớ đến một chuyến xuân tàn vào khoảng tháng ba năm này.

Tôi vẫn còn giữ bền cái cảm giác một đêm lang thang ấy.

Ờ, đêm ấy, là một đêm rét cuối mùa, đêm ấy là một đêm xuân lạnh. Gió ào ào, lá rào rào. Ngày xuân cuối tháng ba ấy, tôi mặc sơ mi cụt tay hở cổ, thấy mình là một tráng sĩ. Đêm xuân tháng ba ấy, trời rét một cách hiền lành. Khoảng xuân già ấy, trời nổi rét một lần cuối cùng trong một năm để vận chuyển mùa sang một tiết khác. Xong cái rét dài, đến rét lộc, và đêm ấy là đêm rét Nàng Bân. Gió mùa tàn gờ lá vút ngổn ngang, tiếng gieo chìm chìm nhạt nhạt. Lớp khí đêm xuân chót ráo hoảnh và xao xuyến nhiều mỗi khi cánh lá già khô truy lạc gửi lại một lời chào kin đáo của mùa hết, của mùa đi.

Đêm ấy Hoàng và tôi, rời khỏi cửa hý viện, đã đi sát khít vào nhau để đỡ lạnh vai khi qua nẻo hồ. Gió vò nhàu mặt nước hồ. Dìa hồ Kiếm, gió điên cuồng đuổi theo hàng lệ liễu gấp quá, cành cây lệ liễu hàng xóm này vất và cuốn lấy cành lá các khóm gần gũi. Cảm thấy cái xua đuổi của gió một mùa đang lên đường, hàng liễu non bên hồ nổi lên cảnh lại, tỏ ý thương nhau trong sự dùm bọc. Hoàng sức nhớ đến

mấy dòng tuy bút xưa cũ: “Chúng ta chỉ là hai cây liễu kết làm hàng xóm ở ven hồ. Lúc nào gió vỗ sóng hồ, hai cây liễu chấp liền cành lại, quấn chặt lá lại và tưởng không bao giờ chia rời. Nhưng giông tố bên hồ đã qua. Hai gốc liễu lại vẫn cách biệt nhau như bao giờ. Và cứ thế mãi mãi, mỗi gốc liễu vị kỷ rủ riêng cái bóng mình an nhàn trong lòng hồ. Để đến khi nào gió hồ thổi mạnh, thì lại có sự gần gũi, thương xót, yêu dấu. Chúng ta là hai gốc liễu ấy, chỉ được gần nhau vào những buổi gió nặng chiều”.

Cái đêm rét Nàng Bân ấy, Hoàng và tôi đã dốc bị, đã tiêu cho đến đồng xu cuối cùng ở một quán rượu và lúc ngà ngà say, cái thèm muốn độc nhất của giây phút ấy là được nghe một tiếng đàn, bất cứ là đàn gì, miễn là một tiếng đàn của người tri kỷ dãi riêng mình.

Từ cái đêm xuân côi ấy, đến cái buổi thu già này đã nửa năm...

... Đạo này gió heo may nổi lên nhiều quá như xui giục người lên đường.

Chúng tôi là một bọn bốn người mệt mỏi vào cứ hui hắt này, gần gũi nhau quá, hồ như phải chịu chung một sức nặng của nghiệp dĩ. Chị Hoàng và chị Nguyễn ít nói. Trên những cuộc tụ họp suông ấy của bốn con người gần như là chiến bại trong cuộc sống, gió heo lướt qua bao nhiêu là thanh âm của than thở.

Thế rồi trong gian gác, chốc chốc cả bọn lại giặt mình, khi có tiếng giầy guốc nào lạ tai tiến lên cầu thang. Bởi vì mỗi người trong bọn đều riêng có những món nợ linh tinh.

Như tôi thì nó đã đành chuyện; nhưng thấy chị Nguyễn phải khuất luy mà tôi ái ngại quá. Một người đàn bà đẹp và hiền mà không được giàu có và sung sướng là một sự thiệt thòi lớn cho cuộc sống. Một buổi đứng nép mình sau tấm cửa, tuy là phải kín tiếng để tránh mặt một người chủ nợ chung, tôi đã bảo chị Nguyễn: “- Chị phải sống với cái đẹp của mãi mãi. Mặc dầu gió lộng thổi, mặc dầu cái sống hằng ngày thẳng thức, chị cứ phải trẻ và đẹp luôn luôn. Như thế là chị làm được một việc từ thiện đấy”.

Cô Khởi đã đi khỏi, chúng tôi trở vào buồng khách với những cái mỉm cười khô héo. Thế rồi tự nhiên chị Nguyễn tuyên bố với mọi người rằng cuối tháng này chị đến phải sang Lào mất.

Gió heo thổi bật cánh cửa ngoài, ầy... như là mời mọc và thử thách cái người định lên đường kia.

Phải đấy chị Nguyễn ạ, sang Lào đi. Ở đấy, người chưa đến nỗi khôn, của chưa lấy gì làm kiệm. Tôi muốn bảo thực chị Nguyễn rằng thực tình ra, ở đây, trừ cái bọn tôi, người ta đã chán chị lắm rồi. Chị nên đi, đi để quên người ta và luôn thể cũng để người ta quên mình. Nhưng tôi không dám nói câu đó vì, vì lời

nói ấy tui cực và tàn ác vô cùng. Trong thâm tâm tôi, tôi thầm chúc chị Nguyễn sang Lào chuyến này làm ăn cho gặp may, rồi bao giờ giàu có ưc vạn thì chị lại về đây mà đẹp hơn lên, mà trẻ lại nữa, cho đời nó thềm và tiếc nhiều nữa vào. Cái đất Hà Nội này có như cái đất Huế Ô Châu đấy chị Nguyễn ạ. *Bao giờ em được mười nghìn - thì em mới dám về miền Ô Châu.*

Nhưng mà hôm nay chưa lên đường, chị Nguyễn còn hát cho mấy bài hát tiếng Lào vùng Mường Viêng. Xưa kia chị sinh trưởng ở Lào. Thời thường những lúc buồn riêng chị hay hát tiếng Lào. Chị Nguyễn đã hát những câu hát hồn nhiên vẽ lại một cô phù sảo giặt tấm phà lụa sắc sỡ bên bờ sông Cửu Long.

Gió may gỡ thêm một chiếc lá vàng ném tọt vào khung cửa. Mùa thu gửi một lá thư đỡ đầu giục một người sửa soạn mà lên đường.

... Cầm lấy cái lá ấy mà đi theo gió đi chị!

Chị Nguyễn chưa đi, mà hôm kia, Hoàng đã khẳng khẳng lên đường. Thế là thêm một người. Thế là bớt mất một người. Tôi vốn không có tính giữ ai lại bao giờ, tôi đã tiễn đưa Hoàng ra chuyến tốc hành.

Hoàng có nói là đi để lập lại cuộc đời - hình như cuộc đời đã định sẵn là một việc cũng dễ làm lại được lắm. Trời ôi, Hoàng lại có ý lập lại cuộc đời, lần này

là lần thứ ba hay thứ tư gì đó! Tôi muốn ngờ vực đến cái kết quả cuộc thử kiến trúc cuộc đời mới này. Từ khi tôi biết Hoàng, đời Hoàng đến nay vẫn chưa thêm được một việc gì, vẫn chưa có cái gì là mới cả. Vẫn cái va ly ruột mây sơn quang dầu, vẫn cái bút máy ngòi thủy tinh, vẫn cái đồng hồ quả quít chạy được những bảy ngày, mỗi lúc lên dây là phải mở nắp kính ra rồi mới cho được chìa khóa vào trục hai chiếc kim, vẫn nghe cọt cọt. Những vật tùy thân ấy, ở với Hoàng từ ngày Hoàng chưa có lấy một cuộc đời đầu tiên để mà làm lại. Không biết mai kia anh có thêm được cái gì nữa không, và đời Hoàng sẽ có thể đem lại thêm cho tôi một sự ngạc nhiên gì, một sự kính phục gì không, nhưng Hoàng! Gió heo lên đã lâu rồi, đi đi. Hãy cứ đi đi đã.

Để tưởng nhớ đến một người trong con tàu gió, tối qua bọn tôi uống rượu ở hiệu Lã Vọng bán chả cá lăng. Chị Hoàng uống một chén để thương nhớ chồng hơn lúc chồng còn ở nhà. Chị Nguyễn uống một chén để tủi cực thêm với dải khăn ngang, với cái hồi thứ nhì của một cuộc sống chưa biết nên kết thúc ra làm sao. Cho đỡ lạnh lòng với heo may nổi nhiều ngoài mặt hàng hiệu chả cá lăng, cho được đi sâu vào cuộc sống phản trắc của tình cảm ở bên trong người tôi, tôi uống không đếm cốc, tôi uống nhiều nhiều và mãi mãi... Sung sướng và yên nghỉ mấy người ngồi bên

đang gọi đến hương vị một trái quýt đỏ tròn thàng chín, trắng miệng cho một bữa rượu cá nướng. Tôi, tôi nghĩ đến trái quýt của những người mỗi lúc uống thìa dầu cá thu, phải tìm một miếng thơm ngọt gì để chặn cái mùi tanh của dầu chữa phổi đã thối, đã thùng, đã đen từng vùng.

Trên con đường về nhà, lá sấu vàng lác đác rồi ào ào, rụng hoài, rụng mãi. Gió heo len lỏi qua các đường phố, vượt các mái nhà, gửi vào tai bọn tôi ngà ngà rượu những tiếng nổ ran một tràng pháo tiệc cưới.

Tôi gầy gầy lạnh. Gió đêm giục nhiều hiệu tạp hóa lên cửa lửa sớm.

... Đáng kinh sợ chưa, cái gian nhà gác này mà tôi chỉ còn nghĩ lại có một đêm nay. Bốn bức tường tro trên không còn một khung ảnh, một tấm bìa lịch. Giường đã lột vải phủ nệm. Ở bàn chỉ còn vền vền một chiếc cốc để uống nước chung. Muốn xia răng, tăm không ai vót sẵn, phải ra nhổ chân hương ở bát nhang thờ gian ngoài.

Ngõ ngang ở giữa nhà là dăm cái bồ con, một vài chiếc va ly bẹp móm và đôi hòm da sơn đen của chị Hoàng. Bức tranh lụa Đào Nương Nương của tôi đã buộc bó kín cả khung. Bên cạnh đấy là một bó sách và nhật trình cũ. Thật là cảnh tượng của Thất Thế. Hôm nay chị Hoàng và chị Nguyễn lui về nhà quê ở cho nó đỡ tổn, cho nó đỡ mỏi. Tôi đã thu thập hành

lý, thuê xe tay lên Hồ Tây. Con đường cũ! Tôi lại về Hồ. Gió heo trên hồ giữ dội quá, làm tôi thêm bỡ ngỡ.

Đứng trên hồ, nhìn núi Tam Đảo có mây chiều đánh đai trên đỉnh, nhìn nước hồ xô những tảng bèo Nhật Bản to tát, tôi thấy thương nhớ mệnh mông. Gió chiều càng thổi lạnh về.

Gió heo lộng trên hồ, gợi đến chuyện lòng. Gió gợi thương nhớ nhiều quá. Rồi gió lại xui người ta lên đường. Nước hồ mệnh mang nhắc đến những con đường thủy không bờ. Tôi dự định trong tưởng tượng một cuộc du lịch dài hạn.

Hay là tôi lại cũng đi thử một chuyến nữa xem sao?

Đêm đầu của tôi ở Tây Hồ, gió heo gần về sáng gõ cửa mau gấp như tiếng quen thuộc của những người xe già gọi ra tàu sớm. Ngọn nến vạt giỏ mãi những giọt lệ sáp xuống cổ một bình Văn Khôi Lộ chơ vơ trên án sách.

LẠI ĐI NỮA

- **Đi**, đối với tôi, là hình thức tốt đẹp nhất của thoát ly. Thoát ly khỏi cái tù mủn của cuộc sống hàng ngày; khỏi phiền phức của sự an bài; để trốn cái trớ trêu của người cũ. Cứ bắt tôi ở mãi một nơi, tôi sẽ hèn trong tình yêu - yêu hiểu theo nghĩa rộng - và trở nên nhút nhát và ghẻ lạnh trước cuộc sống.

Đây là một câu mà bạn tôi thường dùng tới luôn mỗi khi sự thân mật bao trùm chúng tôi. Muốn cho câu chuyện được thuật một cách dễ dàng hơn, tôi phải cho ông bạn hiểu của tôi một cái tên và tôi gọi tạm là Nguyễn Văn Gi. Cái đó không hề gì.

Vậy thì Nguyễn Văn Gi... với tôi là hai người bạn mà tình bằng hữu dám chấp cả sự thay đổi lạnh rất thương của thể tình. Không những thế, tình đó càng cũ thêm một ngày, lại càng được thời gian bảo đảm. Gi... biết tôi tự ngày nào?

Xa lắm rồi. Và tôi cũng không thể nhớ rõ là từ đâu và ở đâu nữa.

Có lẽ lần đầu tiên chúng tôi nắm tay nhau ở cửa một trường hợp thí khi bị rút kỳ vấn đáp? Ở một nhà hát ả đào? Ở một sân ga? Hay là trong quán rượu đêm?

Tôi vốn sống không có thời biểu, tôi làm thế nào mà nhớ rõ được khởi điểm một cuộc gặp gỡ đưa lại từ cái hỗn độn của trường đời. Về điểm này, trừ Gi... ra, nhiều người thường trách tôi là một kẻ ít tình.

Gi... và tôi trong sự đi lại, thường xa nhau nhiều hơn là gần nhau. Thế mà tình yêu bền lạ. Phải chăng người ta càng xa cách nhau trong không gian thì càng được quyến luyến nhau trong sự tưởng nhớ? Thật thế, ở gần nhau lắm, nhiều khi không chịu được. Gi... có cá tính của Gi...; tôi có cá tính của tôi. Với những cái trái ngược, với những cái khác nhau ấy, theo luật tương phản, Gi... và tôi đã chịu đựng được nhau. Nhưng sự chịu đựng đó phải đặt trong sự bó buộc của một điều kiện hiểu ngầm. Là không nên ở sát cạnh nhau mãi mãi. Có xa nhau thì mới biết gần nhau. Phải biết lánh nhau đi, để dọn đường cho cái vô vập nay mai.

Đáng thương hại nhất là cặp uyên ương kia cứ sớm lại sớm, chiều lại chiều, phải nhìn ngắm nhau đến no cả mắt trong một gian phòng chung mà họ gọi là tổ ấm. Trong cái khăng khít của yên vui tâm thường, nếu hai linh hồn kia ở sát cạnh nhau mà không biết

chán nhau thì cũng là sự đáng ngạc nhiên. Gi... hiểu đến trường hợp tình cảm này nên mỗi khi gặp lại tôi, anh không bao giờ chịu ở lâu. Và lúc chia tay một cách tầm thường, nếu tôi tỏ ý nài ép, anh khê quay mình lại, ló đầu vào khe cửa khép sau gót chân, anh khoa bàn tay xòe:

- Một ngày tới. Còn nhiều lúc mà.

Gi... không vợ, không nhà.

Gi... rất vui với đời cô độc của mình và chưa bao giờ thấy mệt mỏi với đời tự do. Nếu Gi... chưa ghép một người khác vào hẳn cuộc sống của mình là vì Gi... không muốn tự buộc vào chân những hòn chì nặng. Gi... sống một mình để những lúc có dịp cất chân, không phải bận bịu vì những bốn phận nhận lấy sớm quá. Gi... lướt đi qua cuộc đời như một cái bóng. Muốn thấy rõ hình ảnh anh người ta nên vẽ anh ngậm một cái tàu thuốc lá tựa khung cửa sổ một toa tàu tốc hành.

Tâm hồn bạn tôi là một tâm hồn nghệ sĩ. Nhưng vì muốn đi được nhiều, muốn được luôn luôn thay đổi chỗ. Gi... đã tự đề nén lòng mình, không cho nó rung động trước mọi cái đẹp của Tự Nhiên. Đi đến một xứ nào mà gặp cây, cỏ, nước, mây, trời êm dịu tươi sáng là anh lại dùng dùng ra đi ngay như một kẻ biết trốn chạy người nhân tình cũ có sức thôi miên ghê gớm. Anh sợ phải quyến luyến với một chỗ, nấn ná ở lại rồi

khi mà đã quen với khí hậu và vẻ đẹp ở đây thì không bao giờ anh lên đường một cách nhẹ nhõm được.

Anh đã cố ý vô tình với cái đẹp quyến rũ của phong cảnh, anh lại còn phải vô tình một cách bất đắc dĩ trước sự dễ dàng xởi lởi của người đàn bà hiền và đẹp. Người đẹp, theo ý Gi... còn nguy hiểm gấp mấy lần cảnh đẹp. Khi mà người đàn bà đẹp đã tìm cách lên được vào lòng kẻ giang hồ, thì trên bến nước, lại thêm được một cái neo vút xuống để... không bao giờ kéo lên nữa. Thuật đến đây, Gi... đặt cái tẩu thuốc lá nóng xuống bàn, móc túi giờ cao cái ví da đựng thuốc chưa cuốn, nói rất uể oải:

- Khi nào người đàn bà đã hiểu biết những cái tỉ mỉ này để giữ chặt mình thì chúng ta hết nói chuyện đây. Tôi ưa thuốc lá pha trộn theo một lối riêng. Nếu có kẻ tò mò đến những sở thích vụn vặt như thế để buộc chúng ta với những chiêu chuộng nhẹ nhàng thì là phải đứng yên một chỗ đấy. Nghĩ đến cái chết đuối tình cảm trong đĩa đèn tâm tình mà tôi thêm rung mình. Chúng ta có lẽ phải giấu kín đi những tỉ mỉ về tính tình của chúng ta, nếu chúng ta chưa muốn mệt mỏi với cái sống tự do.

Buổi chiều hôm ấy, chai rượu mạnh cứ vơi dần. Và bên ngoài cái trời xám dầy nhớ thương cũng thấp dần xuống. Đè lên mầu tang bầu không khí thu muộn,

chất bóng cốc pha lê nổi bật hẳn lên như nét cười của một người công binh lúc tắt nghỉ.

Vẫn giọng chậm rãi:

- Tôi muốn được đi cho thực nhiều. Đi đến đâu mức lấy một gáo nước ở lòng con sông lớn xứ ấy, cho nó vào bình, gắn lại rồi một ngày nào đấy, khi mình tự cho mình cái quyền được nghỉ, sẽ ngồi mà ngắm một dãy bình nước có dán những nhãn: “Nước sông Tiền Đường”, “Nước sông Hằng Hà”, “Nước sông Cửu Long” và mọi tên sông lớn của hai Tân Cựu lục địa. Nếu tôi có định làm một việc gì đứng đắn là chỉ sau lúc sưu tầm được một ít bình nước đó. Sống chỉ để mà đi có thể là một tội ác không?

Gi... là một thiếu niên có tài. Nếu anh chịu đổi quan niệm về cuộc đời thì anh có thể tạo lấy một địa vị xã hội rất đáng kể. Nhưng anh chưa muốn làm người đứng đắn. Những người sống theo quy củ sợ anh như sợ con trâu trắng. Để đáp lại họ, anh cũng nguyên không bao giờ thêm thờ những cái không khí của những gia đình nền nếp. Bộ phổi lớn của anh đang đòi hỏi cả một bầu dưỡng khí của thế giới kia. Như thế, anh mới cho là đủ. Anh chỉ phàn nàn chưa bao giờ bắt được chân trời. Cái vạch ngang kẻ lên trên màu xanh lơ của rộng rãi, vẫn đóng ở trước tầm mắt như thử thách người bộ hành đang chống gậy tiến lên.

Từ trước tới giờ, Gi... chưa từng ký hợp đồng để cộng sự với một người nào. Đời anh chỉ là một sự luôn luôn chờ đợi những cuộc du lịch cả ngắn lẫn dài. Những lúc nào phải tính đến kế sinh nhai thì anh đã vui lòng nhận lấy mọi thứ nghề tự do rất nhiều bạc bèo, cũng như anh đã vui lòng từ chối những sự hợp tác có nhiều lợi nhưng lại buộc phải ở nhất định một chỗ. Anh thường bảo tôi rằng nếu muốn đi thì đừng nên bao giờ có óc kinh doanh. Có một cơ nghiệp, tức là đủ điều kiện để đứng im. Một nghìn lần không, chẳng bao giờ Gi... muốn thế. Cả cái nghệ thuật đi của anh gồm vào có bấy nhiêu: không cần biết mình sẽ đi đâu; không cần biết mình sẽ phải sống như thế nào trong hoàn cảnh mới. Tin vào ngôi sao chiếu mệnh, anh thường bảo rằng con người ta cũng khó lòng mà chết đói được.

Gi... là một người hiền lành. Cái thí dụ giận dữ lớn nhất của anh mà tôi được biết, là có một buổi nọ, anh đánh đập cái thằng nhỏ rất ngu ngốc, trong lúc nhanh nhẩu đoảng, đã làm mất cả giá trị một chiếc va ly cũ của anh. Hắn đã lấy giẻ tắm nước lau nát, bóc mất những nhãn giấy in xanh đỏ mà các khách sạn và hãng tàu các nước dán chằng chịt lên đấy. Bao nhiêu kỷ niệm thân mật của một con đường dài đã mất mát. Anh ngán ngờ sau khi trút hết cơn giận. Phải, còn biết tính sao được. Có chăng, lại đi trở lại con đường

cũ thì mới lược lại được những vết tích của giang hồ. Anh tiếc những nhân in này không khác một nhà khảo cổ học tiếc một đồng tiền rỉ thất lạc sau khi tìm được trong ngôi cổ mộ. Tối hôm ấy anh hút hết một phần ba hộp thuốc chưa cuốn và thay đến dăm cái tẩu thuốc. Tôi kính trọng tình buồn của bạn, mặc Gi... ở lại với cái hiu quạnh.

Anh nắm tay tôi, nhìn trừng trừng vào trống rỗng của gian phòng.

- Cũng chưa việc gì. Tôi còn đi nhiều. Tôi còn có nhiều cơ hội cho đời giang hồ in giấy nhận thực lên trên va ly. Tôi thích đi chỉ vì đi đấy thôi. Tôi thích đi không phải vì có một xứ để mà đến, nhưng vì có một xứ để dời bỏ. Anh có biết câu ấy của ai không?

- Titayna.

- Phải, Titayna - nữ phóng sự của thế giới bây giờ - người đã có gan khiêu khích cả định mệnh và làm xáo trộn cả thiên nhai và hải giác.

- Cứ đi mãi, sự đi sẽ dẫn chúng ta đến đâu?

- Biết thế nào mà nói trước được, khi chúng ta còn ở cái thời kỳ bông bột của tuổi trẻ. Định làm triết lý cho sự xê dịch thì lại càng khó nữa. Riêng về phần tôi, tôi thấy càng được đi, ta càng biết yêu mọi người chung quanh. Như thế cũng là một điều đáng kể lắm trong lịch sử nhân loại. Ta sẽ không rề rúng cái giá trị của thẳng người và ta cũng không dám kỳ vọng ở

người nhiều quá. Cái người xướng lên thuyết thế giới đại đồng đã bỏ mất một lợi khí rất mạnh khi quên phắt việc quảng cáo du lịch. Sự kiến thiết xã hội ngày mai sẽ đẹp vững và bền lắm nếu ở thế giới này người ta ai cũng được đi về như trẩy chợ. Không có bài học ái quần nào thiết tha bằng sự chung đụng với mọi người ở mọi chốn. Chỉ có những người tự giam thân thể mình vào một nơi mới hay cái kinh với số phận và có những thành kiến đổ ky quái di.

- Anh đã nghĩ đến chuyện dừng bước chân chưa?

- Chưa khi nào. Tôi muốn chia đời tôi ra làm hai quãng. Ở thời kỳ thứ nhất, tôi chỉ biết có sự thu thôi. Đời cung cho tôi đến đâu tôi hưởng thụ đến đấy. Và nếu là cần, thì tôi sẽ tìm mọi cách mà thu cho được nhiều. Người ta gọi thế là ích kỷ.

Không biết trong một cuốn Thánh Kinh nào, tôi đã thấy mấy dòng này: "Không nên chỉ ném những hòn đá. Phải có lúc nhặt những hòn đá mình đã ném". Tôi chưa đến lúc lượm lại những hòn đá chính tay mình ném trước, ngộ hâu xây đắp một cái gì, thì người ta chưa biết được câu nói cuối cùng của tôi. Tôi bắt đầu dừng chân khi nào tôi thấy cần phải nghỉ, quay đầu nhìn lại những cái đã qua. Bao nhiêu cái mình thu được, bấy giờ mình sẽ đem trả hết cho mọi người chung quanh. Những người muốn phụng sự nghề trừ thuật như chúng ta lại càng phải đi nhiều lắm. Càng đi, chúng ta càng được dịp phơi những ý nghĩ của

chúng ta ra chỗ thoáng. Ở mãi một chỗ, tinh thần sinh ra ốm yếu. Khi cái máy trong người mình chạy kém đâm ra lúng củng, anh có biết bác sĩ khuyên ta thế nào không? Đối không khí. Tôi sẽ đi trong một đời tự do và rộng rãi để một ngày kia được ngồi trong một xó phòng nhỏ hẹp, suy tưởng về những độ đường trước của mình. Tôi muốn thư phòng của tôi nhỏ hẹp để tôi có cảm tưởng là bị dồn vào một góc; ở một chỗ chật chội, bức bối, nó dồn ép ta khi làm việc bằng óc, ta sẽ luôn luôn tập trung được tư tưởng. Cái phản động lực của tinh thần mình khi ký thác ý nghĩ lên giấy sẽ mạnh mẽ vô cùng.

Thời kỳ dừng chân của một văn sĩ giang hồ sẽ là một thời kỳ chiến đấu của một ngòi bút biết hàn học với hiện tại. Để tìm một giải thoát cho tâm hồn thao thức.

Có người đã hỏi tôi, nếu một buổi sớm tốt đẹp gần đây, tôi được trúng cái số độc đắc, thì tôi định lập lại cuộc đời như thế nào. Tôi không có gì phải lập lại cả. Với một cái va ly, một bộ quần áo ngủ và lòng say sưa trước cuộc sống - say sưa đến mất cả thăng bằng trong tâm óc - tôi lại đi nữa.

MỘT BUỔI MAI ĐÀ MẮT

Tôi choàng thức dậy, nhìn lên đồng hồ. Bảy giờ rưỡi. Tôi dụi mắt nhìn lại. Mắt tôi không có đủ, tôi trông không nhòe tí nào. Bảy giờ rưỡi và một tí. Thế này, thì phải đánh bỏ mẹ cái thằng nhỏ mới được.

Tôi biết cái mặt tôi lúc này là dữ tợn một cách thật thà, chứ không phải là tôi cố làm ra như thế để dọa thằng nhỏ mà tôi sắp gọi lên. Những lúc tôi giận, mặt tôi thường tái mét hẳn đi, và tay chân tôi thường run lấy bầy như người bị chứng động kinh. Tôi không dám soi vào gương để kiểm soát lại cái thành thực của một cơn giận dữ, nhưng tôi cũng thừa rõ cái mặt rất xấu của tôi bây giờ đó mà cắt được lấy một giọt máu. Tôi sắp mở miệng rất to, gọi tên nhỏ, thì nhỏ đã hiện ngay hình trong khung cửa buồng. Hẳn co ro cả người lại cho được bé nhỏ hơn mọi ngày mặc dầu bao giờ thân hình hẳn cũng đã quá là bé nhỏ rồi. Thằng nhỏ vòng tay lại trước ngực, rụt đầu xuống, nhô vai lên, dẫu mở ra, như là một cậu học trò lớp bét lúc không thuộc bài đọc, bị chôn đứng ở trước bảng đen để chờ

cái hình phạt nặng của thầy. Có lẽ thằng nhỏ đã cố thu hình lại để gọi lòng thương và lòng tha thứ ở trong người tôi. Hắn đã đi tới kết quả. Bởi vì hắn đứng trước mặt tôi có đến mấy phút rồi, mà tôi vẫn chưa mở được miệng ra để nói một câu gì cho ghê gớm cả.

Thằng nhỏ vẫn cúi mặt xuống, đứng mẩn mê mấy đầu ngón tay, trông thiếu não quá chừng. Hắn, lúc này, là sự khổ sở của loài người hiện lên thành hình người. Cái sự khổ sở ấy đang cam lòng chờ một cái đổ vỡ gì xảy ra quanh người hắn và trút hết cả lên ngay đầu hắn. Tôi trở nên phân vân. Tôi muốn quát thằng nhỏ, tôi muốn to tiếng để tỏ cái quyền làm chủ nuôi hắn, tôi muốn nói một câu rất ghê sợ, tôi muốn đánh hắn mấy cái bốp và tống luôn vào đít hắn mấy cái đá nếu hắn tìm đường chạy hoặc la ó rầm lên. Nhưng không, thằng nhỏ đứng im, hai mắt hắn nhìn thẳng xuống hai cái đầu ngón chân cái giao chỉ của hắn. Thật là cả đáng điệu một kẻ thú tội, hối lỗi và cam lòng chờ đợi một hình phạt tương đương.

Thế này thì tôi còn đánh thế nào được hắn nữa. Không tiết được hết ra ngoài, có lẽ cái giận của tôi sẽ lẫn hết vào trong mình tôi chăng? Thôi thế là buổi sớm nay chẳng còn được ngon lành như ý tôi muốn!

Tôi bắt đầu thở không đều, hơi thì ngắn quá, hơi thì lại dài quá. Tôi ngắm mãi thằng nhỏ. Bây giờ tôi

đang tự hỏi tôi nên xử trí với hắn như thế nào. Thời giờ vẫn cứ đi. Tôi biết rằng tôi không còn đủ cái nóng nảy của phút đầu tiên để đánh thẳng nhỏ cho nó thành hẳn một trận đòn của người trên trừng phạt kẻ dưới hầu hạ mình thiếu lương tâm. Tôi quát hắn chẳng? Vô ích. Đã không đánh đập hắn nên thân thì thôi, chứ quát tháo để mà làm gì! Hay là tôi nói mát hắn một câu? Ô, sao tôi lại lẩn thẩn đến thế. Dem cái lối trào phúng mát mẻ ra mà dùng với một kẻ tôi đòi thất học và ngu dốt, còn có gì trào phúng hơn thế nữa! Lối trào phúng, hằng ngày, đến đêm mà dùng ngay với cái bọn quen biết vốn tự cho là nhiều kiến thức, cũng còn chẳng ăn thua gì, nữa là bây giờ đem ra mà đối đãi với một cái hóa thân của ngu dốt. Thế thì tôi định kết liễu việc này với thằng nhỏ như thế nào?

Thằng nhỏ đứng chịu tội đấy cũng đã lâu rồi và tôi ngắm hắn cũng đã no cả mắt rồi.

Đồng hồ điểm tám giờ. Tôi đi thay quần áo, lòng hậm hực...

Đứng trước gương, tôi thất cả vát không thấy vui sướng một chút nào. Bởi vì một việc bực mình đã mở đầu cho một ngày.

Chiếc cà vát, vòng đầu quần vào cổ, không chịu ăn múi thất và lúc thất được thành múi thì nó chỉ là một cái nút mẫu dây thừng. Lại gỡ múi cà vát, lại vuốt lại

nếp nhàu, lại thất lại. Mồ hôi bắt đầu thấm lưng và ngực chiếc sơ mi và rôm bắt đầu nổi lên cắn khắp người. Đến vòng thứ ba, cái mũi cà vát ở cổ mới gọn. Nhưng lúc mà tôi trông tôi ra được hồn người với mũi cà vát gọn ghê, thì tôi mới nhận ra đây là một chiếc cà vát đen. Cà vát đen. Lại đen.

... Tôi còn nhớ hôm nọ nhiều người bạn thân đã nhâu nhâu vào mà phê bình cái cà vát đen. Ồ, họ lạ quá! Nó đen hay nó là màu sắc sỡ tươi thắm, thì đó là cái quyền lựa chọn của tôi, chứ can chi đến họ bắt bẻ và xông xáo vào cái thâm kín trong sở thích của người khác? Có kẻ, thậm chí, còn dăm ví chiếc cà vát đen của tôi với vuông khăn trắng của một người cô đào. Họ bảo cái màu đen đứng đắn ở cổ tôi chỉ là sự che đậy một cảnh thất thế; lúc nào tôi hết tiền, bị mất chỗ làm ăn thì tôi giờ trò ra mà thất cà vát đen; để những hồi nào kiếm được nhiều tiền, thì tôi lại không làm ra đứng đắn nữa; tôi sẽ len lỏi vào những chỗ hành lạc với những thứ cà vát xanh đỏ vàng lòe loẹt; và trong khi ấy, thì chiếc cà vát đen giả dối, che mất thế nhân này, lại bị vứt vào một xó tủ quần áo như thường. Họ nhắc đến việc một hôm đi hát ở một nhà ca nhi danh tiếng nọ, họ tò mò tình quái lục trộm đáy hòm một "con Liên", bắt được một cái khăn trắng.

- Các anh có biết con Liên nó trả lời chúng tôi như thế nào không? Gớm, con bé nó giang hồ lão luyện có

khác! Nó bảo rằng một con hát mà không nhận chân được cái lúc “xuống chó” rất nhiều trong cái đời “lên voi” rất ít của mình thì chỉ là một con đi đại trăm thành thôi. Có được những lúc mát mặt liên liên, càng nên nghĩ luôn đến những lúc bị đời ruồng bỏ. Bởi thế cho nên “em” dù không có cha già mẹ héo gì cả, thỉnh thoảng em vẫn *lên* một ngọn khăn trắng, với một tấm áo vải phin trắng hoặc đen sớ gấu, thỉnh thoảng em vẫn để tang chơi như thế để giấu cái nghèo khó của mình cho thiên hạ khỏi xét nét, Liên nó nói thế. Thành thử, cái tang tóc ở phục sức một vài người đã dầu sương dãi nắng nhiều, chỉ là một cách lấp liếm cảnh ba đào của mình rất kỳ diệu và lại trịnh trọng, nghiêm trang nữa.

Hôm nay, ông bạn chúng ta đối chứng ra thất cả vát đen hăn cũng không ra ngoài cái thâm ý của những người giang hồ như Liên. Ra những người từng trải nhiều, lăn lóc lắm, biết săn sóc kỹ lưỡng đến cái bề ngoài của thân thể, ra họ có những lối rất tài tình mỗi lúc xuất thế hoặc nhập thế. Cũng nên cho là tài giỏi đi.

Tôi đã giận họ vô cùng. Họ đã đem một cử chỉ quá thành kính xuất tự lòng tôi ra mà đùa bằng một lối chế nhạo hạ cấp. Nếu hôm đó, tôi lấy giọng đứng đắn mà bảo họ rằng tôi thất cả vát đen trong một ngày tươi sáng như thế này là vì tôi có tâm tang, là vì một

buổi trời đẹp ấy, tôi đã vụt nhớ đến một người bạn thân yêu đã xa vắng hẳn cõi đời tâm thường này - Sao lại không thể để tang bạn được? Sao lại không nâng cái chết của bạn lên ngang với lễ nghi của những cái chết thân quyến được? - Ủ, giá tôi nói thực với họ như thế thì họ có còn dám đem chiếc cà vát đen ở cổ tôi ra mà ví với vương khăn trắng lót dưới đáy hòm da đen của “con Liên” nhà họ nữa không nhỉ?

Sớm nay, trong lúc lơ đãng vớ phải chiếc cà vát thất xong xuôi vào cổ đâu đấy rồi, tưởng lại câu chuyện cũ kia, mà tôi càng thấy khó chịu...

Tôi đã quên hẳn cái bực mình do thằng nhỏ gây nên. Tôi đâm lo cho ngày hôm nay của tôi. Chẳng biết rồi nó sẽ tàn, nó sẽ hết như thế nào đây? Nó đã bị mở như thế, tôi không rõ nó sẽ tắt như thế nào. Tôi đã nghiệm trong đời mấy người bạn bắn khoả, có khi cả năm, cả tháng chỉ mong sống trọn lấy vài ngày bình tĩnh, yên lành mà không bao giờ được toại nguyện. Những việc rối reng ở đâu vẫn cứ dất nhau đến để gọi họ nhớ đến hẳn học, hậm hực, thắc mắc. Những ước vọng rất hiền lành nhũn nhặn như thế, mà không bao giờ thành sự thực được. Giá tôi không có một cuộc sống cũng gần bắn khoả như họ, thì tôi đã cho những thềm muốn và bất mãn kia của bạn tôi là toàn những sự vớ vẩn để làm phiền thêm cho cuộc đời riêng của mình. Sự thực thì có như thế. Tôi nghiệm ngay ở

trong người tôi thì tôi càng thấy rõ lắm. Tôi không phải là tham lam, khó khăn. Tôi không dám như những người khác, đòi hỏi đời nhiều quá.

Lắm hôm trời đẹp, tôi thấy lòng tôi vui như lòng đám chúng nhân đi xem rước đèn ngày hội Tây. Tôi tắm mình, gội đầu như một người đàn bà mê tín tắm rửa trước ngày đi hội chùa hoặc đi dâng hương dâng sớ ngày hội các phủ Mẫu. Tôi đã thầm khấn cầu xin một đấng Cáo Tạo vô hình giữ cho lòng tôi được vui và trong sạch lấy suốt một ngày tươi sáng rực rỡ. Tôi chỉ cầu được sống cho trọn một ngày như thế với sự trong trẻo sạch sẽ trong tâm óc, với những hình, sắc, mùi, tiếng hiển lành tươi tỉnh đưa lại từ cuộc sống bên ngoài. Thỉnh thoảng tôi chỉ cần có lấy một ngày như thế thôi. Một ngày nguyên vẹn, êm ả, để gọi là có được chút nghỉ ngơi rất cần cho những tấm lòng chứa đầy rẫy thảm kịch của lòng.

Tôi chỉ mong muốn có được sự êm thấm cho lòng từ một buổi bình minh gió hiu hiu nhẹ nhẹ cho đến hết trọn một đêm kết thúc bằng một giấc ngủ người công bình, không có những cơn mê hốt hoảng, những phút tỉnh giấc dọn đường cho rối loạn của xác thịt và tinh thần. Thỉnh thoảng, tôi xin đời cho tôi lấy một ngày bình tĩnh đầy đủ, rồi ngày mai, ngày kia, gió bão mưa cứ việc tới, tôi vui lòng đón nhận không dám trốn tránh, cần nhần. Nhưng mà kinh nghiệm từ trước tới

giờ, suốt nửa đời người của tôi đã buộc tôi ngờ vực đến sự quảng đại của sự sống. Có lắm ngày, cái vui sáng trong lòng tôi mới chớm lên, vừa mới dóm lên, chưa đậu thành hình, thành cốt, thì đã xâm tôi hẳn lại, rồi tắt ngấm. Và cái mây sớm màu xà cừ của một buổi sáng ấy chỉ là một sự đánh lừa, nó nhú lên một giây lát để dụ một tấm lòng khao khát đến cái Đẹp trong trời đất và muốn được thấy một tí Đẹp ấy ở ngay trong lòng mình, trong một ngày sống với Tin Tưởng.

Sớm nay, tôi cảm bằng là vút hẳn đi mất một ngày nữa rồi. Một ngày tử tế. Tôi đã không được hưởng nhiều ngày tử tế, mặc dầu ngày nào tôi cũng muốn được sống một cách tử tế. Hôm nay phải thêm một ngày nữa, tôi không lấy làm lạ; tôi chỉ tiếc cho những lời cầu nguyện lương thiện và thành thực của tôi sau khi súc miệng vào một buổi sáng đang đi.

Tôi cố quên thằng nhỏ, tôi cố quên câu chuyện cà vát đen. Bởi vì nghĩ đến, chỉ thêm bức mình. Tôi cố đi bên đường phố cho thẳng thắn người, tôi cố gò lấy dịp để giấy cho nó thành một chuỗi dịp vui tai. Một tiếng “ép” rất to, rất hùng của tên phu xe tay làm tôi loạng quạng bước chân đang tiến đi đều.

Tôi quay đầu lại. Trên hai chiếc xe tay lùn, song song ngồi một hàng chữ nhất, một ông Tây bệ vệ và một bà Đầm lộng lẫy. Biết ngay mà! Tôi không tránh

cho nhanh, thì tên phu xe đã nghiêng ngay bánh xe vào chân, vào giấy tôi rồi.

Đến một ngã tư kia, có tiếng đàn bà gọi giật giọng. Một cái giọng vỡ, rè, khàn khàn, gọi đúng tên tôi. “Tuân ơi, Tuân!” Lại cái gì thế này? Lại có ai cầu cứu gì thế này? À, một người ả đào đứng tuổi không xấu không đẹp. Tôi chưa nhớ ra là ai, nhưng một cái thoáng qua cũng bảo cho tôi biết đây là một người ả đào. Tôi dọn lấy một bộ mặt nghiêm nghị, tôi nhìn thẳng vào mặt người đàn bà ấy đang chống chiếc ô dầm cụp xuống ghế hàng con mụ đổi bạc nơi góc đường. “Tuân độ này ở luôn trên này đây à? Trông *đàng ấy* giờ gầy quá!” Người đàn bà ấy vẫn toét miệng ra cười, uốn éo cả thân thể và nói bô bô ở giữa phố. Tôi ngờ rằng nhiều khách bộ hành đang quay đầu lại nhìn tôi với cặp mắt nghiêm khắc, dè biu. Thật là một cái tai vạ! Sao tôi không bảo với người đàn bà ấy là họ đã nhận lầm tôi - tôi, một thằng trước đây vốn hay đi hát và bây giờ vẫn chưa gỡ hết cái tai tiếng là người chơi bời. Sao tôi không bảo như thế và rảo bước ngay? Người đàn bà ấy vẫn nhí nhovn, lại còn ví von nữa. “*Phải rằng nắng quáng đèn lòa. Simon đây mà!*” Tôi vẫn đứng im để chống lại cái tò mò của bao nhiêu người đi qua góc đường này, và để nhìn cái trắng tráo không nên gán của bà Simon này. Phải rồi, tôi đã nhớ ra rồi. Cách đây ba năm, hồi tôi còn hay thậm thụt với cái xứ Nghệ, hồi tôi còn hay vào Vinh chơi, tôi đã

gặp luôn luôn người đàn bà này ở Cổng Đệ Nhất. Bây giờ người xương kỹ còn mang cái tên rất đẹp như hết thấy những tên rất thơ mộng của các thứ cô đào xứ Bắc. Cô đào Tuyết Mai. Tuyết Mai hồi ấy hay chòng ghẹo tôi vì tôi có tính lì lì, lơ phờ và lừ lừ. Đáp lại sự khiêu khích của cô Tuyết Mai thập thành, tôi đã khiếp chạy vì tôi đã nhận rõ cô là cái máy nhai tiền. Thế rồi cô ta đi lấy Tây địa chủ. Ông Simon, một thứ Tây ở rừng Hoan Châu hay nhớ nhà, hay nhớ nước và đã phát minh ra người đàn bà Đông Dương là một phương thuốc chữa được lòng sầu xứ ở người kẻ đi vớ thuộc địa. Vậy giờ bà Simon ra Hà Nội làm gì mà réo rầm tên tôi lên ở giữa cái phố Hàng Bông buôn bán này? Bơ chẳng lành, súp chẳng ngọt rồi chẳng? Nói qua loa một hai câu chuyện cực chẳng đã và đính ước một lời hẹn mà tôi không muốn giữ đúng lấy tí nào, tôi đã gỡ xong cái "họa Simon phu nhân" và rào bước đi rất nhanh thì họa vô đơn chí, tôi loạng quạng thế nào tại đâm xầm ngay vào một ông chủ nợ cũ đang đi từ một cái ngõ con ra. Lại cười làm duyên, lại khát khứa, lại than phiền những là đời sống giờ mỗi ngày càng thêm dè mải khó khăn ra và mình thì vẫn đầu tắt mặt tối và cứ gù mải lưng xuống để mà khuất luy với tất cả những người chỉ hơn mình một chữ MAY. "Đời chỉ là một trò ăn cắp có tổ chức, ông ạ!".

Tôi đã đi được một thôi đường khá dài rồi mà vẫn không quên được cái đoạn dĩ vãng vô lại vừa được gợi

đến bởi hai cái gập gờ bát lương. Hình ảnh người đi già lấy Tây và hình ảnh một con bạc bịp chủ nợ có tuổi kia vẫn lẩn quất mãi trong đầu óc tôi.

Sớm nay, lệ liễu ven hồ Kiếm vẫn thướt tha óng ả, cầu Thê Húc sơn mầu tía và nước hồ xanh rờn màu rêu điểm điểm hạt mưa vẫn là đẹp; nhưng tôi đủ chứng cứ để cảm thấy cái sống của riêng tôi là không êm ả vui tươi. Cảnh đi một đường, tình tôi đi một nẻo. Lòng mình không muốn thế mà những chuyện đâu đâu cứ dồn dập đến để cho mình phải bực mình.

Cho được chộc tức thêm nữa, một ông bạn học cũ không lấy gì là thân thiết, ở đâu chạy ập tới vỗ lấy bàn tay tôi lắc cù nhặng mãi lên như một cử chỉ của người cố nhân sung sướng được gặp lại mình sau mười năm sống sót. Ông ta kêu inh lên rằng giờ khổ lắm, cái đời thừa phái hạng nhì là luy nhiều lắm. Ô hay! Tôi có hỏi đâu mà ông ta khai ra và nếu biết làm thừa phái là khổ thì chọn cái nghề ấy mà làm gì, hở? Và bây giờ vẫn không là chậm chút nào, nếu ông muốn bỏ nghề. Tôi không nhớ tên người bạn này và cũng không muốn nhớ tới, lúc ông buông tha tôi ra. Bên đường ánh nắng lóa trên các lùm cây.

Tôi muốn đi tìm một chút an ủi trong đám cổ giao. Nhớ đến anh Trần vừa mới ở Nam kỳ về được hai hôm nay, tôi rẽ vào xóm Chợ Đuối thăm anh. Tôi yên chí rằng Trần và tôi sẽ nói với nhau nhiều câu chuyện

lý thú lắm. Đã gần hai năm không gặp nhau, chắc trong người Trần có nhiều sự cải cách tinh thần thú vị. Có được một người bạn như Trần để mà trùng phùng, để mà làm triết lý vụn vặt như sớm nay đây sự đầu độc, tôi cho cũng còn là may, cũng còn vớt vát được. Tôi gõ cửa rất mạnh, căn cứ hẳn vào sự kết giao xưa cũ mà chẳng cần e dè. Một lúc lâu, Trần mới mở cửa, quần áo xơ xéch và tỏ vẻ khó chịu, mặc dầu anh đã nhận rõ ngay ra tôi. Gió lùa từ nhà trong ra, đem ra phòng ngoài này, một mùi phán đầm ngát quá. Tôi ngấm cái cổ áo ngủ của Trần đầy rẫy vệt sáp môi. Sáp tươi tốt quá, có chỗ in rõ hình một quả tim. Tôi thoáng thấy ở mắc áo nhà trong một cái áo đàn bà. Ở kia Trần làm gì đã có vợ? Trần thờ người ra và ngáp vặt mãi. Nói dăm ba câu chuyện về trời nắng trời mưa và kênh càng hỏi thăm mãi về sức khỏe của tôi đã hiện đủ hết lên sắc mặt tôi. Trần ngấm kỹ càng đôi giấy tây tôi mới đóng.

- Đôi giấy đẹp lắm. Chẳng thua gì giấy ở Gò-đa!

Rồi anh xoắn xít hỏi mãi địa chỉ hiệu giấy và giá cả. Thế rồi câu chuyện chết dần trong khi cái gạt tàn thuốc lá cứ cao mãi đồng tro xám lên. Hai năm mới được gặp lại nhau để nói ngay rất nhiều về một đôi giấy tây mới, hỡi ôi! Người bạn lý tưởng của tôi! Tôi, lúc này, thêm một giấc ngủ ngày rất dài.

MỘT NGƯỜI LỮ KHÁCH GIỮA THÀNH PHỐ CHÚNG TA

Người ta bàn tán cùng nhau. Người ta sau cùng đều nhận ra rằng lâu nay không thấy hấn ngồi xe. Thế mà suốt ngày lang thang ngoài phố, đi đến bất cứ chỗ nào của “ngoài đường” là y như người ta lại gặp hấn ở cái ngã tư trên rồi, thoáng một cái, người ta lại thấy hấn thông theo ở cái ngã ba xóm dưới này. Thằng cha khỏe đi bộ thực. Không có tài, không có sức và thứ nhất là không có một đôi giày da đế và gót cho thật tốt, thì đồ ai đi bộ dai được như hấn. Cứ đi như thế, có lẽ mỗi ngày hấn cũng phải mài mòn một đôi cớ sắt ở đế giày. Lề đường phố Hà Nội lát si moong sù sù rấp lăm, đi hại da chân, da giày dẹp và những miếng cá sắt. Lại còn thế này nữa: là sự đi bộ, dầu sao cũng phải có tập tành dù đáng cha mẹ ở nhà không muốn cho đứa con cháu ngày sau phải đi đất và dù đáng tôn sư ở nhà trường cũng không bao giờ lại muốn cho tên học trò giỏi của mình về mai sau này lại chỉ có măn đời đi bộ như những người tầm thường

nhân nhân lê gót trên đường nhựa thành phố, trên đường đất thó vùng quê.

Cha mẹ hẳn cho hẳn ra đời, thầy học hẳn dẫn hẳn vào đời, mỗi bậc ấy đều muốn sau này hẳn phải được có xe có ngựa mà ngồi, hẳn phải bằng cho được người chung quanh mà xuống xe lên ngựa. Có như thế mới là hiển đạt. Có như thế mới là vẻ vang, đã thơm riêng cho mình mà lại còn thơm lây đến người khác nữa. Người bản tiện đến đâu, bắt tài đến đâu đi nữa, được sống làm người để nhai cái hạt ngọc của trời, có ai mà lại chỉ muốn chung thân làm một anh khách bộ hành. Ngẫm cái thằng xà ích đánh xe cho ông Án Tử cứ vênh mãi mặt lên kể cũng là thường tình, phải lắm, việc chi mà vợ nó lại chửi nó?

Ta trở lại câu chuyện người đi bộ trong giữa Kinh đô Hà Nội.

Ở ngay giữa Hà Nội, có một người đủ ăn, thừa mặc, con nhà tử tế, vậy mà suốt ngày chỉ đi bộ. Đi bộ một cách tàn nhẫn, đi bộ để cho mọi người phải kêu ca họ. Có người thừa cả bụng lẫn dạ, không biết đặt lòng trắc ẩn của mình vào cuộc từ thiện nào có lợi, bèn đánh liều đem cái lòng nhân ấy ra mà rủ lòng thương đến cái anh đi bộ kia. “- Gớm, trông hẳn ngày ngày lượn qua cửa nhà mình mà phát sốt ruột lên. Phải tội hay sao? Trời dày hay sao? Mà cứ bêu mãi cái đầu ra chỗ mưa nắng”. Có người lại rửa độc nữa:

“- Chóng có chết đường chết chợ thì lại đổ lỗi cho ông Cao Xanh nhá”.

Người ta thương đến thì cũng chẳng làm gì; người ta ghét và rửa thì cũng chẳng làm gì. Cái thằng cha dở người ấy - phải đấy, hần hơi có chứng dở người - cứ việc đi bộ như thường, chỉ biết có con đường rộng phẳng trước mắt và mặc kệ tất cả những lời nói đuổi theo sau mình. Rồi bụi lấm bước chân thân nhiên nọ, rớt cục cũng đủ phả đầy vào mồm kẻ kia và có một ngày thấy hần ta đi qua, họ thôi không bàn tán nữa, để cho thằng cha dở người ấy được yên thân mà đi bộ. Đi bộ như một con sói già đoàn Hương Đạo, như một tên chặn cừu của dân tộc du mục, như một giáo sĩ đi hành hương về Đất Thánh, như một người anh hùng lúc thất thế. Đã đáng sợ chưa... Nhưng mà giữa một thị trấn thiếu gì xe cộ, hần lại cứ đi bộ để cho người quen hần phải thấy sự bực mình? Nguyên nhân?

“- Hần mắc phải cái chứng bệnh đứng đường. Từ ngày bé kia. Thừa nhỏ, hần thấy được bỏ nhà là một cái thú. Chơi khăng, đánh đáo lỗ ở đầu hè, xó chợ; thả thuyền giấy trên rãnh cống phố dưới; bói tổ chim ở vườn thiên hạ; chứng ấy trò của một thời cũ đã cho hần có cái thói quen của bây giờ”.

Có thế. Hần mắc bệnh đứng đường. Bệnh đã bắt con bệnh phải suy nghĩ. Hần nghĩ rằng đứng đường

không phải là một điều sai lầm có hại cho thanh danh một người lương thiện như ta thường hiểu. Trái lại, sự đứng đường còn cho người ta được luôn luôn chứng kiến tất cả những biểu diễn thật là bạo của cuộc sống ở những chỗ thoáng khí. Và người đứng đường, mỗi khi gặp một cái ngã tư là bắt buộc phải định lấy cái bước của mình. Ấy là một điều hay, khi người ta cứ phải luôn luôn tỏ thái độ của mình, dù thái độ ấy chỉ là cái việc rẽ sang tay trái, tay phải, cứ tiến thẳng lên hay là lùi lại, ở một cái ngã tư đi bộ.

Hắn lại còn thấy rằng đi bộ là cả một nghệ thuật sống. Không phải ai cũng đi bộ được trong một tỉnh thành. Một người yếu hèn, xác thịt đã quen với cung dưỡng, khó mà đi bộ cho gọn được; cứ xem một người phú quý bỗng chốc lâm vào túng thiếu, phải lê cái thân tàn trên đường đời thế nào cho ổn được, cho nó đừng gai mắt người chung quanh thì đủ biết cái việc đi bộ cũng là một quá đi thôi. Đi bộ mà chân đâm ra chữ bát, mà gặp đôi người lại như kẻ bại trận thì đến chán mớ đời.

Có lẽ hắn là người đã tìm thấy hứng thú thành thật trong sự đi bộ. Hắn uốn hần người, đầu mặt lúc nào cũng vênh lên như là nghe ngóng một cái gì trong không khí. Không khí đều đều và đầy đủ thấm vào hai buồng phổi nở, hần bước cũng đều đặn và lấy cái tai của mình nghe lấy cái bước đi của mình gõ đế giày

theo một nhịp ròn rã. Cái nhịp để giấy ấy, vậy mà có một người thân đã đâm ra nghiện phải. Người ấy là một người đàn bà. Một người đàn bà mà lại già nhân ngãi, non vợ chồng, có một cái tên như hết trong truyện Tàu. Người ấy là cô Kiều Dung. Cô Kiều Dung một hôm gặp hấn ở cửa nhà Giấy Thép, đã hỏi ngay hấn: “- Đêm hôm qua, vào khoảng mười hai giờ, anh đi qua nhà em phải không? Chẳng anh thì còn ai vào đấy nữa. Anh phải biết cái tai con Kiều Dung này nghe không thể sai được nhá”. Hấn gật gù, chịu là đúng, là đêm hôm qua vào giờ ấy, hấn có đi qua Chợ Hớn thật và hấn lại nhớ thêm ra rằng cô Kiều Dung trước kia vốn có học ký âm và âm nhạc Tây. Cái tai một người đàn bà vốn có luyện tập để thẩm âm các nhạc khí và người đàn bà ấy lại còn đeo thêm một cái tinh trăng hoa nữa, thì làm sao mà lại nghe nhầm tiếng giấy người nọ ra tiếng giấy người kia được. Thế nhưng mà, hấn hấn có một cái nhịp chân đi bộ đặc biệt thế nào thì mới phân tách để nhận riêng được chữ? Đi mà tối, mà không có điệu thì đến ngay đám tri âm, đến ngay vợ con cũng chẳng lắng nhận được, chứ đừng nói là một người bạn gái nhất thời nữa. Nghĩ đến điều này, hấn tự đắc, ngẩng đầu bù mà đi rất thẳng, đẹp như một viên Thiếu úy khinh kỵ mỗi lúc đi bộ chơi ngoài phố là vô số cô Đầm lai phải họ chậm xe lại mà nhìn. Hấn vốn quen nhiều người quá,

thành cứ vài chục bước, lại phải ngả mũ để chào. Hắn nghĩ đến việc một vị Quốc trưởng một nước cộng hòa, mỗi khi đi ra đường, phải đáp lễ lại với quần chúng hoan hô mà hắn thấy phiền và mệt quá. Cái gì mà cứ phải nâng mãi mũ lên và lại hạ mãi mũ xuống, cứ hàng nửa giờ đồng hồ một. Được đội một cái mũ lên đầu, nhiều người cho là một cái vinh dự. Nhưng hắn nhận thấy chỉ là một cái hình dịch, và từ hôm ấy hắn vớt mũ, chỉ đi đầu trần. Hắn thấy khoan khoái như một người được ngủ trên một cái giường không phải bỏ màn. Hắn thấy dễ thở và nhẹ nhõm như người đi xe hơi buổi chiều được hạ hẳn cái mui xe xuống. Từ hôm ấy, cái mũ không hề sùm sụp trên đầu hắn như là một cái mái hiên nếp nhà cổ nữa. Từ hôm ấy hắn là một người con trai đầu thì đội trời, chân thì đạp đất, đứng ở giữa một cái đời Hà Nội nhộn nhằng những ngựa và xe. Ngày lại ngày, hắn cứ sống để mà đi, vừa đi vừa tìm cái vui cho lòng, trước những cảnh hơi hơi thay đổi ở hai bên đường phố.

Hắn nhìn những tranh quảng cáo phô những màu tươi thắm rực rỡ, những màu rất ngộ nghĩnh làm cho người ta đi đường không thể vô tình với những hình vẽ và dòng chữ dán vào các đầu hồi nhà và tường phố. Đây là những bài thơ ghép toàn bằng những vần tiền bạc để ca ngợi đến sự trù mật của những thị trấn ở một cái thời đại cơ khí.

Hắn nhìn những cột đèn bằng bích - toong, những cột trụ xe điện mọc lù lù bên những con đường sắt giữa các phố buôn bán, và những dây thép, dây điện chằng trên đường phố như những tấm lưới của trời. Hắn cho đấy cũng lại là những bài thơ nữa. Một ngày kia, cái kỷ nguyên Kim Khí đã hết - cũng như đã hết hẳn rồi cái kỷ nguyên của Đá - thì những di tích này còn lạc lõng được vào giữa một cái thời Gỗ hay là Gì Gì đấy chẳng hạn, thì chúng sẽ cho người đời sau ném đến những thi vị của một thời đã qua. Rồi người ta sẽ quuyến luyến với một cái ống khói tầu bể, với một cái cốt chiếc xe hơi cũ rì, cũng như bây giờ người ta đang tiếc thương một cái vòng điều, một chiếc cánh xanh hay là một cô ngọc liễn. Có những cái chỉ có thể có giá trị một khi đã qua đi rồi. Và cũng như những vật kia, có những người chỉ được có chân giá một khi người ta đã đóng nắp ván thiên lên cái vỏ cứng đời của mình.

Thường con đường hắn hay đi là quang Quan Thánh - Chợ Hòm. Hắn chia con đường dài này ra thành từng chặng nho nhỏ ngăn ngăn để đi cho đỡ mệt. Hắn làm như thế, cô lẽ vì thấy người ta truyền lại rằng ngày xưa, nước ta cũng có một con đường thiên lý dài lắm, từ Nam Quan vô thâu Kinh, phải chia ra thành rất nhiều cung, nhiều trạm. Nhân nói đến chuyện ngày xưa, người ta lại kể thêm cho hắn nghe đến chuyện đoàn sứ Việt Nam cứ vài năm lại

đem đồ lễ sang cống vua Tàu. Và sang đến đất Tàu thì sứ giả An Nam sung sướng lắm. Sẽ có những đoàn tổng quan, những trường tổng quan bên thượng quốc tiếp đãi và hộ tống qua địa phương.

Trên con đường Quan Thánh - Chợ Hôm, hần cùng chia ra thành từng cái cung cái trạm nho nhỏ và bắt những người bạn thân phải đứng lên mà cáng lấy công việc một ông đoàn tổng quan. Hần vào nhà này để uống một chén tổng nước, xong rồi kéo luôn chủ nhân xuống một nhà ở phố dưới để hút một điếu thuốc lão, nói dăm ba câu chuyện về thời cuộc thế giới, rồi lại cứ dịch đi như thế từng nhà người quen một để đàm luận về một cái đại cục đến lúc biến, về một cái bản đồ Âu Châu đã đến lúc phải hoàn toàn tô lại màu thuốc và vẽ lại các biên giới.

Ngày nào hần cũng phải tản bộ giữa phố và lấy cái việc được gặp mặt người quen luôn là một cái sinh thú ở đời. Đi bộ và nói những chuyện mưa nắng ở trên cuộc đời, ở trong lòng người!

Vậy mà lâu nay, người ta không thấy hần đi bộ nữa. Bây giờ hần ngồi chễm chệ trên một cái xe cao su nhà sơn màu cánh gián, hai đèn, hai chuông. Và xem ra vội vàng lắm. Bây giờ hần ngồi xe, cạnh lại đeo một cái cặp da đắt tiền và nét mặt lúc nào cũng có vẻ tư lương. Có người hỏi hần tại sao bỗng chốc lại

ngồi lên cái xe sang quá như thế thì hẳn cúi mặt xuống, trả lời, giọng kênh kiêu:

- Xe này của người. Đây tờ kéo cũng của người. Người ấy là một người bạn. Ông ta không cười và bảo tôi một cách chắc chắn rằng tôi có tài lớn; và những cái tài lớn thì không thể cứ đi bộ mãi được như tôi từ trước đến giờ. Phải ít ra là nhảy lên một cái xe mà đi làm việc đời, nghĩa là kinh doanh. Tôi chẳng rõ ông bạn tôi định nói thực hay có cái ác ý gì đây. Cái thứ người như tôi thì kinh doanh cái gì mới được chứ... Nhưng người tri kỷ đã bảo thế thì cũng cứ thử ngồi xe một lần xem sao, xem cái xe sẽ đưa nhau đến tận đâu. Nếu một ngày kia mà mình lại thấy rằng ngồi xe cũng vẫn chẳng khỏe được hơn cái hồi đi bộ nhàn tản bước, thì ta lại đành phụ người tri kỷ mà xuống xe vậy. Cái gì mà chẳng không nên không kinh nghiệm một lần, hờ ngài!

ĐƯỢC ỒM

Thôi nhá, thật là câu được ước thấy. Chuyến này chị Nguyễn ồm thật. Thèm và mong ồm mãi.

Chị được ồm đã mười hôm nay. Trong một bệnh viện có ánh sáng, có vệ sinh, có yên lặng. Ở đây yên lặng lắm. Nhiều phút nằm một mình trên giường bệnh trắng trẻo, không ngủ được, chị Nguyễn còn nghe thấy cả cái tiếng của thời gian bước và tiếng thấm gieo của tất cả những cuộc sống nhạt nhẽo bị hút theo và bị lôi kéo đi. Hời ôi, đời chị cũng chỉ là một đời nhạt nhẽo. Nhạt như nước bùn, nhạt như mùi cỏ ruộng. Cái đời nhạt nhẽo ấy, mười hôm nay, cứ mỗi buổi chiều nắng, mặt trời tà tà xuống ngang tầm gác bệnh viện, xuyên thấu lớp kính cửa sổ quên bỏ rèm gỗ ghép, cứ mỗi chiều ánh nắng đập trên lũ chai thuốc, cốc thuốc, và đúng vào cái chấm thủy ngân cây hàn thử biểu thì người bệnh nhân ấy lại sợ hãi mà sánh mình với những người gái góa trong vòng ba mươi tuổi đầu “Cái đời của bọn chai cốc thủy tinh để ở bàn đầu giường có lẽ còn vui thú hơn đời mình”.

Thủy tinh ấy mỗi lúc bắt lấy một tia nắng rơi vào là cả một bài thơ pha lê tung bừng và vui tươi.

Con bệnh so sánh mình với khoáng vật, thờ dài, hơi thở khê xô lá màu lan tiêu rủ buồng đóng khung lấy chiếc giường sắt, trông không khác một chiếc nhà táng bằng giấy tàu bạch trở rua. Con bệnh tựa mình, giường đung đến bàn để thuốc. Chị Nguyễn đã nằm im rồi, giường bàn đã không chuyển động nữa, mà lũ chai cốc vẫn còn lên tiếng đồng vọng dội mãi vào lòng kẻ ốm. Tiếng thủy tinh cứ lạnh canh, trước to mau, sau thấp và thưa. Tiếng kêu của chai thuốc nghe vào lúc buồn tênh và lười biếng, thế mà cũng vui tai. Chị Nguyễn lại so sánh. “Cái gì bây giờ cũng là vui cả, miễn là những cái ấy không phải là mình, là của mình”.

Thủy tinh ấy mỗi lúc bị xô mất thăng bằng, gương gằng đứng thẳng lại, va đụng lạnh canh, cũng lại còn là một bài nhạc, linh động và điều hòa.

Ban này, với nắng, nó là một bài thơ tung bừng. Bây giờ, với thanh âm rè vỡ, nó là một bản đàn than thở. Chị Nguyễn cảm nhớ thấy đời mình là những ngày Ngâu cứ liên khít thành tháng, thành tuổi, thành một cái tên gọi. Mà chắc đâu đã hẳn thế. “Nếu được hẳn là ngày Ngâu thì cũng còn là may. Có những cái buồn mà nói cho đúng ra, thì chỉ đáng gọi là cái

nhạt nhèo, cái trống trải, cái tẻ lạng của một cái gì vất vưởng. Với những ngày Ngâu triển miên, người ta còn làm được một bài thơ. Những câu thơ sâu rưng, mỗi chiều nhàn sâu, mỗi lần thâm đọc, có thể đem chút sinh khí vào tâm người đã mỏi, đã hèn, đã chết đi nhiều phần trong lòng. Những ngày không giờ của ta là những cái gì?... Là một tiếng cú vang ngân ở cửa rừng buổi tịch dương. Là một tiếng măn cái gọi nguyệt lúc đêm khùng hoảng đã trở về sáng. Cũng tầm thường vậy thôi”.

Đêm ấy, khác mọi đêm, không có ai vào thăm. Chị Nguyễn nằm một mình, nghe những chuyến tàu đêm Lầu Cai và Hải Phòng về. Những tiếng còi đêm giục nhắc người ốm nên thử làm một cái gì xem. Đối chỗ chẳng? Nhưng đi đâu? Với ai? Người ốm ngậm kín một nét cười cay đắng: “Làm như mình vẫn là của riêng mình”. Người ốm nghĩ đến chồng, nhớ đến con. Một lũ con. Một, hai, ba, bốn... bảy quả chì. Cánh cồng tờ giấy loại gấp gió, con diều vàng ấy còn vương những mấy sợi chỉ mảnh. Sợi chỉ muốn kéo cho căng, chưa đủ độ để đứt phụt thì chỉ lại chùng. Gió lên rồi gió lại tắt.

Chị Nguyễn nhìn kim phút đồng hồ báo thức dài tay cắt từng mảnh đêm với cái sức nặng nghiệp dĩ của Thời Khắc. Nghĩ đến những cảnh buồn rất văn chương của một vài kiếp bạn gái cũng lỡ làng, chị

Nguyễn tợp mạnh một ngum nước lọc đun sôi để nguội. Thế rồi giấc ngủ đến. May quá. Nếu không thì đêm ưu tư này còn dài thêm được vài canh hạn trường.

Buổi sớm lại trở lại phòng bệnh viện, lại gửi vào chất thủy tinh bóng bảy lữ chai cốc thuốc mấy vản thơ ánh sáng. Người ốm của mình, mở mắt và không được chút ngạc nhiên. “Chỉ có những người sung sướng mới được ngạc nhiên ngay ở phút đầu một ngày sống”.

Bác sĩ lại vào thăm bệnh với nụ cười của người yêu nghề và vui sướng với ngày làm việc của mình. Cô khán hộ cũng tươi cười. Có bao giờ một ông thầy thuốc và một cô nữ khán hộ biết dè dặt trước đau khổ của một cảnh tâm bệnh nhi ? Chị Nguyễn hơi mịch lòng rất nhanh: thói quen đã giục chị đưa cổ tay cho bác sĩ bắt mạch. Hôm nay, còn thêm một trò nữa. Chị Nguyễn phải thở cho đều, để thầy thuốc nghe cho kỹ. Về chuyện. Chị Nguyễn muốn hỏi xem một người đau khổ tâm thường và một người sung sướng vì có lý tưởng để hoài bão, để hy sinh, sự hô hấp hằng ngày của hai người khác nhau như thế nào ?

- Thưa bà, bà đau tim nặng. Tim bà đập mạnh.

Bệnh nhân mở to mắt nhìn bác sĩ, chép miệng: “Đau tim!” và tự nói: “Chẳng cần phải nói, tôi cũng đã

rò. Đã có bao nhiêu ngày những tiếng đập mạnh ấy làm nhảm cả tai người mệt mỏi. Đây là tiếng gõ búa gỗ của một người hàng xú đang đóng một chiếc quan tài. Bao giờ người thợ mộc ấy làm xong việc thì kẻ hèn mọn này sẽ đem liệm vào đây những bức thư chưa bao giờ viết và những nỗi giận dỗi linh tinh. Thư ấy và người sẽ cùng đi một chuyến trong một ngày về nhà ở cuối cùng”.

Thuốc uống hôm nay có mùi quen. Một ngày nữa lại sắp hết với cảnh cô chiếc của tinh thần. Cảnh cô quạnh tinh thần cũng có mùi quen quen. Từ lúc chưa được ốm nằm, cứ phải ốm đứng, chị Nguyễn từng đã hiểu biết đến nhiều thứ quạnh hiu đang sống trong cái lòng chết của mình. Chị Nguyễn nhìn chiếc cốc thủy tinh có khắc dấu đo lường ngăn nước cao thấp. Ngày giờ nặng quá. Trong lòng cốc pha thuốc của bệnh viện, hai nhánh cúc trắng mẩn khai bùng thông cuống đến tận đáy.

Cô khán hộ biểu người ốm hai nhánh hoa đã làm một việc vụng về mùa mai không ngờ, từ ba hôm nay. Nhìn tới chiếc cốc khắc gạch mờ có đựng hoa, chị Nguyễn thương nhủ mình: “Thật là thứ hoa muộn của người ốm. Một cánh hoa cúc muộn màng thả vào một siêu thuốc, đủ làm tượng trưng đời tôi”. Chị Nguyễn còn cảm thấy, cúc tuy là muộn, nhưng vẫn còn được nở trong một mùa, mặc dầu đây là bệnh viện. Nghĩ

tới điều này, trong lồng ngực người ốm, người thợ mộc gõ búa trên ván săng nghe giờ lại còn mau gấp, gấp mấy lúc sáng khi bác sĩ bảo bệnh nhân là đau tim nặng.

Ngắm hoa nở nơi đầu giường bệnh, bên lư chai thuốc tây, chị Nguyễn liên tưởng đến chồng - một người chồng đã mấy năm nay chỉ chơi có một cảnh hoa giấy thông thảo bỏ tù trong chiếc tủ trà, sắc nhạt dần và hương không bao giờ có... Người ốm thở dài: “Còn gì an ủi thành kiến luân lý bằng một cuộc ly dị gây nên bởi tư tưởng xung đột. Người ta hay dùng hai chữ Thương Yêu cho đi kèm nhau và chữ Thương thường lại để lên trên chữ Yêu. Cả thảm kịch đời tôi tóm tắt vào một điểm trắc ẩn đặt làm chỗ đối với một người đàn ông. Nếu sớm biết mà tàn nhẫn được khi người ấy đến cầu thân...! Biết lắm thì mặt trời đã đến lúc bốn giờ chiều...”

Mặt trời chiếu ấy tắt ngoài cửa sổ bệnh viện, đọng chút ánh tàn trên mớ tóc mượt đang soai soãi xuống vai người ốm. Nệm, gối màn, vải phủ giường và màu vôi tường, tất cả bấy nhiêu màu trắng một cách sốt ruột, đều làm tôn cái màu đen mun của mớ tóc xòa vón lấy một khuôn mặt xanh vồ. Những màu tái lạnh. Chị Nguyễn nghĩ đến những cảnh người ốm liệt giường liệt chiếu đến nỗi phải cạo hết tóc mây. Đã đủ tiếc cho đời chưa? Chị Nguyễn nghĩ đến những người

đàn bà mà cuộc sống không có độ lượng buộc phải gửi mình vào cảnh chiều già. Có những người không hiểu tý gì đến u uẩn trong lòng và biến chứng của nhiều tâm hồn nghịch trái, thường hạ một câu phê bình hơi giá quá: Đì tu, làm ni cô là một thái độ hèn nhát trước cuộc sống.

Buổi tối đã đến. Có một người gõ cửa. Chị Nguyễn tưởng chồng vào hỏi thăm một cách tắc trách như mọi bận, uể oải trả lời... Nhưng mà... kia, anh Hồ! Mắt chị Nguyễn sáng lên như mắt người sốt rét.

- Tôi vừa ở Huế ra. Tàu tốc hành hôm nay chậm. Vừa lại đằng chị Huyền, được biết chị mệt nặng, tôi vội lại thăm chị ngay. Lát nữa tôi lại đi chuyến ô tô ray xuôi Phòng luôn.

- Cám ơn anh. Anh ngồi kia. Trông anh lúc nào cũng vội.

- Bởi vì đời sống của tôi, là một đời sống cần phải có vội vàng. Ai mà chậm chạp như chị được...

Hồ biết lẽ lẽ, nín bật.

Hồ và chị Nguyễn im lặng nhìn nhau. Hồ có đen hơn trước. Chị Nguyễn có già hơn trước. Hai năm.

Tuy là một người bạn thân nhưng Hồ chưa bao giờ đặt chân tới nhà chị Nguyễn. Hồ cho như thế cũng là phải và chị Nguyễn cũng không bao giờ mời Hồ lại chơi đằng nhà. Một bên sẽ ái ngại và một người sẽ tủi hổ. Trong chỗ bạn cũ của chị Nguyễn, hình như họ bảo nhau đừng lại đằng nhà chị. Những lúc muốn

gặp, thì chị Nguyễn đã có từng ngày riêng tìm đến nhà từng bạn. Lâu, nó thành một lễ thói.

Ngồi buồn, thuận tay, Hồ bấm mấy đầu ngón tay xương xương vào bốn sợi dây đàn. Tiếng đàn tuy không thành bài, nhưng nghe mấy cung hồ dòn mãi vào tường phòng bệnh kín cửa và chật chội, mà cũng đủ gọi xa xôi lạ. Chị Nguyễn lại nhớ đến thuở còn con gái, nhớ đêm Mường Viêng, nhớ cảnh Lào. Thuở ấy...

- Chị bây giờ chơi đàn?

- Không, của chị Huyền đem vào. Những đêm chị ấy ngủ lại với tôi thường hay gảy.

Hồ khuyên người ốm không nên nghe đàn chị Huyền. Hồ đã từng biết rõ làn tơ của chị Huyền. Bài *Nam Ai* bao giờ cũng thêm nhiều sắp ngoài dịp ngoài và có nhiều tiếng nấn ăm ơ mà ngay người bạc mệnh tuyệt nghiệp cũng chỉ chuốt được đến thế thôi.

- Thôi, chị cho tôi đi ăn một chút rồi ra tẩu đêm. Hôm về, nếu chị chưa lành, còn nằm đây tôi sẽ vào nói chuyện lâu và cùng rủ chị Huyền tới. Nếu hôm ấy chị về nhà rồi, thì tôi đi thẳng.

Giữa đêm Hồ lại thăm và đi ngay, gió hanh nổi lên nhiều. Con bệnh ráo cổ lúc tỉnh giấc uống nước đêm, nghe một tiếng bộp rất khô rất ngắn như một tiếng roi quất nhanh xuống mặt miếng da khô căng thẳng. Cây đàn nguyệt đứt dây! Tiếng kim thanh rung mãi. Chị Nguyễn ho khan mãi và mong cho trời chóng sáng.

Buổi sáng hôm sau ngày Hồ đi, có chị Huyền vào thăm. Chị Nguyễn quần xong vành khăn trắng và đang cài dở chiếc áo thâm. Một cái tang gần, về phía mẹ, từ đầu năm.

- Nay chị Nguyễn, nói lắm cấm, chứ chị mặc đồ tang chế, tôn về người và ăn nước da lắm.

Chị Nguyễn trừng mắt nhìn bạn, rồi soi vào gương bàn rửa mặt. Ở lời bạn nói đúng. Rồi chị buồn, buồn hơn cả khăn tang và áo vải đen nơi người. "Vây ra tôi chỉ có thể là người đẹp của tang tóc mãi mãi mà thôi". Nhân nhắc đến chuyện Hồ, chị Huyền kêu anh ấy là một người chúa ích kỷ.

- Tôi chưa thấy anh ấy chịu vương vào một người nào để mà cùng thương cùng nhớ, cùng sợ hãi. Anh ấy kêu như thế là tự làm bạn thêm cuộc đời mình ra.

Những ngày dưỡng bệnh, về đoạn sau, không lấy gì lành quanh quẽ. Bệnh viện ở khu phòng chị Nguyễn, lúc nào cũng có vài người cười nói. Bạn chị, những lúc đi chào mầu hàng, đi thử áo, đi thu họ, đi chợ, đều có tạt vào, lấy phòng bệnh làm phòng khách. Họ ăn cả sữa cả cơm của người ốm. Thân mật và gần gũi quá. Chưa bao giờ chị Nguyễn thấy ấm lòng như lúc được ốm này. Giá cứ được ốm như thế này mãi để khỏi phải trở về nhà? Nay, cả đến những người chủ nợ cũng tử tế, có lạ không? Họ vào đây chỉ cốt để hỏi thăm và cảm động chứ không đả động gì đến nợ cũ.

Một buổi sớm, bác sĩ bảo:

- Bà cần phải du lịch. Không cần đi xa. Chỉ cốt đổi không khí.

Chị Nguyễn lấy làm lo. Đổi không khí! Chỉ sợ một khi đổi lấy không khí tìm ở nơi xa được rồi, thì khó mà trở về nhà cũ, thở lại bầu thán khí của mọi ngày cũ. Chị tự biết lắm. Cái lần trước, đi chơi xa một chuyến ấy, chị đã thấy con đường về là ngại. Trở về tức là lòng lại chết thêm một phần. Bây giờ nếu lại đi nữa, thì... a, chẳng nhẽ đổ tại trời!

Nhưng mà ở đâu mãi được đây?

Làm gì mà ốm được mãi? Đã hay là được ốm - ốm để cho tạm yên thân - nhưng thuốc và thầy có lắm lộn đến đâu đi nữa, thì sớm chầy cũng có ngày phải lành mạnh chứ!

Trong bệnh viện, có một người ốm không muốn khỏi bệnh và muốn được nằm bệt ở đấy luôn và mãi.

Cái lòng người đàn bà sợ sống ấy, thật có như lòng một thứ tội nhân gặp ngày được phóng thích, còn ngần ngại và quỵn luyến với ngục thất, lúc người ta gọi xóa sổ tù.

Thuốc, mấy bữa nay, chị Nguyễn uống thấy thơm ngọt như thứ thuốc ho uống những ngày tám bẻ. Chị uống từ từ như là sợ chóng hết mất. Những cốc thuốc uống rất dè dặt ấy lại được dốc đến cả can.

NHỮNG NGÀY THANH HÓA

Không hiểu tại sao, cứ mỗi lần về xứ Thanh - vì một ngày giỗ, vì một kỳ tết, vì chút việc nhà hay là phiêu du chẳng nữa - là tôi thấy ngượng nghịu trong tâm tưởng. Cái ngượng ngập ấy đã thành hẳn một cái nếp khó vượt thẳng lại. Một người thích được đổi chỗ ở như tôi mà động bước chân lên tàu về Thanh là thấy lòng bộn bề lạ. Những cảm tưởng, cảm giác nặng nề ấy, mỗi lần về, tôi thành thực bày tỏ với mấy người bạn sinh và trưởng ở Thanh thì hết thấy đều lấy làm giận và bảo tôi là thẳng bạc.

“- Thanh Hóa chúng tao đã có gì là bạc đãi mày. Cơm thì trắng, nước thì trong và người thì lành. Đã có người đàn bà nào ở đây làm hại đến đời mày? Đã có người con trai nào ở đây gây với mày một cái thù bất cội gốc đái thiên? Không, không mà. Không những thế, ông cụ Tú thân sinh mày thờ nhà nước Bảo Hộ lâu nhất là hồi ở đây, và về hưu cũng tại đây; đám học trò cũ trường Pháp - Việt học chữ Hán cụ, mỗi tuần chỉ có một giờ, bảy giờ có danh có phận - vì chữ

Pháp chú không phải vì những giờ Hán học hàng tuần ấy, - mỗi lúc gặp lại cụ vẫn còn chào hỏi như là công việc thấy trò ở những thời xưa cũ. Lũ con của mây đều cắt rốn ở đây cả. Khí hậu tốt, cảnh lành - mây xem có phải ở đây còn trắng đầu nhiều hơn hết mọi nơi không - cảnh lành, chúng lớn như thổi, mặc dầu mây phóng sinh phóng địa chúng ra đấy. Cứ như chỗ chúng tao biết thì từ một bậc chân tu như cụ Tăng Cang chùa Hội Đồng cho đến một cụ lão kỹ như cái bà Phủ Thắng - tao cấm mây chôi, có phải mây đã có lần lên vay mượn nhà chùa và thiếu tiền hát nhà bà Phủ ? - Ừ, mọi người đều lấy cái chỉ thành ra mà dãi mây. Mây thử tính xem từ cái hỏi mây đi tù về, những lúc bắt đắc chí mây xách cái cặp da lên rừng xuống biển, từ một ông thổ ty Muồng Diên Lư cho đến một ông Tôn Thất trấn thủ đảo Biện Sơn, có ai để phiên cho mây ty nào không? Hay là chỉ trái lại ? Thật là giang sơn cảnh thổ không có di hận cho mây chút nào nhá. Mây phải coi chừng lắm về cái thiên lương của mây dạo này xuống lắm rồi đấy. Ở đây không ai hạnh hại mây, thâm thù mây, sao mỗi lúc nói đến nơi này là mây chỉ rặt nói xấu? Mây sẽ phải hối lỗi nhiều, nếu ngày mai, được ngắm kết quả về cái tác phẩm vu cáo và phỉ báng của mây, mây thấy bể Sầm Sơn ít có khách du lịch các nơi đổ về nghỉ mát. Một chuyến dò còn nên được nghĩa. Mây không có

quyền nói xấu cảnh này - mặc dầu mây chỉ là một người ngu cư ở đây - khi mây đã để lại ở đây hơn hai mươi năm tuổi hoa niên của mây. Cái quyền ấy là quyền của những người chỉ ăn ở đây có một bữa cơm khê, nằm ở đây có một đêm mà không nhắm được cả hai mắt, nếu thực ra cái đất này là đã hết cả lộc và không dung nổi người ở".

Tôi đã nghĩ đến cái câu rất dài này của bạn tôi mắng tôi một lần trong một kỳ viện Thanh Hóa, khi con tàu tốc hành lăn bánh sắt qua địa phương Hà Nam, một buổi chiều ngày tết Hàn Thực vừa rồi, tây lịch 10-4-40. Những kỳ phải về Thanh, bao giờ tôi chẳng nhớ rõ ngày và tháng. Một cái thói quen.

Lòng tôi bận như lòng một thiếu nữ vào một ngày vu quy ngồi trong xe hoa trắng.

Nhưng mà tôi chưa đến nỗi phải làm người lữ khách cô độc, cả một chuyến tàu, muốn nhìn, lạ mặt chỉ rất những người ta. Bạn cùng chung toa xe đã có bác Đỗ Phồn - một người cũng hay bị chúng ghét lắm vì có cái bệnh mỗi lúc hành văn đăng báo là chỉ làm thơ phú châm biếm thế tục. Cái ngòi bút ấy vốn bị chúng liệt vào loại "bút xô lá". Phồn vốn tính hay rượu la cà, nhưng cứ như tôi rõ, thì ít có dịp đi làm

ăn xa. Chuyến này anh đi một hơi thầu mải vào Lục Tỉnh Nam kỳ lập nghiệp, thân bằng cố hữu đưa tiễn ở sân ga Hà Nội ồn quá. Thiếu một chút nghi lễ và thêm một ít bụi ngùi nữa, thì đủ là một cảnh tế sống một anh tráng sĩ đời Chiến Quốc tại bờ sông Dịch “một đi không trở về”. Gió xuân cuối mùa chiều nay ở bến ga thế mà cũng lạnh. Tôi bận lòng vì con đường về và Phồn thì buồn lòng vì bước đi. Cùng một chuyến xe nghèo, tôi không ngờ lại có sự bất hạnh phải làm kẻ tiễn đưa tình cờ một người lữ khách bất đắc dĩ ấy.

Quá ga Đồng Giao, khỏi chỗ phân địa giới Trung Bắc lương kỳ, lúc tàu bắt đầu lên dốc đèo Tam Điệp, tôi và Phồn rủ nhau tới quây toa hàng com uống rượu, mượn chiếc va-gông xanh kiểu mới làm thành một nếp trường đình. Mỗi lúc con tàu leo đèo chạy nhanh bị rề ngoặt rượu lại chiềng ra khỏi thành cốc. Tôi nhớ đến ông bạn già Nguyễn Khắc Hiếu lúc còn sống cũng hay bé tha ăn uống như thế này, nhân sinh quý thích chí, chung quanh là chối kệ. Tôi nhớ đến một đôi câu đối mà năm ngoái vào ngày tuế trừ, Phồn gửi miệng cho tôi vào một lúc vội vàng về quê chịu tang mẹ.

*“Vang bóng một thời tàn, khéo gọi thêm nao lòng
lãng tử”.*

*“Quê hương đâu hẳn thiếu, mãi đi cho trọn kiếp
giang hồ”.*

Tôi đành nhìn bao giờ có được căn nhà tiệm tiệm sẽ treo vào phòng sách đôi câu đối của bạn có ý đã động đến việc trứ thuật của tôi. Tôi cảm thấy đã mắc nợ Phồn một cái gì. Lúc này uống rượu trong toa xe, âu cũng là một dịp đền đáp lại ông bạn. Mấy năm không làm thơ, lạc hết cả thuật đối chọi từng chữ, từng vế, tôi chỉ làm được một bài tứ tuyệt:

Đến đây là đỉnh đèo Ba Dội,

Cạn chén đưa anh một chén đầy.

Trước mắt bây giờ là bỏ cả,

Chung quanh chỉ một con tàu say...

Phồn cũng “lưu giản” một bài. Thế rồi tẩu vào ga Thanh. Tôi xuống. Phải lập kế sinh nhai mãi tận vùng trong, cái người lữ khách ra đi với một mục đích rõ rệt ấy phải đi nốt con đường dài và có lẽ trong suốt bốn mươi giờ hòa xa qua ba xứ, người đó không biết đến hứng thú du lịch là gì cả.

Cửa ga Thanh Hóa, cái gì mà cờ xí rợp đất và đồ lộ bộ đầy dẫy thế này. Cái ông bạn trẻ làm phóng viên địa phương cho mấy tờ báo thông tin thấy vế, chạy ngay lại hỏi:

- Anh vế sao chậm thế. Đức Kim Thượng hiện giờ này đang hành tại trên Mường ở Hối Xuân kia. Không đem máy ảnh về à?

Vậy ra đạo ngự ra Thang Mộc Ấp. Và người bạn tôi lắm tướng tôi vẫn còn như hồi nào làm thông tin viên cho báo hàng ngày và chuyến này về đây để làm cái việc tường thuật cho công chúng đọc chơi. Tôi cố giảng cho ông hiểu rằng tôi về đây là một việc khác. Việc nhà. Vợ tôi vừa tin cho tôi biết rằng cái thai mang nặng nơi bụng không được yên như mọi cái yên ổn ở đây. Vậy mà ông bạn tôi vẫn cho là tôi giả vờ với cái tính bí mật cố hữu của một đặc phái viên gì đó.

... Lũ con tôi ngủ cả rồi. Ông tôi tắt cơn xuyên bảo nên để cho chúng ngủ. Tôi vén lá màn ngắm cái ngủ của lũ trẻ. Trông ngon và tự nhiên lắm. Rồi tôi nghiệm ra rằng phần nhiều những người lớn lúc ngủ trông xấu tệ. Há mồm, trợn mắt, trán nhăn lại những đau khổ của ban ngày và mép hằn lên những hồi lỗi và tội ác thường nhật. Ấy là chưa kể vật mình nói mê.

Vợ tôi để tay tôi lên bụng.

- Mình cứ để im nhá. Chúng sắp đạp đấy. Mọi khi bụng đau có bằng ở giữa mà lại nhon ở hai bên. Có lẽ lần này đẻ sinh đôi mất.

- Thế mới là đại bất hạnh.

- Mình bảo cái gì?

- Không.

Tôi vụt nhớ đến cái truyện ngắn “Số đông con” của Đỗ Đức Thu. Tặng tôi.

Khó mà kê được một cái thời khắc biểu cho những ngày ở đây. Sẵn có cái tàu thuốc lá mà thuốc thì hết, ra cái hiệu thực phẩm Khách Phúc Kiến, thấy chú chệt còn ở tù một hộp Prince Albert, hỏi mua, y không muốn bán (!)

- À cái này là cổ quan Chánh Sứ hay dùng. Bán cho nị, nhờ quan Sứ cho bồi ra mô hết mất thì ngộ làm thế nào!

Hỏi đến một gói Lucky Strike, cũng không có.

Đi qua một cửa hiệu sách, tôi phải lấy làm ngạc nhiên vì cuốn *Nouvelles Nourritures* của Gide vẫn chưa có người tranh mà lấy lấy. Sáu tháng trước, cuốn sách duy nhất ấy tôi đã thấy bị lạc lòng bày ở cái tủ hàng này bên những cuốn truyện trinh thám và kỳ tình. Ruồi muỗi đã nhả rất nhiều phân lên tấm bìa một cuốn kinh của thanh niên lớp bây giờ tự mình muốn tìm lấy mình để chứng tỏ cái quyền sống của mình.

Đêm Thanh Hóa tẻ như một cái đêm ở phố phủ. Muốn khỏi tẻ thì chỉ đem nó vào nhà ả đào mà giết. Nhưng rủi thay cho tôi, đêm nay mấy xóm ca xướng đều đông khách cả. Một thứ quý khách đem từ trong

Huế đem ra. Dăm bảy cái xe hòm kính có trước số P.I. đỗ ngoài cổng các nhà hát. Ngài ngự vừa về hành tại trong Hành Cung và các quan tùy giá được ngày Nghiêu Thuấn, đạo thần tử cũng muốn được vui, trăm họ cũng vui và bọn con hát cũng được một đêm thái bình âu ca. Chưa bao giờ trên dưới được hòa vui như bây giờ.

Sớm ngày 12-4, đạo ngự hồi loan. Loan đây là một chiếc tàu bay kiểu thám thính. Các quan tỉnh thần tổng giá ở trường bay Lai Thành. Đức Kim Thượng ngự lên phi thuyền cầm máy lấy, bay tuốt một hơi về Kinh. Thật là một cái vinh dự lớn lao cho phi công Détroual, - vị thiếu sư Pháp đã vỡ lòng về khoa bay cho đức Bảo Đại hồi ngài ngự du qua bên ấy.

Có lẽ muốn không bức mình thì chỉ còn có cách lên chùa Đào Viên hầu chuyện nhà chùa. Cụ Cử Soạn, bậc phụ chấp ấy, bây giờ có ốm yếu hơn trước. Văng cảnh chùa, nhấp chén nước trà nhẹ nhẹ chỗ cửa chiến, khoảnh khắc thấy dễ chịu trong người mà tôi lại nhớ đến lời ông bạn Đỗ Văn đi Tây học nghề máy về để bây giờ phải làm người bất đắc chí giữa xã hội Việt Nam này, và một lúc mệt mỏi, đã phát đại nguyện muốn tới dưỡng bệnh ở cảnh chùa đây.

- Lâu nay ông có thăm được cảnh núi đẹp nào không?

Tôi đã kính cẩn chấp tay trả lời vị Tăng Cang:

- Bạch cụ, chúng tôi vừa đi hành hương vùng Yên Tử về.

- Quý hóa quá. Ông có công lắm. Đến ngay tôi mà cũng chưa lên được chỗ sơn môn danh tiếng ấy. Kể chuyện cho nhà chùa nghe với.

- Bạch cụ, vùng trên ấy cảnh thì đẹp lắm, rất hợp với câu:

*Dù ai quyết chí tu hành,
Có về Yên Tử mới đành lòng tu.*

Nhưng mà chùa thì nát và nói cụ bỏ lỗi cho, tăng ni trên ấy hồng hết. Thật chùa Yên Tử là một cái quảng cáo không tốt cho hội Phật Giáo Bắc Kỳ. Sư ông thì hút thuốc phiện, sư bà thì nấu thuốc phiện. Và...

- Mô Phật!

Tôi đổi câu chuyện. Và hỏi thăm sư cụ về tung tích sư ông Thanh Giám. Người bạn học cùng trường với tôi có một điều đáng tiếc là chữ Hán ít quá, thành thử từ ngày phát đạo tâm chỉ khảo cứu được Phật học bằng những sách Pháp văn thôi. Trước kia, bạn tôi lúc cắt tóc, bắt đầu ăn mày lộc Phật ngay ở chùa này. Và bây giờ vì có tài hoạt động nhiều, được cử làm Tổng thư ký hội Phật Giáo ở ngay chùa Quán Sứ Hà Nội. Nhà chùa và hội chùa kể cũng có duyên lắm nên mới

kết nạp được vị thư ký trẻ này. Mỗi lúc có việc giao dịch với nhà nước Bảo Hộ, chỗ sơn môn cũng đỡ lúng túng. Nhiều khi nhớ đến bạn cũ bây giờ ở vào một thế giới khác hẳn thế giới của tôi, tôi không khỏi nghĩ đến câu thơ Tô Đông Pha. “Già sa vị trước hiềm đa sự. Trước đắc già sa sự cánh đa”. Khoác được cái áo vải nâu của nhà chùa, chắc gì lòng đã hẳn không thêm bận. Không rõ bạn tôi giờ đã diệt được hết dục chưa, nhưng khóa hạ năm ngoái bạn tôi mở một lớp truyền bá quốc ngữ ở mái chùa Khải Minh vùng Sầm Sơn, tôi tới thăm với Trương Tửu, lúc đánh một ván cờ tướng tôi nhận thấy bạn tôi ăn tôi một con xe, một con tốt vẫn còn ngon lành như hồi chưa đi tu. Bao giờ tôi quên được mắt bạn tôi long lánh nhưng thêm muồn và toại nguyện khi chém được quân cờ gỗ của tôi trong cái trai phòng mát mẻ ấy.

Ở chùa về, tỉnh cờ tôi gặp lại một người nhân tình cũ cao lênh nghênh. Nàng khép tà áo và kéo nghiêng nón xuống như cô gái Huế giấu mặt sau chiếc nón bài thơ. Hai chúng tôi đều bẽ bàng và đều không muốn nhìn nhận nhau. Chúng tôi lâu nay đã không cùng nói chung một thứ tiếng.

Chuyến này về Thanh, gặp ông L.C. tôi được nghe một đôi câu đối cũ của một người xứ Nghệ khóc một

người xứ Thanh. Nguyễn Cảnh Đậu khóc lồm Nguyễn Phong Di. Thân thể người làm đôi điệu và người bị khóc cũng đều ngộ nghĩnh.

Nguyễn Cảnh Đậu là một nhà Nho cuối mùa đất Nghê, một người cuồng sĩ chết đường, lúc chết úp một cuốn *Kinh Dịch* lên mặt, nằm cứng đờ ở một cái điểm chợ tỉnh.

Còn Nguyễn Phong Di xuất dương rồi bị bắt ở Tàu về, mới thi đậu Đình Nguyên mới xuất chinh, mới lấy nàng hầu. Lúc ông chết, Nguyễn Cảnh Đậu khóc rằng:

“Lữ bất tử, tù bất tử, phú quý lai nhi tử, cái quan nan định cổ kim bình;

“Khử giả kỳ, tỵ giả kỳ, đại tiểu đẳng diệc kỳ, diên mạc biệt thành tân quái kịch”.

Tôi chép lại và tưởng rằng đã góp thêm được một trang nhỏ mọn linh tinh, giúp một người nào muốn viết lại một cuốn “Thanh Hóa nhân vật chí” khác.

MỘT GIẤC NGỦ

Đến hôm nay nữa, là vừa vận bốn hôm. Đáng lẽ tôi phải viết xong cái truyện ngắn từ bốn hôm nay rồi. Nếu sự lười biếng là cái nét xấu do định mệnh phú bẩm cho tôi, thì lần này là lần tôi đã dám lười lâu hơn hết mọi kỳ. Khốn nạn, có nhiều nhồi gì cho nó cam; chỉ có mỗi một cái truyện ngắn, dài lắm là độ dăm trang giấy, mà hết ngày ấy sang ngày khác, tôi cứ khất lần tôi mãi.

Liên liên mấy buổi sớm nay, tôi vẫn nhắc nhở tôi phải nghĩ đến công việc. Nhưng, uể oải ngồi bên bàn giấy, sớm tôi rửa cửa mà cũng như ngày hôm qua, hôm kia, và hôm kia nữa, bao giờ cũng đến đúng trưa tôi mới mài đục. Cắm được cây bút vào bình mực, tôi đã tưởng thôi! Phen này thì phải là viết được. Cho nó xong chuyện đi. Cho nó tặc trách, để mình khỏi phải vẩn mãi mình. Vẩn chẳng hay thì đừng; chứ tôi bực mình với tôi lắm rồi. Cái gì mà lúc nào trong người tôi, cũng hình như có một thằng người thứ hai cứ xục xắc sống để mà xét nét tôi từng ly từng tý. Khó chịu

nghe lên đến cổ. Ờ, nếu tôi cần mẫn thì ich cho thần xác tôi; nếu tôi lười thì tôi bị hại; can chi đến thằng người thứ hai đó cứ suốt ngày sa sả như một người đàn bà lảm nhời, hờ trời! Chộp mắt thì thôi không nói làm gì, nhưng hễ mở mắt ra là y như rằng, cái thằng người đạo đức đó đã len vào lòng tôi để làm khổ tôi.

Thật là đủ trò. Hết mắng, hết dè bieu, mĩa mai, hấn lại dấn vật, dọa ruồng bỏ tôi. Chán chẳng ăn thua gì, hấn lại xoay ra nịnh tôi và có giấy lát, hấn còn an ủi tôi là khác nữa. Thế có sốt ruột không? Cái thằng người thứ hai đó thực là ôn quá.

Trong lòng tôi, bốn hôm liền liền, có cả một cái ôn ào rất lặng lẽ của lòng tự trọng. Thôi thì tôi nguệch ngoạc viết nốt mấy trang giấy cho ông ấy được hài lòng. Ông ấy nghĩa là cái thằng người thứ hai đang ngự trong người tôi để đàn áp tôi như một sĩ quan thúc lính hàng tiền đạo tiến lên cướp thành.

Tôi biết rằng tôi không thể nào trốn chạy được tôi nên hôm nay tôi phải làm việc. Làm việc với sự miễn cưỡng mệnh mông. Thiếu một chút nữa thì tôi đứng phất dậy để phản đối tất cả những người hay ca tụng cái mùi thơ của sự cần lao bằng đầu óc. Muốn lười mà không được quyền lười, giờ phút này, tôi muốn biểu không cho Trường Thuốc cái khối óc của tôi. Để cho hết sự mè nheo của thằng người thứ hai kia. Đã ngu

dần, dốt nát, đã mất não, thì còn tưởng cái gì, còn nghĩ ngợi điều gì mà viết? Ấy mới là sướng!

Nào có phải là tôi tin tôi có một cái não có thể dùng vào một việc gì cho nhân loại đâu. Có bao giờ thể được. Khi tôi ngó ý muốn biểu không cái khối óc tôi, tôi chỉ muốn nói rằng tôi rất vui vẻ được trở lại làm một thứ người của đời Tiên sử, được sống không cần phải tư tưởng. Để cho nó yên thân. Để cho nó rảnh chuyện. Làm việc mà không hứng thú đã là một cái khổ; đã không hứng thú mà lại còn nơm nớp sợ cái lương tâm của mình thất trực nay phiền, mai trách, cái khổ đó còn thêm một từng nữa. Tôi phàn nàn cho cái tôi lắm.

Nào, làm việc đi. Tôi thấy tôi nói mãi rồi.

Tờ giấy trắng tinh mời tôi gửi xuống đây một dòng chữ, cái dòng chữ đầu tiên. Nhưng mà ký thác xuống đây cái gì bây giờ! Trời, sao mà khó khăn thế này!

Ở mọi công việc tẩy đình, cái bước đầu là bước đáng kể. Ở một tác phẩm văn chương cái dòng đầu là dòng đáng kể. Tôi cho tôi cái quyền được hoa mai ngòi bút nhọn trên tờ giấy nhẵn vắn trắng tinh. Để rồi lâu lâu một lúc, cứ mãi mãi ngoáy tròn đầu bút cách mặt giấy một đốt ngón tay; tôi thấy khó thở quá. Người tôi bắt đầu nóng và đã trở nên một cái nồi cáu kính không có lỗ thông hơi.

Tôi lấy tay áo chùi ngang trán xâm xấp mồ hôi. Tôi ngờ hay tại vì trời nóng nên tôi làm việc mới chất vật như thế này. Thôi phải rồi hôm nay nắng mới, trong số mười người thì chín người phải ngủ trưa, chứ phải tội vạ gì mà ngồi làm việc cho mồ hôi trên đổ xuống mồ hôi dưới. Tôi đặt cho tôi một câu hỏi rất nhẹ nhàng: “- Hay là để đến tối, làm việc cho nó mát và tỉnh hơn? Bây giờ đi ngủ một vài giờ để tối mà thức. Viết bây giờ cũng thế. Mà tối viết cũng thế. Miễn là ngày hôm nay viết cho xong đi, có phải không?”

Thế là tôi đã sung sướng đứng dậy, rồi bỏ cái bàn giấy khó chịu. Và tôi vẫn tin rằng tôi không lười nhác tí nào cả. Tại trời oi nóng đấy chứ. Trời mà đã nắng nực thì đổ mà làm gì được. Nói chi đến công việc của từng cá nhân. Đến ngay cả một cái Văn Minh của một địa phương cũng còn bị khí hậu ảnh hưởng lớn nữa là. Có phải tôi bịa đặt ra câu chuyện to tát này để bênh vực cho cái lười của tôi và đổ lỗi cho tiết trời nóng buổi trưa này đâu. Cái trình độ tiến hóa của những xứ ở vùng xích đạo còn rành rành đó để dẫn chứng cho tôi.

Nói tóm lại, nóng thì không làm việc được thứ nhất lại làm việc bằng tưởng tượng. Thế nghĩa là tôi có một cái cơ rất chắc chắn để đến tối mới phải dúng tay vào việc.

Bởi vì nóng bức, tôi đã cho phép tôi ngủ. Và nhờ có cái nhiệt độ quý hóa của gian phòng hấp hơi, tôi đã tránh được cái cần rút của lương tâm, của lòng tự ái khi tôi lăn ềnh ra giường để nhắm nghiền ngay mắt lại. Giá hồi nãy, tôi cầm quần bút cũng có hứng thú như lúc này nằm ở giường phe phẩy cầm cây quạt nan, sắp chợp mắt, mơ được làm Thái thú quận Nam Kha nhỉ!

Tôi nằm nhớ lại mấy đêm vừa qua. Tôi thoáng nghĩ thấy những mùi hương phấn rất cầu kỳ, tôi thoáng trông thấy những làn khói thuốc tà tà đè xuống mặt cốc rượu sủi tăm, tôi thoáng nghe thấy tiếng mấy sợi dây ruột mèo thỏn thục dưới cái lướt qua của một cây vĩ gọi cầm. Tiếng đàn nức hòa với tiếng cười rạn vỡ của một vài cuống họng giai nhân đẩy vào căn phòng có bóng đèn xanh, tím, đỏ và ánh sáng lúc nào cũng là ánh sáng gián tiếp. Tất cả những cái này đều lơ mơ, hình và cạnh và góc đều không có đường viền. Thế rồi tôi chợp mắt. Tôi ngủ trưa để bù lại mấy đêm trắng vừa qua với những hình, ảnh và mùi và vang của hương, của sắc, của thanh âm. Tôi nằm mơ thấy cái ông sếp già coi việc xếp chữ nhà in, đông dặc đi vào buồng tôi. Ông cụ lặng thinh tiến lại phía giường, cặp mắt đầy nghiêm nghị, xòe bàn tay gân guốc ra và cúi gằm mặt xuống sàn gác, nói rất

nhỏ, tướng chừng như lời nói khó lọt qua bộ râu dày của ông.

- Máy in vẫn chờ ông. Chiếc máy cái Double Raisin nghỉ từ sớm nay. Ông có được trang nào, ông đưa đỡ đi vậy, cho nhà chữ làm dần dần. Tôi nhắc ông lần này là lần thứ tư.

Tôi nín. Chờ một câu trả lời của tôi, ông cụ sếp già ngắc đầu, nhìn suốt vào đáy đồng tử tôi, nét mặt vẫn trang nghiêm như một người sống chỉ biết thờ có bốn phận.

Cái nền trời trong cơn mơ, đen kịt như một đêm giao thừa. Một cái màu đen tàn nhẫn và béo ngậy như màu đen của nhà in. Mồ hôi tôi toát đầm áo. Thế rồi tôi tỉnh giấc, để nhớ ngay đến công việc, tới phút này vẫn chưa khởi công được một phần nào.

Tôi bò ra ghế bành, gục cái đầu nặng nề vào thành bàn giấy. Nhớ đến người trong một giấc mộng ngắn, tôi nghĩ ngay đến cái ông cụ P... già, đã mười năm nay, trông nom việc xếp đặt bài vở ở tòa báo. Trong đời tôi có lẽ tôi sợ ông cụ đó nhất. Thử ngẫm một thằng như tôi đã có lần dám nháp nháy đến một me Tây vợ một ông quan ba, pháo thủ có tính điên, ờ, một thằng như tôi dám bịt đầu súng lục, dám thách cả Tây đen kiện nợ tại tòa, thế mà đâm ra sợ một ông già xếp chữ nhà in thì có quái lạ không? Sự đời... ấy mà!

Đã bao nhiêu lần tôi trốn chạy ông cụ ấy như trốn chạy bệnh truyền nhiễm. Và ông ta tìm bắt tôi như một kẻ tìm bắt giặc để linh thường nhà nước. Mỗi lần tóm được thằng tôi đã có tiếng là lười và chậm trễ nhất trong nhà, - một cái nhà mà người ta cất lên làm nhà báo - ông cụ già xem chừng như sung sướng lắm, những khi tôi lúng túng, mở miệng không ra để khất bài vở với ông. Một con nợ, cố làm ra vẻ hiền lành ngoan ngoãn khi khất một món nợ khutom mười năm, cũng chỉ đến áp úng như tôi trong lúc ấy thôi.

Tôi còn nhớ lắm buổi sớm, tôi tha cả cái mùi nước hoa *Con Voi* của những đêm sa ngã rất rẻ tiền vào tòa soạn muôn năm phảng phất cái mùi trang nhã của giấy và mực in. Mắt tôi sâu hoắm, người tôi phờ phạc; tôi khe khẽ rút khỏi ngăn kéo cái gương con để soi vào hai hàm răng vàng ệnh các thứ khói thuốc trong một đêm thức trọn năm canh. Tinh thần hốt hoảng, tôi rờn rợn cảm thấy có vật gì thờ nhẹ đằng sau tôi. Thoáng thấy một cái bóng trong gương con, tôi quay lại.

Ồ, lại ông cụ P...! Ông cụ P... lên giục bài. Thế có giết người hay không?

Anh em ngồi ở mấy bàn chung quanh, khúc khích cười thầm và chờ lắng xem tôi khất khứa với ông già như thế nào cho trôi được cái buổi sớm này. Ông cụ già mồm mê chiếc cà vát đang điểm, quán xộc xệch không khép kín cái cổ áo tôi hoen ố đầy đò vài vệt sáp

môi. Ông già dần từng tiếng, hỏi tôi như một người vợ hỏi một người chồng không đứng đắn sau những đêm lỏng thên cài đợi cửa.

- Đêm qua, ông lại đi chơi?

Không cần câu trả lời của tôi, ông già đi sang bàn khác, có khi ông ta tủm tỉm cười, có khi ông ta buồn rầu lặng lẽ. Những buổi như thế, tôi đã căn cứ vào nét mặt vui hay buồn của ông cụ P... để mà định công việc. Nếu ông già tủm tỉm thì tôi hiểu rằng cũng chưa cần lắm, tôi có thể lùi được đến chiều và đến mai một cũng nên. Trái lại, nếu ông già lặng thinh, thì tôi biết rằng rầy to rồi. Tôi phải cố căng cặp mắt mờ và không kể cái miệng đắng như nuốt bồ hòn, không kể xương sống cứ rời ra như bị trận đòn thù, tôi phải ngồi luôn đấy và vớ quàn bút mà viết một cách bất cố tả hữu. (Những lúc này, nếu giấy và mực có mồm, thì đã kêu rầm lên là chúng nó có tội tình gì mà tôi dùng chúng nó đến mực tàn nhẫn khinh thị như thế). Khi đã trao được bài cho nhà in, tôi nhận lấy một câu lạnh lẽo của ông cụ P...:

- Lần sau ông nhớ đưa sớm cho.

Lần sau... và lần sau. Nghĩa là cái lần này đây. Thế ra lần nào tôi cũng chậm trễ?

Cái trời chiều của chiều nay thấp tịt như một cái lòng chảo gang úp lên thành phố. Trong không khí có

nhiều điện. Tôi nhớ lại lời thầy tôi dặn tôi khi còn luôn luôn ở nhà: “Người ta không nên ngủ trưa. Ngủ trưa mà dậy chậm quá, vào lúc hoàng hôn, rất có hại cho tâm tình. Nếu lỡ ngủ trưa nhiều quá mà trở dậy vào lúc mặt trời sắp tắt, thì phải tìm một chỗ thoáng mà hóng gió. Nếu được gần bờ sông thì hay nhất”.

Chiều nay tôi mới hiểu hết nghĩa một câu nói đã cũ. Trông thấy cái trời chiều úa vàng - một màu vàng tối úa như sắc mặt một gái đi tiêm nhiều thuốc gonacrine và bị tắm nắng theo phép chữa bệnh của nhà lục xì - trông thấy trời chiều vàng nẫu, tôi thấy tôi chán tôi, chán sự vật, chán cuộc đời. Cả một cây thịt đang đổ xuống như một bầu tâm sự rạn nứt dữ dội lẫn lúc tình rượu canh tàn. Tôi có một bộ mặt đi đưa đám ma. Tôi hiểu tôi lắm mà. Tôi còn hiểu thêm rằng giữa một buổi chiều tang tóc này, tôi đã hết muốn sống. Và cái buồn thảm trong lòng tôi đã bỏ xa cái buồn thảm của một cuốn *Việt Nam vong quốc sử*.

Nhờ cái hương sen nơi buồng tắm rỉ đến gần trăm tia nước mát vào người, sau buổi tắm, lòng tôi hồi dần lại với ngày sống. Thế rồi tôi đã gõ đế giày trên lớp nhựa đường phố.

Trong một hiệu cao lâu Khách, tôi nhấp cốc rượu nồng, giữa mấy gia đình Hoa kiều tránh nạn sang Hà Nội, cũng đang uống mấy bình rượu *Sử Quốc Công*.

Họ uống lạng lẽ như những người nhớ quê hương và hổ rằng phải xa lìa cái tổ quốc đang cần đến mình. Tôi so sánh tôi với họ, lúc trở ra về.

Nhất định là đêm nay phải thức để viết, tôi mua về nhà nào là cà phê xay sẵn, đường, thuốc lá cuộn rồi và cả thứ chưa cuộn và bánh ngọt nữa. Với những thực phẩm này, dùng để bồi bổ đèn cho một cuộc chi tiêu tinh thần mà tôi tin rằng sắp ghé gớm lắm đây, tôi tưởng tôi lúc ấy là một sinh viên Trường Thuốc vào kỳ sắp thi ra, phải thức học bài. Muốn tránh hết những cuộc gặp gỡ người quen ở ngoài đường, tôi nhảy lên xe đi thẳng về nhà không nhìn ngang nhìn ngửa. Bây giờ mà trời định ra tay thì cứ cho tôi tóm được một người bạn thân. Là trai hay là gái, người bạn nào trong lúc này tôi gặp, cũng đủ là một cái cớ để tôi được khinh thường công việc. Sống đã!

Thế là bây giờ, trong một gian phòng, tôi có thể ngồi làm việc với những sự hứng thú hoàn toàn. Nhưng chẳng nhẽ đã làm việc ngay. Nếu có để dành bánh đến khuya, thì ít ra cũng phải uống cà phê chứ. Uống cà phê để thức mà lại, để kích thích não cân mà lại. Tôi lịch kịch, đun nước, pha được một cốc cà phê thì đã gần mười giờ. Thấy đĩa bánh gọi cảm nhiều quá, tôi đã ăn luôn cả đĩa bánh. Thôi thì trước sau chẳng nào cũng thế. Và lại tôi gì lại giam hãm thân khẩu. Uống xong, ăn xong, tôi nhìn đẹp giấy trắng

bầy sẵn trên mặt bàn, tùm tùm cười. Thong thả đã, đã làm gì mà vội. Tôi còn cả một đêm kia mà. Tôi thấy cần ngả lưng một chút. Một chút thôi. Tôi nhồi một mồi thuốc đầy vào cái tẩu thuốc lá, đánh diêm, rồi nằm đếm mấy con mối oằn oèo vờn nhau trong cái vòng quang đèn điện trên trần. Gió hiu hiu thổi làm tan những vòng khói và giúp thêm tôi vui vẻ làm cái việc tiêu bữa cơm trong bụng. Tôi chưa thèm nghĩ gì đến những cái gì sắp viết lên mặt giấy. Tôi chỉ biết rằng thế nào đêm nay cũng thức đến bạch nhật và sẽ được ngắm cái buổi bình minh. Chà, còn gì đẹp bằng cái buổi tinh mơ hé dòm cửa sổ, bắt gặp mình đang cần cù làm việc bằng óc, quên cả cái đêm đã hết. Lúc bấy giờ người ta thấy mình là to lắm và người ta có quyền khinh hết cả cái nhân loại chưa thức dậy. Cho được khoan khoái nhiều hơn vì ý nghĩ này, tôi nhắm mắt lại, lắng hết cả mình vào một đời sống bên trong...

Lúc tôi mở mắt dậy, thì cái gì mà trời đã hừng đông. Thế ra tôi đã ngủ, ngủ hết cả đêm, đèn vẫn chong cho đến bây giờ. Ánh sáng vàng cảnh cách vẫn soi lên tờ giấy trắng lạnh chưa có dòng chữ đen nào. Và, ở góc bàn, ngổn ngang phích cà phê, đĩa bánh đã trơ cả lòng đĩa. Tôi ngán ngẩm nhìn đồng tàn tro xám thuốc lá văng trên mặt gối. Trời! Ra tối qua tôi tắm, tôi ăn, tôi uống để rồi... ngủ một giấc rất ngon lành.

Sao nó không là một giấc trăm năm đi cho rồi quách. Nhìn thấy trời cứ rạng thêm lần lần, tôi càng lần lần nhận rõ tôi là một thằng bần tiện. Nỗi xấu hổ cứ được buổi mai soi tỏ thêm mãi. Tôi băng khuáng như một anh lính canh thành ngủ quên để choàng mở mắt nhìn tòa thành đã thay chủ đã đổi cờ. Tôi bèn lên như một gái nhà lành say rượu, bừng mắt dậy thấy mình ngủ ở giường một nhà lạ.

Chưa bao giờ tôi khinh thường tôi như lúc này. Tôi muốn quên tôi. Tôi muốn trốn tôi.

Bởi vì... chốc nữa... ông cụ P... nhà in, và một cái máy khổng lồ Double Raisin...

CỬA ĐẠI

Cửa Đại là một trong mười hai cửa biển lớn nơi xứ sở. Chính chữ là Đại Chiếm hải khẩu.

Những người già cả và lang thang nhiều đã bảo tôi thế. Và theo cái đà du lịch của tôi ngày năm nọ, tôi đã ghé thăm cửa biển lịch sử này.

Tôi đến Phố vào lúc tối.

Phố là tục danh một thành phố mà Tây mệnh danh là Faifo và Ta cũng gọi luôn là Phe Phô. Thật là tiện quá. Nhưng đứng vào mặt hành chính mà nói chuyện thì không thấy tiện một chút nào. Cái gì mà một tỉnh Quảng Nam mà thành phố thì đặt ở Faifo - có tòa Sứ, có đồn lính tập, có sở Giây Thép, và từ sau hồi biến động 1930, có thêm ty Mật Thám, v.v.. - và tỉnh thì lại đặt ở ngoài Bến Điện với một nếp thành cũ, trông xa như một bức tường phủ cũ bỏ không. Từ cái dinh ông thủ hiến Tây của một tỉnh đến cái dinh ông thủ hiến Ta cũng của cái tỉnh ấy, có đến hơn mười cây số đường đất đỏ nắng chang chang. Thế

nghĩa là, nếu ông và tôi có phải trình một lá đơn để xin chữ phê của Tỉnh lãn Tòa, thì phải đi từ Phố ra Bến Điện, rồi lại từ Bến Điện trở về Phố, vừa đi vừa về mất hơn hai chục cây số. Hai chục cây số... hai cái dấu son! Nhưng đấy là cái phiền phức của người sở tại mỗi khi có việc dân sự.

Nhưng tôi chỉ là một du khách đi qua, thấy hay tôi ở lâu, thấy dở, tôi lên đường ngay. Tôi cũng chỉ nói qua thế thôi. Tôi không muốn đi sâu vào cái khó chịu của một địa phương.

Tự cho mình là một con cò, đất có lạnh thì tôi đậu lâu, đất không lạnh thì tôi lại cất cánh bay đi ngay. Là một đối khách chỉ muốn sống với cảnh đẹp luôn luôn đổi thay, tôi chỉ muốn lòng tôi sớm chiều đều rung một điệu nhẹ nhõm vui vẻ.

Cái đêm đầu của tôi ở Phố là một đêm không buồn, không vui. Chỉ có rất những bờ ngờ thôi. Không phải là cái bờ ngờ của một người công tử quen sống với sự thân mật của nhà mình, mỗi lúc xa nhà là không nhắm được hai mắt mà ngủ và lúc nghe đêm sang trông canh hoặc ăn uống khác mất vị phải kêu những sênh nhà là ra thất nghiệp. Không phải thế. Cái bờ ngờ của tôi đêm ấy là sự ngạc nhiên của tám lòng đã hồ mĩ trước một nguồn sống mới.

Tôi đi chơi vào lúc giao mùa. Năm đã già nửa. Mùa hè đã tự diệt mình bằng ngọn lửa gay gắt. Xa xa trước tầm mắt tôi, vào lúc mở một ngày và vào lúc hết một ngày của mùa mới, mây khói đùn trên mặt đất sao mà nhiều thế.

Lúc nhá nhem tối, xe ô tô vận tải qua Bến Điện, qua thành Quảng Nam, tôi tự hỏi sao ở đây, ở bên nước đẹp này lại không có lấy một ít người đàn bà đem lụa ra đẩy mà đập bồm bộp để gò cái cảnh này cho nó đúng với không khí một bài thơ trong tám bài thơ thu hứng của Đỗ Phủ. Tỉnh Quảng Nam có tiếng về kỹ nghệ làm hàng tơ, có tiếng về nghề dệt lụa nhiều kia mà. Vậy sao không ai đập sức lụa ở bên con sông vừa qua cầu? Kém có một cái tiếng đồn châm của những nàng Tây Thi vô danh chưa hiện ra để xáo động cuộc đời êm ả, kém có cái tiếng nện vải lụa trên hòn đá bên nước lúc hoàng hôn mà khi xe lướt qua mình cái thành gạch tỉnh Quảng Nam, cái thích ở lòng lữ thứ của tôi đã giảm mất đến nửa phần khi tôi nhớ lại câu thơ của bài thơ dựng cho bài *Tỳ Bà Hành*.

Thành Bạch đồn châm buổi ác tà.

Đưa khách... chiếc xe hàng lù đù, rừ rờ cốp nhật từng độ đường. Lúc này tôi mới thấy nhớ những thành thị đất Bắc - Những thành thị đất Bắc có những con hát lành nghề biết hát bài thơ trường thiên

ca tụng một cảnh bến sông Tầm Dương rất xa xôi huyền ảo mà có lẽ suốt đời họ, suốt một đời tôi, chúng ta không bao giờ được đi tới, được nom đến. Ở đây là miền Nam rồi. Làm gì ra những ca nhi hát giọng Bắc. Tôi nhớ vô hạn đến cái hơi thu dề trên những mái lâu đài của các thành thị đất Bắc. Cũng là trong lòng của xứ sở, mà từ đây mới vào có đến đây, sao tôi đã thấy khác khác rồi. Tâm hồn tôi, tôi đã thấy chia rồi. Rồi tôi thấy bùi ngùi nhớ. Nhớ đến những cái xoàng xĩnh mà nếu không có ly cách, thì không bao giờ tôi thấu đến giá trị. Vậy mà lúc tôi lên đường vào trong này, tôi có cái ý định là quên hết. Quên người quên cảnh đất Bắc. Ra cảnh vật ấy cũng vẫn chưa phải là tẻ.

Đêm đầu của tôi ở Phố, tôi ra ngắm bóng trăng thanh rọi xuống mặt sông Hội An. Trên mặt sông, thực là một cái rừng cột thuyền buồm, manh ghe chỉ chít dây lèo, buồm dây thừng. Bấy nhiêu nét đen sắc đều nhấp nhô lay động theo mực nước thủy triều đang dâng lên rất mạnh. Ánh trăng bị dầm tan trong lòng con sông mà nước ngọt đang bị bể ngoài pha rót vào bao nhiêu là muối chát mặn.

Bên bờ xa kia là làng Cẩm Phô, một cái làng rất giàu có mà sớm mai tới đây người ta sẽ đem sang bên này bờ bán cho tôi những con hến luộc nhỏ xiu dùng làm đồ ăn điểm tâm với bánh trắng.

Tôi bước chân xuống thuyền.

Đêm nay, tôi ngủ trên mặt sông. Gió sông rộng có cả sức tò mò của một trận gió vàng. Mỗi đợt gió lọt vào khoang thuyền là một sự tọc mạch đến chuyện riêng của lòng. Tôi trần trọc, thèm muốn một tấm chăn đơn.

Sớm tinh mơ, tôi đã trở dậy để nhìn cảnh sắp nhộn nhịp trên sông. Nước bể rút xuống lúc khuya còn để lại nơi gờ bến xây si-moong những ngấn rêu và bùn nhầy nhụa. Một vài ngọn lửa lập lòe nơi đầu mũi thuyền mấy chiếc ghe bầu bụng chứa, mình to và những con mắt thao láo ở đầu mũi. Mụ chài chỉ tay vào giữa đám ghe bầu, bảo cho biết rằng đấy là những bất động sản của mấy ông bá vùng đây chuyên nghề làm thuyền. Thật là những cái cơ nghiệp nổi.

Gió sớm thổi mạnh. Một chiếc ghe bầu trương buồm nhỏ neo. Buổi sớm khởi hành của cánh buồm căng thẳng, bao giờ cũng là vui mắt. Tôi muốn tôi mãi mãi được là một lá buồm căng thẳng như thế, mỗi lúc có gió sớm nổi dọn đường cho một mặt trời mới nhô lên sau ngấn nước bể Đông.

Mụ chài chỉ tay đuổi theo ghe từ từ ra cửa sông xa vời:

- Ngày xưa, chủ ghe đó cũng xầm xì làm đồ như bọn tôi. Từ ngày đi bạn ghe với ông Bá bên Cẩm Phô,

lão ta vớt được ở giữa khơi một tảng long diên hương to bằng trái dừa Bình Định, về bán cho khách trú, được cơ man là bạc. Bây giờ chủ ghe đó, hể nghe thấy tin cá ông luy bất cứ ở nơi nào, là lão cũng tới để góp phần làm ma với dân chài lưới sở tại. Ông trời mà thương tôi, chả mấy chốc mà nên cơ đồ, thấy ạ.

Tôi đổ bộ, rất ngờ nghếch với cái sinh hoạt của buổi mai ở Phố. Người ta đang gỡ những tấm cửa lùa để bày mặt hàng tạp hóa. Những tấm cửa lùa này lùa theo một chiều dọc! Nghênh ngang giữa phố Chùa Cầu - một cái phố cấm xe hơi đi qua - hai ba người khiêng một cái bàn độc, ở trên đó, nằm phủ phục một con heo quay đã mất đầu và hai chân. Bọn người đi bán thịt lợn quay một cách ngổ nghinh như thế đã chui lọt vào một con đường kiệt. Từ con đường kiệt lại lò ra một thiếu phụ mặc áo lụa trắng, tay xách một cái soong to, mỗi lúc ngừng kéo hơi điều thuốc lá Cẩm Lệ thì mồm lại rao: Ai "*ngầu mạc nạm* không?" Ở người một gã lữ thứ, tôi cho không cái bất thình lình nào thú bằng cái việc đi tới một xứ lạ vào lúc đêm hôm để sớm mai được hoàn toàn bỡ ngỡ trước những cái phô phang đầu tiên của một trạng thái sống mới lạ, sau một giấc ngủ đích đáng của đường trường. Đi tới một nơi lạ, tiếng rao của bọn người bán quà rong có những thổ âm riêng, đã làm cho tôi cảm động hơn hết mọi cái gì của một vùng ấy. Những chiếc xe tay

có lục lạc đồng kêu loong coong như tiếng nhạc ngựa của một thầy Chánh tổng vùng quê xứ Bắc, lại càng gợi lòng vui của tôi. Có lẽ mai một đây, nếu tôi cứ phải nấn ná ở đây, những thứ tiếng hoạt động này sẽ trở nên tằm thường và lại còn khó chịu nữa; nhưng ở giờ phút này, những thanh âm đó tạc sâu vào thính giác tôi. Nhớ được cái mùi của một nơi, người ta rất còn nên nhớ tới một cái tiếng của một nơi nữa.

Đặt chân lên thêm nhà, tôi đã nhận ngay lấy một câu hỏi chế diễu của người em gái lấy chồng ở trong ấy:

- Đêm qua, *eng* cỡ nằm thuyền?

Cả nhà phá lên cười. Mãi đến chiều, tôi mới hiểu cái nghĩa của sự nằm thuyền ở Quảng là như thế nào. Ra ở đấy, người ta thường truy lạc trên mặt sông, có gần như ở Huế. Mỗi con thuyền là một chiếc thuyền tình, thứ tình mua bằng tiền, nhiều khi lại rất hời giá.

Mặt trời Faifo, lúc ngã xuống phía núi Trà Kiệu, đã in dài xuống con đường đi Cửa Đại một cái bóng xe ngựa. Tôi là người khách cô độc của cả một chuyến xe rước người trên Phố xuống tắm biển, cách thành phố bốn cây số. Cửa biển này là một trong thập nhị hải khẩu ghi ở sử cũ. Tôi yên chí dưới khoáng đất thừa lương Cửa Đại, trên bãi cát, đã có bao nhiêu lâu

dài diêm dúa sớm chiều làm đom với sóng bạc đầu không có tuổi già. Trái lại. Ba bốn nếp nhà tranh vẹo theo chiều gió lộng thổi quanh năm từ ngoài khơi vào trong lục địa!

Trước mặt tôi là cù lao Chàm, tổ quốc của yến sào. Phía bắc, là Ngũ Hành Sơn, là đèo Hải Vân. Nhà của tôi, những người quen rất xưa của tôi, ở tít tắp lùi xa sau cái lớp mây trắng kéo dài từ đất ra đến bể đó.

Nhìn xoay vào trong bãi, vẫn chỉ có mấy túp lều tranh nép mình dưới ngọn phi lao. Sóng bể ỳ ầm, gió cây bãi ào ào. Chỉ có thế thôi. Nếu là một người ham chuộng cái lộng lẫy của những bờ biển đã duy tân như Đồ Sơn, Sầm Sơn có những biệt thự xanh đỏ tím vàng, thì cảnh mộc mạc này có thể xua đuổi tôi đi ngay lập tức. Không nản lòng một chút nào, tôi còn thấy quyến luyến với cảnh. Tôi vui vẻ bước vào quán. Chủ quán là một ông già, một ông già còn giữ được cái búi tóc trắng.

Ông cụ Điều - ông chủ quán - người rất vui tính. Cái tính hồn nhiên của cụ Điều thật đã hòa hợp với cái tự nhiên nơi bãi bể này, một bãi bể mà người ta còn được phép tự do khỏa thân lúc dìm thân xuống nước mặn.

Tôi ở Cửa Đại có đến năm sáu ngày liền. Ngày ngày ăn cá luộc thay cơm. Và chốc chốc lại nhảy tùm xuống bể ngâm mình. Chán nê rơn với nước, tôi lại lên

bãi phơi mình tắm nắng. Chúng tôi là bốn người cứ cặp kè nhau trong cái vui sướng với tự nhiên: ông cụ Điều, Nhân - người con trai ông cụ và một thi sĩ trẻ người vùng Quảng Bình vào đây hít gió dương bệnh đen phổi và tôi. Đêm, chúng tôi ngắm sao trên vòm trời như những kẻ đi biển tìm phương hướng. Cái êm đềm của đêm thừa lương hẻo lánh này thỉnh thoảng thường bị phá rối vì mấy cuộc đánh bài tứ sắc ồn ào cãi cọ của mấy người ở Quảng Ngãi ra chơi đây.

Cảnh mến tôi, tôi quyến luyến với cảnh. Nhưng ngày lên đường của tôi đã tới. Sóng vô chiều nay nghe như có chen những tiếng rì rầu.

- Thưa cụ, tôi gửi lại tiền về sự phiền quấy trong mấy bữa.

- Di rồi sao?

Ông cụ Điều và cậu Nhân tỏ ý buồn nhớ. Ông cụ rầu lòng giống như một ông tù trưởng trên xứ Mường phải miễn cưỡng thả một "cái quan" rất tử tế trở về đất Kinh. Biết không thể làm cho khách lúi lại nhật kỳ, ông cụ nói:

- Nghe nói ngoài Hà Nội vui lắm. Người niên thiếu và phong tình như mấy thầy chịu chi nổi chốn này.

Tôi vô vai cậu Nhân. Nếu sau này có phải về tranh cho cuốn truyện *Tuyết Hồng lệ sử*, về đến bức hình

Bằng Lang, thì tôi phải trở lại tìm cho được cái kiểu mẫu này. Tôi khoa tay chào cả nhà ông cụ Điều.

Chiếc xe ngựa của anh Bấy đã quay mấy vòng bánh, nghiêng xuống cát kêu rào rào. Xe đi khuất vào rừng thông nổi gió. Cha con ông Điều đã mất sau lùm cây. Sóng đổ ào, đuổi theo người đi.

Chưa rời khỏi cái quán được mấy trăm thước mà tôi đã thấy nhớ Cửa Đại tường chừng như có thể quay xe trở lại được.

Sao cảnh ở đây hiền lành thế. Ngồi trăm ngăm, đem so sánh những bãi bể nghỉ mát ở các tỉnh rải rác một vùng duyên hải, nếu tôi có thể hạ những chữ như “bãi bể đã đánh đi” để chỉ Đồ Sơn hay Sầm Sơn chẳng hạn, thì tôi càng nhận thấy Cửa Đại là một đất thừa lương rất lương thiện.

Có như thế. Con nhà chài ở đây chưa biết đánh lừa người ta, mỗi khi bán mớ tôm, mớ cá. Những thiếu phụ góa bụa quán giải khăn ngang để tang một người thuyền chài chết vì mẻ cá nục ngoài bể sâu mấy con sào nước, những người sương phụ đó có cái vẻ đẹp của Thánh Marie đó chưa biết đến việc mai dâm, một thứ hàng mà người thành thị đi nghỉ mát để khoe của đã đem du nhập vào mọi chỗ hải tần đổi mới. Ở đây, người ta đi tắm là đi tắm. Hít gió ở đây là một cứu cánh chứ không phải là một phương tiện trá hình của

đám trường già. Ở đây, chỉ có cát vàng, cây xanh, sóng trắng đầu. Cảnh tự nhiên chưa bị hoen ố bởi những tấm biển quảng cáo. Tạo vật được kính trọng đến cả trong những tiếng động. Ngoài cái bản đàn của sóng khơi và gió ngàn thông, tịnh không có tiếng âm nhạc hỗn xược của nhà khiêu vũ hay của khách sạn mà mỗi lúc say sưa, người ta lấy dao, lấy thìa, lấy chìa ba gõ vào miệng cốc thành đĩa để bắt chước cái tiếng động một chiếc máy chữ của những nước cơ khí hóa đến cả tấm lòng.

Trên con đường này, tôi chưa được thấy bóng một cái xe hơi vô lễ nào vượt qua tôi với sự ngạo mạn của tên cầm lái chửi mắng người bộ hành bằng những nắm cát bụi mù bỏ trở lại.

Lọc cọc lạch cạch, cái xe ngựa của anh Bảy chạy rất chậm trên con đường vắng. Thật là hình bóng sự vận tải của một thời trung cổ. Nó giống như cái xe thổ mộ của Nam kỳ. Thằng Càng chốc chốc lại nói với cha nó dừng xe lại. Anh Bảy sau khi họ xe ngựa đứng im để cho đứa con xuống khám lại vành bánh xe cũ nát, lại chắc lưỡi, nói cương. Cái xe ngựa ồm yếu lại từ từ lăn vòng bánh trệu trạo trên đoạn đường lờm chờm. Trông con ngựa già nhẩn nại và ỳ ạch, tôi nghĩ đến những cái tài hoa lúc đã cỗi cằn hay những ông đồ cuối mùa cố bám vào cuộc sống đã ruồng bỏ mình ra mặt.

Mãi đến bây giờ gần về đến Phố, tôi mới nhớ ra trong xe, còn có thêm một hành khách nữa. Ấy là một người đàn bà, một thứ đàn bà tồi. Tôi ở chỗ loã lổ trong câu nói tiếng cười. Tôi ở cái lối phục sức đã rẻ tiền mà cứ gắng làm ra lộng lẫy cho kỳ được. Cái tuổi trẻ này, chắc đã thức đêm nhiều và đã bị chuyển qua tay nhiều người vô danh lấm. Hai con mắt đục tố cáo rõ sự mệt mỏi của xác thịt bị vấy vọc nhiều và bộ ngực xop xẹp của nàng nhắc cho mình nghĩ đến những cái gì sắp vừa ra. Có phải những tàn lửa điều thuốc lá Cẩm Lệ của những đêm trên chiếc thuyền tình sông Hội An đã dùi thủng cái manh áo tím nhàu nát kia không? Tôi yên chí rằng, nếu còn lần lừa ở Faifo, nếu còn nằm dò, thế nào tôi cũng thấy lại cái khuôn mặt này.

Xe ngựa anh Bảy đã vào đến địa đầu thành phố. Cái người đàn bà đó vẫn chưa chịu xuống. Nàng cứ ngồi ỳ ra đấy để ám sát cái hiền lành của một chuyến xe ngựa rất nên thơ. Thấy nàng vô duyên và trơ trên đến cực điểm, tôi không muốn ví cái xe của anh Bảy với chiếc xe roulotte của người lưu đãng nữa. Bởi vì cái người đàn bà tồi đó không thể nào chép được cho tôi cái hình ảnh của người gitane, mặc dầu mớ tóc của nàng đen như mun.

Đêm nay tôi lại ngủ dò.

Trăng đêm khuyết hẳn một góc và kênh càng mãi, bắt tôi nằm chờ đợi rất lâu nơi cửa sổ khoang thuyền. Dưới bóng lơ mờ, những chiếc thuyền con rao bán chè đậu ván và mì cu-ly lượn lên lượn xuống như vào một ngày hội hoa thuyền. Tôi muốn mách những người có tâm bệnh, mỗi tiết hè tới đây mà dưỡng nhàn hay là nhàn sâu trên mặt sông này. Ta sẽ thấy những cảm tưởng nhẹ nhàng.

Giữa hai giấc mộng còn con, tôi bắt được vợ chồng nhà đồ đương cãi lộn nhau về cái câu: “Quảng Nam hay cái, Quảng Ngãi hay co, Bình Định hay lo, Thừa Thiên nich hết”.

Tôi ở thuyền, về nhà để thu thập hành lý. Buổi sớm, sau đêm đó, tôi ăn cơm với cá trảnh, thứ cá riêng có ở sông Phố. Nó thơm như cá sông Hương. Bữa cơm gia đình không vui lắm, vì trên cái mùi đồ ăn lại còn phảng phất ít mùi tiền hành.

- Anh Cả ở rảnh lại ít ngày. Sắp đến mùa lòng bong đó. Ước ao mãi, giờ nhân vô chơi, anh đợi mà ăn trái lòng bong.

Tôi nhấp cạn chén rượu ty và lơ đãng nhìn mấy người em tôi - cả em gái lẫn em trai, em dâu và em rể nữa - đang chụm đầu trên mâm cơm. Tôi không nói sai sự thực tý nào, khi tôi ví lũ em tôi là những củ khoai sọ. Chúng nó lành lặn. Sống không phiền ai, và

cũng không muốn ai quấy mình. Từ khi được làm người đến giờ, chúng chưa bị một cơn khủng hoảng nào, chưa biết bán khoán bao giờ cả. Các em tôi được đặt vào cuộc sống cũng như mấy con hoai sơn được một ông lang y nào nhứt nhát trong việc kê đơn đã bạo tay bỏ vào một thang thuốc bắc. Là mấy đồng cân hay là một lang, những nhát hoai sơn trắng trẻo ngon lành, nếu không làm giảm được bệnh, thì cũng chưa bao giờ làm tăng bệnh lên. Có ai ngộ thuốc, chết được vì vị hoai sơn bao giờ. Thế nhưng mà hoai sơn vẫn là cần dùng để trợ sức cho những vị thuốc công phạt khác. Tôi lặng lẽ nhìn người em gái bây giờ trông đã đứng đắn, vì đã có chồng, vì đã có con.

- Lòng bong, là một thứ thời chân rất quý của quê Quảng đó, anh cỡ nè.

Không biết ai đã giảng quốc sử một cách tai quái cho em tôi từ bao giờ mà em tôi dám buộc tôi tin rằng trái lòng bong vì vua Gia Long mà mới có.

Hồi xưa, vua Gia Long thấy quân qua xứ Quảng, lỡ gặp lúc tuyệt lương. Tới một đoạn rừng, ngài thấy có thứ quả chín, ngài bèn bóc ra ăn thử sau khi đã khấn trời phật giúp cho ngài và ba quân khỏi gặp đói. Thế rồi là ba quân đều ăn và no lòng đi đánh giặc. (Giặc nào!). Trái lòng bong được đặt tên là Nam Trân. Một vị đại thần thờ vua triều trước quán ở Quảng Nam, muốn lưu lại một cái tên của một thứ

quả quý giá, đã đặt tên con gái mình bằng tên chữ của quả lòng boong.

Và ở trái lòng boong nào, bây giờ cũng có vết ngón tay ngài bấm vào. Cái ông vua Gia Long này thực là một ông vua nhiều chuyện nhất trong lịch sử. Hồi qua Lào, có người ở Thakek đã chỉ cho tôi xem một cây đa mọc ngược, rễ chống lên trời, ngọn cắm xuống đất! Vua Gia Long trông để thế phải đánh cho được giặc đấy!

- Đến cử đầu tháng tám, là có lòng boong rồi. Ở rắng lại, ăn lòng boong đã. Anh thì bận cái gì. Cả năm anh đi chơi hoài ấy mà!

Trời, đợi từ giờ đến tháng tám, nằm bệt ở đây như một người giang hồ ngộ bệnh, để chờ một trái lòng boong chín cây! Em tôi thực là một thế giới giản dị hiền lành. Tôi nhớ đến truyện người u già cũ kỹ của Anatole France; sắp vắng Paris, khi France dặn dò sắp phải đi ra ngoài đảo Sicile tìm một cuốn sách cổ, người u già nhắc rằng: “Nhưng mà ông về cho sớm, kéo người mất đồ ăn con sắp bùng ra”.

Hạnh phúc ở đời, phải là thứ phần thưởng chế tạo ra để riêng tặng những người đơn giản như thế, hồ đền bù lại cho người ta những chỗ thiệt thòi khác.

ĐẸP LÒNG

Lắm khi người ta sung sướng đến nỗi không nhớ gì đến mọi sự đau thương lớn đã từng đánh dấu dĩ vãng của mình, dấu rằng dĩ vãng mới là ngày hôm qua thôi. Những vui sướng ấy, nếu không liên tiếp xảy đến thực nhiều để trở nên dài được như một kiếp người, thì nhiều khi nó cũng đã cho người ta thấy trong chốc lát cái thi vị của cuộc sống. Mùi thơm cuộc sống đã hiện ra trong giây lát, trong một ngày mà người ta được bằng lòng.

Như ngày hôm nay chẳng hạn.

Hôm nay khác hẳn mọi ngày, tôi dậy rất sớm. Hình như linh tính đã biết trước, báo tin cho tôi biết hôm nay là một ngày có thể gọi là đẹp trong những ngày vui đẹp rất ít có của tôi. Thì tôi phải dậy cho thực sớm mà đón lấy nó với sự cởi mở hoàn toàn của tấm lòng xao xuyến. Được một ngày lành, sao lại chẳng đem cả lòng tham lam vào mà làm cho nó lâu và dài ra? Chưa có bao giờ, tôi bình tĩnh để sống những ngày vui của tôi.

Có người đã nói cùng tôi:

- Điều cần nhất trong hạnh phúc không cần cứ ở chỗ mình cảm thấy mình được sung sướng. Nên tỏ cho mọi người chung quanh thấy mình hể hả, đấy là điều cần thiết trong hạnh phúc nhận được.

Muốn tỏ rõ mình là một người biết sung sướng từng lúc, tôi phải ôn ào.

Vậy thì, sớm nay, mở mắt ra, tôi đã bắt đầu ôn ào ngay.

Cử chỉ ôn ào đầu tiên của tôi là lấy chân quẹo đôi guốc cho thật mạnh, sau khi đã tung mạnh tâm chân bóng đập chung với bạn.

Trời rét, bạn tôi làu nhàu trong cơn cái ngủ, vội kéo chăn trùm kín cả đầu. Tôi nhìn bạn, tỏ vẻ thương bạn không có một tâm hồn như mình lúc này. Mím cười, tôi chạy ra góc tường lấy đoạn dây thùng, nhảy mấy chục vòng. Nhún nhảy mãi với đoạn dây thùng đập đen đét xuống nền nhà, máu trong người tôi chạy đều và nóng dần mãi lên. "Cứ như thế này, sớm nào cũng tập mấy phút thể thao, thì làm gì thân thể chẳng lành mạnh. Thế ra chỉ có những thằng lười là hay ốm mà thôi. Ốm xác thịt, ốm đến cả tâm hồn".

Tiếng thùng đập đen đét, tiếng chân nện thuyền thuyền xuống nền gạch làm bạn tôi tỉnh giấc, mở chân, gắt ngủ, mắng:

- May làm cái trò gì thế hở thằng kia? Có để cho người ta ngủ không?

Tôi vẫn không ngừng nhảy, nhìn bạn ra chiều khiêu khích thêm. Người bạn chối mắt, nheo mắt lại, rồi lại mở mắt ra để dụi dụi ở kẻ mắt. Trông bạn ngáp, với thân thể co quắp trong chăn, sao mà hình thù xấu đến thế! Tôi tin trong lúc mình nhảy dây đây, mình phải đẹp hơn bạn nằm trong chăn và vừa cười, vừa bảo bạn:

- Chạy ra đây, nhảy với tao ít vòng cho đẹp người mày!

- Đồ con khỉ! Chỉ được cái phá giấc ngủ của thiên hạ là không ai bằng.

Tôi nhận nhời mắng, tha thứ cho bạn, nhún vai, rụt cổ, huýt sáo rất to và nói một mình: "Một linh hồn lạnh mạnh trong một thân thể lạnh mạnh".

Nhảy dây xong, tôi chạy sang buồng tắm, dội nước kêu ồ ồ không biết gì đến cái rét của một buổi sớm mùa đông.

Quần, áo, giấy, cà vát, có cái gì là mới nhất, là đẹp nhất, tôi đều đem ra hết, thắng bộ vào người. Sơ mi, quần lót, đều thay tất, tuy rằng quần áo lót mình vừa mới mặc hôm qua. Cho được chân thành với một ngày vui, tôi muốn sạch, muốn đẹp.

Rồi tôi đi chơi. Trời đất còn lơ lơ

Dèn ngoài đường phố vẫn chưa tắt. Trên đường phố vắng vẻ, nhiều chiếc xe tay chở khách về nẻo nhà ga. Buổi sớm mùa đông xám như tro và lạnh như tro tàn. Vậy mà cái hiu hắt này, không gọi buồn cho tôi.

Trái hẳn với những ngày buồn bực, người ta cứ như gặp đôi người lại trong khi lê chân trên đường nhựa, tôi đi rất thẳng thắn, hùng dũng như nhà binh gọn ghê trong binh phục, gõ giày đều lăm, vui tai nghe mình bước, thỉnh thoảng phải tránh người và xe hay một vật rơi trên đường, phải nhỡ một bước, tiếng đế giày trở nên lủng củng mất một đoạn dài. Đi qua những phố hẹp có nhà gác cao nối khít nhau, tiếng đế giày càng kêu to. Lốp nhựa rải đường bị lạnh làm khô cứng, đã trả lại tiếng vang cho bước chân. Đi trong cảnh lờ mờ phố hẹp vắng tiếng hoạt động, những dãy nhà cao cho mình cái cảm tưởng là đi trong một thung lũng hai bên có vách đá dựng đứng. Vách đá không ăn gian của mình một tiếng động nào. Tôi ngà ba, ngà tư, tiếng đồng vọng mất. Tôi ngẩn ngơ, băng khuâng như vừa mất một người bạn đồng hành.

Nhấn nha đi, thế mà đã đến đài Tượng Sĩ trện vong. Ở đây, cúc vàng, cúc trắng vẫn còn ngái ngủ, trên mình đầm muôn nghìn hạt sương sa. Tôi dừng bước bên đám cỏ thạch sương bồ muôn năm xanh một màu thẫm. Trông hoa cúc đẹp, khen thầm giống cúc được xứng đáng tiêu biểu cho cái thơm tho người quân

tử, tôi cảm thấy lòng tôi sớm nay cũng là một bông hoa cúc chứa đầy hương thơm. Ngắm được cảnh đẹp rồi lại mong muốn lòng mình cũng đẹp như Tự Nhiên, tôi thấy nao nao trong người như vừa uống một tợp rượu nặng phân độ.

Trời đã sáng rõ khi tôi nghỉ chân bên hồ Tây. Phía xa thăm, vòng mây xấp trắng đánh đai lấy chòm núi Ba Vi. Rồi lại một áng mây đục đang lững lơ đi, làm khuất mất chân núi Ba Vi. Không đầu, không chân, mình núi Ba Vi lững lơ trong không gian Bắc kỳ, giống in hình núi Phú Sĩ lững lơ trong tấm màn gỗ mỏng Nhật Bản.

Đi vòng về đường Quan Thánh, tôi cảm động trông từng cái lá bàng đỏ lia cành.

Lá bàng rụng mặt đất, tiếng rất khô, rất nhẹ. Gió sớm rất có ý, khi thổi lật từng chiếc lá. Lá chạy, cọ lên trên đường trơn kêu loạt soạt. Những âm thanh này đều hiền lành cả. Hình ảnh lá bàng rụng, âm thanh gió đưa và lá cọ trên mặt đường gợi đến phong cảnh xứ quê một ngày đi lễ tảo mộ hay là phong cảnh một tỉnh nhỏ vào ngày tết Nguyên Đán, tuy có những vẻ tiêu sơ không đủ gây buồn thảm cho lòng.

Tôi sung sướng: tôi cảm thấy sự nhẹ nhõm ở chân, ở cánh tay, ở óc, ở tâm

Đã lâu lắm, bây giờ tôi mới thấy hút thuốc lá ngon đến như thế. Bao giờ tôi chẳng hút thuốc lá, hút rất nhiều như lính Tây lúc rời khỏi cổng trại. Nhưng đấy chỉ là một thói quen của lỗ miệng đòi hỏi việc hít khói, ngoài những giờ ăn, giờ uống trong một ngày. Sớm nay tôi đã thưởng thức đến hương vị một điều thuốc rẻ tiền sáu xu một bao.

Một khách đi đường, ăn mặc chỉnh tề tiến sát vào mình tôi, nói một câu xéch mé như người đang trong.

- Xin chút lửa châm thuốc.

Giá người này gặp phải tôi lúc bình thân, thì thế nào y cũng nhận được một câu gì hay thấy được một cử chỉ gì của tôi nhắc cho y nhớ phép lịch sự thông thường. Khỏi nào mà tôi không cho y một trận.

Nhưng lòng tôi hôm nay rộng rãi; tôi đang bận thao thức với ngày đẹp. Tôi không cố chấp và vui vẻ đưa diêm cho người khách xin lửa khiếm nhã. Chỉ để tâm đến vui sướng của mình, tôi không có thời giờ nghĩ tới sự không phải của một người qua đường.

Dưới con mắt tôi, quang cảnh phố Hà Nội như tươi sáng hơn mọi ngày. Một trận mưa to, chóng tạnh, cũng chỉ dội rửa mái nhà, mặt hè, mặt tường, mặt đường thành phố sạch bóng đến thế thôi.

Bầu không khí sớm nay trong suốt như pha lê gọt. Bụi đường, như kiềng nể vệ sinh chung, đều đi tìm những kẽ, hốc kín đáo ở những chỗ khuất mắt nào để trốn. Lá cây bóng nhoáng như được người tỉ mỉ cầm khăn ướt lau chùi cho.

Phố đã có nhiều người đi lại.

Tôi đều thấy họ có nghĩa lý cả. Xoàng như cái bà già bán cháo hoa đậu phụ, lầu lỉnh hiện ra mặt như thằng bé bán kẹo tây trong hòm kính, bệ vệ trong sự hóm hỉnh như thầy cảnh sát múa cây dùi sơn trắng ở đầu phía kia, bấy nhiêu người đều có nghĩa lý cả. Bởi vì, trong phút này, tôi chỉ biết có cuộc sống là một việc đầy hứng thú. Hết thấy mọi người đều có công giúp vào cái tung bừng của cuộc sống, mặc dầu người ta chỉ là một tên bán kẹo đã nhận lấy một thứ giáo dục đứng đường ngay từ lúc nứt mắt; mặc dầu người ta chỉ là một người lính cầm ác suốt đời hay là một bà già bán quà sớm luôn luôn lẫn vế thuế.

Riêng về tôi, sớm nay tự nhiên tôi đâm bờ ngỡ đứng trước cuộc sống đầy sinh thú. Cuộc sống có thể xán lạn đến thế kia ư? Và tôi lại được có, để mà thấy mọi cái xán lạn? Tôi muốn tỏ một lời cảm ơn. Nhưng xưa nay vốn không theo một tôn giáo nào, tôi chưa biết gửi lời cảm ơn vào một đáng vô hình nào cả.

Chân bước qua mọi cái sáng sủa của cảnh vật, tôi nói với tôi:

- Ta đã từng nghe nhiều người ca tụng phép màu nhiệm của một đức Chúa, của một ông Trời, của một đức Phật. Đối với những người tin ngưỡng kia, ta chỉ là một kẻ vô đạo. Ta chỉ biết có đạo sống. Ta cũng bắt chước tín đồ kia, nói lên một nhời để công nhận phép màu của Đạo Sống, vì chung một buổi sớm mai này, phép đó đã cho ta thấy rõ ý nghĩa cuộc sống. Nếu ta còn bị Buồn, Hờn ám ảnh đến nỗi quên điều vui trong đạo sống, là chỉ tại ta thiếu hẳn thành kính với cuộc sống. Bắt đầu từ nay, ta thắp một nén hương trong tâm vui để mà sống để khỏi phụ những cái gì đã cấu tạo nên ta. Lòng ta sẽ rung động trước mọi cái hiển lành, thơm ngát.

Đôi lòng, tôi lại ngay cạnh xe bánh tây cà phê, ăn điểm tâm, đứng ăn không e lệ chút nào, tươi tỉnh nhìn mọi người qua lại, cho rằng đứng ăn ở đường như thế cũng có một hứng thú riêng. Nhưng trước hết người ta phải bỏ ra một bên tất cả những thành kiến nền nếp của mình đi đã.

Tôi vẫn nhẩn nha đi trong phố đông người. Tôi cảm thấy mình có thể yêu được mọi người - yêu một cách không cần đến sự đền bù lại. Thấy người bộ hành nào tiến về phía mình, tôi đã thu xếp sẵn một cái nhìn tươi tỉnh để trông người vô danh đó. Tôi có

cần gì biết đến người đó là ai. Tôi chỉ cố tìm lấy ở mỗi người những dáng đẹp, những nét gọn mà thôi. Thí dụ một cặp giò tròn dẻo của cô học trò, một cái gáy tròn của thiếu phụ, một cái búi tóc bạc gọn gàng trong nếp khăn quần rồi của một ông già đi vội v.v..

Sớm nay, tại tôi chưa hề nghe thấy một câu chữ mắng bần thiú hay những lời nguyên rủa sâu độc, và mọi việc xảy ra, một buổi sáng nay, đều là ổn thỏa cả trong một cuộc đời tốt đẹp hơn hết.

Tôi tin rằng bao nhiêu người không quen biết kia đều có một câu trả lời rất lễ phép, rất lịch sự, rất âu yếm để nói với tôi, nếu tình cờ, tôi có hỏi họ một điều gì. Và trong lòng tôi, tôi cũng đã nghĩ sẵn những câu nhẹ nhàng chỉ định có dịp là đem ngay ra đãi mọi người thiên hạ.

Đến vỉa hè kia, thấy một quả bóng đỏ gần lăn xuống rãnh nước, và một đứa trẻ mới chập chững biết đi đang đuổi theo bóng, tôi vội cúi xuống mặt đường nhặt quả bóng. Rồi gặp đôi người xuống ngang tầm thân đứa bé, tôi đưa bóng cho trẻ với cảm động của một bà mẹ chiều con thơ. Người vú già quơ thẳng bé vào lòng, trở mắt nhìn theo. Tôi còn quay đầu lại tìm tìm cười.

Lòng tôi đang như một đoá hoa gặp thời nở đủ. Bao nhiêu cái thuần túy, thơm tho, lành đẹp của tâm

hồn, tôi đều muốn được tiết ra ngoài cho mọi người thấy.

Là một đóa hoa nở tung, lòng tôi còn có thể nhận được mọi cái từ ngoài đưa vào, bất cứ là lành hay là độc. Trong một buổi vui vì được sống, tôi đã không nghĩ gì đến sự nghiêm khắc giữ mình.

Sáng nay, tôi tưởng chừng như nếu có một kẻ thất phu nào chạy đến gây chuyện và đánh tôi một cách vô nghĩa lý, tôi có thể bình tĩnh nhận lấy việc hành hung đó và không nghĩ đến việc rửa giận.

Lòng tha thứ ở người tôi, lúc này rất thừa thái. Tôi muốn đem nó ra dùng với tất cả mọi người. Nghĩ đến những tội lỗi của mọi người đã gây nên và có thể gây thêm ra nữa, tôi muốn viện những trường hợp giảm đáng ra để bào chữa cho họ.

Nghĩ đến mọi sự bất công ở xã hội này, tôi chỉ lạc quan đặt mong mỏi của mình vào lẽ tiến hóa của loài người rồi thế nào một ngày nào cũng phải đi tới chỗ tận thiện tận mỹ.

Tôi đã rẽ vào chợ Đồng Xuân, lựa chọn một bó hoa vừa có hương thơm kín đáo, vừa có màu nhũn nhặn. Hơi khó một chút. Tôi đành lấy bó hoa hồng đỏ vậy. Thường thường, một bó hồng như thế, những ngày tuần cúng hay những ngày tết tây, có đắt lắm cũng chỉ tới ba hào. Vậy mà tôi đã trả tới năm hào. Cô bán hoa người làng Ngọc Hà nói giá thế nào thì tôi trả

đúng như thế. Những lúc vui trong lòng, tôi không muốn so kè mấy hào chi. Từ sớm nay, cả một tấm lòng tôi, tôi còn muốn phung phí không chút ngại tiếc, huống hồ là món tiền nhỏ.

Bó hoa tươi rở nhiều giọt nước vào quần áo. Ngồi trên xe, búng giọt nước gần lẫn vào sợi len, tôi nghĩ đến cô bán hoa mà lại thêm cười thầm trong bụng. Chắc cô ta đang sung sướng lắm: cô đã đánh lừa được một người khách mua hàng bị hớ.

Phải, người bây giờ thời khôn, của thời khó, buôn thúng bán mẹt, mà đánh lừa được người ta được những mấy hào chi thì hẳn suốt một ngày chợ đó, cô ta phải hoan hỉ.

À, thế ra nhiều khi giả làm người hớ, người ngu dân để cho người ta lừa, lại là làm được một việc từ thiện nữa kia đấy!

Thấy bó hoa chưa đủ để tỏ lòng vui của mình trong một ngày, tôi nghĩ mua thêm một vài vật gì nữa.

Tôi đã bảo xe đỗ trước cửa một hiệu sách.

Độ đường thứ hai, tôi bắt xe đỗ thêm trước một hiệu bánh ngọt.

Người xe già kéo tôi về đến nhà, kẻ nhè xin thêm. Không nghĩ ngợi, không cau có, tôi nhanh nhẩu đưa thêm tiền.

- Ô, bao giờ các bác cũng có lối vói thêm.

Các bạn tôi ở nhà đều đi chơi chưa về. Hôm nay là buổi sớm chủ nhật.

Tôi lập tức cầm bó hồng vào một cái cốc thường dùng đựng nước đánh răng và tiếc không có lấy một người ở trong phòng để khen hộ một câu.

Trên trang giấy trắng ở đầu cuốn sách vừa mua, tôi lấy bút để:

... “Để đánh dấu một ngày đẹp, tôi mua cuốn sách này. Sớm nay, tôi vui vẻ với tất cả người ngoài đường. Và mọi người đều nhìn tôi với bao vẻ hiền từ.

“Trời, hôm nay, là một trời đầy màu sắc Tương Lai; tôi thở toàn những khí lành của bầu không khí không vẩn tí bụi, trong như thủy tinh.

“Những người tôi đã được gặp, hôm nay, đều là người của một Thế Giới Đại Đồng.

“Và thành phố Hà Nội, lúc này, là phòng đợi khách của một thiên đường lấy tay dờ mó được”.

Đề niên hiệu xong, ký tên xong, dờ mực se trên trang sách, tôi mở hộp bánh ngọt ăn rất ngon lành. Ăn xong một chiếc, chiêu một ngụm nước lọc, tôi tự cho tôi là một người ăn uống rất thanh khiết và đã từ bao giờ, vốn biết thủ thân làm trọng, theo đúng phép vệ sinh, và rất có điều độ trong việc ẩm thực.

Tôi nhảy lên giường, định tâm đọc ngay cuốn sách vừa mua, rọc được trang nào, đọc trang ấy. Nhưng óc tôi không bình tĩnh.

Tôi chỉ để sách trên ngực. Gió sớm thổi nhẹ lật từng trang. Sách đượm ngát nồng mùi mực in của một cuốn sách mới rao bán.

Tôi đang sung sướng vì thấy lòng mình vui, rộng và biết yêu mọi người, mọi vật và tôi tưởng mình từ giờ về sau có thể không bao giờ làm được tội ác, phải nói dối hay là để lụy phiền đến ai.

Sớm nay, tâm trạng tôi lúc nằm nhàn tưởng ở giường với cuốn sách mở trên ngực, là tâm trạng một người đang vui sống, vui đến nỗi cảm thấy cái vô dụng của mọi cuộc Cách Mệnh xã hội trên thế giới. Và tính cách vô bổ của mọi thứ Tôn Giáo lúc này lại càng rõ rệt quá. Tôi huyết sáo gió. Tôi hát Tây. Tôi ngâm thơ Tàu cổ.

TUỲ BÚT*

II

*. *Lượm lúa vàng* - Hà Nội 1943

PHU NHÂN HỌ BỒ

Tặng Thanh Viễn Thanh

Bồ Phu Nhân có một lối đẹp già dặn, kín đáo. Tất cả vẻ đẹp của Phu Nhân không dựng lên cái sắc con người mà lại hàm ở cái duyên trong tất cả những cái gì trên khuôn mặt, ở dáng điệu, ở khoé mắt, ở đầu lưỡi, càng nhìn càng muốn xem nghe lại thêm nhiều lần nữa. Vẻ đẹp Bồ Phu Nhân không có một chút gì là rực rỡ, quanh năm chỉ lạnh lẽo và nín thít như nét trắng tượng đá chạm chìm. Tia mắt Phu Nhân thê lương như ánh loáng lạnh chất kim mài bóng. Phu Nhân nhìn mà như không trông thấy một vật gì ở trước mắt, ở quanh mình, ở giữa cuộc đời này. Con người ấy, chừng như đã có một ý niệm sáng suốt và táo bạo về cái đẹp quái gở bắt nguồn ngay từ mình mình rồi nên không cần để tâm tìm tòi và cầu cạnh thêm ở cuộc đời chung quanh nữa. Trái hẳn với cặp mắt kia lộng lẫy toàn những kiêu hãnh, tiếng nói Bồ Phu Nhân ầm ập và nhún nhường. Cái thanh âm đó

là một thanh âm hôn hậu. Cứ vào cái giọng nói ấy thì Phu Nhân phải là người đã từng nhiều lần nếm tới cái đắng cay và thấy đến cái si nhục của đời sống chúng ta rồi.

Tôi mê Phu Nhân như người ta đắm say với nhân vật trong truyện, như người ta miệt mài với màu sắc trên bức họa. Tình yêu của tôi là một thứ tình chỉ có một chiều, có buông ra rất nhiều mà chưa nghĩ tới sự được trả lại lấy mấy may. Đây là một thứ tình chìm hẳn xuống, lẩn hẳn vào cả trong.

Những lúc gần Phu Nhân, tôi lấy làm rất khó chịu và rờn rợn vì tia lạnh của đôi mắt khinh bạc và nghiệp chương. Nhưng mỗi khi Phu Nhân nhếch miệng nói lên thành bất cứ một chữ một câu gì thì tôi thấy Phu Nhân không còn là một người kiêu hãnh nữa. Nếu những tia sáng lạnh của cặp mắt dừng dừng kia đã làm tôi tủi hổ nhiều lần thì lắm lúc tôi cũng đã được an ủi lại bằng cái tiếng nói ấm áp đó. Mỗi lúc bắt gặp Phu Nhân nhìn tôi để không trông thấy tôi đối diện - với tất cả sự thần nhiên và xa xôi của một tính tự mãn - bất giác tôi có hẳn cái cảm tưởng sợ sống, lòng thấy ngại ngại rồi đâm ra nghi ngờ hết.

Đấng Sinh Ra Muôn Loài chúa là hay nghịch tặc, đến là đùa nhả, nên mới ghép một khuôn miệng ấm áp nói lên toàn những thanh âm hôn hậu, phải trọn đời ở với một cặp mắt chiếu ra rất những kiêu bạc

lạnh lùng. Thật vậy, tia lạnh đôi mắt Bồ Phu Nhân hình như chiếu ra không phải là cốt để cho Phu Nhân nhận kỹ đến mọi biểu diễn của sự sống chung quanh, mà chỉ là để Phu Nhân làm thui hết mọi mầm yêu chớm nhú lên ở các tấm lòng lân cận. Đây là tất cả một trò thừa trừ tai ngược tình quái của một Đấng Cả Mạnh ngự ở trên đầu chúng ta, lúc nào cũng ý cái quyền mình không bị hạn chế.

Tôi yên lặng mà yêu Bồ Phu Nhân. Mặc sức nước phù sa một con sông không biết mỗi kia tha hồ chảy trôi dưới cầu Bồ Đề. Cái tình của tôi cũng không vượt qua khỏi độ vẩn vơ để đi tới một cái gì thành sự thực. Bồ Phu Nhân vẫn ghẻ lạnh mà nhần nha ở giữa cuộc đời, ở trước mặt tôi, hình như không biết có tôi đeo nặng một thảm kịch, cùng sống chung một thời và một xứ với Phu Nhân nữa.

Hỡi ôi !

Bạn thân, đoán đại khái được cái tâm sự của tôi, cho rằng Phu Nhân là một người gan góc, thậm trách Phu Nhân sao không vội vàng và thiết tha hơn lên để đền bù cho tôi về những chỗ chí tình u ẩn. *"Phu Nhân ơi, cái huy hoàng của bóng nắng chiếu chỉ đâu được có trong giấy lát"*. Có kẻ khác không bao giờ nghĩ thấu được đến chỗ đau thương của những trạng huống tâm tình bị ép nén và liệm mãi vào bên trong, lại còn bạo

miệng cho cái lối yêu không lên tiếng của tôi là khoe mưu thuật của một người phong tình nham hiểm, chứa chất mãi tình cảm dư quá số rồi, trong một lúc bất ngờ, lèn hẳn vào giữa tấm lòng người ta, trước khi người ta kịp định rõ được một thái độ. Khốn nạn, việc đi tìm một tấm linh hồn bạn lứa, đi yêu một người trong thế gian, đâu có như là một việc cướp thành lẩn bờ cõi mà họ phải nói đến chữ đánh úp. Đối với Bồ Phu Nhân, chưa bao giờ tôi nghĩ tới chuyện chinh phục. Tôi chỉ tưởng vọng tới sự cầu thân của tâm tưởng thôi. Tôi yêu Bồ Phu Nhân như người nhạc sĩ tình cờ được nghe trộm một tiếng giai âm thì phải nín hơi cố lấy để về lúc mai sau khỏi phải oán trách mình đã bỏ phí mất cơ hội chung đụng với vật báu trên đời.

Vậy là tôi cứ yên lặng mà yêu Bồ Phu Nhân, không cần đến tiếng nói, giấy mực lời thư và những cử chỉ rất quen thuộc của thế tình. Năm thì ba họa đời sống phiếm dật cho tôi gần Bồ Phu Nhân chốc lát, thế là đủ rồi. Tôi tưởng ở cuộc đời hiện tại không ai cấm nổi tôi yêu Bồ Phu Nhân như thế. Ngay cả đến Bồ Phu Nhân nữa. Nếu thực ra tôi đã làm cho đời tình cảm Bồ Phu Nhân phải bận rộn thêm thì tất cả lỗi đó ở Bồ Phu Nhân cả. Chỉ tại Bồ Phu Nhân đã riêng có một lối đẹp nó trả lời đúng cho một cái thắc mắc thẩm mỹ ở người tôi.

Ấy thế rồi Bồ Phu Nhân qua đời. Năm chơi ở quê nhà một ông bạn cũng chạy làng cuộc sống phồn hoa trong ít độ như tôi, tôi đã đọc cột báo có đoạn cáo phó do người em ruột Phu Nhân đứng tên chia buồn. Trời ơi ?

Phu Nhân người vốn yếu tướng, hay làm nũng với chính mình, hay thêm khát những trận ốm vặt - những cơn ốm chơi để hờn mát với cuộc đời mình, như thế, Phu Nhân thường gọi là cái phút xa xỉ của người giai nhân phong lưu - và lúc được ốm thật thì lại lén đổ hết xuống gấm giường bệnh những chén thuốc bắc của thân nhân sắc cho. Phu Nhân ít cười. Tôi nhớ đâu chỉ thấy Phu Nhân cười có hai lần ở chỗ đông người. Khi nào Phu Nhân có điều đau khổ lắm thì Phu Nhân mới chịu cười.

Con người như thế, ở lâu sao được ở cuộc đời này. Tôi không kinh ngạc khi được tin Phu Nhân nằm xuống. Bồ Phu Nhân mất sớm, sau mấy cơn tiếc nhớ, tôi lại còn thành thực mừng thầm cho người bạc mệnh nữa. Có vậy đó. Người đàn bà đẹp chỉ nên chết trẻ. Những trang giai nhân tuyệt thế mà phải sống lâu cho đến bạc đầu thì thực cũng là một điều đại bất hạnh lây cho người đồng thời.

*

*

*

Nhớ lại hồi Phu Nhân còn làm người, Phu Nhân và tôi chưa lâm vào điều tội lỗi. Trước danh giáo, Phu Nhân vẫn lành vện. Nhưng vì Phu Nhân mà tôi đã riêng đắc tội với một ông bạn. Tôi đã phạm vào cái tội ăn lương tình cảm của ông bạn M.. Việc biến thủ tình cảm của người chung quanh tin mến mình còn nặng gấp mấy những việc lương gặt tiền bạc.

Đây là những lời thú tội của một bị cáo nhân không bị truy tố trong một vụ án bội tín. Nếu những dòng này lại lọt qua dưới mắt ông và bà M. - là hai người đã bị thiệt thòi trong vụ bội tín này - tưởng ông bà cũng nên lượng tình cho tôi về chỗ tôi đã buộc lòng phải lạm dụng đến bụng hiếu khách của ông bà, mặc dầu đến bây giờ tôi vẫn không có ý gì ăn năn về những sự trí trá đã phạm phải.

Từ ngày Bồ Phu Nhân khuất khỏi cõi đời này, tôi không có dịp gặp lại ông bà M.. Tôi phải nói là tôi đã không tìm gặp lại ông bà thì đúng hơn. Phu Nhân họ Bồ mất đi rồi, tôi còn gặp lại ông bà nữa thì càng chỉ là một việc xă giao thừa và giả dối, vô ích. Đối với tôi Phu Nhân mất đi, ông bà đã trở nên vô vị.

Đây là những lời thú tội - nhưng không phải là những lời sám hối - viết vào những đêm mùa lạnh năm Rắn và sửa chép lại vào khoảng cuối xuân năm Ngựa. Bồ Phu Nhân đã được chết một cách trong sạch, lúc nằm xuống, đời luân lý vẫn toàn vẹn và

những ước lệ về danh giáo của xã hội đặt nên vẫn chưa bị Phu Nhân làm thương tổn đến bao giờ.

Lúc sinh thời, Bồ Phu Nhân gặp tôi rất ít. Phu Nhân không tìm tôi bao giờ. Nhưng không phải vì không muốn tìm mà có nghĩa là tránh. Có việc gì mà Phu Nhân phải tránh tôi - tôi, một người bạn của Phu Nhân vào những giờ vui cũng như trong lúc buồn, không bao giờ tôi vô ý đến nỗi đi quá vào cái giới hạn của tâm sự riêng bạn tôi. Những lúc Phu Nhân thông thả và có chiều hoan hỉ thì tôi càng vun thêm vui vào. Những lúc Phu Nhân khó ở, tôi lại cố tìm những chuyện nhẹ nhàng để giải muộn giúp cho người trong cuộc sầu. Tôi chỉ là một người bạn không làm phiền, không đòi hỏi gì ở Phu Nhân, không bao giờ dồn phu nhân vào một trường hợp tâm lý cùng tắc, mặc dầu sự thân mật lâu ngày đủ cho tôi cái quyền gán buộc ngay tôi vào tình tình Phu Nhân. Tôi không bắt bí Phu Nhân về nhiều điểm của tình cảm và cảnh ngộ. Tôi kính trọng đến cả chỗ ở riêng của Phu Nhân. Ở đấy có vườn quả, vườn hoa và vườn rau. Chẳng cứ gì phải được là một nhà thảo mộc học mà tôi mới biết chuộng những nơi có vườn rộng quanh năm trồng trọt trở hoa kết quả như chỗ Phu Nhân ở. Thừa vườn nơi ngoại ô trông ưa mắt lắm. Nếu không vì sự kiêng nể cách dùng ngày giờ riêng của Phu Nhân thì tôi đã

xuống chơi thăm vườn luôn luôn. Có lẽ gọi là hằng ngày được.

Mỗi năm, tôi xuống thăm Phu Nhân độ vài lần. Mỗi năm Phu Nhân mời tôi xuống chơi dưới vườn thường không bao giờ quá ba lần: vào một ngày rằm tháng giêng đi xem lễ Phật, vào một ngày rằm tháng tám ăn ốc nhìn trăng và vào một ngày tiên thường kỷ giỗ ông cụ Kép sinh ra Phu Nhân. Còn quanh năm, ít khi Phu Nhân ở dưới vườn. Phu Nhân tuy yếu thể mà cũng đi xa hơn. Họ nhà Phu Nhân vốn đông và bà con lại ở rải rác ra khắp các tỉnh đường ngoài và vùng trong. Mãi tận cùng cực nam, Phu Nhân cũng có một ông cậu lập nghiệp tại đảo Phú Quốc, cất nước chấm ở đấy đã được nửa đời người. Cái năm tôi hụt mất luôn hai dịp xuống vườn Phu Nhân như mọi khi Phu Nhân vẫn mời tôi vào những niên hiệu nhất định ấy - kỳ Tết Nguyên Tiêu và kỳ giỗ cụ Kép vào tháng cuối năm - chính là năm Phu Nhân vào chơi đảo với ông cậu và làm giỗ luôn cụ Kép ở trong ấy.

Xa Phu Nhân lâu quá - thành thử dằng dằng mất một năm kém mấy ngày rồi còn gì nữa - nhiều lần tôi đã viết thư về địa chỉ trong ấy, nhưng vì nhiều lẽ, tôi đành giữ lại cho tôi tất cả những nỗi sầu nhớ ký thác lên lư giấy thư màu tím nhờ.

Ở xa, Phu Nhân chỉ gửi về có mỗi một lá thư hỏi thăm, nói qua loa về phong cảnh chỗ lạ, lời lẽ rất là

lịch sự và ở đoạn cuối tái bút, có những dòng làm cho tôi nghĩ ngợi vô cùng. "...Anh không cần phải trả lời tôi. Tôi ở xa chỗ nhà trạm. Ở đây, không một dấu vết gì của đời văn minh có tổ chức. Có được đi đến những vùng này, mới thấu đến cái hay của lời trong cổ thi. *Triết mai phùng dịch sử*".

Phu Nhân nói chuyện thật như một người thời Trung cổ. Giữa đời khoa học, ở cái xứ này, làm gì còn có những chuyện khủng hoảng âm tín như nghìn xưa nữa. Chẳng qua Phu Nhân không muốn gửi thư theo và sợ tôi mịch lòng nên đã bịa ra một chuyện trạm dịch khó khăn để cho tôi khỏi lấy bút mực đuổi theo người đi như lánh nợ đó thôi. Tội nghiệp thay cho Phu Nhân. Đời con người đẹp sáng ấy lại có nhiều sự giấu giếm phiền phức và nhiều phen chạy trốn cuộc sống rất là vô cơ như thế.

Chờ ngày Phu Nhân lộn về xứ Bắc, nhiều lần tôi đã giở đọc lại những dòng chữ của tôi. Những lá thư không gửi, đem đọc lại, không bao giờ mà lại không thể không ngậm ngùi được.

Bỏ Phu Nhân đã trở về Bắc vào đầu mùa thu năm sau để kịp đốt mã cho bà cụ Kép vào dịp Tết Trung Nguyên. Tôi vẫn chờ Phu Nhân cho gọi tôi đến. Một tháng đã đi qua. Hụt mất một dịp nâng mừng Phu Nhân một chén rượu rũ bụi đường xa, tôi đành ninh rằng tháng tám năm ấy, thế nào tôi cũng được Phu

Nhân vời xuống dưới vườn để cùng ngắm một mảnh trăng giữa trời. Trăng tháng trọng thu hết thượng huyền, đã tròn rồi vơi, đã đến lúc hạ huyền rồi mà tôi vẫn chưa thấy Phu Nhân trở lại với cuộc sống giao tiếp của Kinh thành như mọi năm qua. Lòng tôi phân vân: hay là khoảng cố viên ấy đã là diễn trường cho một biến cố gì rồi. Không, Phu Nhân vẫn mạnh khoẻ, vui tươi và, từ chuyến đi chơi xa về ấy, lại như có phần trẻ đẹp hơn trước, nhiều người bảo tôi thế.

Chờ ngày Phu Nhân cho vời tôi xuống vườn, tôi ngây ngây sâu như thiền đá suối cạn nhớ con nước nguồn.

Rồi một hôm, bất chấp cả ước lệ xã giao từ trước vẫn kiên dè. Tôi đã đi tìm Phu Nhân. Không phải ở dưới vườn riêng. Ở sân ga. Tôi đã đứng đợi Phu Nhân ở sân ga Hàng Cỏ, một buổi chiều mùa lạnh, tàu tốc hành sắp chạy vào các tỉnh miền Nam. Nhân tôi được biết Bồ Phu Nhân có một chỗ ơn tình nặng - Ông M. ngày hôm ấy phải lên đường trẩy vô Kinh cung chúc và thể nào Phu Nhân cũng phải đi tiễn ông M... Tôi bèn ra ga rất sớm.

Ông M. đã có mặt ở đấy, bên một đoàn toa xe chưa mắc đầu máy. Ông M. tưởng tôi ra tiễn ông, vội chạy lại cầm tay tôi. Cả người ông lúc này là hiện thân của cảm động. Ông luôn miệng cảm ơn tôi. Ông vồn vã.

Ông hứa sẽ gửi “cát-bốt-tan” về cho tôi và buộc tôi phải hứa lại với ông là sao sao tôi cũng phải vào chơi với ông và gắng ở lại chơi cho rõ thật lâu.

“ Ở trong ấy, phong cảnh đẹp và bầu trời lúc nào cũng có tiếng đàn hát ông ạ. Thế nào ông cũng vào nhá. Nhà tôi sẽ là nhà của ông...” Ông vừa nói vừa rút thiệp đề thêm địa chỉ mới của ông tại Kinh. Lòng tôi tràn ngập những xấu hổ và bực mình. Thấy ông M. nói chuyện thân mật quá như là đối với người tri kỷ cố giao, tôi lấy làm ngượng và muốn phát câu nói thẳng cho ông biết ngay rằng chưa bao giờ tôi được làm một người bạn thân của ông cả. Nói có bóng đời, cái sự tôi được biết ông M. chỉ là một cái tình xã giao tá ọm xây dựng bấp bênh, trên những cái bắt tay nơi hè đường phố, trên những cốc rượu cao lầu ngồi riêng bàn.

Giá lúc này bắt tay nhau xong rồi, ông M. buông tha cho tôi, để yên cho tôi được chơi với cảnh sân ga. Tôi đang bận tâm theo đuổi một cái ý thơ. Tôi đang tìm một cái tứ Thoát Ly ngụ trong Xê Dịch mà cái đoàn xe này là tượng trưng.

Đoàn tàu vẫn chưa có đầu máy. “- Đi xa nên ra ga sớm ông ạ. Tôi đã xí đi được một chỗ ngồi tốt.”

Ông M. nhìn lên đồng hồ tay thêm “- Quái nhỉ, những ông bạn tôi sao chưa một ai đến và cả đến nhà tôi cũng chưa thấy ra là làm sao ?”

Bồ Phu Nhân đã tiến lại chỗ chúng tôi, bên cạnh có bà M. Đã hơn một năm không nhìn thấy người cũ, tôi khó giữ được sự tự nhiên trong lòng và trên mặt. Hình như ở người Phu Nhân cũng vậy. Gặp tôi ở đây, cũng để tiễn ông M. lên đường, Bồ Phu Nhân có ý ngạc nhiên - Bồ Phu Nhân vốn biết rõ tôi không lấy gì làm thân với ông M. - Rồi nhìn tôi, mỉm cười lấy dáng, Phu Nhân khẽ cúi đầu chào: “- Trời chiều nay, sương xuống mau quá, ông Nguyễn nhỉ”.

Tôi nhìn miệng Phu Nhân và cũng lấy luôn câu hỏi ấy mà trả lời: “Trời chiều nay, sương xuống mau quá”, tuy cả một buổi chiều này tôi không biết là có sương hôm nay hay không nữa. Ngấm kỹ, có như lời mọi người đã nói với tôi, Phu Nhân có đẹp hơn trước, trẻ và vui thêm nữa. Có lẽ đó là ảnh hưởng tốt của một cuộc đời không khí dài hạn rất xa trong gần một năm vừa rồi.

Vừa đứng chịu chuyện vợ chồng ông M. giữa nơi tập nập, Phu Nhân vừa luôn luôn nhìn sang tôi, cặp mắt như muốn thăm dò một điều gì trên mặt tôi. Quả là một sự thay đổi lớn trong người Phu Nhân : cái đôi mắt trước kia ghê lạnh giờ không thấy gì là cô đơn, vị kỷ nữa và đã biết hỏi han đến những cái gì ở quanh mình. Phu Nhân đã biết để ý đến những cái gì biểu diễn ở quanh đời Phu Nhân. Tôi ngờ hỏi gần đây, một việc biến thiên nào đã xảy đến trong cuộc sống tâm tình của Phu Nhân. Biết đâu đấy? Biết đâu rằng cuộc

viên du lâu gần một năm kia chẳng là để tránh một cảnh nghịch biến trong gia đạo hoặc là để hàn chữa một cái đau khổ vừa xếp thêm vào đời Phu Nhân. Ở ga về, lòng tôi trong buổi tiễn đưa vờ vỉnh ấy lại buồn nặng hơn nỗi buồn trong cả một năm chờ đợi Phu Nhân đi vắng.

Suốt một tuần lễ, trái với tính cẩn thận mọi ngày hay tôi làm việc tại các nhà in, tôi làm biếng đến không còn muốn sửa những bài báo và những khuôn trang sách của tôi, mặc kệ cho hiệp thợ xếp chữ đặt lộn bậy, tha hồ cho họ lựa chọn mẫu chữ đục. Nhiều cột báo và trang sách, lúc ráo mực, xem lại đến là nhảm lẫn ngô nghê và xấu vụng. Tôi bực tức, buông lời thóa mạ những người thợ xếp chữ một cách vô lý và bất công nữa.

Chinh vào giữa một buổi lười thôi như thế của tâm thần, tôi nhận được lá thư của ông M. ở Kinh gửi ra. Lần đầu tiên tôi được cái hân hạnh nhận mặt chữ của ông M. Tôi cầm lá thư, có ý tìm chút ít khiếm muộn trong phong thư xa của người không thân. Nét chữ ông M. tươi, gọn, thẳng, dẻo, đều, tốt quá chữ viết điền vào các bằng sắc. Nhưng đấy là thứ chữ tốt của viên chức thâm niên chứ không phải cái lối chữ đẹp phóng khoáng tự nhiên của người viết văn làm sách.

Thật là tôi đã không chờ đợi đến những lời lẽ như thế của một bức thư. Ô, ông M. viết thư về để nhất định bảo cho tôi biết rằng, ngoài Bồ Phu Nhân ra, tôi

là người thân nhất của ông trên đời. Thì ra hôm ông lên đường, ông đã oán giận những người bạn đồng liêu ông vô cùng. Không một ai ra tiễn ! - “Cái tình liêu hữu của con người ta cũng thật thường thực ông ạ.” Ông M. thường lấy làm quan tâm nhất về cái chỗ tình khứ lưu mỗi khi có anh em trong sở đi hoặc phải về. Ông đã nhiều lần làm đầy đủ những phận sự ấy đối với tất cả anh em. Vậy mà xử lại với ông, họ đã vô tình, họ đã ngạo mạn. Ông không thể tha thứ được. Họ đã làm cho ông phải tủi hổ đến tận cái chỗ sâu bát nhất trong tấm lòng. Năm xu cái vé ra cửa ga, đứng một lúc cho tàu nó chạy đi, thế là xong, chứ nào phải đoán định, trường đình gì như ngày xưa mà sợ. Bón trang rặt một giọng phàn nàn như thế. Tôi càng lấy làm buồn hơn, vì đoạn cuối thư: “... Nếu hôm ấy mà không có Bồ Phu Nhân và ông ra tiễn thì ra ở đời này tôi thành ra người không có bạn, ông ạ. Hôm ấy tôi lấy làm xấu hổ lắm với nhà tôi quá. Tàu chạy khỏi chỗ chắn ngang đường sắt Khâm Thiên, tôi khóc. Tôi đã khóc, ông ạ...”. Đắm lắm được người thay! Cái bề ngoài của nhiều cảnh thế. Tự nhiên vô cớ, từ sau một buổi đưa nhau lếu lảo ở sân ga, tôi đã là một người bạn hiền của một người cứ bắt tôi phải như thế. Ông M. lại còn đòi tôi một tấm ảnh. Đối với một người đang có những ý tưởng chán và đau về tình đời, và đang chân thành cầu thân với tôi, tôi hỏi tôi mãi xem tôi có đủ can đảm đính chính ngay về chỗ ông đã nhầm tôi không? Và tôi tự vấn tôi xem - ngay lúc này

- có nên thú tội cùng ông về việc tôi đã mượn cảnh huống phân ly của ông để chỉ cốt được gần một người bạn gái cho nó thỏa một cái ý hoài vọng riêng của mình. Tôi vẫn chờ một cơ hội tốt để nói hết với ông M.

Ngày tháng không chờ ai. Đã nửa năm. Rồi tôi lại tiếp ngay đến một bức điện tín của ông M. báo tin ông lại được đổi về Hà Nội và ngày mai sẽ tới đây.

Tôi lại ra ga. Bồ Phu Nhân cũng đã có sẵn ở sân ga. Tôi đã đoán trúng. Thì ra cũng chỉ vì Bồ Phu Nhân mà tôi đã ra ga nữa để đón ông bạn M. Chuyển xe tốc hành vào ga, chưa đỗ hẳn mà ông M. đã nhảy tót xuống, ôm chầm lấy tôi, bá cổ hôn như người Âu Mỹ.

Tôi bẽ bàng trong lòng.

Ấy thế rồi từ đấy, ông M. mời tôi đến uống rượu, ăn cơm ở nhà ông luôn luôn. Tôi không thể từ chối được: những buổi vui này đều có Bồ Phu Nhân dự. Tôi đã trở nên một người cần mẫn nhất của phòng khách và của bàn ăn nhà ông bà M.. Ông M. ngày càng mến thêm tôi vì những mẩu chuyện dí dỏm tôi đem ra kể vào những lúc từu hậu trà dư. Những mẩu chuyện gởi ấy, có bao giờ ông bà M. ngờ và hiểu được là tôi dụng tình nói bóng gió và riêng tây cùng Bồ Phu Nhân thôi. Lòng vợ chồng vị chủ nhà ấy ngay thẳng lắm. Và tôi vẫn là một người hèn khốn đã lạm dụng đến bụng hiếu khách của người ta. Trời hãy rộng ban hạnh

phúc cho vợ chồng ông M., cho những người bình di và thẳng thắn như thế.

Và sau này, nhân năng đi lại ở gia đình thuần phác ấy mà tôi được biết ông M. là một người rất thương, yêu vợ và bà M. là một người rất có lượng, hết lòng chăm nom ông như săn sóc trẻ và yêu quý việc nhà quá người ta nâng niu những đồ nữ trang. Chưa bao giờ xóm giềng nhận thấy tiếng cãi cọ trong gia đình ấy. Ở đấy, cái bình nước thủy tinh lúc nào cũng có ít cành hoa của mùa và đôi chủ nhân không có ngày nào là không cười.

Tiếc Bồ Phu Nhân chẳng còn là người nữa để cho tôi vẫn có cơ tìm đến tắm mình vào hoàn cảnh đơn giản ấy. Đây là một bến nước thiên nhiên để cho tâm óc tôi được chốc lát thả neo.

Phu Nhân họ Bồ mất. Tôi đã phải phụ ông bà M. nhiều hơn là lúc Phu Nhân còn sống. Vì có đến lại nữa, chỉ càng phiền khổ thêm cho tôi là một kẻ đã trót phải lỏng một ít dĩ vãng vào khung cảnh ấy. Bây giờ, tôi tưởng có trở lại nhà ông bà M. thì mỗi lần chỉ càng là một lần đi tảo mộ.

*Thượng du, ngày tháng của
không bao giờ và của mãi mãi...*

CHIẾC VA LY MỚI

Tặng Tuệ - người bạn ngoan

“Đi để viết. Viết để lấy cái mà đi”.

Tôi nhớ đâu một lần tôi đã cho một nhân vật trong một truyện viết của tôi nói một câu như thế. Câu văn ấy thực đã vụn vào tôi như một cái triệu của nghiệp dĩ.

Cầm xong sổ tiền tiệm tiệm ấy của một Nhà xuất bản đưa trả quyền tác giả về một cuốn sách đã lên máy in được vài chục bát chữ rồi, cái việc tiêu tiền tôi nghĩ ngay tới là đi mua thêm một chiếc va ly nữa. Đối với một con người còn thích đổi chỗ suốt cả năm như tôi thì mây cái va ly mà chẳng vừa. Chỉ sợ không mang theo được hết và giữ được lấy cho trọn đời thôi.

...Năm nay, tôi lại định đi xuôi vào miền trong nữa và nếu cái cảnh Lâm Viên xứ Tây Kỳ ấy vẫn là hay thì tôi ở luôn mãi, chẳng cần lộn trở về cái đất Bắc này mà làm gì nữa. Ở đây nhiều người trong chỗ cố

giao đã chán tôi lắm và tôi cũng đã lấy làm ngán nhiều cho vô khối người trong cái đám tri kỷ rồi. Hỡi ôi ! Đáng tri kỷ - cái bậc hiểu rõ mình nhất - thường lại chỉ tìm thấy ở phía thù địch thôi. Xuân Phương ạ. Đi đi. Lâu nay, không đổi chỗ, ở lý mãi Hà Nội bực bội này, lòng tôi đã khép chặt lại, lòng tôi hèn quá mất rồi. Trong mấy ngày liền, tôi đã nhớ đến Xuân Phương luôn luôn, cùng một lúc với bài thơ *Thỉnh Du*:

Mon enfant, ma soeur,

Songe à la douceur.

D'aller là-bas vivre ensemble !

Aimer à loisir

Aimer et mourir

Au pays qui te ressemble !

Tôi chắc rằng chuyến này trốn được vào chỗ rừng già đất đỏ ấy, tôi sẽ tìm thấy một cái gì quý báu, tôi sẽ sáng suốt nhận rõ được cái bản ngã tôi hơn, tôi đã muốn bắt chước một nhà thơ đau khổ nọ, mỗi buổi sớm ngửa mặt lên cái vòm cao xanh lồng lộng mà cầu nguyện một đấng Sáng Tạo rằng:... Lay đức Vô Biên, lay đức Vô Lượng, xin Ngài ban cho Con mỗi ngày một đặc ân là lúc nào cũng phải gieo được lấy một vần thơ đẹp để cho Con cảm thấy Con không đến nỗi là một kẻ mặt lư trong xã hội loài người và thứ nhất là để cho Con vẫn được có chút quyền đặt mình Con lên trên những người Con chưa dung nỗi.

Đã có nhiều người bạn tìm đến đòi xem chiếc va ly mới. Xem chưa đủ, họ còn ngửi nữa và kêu rằng cái mùi da bò thuộc ấy vẫn còn ngái lăm, hăng lăm cần có những trận gió đường trường thổi vào cho nhiều thì mới hết cái mùi tanh nồng và mới dùng được. Đã đánh. Họ chê mùi da, họ lại chê cả đến màu da. Nhưng là sáng quá, tươi quá, sạch quá, thiếu mất cái đẹp của phong trần. “- Các anh ngắm cái va ly mới nhẵn nhụi, sạch bóng, chưa được thụ phép giang hồ, chưa được gió mưa của khởi hành tắm cho ít bụi, các anh nghĩ đến gì? - Tôi nghĩ đến những đứa con trai sợ sống chỉ dám lẩn quất ở nhà, mới đi ra ngoài là sợ sênh nhà ra thất nghiệp; tôi nghĩ đến những cái bộ mặt phốp pháp, trắng trẻo ấy mà khối người của xã hội quá bình dị ở đây lại vốn khen là đẹp. Đây, tôi nghĩ đến những bộ mặt hưởng thụ, đầy đủ, bầm được ra sữa ấy, khi tôi đứng trước cái va ly mới quá, sạch quá này. Hồi người vừa mua chiếc va ly mới, hãy nghe này: Nếu chưa có dịp lên đường thì nên lấy ngay ít nước trà tàu hoặc cà phê đặc tắm cho vỏ va ly và bôi thêm ít vệt dầu máy vào cái mặt da mới. Có những vật chỉ cũ mới đi thì mới có giá. Xách một cái va ly mới rất sạch lên tàu, tức là đã oan uổng góp một cái ngây thơ đáng tức cười vào một cảnh xô bồ phiền phức. Sự trái ngược ấy chỉ đem lại rất nhiều xấu hổ cho những đấng bôn ba biết quý chút phẩm giá của giang hồ. Như tụi ta chẳng hạn. Ai mà hứng thích

được trước một cái hộp hành lý bóng như chùi? Cái va ly, sinh vào đời, đâu có phải là sống với nghi lễ của vệ sinh, giữa cảnh bài trí yên nghỉ của một phòng khách ấm áp sạch như chùi”.

Tôi bắt đầu có cảm tình với cái người bạn mới gặp kia vừa nói được những câu như thế. Lại một bậc kỳ tài trong việc Xê Dịch chăng ? Lại một đấng lão giang hồ ? Không giang hồ, không bôn ba, sao nói được những câu khôn như cái khôn của người sắp tử trần như thế? Sách vở nào mà chép mà dạy được những lời ấy; chỉ có cuộc đời rộng rãi, chỉ có trường đời vô thường định mới dạy cho người ta biết được những câu đẹp đề một cách quái dị như thế thôi. Tôi sắp câu thân với người bạn nhất kiến thì một ông bạn làng văn đã chen vào.

- Nếu chuyện này có vào trong ấy gắng viết lấy một cái gì áng chừng độ ba trăm trang. Cái va ly đẹp nhất ở cuộc đời này vẫn là một cái va ly chứa toàn bản thảo của những năm, tháng đi làm việc thui thui ở phương xa trở về.

Bạn tôi là một nhà phê bình chỉ ngồi một chỗ để rình mò xem quanh mình có xảy ra một cái thiên tài nào thì ông tố giác với quần chúng, hoặc có một cây viết thần đồng nào có tương lai thì ông lôi ra và gửi gắm cho người cùng thời. Có khi ông gửi lầm và ít bị ai vấn tội. Xã hội mình vẫn còn nhiều người khoan

hồng. Ông chỉ viết và ngồi chờ dịp để phát minh những giá trị tinh thần mới. Ông sống ít lắm. Ông chỉ sống với sách, với không khí buông sách. Tôi sống với ngoài đường, với những người đi trên đường, với cái luân lý của người bộ hành. Mỗi người có một lẽ phải riêng để tin cái sống của mình là đúng. Chúng tôi thân nhau, sơ nhau, gần nhau, xa nhau cũng chỉ vì có bấy nhiêu chênh lệch. Đến ngay những cái sở thích linh tinh chúng tôi cũng không giống nhau. Đã mấy lần bạn tôi chỉ cây bút máy, hộp cà vát, cây gậy trúc và lũ va ly của tôi mà kêu la rằng tôi xa xỉ quá, hoang quá, - “Những vật này, có phải sắm đến, miễn sao dùng cho được việc thì thôi. Chọn lọc lắm chỉ là phí phạm, vô ích. Tồn thì giờ, tồn tiền. Mà ông thì đã giàu gì?”.

Tôi chỉ cái buông sách bẽ thế của ông:

“- Cái bộ Bách Khoa Tự Điển gần hai mươi tập kia, gáy da mạ vàng, cạnh thiếp vàng, kể cũng đáng gọi là một lối chơi xa xỉ. Cuốn sách tốt đặc dụng thường không là đẹp và mới. Có lẽ nó càng cũ rách càng là có giá. Giá nó lại mất đi hoặc không có nữa thì càng phải hơn.

Và ở một người viết văn để yêu sống, để tìm nhân loại, để tìm mình trong nhân loại, để được thấy nhân loại trong mình mình, cái phòng làm việc của người ấy đặt ngay giữa cuộc đời. Tấm lòng kẻ sĩ giữa cuộc

sống muôn hình đã đủ là một cái thư viện rồi. Về ra làm gì những cái giá sách vương bận này, nó chỉ tỏ ra một lối làm việc hẹp hòi."

Mấy buổi liền liền, động ra đường gặp lại người quen là y như được người ta hỏi mình rằng: "- Kia, thế vẫn chưa đi à ?"

Về nhà ngấm lại va ly mới, tôi thấy còn phải ở đây thêm một ngày nào là chỉ thêm ngại ngùng, bẽ bàng. Một đêm hè ấy, lòng tôi cũng oi ả chẳng kém gì cái bầu trời mùa viêm nhiệt kia. Khoảng không im vắng; không một đợt gió trời. Trên đỉnh đầu, trời trong vắt và trăng sao vàng vạc, gợi đến cái bầu trời các miền Nam. Hà Nội chật hẹp, nhà cửa ép đường phố, cây to chỗ thoáng đè nén người như thế này thì bao giờ kẻ chiêm tinh mới nhìn thấy chòm sao Nam Đẩu? Tôi thêm những khoảng trống rộng rãi. Chứ đêm sao lơ thơ ở đây chỉ rộng bằng mảnh mùi soa. Tối ngủ để mở cửa, để buổi sớm trở dậy, tôi nhận thấy tôi vừa bị mất trộm. Vài bộ quần áo thôi. Cái người thầy số hôm trước đã bảo tôi là tháng này thế nào cũng thất tài. Tôi tự an ủi tôi rằng có khi của lại đi thay cho người và cái tên đạo chích đó sẽ ốm đau thay họ tôi cũng nên. Và chẳng những việc bị mất trộm về tài vật đã có gì là đáng buồn. Những sự mất mát về tình cảm còn đáng buồn gấp ngàn vạn mà cũng còn chẳng tránh được nữa là. Nhưng phiền một nỗi là bây giờ

lấy cái gì đắp vào người để mà lên đường ! Xưa nay, trên con đường nhựa, trên con đường sắt, người ta chưa trông thấy người lữ hành khỏa thân bao giờ. Cái điều kiện quần áo vào những kỳ lữ thứ, ở cái thời đại nào cũng cần hơn là việc ăn và việc ở. Chẳng cần phải làm người đại lữ khách mà một du tử xoàng xoàng cũng phải nhận thấy sự thiếu quần áo lúc đi xa là một việc thất sách, làm giảm mất cái sức dồi dào của mình trên đường. Tôi đang nói khó với người ta may và thêm cho tôi chưa xong thì lại tiếp đến việc một người bạn gái ốm suốt chết. Ấy là một cái kỷ niệm giang hồ cũ mà cái bốn phận tình cảm của tôi không cho tôi ngơ được. Nghĩ đến câu “sàng đầu kim tận, tráng sĩ vô nhan” mà lúc này tôi lại muốn có được một ti thân danh của một người chủ thầu để mà sai tiền mặc dầu tôi vẫn hiểu tôi là dốt tính, gieo con toán suốt đời chỉ có như là người ta gieo vắn thơ thôi.

Đã có khối bức thơ ở miền trong hồi âm ra giục tôi sao mãi mà chưa thấy vào. Họ chờ mãi, vò rượu đã đem sẽ lè ra mà độc ẩm và gà chó đã chết dần trên bếp lửa họ. Tôi lại mở chiếc va ly mới một lần nữa, dòm nghe vào, không còn thấy thiếu một thứ gì. Thuyền tôi sắp nhổ neo được rồi. Thú vậy ời! Vẫn còn ở Hà Nội mà lòng tôi đã thấy xa lìa hẳn chốn này. Và chưa chi mà tôi đã thấy nhớ Hà Nội, nhớ Phố Hà Nội, nhớ người Hà Nội - nhớ cả đến một thằng bé đánh

bóng giầy da. Kỳ diệu thay ! Những cái phút sắp được khởi hành. Tôi phải cái tật là chỉ quý yêu được trong tiếc thương, tôi phải cái bệnh là chỉ biết quý yêu trong khuất vắng.

... Vậy mà, một buổi sớm ấy, tấm lòng đi của tôi đã chùn hẳn lại. Tôi vừa nhận được một tin buồn đem lại từ một cảnh nhà. Đứa con trai ruột lòng của tôi đã chẳng còn được làm người nữa. Nó bị trúng phong, chết đã hai hôm rồi. Và từ hôm kia, người nhà tôi đi tìm tôi cứ long vờ cả Hà Nội lên.

À thế ra ngày hôm nay, 15-5-41 là ba ngày của con trẻ và lại luôn là ngày lễ đại tường của thi sĩ Tản Đà.

Tôi biết thế nào tôi cũng phải về Thanh để chia với nhà tôi cái buồn bỏ trẻ. Trẻ, chắc thế nào cũng được chôn cất hẳn hoi rồi. Những việc cần kíp như thế, thường ít khi người nhà tôi chờ đợi tôi. Biết tôi ở đâu mà cho tin và tin đó có tới được tôi thì biết bao giờ tôi về mà chờ với đợi. Ở nhà, thân nhân đã quen hẳn sự sống không thường của tôi đã từ lâu rồi.

Vậy thì sớm chầy, thế nào tôi cũng về Thanh, không phải để còn được nhìn mặt trẻ, không phải để được lo liệu làm ma cho đứa trẻ tội nghiệp mà chỉ là để ra mà nó vấy lên trên nấm đất mới kia ít giọt nước mắt chậm trễ.

Sự tỏ dấu tiếc thương lỡ đã muộn rồi, thôi thì cho nó chậm luôn một thế. Mai tôi hãy về, và đêm nay tôi

hãy đi dự lễ kỷ niệm một nhà thi sĩ đã. Đối với cái ngày tử này tính theo âm lịch, lòng tôi có lẽ còn nặng hơn việc chết kia. Vào lúc nhá nhem, ngồi ở nhà Thủy Tạ ven hồ Kiếm, chéch choáng hơi rượu sầu nhõ, tôi thấy những bản đàn cổ điển của Ban âm nhạc Quốc tế kia cũng chẳng làm khuây cho tôi được mấy tí. Một buổi tịch dương lòng cư tang, hương lửa tâm tôi lem nhem, lúc nhóm lúc tắt theo với đợt gió hồ. Tiết trời năm nay lạ thật. Cuối tháng tư mà gió chiều lại gây gấy lạnh như gió ngày thu tháng chín.

Ban âm nhạc của nhà Thủy Tạ thực là đủ thứ người ngoại quốc: Nga La Tư, Ba Lan, Ý Đại Lợi, Phi Luật Tân v.v...

Tôi ngắm mãi một nhạc công tuổi tác người Ba Lan mỗi khi đánh xong một bài lại lau mắt kính gọng vàng, lại lau hai mái tóc bạc, gật đầu cảm ơn một cái công chúng bất kính với tất cả cái khuất lụy có tính cách tôn giáo của một người đã già mà tôi đã bùi ngùi muốn khóc thành tiếng. Được dịp chia cái buồn này với một người nhạc công già, tôi đã bằng lòng vội sẻ cho người một ít nước mắt thấm dành riêng cho trẻ.

Đêm hôm ấy, tôi đã về đến nhà. Trừ có ông tôi còn thức ăn thuốc khuya, cả nhà đã đi ngủ. Bị thức giấc, mọi người đều nhìn tôi với cặp mắt mệt mỏi. Trong

cái yên lặng của một mái nhà ngủ bị chìm hẳn vào cái đêm của tỉnh xếp, tôi nhìn mấy khoảng giường có những cánh màn the cũ màu rử buồng mà lòng thấy se co hẳn lại. Tôi nghĩ thấy một mùi nhạt nhạt của những vật cũ mới ẩm mốc.

Ở đây có một cái gì bé bỏng vừa đi khỏi. Ông tôi nói luôn: “- Thấy biết cái thằng Lãng ấy là khó nuôi lắm. Lá số tử vi của cháu tốt quá. Hồi mẹ nó sinh nó, thấy bấm giờ, an sao thấy số tốt quá, thầy đã biết là khó giữ được, nhưng không dám nói. Kịp đến kỳ cháu đầy tuổi tôi thầy vẫn cứ nghi ngại cho rằng cái của quý nó ở được với mình ngày nào thì cũng biết vậy mà nưng niu thôi. Những cái gì tốt quá là ít được bền. Con không thấy những người đánh bài cẩn thận, ít người dám ù kính tứ cố. Tổ tôm đã vậy mà đến bài tây thì người ta cũng kiêng những ván bài to có bốn con ich-xì về mình cả.

Tôi ngồi im, lấy sức mạnh của ký ức vẽ lại vào trong tâm khảm cái hình ảnh trẻ. Thằng Lãng ngoan lắm. Trán cao, má lúm đồng tiền, mắt sáng như nước dòng thu. Còn nhớ hồi đầu năm về thăm nhà, lúc tôi ra đi, mẹ Lãng bỗng nó ra cửa, hướng vào tôi đã leo lên xe, nó phụng phịu mím môi lại. Tôi đã ngảnh mặt đi, lấy chân giục người xe già cật càng xe cho nhanh kéo dùm dằng chút nữa thì lại còn lâu mới đi được.

Tôi lại nghĩ đến lúc nó chết. Rồi khi không đang ngồi bên cạnh bộ đồ trà nóng của thầy tôi, tuôn đầy một bầu khói nước đượm hương Ô Long mà tôi đánh hơi lại thấy toàn những mùi ghê gớm của khói chổi xế, lá sơn, bồ kết và gỗ bạch đàn.

Vẫn thấy tôi nói tiếp: “- Được cái có thầy ở nhà, việc chôn cất cháu cũng tươm tất. Cái số thằng Lãng thế mà hóa may. Thầy còn ít tiền định đi chơi xa. Chùng chình đợi một người thành ra mới có ở nhà hôm cháu nó đi đấy chứ”.

Bỗng thấy tôi nhìn vào hành lý của tôi, đổi hẳn câu chuyện:

“- Con lại mới mua cái va ly mới đấy à? Lại định đi đâu xa?”

Vợ tôi ló đầu vào ánh sáng khung cửa, mắt còn ngái ngủ, vừa bắt gặp câu chuyện, chưa hiểu đầu cuối ra sao, vội chen ngay vào: “- Vừa chân ướt chân ráo về tới nhà, lại đã đòi đi. Chẳng mấy khi về tới nhà; động về là đã dùng dùng đòi đi ngay chẳng còn thiết đến ai cả. Kia lại cái va ly mới nữa ! Thấy bảo nhà con hãy ở nhà lấy ít hôm, hôm qua là ba ngày tháng Lãng, đã lỡ không về kịp, thì rồn ở lại ít ra là tới ngày tuần sau cúng cơm cho Lãng vậy.”

Lâu lắm, tôi mới lại có dịp đặt chân vào cái nghĩa địa hàng tỉnh này; những luống trúc bách diệp đã xum xuê, những hàng thông mỗi lúc reo gió đã liên tiếng rì rền. Cái bó hoa mẫu đơn đặt trên chòm mộ Lãng vẫn chưa khô héo hẳn. Thấp xom tuôn nhang vào cái nắm đất còn nóng hổi và nhỏ bé chưa xanh tác cỏ, nhà tôi và tôi vừa nhặt cỏ may ở quần áo và nghe mấy đứa nhỏ nói chuyện với nhau về cái chết của em chúng.

- Em Lãng chết rồi, em Tương không hiểu gì cả lại cứ bảo là em ngủ, nằm mãi bên cạnh. Đến lúc mợ bảo cho biết là Lãng hỏng rồi, sợ quá chạy mất.

- Thế chị ẳm em như thế mà chị không sợ à ? Đây, chú Lãng rồi chú ấy thiêng lắm đấy! Mợ bảo thế.

- Đây, làm sao lúc bỏ em và cái hộp gỗ bà lại lấy tí mực đỏ bôi vào trán chú Lãng anh nhỉ ?

- Vào gan bàn tay chứ ! Định bôi vào trán, nhưng sau mợ nói đánh dấu như thế càng thêm tội em bé, bà lại bảo bôi vào lòng bàn tay.

- Chú Lãng vừa đi xong có một lúc là có kiến ngay. Đẩy cả giường.

Thấy tôi cũng tìm đến mộ cháu Lãng vào lúc chúng tôi sắp ra về. Lại nói chuyện nhiều về cái lúc sống của một đứa trẻ tội nghiệp. Gió thổi vài đợt nhẹ vào mấy luống tùng bách, đánh rớt xuống nhiều giọt mưa đọng trên lá cây thiên cổ xanh xanh.

Ra đến quá cái bia kỷ công nghĩa địa, thấy tôi đọc lại cho tôi một đôi câu đối nôm của người trong hội nhờ thấy tôi lấy *Kiều* ra để chính vào nghĩa địa này hồi mới dựng nghĩa trang hàng tỉnh:

Có hoa bốn mùa, có chùa tụng kinh, người tuổi vàng một giắc.

Này cuộc trăm năm, này mô vô chủ, vùng trăng bạc năm canh.

Vài ngày sau, cái buồn của tang đã lắng xuống, tôi muốn phơi dãi tôi ra một chỗ thoáng nào. Tiết trời hè mà không khí ẩm ỉu quá chừng. Làn da chiếc va ly mới đã lên hoa mốc. Hoa mốc trắng như hoa mốc rồi dần dần xuống màu, ngả đúng cái màu hoa lim rừng. Mỗi lúc lấy giẻ lau chùi va ly là tôi lại lấm lét như trẻ ăn vụng. Tôi phải đợi cho thấy tôi đi vắng hoặc nhà tôi đi chợ rồi tôi mới dám làm cái việc tắm rửa ấy cho hộp hành lý. Tôi biết trước rằng nếu bắt gặp tôi săn sóc, soạn sửa va ly, thế nào nhà tôi hoặc thấy tôi cũng gằn một câu: “- Thì hãy ở nhà lấy ít hôm nữa. Việc quan, việc vua gì mà cứ tới tấp lên. Có ra ngoài ấy thì cũng chỉ đến họp chúng họp bạn thôi chứ gì”.

Không, tôi không muốn ở nhà nữa. Nhưng với cái va ly mới, đẹp như thế kia, bây giờ tôi sẽ đưa nó đến một phương trời nào để đánh dấu cho đời nó một ít ngày đầu tiên xứng đáng ? Ở trong ấy đã có một giọt máu đào rất xinh. Tôi muốn cho đời va ly ấy được đẹp,

được rộng, được mới lạ, được tươi đượm hơn. Chẳng lẽ nó lại chỉ có theo tôi vào đến cái đất Thanh này để biết đến có một chút mùi đất nghĩa địa ủ lầy nắm cốt mềm của một cái chết hồn nhiên, chẳng lẽ chỉ có thế rồi nó lại lộn trở về Hà Nội - cái nơi tâm thường đã hết gợn đến tọc mạch, cái nơi quá quen thuộc mỗi gặp lại là lòng không bao giờ còn bỗng bật cười mở được nữa như ở những đất mới làm quen ?

Vào chăng ? Đi mãi vào trong nữa chăng? Hay là lại lộn về? Tôi hỏi tôi, tôi hỏi cái va ly của tôi, tôi hỏi cái ví tiền trong túi, và một buổi chiều cô đơn ấy, đối diện với nếp thành gạch cổ, trên gác sân một lầu rượu vắng lạnh như chùa Âm Hồn, tôi lại hỏi cái cốc rượu mạnh của tôi. Trong đáy cốc đã lắng hết căn, trên mặt cốc đã vỡ hết bọt men, tôi thấy đùn dần lên, hiện dần lên hình ảnh vài người bạn ở xa. Bỗng người trong chất rượu chập chờn như bóng ma chài trên một cái mặt bể lặng lẽ và trí trá.

Có một người quen đang đi dưới mặt đường nhựa phố. Ồ, ông bạn Ch. Ph., thế này thì tôi không phải uống rượu một mình nữa rồi. Độc ẩm, nhiều khi tui lảm. Tôi cho phổ ký chạy theo mời ông lên.

- Về bao giờ ? Mà không đi thăm các bạn ? Mà không xuống thăm tôi? Mà ngồi uống rượu một mình như một người không có bạn thế này, hờ người anh em lâu lắm mới lại gặp kia ?

- Ở đây, anh bảo tôi đi thăm ai bây giờ ? Uống đi! Hôm qua định xuống nhưng anh sống cái nghề chủ thuyền, ngày giờ trên sông nước rất là thông thường, xuống không chắc thuyền có đậu bến nhà không, nên lại thôi. Nhất ẩm nhất trắc giai do tiền đình. Anh uống đi.

- Thế về làm gì ?

- Để xuống đặt một vòng hoa dưới nghĩa địa. Tôi vừa bỏ một cháu.

Chúng tôi lặng lẽ uống, nhìn vào một cái buổi chiều trơ trẽn. Ở cái tỉnh lẻ này, tôi nghiệm ra hình như buổi chiều nào cũng đều không có hoàng hôn. Tôi ngắm cái khuôn mặt ông bạn Ch. Ph.. Cái vết sẹo ở cổ ấy gió sương trên sông bể đã làm thâm màu lại rồi. Mấy năm làm thuyền còn gì nữa. Nhớ hồi ông làm lễ hạ thủy chiếc thuyền đầu tiên Hồng Lập chở được hàng ba mươi tấn than, ông đánh giầy mời tôi về dự lễ ở Bến Ngự, tôi có mừng ông - ông xưa kia chuyên sắm vai vờ tuồng, sống với sân khấu - một đôi câu đối:

*Cánh thế nhỏ người bào, trợ trợ Châu Thang
câu hát bộ*

*Bể ngòi xây nghiệp nước, nổi nênh Bến Ngự
chiếc đồ than*

Tôi hỏi thăm ông về chiếc Hồng Lập.

- Chiếc Hồng Lập bán rồi. Được giá thì bán để đóng chiếc khác to hơn, chứ xấu gì chuyện đó. Giờ đóng chiếc Hồng Cơ. Chờ được hơn bốn mươi tấn. Sớm ngày kia, Hồng Cơ lại ra Uông Bí lấy than đấy. Có đi cùng không ? Lại uống rượu tay đôi trên sông mà.

Tôi chồm hẳn dậy. Cả một cốc rượu còn đầy, tôi chỉ làm có một tợp. Tôi mừng rơn. Tôi mừng cho tôi, tôi mừng cho chiếc va ly của tôi. Nó sẽ được đi mạnh; con thuyền ấy sẽ rập rờn trên sóng ngòi, sóng kênh, sóng sông cái, sóng biển rộng. Hằng mấy tuần, cái va ly mới kia sẽ theo thuyền mà tha hồ thăm các bến, các giang khẩu, các phụ đầu. Đời cái va ly này sẽ có một sự khác lạ, sẽ ghi được một thành tích kỳ thú, sẽ có một bước đầu không hèn!

Cái con đường thủy này tôi vốn lại chưa có dịp trườn qua bao giờ.

- Sao lại sáng ngày kia mới đi? Sao lại không đi ngay sáng mai?

- Cái quân ở trên cạn ra không hiểu gì cả. Ngày kia mới gặp kỳ con nước, thuyền nhỏ neo mới nhẹ mũi nhẹ lái, có biết không?

Tôi à một tiếng, đính ước ngay với chủ thuyền.

Đêm ấy và đêm sau, tôi ngủ nhà, lòng rộn ràng như lòng người đi thi.

Trần trọc qua canh, tôi rón rén ra buồng ngoài định sẽ của mẹ tôi một ít rượu thuốc. Vợ tôi rất nhẹ giấc đã ngồi dậy quán tóc.

- Mình đã đi đây à? Trời còn tối đất lấm, tàu bè nào bây giờ. Giờ độ hai giờ chứ mấy. Không tin mình ra xem đồng hồ. Tôi biết thế là vì hồi còn mồ ma Lãng, đêm nào cũng cứ khoảng này, thì tôi trở dậy pha sữa sửa cho con. Hình như cái hộp sữa cuối cùng của em nó vẫn còn một nửa. Tí nữa, mình lấy mà ăn đi. Ở nhà, cũng chẳng ai biết ăn sữa bò. Mà cứ để mãi ở góc bàn, trông bầy lại càng thêm nhớ nó quá.

Vợ tôi ghen lời. Tôi thấy tôi cũng muốn rơm rơm nước mắt theo và tôi ngờ rằng sớm mai đây khó lòng mà đem gởi nổi chiếc va ly mới vào một cái lòng thuyền.

Thuyền rút sào, rời bến, đảo mũi. Cái cầu si-moong Bốn Voi xoay mình vòng quanh. Ấm trà sớm uống trên mặt sông, điệu thuốc Lào hút trên mũi thuyền, hương vị khác hẳn mọi lần. Kế đến bữa rượu sớm dọn ở đằng sau khoang lái, ăn đến đâu, vứt xương thịt xương cá xuống ngay dòng nước chảy lùi. Chủ thuyền đã cho ngâm sẵn mấy vỏ "hoành tửu", tôi tưởng thuyền có mắc cạn hàng tuần, thì cuộc đời tình cảm của tôi trong cái khoang thuyền này cũng vẫn chẳng

lờ làng. Lúc này tôi không biết sợ thời gian nữa. Lúc này, nằm phơi mình trên mũi thuyền, nép dưới bóng lá buồm chỉ thiên rộng tới nghìn vuông vải nâu, hưởng cái gió sông xiết mạnh mãi vào lòng phiến buồm chữa phồng, tôi mới thấy thương nhớ người nhà và nghĩ đến cái sự không còn có mặt ở đời này của đứa trẻ Lãng. Tôi còn nhớ một lần nựng con trẻ trước mặt tôi, vợ tôi đã vờ cầu vào đùi trẻ và nói: “Mợ nuôi cho con chóng nhớn rồi chóng lại theo cậu nhé. Lại sớm giang hồ thôi. Bố con nhà mày!” Tôi lại nhớ hình như mẹ tôi cũng đã có lần nói với tôi na ná như thế, vào những kỳ thấy tôi đi chơi xa.

Nhà nhem tối, thuyền bắt đầu vào kênh Toán. Trời nổi cơn giông rồi mưa. Mưa lộp độp, mưa rào rào, gõ mãi vào mũi nan cật, mỗi giọt gieo nặng là mỗi tiếng đánh thức nhiều chuyện tũn mủn của những ngày qua. Hơn người thay là những kẻ không có dĩ vãng. Đêm nằm thuyền nghe mưa trên sông! Cả một cái đề cho một áng thơ diễn tả những cuộc cô đơn trong tâm khảm. Ngà ngà rượu chiều, nằm lắng mưa ngà mãi xuống sông thuyền, tôi đã tưởng nhớ đến Xuân Phương - cái người bạn ở Hà Nội cũng mắc bệnh chơi mưa: mưa trên tàu lá chuối, mưa bên cửa kính, mưa ngoài giọt gianh, mưa trên đường nhựa; mỗi lần gặp mưa ở đâu là người ấy lại tưởng mình đã già thêm đi mất một ít, lại vội mang phấn ra mà thoa và thay

quần áo đẹp mới. Người bạn ấy cũng thèm đi lắm. Sao lúc này người ấy lại chẳng cùng tôi nằm chung một lòng thuyền, để cùng nghe mưa của cả một chiếc thuyền bông.

Tôi đã khoác tấm chăn chiên vào người, bò lên mũi thuyền. Thuyền đi chậm chậm. Kênh Toán là một đường thủy gay go nhất cho đám người chèo lái vào những buổi tối trời mà lại mưa gió. Kênh Toán là một con sông đào kiểu chữ chi. Đêm tối như trát hắc ín. Chủ thuyền chăm chú đợi những cơn chớp nguồn. Mỗi tia chớp là một ngọn đèn rọi đường. Cánh buồm đổi dây leo luôn. Thuyền đi ngoằn ngoèo, gió lúc thuận lúc nghịch, chưa thổi dọc hết thì đã tạt ngang; tiếng con dây leo nghiêng vào những cái ròng rọc nghe không khác những tiếng chim ác điểu kêu vào những kỳ dũ rừng, mưa thâm ẩm sũng, gió ngàn rú mạnh. Trên dòng nước nông hẹp oằn oèo, chốc lát lại được thấy một cái chấm lửa đứng im.

Ấy là một đoàn bè gỗ bỏ để chờ từ đường ngoài vào bán cho nhà máy diêm Thanh Hóa, đến đây phải nghỉ lại.

- Bè bỏ bên nào ? Bỏ bên cạy hay bên bát?

Lúc tránh nhau, sườn thuyền cọ vào mạn bè gỗ, nổi lên những tiếng kiu kịt bé như tiếng thở dài. À thế ra cạy là bát là thế. Cạy là bên phải của thuyền,

bát là bên trái của thuyền. Còn nhớ ngày nhỏ đi học, giờ quốc văn, đọc đến câu “*Một con thuyền cạy bát bên giang*”, đáng thầy học tôi không thêm cắt nghĩa tới.

Suốt một dọc kênh Toán, toàn bè là bè. Hết gõ bô để lại đến nửa. Trên nhiều nhà bè còn thức, có rất nhiều tiếng đọc kinh đấm ngực. “Lạy Chúa chúng tôi là kẻ có tội”. Một đêm mưa gió trên sông lạnh hẹp tối om om, xa làng mạc, chợt nghe những điệp vận cầu nguyện vang lạnh này của một đoàn người bên giáo, bên những ánh nến ma quái lung lay, tôi thấy cả cái không khí của mấy cuốn Tân Cựu Ước Kinh cùng là những cái ghê rợn của những ngày mới tạo nên cuộc đời và của ngày “Phiên Luận Tội Về Sau Này”.

Người thuyền trưởng thuộc đường thế mà thuyền cũng cứ bị mắc cạn, mũi thuyền thượng lên bờ kênh. Ấy thế rồi gần về sáng, nước rút hết lúc nào không biết.

Cái đêm đầu tiên thuyền mắc cạn ở kênh Toán tôi đã đem rượu ra uống suông rồi gói đầu lên cái va ly mới. Tôi đã vỗ về chiếc va ly và vỗ bảo lòng tôi rằng thuyền cạn rồi thuyền lại nổi, con nước thủy triều xuống rồi con nước thủy triều lại lên và va ly ơi ! “*Khởi hành ban đêm; tỉnh giấc giữa cái sáng lạnh của*

ban mai rồi cảm thấy chỉ có Hai Ta lủi thủi trên cái bấp bênh của sóng”.

Mãi đến gần trưa ngày sau, con nước mới lên đủ mực, nhắc bóng thuyền lên rồi quá trưa, bọn tôi ra khỏi kênh. Lúc trời vàng mặt, thuyền bỏ neo ghé đồn Lạch Trường trình sổ hoàn then.

Sớm ngày thứ ba cả thuyền sắm sửa lại lái lèo để ra khơi. Con đường vượt bể là cái đoạn này. “Gió đã lên lâu rồi, chị ơi”. Tôi thả chân trên mạn thuyền, ngồi nhìn đám người đi dạo lặn xuống nước mò những con hàu, cổ lồng thông cái dây có thánh giá đang rõ nhiều giọt nước. Họ ngậm ngang mồm một con dao, lặn xuống nước một lúc lâu, tìm những tảng hàu cấn vào sườn đá cạy ra rồi ngoi lên mặt nước, vuốt mặt, nhổ và thở phì phì; họ vuốt mặt, vuốt mắt và nhìn lại chân trời đẹp với sự khó nhọc đầm chiêu. Những cặp mắt toét và những cái miệng mếu máo đầy nước mặn ấy của những người đi cạy hàu gọi tôi nhớ đến mấy đoạn sách của Panait Istrati tả cái cảnh huống những người lặn tìm bọt đá bể ở các vùng đông hải phận Địa Trung Hải. Ở lòng nước bể ấy; mỗi cái tăm nước nổi lên mặt sóng lặng là một giọt máu của một người. Người lặn xuống cạy bọt đá ấy có khi không nổi tăm lên nữa, lấy luôn cái đáy bể có lót bọt đá ấy làm một cái mồ. Vậy mà hàng năm, vẫn cứ có bao nhiêu người khác phải lặn xuống như thế, hồ biến cái đáy hải

phận ấy thành một nghĩa chùng chìm ở rốn nước. Tại sao thế? Tại vì trên thế giới này, còn có nhiều mỹ nhân cần luôn luôn đến bọt bể để tắm kỳ nước da mình cho mãi mãi được trắng mịn.

Trình giấy đồn xong, thuyền bọn tôi ra khơi. Cả một vùng Lạch Trường đang bỏ lùì lại sau cuống lái. Ở đây, có một cái gì đáng lưu ý nhất thì là những nại muối. Những ruộng muối vuông vắn, thấp cao từng đợt cấp gọi đến những thửa ruộng ở ven đồi các xứ Trung Du ngoài Bắc. Nước biển khô cạn trong lòng nại, dân vùng duyên hải này - do Nhà Đoan thuê làm cu ly trả công nhật - cào vun ra và cơi lên thành đồng thành ụ. Đứng trên thuyền, từ xa trông vào nại có những chòi canh, những ụ muối trắng vào những cái mốc sơn trắng có đánh số hiệu từng nại một kia cho ta ngộ nhận đấy là một cái bãi tha ma mới được nhiều người sống sẵn sóc quét vôi cho luôn. Phía gần nại muối là làng Y Vích Lộc Tiên. Lũy tre xanh hẻo lánh này là' quê hương ông bạn Đình Ch. D... Người có nhân ấy, giờ thực là hạc nội mây ngàn.

Biển rộng đã bắt đầu. Hết sóng gỏi róc rồi đến sóng vâ tai. Người thuyền trưởng luôn tay đổi dây leo và mấy lá buồm lúc thì chạy theo lối cánh xếp, lúc thì chạy theo lối cánh tiện. Tuy rằng chạy ra biển nhưng lúc nào cũng nhìn thấy đất liền. Đây đã là cửa bể Thần Phù. "Lênh đênh qua cửa Thần Phù; khéo tu thì

nổi, vụng tu thì chìm". Phía trong mũi núi kia là hang Từ Thức, là Vườn Đào, là Bến Chúa. Những danh từ cáu dỡ.

Thuyền gặp một đoàn cá he ngoi lên khỏi mặt nước. Đen như mình trâu và to bằng con trâu. Những người đi bẻ vốn sợ cái giống cá này, lăm lét nhìn trộm đàn cá he ngoi lên ngụp xuống và thì thầm: "- Ông đang múa đấy". Thuyền thuận gió, chạy non ba tiếng đồng hồ rồi lách vào đất Phát Diệm, quê hương của sự gieo mầm đạo vào xứ này. Trước mặt tôi, từ phía chân trời có bao nhiêu cái nóc nhà thờ đạo cứ rút lại gần. Và hai bên ven lạch, bên phải bên trái, quá trong những làng mạc xa kia đều là nhà thờ cả. Thuyền bọn tôi gặp những thuyền chợ đi ngược lại, chở toàn những cô gái buôn khuôn mặt và cặp mắt xinh đẹp đều rập theo cái vẻ đẹp nhu mì của thánh Maria. Cái vùng bể này vốn là xứ sở của người bên giáo. Trong kia một chút nữa thôi đã là Kim Sơn.

Buổi chiều một ngày thứ ba, thuyền bọn tôi cắm neo ở cửa Đồn Cống đã san sát những cột buồm và giây leo. Thuyền Thanh, mảnh Nghệ, thuyền Nam thôi thì đủ. Ở đây có thể gọi là cái rừng cột buồm được. Chủ thuyền có kể cho nghe rằng vào cứ một chạp, các mảnh Nghệ hẹn gặp nhau ở đây, họp thành đoàn, đợi gió rồi đốt mã về ăn Tết, vui không biết thế

nào mà kể. Ăn Tết năm nay ở Đồn Cống chẳng? Tôi hỏi tôi.

Đêm đến, cảnh chỗ bến Đồn Cống không đến nổi tẻ vắng. Có những cô gái Kim Sơn, chèo những chiếc thuyền thúng đi chào hàng. Họ quỳ gối xuống sạp thuyền, hai tay chèo đều đôi má, thuyền nan lướt qua, len vào kẽ các thuyền gỗ, lửa thuyền nan - thường là một ngọn nến thấp trong khoang vắng chứa đầy rượu - chấp chới, hấp hay theo ngọn gió lửa cửa sông. Cái đám phụ nữ bán hàng tạp hóa trên mặt nước này có đùa họ, không bao giờ họ biết giận. Thương nhân phụ.

Mãi đến mười giờ sớm hôm sau mới trình xong số hoàn then.

Mãi đến một buổi sớm khởi hành của bao nhiêu con thuyền, hôm nay tôi mới nhận thấy hết cái ý vui sướng ngụ trong mấy chữ “thuận buồm xuôi gió”. Tất cả bấy nhiêu thuyền đều dong buồm hết. Buồm lá trướng của thuyền Nam đúng là những bức trướng vải dam ma. Buồm chỉ thiên của đoàn thuyền Thanh đẹp nhất. Và mạnh bạo nhất thì vẫn là những cánh buồm dơi vè lại cái dáng điệu của những chiếc thuyền Tàu Ô đi trên bể.

Phải đi thuyền, lần theo những bờ ruộng xanh um nơi này thì mới nhận rõ thấy cái tính cách hiền lành và tẻ nhạt của vùng Sơn Nam Hạ. Người tỉnh Nam

Định vốn có tiếng là chân phương. Thuyền bè vùng Nam hay dùng mây song để kéo những lúc tắt gió, trái với lối ở Thanh thì chống sào và ở Nghệ thì chèo. Chỉ ở một nơi mà sơn xuyên thiếu hẳn thì mới kéo được thuyền như thế thôi.

Ánh nắng xiên khoai không bị vướng bởi những cái gồ ghề của các tỉnh có núi non, đã tà tà chiếu thốc vào những bờ sông cỏ non, bóng như chùi. Nắng vàng mát và cỏ xanh rờn. Trời mà làm thợ điểm phẩm thì không chê được. Và phút này, tôi muốn được hóa làm con bò gục mặt xuống bãi cỏ sông kia.

Đến quãng Tam Tòa Độc Bộ, tắt gió. Thuyền trưởng giao cuống lái cho con cầm, nhảy ùm xuống nước, lồng mũi song vào vai, gù người xuống kéo con thuyền và hò:

“Ớ... ơ... Bên ới... bên nghỉ... thuyền về”

Tiếng hò ngân vang trên mặt nước chiều một cái ngả ba sông trái gió, đi vào lòng tôi như một mũi tiêm chùng chình. Lòng tôi trở nên sợ hãi cái xa vắng mênh mông ở ngoài cuộc đời này.

Ấy thế rồi, sẩm tối ấy lại nổi cơn giông. Chúng tôi phải ngủ lại ở gần ghềnh Thao Ma Thổ Phụ để thỉnh thoảng tỉnh giấc nhìn những đuốc lửa chập chờn như ma trôi của những thuyền khác phải kéo đêm cho kịp kỳ chợ phiên. Bảy tám năm xưa, tôi cũng đã về ngủ

một đêm ở gần nơi này tìm một người đàn bà... Gần đây chút nữa là sinh quán cô Xuyên⁽¹⁾. Và quá dưới dòng nước này, đi quá sâu vào hữu ngạn lơ thơ ngọn tre dưới kia là làng ông Thông Phu⁽²⁾. Chao ôi! Đêm tối như đêm giao thừa. Vẫn lại mưa rả rích. Mưa trên sông. Mưa xuống mái bông. Mưa trong lòng, - "*Chuyện cũ... ời... ư hừ... ơ...ời..*"

(1) ; (2) Hai nhân vật trong "*Chiếc lư đồng mắt cua*"

MỘT LẦN ĐI THĂM NHAU

Tặng Nguyên và Thống

Con tàu vẫn chạy đều, mỗi chỗ đường queo, tiếng rit của sắt bánh cộ vào sắt đường, nhại đúng tiếng mảnh chai cạo lên tinh tre tinh nứa. Tôi uể oải mở hé đôi mắt. Tầm mắt hạ đúng vào một mớ tóc đàn bà rối tung bên tấm ghế hạng ba trước mắt. Ừ, người hành khách ấy giờ trông đã đỡ xấu hơn đêm qua. Tôi qua, lúc tàu tốc hành rời khỏi Hà Nội mỗi lúc ngược mắt lên là tôi lại phải nhìn thấy người thiếu phụ khoẻ mạnh ấy. Cái khuôn mặt không gọn chút thắc mắc về sự sống tỏ ra vẻ mình rất bằng lòng mình tỏa ra một cái ý hưởng thụ rất lâu bền ở cuộc đời này, cái khuôn mặt ấy đã làm cho tôi vương bận mắt vô cùng. Tôi đã phải sốt ruột và không thể không nghĩ đến cái kiểu đẹp yên nghỉ vững chãi và ngu dộn của một kiếp Thúy Vân sống hẳn ra ngoài tập *Đoạn Trường nọ*. Một đêm lữ hành có gió lộng vào khoang tàu, có sương tháng mười lọt tạt vào cửa sổ toa tàu đã in lên mặt thiếu

phụ đang thiếp giấc kia một chút gì của bạn bệu của dầu dãi và võ vàng. Giờ trông cái khuôn mặt tròn đã có thể gấn thành trái xoan được. Có những cái mặt người chỉ lúc ngủ mệt mới thành được một khổ mặt gọn.

Tôi tỳ tai lên thành cửa sổ tàu, nhìn ra một vùng bình minh bao la ở bên tay trái. Chỉ có cát và cây cằn. Đây là Quảng Bình. Xa xa ngoài ít nữa là bờ biển Đông. Cây và cát và con tàu cứ đi qua mãi một vùng rộng chỉ có thế. Cái buồn của hoang vu. Không một ngọn tre quen thuộc. Ánh mặt trời đã làm cho những đám bụi đỏ của con đường thiên lý hiện ra từng đoạn ngắn kia thành một sự thực thú vị. Ánh sáng sớm đã hâm dần bầu không khí sớm. Cát trắng đã thành cát vàng. Từng cồn cát vàng. Màu cồn cát đè lên màu quan lục của từng vũng bể Đông và chốc chốc lại một chút phấn hồng bay tung. Một chiếc xe hơi đã qua đoạn đường “thuộc địa số 1” đỏ như máu ấy.

Rồi Quảng Trị. Rồi những bức thành bên đường Huế. Không đi thì nhớ Huế mà xuống Huế thì... Ở Huế nhiều chuyện lắm. Bao giờ tôi quên được Huế.

Hay là tôi cứ xuống Huế? Xuống nghỉ ít ngày cho nó đỡ mệt, rồi lại đi nữa. Vả lại cách đây ít ngày, tôi cũng đã thư cho anh bạn cũ là sẽ ghé thăm. Đoàn, cái anh bạn cũ ấy có lẽ giờ đang nghĩ đến tôi sắp bước vào nhà anh với một luồng gió nồng mới đem theo của

cảnh xứ Bắc vào. Một lần, hồi cuối thu, viết ra cho bọn tôi, anh tả con sông Hương, anh tả người đàn bà hát trong sạp thuyền, lời lẽ lâm ly như giọng khúc hành *Tỳ Bà*, cuối thư có một câu: "Giọng liú lo buồn nổi khó nghe..."

Tôi vẫn còn ngẩn ngừ. Tàu đã qua cầu để vào ga. Tôi vẫn ngồi chưa chịu đứng dậy. Tôi hỏi thiếu phụ có "một lời đẹp Thúy Vân" ấy rằng: "- Thưa bà, bà xuống Huế?". "- Chúng tôi đi Phan Thiết". Tôi sợ quá, vội cầm ngay lấy quai va ly, bỏ con tàu, xuống Huế. Đàng nào thì cùng tội, nhưng xuống Huế có lẽ hơn là phải ngồi suốt một ngày một đêm nữa đối diện với một người đàn bà có một vẻ tâm thương của cái đẹp dễ dàng phô ngay ra hết để rồi chẳng nói, chẳng gọi gì nữa hết.

Tôi nghĩ đến những ngày năm trước ở đây. Hồi ấy, thấy tôi còn làm việc ở tòa Hội Lý, tôi còn ở tuổi bé dại, mặc một cái quần không dùng, ngày ngày bỏ nhà đi chân lên xóm chợ. Định tìm đến nhà một ông già tên thất bên họ ngoại để được xem những cái bọn đồ sứ nội phủ tũn mủn, xinh xinh. Lớn lên, thăm lại cảnh cũ, có lần tới Huế, thấy tôi nhờ độ đường đã đem tôi vào ngủ đờ một đêm ở Hội quán Bắc Kỳ Châu Phá. Đêm ấy mưa gió, cảnh lại tối vàng, hai cha con không sao nhắm mắt nổi. Rồi mấy lần sau tôi ghé Huế một mình, có một ông bán cho tôi một hào một cốc nước

lã, vào một kỳ tế Nam Giao tôi trọ ở khách sạn ông có nửa ngày. Một lần khác, đi chơi dài hạn với một anh bạn thi sĩ điên điên và hay đăng tính tôi đã phải ghé xuống Huế vì hết tiền. Phải dịch độ lại ở Kinh, nhiều buổi chiều, chúng tôi không biết làm gì cả, đành lại vào hồ Tĩnh Tâm mà nhàn sâu. Hồi ấy, bạn tôi và tôi đang ở trong một thời kỳ khủng hoảng và hoang mang của tâm thần. Lòng đói và đầy nặng trĩu những ý nghĩ của tự sát, hai đứa tôi tỳ tay xuống lan can nép lầu tạ cũ, lặng nhìn đàn chim vỗ cánh lia mặt nước hồ sen cuối hè. Bạn tôi ngồi đấy yên lặng cho đến lúc trời tà chìm xuống đáy nước tù, ngồi đấy ví ra trong đầu những câu thơ sâu rưng mà sau này được dập in ra thành tập có nhiều người sành chơi cảm giác của chung quanh kêu là hay lắm, hay, bởi vì không ở ngoài Đau Khổ. Tôi ngồi đấy để nhớ đất Bắc, để tính một con đường về. Ở Huế tôi còn để lại những cái gì nữa ? Còn, còn một cái mà rất xinh - mà người em gái nhỏ, chết ở nhà thương làm phúc và chôn ở "côi", đường lên núi Ngự Bình. Bây giờ lại xuống Huế. Nhìn con đò ban ngày, tôi đã nhớ đến một câu hò mái đẩy "Nhớ lại thêm phiền. Quên đi thì nhớ, nhớ lại thêm phiền..."

Đặt tên tự cho mấy Thủ đô Đông Dương, một văn sĩ Pháp qua đây đã gọi Huế là "nàng sùi sụt". Cái thứ mưa dầm ở Huế có cái công dụng la đẩy nghiêng chi chiết đến lòng người.

Những ngày lũ thứ, ngồi co ro ở quán trọ nhìn Huế mưa liên hồi, mà lại tuyết lương nữa thì tưởng có thì uống ngay được một liều thuốc vĩnh biệt, nếu sức sống trong lòng mình không còn nhắc cho một chút phần đầu gì. Thường niên Huế không có Tết Trung Thu. Vào cỡ này quả kim phong vũ biểu ở đây lúc nào cũng chỉ là lay ở khoảng mưa và ẩm thôi. Tôi là người vốn thích thú chơi mưa mà tôi cũng phải khiếp cái lối Huế mưa “mang mang vô tuyệt kỳ”.

Nằm nghỉ ở nhà bạn ngày hai buổi đi dạy học, tôi tựa cửa nhìn mưa bay và chờ cái phút tan buổi học, Đoàn về hai đứa mang rượu ra khiễn muợn. Chiều đến, Đoàn lại xách cặp ra trường, rón rén trên vũng lội và vết xe lầy. Nhìn theo Đoàn tay giương cây dù đen mà tôi thấy yêu tiếc cái dáng anh bạn dài cẳng mà chưa được hẳn phong lưu. Ngày thường, Đoàn vẫn cho tôi hay rằng cái nghề đi dạy học tư tính tiền giờ lại còn chật vật hơn cả cái nghề viết báo. Để che giấu một nỗi bất đắc chí, Đoàn đem luôn cái tài trong môn sư phạm của mình ra mà khôi hài và kêu rằng “nhiều giờ ra bài, tôi giảng rất có hứng, nói rất hay, nói rã họng ra mà cả lớp chẳng ai vỗ tay cả. Thà lộn về Bắc diễn kịch như xưa lại còn hơn”. Đoàn ra trường rồi, tôi khoác cái áo mưa nhấn nha đi về nẻo đầu cầu Thành Thái nhìn những khách qua cầu. Muốn thấy người Kinh cho đầy đủ mặt trong cuộc sống không gì bằng

ra đứng ở đầu cầu Thành Thái. Rồi tôi lại thấy thêm rằng trong cuộc sống ở đây cái gì cũng có vẻ ít cần lắm. Nước chảy chậm chậm. Lá rơi nhẹ nhẹ. Con sông lừ đừ. Người ta lơ phờ. Và hình như ở Kinh này, người ta biết vội vàng chỉ vào cái lúc qua sáu nhịp cầu Thành Thái này thôi.

Những ngày mưa đứng ở đầu cầu mà nhìn những người đàn bà bộ hành qua trên sông, mặt hoa chùm lùm dưới nón lá, phận liễu co ro trong áo tơ lá - cũng đã là tội rồi mà dáng dấp của người không khoác áo tơ lá, mình chiếc áo đơn, lúc này trông lại càng bất ngán. Những màu áo hàng đơn lộng lẫy và dịu dịu dường mực vào những kỳ hạ trời khô sáng ấy, giờ đã nhèo nhèo và xuống màu càng làm tối thêm sắc trời u ám trên sông mưa. Nó dính chặt vào da thịt và tổ cáo những thân hình khẳng kheo. Vào ngày hè rực rỡ thì những cái khẳng kheo này có cái nghĩa là dong dỏng, thuôn thuôn, manh mãnh rất quý tộc và rất dễ thương. Thật vậy, vào cử hè không mưa, đứng ở đầu cầu như một gã du thủ du thực mà ngắm người qua sông tôi lại thấy được tất cả cái xán lạn nồn nường của đất Kinh. Những thân hình cao vút - đi ngăn ngăn như thiếu phụ Nhật Bản chân bước vương bận vì tám xiêm y và đôi guốc lỏi thôi - một tay kéo nghiêng mép nón bài thơ xuống, một tay mím lấy gấu tà áo sau áp lấy hông trông mà chỉ muốn về ngay. Những màu hỏa hoàng, màu khói nhang, hoa liên,

nguyệt bạch, cánh sen phấn hồng, tử vi, hồ thủy, tím than, tím bạch nhật, xanh nõn liễu, xanh da trời, xanh lá mạ, xanh cánh chim trả, xanh lúa con gái, tình ơi! Còn xanh những gì nữa? Quần áo trên dưới, trong ngoài đều là hàng tơ cả, mỗi đợt gió sông bắt gặp vừa thổi lồng vào là cả một điệu ca vũ cuồng dại. Và tôi cũng chưa thấy cái thứ gió nào mà si tình đến như luồng gió sông Hương, lúc có người đàn bà qua sáu nhịp cầu Thành Thái, nó cứ trứu chặt lấy thân hình người.

Mưa mái. Mưa hoài. Mưa rào đổ xuống mái nhà thấy đồ Đoàn và mau nghe cứ như tiếng máy khâu lúc kim chỉ ăn nhanh xuống vải hồ. Đến lúc cái chậu thau ngoài hiên chỉ còn kêu lóc bóc rất thưa thớt để đón lấy giọt gianh thông theo trong đêm tối, mây đưa tôi lại lần qua sông mưa. Cầu đêm vắng người, rộng hẳn ra và sáu dịp sắt xám buông trên dòng đen lạnh cũng dài thêm được chút nữa.

Nhà cô T. Ng. vẫn chưa có khách. Cô là một ca nhi quê vùng Hoài Hoan vào đánh đàn cho người hai châu Ô, Lý nghe cũng đã lâu đời và cũng đã có nhiều lúc được đặc chí, có lần cô đã làm dâu họ cửa phủ một ông Hoàng.

Cô gầy hơn năm nọ. "Thầy Hà Nội" lại vô Huế để nghe một cô đào Nghệ hát giọng Bắc một lần nữa

Đoàn và tôi tùm tùm nhìn nhau, nhấp những chén trà đã đi hương từ lúc chưa pha.

- Chừ buồn vắng lắm, quan ạ. Ông Đội Trác đánh đàn tỳ ồm nặng, có lẽ chết mất. Th.N. lấy chồng đã ba năm. Cô Nh. cũng lập gia đình ở Cửa Hàn và ca cho đĩa máy hát. Em lâu nay cũng ốm mãi. Có lẽ cũng sắp về Cổ Đạm. Giờ thì họa may chỉ còn có bà Nghe Đồng.

Cô T. Ng. nói câu sau cùng, giọng không có chút gì là đùa nghịch.

Tim đèn mâm thuốc đã đậm hoa. Tiếng mô canh hai phường Phú Hòa và Phú Cát đã nhiều hơn là tiếng phách.

Một đêm mưa, chúng tôi đã coi cả giọng cười tiếng hát của người danh kỹ nhẹ hơn một chén trà tàu. Nghĩ mà lại thèm cái ẩm chuyên ở nhà.

Từ đây tới ga cũng còn đến gần năm trăm thước nữa. Còi chuyên tàu ở Bắc vào đã thét một hồi dài. Bất kể những câu thúc giục của tôi, người phu xe Huế vẫn cứ bước một và hình như để trêu tức thêm, y còn dừng lại, cặp càng xe vào nách, đánh diêm thắp diều thuốc giấy Cẩm Lệ thờ khói vào màn mưa đánh phá một cái - một cái hay là mấy cái - rồi mới đứng định bước tiếp. Xe lăn vòng bánh chậm chậm và nhàn nhả như xe của một con bệnh già đi hít gió sớm. Tôi đã

vụt có một định kiến. Là không giục người phu xe Huế chạy nhanh nữa và lần này có lẽ chuyến xe tốc hành thì liền tôi đó tôi sẽ lộn ngay về Bắc, chứ không ở Huế thêm lấy một đêm nào nữa để đợi chuyến tàu tốc hành đi Nam kỳ vào ngày sau. Ngày này được đi vào hay là phải lộn ra, thôi cũng cho là việc trời. Lòng tôi đã hết bốn chôn. Tiếng loong coong lục lạc đồng xe kéo đập mạnh vào lòng tôi, chứa sẵn một chương trình mới. Không đi thì nhớ Huế...! Thật là có sự hiển linh của quý thần nào đây mà tôi vẫn đi kịp chuyến tốc hành ngày nay. Người bạn cũ của ngày mưa lạnh xưa, giờ ở Sài Gòn gần đã nhận được cái giấy thép của tôi rồi.

Tôi đứng ở cuối toa nhìn Huế mất dần trong mưa mù. Gió trên đường sắt, tốc lực con tàu gỡ hết u uất nơi lòng tôi. Gió thổi mạnh trong tàu dạy tôi nên lấy độ lượng mà tiếp đón sự sống. "Chỉ những người quảng đại thì mới biết cái vui của sống và thấy cuộc sống là vui, hỡi người khách của một chuyến đi này." Nhịp bánh tàu quay đều đều ru tác lòng. Lòng tôi bay cao và tản rộng. Lòng tôi say với Cao Cả và vui với Quan Minh. Gió ơi! Giá những lúc ta đứng im trong không và thời gian mà lòng ta cũng được dễ dàng và hoan lạc như lúc đang trôi chảy này! Phút này tôi thành thật yêu thích Huế - cái xứ Huế đã bỏ lùi lại sau viên ảnh đường sắt bóng loáng.

Tôi phải cái tật chỉ quý yêu được trong tiếc thương, tôi phải cái bệnh là chỉ biết quý yêu trong khuất vắng. (Hình như tôi vừa lặp lại một ý cũ của tôi).

Đã đến đầu đường đèo. Mây Hải Vân kéo dài ra vời xám mịt mù. Âm trầm. Trời thấp, bề dằng cao. Rồi tuy đạo. Tiếng sắt thép trong ruột hầm lửa gió mạnh và xé ruột đá khô và gọn như xé lụa. Tia lửa than tàu rúng đua nhau mà chết yếu trong cái tối thăm thẳm của lòng hầm. Ra khỏi miệng phễu của hầm, thấy lại ánh sáng, lòng tôi vui sướng như được gặp lại buổi bình minh đến cứu mình ngay sau suốt một đêm ngấn ngừ sắp đi vào tội lỗi.

Tàu rời Lang Cô - ga Lang Cô có lẽ là một sự thực hiện của Bồng Đảo - tôi vẫn còn nhớ lại, không sai lấy một nét, cái bóng dáng là lời gầy mảnh của cô bé bán sò. Cô đã gọi đến hình ảnh một thiếu phụ Huế, đêm trên sông mưa ấy hò giọng mái chèo: *"Kim Luông dẫy dọc tòa ngang... Í... I nước đổổ về Sinh... Đồi lừa mình... Lờ hện ba sanh... Dấu cóóó làm răng đi nữa... í ..í cũng không đành quên nhau"*. Lòng tôi muốn bảo tôi hay là tí nữa gặp tàu tránh nhau, ta lại quay về Huế. Huế vẫn dễ thương lắm. Mỗi thớ thịt người tôi bây giờ là một chữ của câu hò hò. Ngắm bề gặt sóng đầu bạc vào chân đường sắt cứ lộp lộp không ngừng, tôi nghĩ đến linh hồn của mọi giọng hát, tôi nghĩ đến cái ma lực của giọng hò hò nó cảm người ta như cái

tiếng vỗ cùng của non nước thủy triều khi theo ánh trăng sông mà dâng mãi lên. Hề bao giờ có dịp ghé Huế nữa, thế nào cũng ra Quảng Trị mà nghe hò mái đẫy cho thực thỏa thuê thì mới đành. Trời ! Đi dò dọc lên Chợ Huyện, liệng ngay đồng hồ và cuốn lịch túi xuống một dòng sông Quảng Trị, cứ nằm dài trong khoang thuyền mà tắm trần mình trong điệu hát có tiếng bơi chèo lúc miết mạnh xuống dòng.

Những ruộng mía một vùng Quảng Ngãi trở hoa lá lay trên cánh đồng gió đẹp như những ngọn cờ bông lau đất Hoa Lư khởi nghĩa.

Bãi biển Sa Huỳnh đã có phút xui tôi bỏ con tàu. Cát, trời, nước và mây Sa Huỳnh có cái tài tình của một câu mời chào chợt nghe thấy trong mơ. Đây là một đất thừa lương lý tưởng. Há chẳng nên dừng lại đây, hỏi người tình nhân muôn thuở của nước mây trời và gió trắng bãi! Vài nếp nhà tranh bánh ú nằm rũ bên đường vắng. Thêm độ ít chục cái chòm đỏ thạch tiêu “đường thuộc địa số 1” nữa; trời đã tối sẩm rồi. Tàu đem tôi qua hết Bình Định như đưa một người đi lánh nạn. Chẳng ai rõ mình và mình cũng chẳng nhìn thấy gì ở cái xứ quê hương của nón dừa Gò Găng.

“Buồn như hai ngọn tháp Hời ga Vân Sơn, một buổi chiều lữ hành”. Ga Vân Sơn mất trong đêm tối đã không cung lại cho tôi chút cảm tưởng đã ghi lại của ngày chơi năm trước.

Sông Cầu. Ga đêm. Vén vén có một khách lên tàu.
Tôi nhớ đến ít câu ca dao vùng này. Một đoạn đối
thoại của mục Ly Biệt:

Ngồi buồn cuốn sáo nhỏ sây

Biết nhau chưa được mấy trăm ngày đã xa

Xa nhau như rửa răng đàn

Xưa kia vít ngọn vin ngành tại ai ?

- Xưa kia vít ngọn tại ta

Vin ngành tại bạn, có xa tại Giời

Và thứ nhất là câu này: “*Bạn về biết lấy chi đưa.
Bông ba đương ngô, mít dứa đương non*” tả cái chí
hữu tình trong một cái vô tình của đôi người tình và
một buổi đưa nhau. Biên đại khái ra mấy câu ca dao
này, tôi đã nghĩ tới những nhà sưu tầm câu hát góp
in ra thành sách ở ngoài Bắc. Các người hãy chịu khó
vào đây mà làm cái việc cóp nhặt. Mè thiên lúng ra
đấy! Cả những người làm tự điển Việt Ngữ nữa. Đắt
“đàng trong” súc tích như thế mà chẳng mấy ai buồn
khai khẩn cả.

Lòng tôi dằng dặc. Tôi muốn đi nằm. Lăn về chỗ
cái người khách độc nhất vừa ở Sông Cầu lên - mà giờ
tôi mới nhận ra là một người đàn bà còn trẻ - đã
nhích xa ra trả chỗ. Nàng và tôi đã nói chuyện với
nhau bằng mắt. Khỏi Nha Trang, tôi muốn ngả lưng
mỗi. Nàng cười, cho tôi mượn vạt áo lụa phủ lên mặt.

Bụi than đá nhiều lắm, người đàn bà ạ. Và đêm dài, mà đường lại còn xa.

Nắng Nam Kỳ gọi thềm đến cái nắng hanh những thị trấn Bắc mới xa có ít ngày. Gần kề "Cục Ngọc Cục Đông", cảm tưởng của người viễn khách lúc này là một cảm giác nhể nhại. Nóng như trong lòng chảo núi thánhtư. Gõ toa xe cũng vã mồ hôi. Tôi đẩy nắp va ly, bỏ luôn hồn thơ vào trong ấy, khóa chặt lại. Hà hà, Sài Gòn..."Dễ ở khó về; trai đi có vợ, gái về có con". Chúa nhảm!

- Nhà tôi mấy hôm đợi anh mãi!

- Chị Hoàng ! Chờ anh đâu?

- Nhà tôi đi Lục Tỉnh từ bữa kia. Đi mần công chuyện mà. Đi Cần Thơ.

- Đi mần công chuyện ? Đi Cần Thơ ?

Tôi đùa nhại lại giọng Hoàng Phu Nhân chưa đập đúng được hết thổ âm địa phương.

Nhà vợ chồng Hoàng là một cái gác hướng sang chợ Bến Thành.

- Ấy nó cứ âm như thế cho đến bốn giờ sáng. Khổ lắm anh ạ! Thế còn anh hồi gần đây ra sao?

Tôi cứ muốn bật cười, mỗi lần có người thân hỏi thăm mình về sức khỏe và cách thức làm ăn... Khó nói

quá. Đã ngồi vào mâm rồi mà bà Hoàng vẫn còn nhắc lại câu hỏi. Tôi đành phải trả lời:

- Về cái phần tôi hỏi gần đây, muốn sống cho đúng cái mục ăn tiêu của mình thì tôi phải soạn đến Bách Khoa Tự Điển mới xong chị ạ ! Một mình mình soạn thôi. Làm việc có phương pháp với chẳng có phương pháp thì ở xứ này đã có gì hơn thua, hở chị? Hay dở ta không cần đến vội hãy biết là như thế nó tránh được cái sự chia năm sẻ bảy đi. Ra sách bây giờ, phải tính hàng pho thì mới nói chuyện được chị ạ. Nếu không được thế thì chỉ còn một cách là đi làm thầu khoán vật. Rồi ông trời mà thương lại, cho trúng một cái thì ạ, phải biết, ta lại mở tiệm xuất bản để gạt công người cần lao chân chính.

- Sống, giờ thấy mệt quá anh ạ. Mà anh thì cứ đùa mãi với sự sống. Vợ chồng tôi hồi gần đây, quần quá đi thôi. Người ta lúc tâm óc ốm yếu thường hay kêu rằng đang ở thời kỳ sợ đêm, sợ bóng tối. Vợ chồng tôi, trái lại, thấy ánh sáng là đã sợ rồi. Mặt trời sắp mọc là hai vợ chồng lại tản đi mỗi người một phương để tránh những người quen đến tìm mình. Tối đến mới lại lần về. Ở cạnh chợ ồn nhộn như thế cả đêm cho tới sáng mà cũng phải cố nhắm mắt được giờ nào là yên giờ ấy. Tiếng máy các xe hàng về các miền Lục Tỉnh mà bắt đầu nổ là đã chồm cả dậy để mau mau mà bỏ nhà. Vợ chồng tôi sợ ban ngày như thế cũng mất đến mấy tháng.

- Còn như giờ ?

- Như giờ thì Hoàng và tôi phải bỏ Sài Gòn xuống làm ăn dưới Hậu Giang vậy. Nhà này thuê đã trả người chủ từ mấy hôm nay rồi đấy chứ. Vì có anh nói sắp vào nên tôi mới ở thêm lại mấy ngày nữa để chờ. Hoàng không thể đợi thêm anh được, nên đã mượn phép anh mà đi Cần Thơ trước. Còn anh và tôi thì ngày mai cùng đi. Đấy anh xem bồ bịch, hòm xiểng đã sẵn cả rồi, cứ như thế mà xếp lên mui xe thôi. Ừ, có anh vào, tôi nó cũng yên tâm. Nhà tôi đi trước rồi, mà anh lại không vào nữa thì một mình tôi, những lúc lên xe đồ rồi cũng đến khổ với cái bọn đồ này. Được cái không có sập gụ tủ chè, nó cũng đỡ bẽ bộn.

- Thế nghĩa là tôi “lặn lội” vào đây để hộ tống một đám dọn nhà...

- Và... rồi ở chơi luôn với vợ chồng tôi, và lại còn phải ăn Tết ở Lục Tỉnh nữa kia. Anh không được đòi về. Mà nhà tôi đâu để cho anh về ngay. Chiều nay và sớm mai, anh đi thăm lại Sài Gòn đi, viếng chỗ cũ, cảnh cũ người cũ đi, rồi trưa mai cùng đi luôn Cần Thơ.

Hơn mười năm trước, tôi đã là người khách nhất thời của Sài Gòn, cổ tay đeo chiếc vòng mạ kền, hành lý đều có dấu, đi từ Vọng Các về tới đây, mỗi bước đều có người chỉ dẫn kỹ càng, không còn lấy cơ gì mà lầm lộn được nữa. Tôi đã ngủ li bì ở một căn phòng sát bến, ngày ngày đánh đu lên những con tiện bằng sắt,

hỏi những ống khói tàu bè ngoài xa xem bao giờ thì tôi mới được xuống tàu về Bắc. Rồi lúc được bỏ Sài Gòn, tôi lại là một vị khách của con tàu Chantilly.

Bây giờ qua Sài Gòn, y theo lời Hoàng Phu Nhân, tôi đi viếng lại cảnh cũ. Qua phố Lagrandière, tôi bảo người phu xe hãy đạp rất thong thả để cho tôi đủ thì giờ ngắm lại cái tòa nhà ấy có tám cửa sắt im lìm, nặng nề và bốn đầu có bốn cái lầu lô cốt trang nghiêm, u uất. Tôi đã tạt vào Thư Viện. Đã vào đến Thư Viện là không còn ai là buồn và sợ nữa. Tôi lấy cuốn *Le Voyage* của P. Morand để đối chiếu lại với lời sách một vài ý tưởng tìm thấy trong khoang toa xe mấy hôm vừa rồi.

Tối đến, ga Sài Gòn trước giờ tàu tốc hành chạy về Bắc, lại vẫn là nơi đẹp nhất của thành phố phương Nam này. Chợ Bến Thành, vườn hoa Bùng Binh đâu có bằng được. Cả Phú Nhuận nữa. Tối sân ga, tôi phải để ý đến bóng dáng một con người đã đứng tuổi. Trong con người ấy, đánh chết cũng sẵn có một cuốn tiểu thuyết. Trời, làm sao mà cửa đôi được đầu người đồ ra mà đọc. Tôi phàn nàn quá cho tôi vì một cái thói quen của nghề. Anh bạn cùng đi xem tàu lấy mắt chỉ cho tôi người đó - anh tưởng tôi không để ý đến - và nói:

- Người ngoài ta đấy. Ở đây đã lâu năm. Ông ta định vào đây tìm vàng nhưng đã nhiều lần ăn phải của dơ và bây giờ thì nhà ông là một góc phản kê ở

cái tiệm đường Chợ Cũ. Chính ông đã phát minh ra sự thực này. Là suốt mấy mươi hàng mả mả nơi Nghĩa Trang Bắc Kỳ, nơi lòng các mộ chí, không có tấm nào bảo rằng người nằm đấy là già cả. Toàn xấp xỉ bốn mươi thôi. “Đến Sài Gòn rồi để mà về. Ông Trời bắt tội để giữa đường đứt gánh thì phải chịu nằm xuống vậy chứ có ai muốn chết già ở lại đây bao giờ”. Câu nói ấy của ông đã gần có cái giá những chữ lịch sử? Bây giờ, cứ mỗi chiều, ông “áp-pê-ri-típ” độ hai chục viên sỏi rồi ra đây xem tàu chạy ra Hà Nội. Cho nó đỡ nhớ xứ Bắc. Đây là một con bệnh của lòng sầu xứ. Đây là một người hành khách trong vọng tưởng.

- Giá chúng mình mà phong lưu thì cũng biếu ông ta một cái vé Sài Gòn - Hà Nội.

- Rồi. Đã có mấy người phong lưu hơn chúng ta tìm biếu ông tấm giấy đi tàu về Bắc rồi. Nhưng ông ta đã đưa tấm vé đó cho các chủ tiệm ở đây. Con tàu về Bắc đẹp thật, nhưng những cối đồng, lòng cối thuốc đen bóng, bông lên như mắt thỏ, lại vẫn cứ là đẹp hơn. Ông nhớ xứ Bắc nhưng ông lại cũng nhớ cả thuốc phiện. Thành ra giờ, cái tiệm Chợ Cũ đã là cái quê hương thứ hai của ông. Và nhớ đất Bắc, cứ mỗi tối, ông lại ra đây mà nhớ suông như thế thôi chứ không chịu đi. Mà có lẽ ông cũng đã nghĩ chín. Người ta áo gấm về quê cũ chẳng lẽ giờ mình lại đi đưa một ngọn đèn dầu lạc lù mù về làng.

Lòng tôi đam đam như lòng nước một con sông dài. Trước mặt tôi có một tấm thảm kịch của Xê Dịch ghép thêm vào cái bi kịch của Thuốc Phiện, thuốc phiện mà ít lâu nay tôi đã tình phụ, tôi đã biết sợ - bởi vì cuộc hôn nhân nào mà chẳng đáng sợ.

Tàu Bắc chạy rồi. Đứng trước cửa ga, tôi hít cái mùi phân ngựa ngào lẩn với mùi mồ hôi và nước tiểu ngựa. Tôi cứ dùng dằng mãi với cái mùi này nồng nàn ở cửa ga san sát mấy dãy xe thổ mộ. Lúc này tôi không chia mùi ra là thơm hay là không thơm nữa. Đối với khứu giác tôi, cái mùi nước tiểu ngựa bây giờ có thể đáng để tấm ngang với một mùi nước hoa cất chế riêng của một cái tỉnh chần gối - mà không vợ chồng - thoáng gặp bay đến để kể lại chút chuyện ngày xưa cũ. Cái đáng quý của mùi là ở chỗ gợi được cảm.

Cứ thế, cái mùi xe thổ mộ đã theo mãi tôi xuống đến Hậu Giang suốt một ngày sau ngồi trên chiếc xe hơi dọn nhà của Hoàng Phu Nhân.

Trên con đường dài, Phu Nhân luôn tay mở nút dầu cù là;

- Mùi ét-săng lợm lăm, anh ạ. Không rõ anh thích nó vì cái lẽ huyền bí gì mà ca ngợi được mãi.

MỘT CÁI TẾT VÔ DUYÊN

Cuối một năm ấy, tôi cũng bắt chước lối nhà buôn tính lại sổ hàng trong một năm thì tôi thấy thua lỗ nhiều quá. Sự mất mát về tình cảm thực không còn biết lấy gì mà lường được.

Ngồi ở tòa soạn tờ nguyệt báo ấy như một thằng bù nhìn, tôi đã lấy bọn tửu đồ làm tri kỷ và tìm những con hát để câu thân. Lá cây một phố Hàng Dâu đã rụng mãi. Năm hồ hết. Bỗng có người đánh xe đến đòi mua một cái truyện ngắn để góp vào tập báo đầu xuân tới. Lúc giao hàng, người mua chê rằng hàng không được hợp với cái thị hiếu của khách quen. Hàng của ông buồn tẻ quá. Mà khách của tôi đều là cầu mua vui. Năm sớm ngày đầu, sợ kém may. Nhưng thôi chỗ buôn bán đi lại với nhau đã lâu, tôi cũng cứ lấy." Nghĩa là người ta cứ in. Và riêng về phần lòng tôi thì cái tẻ trong bài đoản thiên số báo Tết đã vẽ được ít nhiều cái chẳng vui của tôi vào một Tết năm nọ tiếp theo vào ngày ấy.

Cái năm âm lịch ấy, y như là không có tên gọi, độ số chẳng cần tính theo sự gặp gỡ của thập can, thập nhị chi. Năm ấy là Canh Tuất? Là Tân Hợi? Là Nhâm Tý? Là Quý Sửu?

Cậu Tám có cần biết mà làm gì. Cậu Tám chỉ biết năm ấy là năm vô duyên. Vô duyên từ giây phút Giao thừa, vô duyên kéo qua ngày Khai hạ và cứ thế mà ăn lần mãi xuống Nguyên Tiêu và mãi và nữa.

Cái năm gì ấy, năm mở đầu toàn bằng những trò vô duyên. Những cái vô duyên vốn không nên đeo lấy một cái tên. Cậu Tám cũng nghĩ vậy nên mỗi khi còn nhắc đến chuyện của ngày vô duyên cũ, cậu chỉ lấy tuổi mình ra mà gọi năm - lấy ngay cái ngày tháng của thân thể mình ra mà điền vào Thời Gian.

“- Cái năm em ba mươi, sao mà vô doan, đến thế. Thậm chí vô doan. Những cái triệu xúi, gỡ và ác của một năm mở đầu đã như thế, thấy mà hãi quá, các bác ạ. Năm ấy, em tưởng không tài nào đi tới cho tròn thẫu được cái tuổi tam thập. Vậy mà cái năm vô doan ba mươi ấy cũng đi qua xong xuôi cả.”

Cậu Tám vốn kiêng chữ “duyên” đọc chạnh ra “doan”. Có một người con hát tên là Duyên. Người ấy về già đã là mẹ cậu Tám. Mỗi lần máy mỗi đọc kiêng tên mẹ trông hai cái môi cậu Tám đỏ như son - đỏ như trái hồng trứng chín mọng - lại càng có duyên tẻ.

Nhưng cái duyên ấy chỉ là chút duyên của người mệnh mỏng, mỏng y như cái đời mẹ cậu. Và con người ta chẳng cứ gì hẳn là đàn bà mới làm được người bạc mệnh.

Những bậc đại khoa có tuổi nghe đến tiếng nói câu cười cậu Tám lại nhớ đến cả một thời thi cử của mình những lúc chờ ngày nhập trường những lúc yết bảng rồi, thường được nghe mẹ cậu Tám đàn hát gõ phách ở các tỉnh ấy. Cũng cái giọng ấy và lối cười ấy.

Có những bậc đại khoa nhớ lại hồi đó cậu Tám mới có dăm tuổi đầu, nằm lọt vào lòng mẹ nghe mẹ gõ phách đến đâu là cười sằng sặc đến đấy. Mẹ hát đến bài *Tỳ Bà* cho quan khách nghe, cậu Tám òa lên khóc, rồi nhìn làn khói thuốc缭绕 thuốc lá của các gian nhà truy hoan, cậu lại cười và giơ tay đòi bắt những cái vòn tia khói.

Đứa trẻ đa cảm tuy là con hát, nhưng lần lần lớn lên, cũng được học sách thánh hiền, học đến đâu thì nhớ như chôn chữ vào bụng. Rồi cũng thơ, cũng phú ngâm vịnh một cách tao nhã chẳng kém gì các bậc thiếu niên tài俊 của cái xã hội lương thiện thời bấy giờ.

Nhưng rồi thay, có tài học đến thứ nào đi nữa, cậu Tám cũng chỉ là con một người con hát - nghĩa là khi người ta là con cháu cái đám xướng ca thì không còn có đường tiến thân nữa. Mặc dầu cậu thông minh, tài俊, kinh sử lâu năm xe, xã hội bấy giờ cũng chỉ liệt

cậu vào ngang hàng con cháu thằng mô. Việc trường ốc Triều Đình, có bao giờ người ta được thấy con phường hát, con thằng mô được đeo một cái ống quyển mà nhập trường. Khỏi người rầu rầu chặc lưỡi hộ cho cậu Tám. “Cậu ta có được đi thi, nơi bảng vàng thì chưa chắc nhưng nơi bảng phấn thì sao cũng phải vớ được một cái gì”.

Xã hội đã chặt chẽ, bất công như thế không cho cậu Tám tiến thân bằng cái vốn sách đèn mười năm thì lần lửa và lay lắt sống mãi đến cái năm ba mươi tuổi ấy, cậu Tám đã làm những gì để đánh dấu mình vào cuộc đời bấy giờ ?

Cậu Tám đã làm toàn những việc mà những người đứng đắn, đạo đức không tha thứ. Cậu đã đem cái thân phần uất ra mà đánh đổi lấy nhàn tản. Cái huyết tính của mẹ chừng như đã định đoạt nhiều cho những đoạn đường lang bạt kỳ hồ của Tám.

Mẹ Tám hoàn lương đã lâu, thấy con bỏ nhà mãi, nhiều đêm nhớ đến chuyện phách đàn ngày cũ, chỉ biết có than thầm với một cái nếp nhà rộng vắng quá. Vùng nước tù ở một cái trước nhà cũng rộng vắng quá. Ao sen nở mà sen ao lại tàn. “Thằng Tám nó yêu cái giống bạch liên này lắm. Lúc không có sen trắng thì ước ao. Lúc mẹ chắt bóp hàn gấn được, dựng nhà, đào ao thả sen cho con chơi, thì con ôi, con lại đi xa. Năm ấy và năm khác.”

Người mẹ nhớ con và khóc một mình. Một lần nọ, thấy sen trắng nở kín cả mặt nước ao, mẹ Tám tiếc của trời, bơi chiếc thuyền bé con lách vào đám hoa lá cốt bút lấy hết nhị hoa về ướp chè để dành cho Tám ít bình và còn thừa thì đem bán cho cái đám phong lưu hành lạc râu tóc phơ phơ thỉnh thoảng vẫn còn tìm đến để hỏi bà một vài lần hát thất truyền.

Mẹ Tám thắng thốt rồi lo phiền khi nhận ra rằng cả một ao sen trắng đã biến ra thành hoa quỳ, nghĩa là thiếu hẳn cái từng bách điệp cánh lẫn tăn ở trong. Thế tức là vận nhà sắp xuống đến nơi. Mẹ Tám bất giác lại nhớ đến người chồng bất hạnh lúc nằm xuống, ao sen nhà chồng cũng ngã ra ao quỳ.

Bà liền nhắn nhờ khắp kẻ chợ thôn quê tìm cho được cậu Tám. Tám đã trở về.

Hai mẹ con mỗi ngày nửa vò rượu đậu; buổi sớm, buổi tối, lặng nhìn nhau, một chén lại một chén. Mỗi ngày, ngoài chén rượu, cậu Tám lại còn kèm vào một chén thuốc, lấy thứ cỏ khô thả hơi sương mà làm thang bổ thêm vào. Trong một cái nhà, có một người ốm, kể cũng còn hơn là không có bóng người. Cái bận bực rộn ràng của việc thuốc thang vẫn còn quý hơn cái yên tĩnh của thui thủi.

Mãi đến cuối tháng Chạp, cậu Tám mới thật là khoẻ. Nơi lưng bàn tay tháp bút, đã hết hẳn những cái gân xanh ngoằn ngoèo.

Mẹ cậu Tám thấy vui trong lòng, đem cô phách móc ra xóc thử mấy khổ. Cậu Tám lại cười như thuở bé. Và cũng ngâm theo một bài phú. Chưa lúc nào mẹ con được hể hả đến như thế.

- “Trình để dễ mừng cho con. Từ nay có lẽ con không quặt queo nữa. Tiếng con ngâm phú ấm và tròn đến như thế, dễ cũng hiểu đấy chứ? Ba năm nay con thất thanh, tiếng cứ đục chìm tất cả; thỉnh thoảng vui anh em, cất tiếng hát một câu, thì giọng Bắc đổ mà bắt được. Chỉ toàn hơi Nam thôi. Từ bây giờ con ở nhà luôn với dễ cho dễ đỡ buồn.”

Mẹ con lại càng chén tạc chén thù

Như thế rồi năm hết

Buổi trừ tịch, ngồi chờ lúc giao thừa, cậu Tám đợi những triệu cát tường đến cho thật nhiều để đánh dấu vào cái tuổi sớm mới chỉ một lát một chập nữa là đã ba mươi.

- “Thử xem cái năm nay, rồi có khác mọi năm không?”

*

* *

Cả một buổi sớm mông một, cậu Tám chờ mãi, đợi mãi, vẫn chưa thấy gì. Cậu nhìn trời, cậu lắng không

khí. Không khí chỉ sặc nồng một mùi khói diêm sinh của bao nhiêu vạn pháo thiên hạ đón Chúa Xuân.

Chưa muốn xuất hành vội, chưa biết nên làm gì, cậu hãy lấy một mảnh hoa tiên lòng trứng vẽ đôi chim yến ra để khai bút.

Những dòng chữ vẫn xương kính, và đôi ba chữ lại có những cái chấm thủy rất hỗn hậu. Cậu Tám nghiêng đầu ngắm nghía, lấy làm bằng lòng và cậu ước thầm:

- “Nếu đời mình từ cái tuổi tam thập nhi lập này trở đi, lúc nào cũng được tươi sáng, tròn như những con chữ khai bút này.”

Lòng khấp khởi, cậu ký tên, kèm thêm cái tên hiệu Ấu Mai Bát Lang. Bồng quân bút trệt khỏi tay cậu, nhấn mực xuống xóa nhem cả mấy chữ cuối cùng. Cậu Tám biến sắc mặt. Và lặng lẽ buồn như một kẻ sĩ ngồi dưới một cái lều thi một khoa thi cuối cùng của buổi giao thời, nhờ làm tì ố mất quyền bài. Việc khai bút đầu năm đã đem lại một cái buồn vô hạn rất có tính cách nghiệp dĩ.

Cậu Tám chìm cái buồn ấy vào nửa vò rượu. Tàng tàng chén xuân, cậu mới bói đến hoa. Thì mấy chậu lan Trần Mộng đã bị rệp đốt từ những năm ngoái, bao nhiêu cuống rò đều nẫu cả. Cậu ngán ngẩm nhìn lũ lan gầy phờ những cái màng hoa teo tóp và thâm xỉ.

Chênh vênh trên cái vườn lan xấu số là một cái chuồng chim bồ câu lỗ nào cũng trống trải.

- “Cái đàn chim, hồi tháng tám, chẳng hiểu tại sao mà chúng rủ nhau bỏ đi hết, mẹ lo quá. Lại cái diêm không hay gì đây!”

Cậu Tám suy nghĩ nhiều về một câu của mẹ nói vào khoảng năm ngoái, lúc cậu uống thuốc ghé bổ.

Thế là cả một ngày mừng một, hai việc bút và hoa đã làm cho Ấu Mai Bát Lang lo nghĩ hết cả một đêm xuân.

Ngày mừng hai. Cậu Tám xuất hành. Làng vốn có sông bọc ở phía dưới, ngăn làng với Chợ Huyện ra làm hai. Cậu Tám chọn phương hướng, thấy phương Nam là lợi. Đi về hướng Nam tức là đi Chợ Huyện và phải qua con đò ngang bến sông Dâu. À, thôi phải rồi cậu sẽ bói đò. Những người buôn bán sau một năm ròng phát tài, thường nhắc đến những lúc bói may được gặp chuyến đò lúc đầu năm.

Cậu Tám tiến ra nẻo sông, chưa đến bến, nhìn qua cái lỗ hồng nơi lũy tre to bằng cái nong, cậu đã thấy một con đò lù lù ra giữa dòng, trên mạn đò, vô khối là áo đỏ, quần đỏ, khăn đỏ. Thế là định bói đến đò thì lại được lỡ ngay đò. Đã sương chưa, hờ trời!

Rượu li bì, đem cái dở tình ra mà nhắm với cái dở say, cậu Tám chẳng còn biết xuân này là của ai nữa.

Cách đây ít ngày, một đêm thức giấc, cậu vắng nghe thấy tiếng trống tuồng. Sắm sửa khăn áo, cậu tập tễnh lần theo tiếng trống mà tìm tới đình làng, đầu bốc mạnh những hơi men. Làng hát bội, tội gì mà không bói, Tích tuồng Sơn Hậu đệ nhị. Sao lại đệ nhị? Thường niên, hát khai xuân, thiên hạ ai cũng cho hát Sơn Hậu đệ tam kia mà? Lớp đệ tam là lớp phục quốc, nhà Tề trung hưng, ngay sẽ thắng gian và những người đi bói tuồng sẽ không lo sợ điềm xấu.

Nhưng thôi, cậu Tám cũng cứ vào.

...Trên sân khấu, có một người cụt đầu trùm cái áo bào xanh đang cầm một ngọn nến vừa bỏ bộ lom khom, vừa ngâm một gương bạch:

Vật vờ cùng gió than cùng gió

Phảng phất nương mây tựa với mây

Đây là một giọng tuồng ngâm giống một và cái làn hát ấy gọi là "giọng hát ma". À, vậy cậu Tám đã bói tuồng vào giữa lúc Khương Linh Tá bị Tạ Ôn Đình chém mất đầu. Cậu Tám thêm một cái mặt đỏ của một vai tuồng trung nghĩa. Số phận đã cho cậu bói đúng vào một chiếc bào màu xanh lè không có đầu. Rượu ngâm, gió đêm xuân thổi lọt vào; ngọn đèn treo giữa đình và ngọn nến nơi tay Khương Linh Tá đều nháy theo một nhịp, một chiều. Cậu Tám thấy lạnh. Trên sân khấu bày cảnh đèn khuya. Kim Lân đang

dẫn bà Phi tị loạn, có hồn Linh Tá hiện về dẫn lối. Cậu Tám bỏ ra về. Máy câu hát sâu thẳm rờn rợn còn đuổi theo.

- *Đường tăm tối, tiếng ai trong ấy?*

- *Anh ơi, Linh Tá em đây!*

Em nay đã về miền dị lộ...

Từ buổi xem tướng ấy, cậu Tám đâm ra ồm lại. Nhớ đến một ngày Tết Nguyên Tiêu, cậu cũng cố lần ra chùa làng để xin một quẻ thẻ bình yên đầu năm. Cậu thành kính quỳ xuống trước bàn thờ, xóc thẻ lâu lắm mà không thẻ nào rút xuống chiếu. Cậu lắc mãi ống, lắc mãi ống. Nén nhang cúng đã cháy hết một nửa. Sau cùng cậu Tám bình thân lại, không xóc nữa, đành rút lấy một trong số sáu chục thẻ nơi ống vậy.

Không hiểu tại sao, cậu lại rút phải một cái thẻ không có hiệu quẻ bói.

Cậu Tám nhất quyết bỏ nhà, vào một ngày của tiết Lập Xuân, định lại đem cái vô duyên của mình mà đổi thêm lấy nốt cho giang hồ vậy.

Đi khỏi làng đã xa, cậu đã phải dừng lại bên đường một lúc lâu. Vì nơi cái chõng tre quán nước ngã ba ấy, lại có một củ thủy tiên - lá ngồng vượt lên trên một cái bát đàn. Nép bên khóm hoa vô duyên đặt không xứng chỗ là một bà già mặc cái áo cánh bông rách ngồi sợ lạnh bên chiếc chõng vẹo.

TỰA “AM SÔNG TÔ”

Tặng Thạch

Thầy mẹ tôi dựng cho tôi một nếp nhà gạch⁽¹⁾.
Bên Sông Tô. Trên một thửa đất nguyên quán.

Đời sống gởi vào đời tôi một người bạn. Bảo⁽²⁾.

Bảo, người tài tình, găng sống, chịu thương chịu
khó làm người, dám hoài bão việc lớn, chỉ phải cái tội
ít gặp may. Mặt Bảo lộ những khổ hạnh về vật chất,
lòng Bảo chứa những chuyện ngậm ngùi.

Nếp nhà ở tả ngạn sông Tô Lịch vẫn để không đầy.
Bụng tôi vẫn cứ để những đau đau.

Hãy thông thả.

Ở những phía ngoài xa khỏi khu nhà mình. Kể từ
một cái tường ngăn, một cái bờ dậu trở đi, cuộc sống

(1) Nhà Nguyên

(2) Chiếc lư đồng mắt cua

còn nhiều cái đáng lưu tâm hơn, đáng bận hơn. Tôi tưởng còn lâu nữa mới về ở ngay dưới mái nhà của tôi bên sông Tô. Vừa tưởng thế và vừa hiểu luôn rằng như vậy là tôi đã phụ nhiều đến sự săn sóc, đến lòng gây dựng của hai đấng tác giả đời tôi.

Chao ôi.

Lớp ngôi mới mái nhà bên sông ngả màu thời gian, xuống màu vỏ già đượm, nhuộm mình mốc, gốc chuối do tay mẹ tôi trồng lúc đắp nền sân sau nhà đã nhiều lần trở hoa bao tử, đã thành hẳn một bụi to đến ba bốn người ôm. Cái đứa con hoang tàng vẫn chưa chịu xoay về để sống cái đời nửa thành phố nửa thôn ổ. Tôi vẫn mê mãi với gió nắng chôn xa xôi và thứ nhất là với cái ánh sáng ma túy chỗ để đô, sống như một trẻ không nhà, không gia đình, giang hồ ngay giữa Hà Nội.

Để chiều lòng mẹ và, chẳng lẽ bỏ nhà không đẩy cho mưa gió ngoại ô lộng thổi mãi vào, tôi đã đồng ý với mẹ tôi tìm người cho thuê ở, chỉ dành lại một cái buồng bên làm nơi chứa mấy vật hành lý cũ mỗi, một tủ sách mốc và ít chồng báo cũ. Mẹ, vốn người cơ chỉ, thấy nhà đã có người tìm đến thuê ở, nhận tương hàng nửa năm, cũng hơi lấy làm yên dạ. “- Và lại, như thế, trông nó không đến nỗi thành ra nhà hoang, anh cả ạ.”

Dùng đến cái địa vị tôi là con trưởng trong gia đình ra mà gọi, tức là mẹ tôi buồn chán cho tôi lắm. Mỗi lần ở Thanh ra Hà Nội sắm giầy hoặc góp họ, tiện chuyến về thăm nom nếp nhà bên sông Tô, mẹ con chỉ giáp mặt nhau trong khoảnh khắc, mẹ tôi lại ray rứt rồi hờn mát và tôi thì lại lách ngay đi - Thầy tôi vốn thường nói rằng mẹ tôi và tôi là hai tuổi không hợp nhau.

Mẹ tôi cứ nói. Bao giờ cũng vẫn cái lối đay nghiến ấy: “- Khổ lắm, anh cả ạ. Anh cứ lồng lộn mãi lên về nhà với cửa. Cả bố anh nữa. Đấy, nhà. Nếu biết cơ sự như thế này thì tôi đã...” Những câu bù lu bù loa thường bị bỏ dở và mẹ tôi chấm hết câu ngay bằng một cái khăn vải bông đỏ đưa lên kẻ mắt.

Nhưng, lúc mẹ con chia tay, giọng mẹ tôi đã nhẹ hẳn xuống: “- Tuy nhà có người ở rồi, nhưng người ta là người đi thuê thôi; anh nên bớt sự bè bạn đi một tí, mà thỉnh thoảng về qua xem nó dột nứt như thế nào. Ai trông cho. Miếng kính tí hon, thế mà giờ là đồng bạc đấy anh ạ. Tôi có chia được tôi ra làm hai đầu mà vừa trông nom được cả trong ấy và cả ngoài này nữa. Còm còm mãi. Khổ lắm anh ạ...”

Vậy mà một đêm mưa nặng cơn, tôi đã đột ngột về ở ngay ở nhà bên sông. Tôi đã đem một người bạn về

ở tạm đây. Bảo, người bạn tội nghiệp, đang cần một chỗ.

Thật vậy, không có Bảo, thì riêng cái thân tôi, tôi không rõ đến khi nào tôi mới cho là đã đến lúc nên về ở ngay dưới mái căn nhà của đấng cha mẹ dành cho.

Chiếc nhà gạch hình vỏ đặt ngang, đã cho thuê mất cái thân rồi, còn thừa lại cái chuỗi tức là chái buồng còn hướng về phía tây.

Cuộc sống câu dằm bắt đầu. Nơi mái tây chật chội, từ về ở, thấy nó đậm đậm một mùi u ẩn, hai đứa tôi bèn gọi luôn là cái am. Thời khắc ở am quặng nặng tợ một kiếp người. Tơ nhện vó, chẳng buồn quơ. Đèn lụi bấc, không khêu. Hương ngả, không nổi. Công gạo ít được đẩy, và lúc đẩy thì lại mắc. Mỗi ngày mặt trời tắt, Bảo và tôi lại đặt lời cầu nguyện vào một ngày tiếp. Chẳng lẽ đời sống hai đứa tôi lại chỉ có thế này ở đây cho đến mãi mãi thôi. Bấy giờ về tiết hè. Thế mà nhiều đêm hết hương nến, khan cạn dầu mỡ, am vắng lạnh như mồ hoang.

Như thế được ba trắng

Kế đến một đêm về sáng một ngày nguyệt tận tháng đầu thu, Bảo ĐI.

Tôi cũng ĐI THEO.

Tại am bên sông, người bạn và tôi đã ăn ngủ thất thường, ở với nhau chẳng khác đôi nhân vật chính trong xã hội hỗn độn của một thứ truyện trường thiên thăng thốt. Phút nào tôi cũng như đón chờ một cái gì ghê buồn thế nào cũng phải xảy đến chẳng chóng thì chầy. Nằm ngửa nhìn suông cái trần nhà. Nhiều hôm tôi tự bảo tôi rằng này này, nó sắp sập xuống đây này. Sự bất định của tâm thần đã là một thói quen. Ai động bước vào nhà là thờ thật đã giật mạnh.

“Am Sông Tô” là những trang ghi lại những cảm giác và cảm tưởng hoang mang, kinh loạn của suốt một thời kỳ khủng hoảng ở nơi mái nhà xép hướng về tây - và, trong những ngày tiếp theo.

Đây cũng là một lối *Tây Sương Kỳ* - có đoạn hậu bị thương - của một lứa đôi đàn ông, chép lại chuyện hai người sống với nhau trong ngờ sợ, tin thương, thấp thỏm, nhọc nhằn và đau tủi.

Tôi vốn là một người thèm sống.

Tôi đã được sống như sẽ thuật lại đây. Tôi không dám chờ mong truyện đem lại cho tôi cái giá cao của một người viết tiểu thuyết lành nghề. Vì cuốn sách tự sự đây có đủ giá về văn phẩm, về cái bí thuật kể chuyện để được đứng vững trong thế giới truyện, thì tất cả những về vang đó, tôi xin nhường cả cho những

việc linh tinh đã dồn dập đến kết thành cái tâm sự con con của một người, - của tôi. Đời sống chúng ta có rất nhiều động tác và biến cố, tự nó nguyên đã đủ chân giá kỳ thú rồi không để thừa chỗ nghệ thuật của người đem kể lại chen lên vào được nữa, khi chép đến.

Viết “Am Sông Tô”, tôi muốn bắt trái lại câu của Oscar Wilde chủ trương rằng “Cuộc sống bất chước nghệ thuật nhiều hơn là nghệ thuật phỏng theo cuộc đời”.

Am Sông Tô chủ nhân kính đề
Làng Mọc 1941-1943

TÓC CHI HOÀI*

(Tuỳ bút)

* *Lượm lúa vàng* xuất bản năm 1942.

*Tặng người bạn mang một
cái tên rất xanh và rất xa*

Ng.T.

Nói đến cái độn tóc, nói đến mớ tóc là lại phải nói đến chuyện người đàn bà. Một cái tóc là một cái tội. Một câu chuyện có đàn bà là một câu chuyện, mà mới chém động đến thôi, là cũng đủ gọi đến hình ảnh của hỗn loạn rồi. Cầm đến cuốn truyện có đàn bà, nhiều người - những người đã từng - trở nên nghi ngại. Ở ngay chương đầu cuốn *Kinh Cựu Ước*, ta đã thấy người đàn bà là cả một sự quái gở, một trò phép lõi thôi. Cái gì mà người đàn bà lại là hóa sinh ra bởi một cái xương sườn đàn ông! Có mà gọi nổi được cái ông *Hồn Độn* trong *Kinh Dịch* ra mà hỏi thì mới hiểu được. Ai mà hiểu được người đàn bà! Người ta ghi lại những cái lông chống đỡ vờ gây nên bởi một người đàn bà, bởi những người đàn bà, bởi tất cả đàn bà. Có ai còn nhớ đến chuyện đám đàn ông ẩn sĩ nọ định sống với nhau như anh em cùng một bố một mẹ sinh ra, giữa cái đảo hoang tịch cổ tịch kia không nhỉ? Họ đang yên vui quý mến nhau trong sự xa lánh cuộc sống ồn ào nơi những bờ bể văn minh vừa rời bỏ, thì

một buổi chiều bão táp, gió đẩy giạt vào đảo một người đàn bà. Đặt chân lên đất đảo, cái việc đầu tiên của người đàn bà làm theo thiên tính là một cái cười băng quơ rất có duyên. Thế rồi... thế rồi là đảo chìm. Giông tố quanh năm giữa khơi bao la bất quyền chẳng làm gì nổi được hòn đảo tí ti với cái tiểu nhân loại yếm thế kia mà hòn cù lao ấy lại bị chìm bởi một người đàn bà qua chơi.

Tôi đã biết thế. Vậy mà, giờ đây, tôi lại còn đánh thức một người đàn bà dậy. Lại còn kính yêu trong cái việc đánh thức dậy nữa. Người đàn bà ấy ngủ đã từ năm ngoái. Cái “Chị Hoài” ấy đã chẳng còn là một người của cuộc đời chúng ta nữa rồi. Thế nghĩa là có đả động đến thì cũng chẳng việc gì. Một người đẹp, yếu như lá non thủy dương, suốt nửa đời người không đi tu mà cũng quá là ở chùa, lòng dục có thừa mà đều diệt hết, lửa tâm chưa nhóm mà đã dập tắt ngấm, - ở một người như thế, giá có còn được sống sờ sờ ra đây để mà thông thuyệt trong cuộc sống chúng ta thì cũng chẳng hại được ai, hưởng hồ là đã chết rồi, thịt xương đã tiêu hủy rồi, vong hồn mát mẻ đã chơi bay ở những nơi Trong Lành Nhẹ Nhôm không có một tên gọi nào rồi.

Tôi đi kể chuyện một người đàn bà chết, chuyện một “Chị Hoài” được chết trong sự thương tiếc quý mến của tôi và đã được sống trong sự khen ngợi của

mọi người cùng một thời. Cả người Chị Hoài là Đức Hạnh hiện thân. Hạnh kiểm chị lại còn phảng phất chút hương trầm tôn giáo nữa. Người tinh lắm, đạt lắm, mới nhận rõ. Những người mà lòng chưa gột hết cấn sạn của một thứ luân lý hèn hẹp, chưa tách vạch được ra cái đường chia ngăn Thiện và Ác, những người mà trong tâm, mọi ý niệm về thiện ác còn lơ mơ chưa định, những người ấy có sống ngay bên cạnh Chị Hoài chẳng nữa thì đối với họ, cái người đàn bà trông thấy là phải khởi kính ngay kia, dẫu có hay đến bậc nào đi nữa thì cũng chỉ là một người đàn bà như mọi đàn bà tầm thường khác thôi.

Luận về Chị Hoài, riêng tôi có một điều này trách chị. (Con người ta được toàn vẹn sao khó đến thế!) Là phải cái hơi có tính đố kỵ. Chị Hoài không nói ra lời, nhưng tôi biết rõ chị thường phạm vào cái tội ghen ghét. Đối tượng độc nhất của lòng đố kỵ là Nghệ Thuật. Chị Hoài chỉ ghét có Nghệ Thuật. Ra điều rằng chị đã đẹp đến nhường ấy - đẹp cả ở cái sắc, lại cả ở cái nét nữa - mà vẫn còn thua Nghệ Thuật, Nghệ Thuật lại còn đòi đi quá hơn chị nữa. Điểm quan trọng đó chưa làm cho Chị Hoài giận tức bằng điều này: Chị thì rồi ra phải hết, sớm chầy rồi cũng đến tàn rụng mà Nghệ Thuật thì tồn tại, thì vĩnh viễn. Lòng ghen ghét rất mạnh ấy, ngấm ngấm giấu kỹ trong bụng, có những lúc đã làm cho chị giảm sắc đẹp

trong giây lát. Nhiều buổi tôi muốn chỉ rõ cái tật xấu ấy cho người chị tội nghiệp biết đường mà tránh để trở nên hoàn toàn và đẹp hơn lên nữa. Nghĩ rằng như thế là còn làm phiền thêm cho một người đã chẳng tìm được mấy may hạnh phúc ở cuộc sống tạm bợ này, tôi lại ngập ngừng, đành để dành câu trách móc khuyên can nọ nơi đầu lưỡi, cố chờ một dịp nào tiện tốt hơn sẽ nói, nói rất nhiều. Dịp đó chẳng bao giờ đến. Cái dịp đó chưa tới thì người đàn bà vốn ghen ghét Nghệ Thuật đã một sớm qua đời, lúc nằm xuống tịnh không một lời giới giảng, trán không dần môi không mím, trên khuôn mặt lạnh, chỉ có bình tĩnh và có cái bề ngoài của sự bằng lòng - bằng lòng đón nhận lấy nghiệp dĩ quanh hiu. Thực vậy, Chị Hoài gan lắm. Đến lúc chết cũng vẫn gan góc. Mấy ai cả hiểu cho rằng trước khi buông xuôi tay nằm xuống một cách nhẹ nhõm thông thả như thế, Chị Hoài là một cái thảm kịch trường thiên, là một nguồn sống bông bọt tắc lối thoát, là một dòng nước lũ tháng bảy và ghê khiếp thay ! Chị lại nín lặng tự đem cái thân mình ra làm con dê - một con dê dài dằng dặc chạy song song bên con sông ỳ ảm vô vô khối con sóng tình cảm phiền phức, một con dê đắp bằng những năm tháng âm thầm của một tuổi hoa niên thiếu ánh sáng, thiếu khí lạnh - để giữ vững dòng nước nguồn tâm đừng tràn lan ra. Dòng nước lũ ấy mạnh lắm. Nhiều tay chèo

chống giỏi như tôi có biết cũng không dám buông thuyền lên trên, biết trước cuộc thả thuyền chỉ đưa đến cái kết quả đắm vỡ cho riêng mình. Họ chỉ đành khoanh tay đứng ngắm sông nguồn sống xô bồ đẹp mạnh ấy thôi - Dòng nước tức nước ấy đã dồn thốc vào bờ. Và một đêm hôm ấy rạng ngày hôm ấy, cái đê kiên nhẫn kia sạt vỡ. Chị Hoài tắt nghỉ.

Chị Hoài không phải là người chị ruột tôi. Đây chỉ là một người chị tôi mượn của cuộc đời bừa bộn những oan trái. Tôi đi xin được người chị hiền ấy ở đâu và từ thuở nào, thực cũng khó mà chỉ cho rõ được. Tôi chỉ biết rằng từ ngày bắt được chị giữa một cái ngã tư lộng gió của cuộc sống bạo ngược này, lòng tôi có thấy ấm và đỡ vắng hơn trước nhiều. Và ngắm đến những thôi đường lằng nhằng dờ dang một cách rất đẹp để từ trước đến giờ, tôi phát một lời ước: "Giá mà ta có được một người chị ruột như vậy?" Giá mà như thế, thì làm sao? Thì, thì cuộc đời hiện tại của tôi đã chẳng là cuộc đời tôi bây giờ nữa. Thì một đồng và ly lữ hành kia - hình vuông, hình chữ nhật, nhón nhỏ nhỏ, bằng ruột mây, bằng da, bằng gỗ, bằng bìa hóa học - tôi đã đem đánh đổi cả ra thành một cái gì vững hơn, yên nghỉ hơn, không đổi dời luôn. Có lẽ cái lô và ly của những tuần những kỳ xê dịch tôi sẽ đổi lấy một cái tủ áo rất to rất vững của một cảnh sống ngăn nắp

cần cơ. Rồi chị ruột sẽ không bao giờ đi lấy chồng, rồi tôi sẽ tìm sinh thú ở cần lao chứ không ở nhàn tản nữa; ở một nhà, mỗi lúc có phải ra ngoài hỏi một ngôi chùa cổ, thăm một người bạn mệt, viếng một con sông lấp, khám một cái bia tàn, một khoảnh chợ cũ, đi mua hoa, mua quả, mua lá, mua cỏ là đều có nhau. Người chị ruột sẽ đính hộ tôi những cúc áo tuột chỉ, mạng những lỗ áo bị tàn thuốc hút dùi thủng, chăm nom chỉnh tưng vại cà liên dưa và cắt cho những mẫu nhật trình có nhắc đến văn nghiệp của tôi - ví tôi có được một sự nghiệp trừ thuật đáng kể - rồi sưu tầm lại, dán lại và làm nhiều việc hiền lành khác nữa. Nếu như thế mà cũng còn chưa đủ vui cho tay chân và lòng, thì người chị tôi sẽ may thuê. Tôi đi viết mướn, chị tôi may thuê. Hai chị em dành dụm mua một cái máy khâu và một cái máy đánh chữ. Ở cái đời cơ khi này, nhiều khi cũng phải làm bạn với máy móc. Đêm đêm, tiếng lách cách con chữ chiếc máy của tôi mổ xuống đập giấy bóng sẽ làm bạn với những tiếng sè sè máy khâu dùi nhanh mũi kim xuống những vuông vải hồ cứng nơi bàn may của chị tôi. Ấy thế rồi trăng cứ việc chéch, đêm cứ việc vơi, người chung quanh cứ việc sống bằng mưu thuật, lòng hai chị em không oán Trời không trách Người, chúng tôi cứ vui sống và vui làm, mệt mỏi mà chưa xong công việc nhận thì lại pha một ấm trà ngay vào cái ấm chuyên

đất của ông nội còn giữ được và, vào khoảng hai chén trà, hai chị em đọc chung một trang sách người xưa luận về cái đức làm người.

Sự đời tính dễ thế mà trúng được kẻ cũng đã khó vậy thay!

Nghĩ đến cái chương trình sống được một cách bình dị như thế, lòng tôi thêm thưởng vui nhẹ và đợi chờ. Bất giác, tôi lại nghĩ đến cái quãng thiếu thời của thấy tôi. Hồi thấy tôi còn để chỏm, ngày ngày tập bài chữ Hán trên trường quan Đốc tỉnh, cô tôi ngồi kèm thấy tôi học bên cạnh cái thúng khâu thuê các thứ áo; thấy tôi không thuộc bài thì dọa, dỗi và tháo tung những đường chỉ khâu dở. Cái chỗ thành được một người tú tài ký lục của thấy tôi về sau này, một phần lớn là nhờ ở người cô hy sinh đáng quý hóa ấy. Nói đến người cô tội nghiệp, tôi muốn rỏ mấy giọt nước mắt xuống ngay đây để khóc cho một cảnh đời gái già chỉ sống với tro troi. Con cái không có, chỉ biết vượt ve có một con mần mướp. À, trong cuộc sống muôn nghìn màu vẽ này, nó có nhiều mẫu đời lủi thủi lạ lùng lắm kia, những “kẻ” sung sướng ạ.

Thấy tôi, mỗi lúc có kiếm được chút bổng nào trong cái đời một người công chức, mỗi lúc thấy tôi có đưa riêng cho để tiêu vật thì cô tôi lại để dành mua cá khô kho cho miu ăn dần và dúi riêng cho các cháu chơi quay đánh đáo và ăn quả vật. Tôi là đứa cháu phá tán

nhiều nhất và tàn nhẫn nhất về chỗ tiền đó. Cái tuổi ấy nào có biết nghĩ đến ai. Chao ôi. Hời cô ơi.

Nói đến chuyện con măn mướp của cô tôi, bao giờ tôi quên được những dáng điệu lấm lét lúi húi của người cô sợ sệt mỗi lần mẹ tôi bắt được cô tôi dầm nhiều cá kho cho bát cơm măn. Thấy lũ chúng tôi có cảm tình với con vật kia, mẹ chúng tôi có ý không bằng lòng và nói những câu mát mẻ: “Thôi tôi xin các ông mánh, đừng động vào đứa con riêng của bà ấy. Hòn ngọc đấy.”

Trời. Mẹ tôi gọi cô tôi là bà ấy và gọi con măn mướp là một đứa con riêng!

Người chị tội nghiệp của thầy tôi qua đời ở một cái trại hoang, lúc nằm xuống, khó nhọc quá, mất đến mấy ngày mới “về” nổi. Ngày cuối cùng, cái miệng mếu máo còn cố nhai một chiếc bánh giò nguội tanh. Một thằng em tôi nhận ăn thừa tự. Cũng như cái sống thiếu thốn của cô tôi, cái chết lúi sùi của cô tôi đã thắng cho thầy tôi lấy mấy may yên khuây. Nhưng thầy tôi còn có được chỗ an ủi là đã được có một người chị ruột khả kính thế để mà tưởng nhớ đến vong linh. Còn tôi? Giá tôi cũng có một người chị ruột thì, thì...

Chị Hoài chẳng hẳn là một người chị ruột, nên cuộc đời tôi vẫn chưa chịu lập lại hẳn. Cuộc cách mệnh hoàn toàn về tâm tính tôi chỉ có thể trông cậy

vào một người chị ruột lý tưởng mà thôi. Còn như Chị Hoài, dầu chị có tốt mấy đi nữa, chị cũng chỉ là một người chị gương, chị cũng vẫn là người của thiên hạ. Tôi mượn chị của cuộc đời rộng rãi, một ngày kia, cuộc đời sống lớn lao lại có thể đòi mất. Cái của báu mà mượn được cũng là quý rồi. Mượn của cuộc sống thì lại gửi trả cho cuộc sống. Tôi giữ riết lấy thế nào được.

Nghĩ đến chuyện có vay phải có trả này, lòng tôi thấy buồn một cách rất nên thơ. Rồi tôi vẫn sống nguyên cái đời xưa cũ của tôi, chẳng chịu sửa đổi thêm bớt chút nào, tự mình quấy ngẫu ngày tháng mình lên cho thành bọt thành sóng cả, rồi lại tự mình đem mình ra làm một chiếc thuyền gỗ chạy trên những cái sóng nước thí nghiệm ấy. Và đang ngồi yên lành ở một nơi này thì lại nhớ tưởng đến một nơi nọ nào, dùng dùng ra đi để rồi lúc đến được cái chốn nọ thêm khát ấy thì lại đâm ra tiếc thương nơi mình vừa rời bỏ. Mỗi lần đổi chỗ là tôi lại gây thêm ra được dăm cái ơn tình và rất nhiều oán thù. Rồi tôi vẫn vênh váo đi giữa cuộc đời như một viên khách không có quê hương nhất định, cái gì cũng ngờ hết, duy chỉ có tin chắc ở cái kho cái vốn tình cảm và cảm giác của mình. Sau mỗi ngày tập riết như thế để tự mình tìm lấy mình, lắm buổi đứng trước tấm gương bụi bặm soi mặt vào gương, tôi chỉ nhận thấy mặt tôi là một tảng gỗ đeo vụng còn phải sửa chữa nhiều cho gọn hết

những đường lờm chờm ấy đi. Buồn nhất là những lúc soi gương, hỏi kỹ cái bóng mình thân ra trong lòng gương lem nhem nước thủy cù mỗi, tôi lại càng có cái cảm tưởng quái gở rằng mình chỉ là một người lẻ loi, một vị quan phu - tuy lúc bấy giờ tôi vẫn nhớ đến cái tiểu gia đình tôi quán tạm ở một cái tỉnh nhỏ miền trong nọ.

Những lúc mỗi một như thế là tôi lại tìm lên nhà Chị Hoài, ngồi gần Chị Hoài. Có khi cả ngày tôi chỉ ngồi nhìn Chị Hoài. Người nhìn không cho thế là sỗ sàng và Chị Hoài cũng không tỏ vẻ ngượng. Hình như Chị Hoài cũng hiểu rằng chị đẹp thật và người đàn bà đã có một khuôn mặt đẹp mà lại không giấu cất được kín đi thì phải cho người chung quanh nhìn cho đến no thì mới phải đạo. Những cái nhìn vô tội ấy cũng chỉ như những cái nghe một câu hát sầu lạnh đượm một vẻ đẹp xa vắng thôi. Thế đến cái lòng yêu đẹp, muốn gần gũi cái đẹp, hiểu đến cái tình lành của tôi và luôn thể muốn cho tôi được thỏa thuê ở cặp mắt đang cầu khẩn - Chị Hoài vốn là người tinh ý lắm - chị giả vờ kêu mỏi, ngả lưng xuống chiếc giường rủ buông nửa lá màn the màu trứng sáo. Chị Hoài nằm xuống để cho tôi được thấy rõ mớ tóc. Chị vốn tự biết rằng tất cả cái đẹp ở người chị đều kết tụ vào một mớ tóc mây.

Chị Hoài có một lối nằm nghiêng mặc cả áo dài mà tôi tin rằng không một thiếu phụ nào ở cái thời này bắt chước được. Nằm rất nũng nịu mà không hở hên, cũng như đã nhiều lần, chị làm dáng, làm đóm mà vẫn không ra ngoài nét đoan trang, buồn mà không tẻ, vui mà không ồn, và lúc phải thô thì không tục. Có cái tài nhất là Chị Hoài mỗi lúc vừa nằm xuống rất nhẹ nhàng thì cả một mớ tóc trần quăn rất chắc ấy đổ tung xuôi xuống như một trận mưa rào đen nhánh. Rồi mớ tóc mây dài một sải rười òm lấy gáy, áp lấy bả vai. Cái người nào trong suốt một đời người mà không được ngắm một mớ tóc cho tử tế, thì cái thẩm mỹ quan của người ấy còn lung lay lắm, chưa lấy gì làm định.

Trong phòng, không một tiếng động. Tôi giở sách ra đọc. Cứ hết mỗi trang, ngược lên, tầm mắt tôi lại hạ đúng vào cái mớ tóc soai soải. Hai ngón tay thấp bút Chị Hoài đang vuốt xuôi những sợi tóc và giả vờ tuốt trứng chấy, lúc thưa, lúc mau. Tôi không nói gì. Người chị đẹp đang xoay mặt vào phía trong ấy cũng không nói gì. Chỉ có tôi đang nói chuyện với một mớ tóc mây. Chỉ có hai ngón tay Chị Hoài đang nói chuyện với những sợi chỉ tơ thắm một mớ tóc xòa. Gian nhà có hai người, lặng mà không vắng. Thế rồi trong giữa cái hiu quạnh tay đôi ấy, khe khẽ nổi lên giọng kể chuyện *Nhị Độ Mai*, khẽ nhẹ một cách rất

mơ hồ thủ thi. Cái giọng trong trẻo cố thu bé lại hình như chỉ đủ riêng cho một người nghe vừa thôi, chứ đông người thì lại không thấy gì nữa. Chừng như Chị Hoài đã tính kỹ luồng âm thanh khi cất giọng cho vừa đủ kể chuyện theo một lối thân mật âm trầm vừa vắn cho chỉ có hai người. Chị kể rằng:

“...Mai Kha ới hơi Mai Kha,

Rời nhau một bước nên xa mấy trùng...”

Lòng tôi vụt trở nên thương nhớ thăm thăm gấp mấy giọng hát u hoài...Trong giây phút, đặt sách vào lòng, tôi thấy nhộn nhạo trong lồng ngực và ước muốn được làm ngay cái chàng Mai Sinh kia để còn được bồi hồi thêm nữa khi thăm âm giọng kể chuyện cũ. Ngã theo cái chiều tưởng tượng gây gây mùi hoài cựu, tôi nghĩ xa, tôi nghĩ gần, rồi tôi càng nhận thấy cả một đời Chị Hoài cũng chỉ là đời một nàng Hạnh Nguyên bước đi một bước là thêm một bước cống Hồ. Rặt cống Hồ. Cống Hồ. Toàn là nhịp cống hồ. Toàn là cung nam. Nó chìm hẳn xuống, những tiếng tơ rầu. Bất giác, môi tôi cũng mấp máy, tôi cũng khe khẽ kể *Nhị Độ Mai* theo, theo một điệu than tuồng Bình Định cổ. Nhưng câu tôi đột ngột nhớ đến để than Nam Xuân chỉ là một câu của Xuân Sinh.

“...Một mình bước xuống làm thinh,

Mực ai trên ááááá tự...hừ...ừ...tình dzoới ai.i...”

Sau bốn câu rút ở tích cũ Hoa Mai Nở Hai Lần, Chị Hoài và tôi lại im lặng trong cái hiu quạnh tay đôi. Mãi một lúc lâu, Chị Hoài mới quay mặt ra phía ngoài, đôi mắt đỏ ngầu, cố làm ra giọng tự nhiên:

- Anh cũng thích cái đoạn tiền biệt nơi Trùng Đài ấy lắm sao? Đi xem tuồng cổ, lúc họ bày cảnh Trùng Đài, có phải lúc cầm tay nhau khóc trên sân khấu, Hạnh Nguyên và Mai Sinh, mỗi người đều đứng trên một cái ghế đầu không? Hôm nào anh thấy rạp tuồng ngoại ô quảng cáo diễn tuồng cổ về đoạn Nhị Độ Mai này, anh nhớ đến rủ tôi cùng đi với.

Tôi lắng sang chuyện khác:

- Chị có biết rằng chị có một lối quán tóc thần tình lắm không? Các bà ấy cùng đi chùa Nhang - (Chị Hoài, mỗi khi nói đến chữ *huang*, thường đọc chạnh ra là *nhang*, không hiểu vì lẽ gì. Thí dụ chùa *Nhang*, quê *nhang*. Từ ngày gần chị, tôi cũng thành ra nhiễm phải cái tật ấy) - về với chị đều khéo chuyện nhau rằng từ hôm khởi hành khỏi Hà Nội, xuống Hà Nam, nằm dò dọc suốt từ đây vào Bến Đức, ngủ một đêm ở Chùa Ngoài, lượt về cùng lại nằm dò thêm một đêm nữa ở Phú Lý mà tỉnh không thấy chị phải quán lại khăn sửa lại cái lưới trai đằng sau gáy, sửa lại mái tóc, sửa lại vành khăn. Mà các bà ấy mỗi khi nằm xuống rồi ngồi nhòm dậy thì là cứ phải quán lại, chút lại, giặt lại giọt khăn cứ luôn tay. Chị có một lối gói

dầu riêng giữ cho khăn khỏi tuột sổ? Cái lõi chị quán tóc trần lại càng lạ nữa. Chặt chẽ, chắc chắn không khác gì đánh đai lẩy đầu; như thế mà, như vừa rồi, chị khê nằm nhoài xuống một cái là tóc lại sổ tung đổ bung ra hết, mở gỡ hết rất chóng vánh dễ dàng, thế là thế nào hở chị?

Chị Hoài khê hé một nụ cười thông thả đầy kiêu hãnh:

- Anh hỏi để làm gì? Định làm sách sao? Đàn ông các anh hỏi chuyện đến là tỉ mỉ.

Một mâm cơm chiều xoàng xĩnh đã bung ra. Tôi lại tự mời tôi dự vào cái mâm cơm đạm bạc rau dưa ấy. Ý chừng người u già sạch sẽ ngoan ngoãn kia cũng đã tính trước đến cái tính suồng sã và cái tình đi lại thân thiết của tôi đối với tiểu chủ y, nên mở lồng bàn ra, là đã sẵn có hai đôi đũa hai cái bát rồi. Tôi cầm đôi đũa mun bít bạc hai đầu và đoạn giữa có khảm xà cừ một dòng thơ đời Tống. Tôi cầm đến cái bát cổ chính hiệu, tròn bát in chữ Nội Phủ, thành bát vẽ Bảy Người Hiền Trong Rừng Trúc, buột miệng gọi đến cái cảnh thanh bần nhà Chị Hoài: “Ăn cơm trên chị, thực là ăn đũa ăn bát”.

Chị Hoài ra hiệu cho người u già mở vung niêu cơm đất xới trước cái lượt cơm hót vào bát chị đã rồi mới đưa u già xới cho tôi độ lưng chừng bát.

- Ở nhà này bao giờ cũng có một đôi đĩa đẹp dành riêng cho anh. Những lúc nào anh thấy chối ngấy lên về những món ăn nặng béo của các bữa cơm nhà trọ và cơm hiệu rồi, thì anh cứ lên đây nếu anh không chê những tạp vị này.

Người u già đứng hầu cơm phía sau Chị Hoài, tay bưng miệng tủm tỉm cười, cúi mặt nhìn xuống đất như dán mắt vào hai đầu ngón chân cái giao chỉ của u, cốt để giấu một cái vẻ vui mà già ta cho là xấu, không dám chia sẻ với Chị Hoài nuôi u. Không, hãy ngừng đầu lên mà cười cho thẳng thắn, hời cái u già cũ kỹ và ngoan ngoãn kia. U cứ ngừng mặt lên mà cười. Nếu Chị Hoài có lờ mắt mắng thăm u, tôi sẽ bênh cho. Một người đã từng nuôi nấng, ẵm bế, cho bú sữa và mớm cơm cho chủ từ những hai mươi mấy năm về trước như u đây, một người nhũ mẫu như u, có thể tự mình cho mình cái quyền vui cười chính đáng trước mặt chủ. Đừng sợ, già ạ.

- Thừa bà, nhân còn ít đưa con muối hồng, con mua cá trê nấu hết. Dạ, còn cá trê om mẻ nữa, sắp xong.

Đưa khú nấu với cá trê, nhiều người vẫn khen là ngon lắm. Nhưng tôi rất ghét cá trê vì đối với cái giống cá béo da không có vẩy và đen bóng này, tôi sẵn có một thành kiến sợ và tởm. Từ cái lần đi xem một

đám bốc mả, lúc người ta cạy nắp ván thiên một cỗ ván thoi đẩy ứ những nước có nhiều sao mờ béo lênh bênh ở trong chất nước mả xương chưa tiêu đang nhưng nhúc một đàn cá trê, từ cái lần được thấy lũ cá trê béo vàng ệnh ấy mà tôi cứ sợ mãi. Thấy ai dọn cho ăn cá trê là tôi dấy nảy lên, đưa đầu đưa đi chỗ khác hoặc kiếu đau bụng nhúc đầu, bỏ ăn, nếu mâm cơm không còn món ăn nào khác.

Nhưng đây là mâm cơm nhà Chị Hoài. Một người thanh thú như chị mà còn ăn được cá trê thì sao tôi lại không dám động đũa tới, ít ra là một lần này. Thôi tôi cũng đành liêu. Tôi nhìn cái đĩa lá lật lớn đựng rau diếp thái chỉ rất nhỏ. Tôi nhìn cái bát sứ to vẽ Đàn Cá Hóa Long vượt những đợt sóng Vũ Môn, đựng cái chất nâu nâu, đen đen, nửa lỏng bông nửa sền sệt. Tôi gấp rất nhiều rau và dưa, gấp cả một cái xác ớt đỏ ngòm, tôi chỉ gỡ có một chút cá trê vào lòng bát cơm, gợn gàng thận trọng quá cái lúc tập ăn miếng mắm tôm đầu tiên vì quá nể lời mời của một người đàn bà có tài củi lửa. Tôi nhắm mắt, và ủa một miếng vào tận cái chỗ sâu nhất trong miệng, rùng mình một cái, rồi vừa nhai vừa ngẩng đầu trông lên những rui kèo nhà như lúc bị nghẹn cơm.

- Anh làm cái bộ tịch gì mà kỳ quặc như vậy? Nếu có thực là nghẹn thì nín thở và bắt đầu đếm đi. Đàn

bà thì đếm chín và đàn ông thì đếm đến bảy là đã khỏi rồi.

Tôi cố nín, vừa nhai kỹ để ngẫm nghĩ về cái vị cá trê ăn lần đầu. Chờ đợi mãi, không thấy có việc gì xảy ra, tôi lại gấp miếng thứ hai. Và đến miếng thứ ba thì thấy cá trê là một vị ngon. Từ ngày đó, không những tôi hết sợ cá trê mà lại còn đòi hỏi nữa.

Nếu đời tôi không gặp Chị Hoài thì có lẽ sự ăn uống của tôi không bao giờ lại có cái vị cá trê thêm thất vào.

Đây là một cái kỷ niệm đáng kể. Đến nhà Chị Hoài mà ăn dưa khú nấu với cá trê thì thú thực. Thú, có cái nghĩa là được một dịp tốt để tủi hổ cho một cảnh đời. Quảng đời Chị Hoài cũng không khác một vại dưa muối hồng mấy. Chỉ có một chút mắm muối non đi hoặc gia thêm cho đúng mà cái vô duyên đâm ra không thể chữa được đến như thế này đây. Ngẫm đến cái công ơn của Chị Hoài gây cho tôi được thân gần loài cá trê mà muốn tán rộng thêm ra, tôi lại càng muốn nhắc những người ưa làm việc đời một câu rằng: “Muốn cho người chung quanh biểu đồng tình với mình về một cái sở thích của mình để đi tới một cái kết quả gì, trước hết phải gây được thiện cảm đã. Cái điều kiện Tinh lúc này mạnh hơn điều kiện Lý. Người ta đã có cảm tình với mình, đã yêu mình rồi thì

nói gì mà người ta không nghe; lúc ấy chẳng cần phải giảng giải thế nào là phải hay không là phải”.

Lên chơi giải muộn trên nhà Chị Hoài, thỏa mắt nhất là vào những ngày bắt gặp chị gội đầu. Cái mớ tóc mây rải rười ấy quả là một công trình không cô phụ đến lò sáng tạo của Hóa Công, mỗi khi chị tắm giặt cho nó bằng cái thứ nước gội cổ điển của người mình. Quả bồ kết. Hạt mùi già. Rễ hương bài.

Hỡi những đàn bà hùa theo ngoại nhân cúp tóc ngắn và tắm tóc bằng thứ nước thơm cất tại Côn Lôn, tôi muốn các người đến đây cho đông đủ để mà chiêm ngưỡng cái mớ tóc mây ướt này.

Chị Hoài cầm cái lược bí, soãi cánh tay xuống là nó lại càng muôn nghìn phần óng ả. Tóc đầu mà nuốt mà dài đến thế. Chị Hoài đã phải đứng lên ghé đầu để phơi tóc ngoài hiên mà tóc vẫn còn chấm xuống quá gạch thêm. Lúc chải xuôi tóc xuống, chị phải cuốn đến hai ba vòng vào đầu bàn tay thì đầu tóc họa chẳng mới khỏi quét chấm đất.

Một lần, trước khi đi gội, vẫn mặc áo lụa trắng dài, chiều ý tôi, chị xoa bung mớ tóc khô cho nó đổ xuống nền nhà thành một cuộn xếp khúc chồng lên nhau, rồi chị xéo lăm đi đi lại lại trong phòng cho tôi ngắm, mỗi lúc lướt qua tôi, chị kêu:

- Anh có những lối chơi ác lạ lắm. Anh định bắt tôi quét nhà bằng cái chổi tóc mây này đến bao giờ thì mới thôi?

Mớ tóc đen phủ kín gáy kín lưng, kín cả màu hồng hai gót chân Chị Hoài, và lê dài ra sau thành một cái đuôi. Trông cái đám đen ngòm dài ấy rải quét xuống nền nhà mà tôi lại đại dột liên tưởng đến một cái áo tang người đàn bà góa phương Tây.

Lúc Chị Hoài gội xong, đứng lên ghế đầu chải tóc, mớ tóc tủi giập, rỏ nhiều giọt nước mắt bồ kết chanh xuống hòn gạch lá nem, tiếng rơi lộp bộp đều đều, dùng đục.

Lên xem Chị Hoài gội đầu luôn luôn, thành thử tôi tính trước được những ngày nào chị phải gội đầu. Mỗi tháng hai lần. Ngày nguyệt kỵ và ngày nguyệt tận. Rằm nào, mùng một nào, chị cũng đi lễ; trước ngày đi lễ Phật, chị tắm gội sạch sẽ. Và trước ngày vọng một ngày, trước ngày sóc một ngày tôi lại tìm lên nhà chị xem gội tắm tóc. Lâu, thành một thói quen. Cứ vào ngày ấy là tôi nhớ tìm lên như là người nhớ ngày sinh nhật của mình. Có một lần vương bận vào ngày nguyệt kỵ không đi được, mãi đến hôm rằm ngày sau tôi mới lên chơi thì Chị Hoài đã vội kêu:

- Hôm qua gội đầu rụng nhiều tóc quá. Chẳng lên mà xem và tiếc hộ cho. Không hiểu cái điềm này là điềm gì đây. Anh có hay mê tín không?

Chị rút ở dưới gối ra một chiếc khăn tay lụa, ở trong có một đám tóc rụng guộn tròn lại như một đệp cổ yếm sây.

- Chị giữ để làm gì? Minh lại sưu tầm tóc rụng của mình à?

- Chẳng phải là sưu tầm, nhưng hễ có được nhiều thì kết nó lại thành một cái độn tóc. Vứt đi, người ta kiêng. Tóc mình dài quá như thế này, có cần gì độn. Kết lại mà chơi, thỉnh thoảng quất con muỗi vo ve trong cánh màn, thay một cây phất trần, cũng được chứ sao?

- Hay là đem ra đầu phố cửa ô mà gán cho cái mũ “ai tóc rối đôi kẹo không” đi chị ạ. Chị lấy lấy ít que kẹo mạch nha, tôi chọn lấy mấy cái nhạc đất.

- Giá còn ấu thơ như ngày nào thì cũng chẳng phải bảo.

Cả một ngày ấy, Chị Hoài và tôi bàn tán về những cái tiền thân của nhiều độn tóc bày bán treo ở sào các hàng xén chợ Đồng Xuân. Chị và tôi đã nhắc đến những mớ tóc của người ốm cạo trọc đầu, của người bỏ nhà nương mình vào chùa chiền và luận nhiều nhất về cái mớ tóc trong truyện *Tỳ Bà Kỳ* có người con dâu ấy phải cắt mớ tóc đổi ra tiền để lo liệu việc tống chung cho một ông bố chồng lúc tắt nghỉ, người con trai đang bận vào Kinh làm bài thi.

Buổi chiều một ngày rằm ú dột đổ chup xuống một câu chuyện rĩ rầu. Chị Hoài quán vành khăn nhiều tam giang, lấy nắp quả trầu ra bỏ vào đáy một thê nhang, ra vườn bứt mấy bông hoa hồng quế, gọi bô già đánh xe cho mình lên lễ chùa, theo lệ thường.

- Anh đợi tôi đi lễ về, cùng ăn cơm tối, xong rồi đi đâu anh hãy đi. Hôm nay tôi không muốn ăn cơm tối một mình. Tự nhiên, tôi thấy sợ bóng tối anh ạ.

Người bô già - chồng cái người u già giữ việc bếp nước, - lưng thưng bước một kéo một cái xe tay sơn đen. Chiếc xe cũ, nước sơn nhiều chỗ đã bong lỏm chơm, bánh sắt lọc cọc lạch cạch trên vết đường đất thó đã khô cứng sau trận mưa kỳ trước. Nó gọi đến cái xe của những vị huân đạo ở các vùng phủ huyện miền quê. Chiếc xe cũng mệt mỏi như người kéo xe, như người ngồi xe đang ôm cái nắp tráp hương hoa. Lúc này tôi cảm thấy bóng hoàng hôn như muốn ngừng sưng lại và lỏng chắc vào những nan hoa gỗ một chiếc xe đen xộc xệch. Tôi trông theo một cái xe tàn và nhớ mãi những cảm tưởng bụi ngùi của một chiều rằm thê lương ấy.

Sau mấy tuần rằm nữa, vừa đi xa về, tôi mới hay Chị Hoài đã chẳng còn là người. Tôi lặng lẽ đứng trước một cái ban thờ ma mới, nơi mọc màn vải xô bỏ

thông xuống một cái độn tóc gậy mảnh - mở tóc mây Chị Hoài mới rụng được có bấy nhiêu thôi. Tôi đã lấy độn tóc đó đem theo về nhà trọ. Tôi cắt kỹ độn tóc gậy vào trong chiếc va ly tùy thân. Những lúc lữ thứ, sầu nhớ hoang mang, tôi mở gói tóc ra. Hít cái mùi dầu tẻ tẻ chưa phai ấy, tôi đã vứt bỏ hết những sự thực của khoa học và tôi tin rằng tôi gọi nhắc được Chị Hoài về mà rồi theo lấy bước đi của một kẻ “thiếu quê nhang” phù hộ cho tôi đừng gặp phải cơ nhỡ giữa đường - cái cơ nhỡ về tinh thần, cái thiếu thốn của tâm khảm, trong những phút Xa Lìa.

Hà Nội, đêm giữa xuân năm Ty

XÁC NGỌC LAM

(Truyện ngắn)

Làng Hồ Khẩu có nhà họ Chu làm giấy nổi tiếng đã đến mấy mươi đời liền. Ông tổ bốn đời nhà họ Chu, đầu suýt nữa có lần ra làm quan. Thời ấy, nhà vua xuống chiếu cho quan địa phương phải làm sổ đệ dâng về những môn bách nghệ trong nước và tên họ những người có tài thủ công trong các môn ấy, về các phường làm giấy bán giấy, một hạt Hà Đông, nhà họ Chu được đứng vào đầu sổ kê khai bách nghệ. Ý chừng quan địa phương đã cho giấy là có mật thiết với văn chương khoa bảng của một nước sùng thượng kẻ sĩ nên đã liệt họ Chu lên đầu sổ. Chẳng rõ như thế có phải không, nhưng cứ cái chất giấy dó của nhà họ Chu đem ra xét thì đến giấy trúc của Tàu cũng xê ra lui chứ đừng nói là giấy dó của bất cứ lò nào xứ ta nữa.

Nhà họ Chu vốn không làm giấy moi bao giờ. Chỉ làm toàn giấy lựa và giấy lệnh hội để viết bằng, viết

sắc. Và vào khoảng đầu những năm Tý Mão Ngọ Dậu có khoa thi, thì nhà ấy mới làm đến thứ giấy để học trò đóng quyển thì gọi là giấy thi. Giấy của họ Chu chế ra, bao giờ soi lên cũng có hai chữ Chu Hồ, in lồi thủy ấn. Hai chữ thương tiêu viết theo lối triện cổ trước đời Tần nhắc cho người dùng giấy biết rằng đây là giấy của họ Chu làng Hồ Khẩu. Trông đến tờ giấy đó của nhà này là ai cũng biết ngay, chẳng cần phải soi lên mà tìm dấu thương tiêu thủy ấn nữa. Cái đám đàn bà con gái buôn tạp hóa họ đã đổ nhau là xếp ra trước mặt rất nhiều loại giấy của rất nhiều nhà làm giấy bán ra rồi người bị đó sẽ nhầm mất lại, chỉ được lấy tay sờ mà phải gọi được tên giấy của lò nhà nào ra. Chẳng bao giờ các bác các cô ấy gọi sai các loại giấy của nhà họ Chu cả. Thì ra gồng gánh ăn phở ăn hàng mãi khắp kẻ chợ thôn quê, họ đã hiểu hết những đức tính của loại giấy nhà họ Chu. Nó nhân mặt mà không cứng mình mà chất lại dai và lấm tờ khổ rộng mình dầy thế mà bắc đồng cân lên thì nặng chỉ đến như cái lông hồng. Mặt giấy xốp, nghiêng giấy ra sáng mà nhìn chất cát đó thì nó như làn da má trinh nữ phẳng đượm chất tuyết của lớp lông măng. Vuốt vào mặt giấy, người ta có cái cảm tưởng được sống là một điều dễ chịu; mùa nực, sờ vào giấy thấy mát cả lòng tay và về tiết đông áp tay vào giấy nhà họ Chu, thấy nó ấm ấm như có sinh khí. Đưa lên mũi

tờ giấy đượm hơi thơm của một thứ mùi thảo mộc còn tươi sống. Thật là một vật quý trên thế gian. Tờ giấy dó từ lò nhà họ Chu đưa ra thị trường, ai nhìn thấy cũng đều lấy làm sung sướng. Nó đẹp đến nỗi mọi người đều yên chí rằng dầu đưa thất phu có cầm bút vẽ bậy vào đấy thì những nét lếu láo ấy cũng vẫn cứ thành được hình chữ. Nhưng hồi ấy người ta còn trọng Nho phong và chúng nhân đều là người chí sĩ cả, nên tờ giấy nhà họ Chu còn được may hơn là phân những vách đá gơ mình ra cho người dốt thích thơ vào. Người có chữ nhưng mà văn xoàng và viết xấu thì đều không nhân tâm đề giấy họ Chu ra mà viết. Người dốt thì biết kiêng sợ và chỉ trông thấy giấy có thủy ấn Chu Hồ là đã chạy xa rồi. Thành ra, kẻ sĩ ở vào cái thời ấy thấy ai dùng đến giấy Chu Hồ là họ đều tìm đến; vì chẳng được văn đại khoa thi âu chữ cũng phải có nét bút thiếp - Mà sự dùng giấy dó nhà họ Chu Hồ đã thành một lối biểu dương của riêng một phái quý tộc trong làng văn mặc.

Cái lần ấy được triệu vô Kinh và được hầu lay quan Thượng Thư bộ Lễ để tỏ bày những đức tính của giấy dó lò nhà, ông cụ họ Chu đã làm cho bậc lão thần và tất cả thuộc nha một bộ phải kinh ngạc và trầm trồ. Ông cụ đã bày các thứ giấy các loại ra án thư và bắt những con gián con nhậy con dòi đuôi thả vào đám giấy ấy. Thì lạ quá cả một lũ côn trùng kẻ thù

truyền kiếp của sách và giấy đều chạy làng ra rất nhanh khỏi chồng giấy và lẫn trốn đi đâu hết cả. Bộ Lễ bèn làm sớ đệ dâng lên chỗ chín bệ và nhà vua bèn xuống chỉ cho ông cụ già họ Chu sung vào một chân trong Cẩn Tín Viện để ở luôn nơi Thành Vàng sớm tối chế giấy cung cho cả một hoàng tộc và cả một triều đình. Bộ Công đã có chỉ phải xây hai lò giấy dó bên Sông Hương và ông già họ Chu sẽ là vị quan trọng dụng lần thứ nhất để coi mấy lò giấy mới mở đó. Nhưng ông già họ Chu lấy làm sợ hãi mà tâu lên rằng hiện tượng trong mình đang mang cái tang mẹ và xin được lộn về Bắc, cứ ở nơi Tây Hồ nguyên quán mà chế giấy Ngự Chỉ và thường niên đệ vào Kinh do quan địa phương săn sóc việc đưa đi theo những kỳ hạn nhất định. Triều đình thấy việc ông già họ Chu cũng thuộc về một trường hợp đình gian ⁽¹⁾ nên cũng ưng và không nghị tội.

Vậy từ ấy, giấy Chu Hồ tiếng lại càng bay rộng xa. Thường niên, gặp kỳ Vạn Thọ hoặc khánh đán, Triều đình vẫn nhớ đến công người làm giấy, ban ra cho nhà họ Chu hết Tướng lục này đến Tướng lục nọ và ân tứ cho vô khối là vàng lụa. Đời một người thôn dã lải

(1). Ngày xưa, người đương làm quan mà vương phải việc đại tang, thường phải cáo đình gián, xin lui nghỉ cho hết tang ma rồi mới lại xin ra sau để Triều đình bổ dụng. Ai ẩn nặc bị tội nặng.

buôn mà được đặc sủng đến dường ấy, thực cũng là một sự đáng ghi lại nơi ngoại sử của một thời trong một nước chỉ biết quý yêu có kẻ sĩ. Và cống lò giấy nhà họ Chu làng Hồ có nhiều ngày lại vui nhộn quá cửa hầu quyền. Lót xe vệt móng trước nhà người thường nhân, hân hửu lắm mới chịu ăn rêu đậu cỏ. Những bậc cao sang tài tuấn của một thành đô vẫn thường lấy chỗ nhà ông già Chu làm một nơi hẹn hò với hạnh phúc. Được cái nhà họ Chu có cái đức làm người bình dị rất vững, nên vẫn cố giữ mực thường, không vì thế mà thành kiêu lộng và lại càng vui với cần lao và nghề nhà ngày một càng tinh xảo. Vào nhà ấy, người ta không thấy có gì là lộ ra cái lối phú quý chơi trêu. Giá vào kẻ khác thì ít ra ở đấy cũng đã điểm những vệt vàng lớp son - mà và cũng chính đáng lắm chứ sao. Nhưng không, ở đấy vẫn chỉ có cái tầu dó gỗ sù sì, tảng đá ép giấy nhẵn lạng và hòn đá nghề giấy rất khiêm tốn nằm trên giữa nền đất Trĩ. Từ đời ấy đến đời khác vẫn chỉ có bấy nhiêu. Rất cổ điển, cổ kính và đơn bạc. Cái gì mà cả dòng nhà ấy biết quý yêu thì vẫn lại là cái tờ giấy của mình chế ra cho người có chữ dùng.

Cho đến bây giờ.

Cái tảng đá xanh xanh màu núi mùa thu và vuông mỗi chiều hai thước ta, dùng để nghề tờ giấy cho nhẵn mặt, vẫn chỉ là một vật rất thành thuộc ở với nhà họ

Chu đã đến sáu bảy đời. Nó câm lặng mà phụng sự như không biết là có mình nữa. Và người ta quý nó như là nương nhẹ một người lão bộc. Ít khi người nhà họ Chu nữ nặng tay gieo đầu chầy xuống miếng đá của tổ phụ lưu lại, những khi ghé mặt dó giấy. Mà người ngoài cùng làm nghề này thì cũng chỉ thấy viên đá là một viên đá, đánh cho nó cái giá của một viên đá thôi. Cả đến nhà họ Chu cũng nghĩ vậy.

Nhưng...hòn đá ấy vốn có một đời sống thuộc về tâm hồn. Cũng hơi lạ.

Rừng Hoàn Bồ có một nương dó. Rộng sâu lắm. Cũng gần thành một cánh rừng riêng. Gió thung lũng thổi vạt vào nương gió, mỗi đợt muốn đi gấp qua hết lòng nương thì cũng phải tàn mất nửa điều thuốc quán. Trong cái chỗ cùng tít của rừng dó, có một cây dó không rõ mọc từ đời nào mà cao vút, cành lá vênh vào át cả những cây Thiên niên tụng gần đó. Loài dó vốn là một loại cây trung bình, thường chỉ cao hơn đầu người, mấy khi đã có được chút bóng dài. Vậy mà cây dó cổ thụ này mình to như mình lim, mỗi lúc mặt trời chỉ lệch quá ngọ độ phần nén nhang là bóng nó đã rợp cả một khoảng lòng suối xa kia để làm vui cho một đàn cá hương ngư. Người trung châu mình vốn hay khiếp lạnh những cái gì to quá, không dám nhận những cái cao to là hẳn vật riêng của thế giới mình bèn gọi luôn cây đại thụ ấy là Gốc Dó Thần phải nhắc

đến thì chỉ dám nói thăm và lần gặp mùa bóc dó, họ đều làng xa khỏi gốc Dó Thần. Đời ấy và đời khác. Góc nương dó có gốc cây Thần, chả mấy mà đã thành hoang vu và trở nên bí mật như một rừng cấm, gió ngàn có lách qua được kẻ cũng còn là mệt. Chỉ có có bọn thổ dân sơn cước muốn mở một lối đi tắt là còn dám lần vào đó chứ đến bọn người Kinh đi bóc dó thuê là đều lùi cả.

Nhiều buổi rừng dó lặng gió quang mây, từ góc rừng cấm nổi lên những tiếng hát, giọng không ra Bắc không ra Nam mà hơi hát thì toàn bắt chệnh đi cả; lúc xa lúc gần, cái thứ tiếng nói không ai hiểu là tiếng gì đó đi khắp cả nương dó. Tiếng nói, đôi khi lại có chen vào ít tiếng trúc. Bọn người Kinh đi lên rừng Hoành Bồ bóc dó, nghe thấy tiếng hát giữa nơi mênh mông đều hui, giá đừng có những cái lối khiếp đảm tâm thường thấy bất cứ cái gì không quen thuộc như là cơm áo và tiền là y như đã sợ - thì vào những ngày gió tạnh mây quang nơi nương dó ấy, là họ đã có dịp gần nghệ thuật và tai nghe được cái tiếng thuần túy của nghệ thuật rồi đấy. Họ nghe tiếng hát lần lần vẳng lên thì cái lòng kinh hãi nơi lòng họ cũng tăng lên dần dần. Thậm chí có người ngất đi và cấm khẩu, phải đốt đến hàng đống lá khô mới tỉnh lại. Mới hay tiếng hát u hiển và tiếng trúc tuyệt vời có khi lại cũng làm tội cả đến những kẻ đi làm thuê ăn công nhật.

Rồi có bao nhiêu người Kinh đi bóc dó thuê kia đều lấm lét bỏ cả việc, quây quần lại sát thít vào nhau bên đồng lửa cho đỡ sợ. Tiếng hát tắt đã lâu lắm, bọn họ mới lại dám lò dò ra làm nốt buổi. Những người thổ dân cùng đi bóc dó chung với họ, lấy thế làm cười và bảo họ:

- Không việc gì mà thất đảm đến như thế. Cô Dó hát đấy. Cô Dó không có làm hại ai bao giờ.

- Các bác bảo cô Dó hát? Ai là cô Dó?

Đám thổ dân sơn cước vui vẻ chỉ đúng cái cây gốc Dó Thần ở phía xa:

- Cô Dó ấy đấy. Cô ở cái cây ấy. Cô là hồn sống của cây ấy. Chúng tôi vẫn thấy luôn. Hôm nào đi làm về, gặp cô thì y như về đến nhà, ở mãi trên kia - bọn tôi cũng đều vui và quên mệt. Cô lúc nào cũng mặc một cái áo màu chàm.

Họ còn nói bọn thợ Kinh nghe rằng cứ năm nào cô Dó hát trong nương thì giấy dưới vùng xuôi, làm ra rất nhiều. “Chắc dưới vùng xuôi lại có khoa thi khoa thiếc gì, nên năm nay cô Dó lại hát”. Bọn thợ Kinh tỉnh ra thì năm họ đang bóc dó vụ chiêm đây là một năm Mão. Và nghe thấy đám người núi nói chuyện giọng thành thực, nên bọn Kinh cũng đỡ sợ, từ đấy một vài người lại còn sinh ra tò mò nữa. Họ rình cô Dó ra hát - bọn thổ dân nói đúng đấy. Cô mặc áo xanh

màu lam và cứ đi đến gốc Dó Thần thì vụt mất. Nhiều lần thấy thái độ bọn thợ Kinh là suồng sã lộ liễu quá, cô Dó giận dỗi mất hàng mấy hôm. Bây giờ thấy nường vắng tiếng cô Dó, bọn thợ Kinh phần đông mới thấy nhớ và thấy hình như ngày làm của họ thiếu mất một cái gì. Nhưng sau đấy ít ngày rừng dó lại vang tiếng sáo tiếng hát. Bởi vì vui hát là bản tính của cô Dó và cô vốn không phải là một sinh vật trong nhân loại nên lòng tha thứ ở người cô rất quảng đại.

Chuyện này đồn về đến vùng xuôi.

Có cậu Năm nhà họ Chu ở ven hồ Lãng Bạc nghe chuyện lấy làm mê lắm. Vụ bóc dó mùa năm sau cậu Năm bèn dặn dò lại công việc làm ăn cho người nhà trông đờ lấy lò giấy làng Hồ Khẩu rồi theo luôn bọn thợ bóc dó lên rừng Hoành Bồ. Cậu tìm vào nường dó đánh gianh làm nếp nhà bên suối, ngày ngày ăn cơm lam chấm với tro gang tàn nửa đốt ra làm muối. Cậu Năm nhất định chờ cô Dó. Đôi khi, cậu Năm có bắt chợt được tiếng hát tiếng trúc, nhưng đến bóng người áo chàm thì từ ngày vào nường, thật cậu chưa được thoáng một lần nào. Thì ra cái giống tình xưa nay vẫn là thế; lúc không thì chẳng sao, mà khi một bên đã hơi hiểu đến tình ý thì y như e lệ then lánh rồi là bày ra cái trò bất diệt đi trốn đi tìm. Biết có người trai đẹp dưới Kinh tìm lên đến chỗ cỏ cây muôn năm xanh tươi để chỉ tình cầu đến cái thanh sắc của mình, cô

Dó trở nên mất hết tự nhiên rồi lãng hết lối mọi ngày tung tăng trong nương. Và giờ, có cao hứng lắm thì cô Dó chỉ ngồi trong gốc Dó Thần mà hát cho đủ thành điệu thôi. Thế mà cậu Năm đã chờ bên gốc cổ thụ hôm nào không rõ. Cậu Năm là người có chữ nên cậu ngờ rằng điệu hát cô Dó mang máng như lối trong giáo phường đọc phú và nhiều khúc thì lại có cái âm luật xốc vác của thơ cổ phong năm chữ ngâm bằng một giọng bi tráng khê nồng của người khách hiệp gặp đường cùng. Đến một đoạn sau thì dài hơn, trong trẻo như pha lê và vui như tiếng thông reo giữa trời nổi gió. Có rờn rợn chẳng thì là cái đoạn chót của bài hát. Nó lơ lơ ảm ẽ ỏi a như lối ma Hời đưa vòng ru con. Đứt câu hát, lại có tiếng cười gằn và tiếng thở dài. Buồn cho hoang vu và cảm cho lẻ loi, tay dờ dẫm Năm ta bấm móng tay vào vỏ dó thì thấy từ ruột cây tuôn rơi xuống hai dòng lệ đặc. Trời, như vậy thì đến phải lấy nhau mới xong. Cậu Năm bèn khấn xin cô Dó cho thấy mặt. Bóng dương đã ba lần chéch bên cây to mà cậu Năm vẫn một niềm chôn chân đứng chờ giữa giò. Cây to vẫn im lặng. Gió rừng chiều gỡ một cái lá, thả từ chòm cây vào lòng cậu Năm như trao cho nhau một bức thư không lời.

Ngày thứ tư, mặt giòi vừa vươn lên khỏi ngàn trước mặt là đã thấy cậu Năm đứng dưới gốc dó, tay cầm một cây rìu lưỡi sáng quắc. Người tình nhân ấy

bữa nay trông quả quyết như một người sơn tràng sắp ngã một cây gỗ rừng rồi tay đề rồi đeo seo rồi cốn nốt và thả đà. Cậu Năm vỗ vào thân cây, tiếng nói thất thanh, kêu rằng cậu không đợi được lâu hơn nữa - trong người cậu thấy rề rề mẩm bệnh sốt rét rừng và nếu hôm nay cô Dó còn lánh mặt nữa, thì phải phá nhà cô nghĩa là chém cây cổ thụ mà "còn tình chi nữa là thù đấy thôi" rồi, cậu xuôi luôn về Kinh đây này cho mà biết. Đến nước này thì cô Dó phải ra. Dưới gốc, kẻ khóc người cười. Cả hai cùng e ấp rồi cùng kháu đầu tạ lỗi. Sóng vai trên cổ sương hai người bàn đến chuyện đưa nhau về Kinh. Chợt nhìn đến lưỡi tầm sét sáng như nước nằm dưới chân, hai người cười liếc nhau và cậu Năm cầm liệng luôn xuống lòng con suối bạc. Sợ người ta ngưng vì mình và yêu nhau kém tự nhiên đi, mấy com bướm phấn đậu ra những ngọn lau xa. Đàn chim - má cũng ứng hồng lên vì chút thẹn lây bay dài lạc đậu trên chòm xanh, chừng cũng cho thế là phải, bèn rủ nhau đi sang rừng khác, sau khi gáy lên mấy dịp tươi nhanh để tỏ mừng, mấy bụi sim quanh quất gần đều cho mở một loạt cánh tím, mặc dầu mùa hoa tím hết đã từ ngày hạ.

Cô Dó sụt sùi hỏi cậu Năm rằng:

Trên này tôi đã quen ở với thảo mộc. Về dưới Kinh anh cây cỏ cần vắng, chất xanh nghèo nàn, biết sẽ gửi mình nơi nao và ở vào đâu?

- Em sẽ ở với đá với nước. Lấy cái xanh của nước thay tạm cho cái xanh của lá, lấy cái lành vững của đá thay cái mềm lạnh của cây, anh tưởng cũng tiêm tiêm được.

- Đá nào? Nước nào?

- Nước Hồ Tây. Và đá phiến làng Hồ Khẩu. Nhà anh làm giấy ở kẹt vào giữa một con sông và một cái hồ rộng. Có hòn đá nghe giấy, mỗi chiều bằng vai em, tường em ở cũng không đến nổi chật quá. Vả em vốn sinh trưởng bằng nhựa dó và dưới ấy là nhà làm giấy, sự sống hằng ngày có thêm em nữa, cũng không phiền thêm chút nào. Thế giờ liệu đã xuống núi được chưa?

Cô Dó gật gật. Rồi cô xin phép cậu Năm cho cô khóc một lúc để tỏ chút nghĩa với Rừng Cao Cả. Cô quỳ xuống lạy Ngàn Xanh hai lạy, giọt dài không khác người con gái lạy sống cha mẹ đề lúc bước chân về nhà chồng. Cậu Năm mắt cũng rơm rớm. Con Suối Bạc cảm động quá ngừng hẳn lại, không chịu chảy xuôi nữa. Lòng suối im ả như gương tàu phản chiếu không nhòe lấy một đường viền nào, cái bóng hai người đang tà áo chùi lấn cho nhau những lệ châu hạnh phúc sớm mờ. Hai người say sưa và mệt mỏi, đi trên một cái lối mòn ăn ra dốc đèo.

Chúa Rừng cho nổi một cơn gió nóng tiền đưa cô Dó ra cửa ngàn. Có một con hươu đực đang vươn cổ

cao nhìn cô Dó xuống đồng bằng, mỗi lúc một bé dần. Nó quật sừng nó vào cái cây đại có những cành ngang và lá to làm bận tầm mắt nó.

Cái chấm áo chàm người sơn thần nữ vu quy đã tan lẫn vào cái xanh lớn lao của ngàn già. Bữa ăn chiều ấy, hươu đực ngốn tắc cỏ thấy chát đắng.

Nương dó mất tiếng hát từ đấy. Sớm ngày sau rừng dó bỗng kêu một tiếng ầm như ngọn núi nào lở thụt ngã xuống vực. Góc Dó Thần đổ vật. Người giai nhân đã đi. Đất này trơ lại những lá úa rầu.

Nhưng mà từ nay ven Hồ Tây và trên dòng sông Tô Lịch lại có tiếng cô Dó bây giờ xuống hát ở dưới đồng bằng.

Hát riêng cho cậu Năm nhà họ Chu nghe thôi. Hôm về tới làng Hồ Khẩu, trời đã canh hai, cả nhà đều đã ngủ say. Cậu Năm đưa cô Dó về nhà mà không ai biết tí gì cả.

Trông thấy phiến đá xanh nghè giấy đặt chìm xuống nền đất trệ, cô Dó cười hỏi chồng:

- Đấy phải không?

Cậu Năm đang dở tay đốt đèn quay vội lại vui vẻ gật gật. Thế là cô Dó lẫn mình ngay vào tấm đá, sau khi ăn hết hương thơm của mấy trăm tờ giấy sắc vừa seo xong còn ướt để ở ngoài hiên - Mấy ngày đi đường

cô đói quá. Lại vừa mệt nữa. Nên chỉ kịp chào cậu Năm và nói có một câu: “Đầu canh tư, anh đánh thức em dậy với” là cô đã ngủ ngay trong lòng đá.

Riêng cậu Năm thì không ngủ được. Ngồi uống rượu một mình cho đỡ lạnh, Năm thấy phải độc ẩm có ý buồn buồn, bèn thành kính rót một chén xuống mặt phiến đá và tuy mới sang ba được có một lúc, cậu cũng đánh thức vợ dậy để cùng nhấp một chén tân hôn.

- Này em này, đã sang tư rồi. Sao tua rua tháng mười đã gần tụt hết xuống phía dưới rồi đấy. Em ngồi dậy, uống một chén mừng cho đỡ lạnh.

Từ lòng phiến đá lạnh có một tiếng ngáp mệt mồm đưa lên.

- Anh lấy ít bột dó chưa seo đắp lên mặt đá cho em kéo trong này lạnh lắm. Ngày thường, anh bắt đầu làm việc từ lúc nào?

- Cứ trời gần hừng sáng thì anh đã trở dậy nghề giấy. Đứng ngo, ngừng tay một lát ăn cơm. Mặt trời lặn thì anh nghỉ hẳn tay chày.

- Từ nay có em về ở cùng, anh nên đổi thời khắc biểu cũ đi. Em thuộc chất âm, ít chịu được cái nóng sáng của mặt trời. Em muốn từ bây giờ, anh thay giờ làm việc, lấy đêm ra mà làm ngày. Như thế nó tiện

cho em những lúc phải đỡ đầu anh một tay. Và chẳng, cái việc em vẽ làm bạn với anh, cũng không nên cho người khác biết, cả đến người nhà nữa. Muốn giữ bền được hạnh phúc, chúng ta nên mai ẩn ít nhiều tung tích mình đi để tránh những việc dòm dò của chung quanh. Lại còn thế này nữa: là thỉnh thoảng em có muốn lách mình ra khỏi đá để hát cho anh nghe hoặc đánh bóng mặt giấy cho anh, mà phải lộ tấm hình hài cho người ngoài thấy thì thực là một điều không những là bất tiện mà lại còn nguy hiểm cho hai mình nữa. Nào, anh đổ xuống mặt đá cho em một chén rượu nữa, người em vẫn còn mệt lắm, nhưng đã là ngày vui nhất trong một cuộc đời thì phải say và phải hát chứ. Em sẽ hát một bài ngắn thôi, rồi đi nằm. Lúc nào gà gáy canh một đêm nay, em sẽ dậy. Anh cũng đi ngủ; để tối hãy làm giấy.

Cậu Năm nghe theo lời vợ hiền. Và từ bây giờ cả nhà đều phải để ý đến những giấc ngủ ngày triển miên của cậu Năm. Hối, cậu bảo rằng cậu vừa tìm được một phương pháp mới để chế giấy cho tốt hơn: giấy ghè vào lúc đêm hôm thì mặt bóng hơn chất chắc hơn vì...vì có hơi sương và tia trăng tia sao! Cậu nói thế mà cũng có khối người trong nhà nghe được đấy.

Ở ven Hồ Tây, giờ canh đêm đông không còn lạnh lạnh như mọi khi nữa. Trong sương, dùng đục những

dịp tiếng chầy nhà cậu Năm già dó và lăm buổi lại còn lẫn một thứ tiếng hát, âm thanh lơ lơ và nhịp, lúc mau như khổ dựng giọng nhà Tơ và lúc thưa thì giống hệt lối ngâm thơ Thiên Thai rồi ngân dần dần lên và lại dần dần ngân mà xuống đúng như hơi hát cung bậc lúc đổ con kiến. Đêm đêm, cậu Năm làm giấy và cô Dó cũng lách mình ra khỏi đá, nghe giúp chồng. Cả ngày chỉ ngủ không ăn, giờ, bữa cơm chính của cậu Năm thường lại là một bữa sủi để có điểm mấy chén rượu. Vợ chồng vui vẻ, nói khôn nên lời. Ái tình và cần lao. Lắm khi ngà ngà mà say, phất phơ mà đi, nhìn đêm lạnh giăng xuống, nhớ rừng cũ, cô Dó lại càng hát nhiều nhiều. Khuya im một bầu sương muối, cỏ cây đùng đục vẩn trong sữa giăng loãng, giới đất trông ra như lúc hỗn mang, cô Dó đánh bạo ra ngoài. Đêm đông trường, chỉ có một thứ tiếng hát của cô Dó chập chờn đi từ giới hạn một bờ Tây Hồ đến bờ một khúc sông Tô Lịch. Tiếng huyền diệu và mờ mù bao la.

Từ đây, lò chế giấy nhà cậu Năm họ Chu làng Hồ Khẩu biết một kỷ nguyên mới - giấy tự nhiên thơm đẹp lên và bỏ xa sự cạnh tranh của nghìn vạn người sống bằng vỏ dó. Loại giấy Chu Hồ có từ bấy giờ. Ấp tờ giấy đẹp vào lòng, biết nó là cái công ơn của người vợ hiền nhiều đêm đã cần cù vì mình, cậu Năm mê mải vì chân hạnh phúc và thú cần lao nhiều phút ban ngày

sương quá, ngất đi và tỉnh cơn cuồng lại vỗ mái vào phiến đá nghe có ý đánh thức vợ dậy mà xem mình đang khóc vì...hoan lạc.

Có một lần, cô Dó dở giờ khó ở mất đến một tuần, giấy Chu Hồ tự nhiên xuống hẳn mặt. Đã có bao đêm liền, cậu Năm bó gối gác chân bên phiến đá, nghiêm và rầu như kẻ sắp gieo mình xuống dòng. Dưới lòng đá, có tiếng phào phào đưa lên:

- Em đã rõ chứng bệnh em rồi anh ạ. Ra em không chịu được cái mùi hoa hòe nhà ta vẫn mua để nhuộm giấy sặc. Đổ cái chất vàng ấy lên mình em, em ăn phải cho nên đầy và cứ phù dần người ra. Anh thử bỏ vứt bột hòe đi em xem.

Có như thế. Sau khi cậu Năm cho đổ hết hòe xuống hồ - làm vàng ố cả một vùng xanh trong - thì cô Dó cất cơn ngay. Lò giấy nhà họ Chu, thôi hẳn việc chế giấy sặc vàng, lại cũng từ đấy. Ngày tháng. Hai người càng yêu nhau trong ca vui và cần lao; trăm năm cũng già. Không, cô Dó vẫn trẻ. Chỉ có cậu Năm là già đi vì cậu vốn thuộc chất dương và vốn thời gian chi phối. Cậu Năm chính là ông cụ tổ ba đời của ông cụ họ Chu được nhà Vua cho quan bộ Lễ vời vào Kinh để sung một chức ở Cẩn Tín Viện đấy.

Cậu Năm trăm tuổi đi rồi, cô Dó đêm đêm ra ngồi ở ven Hồ Tây và ven sông Tô có mấy tháng liền, sự

nhớ thương lại biến thành nhiều khúc hát buồn và những bài ca điệu ấy, cô có chép vào một tập để là “Chu Ngũ Lương Hoài Nhân Khúc” giữ luôn dưới lòng đá và nét chữ cô Dó lỏm chớm nhọn hoắt và so le như ngọn cỏ bông. Mấy mươi đời sau, đâu có một một người tài về môn cách vật trí trí bảo đây là thứ chữ không phải của loài người chế lấy mà dùng; nó là thứ chữ Sơn Hoàng của chúa Rừng truyền dạy cho các hồn cây hồn quả hiển viết lúc dâng bài Chúc Thọ và chỉ có những người nào có số hỏ vô là đọc thông được thôi.

Phiến đá xanh nghề giấy, từ cụ Năm vẽ giới, bông trắng toát ra. Phiến bạch thạch lẫn vãi bố góc bàn thờ mới. Sau ba năm, cô Dó rất có thể lộn về rừng - cái quê hương cũ muôn năm xanh vui của mình. Nhưng không, cô vẫn còn thương cậu Năm nhiều lắm và thể ở lại giúp và dựng cho lũ con lũ cháu và lũ chắt nhà chồng, có cái định kiến là đến bao giờ dân trung châu hạ bạn tuyệt nghề làm giấy bán thì cô mới bỏ nhà chồng mà lộn về rừng. Từ ngày theo chồng về Hồ Khẩu cho đến quá về sau cái thời chồng chết, người quả phụ ấy chỉ có một lần tìm đường quy ninh về rừng thăm lại Mẹ Ngàn. Cô Dó quy ninh đâu vào cái khoảng người cháu bốn đời nhà cậu Năm.

Từ cậu Năm mất đi, con cháu nhà họ Chu lại trở lại tập quán cũ, nghĩa là nghề giấy vào lúc ban ngày. Dưới đá trắng cư tang, nghe những âm chầy non đại

đổ xuống dỏ ướt, cô Dỏ mỉm cười. Thương lũ trẻ, đêm đêm cô lại hiện ra, hà ít hơi mình vào giấy và lấy tay vuốt từng tờ một. Giấy Chu Hồ vì thế vẫn giữ được vẻ quý mà riêng lũ con cháu nhà cậu Năm thì vẫn không hề biết lấy mấy may về sự hiển linh nhà mình. Đời ấy và đời khác.

Năm 1925 vào cuối đời Hoàng Tôn Tuyên Hoàng Đế đất Nam kỳ, trấn Gia Định...có một ông huyện...tên là Khỏe. Ông Huyện Khỏe là một người phú quý tốt bụng, hay gây ra nhiều điều phúc đức. Lúc trẻ tráng, cái nông lối hợm của ông Huyện Khỏe lại ...vô địch nữa. Điền địa của cha mẹ để để lại cho thì là bờ xôi ruộng mật, đều là nhất đẳng điền cả. Thửa ấy ông thực là công tử số một, chơi vàng cả một giới và đến ngay đám công tử Bạc Liêu nghe đến danh ông thầy đều xanh cả mắt... Khoảng đời thiếu niên của ông Huyện Khỏe, thật lúc nào cũng là vui như hội Tây. Đấy, ông Huyện Khỏe vào lúc thiếu thời. Giờ ông đã có tuổi vẫn giàu có như xưa nhưng đã trở nên phải chằng trong cử chỉ hàng ngày. Ông chỉ còn đi xe hơi hai mươi bốn ngựa thăm ruộng xa rộng như một đất phong cường và các nhà máy xà phòng, gạo và dầu củ là của ông rải rác ở khắp Lục tỉnh. Người thương nhân này lúc về già lại còn buộc thêm vào cái đời con toán của mình một cái thị hiếu chơi những vật hiếm trên đời. Những đồ vật không cứ là cổ và đẹp nếu là

độc nhất vô nhị trên trần thì bao nhiêu ông Huyện Khỏe cũng bỏ tiền ra mua. Và những bức có tài xem đồ cổ, ông đều giữ luôn trong nhà, lấy thứ lễ hạng nhất ra mà đãi. Trong đám thực khách nhà ông Huyện Khỏe có một người tên là Chiêu Hiện được chủ nhân tin trọng lắm, coi gần như quản gia. Ông Chiêu Hiện quê vùng Phú Quốc, bỏ xứ Bắc vào trong Nam đã lâu, lúc bỏ nhà đi, cố chỉ vào cái cầu Phụng mà thề độc rằng “Bất thừa xa mã bất quá thử kiều”. Ở Sài Gòn được ít năm, ông Chiêu Hiện bị vướng vào một vụ cướp có án mạng tại Chợ Lớn... Chiêu Hiện thụ cái ơn ấy canh cánh để bên lòng và tự nhủ trong suốt một đời thế nào cũng phải tìm lấy dịp trả ơn lại ông Huyện nghĩa là lúc nào cũng nghĩ đến việc đi tìm vật báu cho ân nhân. Xứ Bắc kỳ cũng như về mặt nhân vật, về đường bảo vật vẫn còn nhiều cái lạ lắm. Đôi ba năm, Chiêu Hiện lại lộn về một lần để sục một xem có thấy được cái gì không. Lần ấy lộn về Hà Nội, không hiểu tại sao Chiêu Hiện lại thuộc cái sự tích phiến đá nghe giấy nhà họ Chu làng Hồ Khẩu, tìm cơ lân la rồi không rõ dùng chước thuật gì mà đánh tráo ngay phiến bạch thạch đó, đem về cho ông Huyện Khỏe.

Thâu ngày thâu đêm, đá đã qua hết các giang khẩu và những con đèo rất hiểm nghèo. Về đến biệt thự ông Huyện Khỏe, đá bờ ngõ với thời tiết ở đây

quanh năm nóng như lò nung vôi, đã bỗng đổ mồ hôi. Cầm chén rượu rũ bụi lúc đã thông dong, ông Chiêu Hiền mới đứng lên kể lai lịch đá cho người ân nhân mình nghe. Và quả như lời ông Chiêu Hiền nói, đêm ấy lúc canh đã dịu lạnh, trong phiên đá có tiếng hát giọng buồn. Không rõ lời, nhưng nghe cái âm tiêu sái ấy, đến như ông Huyện Khỏe mà cũng sụt sùi. Chiêu Hiền bèn dần giảng rằng đây là một trong những bài thương ở tập “Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc” của hồn đá làm ra từ lúc thiếu chồng. Tính hay khoe của, ông Huyện Khỏe, ngay ngày hôm sau, gửi luôn thiệp danh đi mời các quý khách đến ăn tiệc và “xem một hòn đá biết sụt sịt trong đêm”. Tân tiệc rượu, có một cuộc dạ vũ. Chiêu Hiền mặc đồ lễ...ra xin với quan khách chỉ nên vui nhộn đến giờ tỵ thôi, nếu có bụng chân thành muốn nghe những tiếng thương xót của hòn đá “nó là cái cơ đẹp của buổi họp hoan này”. Trong biệt thự im vắng và tắt hết điện chỉ còn leo lét có một ngọn đèn cây. Sau đấy một giờ lòng đá lại như đêm trước bật nổi lên những tiếng tương tư thê thảm. Tân khách thấy đều rơi châu. Tờ mờ sớm, họ ra về và bắt chủ nhân phải hứa là có một ngày gần đấy phải cho họ được xem đến mặt người sương phụ trong đá kia. Và từ đêm ấy, còn tiếp theo bao nhiêu dạ hội khác. Mới hay, chẳng cứ là tiếng người mà cái tiếng ly khổ của hồn một phiên đá lương thiện có tình lại còn là cái cơ vui cho người đứng ngoài nữa.

Muốn đánh lừa cô Dó phải nhâm lẫn về hoàn cảnh mới gắt để thỉnh thoảng hiện hình ra như trước, ông Chiêu Hiện đã xui ông Huyện Khỏe cho đào cả hai bên biệt thự lên, một bên giả làm dòng con sông Tô Lịch, một bên giả làm vùng nước ven Tây Hồ, tiền nhân công tính theo lối nhà nước ngân đắp đập. Ngày lạc thành cái mâu hồ lộn sông và cái khúc sông giả vờ đó, lại tiệc yến. Những tàn khách của những kỳ dạ hội cũ đã được nghe đá khóc thì bây giờ lại theo ước cũ đến đây uống rượu nữa để xem mặt cái hồn đá sầu. Nửa đêm ấy, cô Dó hiện ra thật, mình vẫn mặc tấm áo chàm như ngày ở rừng xưa, nhưng dưới gấu đã xé xơ ra cho nó thành tấm áo trảm thôi và mớ tóc tang rối như xơ dó vừa vắn vợi. Có bao nhiêu người bùng bùng hơi rượu rải rác núp trong xó tối, khề trâm trở với nhau là đẹp và đoan chính đến bực ấy là cùng.

Cô Dó chập chờn trên nước sông đào, trên nước hồ đắp, tỉ mỉ rờ vào các lá cây thân cây quanh đấy. Cô thấy không phải là cây quen thuộc của xứ Bắc. Đây chỉ là những lá cành của kẻ, cọ, dừa xiêm, vú sữa, măng cụt, sầu riêng thôi. Ngờ sợ đến một sự nguy hiểm của một thung thổ lạ, cô lại vội lẫn ngay vào lòng đá trắng. Từ đấy không ra nữa và cũng ít khi lên tiếng nhớ cậu Năm.

Sau đêm ấy ông Chiêu Hiện bỗng nấc lên mấy tiếng rồi là dân đi. Vực vào buồng bệnh, thấy Chiêu Hiện cứ mở thao láo mắt mà thiếp đi đã một ngày một

đêm, ông Huyện Khỏe biết là chứng bệnh cũ của người quản gia lại phát lại và chỉ dặn người nhà phải ngày đêm túc trực nơi giường bệnh, ngâm giấy phèn vào nước, cứ mỗi giờ lại đổ cho uống, chứ tịnh không phải thuốc thầy gì cả. Mọi khi vẫn thế. Nhưng lần này thì hơi phiền hơn; là đã quá mười ngày rồi mà Chiêu Hiện không thấy tỉnh lại. Mọi lần trước chỉ ba bốn ngày đêm thôi. Bệnh này trong sách thuốc *Y Dược Đại Toàn* gọi là bệnh Miên nhất khí và người nào hay có cái khiếu về hư linh học thì thường hay mắc phải.

Thế mà đến ngày thứ mười hai, Chiêu Hiện đã tỉnh lại. Nghe ông Huyện Khỏe thuật lại cho hay rằng mình ngủ đã mười hai ngày có dư, Chiêu Hiện đã bốc đứng người dậy, kêu xong hai tiếng "Hồng rồi" thì lăn đùng ra giữa nền cẩm thạch, mồ hôi vã ra như tắm. Không hiểu là cái gì "hồng rồi", ông Huyện Khỏe mặt như chàm đỏ, sợ sệt nhìn con bệnh bây giờ đang lăn lộn như có ai cấu rốn. Đến lúc tỉnh lại lần thứ hai, hai mắt đại đột Chiêu Hiện chán chường nhìn vào khoảng không và miệng - tiếng đã thất thanh, lại nhắc lại: "Hồng rồi", đầu lắc mãi như từ chối một cái gì. Chiêu Hiện tập tễnh bước lại chỗ đặt gối đá trắng, áp tay vào mặt đá, áp tai vào mặt đá vậy ông Huyện Khỏe lại:

- "Đến phải đập vỡ đá này, thì may ra mới chữa được người trong ấy, cô Dó không khéo chết mất rồi ông Huyện ạ!".

- Ông Chiêu nói chuyện cho tôi rõ đầu cuối với.

- Nguyên là thế này. Hồn đá này phải ăn chất vỏ dó. Thiếu dó thì cái người nằm khóc trong dó mọi ngày cho ông nghe sẽ phải chết khô. Ông nhiều việc không hay để ý đến, chứ thực ra từ ngày mang đá về, tôi đã mang theo về bao nhiêu là bó vỏ dó để ngày ngày áp lên đá cho người trong dó ăn. Gần hết, tôi lại đánh giấy ra Bắc cho người bà con gửi vào. Từ hôm bị bệnh, đột ngột nằm xuống, không dịp dặn ai thay cho việc bón đá, đến nay là quá mười ngày, người trong ấy chết đói rồi chứ còn gì nữa.

- Vậy bây giờ nếu phải đập phiến bạch thạch ra để cứu lấy người trong đá thì ông cứ tùy tiện mà làm.

Một nhát búa. Một tiếng xé rất khô gọn và ít mảnh vỡ bắn tung lên. Hồn đá chẻ ra làm hai theo chiều ngang và phần trên khi đã bật ra thì quý thần ơi! Có một người đàn bà rất xinh bé đang nằm ngủ. Nàng mặc một cái áo lam, xiêm cũng màu lam. Lúc ông Chiêu Hiện đã nhẹ nhàng ẵm nàng ra đặt lên giường thì mảnh phiến đá vỡ vẫn còn in khuôn những nét hình một tấm thân người nhỏ, nhiều khoảng trống xuống như chỗ đựng nước trong một cái ghìen dùng viết đại tự.

Chiêu Hiện rờ vào ngực cô Dó thấy còn nóng, vội gọi gia đình đem cái bó vỏ dó ông cất trong kho ra

ngay mau. Chúng đều trả lời rằng không biết ai đã tưởng là thứ dây dợ gì lấy đi gói buộc hết cả rồi. Cái tia hy vọng cuối cùng đã tắt nốt. Ông Chiêu Hiện dầm chân kêu gào, nước mắt đỏ như máu, tiếng mất hẳn đi. Bèn lấy giấy, bút đàm cùng ông Huyện: “Ông phải làm ngay hai việc: nhất điện là cho đánh xe đi lên Sài Gòn về các miền Lục tỉnh vét lấy hết những giấy bản của ta, chữ giấy moi và giấy tàu của các Chú chế ra thì vô dụng. Một mặt nữa thì cho đánh ngay giầy thép ra Bắc- theo địa chỉ này - bảo phải gửi ngay vào cho dăm kiện vỏ dó theo lối đại tốc”.

Trong lúc chờ giấy bản, vợ được mười quyển chép dở những thi ca của mấy chỗ thế gia ngoài Bắc, ông Chiêu Hiện đem xé vò ra, chất thành một đồng to, đốt sưởi cho cô Dó hồi lại. Người đã chết lả đã dần dần tỉnh lại, ngón tay động làm buột rơi một cuốn sách nhỏ ngoài bìa bằng lá cây có nét kim khí vạch sáu chữ “Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc”. Cô Dó mắt vẫn còn nhắm nghiền nhưng môi đã mấp máy được và đang hé cười. Nhưng những luồng khói đặc ở đồng giấy bản đã thừa loãng dần. Khói tắt, hương giấy tàn đi, người cô Dó càng lạnh, lạnh thêm lạnh mãi rồi cứng chắc lại, mồm ngậm kín một khóe cười không kịp nở hết. Cô Dó đã trở nên người thiên cổ. Cô Dó đã thành người của một thế giới khác, của một thế giới

ngọc đá muôn năm. Cái màu xanh ở tấm áo đã đậm và bóng hẳn lên thành một thứ ngọc lam trong sáng.

Bên tử thi đá lam, có một người nấc lên mấy tiếng. Ông Chiêu Hiện tưởng còn có thể điên cuồng thêm nữa khi lũ gia nhân sai đi mua giấy bản về đưa trình vền vẹn được độ ba trăm tờ hoen nhàu với một câu: “Dạ chúng con đã cho xe lên Sài Goòng và về cả Lục tỉnh mà cũng chỉ vớt được có bấy nhiêu thôi. Dạ bẩm trong này ít dùng cái thứ giấy này. Việc quan và tư thầy đều dùng có giấy tây thôi”. Ngẫm nghĩ một hồi lâu, Chiêu Hiện trấn tĩnh được lòng tiếc và tự nhủ rằng thôi chẳng qua ông Huyện Khỏe có cái số không được làm quý nhân nên quý vật nó mới không chịu ở với. Và cô Dó đã nhất định đi, giá có nấn ná lùi lại đến lúc này chờ giấy bản về kịp, thì cái đẹp giấy khốn nạn mỏng và biến lộn kia cũng không đủ để sưởi nóng cô, hồ cầm lấy chút hơi tàn mà chờ vò ở Bắc gửi vào theo lối đại tốc. Sau phút lấy nước ngũ vị tắm cho thi hài đá lạnh, Chiêu Hiện thấy lòng chứa chan hối lỗi vì đã phạm vào tội giết chết mất một thứ ngọc sống. Vì có biết thế này thì đã không khi nào ông diu ngọc vào đất Sài Goòng để đến nỗi đắc tội với ngọc đá và đánh hỏng của cuộc đời một vật báu. Chiêu Hiện lại khóc lên ba tiếng để sau ba tiếng của mình khóc ngọc ti trần vừa dứt thì tiếp nghe đến ba tiếng cười của ông

Huyện Khỏe. Ông Huyện Khỏe đã ôm lấy xác cô Dó vui reo ồn ào:

- Trời, té ra là ngọc thạch. Thuý ngọc, ông Chiêu ạ. Một khối ngọc toàn bích. Việc gì mà ông buồn khóc. Thì ra trước kia nó là thứ ngọc biết nói. Mất người nhưng chúng ta vẫn còn lành vện một phiến ngọc ví bán đi thì có thể thu về cơ man là tiền bạc. Hoặc là bán, hoặc là để đem làm vật tạ lễ một vị quan thầy. Người ngọc ví có còn sống để lên tiếng một đôi khi mà làm vui cho đám tửu đồ nhà tôi thì cũng vẫn là một sự đáng quý đấy. Mất đi ai chẳng tiếc. Nhưng mất người mà còn sót lại ngọc, thì cái di hài này có lẽ còn quý giá hơn người lúc sống kia đó vậy. Để tôi đem dâng cho quan thầy tôi. ..

Thôi nín đi mà, bác Chiêu.

Chiêu Hiện đã nín thật. Nghe giọng lười ông Huyện Khỏe, ông Chiêu thấy khắp mình toát ra một thứ mồ hôi dầu. Trời, thế này thì ra từ bao nhiêu lâu nay, ông đã thờ nhầm phải một người có nhân cách đê hạ quá. Đã thấm chưa! Ở vào một trường hợp tang tóc ngập lòng này, lòng người ta phải đau rầu gấp bội lòng người chết vợ trẻ hiền, mà ông Huyện Khỏe đã vội tính đến nước bán xác ngọc, cùng là cho ngọc đi ở vào cửa hầu nhà khác thì tưởng không còn có sự tuyệt tình nào phụ bạc được hơn nữa. Nhớ đến thế là

cùng. Một người đã vô sở bất chí đến như thế thì còn cái gì ở thế gian này mà hấn không làm đến. Có khi rồi, nếu không sớm liệu, thì ông ta sẽ bán đến cả mình nữa như bán một tên nô lệ cho chủ khác. Ngọc về ở với ông ta, chẳng may xấu số về giờ sớm, ngọc đầy mà ông ta còn đòi bán đi nữa, huống chi là mình. Ở sát cạnh một người thiên về danh lợi quá đến nỗi không còn lấy mảy may tình ý về kỷ niệm; cứ ở gần kẻ đứn bạo ngược, không sớm liệu thì rồi vạ kéo đến cũng chỉ một sớm một chiều đấy thôi.

Ngay đêm ấy, Chiêu Hiện đã bỏ ông Huyện hàm. Lúc bỏ đi, không thềm chào, không thềm đem theo một vật gì là tặng phẩm của ông Huyện vẫn đưa từ trước tới giờ. Chỉ để lại có mỗi một lá thư, trong nói là về Bắc để chữa cho khỏi ít cố tật trong người; không dám hứa là có quay lại với ân nhân cũ nữa không, nhưng dẫu sao ơn ngày trước tưởng cũng đã đáp lại được chín mười bằng một cái tử thi ngọc xanh đó.

Mười mấy năm bỏ làng đi vào miền trong làm...cho một tên bạo phú, giờ về quê cũ, một tấm áo vải đắp lên thân dầu dãi đã cuối châu, ông Chiêu Hiện qua sông Hát Giang lại nhớ đến lời thề cũ là không có ngựa xe thì không chịu qua cầu Phùng đây mà lộn về Phú Quốc. Nỗi buồn ấy đã thấm vào đầu khi Chiêu Hiện lộn lại làng Hồ Khẩu hỏi thăm về sự làm ăn của

nhà họ Chu. Thì ra từ khi bị đánh tráo phiến đá nghe, nhà ấy làm ăn mỗi ngày một xuống và giấy Chu Hồ bây giờ đã là một câu chuyện gần như cổ tích, một câu chuyện chỉ còn thuộc về lịch sử giấy đẹp của nghìn xưa.

Để duy trì cái sống hàng ngày, nhà họ Chu bây giờ cũng làm giấy nhưng là giấy moi...

Lòng nặng về tội ác, ông Chiêu Hiện có chép lại việc này, đủ ngành ngọn vào cuối cuốn gia phả tỏ ý ăn năn nhiều về chỗ đã giết chết mất ngọc biết nói và dặn con cháu từ sau chớ nên xúc phạm vào bất cứ một phiến đá tảng đá hòn đá nào; mặc dầu nó có là đá bên đường đi nữa.

Sau đấy một tháng, chứng bệnh cũ Miên nhất khi bỗng phát lại và lần này thì ông Chiêu Hiện ngủ luôn một giấc để lũ con đưa ra một cánh đồng tỉnh Sơn Tây, huyết đào sâu xuống mới có nửa thước, đã thấy lờm chờm lớn nhón những đá tổ ong.

RUỢU BỆNH

(Truyện ngắn)

“Ấm giả lưu kỳ danh”

*Kính gửi: Vong linh ông bạn rượu
Nguyễn Khắc Hiếu*

Người ta không rõ ông cụ ấy tên là gì và người ở đâu. Mỗi buổi sớm lúc giờ đất còn lơ mờ, ông cụ đã ngồi sẵn ở các cửa ô Hà Nội, không ai rõ người có tuổi đó làm nghề gì. Nếu là đi buôn thì sao lại không có tay nải. Nếu là xem số hoặc là thầy bói sáng thì sao không có tráp. Và làm nghề gì mà đóng chỗ sớm thế? Tất cả những đồ vật đem theo, nếu người gặp ông già ấy luôn mà chịu để ý nhận một chút, thì chỉ vền vền có một cái ghế gỗ và một cái chén gỗ to gần bằng cái lồng gỗ mít đóng oản của nhà chùa.

Mỗi buổi sớm, ông già ấy ngồi ở một cửa ô. Ông cụ không bỏ ngõ với một cửa ô nào cả, ô Chợ Dừa, ô Cầu

Giấy, ô Yên Phú, ô Quan Chương, ô Đống Mác, ô Cầu Rền, mỗi buổi mặt giời gần hừng, cửa ô nào đôi với ông già cũng đều là một cái quê hương trong chốc lát của mỗi ngày. Ông cụ đó là một đứa con nuông già nua hom hem của tất cả những cửa ô vào Kinh thành. Nhưng có một cửa ô ông cụ thích nhất: cửa ô Quan Chương. Mỗi buổi tinh mơ ngồi ở một cửa ô, đi hết một lượt thì lại lộn vòng lại. Nhưng đến cửa ô Quan Chương thì bao giờ ông cụ cũng đóng chỗ ở đấy liền hai buổi sáng để đón rượu, thứ rượu làm ở bên kia sông. Thứ rượu ngon cất ở tà ngạn sông Nhị, đưa qua bán bên đất Kinh đô, các cô gái vùng Bồ Đề bao giờ cũng ghé dò ngang đi vào lối cửa Quan Chương này.

Giời còn nhạt mặt người ông cụ đã đặt ghế gỗ xuống nền cạnh chân tường cửa ô, ngồi xuống đấy rồi bày ra trước mặt mình cái chén gỗ tùy thân. Ông già cử động rất trịnh trọng, mặt ngóng ra phía bờ sông lăm buổi sương mù dềnh dang mãi không chịu tan. Thấy có bóng nàc của quang gánh tiến lại cửa ô thì ông già bắt đầu xoa tay. Cả người ông cụ lúc bấy giờ là sự vui sướng hồn nhiên. Bốn cô hàng gánh rượu đã chọc thùng màn sương gần lướt qua mặt, ông lão dặng háng, gọi: "Có rượu ngon, cho lão mua vài cân", rồi ông lão liền đưa cái chén gỗ cho cô hàng rót đầy vào để nếm thử. Nếm xong, ông già kêu nhạt hoặc chê là khô, xua tay cho cô hàng đi. Buổi sớm mai đi hàng,

gặp người khách khó tính, cô hàng đành chịu vậy, lặng lẽ nhấc gánh đi nốt con đường vào kẻ chợ, lần mất vào mù sương. Ông già nhìn theo cô hàng móc túi lấy ra một cái đinh đóng thuyền chắm vào chén rượu mút đánh chut một cái rất gọn và làm tiếp mãi như thế. Trông rất ngon lành. Một cô hàng rượu, hai cô hàng rượu, dăm bảy cô hàng rượu đã qua đều đều. Mỗi cô là một chén gỗ rượu ném thử. Mỗi lần ném thử các thứ rượu cất các thứ nôi nấu khác nhau không phải trả tiền và nhắm bằng cái đinh đóng thuyền ấy, ông già lại khoan khoái nhìn theo những đám quang gánh xinh gọn kia nhòe biến vào sương khói dày đặc bên hữu sông như những nhân ảnh của một giấc chiêm bao thú vị chợt tỉnh là muốn nói lại ngay. Đến lúc ông già đã đủ chệnh choáng để giác quan thừa sức mà nhầm lộn về cuộc đời thực tại quanh mình, thì đám sương khói cũng vừa quét tan. Cửa ô Quan Chương đứng sững trước giới hừng đông. Cũng đã vừa cho bụng ấm rồi, ông già liền đứng dậy, cho chén gỗ vào túi và cắp ghế gỗ vào nách chập chững trên đường vào phố như trẻ mới tập đi. Những tia lửa đầu tiên của vừng hồng đuổi theo cái lưng còng một người say đang ra về đâu? Mấy ai đã rõ được cái chỗ nằm chết giấc của một người say! Và cả ngày cả tối ấy, đó phố phường có thấy mặt ông già này. Muốn tìm ông lão ấy, tìm để mà nhìn qua nhìn chơi cho biết thế thôi,

chứ còn ai dại gì tìm ông để làm làm ăn và chưa chắc ông cụ ấy đã chịu tính chuyện làm ăn gì với ai - thì lại cứ đầu canh năm, đi lục hết sáu cái cửa ô của Hà Nội. Bao giờ cũng chỉ có thế. Một cái chén gỗ lớn, một cái ghế gỗ con, phục sức chưa tã rách nhưng cũng đã quá tẩu tẩu, ông ngồi thu hình trên nền đất lạnh của buổi sớm tinh mơ, rình những gánh men lướt trong màn sương: dáng điệu lúc thì khuất nhục, ngôn ngữ lúc thì hóm hỉnh, chơi chơi thật thật cứ y như là tiên hiện hình xuống để thử lòng những người đi qua. Mỗi buổi sớm ở mỗi cửa ô, ông già đã lại ra ngồi bày hàng ở đấy để đánh thuế rất khéo vào những gánh hàng các cô bán rượu quẩy vào chợ tỉnh. Và ngày tháng của bậc lão tửu đồ ấy đi qua một cách rất nhàn đậm có như là giọt sương mới thấm rơi trên một cái chén gỗ nồng. Rồi có buổi, các cô gái bán rượu đều nhận rõ ông già nọ. Mỗi lúc đi hàng vào kẻ chợ, gặp cái người ngồi ghế gỗ và đưa chén gỗ đòi ném rượu, họ sững người ra mà kêu: "Thế ra lại cụ. Ở cửa ô nào cũng thấy cụ ném rượu. Lúc nào cũng cũng cụ. Cụ là cái chức gì ở Hà Nội mà ngày nào cũng phải đánh thuế vào lũ rượu chúng tôi? Thế này thì mấy lúc mà hết vốn chúng tôi, hả cụ tiên?". Buổi sớm mai đi hàng các cô gánh rượu không dám nói nặng với bất cứ ai trên ám mình, sợ rông buổi hàng, nên họ đã dùng những lời nhẹ nhàng như thế để vận lại một người có tuổi và

có cái tật cứ đi ném chằng rượu để rồi không bao giờ mua thật cả. Và có lẽ vì họ thấy ông khách không đứng đắn ấy tóc trắng râu trắng mặt trắng lông mày trắng mà họ trêu là ông tiên. Được thế ông tiên bèn xoay câu chuyện đùa gọi là xi xóa cái việc làm bậy của mình: “Lão nghèo, các cô buôn trăm bán nghìn, các cô tiếc chi lão một chén rượu ném. Nhưng lúc rơi vài đồng hàng, còn gấp mấy ngàn cái chén gỗ con con này ấy chứ. Đời các cô còn dài rồi còn tha hồ mà hưởng lộc giới. Lão không có con, không có vườn, lại không có rượu nữa thì lão buồn lắm. Lão sống cũng chẳng mấy nữa. Sự thiệt thòi và chịu khó của các cô cũng không đến nỗi lâu lắm đâu”. Thấy lời ông già quen ném rượu chằng kia có vẻ hữu lý và nghe nó cũng tội tội, từ bấy giờ họ nhận lấy việc mỗi buổi mai mỗi người cấp cho ông già đầy một chén gỗ rượu là việc dĩ nhiên. Rồi họ bèn đặt tên luôn cho cái ông già đánh thuế rượu một cách kỳ dị đó và gọi đùa là Bố Ô. Bố Ô, từ sau đó, đã thành một hình ảnh quen thuộc đối với họ. Bắt đầu mỗi ngày, chờ đò chợ bên sông sương, họ bàn tán về ông khách hàng nghèo và già của họ.

- Không rõ hôm nay, Bố Ô ngồi ở cửa nào? Có ngồi ở cửa ô Quan Chương để chị em mình cúng mỗi người một chén không?

- Mà này, có cái lạ là hôm nào gặp ông cụ ấy ném rượu là đất hàng ra phết nhá. Mặt giới độ con sào là

đã với cả hai đầu gánh. Các chị ấy cũng đều nhận thấy thế.

- Hay ông cụ ấy đúng là người Giời!

- Trông Bố Ô uống rượu ngon tẻ cứ ngọt xớt đi thôi. Chẳng bao giờ thấy nhăn như mọi người khác. Uống đẹp quá. Nếu tôi mà không neo vốn thì có buổi chợ, tôi dám đưa không cả gánh hàng cho Bố Ô ném đấy.

- Ông cụ uống, em trông thấy ngon lành và thêm thường quá. Minh cứ tưởng như đấy là đang uống nước đường. Có lẽ chuyến này em cũng tập uống và nghiện được rượu đấy.

Và về sau này, thân thuộc nhau quá, buổi đêm trước, lúc làm hàng chợ sớm sau, nhân nhà sẵn những be nậm sành con con, thậm chí có nhiều cô lại còn đóng sẵn một be nhỏ cho Bố Ô, để lúc gánh hàng qua cửa ô, sẽ dúi vào tay ông già, không phải dừng gánh lại nữa cho nó đỡ mất thêm thời giờ. Cái nghề buôn bán, thời giờ bao giờ cũng vẫn là phải quý hơn hết mọi thứ khác. Dúi nhiều be đựng sẵn rượu vào tay Bố Ô là cô Cốm người bên bãi Bồ Đề. Cô Cốm mồ côi cha mẹ và Bố Ô vốn có khổ người và nét mặt phảng phất giống cha mình, nên trong bọn bán rượu gánh, cô Cốm là người có thiện cảm nhiều với ông già. Riêng về phần ông già thì cũng chỉ có đối với cô Cốm là ông hay

lộ cái tính vui của ông và nhiều khi bằng giọng đùa cợt của bề trên - ông báo ban lắm điều hữu ích về lễ xuất xứ của một cô gái ngồi hàng ở chợ, một nơi mà người thì không biết là bao nhiêu đáng và của thì không rõ là bao nhiêu loài. Sớm nào, ông già gặp bọn người bên Bồ Đề thấy chợ là ông cũng hỏi thăm nhiều nhất về cô Cốm, nếu cô chậm gánh qua hoặc nghỉ buổi hàng để trông nom việc đồng áng. Kể đến một hồi, cô Cốm không thấy qua đồ ngang vào chợ tỉnh nữa. Có đến hai ba phiên chợ rồi chứ chẳng ít. Ông già hỏi ra thì mới rõ cô Cốm vừa bị vướng vào một chuyện hăm hiếp và không rõ tính mệnh và danh tiết cô giờ có còn được toàn không? Cậu Tư con quan Thượng mà cho lính bắt đi thì không phải là chuyện chơi. Cụ Thượng tuy là chính trực, nhưng cậu Tư vốn là cậu Ấm con quan về ngành thứ, thường hay ý thế cha để làm phiền nhiều chuyện bày giữa cả lúc ban ngày trong đám dân gian. Cậu có cái bệnh thêm sự gần đàn bà và hay cho lính vào lòng gái quê trong chợ, người nào coi chừng gòn gợn và sạch sẽ là bọn lính lôi luôn về phủ riêng của cậu. Cái thân người thôn nữ một vào đây thì mỗi ngày ở cái phủ đầy mùi dâm bôn ức hiếp ấy là như nghìn thu ở ngoài và nhiều cô gái bị hăm vào đấy thì tự coi là đánh cướp công đáng sinh thành rồi. Kêu oan cùng quan Thượng thì ông kiến làm gì

được to hòng và cửa hầu thêm một nổi là sâu như rốn bể.

Được tin cô Cốm gặp nạn, ông lão cũng biết vậy. Sớm tinh mơ hôm ấy, ông lạc quyền các cô hàng một số rượu gấp đôi mọi lần, đổ tất cả vào miệng, ngồi lìm đi ở cổng ô như một khối tượng đá. Chờ cho mặt trời thối tan hết mù mai vươn lên độ nửa con sào, ông lão bèn đi thẳng vào dinh quan Thượng, gạt phăng cả lính canh cổng ngoài và bắt chấp cả lũ lính hầu vòng trong. Chẳng rõ giáp mặt quan Thượng - quyền trấn một góc giới lấy đầu người trị hạ cứ dễ như bỡn - ông lão đã nói những câu gì. Đứng ngoài vòng dinh, mọi người chỉ nghe tiếng quan Thượng quát lính sao canh phòng không được nghiêm cẩn để giữa ban ngày có thích khách lén vào và ngài quát tả hữu trời tên giặc lại để chút nữa bêu đầu ngoài cổng tỉnh. Mọi người lại còn nghe tiếng ông già la hét om sòm giữa chốn thâm nghiêm. Không rõ người ta có làm gì ông già không, nhưng hôm sau ông già được thả ra. Mọi người thấy ông già được tha ra về, mới lấy làm vững lòng và ngay sau đó cô Cốm cũng được trả về cuộc đời cũ nơi thôn ổ.

Người ở kẻ chợ được biết tin này đều lấy làm thán phục cái người say rượu có tuổi vừa làm được việc lộng hiểm có hiệu quả. Chẳng rõ đấy là lòng can đảm nghĩa khí đã xui ông cứu cô hàng trẻ hay đấy chỉ là

cái sức phản động mãnh liệt dĩ nhiên của chứng rượu lúc lên tới cùng độ ở một người liễu mạng, nhưng đám đàn bà quang gánh trẩy rượu vào các cửa ô, từ bấy giờ, càng lấy làm quý Bố Ô không còn để vào đâu cho hết nữa. Họ càng lấy làm ngạc nhiên thêm là từ hôm xảy ra việc đại náo dinh quan Thượng thì cái ông già uống rượu chẳng mọi khi ấy, cũng biến mất. Ô, một người kỳ dị. Riêng cô Cóm thì càng lấy làm nghi nhiều quá. Ông cụ đi đâu? Sao vào những lúc này thì lại không ngồi ở cửa ô mà đưa cái chén gỗ ra để cho người ta và các chị em cùng đi hàng rớt vào đấy gấp năm gấp mười mọi khi! Mà tìm ông cụ thì tìm vào đâu? Muốn hỏi thăm thì hỏi vào ai?

Bỗng một buổi mai, lúc các cô đang quẩy gánh tiến vào cửa cổng ô thì từ trong màn sương hiện ra một đứa bé đầu còn để trái đào, một tay cắp cái hũ sành lớn bằng nửa người nó, một tay giơ ra một cái chén, miệng lấp bắp: “Bác tôi nói các cô đổ rượu vào đây cho đầy”. Và nó chìa luôn hũ cùng chén ra. Cả bọn gánh rượu, nhận ra cái chén gỗ quen thuộc, bèn reo to: “Bố Ô đây rồi!” và hỏi dồn đứa bé xem ông cụ giờ ở đâu và sao lại không ra đóng chỗ tại đây như mọi ngày. Đứa bé lắc đầu, trả lời là ông cụ bác nó giờ hai chân không đi được, người không đứng dậy được, cả ngày chỉ nằm bệt trên chõng tre, đã lâu không ăn uống gì, chỉ nói mê, mãi đêm qua mới tỉnh lại và dặn nó đưa

hũ chén ra chờ ở đây để xin rượu. Hỏi thêm về cân trang ông lão bí mật, đứa bé không biết thêm được điều gì nữa. Cả bọn gánh rượu càng thêm ngạc nhiên. Bàn qua loa, họ bèn vui lòng lờ một buổi chợ sáng để theo đứa bé tìm đến thăm ông già tại nhà.

Bây giờ họ mới có dịp biết nhà cửa Bố Ô. Đây là một cái túp nhà gianh dựng bên một ông đồng ở phía sau một nếp đình cổ. Đây một cái cổng cảnh tre gai, qua một mẩu sân con là vào đến nhà. Nhà rộng độ một gian, kê vền vện chỉ có một cái chông. Trên chông, Bố Ô nằm cứng đờ, chân tay duỗi thẳng. Một cỗ màn nhuộm nâu rử thông xuống trùm lên thân hình Bố Ô không khác gì một cái nhà táng. Trên tường đất, treo một bức tranh *Thập Điện Diêm Vương* có những màu đen tối của địa ngục tương phản với vàng chói của mũ quan tòa luận tội, với màu đỏ của lửa vạc và của máu tội nhân. Cạnh bức tranh cũ là mấy bức liên giấy viết bài *Tương Tiến Tửu* - mấy dòng trên bài phú bị rách nát mất đi thành thử bài phú lại mở đầu bằng câu: "Minh kính bi bạch phát, triều như thanh ty...". Trên tường đất sòng với tranh và liên là một cái nỏ Mán và một cái ống địch trúc Hồ quản. Tất cả chỉ có thế. Nồi quạnh hiu và cô đơn ở gian lều cỏ này, đến kẻ nghèo khổ nhất - dưới mực đĩa ăn mỳ một tí - cũng phải rùng mình vì nỗi đơn lạnh. Thấy các cô hàng rượu để ý ngắm cái nỏ Mán, đứa bé chỉ

ra phía bụi chuối ngoài hàng rào, trở vào một cái nồi bọng đất úp ngang lên đầu một cây tre cắt: “Ấy mọi khi còn đi lại được, mỗi buổi sớm bác tôi đi uống rượu - không biết ở những đâu - về là lấy nỏ Mán ra tập bắn vào cái nồi đất có vẽ mặt người đó. Phát nào đâm thủng con mắt vẽ vôi kia thì bác tôi lại mang ống trúc ra thổi một lúc rồi ngồi bưng mặt khóc cho tới lúc lặn mặt giới. Mỗi lần bắn thủng mắt ở nồi, thì lại thay nồi đất khác. Cả đêm không ngủ, mỗi lúc có tiếng gà gáy lại ngồi cười một mình trong bóng tối và tặc lưỡi thì với con mối trên vách, hoặc mang cái bát sứ xanh rộng miệng ra, - không biết bác tôi cất cái bát đó đâu rồi - lấy lòng bàn tay nhỏ nước bọt vào rồi vuốt nhanh vào lợi bát, uốn vòng lòng tay ướt theo đường tròn thành bát, tự nhiên cái bát kêu vo vo như sáo diều. Gần sáng thì lại ra đi, và lúc nào về cũng say mềm”. Ông lão tựa mình mạnh rung lá màn, rên hừ hừ. Đưa bé tắt câu chuyện. Thấy gọi đến nó, nó liền thưa:

- Thưa bác, có các cô hàng rượu đến nhà. - Ôi chào ôi. Quý hóa quá. Các cô lại còn nghĩ đến nghĩa rượu cũ mà tìm đến thăm lão nữa kia. Lâu lắm lão không được ra cửa ô. Nhà nước có dựng thêm cửa ô nào nữa không? Phải thêm cửa ô chứ! Ô, lại cả cô Cốm nữa đấy à? Cháu bé đưa chén gỗ ra xin ngay cô Cốm một chén đây cho bác.

Cô Cốm khom khom rót. Một chén. Bốn năm chén. Mười chén. Ba mươi chén. Chén nào Bố Ô cũng chỉ làm có một hơi. Nhanh và ngon như kẻ khát đường vớ được nước suối rừng, vục nón xuống mà múc lấy múc để. Và rượu vào đến đâu, là chân lông ông già lại đâm tuôn mồ hôi ra đến đấy, làm dâm dề cả vải gối. Nhiều dòng nước trắng cứ theo mỗi chân tóc mà tuôn mạnh ra. Hết cả hai đầu gánh cô Cốm mà Bố Ô còn gào rượu nữa. Rồi ông già bèn cười sảng sặc, nét mặt thất nhặn lại thanh âm càng rộn lạnh mãi lên - diện sắc lúc ấy chép đúng biến chuyển của mặt các bạo chúa lúc được đắc ý về những việc phá hoại báo ân báo oán vừa gây nên với sinh linh. Lũ hàng rượu sợ quá, không biết đứng ngồi ăn nói bấy giờ thế nào cho phải với chủ nhà.

Bố Ô mới thu nét cười bạo ngược lại, giọng trở nên ôn tồn van vãn:

- Lão đã tỉnh lại rồi. Bây giờ là buổi sáng hay buổi chiều các cô nhỉ? Hay lẽ trời đất đã đến lúc được trở nên vô thể rồi đây! Mà trông ra cứ mờ mờ nhân ảnh cả thế này. Tôi chẳng nhận rõ cô nào vào với cô nào cả. À, mà các người ơi, nay còn họp đông đủ mặt với nhau đây, lão muốn phiền các người hứa chắc với lão rằng từ nay sớm nào các người cũng ghé vào lều cỏ này, mỗi vị đổ vào cái hũ kia cho lão một chén đầy. Lão bây giờ nửa phần dưới thân hình tự nhiên dâm

trẻ hẳn đi, phải nằm bệt ở đây không lê người ra các cửa ô như mọi buổi sớm trước để ăn mỳ rượu các người nữa. Bây giờ lão không nuốt được miếng gì ăn gì cũng thổ ra hết và thiếu rượu thì bị chứng nôn khan, ruột gan đảo lộn cứ như có người sàng sẩy trong lòng mình. Bụng dạ lão chỉ còn chịu được cái chất ngũ cốc dầm trong nước men thôi. Các người gắng chia phiên nhau mà cấp nước đó cho lão đến ngày lão chết. Cũng chẳng lâu lại gì đâu. Khéo lắm là hết vụ xuân năm nay.

Miếng Bố Ô liu lại, bọt mép ông già phồng bong bóng lên, to như bọt giải ông kỉnh lúc say giấc. Tay Bố Ô phác họa trong khoảng không trước mặt vài cử chỉ đại nghịch, mắt đỏ rực những tia máu và con ngươi như muốn phọt ra ngoài. Bọn gánh rượu tưởng ông già hóa dại đến nơi, sóc gánh muốn ra đi ngay thì Bố Ô kêu to: "Rồi hãy đi. Tôi đã chết đâu. Đứng đấy mà xem. Thằng cháu tôi đâu? Mày đưa cây nỏ cho bác". Ông già với giạt cây nỏ khỏi tay đưa cháu, cong cánh tay lên và lồng khuỷu tay vào tầm dây nỏ, lấy gân căng dây. Gân mặt ông già hằn ọo lên những đường đau găng. Khuỷu tay căng dây mạnh quá, một bên cánh nỏ gãy đánh rắc một cái. Ông già cũng ngất người đi, nằm thiếp trên gối ướm. Chừng đưa cháu cũng được thấy bác nó thỉnh thoảng lại có con ngất người đi như thế, nên nó không lấy gì làm thằng thốt

và bảo luôn các người gánh rượu: “Thế này là bác tôi ngủ luôn có khi hai ba ngày và lúc dậy không có ăn gì cả. Chỉ có uống thôi. Và số rượu uống lại dùng tăng gấp bội số uống hàng ngày. Hình như có bao nhiêu, uống cũng cứ là thiếu. Vâng, các cô cứ rót rượu đầy vào hũ đó cho bác tôi. Vâng, tôi trông nom bác tôi quen rồi. Bác tôi không việc gì đâu”.

- Đám quang gánh rượu ra đi. Bố Ô vẫn lịm giắc.
- Đứa cháu lặng lẽ ngồi đánh cờ chân chó một trên nền đất trụi. Lúc nào đôi khát thì nó lại lẩn vào trong làng xin ăn xin uống những bà con trong họ chứ ở cái nhà Bố Ô này, lâu nay quanh năm, không có thổi nấu gì cả. Bố Ô đã không ăn cơm ăn cháo mà lại cũng không uống nước nữa. Cái người lạ ấy không bao giờ thấy đói và chỉ có biết khát thôi. Mỗi lúc tỉnh bữa rượu trước, thấy khát thì lại đem luôn rượu của bữa sau ra mà giải khát. Rất tiện. Cái bếp nhà ấy, giờ cỏ mọc um tùm, bó kín lấy mấy ông đầu rau lạnh. Ở đây không bao giờ có khói. Và cũng tịnh không bao giờ có lửa nữa. Tối đến chẳng cần lên đèn, chẳng cần chặn cổng - nhà còn có gì nữa mà sợ trộm - đứa cháu lẩn ênh ra ngủ. Trước khi đi ngủ, bao giờ nó cũng mắc một mũi dây vào đầu ngón chân cái nó và buộc một đầu khác vào tay ông bác, phòng lúc khuya khoắt, ông bác có cần đến nó thì cứ việc giật dây gọi. (Cái trò này sinh ra từ lúc ông già ấy trệ bại hẳn nửa người).

Tật cũ của Bố Ô ngày một thêm biến chứng. Có người biết việc ông già đại náo trong dinh Ông Lớn đầu tỉnh, ngờ bệnh hoạn của ông bây giờ là khởi nguồn từ ngày ấy. Biết đâu lúc bị cầm ở đấy hai hôm, người ta đã chẳng dùng đến ngón đòn âm mà hình phạt trả thù cái tính bộc trực của ông. Nhưng có người lại bảo rằng tất cả cái thảm kịch bây giờ của ông già chỉ là cái kết quả rất đau buồn của chứng rượu trả nợ cho rượu. Đây là bệnh rượu. Họ nói gọn thế.

Bệnh rượu ghê thực. Giờ nó đổi được cả diện mạo và thân hình Bố Ô. Ai là cố nhân của ông già, giờ gặp lại cũng không nhận được ra nữa. Mặt Bố Ô bị rượu chuốt theo hình một cái hũ - cái cằm dài ra đúng đường lượn của cổ hũ - bụng chứa uốn lên như dáng chèo và hai cái chân thoi thật là một đôi nậm: bắp đùi thu ngắn và bạnh phồng lên, ống chân thì thót ngắn dài mãi ra. Những đường cong, có bao nhiêu đường cong nơi thân thể con rượu là đều rập đúng những đường lượn của những đồ vật bằng sứ bằng thủy tinh vốn dùng vào việc đựng rượu xưa nay. Hai tay người uống rượu ấy trước kia còn cử động được để với một cái hũ, nghiêng rót nó ra chén rồi đưa vào miệng. Nay nó cũng theo cặp chân mà trệ nốt và cứ buông xuôi thế. Sự chết bắt đầu sống trong người Bố Ô. Ở khắp mình kẻ có tật nguyên kia, những thứ ung thư rất kỳ quái cũng bắt đầu phát ra. Nó to bằng quả trứng ngỗng. Có đến hàng chục cái trứng ngỗng nổi rõ trên

khấp thân thể. Lúc nó nung chín, nổ vỡ bọc ra; rồi theo sau...phì phì là một thứ nước trắng như sữa dừa. Quệt để vào mũi không thấy tanh. Chỉ thấy hăng sè. Nước cay ấy nhầy nhờn nơi lá màn, chần gối và áo quần. Lũ ruồi nhặng tường bờ đậu xuống đưa vòi ra hút phải là đều say ngất đi như bị thuốc mê cánh cụp lại và chân cẳng co ngửa lên gời rụng ngã xuống mặt chiếu. Đứa cháu vốn hay nghịch được một dịp lấy ngón tay gầy lủ trùng ấy lăn ra, vun chúng lại thành đồng rồi thả vào những cửa tổ kiến lửa ở chân tường. Cái thứ nước trắng nhờ ấy xông lên cay thực. Đến ngay đứa cháu, nhiều khi con người cũng xót chảy nước mắt ra, những khi nó phải đứng hầu cạnh lâu quá. Từ ngày ông bác nó lại trệ thêm cả hai tay nữa thì cái việc phục dịch ở nó cũng thêm phiền khó nhiều ra. Bác nó vốn không nói được nữa từ luôn với ngày không dùng được tay, nó bèn nghĩ sẵn ra một cách rất gọn để bác nó lên tiếng những lúc muốn nó đến hầu rượu. Đứa cháu mua ngay một cái còi đất cắm sẵn vào miệng ông bác. Lúc nào cần đến nó thì ông già liệť cả người kia chỉ việc thổi mạnh vài dịp là nó đã chạy vào. Đạo sau này, đứa cháu họ Bố Ô đâm buồn, càng đàn đúm đông dài tẻ. Nó bỏ nhà luôn, suốt ngày chơi quay đánh đáo ngoài sân đình, ít chịu ở bên cạnh người bác phế nhân. Lâu, khi ông già huýt còi đến ba bốn dịp nó mới chịu bỏ dở trò chơi với trẻ làng mà chạy về, hầu rượu xong một cái là nó lại tuồng ra đường ngay.

Trông đứa cháu bón rượu cho ông già tê liệt kia thì không còn ai ở đời này muốn nghiện rượu nữa. Thảm quá. Bố Ô huýt xong mấy dịp còi, mắt thao láo chờ đứa cháu, mũi thở phì phò, môi mồi mà không dám há miệng, sợ rơi mất còi mà nó chưa về thì làm thế nào mà gọi tiếp. Thành thử cả ngày đêm Bố Ô cứ phải ngậm còi liên miện. Bố chỉ rời cái còi ra khỏi miệng mỗi khi nào đứa cháu nghe hiệu chạy về đổ vào mồm cho vài chén rượu. Nuốt ực xong rượu, ông già mắt đã lim dim đứa cháu lại cầm lại cái còi vào miệng méo xong là nó lại đi ra sân đình ngay để khi nào còi hiệu thì nó mới lại chạy về, có ngày đến bốn lần. Trước, chỉ mỗi ngày một bữa rượu thôi. Vào hồi này, Bố Ô uống càng tợn. Đến cô Cốm mà cũng phải kêu lên là sự không vừa. Cô tưởng giá Bố Ô mà trường thọ mãi thì có ngày vốn của cô đi hàng cũng đến cạn hết. Mà chẳng lẽ lại đi nuốt lời hứa với một vị ân nhân mang tật!

Nhưng giờ đã thương cô Cốm và sớm gờ cho cô một lời nguyện. Bố Ô đã tận số vào cuối mùa xuân năm ấy. Bố Ô chết cháy.

Chả một hôm, không hiểu tại sao lại có tên dân cây nọ đem nùn rơm vào cái nhà lạnh vắng này mà thổi bùng lên để thắp một điều thuốc lão. Lửa ấy bắt ngay vào chăn màn quần áo của ông già Ô và thiêu luôn cả cái túp ấy ra gio. Ngọn lửa xanh lè vờn lấy mình ông già đang say mê. Xác Bố Ô nứt đến đâu

là mùi thịt thui ấy thơm lừng như mùi cá mực nướng bằng rượu không có chút gì là hôi khét cả. Và lúc mà lửa đã hoai xong cái xác kia thì cổ xương ấy bệch ra như thạch cao ải vụn ra trông trắng nhỏ không khác gì thứ bột để luyện những hòn men. Ngửi cái vụn xương vô tự ấy, lại còn thấy thơm và ngây ngất nữa, trong khi sờ tay vào thì thấy nó ấm như tinh bột men. Gần đông gio xương ấy, cái chén gỗ của Bố Ô dùng mọi ngày vẫn nguyên vẹn, không bị sém tí nào. Lửa chỉ trắng lên toàn thân chén một lần men khói bóng. Biết chén ấy có công dụng kỵ lửa, một người làng chuyên buôn đồ châu bảo bền nhứt về bán cho một bậc cự phú nọ lấy trăm nén bạc và chén đó sau tiện thành một bộ khay và lạc vào tay một vị Thái bộc mang theo luôn trong người để phòng việc hỏa hoạn.

Thời nhân, có kẻ rồi thời giờ, ngồi điều tra vụ chết cháy này, bảo rằng đích nhà Bố Ô phát hỏa vì lửa đã bắt đầu bén vào những khí rượu ở miệng mũi tửu đồ phì ra, ở những đồ dùng bằng vải của tửu đồ đã tẩm chất nước men khô đóng lại. Không khí túp gianh ấy nặng những hơi men như thế gặp được tia lửa nùn rơm làm gì mà chẳng cháy vèo. Có nước thác đổ cũng không cứu kịp.

(Rút ở tập Yêu Ngôn)
Am Sông Tô 23-2-43

ĐÓI - ROI

(Truyện ngắn)

Một đêm giao thừa nọ, chúng quỷ sắp y ước mà vút xói oản vào đất mình, Phật mới hiện ra mà bảo rằng: “Đấy là Hậu thân của con”.

Ân Ngũ Tuyên
Kính Sám Hối

Cái ông khách đứng tuổi đến chơi uống nước nhà bác Téch Già chi tiền châu hát tất niên hôm kia nhìn theo một người gầy ốm mặc áo vành tô vừa ra khỏi cửa, hát hăm hoi nhà chủ:

- Tôi trông cái bác vừa vào bán roi châu cho bà đây có vẻ mặt quen lắm. Hình như tôi đã có gặp ở những đâu đây.

Sau một giây lát suy nghĩ và dè dặt, bác Téch Già:

- Dạ thưa đấy là cậu Đái.

- Đái nào? Cậu Ấm Đái con cụ Bố Nam ấy à?

- Vâng chính là cậu Đới đấy ạ. Tên cậu, chữ Đái cứ theo lời mấy cụ nhà Nho hay xuống hát ở đây giảng ra thì là đẹp lắm - đâu là cái đái hay cái dải mũ gì ấy - nhưng tất cả chị em trong giáo phường đều gọi chệch đi là Đới.

Ông khách mỉm cười. Rồi liền nhắc đến một đoạn tình sử cũ thuộc Ấm Đới:

- Tôi còn nhớ ngày trước cậu yêu cô Tám - cái cô Tám ở Ấp ấy mà - say như điệu đổ. Hồi ấy người ta còn có cái thói là cứ được nằm giường Hồng Công thì mới cho là giàu sang kia. Cậu bèn về nhà đánh lừa vị trưởng họ mở nhà thờ, làm thế nào mà thó ngay được bộ chén ngọc liệu, đem bán đất bán rế đi sắm giường Hồng Công để Tám ngủ cho đỡ đau lưng.

Chủ nhà hát nguyệt ông khách:

- Ông cũng hay nhớ những cái chuyện nhảm quái ấy nhỉ. Tôi tưởng chỉ có chị em chúng tôi trong giáo phường là biết thôi.

- Bà đừng nên tưởng như thế. Bởi vì tiếng lành đồn đã xa mà tiếng dữ đồn thì lại càng xa lắm. Với lại những người đi chơi hay tọc mạch như bọn tôi thì cái gì mà lại không biết. Để tôi kể chuyện tiếp về cái bộ chén. À, cái bộ chén ngọc liệu ấy đâu bán cho cái

chú Khách đứng chủ hiệu cao lâu Nhật Tân được gần ngàn bạc. Cậu Đới liền sắm giường cho tỉnh và còn bao nhiêu thì uống sâm banh dần với tỉnh... Thú lắm. Nhưng trong họ cậu, có tí hơi phiền phiền. Là mỗi lần có giỗ họ, tổ tiên, những ngày chính kỵ và tiên thường, không có cái gì khéo khéo để uống một chén nước cúng cho ngon.

- Bây giờ cậu Đới khổ lắm ạ. Tài tình như thế mà hóa ra hão huyền. Giờ sống bằng nghề chuốt roi châu và vót gọng ô nan hoa xe đạp làm tiêm bán cho các tiệm.

Đứng lên ông khách vẫn giữ cái giọng đùa:

- Ra cái người đi chơi xóm lúc xuống cũng chóng quá bà nhỉ. Thôi về bà ạ. Qua năm, có lẽ đến giữa giêng, tôi mới xuống ăn cuốn được ở đây với bà.

Một buổi chiều giáp tết, nhẩn nha ngoài đường nghĩ về chuyện cậu Đới, lòng ông khách đi chi tiền hát cũ ra về, giờ mới thấy ngậm ngùi cho cuộc sống của làng chơi lúc xế chiều, tiền hết sức khỏe hết, cái tài hoa còn giữ lại được thì cũng chỉ là thừa. Ông nghĩ hộ cho người, ông nghĩ luôn thể về riêng ông. Ông thấy rằng ca và nhạc và cái thanh cái sắc ở người đàn bà là thú thực đấy, nhưng đã có bao giờ những cái ấy có thể trở nên một cái bền tốt cho một đời sống của tình cảm. Ở đây gió giời chùa hay giời mặt, nước nông mà

lại hay có sóng ngầm. Qua Cổng Trắng, một đợt gió tàn năm tạt ngang tai. Ông khách rung mình. Một tiếng đàn bà trẻ gọi giật lại:

- Này, vào tôi hỏi cái đã.

Cô Nhân! Ông khách ghé vào nhà cô đào Nhân.

- Lạnh quá Nhân ạ. Gió phố ta lạnh quá.

- Đời bọn tôi còn lạnh bằng vạn cái gió ngoài đường ấy... Qua năm anh xuống hát mở hàng cho Nhân nhé. Anh xuống đốt cho em một bánh pháo để mừng cho cái đời có chồng của Nhân lại được ngán bớt đi một đoạn nữa nhé.

Người đàn ông từ chối, viện cớ để không mở quá mứt đầu năm; người đàn bà nói lại rằng một người vừa lạnh đến nhường ấy thì cứ phải xuống "Vớt lại đầu năm, ai cũng thế, khai hoa, rồi mới khai bút anh ạ. Sau đó, có làm gì thì mới làm. Anh vốn là người hiểu biết nhiều". Lòng cái ông khách chơi vừa se lại cách đây mấy phút, giờ lại mở toang. Ông cười hà hà như một người được đời sống cho mình có rất nhiều tiền để đem tiền ra mà cười với mọi người. Ông nhận nhờ hát mở hàng nhà Nhân.

Một kẻ đói rách khúm núm tiến vào. Lại vẫn lại cái người mặc áo vành tồ bán roi chầu ban nấy tại nhà bà Téch Già.

- Bà mua cho một trăm. Hai bó này là đủ một trăm roi.

Rất tử tế, cô Nhân mở xác gửi người bán roi ba đồng, không đếm số roi ở hai bộ xem thiếu hay đủ và cất nghĩa về phía ông khách:

- Bác Đới là chỗ quen. Nhà vẫn còn nhiều roi. Có đến hàng chục ông thâu khoán tới đây đánh trống cho giãn gân cốt tay cũng không gãy hết được. Nhưng tôi cũng cứ mua để bác Đới lấy tiền tiêu tết. Bác vẫn ở trong ngô Liên Hoa đấy chứ? Bác xem hễ lúc nào cô Hường hàng xóm dọn đi thì bảo tôi ngay, để cậu lý nó và các cháu vào trong ở kẻo ngoài này chật lắm. Độ này, cứ hai ba cháu một đêm là thường.

Ông khách vui tay rút một cây ra khỏi bó roi vừa mua. Ông thử roi vào mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống; thân roi uốn ngửa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo. Bác Đới tiến gần lại:

- Dạ thưa đây là gỗ ruồi.

Ông khách lại uốn đến cái roi khác ở bó thứ hai. Roi mới uốn được có một chút đường cong thì kêu đánh rắc, gãy đôi.

- Thế cái này hẳn là gỗ găng?

- Dạ bẩm ông tinh lắm. Gỗ ruồi thì dẻo bền hơn. Nhưng thường bán ra, tôi vẫn đưa một nửa ruồi và

một nửa găng. Được cái các bà các cô ở xóm vốn có bụng thương nên đều vui lòng nhận như thế cả. Với lại các ông tính, chúng tôi làm nghề chuốt roi chầu mà đánh đến một nghìn bài Thét Nhạc rồi mà đòi một cái roi bán ra ấy vẫn cứ lành vện thì chúng tôi sống thế nào được, nếu không liệu thay nghề đi.

Ông khách gật gật, cười hóm hỉnh:

- Nhưng ngộ tôi muốn có một cái rất bền có thể dùng hết đời mình và lại còn truyền đến đời đứa con tôi sau này nữa mà không gãy thì liệu bác có cái nào không?

- Dạ ông đùa kẻ hèn mọn này hay là ông nói thực?

- Tôi nói thực đấy.

- Dạ thế ông cứ ngồi đây, tôi về nhà lấy đem ra. Ông uống tàn ấm trà với bà Nhẫn thì tôi ra đây.

Người bán roi đi rồi, chủ nhà nói chuyện về người bán roi:

- Anh có biết rõ về cậu Đới này không? Hát từ hồi còn Hàng Giấy kia đấy. Độ chị tôi dọn trên ấy cậu thường đến phá luôn. Tôi còn bé bằng này. Giờ thì cực lắm. Bán roi chầu cho mấy xóm. Nên gọi là Đới - Roi. Này, tài hoa lắm nhé. Cậu ta mà đánh ba tiếng trống gọi rất tròn rất đỉnh đặc thì đến bà cụ Trưởng Bảy đang ngủ cũng phải chồm dậy mà ra xóc phách.

Những lúc say đùa mà cậu nhại lối hát Ấp thì cứ bò ra mà cười. Lại đánh được cả đàn đay nữa. Giá chịu khó uốn nắn thêm ít tiếng nữa thì ghim đàn đay được rồi đấy. Chúng tôi thỉnh thoảng có khuyên cậu nên xoay tài ra mà làm kép còn hơn là chuốt roi thì cậu kêu rằng giờ cậu rất lấy làm sợ những tiếng tơ tiếng trúc và nếu có tập thêm để đàn quanh đây thì rồi lại cũng chỉ đến thành một anh kép một để mà đắc tội thêm với tổ, nên cậu không muốn. Chữ nghĩa như thế mà không thành một cái danh phận gì thì cũng uống và cũng tội. Cái bài *Tỳ Bà* chữ, chữ viết lối triện treo trên gác là chữ bác Đới - Roi đấy. Chị tôi cho mượn treo đến hai năm nay và giờ tôi có ý chiếm hản. Người vậy mà hay khải lắm đấy nhá. Cô Vy - Đồng - Bồng mê lắm. Mà xem cậu Đới thì hình như cứ làm như không biết ấy. Thế có lạ không?

- Vy nào? Hay là Vy lấy cái lão người Cự Đà mà nó cứ gọi là Mật-Thủ-Lợn ấy phải không?

- Chính. Tính con bé cũng ngang lắm. Nên mấy lần dọn nhà hát đều sập cả và giờ thì chỉ đi hát mảnh thôi. Khỏi người chấp chơi. Mà nó vẫn gan.

Đới-Roi đã lên về, xách một cái túi vóc lam đựng đôi roi châu. Ông khách xem qua, biết ngay là thứ roi quý. Một cây bằng gỗ Khổng, một cây bằng gỗ Nguyệt Quế. Roi gỗ Khổng khắc cả một bài *Hữu Sở Tự* chữ lệ và riêng mấy câu "Mỹ nhân hể mỹ nhân - Bất chi vị

mộ vũ hê vi chiêu vân - Tương tự nhất dạ..." thì viết theo lối hành thư. Roi gõ Nguyệt Quế khắc một câu Thiên Thai : "Thanh đài bạch thạch dĩ thành trần". Đều là nét khắc của cậu Dời cả. Ông khách lấy làm đắc ý lắm, ngắm mãi và uốn mãi, luôn tay thử mãi vào mặt trống.

- Tôi phải lấy hai cây này. Bao nhiêu?

- Cái đó tùy ông. Tôi giờ thất thế, có giữ thì cũng chẳng dùng đến nào. Nhưng ông cũng chỉ nên lấy một cây thôi. Con cây có khắc câu Thiên Thai tôi giữ lại làm kỷ niệm.

Ông khách là người biết điều, đưa ba chục, lấy cây roi Sở Hữu Tư.

Lúc tỉnh rượu, giờ Tết lúc ấy áng chừng độ năm giờ. Ngoài ngõ, vẫn mưa phùn. Dời - Roi vào nhà trong tìm không thấy Vy đâu cả. Con sen vừa đi đâu về đưa ra một bì thư. Thư rằng "Anh Dời ơi, em phải yêu anh...".

Dời - Roi ngồi lặng người đi. Lời thư quyết liệt lắm.

- Mợ con dặn khi nào ông dậy thì nói là mợ con phải đi hát mảnh hát đầu năm. Một mảnh chúc thọ dưới Ấp và một mảnh mở cửa hiệu trên Hàng Ngang. Mợ con dặn đun nước hạt mùi để ông tắm. Và tối thì mợ con về cùng đi ăn với ông.

Dời - Roi gật. Mặt người bán roi lại nghiêm trang và xa vắng hơn cũ. Thế này thì ra Vy nó muốn lấy

mình và đêm nay là một tối tân hôn của nhau đây. Vy nó thương một anh bán roi không muốn cho anh bán roi phải khổ nữa! Đói - Roi hút hết ba xu thuốc lão. Miệng Đói - Roi cười ra chua chất và mắt thì ướt dần. Từ lúc sa sút, chưa khi nào chàng thấy bận lòng hơn phút này. Đói - Roi hiểu Vy thương mình lắm. Nhưng gắn cái thân mình vào đời Vy chàng thấy là buộc một quả chì vào đời người ta để rồi mà chịu ơn đời đời. Mà từ sau phút này, từ chối Vy nữa, chàng thấy sống là một sự hết cả vui. Mà nếu không lấy người tri kỷ thì lấy ai? Mà cứ đi chuốt roi mãi như thế này, tết ấy qua tết khác, sống bằng sự thương hại của một giáo phường thì cũng là một điều hờ. Đói - Roi vừa nghĩ ra được một việc rất hay phải làm ngay, không thì chẳng có lúc nào làm được. Đêm ấy, không để một chữ gì cho Vy, gọi là đáp đền nhau một cái tri ngộ, Đói - Roi đã men ra phía Cổng Trắng treo cổ lên ngành tre bên dòng nước tù.

Và rồi càng về sau này, cái người trai không vợ ấy đã thành một ông mãnh rất thiêng thương hiện ra để quấy những nhà chủ cô đào ở Khâm Thiên dám vô lễ với vong hồn mình vẫn oán kết gần quanh kỹ viện. Nhiều nhà hát, những đêm không có khách, đã khóa trái cửa gác rồi mà vẫn cứ nghe thấy có tiếng đánh trống trên đầu. Cúng thì lại hết.

LỬA NỀN TRONG TRANH

(Truyện ngắn)

Tên thực ông Tây già chủ đồn điền ấy là Rê-Bít-Xê. Nhưng người mình đã Đông phương hóa cái tên ông Rê-Bít-Xê từ hồi ông còn là quan cai trị xứ này. Trước khi được về hưu để vợ đồn điền giống cà phê ở hai vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, ông Rê-Bít-Xê đã làm chức công Sứ ở nhiều tỉnh Trung Bắc lương kỳ và, sự thực, cái tên Rê-Bít-Xê được hóa chệch ra là Lê Bích Xa là từ cái hồi ông Tây đó bắt đầu lĩnh chức Đại Pháp Lưu Trú Quan ở tỉnh Quảng Ngãi. Quan Tuần vũ Quảng Ngãi là là người hoàn toàn cự học, mỗi lần có giấy má gì ở bên tỉnh đưa sang tòa mà không có tính cách công văn lăm, lại viết lên đầu thư riêng: “Lê Bích Xa Công Sứ đại nhân...” Quan Tuần lấy làm thú lắm. Chữ Lê Bích Xa, nghe nó Tầu lăm, không còn tí gì là Tây nữa. Và chẳng ngại không có chút nào là dính với cái học mới nên chữ “Rê” mà đọc ra “Lê” nghe nó cũng tiện lợi: ngại và thuộc hạ phải

cái bệnh là không uốn được tác lưới. Cho nên mỗi lần có quan Công Sứ nào mới đổi đến mà tên có vần “r” là vần tên ấy sẽ biến cả ra là Lê hoặc La, Li, Lô, Lư, vân vân. Có lẽ cũng vì thế mà đại danh quan nguyên Toàn Quyền Rôbin đã biến thành Lỗ Bình đại thần.

Nhưng mà chúng ta nên trở lại với cụ Tây đồn điền Rê-Bít-Xê nguyên là Lê Bích Xa Công Sứ đại nhân. Và muốn tránh sự bỡ ngỡ của chúng ta mỗi khi đọc những ngoại âm, trong truyện này, vai chính của chúng ta sẽ được mãi là Lê Bích Xa.

Vậy thì cụ Lê Bích Xa là một vị chí sĩ làm đồn cà phê vùng Hoài Hoan. Cụ Lê doanh ấp lập trại ở đấy từ bao giờ thì không rõ nhưng những gốc cà phê thấy đã to lắm, Cụ đã cho trẩy hạt bán ra ngoài không biết đến mấy vụ rồi. Vị hừ quan đó giờ là một lái buôn chính hiệu và thỉnh thoảng lại cho lộ ra cái cốt tài tử của mình những lúc chơi tranh xem tranh hoặc bày tranh. Cụ Lê không vẽ tranh, nhưng cụ buôn tranh. Hình như tôi đã quên không nói ngay ở đầu rằng cụ Lê Bích Xa là một người buôn tranh cổ. Nhiều bức lạ lắm. Đã đành là đẹp. Nhưng nhiều bức quái lắm, quái lạ như là trò phù thủy dính vào ấy. Nhiều người được cụ lấy tinh thần cho xem những bức tranh cổ - những bức quý như thế, cụ Lê ít khi cho bày ra chỗ công chúng thành hẳn một cuộc triển lãm-, lúc trở ra đều ngỡ ngác ít nhiều và cụ Lê là một người có ảo thuật

hoặc không thì cái người vẽ tranh cổ đó cũng là một ảo thuật gia.

Nhà riêng ông Tây già Lê Bích Xa nhiều tranh quá. Người ta phải tưởng đấy là một nhà bảo tàng chứa tranh Tàu. Tiền của mỗi vụ cà phê thu về rất nhiều nhưng chủ nhân đều cho đi mua tranh hết...

Người ta ngờ việc mở đồn điền của vị Tây già này chỉ là một cái cớ và mục đích muốn đạt được thì phải là một bảo tàng viện cổ họa Trung Quốc kia.

Cụ Lê Bích Xa có dùng một vị Tây lai trẻ tên là Dăng để giúp cụ những lúc soạn tranh tìm tranh. Có người lại bảo cậu Dăng này ngày trước có làm phóng viên trường Báo Cổ Viễn Đông. Cái điều chắc chắn nhất là cậu Dăng người rất ít tuổi nhưng sức học nặng lắm. Không rõ cậu học môn khảo cổ từ bao giờ mà môn học so sánh của cậu sâu rộng đến nỗi các niên hiệu, các tên vua lịch triều bất kể nước nào và tên các nghệ sĩ bất kể thời nào xứ nào, cậu nhớ vanh vách rồi, thì là kê khai so sánh, suy luận. Giá có viết ra thì thành từng pho sách được đấy. Ở, người cận thành ra là cả Đông Tây Cổ Kim rồi còn gì nữa. Suốt một vùng Nghệ Tĩnh ai cũng biết cậu Dăng. Nhưng họ chỉ biết đấy là một người Tây lai hạnh kiểm rất khá, không có gì là mất nét, bao giờ cũng nhớ đến mẫu hệ, rất có hiếu đối với mẹ với người bên quê ngoại, thường

vẫn lấy lễ ra mà xử. Dân gian gần đó chỉ biết về cậu Dăng có bấy nhiêu thôi, chứ thực không rõ một tí gì về cái tài đọc tranh và cái sức đi tìm tranh của cậu ở khắp vùng quê Bắc kỳ.

Một lần ấy cụ Lê Bích Xa gọi cậu Dăng lên buồng riêng và sau một tuần cà phê đặc có chế rượu rôm:

- Nay Dăng, có lẽ cũng nên sắp mà đi Hưng Yên đi thôi. Về chuyện cái bức tranh *Hàn Kỳ* ấy mà. Hình như có một lần vào rừng săn hươu, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe rồi. Lúc ấy đang cùng mãi tìm lốt chân hươu, cậu có nghe và nhớ không? Nhưng tôi cũng cứ kể lại. Nguyên hồi tôi còn ở chức Chủ hiến vùng Hưng Yên, có một người Chánh tổng huyện Ân Thi đem dâng tôi một bức tranh để gỡ mình khỏi một vụ án hình. Hồi đó tôi còn quý cái lương tâm nhà nghề lắm. Và lại lúc ấy còn trai khỏe, tôi chưa để bụng vào chỗ chơi đồ cổ. Tôi bèn đuổi lão Chánh tổng đó đi và và dọa bỏ tù nó thêm về cái tội đòi hồi lộ thượng quan. Cái thằng cha táo bạo thế? Bây giờ tôi mới biết bức tranh đó là quý. Nó vẽ một ông Tướng già đang ngồi xem sách đèn trong quân trướng. Trên án sách có một ngọn nến cháy trên đế son. Góc phải bên án, có vẽ một thanh bảo kiếm tuốt trần ghếch lên cái hộp tướng án. Trông thì bừa thiêu lắm. Lựa bồi đã bong rách và lòng tranh nhiều góc gián đã nhám nhieu. Nhưng mà tranh đó... (nói đến đây, Lê Bích Xa ngừng

lại, top thêm một ngum rôm, đôi mắt già sáng bùng lên bao nhiêu là thèm muốn)...nhưng mà tranh đó, cái chỗ quý giá thì không biết thế nào mà nói cho hết được. Mua được về rồi con mắt người Mỹ mà nhìn thấy là chúng ta sẽ có một cái cơ nghiệp để hưởng chung, Dăng ạ. Tôi tin rằng cậu và tôi, bao giờ cũng sống gần nhau mãi mãi. Tôi rất tin và yêu cậu như là con. Rồi dần dà tôi sẽ truyền hết cho Dăng những cái sở đắc của tôi về cái bí thuật tìm tranh cổ.

Sớm ngày sau, dân hàng ấp đã đánh sẵn xe ngựa cho cậu Dăng xuôi tỉnh để đón tàu ra Bắc - xe ô tô, tài xế ồm nặng. Cậu Dăng đánh thức cụ Lê Bích Xa dậy.

- Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ.

Cụ Lê dụi mắt ngáp:

- Hôm qua tôi uống nhiều quá. Có lẽ gần chai rôm. Ít khi cao hứng như thế.

- Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ.

- À, tốt lắm. Đi đi.

Cụ Lê rút ở tủ két con thóc vào mặt tường, phía trên thành đầu giường một cuốn sổ in, ký vào một tờ vẽ hoa rêu, lẳng nhằng và xé đưa cho Dăng:

- Tạt vào nhà Đông Pháp ngân hàng Hà Nội mà lấy tiền. Đi Hưng Yên lấy tranh xong rồi tiện đường,

sang luôn bên Cổ Am hỏi xem dân làng đã chịu bán hay chưa, cũng cứ đưa cho dân làng trước một nghìn bạc cho họ tiêu chơi. Mà phải lấy dấu Lý trưởng và cả một vài chữ ký của bộ lão nữa nhá. Thôi, đi cho được nhanh chóng. Tôi ngủ lại, có lẽ chiều hôm mới dậy.

Cụ Lê Bích Xa ngáp, vươn vai. Thấy Dăng vẫn còn ngán ngủ, cụ tưởng là cụ đã hiểu một điều gì, bèn cười:

- Cái séc ấy, bốn mươi ngàn phật - lăng, cha tướng là thừa thãi lắm chứ còn gì nữa. Một nghìn đồng đưa cho dân bên Cổ Am và còn ba ngàn đồng thì mua bức tranh. Có lẽ mua tranh, đến ba ngàn đồng, cũng là nhiều lắm rồi.

- Không phải thế. Tôi muốn ông cho tôi cái địa chỉ của người Chánh tổng có tranh đó kia.

- Tôi cũng không nhớ là về làng tổng nào và tên người đó tôi làm thế nào mà nhớ lại được. Vả lại tôi tưởng một người như Dăng thì có cần gì phải hỏi kỹ đến như thế mới tìm đến được nhà người ta. Cậu làm như xưa nay chưa bao giờ thuộc lầu địa dư hàng tỉnh của xứ Bắc ấy.

Cụ cười. Cậu Dăng cũng cười theo. Cụ Lê Bích Xa chìa tay ra, lắc mạnh tay Dăng: "Thôi đi cho tốt" rồi chui luôn vào chăn.

Ngoài công đồn điền tiếng móng ngựa, dịp nhạc và sắt vòng bánh thừa và bé dần.

Sau đó độ dầm hôm, dân vùng Ba Tổng Lè ở Hưng Yên nhao nhao lên với nhau rằng hình như có quan Doan về sục rượu lậu. Có người lên mặt thông tào lại thì thầm rằng đó là quan Tây khảo cổ về đào mả Tàu đấy chứ. Cái việc Dăng về một làng vùng Ân Thi tìm mua tranh, đã là một việc náo động cả cuộc đời an nhàn cần cù và bình dị của đám dân quê. Người ta sợ sệt lo lắng cũng mất đến một ngày tròn. Mãi sau ông Lý sờ tại mới cắt nghĩa rằng đấy là quan Tây về mua cái bức tranh quái gì của cụ Chánh Thuận “đâu giả những mấy nghìn bạc” thì cả làng mới thờ đánh phào một cái và lại cấy cuộc gánh gồng được như cũ.

Cậu Tây Dăng mà tìm đúng được nhà cụ Chánh Thuận kể cũng tài thật. Thì ra đối với những người đi tìm vật báu trên đời thật không có cái gì là khó là không làm được cả. Có thể thôi, chứ đâu có đến thiên nan, họ cũng chẳng coi là mùi gì. Về những cái gay go trên con đường tìm đồ cổ, đâu có lần Dăng đã có nói chuyện đến những cái vất vả lúc vào tụy đạo dưới mặt đất đất Ai Cập để tìm vào lăng tẩm các vua Pha-Ra-Ông.

Đứng trước bức tranh cổ của cụ Chánh Thuận vừa cho treo lên cây cột mẹ gỗ mít giữa nhà thờ, Dăng

ngắm mãi và ngờ ngợ. Lòng tranh thì cũ xưa mà lần vóc bồi thì tươi sáng.

- Tranh này, hình như tiên sinh mới cho bồi lại.

- Dạ bẩm quan, có thể. Mới bồi độ dăm năm nay. Vì nó đã nát lắm rồi.

Dăng trầm ngâm trước tranh, cố tìm cái quý giá trong những nét vẽ đã gần bay hết đường bút lông. Cậu ngắm mãi hình người trong lòng bức tranh trung đường. Cậu chỉ thấy nét mặt ông Tương Hàn Kỳ là tươi đẹp quắc thước. Chỉ có thể thôi. Nét chỗ khỏe, chỗ mềm dẻo tài tình. Nhưng chẳng nhẽ cả giá trị bức cổ họa lại chỉ có thế? Đã gọi là vẽ thì họa sỹ nào hẳn cũng phải vẽ đến được như thế. Phải có những cái gì khác thế nữa kia chứ! Thì cụ Lê Bích Xa mới chịu trả ba nghìn đồng và tỏ lòng thèm muốn như đi mua ngọc biết nói. Cụ Lê Bích Xa, về môn cổ họa, Dăng đã phải tôn lên làm bậc thầy học mình kia mà. Cái tài học ấy, Dăng đã được báỉ phục về cái lần đó cụ Lê giảng cho Dăng về màu phẩm huyền ảo của những bức tranh đám sơn môn bên Tây Tạng.

Dăng đứng rồi Dăng lại ngồi. Sau khi đặt cái ghế bành hương vào bức tranh cách tranh độ ba thước để “quan” - Dăng ngồi thẩm tranh, cái ông cụ Chánh Thuận, cả một buổi sớm ấy cũng mất cả công ăn việc làm, và chỉ biết có nín thít mà ngồi túc trực đó xem

người mua tranh có cần dùng hỏi han gì không. Cái ông Tây trẻ đó cũng là lạ. Ngồi suốt một buổi, bên cạnh cụ Chánh Thuận, ông không nói lấy một câu. Ông chỉ có vòng tay trước ngực, ngồi đực ra và dán chặt mắt vào tranh. Ông hút không biết bao nhiêu là thuốc lá. Tàn tro và mẩu đầu thuốc dưới chân vị Tây trẻ, đã đùn lên thành một đống rác. Ông lim dim mắt, nhìn bức họa qua vờn khói, say sưa và thắc mắc và có lúc nét mặt người trẻ ấy xa vắng như khuôn mặt một nhà sư già nhập thiền lúc tĩnh tọa. Dăng càng ngắm tranh, càng thấy mình bất tài. Chàng ngần ngừ, lúc đứng dậy cầm ví đếm tiền, chàng có ý không muốn trao nó cho ông Chánh Thuận. Không phải Dăng có ý tiếc tiền, dầu rằng cái tiền ấy không hẳn của mình lấy may. Từ đi vào con đường khảo cổ, Dăng đã được dùng tiền nhiều gấp bao nhiêu ngàn ấy kia. Có khi chỉ đổi lấy một mảnh sứ vỡ, Dăng cũng đã bỏ ra một số tiền bằng tiền mua một nếp nhà lầu rồi kia mà.

Nhưng thôi, lời thầy đã dạy như thế, Dăng chỉ có biết tuân theo, Dăng đưa đủ số cho ông Chánh Thuận và lên đường về linh mệnh cụ Lê Bích Xa.

Cụ Lê Bích Xa đã nhận được điện tín của Dăng trước ngày về, đem tranh về. Cụ liền soạn sẵn một bữa tiệc lớn cho riêng chỉ có hai người: cụ và Dăng. Và đám dân đồn điền đều lấy làm lạ về việc cụ cho họ nghỉ luôn những ba ngày luôn mà vẫn cứ cho ăn

cả lương. Không những thế, họ lại còn được chủ đồn điền ban cho gạo thịt, rượu, cà phê và đường; cứ bốn người một chai rượu và tám người một kilô cà phê. Người bảo rằng hay là cụ Lê Bích Xa lại ăn mừng sinh nhật. Nhưng có kẻ thông thuộc việc nhà ông chủ, lại nói rằng lễ sinh nhật mọi năm thường làm vào giữa mùa lạnh kia mà. Có đâu một người trong một năm lại ăn những hai lễ sinh nhật mình. Cả đồn điền cà phê xao xuyến - Cụ Lê Bích Xa vui.

Cái buồng riêng của cụ Lê Bích Xa đã được kê dọn lại. Cụ cho cất bớt đi rất nhiều thứ. Mọi khi gian buồng này, không mấy ai được vào. Thân tín đến như Dăng mà đâu cũng chỉ được để chân tới vền vền hai lần. Đây đã gần như một nơi chính tẩm một ngôi đền. Đấy chứa rất nhiều của lạ trên thế gian thuộc về đủ các loại. Những kỷ niệm lữ hành. Những vật quý tích trữ được, sưu tầm được. Linh rinh quá. Và có nhiều vuu vật bé chỉ bằng khuy áo mà nói đến là y như là cơ man tiền bạc. Mỗi vật đều có trước sổ theo thứ tự phân loại, kê khai vào một cuốn sổ và được chụp ảnh lại dán riêng vào một cuốn an bom, dưới mỗi ảnh đều có cước chú hình dáng cân lượng màu sắc, và cả tên tuổi những vị tiền chủ các vật đó. Thật là cả một cuốn sổ căn cước, một sổ bộ lý lịch. Thường mọi ngày, cụ Lê Bích Xa, mỗi đêm vào phòng này, đều phục sức rất trang nghiêm, tay cầm nến rơi vào từng vật, dáng đi

chậm chạp thành kính; đứng ngoài nhìn cái bóng chậm yếu ấy cử động dè dặt, ta tưởng đây là một kẻ tu hành đang thắp kính làm một lễ dâng hương vào những giờ u tịch của đêm Ấp.

Dăng đã đưa bức cổ họa về. Bàn tiệc đã bày sẵn. Lê Bích Xa không cho Dăng có thời giờ đi thay quần áo và tắm gội, cụ liền nâng mừng Dăng một cốc uyết-cây tây trần và đòi xem ngay tranh. Tường đã đóng sẵn một cái đỉnh mới. Cái đỉnh ấy chờ bức tranh cổ đã từ mấy bữa nay. Hai thầy trò loay hoay mắc lên đấy. Ngồi đối diện bức họa xưa thướt tha trên nền tường, sự chăm chú của Lê Bích Xa bị nghi ngờ tràn mãi vào. Lòng hoài nghi ấy càng tăng thêm mãi. Kính tuổi, có khi đeo hai ba kính chồng lên nhau. Đến lúc mà cụ đi gần lại tranh rọi kính hiển vi lên nền lụa củ một hồi lâu xong rồi, cụ quay lại Dăng và chậm rãi:

- Hồng mất rồi Dăng ạ.

- Thừa thầy tranh này vừa bồi lại. Họ cũng nói thế.

- Chính vậy, họ đánh tháo mất ruột tranh rồi. Chúng ta bị lừa to rồi.

- Thầy muốn nói đây, không phải là nguyên bản bức tranh? Đây chỉ là một bản sao bức cổ họa.

Cụ Lê Bích Xa không trả lời. Mặt người sư tử thâm đồ cổ có những nét chìm đường nổi của suy nghĩ và thương tiếc. 'Lại cho người ra Ba Tổng Lê đòi lại tiền lão Chánh Thuận? Mấy ngàn bạc, tuy là một số tiền to tròn đấy, nhưng đòi lại để mà làm gì. Cái đáng giữ lấy, đâu có phải là tiền. Bức tranh cổ kia chứ. Rủi bị tranh giả, Lê Bích Xa chỉ hận tiếc mình đã chẳng có duyên với vật báu, giờ biết nó lạc vào đâu mà săn tìm. Người đã biết chơi cái ruột tranh xưa đó, hẳn không vì vàng bạc mà thuận nhường lại cho, vì có biết mà tìm đến cầu thân.

Một đêm ròng ấy, chủ không ngủ.

Ông già ngồi đối diện bức tranh có đèn măng sông ba trăm nến soi tỏ. Ánh sáng mạnh và xanh trong càng làm tỏ thêm những thờ dài tiếp thêm của chủ Ấp không ngủ.

Ngày sau, Dăng lên buồng thỉnh an thấy và hỏi cụ Lê Bích Xa xem giờ nên xử trí ra sao với bức tranh bị đánh tráo và chàng xin chuộc lại lỗi bất tài vô học sơ suất của mình bằng sự bỏ tiền ra đền lại cho cụ, nếu Chánh Thuận manh tâm không hoàn lại mấy ngàn đồng.

- Thấy bắt đền con mà làm gì. Thấy cũng không đến nỗi nghèo thiếu. Và bị mua nhầm tranh này, lỗi cũng không hẳn tại con cả. Vì cái học lực xem cổ họa

của con, dấu sao cũng chưa vào được mực cao đẳng. Mà lúc con đi lấy tranh, thì thấy lại không dặn kỹ về cách thử. Ai biết đâu rằng trong thế giới chơi tranh lại cũng có người quái quỷ như mình. Kẻ kia đánh tháo ruột tranh, thực cũng là người có mắt tinh đời, đáng nên gần lắm.

- Có lẽ người ấy là tên khách bồi tranh.

- Rất có thể

- Con muốn được nghe thầy giảng cho về cái quý giá của bức họa.

- Thầy sắp nói đến mà. Con hãy ngồi xuống đã. Uống đi. Và cũng không nên tiếc nữa. Vô ích. Thế gian còn vô khối cái khéo cái quý. Chỉ sợ mình không có mắt xanh đôi với những vật có bề ngoài của vô hồn. Chỉ sợ mình kém đức để được làm bạn với vật báu thôi, con à.

Cụ Lê Bích Xa từ tốn đặt xuống bàn một bộ đồ hút thuốc lá chưa quấn, lấy ở giá điều ra hai cổ pip, đưa cho Dăng một. Mùi thuốc thơm ở hai ống điều tỏa khói lẩn. Nước bọt chốc chốc chảy từ họng điều xuống tàn lửa mỗi thuốc, đánh dấu thời khắc qua bằng những tiếng xèo xèo gọi cảm. Lê Bích Xa đứng lên đi mấy vòng, bắt đầu giảng về bức cổ họa Trung Quốc, giọng đĩnh đạc trong trẻo. Buồng người chủ Ấp có

tuổi, phút đã trở nên một giảng đường mà Dăng là một thanh niên chăm chú.

- Con có biết tác phẩm này là của ai không? À của Lô Hường Diên người tỉnh Mân - cái tỉnh Trung Quốc nổi tiếng về môn hội họa quái ảo, hẳn con đã tường! Như con trông thấy đó, tranh vẽ một ông Tướng và một ngọn nến cháy soi xuống một cuốn sách mở của ông lão Tướng. Tất cả giá trị huyền ảo của tranh là thu vào ngọn nến. Ngọn nến ấy, nếu cha đánh diêm châm vào thì nến sẽ cháy sáng như một ngọn nến của cuộc đời thật tại chúng ta. Con hãy cứ bình tĩnh ngồi xuống mà nghe cha nói tiếp. Cha nói cái gì nhỉ? À nếu châm lửa vào đầu nến đó của tranh thì tranh sẽ sáng bừng lên. Và, chỉ có nến cháy thôi, chứ tranh vẫn âm u nguyên vẹn; lửa nến sáng vẫn không làm hại gì đến đời vật chất của tranh. Muốn cho tranh trở lại về bình thường của tranh thì chỉ có thổi tắt phụt ngọn nến đi thôi.

- Thưa cha, con đi vào con đường cổ họa Trung Quốc kể cũng đã lâu ngày nhưng chưa từng nghe chứ không nói đến sự thấy nữa - tới những việc quái dị như vậy.

- Dăng, con hãy đứng lên ghé kia, đánh hộ cha một que diêm và châm ngay vào đầu nến tranh.

Tranh tự nhiên sáng bừng lên. Nền bức dần sức sáng, soi xuống trang sách và khuôn mặt hồng hào vị tướng già quắc thước ngồi trong lòng cổ họa. Giá lúc này, lửa nền là lay ngọn đi một chút theo với tí giao động của phòng khách đây thì Dăng đã tưởng Tướng Hàn Kỳ ngồi kia là người của cuộc đời này và đang là một vị quý khách ngoài thời gian của chủ Ấp đây. Dăng lùi mãi ra xa, nhõn tuyến bị sự hiển linh của trang sáng chi phối. Chàng dụi mắt. Giữa không khí kinh ngạc kinh sợ thẳm lặng đem lại bởi quái ảo, giọng cụ Lê Bích Xa cũng phào phào xa vắng như từ một thế giới nào gửi về - Lựa vẽ tranh, nguyên có những hai lượt. Vì còn cả cái ruột tranh không bị người cở mắt tinh đời nào đó lấy mất, thì ngọn nền sáng của chúng ta cháy mãi mãi. Ta có thể treo mãi tranh này trong nhà, dùng ngọn nền này mà chơi thay đèn, đêm đêm thắp lên. Nhưng uống quá, chúng ta chỉ còn có một lần lựa ngoài của bức tranh nên sự thần diệu này chỉ có được trong giây lát thôi. Thắp lâu nữa thì cháy luôn cả tranh mất. Con lại chịu khó đứng lên ghé thối tắt nền tranh đi rồi cha sẽ giảng tiếp về cái bí thuật của lối họa xưa tỉnh Mân này.

Nền tranh tắt. Phòng giảm hẳn sức sáng - cái cây bạch lạp nơi tranh lúc sáng tỏ, sức sáng vốn ngang bằng một ngọn măng - sông nhỏ. Mùi cà phê tỏa trong sáng dịu của phòng lặng.

- Lỗ Hường Diên vốn là một họa sĩ nổi tiếng về môn vẽ và lại kiêm cả khoa thôi miên nữa (Tinh Mân vốn lại là quê hương của môn Hư linh học). Cứ chỗ thầy biết thì lúc tạo nên bức tranh này, Lỗ đã phải đi hành hương mãi vào vùng Ma Thiên Nhân để tìm nguyên liệu như chất lân tinh và diêm sinh ở những mỏ hoang gần đấy - Núi Ma Thiên Nhân, vốn là đất cổ chiến trường - và chất thạch nhung ở đáy lòng sông Bộc Lý. Con cũng thừa biết công dụng hóa học của mấy loài khoáng này. Lân và diêm sinh thì cháy sáng và thạch nhung thì không cháy, mặc dầu bỏ thẳng vào lửa. Lựa vẽ tranh, dẹt bằng tờ loài sơn tằm đánh sẵn lại với thạch nhung cán nhỏ ra. Vẽ đến ngọn nến, họa sĩ dùng chất lân và diêm Ma Thiên Nhân trộn lẫn với thuốc vẽ. Vẽ xong, họa sĩ thôi miên vào đầu ngọn nến. Đây là ruột tranh. Cái lẫn trong. Lẫn lựa vẽ ngoài, chỉ là cái lượt hoa mỹ của màu sắc và hình vẽ phủ lên để giữ vững cái cốt kỳ diệu ở trong. Tranh cổ lâu ngày, lượt lựa ngoài cũng hấp thụ được cái thần diệu của cốt trong. Và thắp vào ngọn nến ngoài cũng có cháy. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc thôi.

- Thừa cha, những lối hiểm hóc này của môn hội họa, cha sở đắc được ở nguồn khảo cứu nào? Sách, không có nói đến.

Cụ Lê Bích Xa sẽ cười mỉm không trả lời thẳng vào câu hỏi của Đăng. Cụ kể sang một chuyện khác:

- Cái lối vẽ lấy chất lân trộn vào thuốc để điểm ngọn lửa tranh và lấy thạch nhung để làm nền tranh, đâu còn có cái bức vẽ tích "Phục Nữ Thổ Thù" cũng gần như thế. Nguyên tranh này diễn lại việc nàng Phục Hy Nga đọc cho Thượng thư lệnh Triều Thổ đòi Hán chép lại những lời của lữ sách bị mất đi về đời Tần Thuỷ Hoàng phần Thuê khanh nho. Lúc Phục Hy Nga đọc cho Triều Thổ ngồi chép, bên án sách có hai người quỳ nâng đèn lồng soi sáng trang sách. Ấy lửa đèn lồng, cũng điểm theo cái thuật ấy. Nhưng không rõ tranh tích sau này có phải là sản phẩm của Tỉnh Mân không.

Cụ Lê Bích Xa ngừng một hồi lâu rồi bàn với Dăng:

- Bây giờ cha nghĩ thế này. Là cũng không đòi tiền cái lão Chánh tổng ấy nữa. Và cũng không giữ tranh này để chơi riêng nữa. Cha sẽ tổ chức một buổi nói chuyện về cổ họa Tàu và đem đàn cử luân tranh Hàn Kỳ này ra và châm lửa nền thí nghiệm ngay cho công chúng xem. Sẽ làm một tiệc trà tại Câu lạc bộ Pháp Việt ở Vinh. Mời cả thân hào và những bất cứ là ai người Pháp người Nam có cảm tình với Nghệ thuật. Của báu, có khi cũng không nên giữ lấy một mình. Cha sẽ phi bức tranh cổ đó, đốt cháy cho thiên hạ đây xem chơi.

Tại tiệc trà đi kèm vào buổi nói chuyện về tranh Tầu tổ chức ở Vinh, công chúng Việt vền vện có năm người. Bất chấp cả cái thiếu số đáng là một cái cơ để hoàn lại ngày nói chuyện, cụ Lê Bích Xa vẫn bình tĩnh giảng về cổ họa học Trung Hoa và cứ cho châm ngọn lửa nện trong bức tranh ba nghìn đồng của mình treo ở tường câu lạc bộ. Lửa nện cháy, nhiều người trầm trồ cảm động. Phép kỳ diệu đó chỉ đứng được có hai mươi phút nghĩa là bức tranh đã cháy ra gio trước khi diễn giả nói đến câu cuối cùng của đề chuyện mình.

Lúc ra về, bằng một giọng trào lộng, ông già phàn nàn với Dăng:

- Cha đã hy sinh bức tranh một cách không được xứng đáng. Ra người ở địa phương này họ chỉ biết quý có những cái học thiết thực quá, - thiết thực nghĩa là có ích lắm - đến nỗi gần như dừng dừng với Nghệ Thuật.

Sự thiên này cũng là do cái bệnh ngu bướng mà ra. Họ phải chịu lấy sự hình phạt nặng nhất là suốt đời chỉ là những người thô tục. Thật cũng không nên tiếc.

LOẠN ÂM

(Truyện ngắn)

Ông Kinh Lịch họ Trịnh quán làng Phú Giang tỉnh Đông, ở chức tại tỉnh Bắc, được cáo đình gián về quê giữ tang mẹ mới có chưa đầy một năm, lòng bận vô cùng, phần vì việc triều chính đổi mới, phần vì việc nhà lạc gần hết thói cũ. Thường đêm - nhất là bắt đầu vào tiết hè này - ông thức rất khuya chong một ngọn đèn thổ hà, làm khuấy bụng mình bằng những lời sách của người ngày trước. Cuốn sách in bản gỗ bìa đánh cây gáy gấn sơn, có khi quá canh ba vẫn chưa chịu rời tay ông Kinh Trịnh. Một đêm, nằm giữa sân, ngả mình trên trường kỷ tre, nằm ngửa mặt lên nền trời rất cao và rất trong gắt để luyện thêm về khoa chiêm tinh, ông Kinh bất chợt nghĩ thấy một mùi khen khét rất lạ trong không khí. Không phân rõ là mùi gì, nhưng linh khiếu bảo ông nên đi vào nhà đi chứ không nên kéo dài việc nằm ở ngoài giờ độc nữa. Ông thấy các lỗ chân lông khắp mình như mở rộng

hơn lúc thường để đón lấy những đợt gió gầy gầy lạnh. Bầu trời sáng cao khi này bắt đầu tỏa sương và trở nên thấp tức. Giữa ngày hè, sương! Mà lại sương có chất mặn, thế có biến không? Ông Kinh liếm mép khô, chắc lưỡi, đi vào nhà đóng cửa. Trong nhà càng lạ nữa. Nồng lên một mùi khói chổi sể và khói đốt rác. Mùi lan buồn sách của ông bật đi đâu mất cả. Ông chạy lại án sách, thì hai giò Chu Mặc Lan vẫn còn tươi nơi ống bút. Ông định gầy một lư trầm và pha một ấm nước. Xuống bếp định gọi đứa tiểu bộc dóm lò than thì ra nó bỏ nhà đi đâu từ bao giờ, cửa cổng mở toang. Và cùng phút nghỉ ngơi này, từ các lối xóm dồn về không biết bao nhiêu là tiếng chó sủa vang. Ông Kinh chặn cổng rất kỹ, lòng nghĩ đến những tai biến có thể đang xảy ra giữa nhà ông và quanh nhà ông. Dưới ngọn đèn khuya, ông thao thức không ngủ. Đọc sách, chữ không vào, mà đêm thì còn dài. Nguy hiểm nhất là lúc khuya vắng, đọc sách mà chữ thánh hiền không chịu vào. Cái lòng người có chữ, lúc ấy đã là biến lắm. Ông Kinh biết lấy gì mà thức? Mà ngủ ngay được? Ông đành nằm đếm suông những dịp ngắn dịp dài tiếng một đục khoét lòng chiếc cái gỗ sơn son đỡ cái bát nhang thờ trên cái tin áp tường. Có tiếng sột soạt khô nỏ và cứ cách quãng một. Lắm lúc tiếng ấy lại đều đều như tiếng lá khô bị gió ru chạy trên mặt đường nỏ. Soi đèn tìm mãi, thì ra đấy là một con mối vừa dớp được một con gián, nuốt chưa hết - lớp cánh

gián còn xòe tung ngoài miệng - và quạt mãi cánh gián đập vào nền giấy một bức tứ bình mép rách cong cứng lên. Ngoài ngõ đưa vào tiếng bụi tre già cọ mình vào nhau, tiếng kêu kéo kẹt y như tiếng nước xiết vùn thừng cọc mái chèo một con thuyền mỗi chầm nghỉ ở bến nước khuya. Hình ảnh một con thuyền nghỉ nơi bến thường hiện lên luôn luôn trong đầu ông Kinh - một người làm quan sống một đời lãnh hoạn và chỉ thêm được lùi hẳn về nghỉ với vườn quê hương.

Đêm vắng噪 lắm. Ông Kinh lại như nghe thấy tiếng sáo lúc xa lúc gần. Ấy là tiếng sáo thiên nhiên của bụi tre già ngoài ngõ. Chả bụi tre già bị kiến đục nhiều lỗ thủng trên từng đốt tốp cần, mỗi đợt gió lùa qua bấy nhiêu lỗ thủng suốt, mỗi lỗ lại vang lên một âm thanh cao cấp khác nhau và bụi tre già đã là một cây phong cầm vang âm trong gió đêm tiết hạ. Mọi ngày vui vẻ trong lòng, ngà ngà mấy chén rượu thuốc, nghe điệu sáo bụi tre ngõ nhà, ông Kinh lấy làm thú và ví nó với một khúc địch Thiên Thai. Nhưng lòng ông Kinh giờ này tràn ngập những ngờ sợ, ông chỉ thấy tiếng gió lùa qua lỗ tre là một thứ thanh âm đủ những cung bậc quái đản của một thứ nhạc huyền bí tấu từ một thế giới u linh nào lạc về. Thêm vào ngón sáo ma quái ấy, ngoài hiên, đợt gió lả lay mỗi lúc đổi chiều lại ru cái ống bơ sắt văng vào thành cong nước đầy. Cái ống bơ nổi lênh bênh trên mặt nước vại bị

gió xô quanh thành ang sành có những tiếng rụt rè lên lút. Đêm quanh hiu lẻ bóng, nghe mà thêm gợn. Nghe nó cứ như ma mức nước trộm và nghịch cái gáo ấy. Ông Kinh muốn tìm pho *Kinh Dịch* ra đọc để trấn vững lòng mình. Ông nghĩ thế thôi, chứ chưa kịp trở dậy lấy sách thì mi mắt đã thấy nặng. Ông mệt quá, muốn thiếp đi.

Bỗng hai cánh cửa lùa từ từ mở rộng, gió ùa dần vào. Ông Kinh ngẩn mình dậy rất nhanh như một người có nghề võ tự vệ lúc ngờ có ai định xúc phạm vào thân thể mình. Rất rõ rệt, có hai người linh áo dẫu nếp đỏ, đầu đội nón sơn, hiện hình trong khung cửa. Họ từ tốn bước vào, cung kính đặt giữa bàn một khay lễ vật rất xinh và cúi đầu nói qua vào trong lá màn ông Kinh:

- Thưa ngài, Ông Lớn chúng con hành hạt qua vùng đây, có chút lễ vật truyền cho chúng con đưa đến hầu ngài. Ông Lớn chúng con có lẽ sắp tới bây giờ.

Ông Kinh không rõ là Ông Lớn nào, lòng phân vân mà tay thì đã với áo dài thâm mặc vào mình. Vừa quán xong mấy vòng khăn rồi thì quý khách đã bước vào. Ấy là một vị thượng quan, bằng trạc tuổi mình, mặt tròn và đen và không râu không ria, đầu đội mũ đuôi cá, chân đi hia, mình mặc áo bào xanh cánh hạc đỏ - lưng và ngực thêu một con giao long đen, dát bạc.

Cứ phẩm phục ấy, thực ông Kinh cũng chưa thấy có vị quan cả nào ở Triều đình thế gian này như vậy. Vị quý khách và ông Kinh vẫn vòng tay kính cẩn, hai bên lặng nhìn nhau trong lạ lùng và lễ độ. Sau cùng, ông Kinh chợt nhớ chưa mời khách ngồi, vội kéo ghế và tạ lỗi:

- Tôi vốn là một chức tiểu lại của Triều đình vừa cáo đình gián về cư tang mẹ được hơn năm nay. Tính lại vốn quen với việc thôn ổ, ít khi được đi tới những chốn tử các lệ viên. Nay Quan Lớn lại không hiềm nhà gianh vách đất mà giảng lâm lúc khuya khoắt, ắt hẳn có điều chỉ giáo.

Bây giờ vị quan áo bào xanh mới lên tiếng, giọng sang sảng như chuông đồng:

- Anh quên em rồi à? Chỗ anh em trong nhà cả, anh xưng hô làm gì như thế cho nó cách biệt ra. Quan là quan với chỗ âm phủ và chỗ dương gian có việc thôi chứ, còn riêng đối với anh thì em đâu dám thế.

Ông Kinh Trịnh lại càng không hiểu, gương đôi mắt nhìn không chớp, trong sự ngỡ ngàng giờ lại pha thêm ít e sợ.

- Quan Lớn có thương yêu kẻ thôn dã áo vải này được điều gì trong đức hạnh liêm cần hoặc trong tính tình cao khiết mà giảng lâm để luận đàm đôi chút về lời chư sự chư hiền nói cổ thư vào lúc tịnh vắng đây

thì kẻ thất phu tôi xin được hầu chuyện và kẻ cũng đã là may lắm rồi. Còn như chuyện Quan Lớn nhận cho là có tình ruột thịt thì trong họ tôi đây, cả bên nội lẫn bên ngoại, thực cũng ít người có chữ mà được điều hiển đạt. Xin Quan Lớn nghĩ lại, e có điều nhầm lẫn chăng?

Vị quan áo bào xanh cả cười.

- Anh để em nói thêm. Anh em cách biệt nhau đã mấy chục năm và lại âm dương cách biệt - em giờ làm quan dưới âm - anh không nhận được ra em là phải lắm. Số là em vốn học trò cụ Đắc. Hồi còn nhỏ em vẫn được hầu điều đóm thầy. Anh tức là thế huynh của em. Được cùng anh học chung đèn đến lớp đại tập thì em chẳng may không được làm người nữa. Em rất tiếc rằng không được học nốt năm ấy để làm rạng cửa thầy. Thầy vốn thương em như thương anh và tin em sao cũng lấy được ít ra là cái Cử nhân về cho thầy. Em chết xuống dưới âm ty, Diêm Vương nhận ra em là oan uổng và thấy tư chất thông minh, lại thêm có sĩ hạnh, nên cho em làm quan luôn dưới ấy, giữ về việc kiếu lương đạo lộ. Một đôi năm, những lúc có việc đại công tác, thiếu phu phen lính tráng để hưng công hoặc trùng tu đình đài miếu võ và đường sá thì lại cho em lộn về dương thế tuyển lính và bắt phu. Như năm nay chẳng hạn. Năm nay dưới âm em mở rộng đoạn đường nối từ bến đò U Minh đến Quán Cháo Lú, thiếu

phu đầu đất, nên em lại được lệnh trở lên đây bắt phu. Công việc đem đủ người xuống phải làm cho xong trong vụ hè này. Phần việc của em nặng lắm. Chậm trễ sơ suất, sẽ bị khiển trách to. Nói qua để anh biết rằng sự giao thông ở dưới âm giờ bận rộn lắm. Các oan hồn thác xuống nhiều quá, không tiêu tan hết, chừa vào ngục tối thì không có quyền, nên ngày đêm họ nhan nhản trên đường. Nên năm nào, cũng phải tu sửa và mở thêm.

Vậy ra cái anh khóa Lương - ông Kinh Trịnh nhớ ra rồi. Ông nhớ cả cái tật hay ăn khoai lang sống của người bạn đồng song đáng yêu của cha mình - vậy ra khóa Lương giờ làm quan dưới âm, có áo bào xanh và lĩnh áo nẹp đỏ đứng vòng tay hầu sau lưng. Ông Kinh Trịnh hơi rùng mình khi hiểu rằng giờ người bạn học cũ lĩnh chức Quan Ôn và cử học này, quanh vùng đang có bệnh dịch tả phát hiện. Giữa lúc ấy, tiếng chó các lối xóm sủa vang lại dội về inh ỏi.

Vị Quan Ôn ngược nhìn hai tên lĩnh và truyền khẽ:

- Bay ra truyền cho quân đội trong hàng ngũ quanh ta hãy nghỉ tay làm việc, chớ làm kinh động làng quan Kinh đây vội. Nói Ông còn dở tí chuyện với Quan Lớn đây. Khi nào Ông xong câu chuyện, sẽ hay, nghe.

Hai tên linh linh mệnh đi ra. Vị Quan Ôn bèn nâng khỏi lòng khay lễ vật lấy ra hai vật xinh xinh và nói với ông Kinh:

- Thừa thế huynh, em ăn mày được ít chữ của thầy và gần gũi được cái đức của thầy, nay được xuống làm quan dưới ấy. Làm quan nơi xa và là chỗ quanh năm lạnh lẽo, quà các đũa được lên, gọi là có mấy vật mọn này, xin thế huynh nhận hộ em thực lấy làm vạn hạnh.

Đó là một cái nghiên bút bằng đá đen và một cái thủy tri cầm bút nho cũng bằng đá đen. Vị Quan Ôn chỉ lấy thứ văn phòng tứ hữu đó, nói tiếp:

- Thứ đá làm nghiên và làm thủy tri này lấy ở lòng sông Hắc Thủy. Nó có cái đức tinh là ướt quanh năm. Chẳng cần cho nước mà lúc nào mài mực cũng được, chẳng cần đổ nước mà lúc nào cầm bút vào, ngòi cũng mềm dẻo.

Ông Kinh Trịnh còn do dự chưa biết nên nhận vật tặng hoặc viện lễ từ chối thì vị Quan Ôn lại rút thêm ở trong túi ra một cuốn sổ con mở đưa cho ông Kinh, tay bấm sẵn vào chỗ trang có tiêu tên làng Phú Giang quê ông Kinh lên đầu số mục.

- Công việc em làm năm nay, riêng về vùng Hải Dương này, phải bắt cho đủ một nghìn phu. Sẽ lần lượt đi qua khắp các làng mà nhật phu, nhật được đến

dâu sẽ có áp tải quán đưa về dưới ấy trước. Làng ta, tức là ở vào chặng thứ ba nơi chương trình tuyển phu của em và phải cung mất...mất - anh cho em mượn lại cuốn sổ em quên mất rồi - ừ, phải mất chín mươi nhăm tên phu, kể cả già trẻ đàn bà con trai. Em đưa trình thế huynh xem kỹ sổ này. Tên tuổi, nghề nghiệp và quê quán mỗi phu đình bắt đưa xuống đều có ghi rõ cả, không thua gì một cuốn sổ bộ trên thế giới anh. Vậy anh nhận cho kỹ tên họ từng người và tìm xem trong sổ đó, có ai là ân nhân riêng của thế huynh, hoặc người trong họ gần họ xa hoặc những người mà thế huynh biết là hay tu nhân tích đức làm đình chùa xây cầu quán và hay tô tượng đúc chuông thì xin thế huynh kê riêng ra mảnh giấy này. Em sẽ liệu cách châm chước. Nghĩa là sẽ lại để nguyên cho họ làm người. Và số phu thiếu hụt ở làng ta, em sẽ cho quân đi bắt ở các làng quanh mà điền vào cho đủ.

Ông Kinh chăm chú đọc hết tên những người làng mình bị bắt đi phu xuống âm phủ vào cử vụ dịch tả năm nay. Đến lúc này thì nét mặt ông bình thản vô cùng. Đây là việc Giời. Việc số mệnh. Ông vẫn giữ nguyên được vẻ điềm đạm của nhà Nho, mặc dầu ông vừa thấy rõ sổ tên và tuổi đưa tiểu bặc của ông. Nó mười sáu tuổi. Thấy ông Kinh đọc đến hai ba lượt trong sổ rồi mà không nói gì, vị Quan Ôn bèn giục:

- Thế nào, ý thế huynh ra sao, xin cho biết, để tôi còn liệu chằm chước. Cũng nên định cho chong chóng đi. Thời giờ của em ngồi được với anh, không thể dènh dàng ra được. Vào thăm anh thế này cũng là đủ lắm rồi. Để em còn cho đám tùy tùng họ lĩnh mệnh mà làm việc rồi còn trở xuống làng dưới. Quân án mãi ngoài ngò đã lâu cũng bất tiện. Vả chẳng đêm đã gần nhạt. Canh đã gần cuối tư rồi. Xin thế huynh nhất định đi cho. Có thể để sống lại cho làng anh chừng hai mươi kiếp phu. Nhiều hơn số đó, em không dám nhận.

Ông Kinh mới thùng thảng:

- Thưa Quan Lớn, trong cái đời liêm chính của tôi, chưa lúc nào tôi có làm điều gì khuất tất trong lòng. Nay Quan Lớn hành hạt qua đây, lại nghĩ đến cái tình đồng song cũ và thứ nhất có nghĩ đến cha tôi mà vào chơi, thế là quý lắm rồi. Việc Quan Lớn gia ơn cho làng Phú Giang này, tôi rất thâm tạ, nhưng thực không dám xin cho ai. Xin Quan Lớn cứ thừa thiên mà hành đạo. Việc sống chết của chung quanh tôi, xin Quan Lớn cứ phải mà làm và người áo vải này không dám nói thêm vào lấy nửa lời.

Sắc mặt vị Quan Ôn bỗng tái hẳn đi. Sự giận dỗi quả đã là rõ rệt.

Thế huynh thực phụ bụng tôi nhiều quá. Lòng cố nhân ngay thẳng quá, điều đó thực là đáng quý.

Nhưng từ sau phút này chia tay, lộn về dưới âm, bụng tôi không đành chút nào. Và như thế này tức là thế huynh không muốn cho tôi lui tới cửa nhà thầy nữa đây.

- Tôi đâu có dám nghĩ như thế. Tôi sợ dĩ không nhận xin sống cho một ai ở làng đây vì sợ điều này sẽ biến thành một chuyện ầm nặc có thể gây lụy cho Quan Lớn lúc thừa hành công vụ. Để tỏ rõ lòng tôi vẫn có chỗ quyến luyến với tình đồng song cũ, tôi xin nhận cái nghiên bút và bình thủy tri đá đen và trân trọng tưởng nhớ mỗi khi dùng đến.

- Vậy anh cứ nhất định không xin cho một tên phụ nào? Cái thế tôi có thể làm được thì mới dám nói.

Nói xong vị Quan Ôn định rũ áo ra đi. Ông Kinh nể lời bèn lấy móng tay nhọn gạc sang bên chỗ tên tuổi đưa tiểu bộc hầu mình.

- Vậy thì xin Quan Lớn tha phúc cho tên này. Nó mới có mười sáu tuổi. Nó cũng lanh lẹn. Nhà vốn lại neo người. Mất nó hầu, kể cũng hơi bận. Và đâu trong họ nhà nó, nó lại là con một.

- Một tên ấy thôi?

- Tưởng như thế cũng là đủ rồi. Cố nhân gia ơn cho mà không nhận thì thật là lỗi với đạo bằng hữu.

Vị Quan Ôn mỉm cười, xin cáo biệt. Ông Kinh vừa tiến ra đến sân thì thấy biến mất. Trống canh chòi phủ phía trên điểm bốn tiếng. Ông Kinh lộn vào, lòng nghĩ ngợi liên miên. Chuyện gì mà như chiêm bao. Ông đang ngấm nghiên mực đen, thì từ lối xóm dưới, chó sủa không ngớt tiếng và lại có tiếng người nhón nhao chạy qua lối ngõ nữa. Mà hình như có ai mở cổng. Tên tiểu bộc đã hốt hải chạy vào, mặt cắt không ra giọt tiết. Nó nói ngay nghe chữ được chữ không:

- Ghê quá, ông ạ. Làng ta chuyển này bị bắt phu nhiều quá. Các quan và lính tráng đóng chặt cả đình làng. Con chắc kỳ nước năm nay rồi sẽ lên to lắm và các quan tuyển sẵn người để đi đê vụ nước sắp tới đây.

Thì ra tên tiểu bộc vẫn chưa hiểu gì. Ông Kinh giả vờ như không hay chi hết, hỏi thêm nó:

- Sao mày biết? Ai bảo mày rằng nhà nước bắt phu đi đê từ bây giờ?

- Dạ thưa ông, thì con vừa ở đấy về. Lúc tối, nóng quá, con trộm phép ông ra sông tắm rồi thiếp ngủ luôn ở nền quán đầu làng. Con ngủ được một giấc kẻ cũng đã dài. Bỗng có nhiều người đánh thức con dậy, bảo con đi theo. Đến đình làng, con thấy các quan đóng ở đấy ra đã từ bao giờ ấy. Ông nào trông cũng tợn cả, ông ạ. Các quan cho gọi tên từng người. Nhà

xã bên hàng xóm nhà ta cũng có hai người phải đi. Lại cả vợ chồng Nhiên Hữu ở xóm Cầu cũng đều phải đi cả. Con nghe thấy tiếng hai vợ chồng khóc to lắm và kêu xin tha, nhưng mà không được. Đông lắm ông ạ. Tiếng khóc như rì. Gọi đến tên con, thì thấy có một ông mặt đen ngồi giữa, mặc áo xanh, trông rất tợn - bảo tha cho con. Vậy là con chạy luôn về đây, xem ông có sai bảo gì không. Nếu không có gì bận - thưa ông, nước con gánh đầy cả các vại và cong rồi-, ông cho phép con lại chạy ra đình. Nhộn nhịp lắm. Mà sao con lại không thấy ông Lý đầu cá?

Té ra cái tên tiểu bộc vừa thoát chết dịch này vẫn không hiểu gì cả và nói chuyện âm phủ như chuyện dương gian. Ông Kinh bèn quát nó không được đi đâu và xuống dóm ngay lò đun nước cho ông.

Giời đông hừng dần ngoài con sông trúc. Ông Kinh uống ấm trà thấy lạc vị. Từ nãy mãi nghe chuyện tiểu đồng, ông quên đi, chứ thực ra, từ một lúc lâu rồi, đã im hẳn những tiếng chó cắn gà gáy. Lò than quạt nước còn ứng hồng, ông Kinh bỏ vào đấy ít thỏi trầm. Từ Đàn Hương và giờ bài *Chính Khí Ca* ra tụng. Những lời lẽ chính trực trong bài văn đầy nghĩa khí của Văn Thiên Tường được ngâm lên đông đặc như lời kệ buổi niệm của sư chùa làng. Theo một thói cũ nhà Nho, ông Kinh Trịnh tin rằng những buổi đọc giờ xấu

giời, giờ *Chính Khí Ca* ra tụng thì những tà khí tản đi hết.

Tụng *Chính Khí Ca* xong, ông uống ba chén rượu thuốc để giữ độc rồi khăn áo đi xem động tĩnh trong làng.

Lúc ấy, bóng dương độ con sào.

Quanh co qua các ngõ, ông Kinh ngửi thấy toàn một mùi khói bồ kết và chổi sể. Một vài nơi trong lối xóm đã nổi lên tiếng khóc. Đúng là tiếng khóc người chết. Ông Kinh tìm đến gần những nơi có tiếng khóc để dò xem ai chết ở nhà ai. Một nhà, hai nhà rồi dăm bảy nhà, “Thảo nào, mà ám trà buổi sáng chẳng đi hết nhang!” Ông Kinh nhớ lại cuốn sổ vị Quan Ôn đưa đọc tối qua. Thì những kẻ xấu số vừa thiệt mạng kia đều là những người có tên ở đây cả. Ông Kinh gật gù. Cứ lời Quan Ôn nói thì làng Phú Giang này phải cung mất những chín mươi năm suất phu kia. Ông Kinh đi vòng hết làng, và một buổi sớm dừ dội ấy, không thấy ai chết thêm nữa, ông bèn lộn về nhà. Trên con đường về qua các ngõ hẻm có tiếng tiếc thương người chết miệng ông Kinh lầm bầm: “Chín mươi năm, chết mất bảy rồi. Chín mươi năm, trừ bảy còn...còn tám tám”. Bước vào đến sân nhà, nhìn thấy thằng bọc đang lom khom quét sân, ông à một tiếng và tiếp: “Thế nghĩa là còn tám mươi bảy mạng nữa. Nhưng

quái, sao không bắt nốt cả đi, trong một đêm qua? Có lẽ thiếu người làm việc, còn đợi bắt dần chăng!”.

Giữa đêm ấy, ông Kinh Trịnh đem kinh Phật ra tụng, tiếng chầy nện xuống cái mõ con cụng cháo nghe đều đều. Và những tiếng kèn Lâm Khốc của bảy nhà bát hạnh lại chốc chốc dội về như muốn hòa theo đánh bạn với đánh bạn những điệu siêu sinh tịnh độ

Cho đến hết một cái tháng tư.

Và qua tháng năm. Ngày nào, làng Phú Giang cũng có ít người qua đời. Qua một cách nhanh chóng quá. Chỉ đi có một hai lần, chỉ nôn có vài lần, thế là đã xong một kiếp người.

Ông Kinh Trịnh cứ ngồi đấy mà tụng kinh và cộng dân số người chết dịch. Ông tự nhủ rằng làng ông còn được kinh động chán, kỳ cho đủ đến cái số gần một trăm mạng kia. Việc bí mật này ông giữ mồm giữ miệng, tịnh không hề dám ngỏ với một ai. Ông vốn là người kiêng dè đến những việc của quý thần. Nhà sẵn có ít cây cau liên phòng, mỗi đêm ông lại bẻ ở buồng cau xuống một quả đặt lên cây hương ở ngoài sân với một lá trầu, rồi đứng ra giữa giới khăn vái cầu bình yên. Sớm mai dậy, buổi nào cũng vậy, ông đều nghiệm duy chỉ có bát nước cúng là không có váng, còn như mặt nước các ang cong chum đều nhờn váng như có ai rỏ giọt dầu xuống. Ông hiểu đấy là những lệ khi

của một bầu giới loạn âm. Ấy, nhà mà không có âm phù dương trợ, kém âm công, nhờ mà uống phải những nước váng ấy tức là “đi phu” dưới âm phủ đấy. Ông Kinh lại còn nhận thấy điều này nữa là từ độ vào hè đến giờ, các thứ quả thời chân mua ở chợ về, là đều có vết móng tay của quan quân bấm vào vỏ, lắm vết đánh dấu rất sâu, cứ đỏ như máu tươi chứ không chịu tối thâm xuống.

Như thế này thì làng Phú Giang còn làm ăn gì nữa.

Chợ làng vắng hẵn đi. Đầu tiên, tuy nắng nỏ và nhân tâm nao núng, chợ vẫn có người. Nhưng buồn và lạnh ghê lắm vì trong số người gồng gánh có mặt ở đấy thì đến quá nửa là chít khăn trắng. Có người, trên đầu đeo ba bốn cái tang dòn trong một lúc. Ở chỗ đám đông, số khăn trắng tăng mãi. Trông xa cứ như là cò đậu. Người sống họp chợ cứ vội dần mà ma mới thì cứ thêm mãi. Chết nhiều quá. Sau cùng đến cả những người đội khăn trắng cũng chết. Âm thịnh mãi mà dương thì suy dần. Rồi có một buổi, chợ làng đến ba phần tư là ma họp. Thậm chí, còn một số ít toàn ông già bà cả, vì đói kém mà không còn biết sợ là gì, số đem quang gánh đi họp vào ngày phiên. Nhưng tan rất sớm. Đầu giờ mùi mà đã không còn một ai ngồi đấy. Chông ghế lỏng chổng, bên những nồi nước lã đấy có những đồng tiền nổi lênh bênh trông rất là gở

quái. Từ ngày có việc loạn âm, ma quỷ được dịp lên nhiều người dương gian cả giữa ban ngày, các bà ấy đi chợ bèn sinh ra cái tục là thử tiền của người mua vào chậu nước. Ai trả đồng nào và mua bán gì là họ đều quăng luôn vào chậu nước để bên cạnh, những đồng nào chìm thì mới vớt ra đếm đến. Còn những đồng nổi thì coi là tiền của ma và không kể. Có bà cụ bạo là thế mà cũng đã có hôm chết ngất đi vì suốt một buổi họp chợ từ đầu ngọ đến sang mùi và toàn nhận có những đồng tiền nổi thôi. Giận quá, ngược mắt lên hỏi thì đám người trả tiền nổi ấy phá lên cười, ù té chạy, chân không sát đất và biến vào cái lùm tre xanh đầu đình chợ. Eo ơi, bà cụ lăn đùng ra. Mọi người ù té chạy. Thế là tan chợ. Như lúc có loạn dương vậy. Kể đến những ngày chợ làng không còn ai họp nữa. Và đường lối trong làng, lắm hôm mới quá ngọ được có không bao lâu mà đã không có bóng một ai. Mặt trời chưa chệch hẳn bóng mà nhiều nhà đã sập hẳn cửa ngõ xuống rồi. Ai gọi cũng không thưa nữa. Mỗi khi có ai kêu đúng tên mình ngoài lối ngõ, người trong nhà, già bảo trẻ rằng chớ có lên tiếng vì đó là ma nó gọi đi đấy. Lên tiếng là mất, là không được làm người nữa. Ngoài đường, trên những con đường rác rưởi bừa bộn vì thiếu người quét, giờ nhiều nhất thì chỉ là lũ chó đuôi cụp lưỡi lè, vằn vơ như đi tìm bóng chủ cũ, lớp lông thưa phờ trên một lớp da gầy hằn lên những

bộ xương đôi. Ấy là những con chó vô chủ của những gia đình bị “đi phu” cả nhà. Cả làng không có tiếng gà gáy sớm trưa nữa. Nhưng chiều giờ vàng mặt, đã có những tiếng chó già thay vào. Nó kêu như tiếng người bị bóp cổ kêu cứu sống. Cảnh tượng làng Phú Giang vắng quanh và thê thảm vô cùng. Trông những bóng rợp, to rộng từng miếng đen mát rọi nơi đường vắng mà lại càng rợn lòng. Mọi khi, đấy là mát, đấy là có sinh khí vì nó che cho vô số bóng người nghỉ chân dưới gốc. Bây giờ những bóng râm ấy chỉ gọi đến lạnh lẽo. Không một ai dám đến đấy mà nghỉ chân, tin rằng quan quân đóng cả đó, nhờ tới mà chạm phải vía các ngài thì khốn to.

Không khí khô nỏ. Giếng làng thấy đều ngót với hết nước. Và ở các rãnh cống ăn ra ao hồ hoặc lạch con, nhan nhản những thuyền bát nhã bị rêu nhờn nước tù gấn chắc chèo lái lại. Những thuyền giấy mã của những đàn tế cúng hung thần ấy khô quắt lại trên những tảng nước giả vờ đang cho sủi những cái bọt xanh đặc mỗi nổi cục lên là to bằng cái ung thư. Khắp dọc các lối ngõ ngang đường chính, cứ vài bước là lại có một cái que nâng lấy một chiếc lá đa khoanh tròn đựng ít cháo thí cho chúng sinh cô hồn. Nắng ngày dịch đã cô đặc cháo cúng giữa giờ và rút dần mực cháo xuống, để lại từng ngấn tròn trong lòng lá khoanh chứa thứ nước ngũ cốc đã trở nên sền sệt như

mùi. Kèm vào sát ngay mỗi lá đa cháo cứng là những lá cờ đuôi nheo xanh đỏ chói lòa và muôn thuở không lung lay giữa một gòl đứng gió. Bầu gòl nở, chóc lại vang về ít tiếng vọng âm u những hơi thở của vong hồn oan khổ. Ngoài các đầu ngổ, trên những đồng gòl mới, ngổ ngang các mẫu chổng tre và còi chiếu cháy dở.

Ghê thắm nhất là cảnh đò ngang làng Phú Giang không có người chở. Trên con đò chợ bến dưới, chỉ có hai chị em đứa bé ngồi khóc bên mạn thuyền vắng, trên đầu mỗi trẻ, lúi thúi một giải khăn ngang.

Cha mẹ chúng nó vừa chết chưa đầy một tuần cơm cứng đầu. Bây giờ ai có việc muốn qua sông sang bên kia huyện dưới thì có bước chân xuống thuyền nhưng phải cầm lấy sào mà chống đẩy. Sang bờ sông lạ bên kia, trẻ càng bơ ngỡ và khóc nhiều.

Lắm buổi có chút gió dưới xuôi về, ông Kinh Trịnh nghe tiếng khóc của đôi trẻ ấy mà lấy làm ái ngại vô cùng.

Một hôm ông Kinh đang nghĩ có nên đem hai đứa cô ai tử ấy về mà nuôi không thì có người vén rèm bước vào. Ngọn đèn thổ hà lay ngọn, ông Kinh giật mình, nhìn lên thì té ra ông quý khách ngày nọ. Vẫn mặt đen, áo bào xanh, nhưng lần này không có lính đi hầu theo.

- Kính chào thế huynh. Lâu nay thế huynh vẫn mạnh giỏi?

- Kia Quan Lớn đã lại đến. Hẳn lại có điều gì chỉ bảo nữa.

- Thấy vẻ mặt ông Kính có vẻ lo sợ, vị Quan Ôn vội cười:

- Thế là gần một tháng nay, em đã làm xong xuôi mọi công việc ở vùng làng anh. Đêm nay, em xin trở xuống các làng xa phía dưới. Đến để cáo biệt cùng anh. Và có chút vật mọn này, gửi anh gọi là đồ kỷ niệm buổi chia tay.

Vị Quan Ôn đang loay hoay lấy ra khỏi tay áo rộng từng cái gói quạ xinh xinh và đen bóng - lấy ra từng cái một - thì đưa tiểu bộc nhà ông Kính mang hỏa lò nước lên. Nó nhận rõ mặt khách này chính là cái ông quan ngồi bắt phu ở giữa đình hàng đêm tháng trước, nó sợ quá, đánh rơi hỏa lò than xuống nên vỡ tan và chạy mất.

Vị Quan Ôn, bình thân ra khép kín cánh cửa lại. Rồi ghé sát vào tai ông Kính: “Thôi em xin đi. Cốt lại chào anh và báo luôn cho anh một tin này. Là qua năm, vụ hè, anh sẽ cùng làm việc với em. Em đã tâu với Diêm Vương. Diêm Vương cảm cái đức lớn của anh, định để anh làm Chánh Tuyển Quan và em làm Phó Tuyển, mỗi kỳ có việc tuyển phu trên này”.

Vụ hè năm sau. Ông Kinh Trịnh vẫn còn ở vào thời hạn cáo đình gián tại làng Phú Giang, lấy lời chữ sách và gió giảng chỗ quê nhà mà khuây khỏa lòng nhớ mẹ khuất. Và về câu chuyện Diêm Vương mời làm việc âm giúp - cứ vào lời vị Quan Ôn nói từ hè năm ngoái - ông Kinh Trịnh cũng quên hẳn.

Một đêm nóng nực ấy, phải thức quá lệ thường để làm dở cho một hiệu chủ hàng xóm, ông lẳng thấy có tiếng móng ngựa nện ngoài sân đất trị, rồi lại có tiếng nhạc rung. Vội mở cửa thì thấy có đông người tiến vào nhà, ông vội kêu đèn to thêm, hai con bắc nữa. Trời ôi, cổ nhân. Lại vẫn vị Quan Ôn ngày năm nọ nhưng năm nay lại không mặc áo bào xanh mà lại mặc áo bào màu ô bóng. Và dáng điệu có phần e dè hơn mấy lần trước. Những người tùy tùng đã khệ nệ đặt nhiều hòm con lên mặt bàn xong xuôi đâu đấy rồi, vị Quan Ôn mới xoa tay vào nhau và thưa với ông Kinh một cách rất kính cẩn.

- Dạ thưa anh, đây là áo mũ Diêm Vương ban để anh dùng lúc làm việc. Nói để anh biết rằng anh không thể vin lễ gì mà từ nan được đâu. Từ nay có anh đỡ đần cho một tay, công việc em chắc sẽ được nhẹ nhàng hơn trước nhiều.

Thấy ông Kinh nói hốt hoảng, vị Quan Ôn hiểu ý, nói đón:

- Thưa anh, anh không phải xuống hẳn dưới ấy mà làm việc đâu. Anh vẫn cứ ở nguyên dương thế với những bốn phận và những dật lạc của cuộc đời trên này. Một vụ hè, cứ mỗi thượng trung hạ tuần mỗi tháng, anh dành cho ba ngày giúp em. Vậy xin ngày mười tới đây, em sẽ trở lại thỉnh anh đi điểm hộ ít phu và soát sổ bộ. Thôi, lạy anh.

Vị Quan Ôn vụt ra cửa. Tiếng nhạc ngựa thưa dần trong gió khuya. Ông Kinh ngồi ngẩn người ra trước bộ áo bào ô xanh mới nguyên để giữa bàn mình với một đôi hài và một cái mũ đuôi cá.

Gió khuya vẫn còn đưa lại cái tiếng lạnh lạnh thưa thớt của nhạc ngựa. Ngọn đèn thổ hà lụi một con bấc, kém hẳn sáng đi. Một con thiêu thân bay ập xuống, cánh dập tắt nốt ngọn đèn dầu. Cũng như đêm hè năm ngoái, ngoài hiên, gió sang canh lả lay lại du cái gáo múc nước văng cung vào thành ang nước đầy.

HAI TẤM VÉ SỐ

(Truyện vừa)

Đến quăng này, tàu điện mở bảy. Lòng Hồ có thấy nhẹ hơn phút vừa qua. Chút gió của sức nhanh đã tàu đã đem được ít khoái nhẹ vào lồng ngực Hồ. Chàng không tin hẳn rằng đây là một cảm tưởng vui. Gọi là một cảm giác yên nghỉ tạm bợ thì đúng hơn. Đối với Hồ, cái gì bây giờ mà chẳng là tạm bợ. Gió lạnh kia đang phả vào da mặt ánh sáng của buổi mai một ngày đông hừng giời kia và cả đời sống hằng ngày lúc này của Hồ cũng đều là tạm bợ cả.

Bây giờ Hồ mở một cửa hiệu chứa xe đạp ở ngoại ô. Cả cửa lẫn cho thuê. Có bốn cỗ xe đạp, hai cỗ nước kền và nước sơn còn bóng nhoáng đã là cái cơ gợi đến sự bất lương của mấy tên tay chơi thua bạc ở gần lối này. Ngoài bốn chiếc xe đạp, dăm đôi lốp và ruột bánh bày trên tường ngay trên cái tủ kính phô ít đồ phụ tùng xe đạp, Hồ lại còn có thêm một người vợ nữa. Đây là một người vợ theo, nếu chúng ta cũng nói cái

giọng của một hạng người hay hợm xằng về một thứ luân lý hèn hẹp của số đông. Vợ Hồ cũng là người làm ăn. Vợ Hồ có nghề dọn hàng nước, nấu trà tươi rất ngon, róc tiện mĩa rất đẹp và có duyên với đám bưởi bông hay sao ấy mà bồ quả nào ra là cũng y như nhiều nước và rất ngọt. Tuy đã có một mụn con với Hồ rồi mà nhiều khi vợ Hồ vẫn còn nguyên cái vẻ e lệ của thời con gái. Dễ thương lạ. Vợ gọi chồng là thầy, chồng gọi vợ là nhà, suốt ngày hay nhờ vả lẫn nhau đáo đẽ. “- Tôi đang bận ủ cho con nó ngủ, thầy pha hộ bát nước cho ông lái. Tôi đang dở tay gắp cái sấm thúng, nhà bơm hộ cái xe cho ông khách”. Vợ Hồ bơm xe hộ cho chồng, hai má đỏ ửng dần. Không lấy gì làm mệt hơn, rồi nàng làm, nhưng vợ Hồ thấy máu chạy trong người gấp thờ hốt hển. Cái ông khách ấy trả hai xu tiền bơm đã nhảy phóc lên xe đi được một quãng rồi, vợ Hồ lờm chồng:

- Thầy dơ lắm.

- Nhà bảo dơ làm sao?

- Từ rầy tôi không bơm xe đạp nữa. Thấy nó bận tay thì bảo người ta xuống hiệu dưới. Chẳng hai xu thì đừng.

Mỗi lần thấy vợ vùng vằng, Hồ đều cười khi khi và cố ý kéo dài sự trêu tức, cốt để thưởng thức cái lối ngoe nguẩy rất con nít ở trên khuôn mặt và dáng điệu vợ mình. Có dịp để tìm vui như thế ở vợ, là Hồ liền cười khi khi ngay. Chàng sợ nếu không vui lúc đó thì

không còn có lúc nào khác nữa về sau. Những phút vui nhẹ này, đã lâu lắm, Hồ không được hưởng. Nhưng lần này sắp cười, thoáng nghĩ đến một điều gì, Hồ liền hết cười đùa, cho vợ là có lý và từ đấy, Hồ không nhờ vợ bơm xe cho khách hàng nữa. Chẳng hai xu thì đừng. Xướng hiệu dưới.

Đấy, cái đời sống mấy năm về sau đây của Hồ. Nhưng tại sao cái anh Hồ chơi đàn cải lương nổi tiếng và tiêu tiền cũng nổi tiếng ấy giờ lại là chủ hiệu xe đạp thuê giờ và lại là chồng một cô bán hàng nước.

Cái này có lẽ chỉ hỏi Giời thì mới rõ được. Chỉ có Giời thì họa chăng mới thỏa mãn được hết sự tọc mạch của những người hay tò mò về tất cả đời sống quanh mình.

Nhưng, hiện giờ cái điều mà chúng ta biết đích xác được trong sự sống hằng ngày của Hồ là Hồ vừa trúng một vé ở cuộc xổ số kỳ này và Hồ đang đi tàu điện xuống Bờ Hồ để ra kho bạc lĩnh số.

Tàu điện chạy hình như chậm lại hơn ban này.

Nhưng mau hoặc chậm, Hồ có cần gì. Mau hoặc chậm, rồi cái tàu điện cũng sẽ phải đưa chàng đến một chỗ nào trong khoảng không gian Hà Nội này cũng như cuộc đời đã đưa chàng tới một cửa hiệu xe đạp thuê, từ đã mấy năm nay. Sớm được mấy phút hoặc chậm mất mấy phút, tương để thành được hoặc

đến không thành được một cái gì ở cuộc đời này, thì mới còn đáng nên quan tâm. Chứ còn như ăn bột được vài giây vài tích tắc để mà vẫn lại chỉ là một người cho thuê xe đạp đi lĩnh một tấm vé số trúng cái món tiền hạng bát mười đồng thì mau chậm mà làm gì.

Vậy cho nên Hồ cứ mặc cho tàu chạy.Ồ, giá cứ được ngồi ỳ ra đây mà không bao giờ phải xuống thì cũng hay đấy. Bất giác Hồ lại nhớ giật lùi đến một ngày nào của mình trong quá vãng, cũng ngồi tàu điện như thế này một ngày - tàu đến chỗ hết đường không chịu xuống, cứ ngồi lì ra đấy để cho nó lại giả mình về chỗ khởi hành ban nãy và cứ thế mãi mãi; trên con đường Buồi - Ngã tư Trung Hiền, chàng nhớ đâu cả lên cả xuống, cái tàu của chàng đã đi và về được đến gần ba chục chuyến; người phát vé sau chán quá không thèm bán vé và công - tôn cũng không buồn hỏi vé chàng nữa. Chuyến cuối cùng đã dồn toa vào ga Thụy Khuê. Không làm thế nào được nữa, chàng đành phải xuống, đặt chân xuống đất vịn sườn mấy cái, nấn lại hai bên móng, lòng thấy buồn rười rượi, cảm thấy sự sống của mình chỉ còn dính vào cuộc đời bằng có mỗi một sợi tóc thôi. Với một ý nghĩ chuyên nhất và ghê bạo, Hồ đi bộ lộn lại rồi rẽ về phía đê Cổ Ngư, đứng tựa lưng vào cây, nhìn làn nước hồ Trúc Bạch. Trong gần một tiếng đồng hồ Hồ thấy mình mê đắm với vũng nước, tin rằng nước hồ sẽ cời

gột hết những cái bận bịu của tình cảm mình, phút nặng nề ấy Hồ thấy vùng nước là một cái kết cục rất gọn. Hồi các người đàn bà ác nghiệt đã làm cho chàng phải ngồi tàu điện mất trọn một ngày và đưa chàng ra đứng ngắm hồ đêm, hồi cái người đàn bà ấy, bây giờ người có còn ở cuộc đời này nữa không? Và nếu có còn, thì người ở vào chỗ nào của cuộc đời này? Hồ đang hỏi mình về một người đàn bà của dĩ vãng. Hồ đang kiểm lại kỷ niệm - một công việc mà bấy lâu nay, Hồ chưa có dịp nào dă động đến. Nó đưa đến một trận kinh ngạc. Sao lâu nay, chàng không hề đụng tới cái đồng tro của bồi cũ mà những hình ảnh ấy lại hiện lên đúng vào một ngày này, chàng đi lính về số trúng mười đồng nhỉ? Người đàn bà. Tiền. Hay là hai thứ này cứ thường là đi đôi với nhau trong đời sống. Hồ còn tự hỏi mình sao ngày ấy lại không đến nổi uống nước hồ và lại còn ở lại được cho đến bây giờ để góp với cuộc đời một cái cửa hiệu cho thuê xe đạp nhỏ nhen và lèm nhem. Đến đoạn này của ký ức, ý nghĩ Hồ thay chiều. Có một cái gì vừa ghi được bằng mắt và tai mới lên vào ký ức chàng. Cái gì nhỉ? À, cái người ăn mày cao tuổi và mù, ở chỗ tàu tránh nhau gần đền Ông Bảo và chùa Giới Ôi, đã hát một câu rất hay. Lão vừa gơ bị vừa gơ bát ra, gõ cái gậy trúc vào thành toa tàu mà hát rằng:

Giấu hai con mắt

Khó hai bàn tay

Con cá nó sống về nước....

Câu hát nào nùng rất khéo ấy hình như cũng chứa đựng một cái gì đáng nên lưu ý. Hồ xòe cả hai bàn tay ra, ngấm mười ngón, ngấm lưng tay, rồi đến lòng tay thì Hồ ngấm càng kỹ hơn. Hồ cũng vô về về việc xem tướng tay. Chàng ít xem cho ai và có lẽ lần này chàng đoán tướng tay chàng là lần đầu. Vừa đoán thăm để mà nghiệm với những ngày qua và chờ xem những ngày tới, Hồ ngỡ mình đã quá thiên. Luận về mình, nhiều khi mình hay có sự khoan dung, mình hay nịnh mình lắm chứ! Chàng lại đoán lại. Thì những đường tay vẫn khẳng khẳng một mực bảo cho Hồ biết rằng mình là một người tài hoa, rất có tình mà cũng là rất vô tình nữa. Rất có tiền mà cũng rất không tiền. Đường dọc bị đường ngang phá. Lắm nét, lắm đường rất tốt đẹp bị hại bởi những thập ác rải rác. Và cái nét chỉ về đường sống rất rõ, rất dài. Thế nghĩa là thọ lắm. Hồ còn sống lâu lắm. Có lẽ cửa hiệu xe đạp cũng dựa vào cái mệnh thọ của mình mà buộc mình sống mãi để ngày ấy tháng khác còng lưng xuống mà bơm xe vá săm cho vô số xe đạp của cuộc đời mãi chẳng? Trời, Hồ ngấm những ngón tay dài và mảnh, nhớ đến cái thuở còn chơi đàn, nhún, nắn, bầm, vuốt xuống phím, bắt buông trên sợi sắt dây tơ

dây đồng. Hồ ngừng bây giờ giá có cơ để chơi lại thì cũng lạc hết cung, quên hết dịp. Những ngón tay đẹp của thời chơi đàn giờ đã sứt sẹo gần hết, đầu ngón rù tòe mãi ra. Máy năm liền, chàng đã vận nhiều đinh ốc quá, dờ mó đến lắc - lê nhiều quá. Hồ ngừng rồi có lẽ một ngày gần đây, các đầu ngón tay chàng sẽ thành ra vuông cả. Sách xem tướng tay, nhiều cuốn nói rằng đưa sát nhân, số đông là đầu ngón đều vuông. Hồ mỉm cười. Chàng nhìn qua cửa toa. Đã đến trước tòa Đốc Lý. Hồ vội bước xuống, đi về phía Ngân Khố.

Buồng phát tiền Sở Kho Bạc đông quá những ngày rằm tháng giêng, tháng tư, tháng bảy và tháng mười tây tức là những kỳ phát lương hưu trí. Vào những ngày này của mỗi quý phát tiền hưu bổng, số khách hàng của Nhà nước cũng không đông được như thế và dầu sao sự chen chúc vẫn còn có thể thống, bởi vì đi lĩnh hưu bổng thì chỉ có rất những nhân loại già yếu, mỗi lời nói mỗi cử chỉ đều có sự dè dặt nhường nhịn.

Lĩnh vé số thì khác. Nó không đến nỗi như đi lĩnh chẩn nhưng cứ kể ra cho cùng thì cũng đã tui bụi lắm. Cái thành phần của đám hỗn hợp này, linh tinh mà vui đáo để, nếu người lĩnh tiền lúc này biết quên cái phận may của mình đi chút ít để mà chỉ nhìn đến những cái phận may mắn ở quanh mình. Người người mặt mặt đều hí hửng hơn mọi cái vui ngoài mặt của những cuộc vui đông người có nhật kỳ sẵn hằng năm.

Có người sướng quá, không biết làm gì cả trong khi chờ quan Tây Kho Bạc gọi mình đến lỗ cửa có giồng sắt mà linh phần tiền của mình bèn trịnh trọng ngồi xuống ghé gò dài, tì lưng và hậu trẩm vào cột sở Kho Bạc mất thì nhắm lại và mồm thì tùm tùm, - trên khuôn mặt hiện lên hết vẻ đầy đủ trong hiện tại. Phải lấy những khổ mặt này làm kiểu nếu bọn ta muốn mượn hội họa mà tả một bọn người có tính lấy vẻ trước và xí chỗ ngồi sẵn ở Thiên Đường. Đáng chú ý hơn nữa là những kẻ trúng số mà phải cái Giời bắt tội là trong thể xác lại có nhiều gân quá, thành thử không ngồi yên được, cứ phải hục hặc đi đi lại lại trong phòng hẹp, chẳng khác gì gấu rừng bị nhàn tản trong cũi sắt vườn thành thị. Có người sung sướng quá thì lịm đi hoặc ngất đi. Có người thì lại chồm lên và cử động không thường. Đối với nhiều cuộc sống con người, sự trúng số - có cần gì phải hẳn là được số độc đắc, nhiều khi chỉ dăm ba chục một đôi trăm - là một biến cố lớn trong một cuộc đời rồi. Ăn không ngon, ngủ không yên, ngồi đứng không được vững vàng cứ hằng tuần ấy. Ấy là nói về người trúng đến cả người không trúng số cũng có cái thần trạng ấy. Hãy nghe thiếu phụ ăn mặc lối me Tây kia đang nói chuyện như cãi nhau một mình, làm huyền não cả một góc phòng: "Trước hôm mua số, em nằm mơ thấy ông bà hiện về, ăn mặc lối quần áo chạy thi việt dã, ở ngực có hai con

số 96. Em có thuật lại giấc mộng này cho cậu em nó đây. (Nói đến đây, thiếu phụ lấy tay chỉ vào mặt một người trẻ tuổi tóc gong kính, quần hàng tơ nhân tạo, sơ mi hoa đào đang ăn cà-rem cây bạc hà). Cậu nó liền lên đi mua những vé có hai con số 96 ở đuôi vé. Mà tỉnh không bảo tôi một câu nào cả. Chị em ruột thịt mà độc bụng như thế. Hôm vừa rồi, đọc kỳ báo cậu nó mới nói là trúng. Thì tôi mới ngả ngửa người ra. Tôi tưởng phát điên lên được. Thì ra mình hớ. Mà hại nhau lại không ai ghê bằng ruột thịt. Lần sau, mỗi kỳ chơi vé số, gái này thể còn có mách ai về những việc thần mộng hiển linh như thế nữa". Nói đến đây, thiếu phụ tái mặt đi, hai tay lắc mạnh vào người em giai ồm còm, giọng đầy van hờn: "Như thế này cậu phải chia cho chị một nửa, không có thì không xong. Thì cùng lên Cẩm-mi-se. Họ sẽ xử. Cậu ăn cắp giấc mơ ra tiền của chị rồi đi vét các hàng vé được hai mươi bảy vé có số cuối 96, mỗi vé trúng *đít biết*. Cậu phải đưa cho chị đúng một trăm ba mươi nhăm đồng. Để lát nữa, chị đi đánh một canh chắn góp năm chút đĩa ở điện nhà bà Đoan chứ".

Không rõ cái người em vợ Tây được tốt số kia rồi có bằng lòng chia cho chị một nửa tiền của số trúng không. Nhưng ở phòng Kho Bạc này còn biết bao nhiêu là thảm kịch khác có tính cách đùa như thế với số tiền may.

Trong phòng đợi linh tiên, kẻ đứng chờ nhiều hơn người ngồi chờ và kẻ vừa đi để mà chờ lại càng nhiều hơn nữa. Từng bấy nhiêu con người lẻ ấy đi dọc đi ngang đi chéo, có khi hợp thành một đôi hòa đối, có khi gộp thành một tổp nhỏ tạt ngang tạt ngửa ngược xuôi rất đều. Sự nhịp nhàng trong ô ạt gọi đến không khi một sân khiêu vũ mà tiết tấu của nhạc điệu là do số tiền bạc sắp phát ra. Cái đám người ô hợp này, vào những phút sốt ruột vì mong chờ lâu lai quá, lại diễn ra cái đi đứng của một quần chúng chờ một chuyến tàu chậm nơi sân ga. Cái quần chúng này thực góp nên bởi những phần tử rất là phức tạp, hiện ra từ những đường ngang ngõ hẻm nào của cuộc đời sống bằng hy vọng và sự may. Ấy là những thân hình không nhất loạt trong sự đáp điểm. Áo dài Việt Nam, áo dài Trung Quốc, áo vành-tô, váy đầm, váy quê và nhiều áo hàng tơ tân thời ở trên lại có trùm áo cộc tây đúng với thời thượng phụ nữ của một thời ba lạng nhăng. Chao ôi, dức mắt quá. Biết thế này thì Hồ ở nhà cho xong. Cho vợ đi linh cũng được. Thân hành đi linh một vé số trúng mười đồng. Hồ thấy mình đã hớ mất một điều gì.

Đã lâu lắm, Hồ không đi đến những chỗ đông. Và chàng đã đặt việc tránh nơi quần tụ lên làm một thành kiến. Từ ngày mở hiệu xe đạp, Hồ thấy cái thú êm dịu được luôn luôn ở nhà lúi húi với những ống

dầu máy, mẩu cao su xám đỏ và những bộ phận máy móc tuột hết nước mạ bóng. Hồ chịu thương chịu khó trong căn lao nhũn nhặn và chỉ mong lấy sự duy trì lấy cái hiệu con. Hôm nào mua hơi giá được một cô yên tốt, một bàn đĩa những ba mươi hai răng hoặc vừa đặt ruột sấm đỏ vào thau nước đầy mà tìm thấy ngay lỗ ruột non bánh hớ sủi tăm lên, chàng thấy hình như đây là ý nghĩa của sung sướng trong một ngày. Trong những phút bình dị ấy, ví có chút bóng dáng nào của quá vãng muốn hiện về thì rất mau, chàng gọi nhà hàng trước cửa đưa sang ngay cho một cốc rượu đỏ, làm ngay một tộp, rồi lại bơm liến lên, rửa liến lên, tháo xe ra, lắp vào lại, lau dầu và lau dầu. Mồ hôi toát ra. Xác thịt rã rời. Tâm thần hết đất làm việc. Sự mệt mỏi ấy thế mà là chuyện hay cho những tâm hồn muốn được quên để gửi mình cho gọn vào hoàn cảnh mới hơn, hẹp hơn nhưng lành hơn. Nhiều buổi có giảng, vợ Hồ hăm sẵn cho chồng một bình tích nước chè tươi đặc nóng có bỏ thêm mấy nhát gừng và bắc cho chồng cái chõng tre ra hè ngoài. Uống chén nước chất, bỏ luôn vào mồm cái kẹo vùng ròn tan, Hồ vén áo lót đang se mồ hôi, vỗ bụng và nằm rình những cái sa sao giữa vòm trời cao sáng. Nếu không có đám xẩm nào để được quăng vào thau họ mấy đồng xu cho nó vui tai mình và tai những kẻ lang thang với câu hát thì Hồ lại lôi xe đạp ra bóp chuông

kính coong loạn lên, Hồ vờ bảo vợ là làm vui cho con nó đi vào giấc ngủ ngon, nhưng chính thực là Hồ đang làm vui cho bụng mình. Giấc ngủ đã đến - đến với người cha trước, - từ lúc sao Tua Rua ngày hạ mới có độ hai con sào. Về tiết đêm lạnh, Hồ lại được ngủ sớm hơn, sau khi ăn một cái ngô nướng bót ra của vợ nướng bán cho trẻ xóm. Trời lạnh, vợ chồng có mè neho nhau thì bao giờ cũng chỉ tại cái thau nó quạt than hồng có lẫn vụn cao su. Vợ: “Nhà làm ăn đến là buông tung bỏ vãi. Không bao giờ chịu vun quét để vụn cao su vương vào than hoa; quạt ngô khét let mùi cao su, ai người ta ăn nữa. Đến tôi đã quen mà người cũng cứ muốn mưa cả mặt xanh mặt vàng ra ấy nữa là”. Hồ lại cười xòa và nói một câu chẳng ăn đâu vào đâu cả “À, mùi cao su ấy mà”. Câu nói kịch côm này đáng quý ở chỗ đầy một giọng giảng hòa. Vợ Hồ lờm yêu, bảo chồng thôi nên đi ngủ trước đi - cho con nó nằm vào trong cùng, chứ đêm trẻ nó hay tung chân ra lấm - rồi nằng sẽ đóng cửa sau cho. Chỉ độ một khắc - hoặc hai khắc nữa là họa hoàn - là tiếng then gỗ và gióng sắt cửa lùa đã tiếp cho cái tiếng phành phạch quạt lò than nướng ngô. Mí mắt Hồ tuy nặng trĩu buồn ngủ, nhưng Hồ vẫn còn nhìn thấy cái chậu thau đựng than. Tiếc ít than còn cháy, vợ Hồ đã để nó gần vào chỗ ngủ cho ấm giường. Nhà ở Thụy Khuê, đêm gió lộng cũng nhiều!

Hồ lặng lẽ nhìn thau than nhấp nháy vài đốm lửa rồi có một phút chàng thấy ra ở đây nhiều gió hơn là lửa. Rồi một tí vang tí bóng nào của đoạn sống trước muốn lộn về lòng mình. Nhưng ông giờ vốn có lòng dìn giữ những người đã muốn chịu thương chịu khó, nên ông đã cho giấc ngủ đến ngay với Hồ. Sự săn sóc của Giới như thế đã trở nên một việc hằng ngày. Và gây cho Hồ một thói quen. Mùa hè, thói quen của mùa hè. Mùa đông, thói quen của mùa đông. Đông ấy rồi hè ấy và tuần hoàn. Mấy năm Hồ yên phận và chịu làm ăn rồi đấy.

Cho đến một ngày hôm nay ra Kho Bạc, Hồ lại đi linh số trúng và được nhìn người ta trong lúc cũng chờ linh. Cái công ngồi yên một chỗ trong mấy năm để giữ vững lòng và vui với bình dị đã trở nên như không. Hồ lại thấy thích thích, muốn được quay về với cái bản ngã quái ác của mình vào hồi trước còn là một người có của và sẵn của để mà phá. Hà, hà, vậy ra thế.

Cái nhân loại đang lượn, đang chờ tiền ở buồng này thực tầm thường và hèn thấp quá. Đi linh tiền - bất kể là tiền gì - ra đều khó được đẹp lắm. Cầm cái đồng tiền của kẻ khác đưa cho mình, ra ít người được chinh lắm. Tiền đã đánh những cái dấu gì vào mình con người ta hình như không thể không có là không

được. Bất cứ ai. Bất cứ đó là việc gì. Bản khoán không bán.

Hồ ngồi xuống ghế. Chàng mệt! Hồ ngồi xuống để nhìn cái tốp đầu đến từ trước đã được phát thẻ đồng và đã được ông Tây chiếu thứ tự con số thẻ đồng mà gọi từng người đến lỗ cửa buồng phát tiền.

...Chín mươi...Chín mươi mốt...Chín mươi mốt... Chín mươi mốt không hiện ra lỗ cửa buồng tiền để đưa trả thẻ đồng và lĩnh phần tiền, ông Tây bạc đầu gác số 91 ra một góc và gọi số tiếp. Ông già phát tiền làm việc nhanh lắm. Quen đi mà lại. Quá nửa đời người đếm bạc giao tiền ấy thực đã có một thái độ bình thản đứng sau những số phận lướt qua trước mặt mình, mỗi người chỉ có mấy phút không có gì lạ. Chỉ đáng chú ý nhất là những người chia tay ra nhận tiền. Ở cái lão béo ăn mặc chừng chạc kia, lúc lấy tiền, việc gì mà phải trật cả mũ ra, hai bàn tay nắm chắc lấy mép mũ một cách rất nhà quê đến thế? Việc gì mà phải chào người ta. Lại còn cái người đàn ông thân hình rất thể thao kia, việc gì mà ngắt lịm người đi đến nỗi Tây hỏi là “bao nhiêu” thì đứng đực ra đấy, mắt trợn mồm há? Một bà có cái mặt đẹp hồn hậu, lúc vỗ lấy tập bạc, việc gì mà dơ dóm nước mắt? Đến cái ông mặc quần ta bằng cẩm cuốn kia thì đúng là một con bạc rồi. Ông ta xếp từng loại giấy bạc riêng ra một chỗ, lại còn đôi hào nữa và lúc lùi ra ngoài,

nói với một người mặc quần lụa nữa: "Này mai đi Lạng Sơn. Cho nó vào sòng cả một quần, nhé!".

Hồ không bỏ sót một bộ mặt nào lúc cầm tiền. Hồ thấy những hình nét ấy không được tự nhiên như những phút không có tiền nong dính chạm đến. Hồ không rõ mình có được tự nhiên không.

Chàng đi ra quầy bàn giấy ông ký, lấy mảnh giấy xanh điền tên và số vé mình vào, nhận một tấm thẻ đồng nhẵn bóng một thứ mồ hôi của vô danh. Hồ nhìn thấy số 166. Thẻ này thì còn lâu quá. Chàng ở vào cái tốp mới đến sau và tốp mới đến sau thì bắt đầu từ số 101, còn đến gần nửa giờ nữa mới gọi đến, theo lời bảo của ông ký nhà nhận ấy - Hồ ngấm nghĩa tấm thẻ đồng 166 trong lòng bàn tay, đã có cái ý kiến là sang hẳn bên nhà kèn vườn hoa Bôn Be ngoài cửa kia mà chơi một lúc khá dài để tránh cho mình cái tội khai luận về chung quanh một cách rất không được đẹp như thế này.

Bỗng có một ông Tây đứng tuổi khoác tay một cô Dâm trẻ tuổi vào chỗ quầy bàn giấy dành cho những người ghi tên trúng số trên những tấm giấy bướm màu xanh xanh. Ông Tây đứng chờ ở đây, không hiểu gì cả. Người Dâm trẻ hỏi người bạn già của nàng:

- Vậy người yêu của tôi đã trúng cái số bao nhiêu? Mà cứ làm ra vẻ bí mật mãi thế?

- Mười đồng, người bạn nhỏ của tôi ạ.

Hồ thính tai, tóm được mẩu đối thoại nũng nịu này. Chàng muốn được nghe và được xem nữa về đôi người phong lưu này đi lính số không muốn qua bên công viên Bôn Be vội.

...Gặp người phần việc đó đứng đây tiếp mình, ông...đã đưa tám vé số trúng cho ông thư ký với một câu rất ngọt ngào: "Ông làm ơn cho tôi đổi tám vé trúng này lấy một cuốn sổ mười vé mở vào kỳ sau. Cám ơn ông". À, ra thế. Hồ gât gù: "Có thể chứ!" Chàng nhìn ông... có ý khâm phục ông về cử chỉ vừa rồi nó thỏa đáng với cái bề ngoài của ông, ở giữa phòng này đang nhao lên vì một thứ tiền...được của Thượng Đế, của Rủi May.

Hồ đã tưởng đến đây là tắt câu chuyện...đi lính vé mười đồng. Nhưng không, thấy người tình quay ra cầm cả tập vé mới sắp cho vào cái ví to góc bịt vàng, cô Đầm liền nũng nịu:

- Thế mình giữ cả à. Sao mình tham thế. Ít ra mình cũng phải chia cho tôi một nửa, đưa tôi giữ năm số để kỳ sau vé mà trúng thì tôi sẽ càng nhớ đến mình, đến cái buổi giờ đẹp này tôi cùng mình đi chơi.

Không, không bao giờ có thể như thế, người bạn xinh xinh của tôi ạ. Nếu em muốn sắm sửa thêm cái gì nữa để làm vật kỷ niệm một buổi sáng này, thì em cứ nói, anh liền đi mua ngay cho. Hoặc em muốn lấy

tiền tiêu riêng vào việc gì, anh sẽ viết séc cho. Từ trước tới nay, ta có tiếc em đồng nào không? Nhưng đưa vé số cho em, ta không bao giờ chiều em, để đến nổi thành ra một người tình nhân hờ. Hỡi người bạn xinh xinh, em có dám nguyện cùng ta một câu rằng mai kia mà trúng số lớn, em vẫn giữ nguyên một lòng với ta không? À, em ngập ngừng!

Ông...ăn chơi đó, cười hóm hỉnh và cô... thì giả vờ phụng phịu. Hồ nhìn theo họ ra cửa, cảm thấy ra khi người ta có tiền thì những cử chỉ vật vãnh lúc ra ngoài dễ có thể đẹp và gọn lóm. Ngày trước khối lần, Hồ cũng đã được đẹp trong lối dùng tiền của mình. Đối với một người bạn đánh cá ngựa hay chuồng tiền ấy đang ăn tiệc mừng ngày thành gia thất, Hồ gửi đến mười tập vé số, thay lễ vật mừng cưới. Lúc mua hết cả lô vé, chàng nhìn cái mặt bàn bày vé bán nơi đầu phố đã sạch nhẵn, chàng nhìn cô bé ngạc nhiên và hí hửng ấy, lòng nảy lên ý nghĩ là chụp ngay cô vào ảnh và dưới ảnh đề: "Người Đàn Bà của Xổ Số". Lại một lần ấy, có người bạn thân mất ở Sài Gòn, Hồ không vào được, bèn đánh giấy thép bảo một hiệu bán hoa Đà Lạt trong ấy làm hộ cho một vòng hoa và dặn thêm nhà hàng là lúc đem hoa tới nhà đám thì thuê luôn hộ cho một cái xe hơi hòm kính mà đặt hoa phúng vào đấy. Nhiều người hỏi đó đã để ý đến cái xe hòm kính không có ai ngồi, mở máy chậm chậm theo cừ đến tận huyết, trong cả một lòng xe khỏe 12 máy,

chỉ vền vền có một vòng hoa trắng có *ghim* một cánh thiệp mang tên Hồ. Và đối với một vài chỗ đi lại, vốn đã quý tiền nhưng chết cái lại còn biết quý đôi chút về phẩm cách, Hồ đã có một lối đền đáp rất gọn. Là sau mỗi kỳ ăn ở ở đây dăm bảy bữa, lúc ra đi, Hồ bao giờ cũng giả vờ bỏ quên lại một cái đồng hồ quả quít, một cái bút máy thân bọc vàng mạ hoặc một cái hộp đựng thuốc lá bằng bạc cũ, vân vân. Hồi đó, sẵn bạc để mà tiêu cho riêng một thân một mình thôi, Hồ tiêu gọn lăm và nhiều lúc đã phải bực mình về cái lối bỏ tiền ra một cách luộm thuộm vụng về và lèm nhèm của nhiều người giàu có gần chàng. Ừ, ông giàu mà buộc nhau phải thiếu thốn thì chịu vậy thôi, chứ còn đã xúng xém túi thì lại có thể nhem nhuốc đến thế? Hồ thường phàn nàn cho họ. Cái đồng tiền chỉ đáng kể ở lúc người ta biết cầm nó mà quảng lia ra khỏi người mình thế nào cho nó gọn mắt người khác. Được tiêu và không kể là tiêu cho ai hoặc vào việc gì, thế là Hồ thích rồi.

Nhưng bây giờ thì khác. Nhưng bây giờ thì Hồ không còn là riêng của Hồ nữa. Ngoài Hồ ra lại còn một người đàn bà mang tên Hồ - mặc dầu người ấy chỉ là một người vợ xoàng làm nghề bán hàng nước thu vào từng xu một; - lại còn một đứa bé sẽ lần lần lớn lên để đánh dấu tên tuổi Hồ vào cuộc đời; lại còn một cái cửa hiệu cho thuê xe đạp luôn luôn gọi đến thuê môn bài hằng năm và tiền thuê nhà hằng tháng

cùng là muôn thứ chi tiêu linh tinh. Bây giờ, mỗi lúc muốn nói lên hoặc vung tay đưa chân ra là Hồ thấy mình phải nghĩ đến một cửa hiệu nhỏ ở Thụy Khuê, một người bạn đàn bà, một đứa bé. Tất cả tâm hồn chàng và thể xác chàng, chàng đều để cả vào đấy. Cả đến đồng tiền nữa. Đi lĩnh một vé số trúng mười đồng lúc này, Hồ đã nghĩ đến vợ con mình nhiều hơn là nghĩ riêng cho mình trong mấy việc sắp tiêu đến, bằng cái số tiền trúng số. Mua cho vợ một cái khăn để chít vào ngày năm mới sắp đến. Mua cho con một con ngựa gỗ sơn màu hồng - về con ngựa này, trước chàng định mua cái thứ sơn màu xanh nước bể nó mới đẹp làm sao, nó đẹp giống như cái nước sơn khung cổ xe đạp mới có *ghi đồng cuộc* mà chỉ khách hàng nào quen thuộc và tin cậy lắm chàng mới dám cho thuê; nhưng vợ Hồ cứ muốn màu hồng kia, kêu rằng màu hồng giống như màu hoa đào ngày tết và vui ấm hơn; xanh nước biển và hoa hồng đào thì đã làm gì, chẳng nhẽ có một tí thế mà cũng to tiếng cãi nhau nên chàng đã an ủi vợ rằng ừ rồi thì mua ngựa gỗ sơn màu hồng cho con. Thế là vợ một cái khăn, con một cỗ ngựa gỗ và chàng? Chàng, nếu còn thừa, chàng sẽ mua mấy gói thuốc lá, Tết phỉ phèo có tí khói nó cũng vui mồm. Cũng như đã từ lâu đoạn tuyệt được với thuốc phiện rượu mạnh và cá ngựa và đàn bà tay chơi, đã lâu lắm Hồ không hút thuốc lá. Từ cái ngày quyết liệt xa xa ấy, một đêm đi tiểu soi mặt mình vào bãi nước giải

mình và ném luôn cái hộp thuốc lá đầu thép vàng ấy xuống rãnh cống cạnh đấy, Hồ đã không hút đến một điếu thuốc lá nào của cuộc đời này. Đối với khói, thật • Hồ cũng chẳng thèm thương gì nữa. Cả một gia tài chàng đã hóa ra khói cho chàng trông thấy rồi còn gì nữa. Một suýt nữa, nếu không mau chân thì cả một cuộc sống của lòng chàng cũng ra khói luôn. Khói chỉ còn gọi cho Hồ những cảm giác sợ lạnh và những cảm tưởng hồi tiếc. Khói, nghĩa là cháy to. Cháy của cái, cháy tắc lòng, cháy đời người. Đả đảo khói.

Nhưng giá bây giờ có làm quen lại với một tí khói thuốc lá, cũng chẳng có gì là nguy hiểm. Tàn một ngày, ôn lại những điều mình được bằng lòng do cần lao đem lại từ lúc mặt trời nhô lên, ngồi bên cạnh vợ con, hút một điếu thuốc để nhìn khói thuốc bị lẫn vào cái đám khói bếp nó lơ lửng thìện nó to nó cao nó rộng và chắc chắn hơn, thì có gì mà đáng sợ.

*

* *

Tiếng ông Tây Kho Bạc gọi to đã làm Hồ tỉnh cơn tâm sự. Ông gọi con số 150 đến mà linh. Ông nhắc lại từng tiếng “Một trăm năm mươi”. Rồi có đến bao nhiêu tiếng khác phụ họa vào.”- Kia ai là một trăm năm mươi thì vào mà linh đi để còn nhường chỗ cho người khác chứ”. Hồ lại ngồi xuống giở tấm thẻ đồng

của mình ra ngắm. Có một người đàn bà đi đi lại lại trước mặt Hồ, quệt tà áo vào má Hồ, Hồ vẫn thản nhiên như không biết đến. Đã đến nửa tiếng đồng hồ trước, người đàn bà ấy lướt qua Hồ, chứ không phải là giờ mới lướt qua. Hồ đã trông thấy cô... ấy - người đàn bà bệ rạc đang lượn đi lượn lại trong phòng linh tiền kia, chính là cô... từ lúc mới vào và chính lúc Hồ linh tám thẻ đồng số 166 thì...đứng ngay ở quây gỗ sát cánh tay chàng để linh một thẻ có con số nổi vào đấy. Nhưng gặp lại cố nhân -....là một người tình cũ rất thân yêu của Hồ - Hồ không chào....cũng không tỏ vẻ gì là ngạc nhiên. Khi Hồ đứng cạnh nàng và lại càng không một chút ngạc nhiên nào nữa khi Hồ và nàng không chào nhau. Bốn con mắt ấy nhờ có bắt gặp nhau thì chỉ có đứng đưng. Sự đứng đưng của đôi bên lại không có gì là ghê lạnh hoặc thâm oán. Hồ và...đã nhìn lại nhau ở đây như là nhìn người thiên hạ, không một tí rung động của thờ thịch, không mấy may biến chuyển của thần thái. Hồ và...gặp lại nhau chỉ như là một người lạ thấy một người lạ. Ngoài Hồ và....ra, đổ tất cả một phòng đầy người này dám nói chính hai người đã là một lứa đôi quen thân nhau, quen ý ăn quen nết ở và có những lúc đã song song cùng đi trên những thoi đường dài tới đôi ba năm ròng - qua mỗi mốc đường, lại đánh rớt xuống ít tiền bạc, vứt xuống đấy một bó hoa tươi và sợ hoa héo thì

lại rót sẵn luôn xuống một cốc rượu. Trên con đường ấy - mỗi hòn đá và là một đồng tiền phung phí. Hồ và... đã cười nhiều hơn là khóc. Cho đến một ngày gần đây, thấy nụ cười đã héo vắng dần và cuộc vui đùa tay đôi ấy chỉ còn là gương gạo, Hồ đã xòe một bàn tay thành thực bắt lấy bàn tay... ngậm ngùi và ngần ngại. Người đàn ông vốn bao giờ cũng can đảm hơn người đàn bà và xử sự vẫn khúc chiết hơn nên Hồ đã chứng chạc bảo Suy Đan: - "Chia tay đi thôi chứ. Ăn cỗ bát, không nên đợi đến lúc người ta đưa chè xôi ra rồi mới chịu lui mà đi về. Trong sự gần gũi nhau, có những lúc nên giải tán sớm đi một tí thì lại hóa ra hay. Rón ngôi thêm một giây nữa, chút dư vị của nhau sẽ tan đi một cách oan uổng. Chúng ta đã biết nhau trong thừa thãi của tiền bạc, chúng ta đã được tiền bạc và vô tư lự cho chúng ta thực hiện đời sống tình cảm đến triệt để trong một thời hạn kể cũng đã là bên rồi, nay tiền bạc đã bỏ mình mà đi trước rồi, thì hai đứa mình cũng nên chia tay nhau đi thì vừa". Người đàn ông nói câu ấy không vấp viu lúng túng. Hồ vốn là người can đảm, không có những lối nể nang vô nghĩa lý và tiêu cực của tình cảm và lúc chia tay, lúc phải chia tay với ai hoặc với một vật gì - một khoảnh vườn đoạn mại, một cái xe gắn vào một tiếng bạc thua, một con chó một cái máy hát sang tên chủ cho người yêu - chàng đều tỏ ra là người sáng suốt.

Thấy Suy Dan còn thốn thức, Hồ nói thêm: “Nín đi người đàn bà. Lúc này là lúc người đàn bà nên làm khác cái bản tính sùt sùi của mình. Thôi, tôi đi ra khỏi đời nàng đây. Tôi đi ra, không một vết dấu gì của oán kết. Và nàng đi tiếp cái đời sống nàng, đừng chút vì vương bận về ta. Mà này, giá tôi và nàng cùng thề độc với nhau một câu đã rồi hãy chia tay. Là cùng nguyện rằng sẽ không chào nhau một lần lỡ gặp lại chỗ đông, là sẽ không khi nào tìm lại nhau bất cứ ở chốn nào nếu có chợt nghĩ gì đến nhau. Bao giờ đồng tiền lại lộn về với tôi đông đúc như hồi mới gặp nhau, thì chúng ta lại sẽ làm quen với nhau như ngày mới gặp”.

Cái đêm bỏ Suy Dan ấy, Hồ vận lái chiếc xe hơi mình qua phố Kinh đô, tốc lực nhanh như sức sao sa, đội xếp tha hồ mà huyết còi. Cái xe ấy vốn cầm cho nhà ga ra sắp đến hạn mất đứt xe, Hồ đã cho đổ ết xăng vào xe, với cái ý chua chát rằng đây là lần ết xăng cuối cùng, chàng đã lăm lái rú ga như một người lính cầm tử xông vào trận hiểm, định nếu không được tan xác cùng với xe ở những chỗ rẽ ngoặt thì lúc nào hết ết xăng, chàng sẽ cho đời mình hết luôn bằng một tiếng “cho lửa” nổ.

Ấy thế mà đêm ấy Hồ vẫn còn được làm người và sau đấy ít này, Hồ đã trở nên một chủ hiệu xe đạp xinh xắn ở ngoại ô. Trong mình người chủ hiệu bé

bồng ấy, đã có chôn đi mất một người để làm sống dậy một người khác đang định lấy lại một chút trình tiết cho tâm tư, bất cứ bằng cách gì.

Mãi đến lúc thấy phải đợi linh tiên là lâu quá chừng, phải đợi cho họ gọi đến lượt mình, ngồi đã sững cả người ra rồi, nếu không vận tâm trí ra mà dính mình vào với người và cảnh ngoại vật lộn xộn kia thì có lẽ đến ngủ ngồi ở đây mất, mãi đến phút đó Hồ mới để ý nhìn Suy Dan. Suy Dan ăn mặc tẻ quá. Cái lối phục sức ấy là một lời tuyên bố rõ ràng về một nông nổi nghèo thiếu của một kiếp sống có hẳn một cái luân lý hỗn loạn và lười biếng. Cái gì mà lại quần ta và áo vành-tô của đàn ông thế kia? Cô Suy Dan đã bừa đến nước ấy rồi kìa à! Phục sức ra chỗ công chúng mà dám đắp lên mình những thứ quần áo không đi với nhau và có chiều chấp hết cả sự nhòm ngó của chung quanh, thì tới lúc đó người ta đã là một sinh vật có một quan niệm đáng khiếp lắm về đời sống của cả mình và luôn của cả chung quanh nữa. Cái quần sa tanh trắng của Suy Dan đã ngả màu thời gian có cái công dụng là gây được việc ghê sợ cho bất cứ ai còn biết thêm đến cái trong sạch ở đời này. Những lúc Suy Dan không đi lại trong phòng Kho Bạc gấu quần nhét chặt vào kê gót và mặt guốc - Ôi! Một đôi guốc mà cái thân mỏng dính đã nhắc nhở đến nhiều buổi kéo bộ dài hạn trên các mặt lè đường đồ xi-moong, một đôi guốc mà quai thì lại hai thứ! Ấy thế rồi ở cái

gấu quần ấy chỉ có những vết bùn. Nếu ống quần về phía trên không có những vết của bùn đất rõ rệt thì lại rải rác đây đó những vết tì ố. Người cố nhân đã chẳng kịp phân biệt thế nào là bẩn sạch và vì có nhận ra thì cũng chẳng có quyền chọn. Một mùi tanh tanh quanh quất người. Hồ lúc ấy vẫn ngồi lìm trên chiếc ghế lim. Suy Dan đứng sững xoay nửa lưng lại chàng cách có một tầm rưởi tay. Giờ Hồ mới nhìn đến cả phần trên của Suy Dan. Ngực nàng không còn, mông không còn. Liều ngày nay hoàn toàn gầy cả trăm phần. Và thân trên người cố nhân giờ là một cái áo vành-tô ka ky nhà binh, cổ đứng che kín cả cổ, chỗ miệng túi con vẫn còn nguyên mấy hàng khuyết để dắt cuống huy chương. Người cố nhân đã phải gá nghĩa với một bức dưng sĩ nào chẳng? Chao ôi, tiếng thở dài của Hồ chan chứa một niềm trắc ẩn có chen lẫn vào ít nhiều tiếc than và kinh tởm. Giá chàng đừng thân hành đi xuống đây hôm nay và cứ ở nhà chơi với con hoặc đem cái khung xe đạp của cái ông gì gửi đó ra mà sơn lại và kẻ chỉ thì có hơn không?

Hồ ngược nhìn mặt Suy Dan, cái người bạn nhỏ xưa kia đã có một thời thừa tiêu biểu cho cái phần hương của thị trấn, đã có một thời đi hẳn vào lòng chàng và lúc đi ra khỏi chàng thì lại bẻ queo đời chàng vào cái đường này, một con đường ngang dằng đặc những chịu thương chịu khó và rẽ ngay vào một cửa hiệu xe đạp. Hồ còn nhớ lúc chàng quét dọn lại

những đồ vờ trong lòng mình, thu giấu nó lại một góc để chôn lấp nó đi và cốt để cho mình được vui vẻ chào Suy Dan khi phải vĩnh biệt nhau. Hồ còn nhớ hôm đó Suy Dan lộng lẫy lắm kia, tưởng nàng không bao giờ lại có thể sa sút đôi rách như thế này. Suy Dan của ngày ấy có cái vẻ đẹp của một thứ người chỉ biết sống để không cần lao mà cứ luôn luôn cho mình quyền giải trí, chỉ sống cho tiếng cười cho miếng ngon, cho tư lự và xe và người khen ngợi mình.

Nàng rất hồn nhiên, hình như cô ta ở từ đâu lại với chúng ta. Một lần ấy, mẹ mất, Suy Dan tưởng là bà cụ lại ngủ rất nhiều hơn mọi ngày thôi đấy chứ gì. Đến lúc mọi người bảo cho cô biết đến cái sự thực rất ghê gớm ấy nghĩa là cả nỗi tử biệt cô cũng vẫn nói cười như thường. Mãi sau Hồ giục mãi cô mới khóc và lơ mơ hiểu rằng cái tiếng khóc một đôi khi lại còn là điều cần dùng và cái giá của nó, có ít nhiều trường hợp, lại còn cao hơn cả giá tiếng cười. Nhưng cô khóc van thế nào ấy - cứ xem một lần ấy cô khóc mẹ đẻ thì đủ biết. Giọng cô khóc không tỉ tê mà cũng chẳng lê thê. Nó đánh âm, rồi nó rớt đánh ạch một cái xuống mà hết ngay. Hiện ra đánh vụt một cái rồi lại vụt một cái mà tắt nín. Thế có lạ không.

Một lần khác, ngồi ô tô với Hồ, đến chỗ đường hẹp ấy phải đỗ xe lại cho cái xe bò chở đá tảng vẹo bánh

gãy trục kia có đủ thời giờ giả lại đường, Suy Dan hỏi Hồ:

- Những người đẩy xe bò kia sao lại gắn con số vào áo mình? Con số phải gắn vào xe chứ?

Hồ thuộc tâm hồn nàng, biết nàng không chơi chữ mà nói câu ấy, liền giảng rất có mạch lạc cho Suy Dan hay rằng đây là những kẻ đã đi lầm đường mà chuộc lại những điều ác đã gây nên với xóm giềng làng nước, họ đã không được là của họ nữa và họ giờ chỉ là người của Nhà nước. Và đã như thế thì mặc áo có số. Trong số những người của Nhà nước bị đẩy xe đá kia, hẳn cũng có người bị oan uổng. Nhưng điều đó cũng không hề gì và đeo con số vẫn tức là đi tù. Và ai cũng rất có thể là đeo con số được, nếu mình không gặp may, nếu mình hay coi nhẹ lòng mình và cử chỉ mình.

Suy Dan nghĩ về câu giảng của Hồ một lúc rồi cười ngất ngèo:

- Anh nói điều, anh đến là hay bịa chuyện. Về bất kể cái gì em động hỏi đến là anh cũng ứng biến trí trá rất khéo được.

Từ đấy Hồ không giảng gì cho Suy Dan nữa. Cái đầu người đàn bà hay vui ấy không chịu nhận cái gì cả, ngoài mấy thứ cần hàng ngày cho nàng: câu cười, tiếng khen, thịt cá, hoa quả và cái xe...vào những lúc không là cái giường. Đáng để tâm nhất là cái lúc đó

thấy có tiếng gọi ở cổng biệt thự thuê, tướng Hồ về nàng chạy ra. Nhưng đấy chỉ là một người ăn mày gọng gàng rất đứng đắn tuy chưa lấy gì làm có tuổi lắm. Thấy y kể lễ thì Suy Dan hỏi vặn ngay người ta rằng sao lại không ăn cơm luôn luôn để đến nỗi phải đói. Rồi sẵn tay cầm, nàng cho luôn kẻ khó kia một mảnh lay-dơn trắng, chào người ta bằng ông và khép cửa đi vào.

Suy Dan vốn là sự vui vẻ. Không bao giờ tư lự. Những lúc có một điều gì gần như buồn sắp tới thì nàng đã tiêu rất nhiều tiền để ngăn trước nó, không cho nó đến. Tiêu tiền vung lên, vậy mà cũng mệt và cũng phải có quen, chứ không thì cũng dễ ốm lắm. Nhưng mệt thì Suy Dan lại ngủ yên như giấc của kẻ công bình. Còn cái gì thuộc về siêu lý mà lên nổi vào lòng một giai nhân bình dị như thế. Thành ra không bao giờ nàng biết đến cái buồn. Bởi vì tiền thì luôn luôn sẵn, nàng cứ tiêu và Hồ cứ đếm hộ chỗ còn sót lại rồi lại vẫn tiếp đến cho thực nhiều, thực thừa thãi.

Đối với tiền, Suy Dan có một cách hiểu biết dễ thương lạ. Là không bao giờ nàng lại tin rằng nó là thành tích của cần cù, không bao giờ lại phải tìm mới có, không bao giờ nó lại có thể hết được. Lần đó, Hồ chậm đưa tới, nàng ngờ ngợ rằng tiền có lẽ cũng có thể hết được lắm, rồi nàng thấy hơi phiền phiền. Nhưng Hồ vẫn sát cánh nàng, nên nàng không kịp

sớm biết đến nỗi phiền muộn của đời sống. Bối tối ấy, cầm một tờ giấy bạc mới nguyên và rộng khổ nàng đọc to mấy dòng chữ in ở lòng bạc: “Điều thứ 139 luật hình phạt tội khổ sai những kẻ mạo và làm giấy bạc giả đã được phép nước thừa nhận”. Nàng đọc tách ra từng chữ lên xuống giọng như chúng ta cao hứng ngâm những lời tập thi. Rồi nàng hỏi bạn nàng: “Thế nghĩa là gì hở Hồ!”. Hồ cười sê. Và không chịu giảng. Chàng đã nhớ đến cái lần chàng uống công cất nghĩa cho Suy Dan về cái chuyện bọn nhà pha đẩy xe bò đá tảng rồi. Chàng chỉ nói một câu ngắn cộc không ăn gì với câu hỏi: “À thế là giấy bạc à!”. Rồi lúc nào những cái đẹp giấy in ấy gần với mỏng mãi đi ở gần tủ, thì Hồ lại đưa thêm đến. Chẳng biết lúc vận của lại thì có khó khăn vất vả gì không, nhưng mỗi lần Suy Dan chỉ cái đồng giấy đó cao thành đẹp có ý hỏi qua Hồ một chút thì câu trả lời của Hồ ngoan và gọn lạ “À, tiền mà!”.

Tình tình Suy Dan như thế, quan niệm nàng đối với đồng tiền với cái sống cái chết như thế, bấy nhiêu đã tạo cho Suy Dan một bộ mặt đẹp một cách bình tĩnh hiền lành như mặt các gái đồng trinh bên giáo.

Hồ đã nghĩ đến khuôn mặt ngoan ngoãn ngày xưa đó và rất kinh sợ thấy vẻ mặt Suy Dan hôm nay đầy những dấu vết tàn phá của đời sống chật vật và thiếu thốn. Ở đây giờ lại hiện lên những nét kiêu bạc và bạo

ngịch nữa. Hồ bất giác lại nhìn xuống mười đầu ngón tay mình đã hết sắc trắng hết hình tháp bút và chỉ còn là đầy chai đầy sẹo và đầu thì rũ tóc tai “Mình thì làm nghề chữa xe đạp. Còn nàng nàng đã làm những gì từ ấy đến nay để dung nhan tiêu tụy tới thế?”.

*

* *

Hồ đã trả ông Tây Kho Bạc cái thẻ đồng và linh mười đồng bạc ra, chàng gặp Suy Dan đến lượt vào linh. Trong giây lát bốn mắt gặp nhau. Lặng lẽ, mệt mỏi, thân nhiên, Hồ đi thẳng ra cửa chính. Người đàn bà đã nhận rõ chàng cũng không nhìn theo.

Sang đến nhà kèn công viên Bôn Be, Hồ vụt có một ý kiến là sẽ không cầm số tiền trúng số đi mua con ngựa gỗ sơn màu hồng như đã định nữa. Hồ sẽ dùng chục bạc đó mời Suy Dan đi ăn với chàng. Gặp lại cố nhân hồ đã dễ - mặc dầu cố nhân chỉ còn là một cái giẻ rách ủ gói một chút hơi tàn. Để khỏi phiền trách mình về sự đổi định kiến trong cách dùng đồng tiền một buổi sáng ấy, Hồ tự an ủi rằng mình còn cả một đời sống lành mạnh của mình để ăn ở với một đứa con để mua đồ chơi cho đứa bé, không mua ngựa gỗ cho nó hôm nay, thì mai mua, ngày kia mua, lúc về vợ có

hỏi thì cũng cứ bảo thẳng cho vợ biết là lỡ dùng tiền vào một việc tình cảm riêng thuộc về đời cũ mình rồi. Và nếu cần phải nói dối để vợ khỏi lo sợ vô ích, thì thiếu gì cách bịa ra chuyện.

Hồ nhanh bước đi sang phía lề đường Kho Bạc vì Suy Dan vừa ló người ra khỏi cửa chính. Mắt nàng nhìn ra chung quanh, yếu đuối cả đến cái dáng đứng sững, hình như đang hỏi mình nên đi về phía nào. Hồ đã tiến sát hẳn vào người nàng mà mặt nàng cũng chẳng chút rung động. Lòng Suy Dan đã đi tới một mực dừng đứng đã đầy công tập luyện lắm.

- Chào Suy Dan. Tôi muốn nói chuyện với Suy Dan hôm nay. Đã lâu lắm.

Suy Dan không trả lời Hồ. Nàng cứng hẳn người ra, nét mặt xa vắng hẳn đi, mắt gờ vào cái rỗng tuếch khoảng không phía trước. Cái người đàn bà phục sức bữa bãi chấp nói ấy giờ là pho tượng đá biểu tượng cho Nghèo Đói và Kiêu Căng. Người lính khó xanh đứng gác cổng sở gần đấy, càng mỗi mắt nhìn. Hồ lại nhắc lại câu nói, ghé miệng gần vào gáy Suy Dan. Nàng không quay đầu lại, ưỡn thêm ngực ra như trả lời cho không gian:

- Hồ quên mất nhờ ước rồi. Sao chúng ta lại còn chào nhau. Lại nói với nhau thì càng không nên nữa.

Bây giờ chúng ta không là chúng ta của ngày nọ nữa.
Bây giờ là xa lạ.

- Tôi biết lắm. Tôi nhớ lắm. Nhưng...

- Nhưng...Hỗ muốn gì?

- Cùng đi với nhau một vài phố.

Mất một lúc lâu nàng mới chép miệng, tiếp:

- Hỗ đã muốn thế thì cũng chẳng khó gì. Thì cùng đi.

Giọng nàng đều đều, không tiếng thấp không tiếng cao, một thứ giọng của người đã hết cái sinh thú nói chuyện, một thứ giọng của người không muốn nghĩ thêm về những điều mình đã phải bày ra bằng lời. Hai người bèn lấy xe, tìm đến một quán ăn có bán cả rượu. Cái hiệu ấy ngày trước Hỗ và Suy Dan đã từng để lại rất nhiều kỷ niệm của phung phí thừa mứa.

Tất cả thực khách hiệu ấy đều ngừng cả thìa đưa lại mà nhìn cái đôi vừa vào kia đang chọn bàn. Họ không hiểu tại sao hai con người bản thủ rách vá ấy lại có dáng đi đài các và vững vàng như thế. Tội bởi bàn không dám khinh nhòm nữa khi Suy Dan và Hỗ đã giả chúng tám thực đơn và gạc dấu vào mấy món đắt tiền mà chỉ có người sành ăn mới biết đến. Chờ món ăn, Suy Dan để cầm vào lòng tay, ngắc mắt lên hỏi:

- Vậy Hồ muốn nói chuyện gì? Cầm tiếc than. Cầm nhắc lại chuyện xưa và hỏi chuyện bây giờ.

- Khi nào, tình cờ thấy lại nhau thì cùng ngồi với nhau một lúc. Thế thôi.

- Này, Hồ trúng số bao nhiêu?

- Hạng cuối.

- Vui đấy. Suy Dan cũng vậy. Bảy giờ ăn uống gì cho nó vào cái số hai chục. Suy Dan góp vào đấy cái số vừa trúng.

Hồ định phản đối ý kiến ấy, Suy Dan liền nói ngay:

- Nếu không bằng lòng thế, tôi đứng dậy đi ngay. Hồ còn nhiều cái tình cảm lắm lắm. Sao lại không bắt chước người Hồng mao.

Nàng liền móc túi áo tây - giờ Hồ mới để ý biết là Suy Dan không có ví đầm - lấy gọn chục bạc đưa ra, kênh cái bình hoa lên, dặt vào đấy. Thấy cặp mắt nàng quyết định lắm, Hồ đành chịu, mỉm cười và cũng lấy tiền ra, để xuống tròn lọ hoa.

Món ăn bưng ra. Rượu rót vào cốc. "Hai người lặng lẽ ăn uống, lặng lẽ đối diện nhau như ở những bữa cơm nhà trọ, người tứ chiếng bị ghép vào một mâm. Thình thoảng người đàn bà lại ngấm người đàn ông đang cùi cùi mài miết trên cốc rượu. Nhưng lúc Hồ

định ngẩng lên thì Suy Dan lại vội cúi xuống. Hai người hình như sợ những phút nhìn thẳng vào mặt nhau. Họ uống rượu đều nhau gồm, không vội vàng và cũng không có ý kéo dài bữa ăn ra. Bữa ăn lặng lẽ mà không khi không nặng nề khó chịu. Bởi vì mỗi người đã bằng lòng nhận cho nhau là một thế giới rồi. Thứ nhất là Suy Dan, Hồ thấy tâm cảnh nàng có giống như cái cửa một vị quan bị cách xoay lưng nhà ra mặt đường phố và ở mặt tường hậu ấy không có trở một khung cửa sổ nào.

Lúc dùng đến hoa quả, Suy Dan hỏi:

- Đi chứ?

Hồ lẳng lặng đứng dậy, trả tiền cho bồi, đã đưa trình bông tiền ăn và bảo bồi giữ lấy tất cả chỗ tiền lẻ còn thừa.

Ánh sáng ngoài đường soi vào mặt Suy Dan giờ đã bớt xám vì có chút hơi rượu. Đi được độ mười bước, Suy Dan, vẫn bằng cái giọng đều đều, tẻ tẻ, bảo Hồ rằng: “Đến ngã tư kia tôi chia tay Hồ”.

Từ đây đến “ngã tư kia”, Hồ không nói thêm một câu gì. Chàng bận vì một ý nghĩ: lâu lắm, đã lâu lắm, chàng không có dịp dùng thời giờ như thế này. Đúng đến ngã tư Suy Dan lên xe, không chào, không quay đầu lại.

Hồ đứng ở ngã tư ấy, chờ chuyển tàu điện về Thụy Khuê và nghĩ về Suy Dan, chàng thấy xa nhau bao lâu, giờ đời Suy Dan đã thêm được một cái đức Khái. Buồn. Xa. Tiện tay chàng mua của đứa trẻ hàng rong một quả bóng cao su mỏng. Chàng thối thủ xem cái cựa gà kèn ở đầu bóng có kêu không. Quả bóng đỏ càng thối càng cứng càng nhạt màu rồi vỡ đánh bộp một cái, trước khi kèn kêu. Thì chuyển tàu điện vừa đến. Chàng lên. Suốt dọc đường, Hồ vẫn lấp lại trong đầu rằng lâu nay chàng không có dịp dùng thời giờ như thế này.

*Thanh Nghị số 36,37,40,41
(5-1943)*

NHỮNG ĐÚA CON HOANG

(Tùy bút)

“Có những sự thực không tiện nói ra”

Ấy là một châu hát tất niên mà lại là một châu hát đặt từ hai mươi bốn giờ trước. Xóm chơi thì khu ấy là hạng nhất, nhưng nhà hát thì cũng chỉ vào bậc trung thôi. Tôi mến cái lâu ấy vì mấy lẽ này: 1) Chủ nhân vốn là con gái út một vị Đề đốc đã bất đắc kỳ tử tại bãi lau một tỉnh trung du, - nổi tiếng vì cái tính khinh người và lúc đã quý được người nào thì chiều như chiều vong và có lắm lúc lại còn tự đắc thắm về những điều thua thiệt. Thế rồi là lặn vào mà nói chuyện, những buổi cao hứng. Chuyện của chủ nhân nhiều đoạn có thừa giá trị của những trang dã sử về lớp người cũ gần đây. 2) Con em trong nhà biết tuân theo gia pháp; mỗi lúc các cô cười nhiều quá làm bận đến câu chuyện riêng của quan khách thì chủ nhân chỉ lừ mắt một cái là họ phải đi chơi hết, lúc nào có

cho gọi về thì mới dám bén mảng đến. Bao giờ tôi quên được cái kiểu ngồi nhai trầu của người lão kỹ - già vì đời sống chứ không phải già về tuổi - mặc cái áo bông, đỉnh đạc ngồi bên sập, sai bảo các “dì nó” toàn bằng mắt. Chừng như chủ nhân hiểu rằng, ở một ca nhi, giọng tiếng chỉ nên dành cho lúc hát. 3) Ở đây có một u già - nguyên là nàng hầu một vị Lệnh doãn đã thất lạc - biết nấu nướng đúng cái sở thích của tửu đồ, coi cá thịt ở mâm chỉ là một cái cơ làm vui cho riêng mắt và mũi thôi.

Ấy vào một đêm của một năm đang ngà màu⁽¹⁾, chúng tôi đã hát một chầu tất niên ở một nhà hát có những mùi vị cũ kỹ như thế. Thời tiết cuối năm, đã hẳn là đêm dài tha hồ mà thức với nhau, nhưng chúng tôi vẫn chưa cho là đủ và đã kéo nhau xuống từ trước lúc sương chiều thả giọt. Qua các phố, nhiều hiệu buôn đã nghỉ hàng - nơi những tấm cửa lụa kín mít đã dán sẵn vuông giấy yết ngày khai trương sang năm. Trên hai xe trước song song nhau, Lũy hỏi sang Mệnh rằng có lẽ giờ ở khắp các phủ huyện, người ta đã làm lễ hạ ấn cả rồi đấy nhỉ. Ở nhiều đầu đường lấm trề, thoáng bay mùi diêm sinh của pháo đưa năm.

- Lay ba ông ạ. Con bày mâm trên gác xong xuôi cả rồi.

(1) Mấy chữ “năm ngà màu” là mượn tạm của ông Nguyễn Lương Ngọc (*Xuân Thu nhĩ tập*).

A, cái u già của nhà hát hôm nay lại mặc một cái áo cánh bông mới.

- Sao nhà vắng trơ thế này hở u?

- Bà con vội lên chợ Đồng Xuân mua thủy tiên chưa về; buổi sáng bà con quên mất. Còn các cô con thì đều đi sắm tết hết. Các cô bảo rằng có các ông xuống hát, các cô ấy đều khó nói khó cười quá; có ngồi đấy thì cũng là thừa, các ông cũng đến cho đi chơi hoặc xem hát cả thôi. Để con đi quạt cái hỏa lò than, các ông pha nước lấy thì phải với ý các ông hơn.

Lủy và Mệnh đã ôm những gói xinh xinh lên gác trước. Tôi lên cầu thang rất chậm, đầu còn bần những sung sướng. Tôi dừng lại ở từng bậc thang. Vào ngày này của năm hết tôi tưởng chừng như chỉ có tôi là người biết sung sướng thôi. Lòng tôi tràn ngập vì ý thỏa thuê của tình bạn đem lại. Lòng tôi thừa ấm trong đêm đông cuối mùa này. Cạnh tôi, tôi đang có hai người bạn thân. Đứng trước cuộc sống đầy học hiem, lắm lúc chỉ có một mình tôi trơ ra với tôi thôi mà tôi cũng có đủ can đảm để đương đầu rồi. Hướng hồ giờ lại có thêm Lủy và Mệnh đi bên nữa thì tôi còn coi cuộc sống trong giây phút này ra gì nữa. Bất giác nghĩ mà lại xót xa cho những tấm linh hồn cô đơn vạt vờ trong không gian giữa khoảnh khắc thời gian này. Năm cùng, đêm lạnh lẽ, không một chút tình bạn.

Rồi không hiểu tại sao tôi lại thấy bận lòng vì điều chết - những lúc tôi sung sướng quá độ, ý nghĩ chết thường chen vào tâm tưởng. Giá lúc đang lên thang này, trúng một đợt gió độc, mạch sống đứt phụt, được đặt hai cánh tay xuôi vào lòng hai anh bạn Lũy và Mệnh, tôi cho là đẹp lắm. Cái chết như vậy đã là xứng đáng. Tôi sẽ không cần đến ai đưa tôi đi ngủ nữa. Đám ma tôi có Lũy và Mệnh đưa tôi về nhà ở cuối cùng là đủ lắm rồi. Mắt tôi còn dờ dờ và đỏ hoe khi tôi bước vào khoảng ánh điện rõ ràng của gác nhà hát. Lắm phút thống khoái quá, nước mắt hay trào theo ra có khéo lắm mới giấu được.

Lũy đang chuyên trà. Mệnh mở lồng bàn đẩy mâm rượu, cắm mấy nén hương lên ngọn đĩa xôi. Tôi bỏ thêm thỏi trầm vào lò đun nước. Hương trầm nhang thơm như hương lòng ba đứa tôi lúc ấy. Tôi cảm thấy phút sống lúc này là một vinh dự, là một sự chịu ơn của ai ở trên đầu mình, ở gần quanh mình. Gác nhà hát rộng và sáng rực và chỉ có ba người đang lặng lẽ nhấp những chén trà nóng, hương bay nùng và vị quện lấy giọng. Chúng tôi đều như đang thông cảm với một cái gì trong khoảng không. Sự đang trầm lặng giữa chỗ ồn tạp đây là đáng nể vì lắm. Không ai nở cất tiếng nói để phá tan cái chốc lát huyền ảo tình cờ này. Lòng tôi đang tan hòa vào lòng chiếc đĩa dầm bộ đồ trà vẽ Xích Bích. Nơi đáy đĩa, con thuyền hình

như... mà kìa ! Đang nhẹ nhẹ trôi. Cả mảnh giăng lam nữa.

Chúng tôi giật mình, trở về với sự thực. Chủ nhân đã bước vào, tay đưa một cốc thủy tiên hoa đơn còn hàm tiếu đến quá nửa. Lũy và Mệnh cười, vẻ cười thay một lời chào của những người đã quen nhau quá. “Hoa của chợ chiều đấy”. Chủ nhân vừa nói vừa đùa vuốt lá củ hoa và đòi lại cái đĩa vị trà nô, thay ấm trà mới và trách tôi:

- Tưởng là khách lạ. tôi ngại quá. Té ra là ông Lũy và ông Mệnh. Cái ông Nguyễn này đến ồm ờ. Hôm qua tạt lại dặn rằng “mai sẽ uống rượu”, tôi hỏi là “có những ai” thì lại bảo là khách tình lẻ về chơi. Làm mình ngại quá.

Lũy, giọng điềm đạm:

- Thành ra có đến hai năm tôi mới lại gặp lại chủ nhân đấy nhỉ. Sao bảo bà không dọn nhà hát và đã đi lấy chồng rồi. Tôi ở trên rừng, tin tức đưa lên, toàn là nhầm cả.

- Đúng đấy ông ạ. Tôi nộp khoản tái tòng mới chừng có nửa năm nay đấy thôi. Cũng là hay. Chứ giá không lộn về dọn nhà lại, thì đâu lại có dịp gần được nhau như vậy nữa. Nhà văn rủ nhau đi hát, hẳn là phải gặp lúc yêu đời lắm hoặc là chán chương lắm. Cho tôi chia cùng. Được chăng ? Hôm nay tôi cũng

phải uống. Rồi đóng luôn cửa, ăn tết cho nó sớm hơn mọi năm một chút. Qua năm mới, sẽ nắn lại giọng hát. Đã có sao. Tôi xuống dặn người nhà ít việc sẽ xin lên ngay đây. Thế vừa nghe hát vừa uống rượu hay là thế nào để cho “sự chủ” còn liệu, hử ? Hử cái ông Mệnh đang trầm ngâm kia?

Để trả lời, ba đưa tôi vẫn lại chỉ cười. Chủ nhân xuống lầu. Chúng tôi lại có dịp được lắng thêm mình vào cuộc đời tiềm tàng của riêng mỗi người đã được trở lại trong tịch mịch của mái lầu không đàn bà.

Lũy rút bút máy, chẳng rõ đang ghi những gì vào cuốn sổ tay. Mệnh ngồi viết nốt lá thư an ủi một người bạn ở xa. Ban chiều gặp tôi ở nhà in, Mệnh đã chia cho tôi xem lá thư ấy mới vền vẹn có hai dòng “Kính thành, Nguyên đán tiết, tiền lục nhật. Hà Phú Nhân nhà giám”. Tôi nằm, ngửa mặt nhìn cái lá thiên tuế khô trên xà thượng lương. Tôi đang nghĩ về Lũy, ý nghĩ đầy kính yêu. Làng văn xứ sở ngày một đông thêm nhưng rồi ai sau này sẽ được như Lũy? Chà, dám đo được với đời sống của Lũy thì lại cũng chỉ có những văn phẩm của Lũy thôi. Nhiều bạn cùng nghề ở đây, tạo nên nhiều công trình lạ và quý nhưng cuộc sống riêng thì nghèo nàn và lòng thì hẹp hòi. Có nhiều bạn khác đời sống về tình cảm và trí tuệ rất là phong phú mà những “đứa con tinh thần” tạo ra thì lại rất bo bít và ngờ nghệch. Từ sáng tác đến cuộc đời

hàng ngày của từng văn gia, có được sự cân đối, khó vậy thay! Người Lũy và văn Lũy đã có được sự quân bình ấy. Đời Lũy phơi rộng, lòng lữ quảng đại và ý văn của Lũy thì có cái hương bao la của tất cả những cái gì của cuộc đời - ngũ quan có thể ký nhận được và tâm óc có thể lượng tưởng đến.

Đến hai năm nay, Lũy không cho in gì cả. Anh lên rừng ở, chăn ngựa nuôi ong, sống với dân Mọi Tây Kỳ. Tin tức của anh năm thì mười họa lọt về chỗ thì thành có bóng bạn, thường chỉ là một chai mật hoặc gói trứng kiến. Hỏi người lão bộc của Lũy về cận trạng chủ y thì tên đầy tớ quắc thước chỉ nói rằng Lũy “văn mạnh và gửi gói trứng kiến về để biếu các ông đồ xôi.” Hỏi gắng thêm nữa xem Lũy có hay thức đêm đọc sách như trước thì người đầy tớ già cho hay rằng Lũy đã biếu một đức cha gần vùng đấy cả cái tủ sách. Như tôi còn nhớ thì đấy là một tủ sách triết học và nhân sinh học rất quý. “Chính con bưng sách sang cho cụ đạo. Nặng lắm ông ạ. Con không có chữ, nhưng lúc ông con đem cho hết đi, con cũng thấy tiếng tiếc thế nào ấy. Lắm quyển vàng son đẹp như câu đối.”

Có một lần - phải, Lũy có viết về - anh gửi chung cho mấy đứa tôi một bức thư. Có nhiều câu tôi nhớ như chôn vào lòng: “Nghệ thuật là gì? Nghệ thuật là một sự khổ hạnh. Chúng ta đều hiểu như thế cả và đều vui vẻ nhận lấy cái định thức ấy như nhận lấy

một định mệnh. Nhưng có cái gì trong đó vẫn không cho tôi chịu phục. Tôi vui lòng với khổ hạnh, lúc ngồi bút đề xuống trang. Chỉ những lúc bút đề xuống trang thôi. Còn ngoài ra, lúc đụng cánh với quanh mình, mình phải đủ những điều kiện vật chất để mà sáng tỏ, dầu có phải cháy bùng bằng những ánh đuốc xa hoa thì cũng không cần phải tính đếm đến kia, thế mới là phải. Có khi người ta thường tự an ủi rằng kẻ nghèo thường làm thơ hay. Tầm bậy. Đây là những câu tiêu cực của những kẻ ngụy cảnh ngộ. Viết để làm gì, nếu tâm hồn mình không cất được cánh lên. Cái đầu bọn văn sĩ đã là nặng rồi, cái hồn trong ấy lại cũng không bổng nhẹ được nữa thì nói gì đến nhiệm vụ.

“Bây giờ, cung cách trong đời sống đã đổi khác cả. Có những cái xe chạy trên gỏi nhanh như con tinh lạc tốc lực mỗi giờ tính cứ hàng trăm dặm một. Sao chúng ta lại cứ an với cái phận người bộ hành. Mình cũng phải ngồi lên một cái máy cho nó chạy chứ. Nếu có phải đi bộ, thì những lúc ấy mình chỉ nên coi là lúc cần phải thông cảm với tạo vật, với tự nhiên và cần phải nhẩn nha như thế để cho ngũ quan kịp ký nhận sự tung bùng của cây cỏ mây nước quanh mình.

“Thần hoặc, vẫn có nhiều tập thơ chan hòa những lời cao quý rộng thoát của những nhà văn nghèo, vui với hoàn cảnh thiếu thốn, không cho thiếu thốn hằng

ngày dự vào lời viết và, trong lúc phụng sự tiếng mẹ đẻ, trong lúc sống với quanh mình, lòng vẫn rộng rãi như lòng đức Phật. Nhưng đây là những bậc á thánh, đây là một thiểu số. Mà còn chúng ta thì vẫn chỉ là người.

“Các anh liệu lấy phen. Thôi, chào các anh, tôi lên rừng đây. Chưa rõ là làm nghề gì, nhưng sẽ liệu dần. Bao giờ được ngồi xe hai mươi bốn ngựa, tôi sẽ xuống núi về thăm các anh.”

Cách đây hai tháng, Lũy đã về với Hà Nội chúng tôi, để in một cuốn sách. Ngựa xe anh chưa có, nhưng anh đã dành dụm được thừa một số tiền để tự mình xuất bản lấy sách của mình. Nỗi mừng của tôi gặp lại Lũy về in tập “*Gió Ngàn Thiêng*” không khỏi pha thêm một chút ghen tui. Ra Lũy đã in lấy được sách của Lũy mà mình thì từ trước tới giờ chỉ vẫn có như một anh khách đời Chiến Quốc vác kích múa hết ở nước chư hầu này lại chạy sang ở nhờ với công tử một nước khác, “giang hồ” mãi trong đám xuất bản và làng báo. “*Gió Ngàn Thiêng*” vào bìa từ hôm kia và hôm nay Lũy sửa bữa rượu gọi là có cái lễ lạc thành cuốn sách mới. Lũy nhờ tôi đi đặt rượu ở một nhà hát từ hôm qua. Việc lạc thành sách bằng cuộc rượu hồ đã thành một tục lệ không có không xong trong hàng dân chúng tôi.

Lũy đã ngồi dậy mở gói sách, tặng tôi và Mệnh mỗi đứa một bản Lua Dó. Mệnh bỏ bức thư viết dở, chạy lại hỏi Lũy:

- Anh định để tặng tôi một câu như thế nào?

- Thì lại cũng chỉ viết tên anh vào và tôi ký xuống dưới - ký rất đẹp, đẹp đến không giống chữ ký của mình nữa - chứ gì? Chỉ cộc thun lùn có thể. Hay là anh muốn như thế nào thì đọc lên rồi tôi viết thêm.

Chúng tôi tùm tùm. Có một tí kỷ niệm vừa quay về. Lũy và tôi nhớ đến cái ngày năm nọ, Mệnh cũng ký sách tặng. Mệnh vừa ký vừa lẩm bẩm như nguyên rủa một cái gì. Ký sách mới ra, thế mà cũng mệt mỏi. Mệnh đi nằm. Tôi lần giở những sách đã ký. Cuốn nào cũng như cuốn nào, chỉ gọn thon lỏn có một câu: "Kính tặng ông (hoặc bà, cô) Mỗ." Tôi không khỏi ngạc nhiên. Vậy ra Mệnh coi ai cũng như ai thôi. Xưa nay Mệnh vẫn có tiếng là hay chơi chữ. Mỗi lần có sách tặng người quen biết là một dịp tốt để Mệnh đề vào đấy vài dòng rất có duyên, rất yêu đời, chung quanh đóng đến ba bốn cái triện son, triện âm, triện dương, triện lá lật v...v... Lũy và tôi trêu Mệnh:

- Mọi khi những lời đề tặng của anh du dương như dòng mở đầu thư tình kia mà.

Mệnh làm như không nghe thấy câu hỏi. Một lúc sau, anh mới cất tiếng:

- Để các anh cũng đã thấy người ta nuôi trẻ rồi đấy nhỉ. Ủ, khi người ta mới có một đứa con đầu lòng thôi thì người ta quý nó lắm. Nuôi vú. Đưa vú lên đốc-tờ phân tích sữa vú, thử máu vú xem có được trong lành không. Nhưng đến lúc người ta đã có con đàn rồi thì sự săn sóc có giảm đi rất nhiều. Có khi thành ra mặc kệ nữa. Các anh há chẳng có dịp thấy những đứa trẻ nhà quê sần sần tuổi nhau - đứa có quần thì lại thiếu áo - bò lê trên những chòm mả giữa cánh đồng, bóc đất ăn trông như lũ trẻ bỏ cô? Khi mà cái gì đã thành ra nhiều quá...

Nghe nhau nói, tôi thương Mệnh vô cùng. Đây là một người sống chẳng được vừa lòng. Mệnh có tài và lại có sức khỏe nữa. Anh viết rất nhiều, nhiều vì tâm hồn anh phong phú và có những rung động mạnh, chứ nhiều đây không có cái nghĩa là viết quấy. Làng xuất bản tranh nhau mà đặt mua văn Mệnh và họ thường vẫn kháo với nhau rằng văn Mệnh là thứ ruộng nhất đẳng điển. Mệnh kiếm được khá, nhưng tính vốn hoang rộng, anh tiêu cũng nhiều. Nợ như chúa Chổm. Nợ tiền. Nợ tình. Giá tôi mà phải sản xuất tàn nhẫn để đủ trả nợ đời như Mệnh thì tôi tưởng đến quy ngay. Ông Tạo Hóa cũng là lạ. Những người như Mệnh, nếu không có nợ, nếu phong lưu thì không bao giờ chịu viết. (Mệnh vẫn thường nói rằng thời giờ viết đâu có bằng được lúc sống trực tiếp ngay với đời sống

để mà tận hưởng). Thì ông cho ngay công nợ rất nhiều để mà hiểu đến căn lao. Ông lại cho luôn cả sức khỏe để đủ điều kiện mà phát huy một cái tài rộng. Mệnh càng viết càng hay và càng nhiều người ứng tiền cho tiêu. Cái giá người Mệnh, ở Ngân Thị cuộc sống, có lúc đã vọt lên cao lắm. Và tôi lại càng cầu cho Mệnh nợ nhiều thêm nữa. Đây là cái cơ tốt cho Mệnh thực hiện cái tài của mình cho đến triệt để. Tôi rõ người bạn kỳ dị của tôi lắm. Nếu Mệnh mà không vương nợ thì chẳng viết tí gì cả, cuộc đời sẽ mất đứt một người làm chúng có lương tâm và văn học sẽ thiếu nhiều tài liệu hùng hồn về nhân sinh hiện đại. Đến nước này thì ai là người có lòng với tiếng mẹ đẻ mà chẳng thiết tha cầu cho Mệnh chung thân vương lấy nợ nần. Có những duyên kiếp nó quái gở như thế đấy.

Riêng về Mệnh, thì ngoài lúc ngồi vào bàn viết gửi tâm lòng cao rộng mình xuống giấy, tôi chưa thấy anh vui lúc nào. Những nhân vật truyện của anh người nào cũng có ít nhiều độ lượng mà cái lối xử thế của Mệnh thì toàn là giọng khinh bạc chua chát. Đã có nhiều người ngồi rình kỹ Mệnh để viết sẵn tiểu sử.

Nghe anh thủ thi:

- Đời tôi, tôi đã kỹ nhiều quá. Tôi ký xấu lắm. Từ ngày thành đình, chẳng mấy khi tôi được ký măng-đa. Từ bé, chẳng bao giờ tôi được đi thi để mà có dịp uốn nắn cái tên ký mình vào một mảnh bằng nào. Lớn lên,

toàn là ký văn tự và sổ lấy hàng chịu. Còn đẹp làm sao được nữa. Các anh cũng tha thứ cho khi nhận được sách tôi tặng, chữ ký lèm nhèm. Và thấy lời đề tặng cộc lốc, cũng không nên chê tôi là người ít tình. Bởi tôi đã “đánh đi” chữ ký tôi, bởi tôi đã phải chiều chung quanh nhiều quá đến nỗi làm lạc cả nghĩa thuần túy của lăm danh từ, mà giờ đứng trước nhiều tấm chân thành, tôi không còn biết dùng chữ gì cho sát nghĩa nữa để mà tặng nhau cho nó thỏa đáng. Chẳng lẽ có sách đưa cho nhau mà lại không đề gì vào đấy. Lắm lúc tôi sắp gửi xuống trang sách tặng một cái gì bông bột thoáng có, thì tôi lại đã ngờ tôi sắp lấy hư văn ra mà giả dối với chỗ tri kỷ đây. Đời sống các anh có kỷ luật quá nên các anh không rõ đến cái luân lý quyền biến của những đời sống hỗn loạn. Các anh đã ký sách tặng chủ hàng cấm, chủ tiệm phở và một bác hàng giấy chưa nhỉ? Quái lắm. Có lần tôi đã tặng một bác cai phà nợ một bản in giấy quý. Một hồi, thất thế lùi về đó, tôi đã phải qua lại luôn trên khúc sông ấy, bác ta đã có vài lần dọn cơm cho tôi ăn. Tôi đã biếu sách để trả một cái nợ miệng. Được cái ở vùng ấy cũng có người biết của, giảng cho bác rằng: “Cái này khi người làm sách quá cố đi thì bán ra, cũng được tiền lắm đấy”, nên những lần sau gặp lại nhau, bác vui vẻ nhiều hơn. Đấy, sự tặng sách. Chưa nói gì đến lời đề tặng của người khác gửi mình, giờ tôi không tin được những lời tôi đề tặng bất cứ ai. Tôi

đang ở vào tình trạng của một tin đồ đã bắt đầu dám phê bình đến cái giáo lý cả quyết của một đạo. Hóa nên nhiều khi tôi không muốn gửi sách cho các anh nữa. Ta lấy cái khác ra mà đãi nhau còn hơn. Một ý ăn, một nét ở. Cứ gì phải tặng sách mới là thân. Vì trót đã có nhiều sách tặng như thế vào những ngày mưa gió mà tôi đều coi chúng là *những đứa con hoang*. Nhảm quá, các anh ạ. Cả đến những sản phẩm của tôi từ trước đến giờ, tôi cũng cho là *những đứa con hoang*. Tôi đã viết sách trong những trường hợp của thẳng thức, của miễn cưỡng. Không thể hay được. Nếu tôi có định làm sách thì ở đây tôi phải nói đến một cái gì nó bay bổng được kia. Đằng này - đây các anh xem - từ lúc mới nhập nhĩ nhợ nhơn với các anh cho đến giờ, tôi chỉ tường thuật rất những cái khổ hận của thẳng người nó chỉ kéo rút người ta xuống một cái mặt đất thôi. Thấp nặng lắm. Đã có bao giờ tôi làm nổi một bài thơ thoát trần! Đã có bao giờ tôi được viết để ca ngợi những cái gì mà người khác đều gọi là vô ích. Ca ngợi một thân cây to già nhưng hoàn toàn không ứng dụng được vào kỹ nghệ làm đồ gỗ bây giờ, bởi vì cái người thợ xẻ cưa nổi cây cứng ấy vẫn chưa chịu nhập thế. Trên tờ giấy đã có lúc nào tôi được cùng vui với một đám mây luôn luôn thay chỗ và biến hình đổi thế; hoặc là, trên dòng nước, được cùng ngậm ngùi với đời tình ái của một cái bèo. Trong cái đời soạn sách, người bạn cùng nghề rất đáng tội nghiệp

của các anh thực chưa nói được một điều gì cả. Để tạ lòng những bậc “hải nội chư quân tử” có lẽ tôi đến phải viết một tờ tuyên ngôn để *chính thức*⁽¹⁾ không nhận những cuốn sách đã in ra. Phép nhà tôi nghiêm lắm. Một cái luân lý văn nghệ rất chặt chẽ đã buộc tôi đến ngày phải từ những đứa con tinh thần ẻo lả, thiếu cả tiên lẫn hậu thiên và lại còn vị kỷ nữa. Rồi chúng nó sẽ sống cái đời của những đứa con hoang, một sớm, một chiều trên tay người độc giả có lòng. Và cuối cùng, bỏ nan người đàn bà mua giấy cân sẽ là một cái phúc đường của những trẻ vương tật nguyên ấy.

Mệnh thành thực tin rằng từ trước đến nay, anh vẫn là người chưa có tài. Trời, tôi muốn chung quanh tôi người ta thấy đều bất tài như cái người bất đắc chí ấy. Thì sẽ cười được oan cho lũ giấy mực câm biết bao! Thì tiếng mẹ đẻ có phận nhờ.

Mệnh, chỉ là một người khiêm tốn. Thì ra cũng như đáng hiền giả, bậc nghệ sĩ chân chính chẳng mấy khi chịu hiểu rằng đã có nhiều lúc mình được hài lòng. Thật cũng là một việc trả thù đáng kiếp của một Đấng Sáng Tạo ghét ghen sự ganh gổ mà người tài từ chẳng bao giờ được toại nguyện trong đời sống.

(1) Đến chỗ này, Mệnh gần giọng xuống

Lũy đã an ủi Mệnh rằng đời sống nghệ sĩ là một sự hy sinh cái đời thường người của riêng mình đi, và *chúng ta*⁽¹⁾ chỉ sống để ghi chép những cái đẹp dờ mờ được cùng là những cái đẹp không nhìn thấy được bằng mắt. Rồi thì chúng ta về.

Gần Lũy và Mệnh rất nhiều, tôi hiểu rõ hai người bạn tôi là những tài liệu bằng xương bằng máu đáng quý, rất có thể đưa vào cái loại tiểu thuyết giải phẫu. Lắm lần tôi muốn mượn ít nhiều đời sống hai người bạn để dùng làm tính cách cho vài nhân vật một tiểu thuyết nào. Tôi thấy ngại ngại, sợ người chung quanh nhận ra Lũy và Mệnh trong truyện in ra và buộc tội mình là người đi buôn bạn, coi những tình cảm thiêng liêng thâm kín của nhau cũng như là một thứ hàng rất hời giá trong cái thế giới đổi chác.

Nhưng không, không phải hẳn thế. Nếu đến giờ tôi chưa dẫn được hai người bạn này đi vào cõi văn xuôi của tôi là chỉ vì lòng tôi còn bình dị, còn hẹp hòi mà đời Lũy và Mệnh thì cao rộng quá và nhiều u ẩn quá. Mặc dầu tôi vẫn là người bạn thân của Lũy và Mệnh - thân trong đời viết và cả đời sống - về những khúc nói trong cuộc sống tình cảm họ, tôi thấy tôi còn lơ mơ lắm. Về thăm kịch đời Lũy và Mệnh, chẳng qua tôi cũng chỉ biết mới có thế. Chẳng lẽ tả Lũy và Mệnh

(1) Lũy ẩn mạnh giọng xuống hai tiếng này.

trong một lúc thêm thuổng và hấp tấp, thấy văn tắc, ngòi bút cứng hẳn ra, không chịu sức sai khiến thiếu chắc chắn của lòng mình, mà tôi lại hạ xuống một câu rất gọn: “Lòng họ khó diễn lắm. Đời họ phiền phức lắm. Không thể hiểu được.” Ấy, phải đã động đến cái tâm lý giàu có và bừa bãi của một vài vai truyện, nhiều người lười và dốt đã viết những câu liêu, ngốc và bất lực như thế để chấm dấu hết cho một động tác đột ngột của người trong truyện. Khi mà Nghệ Thuật đã là một hiện trạng trong đời sống của đời sống, thì không có cái gì mà Nghệ Thuật lại không thể không làm được cả. (Tôi vừa phỏng theo một ý của bậc tiền bối, tôi quên tên). Và đến bây giờ chưa dùng nổi cuộc đời tình cảm của hai người bạn thân, là cũng chỉ vì tôi có chút tự ái của bút tôi, chứ không phải vì cái lẽ tầm thường sợ có người rêu rao là mình buồn bạn. Cứ nói nhảm cho nó quen mồm. Làm gì ra được một chuyện buồn. Tôi không buồn người thân - cả người sơ nữa - tôi không buồn tí nào khi tôi đã hiểu rằng viết là để đi tìm nhân loại, tìm ở trong tôi (tôi là một phần tử của nhân loại) và tìm ở trong các người. Tìm nhau để cho được hiểu nhau trong đời sống đầy mâu thuẫn oan khiên và tủi khuất này. Chúng ta thấy đều là những cái Muôn-Vạn gồm trong cái Chi-Có-Một. Tôi có muốn là gì đi nữa và các người có muốn ở vào cái thứ bậc nào đi nữa, thì chúng ta cũng chỉ là có thể. Đứng trước cái bao la của đời sống, đứng trước cái dằng dặc

của Thời Gian bánh xe chỉ lạng lẽ lăn có một chiều, đứng trước cái mệnh mông tồn tại của Nghệ Thuật, cái mẫu tâm sự riêng của mỗi người, hỏi đã có nghĩa lý gì. Góp nó vào còn về thay nữa là. Sao lại cứ khư khư giữ lấy làm của riêng. Đi đâu cho thoát được đời sống. Ai đã nói cuộc đời là một chốn mà chúng ta phải ở? Vậy thì nên ở cho sáng suốt rõ về mình như thấu rõ đến quanh mình. Việc gì mà cứ bắt người ta tả mình xúng xính trong một tấm áo gấm khi người ta chỉ nhìn thấy mình suốt đời mặc một manh áo vải cùn cùn. Mà áo vải thì đã sao. Những giá trị vật chất ấy một lần vào lọt cửa Nghệ Thuật rồi thì nó sẽ hóa đi. Sự trần trướng, hoặc đắp điểm, ở trên thân hình chúng ta, không có chân giá đối với Nghệ Thuật. Cái miếng mụn rách phủ trên thân người ăn mày ở vào một bức họa có nhiều khi đẹp hơn màu áo hàng tơ lành của cô gái mới. Trước Nghệ Thuật, chúng ta đã được ngang nhau vì cái phần xót thương mỗi đứa chúng ta đã đóng góp ít nhiều cho cuộc sống.

Hỏi nhau rằng đã nhận ra chưa ?

... Và lúc này, tôi mới hiểu tại sao Mệnh đã hết vui trong cái việc tặng sách cho chung quanh.

... Và từ này tới giờ, tôi quên hẳn rằng đây là một cái nhà hát. Giá chi Chín - tên chủ nhân - không vội trở lên thì tôi vẫn cứ tưởng đây là một tòa soạn tuần

báo nào, là một cái buồng làm việc để cho mình rút đến cái ruột con tằm, để cho mình thổ tận - mới có một ít thôi - can tràng. Năm hết, đi chơi cho được thành thói và quên những bốn phen lật vạt tết sắp gây nên, mà tôi lại thành ra đấu khẩu với một cái công chúng do tôi hình dung ra. Nhưng mà, nói chuyện với người ngu và nhiều tự ái nhảm nhí - mặc dầu họ chỉ là người, chỉ là những hình bóng của một cơn mộng -, thế mà lại còn mệt hơn là lúc phải ký sách để tặng những người tri kỷ gương ép. Tôi vừa mệt vừa đói. Tôi lả đi. Rồi tôi thiếp đi.

- Tỉnh dậy lạnh, khai trống đi kìa.

Mệnh đã dựng tôi dậy bằng một câu nói móc. Tôi nghe thấy tiếng sòng đàn. Tôi nhận lời chào của người kép đứng tuổi. Chị Chín vớt cái bã trầu. Rồi loạt choạc mấy tiếng trống đầu. Tôi vẫn chưa tin rằng tôi đang giải trí với anh em. Nghỉ tay phách, chị Chín phê bình ngay về tôi: “-Trống Nguyễn vẫn không bao giờ hết được những tiếng dần dỗi. Ông Mệnh nghe đi. Này, ông Lũy. Phải, lâu lắm mới lại đóng phách với ông Lũy.”

Lũy đánh. Tiếng trống thông thả. Nhiều tiếng roi dờ hơi hát hơn là chấm câu hết. Tôi vẫn bảo rằng Lũy là một người quảng đại mà.

Đến Mệnh. Tiếng trống sát phạt quá. Tuy nhiên nhiều tiếng gắt lại có cái hay đột ngột của hốt hoảng, của một lối sống đã nhiều kinh động.

Lại nghĩ phách. Lũy đã rất tự nhiên đưa chị Chín một cuốn *"Gió Ngàn Thiên"*. Cũng bản giấy tốt. Chúng tôi đều chum đầu trên trang đề tặng: *"Gửi chị Chín một câu này: là từ nghìn cổ đến giờ, danh sĩ với danh kỹ vẫn là cùng một vắn trong những áng thơ cao vút như lời hát và dài thẳm như đời những con chữ in"*. Lũy cong ngón tay, bôi tý muối đèn dầu lạc vào mặt chiếc nhãn hằn lên một câu tiêu ngữ khắc lối triện, ấn xuống dưới câu văn kênh kiệu.

Chị Chín trang trọng đón lấy sách:

- Bao giờ chị em chúng tôi lại có những vật quý như thế này để tạ lại ông Lũy!

- Chúng tôi nợ chị nhiều chứ. Bao giờ mấy đứa tôi lại đánh được đàn đáy để tạ lại chủ nhân!

Hai con người kiểu cách ấy sánh vai nhau mà cười như một đôi nhân tình thân. Mệnh chen vào:

- Cái sức yêu đời sống của Lũy bỏ xa Nguyễn và tôi nhiều. Nay anh Lũy, anh có tin rằng tôi còn có thể đề tặng một câu nồng nàn cho ai về sau này không?

Chị Chín tưởng Mệnh có ý nói mát mình là không đáng chơi văn, có ý tủi. Nhưng rồi lại tươi vui được

ngay, vì Lũy đã đứng lên và chậm rãi ngậm ngùi giảng cho Chín hiểu qua loa rằng Mệnh là một con bệnh đáng kính yêu, là một người ốm của đời sống đáng được kiêng nể nhiều hơn là oán trách. Hết một canh nữa. Người ta càng thêm thân yêu nhau.

- Anh Lũy năm nay phải ăn tết ở Hà Nội chứ ! Nhà vẫn có cái gác xép đấy. Anh không sợ thiếu tình mịch nữa.

- Cám ơn Chín. Anh ở thế nào được. Mai, ở đây anh ra thẳng ga, sau khi tạt qua về buồng trọ lấy mấy bó sách và cái áo ngự hàn.

Lũy xóc lại cà vát, quay sang tôi và Mệnh:

- Lũy không thể chơi đào Nguyên Đán ở lọ độc bình nữa rồi. Hai năm nay, tôi đã quen chơi đào cả gốc kia. Hàng mấy trăm gốc trên cao nguyên. Rừng xa vẫn là cái lẽ phải của đời Lũy. Hay là các anh cùng lên ngàn ăn tết với tôi? Cả Chín nữa. Cho nó lạ đi.

Bữa rượu lạc thành sách Lũy, tôi bắt đầu nhận thấy lẫn vào cái mùi đậm đậm của một bài thơ lưu giã.

Am Sông Tô, ngày hết một năm Ngọ
Giai Phẩm đời nay (20-4-1943)

BỤI ĐẤT KINH

“Thuở giờ đất nổi cơn gió...”

Hà Nội năm Giáp Thân thật là không có tết. Kinh xuân thử địa quýnh vô trần.

Hà Nội vắng quá, ít hẳn bụi đi. Hà Nội mất tết Nguyên Đán. Cái dấu hiệu rõ rệt nhất của Hà Nội mất tết là ở sự thưa vắng của những chuyến tàu điện - của bất cứ đường nào - kéo những toa rộng rộng. Chuyến ở nội tâm Kinh thành ra cũng vậy. Và các chuyến ở các vùng ngoài châu thành đổ vào cũng vậy...

Vào những ngày đầu của mùa xuân, ở Kinh hơi ôi! Chỉ là một vẻ xuân tàn. Còn đâu cái thời đậm đà của lũ lượt mặt to tai tía đóng cọc sì-gà vào mồm, để lại sau chiếc xe cao su giở - đi mừng tuổi và lễ bàn thờ ông vải nhà quen - một luồng thơm say của rượu mùi. Còn đâu cái thời tung bừng của áo gấm guốc kinh *găng* trắng nhảy tàu điện và tóc thể và áo cào cào thướt tha bên những thông cù đương ra lộc. Còn đâu

cái thuở cánh pháo ào rúng như đào gió trên ngàn, xác đỏ chôn đứng cổ chân người bộ hành đi tìm xuân trên lề đường. Xa lắm rồi.

Trong cái lòng của người công dân thắc mắc ... vào những lúc trọng đại đây, lại còn thêm một thi nhân những ngậm ngùi cho xuân ế: xuân có tội gì với nước non.

Xuân Giáp thân nơi quê Việt quả là một sự nhầm, hoàn toàn hỏng. Mãi cho đến cái ngày người ta được thêm một tuổi đầu nữa mà nơi các gian kinh hàng sách vẫn còn la liệt những cuốn lịch mới buông thông những tấm bìa vô duyên. Có bao giờ lịch ế đến nhường ấy. Nhưng lịch ế vẫn chưa thăm bằng hoa ế.

... Cái gì bây giờ cũng trở nên vàng ngọc cả, duy chỉ có hoa là hơi thôi. Vậy mà bữa nay, cầm bó hoa qua phố vắng, tôi đã e dè đến dư luận và ngại sợ mỗi lúc gặp khách qua đường. Bởi vì, giờ đâu đã phải là lúc ngồi chơi hoa và đưa hoa qua phố có nhiều nhà vừa sụp đổ, há không hẳn là một việc có tính cách chòng ghẹo chung quanh? Cái luân lý của đa số và cái luân lý của một người.

Bạn tôi - một kẻ vốn nặng lòng với những đời sống xinh bé có hương có sắc hơn là với thời cuộc -, một buổi hoàng hôn trừ tịch ấy đã chỉ lữ hoa ế tàn rữ ế Bò Đa mà bảo tôi rằng: "Qua năm, tôi sẽ chịu thương

chịu khó làm người lái buôn,... dành lấy một cái vốn vừa phải để lúc cuối năm đi mua hết cả những chỗ hoa thừa đã bị lìa gốc vườn mà không gặp người cắm lọ. Tôi sẽ tìm đến các địa chỉ bán hoa mà dặn họ rằng cho tới lúc nhọ mặt người ngày cuối năm, có bao nhiêu hoa ế cứ đem lại nhà tôi. Tôi không làm cả, lấy mấy tôi cũng dám trả. Đời tôi, chưa từng đốt đình đốt chùa nào và cũng chưa từng tô tượng đúc chuông gì, anh hãy cầu nguyện cho tôi có dịp làm được một việc đó." Có dịp ?! Tôi lặng nhìn bạn tôi, tự nhủ rằng với cái tình thế... này, hoa còn xuống giá nữa và anh sẽ còn có nhiều dịp cứu hoa cuối năm...

Bên đám xẩm vắng, có một người ăn mày đang đếm rất nhiều hào giấy mới. Tôi đổi cho hắn một đồng bạc - cũng mới - ăn tám hào để gây cảm tình gọi hắn một tí chuyện thì hắn nói rằng "Lâu nay chúng con cũng được no lành. Ai đã cho, là từ một hào cả. Xu năm xu một đều hiếm. Và xin ở nhà nào cũng đều có người cho cả. Ai cũng có lòng dễ dãi và không quát mắng như mọi khi. "...

Tôi được biết một vị trưởng tộc kia rất quý tiền kể từ một xu trở đi mà giờ cũng dám cho ăn mày mỗi cử chỉ là đúng một hào. Ông tin rằng như thế là gây được điều thiện và kẻ nào làm điều phúc đức như thế là tránh được họa trời. Và hình như ông lại có ý kiêng nể sợ sệt đám ăn mày nữa...

Tôi còn được biết nhiều chủ nợ đã dễ dãi với người chưa trả được nợ và nhiều con nợ thành tâm muốn trả hết nợ cho tất cả trái chủ của mình. Có người bảo đó là do cái tính láu cá của họ... Riêng tôi thì tôi ngờ rằng lúc này là cái lúc mọi người muốn được gần với mọi người để tựa lẫn vào nhau trong đau thương, khổ sở và đỡ lẫn nhau. Cái lúc thất tán, tiền bạc mang theo còn nhiều khi là mối họa và thảm thương nhất là những kẻ không có bạn.

Đã có nhiều vị cường hào nơi xứ quê thân hành dẹp bớt lại một gian nhà mình để cho người bạn cũ... ở tỉnh đưa gia quyến về tị nạn.

Đã có nhiều kẻ nông phu lạnh lện và vui vẻ vứt cây cuốc để đưa những manh chiếu cho những thiếu phụ và hài nhi... trải ngồi trên cánh ruộng mùa nhìn một khoảng gò rừng lên những máy và...

Sự lo chết, nhiều dịp gây cái đẹp cho lòng. Ở giờ đất này, thiệt thòi nhất là những kẻ không biết cời mở.

*

* *

“Thuở giờ đất nổi cơn gió...”

Vẫn tiếp về chuyện tản cư năm cũ.

Vào những ngày đó, Hà Nội thật không có xe mà dùng cho đủ.

Tải người. Tải đồ và nhiều khi cả hai thứ trên một chuyến xe. Xe kéo, xe xích lô, xe đạp, xe bò, xe ô tô - nghĩa là các thứ xe - đều là cần cả trong lúc phải bỏ tỉnh mà đi.

Bởi vì thế nên mới có chuyện phu xe. Ta hãy bắt đầu bằng cái xe tay. Sau ngày ném bom Hà Nội, giá xe tay vọt hẳn lên.

Tự cổ lai tới giờ, luận về đi xe tay mà người kéo cật hòng người ngồi thì chỉ có "cụ" xe xứ Huế thôi. Bây giờ "cụ" xe Hà Nội ghê bằng mấy mươi "cụ" xe Huế. Bằng một triệu. Xe Huế, Nam Giao và hội chợ đã mùi gì...

Đáng thương là những người chạy khỏi Hà Nội rồi mà vẫn không yên được một bề ở chỗ thôn ỏ. Được một vài ngày, ngồi thấy sốt ruột cho công việc bỏ bề, ấy thế là lại lần mò lên để ngày hôm sau lại âm âm chạy. Có cái khác hơn lần trước là lần sau này đem được về quê thêm vài cái chăn nữa và ít quần áo nữa...

Gọi không thêm ngừng bánh lại, phì phèo điều thuốc lá tây, hỏi thì trả lời nhất gừng, hay cười mũi và thường là mắng khách đại để như thế này: "Thôi ông nên đi bộ đi thôi!" Vậy mà cái đám trường giả cứ

xung xung lên là chỉ có bọn có chữ là chúa khinh thế ngạo vật.

Tôi đã được trông thấy lắm nhà thuê xe tay kéo về quê mà lúc làm giá cứ như là nịnh họ, lúc đi lên xe rồi họ còn giữ hết chứng nọ tật kia. Nhưng mà thôi, chiều người để mà chạy ấy mà. Và, chả cứ gì bậc đại trượng phu mới có lúc đặc chí. Ở đời này không bao giờ được đặc chí, có lẽ chỉ có nghệ sĩ.

Người làm xe kiếm được nhiều tiền quá đã trở nên một trường hợp. Anh xe ở đầu lười mọi người. Nói đến anh, người ta có lúc lăm e dè như kẻ thanh bạch gặp cảnh nghịch phải nể vì tên tuổi bác phú thương mỗi lúc nhắc tới. Tôi đã được trông thấy những bác xe xích lò đù tiền lẻ để trả lại giấy một trăm của khách đi đêm trong phố. Ôi, còn đâu cái thời xu rươi đi từ chợ Đồng Xuân ra Bờ Hồ!

Tôi còn nhớ mãi cái buổi tối hôm 14-12-43 tức là sau trận ném bom lần thứ hai hai ngày. Tôi đi với một người bạn vào một hiệu cơm Tây - số đông chủ cao lâu ta và Tàu đông cửa chạy hết. Cơm Tây, khăn ăn không có. Hỏi người bồi kêu thợ giặt chạy loạn chưa trở về trả đồ đưa giặt nên không có khăn ăn. Được. Đến món ăn thì tồi quá. Hỏi, lại vẫn người bồi ấy trả lời. Nhưng lần này thì y dám điểm thêm vào một chút cười "Thưa ngài,... chúng tôi tưởng có được

thế này đã là quý lắm rồi. Ngài phiền lòng cho vậy." Bạn tôi và tôi nhìn nhau, miếng ăn chơi vơi ở khoảng ngực. Và thâm hiểu, với nhau rằng cái buổi này quyền ăn mạnh nói nhiều ta lại nhường cho người xe và người bồi. Không ăn được, tôi đành ngồi nhìn người khác ăn, hạ tâm mắt vào một vị thực khách trước mặt, mặc ta mà không đội khăn. Mặt tôi tối, trông quen quen mà không nhớ rõ là ở đâu. Ông ta ăn uống rất vụng về, mà lại rất ngon lành. Bóng dáng vị thực khách đó ám ảnh tôi làm tôi bỏ quên cơm của tôi. Một lúc sau người đó tiến nhanh, đến gần tôi:

"Ông cho cháu châm nhờ điều thuốc lá."

Thôi, tôi nhớ ra rồi. Nghĩ mãi mà không ra bây giờ ông ta nói lên một cái, tôi nhận được âm thanh thì tôi biết là ai rồi. Ra đây là một ông xe xích lô, buổi sớm qua ông vừa đạp một bà cu quen tôi ở Hàng Gai chạy về Nam Định. Hôm nay chắc ông nghỉ xe, có điều hi hã trong người đi ăn cơm Tây cho nó vui miệng. Tôi liền hỏi:

"... Đánh bạc hết ở Nam Định hay còn mang được về Hà Nội để hút và uống rượu với các bác ấy." Bác ta bấy giờ cũng mới nhận ra tôi, vội chào và vui vẻ trả lời:

- "Lạy tổ, hôm qua chuyển về, vết khách ở dọc đường, thế mà cháu còn kiếm thêm được ... Hôm nay

khó ở, cháu không làm, để cho người anh em làm, thuế bác ta trả lấy, và đưa ngoài cho chục bạc để tiêu. Ấy, chục bạc là cánh hầu mấy nhau mới đưa cho nhau mượn xe làm. Giờ làm gì có nhiều xe, mà xích lô thì có mấy. Ấy, chúng cháu cứ phải cựa trước của chủ..., lấy xe đóng thuế luôn mấy ngày liền, sẫm lớp hồng mua lấy. Ấy, được mấy ngày nay kiếm cũng khá. Nhưng ông tỉnh. Làm gì có luôn”.

Thế rồi bác xích lô chào đi ra, nghênh ngang như một người gặp thời để mà hiển. Rồi mà hách cũng chưa biết chừng. Tôi trông theo, trong đầu làm một cái tính...

... Không rõ trong các bạn viết của tôi. Giờ có ai mỗi ngày có ai viết liên liên được sáu cái truyện ngắn trong một ngày -mà cái nào cũng ngộ - cả không nhỉ!" Ra đường, ý tưởng này vẫn còn theo tôi và tôi đã nhớ đến một bài của ông Đào Trinh Nhất lược thuật báo Tàu nói rằng ở bên Trung Quốc ngày nay một người viết văn giá văn cao nhất tính theo con chữ thì 10\$ một ngàn con chữ Hán; một người thợ xếp được một ngàn con chữ Hán cũng ăn 10\$; và một người phu xe thì cũng trong bấy nhiêu thời khắc kiếm 60\$ nghĩa là kiếm ra tiền gấp sáu lần.

Bạn tôi, cũng tính hay đùa, lúc làm cả người xe đang đứng trù trù, liền khê rút cây bút máy Parker

kiểu lớn ra nghịch so sánh với cái cang xe và hủ nhỏ vào tai tôi bằng ngoại ngữ:

“Cái này xinh đẹp nhưng giới đất này không khỏe chắc bằng cây gỗ tròn kia. ”

Giữa lúc ấy, một cái xe tay chở khách qua, trên có cả một người đàn ông trẻ và một người đàn bà trẻ ngồi. Ngày xưa mà thế này thì cười lắm đây... Nhưng bây giờ cũng không ai buồn cười buồn nói nữa.

Thanh Nghị số 55 và 57 (1944)

VÔNG NGÔ ĐỒNG

(Tùy bút)

“Một thiên “tùy bút” lại càng nào nhân”

Một đêm không muốn nghĩ về mình nữa, nằm trên bãi cát bẽ Cửa Đại, tôi lấy luôn hai cổ tay tôi làm gối. Mình lại cho luôn đôi tay quý báu của mình xuống dưới đầu mình, gối ngay lên những cái gì xưa nay vốn được việc nhất cho mình và vốn cũng làm hỏng nhiều việc của mình. Tôi nằm như thế nhìn cái lỏng lẻo của trời thăm và lắng cái dồn dập của bể cả. Trời đè lên tôi và tôi đè xuống cái bãi. Giá cái sao băng qua trời có làm bận lòng tôi thì hạt cát nín thít dưới trọng lực của hình hài mình lúc ấy cũng làm tôi bận lòng ngang thế. Bãi ảm. Nước triều của chiều hôm từ từ biếp dái bờ. Vai tôi, lưng tôi và tất cả người tôi thấm muối dần dần. Tôi cựa mình vài lần. Chiếc

gối cũng thay chiều tay luôn luôn và tâm ý tôi cũng đổi hướng. Rồi tôi mới biết rằng còn lâu lắm - lâu lắm, nghĩa là có khi một đời người cũng không đủ - tôi mới có được cái đức nhẫn nại của con nhà chài chỗ hải tân nằm im trên bãi có khi thâu mấy canh liền rình cái màu sắc chuyển biến rất huyền bí của một đại dương tinh tú và chờ đón một ngọn gió lợi chiều có khi một đôi tuần mới thổi đến. Và tôi lại vẫn hiểu luôn rằng cái công khổ nén ấy của kẻ nằm chờ kiên gan trên bãi là có bao giờ mà không được đền đáp. Sau những ức triệu giây phút mong tưởng của ngư phủ thì bãi khô bao giờ cũng vang lên một cơn gió hữu tình và cái người nằm im đấy từ bao buổi đã vùng tay nhòe dậy, đưa mạnh chân bước xuống một con thuyền cánh phồng chứa những toại nguyện của tin gió.

Những điều trang nghiêm đó, tôi nằm trên cát bãi, cũng biết cả đấy. Nhưng tôi không nằm im được nữa. Tôi thay chiều nằm luôn. Trên cái mặn và chát của bãi sũng dãn, tôi vật vã thân hình tôi nhai cái bóng của người bị một nỗi oan khiến lớn đến nhưng không tỏ được với ai và đêm tối này lại phải đem ra tận chỗ bề giới vô hạn đấy mà trần tình. Lúc ngồi nhòe dậy, nhớ đến một cái cánh tay trái tôi vừa rơi thông qua trước mặt, tôi vụt nhớ luôn đến một câu nói - không phải của ai cả, không phải của bậc triết nhân nào đã

khuất, hoặc của đảng thánh sống nào của hiện tại - tôi vụt nhớ một câu tôi nói với một người đàn bà, mới trong năm nay thôi: "Thưa người đàn bà, giờ này tôi thấy một cánh tay tôi là thừa!" Chưa bao giờ, tôi nói được một câu tầm thường và chỉ thành đến như thế. Câu nói dung dị ấy tôi không có nhắc lại tới lần thứ hai. Vì sau cái lần muốn quẳng ngay một cánh tay mình đi đó, tôi không gặp lại người đàn bà, mặc dầu lòng tôi muốn. Ngay sau buổi nghe câu đó bằng hình dáng thiết tha của kẻ vừa biết cho và vừa biết nhận, người bạn thể giao của tôi lại trốn tôi và tự đánh nhoe vào cái luân lý của số đông như trong những ngày cũ. Lẽ tất nhiên là tôi có đi tìm với cái ý định là trách nhau về chỗ thoát sáo có nửa vơi. Ở một chỗ rất đông quan khách, tôi đã gặp lại cái người tôi định biếu không một cánh tay đó, nguyện suốt đời mình sẽ mang lấy tật trên thân hình. Trái với sự bèn lên mà tôi đang chờ, tôi chỉ gặp lại một nỗi thản nhiên và lạnh lùng. Trong lúc đàm luận với những người khác số đông là tri giả, người cũ của tôi đã trở nên một người rất mới mà, nhân đà động đến những sản phẩm về hội họa gần đây, người bạn cũ tôi bèn mượn một câu đã xưa mà chen vào: Làm những tác phẩm nghệ thuật không nên làm lại; hoặc là - kẻ kia - nghệ sĩ đã không thành công. Kín vậy thay, cái người bạn gái có chữ. Buổi nọ, tôi đã lầm lỗi ở đoạn nào? Tự nhiên, tôi

thấy tay tôi thừa thật và tưởng đâu như phỏng này là một khoảnh sân khấu mà trên đó, tôi đang vụng về giữa ánh sáng và càng muốn cứu vớt mình, mình càng thất thế. Tôi bỏ lại đấy những giận tiếc, ra về. Lúc đi, tôi lại chỉ còn biết cô an ủi mình rằng ra người ta không bao giờ tắm hai lần ở cùng một khúc sông.

Trên bãi ướt Cửa Đại, một đêm chỉ định biết đến có sao trời và cát bể, khi không một cánh tay trái tôi rớt thông xuống, đã làm bật lên trong đêm sóng một khuôn mặt đàn bà. Cũng như nhiều người bạn thân, kỷ niệm hay trở về vào những lúc chúng ta không chờ đợi đến. Có lẽ cái thú sống là ở chỗ không dọn xếp đón chờ.

Từ cái phút nhìn cánh tay rơi xuống, tôi đã bắt đầu quên hẳn cái nền trời lơ lửng những sao nhấp nháy. Ban nầy, nằm ngửa, nhìn thấu vào lòng đại dương tinh tú, tôi đắm đuối trong cái ý niệm là mình đang rơi tòm vào cái bể sao; rồi lòng tôi thấy sợ. Bây giờ, người tôi chỉ còn phảng phất cái dư vị ngòm ngợp ấy. Và bể dón vào bờ, mỗi lúc dứt một chân sóng, tiếng âm đục ngắn gọn của đợt triều băng trong khoảnh khắc sao mà giống cái tiếng dứt của cuối hồi trống thúc rền khi sân khấu có những cảnh ra quân. Từ hôm xuống bể, ý nghĩ bận vì điều gì thì không kể, chứ mỗi lúc tai phải vương vì tiếng sóng, thì lòng tôi lại quay về với mấy khoảnh sân khấu ở

Huế, Cửa Hàn, Phố và suy nghĩ về mấy đêm mình diễn kịch tại mấy đô thị ấy. Sóng bể, sóng lòng, sóng dạ quang của sân khấu, sóng mắt khán giả, sóng câu nói của người cùng sắm kịch lúc giao lời với mình. Và những cái sóng ngầm của lòng mình, giữa hai lúc bỏ màn và kéo màn, khi mình vừa thấm mồ hôi trên lớp phấn mặt vừa nghĩ thoát ra ngoài vai tuồng mình đang sống.

Sóng bể vẫn đổ vào vịnh bãi. Bot bể tràn cát bờ. Hết âm ỹ, ỹ âm thì lại sèo sèo. Cái tiếng cả của bể lớn có lẽ đến lúc tận thế cũng chưa chịu nín bật. Giận dỗi gì với ai mà ngày đêm lúc nào cũng chồm chồm lên như thế ? Lòng tôi mỏi lắm. Thấy cái lối vô cùng bất quyện của bể mà mình lại càng hết muốn mỏi. Há chẳng nên nhập thiền ở trên cát này để mà tìm rút lấy một điều gì?

Sóng bể lại đổ ào như bao giờ và vang reo như dư âm của tiếng quân chạy hiệu giữa sân khấu. Âm ảnh. Ra ngoại cảnh chỉ là hường ứng của nội tâm mình và dễ mấy khi mình đã trốn được mình.

Trước kia, tôi chỉ là một người cầm bút. Ít lâu nay tôi lại còn là một người diễn kịch. Độc giả, khán giả. Mình khó mà hoàn toàn còn là của riêng mình nữa rồi. Công chúng! Ngày bài khóa xưa xa, sau khi bỏ trường gởi lại chữ giả thấy phụ đến việc thi cử và lòng

mong mỏi của thân quyến, có đọc được ít sách không ở trong phạm vi giáo khoa, tôi còn nhớ một câu của một danh nhân đồng thời: "Mỗi đứa chúng ta có một công chúng riêng". Tôi đã không hiểu nghĩa. Phải đợi mười lăm năm - Không sớm hơn, không chậm hơn Vương Thúy Kiều -, tôi mới nhận rõ thấy ý nghĩa đáng kính sợ của danh từ này. Công chúng, ôi cái công chúng "chỉ biết nhớ đến có cái việc cuối cùng mình vừa làm"! Những ngày vừa qua, tôi đã làm những gì nhỉ? Tôi đã làm những gì để lúc bấy giờ người tôi phải thắc mắc đến như thế này? Đi ra bể mà nghĩ ngợi. Ý chừng đây là ý niệm của những người không ra bể bao giờ hoặc là có độ lượng và có sẵn nhiều thành kiến tốt đối với đời sống. Chẳng cho mình nghĩ ngợi mà lại buộc mình nghĩ ngợi, tôi thấy cái bể lớn không biết chán mới đang dón vào lòng mình kia là một điều gì mệt lắm. Người tôi nóng ran lên. Tôi nhảy tùm vào một khúc sóng đang dâng lên. Sóng bạc đầu cao hơn một ngọn tường hoa. Nó nhào tôi xuống và xoáy mãi tôi xuống đáy nước vẩn cát bờ. Ví không sùi tằm nữa! Tôi cho đấy mới là cái hình thức hoàn toàn của Bình Tĩnh của Yên Ổn. Nhưng tay tôi lại quơ trên làn nước. Nước lóe những chất lân. Tôi nhìn rõ hai cánh tay tôi - hai cái tay mà từ ngày đời tôi có khăn giả, tôi nhiều khi muốn vứt đi những lúc qua lại trên sân khấu. Tôi nhớ lại những buổi tập kịch đang

nói đang đi mà riêng không biết gởi đôi tay vào đâu cho nó ổn. (Định vứt đi một, thì người đàn bà ấy đã không dám giữ lâu, đã chỉ dám nhận có trong một tối thôi). Chẳng nhè giấu mãi vào túi quần túi áo và cứ phải cảm mãi một vật gì. Mới hay sân khấu là một chỗ để người ta thấy người ta là có thừa một cái gì cũng như cuộc đời là một chốn để chúng ta cảm thấy mọi nỗi thiếu thốn.

Cánh tay trái tôi rớt xuống. Tôi nghĩ đến một người đàn bà, rồi tôi nghĩ đến cái tôi gần đây của sân khấu và nhớ lại tất cả những người đàn bà của quãng sống vừa qua - kể cả đàn bà trên sân khấu rạp kể cả đàn bà trong đám người dự đến sân khấu.

Bể Cửa Đại rộn sóng khuya rót vào người tôi như một thứ rượu mạnh có cái công dụng xáo lộn lên những tầng lớp cảm tưởng và kỷ niệm đã tưởng được yên nghỉ chỗ đáy lòng. Người tôi trở nên một cái bình pha lê đựng một khối nước đã hết trong lặng. Ở đấy, đang vẩn lên những chân rệu và tâm bọt của ngày xa khuây. Trên cát khô, tôi liến trở về với hình dáng mảnh dẻ của chiếc thuyền xứ Huế. Tôi tương tư con sông Hương - một thứ sông không có sóng, nhưng hay chuyện chờ những con sóng của lòng người lơ chơi trên mặt nước nó. Ra tôi vẫn không quên được tỉnh Huế. Cô Tư Nam Phổ thế mà là một người có tài đọc trước được lòng người. "Tui e rằng chuyện ni ông

không ghét được Huế nữa". Trong đêm lễ bạn ở Cửa Đại động bẻ, bằng tường nhớ không cưỡng được, tôi đã về vào không gian trước mắt cái dáng điệu khiêu khích của Cô Tư Nam Phố lúc cô nói với tôi câu ấy trong một khoang thuyền lá lay ngọn đèn dầu phụng và mặt sông đã thừa những tiếng thuyền rao bán thực phẩm.

Bể đứt chân sóng, lúc đổ bọt hoa xuống, lại dội lên như vang hưởng một hồi trống tuồng cổ. Cô Tư Nam Phố là một đào hát bộ mà cuộc sống đã ghép vào đoạn đời làm kịch của tôi ở Huế gần đây. Âm ảnh. Những vòng luân chuyển của máu trong tôi quay gấp rút hơn mực tuần hoàn mọi lúc. Tôi vùng đứng dậy, từ già cái bãi cát chỉ còn có gậy cho tôi nổi khó chịu. Gió bể giục tôi nghĩ đến một việc gì nên làm ngay đi kéo lại muộn lỡ mất. Làm gì? Còn làm gì ngay được lúc này nữa nếu không là mình làm khổ mình. Trời, giá việc giao thông hồi này không bị nghẽn tắc vì giao động của chuyện binh lửa thế giới, giá việc đài tải còn được dễ dàng chóng vánh như ngày trước thì tôi đã hiểu ngay là tôi phải vụt lên phố Hội An, thuê một chuyến xe hơi đi tuột ra Cửa Hàn rồi từ đây qua đèo Hải Vân phóng ra Huế và lúc bỏ xe thì lại xuống một cái đò đang đậu sẵn, trên sông đêm. Tôi đã làm chi đến đời ai và ai đã phá phách sự đơn giản của đời tôi mà cái đêm ngu ở bể phải vất vả đến nhường này! "Đi xem

tuông, mà không chịu mê đào hát, thà ngồi ở nhà cầm kéo cắt hoa đèn bắc dẫu, sự thức đêm còn có nghĩa lý hơn". Chính người bạn nói với tôi câu này, đã đẩy tôi vào cái đoạn khổ này. Giá ông có ở gần đây, thì tôi đã dám đến thẳng nhà ông để báo thù lại bằng cách phá giấc ngủ ngon của ông.

Mặt cát sáng hơn cái trần sao cao của một trời đêm đầm hơi nước. Những bóng đen thuyền chài kéo lưới lướt qua đều có đường viền gầy gọn như ở cạnh góc một phong cảnh của ký vãng âm u mà mình không dứt nổi. Tôi dầm trên bãi cát, thấy cát là một sự vương bận. Hôm đầu đi bể Cửa Đại, đặt chân lên bãi phẳng là một nổi sung sướng nhẹ nhõm hoàn toàn kia. Có đâu thế này.

Tôi trở về quán trọ, châm ngọn đèn dẫu, nhìn vào cái lạnh vắng của một ngôi hàng nghèo nần lộng gió bể. Đàn gió gầy rên qua rừng thông bãi càng mạt mạnh thêm cho cuộc sống nghèo nơi quán. Soạn lại giường chiếu, tôi đụng phải một vật cứng bật ra khỏi chiếc gối này. À, một cuốn sách chữ Pháp. Không cần phải tìm xem thêm dưới đèn mà tôi cũng biết ngay rằng đây là một cuốn sách rất quý, làm bạn với tôi hơn một tháng nay và tôi đã phụ: hơn một tháng nay, tôi vẫn chưa đi quá được mười trang đầu của bài tựa. Người bạn đồng hành - cuốn sách thơ quý - theo tôi xuống bể để cứ nằm đi dưới gối. Tôi cầm cuốn sách,

lòng thấy mình đang rẻ rúng mình, nhưng không làm thế nào được. Giá có ai đứng bên cạnh thì tôi cho luôn mặc dầu tập thơ ấy - đã đóng lại toàn da quý, gáy cạnh mạ vàng, mặt thúc những đường leo lộng lầy vàng - là một vật rất hiếm trong thời khan sản phẩm văn học như bây giờ. Vứt đi thì không nỡ, nhưng giữ lại thì cũng tội. Tôi biết rằng còn xoi, tôi mới trở về với sách được. Phải, khi mà hình ảnh Cô Tư Nam Phố đã bùng dậy trong người tôi thì sách vở nào đã lọt được vào. Tâm óc tôi, người đàn bà ấy đã choán hết chỗ rồi; chữ nghĩa còn lên vào đâu được nữa. Và Trời hãy thương mà tha thứ cho tôi, cái ngày mà tôi không còn tin tưởng tí gì ở sách nữa. Bởi cái lẽ rằng người hiền có tài thì đã khuất mà cái người con hát có tình thì vẫn ở ngay cuộc sống này cứ như sờ sờ trước mắt.

Vào lúc nhặt nhèo này của một tâm trạng dư dật tình cảm không tìm lại được chốn gởi, có lẽ chỉ có sông bạc là làm cho tôi dùng sức dùng trí cho được thỏa đáng thôi. Vì bãi bể này, nhà đương chức lại cho trưng cầu câu lạc bộ đổ bác thì người chủ sông hãy coi chừng. Đánh gấp thiếp mãi kỳ cho tan sông mới chịu thôi. Tiền của một kẻ đang giận đời và nhớ tình độc lắm và tình lắm mất ở đâu kia chứ mất thế nào được ở sông. Và giá có mất hết, thì chơi bằng người.

Gió hạ nổi trên bãi thông vào khoảng canh tư đã có cái sức lạnh, gây nổi sự rùng mình và đem tôi trở

về Bắc - cái xứ Bắc có thượng du... các tỉnh đường ngược hiu hắt từ buổi chưa sang thu.

Bên ngọn đèn quán ngủ, tôi ngồi như chờ một người nào hẹn đến mà quá chậm. Mồ hôi và trên trán mồi. Như một luồng gió núi xứ Bắc gió bẻ thổi se cả mình tôi. Ra không phải chỉ một đêm nay thôi mà đã có nhiều đêm, tôi ngồi như thế này chờ một người không chịu đến. Tôi bèn soạn giấy bút, viết mấy bức thư. Có một bức viết về Bắc, định gửi cho một chị bạn, nhưng sau tôi lại giữ lại vì cái lẽ giản dị là rất đột ngột, tôi thấy mất cái hứng đề tên bạn cũ vào mặt bì thư. Lúc cất thư đi, tôi lại còn tìm ra được một lẽ này nữa: là giải cái tâm sự mình với người của cuộc đời thực tại không bao giờ bằng gửi nó vào miệng những người trong truyện viết của mình; những con người trong tác phẩm văn chương bao giờ cũng tha thiết hơn, thành thật hơn, quý yêu mình hơn, phong phú hơn và thân mật hơn là hết thấy những người thân, mến ở cuộc đời ngoài nghệ thuật, và thứ nhất là biết trung thành với mình, trung thành đến nỗi gửi cả sinh mệnh vào tay mình. Đây là những dòng thư ấy.

Chị Giang,

Tôi cố tình không tìm chị để gửi một lời chào, trước khi rời Hà Nội. Vì gần đây tôi thấy chị xấu đi nhiều

lầm rồi. Tôi không muốn gặp lại, sợ có điều không hay cho việc giao hữu.

Tôi còn nhớ một đêm mưa gặp lại chị ở nhà bà Trần. Ấy là một đêm mưa chấm hết cho mùa xuân. Bà Trần pha trà, bà Lê soạn mứt ra đĩa, rồi cùng quay lại để nói nốt với chị và tôi về cái tính khắc khổ trái lý của mấy cô giáo đưa các trò em ra nghỉ mát ở bãi bể. Ngoài trời vẫn mưa, chừng như mau hơn trước. Chị có vẻ nghe mưa hơn là nghe chuyện, bà Trần tưởng chị không ưa cái đề chuyện khô khan đó, bèn đổi ra chuyện văn thơ và đả động đến thi pháp của Sáu Quyên phu nhân. Chị đứng dậy, vội đi. Không ai hiểu ra sao. Nửa tháng sau, vì một sự tình cờ, tôi mới hiểu rằng hôm đó chị lãi được hơn hai nghìn bạc. Chị đã thừa một đêm mưa nặng hạt, cho chờ bao nhiêu súc vải phin lên những cái xe tay kín mít áo tơi cánh gà, đưa xuống Ấp cho một người đã ăn giá hàng chợ đen với chị. Chuyện này, rồi sau bà Trần cũng biết. Đó là chỗ tôi buồn và xấu hổ nhất bởi vì muốn gì đi nữa thì chị cũng là một người bạn thân, thân đến nỗi chỉ còn thiếu một chút nữa thì đã làm bạn với nhau rồi. Chị hãy nghe bà Trần nói về chị: "Cười nhất là trước kia, hễ thấy mưa là chị Giang chị ấy cứ buồn dùm cả người lại, tưởng chết ngay được

dưới cuốn sách mở. Ai ngờ bây giờ mưa không là của riêng của tứ thơ nữa mà mưa lại ra tiền”.

Nay nghĩ lại chuyện đó, không những tôi không giận mà lại còn thương chị nữa. Sống giờ khiếp lắm. Phải nhanh lắm. Và khéo lắm. Chị không thể thoát ra luật lệ của đời thực tế và những thói tục của thời đại. Sự vất vả, ngày nay lại do từ cuộc đời bên ngoài đưa vào, chị sức vóc được mấy? Tôi chỉ ngại một điều là chuyện này lộn về Hà Nội, tôi chưa thấy chị giấu mà đã thấy chị già.

Từ vào man trong này, tôi đã thấy có nhiều ý gở chường lắm rồi. Lúc tôi tưởng giá kẻ cầm bút được phép cầm đến con chó lửa chẳng hạn, thì tôi không đến nỗi chỉ kết quả có riêng nhân vật truyện rải rác ở bản thảo.

Ở cuốn nhật ký của tôi, khoảng trước hôm khởi hành bỏ Hà Nội, tôi đọc lại, tự lấy làm khoái trá về mấy câu gân gân này: “Bao giờ thì người ta mới đầu cơ tích trữ những văn phẩm Việt Ngữ”.

Nói ra, càng phiền bức thêm, chị Giang ạ. Làm ăn thì lương thiện, mà phải sinh hoạt theo cái mực chợ đen. Thị trường Văn Chương có bao giờ mà khỏi là một cái chợ trắng. Nghìn xưa, cái dấu hiệu của kẻ sĩ là vải trắng ở nơi phục sức. Bây giờ có lẽ rồi đến bất chúc Nề Hành cả.

Tôi viết về cho chị, ở một bãi bể vắng người, cá là ngọc, gạo là hạt châu, củi là quế! Chỉ còn có gió và sóng là chưa phải dùng đất thôi. Tưởng còn an ủi được mình chút ít đó, nhưng thực ra, nằm chơi ở bãi hoang này, tôi cũng đang phải tiêu cho cái sóng gió Cửa Đại đây vô khối là chất tôi trong người mình. Chị có gặp lại tôi lúc này ở bãi chị không thể nào nhận ra được tôi đâu. Người tôi là một sự hốt hoảng. Và tôi cũng đánh liều với cái bản năng tôi đó.

Để rồi tôi sẽ có dịp nói chuyện với chị về người đàn bà đó. Nó phiền như một cái truyện dài của một ngôi bút giỏi.

Trong lúc chờ, chị hãy gắng mà vui tươi. Và nếu biết rằng phải chóng già thì mới có cơ chóng giàu được, thì chị hãy nghỉ đi một độ. Dợi tôi về hãy hay. Cũng chả lâu đâu. Nếu lâu, thì tức là không về, là hỏng rồi.

Cái hứng viết thư đương còn thừa đà, và thấy sự thổ tận can tràng lúc canh khuya này là một điều không nên tiết kiệm nữa, tôi lại soạn giấy để kể lễ thêm chút niềm riêng với một người bạn khác ở Sài Gòn. Cũng như bức trước không chịu phò cho nhà Dây thép đệ về Bắc là thư này cũng bị tôi giữ lại, đánh cho nó một cái giá trị của trang nhật ký ghi lại ít

nhiều bốn chôn trong một lúc nhờ độ đường bên dòng thời gian. Lá thư này, chữ viết xấu và sít dòng quá.

Cô Lạn Khanh ạ,

Có lẽ cô là người than phiền nhiều nhất về tính lười của tôi. Chỗ bạn hữu, cô được đứng trên hết về việc bán khoán hộ tôi. Cô săn sóc đến tôi nhiều quá và lắm lúc rất dễ thương - dễ thương một cách sốt ruột - ở chỗ đã chịu khó tìm tôi, tò mò đến tôi. Tôi ngờ rằng cô đã rõ tôi hơn là tôi.

Trước khi tôi bỏ Hà Nội, cô có gởi tôi một lá thư hỏi tôi độ này làm được những gì và tha thiết buộc tôi phải hồi âm cho thật dài. Rồi chỗ tái bút, cô phải kêu lên rằng tôi lười lắm, gần đây chẳng chịu làm gì cả. (Làm nghĩa là viết, phải không? Chữ tôi thì còn làm được cái thá gì ở cuộc đời này nữa, phải không cô Lạn Khanh?)

Thật vậy, gần đây tôi lười lắm, nghĩa là không viết được tí nào. Việc Trứ thuật chừng như chỉ còn hứng thú ở chỗ dự tính trong đầu thôi. Làm việc thấy khó khăn quá. Nhìn xuống cái màu trắng của tờ giấy, đã có bao nhiêu lần tôi lo sợ. Tôi không phải là một kẻ nghèo hèn trong lòng; vậy mà cầm đến bút định viết thì chữ không chịu ra (cũng như đã nhiều buổi, tôi mở sách đọc thì chữ không chịu vào), rồi tôi lại bỏ giấy bút nguyên thế mà chạy ra đường, ngồi lên một cái

xe, trong bụng nghĩ lấy làm chê trách mình đến điều cái xe bao giờ cũng phải đỗ mình ở một chỗ nào. Thi cái chỗ nào ấy là một quán rượu. Tôi hoang mang, không rõ mình có ra hiệu cho xe đỗ ở tút quán không hay đây là một cái ý riêng của người làm xe; nhưng thôi, đã không ngồi yên bên bàn giấy được đã muốn đi ra đường thì thế tất là mình phải đến một chỗ nào. Tức là lại đến cái hàng rượu quen này. Và đã vào đây thì mình phải tự tử mình đi trong muôn một tôi phải gọi người ta đem ngay chắt độc đến cho tôi. Rất nhanh. Một cốc, hai cốc, Năm cốc. Và, và... đã thấm chưa, hỡi những người không biết tiếc thương và không có cái gì để phải quên đi ở cuộc đời này tôi đánh rơi một cái cốc đẹp xuống thềm hoa quán rượu, đánh một đầu chấu than cho ý nghĩ vừa chớm về với lòng mình đang vẩn vẩn. Nhìn đồng vụn thủy tinh lóng lánh nhộn sắc, tôi ngờ rằng đây mới là cái thâm ý của pha lê, đã trong sáng đến ngần ấy thì phải reo vang lên dù chỉ được có một lần thôi - rồi tan nổ, rồi trở về cái chỗ không có hình thể, tôi liền rút cuốn sổ tay ra, định ghi ít cảm tưởng chân thành. (Chỉ có người say rượu thì mới nói thẳng thôi. Lúc tỉnh, chúng ta hay dọn xếp câu viết, lời nói và ngay đến cả ý nghĩ nữa). Lòng tôi quặn quại cuộn cuộn như nước lũ hút dòng; đầu tôi bốc bùng như lửa đốt. Làm thế

nào, làm cách nào mà ghi lại cho thật tinh vi, ý nhị tất cả những tiểu tiết tỉ mỉ của lửa ấy và nước ấy trong người mình nhỉ? Ý tưởng của kẻ say chuyển nhanh theo máu bị rượu rút gấp đà quay. Mà chữ, những con chữ thì chậm lắm, ghi lại thế nào cho kịp được những cái chớp nhoáng đảo nhoàng kia của cái tâm sự một cảnh củi bùng ứng giữa đám cháy, một cảnh củi trôi cuốn giữa dòng miết - hai việc nước và lửa này, đều xảy ra trong khoảnh khắc trong người mình. Đến lúc nào, loài người mới nghĩ ra được một lối tốc ký mới - mấy triệu chữ một phút? - để cho người uống rượu dùng. Nếu chưa có thứ tốc ký ấy, thì mỗi lần Từ đồ muốn mượn rượu, để tìm mình, thì chỉ là một lần bước thêm vào chỗ oan trái đấy thôi. Bao nhiêu điều quý báu, bao nhiêu cái thơm thảo và cả đến bao nhiêu cái ân oán thỏa đáng, rồi đến bao nhiêu phong cảnh đẹp lạ dưới bầu giờ men kia, lúc tỉnh rượu là tan hết mất hết, muốn tìm lại thì chẳng có gì ghi lại cho mình hết. Mà mỗi lần uống, có phải là ré đầu. Thế nào, trên thân thể cũng có thương tổn và lòng mang thêm ít mất mát. Đổ vờ bên ngoài và tan hoang ở trong, đó là cái phong cảnh sau mỗi kỳ uống rượu.

Tôi muốn ghi ngay xuống trang sổ, những cảnh sắc của cái thế giới bên trong tôi đây, mà ít khi tôi được

thấy rõ bằng lúc ngây ngất này. Tôi nhìn sát vào đầu ngòi vàng cây bút máy. Đầu ngòi nhỏ thế này, đầu có phải là chỗ đủ thoát cho một dòng tư tưởng xô bồ hỗn loạn. Tôi quăng bút cầm lấy cốc, tự nghĩ giá lúc này mà cầm được bút lông viết đại tự, mỗi nét số của chữ "Thần" phải dài trên bốn thước ta thì mới há. Chữ ngòi bút Tây bé quá và diện tích trang viết hẹp lắm, nhỏ lắm. Có như thế này thì tôi mới biết so bì và thêm khát cái đời họa sĩ. Bột đấy, dầu đấy, phẩm đấy, tha hồ mà bôi lên giấy, lên vải lên gỗ. Xanh đỏ trắng tím vàng đen, tùy theo cái sức phân uất của mình. Không, nói cho cùng, thì giá lúc này được làm nhà điêu khắc thì phải hơn hết khi mình thấy lòng mình muốn nói nhiều lắm mà tội một cái là không thể nói thẳng với chung quanh bằng lời nói được, thì cầm một cục búa và một cái đục, trèo lên giàn mà nói chuyện với một hòn đá đặt ngay giữa phòng làm việc, nói đến đâu cái hòn non bộ lù lù nín thít kia lại rung bắn nảy lửa lên, chẳng là há lắm sao? Cô chưa được thấy một người nào làm việc với đá trắng. (Những người quen cô, chỉ mới có làm việc với con chữ thôi, với giấy trắng thôi). Làm việc với tảng đá đẹp lắm. Sau bao nhiêu ngày ốm nghén vì một điều ám ảnh, bây giờ ta trèo lên cái hòn núi xinh đặt ở phòng kia mà tự thoát thai lên đấy, gởi cái ẩn khuất của lòng mình lên đá, gởi

đến đâu đá kêu khóc rã rời đến đấy, cái lối làm việc như thế, tôi cho nó rộng rãi khỏe mạnh và thích hợp với những tâm trạng hay vương phấp phồng hoảng. Tôi thấy nhà điêu khắc cầm búa có chỗ sướng hơn nhà văn cầm cán bút. Làm một bài thơ bằng đá, tra tấn đá bắt đá phải hiện lên thành một cái tâm sự, buộc đá phải uốn theo làn đau thương mong mỏi của mình; cầm búa đục, đục mãi, bắt đá phải trả lời cho mình, kỳ khi nào mình hài lòng thì mới chịu nằm nghỉ - nếu nghỉ luôn được nữa thì cũng không sao, cô ạ.

Ta gọi xuống tờ giấy mỏng manh tất cả những cái gì đã làm cho ta trở nên con người bất mãn ở ngay cuộc đời thật tại. Tôi hiểu như thế lắm. Và lắm lúc thèm ngồi được mãi mãi trên bàn giấy. Nhưng quái lạ, ngồi trước tờ giấy trắng là lòng tôi đã thấy chia rẽ lắm rồi. Tôi không vững tin như lúc sắp ngồi vào bàn. Xưa kia, mỗi khi cầm bút ướm thử nó lên tờ giấy trắng trong tĩnh thiết, tôi thấy sung sướng vô vãn, sung sướng đến chảy nước mắt ra, đến nỗi có thể tưởng rằng mình sẽ chết ngay được nếu bị mất cái quyền viết. Bây giờ khác lắm. Nó ngang trái hết. Chẳng hạn, tôi định đem vào cái thế giới tiểu thuyết một ít con người rất khỏe mạnh, rất yêu đời sống, rất bông bột rất hồn nhiên - hồn nhiên đến mực dã man - thì, chỉ có chuyển từ cái lòng mình sang đến lòng

trang giấy, những con người mình áp yêu kia đều đã biến tính biến thể hết. Không rõ vì cái sức ma quái gì mà những con người ấy đều trở nên ẻo lả, vị kỷ và quá thông minh. Tôi chỉ còn ngậm ngùi trước cái cảnh phản trắc và nổi loạn này và tự hiểu rằng mình đã thiếu hẳn sự thức tỉnh trong việc điều khiển. Đã có bao giờ, cô trông thấy cảnh một nghệ sĩ cùng đồ? Người ta ngỡ ngác như một kẻ bị mất cấp tình cảm: mất cấp hết, mà chỉ còn có việc khóc to lên cho mình nghe thấy mình khóc thôi. Có người khuyên tôi như thế thì nghỉ hẳn đi. Bởi vì khi nào một người làm việc sáng tạo muốn tìm lại mình, thì chỉ có làm việc rất nhiều hoặc là dừng lại, nghỉ, đứng im hẳn. Tôi đã theo lời chỉ giáo đó. Thế là cái lọ mực bắt đầu đóng vẩy. Và đêm ấy, nhân có người bạn thân đến đòi thức khuya với tôi tại am nhà, còn một đôi nến bạch lập, tôi đem ra đốt cả. Từ ngày có chiến tranh tôi không dú tư cách thấp nên làm việc đêm. Đôi nến trắng này, tôi nhờ một anh bạn đi dạo nài lại của nhà Chung từ đã lâu, cứ để dành đấy, không nỡ đem ra thấp; trong bụng cứ định ninh hễ có người bạn thân nào từ già coi đời này thì đem đến góp vào một cái đêm nhập quan. Vậy, đem nó ra đốt lên, ánh sáng nến soi xuống những giọt lệ sắp đổ hình sao trên án sách, tôi bù

ngủ như lúc sắp chia tay với ai. Uống hết hai tuần trà Tầu và một tuần rượu, bạn tôi hỏi:

- Sao, độ này có làm được gì không ?
- Tôi sắp đi chơi xa.
- Lại để viết ?
- Cũng mong được thế. Nhưng không chắc.

Thôi nói chuyện khác.

Đêm ấy cách đêm nay đã gần hai mùa. Ngồi cầm bút nói chuyện với cô ở bãi vắng đây, tôi vẫn tưởng như đêm nào còn ngồi ở am nhà. Lòng vẫn ngơ ngác. Và trong những phút nhớ độ đường này, tôi tự hỏi xem mỗi lúc mình đánh mất mình thì đó là một điều đáng mừng hay là đáng tiếc.

Kính thư
Ký tên

NGUYỄN*

(Tập truyện)

*. Xuất bản năm 1940, gồm 7 truyện vừa và ngắn. Song chúng tôi chỉ in 6 truyện vì truyện *Chiếc áo gấm mượn* chính là truyện : *Mượn cái vui của người khác*, cũng in trong tập này.

NHÀ NGUYỄN

Tặng Nguyễn và Thống

I

Ê, ê, Nguyễn, Nguyễn.

Cái xe tay dừng lại. Một người xuống xe, mặt ngờ ngác, tay ôm một chiếc cặp da phồng. Cái người vừa gọi giật giọng ấy lại nói tiếp:

- Lâu nay mất mặt ông bạn hiền. Chúng nó đồn rầm lên là anh đang làm nha. Nguyễn làm nha? Vậy chớ chuyện anh làm nha là chuyện chúng bịa ra để diễu anh, phải không? Làm gì có, phải không?

Nguyễn - người đang ôm cái cặp da to phồng - không trả lời ngay. Chàng lặng thinh, tất cả người tỏa ra vẻ buồn rộng như cả một cái khi buồn rộng rãi của mùa đông năm vừa qua. Khuôn mặt Nguyễn đượm một màu dằng dặc của hồi lỗi.

Nguyễn lặng im đứng giữa phố, cạnh người bạn vừa bắt chàng xuống xe.

Im lặng là vàng. Nhưng bây giờ im lặng chỉ là thú tội. Im lặng lại còn là ăn cắp, là lừa đảo nữa. Nguyễn im lặng cố tỏ cho người bạn đứng đấy hiểu rằng chàng hiện đang làm nhà, và những điều “chúng nó đồn râm lên...” là rất đúng. Chàng im lặng đứng chôn chân xuống gạch lế đường như thế, nghĩa là không dám cái chính. Chàng im lặng để nhận lấy tội, để sám hối. Hối cái gì? Tội với ai? À, chuyện dài dòng lắm.

Hoàng và Nguyễn thấy đứng lâu ở hè phố là không tiện, bèn rủ nhau vào một quán cà phê gần đấy. Thực ra cái người rủ vào hàng chính là Hoàng. Những cuộc tra hỏi về đời sống tinh thần nhau như thế này phải mất hàng buổi, hàng ngày, có khi hàng tháng chứ đứng với nhau một lúc ở ngã ba ngã tư thành phố ồn ào đâu có xong.

Nguyễn đã theo Hoàng vào cái quán ăn ấy, bước đi khuất nhục như cái bước của một tên tù đầy rập theo vào cái bước trước của một người lính dẫn mình trên con đường phát vãng.

Hiệu cao lâu ấy đã vắng người. Thêm được hai vị thực khách vừa vào, về im lặng lại tăng thêm. Để chiều lòng người bồi bàn, Hoàng hỏi Nguyễn:

- Anh ăn gì?
- Tôi chẳng ăn gì cả.

- Thế uống cái gì vậy?

- Uống rồi, anh dùng gì thì cứ gọi. Kệ tôi.

Sau cùng người bồi bàn đã lấy làm chán cho hai ông khách hàng ngớ ngẩn và bưng ra một ấm nước trà Tàu trống và ủ ngay ở xứ mình. Nước rót ra chén đã bay hết khói. Chẳng ai nhấp môi.

Ấm nước vô duyên ấy, hỡi ơi ! Chỉ là một cái cớ. Đã lâu Nguyễn không gặp Hoàng. Chàng đã cố tình không gặp lại Hoàng - một người bạn thân tín - cũng như chàng đã cố tình không gặp lại những bạn cũ khác. Nay bỗng ngồi đối diện với Hoàng, Nguyễn bề bàng như một thiếu phụ đã tuyệt giao với một lời thề ước rồi mà vẫn còn phải gặp lại con người tình xưa, trên một cái ngã tư cuộc đời mình đang bắt đầu đổi mới.

Nguyễn định mở miệng nói.

Hoàng cũng định nói.

Nhưng mở bằng một câu gì? Câu nói đầu tiên để làm vỡ một cái im lặng vẫn là một câu khó đưa ra cho gọn được. Nặng nề lắm.

Chiếc cặp da phồng của Nguyễn để ở mặt bàn, gợi đến tính tò mò của Hoàng. Hoàng nắn mãi rồi không thấy bạn nói gì, Hoàng bèn mở. Xưa nay Nguyễn và Hoàng vẫn không giấu nhau cái gì. Có cái gì cũng mở lần cho nhau xem. Mở túi, mở ví, mở cặp, mở tấm lòng. Mở ra, mở hết. Thế mà có lúc hai người còn lấy làm giận và phản nản "rằng cái bụng mình, tiếc chưa

được là một củ khoai..." - vào những ngày trên tinh bè bạn, phát phơ mấy lần mây mờ vực.

Nguyễn để im cho Hoàng mở cặp thăm dò mấy ngăn da. Hoàng yên chí sẽ lôi ra được, như mọi khi, một vài cuốn sách mới chưa rọc có những nhan đề cảm dổ, có những tên tác giả rất quen. Mọi khi, vớ được những vưu vật như thế, sao Hoàng cũng tranh lấy đôi rọc trước cho kỳ được và lúc nào cũng nói thêm một câu rất thừa, nghe mãi nhàm cả lỗ tai: "Thế nào tao cũng bọc bìa lại cho mày, mày cứ yên tâm".

Hoàng đã lôi được ra khỏi ngăn cặp những vật gì? Một cái thước gấp bằng đồng, mỗi đoạn gấp là mười phân tây.

Một cái phong bì to, nào là địa đồ và kiểu nhà, giấy nhượng đất có áp triện Lý trưởng, giấy xin lục lộ và những mẫu giấy vụn vật khác chỉ chít những con số nhân chia trừ cộng.

Và mấy gói đinh: đinh năm phân, đinh ba phân, đinh ốc, đinh khuy. Và các thứ bút chì rất to của thợ mộc. Lại có cả một viên ngói nữa. Những hai viên ngói kia. Gói vào hai mảnh nhật trình.

Nguyễn nhìn cái tay Hoàng dờ mó đến những vật ấy. Mặt Hoàng tư lự vô cùng. Nguyễn mặc kệ cho Hoàng tự hiểu lấy. Bấy nhiêu vật linh tinh đủ bảo cho bạn chàng biết rõ hiện nay chàng đang làm những gì. Chàng đang làm một cái nhà.

Giữa Nguyễn và Hoàng, chiếc cặp da ấy vẫn lù lù ra đây như một cái bình phong ngăn mỗi người ra một phía tư lương. Lòng Hoàng thấy chán. “Vây ra những điều chúng nó đồn râm lên là đúng. Nguyễn nó làm nhà thực. Người bạn giang hồ của tôi đang làm nhà. Trời ơi!”.

Xưa, không có nhà thì không sao. Nay thấy Nguyễn làm nhà, Hoàng trở nên nghĩ ngợi.

Ngậm ngùi đứng dậy trả tiền ấm nước, chàng hỏi Nguyễn:

- Bao giờ thì chúng mình lại gặp lại nhau? Tôi tìm anh ở đâu?

Hoàng lấy mắt lấy môi, gạc đít cho hai chữ “bao giờ”, một cách cay chua. Bao giờ hay là chẳng có bao giờ!

- Có lẽ để tôi tìm anh thì tiện hơn, Nguyễn đã chậm chạp trả lời sau mấy phút suy nghĩ, mắt cảm xuống nền gạch của hiệu cao lâu.

Về tới nhà buổi trưa ấy, Hoàng gọi ngay Lựu lên gác. Lựu - người vợ rất ngoan của Hoàng - đang làm cơm. Thấy chàng gọi giật giọng, Lựu đã vội bỏ cả sanh rán đậu phụ chạy lên, tay cầm đôi đĩa bếp và nhảy nhón những mớ.

- Tôi vừa gặp anh Nguyễn, mình à.

- Thế à ? Lâu anh ấy không lại ăn cơm với vợ chồng mình. Nhớ lạ. Chắc anh ấy đi chơi xa vừa về, hẳn có nhiều câu chuyện thú vị lắm. Sao mình không kéo anh ấy về đây luôn? Minh, gặp anh Nguyễn rồi sao? Sao mặt mình lại thần ra thế?

- Chẳng sao cả.

Lựu lau tay bắn vào vạt áo con, ngồi xòa xuống mép giường, cạnh chồng, giọng sần sộc:

- Minh giấu tôi một điều gì. Khỏi nào hôm nay không có một người nào làm phiền cho mình. Tính mình nhiều khi cũng thất thường và bất công chết đi ấy mà! Ai vậy? Hờ mình?

- Em đoán giỏi đấy! Nhưng để chút nữa sẽ nói. Anh muốn nằm nghỉ một chút. Em xuống làm bếp nốt đi.

Rồi Lựu và Hoàng lặng lẽ vây lấy mâm cơm. Cái mâm cơm của cảnh một đôi vợ chồng thèm khát mãi mà không có một mụn con, lắm lúc trông vắng lạ, trông hình như là bún xin ở món ăn bày, mặc dầu trong lòng mâm có đủ các thức rán, xào, kho, luộc đến năm đĩa nhón lẫn nhỏ.

Lựu lấm lét, nhận thấy chồng ăn không lấy gì làm ngon miệng như mọi ngày. Hoàng ngồi bên mâm, và

cơm vào miệng lúc này chỉ là vì cái thói quen thôi. Lựu biết là lại có chuyện gì đây.

Nàng lẳng lẳng gắp, không dám đùa với Hoàng như mọi lúc, hai vợ chồng son hay nói nhảm một cách ngây thơ, giữa những miếng gắp cho nó vui thêm miếng cơm miếng mắm. Hồi còn là con gái, Lựu là một con chim sơn ca. Lúc về làm bạn với Hoàng, Lựu vẫn giữ nguyên được cái đức tính của chim sơn ca. Tươi. Vui. Trong cái khổ nhọc tận tụy của phận thờ chồng, Lựu đã biết đem pha vào những cái lúu títu của thân mật son trẻ. Các bậc có tuổi trong họ, không thể đến những cái quyến luyến ấy, nhiều khi đã cho là gai mắt và hạ xuống những lời phê bình cổ hủ và bất công: “- Chúng nó làm như là thằng Ngô và con đi”. Nghe thấy thế Lựu và Hoàng chỉ đưa khề mắt cho nhau, bảo thầm nhau, rất có độ lượng: “- Các cụ già rồi. Các cụ sống với sự trói buộc tinh thần đã quen. Các cụ sống được mấy nả nữa mà đòi đáp cái cọ cho nó thêm đắc tội với gia pháp. Chúng ta đã yêu nhau thì cứ phải cho vui vẻ. Nghĩa là có cái trước mắt các cụ, từ rầy, chúng ta nên dè dặt coi chừng, mỗi khi bực lộ tính tình” Lựu gật gật, và lại cười một mình nhìn xuống khuôn mặt mệt mỏi của chồng đang im lặng chờ một giấc ngủ bồi bổ.

Lựu và Hoàng trong sự chung đụng hàng ngày, dài nhau lắm lúc như là đôi nhân tình, khi kính, khi

nhường, khi xuể xòa, khi nói phiếm và vào những ngày đau khổ về sinh kế thất thường, họ đã biết giải trí lẫn cho nhau bằng những truyện cổ tích, bằng những mẫu truyện hài hước lượm lặt ở những chỗ quái quỷ nào ấy. Vào những buổi tối nặng nề, Lựu và Hoàng phải ngồi lo tiền nhà, tiền đóng họ cuối tháng, và tiền chợ ngày tới - những lúc này, ở tay Lựu bao giờ cũng có một cái bút chì và một cuốn sổ con biên số xà phòng, nước mắm, củi vân vân - vợ chồng nói chuyện bù khú, uống chung một chén cà phê đặc. Thần kinh hệ đôi vợ chồng trẻ này thật khác người. Uống cà phê đặc, Lựu và Hoàng lại ngủ được ngon giấc hơn là những tối uống nước trà. Và lúc đầu gối tay ấp, vợ chồng lại càng yêu nhau nhiều hơn là vào những ngày thừa tiền, thừa thời giờ, thừa luyến ái. Rồi lúc đã thấy mệt mỏi một cách rất thuận lẽ trời, họ ngoan ngoãn giáp lưng lại để được ngủ cái giấc ngủ của người công bình và lòng chứa chan hi vọng, họ tin chắc vào cái ngày mai của họ sẽ đầy ánh sáng, và ánh sáng sẽ quét sạch hết những lớp mây lớp mù của một ngày lúng túng vừa rồi.

Chính vào những ngày lúng túng bế tắc như thế, Nguyễn đã giúp đỡ nhiều cho cuộc sống của Lựu và Hoàng. Phải nói ngay rằng Nguyễn là một người không bao giờ có tiền được. Tiền của của thế gian vốn là những giống tinh khôn đến điều. Nó biết chọn

những cái mặt đặc biệt để mà gửi vàng. Cái mặt Nguyễn, cái giọng lưỡi Nguyễn khinh bạc thế kia, đồng tiền nào mà dám tìm đến. Nguyễn chưa hề biết quý đến nó, tuy rằng nhiều lúc thấy cần đến chúng, Nguyễn tưởng chậm một phút thì có thể dứt đầu vào thông lọng mà mong được những chuyện cướp ngay công sinh thành. Nó đến có một, Nguyễn lại muốn phá tán xua đuổi gấp mười. Với cái tính hắt hủi chúng một cách vô ơn như thế, Nguyễn đã phải mang lấy cái nghiệp thanh bạch và về mặt tiền bạc, chàng đành nhường tất cả cái hay ho cho thiên hạ.

Vậy mà cái người nghèo đó đã dự một phần lớn trong sự cứu mạng đôi vợ chồng Hoàng. Nếu không có Nguyễn, thật ra cái đời tình cảm của Lữ và Hoàng, nhiều lúc cũng đến lung lay. Nói là đổ vỡ thì không có được, bởi vì Lữ và Hoàng yêu nhau chắc chắn đến thế kia mà. Nhưng mà... biết đâu được. Ở một cái cuộc sống phiền nhiễu này, có nhiều khi một cành lá úa rụng của mùa đông tới cũng có thể gieo ngờ vực, gây kinh hoảng vào giữa một cái tổ chim ấm vững.

Lữ và Hoàng vui tính và hay kết bạn, bụng dạ rất hào phóng tương có đến cửa núi đầy để ngồi lên mà tiêu thì một sáng một chiều rồi vợ chồng cũng đến kéo nhau đi ăn mày ngay mất thôi.

- “Này đây người ta cũng ít cần lắm nhá. Anh phải biết cho thế nhá. Người chung quanh đã tiêu của mình, lúc mình hết, có phải vác bát vác bị đi sê lại của người chung quanh một ít thì đã làm sao chưa?” Một buổi nói đùa, Lựu cũng đùa lại Nguyễn, giả vờ bắt chước những mục nặc nô đánh song lúc cãi nhau chỗ đông người, vỗ tay đồm độp, nhảy chồm chồm mãi lên. Đùa một lúc thế mà cũng đỏ mặt. Lựu nhí nhảnh, Hoàng cười. Được có tiếng cười phụ họa và khuyến khích của chồng, Lựu càng bỏ nhoài ra giường.

Cửa nhà vui quá.

Lũ hàng xóm quen đi ngủ sớm, động giấc trở mình, lăm nhăm chửi “Những quân dục mở. Sướng thế?”.

Những lúc ngồi tể tay ba ở nhà, thỉnh thoảng Lựu lại giở cái trò đùa ấy ra... “Đây người ta cũng ít cần, có phải vác bị vác bát đi sê lại của người chung quanh một ít thì đã sao chưa?” Nhưng cái gì nhắc mãi lại rồi cũng nhạt. Và một buổi tối, Nguyễn đã không buồn cười được nữa khi Lựu cười ngật nghêu. Chang đã làm ra trịnh trọng nói với vợ bạn:

- Chị cứ tưởng bậy thế, chứ việc đời có bao giờ lại rập đúng vào những lời nói và ý nghĩ của chị. *Đi se “lại” của người chung quanh một ít, thì đã làm sao chưa?* Đây này, hiện giờ đang thiếu tiền điện, ngày mai không có tiền nộp, nhà máy đèn nó ðe cắt công

ơ. Chị thử đi “sẻ” mấy đồng của những người vốn hay quấy tiền chị về mà trả đi cho tôi xem nào! Không, tôi nói thực đấy. Cũng như tôi đã nói với anh chị từ lúc chiều, hiện giờ tôi không trông được vào một món tiền nào cả. Nếu có lấy được thì tôi đã được đi Lạng Sơn từ mấy bữa nay rồi. Chẳng phải ở mãi ở Hà Nội này đến é ẩm cả người ra.

Đêm ấy vợ chồng Hoàng rù nhau vào màn một cách rất là nghiêm trang. Con chim sơn ca Lựu đang bận nghĩ đến một cái phắc tuya điện ngày mai.

Một mình nằm cả một gian gác ngoài, Nguyễn hút thuốc lảo vạt, ra bao lơn nhìn xuống những cái bếp lửa của bọn cà phê rong lập lóc dưới mặt phố. Đi ra chán chàng lại đi vào, ngấm thơ trào lộng, chửi xó cuộc sống, nghe đến là băng quơ.

Đêm sau là một đêm không có điện, phải thắp nến ăn cơm tối. Hoàng ngồi ăn vẫn thần nhiên, hình như không biết gì đến cái ánh sáng trong nhà hôm nay có thua cái ánh sáng của mọi ngày, của hôm qua nhiều. Chỉ có Lựu là thần thái khác hẳn mọi ngày.

Nguyễn dốc nốt chai rượu, hồi một cách hóm hình và đột ngột:

- Thế nào, bà Tham Thực, bà ấy không đưa cho chị mượn cái áo nhung à?

Lộ làm ra vẻ ngạc nhiên, sau cái phút giật mình:

- Áo nhung nào?

- Đang ăn cơm mà nói dối là độc lắm đấy nhé. Tôi cấm chị chối. Mà có định chối thì đừng chối vội. Hãy ăn hết bát cơm ấy đi đã, cũng vẫn chối kịp kia mà. Đi đâu mà vội.

- Anh say rượu rồi phải không?

- Chị vừa ăn cơm vừa nghe tôi nói chuyện... Có phải sáng nay chị đã đến nhà bà Thực. Rồi, bằng giọng thân mật, chị đã nói với bà ta một câu như thế này: “Đạo này em quần quá chị ạ. Chả là mấy. Giặt lửa của hàng xóm mười lăm đồng cũng được. Nhưng sợ người ta cười. Em đành đến nói với chị, mượn chị cái áo nhung the cùng chuộc về với bọn đồ của em hôm nọ ấy mà. Không phải là em cố đòi lại số tiền ứng ra cho chị hôm vừa rồi đâu. Để trả tiền điện hôm nay đây”. Thế rồi bà Thực mới làm ra bộ rất tiếc không giúp được chị, lấy cớ rằng: “Từ rầy chúng nó có cấm mà không ăn lãi, cũng không nên đưa áo nhung đi. Túng thì chịu vậy. Áo nhung the mà nó đem xếp nén lên thế này, thì chết hết cả tuyết chứ còn gì nữa. Có mà đại chị ạ. “Mì” lại, thật là không may cho chị, hôm nay ở nhà phải dùng đến áo này. Chiều nay nhà tôi đã hẹn cùng nhà tôi xuống Gò Đa. Tan sớm sớm mà lại. Ra ngoài, kèm quần kèm áo, khó coi lắm. Nhớ nhà

tôi hỏi đến thì sao? Thôi chị rầu lòng để chút nữa tôi lấy ở nhà tôi vậy". Ấy - chị Hoàng, chị đừng ngắt tôi, tôi nói chuyện đang hay - ấy thế rồi bà Tham Thực buổi trưa đã ăn một bữa cơm ngon, đánh một giấc ngủ cũng ngon để rồi chiều đi xuống phố Tây cùng chồng sắm hàng. Một người đang sương trong một cái ngày rất đầy đủ của người ta, chị phải cho người ta cái quyền quên chị đi một chút chứ? Mình nên có lượng đối với chung quanh. Bữa sau, người ta có nhớ đến chị, có nhớ đến lời hẹn của chị, tình cờ nhớ gặp lại chị, người ta đãi chị một câu xin lỗi. Thế cũng là nhiều lắm rồi. Đừng có nên bắt người ta nói thêm câu nào nữa. Bắt người ta cắt nghĩa thêm nữa, tức là mở con đường cho người ta nói dối đấy. Tức là giục người ta đi vào tội lỗi đấy... Thôi nghĩa là không thấp điện, thì thấp nên đã chết ai, việc gì mà chị sụt sịt... Ngày xưa người ta xem sách bằng vỏ trứng đom đóm, còn được nữa là... Ồ! Đừng khóc nữa, trẻ con lắm... Thế những điều tôi vừa nói là không bịa đặt một chút nào phải không chị?

Lự cũng thôi không thêm giận đời nữa, mếu máo cười. Nhưng quay sang phía chồng, nàng cố lờm được một cái mới nghe. Nàng đã ngờ Hoàng thuật rõ cho Nguyễn nghe cả rồi cái chuyện mượn áo nhung của bà Thực. Bực thế đấy. Mà nàng đã dặn Hoàng hai ba lần rồi đấy chứ có không đâu: "Mình đừng nên kể lại cho

anh Nguyễn nghe nhé. Anh ấy sẽ cười và chế tôi chết mất”. Đàn ông thế mà cũng chúa là hay lẻo khẩu.

Để ngắt một câu chuyện vừa đủ rồi, Hoàng pha trò với Nguyễn:

- Thôi xin mời bố uống cạn đi. Và xơi cơm đi cho. Kéo quá một chút nữa cơm ôi, ông lại bắt rang cơm, bếp không có đèn điện thì khổ lắm đấy.

- Ô hơ, phải rang chứ. Cứ kệ cho cơm nó ôi. Tị nữa rang. Uống rượu mà không kênh càng một chút thả đứng bày chai cốc ra cho xong. À này, anh chị có biết cái phong bì này là cái gì không? Đó đấy.

Nguyễn đưa cho Hoàng một cái phong bì nâu dầy cộm cộm và bảo thêm: - “Thử ngửi xem”.

Hai vợ chồng nhấm nháy. Lạ vừa cười vừa trách một câu đùa: - “Hà, bác Nguyễn nhà ta có tiền. Thế mà định găm để tiêu một mình. Giá không có hơi men lỏi được ruột gan bác ra, thì có mà giới khảo cũng không đưa ra đâu... Gớm, nhưng mà anh bỏ ra hai ba đồng sắm lấy một cái ví da đựng tiền cho nó có phong thể một tí. Chứ mỗi lúc rút tiền ví ra tiêu, anh cứ đưa cái phong bì giấy gói hàng, trông mất cả lịch sự đi”.

- Tội gì mà sắm ví. Lấy bạc giấy từ trong ngăn cái ví da đẹp ra mà tiêu, nó có vẻ trịnh trọng lắm chị ạ. Và lại đậm ra tiếc rẻ nữa. Tôi đã thấy một người bạn

tôi sắm một cái ví những ba chục, góc bít vàng tây, về nhà anh ta đem lấy bàn là điện ra là độ mười tờ năm đồng và tờ hai chục cho thực phẳng bỏ vào ngăn ví có thừ tự, trông đẹp đáo để. Thịnh thoảng ngồi buồn, anh ta nhớ cái ví, lại gỡ ví ra đếm lại những giấy bạc càng để lâu càng phẳng phiu. Những tờ giấy bạc ấy không bao giờ anh ta tiêu đi. Nhiều người ghét mắng anh thậm tệ. Nhưng ví thừ tôi có dịch tôi vào địa ví anh ta, tôi cũng không nỡ tiêu hết giấy bạc đi; trông cái ví xinh xắn như thế, giấy bạc phẳng phiu thơm tho như có ướp nước hoa, ai nỡ lia. Tiếc lắm, chị ạ.

Hoàng chen vào:

- *Moa* cho tiêu tiền mà sướng tay nhất, đừng nên có nhiều. Có nhiều thì phải tiêu thành từng món, tính đi tính lại, mệt lắm. Chỉ cứ có độ chục bạc thôi, giắt ở túi *gi-lê* bên phải một đồng, túi *gi-lê* trái hai đồng, *bốt-sét* vài đồng, túi sau quần vài đồng. Khoái lên, cứ móc bừa bừa vào các thứ túi trong người mình, tiêu cứ vung cả lên. Hứng lên là *a-lê*, tiêu! Tiêu! Rồi lại tiêu. Tiêu mãi. Tiêu nặng lên. Tiêu cho đến đồng xu chót. Tiêu tiền, nhiều khi có được như là làm thơ thì mới thích. Không nên dằn xếp trước. Thấy có cảm hứng thì làm ngay, tiêu ngay.

Lưu nhìn chồng bừa mồi. Hoàng đang gập cái đĩa nói rất hùng, cầm lấy cốc Nguyễn đang uống, tợp một hơi. Ngụm rượu kê làm cho Hoàng bốc đồng. Chàng

thấy cần tìm ra một hạng người bỉ ổi nào ở cái xã hội bố nhằng này để làm đối tượng cho cái hơi giận dữ của chàng trong lúc này. Hoàng đã lôi ra được cái thứ người hề đã tiêu xong tiền là y như là hối hận.

- Cha mẹ nó chứ. Quân nó ngu lạ. Tiêu xong để mà hối tiếc thì đừng có tiêu nữa có được không! Thích thì tiêu, ai bắt.

Tự nhiên Lựu cũng mấp máy miệng, nói một câu rất là đầu Ngô mình Sở:

- Thế nhưng mà tôi xin mình từ rẫy bỏ cái lối giắt tiền vào vành mũ và mép bit tất đi nhá. Trông có rá lắm. Nay anh Nguyễn này, một hôm vợ chồng tôi đi ô-tô-ca xuống Nam. Ngồi hạng nhất. Lúc người ta giục đưa tiền về, ông Hoàng ông ấy lôi bạc giấy ở cái vành mũ ra, em thấy ngượng quá đi mất. Cả một chuyến xe toàn người sang kẻ quý cả, họ nhìn trừng trừng vào mặt mình. Mặt em cứ chín như ra và lúc ấy, em nghĩ đầu như em là vợ một anh cờ bạc nghề vừa tan đám. Thế mà Hoàng thì cứ thản nhiên được. Trông mà cứ muốn lộn cả ruột lên.

Hoàng sắp phân trần với vợ đại về cái thái độ ít cần của mình vào những trường hợp như thế, thì Nguyễn phá ngay câu chuyện.

- Ê, cấm hai người không được cãi nhau. Hãy giương mắt ra mà trông vào đây này...

Chàng mở phong bì, chia cái thép bạc giấy đó ra làm ba phần không đều nhau.

- Chỗ này chị Hoàng giữ lấy, ngày mai đem nộp nhà máy đèn. Chỗ này của tôi giữ riêng. Ngày mai đi Lạng Sơn. Còn chỗ này là của tất cả chúng ta. Lát nữa phải đi giải trí. Xem chớp bóng và ăn đêm. Lâu nay buộc mồm buộc mắt, khổ quá lắm rồi.

Lưu châm chọc, nhưng giọng cố làm cho nhẹ nhàng:

- Anh mà cũng có tiền mặt kia à? Ai đã cho anh mượn? Anh phải khai thực đi. Kéo lơ Hoàng và tôi lại thành ra a tòng mà tiêu vào cái cửa bất nghĩa nào thì hỏi đến măn đời. Anh phải nói rõ đi đã thì tôi mới đi rửa mặt thay quần áo. Tiền ở đâu thế? Hờ anh Nguyễn?

- Từ nay tôi cấm chị không được đùa như thế nữa. Sợ nó thành một thói quen, ra đến chỗ lạ, cũng cứ ăn nói như thế, rồi đâm nhảm hết... Tiền này là đồng tiền rất lương thiện. Khi chiều, vào thư viện, gặp một người bạn khoe rằng sắp in một cuốn sách vừa làm xong. Anh ta thiết tha nhờ tôi trông nom hộ về việc ấn loát và đi chọn giấy. Biết tôi không phong lưu gì anh ấy kính biểu tôi số tiền này... Tôi định đi Lạng Sơn mấy hôm, đổi không khí. Thỉnh thoảng cần phải đổi không khí để giữ cho lòng mình luôn luôn mạnh

và yêu đời và yêu sống. Để lúc về được bình tĩnh mà trông nom hộ công việc người ta cho chu đáo.

- Đưa nào in sách hử Nguyễn? Hoàng hỏi. Nếu không phải là một việc cần giữ kín trong một thời hạn, mày cũng nên cho tao biết tên, rồi tao sẽ cho mày một vài ý kiến hay. Tao có một cái linh tính lạ lắm Nguyễn ạ.

- Thằng Việt Lang. Chắc mày cũng chẳng lạ gì cái tên anh văn sĩ đầu cơ ấy.

- Nó sắp in cái gì?

- Một cuốn sách tham khảo về phong tục và lịch sử một nước quần đảo hàng xóm. Có cả những bản kèm in ảnh phụ bản nữa. Nó tin rằng sách sẽ chạy lắm! Vì hợp thời.

Hoàng cười một cách khó hiểu rồi cười mũi.

Để gờ cho Nguyễn một cái tử buồn ngại thoáng trên mặt, Hoàng tiếp:

- Nghĩa là đưa nào đem quần bút mình ra đánh đi thì đưa ấy xấu. Nó cậy anh chỉ trông nom việc ấn loát thì cứ làm. Tưởng là nó lại mời anh cùng đứng tên vào cạnh tên nó để mà cùng soạn sách thì là việc rất không nên.

Cả nhà, tức là chỉ có ba người - soạn sửa đi xem xi-nê-ma. Nguyễn đòi Hoàng phải đổi cho mình chiếc cà vát mùi huyết dụ, và lục tung cả tủ áo lên tìm con dao cạo.

- Già rồi mà còn cứ đòi làm dáng.

Tiếp lời vợ, Hoàng đẩy Nguyễn ra một bên, vừa tranh lấy chỗ trước gương soi, vừa đùa bạn:

- Ông nên nhớ rằng ông là bố một lũ trẻ con vừa giai vừa gái rồi đấy nhé! Cái thứ người như ông đáng lẽ ra bây giờ, chỉ được mặc toàn đồ đen và phải để râu cho nó chinh con người lại.

Lưu thấp hơn chồng đến nửa đầu người, kiễng chân lên, cài khuy cổ, nói với cái bóng mảnh dẻ mình đang động trong tấm gương.

- À hôm nào chúng mình cùng đi Thanh thăm chị Nguyễn và xin chị ấy một đứa con gái đem ra làm con nuôi cho đỡ vắng nhà đi. Này, cứ kể chị Nguyễn chị ấy cũng giỏi đấy chứ nhỉ. Cả năm anh ấy đi hoài. Một năm kể những ngày ở nhà, đem cộng lại thì chừng cũng chỉ được một tháng.

Dứng cách xa đẩy vào tấm hai cái bàn, Nguyễn bắt giắc thờ dài một tiếng khê, Hoàng thính tai và tinh ý, lừ mắt cho vợ đừng gọi nói đến những chuyện riêng của Nguyễn nữa rồi to mồm ra lệnh, đánh trống láp:

- Thôi đi, đi thì vừa.

*

* *

Đêm ấy thành phố Hà Nội đổi sang tiết lạnh, gió hanh đầu mùa làm cho mọi người có những dáng đi

rắn rỏi. Lựu, Hoàng và Nguyễn thấy bước chân đang vui, thỏa thuận cùng nhau chỉ nên đi bộ.

Những đợt gió si tình nẻo hồ Gươm lật ngửa tà áo màu phía sau của đám thiếu phụ tân thời.

Nguyễn tưởng đến những mảnh đời thui thui rất được đẹp đẽ trong cái lạnh lẽo của cô đơn. Hoàng thấy lúc này phải thương đời thêm một chút nữa thì mới là công bằng. Lựu thấy da thịt se dần và hơi rung mình, nàng nghĩ trước đến một cái chân vừa cho bật lại lần bóng cũ, khép nép nằm ở góc trái chiếc giường kê ở nhà.

Nhiều cái bóng bộ hành hợp thành tốp năm lũ ba, kẻ đầu kẻ cổ theo một chiều đứng và những tiếng đế giấy tây chắc chắn cùng gõ một dịp với gót đầm giấy nhanh thoăn thoắt. Máu phân phát rất đều khắp cả người. Một bộ quần áo ấm, gọn ghê. Gió vỗ nhẹ vào một cái mặt đi chơi. Nhựa lề đường, lề phép vang hưởng theo những bước chân nhàn tản. Hoàng và Nguyễn đều cảm thấy được sống lúc này với những cảm giác tinh vi của mình, là một cái đặc ân, là phải mang một cái ân sâu nặng đối với tạo hóa, đối với cái kỳ diệu của sáng tạo.

Và nếu cái xã hội hiện họ đang sống này được là một cái xã hội tận thiện mỹ nào của Ngày Mai thì ngay lúc này, - miệng nói tay làm ngay - người ta không giội nạt, nhưng người ta sẽ âu yếm gọi Nguyễn

và Hoàng đến mà uỷ lạo rằng: "Hồi hai tên công dân kia, Chính Phủ Nhà Nước đã nhận được những tang chứng chắc chắn về cái đức tính của các người trong cái đời sống vui vẻ. Đời công cũng như đời tư. Nhà Nước ta chỉ nhân, chỉ công, chỉ minh, không bao giờ phụ những công dân rất xứng đáng như hai người. Từ ngày nước ta theo "hiến pháp" mới, những kẻ nào vẫn còn buồn rầu là những kẻ còn phản Cách Mệnh - bởi vì vui yêu là tinh lý của Hiến Pháp mới - phản nhân loại, là những kẻ đắc tội với Pháp Luật. Trước khi trừng trị những kẻ không biết đến cái bốn phận vui trong phạm vi của quyền sống, ta hãy theo nhời đáng chí cao viện Hành Chính mà ban cho mỗi người một tấm huy chương gọi là làm gương cho những kẻ khác chưa biết đến cái sự được sống là vui, là một cái thú độc nhất của con người. Được đeo tấm huy chương này, tức là các người được miễn cả sưu lẫn thuế, và nếu các người cứ được mãi mãi vui và lành như thế, quá năm chục tuổi, các người đem cái huy chương ấy đến Ngân Quỹ thành phố mà đổi lấy một cuốn sổ hưu bổng.

Tấm huy chương ấy bằng vàng, trên hình tròn miếng kim khắc một cái đầu người đang cười và ở phần bán cầu dưới chới lọi một quả tim phát ra những tia sáng nhấp nháy.

II

Ở hý viện ra, Lựu, Hoàng, Nguyễn vẫn đi bộ. Cảnh đêm không có một tí gì là đáng sợ. Đêm lành và hiền từ. Đêm lại còn đẹp nữa. Vòm cây trên đường thay lá, gió trút lá lạt sạt, tiếng gieo khô, vui, đều. Tình tình chất phác, Lựu không phân tích được cái lòng mình hôm nay sao mà lại vui nhẹ được đến như thế. Nàng loạng quạng bước đi, dẫm phải một vật trắng trắng, vuông vuông, mong mỏng. Nhặt xem thì là một lá thư rơi, tem còn nguyên chưa đóng dấu. Theo một thành kiến riêng của Hoàng thì bất cứ nhặt được thư rơi của ai ở ngoài đường, chàng đều vớt hết. (Cái ý nghĩa của thành kiến ấy có một nguyên uỷ riêng mà Hoàng giữ kín, không bao giờ chịu nói rõ; đến ngay đối với Nguyễn, chàng cũng không cho biết). Nhưng lúc này Hoàng thấy mình cần phải quảng đại. Chàng đành không giữ trọn cái thành kiến kỳ quái khắt khổ đó - ít ra là một lần này - và từ tốn hỏi vợ:

- Thư đề gửi đi Bát Tắm Boong à? Mà lại chữ đàn bà? Xa xôi và yếu đuối nhỉ? Thôi, chúng ta cũng nên làm một cái ơn nặc danh cho một người nào đang ở mãi chỗ cùng tột của xứ Cao Mên. Em đưa đây cho anh.

Khi nào Hoàng gọi vợ là em tức là lòng chàng đang băn khoăn nhiều về một điều gì.

Hoàng ngửi lá thư. (Hoàng có tính hay ngửi và tính ấy hồ đã thành một cái tật. Hoàng ngửi món ăn, ngửi hương trà - đã đành! Nhưng Hoàng lại ngửi cỏ, ngửi đất, ngửi khói than đá, ngửi sách, ngửi mặt kính đồng hồ!). Hoàng ngửi lá thư, thấy tiết ra một mùi nước hoa cầu kỳ và phải là đắt tiền, chàng bèn đọc phong bì cốt để xem tự dạng chữ không phải tò mò đến địa chỉ. Chữ đúng là chữ đàn bà. "Lựu, vợ mình nó cũng tinh đấy". Chữ viết bằng bút máy ngòi vàng chữ không phải là ngòi thủy tinh. Cuối dòng chữ có những nét tà tà kéo lê rất chán đời. "Những nét này là nguyên tính ẻo lả của một kiếp con người hay chỉ là cái rã rời khoảnh khắc của phút đề bì một phong thư chán nản?"

Hoàng đã nhẹ nhàng bỏ hộ phong thư rơi ấy vào hòm thư xếp móc cạnh tường ga tàu điện Bờ Hồ.

Nguyễn vẫn nghiêm trang, dè dặt đi bên cạnh vợ chồng Hoàng hình như không dám bạo nghịch đến

những cái sống ở chung quanh. Chung quanh chàng, trên đầu chàng, dưới chân chàng, vung tỏa ra một vẻ đẹp rất thần bí.

Trong đêm vắng, sắt đường tàu điện sáng như vừa mài vào đá máu. Thổi thép lạnh bóng và dài dằng dặc tít mãi lên Hàng Bông kia nhắc đến giá trị vô song của nó ở vào cái thời đại kim khí và cơ khí này. Rồi giòn giòn nơi tóc gáy - có lẽ vì gió nơi ngã tư Bờ Hồ lộng, - Nguyễn liên tưởng đến những thổi thép luyện của những lịch sử thượng võ ngày xưa có dăm bảy lưỡi kiếm danh tiếng chém sắt chém đá ngọt cứ như chém vào chuối vào bùn.

Trong đầu Nguyễn, có một cái gì muốn rụng xuống. Một cái gì như một quả chín lúc được lia canh, phải lia canh. Ấy là một câu thơ. Đêm nay người thi hiền, canh thì lành, âm thầm không còn là khó nhọc, tư tưởng không có nghĩa là đau thương, lạnh lẽ không phải là buồn tủi nữa. Nguyễn thấy được sống cũng đủ là một cái tác phẩm rồi, chẳng cần phải làm việc gì nữa. Nếu có cần phải làm thêm một điều thiện vào giây phút này thì Nguyễn chỉ muốn làm một câu thơ không có luật. Làm xong rồi đốt đi. Đốt ngay giữa giờ như là hóa vàng lễ ấy. Đốt đi, rồi mặc kệ gió giờ đem cái bụi thơ, cái phấn thơ, cái hương thơ tự do ấy cho thật xa, cho thực rộng, đem đến những chỗ nào không

có bờ bến, không có ngày tháng, không có đầu không có cuối.

Trong lòng Nguyễn, tình vui cho nổi lên một cơn cuồng. Chàng khép vạt áo lại, đánh một que diêm, thở một hơi thuốc. Khói lừ lừ trước mắt như những cái tơ giới dăng trên những cánh đồng mùa tháng mười lức về chiều.

Ấm lòng, Nguyễn càng thấy cái sướng của người trai đất Việt được sinh trưởng ở những thành phố phía Bắc. Chàng lại phàn nàn hộ cho những người cùng quê hương mà lại phải sống ở những thành phố phương Nam, quanh năm chỉ có nắng của xích đạo và không bao giờ hiểu đến những luồng gió hanh đầu mùa này rất có giá trị kiến thiết cho tinh thần.

- Anh Nguyễn đang nghĩ chuyện gì mà mãi miết vậy? Tôi thấy những người im lặng, tôi ngại lắm.

Bị Lựu làm đứt mất luồng tư tưởng, Nguyễn mới nhớ ra từ lúc này đến giờ chàng tịnh không nói một câu gì, chỉ thọc hai tay vào túi quần và đi trong yên lặng. Hoàng cũng vậy, thành ra Lựu trở nên cộc cạch, lẻ lẻ ra. Đáng lẽ cùng đi bộ về như thế này, ba người cùng bàn về cái phim ảnh nói vừa xem xong mới là phải.

Nguyễn đã bắt lại câu nói của Lựu.

- Chị đừng tưởng những người im lặng đều là người nham hiểm cả đâu nhá. Cái im lặng của lũ thì sĩ có di hại cho ai bao giờ đâu? Nào, bây giờ bắt đầu ồn đi nào. Bây giờ đi ăn. Tôi và anh Hoàng để cho chị toàn quyền mà chọn hiệu ăn. Hàng Buồm, Hàng Quạt, Hàng Da? Phải uống một chút rượu vang đỏ cho nó ấm bụng, chị ạ. Này Hoàng, vợ ông đang kêu buồn kìa kìa (...).

Nguyễn lùi xuống một bước, để cho Lựu tiến lên. Lựu vịn vai chồng:

- Những đêm như thế này, tôi không muốn về nhà đi ngủ một tí nào cả, mình ạ.

Hoàng và Nguyễn lấy làm thương thức câu nói ngây thơ cuối mùa đã chút lãng mạn không tự biết ấy, và khúc khích cười để cho Lựu tiếp thêm một câu kịch côm hơn nữa: "Chứ lại không ư! Các anh cho đàn bà chúng tôi là tượng gỗ hay sao. Nghĩa là đàn bà chúng tôi nếu không sợ những lời hàng phố dị nghị thì... thì cũng...).

Hoàng ngắt:

- Thì, thì cũng... làm sao?

- Thôi không thèm nói nữa. Tôi đến ghét mình cứ hay về hùa với anh Nguyễn. Người ta nói chuyện đứng đắn thì cứ phá đám.

III

Cái hiệu ăn đêm, gần bãi chợ Hàng Da chật ních những người. Thật là một việc không chờ đợi. Đêm đẹp giờ có khác. Ai cũng đều có cái ý tưởng ra ngoài, thoát ra ngoài, tìm cách mà lọt ra ngoài cái nhà quen thuộc của mình.

Vợ chồng Hoàng và Nguyễn đứng chôn chân ở giữa hiệu, tìm một chỗ góc phòng nào kín đáo. Họ phân vân, sắp quay ra thì có một bọn ăn xong, đứng dậy. Cái bàn ở góc ấy xinh xắn. Ba người ngồi vây lấy thật là vừa quá. Ngồi ở đây lại còn lợi được hai điều này nữa: là tầm mắt quán được cả một phòng ăn; và nếu có nói chuyện riêng, ít bị những cái tai tọc mạch nghe lỏm.

Hoàng hỏi Nguyễn:

- Thế nào, ăn uống ra sao đây?

- Hôm nay lại giả vờ làm thằng giầu tiêu tiền không nhìn đến chỗ còng ngân. Cứ gọi bữa đi. Chị Hoàng gọi đi.

- Thế anh lại hoãn cái việc đi Lạng Sơn à?

- Mai không đi thì ngày kia đi, ngày kia không đi thì đã có ngày kia. Ngày nào chẳng có hai chuyến tàu chạy lên biên giới bắc? Mình có phải là công chức đâu mà mỗi lúc đi đâu tính nhật kỳ cứ sát từng nửa ngày một. Tôi hãy gọi riêng cho tôi một chai rượu Médoc súc miệng cái đã.

- Ấy là tôi hỏi phòng xa anh thế; không có lại lỡ tiêu quá vào tiền vé đi Lạng Sơn của anh, nhờ công việc của anh thì khốn. Ai dám bảo anh đi Lạng Sơn chuyến này không phải là để tính đến một chút sự nghiệp cho mai sau?

- Chị làm gì mà to chuyện thế! Cái sự nghiệp mai sau nào của tôi mà bằng được cái hể hả đầy đủ của phút bây giờ - có anh chị. Tôi chỉ quen sống với nỗi ăn xổi ở thì. Ba chén mà túy lên thì việc có to bằng giới đó cũng bỏ, phải không Hoàng?

Hoàng gật gật, nở một nụ cười tòng đàng.

Rồi Nguyễn và Hoàng tí tí làm hết chai rượu vang. Món ăn vẫn chưa đưa ra. Lợn ngồi chờ cắn hạt dưa, nhìn mấy thiếu phụ mặc quần áo theo lối mới, ngoài

cái áo dài bằng hàng len màu, lại có một cái áo ngắn chèn, bằng nhung đen phủ lên. Nàng phát biểu một ý kiến làm Nguyễn và Hoàng phải phì cười.

- Mới quái gì cái kiểu áo chèn của đám ấy hở các anh? Cũng chả hơn gì cái áo cánh bông của các cụ bà nhà chúng ta. Đấy các anh xem.

Lựu sợ phạm vào cái tội cáo giác không có tang chứng, đòi phân bua cho được và luôn tay chỉ chỉ trỏ trỏ. Nguyễn phải ngăn:

- Chị nói thì cứ nói, nhưng đừng chỉ vào mặt người ta. Xem chừng cái tội bên kia nó đã khó chịu với tội mình từ lúc chúng ta mới vào kia rồi. Chị có trông thấy cái người cao cao mặc tây theo kiểu Hồng Mao kia không?

- Ngồi quay lưng lại đây ấy phải không? Ờ, mà có chuyện chi vậy?

- Thằng cha ấy nó đòi đánh tôi nhiều lần lắm rồi đó. Trước kia y hay rủ tôi đi chơi luôn. Tính y rất hiếu thắng. Nói rất nhiều, rất to; những nhà nào có ông già bà cả nằm dưỡng bệnh hoặc có trẻ con đương ngủ thấy y xông vào nhà là sợ lắm. Tôi không nói ngoa tí nào, khi tôi bảo một mình anh ta, anh ta họp chợ nói, chẳng cần đến hàng xứ nữa. Khiếp, người đâu mà nói như cái máy hát của mấy hiệu bào chế. Mà lại toàn nói nhảm. Ấy thế rồi có mấy đứa con nhà giời đánh

nào nó mới xui khôn xui đại anh ta, bảo anh ta là một người có tài. Anh ta trẻ người non dạ, tưởng thực, khi không đòi nhảy ra gánh vác việc đời. Thấy cái cung cách anh chàng táo tợn như thế, tôi hãi quá. Từ đấy tôi không dám gần anh ta nữa. Nhưng trước khi định xa hẳn anh ta, nhân danh một cái việc chung đụng cũ, tôi có bảo thẳng vào mặt anh ta một câu: "Lời nói thẳng hay làm méch lòng, nhưng mich thì mich, tôi cũng cứ phải nói rõ cho anh hiểu rằng không bao giờ anh là người có tài đâu. Anh muốn cái đời anh được sung sướng, tất cả cái hoài bão của anh - và có lẽ cũng là cái hoài bão chung của những người sống ăn hột cơm của giới - là trở nên người sung sướng phải không? Làm sao phải giầy nẩy lên. Muốn sung sướng, đâu có phải là chuyện xấu mà anh phải chối? Ô! Vậy anh bằng lòng thành người sung sướng; có khó gì. Làm giàu đi, kiếm tiền cho nhiều vào. Tiền bạc không hẳn là cả hạnh phúc nhưng là một phần lớn của hạnh phúc. Giàu là đủ rồi, việc gì cứ phải có tài mới là sung sướng? Mặc kệ cho thiên hạ tài, mình cứ giàu sự vào. Ai tài cứ cho người ta tài. Nhưng mà anh thì anh không được cho anh là tài". Anh ta đòi sùng sộ với tôi ngay lúc ấy. Tôi phải dụ lời nói thêm: "Nghĩa là thế này: anh cũng có tài - tài làm giàu, - thế cũng có ích cho xã hội - ngoài cái sự vinh thân cho anh - nếu anh cứ định gánh vác với xã hội một chút (tôi không chờ ở anh

những cái sốt sáng có giá trị như thế) thí dụ như lúc cái tài làm giàu của anh đã được thực hiện rồi, thì ai cấm anh dùm giúp những cái tài khác. Tôi nói những cái tài chơn. Dề mà xã hội trí thức quên được những cái hành vi ấy của anh? Một cái tài làm giàu nâng đỡ những cái tài không có tiền. Về vang biết mấy. Chứ bây giờ, tự nhiên chẳng căn cứ vào đâu cả, anh xưng xưng nhận ngay mình là có tài, cũng bắt chước bĩ báng đồng tiền, khinh thế ngạo vật, tức là bỏ đứt cái sở trường của mình để vác ngay cái sở đoản ra mà đập lên đầu thiên hạ cho người ta tối mảy tôi mặt lại. Thành ra anh bỏ đi một cái chỗ ngồi đích đáng của anh để nhảy sang chiếm chỗ tại miếng đất người khác. Ta không nên vung đại thế. Anh há chẳng được trông thấy những cái thảm trạng gây nên bởi một chú lái buôn cứ đòi đốt trăm nắn phím. Anh há chẳng được chứng kiến những cuộc tàn sát thì ca của những ông lãnh binh sinh làm thơ. Từ nay về sau, dứa nào cứ đến thăm cửa nhà anh để mở mồm khen anh là một người có tài thì anh phải từ chối những lời xàm bậy đó và đái nó một số tiền rất hậu rồi đuổi nó ra. Nếu nó còn đến để vu khống anh ngay ở nhà anh nữa, thì cứ trối phăng nó lại. Đời sẽ khen anh là một người có liêm sỉ. Anh đã có lúc yêu tôi như anh từng yêu những người tầm thường khác, dẫn tôi đi nghe ca hát, rồi ăn, rồi uống, rồi nói phiếm và cười suông. Để trả

những món nợ miệng đó, tôi kính biếu lại anh những lời chân thành này. Nếu tôi có khinh anh, thì anh cũng nên xét và tha thứ cho tôi vì tôi đã thành thực trong cái ý tưởng đó. Tôi biết tính anh ngỗ ngược đã quen, gia di lại thêm có được cái vóc người kích thước dài rộng đều hơn chúng nhân. Mỗi lúc thất trực là anh phải đánh người ta. Không đánh được thì anh phát ốm. Tôi đã biết. Tôi biết cả. Một người lực sĩ cử đỉnh như anh mà ốm thì tức cười đến chết mất anh a. Tôi không muốn cho anh thành ra cái trò cười đó, tôi muốn tránh cho anh một trận ốm tốn tiền và mất thời giờ, lúc này tôi vui lòng cho anh đánh tôi. Đánh nhá. Đánh đi... Một phút. Thông thả đã. Anh hãy để tôi ngồi xuống cho nó chỉnh đốn đã. Và khi nào anh đánh tôi đủ rồi, thì phải nói lên để tôi còn đi ra đường này có chút việc cần đã chậm mất giờ hẹn”.

Cái chai rượu vang thứ hai đã làm cho Nguyễn nói rất nhiều. Nếu chàng không đến nỗi nói to là vì từ lượng chàng cũng khá, chai vang thứ hai thì mùi gì, thì đã lấy gì làm say. Lựu mãi nghe chuyện, gần như bỏ cả ăn. Chứng như Hoàng đã nghe Nguyễn nói đoạn chuyện này đến đôi ba lần rồi, thành thử Hoàng không để ý đến mấy. Chàng ngồi chế hóa các thứ nước si-dầu, lạp-chiu-chương, kip-chấp, rưới mà-dầu thêm vào những bát nấu. Thừa tay, thừa thời giờ, chàng bồi rượu cho Nguyễn. Lựu nóng nghe nốt chuyện, hỏi dồn:

- Thế rồi người ta có đánh anh không?

- Anh ta đã giơ tay, nhưng không hiểu anh ta nghĩ thế nào, anh ta lại thôi. Tôi nghiêng mình cảm ơn anh ta, lùi ra. Hai người không bắt tay nhau. Cho đến bây giờ đã bao nhiêu lần gặp nhau lại mà cũng không bắt tay hỏi chào. Anh ta có nhắn một tên du côn nhà nghề bảo tôi nên liệu hồn, "Nếu cứ còn làm bộ làm tịch thì sao anh ta cũng đánh cho mà xem".

- Thế sự thực thì anh ta dốt thật hờ anh?

- Nếu thực anh ta là người có tài thì khi nào tôi nói xấu anh ta không tiếc nhời như thế. Đứng trước một cái chân tài, thì người khinh bạc đến đâu cũng trở nên trung hậu. Tôi vốn là người biết phục thiện chứ có dám làm điều quấy bao giờ. Đây anh ta ngồi đấy. Dốt hay có tài, trông đó thì biết. Chị trông vào cái gương to dựng ngay trước mặt anh ta, ở trên vách kia thì tiện hơn. Đây chị xem, cái mặt đó ở trong gương đúng là một cái mặt không có chữ chữ?

Chẳng hiểu là bị cái tính ghét của Nguyễn đã truyền nhiễm sang làm cho cảm tình trở nên theo hùa và thiên lệch hay là nàng đã thành thực cảm thấy như thế, mà Lựu gật gù:

- Ủ, trông anh chàng ấy ngu độn và phàm phu thật. Cái trán bóng và đen, và dô như thế, chỉ có đi buôn bè là hợp thôi. Thế mà còn đòi đánh người ta thì

vô lý thực. Em trông thấy nó mà ăn thìa mì này mất ngon rồi đấy. Thế ra ở đời này, chỉ có một mình cái sức khỏe của hần thôi à? Ngoài ra, không còn có ai nữa à?

Lự công phần với tất cả những ngây thơ của một người đàn bà chưa am hiểu đến những cái nhỏ nhẻ ở cuối đời này. Hoàng tủm tỉm, nói tiếp cho vợ nghe nốt về cái anh chàng bất tài và khỏe ấy.

- Chính hần ta có mấy lần cũng đòi đánh cả tôi nữa kia đấy. Tôi nhớ ra rồi. Tên nó là thằng Phú. Phái rồi. Thằng Phú Sài Gòong. Nó người Hà Nội này đấy chứ, nó hay hát cái lương, nên người ta mới đặt tên cho như thế. Tôi thì tôi không ra mặt chằm chọc nó như anh Nguyễn, và cũng chẳng chơi bởi gì với nó. Ai chơi bởi gì với những quân ấy. Vậy tôi đồ mình biết tại sao nó lại cũng đòi đánh tôi? À, chỉ vì rằng, chưa bao giờ nó được trông thấy tôi phải mặc áo rách... Ấy chỉ vì người ta luôn luôn được mặc áo lành...

- ... Mà nó đòi đánh người ta đấy! - Nguyễn tộp ngum rượu, cướp nhời Hoàng, mặt càng vênh lên nữa. Chàng lại thủ thỉ nói cho Lự nghe:

- Chị phải biết, ở đời có những người chỉ muốn mình khuất nhục trước mặt họ một tí là họ hả hê lắm. Họ cứ lồng lộn tức tối lên với mình, chỉ vì cái lẽ là họ thấy mình nghênh ngang không giãy dụa gì với họ.

Lắm khi không quen thuộc gì, không thù, không oán gì, chẳng ai làm hạnh làm hại gì chúng nó, mà động trông thấy mình là chúng nó cứ như nuốt chửng được mình đi. Mình đâm nghi. Thì ra chúng nó ghét mình, chỉ vì mình lúc nào cũng có bề ngoài của người phong lưu, chỉ vì trong khi mình đang túi bụi sống cho mình, mình đã vô tình không để ý nhìn đến chúng nó một chút. Nào có phải mình ngạo gì. Nhưng mà ai biết đâu rằng nó định cầu thân với mình. Chẳng lẽ cứ phải ngồi lù lù ở giữa nhà, đóng khăn áo vào, chỉ đi ra đi vào hoài hoài để chờ tiếp những người đến cầu thân với mình hay sao, đừng làm ăn gì nữa, đừng đi đâu nữa hay sao?

- Tôi phải ngắt ông về chỗ này, Hoàng giơ tay lên - những lúc nào thân mật và vui quá, thì Hoàng gọi Nguyễn là ông. Ông bảo rằng ông không có ý phụ những kẻ kia định tìm đến cầu thân với ông. Đã gọi được là thân thì “khi thân chẳng lọ là cầu”? Vào những trường hợp này, ông phải coi chừng và tôi khuyên ông nếu có phụ thiên hạ được đến đâu thì cứ phụ đi. Càng nhiều càng hay. Hãy đem một thí dụ cầu thân ra mà nói để cùng nghe nhé. Cái buổi đầu của một kẻ thích ông, muốn gần ông và khi đã tóm đúng được ông rồi thì thường họ làm những gì để đánh dấu ngay vào cái buổi tương kiến sơ giao đó. A, một châu hát, một bữa tiệc; một châu hát mạn một bữa tiệc đại

âm nếu thằng cha ấy ăn tiêu rộng; một châu hát chày ở tận cuối Ngã Tư Sở và một bữa phở sách chân nếu thằng cha ấy ăn tiêu chặt chẽ. Người ta và ông ăn chơi, cười nói cứ loạn cả lên. Người ta hỏi thăm về cái quá trình của ông, người ta tiếc hỏ ông rằng: hữu tài mà vô hạnh - thua ông chữ hạnh đây là may, là gặp chứ không phải hạnh là hạnh kiếm đâu. (Tôi không tức nhỏ, nhưng được cái đã dùng chữ nào thì rất chắc, trước khi dùng đã phải hỏi lại các bậc cha anh rồi... Lạ cười cái gì?)... Vậy... thế rồi người ta kỳ vọng cho ông. Úi già, thân thiết quá. Người ta lại còn phàn nàn những là "Gặp nhau, tiếc rằng khí muộn quá. Được bắt tay nhau, trao danh thiếp cho nhau thì mặt trời đã gần lặn về tây, thì chợ đã gần tàn". Nghe chúng nó nói thế, trong đầu ông, ông đã tưởng rằng nếu sớm gặp chúng, e chúng đã cho không ông một cái tòa nhà nào rồi. Tính ông đa tình. Tôi biết! Lúc chia tay, ông dùng dằng. Trở về nhà ông, ông nhớ đến tám cảm tình của một người vừa chia tay. Ông nghĩ về một tám lòng vừa rồi trong thiên hạ mà ông đâm ra hối, tự mình cứ đòi trách móc mình cho kỳ được đến thâu canh: "Té ra suýt nữa mình cô phụ đến một tám thịnh tình của thế gian". Ngay ngày mai, ông đi tìm cái người bạn nhất kiến đem qua để đáp lễ. Rồi ông mới ngã ngựa người ông ra, khi ông biết rằng người đi vắng ấy hiện đang nói xấu ông ở một chỗ nào đó.

“Tuồng thằng cha ấy thế nào kia, chứ cũng vậy vậy thôi. Đêm qua, nó vừa đánh chén, nghe hát với *moa*. Được cái nó nói chuyện cũng hay hay. Có nó đi bên cạnh, những lúc đi qua một đám đông, hay là ngồi bày mặt ra ở một chỗ nào, trông cũng bài trí ra phết. Nhưng mà phải cái đi lại với nó luôn luôn, thế nào rồi nó cũng hỏi vay tiền. Thằng ấy hay “đá” tiền lắm nhá”. Ông đã chết bỏ đời ông chưa? Ông đã thấy ông là đại chưa? Ông tưởng là người ta yêu ông, quý ông, trọng ông, kính ông lắm, nên người ta tìm đến ông. Ông đã bị người ta lừa. Người ta đã buôn ông, đã mượn ông để đem bày ngay bên cạnh người ta. Ông đã làm vui cho người ta. Ông là một người bạn phùng trường tác hỷ của người ta. Người ta đã trả công ông bằng một bữa phở tái, bằng một châu hát trên một cái chiếu rượu rách. Vậy mà người ta đã dám coi thường ông trong buổi đầu. Một lần, hai lần, lần thứ ba, người ta lấn thêm một tí đất nữa. Người ta sẽ cho người ta cái quyền gọi ông là mày. “Mày khó tính lắm. Mày phải đọc những sách này này... Mày phải làm những việc như việc này thì mới phải. Mày... mày... vân vân”. Đời nó mới đóng một cái triện nhận thực ngay vào cái tình giao du đó và đời nó bảo rằng ông là người bạn thân của người ta. Ông cái đi? Nếu không thế sao thằng kia nó lên được vào cái đời tâm tưởng riêng của ông và dám làm cố vấn cho ông, đời

hường dẫn cho tỉnh tỉnh ông, và tọc mạch đến cả những món ăn tinh thần của ông, - Phải, tôi nói sự đọc sách - và lại còn dám lăm bần đến những cái thắc mắc trong đời tư tưởng của ông nữa? Ôi tại sao vậy? Tự ông *hay nhận, hay trả lời* cho chung quanh, để cho người ta được gần ông rồi người ta rẻ rúng ông, người ta sẽ chẳng coi ông ra đếch gì nữa... Ông đừng tưởng tôi ghen với ông trong tình bạn đâu nhá. Tôi vẫn biết đời ông vốn rộng lắm. Ông phải huy hoác. Ông phải tiêu cái đời ông sao cho được hoang phí thì mới sướng tay, sướng lòng. Ông đã có một lũ con rồi. Vậy mà có lúc ông còn thêm khát cả đến những đứa con ngoại tình nữa kia. Với một người đàn bà lý tưởng. Và ông đâm ra giao thiệp. Những bức thư rất dài của ông viết cho thiên hạ, trong hồi gần đây, đã có cái lòng thù thế lắm rồi. Việc xã giao của ông, tôi đâu dám dòm ngó đến. Một thằng như tôi, tài đức còn lờ mờ, chưa được thực hiện giữa cuộc sống, tôi đâu dám cản ngăn ông, tôi làm gì mà dám giữ độc quyền lấy một mình tất cả những tình cảm lời thôi của ông. Ôi tôi ơi là tôi ơi! Ôi ông ơi!

IV

Hoàng say rượu. Té ra Hoàng say rượu mất rồi. Lợ lo sợ quá.

Hoàng ít khi uống rượu với ai. Tửu lượng xoàng ít quá, Hoàng đã từ chối nhiều chén rượu vui đích đáng chỉ vì chàng là người tự trọng, sợ mỗi lúc uống rượu là tố giác những cái dở trong người ra, rồi chỉ làm trò cười cho chúng nhân thôi. Nhưng những lúc ngồi riêng thủ thi với Nguyễn, chàng bằng lòng uống. Chàng thấy vững tay nâng chén. Và bằng lòng say, nhất nhẽ có phải thổ ra, có gầy gục cả ngày hôm sau nữa thì cũng không cần. Lợ sẽ nấu đậu xanh đổ vào cái miệng chàng nhạt bã. Nguyễn sẽ lấy vôi khuyen vào gan bàn chân chàng. Một bên là người vợ hiền, một bên là người bạn trung thành. Giữa hai cái thiêng liêng và thân yêu ấy là một cái cóc pha lê trong trắng đang sủi lên những cái tăm rượu - màu rượu đỏ như máu Chúa, - tăm rượu liên tiếp đùn lên như là những

cái quả bóng nhẹ bằng cao su ngũ sắc mỏng của những ngày mở hội. Thích lắm, sợ gì.

Hoàng đã uống. “Bạn mình và vợ mình chẳng nhẽ lại đi cười chê mình!” Chẳng e sợ gì, chàng rót rồi chàng lại rót nữa. Xuyên qua một lần màn mỏng dệt bằng tơ của men rượu, Hoàng nhìn thấy mặt Lựu trề thêm mãi ra và những nét giang hồ tạc trên khuôn mặt Nguyễn thì càng thêm rắn rỏi. Chàng trở nên tin cậy trong cuộc sống. Rượu ngà ngà, Hoàng nhớ đến một đoạn truyện *Tam Quốc*, lúc Tôn Bá Phủ biết mệnh mình đã đoán, cho gọi em là Tôn Quyền vào giới giảng mấy nhời về công việc giữ gìn cơ nghiệp Giang Đông.

Sách đã cầm tay Quyền lúc sắp hấp hối: “Em ơi, gắng ở mà giữ lấy di sản của cha anh gởi lại. Anh đi rồi, việc ngoài không tính xong thì cứ hỏi Chu Du; việc trong không tính xong thì cứ hỏi Trương Chiêu”. Cái đoạn dã sử nước ngoài ấy đã làm cho Hoàng cảm động vô cùng. Rồi chàng cũng bùi ngùi nghĩ đến một ngày của mình. Rồi chàng muốn so sánh, đặt Lựu vào địa vị Trương Chiêu và Nguyễn vào địa vị Chu Du trong cái lời ký thác lịch sử kia. Lúc bấy giờ, - lúc bấy giờ chàng tin chắc thế nào cũng có một đứa con, một đứa con tinh thần - một cuốn sách gì để lại cho mai sau, gọi là ghi vào Vinh Viên cái giấy lát chóng vánh của mình đã đi qua. Trong đầu Hoàng bao giờ cũng có

một tập tuý bút viết giờ, viết đi, viết lại, viết hoài. Tài liệu của Thời Đại gởi vào cái kho lòng ấy súc tích lắm. Cảm giác, tình cảm, kiến thức, đau khổ, hy vọng, hỗn độn bừa bộn vô cùng. Nên bắt đầu từ chỗ nào? Hạ bút thế nào cho khỏi thiên vị? Hay là cuốn sách hay vẫn là cuốn sách không bao giờ viết? Không, đây chỉ là một câu nói của một cây bút nghèo nàn, tự mình dối mình và an ủi mình. Trời ơi! Hoàng tự nhủ mình là phải viết. Viết như một người bị con quỷ của sáng tạo đến ám ảnh và dẫn dắt. Viết như một con đồng bị cái anh linh của đầu để hành hạ. Nhưng, chàng muốn cái đời ngộ nghĩnh của chàng lắng xuống, cứ lắng xuống nữa đã. Chàng còn chờ của cuộc đời một chút phèn chua nữa. Bấy giờ chàng sẽ cho đánh đứng cái vai nước kỷ niệm, và cắm một ngòi bút thành kính vào đám căn động của những ngày qua, bấy giờ chàng sẽ viết bằng tất cả cái mình mẫn của kỷ ức trầm tĩnh, bằng tất cả máu và tinh khí trong người chàng. Đã vội gì. Đã chậm gì?

Cả một đời Proust là một sự hoang phí đem ra đãi đằng hết cả cho người đồng thời; mãi cho đến phút cuối cùng, người ấy mới nghĩ đến sự phải sống riêng cho mình lấy ít ngày. Nằm trên giường bệnh với nỗi thê lương của tinh thần và sự quạnh quẽ đê mê của xác thịt, Proust đã để những trang giấy trắng lên ngực, rồi chống nẹ trên gối bệnh, người ấy đã viết,

viết để tìm lại thời gian đã mất đi. Cái ngày người ấy chữa lại một lần chót cho bản thảo những nhả tập ấy, chính lại là một ngày người ấy từ giã cuộc sống. Lạnh thay, độc thay và đẹp ôi!

Hoàng rùng mình. Một luồng gió đen lạnh lùa qua mặt Hoàng. Chàng ngỡ rằng viết xong tập tùy bút, chàng sẽ chết. Khi mà con tằm đã rút hết ruột rồi! Khi mà người ta đã nói được hết rồi những cảm giác, những tình cảm chỉ tới với ta có một lần! Sống thêm nữa là tham, là lạm dụng cuộc phù sinh. Chàng không hiểu tại sao có người sống lâu quá - lâu đến nỗi đã khô hết nhựa sống trong mình, - đã không biết nhục, lại còn thích được mặc một cái quần vóc điều, tự nhiên ngồi ở giữa cái nhà mình để cho người chung quanh đến chúc thọ, tế sống nữa. Sống lâu nhiều khi chỉ là mình bêu diếu mình.

Hoàng tin cái phút cuối cùng của chàng sẽ là lúc chàng chữa xong mấy chục thiên tùy bút. Rồi một mòi, cầm cả một thiên tùy bút, trước khi nhắm mắt, chàng cười mà bảo Lưu: "Việc nhà việc dạy con là ở em. Còn đứa con tinh thần này, em đưa cho anh Nguyễn".

Chàng uống thêm một cốc nữa, cái cốc di tản vì độ. "Bàn của ta sẽ in sách của ta, không phải qua tay một thằng lái buôn nào. Sung sướng thay là vong hồn ta, vào một ngày lễ tiểu tường ấy".

Nhìn thấy nơi trôn chai rượu can không còn một giọt máu Chúa nào, nhô lên một cái hình củ lao đẹp đẽ và gợi cảm quá, Hoàng bàng hoàng đứng lên, tưởng đây cũng là một hòn đảo nào - một hòn đảo tuy đã cũ như cuộc đời, nhưng ở đây, chưa hề có ai nghe thấy tiếng một đồng xu rơi xuống một miếng đá hoang rêu.

Ấy thế rồi chàng đã được vực về nhà, đặt lên một cái giường, chết đi một giấc nặng tựa chì. Lúc tỉnh cái mộng men, Lựu bảo chàng rằng: "Mình nằm im như thế đã hai ngày". Chàng băng khuâng vui vẻ bảo vợ cho mình uống. Uống nước lã. Nước lã trôi xuống cổ họng, xuống bộ lòng, xuống dạ dày bị đốt cháy. Khoái trá thay! Những kẻ được khát.

Ấy, thỉnh thoảng chàng lại làm nũng Lựu và đem thử cái tình bằng hữu của Nguyễn bằng một buổi truy lạc có ích như vậy. Lựu cũng hiểu qua cái ý ấy nên không can ngăn. Ai lại đi can một người chồng một năm uống đầu chỉ có ba bốn lần, mỗi lần uống là đòi say cho được bằng cái đêm rượu tối tán hôn gặp mình, lòng chưa chan hy vọng và thấy đời đẹp như ở trong tranh vẽ. Thấy chồng đòi say, Lựu chỉ lo chàng nhờ gặp phải... cơn gió độc thôi. Chì sợ có thể thôi.

Lựu lo, thấy chồng nói nhiều khác hẳn mọi lần, nàng hóa ra nghi ngại. May mà lúc Hoàng nói to thì hiệu cao lâu đã vãn hết cả người. Thành ra Hoàng nói om, ngoài bọn phổ kê, chỉ có Nguyễn và nàng nghe lấy

thôi. Nguyễn đã cho trước lũ bồi bàn mỗi đứa ít hào nên chúng vẫn hầu hạ có trật tự, thưa bẩm rất lễ phép, và không dám tỏ ra một ý phê bình rẻ rúng gì đến Hoàng đang ba hoa.

Lựu ngồi cùng một phía với Hoàng, cạnh chồng, lúc này cứ lùi mãi đầu ra phía sau đưa mắt cho Nguyễn lia lịa. Ý nàng muốn bảo Nguyễn nên đình cuộc rượu lại và vực Hoàng về nhà. Và chẳng đêm cũng đã khuya lắm rồi. Nhà hàng đã cho lên cửa lùa ngoài mặt hiệu, tiếng những tấm gỗ dồn vào nhau trong đêm ráo rỏ nghe gắt và mau đến chói cả tai. Nguyễn vẫn điềm nhiên ngồi trông Hoàng say và nghe Hoàng nói, mặc kệ cho Lựu van nài mình. Tửu tố chán tỉnh. Hoàng ít biểu lộ tính tình. Rượu vào, nét điềm đạm của chàng không còn nữa. Đối diện với Hoàng đang bị rượu sai khiến, Nguyễn muốn lợi dụng ngay cái tình thế biến loạn tâm thần đó để dò Hoàng nói và nghĩ về mình. Chàng muốn hiểu Hoàng hơn nữa.

Một viên Tri huyện thời cũ ngồi rình một cơn nói mè thú tội của một tên tù giam cứu bị tình nghi giết người cướp của như thế nào thì Nguyễn cũng đang ngồi rình Hoàng bị hơi men bắt nói to những điều chàng nghĩ thầm về mình như thế. Thường ra, có một chén rượu vào người, người ta trở nên mạnh bạo hết nể nang, dám tàn ác và dám nói thực những câu ghê

gồm mà lúc bình thường, lòng tự ái và tính nhân đạo hay ngăn lại không cho lọt ra ngoài miệng và cất giữ nó ở đáy lòng. Rượu đối với một cái tạng không vững, đã làm vỡ hỏng mất cái ý nghĩa tuyên thệ kín đáo của một câu "Sống để bụng, chết đem đi". Có bao nhiêu cuộc âm mưu đã bị thất bại và đàn áp oan uổng vì một chén rượu hào hùng uống trong một cái quán vô nghĩa lý. Nguyễn lâm nhảm: "Hà, rượu!".

Không còn gì rầu rĩ và tỏa thắm hơi lạnh bằng cảnh tượng một đêm chăm nom một người say rượu mê man, trong cái ánh rập rờn của lù nến bị gió khuya lùa.

Giá đêm nay, vẫn có điện mà thấp, không bị nhà máy đèn cắt điện thì Lựu cũng không lấy gì làm sợ lắm. Tâm thần nàng thêm hoảng hốt, mỗi lúc thấy chóng vập và cực mình hoặc thấy Nguyễn im lặng đứng lên nổi thêm sập vào cây đèn nến vạt lụi.

Trên trán Hoàng có một cái khăn mặt bông trắng sũng nước. Trên bàn ngủ đầu giường, một chai nước lọt, một cái cốc, một cái bình phóng và mấy lọ thuốc con. Lựu ngồi ở chân giường, chốc lát lại ngừng mũi kim, nhìn đăm đăm cái thân hình Hoàng nằm ruỗi thẳng hai tay hai chân. Lựu không phải là một thiếu phụ lãng mạn nhưng cũng có một óc tưởng tượng thừa

thải. Lòng nàng se lại khi nàng vì cái việc Hoàng say cứng đờ nằm kia với một cái tai nạn chết người và kẻ bất hạnh ấy đang chờ những vương vãi liệm trong cái ánh sáng tang ma của lũ nến leo lét. Giá mà có đèn điện như mọi khi thì chẳng bao giờ Lưu nghĩ nhảm như thế. Nguyễn vẫn ngồi đun nước đắp mặt cho Hoàng bên cái bếp cồn. Lửa dầu cồn, ngọn xanh lè và ma quái.

- Đắp nước nóng, thay độ hai lần khăn mặt nữa thì anh ấy tỉnh ngay đấy mà. Nhà còn trà Thiết Quan Âm không hờ chi?... Nếu vậy thì tốt lắm. Chị cứ để nguyên cho anh ấy nằm im. Chị bỏ ấm chén ra đây. Lọ trà và hộp sữa nữa.

- Để tôi đính nốt hai cái cúc áo tây ngoài cho anh đã. Còn độ vài mũi kim nữa thôi.

- Lúc ấy, không vịu được tôi mà ngã thì đau lắm đấy. Lúc xuống xe, anh ấy lại còn làm bộ ra đều ta vẫn tỉnh táo lắm. Chốc nữa Hoàng nó tỉnh dậy, chị cứ ngồi yên mà ngắm cái mặt một người say tỉnh rượu đầy để mà hối và tiếc; trông hay đáo để.

Ấm nước sôi, trên bếp cồn hăm nhỏ lửa, điểm những tiếng thở dài chầm chậm nhặt nhặt vào cái đêm đang là cà đi. Dưới mặt phố, đoàn xe vệ sinh đã lăn những vòng bánh trệu trạo trên con đường vắng, tiếng dội lại nghe xộc xệch lung lung.

Hoàng đã ngồi nhòm dây từ bao giờ. Chàng trảng tráo nhìn. Chàng dụi mắt, chàng vuốt trán; miệng nhai không mấy cái, lưỡi nhặt và đắng và ngờ hai hàm răng mình đang cắn lại những bữa đóng.

Cái ý nghĩ đầu tiên của một người choàng tỉnh rượu là một ý muốn định nghĩa về không gian và thời gian trong hiện tại. Bây giờ là đâu? Bây giờ là bao giờ? Mình hay là ai đây?

Hoàng băng khuâng, nhớ lại. Rồi xoay cái cổ, chàng nhìn chung quanh.

Bên đông chắn, dưới chân mình, Lựu gục xuống, vẫn mặc áo dài. Bên cây nển mấp máy ngọn, "thằng" Nguyễn đang chăm chú cúi mặt xuống cái bàn kê gần tường, tay nghỉ ngoáy.

Hoàng bước bạo xuống sàn gác, chân xéo lấm, tiến lại phía Nguyễn. Thấy có một hơi lạ thổi nhẹ vào gáy mình, Nguyễn ngắc đầu lên. Thấy Hoàng, Nguyễn không chút ngạc nhiên. Chàng đã chờ mãi cái phút Hoàng tỉnh rượu và mò lại cạnh chàng đây. Hai người từ từ ngắm nghĩa lẫn nhau.

- Ông đã dậy?

- Ông đang làm gì đây?

- Tao đang viết nốt mấy lá thư chậm trả lời cho mấy người quen. Mày khát lắm hả? Tao viết xong rồi

đây. Ấy, để im tao thấp thêm cây nến nữa cho sáng, kéo mành loạng quạng đánh đổ nước rỏ xuống đình mành nhà dưới, nó lại chúi ầm lên bây giờ đây.

- Tôi say quá. Đã hơn bốn giờ sáng rồi kia à?

Những bốn cây nến đỏ ngọn, lại thêm cái bếp lửa cồn khêu cao bắc. Nước sôi reo to và vui hơn trước. Ánh sáng và những tiếng động của sinh khí. Thêm một người nữa mở mắt: Lựu - đang quần lại mở tóc trần.

Ba bóng người ấy lại khúc khích cạnh một bộ đồ trà sứ trắng bốc khói. Tỉnh cần thận, Nguyễn chưa uống vội. Chàng đứng lên, cất tập giấy viết thư màu vàng mình da đồng, nói một câu chữ Hán gần hợp cảnh. “Thủy hòa bất cận thư”.

Ấm trà nóng pha khéo. Người uống thấy thú vị nhất, người thưởng thức nhiều nhất vẫn là cái người vừa tỉnh rượu kia. Ngon miệng, Hoàng uống mãi, càng uống càng thấy muốn uống thêm. Phải gọi là uống chứ không gọi là nhấp được. Hoàng khát lắm. Khát hơn một thửa ruộng nắng hạn gặp ngày mưa bão vũ. Ấm trà được người ta vùi đến nhiều quá, đã trở hương, và nguội rồi lạnh. Câu chuyện bên ấm trà cũng đã rã rời. Cái phút vui của Hoàng tỉnh rượu và được uống trà nóng đặc ngay cũng tàn theo với hơi khói hương vắng quạnh. Cái việc say rượu lúc đêm,

Lựu và Nguyễn tịnh không dả động đến. Nhưng lúc giờ đã về sáng này, dờ tay vào thân một cái âm lạnh, Hoàng đã ngồi im như một nhà sư già nhập định để tự mình ôn lại việc mình. Chàng đang rầu rĩ một cách rất văn chương. Như là không có được biết đến một việc gì đã xảy đến trong tâm tư Hoàng, Lựu đòi đi ngủ trước, y như mọi ngày, những lúc quá mệt mỏi về công việc nội trợ. Hoàng gật; Lựu đứng dậy.

- Phải đấy, chị cũng nên đi nghỉ đi, Nguyễn vừa buộc dây giày vừa nói với theo vợ Hoàng đi vào buồng.

- Anh Nguyễn không ngủ hay sao mà giờ lại đi giày tây?

- Cũng đi giày tây vào là vừa đấy thôi. Đêm, thế mà cũng chẳng dài. Sáu giờ tầu chạy. Năm giờ rồi. Chút nữa tôi đi Lạng Sơn và gởi lời chào chị trước.

Lựu cài lại cúc áo dài, quay lại:

- Vậy chờ lấy cái gì mà đi Lạng Sơn?

- Lúc đêm làm gì đã tiêu hết? Vẫn còn hơn một đồng bạc kia mà?

- Bấy nhiêu thì làm gì cho đủ tiền ăn đường? Thôi, anh đi nghỉ với nhà tôi đi. Mai mốt hãy đi. Ngày mai thế nào cũng đòi được tiền nợ hoặc thu được tiền họ. Tội gì mà đi hôm nay cho nó kham khổ cái thân. Thà có phải buôn đầu sông ngọn nguồn, hoặc lo chạy công danh thì cũng nên lặt đặt như thế.

- Chị đừng gàn tôi nữa. Phút này tôi đang cao hứng muốn thổi gió cho nó xa xa một chút. Ở lại Hà Nội đến ngày kia, cũng chẳng làm thêm được trò trống gì. Thường tôi đi, có mấy khi lấy vé cả lượt đi lẫn về đâu. Một lượt là đủ rồi.

Hoàng không tỏ ý ngăn bạn. Chàng nhìn kim đồng hồ. Đồng hồ nổi một hồi chuông báo thức nghe rất rền. Thế có vô duyên không? Cả nhà vền vện chỉ có ba người đang không ngủ, đang nói chuyện mà khua vang lên để đánh thức ai? Hoàng dấn tít cái nút chuông xuống cho nó câm đi.

- Mới có năm giờ. Thế mày có thể biết trước được là hôm nào về không? Độ tuần lễ nữa, tôi có tị việc phải cần đến anh. Nếu trong một tuần mà chưa về được, phải báo ngay cho biết... Việc làm ăn chứ còn việc gì nữa. Chưa tiện nói rõ. Vây hôm nào về?

- Bực mình nhì? Nó chết cái đã đi ra thì tính thế nào được ngày về cho đúng.

- Thôi cũng không sao. Cứ việc đi đi. Hôm ấy *toa* về được thì càng hay. Bằng không *moa* sẽ tính cách khác.

Nguyễn thu xếp một ít vật dụng tùy thân bỏ vào chiếc cặp da. Chàng gấp lại mấy chiếc mùi soa, bit tất và những quần áo lót mình. Hoàng ngồi nhìn bạn lom khom soạn hành lý, cảm thấy lòng mình sáu muện

vấn vợ. Giữ bạn lại chẳng? Cùng chẳng có một cơ chính đáng gì để chàng buộc giữ Nguyễn ở lại Hà Nội. (Có khi, buổi sớm nong nàn giữ nhau lại tưởng đâu buổi tối ngày ấy sẽ cùng chia sẻ những cái ngon ngọt gì, những cái bỗng lênh bất thành linh của cuộc đời vô thường đem đến cho. Một ngày gần gũi thêm thất cò kê ấy chưa đi đến cái buổi tối của nó mà ngay buổi chiều ấy người ta đã cùng cảm thấy nổi bẽ bàng, rồi thành ra bần tỉnh, đâm ra cáu kỉnh. Chỉ vì gần kề nhau quá, một cái tình thân trọng đã thành ra sơ thường và kém thế nữa). Mà để bạn đi vắng mất thì Hoàng thấy mình sẽ thiếu thốn ở bên cạnh, hao hụt mất một cái gì khó định được giá, khó định được nghĩa.

Để tránh một cái buồn không có manh mối sắp xâm chiếm tất cả lòng chàng, Hoàng bèn làm việc - làm một công việc mà những con buôn quen sống với đổi chác hàng họ và buôn Tần bán Sở đều gọi là vô ích.

Hoàng mở cái ngăn tủ cuối cùng, rút ra một quyển vở bìa đỏ dày đến hai trăm trang. Vở đã bị dùng đến quá nửa, trang nào cũng chỉ chít những dòng chữ li ti vội vã trông có thể nhầm với một cuốn vở của một sinh viên ban đại học ghi chép lời các đáng thầy học cắt nghĩa bài tại giảng đường. Những trang chữ đen đặc ấy chỗ thì viết đăng tả, chỗ thì viết đá thảo, chỗ

thì viết theo lối tốc ký; rồi mực xanh, mực tím, mực đen, mực đỏ và lại cả bút chì nữa - bấy nhiêu thứ mực, bấy nhiêu màu chì, đã tố cáo một lối làm việc không có bản viết nhất định, tiện đâu thì viết đấy, cần đến lúc nào thì viết ngay lúc ấy cho khỏi thất lạc mất ý tưởng. Có nhiều đoạn lại sửa chữa, thêm bớt, màu mực này đè lên mực khác, rồi chen vào những dấu thập ác, cái hình kỷ hà học, đóng khung lấy con chữ trông như thể một cái lá bùa trừ tà.

Trên một tấm bìa đỏ bóng như sừng bò tốt và dày bằng một lá tôn, có đề một dòng chữ rỗng: "Tập VII" viết rất nắn nót, đội lấy một chữ "Hoàng" ký rất chân phương. Quyển vở ấy Hoàng không cho ai xem. Hình như Hoàng đã nhiệm phải cái tính giấu giếm rất chính đáng của thi nhân hay huỷ những trang bản thảo sơ đầu dềnh dang và mệch nhọc của những bài thơ càng luyện càng rút ngắn lời. Những trang vở lèm nhèm ấy, chỉ là những nét chì chớp nhoáng phác họa giữ lại vài cái bóng dáng mau như cát, đó chỉ là cái công trình vội và sơ đầu của một cái hoa tay ghi nhanh lại để mong sau này dựng lên được một pho tượng gì bằng những cái tang chứng linh tinh ấy cóp nhặt trong âm thầm.

Đến ngay Nguyễn và Lựu chàng cũng không cho xem.

Hoàng ngồi viết dưới ánh sáng cây bạch lạp gắn vào một cái vỏ chai xanh. Trông trang nghiêm đẹp đẽ quá chừng. Thành phố Hà Nội đang ngủ. Cả Hà Nội cứ ngủ nữa đi, không việc gì mà sợ. Nhân loại vẫn còn đáng kể lắm, khi có một người đang ngồi làm việc bằng tim và óc như Hoàng kia, Hoàng ngồi chép lại những cảm giác hỗn loạn về một đêm say và tỉnh say - mình được làm chứng cho những biến chứng của tâm hồn mình dồn dập đến như thế nào. Mặt Hoàng già hẳn lại. Mặt Hoàng nhăn như một nhạc sĩ đang tìm tòi trên phím, càng tìm càng thất bại càng dún xuống phím, thanh âm lại càng trốn lánh xa vắng. Hoàng đang tự giải phẫu những u hoài lúc hiện lúc trốn trong lòng chàng. Một trang giấy phân tích về ngay cái tâm lý phản trắc của lòng mình, mệt không kém gì một cái định thức hóa học trong một phòng thí nghiệm của bác sĩ. Tồn thọ lắm nhưng mặc dầu, Hoàng vẫn cười với bằng lòng trên những dòng tư tưởng sâu rộng, thành thực. Rồi, để chấm hết cho trang nhật ký một ngày ấy, Hoàng viết nốt đoạn này:

“Nàng lấy những móng tay nhọn hoắt - đỏ như lá móng một ngày tết Đoan Ngọ - cây những tảng nền đỏ xuống mặt bàn, hình thù cổ quái như những cây thạch nhũ rủ buông dưới vòm đá động. Những cục sấp phỉ hoang quần quai đau khổ dưới bàn tay đẹp của

một người đàn bà căn cơ. Sao cái bàn tay ngón thấp bút ấy lại là một cái bàn tay của tiết kiệm?

“Người ta có kể lại rằng ngày xưa, triều vua Lộ Y XVI, trong cung nội sáp thấp xa xỉ như cháy rừng, chưa hết cây này đã nôi thêm cây khác. Trông thấy mà tiếc của giới, có những người cung nữ hèn mọn đã hót những mẩu bạch lạp ấy đem bán trộm ra ngoài trăm họ. Những cái của mốt rơi vãi ấy, một đêm dư yến, đã đem lại hàng ngàn hàng triệu phạt-lăng cho bọn cung nhân, đủ thành một cái gia tài để dưỡng cái tuổi già khi Thánh Thượng thả hồi, cho họ trở về với cuộc đời bách tính. Cuộc Cách Mệnh nổi lên; những người đẹp tàn xuân và căn cơ ấy, bị cuốn theo luồng gió loạn ly, không kịp hưởng chỗ công của chất chiu nọ. Hỡi ôi!

“Người ta còn kể chuyện thêm về những người hủi, bị xã hội lạnh mạnh bắt biệt trí ra một khu hoang tịch mà sống nốt cái sống thừa mỗi ngày tứ chi mỗi thêm tê liệt, thịt co dần lại, xương mòn dần đi. Rồi có những người đàn bà quá lứa và nhờ nhàn trong duyên phận, bỗng động lòng trắc ẩn, tình nguyện đem một cái xuân già vào hẳn giữa cái nhân loại tật bệnh căn khổ ấy, nâng khăn sửa túi đồng lần cho những tổ trùng Hansen và lúc được tự hoại hoàn toàn, còn lấy

làm tự kiêu rằng sự hy sinh ấy mới đáng gọi là một cử chỉ từ thiện không cần mong đến sự đền đáp.

“EM ơi, sao EM chẳng được là những bậc thiếu phụ nguyên làm một nội tướng chung và khuất nhục của cả đám hủi ấy mà EM lại chỉ là một người cung nhân ngồi hút những giọt nước mắt bạch lập khô cứng của một đêm truy hoan bằng hồi tiếc và vị kỷ?”

“Chúng ta chẳng là gì cả. EM và tôi là không đáng kể, sống trên những ước lệ không đáng kể của một thứ luân lý đầy những thành kiến của di truyền. Bao giờ (...) EM ơi! Cái Buổi Chiều Lớn của Tỉnh Tỉnh?”.

Gió buổi sớm, thay một bàn thăm, làm khô lần những dòng cuối của một trang tùy bút. Hoàng gấp vở lại, bảo Nguyễn đã soạn xong hành trang:

Tôi cũng ra ga, anh chờ tôi với.

Quay lại phía Lưu:

- Em đóng cửa đi ngủ. Sớm nay không cần đi chợ. Buổi trưa anh về sẽ đem đồ ăn nguội về cho.

Sương đêm lạnh làm ướt bóng thân hình đoàn tàu Lạng Sơn. Không chịu lên vội để xí chỗ ngồi trước như trăm nghìn lữ khách kia, cứ mỗi lần đi thêm một đoạn đường là lòng lại mệt mỏi và héo chết thêm mất vài phần nữa, Nguyễn vẫn đi cạnh Hoàng dưới sân ga. Người bạn chàng theo chàng ra ga, đã làm chàng bận lòng. Nguyễn thấy buổi khởi hành của mình có giảm

bớt đẹp vì những cái bận rộn đem lại bởi một người đang làm chứng cho buổi lên đường của mình. Thời thường mỗi lúc ra tàu đi đâu, Nguyễn không muốn có ai tiễn chân mình. Trông sốt ruột lắm. Đẹp nhất về buổi lữ hành, Nguyễn cho không ai hơn được cái người chỉ ra đi có một mình với không một tí hành lý nào cả. Nếu cần phải có một chiếc va ly thì chiếc va ly đó chỉ nên là một chiếc va ly của tình cảm, đặt ngay trong cái buồng con tim của mình. Hùng dũng thay là một lữ khách không lưu lại tên mình, lủi thủi trên đường, ngoài cái sống bên trong của mình không còn biết cái gì khác nữa của ngoại cảnh!

Wướng có Hoàng, Nguyễn đã không hoàn toàn chuyên chú được vào cái buổi lên đường của mình. Chẳng nhẽ lại cảm một người bạn thân đưa chân mình ra ga? Nguyễn cũng thừa hiểu Hoàng có mặt ở ga lúc này, vì mình thì chỉ có một phần, còn chín phần suy nghĩ khác ở bên cạnh một đoàn tàu là Hoàng dành riêng để sẵn sóc đến tâm thuật Hoàng.

Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về. Ngày về lại càng được là ngày vui và ngày vui nào mà lại không phải tốn đến tiền, ngoài sự tốn phí về tình cảm. Người ta tiêu tiền như là bắt được, như là tự mình in ra được, người ta thương yêu nhau như là cái tấm lòng mình chẳng bao giờ có thể cần cỗi đi và có một lúc phải khép kín lại...

Mỗi lần Nguyễn đi rồi lại được về, Nguyễn ngồi kể cho vợ chồng Hoàng nghe những chuyện phương xa, rồi hỏi thăm vợ chồng Hoàng về những phố phường Hà Nội từ bấy đến nay, thay đổi những như thế nào. Để chiều lòng một người phương xa vừa về, Lưu và Hoàng, ngay cái buổi ấy lại rủ Nguyễn ra đường. Người ta lại cùng ngắm đêm của phố, mỗi chân thì lại vào nghỉ ở quán rượu. Ngày vui ngắn quá. Năm vui cũng chẳng dài quá gang. Thấm thoát cái tình thân của vợ chồng Hoàng và Nguyễn đã đầy tuổi tôi, đã được bốn tuổi, rồi năm tuổi. Chóng vậy thay.

Mỗi năm của tình bạn được già thêm một tuổi đầu, Lưu Hoàng Nguyễn lại càng có nhiều ước vọng chung và mưu tính chung với nhau để phác lấy cái đại thể một chương trình sống khác. Sống như thế này cũng chẳng đáng buồn nào, nhưng mà nguy hiểm. Lưu, con sơn ca không biết buồn ấy, vốn lại là người dốt, thấy sống như thế là cũng đáng sợ lắm và thật là phí quá, phải sống lại, lại sống lại. Rút cục, Nguyễn và Hoàng đã sống đi sống lại mấy lần rồi.

V

Này Lựu này tôi vừa gặp Nguyễn!

- Sao mình không lời anh ấy về luôn đây? Lâu nay anh Nguyễn hình như không ở Hà Nội? Chắc đi xa về, tha được nhiều cái lạ về lắm? Vậy hiện anh ấy ở đâu? Thế nào tối hôm nay, chúng ta và anh Nguyễn cũng đi chơi nữa chứ? Dạo này em đi chân khá lắm rồi nhá. Những buổi đi chợ hoặc đi phố một mình em không có đi xe nữa. Đây, rồi tối nay anh xem.

Hoàng thương vợ, cười. Cười nửa miệng chưa xong, Hoàng đã lộ ra bao nhiêu là chua xót.

- Chẳng bao giờ chúng ta đi chơi như trước nữa, em ạ. Anh Nguyễn bây giờ bận lắm.

- Anh bảo thế nào?

Buồn bã, mắt Hoàng nhìn đi chỗ khác.

- Lâu nay Nguyễn vẫn ở ngay Hà Nội này nhưng cố tình tránh vợ chồng mình. Nguyễn bây giờ khác trước rồi. Em nên nhớ lấy.

- Hay là chúng ta đã làm mất lòng anh ấy về một chuyện gì mà chúng ta không tự biết chăng? Tính Nguyễn hay hờn mát lắm. Nếu như có điều gì thì chúng ta phải bắt anh ấy nói rõ ra. Đã gọi là thân với nhau, cớ sao lại còn có những cái chấp nhất tâm thường như vậy? Minh phải hỏi anh ấy, bắt anh ấy cắt nghĩa cho nó vỡ lẽ ra thì phải hơn.

- Em bao giờ cũng là người bình dị. Ngoài cái hạnh phúc của gia đình, có lẽ em là người có được nhiều cơ hội hơn anh để tìm những cái hạnh phúc khác. Sao em lại cứ bắt người khác phải phân trần, phải trần tình mỗi khi em bị đứng trước một đôi cái hành vi của người khác, mà em cho là khó hiểu? Có nhiều việc không thể nói nên nhờ được. Chẳng nói gì xa, anh lấy thí dụ ngay trong những chung đụng hằng ngày của vợ chồng mình. Lắm khi em tò mò một cách rất vô lý, hỏi anh lắm câu mà anh phải bỏ lửng. Không phải là khinh em đâu. Nhưng con người ta, đời đã cho mình cái điểm phúc là được sống gần nhau, đã cận và thân hơn những người khác, anh tưởng không còn gì khó hơn bằng cái việc cứ mỗi lúc xảy ra một sự khó nhọc gì về tình cảm là lại có người bên cạnh đôi cắt nghĩa rõ. Đã gọi là sống cạnh nhau mà mỗi lúc còn phải giảng dần thì khổ lắm. Khổ sở một cách nhạt thường quá. Để cái thời giờ hoang phí ấy mà tổ chức lấy cuộc đời bên trong của mình. Hãy cố mà hiểu lấy mình đã.

Lựu trở mắt ra mà nhìn chồng. Nàng định đùa một câu nhưng thấy chồng có một phong thái nghiêm nghị, nàng dậm ra sớ, ngồi im. Chợt nhớ đến câu chuyện định nói với vợ, Hoàng đổi giọng:

- Anh Nguyễn đang bận làm nhà em ạ. Ừ, anh ấy làm nhà cho anh ấy, chứ còn làm cho ai nữa. Ở trong Cầu Mới.

- Làm nhà thì đã có thợ mộc, thợ nề và cai, tưởng anh ấy vẫn còn thừa thời giờ lại chơi với vợ chồng mình như trước chứ?

- Trước khác, nay khác. Nếu Nguyễn không lại được, chắc là vì anh ấy có một cái cơ riêng. Anh vừa gặp anh Nguyễn. Trông tất tươi lắm.

- Anh Nguyễn mà cũng thành ra người bí mật thì cũng lạ thực nhỉ. Làm nhà cửa thì cũng phải dự định năm sáu tháng trước sẵn, có khi một đôi năm cũng nên. Không thấy anh ấy ngỏ chuyện bao giờ cả.

- Về cái chuyện anh Nguyễn làm nhà thì bây giờ thế này nhá; tôi và mình không được dả động đến, nếu một hôm nào đấy anh ấy lại chơi với mình. Vì anh ấy đem ra bàn với mình thì mình lại cứ thành thực mà bàn điều hơn lẽ thiệt cùng anh ấy. Cuộc đời anh Nguyễn đang đi sang một nếp khác; nó có thể là hay hơn trước hoặc tồi kém không bằng trước. Mặc dầu chúng ta là thân cận nhau, cuộc đời của chúng ta

không có thể là cuộc đời của Nguyễn được. Phải để cho người ta thực hiện cái đời người ta. Mình không nên căn cứ vào một kỷ niệm hoặc những điều thêm muốn chung xưa cũ - nói lên trong một lúc thân yêu sốt sáng - để mà buộc người ta cứ phải nghĩ đến mình. Mình phải sống cho nó có độ lượng mới được.

Nghĩ một lúc lâu, Lựu đổi ra giọng cảm động:

- Hay là anh và em cũng kiếm một miếng đất con con nào ở vùng quê mà dựng lên một mái nhà. Có một cái nhà để mà có chỗ về chứ ! Chúng mình đi mãi quá rồi. Nhiều tiền, ta làm nhà ngói; ít tiền, ta lợp tranh. Ờ, sao từ trước đến giờ, vợ chồng mình không nghĩ tới điều quan trọng này nhỉ?

Đêm ấy Hoàng vô về Lựu như chưa có thể bao giờ. Mất người bạn, nhưng mà vợ vẫn còn.

VI

Tả ngạn sông Tô Lịch gần chỗ rẽ về làng Lủ, có một thửa đất rộng không đầy một sào, hình méo mó, không giống được một cái hình nào có sẵn trong kỷ hà học bình diện. Từ ngày thôi không giữ cái chân ký lục của nhà nước Bảo Hộ xứ này nữa, ông cụ Tú Quân đã mua miếng đất ấy, định cất lên một nóc nhà. Có người bảo rằng ý ông cụ bây giờ muốn được gần làng gần họ. Bao nhiêu năm đi làm ăn xa, đổi hết vào Quảng Nam, vào Khánh Hòa, lại đổi ra Nghệ Tĩnh ra Thanh và bây giờ về hưu. Còn đợi gì mà chẳng về làng, giữ lấy một chân trong hội tư văn! Cái ông Lý Bá ấy mấy phen cũng đã tốt lời mời. Thấy xoay về làng mà ở cũng là một chuyện hay hay, ông Tú Quân bèn mua ngay cái miếng đất méo mó. Nơi thôn ỏ, những người trong họ gần họ xa, những viên kỳ cựu đều khen cái ông già ấy “Thế mà cũng khá, chưa đến nỗi là một người bỏ làng. Bây giờ đã có ý trở về để nhận phần đóng góp với chúng ta ở chỗ đình trung”. Cái làng Mọc quê hương bản quán ông cụ Tú vốn lại thuộc về một

cái kiểu đất ly tổ. Mỗi lần thấy có một người nào từ phương xa trở về ăn ở lại với làng mạc, các bậc cổ lão đều lấy làm mừng. Người ta càng khen ông Tú Quân là người trung hậu đối với một cái lũy tre xanh bấy giờ được thêm có ông, thì còn ngại gì không có sự ấm bụi.

Nhưng có ai biết rõ được cái tâm sự ông Tú Quân, khi ông đòi mua cho được thửa ruộng đất làng ấy.

Ông Tú Quân lúc mưu tính việc làm ngôi nhà đã nghĩ đến đứa con trai lớn của ông nhiều hơn là nghĩ đến phận mình. Đứa con lớn nhất của ông là thằng Nguyễn. Tính Nguyễn đã lông bông, cuộc đời của Nguyễn lại càng khó định quá.

Ông cụ cũng biết mình bất lực nên cũng không tỏ ý gì giữ đứa con hoang tàng ấy ở luôn luôn bên cạnh. Nhưng nhiều buổi cái lòng một người cha già mỗi ấy cảm thấy nỗi trống trải hiu quạnh trong gia đình và nửa thương nửa giận, ông già ấy muốn thằng Nguyễn đừng lãng bãng sống một cách vô thường ngoài gia đình nữa. Ông Tú Quân vốn là người đạt, thức thời, biết rằng mình vốn sinh ra “nó” nhưng thời đại mới chính là “người” định cho nó tất cả những tính nết kia. Nguyễn thường vẫn cảm ơn thâm cha mình về chỗ rộng lượng đó. Và lãng lè sống cuộc đời mình đúng theo với cái ý mình. Một năm vài kỳ về qua nhà,

ngồi dưới gối cha, Nguyễn lại ngoan ngoãn hầu trà, hầu cơm, hầu đóm, hầu thơ, bố con lại yên vui và tường đầu bây giờ vẫn còn là cái thời xưa cũ hiền lành.

Tuế - vợ Nguyễn - thấy chồng về nhà, chỉ biết có vui, chứ không dám giở dỗi trách móc đến những ngày (ngày đây chỉ là những đêm) của chiếc gối lẻ và Tuế cũng không dám hỏi han gì đến những hành tung của một người chồng khó hiểu và không bao giờ nàng nghĩ đến sự cần phải hiểu thêm, hiểu rõ. Quý và tin nhau. Thế là đủ lắm rồi. Tuế cũng không biết chồng mình có những ai là bạn. Giữa mấy tợp rượu, vui miệng, Nguyễn có nhắc đến tên những người bạn nào, thì Tuế cũng biết vậy và tự nhủ mình rằng nếu có dịp được gặp bạn chồng ở một chỗ nào, nàng sẽ rất xởi lởi cung kính và vồ vập. Trước mặt vợ, Nguyễn hay nhắc nhóm đến tên vợ chồng Hoàng. Anh Hoàng thế nọ, chị Hoàng thế kia. Ngồi nghe chuyện một cách chăm chú, Tuế cũng không dám biết đến sự đòi chồng cho mình được gặp những người bạn thân mến ấy. Nàng chỉ biết lấy cái trí tưởng tượng đơn giản trong đầu mình mà vẽ phác qua cái hình ảnh một đôi vợ chồng Hoàng nọ. Lúc nào được dịp chồng giới thiệu cho gặp, Tuế sẽ hay. Bây giờ chưa gặp thì nàng không tọc mạch. Nàng chỉ biết rằng được gần một người chồng “hậu ư thiên hạ, bạc ư gia” là một việc rất quý rất vui. Nhưng chỉ được độ vài ngày thôi, Tuế và ông Tú Quân lại đánh

sống mất Nguyễn. Nguyễn lại đi rồi. Bố chồng và con dâu trao đổi cho nhau một vài ý nghĩ giận dỗi về Nguyễn và rút cục, người ta đều thấy thêm tiếc những cái ngày vui ngắn ngủi vừa qua ấy. Có Nguyễn ở nhà, ông cụ Tú và Tuế mừng một cách sợ sệt kín đáo như là bắt được một tí của trời vừa rớt xuống. Nói lên sợ lại động và hỏng. Hễ động thì Nguyễn lại vụt đi ngay. Nếu tỏ ý giữ ở nhà thì ngay lúc ấy, dầu cơm canh có gần bùng ra rồi, Nguyễn cũng cứ dùng dằng xách và ly ra tẩu. Hỡi chồng! Con hỡi con!

Nhưng mà bây giờ, ông Tú Quán thấy mệt mỏi lắm. Ông muốn có ngay bên mình một cái gậy để chống, thuận tay và cần đến bất cứ lúc nào là cứ vớ lấy. Nguyễn phải ở cạnh giường ông và làm cái gậy đó. Riêng về Tuế, nàng đã đến lúc nhận thấy những ngày vui được gần chồng ngắn ngủi đó không còn là đủ nữa. Ngày vui đó phải triển miên kia. Con thì con đàn mà nàng sinh nở mãi, giờ thấy mỏi lắm. Chúng nó lại nhón như thổi. Phải có thêm một người nữa ở cạnh nàng để chăn nuôi lũ trẻ thơ gọi là đỡ hộ một tay cùng. Việc cho trẻ vào trường học chẳng nhẽ lại cũng vẫn đến nàng!

Ông cụ Tú bèn quyết định phải làm cho Nguyễn một cái nhà riêng định đánh bấy đứa con hoang toàng đó vào cái tròng thê nhi. Ông sẽ cho con dâu và tất cả lũ cháu kéo nhau ra Cầu Mới mà ở cho kín cái nhà

mới. “Từ trước tới nay nó cứ phóng sinh phóng địa ra đây cho mình! Đại gia đình!” Rồi xem Nguyễn có phải ở nhà mà giữ lấy cái tổ riêng ấy cho ấm kín không? Có khi rồi ông cũng ra đóng luôn ở đây cho vui. Nếu đến như thế mà cũng không đánh lừa giữ được đứa con hoang toàng nữa, nếu như thế mà cũng không xong nữa thì ông chỉ còn đành ở với Giời cao trên đầu thôi.

Thửa ruộng méo ấy, chủ đất nhường cho ông Tú Quân đã năm sáu năm nay. Người làng đi qua đường cái quan, chỉ trỏ và kháo nhau rằng mai kia ở đây sẽ có một cái nhà đẹp. Làng cũng đẹp lây. Khi mà làng đã xoay ra thành một cái mặt phố, nhà chen nhau liền khít! Người làng chờ mãi chưa thấy khởi công, cũng đâm ra sốt ruột hộ thay. Ngày giờ cứ trôi qua trên một sào ruộng bỏ trống. Có người hàng xóm tiếc cái sức phì nhiêu của miếng đất béo mầu và cao ráo, đã lên tiếng mượn thuê để trồng trọt. Ngô. Khoai. Đậu. Vừng. Lạc. Hết ngô, đến khoai, hết đậu đến vừng đến lạc. Một năm, hai ba năm. Chẳng một ai thấy chủ đất mới tỏ ý khởi công làm nhà.

Bỗng một buổi sớm mùa đông một năm Hồ nọ, người ta thấy bọn tuần phiên làng đào bờ trên thửa ruộng cỏ hoang. À, bóc những cái má vô thừa nhận. Có chín năm mỗ vô chủ tất cả. Cốt nhiều quá. Đào

sâu xuống quá hai thước ta, vẫn còn lượm được. Mấy người tuần phiên cẩn thận và tham việc lại còn cho lấy bừa bừa cái khoảng ruộng đầy cốt khí ấy lên nữa. Bỏ chung lẫn lộn vào những cái tiểu sành, mấy cái nắm xương tội nghiệp đó đã được táng ở mé gò bên. Và ông Tú Quân đã biện một cái lễ nhỏ để khấn những cô hồn linh thiêng này phù hộ cho nhà mình, nếu trong năm nay, mình khởi công làm nhà được.

Cuộc khởi công dọn đất để làm nhà không được tiếp tục thêm. Ông Tú vẫn chưa có tiền. Nhưng năm ấy được hợp tuổi Nguyễn, ông cũng cứ cho dựng tạm lên đấy một cái thượng lương nhà, gọi là lấy ngày tốt.

Ấy là một ngày cuối tháng chạp, hình như trước cái tết tiền ông tảo về giời một ngày chi đó. Công việc lại nhờ đến bọn tuần phiên người làng. Có ông Lý Bá là người quen biết, điều khiển hộ.

Người ta đã trồng xuống mấy lô đất thịt, bốn cây luống, mỗi đầu hai cây bắt chéo lại, ngọn nhọn hoắt gai ngạnh như là ngọn một cái hàng rào cánh sẻ. Cái thượng lương gỗ lim, gác lên bốn cây luống, chênh vênh giữa trời, khoảng giữa đoạn gỗ dài là một cảnh thiên tuế bó lấy mấy vuông vải tây điều có viết năm chữ "Khương Thái Công tại thử", kèm một dòng niên hiệu. Ông Tú Quân đứng đốc thúc công việc ngay trên đồng đất sét ướt và nói cùng ông Lý Bá:

- Kể cũng nặng đấy chứ, ông Bá nhỉ? Không có ông bảo anh em tuần phiên làm hộ thì cũng còn dềnh

dàng ra đến hết ngày nay. Việc gì nó phải có quen mới được ông Bá ạ. Ông bảo anh em lèn mấy lỗ chân luồng cho chắc thêm lại, rồi chiều nay tôi đãi anh em một bữa rượu ngoài chỗ đưa tiền công.

- Dạ, cụ cứ về với ra thế, rồi họ những nó quen đi. Giá cụ không thuê họ phận họ cũng cứ phải làm. Gia chi đi lại có tôi đứng lên, thì họ càng phải cẩn thận. Cụ về ở với làng cho, là một điều mà tất cả các cụ trong làng ta lấy làm quý rồi. Vậy lại đến sang năm mới khởi công được? Được rồi, cụ cứ cho làm cho sớm đi. Gạch ngói đã có tôi khảo giá cho cụ. Đầu xuân qua năm, cụ cứ cho làm đi. Sớm được ngày nào, làng ta vui ngày ấy.

Xuân sang năm, nơi thửa ruộng méo ấy cũng chẳng thêm được một nhát cuốc nhát thuổng nào. Cả một mùa xuân Kỷ Mão, mấy vuông vải tây điều nơi thượng lương những càng ê chề vì lớp mưa phùn đầu năm. Mỗi lúc có gió khô, miếng vải đỏ ấy xe lại, lại phấp phới phô màu còn thắm trên khoảng cỏ lúa xanh um. Vậy rồi mùa hạ. Nắng làm khô vàng thêm Tầu thiên tuế, đầu lá mỗi ngày mỗi thêm nhọn sắc. Tiếp đến mưa Ngâu. Mấy chữ đề vào vải thượng lương nét mực tầu đã nhòe dần. Rồi năm gần hết. Ngày này năm ngoái, ông Tú Quân khăn áo tề chỉnh, đứng ngay ở mép ruộng đây làm lễ dựng thượng lương! Chông quá thực.

Lũ tuần phiên có cái phận sự phải canh gác đến cái đoạn gỗ lim thượng lương gác ngang ở giữa giò kia - theo lệnh ông Lý - những đêm có trăng suông, bắt tay thước ra sau lưng bàn soạn cùng nhau vẽ một cái kiểu nhà sau này sẽ sừng sững trên mẫu ruộng: “- Sao lâu thế nhỉ? - Kiểu Tây? Kiểu Ta?”.

Còn có những người đi tàu điện vào ngày chợ tơ Hà Đông qua quăng ấy đều chỉ trò miếng vải đỏ sắp đi màu dính vào một khúc gỗ nghênh ngang giữa đồng, phải trao đổi nụ cười với nhau về cái lỗi dựng nhà chọn lấy ngày tốt của người mình.

Bỗng đến đầu năm Canh Thìn, cạnh thửa ruộng của ông Tú, có mấy người vạm vỡ đang hì hục đào đất. Đầu tiên người ta ngờ rằng có ai vừa chết và chủ ruộng kia được cho thuê đất để đào huyệt. Cái huyệt to quá sâu quá. Tưởng chôn bốn năm người nằm một lúc xuống đáy cũng vừa. Không phải là cái huyệt. Chỉ là một cái thùng tôi vôi thôi.

Bà Tú đứng cạnh cái thùng tôi vôi, xem người ta cân vôi. Bà dòm ngó luôn luôn đến cân cân, chốc chốc lại phải to tiếng nặng nề vì cái thói cân điều của bọn bán vôi. Lắm buổi cân vôi, bọn cân vôi ăn cắp ấy làm cứ tối cả mắt lại, hề sênh ra một cái là chúng cân non đi rồi đổ ụp cả mấy mươi tạ vôi thiếu cân xuống thùng tôi đầy nước; vôi đã nở sinh sịch trong thùng

nước rồi thì có giới vào đây mà khám được. Biết trước thế, bà Tú đem kèm theo xuống đây một người nàng dâu thứ hai để khảo cân và trông nom đỡ mình.

Chẳng phải tò mò thêm nữa, lân bang cũng hiểu rằng năm nay bà Tú làm nhà. Bà đã thuê sẵn hai gian nhà gần ngay đây để tiện công việc đi về trông nom chỉ bảo thợ thuyền nay mai.

Trông bà Tú quá tha thiết với công việc làm nhà cho đứa con trưởng, nhiều người đã phải ái ngại hộ. Tính bà căn cơ - cả một đời bà cụ này là tất cả những công chất chiu hàn gấm, buộc mồm buộc miệng, nhin ăn nhin mặc, suốt đời đụng đến lửa là chỉ dám châm đóm và khi nào quá lắm có phải dùng đến bao diêm thì bà cụ hay chẻ que diêm ra làm hai mảnh đã rồi mới đánh -, sau hôm rằm tháng giêng, bà đi từ Thanh ra Hà Nội, bà đã đem theo lên chuyến tàu ấy cả một vại dưa cải muối trường. Vại dưa to và kênh cang, chiếm mất nhiều chỗ trên toa xe đông, đã là cả một cái đầu để cho sự mè nheo cãi cọ của đám hành khách ngồi gần bà. Nào có thể thôi đâu. Lại còn nước mắm, tương, cà, rô rá, chổi sể chổi lúa. Bấy nhiêu thứ vây lấy bà cụ. Bà Tú ngồi lọt thỏm vào giữa đã làm cho ông xếp tàu lúc soát vé phải tìm mãi mới lôi ra được cái bà cụ hành khách “đa mang” ấy.

Lúc đi ra Hà Nội để làm nhà cho con, bà Tú đã tính cả rồi. Công việc làm có chóng ra nữa thì cũng phải tháng rưỡi. Bà đã đếm từng củ dưa, đo từng chai nước mắm cho đủ dùng trong cái thời hạn phải ở luôn trông nom việc làm nhà đó. Bà tin ở ngoài Hà Nội cái gì cũng đắt và những người hầu hạ thì toàn hay ăn bớt cả. Chẳng tin được ai. Cái bà già cũ kỹ lại còn cẩn thận đến nỗi đem theo luôn với mình ra Hà Nội ba con gà sống và đôi vịt Mường Thạch Thành. Đôi vịt Mường nằm trong bu dưới gầm ghế toa xe chẳng hiểu có nhớ quê hương Mường hay không mà cứ quang quác mãi lên, tàu càng chạy nhanh đôi vịt càng kêu to, có khi át cả tiếng máy động trên đường sắt. Người ngồi cùng toa xe, đã khổ vì cái vại dưa đặt ở giữa toa - chốc chốc gặp luồng gió tạt lại dưa mùi khang kháng vào mũi bao nhiêu người ngồi cuối gió - chưa xong, giờ lại còn bị đình tai nhức óc vì tiếng kêu của đôi vịt nữa. Họ trách bà cụ sao tha khuân lắm thế. Mà khuân đi đâu mà nhiều thế?

Hỡi các người cùng đi một chuyến tàu với bà cụ Tú! Các người có được bao nhiêu độ lượng, hãy lấy tất cả ra mà đãi bà cụ, thương bà cụ và cảm cái mồm đi! Các người há chẳng biết đây là một bà mẹ can đảm và căn cơ bao nhiêu năm nay mới lần ra được cái xứ Bắc để làm cho đứa con hư thân ấy một cái nhà! Và con người ta đứng trước cái tình mẫu tử như thế, há

chẳng nên tán thành và kính nhường và đừng nên ganh tỵ một chỗ ngồi. Các người có biết ba con gà và hai con vịt đang rắc phân hôi hám ra sàn tàu kia là bà cụ dùng để làm gì không? Đồ đấy!

Bà Tú đã tính kỹ lắm rồi. Gà để cúng vào ba kỳ sóc vọng trong cái thời hạn tháng rười giời ở luôn ngoài ấy trông nom việc làm nhà cho đến lúc hoàn thành. Còn đôi vịt thì để làm cho thợ ăn vào hôm xong nhà. Hiệp thợ mộc một con. Hiệp thợ nề một con. Chẳng biết bà cụ định mượn bao nhiêu thợ tất cả mà “chỉ” cho người ta ăn “những” hai con vịt? Mỗi người thợ khỏe mạnh kia rồi sẽ gấp độ mấy miếng ở cái mâm rượu hoàn thành nhà nay mai của bà cụ Tú? Thôi thì kẻ nào hay ăn nhiều là kẻ chẳng hiểu gì cả. Bà cụ lắm cảm, cẩn thận và tần tiện thế đấy. Ai muốn hiểu ra sao cũng mặc. Của tuy ít nhưng lòng thì nhiều. Lòng bà cụ Tú thành lắm. Thế là đủ rồi.

*

* *

Cả một buổi sớm ấy bà cụ Tú đi tìm Nguyễn. Hà Nội kể ra rộng thục. Mà xe pháo thì dật đỏ quá. Bà hết cho người đi tìm chán rồi bà lại đi tìm lấy. Khó quá. Khó hơn là mặt thám đi lòng một người quốc sự phạm sống tù đang chọc thủng biên giới. Vậy mà trời

xui thánh dẫn thế nào, bà Tú đã được gặp Nguyễn. Bà Tú thăm cảm ơn các đảng quý thần xong rồi, liền vỗ về bảo Nguyễn:

- Này anh Cả ạ, về việc làm nhà ở Cầu Mới ấy mà, tôi muốn anh đỡ tôi một tay; mỗi ngày anh ghé xuống dưới ấy một lần. Chứ một mình tôi thì tôi chịu thôi. Bố anh thời phải ở luôn trong Thanh. Mà tôi ở ngoài này thì có một mình. Sốt ruột quá anh ạ... Gạch bây giờ bảy đồng rưỡi một nghìn mà chưa chắc đã mua được. Ngói bốn đồng một nghìn. Mua bán bây giờ cái gì cũng đắt đỏ quá. Nhất nhất mỗi cái, tôi lại phải nhờ ông bà Bá. Ở ngoài này tôi không thuộc chợ thuộc phường, sợ lạ mà đi mua lấy thì hớ mất.

- Thưa mẹ, thế còn về thợ mộc, thợ nề?

- Tôi lại phải đem từ Thanh ra, chỉ độ vài hôm nữa thì họ cũng ra đây đây. Chính vì chuyện ấy mà tôi phải đi tìm anh. Hôm nào họ ra, bố anh sẽ đánh dây thép cho anh. Anh ra ga đón họ rồi đưa tất cả về trong Cầu Mới. Chịu khó một tý con ạ. Và có đưa họ về, thì đừng có đi xe. Đi bao nhiêu cái xe cho xuể; nên hà tiện chứ. Ý tôi thì tôi muốn hôm ấy anh thuê một cái xe đạp đạp thông thả đi trước, rồi cho họ chạy bước một theo sau.

- Thế còn đồ đạc, hòm xiềng, đục cưa của họ thì làm thế nào?

- À, anh lại thuê thêm một cái xe bò cho họ bỏ tất cả lên đấy. Anh cứ bảo thằng Khin người nhà cụ Hàn nó đẩy xe bò ra ga. Có lẽ từ mai, sớm nào anh cũng phải tạt lại đằng nhà cụ Hàn xem có dây thép dây thiếc gì ở trong nhà đánh ra không. Bớt chút thời giờ đi, bớt đàn đúm với chúng bạn đi. Thôi bây giờ tôi phải về, kéo họ xe vôi đến, vắng mình họ lại cân non đi thì chết. Hết đến bảy mươi tạ vôi đấy anh ạ. Thế chiều nay, anh có xuống ăn cơm với tôi không? Trong ông Lý Bá hôm qua chả biết làm gì mà lại biếu nửa con gà. Tôi đem kho gừng cả. Hôm nào cũng răm lại phải biếu lại ông Lý cái gì mới được. Anh nhớ nhắc tôi nhé.

- Vâng. Vây thì độ sáu giờ chiều con về. Để ra cho được sớm. Tám giờ đã hết tàu điện rồi. Tối nay con lại phải ra nhà in.

- Đêm hôm mà người ta cũng in à? Anh có vào những chỗ máy móc thì nên cẩn thận lắm. Khiếp, hôm vừa rồi tôi có lại cái nhà in gì ở Hàng Buồm tìm anh, thấy cứ tối cả mắt lại. Nghe âm âm cứ như là vũ la bão. Gớm chết. Eo ôi! Nhà in.

*

* *

Nguyễn lững thững trên sân ga, chờ đón chuyến tàu Thanh tới ga vào khoảng mười một giờ. Chàng đi

đón hai hiệp thợ mộc thợ nề. Cứ lời bức gia thư nhận trước cái dây thép hôm nay thì ra bọn thợ này là bọn thợ quen, trước kia đã làm cái nhà trong Thanh. Đám thợ mộc vẫn là cái đám người làng Hạ Vũ. Còn thợ ngoà thì ở làng Bột Hưng. Cái lão cai thợ nề tên là Phảng ấy là người làng ông Trạng Quỳnh có khác. Tính bác ta vui, linh lợi và hay nghịch ngợm. Nguyễn nhớ đâu cái hồi mình còn ít tuổi ở Thanh, thỉnh thoảng lên đảo lại ngồi hoặc đáp lại những đường bờ nóc nhà, bác cai Phảng hay nói những chuyện quái quỷ tục tĩu cho Nguyễn nghe. Rồi Nguyễn lại ăn cắp từng nửa bao chè tàu của cha đem dúi cho cai Phảng. Thế mà đã mười mấy năm rồi thì có gớm không. Nguyễn chỉ còn nhớ cái lối tung gạch của bác cai Phảng thần tình đến thế là cùng. Chập hăng ba bốn viên gạch một, bác ta tung lên cho một người đứng đón bắt ở mép gióng, trăm lần chẳng nhỡ chẳng rơi lần nào.

Cái tàu Thanh Hóa đã vào lot ga Hà Nội. Nguyễn nhìn ngay cái toa đầu. Trong thư, ông Tú Quân đã dặn Nguyễn hôm ra đón thợ thì cứ sục ở cái toa đầu tiên. Ông Tú tính cẩn thận đã dặn họ nên ngồi toa đầu, tuy than bụi có nhiều nhưng không bị cái nạn cát toa chuyển đồ giữa đường.

Ở cái toa đầu vừa lướt ngang tầm mắt Nguyễn, có một bọn người nhem nhuốc lộ đầu ra khỏi khung cửa reo ầm lên:

- A ha, cậu Cả đây rồi.

Họ xuống ga một cách hấp tấp, mắt cứ nghech cả lên. Thấy bộ dạng hấp tấp và ngốc nghếch ngạc nhiên của bọn thợ, người ta phải nghĩ ngay đến những cái dằng dấp của hai sự nhớ tầu và mất cắp đem cộng lại làm một. Một bác phó cả cứ nghênh ngang mãi giữa đám hành khách xô bồ, quay cuồng thế nào mà phang cả cái thân cửa trường vào đầu một ông đang đứng chờ ai ở sân ga. Rồi lúc sợ hoảng, lại ngã dúi vào người khác.

Cả một cái đoàn người ấy kéo từ cửa ga qua phố Khâm Thiên để trải xuống xóm Cầu Mới. Nguyễn đi xe đạp dẫn đầu, đạp rất thông thả, chốc chốc lại đạp ngược vòng xích, ngoảnh đầu trông lại, ổ xe đạp kêu những tiếng sè sè. Hai hiệp thợ nháp nhô chạy bước một theo sau. Để đóng hết cái đám rước này là một cái xe bò ngón ngang những chiếu, hòm, bồ, tay nải, thước thợ, bay, cưa v.v..

- Thưa cậu còn xa không? Cậu cho anh em dừng lại xem cái tầu điện đã. Này anh em ơi, trông hay quá nhỉ. Hôm nào làm xong nhà, cậu phải nói với cụ cho anh em đi một bữa tầu điện cho thật sướng.

- Đi cả vào bên tay phải kia, không có lại chết bỏ đời cả bây giờ. Được rồi, rồi hôm nào sẽ đi chơi tàu điện tất cả, rồi thì được đi cả ngày.

Trông Nguyễn đang quát bọn thợ, ngồi trên yên một cái xe đạp cũ dỉ, ống quần có cặp miếng sắt, người ta dễ bị nhầm với một bác cai thầu khoán dẫn lũ phu của mình đi làm việc.

Kể ra Nguyễn cũng là người có can đảm lắm mới dám ăn mặc như thế và dẫn một đoàn người áo ngắn xộc xệch chạy qua cái phố Khâm Thiên. Nguyễn nhớ đến nhiều buổi, bất cứ là đêm tối hay ban ngày, Nguyễn đã từng đi qua cái phố ăn chơi này với một cái xe lùn hoặc cái xe xích lô, miệng ngậm xì gà, tay chống ba toong trúc khoằm đầu, chân bắt lên lấy dáng và cả nhà cửa có cái gì đẹp nhất là đều mặc hết cả vào người.

Những nhà hát phần nhiều đóng kín mít cửa. Giờ này là giờ các cô ấy nghỉ, ngủ. Nhưng ở một vài chiếc bao lơn nhà gác, bên những nan hoa sắt vẫn có một vài bộ quần áo lụa nhân tạo trắng lồm lộp đứng chãi gỡ mở tóc vừa gội chưa khô ráo hết. Họ nhận ra cái người đang đi xe đạp dưới đường kia chính là cái anh say rượu của những giờ giao hoan các đêm nọ. Họ bèn cười suông sã, thi nhau mà réo âm cả phố lên:

- Anh Nguyễn ơi, đi đâu mà trông khổ sở thế?

Nguyễn cứ lặng lẽ mà đáp. Bọn thợ đi theo chỉ trỏ, cười nói, giọng ấm ơ, trợ trợ.

*

* *

Tiếp đến ngày hôm sau, Nguyễn lại ra ga một chuyến nữa. Ra phía sau ga, để linh một toa gỗ phò từ Thanh Hóa ra. Gỗ đem từ trong ấy ra tính cả cước xe lửa và tiền đài tải từ ga về đến Cầu Mới, cùng vẫn cứ còn rẻ chán. Một thước khối gỗ lim đỡ được đến gần chục bạc. Bà Tú đã tính đúng như thế và tự tin vào những kinh nghiệm của mình về việc làm nhà.

Cái đoàn xe bò mười mấy chiếc chồng chất những đoạn gỗ so le; lần này về Cầu Mới, không phải đi qua Khâm Thiên nữa... Không phải là Nguyễn sợ xấu hổ gì với những đám sơn phấn phớ ấy, nhưng đi lối Hàng Bọt nó ngắn đường hơn. Từ cái cổng sau nhà ga ra, đi đường Sinh Từ tiện lắm.

Nguyễn lại vẫn đi xe đạp dẫn đầu, đến quãng Giám có ba bốn người ăn mặc rất đẹp chạy xô vào ghi đông xe Nguyễn, bắt xuống xe và hỏi Nguyễn rằng "Sao độ này mày bán cửa nhà con Thuý ? Chúng tao vẫn xuống đây luôn. Tội cho con bé nó cứ nhác mày luôn. Và thiếu chỉ có một mày, tất cả đều trở nên trống vắng. Chúng tao đang vui đây. Trong lòng chúng tao

đang có cả một cái hội tây đây. Gặp thêm được có mày nữa, thú quá. Bấy giờ chúng ta cùng xuống đây đi...” Nguyễn nói vắn vẹn hai chữ “cám ơn”, mặt vẫn lạnh như tiền và nháy phốc lên xe, đạp vội đuổi theo đoàn xe bò đã bỏ xa mình mất một quãng. Bốn con người diềm dứa kia nhìn theo Nguyễn, chung hửng. Phê bình về thái độ Nguyễn ít lâu nay, có một người bảo rằng “Không khéo thằng ấy thành ra dờ người mất”.

*

* *

- Này anh Cả, thế anh cứ nhất định bắt tôi làm nhà theo cái mẫu vẽ ấy à?

- Thưa mẹ, miếng đất đã không được vuông vắn và lại hẹp, nếu không làm theo kiểu đó thì khó coi lắm. Cái kiểu nhà đó, con nhờ một anh bạn anh ấy vẽ không cho. Một cái kiểu nhà như thế nếu người ta lấy tiền thì cứ bốn năm chục bạc là ít.

- Ngày trước tôi làm nhà tôi chẳng phải nhờ đến ai cho kiểu cả. Đây anh xem, cùng ngăn nắp cao ráo khỏi ra đấy. Các anh chúa là hay vẽ chuyện, làm nhà theo kiểu tân thời tốn lắm. Rồi lại sinh đẻ ra bao nhiêu là kính là gỗ nữa. Lão phó mộc nó vừa tính thành ra hết thêm những bao nhiêu là gỗ nữa về chỗ

cửa chớp và khuôn cửa kính, và kiểu kiếc gì mà nhà lại quay lưng ra ngoài đường.

- Quay lưng ra như thế là phải lắm. Vì thấy con bây giờ về hưu; thấy mẹ có về đây ở với chúng con thì điều cần nhất là được tỉnh dưỡng an nhàn. Mở cửa ra mặt ngoài đường phố, ồn và bụi lắm. Bịt phía trước và mở các cửa vào mặt trong vì mặt trong là hướng Nam mùa nực mát, mùa đông tránh được gió bắc. Phải căn cứ vào hướng nhà, hình miếng đất và sự cần dùng ăn ở riêng từng người mà về kiểu nhà. Vì thế mới có cái nghề kiến trúc sư.

- Ô, về chuyện. Thế xưa nay, nước Nam không có kiến - anh bảo cái gì... phải, kiến trúc sư - nếu không có kiến trúc sư thì dễ thường không ai làm nhà ở nữa hay sao? Thôi anh ạ, không nên giờ dối ra, tốn lắm. Bây giờ anh cứ nghe tôi, mở cửa ra ngoài mặt đường. Và làm cửa lùa. Đỡ được bao nhiêu gỗ. Không những thế lại còn tiện cho chị ấy về sau này buôn bán được nữa. Ở, tôi sẽ cho chị ấy cân kẹo hoặc dọn cái hang tạp hóa. Chứ kéo nhau về đây, ở quay lưng ra phố, cả ngày cứ xum xụp ru rú một lũ trong nhà với nhau. làng nước phố phường người ta nói cho. Chỗ tiền lương hưu trí của bố anh, anh tưởng đã to lắm hay sao? Liệu bố anh mua thuốc ngày hai bữa đã đủ chưa? Phải buôn bán thêm vào. Rồi vợ chồng cứ mang lấy nhau. Đây nhà đây, tôi làm rồi đây. Tôi cho vợ chồng

anh. Và tôi không biết gì nữa. Khéo tính liệu thì no lành. Bằng không thì rách dùm. Đừng có mè nheo đến tôi nữa. Bố anh ngày xưa đã làm khổ tôi nhiều lắm rồi.

Thế rồi bà Tú khóc. Trước còn sụt sịt, sau hóa ra bù lu bù loa. Giọt ngắn giọt dài bà kể lể:

- Anh thử nghĩ xem, từ ngày anh ra ở Hà Nội đến giờ, anh đã đem về nhà những cái gì? Anh nói rằng anh làm báo. Tôi chẳng biết báo là cái gì nhưng mỗi chuyến anh về, anh lại báo hại tôi một ít tiền. Lũ con anh, từ cái tã cũng lại đến gái già này. Tôi khổ lắm, anh à. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà vẫn cứ phải lo nghĩ mãi. Đèn bao giờ thì tôi mới được rảnh thân để theo người ta mà đi hội đèn hội chùa, hờ anh? Anh còn nhớ cái lần anh lông lộn mãi lên để mở hàng sách? Không được hai năm, gần hai nghìn bạc, đã thối chưa, hờ Giời!

Mẹ con hết cấn nhằn nhau rồi đâm ra cãi nhau. Nguyễn lại bỏ đi. Gần mẹ thì chàng câu nhàu, xa được mẹ thì chàng lại hối. Ngay tối hôm ấy, lòng hiếu của chàng bị thương túi lại còn dẫn chàng vào nhà một người đàn bà lạ. Đêm ấy, Nguyễn tiêu mất năm đồng bạc. Đây là tiền về chỗ mấy tiếng cười trong bóng tối trên một tấm vải phủ giường. Cái chai rượu mạnh ấy, lại đeo thêm vào hơn bốn đồng nữa.

Nhận được dây thép mời ra ngay có việc cần, ông Tú Quán đã đi thẳng một mạch xuống Cầu Mới. Ông Tú, bà Tú bàn tán và sau cùng bà Tú đã bảo Nguyễn đang ngồi ngắm bức họa đồ vẽ kiểu nhà:

- Thôi, ý anh đã muốn làm nhà theo đúng cái sở thích của anh thì tôi cũng phải chiều vậy chứ sao. Nhưng tôi phải bắt anh chơi một bát họ. Tôi sẽ lấy cho anh một bát họ năm trăm. Mỗi tháng, anh xem đóng được bao nhiêu thì liệu nhờ mà nói chuyện với người ta. Anh nghĩ cho chín đi. Việc tiền nong của người ta không phải là chuyện chơi... À, mà anh Cả ạ, anh có muốn bày vẽ làm theo kiểu gì đi nữa, anh cũng phải nghĩ đến một chỗ riêng trong nhà để đặt cái bàn thờ ông vải. Anh là con trưởng mà anh chẳng hiểu một tí gì cả. Giỗ tết chẳng bao giờ anh dòm ngó tới. Cúng lễ cũng không. Nhà này có ai đi đạo đâu. Bố anh cũng chẳng biết bảo anh lấy một tiếng. Ông ấy chiều anh, để cho anh làm loạn trong nhà. Thôi, anh sốt ruột muốn lên phố thì cứ đi đi. Hình như tàu điện đã đến rồi đấy!

*

* *

Đến hôm nay là xong xuôi cả cái nhà Nguyễn. Hai hiệp thợ đã ăn cỗ hoàn thành nhà mới và lĩnh hết tiền

công. Nguyễn bèn đưa mấy bác thợ nề cùng thợ mộc đi xem nhà Gò Đa, ăn cao lâu, đi chơi tàu điện và tối hôm ấy lại dẫn cả bọn đi xem tuồng Quảng Lạc. Bọn thợ hể hả lắm, Nguyễn cũng vui sướng vì suốt tháng rười rong, thợ thuyền vừa làm vừa hát. Nguyễn chỉ sợ nhất là nhờ xảy ra chuyện gì với bà mẹ mình lần thẩn, bọn họ sẽ kéo nhau lũ lý ra phòng Lao Động thì phiền bức không biết đến thế nào mà nói cho hết.

Bọn thợ ra tàu Thanh sớm hôm sau về quê thì ngay chiều ấy, bà Tú cũng ra ga với tên lão bộc quán gia.

Chiều hôm ấy ra ga đưa mẹ về Thanh, Nguyễn cảm thấy mệnh mông buồn. Cái nhà vừa làm xong; mẹ về; chàng bâng khuâng như một khán giả ngồi sừng lìm trước một cảnh chót vở kịch đang hồi hộp mà đã hạ màn.

Hỡi ôi! Từ đây cuộc đời chàng sẽ mới, sẽ bước sang một giai đoạn khác. Chàng sẽ đem vợ con ra, rồi đếm củ dưa hành đo chai nước mắm, chàng sẽ sống như trăm nghìn người chung quanh. Chàng sẽ cố mà quên chàng đi. Chàng sẽ sống vì những người khác. Rồi thực hiện được hay không thực hiện được cái cá nhân của mình thì cũng chẳng là điều đáng quan tâm cho chàng như trước nữa. Nay là trật tự. Chàng sẽ ăn ngủ, ở ở ngay cái nhà của chàng, chứ không ngủ ở những nhà mọi người khác như trước nữa. Chẳng bay

nhảy thì nằm ở nhà. Và cửa quây lăm thì chỉ tổ sây sút mình mẩy ra thôi. Chàng lại an ủi chàng.

*

* *

Cách đây sáu tháng, một buổi chiều nhớ đến người bạn cũ lâu nay không có tin tức gì, Lựu và Hoàng đi tầu điện về Cầu Mới tìm Nguyễn. Có một người đàn ông nhiều tuổi ra mở cửa.

- Ông bà hỏi thăm ai?

- Thưa cụ, chúng tôi hỏi thăm nhà ông Nguyễn.

- Phải, đây là nhà ông Nguyễn. Nhưng ông ấy không có đây. Chúng tôi cũng chỉ nghe thấy nói ông Nguyễn là con cụ Tú Thanh. Nhưng cũng chưa được gặp mặt bao giờ từ ngày thuê cái nhà này. Cũ cuối tháng thì chúng tôi lại gửi tiền nhà vào Thanh cho bà cụ. Ông bà vào chơi trong này xơi nước cái đã.

Thế rồi ông cụ thuê nhà kể chuyện thêm:

- Cái ông trưởng nam bà cụ Tú chủ nhà, tôi cũng không rõ là người như thế nào. Không có về đây đến một lần. Ông ta vẫn giữ lại một chái buồng bên kia chứa toàn sách và nhật trình cũ rồi khóa kín lại. Thằng cháu tôi nó tò mò, nhìn qua lỗ khóa đi, nói lại như thế. Thành ra bỏ phí mất một cái buồng xinh xắn quá.

ĐÔI TRI KỶ GUỌNG

Ở đuôi chuyến tàu tốc hành hôm ấy, có hai hành khách trung lưu - vốn quen nhau đã lâu - cùng đáp một con tàu mà lại ngồi mỗi người riêng một toa.

Tính từ cái toa bưu kiện, thì Mọi ngồi ở toa thứ sáu và Nguyễn ngồi ở toa thứ bảy.

Đi từ Hà Nội, về Nguyễn và Mọi đều đến Thanh Hóa là hết đường.

Ở Thanh Hóa, Mọi có một cái đại gia đình.

Ở đấy, Nguyễn cũng có một cái đại gia đình.

Lúc sắp tối cùng đi Thanh Hóa, họ đều có cái "ý kiến" trở về thăm lại nhà một chuyến. Và họ đã lấy làm bằng lòng lắm khi cảm thấy mình là hành khách của một con tàu tốc hành, mặc dầu họ chỉ là hành khách đi có một thôi đường, và chốc nữa - chỉ một chốc nữa thôi - cái tàu con chạy rông rã những bốn năm mươi giờ, tít tắp mãi vào tận Cực Nam, đã thả họ một cách kinh bĩ xuống sân ga một cái tỉnh nhỏ

xiu ở địa đầu xứ Trung Kỳ. Thế nhưng mà dầu sao về Thanh Hóa bằng tàu tốc hành cũng vẫn cứ thích hơn là bằng những chuyến tàu thường khác chạy cứ rì rì, bỏ ra như rùa và bạ ga nào cũng đòi đỗ lấy được. Ai dại ngu gì mà lại trở về cái tỉnh xếp què hương mình bằng một chuyến tàu vét bao giờ. Nơi quê hương ấy đã tẻ ngắt sự đời, mỗi lần về là một sự cố gắng - và con tàu vét thì lâu và nặng và tồi như đời một người không may.

*

* *

Đã đến bảy tám năm nay, Nguyễn và Mọi không rù rề nhau, mà đều bỏ Thanh Hóa đi Hà Nội cả. Lúc đi họ đều cho rằng muốn lập cả thân lẫn danh cho được phải chăng, thì phải sống ở một thành phố nào có những ánh sáng chói hắt lên. Chứ ở cái tỉnh tí ti này, đèn đóm của trăm nhà đều lù mù lảm. Ở đây mỗi khi đã động đến một tí chút gì có liên can đến cuộc sống, là mỗi người lại lấp lại câu "Đèn nhà ai rạng nhà ấy" mà họ cho là hay lắm, là đúng lắm. Ngọn đèn của mỗi nhà chẳng biết có đủ soi sáng được mỗi nhà không, chứ cả một cái thị trấn này, mỗi lúc mặt trời lặn sau ngọn tường gạch nếp thành xây từ đời Gia Long, tất cả bấy nhiêu ánh sáng của trăm nghìn nhà đem cộng lại với đèn mấy mươi dãy đường cũng vẫn

cứ lù mù thế nào ấy. Hơi lạnh của thứ ánh sáng leo lét ấy đã làm cho Nguyễn và Mọi có một hôm phải bỏ đi xa. Vào lạy cha lạy mẹ và vỗ về em để đi Hà Nội, Mọi tin rằng mình là người có tài lớn và chỉ có đất Thủ đô mới dùng hết được cái tài của mình.

Cùng từ biệt vợ và hôn hít đàn trẻ để lên đường ra Bắc, lúc Nguyễn ló đầu vào cái cửa mắt cáo buồng phát vé ga Thanh Hóa, xin ông ký ga “cánh hẩu” kia một cái giấy hạng tư đi Hà Nội, Nguyễn cũng cảm chắc là mình hẳn cũng là một người có tài - chung quanh chàng ai chẳng bảo thế và lúc nói thế, họ không cười một chút nào, họ đều tỉnh táo lắm chứ có phải Nguyễn đã thết đãi họ ăn uống say sưa gì mà họ phải nịnh hót - và không ai đang tâm chôn cái tài ấy ở một nơi leo tèo này làm gì, trừ phi với một lẽ bi hiểm hoặc một thành kiến riêng, người ta bằng lòng sống một cách oan uổng ở đây. Mọi và Nguyễn đã tin tưởng như thế và tự bảo rằng: “Rồi đời sẽ xem. Đời sẽ xem chúng tớ húc đầu vào ánh sáng. Chúng tớ là những cục vàng mười. Chỉ có cái hòn than tây ở ngoài ấy mới thử được cục vàng mười này thôi. Rồi đời sẽ xem nhau”.

Sẽ xem nhau! Tự phụ chưa.

Không định rủ nhau đi lập nghiệp mà tình cờ lại cùng đi một chuyến tàu sớm, cách đây bảy tám năm,

một buổi sớm ấy, Mọi và Nguyễn, theo cái âm thanh lũng củng rồi dần dần du dương của những vòng bánh sắt đầu tiên, đã lấy làm khoái trá vô cùng khi được vút lại cả một cái tỉnh nhỏ ra đằng sau lưng mình.

Tàu chạy qua ga Hàm Rồng. Mọi vênh mặt lên nhieu mắt lại, nhìn những gióng sắt chiếc cầu treo loang loáng lướt qua tầm mắt, Nguyễn thì nhổ trăn nước bọt xuống đường và lấy làm giận những mảnh ván cầu đã ngăn giữ mắt thứ nước bọt khinh bỉ của mình không cho rớt tòm ngay xuống dòng một con sông làm bộ. Nếu không có những tám ván gỗ lim đỏ thì “những cái xoáy nước dòng sông Mã kia, sẽ còn nhục nhã với ông”!

Xong rồi, Mọi và Nguyễn đứng khít vào nhau ở đầu toa, nắm nắm tay lại và cùng giơ lên. Cái cầu sắt sơn màu xám xám ấy lại tưởng là “chúng nó” chào mình. Lắm! Ai người ta lưu luyến gì với mà chào và hỏi. Người ta giơ tay lên bởi vì người ta muốn xấn tay áo lên thử thách với mấy cái dip cầu cam đây. Thật vậy, Mọi và Nguyễn đã lấy cái cầu sắt vĩ đại kia làm tượng trưng cho những ngày cũ của mình ở đây, và từ đây được tin tưởng rằng mình sắp được sống những ngày mới, họ muốn dùng cái cầu này đánh dấu lấy một quãng đường đời. Và lúc tàu đi qua cầu, họ bèn giơ tay lên như phân bua với cái cầu sắt lạnh. Đáng điệu của Mọi và Nguyễn lúc ấy hung hăng sôi nổi.

Buổi đầu tiên rủ nhau đi làm người Hà Nội, nếu có một cái gì mà họ đáng nhớ lại để sau này kể lại cho đám hậu sinh, thì việc đó là Mọi bị mất cấp ở Bờ Hồ ngay chiều hôm đó và Nguyễn thì đánh tụt mất một chiếc giấy hạ cũng ngay ở buổi sáng nắng tươi ấy, lúc tẩu gấn vào cái ga ngón ngang như một cánh rừng đón gió và lộng lẫy như ngọc đá mấy mươi nếp lâu đài.

Thế rồi từ cái ngày bị mất cấp và tụt giấy, Mọi và Nguyễn lấy luôn thẻ của thành phố Hà Nội, mỗi lá thẻ dùng luôn trong năm năm trời và mỗi năm đóng một kỳ. Cái thẻ họ đang giữ trong người là cái thứ nhì và cũng nhuộm vàng - màu vàng hoàng đế - như cái thứ nhất. Thế nghĩa là từ khi xứ kinh kỳ đã quỵ rũ Mọi và Nguyễn thì nơi sổ bộ thuế chính ngạch một cái tỉnh nhỏ yên ổn kia lại hụt đi mất hai suất đinh.

Hai cái tên đinh bỏ Thanh Hóa còn lấy làm kiêu hãnh một cách rất rôm, mỗi khi đi đâu gặp nhà chức trách hỏi căn cước lại lịch họ được trưng ra cái thẻ giấy vàng của tòa Đốc Lý Hà Nội. Cái thẻ ấy, phô trương ra trước mắt một tốp cảnh sát ở bất cứ một tỉnh nhỏ nào, sao nó có thể độ người tỉnh lẻ một cách nhặng xị đến thế nhỉ!

Mọi và Nguyễn, sống nổi với cuộc đời chỗ Kinh đô, nhiều khi thực đã là găng gỏi lắm. Vật thì đắt, và kể về người thì ma quỷ rất nhiều và hình như ai ai cũng

muốn đè át cả chung quanh. Mỗi người đều có cái ý định phát huy cái cá tính của mình cho đến kỳ cùng. Kết quả cuộc phấn đấu về tinh thần là nhiều khi để lại bao sự thiệt thòi cho những người chung quanh, có khi là vô tội. Có những cái tia lửa lúc bùng cháy lên là đốt luôn cả những vật gần mình. Nhưng những tia lửa đó, đem gộp lại đã kết nên một kinh thành ánh sáng và làm về vang cho một nơi vốn gọi là kết tinh của trí thức. Hà Nội người ta bảo rằng đây mới là trung tâm của Văn Nghệ.

Mọi hăm hở sống, Nguyễn cũng hăm hở sống. Sống lấy nhanh. Sống lấy nhiều. Mỗi người thiết tha về riêng phận mình nhiều quá, thành thử họ không còn có thời giờ nghĩ đến nhau, biết đến nhớ đến người bạn vẫn sống bên cạnh mình.

Cuộc đời mới mẻ đã dạy cho Mọi, đã dạy cho Nguyễn phải nên có một luân lý mới. Có như thế thì mới được để yên lại ở một xó lòng mình cái lương tâm quá tọc mạch của mình, để rồi cứ nhìn thẳng về phía trước mà đi. Cái luân lý ấy là cái luân lý cá nhân dựng trên vị ngã. "Tôi hãy xây dựng cho tôi đã. Tôi hãy tam cho tôi một chỗ đứng cho gọn để hít sao cho được nhiều khí giới và quơ lấy được nhiều ánh sáng. Tôi còn túi bụi lên vì tôi còn chưa xong nữa là nói chỉ đến lúc được thư nhàn trong lòng để nghĩ đến một người khác, mặc dầu người ấy đã cùng tôi ngẫu nhiên

đi một chuyến tàu với tôi ra đây, một sớm bỏ nhà đi ra ngoài lập lấy thân”.

Mọi nghi thế và Nguyễn cũng nghi thế, từ ngày đem nhau ra ngoài ấy để thí nghiệm những sở năng của mình.

Từ buổi ấy đến giờ, đã có bao nhiêu là nước chảy dưới cầu.

Cầu Hàm Rồng Thanh Hóa là một cái cầu không có một chân nào cả. Nếu nó có ít ra là một chân bằng đá tảng xanh, thì cái thứ nước chảy quanh năm không biết mội và không cần biết từ đâu đến và sẽ đi tới đâu kia thì nước ở đoạn Sông Mã sẽ đẹp và gợi lòng nhiều lắm. Những xoáy nước cứ xoắn chặt mãi lại rồi lại nói dần dần ra như là cái cốt đóng hồ chết, chốc thành đấy, chốc lại tan nhoe ra trên mặt sông dùn dùn khói hơi lạnh.

Vậy thì dưới gầm sắt một chiếc cầu treo xám ngoét từ ấy đến nay đã có bao nhiêu là nước chảy xuôi.

... Để đến mãi hôm nay, mới lại có hai người cùng trở về. Hai người ấy lúc đi đã tình cờ thành nên đôi bạn đồng hành. Hai người ấy hôm nay trở về - có mũ đẹp, có áo đẹp - cũng lại nhờ sự tình cờ mà thành nên đôi bạn của một chuyến tàu đêm. Đi đôi với nhau trên đường đời, ra nhiều khi vẫn không có nghĩa gì cả. Chỉ là tình cờ. Tình cờ! Và ngẫu nhiên!

Đến ga Thanh Hóa, con tàu tốc hành đang thơm phưng phức những hương vị của đường trình đã đỗ lại. Toa thứ sáu thả xuống một người, Mọi. Cái toa thứ bảy cũng thả xuống một người: Nguyễn. Hai người đâm sầm vào nhau. Ô!

Mọi và Nguyễn xòe tay ra và vô lấy bàn tay nhau, lắc. Họ lại dang cả hai cánh tay ra, nắm lẫn lấy hai đầu vai nhau mà rung, trông giống như cái sự tỏ tình tái kiến của những người Hoa Kỳ tráng kiện.

Cùng đi một chuyến tàu qua một thời đường dài những một trăm bảy mươi năm cây số, gần bốn tiếng đồng hồ tàu tốc hành, sau bảy tám năm cách biệt, vậy mà không biết có nhau! Khỉ thật! Cho được đến bù sự vô ý đó Mọi và Nguyễn cười nói vang lên một hồi và hình như lấy thế làm hả dạ lắm.

Ông ký soát vé cửa, hơi lấy làm sốt ruột và tự hỏi đến bao giờ họ mới chịu buông nhau ra để trả vé cho ông và cho nó xong công việc của ông đi. Người ta còn về ăn cơm chứ! “Cái chỗ này, cái nhà ga, tuy sự cần dùng về việc đài tái người đã bắt nó thành những nơi đoàn trường đình của một thời đại kim khí, nhưng đâu có phải là chỗ để cho tất cả mọi người bày tỏ tình cảm mình một cách quá dên dăng như vậy”.

Thật thế, tất cả hành khách xuống Thanh Hóa đều đã lách mình qua cửa ra cả rồi và đoàn tàu dài đã xit khói hơi nước, lại đi nữa rồi mà Mọi và Nguyễn vẫn

đứng ý ra đây để hỏi mãi nhau về cái mưa cái nắng của riêng đời mỗi người từ ấy đến nay. Hai va ly móm và mấy cái bồ con mới mẻ chứa phình lên những quả cáp để bên cạnh chân Mọi và Nguyễn vẫn giam buộc mấy người phu bắt-tê đứng loanh quanh đấy.

Chừng như chẳng biết nói gì nữa ở một cái sân ga đã thưa thớt người, Mọi yêu cầu Nguyễn lấy ngón tay banh mí mắt mình ra và thổi hộ cái bụi than tầu lọt vào từ Đồng Giao. Mọi nháy mắt lia lịa và cánh tay mân mê nắn hộ Nguyễn cái cổ áo sơ mi bị bẻ quip lại đầu cũng từ ga Đồng Giao gì ấy, theo lời Nguyễn kể... Lúc ấy hình như chàng ngủ ngôi, đầu kê vào vai một người đàn bà xứ Huế. Cái người đàn bà ấy sở dĩ có sự thân mật với Nguyễn là vì cũng có tính cầu lợi; bởi vì đến Thanh Hóa - chỉ đến Thanh Hóa thôi - người đàn bà ấy sẽ được chiếm chỗ ngồi của Nguyễn. Rồi thì tha hồ mà rộng. Lúc mới lên tầu, toa chật ních người, nghe thấy thiếu phụ ấy nói tiếng trọ trẹ, Nguyễn đã lấu cá tuyên bố to lên là "Thưa cô chúng tôi chỉ đi tới Thanh Hóa" nghĩa là "Thưa cô, chúng tôi chỉ làm bạn - bạn đi đường - với cô được có một quãng thôi. Và rồi, chỉ trong vài giờ, cô sẽ ngồi luôn cả sang cái chỗ trống của tôi. Tha hồ mà rộng, cô ạ". Thiếu phụ né mình, khép lại nửa tà áo tím và đến Đồng Giao thì chàng và người đàn bà Huế đã gối lăn vào nhau mà ngủ, theo một chiều dọc. Đến bây giờ Nguyễn vẫn còn thấy

phảng phất trong lỗ mũi cái dư hương mùi dầu dừa đặc biệt của người xứ Huế.

Chùng như tỉnh một cái mộng xinh và nhỏ, Nguyễn hát hàm hời Mọi:

- Thôi, đi ra chứ?

- Ủ. Nhưng mà bao giờ lại ra?

- À, ra Hà Nội ấy à! Chưa biết được. Vui thì ở một tuần, nửa tháng cũng chưa biết chùng. Thế còn Mọi?

- Cũng chưa định. Nhưng mà mai kia, chúng mình còn phải gặp nhau trước khi đi Hà Nội. Thế nào chúng mình chẳng đến nhà nhau.

Nguyễn mới vụt nhớ là cùng ở một tỉnh, tuy hai nhà có biết nhau - ở một cái tỉnh nhỏ dân số lèo tèo, kể vào mặt tạm gọi được là gia thế, thì nhà nào mà lại không biết nhà nào - mà thực ra, Mọi và chàng chưa hề để chân tới nhà nhau bao giờ cả.

Chàng nhường cho Mọi cái xe tay đầu tiên chạy xộc vào cửa ga và gật gù nhắc lại:

- Phải đấy, chúng ta phải tới nhà nhau.

Đến cái ngã ba kia, có hai cái xe tay chia đường và có hai người giơ tay lên đánh lại một câu ước.

Chuông thành tỉnh, nện một tiếng boong, ghi lấy một bàn điểm của tỉnh nhỏ, bóng đèn lù mù và bóng người lù rù.

Ôi, hai người không thân nhau mà lại có cái nhây mời người bạn quen sơ sơ ấy lại chơi nhà mình thì cái sự tiếp đãi nó sẽ như thế nào? À, nó sẽ không khỏi như là bờ ngõ, như là ngượng ngịu. Chứ nó không thể như là cái gì khác thế được. Họ nghĩ lẫn vắn trên cái xe chạy.

Ngày ngày hôm sau, Mọi lại thăm Nguyễn.

Nguyễn cho vợ con ra chào.

“- Bác Mọi cũng vừa ở Hà Nội về chuyến tàu tối với tôi, mình ạ. Bác, là trưởng nam cụ Phán... a, cụ Phán ở phường đệ lục ấy mà”.

Tuy không biết người bạn chồng mình là thuộc về gia tộc nào - vì chồng kiêng không gọi tên cụ Phán sinh ra “bác” Mọi - vợ Nguyễn cũng à một tiếng và cười như là mình đã nhớ ra một điều gì lý thú và quan trọng lắm.

Ngày chiều hôm ấy, Nguyễn đáp lễ Mọi tại đại gia đình nhà Mọi. Lại cùng giới thiệu:

“- Thưa thầy mẹ, đây là bác Nguyễn, con cụ Ký Tú. Bác cùng làm ăn ở Hà Nội và về tàu cùng với con một chuyến vừa rồi”.

Cụ Phán ông gật đầu, với một tiếng “à” vì cụ nhớ lại rằng ông cụ Ký Tú ấy cũng là chỗ bạn đồng liêu cụ, cùng ở một tỉnh, cùng thờ một cái chính phủ Bảo Hộ như mình. Và bây giờ cũng đã về hưu. Giờ con cụ Ký Tú lại là bạn của con mình! Tre già măng mọc, vui

thay lẽ trời! Cụ bảo Mọi rót nước và cụ mời Nguyễn ngồi ngay vào cái ghế đầu sát chỗ cụ đang bắt chân chữ ngũ.

Cụ Phán bà nhỏ bãi cốt trầu xong, liền cất tiếng giọng rất hiền từ: “Quý hóa quá. Anh em cùng tỉnh đi xa, lúc về lại biết rủ nhau cùng về một lần”.

Nguyễn thấy bà cụ sinh ra Mọi có vẻ một người mẹ hiền và nghe một câu hồn hậu như thế, chàng trong sự thực, chàng không muốn cụ Phán bà bị lừa, - lừa người già yếu là một điều hèn lốn, chàng muốn đứng dậy cãi chính ngay rằng Mọi và chàng, chỉ ngẫu nhiên mà cùng về chung một chuyến tầu đày thôi, chứ không hẹn hò gì như cụ đã tưởng lầm. Chàng lại còn muốn nói rõ thêm rằng, chính ngay ở giữa “đất Hà Nội”, Mọi và chàng cũng chưa từng có biết tới nhau là ai nữa. Và hôm nay được cùng “anh Mọi nhà” gọi nhau là anh em, thì cũng là một sự rất mới mẻ quá cho chàng vậy.

Chàng định nói to lên những câu như thế, nhưng rốt cuộc chàng chẳng nói gì cả.

Chàng chỉ ngồi hấu chuyện trong bầu không khí im lặng có thể làm chết được cả người nói chuyện lẫn người hấu chuyện.

Thình thoảng, chàng ngó ngoáy cái cổ, đưa cái đầu xoay theo cái trục cổ qua phía trái qua phía phải. Và

dán cặp mắt khổ sở vào những đôi liên giấy và cái bức trường hàng tơ thêu chỉ kim tuyến, có những chữ Hán rất tốt, rất khỏe, rất bay bướm, nói đến cái việc cụ Phán thân sinh ra Mọi được từ đây về hưu trí và từ đây làm bạn với vườn hoa cây cảnh - vườn nhà cụ Phán, ngoài kia cửa sổ, có dăm cây ớt mọi và mấy bụi tử tô.

Nguyễn bèn đứng dậy xin phép về. Chỉ có ra về mới kết liễu cho được buổi hầu chuyện nặng nề này. Mọi, chừng như chỉ chờ đợi có thế, vội tươi hẳn mặt lên, đon đả đưa Nguyễn ra cửa và nói riêng: “Chúng ta nên đi lại với nhau luôn luôn”.

Khách đi rồi, cụ Phán bà bảo con: “Này Mọi ạ, mẹ cứ thấy người ta đồn ầm lên rằng bác cả con cụ Ký Tú đảng ấy là người chơi bởi ngỗ ngược lắm. Lần này mẹ mới được gặp, thì xem người cũng thủy mị và ngoan lắm. Ấy, những người như thế, nên đánh bạn lấy mà chơi. Chứ mẹ xem ra, ở chỗ tỉnh thành lớn, bây giờ người thì ít mà cái giống tai quái thì lại rất nhiều lắm đấy con ạ”.

Sau cái buổi đầu để chân tới nhà nhau, Mọi và Nguyễn vẫn còn đi lại thăm nhau đôi ba bữa một lần.

Rồi có một hôm, ông bà thân sinh ra Mọi đã giữ riết Nguyễn lại, bắt chàng phải ăn cơm ở đây và rào đón trước một câu từ chối, những bậc đứng tuổi ấy đã bảo Nguyễn rằng ở vào buổi đời mới này, người ta nên

tự nhiên, không nên giữ lối khách sáo như ở thời cổ nữa.

“Với lại đảng này và trên cụ nhà ta, cũng như một nhà”, cụ Phán bà cười và nói thế.

Nguyễn hơi ngạc nhiên. Chàng không thể hiểu được nghĩa một câu nói thân mật quá như thế. Sao lại là như một nhà được? Đâu có dễ thế? Mãi đến lúc cụ Phán ông nói thêm vào thì Nguyễn mới hơi vỡ lẽ.

- Bác Nguyễn... bác Cả này...

Nguyễn hơi mỉm cười: bây giờ người ta đã kiêng tên tục chàng và lại lấy cái vị thứ của chàng ở gia đình chàng ra mà hô. Chàng liên tưởng đến một thói tục ở chỗ thôn ổ hay lấy tên con mà điển thay vào tên tục người cha, kèm vào sau một cái chữ Nhiều. Nhiều Nguyễn! Cả Nguyễn! Những cái thí dụ ghép tên ở trong trí Nguyễn làm chàng có những cảm tưởng vui nhẹ.

“- ... Bác Cả không biết chứ cụ đảng nhà và tôi khi còn làm việc bên Tòa với nhau, thường hay ngồi gần nhau lắm; những khi có tiệc yến trong dinh ba quan lớn tỉnh và lúc về chơi các vùng phủ huyện những ngày lễ hoặc chủ nhật cũng thế. Cụ nhà không uống được rượu như tôi nhưng được cái vui chuyện lắm. Cụ biết rất nhiều chuyện cổ tích về lúc quan Tây mới sang”.

Mỗi lúc thấy cụ Phán ông hơi ngừng, Nguyễn dà một tiếng chen vào câu chuyện.

“- ... Như tôi và cụ nhà đã đi lại với nhau, rồi bây giờ Mọi ở nhà này và bác cũng lại kết thân với nhau, cái lối giao tình từ đời nọ được kế tiếp theo đời kia, người Tàu ngày xưa gọi như thế là thế nghị. Nếu các con bác và nếu các cháu tôi - ấy bác cũng nên khuyên em Mọi nó lấy vợ đi thôi - mà lại cũng ưa nhau và giao du lẫn với nhau nữa thì các nhà gia thế lại gọi như vậy là tái thế diệt. Thế nghị là đáng quý lắm. Bây giờ thì thói tục đó có mấy nơi giữ được, trừ phi ở mấy nhà gia thế còn phưởng phất cái mùi Nho học thôi.

Nguyễn lại dà.

Nguyễn và Mọi có một phút nhìn trộm nhau. Ra họ chẳng hề nói với nhau một câu nào. Họ chỉ cảm như hén, ngồi ngấm nhau để trong lúc ấy, thì các bậc cha mẹ nói rất nhiều cho họ nghe. Họ thấy như thế là hồng. Định chơi với nhau mà lại cứ giao thiệp quanh quẩn trong hoàn cảnh đại gia đình thì thực là thất sách quá.

Tan bữa ăn, lúc Nguyễn xin về, cụ Phán bà còn nèo Nguyễn lại hỏi thêm một câu chuyện mà Nguyễn không biết đăng nào để trả lời.

- Như cụ nhà ta giờ về hưu, mỗi kỳ lương hưu trí chắc cũng nhiều lắm? Mỗi kỳ lĩnh bổng thế nào chả

hơn trăm rưỡi bạc? Chắc cũng như ông Phán nó nhà tôi đấy chứ gì?

Ra đến ngoài đường, Nguyễn thấy khoan khoái lắm. Chàng thấy mình trở nên tự nhiên. Chung quanh chàng chỉ có không khí bao la. Trên đầu chàng thì trăng sao vắng vặc. Mặt đất, bóng trăng tỏ tợ ban ngày. Ánh sáng trăng tỏ át cả ánh sáng đèn điện thành phố. Những chiếc bóng đèn điện mười lăm nến vàng ệch thật là bất cố liêm sỉ. Định độ sức sáng của mình lúc đó với một nguồn ánh sáng lạnh và xanh và loăng của mặt trăng cũng không sao đo nổi; thì cháy to lên làm gì để càng bêu diếu đến cái văn minh nơi tỉnh nhỏ này hở? Giá những buổi tối trời như thế này, sở lục lộ nên truyền lệnh cho sở máy đèn cứ tắt phụt cả thứ đèn ồm yếu này đi mà lại hóa hay kia đấy. Sự giao thông của một thành phố chỉ huyền não bằng cái huyền não của cảnh phố phủ lúc thu không thôi thì sự giao thông ấy, lúc tối cũng chẳng cần gì có đèn điện hướng dẫn, đã có bóng trăng thanh lững dừng ở trên đầu.

Không những thế, ngân quỹ thành phố lại đỡ được tiền chi phí về đèn trong ít ngày và ngắm phố phường người ta lại còn thấy ngoạn mục hơn.

Một đám xẩm soạn vít cần một cây đàn bầu cục mịch, ngồi ngay ở chân cột đèn, hát chõ lên cái bóng đèn điện mười lăm nển: “Ngửa trông lên anh đếch thấy có ra gì... Bục... bùng bùng... a rằng... anh chỉ thấy tôi sì cái bóng... a... đen...”.

Lông lộng trên chín từng mây, cái bóng dáng tròn rớt một tia sáng lạnh xuống một đôi mắt thao láo những lòng trắng cùi vại. Bóng trắng còn soi xuống những cái cổ chân và những cái đùi trắng hếu của một đám thiếu phụ trung lưu ở cái xóm bình dân này ngồi dãi thê ra đây lấy đèn nhà nước làm đèn nhà mình, chưa được nghe một khổ xẩm thì nào đã chịu đi ngủ cho đâu.

Bất giác Nguyễn nhớ đến cái cảnh yên nhàn một cách tẻ ngắt ở vùng quê, ở những cái làng mạc gần đường cái quan, vào cử mùa màng xong rồi, gặp tuần trăng sớm, tối đến, người ta kéo nhau ra tụ họp ngay trên đường cái chính xứ. Có người thì ngồi xếp xuống, quần tam tụ ngũ chán rồi thì lại thui thui trở về cái mái nhà tranh của mình ở những khoảnh vườn tàn mát bên dia đường, lấy những bóng đen cây cau chót vót làm đích dẫn lối cho bước chân lúc đêm khuya thanh vắng. Có người thì cảm thấy về nhà cũng không hơn gì là nằm ở quảng đường này; gió thì mát giăng thì trong, họ bèn ngả lưng luôn xuống lớp nhựa đường nhẵn thín rồi thiu thiu ngủ và ngủ luôn một giấc

thiên cổ. Vì sau lúc ấy thế nào cũng có một cái xe hơi 6 mã lực, 24 mã lực của một vị “ân nhân” nào đi qua, nghiêng chết họ một cách mau lẹ để giải quyết họ cho họ một vấn đề sống khó khăn và đầy túi thắm.

Nguyễn cảm thấy cái tẻ ngắt mệnh mông của đêm Thanh Hóa. Mọi đưa tiễn chàng ra tới đây, đã xa nhà đến hai ba trăm thước rồi mà cũng chưa chịu lui gót. Hai người lặng thinh đi cạnh nhau như một đôi trai gái lúc đã bén tình, chỉ nghẹn ngào mà nuốt nước dãi, sau một lời thở thốt nặng. Đáng lẽ Nguyễn mời Mọi nên trở gót về đi thì phải. Đưa nhau, tiễn khách ra về không nên tiễn xa quá. Sự lịch thiệp của con người ta cũng nên có chừng hạn thôi, không thì lại đâm ra giả dối ngay, đã nhiều người nhận thấy cái chân lý ấy. Thứ nhất là khi cái tình của hai người chưa lấy gì làm thân, chưa có một kỷ niệm chung đích đáng nào bảo đảm họ cho.

- Hay là nhân thể chúng ta đi đây, ta đi thẳng luôn lại hiệu cơm tây bán món một kia mà “làm” mỗi người một chén cà phê. Cho nó tiêu cơm. Tôi mời anh.

Lòng Nguyễn muốn như hơi mỉm cười. À, Mọi lại mời mình đi uống cà phê và y lại gọi mình là anh. Lần đầu tiên hai người uống cà phê với nhau trong quán và lần đầu tiên, người nọ gọi người kia là anh. Trước tới giờ, họ chỉ nói trống không, những khi phải xưng hô. Thế nghĩa là từ bây giờ hai người đã được chính thức gọi nhau là anh, bởi vì Mọi đã bắt đầu gọi

Nguyễn như thế. May quá! Và hay quá! Trước tới giờ Nguyễn mỗi lần gặp Mọi, chàng lúng túng mãi về cái điều xưng hô. Thưa ngài ư? Thưa ông, thưa bác? Khó quá!

Người hương cà phê chàng mở miệng:

- Anh Mọi uống ba hay là hai thôi đường?

Mọi chộp lấy phần đường của mình để trong lòng đĩa, bỏ ba cục vào chén và hỏi lại Nguyễn:

- Anh cũng ba hay hai?

- Tôi cứ dùng vào cỡ hai thôi rưỡi là vừa.

Mọi cau mày "Hai thôi, hoặc ba thôi, chỉ có thể thôi chứ sao lại còn *rưỡi* vào đấy nữa. Cái thằng cha Nguyễn tính cầu kỳ quá. Thực ở Hà Nội, cứ thấy nhiều người bảo hán là thằng lập dị, quả không sai".

Mọi dần lòng mà nhìn Nguyễn bẻ nốt một thôi đường, thả một nửa vào chén nước đen bốc khói. Mọi dần lòng như chịu lấy một nghiệp dĩ.

Chàng muốn tỏ lời công kích. Đáng lẽ phải công kích cái sự cầu kỳ đó. Nhưng nghĩ lại, Mọi nhận thấy dù sao mình với Nguyễn cũng mới ở vào cái buổi sơ đầu của giao du và, tất cả những người bạn ở trên thế giới này chỉ có quyền bắt bẻ nhau khi nào giữa họ đã có sẵn một trình độ thân mật mà thôi. Còn ra thì ai muốn làm thế nào, nghĩ thế nào cũng mặc, mình không có quyền dự đến. Cứ đòi dự vào đời riêng của

người khác với nét xấu với tật lớn và nhỏ của người ta khi mà mình không có một chút quyền tình thần, quyền tình cảm nào cả, như thế tức là sự tọc mạch xấu đó. Mọi vừa quấy cà phê vừa tự nhủ.

Tối hôm ấy, Mọi về nhà, suy một chén cà phê hai thỏi đường rươi chàng đã để ý đến cái trường hợp của “me-sù” Nguyễn. Nguyễn đã trở nên một trường hợp. Tối một hôm khác. Vẫn trong cái quán ăn ấy. Hai người lại uống cà phê.

Lần này Nguyễn đãi Mọi. Nguyễn đòi dài cho được. Mọi hôm ấy rúc đầu, muốn thoái thác. Nhưng chàng đã nhận lời mời, cốt để cho bạn mình gỡ xong một cái nợ miệng còn con và cốt để cho Nguyễn cảm thấy rằng Nguyễn là người xử thế đúng phép xã giao, trong trường ăn uống, phải nợ ai một tý thì canh cánh mãi bên lòng cho đến một ngày được đến trả lại.

Hai người kể đã là người lòi thối và cẩn thận quá. Hai con người cẩn thận và lòi thối ấy hôm nay lại uống cà phê, thì một người vẫn bỏ ba cục đường và một người nữa lại cùng vẫn bỏ hai cục rươi.

Cái tiệm cà phê ấy, thế mà cũng đông khách. Dù các thứ người các giới của một tỉnh lẻ lúc đi tiêu tiền.

Ấy là mấy ông Tri Châu ở đường ngược có việc phải về tỉnh. Ông thì khoe một cái bè gỗ cho trôi từ trên ngàn về đây. Ông thì xương trịnh một cây que chinh sơn vừa tìm thấy ở hạt mình.

Mọi và Nguyễn lại quay sang cái bàn bên kia, bên kia và xa xa nữa.

Ấy là đám người trẻ tuổi tóc mượt, áo sơ mi màu cào cào, đang ca tụng một thứ hàng tuyt-so ngoại quốc.

Ấy là vài ba viên chức công sở đang hỏi nhau ăn xong có nên vô trong thành đánh tổ tôm nữa hay là về nhà đi ngủ cho khỏe để ngày mai đi làm cho tốt.

Ấy là một đôi thiếu niên đang nói xấu bố mẹ, chê vợ là không có nhan sắc và cảm thấy cuộc đời là đáng buồn lắm, họ bèn ghếch những chiếc giấy véc ni không có tắt lên thành bàn ăn, ca tiếp rì rả một bài Vọng Cổ Hoài Lang, lấy dao ăn gõ nhịp vào thành cốc vại. "Coong dzan đành kêu sương... biếng Bắc.

Ấy là hai người ả đào tỉnh Thanh, đang nèo hai người du dăng kia cho mình đi theo vào Nghệ với "- Mai anh đi Vinh, các anh cho em vào *mấy*, - Không, các anh đi Hà Nội kia mà - Thế thì các anh ăn xong về nhà em hát, rồi sớm mai các em cũng đi Hà Nội *mấy*, đánh cho thực to rồi lấy tiền hồ ra mà chi hát anh ạ. - Thế nào em cũng ké cửa anh...".

Mọi và Nguyễn để ý nhất đến cái bọn láu táu kia đang bàn tán về việc sở xe lửa sắp cho ô-tô-ray đi qua Thanh Hóa, có đỗ ở đây và lại nhận cả hành khách nữa.

“- Thú quá nhỉ! - Thế nhưng mà bao giờ? A thứ hai và... - Ngày mai thứ hai đấy. - Phải rồi chuyến ô-tô-ray qua Thanh Hóa lần đầu tiên. - Tôi chưa thấy ô-tô-ray đấy, thế có quê không? - Thì tôi không đi nhưng thế nào cũng phải đi xem cho kỳ được. Máy giờ nhỉ? Chín giờ sớm! Được rồi...

*

* *

Sân ga Thanh Hóa, sớm hôm sau. Nguyễn đã đứng ở đấy để xem tàu cùng với những người khác nhan nhản đứng ở kia, mặt người nào cũng hí hửng một cách lộ bịch như cái mặt của một đám người lùn chơi hội tây.

Đêm hôm qua nghe người ta kháo chuyện ô-tô-ray trong tiệm ăn, Nguyễn về nhà trần trọc nghĩ ngợi đến cái ngày mình lên đường. Lại đi, phải đi, chứ ở thế nào mãi đây được. Cả đêm chàng nằm mơ thấy những chuyến tàu tốc hành vù vù lướt trong màn tối của những đêm phiêu linh ma quái nào.

Tỉnh mộng, chàng sấm sửa thật diêm dúa, đi tản bộ lên ga để xem một cái gì mà chàng tin chắc rằng sẽ gợi cảm vô cùng. Kia, Mọi cũng đang đứng kia. Không hẹn mà nên! Giữa một tốp người ngốc nghếch đang héch mải mắt lên đầu ghi phía bắc, tuy còn lâu

mới đến giờ ô-tô-ray tới. Đứng giữa họ, Mọi và Nguyễn đều cho nở vài cái cười tinh quái thay một lời chào nhau. Người ta đi xem ô-tô-ray có như là xem rước. Lúc tàu từ từ vào ghè có những người lùn kiểng mãi chân lên, tuy đứng tự nhiên thế, họ cũng thừa trông thấy tàu đến. Nó to, nó cao như thế kia mà. Có người đem cả con đi. Nặng trẻ lên. Đứa trẻ sợ hãi quá dùm cả hai chân hai tay lại như một con mẫn sắp bị quăng xuống đất. Thế rồi ồn ồn ào ào, cái tàu nhìn những người đứng đấy, mà từ từ đi tới và những người đứng đấy thì hơi tỏ vẻ thất vọng. Cái tàu đứng dừng lại. Ô, nếu vậy thì ra nó cũng chỉ là một cái tàu. Một toa đầu có máy và một toa thường móc theo, hai toa đều sơn trắng. Tàu không có ống khói và lại không chạy bằng hơi than đá. Lại chạy bằng nước xăng kia. Thế có bực không. Và nghe đâu nó đã chạy thì nhanh lắm, phăng phăng như gió.

Chiếc ô-tô-ray thấy người ta dị nghị mãi về mình một cách ngu quá, không thể chịu được nữa, bèn nổi hiệu còi đi thẳng về phía xuôi trông chừng xứ Nghệ mà tiến phát.

“Bi bùm! Bom!” Hiệu còi nghe lạ tai. Bao nhiêu người cười rộ và lại còn cứ đòi buồn cười thêm. Còi kiểng gì mà nghe như bò rống. Không mất công đi xem mà nghe lấy bằng chính cái lỗ tai của mình, “thì thực

cũng không biết thế nào mà nói kia đây các ông các bà ạ”.

Người ta ở ga kéo nhau về, như là cảnh tan rập tuồng. Giấy lê dép lết, và guốc Sài Gòn lóc cóc gõ xuống mặt nhựa đường. Nghe đến là mất dây.

Có những người chậm chân quá, lên gần tới ga thì tàu đã đi mất rồi phải bỏ quay về với cái chạc lười ăn năn như mình đã bỏ lỡ mất một cơ hội để làm người.

Mọi và Nguyễn nhẩn nha đi theo đám người bình dị này, nhận chân thấy cuộc đời ở đây nhẹ nhõm và nhạt nhạt, một ngày qua cũng tựa như một ngày sắp đến, và một ngày qua thì cũng là cái hình ảnh một ngày của mãi mãi. Bất giác Nguyễn làm một việc so sánh và tự hỏi nên sống ở đây cho nó nhàn cái thân hay là cứ nên sống ở cái thành phố lớn kia, lúc nào cũng phải lấy ngay cái thân mình ra mà thí nghiệm một cách đau đớn và mệt nhọc. Ở đây người thì lành của thì rẻ, gần rừng, gần bể tôm cá nhiều, gỗ nhiều, quế nhiều; có sẵn tài hoa thì không phải thực nghiệm hoặc chứng tỏ và người thiếu tài thiếu cả học thì vẫn có quyền sống một cách đầy đủ và tự túc nữa. Ở đây không ai phải làm mich lòng ai, bởi vì ai ai cũng đều giống nhau, ở đây mưa và gió đều có chừng hạn; sự tiêu pha cả về tiền và tâm lòng đều có chừng mực; hồ mấy ai đã nghĩ đến cái say sưa của một đời sống nguy hiểm, ấm lạnh vô thường.

Ăn ngủ trước mắt Nguyễn và Mọi, đôi vợ chồng kia vừa dềnh dàng ra đường, vừa nói chuyện.

- Thế này thì ví dụ mình và tôi hôm nào vào thăm ông ngoại ở trong Vinh kể cũng tiện lắm đấy nhỉ?

- Chín giờ ô-tô-ray mới chạy, chúng mình ăn cơm sớm vào đến Vinh đúng mười hai giờ; không phải ăn uống gì nữa. Ở chơi với ông đến hai giờ chiều lại ra tàu, bốn giờ rưỡi đã về tới đây. Lại vừa đúng bữa ăn cơm chiều. Mà cứ kể thì cũng chả cần phải nhờ đến cụ Tư ở bên cạnh sang trông hàng họ. Bảo chú Chín chú ấy ở nhà, không ra sở Đạc Điền một buổi thì đã làm sao.

Cả một ngày rằm tháng tư năm 1940, chuyến ô-tô-ray thứ nhất chạy qua Thanh Hóa đã là một câu chuyện thời sự nằm sẵn ở đầu lưỡi mọi người ra về thành thạo ở đây.

Đoàn ô-tô-ray đã đi qua.

Người ta nhắc đến nó ở ngã ba đường cái, ở xóm Nhà Giồng, ở hiệu cao lâu chú Lit, ở sở Ba Bò, ở vườn ông Me Sừ, ở Ty Phiên - Ty Niết, ở xóm Cầu Chanh, Quán Giò, Cửa Hậu và vân vân.

Đối với cái tỉnh hiền lành và xinh xắn này, cái ngày có một cái tàu mới chạy qua tỉnh, quả đã là một niên hiệu có cái giá trị của một niên hiệu lịch sử. Nó cũng làm cho người ta nhón nháo lên như một ngày hai mươi ba tháng năm Ất Dậu của Huế thất thủ.

Mọi và Nguyễn một tối gần đấy tung chuyện nói cho nhau nghe, Mọi Nguyễn lại cùng nhau gọi đến một vài ngày khác của dĩ vãng tỉnh này, nó om. sòm. quá như thế này; nghĩa là hàng phở đầy đường, đám tôm cua cò cá che kín mặt hè và người ta mỗi khi ra đường là y như lại cứ va phải một bác bếp khố xanh say rượu và nói bấn.

- Anh Nguyễn có còn nhớ cái lần mà có quan Thượng Reynaud ghé tỉnh mình và đi xem cái đập Bái Thượng không?

- Hừ, dẫu đã ghê bằng cái chuyện đức Tiên Đế ngự giá bắc tuần có ghé ở đây. Năm Mậu Ngọ, phải rồi.

- Tức là 1918. Thế nhưng mà cũng chưa tợn bằng cái chuyện ông *Dốp* ở Tây qua Đông Dương, nhất định đến đây thăm cái cảnh cũ, bắt bầy lại trận Ba Đình và gọi ông Đội Vinh ra mà ban cho mẽ-day Bắc Đẩu ấy mà. Hồi xưa lúc nhà nước Tây chưa đặt xong cuộc bình định ở đây, ngài Joffre mới chỉ là ông quan ba của toán quân giao chiến với các cụ Văn Thân và lúc bị thương thì ông cụ Vinh công ngài chạy. Hình như cái ông cụ Vinh gác nghĩa địa tây mất rồi thì phải.

Mọi và Nguyễn cũng đều cảm thấy cái vô vị của những mẩu chuyện đại loại như thế. Nhưng hai người thỉnh thoảng vẫn cứ phải dùng đến để lừa đôi phút hiện tại. Chẳng nhẽ gặp nhau mà không nói chuyện gì thì nó cũng trơ trên quá. Mà nói lên thì hai người

lại càng cảm thấy cái đĩnh đoảng của phút tuy sống chung mà tâm trạng mỗi người thì đều ở riêng một thế giới tư tưởng của mình. Cái thái độ ấy thực không xứng đáng chút nào với cái nhân phẩm của hai người này về mặt tài đức. Đáng lẽ họ phải chuyện trò với nhau một cách khác kia. Mọi vẫn có tiếng là một người học rộng, ở Hà Nội chàng đã nổi danh là một cuốn Bách khoa tự điển sống. Cái học của Mọi không những đã có bề sâu, mà lại còn đáng kể ở bề rộng nữa. Ở một vài cái tiểu đoàn trí thức nơi Kinh sư, Mọi đã từng lưu được cái tên mặc dầu cái tuổi của chàng chưa là mấy. Người Mọi trẻ nhưng não Mọi đã chín lăm.

Kém Mọi về mặt học, Nguyễn lại hơn bạn được một chữ tài. Nguyễn là người sinh ra để mà thờ Nghệ Thuật. Nghệ Thuật với hai chữ hoa. Người ấy quý Nghệ Thuật hơn cả cái thân mình. Bảy tám năm nay ở Hà Nội, Nguyễn mưu sinh bằng Nghệ Thuật và sống cho Nghệ Thuật. Việc ấy tuy không có giấy tờ nào của nhà đương chức thông báo đi trong toàn hạt nhưng đa số chung quanh đều biết cả và công nhận cho việc ấy là một chuyện có như thế.

Để được gởi cái sở năng mình vào một công cuộc gì, trong mấy năm trời ở chỗ Kinh đô ánh sáng, Mọi đã cho trưng cái tên mình vào một vài tập nguyệt san. Mọi đang theo đuổi việc phát huy tinh thần nước bằng

những tìm tòi tỉ mỉ và suy luận hằng ngày. Công việc trước thư lập ngôn có một chương trình vững chắc ấy đâu cũng đã có bóng mây hơi nước đến cả đến những chỗ thanh khí nhiệt huyết hẻo lánh. Và từ đấy, những cảm tình độc giả ở chỗ xa xôi đều lấy làm trọng cái tên ký Mã Giang Khách - một biệt hiệu của Mọi. Người Khách Sông Mã quả đã là một người trẻ tuổi có cái học sáng suốt đủ làm quảng cáo tốt cho tỉnh Thanh Hóa quê hương.

Trong khi ấy thì cũng ở Hà Nội, Nguyễn đã làm những cái gì để cho mỗi ngày đi qua không đến nỗi là một sự hoang phí, một cơ hận tiếc?

... Chàng sống!Chàng chỉ sống. Chàng đã dám sống. Nghĩa là chàng muốn chứng tỏ ra mình đã được là mình. Nguyễn đã lấy cuộc đời làm một chỗ thí nghiệm. Thí nghiệm bằng cả một kho tình cảm phong phú của mình, thí nghiệm bằng cả một quãng hoa niên tươi thắm của mình.

Những cuộc thí nghiệm thành thực và can đảm thường để lại vô khối là sứt sẹo trên thân hình một cái trí tuệ muốn ngược lại dòng chúng nhân, muốn vượt ra ngoài những khuôn sáo hèn nhát.

Tuổi hoa niên đã đi qua.

Thành Kính và Tin Tưởng cũng đã đi qua.

Bây giờ lòng Nguyễn mệt mỏi. Ở trong một người mệt mỏi ấy, tin thành đã nhường chỗ cho khô cạn và ngờ vực.

Cuộc thí nghiệm nào cũng trị giá rất đắt.

Và có một lúc, người ta không thể trì hoãn được món nợ đã tới kỳ phải thanh khoản.

Nguyễn đã trở nên hoài nghi và cay cú với nổi sống. Từ một người trẻ tuổi bình dị, Nguyễn đã thành một kẻ có một tâm hồn phiền phức đến điều. Chốc buồn đấy, chốc vui đấy, ngủ lúc đứng, ăn lúc nằm, đi tán bộ trong cơn mưa rào; khi không, tại một tiệc thọ vui và đông lại đi khóc một người cố hữu đã khuất bóng từ bao giờ và gọi ra toàn những chuyện đề chủ cùng mũ mấn áo trăm thoi giữa một tiệc cưới mà thực khách đều mặc toàn áo gấm chần. Với Nguyễn, những điều như thế, kể sao cho xiết.

Người chung quanh thực đã đến lúc không chịu được Nguyễn. Người ta không e dè nữa; người ta đã bất bình mà nói thẳng vào mặt Nguyễn rằng trước mặt họ, chàng là một cái bấu nhon, nếu chàng chưa hẳn là một cái đinh, một cái gai. Trông chừng mắt lắm. Phải nhổ đi, nếu đôi bên còn muốn sống chung với nhau để mà "lâm ăn"!

Nguyễn cũng thừa biết rằng giữa chàng và chung quanh, thực khó lòng mà có được sự hòa thuận. Cái hố cách biệt mỗi ngày một rộng thêm mãi. Như thế

này sẽ đưa đến cuộc ly dị. Muốn “cho được mình vẫn là mình” Nguyễn cứ phải găng mãi với chung quanh. Phải đương đầu. Phải khai chiến. Phải đánh nhau với chung quanh. Nguyễn vẫn bướng bỉnh. Chàng vẫn còn sung sức. Chàng tin chắc ở chàng, không sợ hãi chút nào.

Và chưa bao giờ chàng nghĩ đến chiến bại.

Bởi vì chàng thấy mình còn khỏe lắm, răng khỏe, miệng khỏe, chân khỏe, óc khỏe, chàng vội cần gì đến đời. Đời, chung quanh chàng, nếu cứ như thế này mãi thì chán mớ đời!

Bao giờ tôi và yếu tràn ngập thân thể, bấy giờ sẽ hay.

Lúc bấy giờ có lẽ - có lẽ thôi - Nguyễn sẽ trông vào độ lượng của cuộc sống. Chàng sẽ bớt kiêu hãnh, bớt kênh kiệu, chàng sẽ nhượng bộ ít nhiều. Rồi có khi chàng còn phải đi ăn mày lấy cảm tình của chung quanh nữa kia. Để mà níu giữ nổi được chút ít tình cảm riêng của mình. Cái lúc suy yếu, biết đâu!

Ngay bây giờ, nếu chàng muốn được yên thân thì thực cũng chẳng khó gì. Chàng chỉ ngó ý giảng hòa với chung quanh một tiếng thì tất cả mọi người lại nhận chàng ngay. Người ta chỉ yêu cầu chàng có một điều là chớ nên làm khác với chung quanh. Phải sống với chung quanh. Làm khác, nghĩ khác tức là giặc, là không thể làm thế được.

Ở một chỗ mà mọi người đều cho cuộc đời Tạo Hóa đã an bài đến như thế này là “cử” lắm rồi, ở một chỗ mà mọi người đều lấy làm hả hê với số phận, ai để yên cho “hắn ta” dấy loạn? Cho hắn ta làm khác? Thôi, nên hòa đi, nên nhường đi.

Những lúc này Nguyễn đã cần gì đời. Bao giờ phải cần đến sự dính chung của thế nhân thì sẽ hay. Đời cái thằng Nguyễn ngỗ ngược và can đảm này dẫu sao cũng còn dài đằng đẵng, đã lấy gì làm vội, đã lấy gì làm chậm!

Vậy là Nguyễn cứ tin ở điều mình nghĩ và trên con đường đời, y lượm những hòn đá thực to ném lung tung, bất kể là trúng đích hay là trật sang bên cạnh. Chàng hãy cứ biết là phải ném đá. Chàng ném đá vào dẫu vào mặt rất nhiều người. Cả người quen nữa. Có nhiều hòn lại dính cả máu người thân trong nhà. Viên đá quăng, có khi là tỏ một tiếng cười phẫn, nhưng thường thì đều là những lời khóc than.

Chàng đã cúi xuống nhặt những viên đá tai mèo cạnh dóm dóm máu và tự nhủ rằng “rồi một ngày kia ta sẽ có dịp xây dựng nên một cái gì bằng những hòn đá có thương tích và tang chứng đỏ ngòm này đây”.

Thế rồi, cũng như những người khác ti toe, chàng cũng trước thư lập ngôn. Chẳng lập công, chẳng lập đức - ở cái thế kỷ “bố lão” này, ai dám cả gan nói đến chữ đức? - chàng lập ngôn vậy.

Ngôn của Nguyễn lũng ca lũng cũng dấm dẩn cứ như dấm vào họng. Đọc đến, nghĩa tôi quá lời sấm ông Trọng. Người ta càng đọc, càng không hiểu Nguyễn định nói cái gì với chung quanh. Văn gì mà câu kỳ quá, kênh kiệu quá và chẳng có chương tiết nào là hồn hậu cả. Người ta “kêu văn hấn không có hậu”. Nghĩa là nếu Nguyễn có viết một cuốn *Kiểu* thứ hai lẽ tất nhiên là không bao giờ có cái đoạn Kim Trọng tái hợp ! Ở cái thời và cái xứ Nguyễn đang sống, người ta xét lời của sách có như là phê bình thơ bát cú Đường luật về quăng hậu bán thập cửu thế kỷ, nghệ thuật chưa hả hết mùi luân lý của thời đại.

Có những vị độc giả, muốn làm được một điều thiện rất ngu, rất kịch côm và rất hời giá đối với tác giả, đã bảo thẳng vào mặt Nguyễn rằng muốn có *nhiều độc giả* thì “Chúng tôi xin ngài nên giản dị và sáng sủa cho nhiều nhiều vào”.

Một người bạn đồng nghiệp có địa vị ngồi một chiếu cạp điều riêng trải ở giữa làng văn, lúc đọc sách chàng đã phải đeo đến hai cặp kính tuổi trông lên nhau mới nhìn thấy mặt chữ, đã nói kháy tác giả, lúc tan một buổi họp thảo luận dự án về thể lệ Hội Nhà Văn.

- Tác phẩm của tiên sinh quả là đi trước thời đại, e những người đồng thời của tiên sinh không theo

ngang cho kịp được. Nên kìm cái đà của mình lại thì có hơn.

Nguyễn cũng biết ông bạn già có ý nói mát mình; ăn miếng phải trả miếng, chàng cũng lạm mượn luôn một câu của một danh sĩ kia mà kinh đáp:

- Thừa tức hạ, bỉ nhân cũng ngờ rằng độc giả của bỉ nhân chỉ rải rác ở tận tương lai thôi. Những lời tức hạ chỉ giáo, bực này xin cảm ơn lắm.

Thế rồi bất chấp những lời chỉ giáo ấy, Nguyễn cứ lập ngôn một cách bướng bỉnh. Đời nó ngu thế, không bướng thì sao có được? Chàng đã thành thực trong cái bướng bỉnh, thành thực cho đến sống sượng, cho đến phủ phàng. Sự thành thực tàn bạo ấy đã làm cho người chung quanh lấy làm tưng tức và từ chàng.

Nhưng cả một nỗi hậm hực của chung quanh cũng chẳng làm cho chàng thay đổi chiều mà phát ngôn. Bởi vì Nguyễn tin sự thành thực là một đức tính, là một quan điểm của nghệ sĩ chính hiệu.

Nguyễn đã dùng một quyển sách in để tỏ rõ cá tính mình. Cuốn sách đã đánh dấu sự chàng có mặt ở cuộc sống này - một cuộc sống đầy bất mãn và uất kết của người trong cuộc, phản lại nỗi lèm nhèm lệt đệt, lơ mơ, luộm thuộm và bằng lòng của tất cả chung quanh.

Lúc Nguyễn mới giao thiệp loàng xoàng với chung quanh, người ta đã không chịu được chàng rồi. Bây giờ Nguyễn lại “làm sách” để ghi lại những cái lỗi bịch mà sự chung đụng mỗi ngày càng vạch rõ thêm, người ta lại càng không thể tha thứ cho chàng được nữa.

Có người đòi đánh Nguyễn.

Chưa bao giờ Nguyễn thấy mình cô đơn đến thế.

Nói cho thực, có một người vẫn còn chút công bằng đối với Nguyễn. Người ấy là Mọi.

Mọi không muốn a dua, không muốn thiên lệch và lại còn muốn lân tài nữa. Nhưng chết một nỗi, cái tài ấy lại là Nguyễn. Nguyễn lại là người không cho ai thương mình. Tài vốn hay tự phụ mà lòng tự phụ của Nguyễn bấy lâu nay đã thành một câu ngạn ngữ. Mọi thừa tư cách để bênh vực Nguyễn ở trước mặt mọi người, ở những nơi hội họp lựa lọc kỹ, quý hồ là Nguyễn có tìm tới mình để than thở với mình ít ra là một lần, bằng một giọng thân mật.

Mọi cũng là một người giàu lòng tự ái lắm. Chàng muốn người bạn cùng tính với mình phải khuất phục mình đi một chút và phải tìm lấy một dịp phải chăng nào để nhận mình cũng là một cái gì ở cõi đời này. Mọi nhất định tin mình cũng là một bó đuốc. Về một câu chuyện tự ví mình là một bó đuốc, đến bây giờ

mỗi lúc nhớ đến, Mọi vẫn lấy làm cay cú mãi với Nguyễn.

Đâu một lần có một người hay đôi co mách lẻo, đã bảo Mọi rằng “Thằng Nguyễn nó có nói chuyện đến anh, nó cũng nhận anh là một bó đuốc thực đấy. Nhưng nó bảo cái bó đuốc ấy chỉ đủ dùng để bắt một con ếch ở một thửa ruộng đêm xâm xấp nước thôi”.

Chẳng biết Nguyễn có ý bắn tin ấy cho mình để châm chọc khinh thị mình, hay là chỉ nói để mà nói theo một cái tính quen trào lộng - nhưng nghĩ đến, Mọi không thể không giận và không báo thù được.

“À ra nó lại khinh cả mình”.

Tính Mọi dễ dãi và lại hay nhún nhận và thích đánh bạn. Đối với những người quen biết vương phải sa ngã, chàng hay viện những trường hợp giảm đáng ra để bào chữa cho họ. Chàng không giận đối ai được lâu. Một chai rượu bé của một buổi ăn tạ lỗi là đủ gột sạch hết phiền giận cũ khỏi lòng chàng. Mọi thường lấy cái nghĩa trung dung ra làm cái đạo xuất xử ở đời. Chưa hề bao giờ chàng đứng vào thái cực để nhìn tới một cái gì ở chung quanh.

Đời chàng vậy mà cũng có vài cái mộng.

Nhưng chưa bao giờ chàng dám mơ ước đến những cái to tát mặc dầu chàng cũng biết rằng những cái hoài bão hùng vĩ ấy chỉ là những vọng tưởng vui vui cần có, để giữ mình trong cái sống khó khăn và đăm

đam này. Chẳng vốn không quen với những cái lỏng lẻo.

Về quan niệm nhân sinh, Mọi chủ trương rằng sự nghiệp con người ta là nên *hoành* chứ không nên *tung*. Tung thì nó vang dội ầm lên một thời nhưng không bền bằng hoành. Mọi muốn tỏ hết cái khôn ngoan của mình khi nói thế.

Không ai chối cãi rằng Mọi không phải là một người khôn ngoan. Chẳng lại khôn quá nữa kia. Trong cuộc sống riêng của Mọi, vì khôn ngoan quá mà chẳng đã làm mất hết cả cái thú của việc mình tìm mình. Mọi khôn quá thành ra hèn nhất.

Đời chàng xếp tính gọn quá, thành ra không có một cái gì là bất thành linh cả. Cả đến những văn phẩm của chàng về mặt tiểu thuyết cũng thiếu hẳn cái đẹp của đột ngột. Những công trình ấy rất thông minh nhưng vẫn thiếu sôi nổi của cảm hứng mạnh, thiếu những hơi thở nồng.

Mọi là một người công chức cả đến trong công việc sáng tạo - cái công việc duy nhất có thể lưu một cái tên mình cho nghìn sau.

Những nhân vật, những anh hùng, anh thư trong tác phẩm Mọi, người nào cũng cẩn thận suy tính và khôn róc máu. Văn vốn là người. Ở hơ.

Nguyễn đã rẻ rúng Mọi. Vậy mà có lần Mọi lại làm thơ nữa. Con người như thế mà cũng bất thiên hạ in thơ mình thì có gan dạ không? Đọc tập thơ Mọi,

Nguyễn đã lấy làm khó chịu quá. Chàng phản xuống một câu:

- “Thơ gì mà cục gạch thế này?”

Câu ấy chưa ác bằng câu này:

- “Hắn nếu có bỏ nghiệp văn theo nghiệp võ, làm đến Đại tướng thì có mặt kiếp cùng không dám hành binh bằng một cuộc đại tấn công nào. Chỉ có đánh úp vật vất mà thôi. Y như những cuộc chiến tranh sài mòn ở Y Pha Nho hồi Nã Phá Luân thời Đế Chính thứ nhất”.

Câu ấy lại lọt vào tai Mọi. Lại giận nữa, lại thù nữa. Nhưng Mọi vẫn tự an ủi mình rằng những cái tài ở cùng một thời và một nước, lẽ thường là ít chịu phục nhau và dễ dèm pha nhau lắm. Trời đã sinh Mọi, sao còn sinh Nguyễn!!!

Ở Hà Nội, nhiều ngày đẹp như nạm xà cừ, buổi sáng cũng xanh đỏ trắng tím vàng, buổi chiều cũng xanh đỏ trắng tím vàng. Nhớ đến quê nhà Thanh Hóa, Mọi không thể ngồi yên mà làm việc được.

Chàng đội mũ đẹp đi ra đường.

Chàng muốn tìm một linh hồn bầu bạn để gạn sẻ vui đi một chút lòng quê.

Chàng nhớ sang bên phải, chàng nhớ sang bên trái, chàng nhớ tới Nguyễn.

Ồ, cái thằng Nguyễn là một tâm hồn thi sĩ. Nó lại cũng đã sống nhiều với Thanh Hóa. Tìm nhau để ăn

một cái gì, xem một cái gì, uống một cái gì. Vào khoảng hai tờp, vào khoảng hai miếng, hai người sẽ nhắc đến dăm bảy cái kỷ niệm củ ở tỉnh nhỏ quê nhà nhĩ!

Đáng thương hại thay! Những người đi xa khỏi cố hương mà lại không có lấy ít ra là một người bạn ở cùng tỉnh với mình để mà nhắc nhm đến chốn chôn rau.

Mọi thành thực muốn cầu thân. Chàng liền đi tìm Nguyễn.

Chàng đã co cong ngón tay trở lên, định gõ ngay vào tấm cửa nhà Nguyễn tờp.

Nhưng Mọi lại bất giác nghĩ đến cái thái độ khinh bạc của Nguyễn. Chàng ngập ngừng rồi đành phải quyết định. Mạnh bạo, Mọi lại đặt mũ lên đỉnh đầu rồi đi thẳng con đường của mình.

Ánh sáng ngày vui lọc qua những vòm lá cây sâu mọc bên thông củ. Tia sáng ngày đẹp lọc qua lớp lá xanh trong thm xuống đường rộng, thm vào lòng Mọi đang cời mở. Chàng muốn trở gót lại gọi: “Nguyễn ơi! Bao giờ hai ta được gần nhau cho đỡ mệt trong sự sống?” Nhưng giữa Nguyễn và chàng vẫn day dứt mấy câu chuyện về “bó đuốc bắt ếch”, “câu thơ cục gạch”, “và những cuộc chiến tranh sài mồn ở xứ Y Pha Nho”. Thế này thì quá lắm, Nguyễn ạ.

Mọi đành cứ để nguyên bộ quần áo đẹp quá như thế mà đi chơi một mình. Buổi chiều ấy chàng ăn tiêu

vung lên như một câu học sinh mượn tiếng đi du học phương xa gặp ngày cha mẹ gửi cho một tấm măng-đa thừa thãi.

Tiền vung lên đã hết, Mọi mới buồn rầu khi phát mình ra được một sự thực rất ghê gớm là cái bọn cầm bút chúa là hay đổ kỵ lẫn nhau.

Ông nào cũng một chứng một tật. Không ai chịu ai cả. Trong cái chính phủ Cộng Hòa của Văn Học, ra chưa có bao giờ người ta hòa thuận cả.

Từ cái buổi cầu thân hụt với Nguyễn, Mọi yên chí rằng không bao giờ hai người còn có thể gần nhau được nữa. Chàng đã đi quá sự chịu khó rồi.

*

* *

Nói cho đúng thì thỉnh thoảng hai người cũng có dịp bắt tay nhau ở những nơi đông đúc.

Ở một tiệc cưới, ở đuôi một đám ma, ở cửa một hý viện hoặc ở gian hàng sách tây những ngày có kỳ tầu Pháp mới tới.

Có lẽ hai người đã gặp nhau nhiều nhất ở cái cửa hàng sách bán báo tây này. Hai người niềm nở bắt tay nhau.

- Ông Nguyễn lâu nay có về Thanh Hóa không?

- Kìa, ông Mọi. Tôi mãi chọn báo không nhìn ra ông, ông thứ lỗi.

- Lâu nay ông có năng về Thanh không?

- À... không ông ạ... ô, thế ra ông cũng không hay về. Vậy chắc hai cụ ở nhà lại phải năng ra chơi với ông?

- Hay là mai kia chúng ta cùng hẹn nhau về chơi Thanh một chuyến. Ông Nguyễn nhỉ? Ông nghĩ sao?

- Cái việc đó tôi cũng chưa từng nghĩ tới. Có lúc tôi cũng mong được như thế, nhưng tính tôi bất thường và bất định lắm. Chưa bao giờ tôi định trước được lấy nửa ngày, trước khi đi. Tôi đã đi thì dừng một cái là tôi đi thôi ông ạ. Tôi đi đâu - giả thử có đi đến ngoại quốc chẳng nữa - thì cũng chỉ có cái cặp nhỏ, cùng giả lắm là một cái va ly. Gọn lắm, ông Mọi ạ.

Nguyễn cười rất xã giao rồi lại cúi xuống chọn tiếp đồng báo mới.

- Nay ông Nguyễn, tôi nói thực với ông, đến ngày kia tôi về Thanh đấy. Đi bằng ô tô nhà. Tôi sẽ lại đón ông nhé? Về một mình trong ấy, tôi không có ai là bạn tri âm cả. Buồn lắm.

- Không có tri âm thì cũng là đáng buồn thực. Nhưng này ông Mọi, ông tưởng chỉ có một mình ông là không có tri âm thôi hay sao?

Còn vô khối người khác cũng bị khủng hoảng về bạn; có lúc cô quạnh quá tưởng có thể lăn đùng ra mà chết ngay được. Nhưng tôi chưa thấy ai chết vì thiếu

bạn cả. Trái lại, tôi chỉ thấy người ta chết vì “đã” có nhiều bạn quá, ông ạ.

Nguyễn khoan thai nói, chàng rất lễ phép: lễ phép ở khuôn mặt, ở cả hai chân, ở cả hai cánh tay. Thế mà xưa nay cứ tin vào lời người khác nói thì Mọi tưởng Nguyễn phải có những cử chỉ lâu linh dấm dắp và cả khía nữa kia.

Nhưng Mọi lại ngờ ngợ rằng những cách lễ phép đó là một khi giới riêng của Nguyễn dùng để giữ mình trong cuộc sống. Chẳng có lẽ một thằng tự phụ và khinh người như mẽ ấy lại tôn kính được mỗi người chung quanh một cách quá đáng đến dường ấy hay sao? Có lẽ Nguyễn dùng phép xã giao lạnh lẽo và lễ độ để ngăn rào mình và không cho chung quanh đứng gần khít mình quá. Hình như đã có một người quý tộc nào nói rằng: “Lễ độ là một cái gậy đặt từ khoảng mình cho tới một bọn thất phu - một cái gậy nó tránh cho ta khỏi phải đánh đập nữa kia”.

Ngẫu nhiên nhớ một cách mơ hồ đến một câu tư tưởng băng quơ, Mọi thấy bực mình quá. Nếu thực như thế thì ra cái thằng Nguyễn lịch sự kia là một thằng đều cẳng đến tuyệt luân.

Chàng lại thấy mình đại dột và hớ. Bỗng dưng đi lòi từ trong đầu ra cái câu nói cay chua của nhà quý tộc nọ mà làm gì?

Không, nhưng không phải thế. Nguyễn nó lễ phép là bởi vì nó lịch sự, là bởi vì nó là con nhà gia giáo,

bởi vì nó có học. Chỉ có thể mà thôi. Đừng nên bàn ra bàn vào và mặc mãi ra. Đã bơi đến bờ thì thế nào cũng ra bờ. Mọi thấy dịu dịu trong người.

Muốn bắt lại câu chuyện ban nãy, Mọi bèn ghé sát vào Nguyễn.

- Người ta nói ông hay có tính khôi hài và trong đùa bỡn thường ngụ một ác ý. Vừa rồi ông khái luận sơ sơ về cái nghĩa tri âm, chẳng hay là câu nói đùa hay là câu nói đứng đắn? Có lẽ lần này là lần đầu tiên mà tôi với ông nói chuyện dài dòng với nhau.

Nguyễn lại để bó báo xuống. Chàng cố nhớ lại xem ban nãy mình đã thốt ra câu gì mà xem chừng cái ông Mọi này lấy làm băn khoăn lắm thế.

- A, tôi nhận thấy ông than thở về sự thiếu tri âm ở quê nhà nên tôi cũng nói theo vào rằng xưa nay chính vì người ta có nhiều bạn mà sinh ra lụy. Ông tưởng tôi đùa sao? Ông ngẫm kỹ mà xem, xem có phải rằng cái người cướp vợ mình thường chỉ quanh quẩn ở đám bạn thân của mình không? Và biết được những nhược điểm của mình để hại mình đến không góc được đầu dây nữa thì thường vẫn là một người tri kỷ của mình không? Người ngoài, người sơ giao mấy ai đã biết rõ lòng mình để hại nổi mình cho thấu đáo? Hại nổi được mình thì chỉ có hoặc là Giời hoặc là người tri kỷ thôi, ông Mọi ạ.

Nguyễn nín bật và hình như lấy làm hối tiếc vì mình đã nói nhiều quá. Chàng không ngờ rằng mình có thể vui miệng và rườm chuyện đến như thế, chàng tự nhủ: “Thôi thì lần sau nhờ gặp phải Mọi ta không như thế nữa. Ta sẽ không bép xép một cách tầm thường như vừa rồi. Ta chỉ lễ phép chào hấn và nếu sợ như thế là không tiện thì ta hỏi thăm hấn thêm một tý về sức khỏe của hấn, để cho hấn khỏi trách ra là lãnh đạm”.

Mọi cũng không ngờ rằng Nguyễn lại có một cách nói chuyện vốn vã như bữa nay. Ở thế ra người chung quanh hay đặt điều thực. Ra họ đặt điều ra để nói xấu Nguyễn. Họ nói Nguyễn là một thứ người có một bộ mặt lạnh như người Ăng Lê và quả ngôn cũng như người Ăng Lê. Dầu có thế.

Một lần khác gần Nguyễn, thấy chàng không có ý gì lãnh mình, Mọi đánh bạo mời một câu:

- Chẳng mấy khi được gặp, nhân tiện hôm nay được gặp ông, ông ở đây, tôi muốn mời ông đi xơi cơm chiều cùng tôi. Chỉ có ông và tôi thôi.

Nguyễn vẫn nhìn xuống đồng báo hiệu sách. Mọi nói tiếp, giọng thân mật hơn:

- Chỉ có hai chúng mình thôi. Trời hôm nay đẹp lắm. Mình ở đây đi ra ngắm vài phố tây rồi nhẩn nha đến hiệu ăn là vừa. Ông Nguyễn thường hay dùng cơm ở tửu điểm nào?

Mọi lịch sự, muốn dò ý xem Nguyễn thường hay thích ăn uống ở hiệu nào thì chàng sẽ mời luôn bạn đến ngay hiệu ấy. Mọi có được nhã ý ấy vì chàng vừa chợt nhớ đến một thói quen của những người đi hát lịch thiệp, người khổ chủ châu hát thường phải chiều bạn đưa ngay người bạn xuống nhà cái cô đào nhân tình thân của người bạn.

Nguyễn lễ phép không nhận bữa cơm mời, chàng đã nói dối rất khéo để từ chối.

- Tôi rất lấy làm tiếc, chiều nay tôi phải nhịn cơm vì vào khoảng tám giờ tối tôi phải đi tiêm thuốc. Thuốc Novar senobenzol. Tiêm vào mạch máu.

Mọi biết ngay là Nguyễn nói dối. Người hần chắc chắn như thế, tính không chơi bậy, trên người không có sẹo đen của chứng giang mai thì việc gì mà tiêm 914? Nhưng thôi được đã muốn xa nhau thì cũng xa nhau. Có khổ gì chuyện ấy. Nguyễn muốn lánh chàng thì hà tất từ rầy trở đi chàng có cầu thân nữa.

Thế rồi hai người trịnh trọng bắt tay nhau ở cửa hiệu sách. Cái bắt tay sốt dẻo ấy đã đánh lừa được hết thầy khách qua đường. Người ta gọi xã giao là một nước sơn xì rất loáng.

Còn gì khó chịu bằng sự hai người đã ồn ào từ biệt nhau rồi mà lại còn đi chung một đoạn đường, và lại cùng một bờ hè, cánh tay sát cánh tay. Mọi và

Nguyễn bắt tay nhau rồi mà lại không ngờ rằng cùng phải đi ngược lên phố Bôn Be.

Bực nhất là đà chân người này lại đều ngang với chân người nọ. Hai người tuy không muốn, mà thành thử cứ song song trên lề gạch. Mỗi hòn gạch vượt qua bực như một ngày sống gương.

Cái tình thế của hai người bộ hành Mọi và Nguyễn lúc này thực là mập mờ và gian lận nữa.

Không muốn kéo dài nỗi bực mình cứ theo gót mình mãi, đến tầm nhà Địa ốc ngân hàng, Mọi rẽ ngang, vờ vào trong ấy, ngấm lủ cà vát bầy nơi tủ hàng một hiệu thợ may tây.

... Từ đây trên những con đường Hà Nội... hai người không gặp nhau. Bây giờ thì hình như Mọi lại tránh Nguyễn.

Ác nhất là những người chung quanh, họ hỏi chuyện có lắm câu cứ như móc được từng miếng thịt lòng người trong cuộc. Thà họ cố tình hại nhau thì cũng không sao. Nhưng đáng này chỉ là họ vô ý thôi. Họ đã vô ý hỏi Mọi:

- Ông Nguyễn cũng người Thanh Hóa đấy ông Mọi nhỉ? Người cùng tỉnh mà sao các ông không hay chơi với nhau nhỉ? Người ngoài họ nói chán ra đấy. Họ nói chắc các ông có hiềm khích gì.

Muốn cho hết những lời bàn tán tò mò của chung quanh, Mọi đã vờ nói chuyện một cách úp mở, cố nói

láo cho thật khéo để cho họ phải hiểu lầm rằng: giữa Nguyễn và chàng đã có một kỷ niệm đàn bà rất khó chịu.

“Có hai người đàn ông cùng tỉnh đã xa nhau vì giữa họ đã có một người đàn bà”.

Cả một cốt truyện; cái đầu đề ấy vui đấy và người chung quanh thế nào cũng “nuốt” phải. Mọi tự nhủ mình với một cái cười láu lỉnh.

*

* *

Hai người thiếu niên trí thức ấy tưởng suốt đời sẽ không bao giờ gần nhau. Họ đã nhận xa cách ấy như là nhận lấy định mệnh. Mọi và Nguyễn là Sâm và Thương trên một nền trời kinh đô.

Nhưng sự tình cờ của một chuyến cùng về đã làm cho họ gần nhau. Những ngày tẻ tẻ ở Thanh Hóa đã làm cho Mọi và Nguyễn được sống cạnh nhau. Nói là phải sống cạnh nhau thì đúng hơn. Lòng họ chưa chắc đã gần nhau. Nhưng hình xác họ đã chạm nhau ở một sân ga, ở bàn hiệu ăn, ở quanh những bữa cơm gia đình.

Ở Thanh, một buổi tối ngồi đánh đấm, long mình vào đây một cốc rượu đỏ như máu Chúa lúc xá thân cứu thế, Nguyễn ngồi co tay tính đếm đến những ngày nghỉ ngơi ở đây. Thế mà đã được đúng mười ngày rồi.

Gọi là về chơi thăm nhà thì như thế cũng đã là nhiều lắm.

Nguyễn ngắc đầu nhìn lên bức tường tửu quán; ở đây có dính một bản cáo thị giờ xe lửa sở hỏa xa vừa xếp đặt giờ tàu lại. Cốc rượu đỏ trên mặt bàn ăn kê ô con cờ màu xanh bề vẫn bồn chồn sủi lên những cái tăm men.

Mọi hỏi Nguyễn.

- Anh đang nghĩ gì?

- Mai tôi đi.

- Tôi còn giờ việc nhà. Mất vài hôm nữa. Anh xem có thể nán lại vài hôm nữa được thì chúng ta sẽ cùng ra cả. Đã cùng về một chuyến tàu, giá lúc ra lại cùng đi với nhau một chuyến thì thú biết mấy.

- Ôi, vế. Ở người anh vẫn còn nhiều tình cảm lật vật quá. Thôi, mai tôi đi. Anh ra sau vậy. Chúng ta gặp lại nhau ở ngoài ấy.

- Nhưng khoan đã, ở đây ra về anh hãy tạt qua lại thăm tôi một lát. Nào ta cùng đi.

Ý Mọi muốn Nguyễn sẽ lại chào cha mẹ mình một tiếng trước khi đi Hà Nội. Chàng không muốn nói to cái điều nghĩ thầm ấy, bởi vì chàng vừa tính rụt rè và một phần nữa vì chàng tin sự giao hữu chưa lấy gì làm thân mật giữa hai người đầu đã cho chàng cái quyền đòi hỏi đến bạn một cử chỉ lễ phép đối với cha

mẹ mình. Vả chăng, những cử chỉ ấy để nó xuất từ lòng người ta ra hơn là tự mình mách bảo.

Chẳng hiểu Nguyễn có xét đến bản khoản đó của lòng Mọi không, hay là chàng có nghĩ đến mà không lấy làm điều. Chàng chỉ lạnh lùng bắt tay Mọi với một câu “Anh ở lại cho vui”. Mọi nhìn Nguyễn thoăn thoắt bước đi, dáng cứng cỏi, cái mặt lạnh không một nét cười. Chàng không ngoảnh đầu lại, theo thường tình con người ta muốn lưu lại cho nhau chút dư vị của phút đã chia tay.

Mọi lại hồi tưởng đến cái tình thế giao thiệp rất căng giữa hai người ở “ngoài ấy”, trước khi chàng và Nguyễn có dịp gần nhau trong ít ngày vừa rồi. Lúc hai người còn lấy chữ “ông” ra xưng hô; chàng xét lại thì Nguyễn vẫn thế nào ấy? Cái tình giao hữu trong ít ngày vừa rồi ở Thanh, tuy ở phía chàng thì chàng đã chịu nhượng bộ rất nhiều mà Nguyễn thì vẫn đĩnh đoàng lưng chừng không ra hàm dương mà cũng không ra hãn phóng túng. Nhưng nói cho cùng thì kỳ này về Thanh, có Nguyễn ở bên cạnh để nói chuyện phiếm thế mà cũng hay. Chẳng gì Nguyễn cũng còn lý thú hơn chán vạn kẻ ở đây. Trong cái đám bạn củ của Mọi ở cái tỉnh nhỏ này thì họ tầm thường quá, họ thiển cận quá. Kiến thức họ đã không có gì, mà xét về đời sống của họ tùn mún lẫn cả trong cái đức cái nết làm người và cả trong những tật lỗi của hành vi.

Nguyễn đi rồi, bỏ trơ lại Mọi cho cuộc đời bằng phẳng ở tỉnh nhỏ. Máy lần trước thì không sao; nhưng chuyến này có Nguyễn ở cạnh để mỗi buổi tối dạo phố bàn hão về trời nắng trời mưa, bỗng chốc vắng Nguyễn, Mọi thấy thiếu một cái gì. Chàng vẫn đến cái tủ diêm cũ để uống cà phê như mấy bữa nọ và tự hỏi lòng xem những lúc nao nao độc ẩm như thế này, có thật là mình đang thèm nhớ đến ai không. Và một người khinh bạc và chướng và tự phụ như Nguyễn thì có đáng cho mình nhớ đến không? Cõi đời này thiếu gì thanh khí, thiếu gì người hay để chơi mà lại cứ phải đuổi theo hình ảnh của một người kiêu bạc đã xa vắng!

Sự giao tình giữa chàng và Nguyễn chẳng qua còn đang ở thời kỳ thí nghiệm. Một cuộc thí nghiệm ở trong hoàn cảnh không chắc chắn một tỉnh nhỏ, thiện cảm của chàng đối với Nguyễn vẫn chưa có thể gọi là định được.

Dầu sao buổi tối này, giá có được “hắn” ngồi cùng bàn với chàng, trước mắt chàng, thì chén cà phê của Mọi vẫn có thể dậy hẳn mùi thơm lên.

Nguyễn vừa trở về Hà Nội mới được có hai hôm thì có người bạn cố giao tên là Bình đến chơi và sùng sộ hỏi luôn ngay.

- Tao cấm mày chối. Có phải dạo này mày đã là bạn thân của tên Mọi không? Mày đang kết giao với nó phải không?

- Ai bảo?

- Hôm nọ tao cùng vào Sầm Sơn ba ngày. Tao thấy mày và thằng Mọi cùng tắm với nhau. Áo tắm của mày màu tím, thằng Mọi đỏ; tao cũng tắm ở gần cái mảng luồng mà bọn chúng mày không biết. Tao thấy mày và Mọi lấy tay vớt bọt bể sóng bạc đầu đưa cho nhau ném một cách thân yêu nhau quá, thành thử tao phải lánh đi ra chỗ khác. Tao không chịu được thằng Mọi cũng như nhiều lần mày đã cả tiếng phê bình như thế về nó.

- Sao thấy tao ở bãi bể mà mày lại cố tránh mặt tao hờ Bình?

- Bởi vì lại chào mày, chẳng nhẽ lại không chào cả thằng Mọi thì nó cũng khó coi lắm. Tao đã làm một việc từ thiện mà chúng mày không biết đấy thôi. Tao tin rằng lúc ấy tao lại gần chúng mày để bắt được mày và Mọi đang quả tang đánh bạn với nhau thì chúng mày sẽ ngượng với tao lắm. Nếu tao không nhớ nhầm thì từ trước đến giờ, có hai đứa nào nói xấu lẫn nhau, thú vị nhất và nhiều nhất thì là mày và thằng Mọi. Mày mà “sục” được thằng ấy thì cũng là giỏi lắm đó.

Nguyễn mỉm cười, ghénn mình dậy, thấp thêm một điều thuốc nữa, gửi tấm mắt vào khoảng không.

- Mày có thể cho tao biết về sự hiển linh gì mà mày lại chơi được với thằng Mọi không?

Câu hỏi đột ngột ấy đã làm Nguyễn phải suy nghĩ. Chàng suy nghĩ trong bốn hôm, năm hôm, trong cả một tuần lễ để đến một hôm thứ tám thì có một người quen tiến vào nhà với một lũ hành lý và bộ quần áo nhem nhuốc của đường trường. Kia Mọi, mặt và cổ Mọi lấm chấm những than bụi tầu hỏa.

- Tôi vừa mới ra, ở ga về luôn đây.

Mọi chẳng cần phải nói, Nguyễn cũng thừa biết rằng chàng ở ga về luôn đây. Nhưng sao lại về luôn đây? Máy ngày chung đụng vừa rồi ở Thanh Hóa đã lấy gì làm đảm bảo cho thân tình để một người có quyền xông vào nhà một người? Cái cử chỉ này của Mọi chẳng hóa ra hớ và sỗ lẫm sao?

Nguyễn kéo ghế mời Mọi ngồi, rất lấy làm nghi ngại. Chàng vốn là người khùng khỉnh ở chỗ công chúng nhưng lại là người rất lịch sự khi phải tiếp bất cứ là ai ở nhà mình, và thường thực hành phép xã giao với khách đúng với trường hợp tương đương. Nguyễn bèn gọi thằng nhỏ lấy thau nước để Mọi rửa mặt. Mọi vội cản lại.

- Thôi tôi đi ngay bây giờ đây mà. Tôi có cái này gửi anh.

Nguyễn trở mắt nhìn một cái nồi bằng a-luy-mi-nhôm. Cái nồi rất đẹp ấy lại chồng lên một cái nồi bằng sắt nhẹ khác, cũng đẹp như thế, nhưng miệng nhỉnh hơn một chút. Mọi để ra bàn cái nồi nhỏ ở trong lồng bông một thứ nước đỏ cánh cạch.

- Đây là tôm he, mẹ tôi kho lấy để cho tôi mang ra ngoài này ăn. Mẹ tôi tưởng tôi ở ngoài này phải kham khổ trong sự ăn uống nên lần nào tôi ra, mẹ tôi cũng bắt đeo một vài thứ ăn ra. Ấy là không kể những lần mẹ tôi ra thăm tôi, linh kinh tha ra những là nem, giò, cua bể hoặc cá thu kho. Các cụ lắm lắm quá... À còn cái nồi này là mẹ tôi biếu riêng anh đấy... Mẹ tôi dặn đi dặn lại thế nào cũng phải đưa ngay lại đặng anh, kéo chậm thì lại hỏng mất. Tôm này tuy là kho, nhưng kho nhạt, không thể để được lâu, tôi ở ga xuống, phải rẽ vào anh ngay, sợ về thẳng nhà ngủ quên đi một cái hay là hoặc có việc gì gấp phải đi ngay mà chậm đưa lại anh thì nó trở vị và uống cái công đem từ trong ấy ra. Gặp anh có nhà, giao tận tay được, tôi lấy làm bằng lòng quá.

Nguyễn định nói một câu mà chàng chưa kịp nghĩ ra câu gì, thì Mọi đã chào chàng, dùng dùng xuống cầu thang và nói với lên: "Thôi tôi mệt lắm. Phải về

ngủ. Mai kia chúng ta sẽ gặp nhau. Tôi sẽ lại tìm anh”.

Sau những ngày chơi thử, chơi gượng với Mọi ở Thanh Hóa, Nguyễn có thể dự đoán tất cả mọi kết quả xảy đến cho một cuộc làm quen tạm bợ, nhưng chàng không thể chờ đợi đến một việc như vừa rồi. Một nỗi tóm kho. Trời ơi! Một nỗi tóm do tay một bà mẹ hiền thương yêu con kho nấu lấy để cho đưa con ra ngoài này ăn để khỏi thấy sến nhà là thất nghiệp, là cực khổ! Bà cụ yêu con và lại còn nghĩ luôn đến người bạn của đứa con nữa.

Nhưng tiếc thay, Nguyễn đâu đã là bạn của Mọi. Bà cụ lắm mất rồi! Nguyễn ngồi ngẫm nghĩ rất lâu, trước nỗi tóm kho ngon đẹp cả trong ý nghĩa và cả ở hình sắc hương vị nữa.

Đây là một cái nồi bằng sắt nhẹ trắng, bóng như chùi, xứng đáng với một thời đại khoa học cơ khí. Trong cái nồi gọn gàng ấy nằm lặng im một chất nước lèo đỏ như son tàu đang nhấp nhánh những chùm sao mờ.

Nguyễn lấy làm khó nghĩ quá.

Dem trả lại cho Mọi chẳng? Sẽ lấy cái cơ gì viện ra để từ chối một món quà mà sự tốn phí về tiền không là mấy, nhưng về ý tình thì rất là nhiều? Đến ngay ban nãy từ chối được cũng là khó, huống hồ là bây giờ. Bây giờ chậm quá rồi.

Không trả được thì chỉ có việc nhận lấy rồi ăn đi. Nhưng ăn hết một nồi tôm ấy rồi chàng sẽ nói chuyện với chàng thế nào cho khỏi mâu thuẫn đây? Giá Nguyễn mà lại được là bạn thân của Mọi; giá chàng đã chịu đựng được Mọi, chịu đựng được đến cả những tật xấu của nhau thì còn gì thú vị bằng sự đón nhận nồi tôm này rồi đem bày thêm nó vào cái mâm cơm thường ngày.

Chàng hết sức bức mình và không ngờ một nồi tôm vô nghĩa lý ấy lại có thể quấy nhiễu lòng mình mất cả một buổi chiều mà chàng ước ao được luôn luôn không bận bịu. Nguyễn nhất định chiều hôm ấy không ăn cơm nhà. Chàng sẽ đi ăn hiệu. Rồi thì sẽ mặc kệ sự gì sẽ xảy đến cho một nồi tôm kho nhạt không có người đựng đưa tới.

Có anh Bình lại chơi, may quá!

Nguyễn chỉ luôn nồi tôm vẫn còn để nguyên góc bàn giấy:

- Bình có thích cái món ăn kia không?

- Gì thế? Tôm he?

- Tôi có một bà đi ở Thanh ra trưa nay, đem cho. Bà cụ kho tôm có tiếng là khéo. Tôi tiếc hôm nay đứng vào ngày rửa ruột, phải nhịn ăn. Tôi xin biếu anh cả. Để thằng nhỏ nhà tôi nó đưa lên trên anh. Nếu không phải kiêng cử, thì hôm nay tôi giữ anh ở đây ăn cơm

và hai đứa mình sẽ thăm đến một món ăn giản dị mà tôi chắc nó cũng làm cho anh ngon miệng lắm. Tôi nó phải cái vô duyên thế nào ấy anh Bình ạ. Động có ai bất thường rủ đi tiêu ỉm hoặc đúng những ngày hẹn dự tiệc thì y như là trong người lũng củng. Phi trọng thương thì cũng ngưng nguẩy.

Nguyễn lấy làm khoái; chàng đã nói dối được một câu rất thông và rất lịch sự đẹp đẽ thế. Chàng lại còn sướng hơn nữa khi đùn được nỗi tởm cho Bình. Bình đi rồi, Nguyễn ngờ mình có ác ý trong việc vừa làm. Hôm nọ Bình chẳng lông lộn mãi lên vì thấy mình lại đi dỗi với Mọi và anh còn kêu rằng anh không thể nào “sục” được cái thằng Mọi, Anh không sục được Mọi. nhưng hôm nay anh đã sục được nỗi tởm của Mọi. “Mai kia mà Bình đã tiêu hết món thực phẩm đó rồi, nếu ta nói rõ ra, thì cái mặt Bình lúc đó chắc sẽ dúm lại. Chắc hay lắm”.

Cuộc sống nơi thị trấn lớn không phải là cuộc sống nơi tỉnh xép. Người ta có cảm giác đầy đủ, chẳng cần phải gần ai, hoặc nhất định tìm riêng một ai. Ở Hà Nội ít người được chuyên nhất trong tình bạn, cũng như bây giờ có nhiều người đàn bà đẹp ở đây đã bằng lòng quên mất cái nét chinh chuyên.

Mọi cũng không tìm đến nhà Nguyễn. Từ sau hôm ở Thanh ra, chàng tới nhà Nguyễn vền vền có hai lần.

Một lần để đưa nồi tôm kho của mẹ gửi. Một lần nữa để lấy lại cái nồi không.

Và như thế cũng là hay. Vì Nguyễn cũng muốn tránh Mọi. Người đàn ông ấy lại tránh đàn ông có như là lánh mặt một người đàn bà mình biết không thể yêu thương được, nhưng nếu cứ năng gặp, lửa lâu ngày bén rơm thì rồi thế nào cũng phải có con sống con chết với nhau.

... Nước hồ Tây chẳng chảy thoát đi đâu cả. Nước hồ Gươm cũng chẳng chảy đi đâu cả và chỉ quanh quất vô vào ven bờ rù bóng liễu. Vậy mà cũng xong một năm Hà Nội.

Cũng vào ngày tháng ấy năm ngoái, năm nay Mọi lại về Thanh, Nguyễn cũng về Thanh. Hai người đều có chút việc nhà cả. Người ta ngờ việc ấy là một niên hiệu trong một gia đình ghi trong một gia phả, người ta ngờ việc ấy là một ngày kỵ, ngày giỗ.

Nhưng trái với năm ngoái hai người đã tình cờ được làm đôi bạn đồng hành thì năm nay trở về tỉnh quê hương, Mọi về trước một ngày, Nguyễn về sau một ngày.

Nguyễn ở ga về đến nhà thì vợ chàng, sau một mẻ chuyện hàn huyên, đã báo chàng:

- Sáng nay bác Mọi đi qua đây. Bác có nhìn mãi vào nhà nhưng không trông thấy tôi.

Nguyễn âm ừ để cho vợ nói sang chuyện khác. Nguyễn hỏi vợ về tình hình cửa nhà, về sức khỏe đàn con. Đàn con lúc bấy giờ đã ngủ lán cả ra vì gần nửa đêm rồi còn gì nữa - lúc tàu tốc hành về đến ga thì đã mười giờ rưỡi đêm.

Vậy mà vợ Nguyễn vẫn cứ bắt lại cho được cái mẫu chuyện ban nãy:

- Chiều hôm nay tôi đi chợ có gặp bà cụ để ra bác Mọi. Bà cụ hồn hậu lắm, khác hẳn tính nết mẹ ở nhà, mình ạ. Cụ có hỏi thăm về mình và tôi có nói là đầu tôi nay mình cũng về. Cụ có nhắn tôi mời mình lại chơi vì “em Mọi nó cũng đã về”. Thường thường tôi đi chợ về vẫn gặp cụ luôn.

Nguyễn quay mặt vào tường cố ngủ ngay vì mệt lắm. Giấc ngủ chậm đến, bất giác chàng lại nhớ đến cái nồi tôm bà cụ gửi cho năm ngoái. À thế này thì ra lòi thoi lắm rồi đây. Trong một cuộc giao tình bấp bênh với Mọi, bây giờ lại có những người đàn bà đáng kính và rất hiền lành đòi chen vào. Một bà cụ Phán để ra Mọi chưa xong, bây giờ lại còn thêm vợ chàng nữa.

Sớm ngày sau, Nguyễn trở dậy, đầu còn nặng một câu chuyện đêm vừa rồi. Đứa con nhớn chàng vội khoe với chàng rằng: “Hôm qua con đi ngang hiệu cao lâu, bác Mọi gọi con vào và cho con ăn kem ca-ra-men”.

Ồ, thế ra trong những việc tình cảm riêng của chàng đối với Mọi, những người đàn bà chen vào hình như chưa là đủ hay sao mà bây giờ lại có cả con trẻ nữa.

Nguyễn vẫn ngờ đến cái tình bạn của Mọi đối với mình cũng như chàng đã không tin chắc được lòng riêng mình đối với Mọi.

Trót đi lại với Mọi bắt đầu từ năm ngoái, vào giữa hồi này đây, chàng muốn việc ấy sẽ bị xóa nhòa đi, đừng để lại một vết gì trong lòng mỗi người. Chàng tin có lẽ Mọi cũng đã nghĩ giống như mình nên suốt một năm ròng ở Hà Nội, Mọi chỉ lại tìm chàng có hai lần, một lần để đưa một cái nồi - làm việc ấy, Mọi chỉ là tuân theo ý mẹ muốn thế - và một lần khác để thu lại cái nồi của mẹ. Nghĩa là Mọi tìm đến chàng vì có chuyện, chứ không phải là để kết giao cho khăng khít thêm.

Mà khăng khít thế nào được kia chứ. Mọi một tính, chàng một tính. Mỗi người một cá tính; tư tưởng không giống nhau, hoài bão không cùng chung, đây là nói tới những chuyện to lớn trong một đời người; đến như những việc vặt hằng ngày giải trí như sở thích riêng về mồm, về tai, về mắt thì lúc ăn uống và lúc tìm thú giải phiến, mỗi người đều một chứng một tật, vậy thì chơi với nhau bằng chỗ nào.

Chàng có thể phục Mọi - ngồi xa xa, ở xa nhau mà phục nhau - nếu Mọi có rõ chân tài (nhưng đây lại là chuyện khác mất rồi). Nhưng đánh bạn thì là một việc không thể có được. Chàng và Mọi về phương diện "người" thật không có một mối tương quan nào cả. Nếu cứ miễn cưỡng mà buộc nhau đi sâu vào lòng nhau thì chỉ sinh ra chán nhau và oán nhau thôi. "Người ta không quen nhau, không được đánh bạn với nhau nhiều khi thì lại là hay. Đã không chơi với nhau thì có bao giờ phải nói đến hai chữ phụ nhau. Cái lầm của nhiều người là cứ đi vét lấy những linh hồn bầu bạn để rồi về sau lại làm đau khổ lẫn nhau, phụ lẫn nhau".

Nguyễn - cái người hoài nghi ấy - đang có một luận điệu tiêu cực như thế về tình bằng hữu thì từ một góc nào của cuộc đời, Mọi đã hiện ra và va mạnh vào đời chàng.

Cuộc gặp gỡ ấy bây giờ lại có những người thân thích của đôi bên - một bên là bà cụ Phan sinh ra Mọi, một bên là vợ và con Nguyễn - định lấy những cử chỉ vật vãnh nhẹ nhàng, nhưng rất chắc ra để giữ cho nó đừng tan, đừng đi qua như cái bóng, để nâng nó thành hẳn một biến cố đánh dấu vào hai gia đình vô tội và vô can. Đã nguy hiểm chưa?

Nguyễn và Mọi, năm nay ở Thanh Hóa lại vẫn cặp kè nhau nói chuyện phiếm như dạo năm ngoái. Người

ta lại cùng đi cao lâu với nhau, và xem tuồng và đi hát và ra ga xem tàu chạy. Ở một cái tỉnh xép, tưởng có được bấy nhiêu cuộc chơi chung, kể cũng đã là nhiều lắm rồi.

Một buổi tối, muốn đổi thú chơi, Mọi và Nguyễn bèn nảy ra cái ý kiến là rủ nhau đi ăn bánh cuốn đêm và phải ngồi ngay cạnh bếp lửa nhà hàng ấy thì mới thú. Ngọn lửa nơi gian nhà gianh kia đã cho họ thấy cái hứng thú của phút phóng túng hình hài. Chẳng thế mà sau buổi đi chơi đêm ấy, Mọi lại tặng Nguyễn một cuốn sách của mình mới cho xuất bản và đề luôn vào đấy:

“Tặng anh Nguyễn, với cái kỷ niệm một đêm Thanh Hóa, chúng ta ngồi bên một cái bếp lửa đỏ rực những cảm tình”.

Nguyễn cũng biếu Mọi một tấm ảnh nửa người với một câu tặng: *“Vô hạn cảm”*.

Phút nồng nàn cao hứng đã qua, trấn tĩnh lòng mình lại, nhìn cuốn sách Mọi tặng, đọc lại dòng đề tặng, Nguyễn buồn rầu mà than một câu tràn trề những từng trải về lòng người: “Mông manh thay chút kỷ niệm này”. Bây giờ đọc câu đề tặng này, kể cũng vui đây. Nhưng có một ngày rất gần đây, giờ đọc lại ta sẽ thấy vô nghĩa. Và rồi có một ngày nữa cũng gần đây, Mọi cũng bẽ bàng khi ngắm lại bức ảnh mình

vừa đưa". Nguyễn mệnh mông buồn cho mình, buồn cho lòng mình và lòng người. Và tự hỏi rằng sao đã biết như thế mà vẫn còn cứ đi lại với Mọi. Nguyễn thấy cái sức mạnh của thói quen mà ghê quá. Ra người ta cứ có dịp gần nhau là dung được nhau, chịu đựng được hết cả.

Nguyễn đã hiểu rõ tại làm sao có những gia đình có những lứa đôi mà mỗi người là một người của một thế giới riêng, họ chịu luộm thuộm sống cạnh nhau trong một tình trạng tâm tưởng lơ mơ cho đến lúc cùng bạc đầu mà không một ai dám nhờ đến lý dị giải quyết họ. Sức mạnh của thói quen. Ôi! Chẳng nghĩ đến cái đẹp của giải tán.

*

*

*

Những ngày trở về Thanh riêng đối với mỗi người đều chỉ đầy những nhạt nhạt. Mọi và Nguyễn đều biết trước rằng những cuộc xê dịch ngắn ngắn này là do bốn phận đùn đẩy họ. Bốn phận đối với nhà.

Cứ mỗi năm đúng vào ngày, vào mùa ấy, bốn phận lại cho nổi lên một cơn gió. Gió đã lên, hai hạt bụi ấy của nhân gian lại đổi chỗ từ một cái đô thành lớn để cùng rụng xuống mặt đất một cái tỉnh nhỏ. Và Mọi cùng Nguyễn lại có dịp được gặp nhau, lâm phút nồng

nàn thành thực, hai người lại than thở, lại tương thuật tâm sự lẫn cho nhau nghe nữa kia. Nhưng hễ động trở lại Hà Nội thì họ lại “không phải” gần nhau nữa. Có khi gặp nhau ở giữa phố mà họ làm ra bộ lạ nhau.

Chẳng cần phải trở về đến hẳn Kinh đô, Mọi và Nguyễn mới cảm thấy gần nhau là thừa, là tẻ. Họ đã xa nhau từ trên cái chuyến tàu mỗi lần đem họ từ Thanh ra trả lại cho đời sống Hà Nội. Đến Nam Định họ nói chuyện đã đâm ra nhát gừng. Tới Phủ Lý, câu chuyện đã thành ra chuyện của người mơ ngủ. Đến ga Hàng Cỏ, họ lật đật rời nhau, đưa những bàn tay nhùn nhùn nhùn ra để chào nhau trong một cái bắt tay rất chóng vánh.

Tâm lý hai người ấy trên một chuyến xe lửa bắt đầu từ ga Thanh cho tới ga Hàng Cỏ khác gì tình trạng tâm tưởng của một du học sinh Việt, lúc trang xong nợ sách đèn, trên con tàu bẻ về cố hương, được làm quen với một vài vị quan cai trị vốn ở Đông Dương nghỉ giả hạn về Pháp, mà bây giờ lại sang cung chức lại. Rời bến Marseille, người ta có cảm tình với nhau ngay vì cùng là bạn đi cho đến chỗ cùng tột của một chuyến lữ hành sang Cực Đông. Trong lòng bể Địa Trung Hải, phía tay trái. Kia là những ven bờ rất cổ tích. Bờ Ý, sâu quá trong đó là La Mã. Bờ Hy

Lap. Quê hương của cổ điển học, của nghệ thuật, của đẹp.

... Và cuộc kết thân của Mọi và Nguyễn cũng chỉ đến ga Hà Nội là hết. Ở đây, mỗi người đã có một cuộc sống riêng chờ đợi mình.

Tình cảnh này quả phải là một nấc cựa kéo dài như thế mãi để làm cho lòng người ta mòn dần; mòn đến đâu thì hối tiếc đến đấy.

Nhưng có một Ông Trời rất thương người, đã bắt những kẻ kia không phải chịu đựng cực hình ấy lâu quá sức họ. Ông đã bắt một người trong hai người phải chết đi để cho cái người còn sót lại khỏi phải bận lòng vì một cái tình giao hữu gắng gượng.

Ôi, nếu không có cái chết rút được Mọi ra khỏi cái lòng phiền phức của Nguyễn thì mỗi lần về Thanh Nguyễn lại càng bức dọc đến chừng nào? Vạn tuế cái Chết! Cái chết phải có mãi.

*

* *

Mọi cảm xoàng có một hôm mà chết ngay được. Ra chết được cũng không phải là một việc khó khăn như cô Kiều đã nói xưng xưng lên trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Mọi chết ở Thanh, ở bên cạnh cha mẹ.

Con người ta ăn ở lành thì được nhắm mắt trong cảnh thuận là thế.

Đi theo đám, Nguyễn đi gần cổ đôn. Lúc đám phải rẽ ngoặt ở một ngoẹo đường vuông thước thợ đến 90 độ, chàng đi ở đuôi đám, được trông thấy cả đầu đám và trông thấy bức trường dạ xanh chữ nhung đen của mình phúng có năm chữ “Du du tổng biệt tình”. Cạnh chàng có một người đàn bà nạ giọng rất xấu, rất bẩn, vừa ăn trầu vừa hút thuốc lá tổ sâu kèn ướp hoa ngâu, vừa nói một câu chuyện mà chàng chỉ nghe rõ thấy một đoạn có những tiếng: “Ôi, nghĩa tử là nghĩa tận...” Nguyễn muốn được biết cái tình nghĩa giữa người đàn bà nạ giọng này với kẻ chết lúc còn sinh thời là như thế nào, và chàng có cái ý cáu kỉnh muốn cùng với người đàn bà nọ đi tách ra ngoài đuôi đám để sống vài phút hội đàm trong cái kỷ niệm của kẻ đã khuất bóng cách lời.

Nguyễn theo đám đến tận huyết, cũng bốc một hòn đất ném xuống một cái hố mới đào, còn có những đoạn giun bị nhát mai mới xén đang quần quai trong lòng huyết xâm xấp nước. Hòn đất ném xuống đụng ván thiên kêu đánh bộp một tiếng rất hồng. Cái tiếng không chắc ấy đã tả đúng cái tính hơi hợt bề ngoài của Mọi và Nguyễn. Có những vật vô tri và nhỏ bé như thấy rõ được lòng mình khi nó bị xô động bật lên thành tiếng.

Nguyễn lấy làm xấu hổ vô cùng khi bà cụ Phán, bù lu bù loa vịn vai chàng: “Ôi bác ôi, tôi trông thấy bác, lòng tôi càng đau. Bác Nguyễn còn đây, bạn của con còn đây mà con bỏ mẹ con đi đâu, ời Mọi ơi, Mọi ơi! Ớ hờ hờ...”

Nguyễn muốn kính cẩn gửi mấy lời đại tâm sự vào lòng người mẹ đang thương con: “Thưa cụ, đến bây giờ mà cụ vẫn còn nhầm. Lúc anh Mọi còn sống con không dám nói rõ. Giờ anh Mọi nhà chẳng may không được làm người của cõi đời này nữa, con muốn thưa lại để cụ biết cho rằng chưa bao giờ con là người bạn của anh Mọi. Anh Mọi con cũng nghĩ như thế. Tất cả phần lỗi đều ở anh Mọi đã không trình rõ cụ hay. Để đến nỗi tình thế ấy kéo dài mãi, dài mãi cho đến lúc này đã có một người chết. Con sợ dĩ có mặt ở đây, vì con “đã trót” quen một người trong lúc sống, và để cho một số người quen con không khinh con là một người thiếu luân thường, đối với việc bạn bè lúc chết. Thực khổ lắm cụ ạ. Nhà con nó cũng hiểu nhầm như cụ”.

Nhưng đứng trước một suối lệ không ngăn được của một bà già tiếc con, Nguyễn không dám gây thêm phiền não cho lòng người nữa. Chàng im, tưởng mình đã làm được việc thiện, và lại tự nghĩ rằng: Mọi đã chết, và khi người ta đã chết thì cũng chẳng cần phải cải chính nữa. Vì thế, có một người chết đã được nằm yên và yên chí rằng mình vẫn còn có một người bạn

gửi lại trên côi dương. Lại cũng vì thế có một bà cụ già, những lúc nhớ đứa con bây giờ chỉ còn là ma, lại tìm đến nhà Nguyễn. Nếu Nguyễn còn ở Hà Nội chưa về thì bà cụ lại dềnh dàng chuyện vãn với vợ Nguyễn. Những lúc được gần những người có dính liú với con mình lúc nó còn sống, bà cụ thấy lòng mình cũng vui với.

Kỳ giỗ đầu Mọi năm ấy, bà cụ Phán khăn khoản mời cả hai vợ chồng Nguyễn lại ăn giỗ. Trông thấy Nguyễn góp thêm phần nhang vào bát hương còn mới, cụ Phán sụt sịt. Tiễn khách ra cửa, cụ meo mào "Tôi chả dám buộc hai bác nhớ ngày giỗ em. Nhưng khi nào tôi lại mời các bác hoặc tôi bận làm cơm cúng em mà người nhà dưới này lên trên ấy mời hai bác, thì xin các bác quá bộ xuống cho. Em nó mất đi rồi, nhà vắng lắm". Nguyễn thấy lòng mình nao nao một cách rất thành thực.

Và, bây giờ mỗi lần về Thanh đúng ngày ấy tháng ấy như mọi năm, ngoài cái kỵ chính nhà mình, chàng lại còn phải đi ăn giỗ ở nhà cụ Phán nữa. Đi ăn giỗ Mọi.

Ngồi ở nhà cụ Phán phảng phất mùi hương hoa, và khói nến béo ngậy xa xôi, Nguyễn lại liên tưởng đến những lần đi đến thăm nhà các người bạn đồng chí cũ hiện đang đi tù, bị phát văng ra đảo, ở nhà chỉ còn tro có một ông cụ già, một bà cụ già, hoặc một

người vợ băng khuâng. Những lúc ấy sự đời nhạt nhẽo đã bắt chàng phải tư lương nhiều cũng bằng lúc này.

Trờ ra Hà Nội, nhân gặp lại Bình, nhân đưa cho Bình xem cuốn sách có lời Mọi tặng mình một đêm ăn bánh cuốn nọ, Nguyễn đã kể hết những tình cảm của mình đối với Mọi và chàng bảo Bình:

- "Trong đạo ngũ luân, trong năm tình vua tôi cha con vợ chồng anh em bè bạn, bốn tình trên đều có dính dấp đến phép nước.

Những trường hợp của bốn tình trên, luật pháp có sẵn sóc đến và phải can thiệp tới vào những lúc cái tình ấy sinh biến.

Tại làm sao nhà làm luật lại bỏ lửng mất cái thiên bằng hữu? Sao một cái tình giấu như thế, phiền phức như thế, hay bị diễn lăm như thế mà lại không có cái gì định nghĩa cho nó và quy nó vào những trách nhiệm nhỉ? Xã hội chưa ngã vạ ai, phạt tù ai, vì một người bạn đã lợi dụng, đã phụ một người bạn khác hoặc lừa dối nhau trong tình tình.

Người ta chỉ nói: Chớ nên đùa với ái tình.

Chưa ai nói: không nên đùa với sự bằng hữu.

"Ở đời, chơi được với nhau là khó lắm.

Đánh bạn tức là lụy.

Đánh bạn gương lại càng mệt nữa."

Bình nhìn cái đầu điều thuốc có tàn đỏ dài:

- Bởi thế nên tôi có dám tham lam trong sự giao du đâu. Vợ vét cho lắm, chỉ thêm nặng lòng mình và có khi mang hận suốt đời. Hóa cho nên, ai muốn nghĩ thế nào thì cứ nghĩ, riêng tôi, tôi cho giữ nổi được những người bạn cũ thôi, cũng đã là giỏi lắm rồi.

Không nên làm quá cái sức mình.

1940

CHUYẾN XE TÌNH

Cũng như mọi lần, sớm nay, Nguyễn lại đi xe của nhà tài Vây. Xe của nhà tài Vây không những chắc chắn lại còn chạy nhanh, ít khi om hành khách ở giữa đường. Và thường chính ông tài Vây cầm tay lái.

Đồng hồ buồng phát vé điểm sáu giờ từ đã lâu. Thế mà trời vẫn tối như đêm. Đêm mùa lạnh, giọt sương đọng nhiều trên lá bàng trút mạnh xuống mui chiếc xe dài tải. Tiếng giọt sương nặng kêu lộp bộp đã đổ dồn rất nhanh như nổi một hồi trống tan canh rất mau chấm cái dấu chót cho đêm dài.

Nguyễn không có hành lý. Tay trái, cầm mẫu giò lụa, tay phải cầm chiếc bánh tây nóng, Nguyễn vừa đi bách bộ ở sân, vừa ăn lót dạ, chốc chốc chàng lại ngẩng cái đầu không mũ, điểm mặt một vài hành khách hấp tấp vào lấy vé.

Sân chứa xe hàng đã có sinh khí.

Bây giờ Nguyễn mới đứng định vào lấy vé. Chàng hút một điếu thuốc để quên sự chờ đợi. Ánh sáng lửa

diêm đã chiếu rõ mặt bà tài Vây lấp ló ở lỗ cửa buồng phát vé.

- Kia, ông Nguyễn, lâu nay ít thấy ông tới.

- Chào bà.

- Ông lại vào châu Như Xuân đấy chứ?

- Thưa vâng.

Túm tùm, Nguyễn nhả mẩu thuốc, nói tiếp:

- Chứ bà còn bắt tôi đi đâu nữa?

Tính người vốn lẳng lơ, bà tài Vây nguyệt Nguyễn, đặt tám vé vào lòng bàn tay Nguyễn và đã vội vàng quất một người nhà quê đang chia mấy hào chỉ mới vào lỗ cửa bán vé:

- Cái người kia đi đâu?

Một tên tài xế phụ hì hục mãi mới quay nổi bộ máy nguội. Tiếng động cơ nổ rầm rầm, Nguyễn hít mùi nước xăng, khoan khoái trong lòng. Chàng đã chợt ngửi thấy mùi thơm gắt của đường trường. Xe hôm nay đông khách vì gặp ngày phiên chợ. Họ lên xe ngồi đã đông kín hết cả. Những tiếng tranh giành chỗ ngồi và đùn đi đẩy lại, người nhón trẻ con kêu í oái, tị nạnh nhau lại càng làm bà tài Vây phải to tiếng thêm:

- Kia ông Nguyễn không lên xe đi, còn đợi gì nữa?

- Tôi còn đợi ông nhà ta. Ông nhà ta chưa lên xe thì đã đi đâu mà vội.

- Không, xe sắp chạy rồi đấy. Hôm nay nhà tôi bận không cầm lái được.

- Tiếc nhỉ, chẳng biết tay lái lạ đi có chắc chắn và đúng giờ cho không. Tám giờ, tôi đã phải có mặt ở châu Như Xuân rồi đấy.

- Được rồi, mời ông cứ lên đi cho.

Người tài xế vặn lái xe thay chủ, đã lui xe ra đường cái. Nguyễn chạy theo nhảy lên bực bên trái, ép sát mình vào sườn xe. Từ trong chiếc xe tối om và lộn xộn, tiếng bà tài Vây đưa ra:

- Này ông Nguyễn, xe còn rộng. Mời ông vào trong này. Ông đứng như thế không quen, có chông mặt lại trách tôi.

- Bà không nên ngại. Tôi đi đường xa đã quen rồi bà ạ. Và lại trong ấy có mùi nước mắm và cá khô. Đứng ngoài này tuy thế mà hơn.

Gió sớm phả vào mặt Nguyễn. Đến chỗ ngã tư ra khỏi thành phố, có một ông già cũ kỹ cầm ô vẩy; xe tạm ngừng, bà tài Vây đã chạy đến cạnh Nguyễn và một lần nữa, mời Nguyễn lên vào trong xe mà ngồi. Bà tài Vây đã tỏ ra là người không đứng đắn trong giọng nói:

- Khổ lắm, ai đây dọa ông mà ông cứ phải bám vào thành xe. Ấy tôi bảo thực đấy, khéo không mà lại cảm...

Tiếng động cơ nổ rất mau, rất đều, làm vui tai Nguyễn. Chàng không nghe thấy những lời bà chủ xe hàng ái ngại hộ mình.

Thế này thì có thích không: buổi sớm mùa rét mà lại giống hệt một buổi sớm mùa xuân. Cây cỏ đều tươi tỉnh dưới một bầu trời sáng sủa. Đường cái quan ẩm ướt đã tránh cho khách đi đường cái nạn bụi cát bay mù. Nguyễn say sức nhanh, hít mạnh khí lạnh đẩy hai lá phổi và so sánh màu xanh các ngọn núi chen nhau đứng sừng trước tầm mắt.

Bỗng Nguyễn thấy ở gáy mình hơi âm ẩm. Chàng ngoảnh cổ nhìn lại thì ra từ lúc nào, bà tài Vây đã nhảy lên bậc xe đứng đằng sau phía chàng. Hai người gần nhau quá. Bà chủ xe vận tải đã thở những hơi thở nồng vào gáy một người hành khách đang mê man với cảnh đường trường. Nguyễn hay có máu buồn, chàng rung mình mỉm cười và quay mặt đi.

Chặng đường thứ hai, qua khỏi chiếc cầu si-moong Bến Sung, xe đứng trước một quán nước. Bà tài Vây, đôi chân gọn gàng trong giầy dăm đế cao su đã nhảy phắt xuống địa đường. Tay bà tung tăng cái túi gai đựng xu hào kêu loảng xoảng. Chưa vào hẳn trong hàng nước, bà Tài chấp hai tay vào bụng, nheo nheo cặp mắt lá dăm chăm chú nhìn Nguyễn, có ý mời Nguyễn xuống để cùng sông đôi vào quán nước. Nguyễn đã ngồi vắt chân chữ ngũ bên thành giường

uống nước, đối diện với bà tài Vầy. Hôm nay Nguyễn mới nhận rõ mặt một người đàn bà. Chàng nhận thấy bà chủ xe dù sao cũng có một lối đẹp, nếu chàng đừng khó tính lắm trong sự phê bình cái đẹp của một bộ mặt, vào một vài trường hợp. Bộ mặt và dáng điệu kia cũng có thể làm cho lòng người ta nao nao.

Trên con đường quanh quào lẫn vào cánh rừng châu Như Xuân, chiếc xe hàng vẫn mở máy đều đều. Lần này bà chủ xe ngồi vắt vẻo trên tai xe và Nguyễn vẫn đứng ở bệ lên xuống ngắm người đàn bà quay lưng lại mình. Sao cái gáy người đàn bà phần nhiều xinh đến thế. Mà cái gáy người ngồi trước mắt Nguyễn lại tròn trĩnh như gáy một pho tượng đàn bà Chăm.

Vào những ngoặt đường thước thợ cong gần tới chín mươi độ, chiếc xe hàng nghiêng hẳn đi như sắp lật úp. Chiếc xe nhiều lúc gần mất trung tâm trọng lực. Nhờ cái gáy đẹp của bà tài Vầy ám ảnh óc thẩm mỹ mà Nguyễn đã quên cả cái hồi hộp của nguy hiểm nơi đường nghèo. Sức nhanh của xe càng ru lòng Nguyễn đang mở tung như một hoa sim rừng trước sự khiêu khích của gió ngàn. Bên đường những nông phu đi gặt nối nhau theo hàng một kết thành một đoàn bộ hành rất dài. Họ đều mang mỗi người một chiếc đòn xóc hai đầu nhọn hoắt. Nhiều khi họ trở tay mỗi, quay ngang đòn xóc vào hẳn lòng con đường. Đường hẹp, xe lướt qua mình họ và đã mấy lần, chỉ thiếu một chút những đòn xóc nghênh ngang đã cắm phập vào ngực và bụng

Nguyễn như một mũi lao có đà mạnh. Đã mấy lần chàng sượt qua những mũi nhọn trở nên giết người rất mau lẹ vì sức nhanh xô tới. Cái chết trên thoi đường này cách Nguyễn chỉ có mấy phân tây.

Nguyễn sờn gai ốc khắp người. Chàng tự hỏi lòng mình: “Nếu vừa rồi ta có bị mũi đòn xóc xuyên qua người là tại ta tự gây lấy nghiệp. Nếu chui vào trong xe mà ngồi thì làm gì có những sợ hãi vừa qua. Chỉ vì vài nét đẹp nhất thời của cái gây một thiếu phụ mà ta đã đi sát cái chết”.

Bà chủ xe hơi vẫn gọn gàng ngồi ở mũi xe, mắt đắm nhìn con đường đất đỏ cứ rút ngắn lại phía mình. Thình thoảng xe đi qua một dãy nhà lè tẻ bên đường, bà lại quay cổ lại bảo người cầm lái đi chậm lại một chút. Thế rồi xe vẫn không ngừng, bà đã kiếng người lên, ngẩng nhìn ra khỏi xe, giao một lá thư hay một cuốn sổ cho một đôi người đứng đấy chực sẵn chiếc xe qua. Trong cái vội vàng, bà vẫn không hấp tấp và trong cái sức nhanh của xe bà cứ chỉ gọn gàng đặt lá thư vào đúng cái tay xòe của người đứng bên đường, hình như đã tính theo số học không sai một giây. Những sợi tóc đen dài bị gỡ tung diên cuồng vờn theo một chiều gió. Bà tài Vây đẹp như một pho tượng “Say với Tốc Lực”.

Nguyễn nửa muốn vào ngồi trong xe, nửa muốn đứng mãi ở bệ xe để được ngắm đầy đủ một cái đẹp tươi tắn, đi thỏa pha trộn lẫn vào cái lỏng lẻo của một

bộ máy lớn muốn ngón lấy ngón để cả một dải đường
đổ nhiều đoạn thẳm như gạch cua bể.

Nguyễn trở nên nghi ngại.

“Ồ, thế ra con người ta, mỗi người có một địa hạt
để tỏ rõ cái đẹp của mình. Mỹ Thuật vốn không là bà
con với Luân Lý của thời đại. Một thằng ăn cắp đã
trở nên đẹp đẽ vô cùng khi hắn cất túi người ta rất
gọn, rất nhanh. Bà chủ xe hơi này, trong thế giới vận
tải bằng xe hàng, bà ta có những dáng điệu và cử chỉ
đẹp lạ. Bà đẹp trong cái hoàn cảnh của bà”. Vụt một
cái, một mũi đòn xóc lại trượt qua vai Nguyễn. Chàng
chưa kịp khùng khiếp thì một cành cây thấp rủ xuống
đường lại đập mạnh vào mặt chàng. Qua nhòm tuyến
bị mù quáng, Nguyễn lơ mơ nhận thấy một ít lá khô
lả tả rụng bay về xuôi, khi chàng dụi mắt nhìn về
phía sau để tránh luồng gió bạo và nhìn lại cái cảnh
cây dữ tợn. Cái vẻ đẹp hỗn độn của người đàn bà ngồi
đầu mũi xe giữ chàng chôn chân ở bệ xe. Nguyễn đã
hoàn toàn mê si trong phút này. Phía xa, những nông
phu cầm nghênh ngang đòn xóc vẫn hiện lên lơ nhố.
Nguyễn vẫn cứ đứng ngoài bệ xe. Và tự bảo chữa cho
sự lộng hiểm của mình, Nguyễn nói với lòng:

“Ở đời mấy khi có dịp làm người si tình để được
coi nhẹ tính mệnh. Và chẳng chết được cũng khó lắm
chứ. Và khi nào cái đòn xóc cắm trúng vào người, bấy
giờ ta sẽ liệu.”

Thế rồi Nguyễn cứ nấn ná mãi không chịu vào ngồi trong xe. Mặc dầu bây giờ, lòng chiếc xe hàng đã thừa nhiều chỗ.

Chiếc xe leo lên đến dốc đồi, phải dừng lại vì tắc máy. Bác tài xế bước xuống khám lại máy. Bà chủ xe ngồi vào thay tay lái và ấn ga. Động cơ vẫn rú lên, nhưng người tài xế cứ phải nằm bò trên mũi xe mở nắp để dò xét cái máy hỗn hển và đòi dờ chừng. Chiếc xe ì ạch và căn cứ rút từng thước đường gỗ ghề. Lúc này ngồi cầm bánh lái, chân tay làm việc luôn với máy móc rất nhẹ nhàng, bà tài Vây đã phát huy hết cái đẹp của bà trong một không khí thể thao.

Sớm nay đi kiểm soát vé trên đường vào châu Như Xuân, khi cho xe chạy chậm chậm qua mấy dốc đồi bà đã chở luôn qua rừng xanh cả một cái tỉnh một buổi của một hành khách không cầu mong sự đền bù.

Đến châu Như Xuân, xe dừng bánh. Bà tài Vây loạng choạng đặt chân xuống mặt đất Mường. Rời bỏ chiếc xe mới có vài chục thước, bà trơ trên như một kếp hát thiếu mất ánh sáng của đêm sân khấu. Thiếu không khí quen thuộc, bà đã vụng về như cái bước chân của một gã lính thủy đổ bộ ở một thành phố nào.

Rất dừng đắn, Nguyễn chào bà tài Vây đang mệt và đang xấu. Một cái gì vừa nhòe vỡ trong thế giới hình và sắc.

CÁI CÀ VÁT ĐEN

Tặng Đoàn Phú Tứ

Từ bỏ cái áo the thâm quốc phục, đổi sang ăn mặc tây, trong phục sức mới, Nguyễn khổ bận nhất về chiếc cà vát tết mũi ở cổ! Tiền sắm cà vát, chàng quăng ra kể cũng đã nhiều lắm. Mua cứ hàng hộp. Xa xỉ. Nghĩa là không thiếu, không rách, không cũ nhàu.

Cổ Nguyễn lộ hầu đã hứng chịu lấy cái buộc trời của bao nhiêu là dải lụa dệt đủ hình bài trí và sáng ánh đủ các màu sắc, hoặc là hòa hợp hoặc là tương phản. Đã có bao nhiêu thân cà vát đặt giá ăn ở với cổ Nguyễn. Đã có bao nhiêu đời cà vát lia rời khỏi tủ pha lê lủ lủ xa xỉ phẩm để đến gá nghĩa với da thịt một cái cổ lúc nào cũng thêm đến sự tô điểm của tơ nồn, của màu đẹp.

Nhưng những dải lụa diêm dúa ấy cũng chỉ sống đủ cái đời của một dải lụa. Và đâu có phải là chúng thiếu cái đức bền vững của vật tốt.

Thật tình ra, những cà vát của Nguyễn đều là thứ dệt bằng hàng tốt. Vò không nát, tuốt mạnh không đứt, rút không dãn, sợi không giãn thớ. Nguyễn còn muốn gì nữa.

*

* *

Nguyễn vốn có một lối sống hỗn độn. Trong lòng chàng và thứ nhất là trên đời chàng, luôn luôn có mưa gió và bão giông. Bọn cà vát lụa sinh ra là để sống một cuộc đời yên nghỉ ấm rợp của mỹ nhân, vì thế cũng phải theo luôn Nguyễn mà đi sâu vào cái mưa gió nó cứ quyen lấy tháng ngày của Nguyễn, chỉ biết có xê dịch và xa lìa. Hỡi thương ôi những dải lụa màu! Cứ theo Nguyễn mà lẫn xả vào cái thất thường ghê gớm của thời tiết - với sương muối gió nồm, nắng chói lòa và trùng của ẩm mốc - thì nhan sắc nào mà chẳng sớm tàn. Cái gì quá đẹp thì lại chóng tàn. Trong cái phút giây chớp mắt của mùa lên đường, cánh bích đào ngày này năm này đã có đủ cái nhợt phai của đào năm trước.

Ấy thế mà đám cà vát tơ kia đã không đến nỗi phụ Nguyễn, người nhân tình bất diệt của lụa màu. Tất cả màu sắc luôn luôn khô ngò trong trẻo trên các giải lụa dệt lòng thông trong tủ áo Nguyễn chúng như

muốn trêu nhạo cả thời gian - cái thời gian tuyệt đối mỗi lướt trên mọi vật tươi sáng là chỉ muốn mọi vật trở nên cũ xấu và hóa theo cái bản sắc vàng bệnh của mình.

Những giải lụa yêu của Nguyễn vẫn tươi bóng không chịu ủa rầu xuống mặt.

Ấy thế mà Nguyễn đã phụ tình. Ngày nay chàng đã quên, chàng đã ghẻ lạnh với lũ lụa màu. Lại còn giam cầm. Trong cái tủ áo kia, những thân tơ óng ả ấy đã là những phận tù của không biết đến bao giờ. Bao nhiêu dây cà vát rù rù rù trong cái đen ngòm của tủ đứng đã khép kín hai cánh. Ở đấy, lạnh lẽo vô cùng và tối om om vô cùng. Tơ nồn dệt màu ấy sinh ra là để được phô phang, trình bày cái diễm lệ của mình ra giữa cái sáng thơm ngon của Tự Nhiên hay giữa cái sáng ma túy quyến rũ của quán rượu gác ca có tiếng cười chen tiếng xô động của thủy tinh và sứ mỗi rót xuống thêm là lại làm xao xuyến cả một bầu khí được phấn ngát nước huê nồng. Lũ tơ nồn dệt màu ấy giờ đã phải đau khổ âm thầm với Nguyễn đã y mình nhiều tiền, lấy về để rồi mà ghẻ lạnh và hạ ngục. Chiếc tủ áo là một cái để lao xinh xinh, là một thừa lãnh cung và bấy nhiêu cà vát là tất cả số phận của những cung nhân bị bỏ rơi - ngày đêm thăm trộm nhớ đến một khuôn mặt rộng ở xa trên những nơi chín bệ. Tiếng đàn ca thừa nhật nào nùng của một đô

thành hoa lệ, nhiều đêm khô nỏ và thuận chiều gió về đã lên qua kê tủ gương mài cạnh và dội vào nơi lãnh cung này của đám cà vát bị thất sủng, bị rẻ rúng, rẻ rúng cho đến tàn cái kiếp một sợi tơ tằm nhuộm thắm.

Ở những đâu đâu xa xôi đùa vui là thế mà trong tủ gương này chỉ có lạnh vắng. Đùn đùn hơi ẩm. Dềnh dặc mùi mốc. Giấy lát một con gián bị luồng long não băng phiến đuổi theo sột soạt chạy, quấy nhàu cái tịch liêu của lãnh cung. Có những con nhậy con dài đuôi phụ họa vào. Rồi pha thêm vào những mùi thuốc sát trùng ấy là cái mùi phân gián và chuột chủ nhiều khi rất tanh rất đặc. Đã tội nghiệp thay cho cái đời của những màu sắc bị đẩy ải vào đen tối và tằm mình trong hôi mửa.

Khi không, Nguyễn đã trở nên một bạo chúa trong lịch sử loài tơ quần cổ. Người ta héo dần trong oán tiếc ở các thâm viện bạo chúa của sử xanh như thế nào thì ở đây, trong cái tủ gương sáng chói chỉ có bề mặt ngoài này thôi, bọn cà vát cũng giận chờ khổ đợi như thế. Cái tủ gương đứng có khi hằng mấy tuần, Nguyễn không mở đến. Có những buổi chiều mà một giới ráng vàng còn cố níu lấy hoàng hôn chưa cho trượt xuống vội, tủ gương lách cách tiếng thìa khóa đâm quay trong họng ổ khóa đã di.

Dám cà vát tỉnh giấc và mừng và hy vọng như lũ tội nhân, cảm cố đợi phút được đưa từ buồng tối ra chỗ ánh sáng muôn năm. Luồng gió lạnh tạt từ ngoài vào làm động dây mấy dây cà vát cọ mình vào nhau. Lũ dải tơ ngả ngón lá lơi, xê xích lại. Lũ phi tần nghìn xưa gần kề nhau trong thâm viện rồi xi xào tâm sự với nhau xem hôm nay dê của Thánh Thượng dừng xe trước bó lá dâu phòng nào thì cũng hồi hộp đến nhường ấy thôi.

Bấy nhiêu dải tơ dệt màu, mỗi cái đẹp một vẻ. Cái thì kẻ ô vuông xanh màu thạch xương bồ chen vào những gạch chéo màu lựu ngày nắng tháng năm - hình như đây là thứ cà vát dùng vào buổi lễ hành. Cái thì nhờ nhờ màu hạt trai điểm những hình quả đậu tươi sáng. Cái thì trong vắt sắc da gòai lác đặc ít ngôi sao màu cá vàng. Cái thì biêng biếc một màu âm thầm của nước biển chiều trên ấy chạy ít đường sóng lênh, nhăn nheo như mình lá hồ thiết. Có thứ lại đẹp một lối chắc chắn khiêm tốn với màu huyết dụ toàn thể hoặc tím than một sắc. Và chao ôi, từ ngày thời thượng phục sức bước vào một kỷ nguyên mới, người ta đã dệt được bao nhiêu là thứ hình cầm thú, cây cỏ và hoa lá, rất xinh và cũng rất quái đản để làm nền cho một dải cà vát. Nói ra cho hết, sao cho tới chỗ cùng được.

Nghe tủ động tiếng khóa mở, chiếc cà vát nào cũng tự cho mình là đẹp, là đủ điều kiện đẹp để hôm nay rời khỏi lãnh cung ra mà vòng ôm lấy cổ người yêu đã có một phút nghĩ lại.

Nguyễn mở rộng hai cánh tủ, điểm hết mặt bấy nhiêu dải tơ. Hai mắt Nguyễn rầu rầu.

Đám cà vát ông ả bị tay Nguyễn quơ phải, giạt cả về một phía, nép sát mình vào nhau, tỏ rõ cái yếu thơ rất khiêu khích của một giống đẹp sinh ra để mà làm nũng và biết lấy ngay cái sở đoản kiểu nhược của mình ra mà làm một thứ khí giới lợi hại. Có mấy chiếc cà vát khỏe quá, tươi thắm quá lại đứng riêng ra một chỗ nơi đầu dây, như chiều ta đây không muốn lẫn vào với đám chị em tầm thường, đã chẳng dám tách riêng ra mà can đảm đòi lại quyền sống ngoài ánh sáng.

Bữa nay tủ cà vát nhộn nhịp.

Sợi dây cà vát rung rinh rồi mấy mươi dải cà vát cũng đều rung rinh theo trong bóng tối. Một luồng ước vọng thấp thỏm vừa chạy qua tâm linh đám mụn tơ. Chưa cái cà vát nào biết rõ trước là “chị” nào sẽ được ra khỏi chỗ tối tăm này, dầu là chỉ có một buổi. Quyền lựa lọc ấy là quyền của đáng chủ nhân - đáng chủ nhân thì chỉ có một mà họ, những lựa đẹp, thì là rất đông. Lũ cà vát đợi, phút dài như năm.

Nguyễn râu râu gởi mắt vào lòng tủ mà không để tâm đến dải cà vát nào cả. Chàng uể oải tháo mùi một dải cà vát đeo ở cổ không biết từ bao giờ, rồi vứt nó xuống cạnh đám cà vát cũ kia. “Ta lại chôn vào đây một ngày vui nữa vừa đi qua”. Nguyễn lẩm bẩm, đóng ập cửa tủ đang kêu một tiếng rầm.

Thì ra đám cà vát hy vọng và thất vọng kia lại đang thêm được một số phận bạn bầu nữa, bị vứt vào đây để làm lạnh thêm không khí tủ đã thừa mùi thê lương. Nơi lãnh cung, Thánh Thượng lại vừa thêm được một nàng phi thất sủng.

Khốn nạn, đã không dùng đến đám cà vát này nữa, đã không muốn thắt cà vát lỏng lẻo nữa thì Nguyễn nên đem mà nhường lại cho các bạn thân, hoặc tiện và thấp xoàng hơn nữa, thì nên đem cả cái lô hàng tốt ấy gửi vào nhà hàng tấm tấm nào cho họ bán đấu giá đi như cái lối bán đồ vật của những vị Tây phải hai năm mươi ở xứ này. Không muốn cho “người ta” ở với mình nữa thì nên phóng thích người ta ra, thả cho về, để cho người ta đi tìm những bộ cổ xinh tròn khác mà làm bạn mà gởi thân. (Cuộc đời chung quanh đâu phải là không còn có cái cổ nào nữa. Người đao phủ vẫn còn thêm sống kia mà). Giữ làm gì người ta trong một cái tủ lạnh hơi người vắng mùi hương ấm để cho nó mai một những màu sắc chóng vánh nhất thời ấy đi. Đã phụ tình nhau thì nên buông tha nhau ra, chẳng có hơn sao.

Chiều nay ngồi tháo giầy bên tủ gương mài cạnh, cổ sơ mi để hở, Nguyễn lắng lòng mình. À, cái đời tiềm tàng của riêng mỗi người, Nguyễn chán lắm rồi, không thể chán được hơn thế này nữa. Chàng đã mất hết cả tin tưởng trong cái lối sống riêng biệt mà trước kia chàng cho là màu nhiệm kỳ thú lắm.

Ra cái hạnh phúc con người ta không thể đặt lên Truy Hoan được. Khi mà người ta thừa thãi sức khỏe và tiền bạc, và lại được hai đấng cha mẹ thừa bát ăn để cho mình ăn học để có lấy một quan niệm đại khái về sự sống theo chiều mặt, thì ai mà lại chẳng vui và đùa hát và nói to cho nó qua ngày đoạn tháng. Đã từ một ngày xa thẳm nào, Nguyễn tưởng cứ ướm mãi được nụ cười như thế trong ca hát và lúc nào cũng nắn mãi được một múi cà vát xinh tươi trước cúc áo cổ sơ mi. Nhưng có một buổi chiều không gian nặng trĩu nhựa sống thuần túy, Nguyễn đã bị không khí mới sai bảo đặc lực và hiểu cuộc đời theo một chiều sâu để rồi lại đem mình lắng mình vào một đời sống bên trong. Thì Nguyễn mới nhận ra rằng một cốc rượu máu đào nồng men cũng như một món tóc thẻ, cũng như một miếng dê béo, đều đã không nói cho chàng nghe thấy một điều gì hết. Hay là tất cả bấy nhiêu chỉ có bảo cho chàng hiểu rằng tất cả bấy nhiêu là vô vị, là nhạt nhẽo, là thôi nát và chàng không tiếc gì mà thay bỏ hết.

Cái lô cà vát kia là dấu vết của một thời đã được coi là đứt đoạn hẳn. Và để đánh dấu lại cái bóng quang âm ấy của một thời đã đi qua, Nguyễn đã cất hết bấy nhiêu cà vát đẹp vào tủ kín. Rồi để lúc nào buồn lại thử mở ra xem. Trong cái tủ áo cánh gụ chặt khóa, nhiều kỷ niệm lắm. Nào là những buổi chiều lộng lẫy và hí hửng bên một vòng đua ngựa. Nào là những buổi sớm ngày chúa nhật đàn đúm đi rong phố Tây sấm những đồ vật không cần dùng gì cho sự sống hằng ngày, nào là những đêm... Ôi! Mỗi dải lụa tơ dẹt màu là một ngày náo động được hồi tưởng đến. Vì chẳng khác một cuốn an-bom lúc được giở lại từng tờ một.

Bây giờ Nguyễn đi tìm những thức ăn mới và đã biết trốn xa những nơi hội họp cũ. Nguyễn đã muốn thay thực đơn cho lòng mình.

Và Nguyễn đã thay luôn cả cái bề ngoài của mình. Những cái gì là lộng lẫy là hào nhoáng, chàng thái hết. Và giờ, trước ngực nơi cổ, người ta chỉ thấy chàng tết có một nút cà vát đen kịt. Có người trường tộc ngựa mồm, biết trong họ nhà - về chi Nguyễn - không có ai nằm xuống hồi gần đây, hỏi nghịch chàng là để trở ai thế, thì Nguyễn trả lời rất gọn rằng "Thưa cụ, cháu đang để tang cháu đấy ạ".

MỘT NGƯỜI CHA VỀ ĂN TẾT

Tặng Đỗ Đức Thu

Chiều hai mươi chín tết, vợ chồng anh bạn trước khi đáp chuyến tàu cuối cùng về quê, đã bảo Nguyễn:

- Cái đó tùy anh. Nếu anh muốn ăn tết ở đây để “tìm cảm giác của tha phương”, thì cái nhà này bao giờ cũng vẫn là nhà của anh. Sẵn đây tớ, sẵn rượu thuốc, giò bánh và cá kho và trầm hương. Nếu anh đổi ý kiến sau khi vợ chồng tôi đi rồi thì anh cứ về. Hay là về? Cũng nên về nhà, Nguyễn ạ. Đã mấy năm, anh không ăn tết ở nhà, anh không thấy dễ phiền cho thân quyến hay sao? Nhưng nếu anh về, anh làm ơn gửi nhà lại cho ông cụ Tư bên hàng xóm nhá. Dặn qua ông cụ mấy tiếng. Thôi đến giờ tàu rồi, vợ chồng tôi đi, và gửi lời chúc anh ăn tết cho... cho được... thôi chúng tôi đi.

Đêm ấy, Nguyễn uống rượu cảm khái trong một căn nhà bạn đã về quê.

Đứng trên bao lơn, Nguyễn chính choáng nhìn xuống cái nhộn nhịp của đêm tết Kinh thành. Nửa chai đã cạn. Chỉ có rượu vào mà thơ không thấy ra, Nguyễn khoác áo ra đường. Trời rét đã khuyên chàng chỉ nên đi bộ, mỗi bước dài đủ tám mươi phân. Nguyễn thêm hút thuốc chưa guộn nhồi trong một cái tẩu thuốc mà nổi hút phải sâu lòng. Chàng rẽ vào một hiệu tạp hóa thực phẩm của Khách Phúc Kiến, tìm thuốc và tẩu thuốc. Hộp thuốc lá thơm thái nhỏ mất một đồng bảy hào. Cái tẩu thuốc chỉ có một đồng. Nguyễn nhớ tiếc cái thời phong lưu xưa cũ, trong nhà, trên giá tẩu, lúc nào cũng có đến năm sáu cái tẩu đủ kiểu, cầm đến cứ nhẹ như không và hút không nóng cổ.

Đứng ở đầu ngã ba, chàng bảo người bán cà phê rong pha cho một cốc cà phê đặc. Thói quen đã bảo chàng ngậm một ngụm cà phê không bỏ đường chún nước đắng vào ruột tẩu để tời cái tẩu mới.

Nguyễn dừng trước tủ kính một hiệu giấy, ngắm lô giấy dép trẻ con. Rặt giấy trẻ con. Thật là một thế giới chân ấu trĩ. Chàng thấy lòng rung động, nhớ đến lũ con chàng không biết bây giờ đang ngủ hay là đang làm những trò gì ở nơi xa vắng ấy. À, còn hai hôm nữa thì chúng thêm một tuổi và bố chúng thì kém đi một tuổi giới. Nguyễn hút một môi thuốc tăt, cau mặt đánh một cây diêm mà mắt vẫn không rời khỏi lô giấy

ti ti xinh xắn. Chàng lăm bắm lăm một cái tinh nhảm. Thằng Tuyền mười một tuổi... Con Khuyên ... tám tuổi. Con Tương... Thằng Châu... Con Hường... Cộng cả lại chúng nó được đúng ba mươi tuổi. Một mình chàng cũng ba mươi tuổi. Tam thập nhi lập. Lập cái gì? Lập công? Lập đức? Lập ngôn? Hay là lập dị như người ta thường bảo chàng? Ô! Thế sự! Nhớ đến tên lũ con, chàng lại buồn cười cho ông nội sao đặt tên cho cháu toàn đặt chữ đôi. Đọc nghe Tàu quá. Cái con Tiêu Tương bằng ti tẹo thế mà ông nội cũng đã tìm chữ cho cháu gái dùng làm biệt tự. Tiêu Tương tự là Sở Đò! Nguyên nhớ đến một câu thơ Chinh phụ. Những cái tên cùng một bộ thủy, đẹp như thế này, chẳng biết mai sau có đứa nào làm nên cái trò trống gì không?... Lại còn có những người lúc được hiển đạt - họ được hiển đạt vì ở một quê hương toàn người mù họ còn được cái may, có một con mắt mở - lại muốn xóa bỏ khỏi tấm căn cước, nơi giấy khai sinh một cái tên rất bố cu mẹ đi tố cáo một nguồn gốc quá ti tiện.

Nguyễn đã quay gót rảo bước được một quãng rồi mà hình ảnh lũ con chàng vẫn ám ảnh hoài. Chàng giờ lại hiệu giấy ấy, đòi mua luôn một lúc năm đôi giấy trẻ con đủ màu da láng xanh đỏ đen nâu.

- Thưa ông chân các cháu số mấy? Người chủ hiệu giấy tùm tùm hỏi.

Nguyễn lúng túng. Chàng nhớ cách đây sáu tháng, một lần vội vã tạt về nhà, chàng đã lấy bút chì xanh khoanh kiểu chân lư con vào một tờ bìa. Nhưng tìm đâu cho ra cái tấm bìa ấy bây giờ? Và nếu có tìm được thì chưa chắc đã dùng để làm mẫu cho đúng được. Sáu tháng rồi, chúng nó nhón như thổi. Vợ Nguyễn viết thư ra cho chồng, thường lúc nào cũng viết một câu như thế để vào lời tái bút.

“Này ông hàng giấy này, con tôi đưa đầu lòng mười một tuổi, đưa nhỏ nhất đứng cuối sổ là hai tuổi. Tôi có tất cả năm cháu. Nhà tôi cứ hai năm ở cứ một lần. Ông liệu mà xếp giấy. Rộng một chút cũng không sao”.

Nguyễn bưng bốn giấy ấy về nhà, đi qua hiệu tạp hóa chú Khách ban nãy còn mở cửa, chàng mua luôn một cối pháo toàn hồng và một chai rượu Cognac, thứ nhỏ và mình lọ đẹp. Cái dáng lọ ấy bỏ vào túi áo trong ba-đờ-suy tiện và xinh quá. Có thể đem theo luôn trong mình để lúc lỡ gặp vui hoặc gặp buồn ở giữa đường, người ta chỉ phải ngậm lấy cổ lọ và tu đánh ực một ngụm rất gọn ghẽ.

Thằng đầy tớ chưa đi ngủ. Nó đang ngồi phá trận với một cô bài tổ tôm đã mòn hết góc cạnh và mất cả hình vẽ. Nguyễn bảo nó đốt ngay cối pháo trong nhà. Trong khói đặc như mây thung lũng, lửa pháo dẹt,

những sợi sáng nhanh tựa chớp. Tiếng pháo nổ xé không khí gian phòng kín vương mùi diêm sinh ngạt. Trong bài trí của khói diêm đứng im không chịu đi đâu và xác pháo trụy lạc ở mặt thêm, Nguyễn ngồi ngấm lũ giấy trẻ con. Chàng ngừng uống rượu để hút tẩu thuốc. Rượu và thuốc đem vào đầu Nguyễn một cơn thiên đầu thống nặng trĩu. Và đến lúc chàng mở mắt dậy trên trường kỷ lạnh tụt mất cả nệm phá Lào, chàng nhìn cửa tay áo cháy thủng một lỗ to bằng quả cam đường. Miệng chàng chát xít một mùi tàn tro. Đồng hồ đeo tay của Nguyễn chết từ lúc hai giờ đêm.

Xa xa tiếng tiu cánh leng keng. Chẳng biết có phải là tiếng vọng một đám lễ tất niên một nhà hàng xóm chập trễ không?

Nguyễn đánh thức thằng nhỏ dậy:

- Con bỏ cái va ly trên đầu tủ xuống, lau bụi đi... Đây cậu cho đồng bạc giữ lấy mà ăn Tết. Cậu đi vắng nên trông nhà nhiều hơn là đi chơi. Cậu mợ con ngoài giêng có ra sớm, con nói cậu phải vắng nhà độ mấy hôm.

- Cậu lại không ăn Tết ở Hà Nội?

- Ủ. Con nhớ để cái đĩa pha lê ra giữa bàn nhà ngoài cho những bạn của cậu mợ con đặt danh thiệp nhà.

Một tấm cửa sáng mở rọi đúng vào một đêm tuế mộ mò mò. Gió đêm thổi thốc vào miệng thành nhỏ đang: "Lấy cậu về..." với một giọng buồn tiếc. Cậu Nguyễn lại cũng về quê nữa!

Nguyễn đặt chân ra ngoài hè cũng không biết lúc ấy là mấy giờ. Đêm hai mươi chín tết rạng ngày ba mươi, trời tối như trát mực tàu. Ngược làn gió nay mai sẽ giao thừa, chàng lần về nẻo ga.

Mấy người phu đổi thùng chậm trễ, tay lòng thông cầm cái thũ đèn chụp làm bằng vỏ chai rượu ty của đây, túm tụm ở cửa một ngõ ngang bàn nhau ngày mai nấu chung một nồi nước nóng có ngâm hạt mùi già để tẩy mình cho hết cái ô uế trong một năm giữ việc vệ sinh chung cho thành phố.

Trên con tàu, Nguyễn móc củ thủy tiên vào cái mấu sắt ở trần toa. Lúc sáng hừng thì hoa ấy, đem qua còn ngậm cười, đã toạc nở hai đóa giữa quãng Phố Tía - Cầu Guột trong con tàu tết trườn trên đường sắt dài. Hoa chớm nở đượm một mùi thơm của sự được đổi rời. Nguyễn nhìn ra cửa sổ tàu, nhìn con đường nhựa thiên lý song song đánh bạn với con đường sắt. Và trên đường, có một quả hồ lô máy đang ịch nuốt từng tấc đường dài. Người phu lục lọi làm phần đường đã cho chở cả lên xe lăn một cái hòm mới gỗ nhuộm màu nước vàng và hai man vàng Sét.

Nguyễn ngùi ngùi nhìn lại cái bóng người hèn mọn đang lùi xa lại với con lẩn trong đám cỏ cây gần thay hết lớp lá già cũ. Đường nhựa, dưới trời mưa phản rí rả, bóng và lạnh như một thỏi thép rộng bản. Sớm ba mươi Tết, Nguyễn nhận ở hình ảnh người phu đường ấy cả ý nghĩa sự quyến luyến của con người ta đối với phần hương và cố lẩn mò về góp mặt cho kỷ được với quê hương, mặc dầu mình chỉ là một mẫu đời tũn mùn chẳng đáng nên góp vào đâu tất cả. Mà Nguyễn thì đã hơn gì người phu phân đường kia(!)

Còn nửa chai Cognac con giắt theo, Nguyễn dốc nốt, chàng xuống ga về nhà, ngửi cái mùi vôi mới quét ở ngoài cổng. Chàng uể oải bước vào nhà, đứng ngắm mẹ đang chỉ bảo người lấy trấu đánh bóng bộ đồ đồng ngũ sự. Mẹ Nguyễn thở dài một tiếng, rồi cúi luôn mặt xuống. Ông cụ đề ra Nguyễn đi vắng, mang các cháu nhón lên chơi chùa. Vợ Nguyễn đi chợ, thằng Tuyển bạn đi họp bạn Sói Con. Nguyễn cảm thấy hình như không một ai có ý chờ mình về. Máy kỳ Tết, chàng có về đâu mà chờ với đợi. Chàng về Tết, nói cho cùng, cũng chỉ như một người đi tù về. Tủi tủi và rầu rầu. Nguyễn thấy mình có trở về nhà trong ngày long trọng này thì cũng chỉ là vì một thói quen đã cũ. Không về thì không đành lòng mà về tới thì... ối dào...!

Chàng vào cái buồng cũ đầy mùi ẩm mốc, chui luôn vào chăn bông ngủ một giấc say, trả nợ cho mắt phải thao láo vì mấy đêm thao thức trước ngày về. Con Hương đang ngủ say quá. Nằm cạnh con gái út hai tuổi, chàng thấy ấm, ấm hơn cái lồng ấp có than hồng.

Chàng ngủ không biết mấy giờ. Lúc mở mắt dậy, thấy có những cái gì vương vãi chung quanh mình. À, ra con Tiêu Tương và lại cả thằng Châu nữa. Hai đứa nhỏ này chui vào chăn tự bao giờ. Nguyễn lẳng thấy ngoài cửa sổ khép có những tiếng quen quen đang nói chuyện. Đúng tiếng thằng Tuyền nó đang hỏi mẹ nó:

- Cậu đã về đấy mẹ?

- Ủ, con bảo em Khuyến khê chứ để cậu ngủ. Thôi con không phải thay quần áo nữa. Cứ để nguyên cả quần áo sì cút đấy, đợi cậu dậy rồi ra mà khoe luôn. Cậu đã thấy con mặc lỗi Hương Đạo đâu?

Một lát lại có tiếng cha nói với mẹ:

- Thôi bà đừng nói gì với nó nữa.

- Tôi tưởng năm nay nó lại cứ ăn tết với những bạn nó.

- Thì đạo bằng hữu cũng đáng phải kể trong ngũ luân chứ? Nhưng thôi, tôi cũng rồi đấy, bà lên cùng

đi để cho các cháu nó lễ... Cái thằng ấy thế mà tốt số. Năm nay nhà mới giết lợn gói giò làm chả, thì nó về. Mà không biết nó ở đâu về, xem ra một nhọc thế.

Nguyễn thấy trong mình đang rào rạt những tình cảm mới lạ. Rồi Nguyễn phàn nàn cho mình đã không đem được tí gì về nhà gọi là góp vào cái tết trong gia đình. Một chút hối lỗi buồn bã này làm gì đã đủ. Con Tiêu Tương đã trở dậy. Nó cười ngay. Và khoe luôn với Nguyễn cái ống tre bỏ tiền của nó đã đẩy nặng. Nguyễn mới nhớ ra mình đã để đồng xu cuối cùng của mình vào lòng tay người phu xe kéo từ ga về ban này. Con Tiêu Tương giơ ra cái đôi tất trắng sạch nhưng mà cũ. Nguyễn vụt nhớ đến lũ giấy dép của trẻ con, mở va ly ướm cho con Tiêu Tương một đôi hơi lỏng một chút. Thằng Chấu cũng choàng dậy và mếu máo:

- Thế của con đâu? Cậu có mua cho Chấu không? Có mua que đan và cuộn len để chị Khuyên đan áo cho con không?

Nguyễn gật liêu và chàng vừa ngáp vừa nhớ lại tất cả những lần vợ ở cử thì chàng đều không có mặt ở nhà. Chàng cảm thấy mình chỉ là một đứa ích kỷ quá và không xứng đáng tí nào đối với cái độ lượng của tất cả già trẻ và người bạn lứa đôi kia. Chàng thấy mình đã nghĩ đến mình nhiều quá đến nỗi quên hẳn những nguồn sống chung quanh gần nhất.

Đêm giao thừa ấy, lúc cũng ở giữa trời, ông cụ thân sinh ra Nguyễn lẳng đēm, hóa vàng và lúc nghe thấy mèo kêu sau lúc pháo các nhà đón Xuân đã tắt bèn nói với Nguyễn đang lom khom trút rượu ở bàn cúng:

- Mèo kêu rậm rù. Năm nay rồi động rừng, rồi dư rừng lắm đây, Cả ạ. Không nên đi các vùng xa.

Tết Nguyên Đán Kỳ Mão.

LỬA TRẠI

Gởi cho một người con

Cái đêm thức vừa rồi sao mệt đến thế. Ấy là cái đêm trắng không có nhựa độc pha thêm nữa vào mà còn thế đấy. Nếu có nha phiến thấm tràn vào người như những năm trước thì phải biết! Có mà giặc dã ập ngay đến lúc này thì mới dựng nổi được Nguyễn đây. Nguyễn bẻ tay kêu lắc rắc.

À, cái thằng Xuân lại đang ôn lại những bản nhạc cổ điển, nắn nót nhún nhảy, mãi mười đầu ngón tay trên lũ phím ngà chiếc dương cầm lù lù chiếm mất hẳn một góc phòng. Sao hôm nay người bạn đàn hay và du dương đến thế. Xuân, cái người bạn tốt - đã vui vẻ đánh chó và mở cửa cho Nguyễn vào ngủ nhờ một đêm - thấy Nguyễn cựa mình, tay vẫn nhún phím đàn, ngoài đầu lại, nói chớ vào tấm màn trắng rung rinh.

- Còn sớm, ngủ lại đi; để tôi tìm một bài gì ngổ ngỗ đàn cho anh ngủ thêm nhá. Bài “Bữa Cỗ Của Con Nhện”. Anh thử nghe kỹ xem cái đoạn giữa bản đàn có toàn là những tiếng ruồi tiếng muỗi rung vẫy cánh chực phá bung cái lưới tơ nhện dăng không nhá?

Mặc kệ bạn đánh bài “Bữa Cỗ Của Con Nhện” Nguyễn thăm lặng đuổi theo những ý nghĩ mình đầy tiếc thương và rẻ rúng. Chao ôi! Đêm qua Nguyễn lại đi chơi. Đến lúc này mà vẫn còn trong mồm chàng, trên da lưới chàng, nơi đáy họng chàng cái mùi vị chát xít và ma túy của mấy bình rượu. Cánh tay sơ mi đưa lên mũi, có mùi thơm của chất dầu bôi tóc đàn bà. Và ở đáy vẫn còn đọng lại chút hương phấn của một thứ phấn đầm. Lại còn cái gì mà đỏ lem nhem thế này nữa? Trời! Sập môi.

Đêm qua, lúc gần về sáng, Nguyễn mò về nhà Xuân xin ngủ nhờ. Cái giường vẫn thừa chỗ cho hai người nằm, tại sao Xuân lại không cùng nằm chung với chàng? “Tôi ngủ đây giấc rồi. Cho anh nằm một mình cho dễ chịu. Tôi dậy làm việc đây. Tôi dậy làm việc đây! Mấy giờ thì đánh thức anh?”. Nguyễn suy nghĩ về câu nói và cử chỉ của Xuân. Có lẽ người bạn tốt của chàng đã ghé thăm chàng. Nguyễn đã tha lê về đây bao nhiêu dư vị, dư hương chẳng thơm tho ngon lành gì của một đêm chơi nhảm. Xuân có quyền coi thường chàng. “Và tính vốn kín đáo, nó đã giả vờ đây

làm việc để khỏi phải ngủ cạnh mình. Tỉnh Xuân nó sạch sẽ và lòng nó trong sạch, chốc nữa mình đi rồi, chắc chỗ vải gối vải giường vải bọc chăn này, nó sẽ đưa ra thợ giặt hết". Nguyễn lại đưa hai cánh tay sơ mi nhầu lên mà ngủ. Chàng thấy mình đang chán mình. Nguyễn càng thấy chán hơn nữa: Cách cái tâm cảnh rời rạc của chàng có một thước, người ta đang làm việc rất vui vẻ và lương thiện. Xuân nó đang đánh đàn. Xuân nó đang tìm tòi một cái gì trong cõi thanh âm huyền bí. Bên một cổ đàn dương cầm bóng nhoáng, Xuân nó đang cần cù phụng sự cái lý tưởng của nó. Đẹp vậy thay là âm nhạc. Đẹp vậy thay là anh bạn Xuân đang khảo phim cổ đàn.

- Thế nào? Anh lại mặc quần áo đi đâu? Chưa đến còi mười giờ mà.

- Ra thư viện và tạt qua nhà in một lát.

- Có cần viết gì, sẵn cả giấy bút ở bàn ấy. Người anh trông mệt lắm, đi làm quái gì. Ở đây đến trưa đợi tôi đi dạy mấy bài đàn về rồi cùng đi ăn cơm. Có buồn ngủ lắm đấy. Quần áo tây và sơ mi tôi, anh mặc vừa, có cần thay thì cứ lấy mà thay. Ừ, hôm nay vừa kỳ thợ giặt tới lấy quần áo, đồ cũ của anh cứ vứt vào bồ kia cho nó giặt luôn thể. Sao? Độ này anh có viết được quyển gì mà tự mình lấy làm bằng lòng không? Lâu không thấy họ in tên anh.

Nguyễn giờ một cuốn tự vị lơ đãng nhìn mấy hình vẽ, lắc đầu. Chàng đã vội vàng bỏ một bàn tay ngón mềm nhũn lạnh toát mồ hôi vào lòng bàn tay ấm áp rần rỏi của Xuân. Xuân tiễn chàng ra cửa, nhìn theo người bạn bỏ phờ đang lơ một bước chân, lúc tạt ngang qua đường phố, loạng quạng suýt đâm vào một cỗ xe rác.

Bác tùy phái nhà in đưa cho Nguyễn một bức thư.

- Thưa ông, thư này tới đã một tuần lễ. Không biết chỗ ở nhất định của ông, nên đành phải giữ lại đây.

Nguyễn bóc thư - một bức gia thư.

Thưa Cậu,

Con vừa được lên đoàn trên. Đúng ngày kia con làm lễ tuyên thệ. Anh đoàn trưởng có viết giấy lại đảng nhà mời Cậu và Mợ đi dự lễ tuyên thệ của con. Mợ con bảo con viết thư ra mời Cậu về. Có Cậu cùng đi thì Mợ con mới đi. Vậy thế nào Cậu cũng về. Các em đều ngoan cả. Em Thi thi vẫn đi học. Còn em Thu thi kỳ vừa rồi, cô giáo bắt phạt vì đi học đến trường chậm luôn và hay khóc.

Cái mũ nôi giờ không dùng được nữa, cái mũ nôi chỉ dùng được khi con còn đi họp đoàn Sói Con thôi. Bây giờ con là thiếu sinh đoàn Hướng Đạo. Phải đội mũ khác. Bằng vải vàng má, có vành rộng. Cái thứ

mà chồm mũi bóp thành quả núm có bốn múi ấy. Cậu ạ. Cậu mua mũi nhớ đầu con số 48.

Ký tên: CON

T.B.- Hôm qua em Vinh đánh đổ cả chai mực tím vào áo lụa. Mẹ con đánh cho đến mấy cái phát trần. Rồi cả em Vinh và Mẹ con cùng khóc. Mẹ con bảo Cậu đi vắng mãi thì các em con đến hư hết thôi... À, cái con sáo đã bay mất rồi, Cậu ạ. Thế là từ giờ, không còn gì đem ra mà tám chơi nữa, Cậu ơi. Lại còn mấy con lợn đất đựng tiền của chúng con. Mẹ con hôm vừa rồi cũng đập ra hết lấy cái mua sữa cho em bé. Ông nội đi Huế đã gần một tháng chưa về. Nhà vắng. Bà nội hay gắt và mắng chúng con là đi ra Hà Nội với thằng bố chúng mày. Mỗi lần bà nội gắt là Mẹ con lại kêu rúc đầu, bỏ ăn đi vào buồng nằm. Thành ra các em con đùa nghịch bên mâm cơm, đánh nhau chí choé, đổ canh đổ nước mắm ra giường, con thường bị bà nội mắng lây."

Nguyễn dạo qua các phố, dính mũi vào nhiều miếng kính tử hiệu bán mũ. Chàng ngấm mãi cái mũi hương đạo vừa chọn xong. Tuy là vải vàng máy chỉ vải mà đẹp khéo vô cùng. Sẵn tám gương của nhà hàng, Nguyễn đặt mũi lên đầu, ướm thử. Phiến gương to trả lại cho chàng bóng một cái mũi rất bé đặt chênh vênh trên một cái đầu lớn quá. Đầu mình và mũi trở làm

bạn với nhau một cách không xứng đáng đã gọi cho Nguyễn thấy hình ảnh bộ mặt một hề xiếc hay đội và mặc lỗ lã để làm trò cười cho thiên hạ. Tay vẫn nghênh ngang cầm chiếc mũ vải vàng đi giữa phố, Nguyễn gặp dăm bạn tay chơi quen.

- Mày làm cái điệu gì mà nghênh ngang giữa phố với cái mũ kia thế. Định đội à? Lập dị thế! Mày mà đội mũ thì trời sập đó. Mấy năm nay, có ai thấy mày mũ măng gì đâu.

Trái với cái tính chàng mọi ngày hề gặp những bạn tay chơi là khôi hài ngay, Nguyễn nhìn họ rất lâu, rồi trả lời, mệt mỏi:

- Tôi mua về cho thằng con vừa được lên đoàn Hướng Đạo.

- Nói đùa hay thực? ... Khốn nạn, nào ai biết được ông là bố trẻ con. Trông cái mặt nghịch ngợm thế kia và được rõ cái lối sống bạt mạng của ông, ai dám ngờ ông đã lập gia đình. Với lại ông có khai ra bao giờ. Nhưng hãy gác chuyện đứa con ông lại đã. Nhân gặp ông đây, chúng tôi vui vẻ báo cho ông một cái tin buồn này: là chiều nay, chúng tôi kéo nhau ra ngoại ô đánh chén. Một con dê. Mà chỉ có ba người ăn. Có ông nhập vào nữa thì vuông cổ. Ăn xong, lại rủ nhau sang nhà con Tuyết gảy. Ông nghĩ sao?

Chẳng cần nghĩ sao cả, Nguyễn không nhận nhời và không kénh càng chuyện gẫu thêm như mọi lần, chàng rảo bước đi thẳng. Lũ bạn ngạc nhiên nhìn theo Nguyễn đang lom khom ở quãng cây cột đèn trên, cúi xuống rãnh nhặt một cái gì cho một đứa trẻ hàng phố đang chỉ tay vu vơ và sụt sịt khóc.

Tối hôm ấy, Nguyễn đã về đến nhà, sau bốn giờ tẩu tốc hành. Chàng đánh thức ngay thằng Tuyền đang ngủ dậy. Lồm ngồm trở dậy, thấy đèn sáng trưng, thằng bé Tuyền hấp háy dụi mắt. Nguyễn đội ngay lên đầu trẻ cái mũ ca ki si cũt, xoay đi xoay lại mấy vòng. Mũ vừa đầu con, Nguyễn cười, trẻ Tuyền cũng cười, lộ hai hàm răng không đều và chưa đủ. Thế rồi nó lại lặn ềnh ra ngủ. Nguyễn thấy đứa con ngủ ngon lành như vậy, chàng lại nhớ đến những giấc ngủ đứng ngủ ngồi của mình vào những đêm nể bạn cũ phải căng mắt mắt và rộng miệng cả hơi làm vui cho bạn ngả gối bên đèn và bên hoa. Lại nhìn thêm đến lũ con nhỏ khác ngủ rải rác ở mấy bộ giường. Nguyễn không muốn đánh thức chúng dậy vì, trót cầu thả trong việc về thăm nhà, chàng đã chẳng mua được tí quà bánh và đồ chơi cho trẻ, giờ lại đi khua chúng dậy, bố con nhìn nhau, lại có đều tủi bẽ thêm chăng! Nguyễn chỉ vội thực hành ngay một ý vui vừa chớm qua đầu óc. Rón rén chàng lật tà áo cánh mỗi trẻ lên, buộc một đồng kền năm vào đầu dải rút mỗi chiếc

quần hồng đũng. Rồi trở ra bên mâm cơm bất thường vợ vừa bung lên, Nguyễn đã xoa tay với sự bằng lòng của một ông cụ Noel sau một đêm phát chẩn tết Giáng Sinh. Cơm có rượu, chàng lại uống, vừa uống vừa ngẫm. Quái, cũng là một thứ rượu ấy - chàng đã nâng mãi cái chai rượu nút còn nguyên vẹn dấu xi vừa mở có dán nhãn hiệu rất quen thuộc kia lên, đọc đi đọc lại tên rượu - mà hôm nay chàng nhấp thấy ngọt dịu chứ không cay gắt và đắng như mọi lần uống với đám anh em từ đồ ở "ngoài ấy". Ngất ngưỡng một mình trên cả một cái gác, đêm đó, Nguyễn lại muốn làm thơ, để ca tụng đến cái hương thơm dịu đượm mùi xúc cảm bốc lên khỏi chén rượu của một "Cuộc trùng lai của đứa con hoang toàng".

Từ buổi mang mũ về cho thằng con đứng đầu lũ con đàn, Nguyễn lần nữa ngày một ngày hai, không chịu trở vội lại Hà Nội và mặc kệ bao nhiêu "những thằng những con Hà Nội", chàng không trả lời một lá thư nào cả. Có lúc nhận những cái bì thư hoa mỹ này, chàng đã muốn xếp xó lại đấy, nhất định không mở đọc, giống như cái lối chán chường của một người nợ nhiều quá, lúc phải nhận những bì thư đám bảo của chủ nợ thúc. Mỗi buổi ăn cơm được luôn luôn đổi bữa bằng những món tầm thường như cá kho tương, riêu cua cà bung, tay bí xào, nộm khoai, thịt sườn, Nguyễn

cảm thấy cái sinh thú cảm dỗ của cuộc sống có gia đình. Bây giờ chàng mới thấy cơm cao lâu là nặng và rượu nơi nhà hát là cay. Mỗi buổi ăn điểm vài chén rượu - vài chén thôi - cho ngon miệng lúc và cơm, mỗi lúc mâm cơm bùng đi rồi, vợ chàng quét giường giải chiếu khác. Nguyễn nằm đùa với lũ con đàn. Nguyễn ít ở nhà, lũ con nhỏ không quen mấy, chưa dám đùa ngay, chúng giạt cả vào phía tường, trốn mắt nhìn. Có đứa sợ quá lại òa lên khóc, mặc dầu có mẹ chúng cũng ngồi đấy, Nguyễn hơi cúi với trẻ. Vợ chàng lại một phen phải đứng ra nói nhiều câu đến là buồn cười để hòa giải cái việc hiểu lầm giữa chồng đùa nhà đùa vụng và lũ trẻ đàn đang sợ người lạ. Một hôm, hai hôm ... dần dần bọn trẻ cũng hiểu được cái người lạ hay đùa với chúng kia là ai rồi. Chúng không sợ nữa, nhưng những cuộc đùa nghịch trên giường kia, trông nó vẫn đến nhẽ đoảng thế nào ấy. Ở mọi nhà, bố con họ đùa với nhau, trông nó vui và dịu êm dịp dàng hơn kia. Vợ Nguyễn đứng quạt màn trong buồng nhìn ra, lấy làm ái ngại cho một người bố trẻ con vì lỗi đạo đã lâu ngày rồi nên dẫu mấy bữa nay tập tành riết mà vẫn chưa chơi được với đàn trẻ cho nó nên hồn. Nàng cười rất có lượng "Bấy nay chồng mình chỉ quen đùa với những đàn ông và đàn bà lớn tuổi ở chỗ ngoài gia đình thôi!" Nguyễn cũng biết mình chưa lấy được tin nhiệm của đàn con, chưa quen những thói tục, chưa

nhiều cái kỳ cục thực. Chúng lấy một cái buồng cau tươi đã bị cắt hết quả. Chúng kẹp hai chân cười lên một bộ xương cau xanh, giả làm cười trâu cười ngựa không ếp âm i vui vẻ như thế được luôn mấy ngày liền mà không chán thì cũng thú thực. Nguyên ngồi rình lũ con nó đùa và cố hiểu những ngón chơi của chúng. Cái thế giới nhĩ đồng ấy có nhiều cái bí ẩn bất Nguyễn phải nhận chân đến một thứ nghệ thuật làm cha con trẻ. Hiện bây giờ chàng chỉ là đang tập làm bố.

Chờ mãi, mãi tối nay thằng Tuyền mới đi họp bạn si-cút và đốt lửa trại thì trời lại phản phản mưa. Nguyễn đưa vợ con ra bãi cắm trại chen lẫn với đám cha mẹ kia cũng đang đi xem con cái mình đi qua trước một ngọn lửa và chút nữa sẽ làm trò. Dứng trên bãi cỏ ướt đầm, vợ Nguyễn chỉ cái đồng củi tạ cháy đỏ ngòm và nói chuyện với chồng rằng: “Trông y như là Tết nấu bánh chưng ấy.” Lũ con nhỏ thì say mê với những cái tàn lửa nổi bật lên nền trời mưa và nghĩ đến những cái pháo hoa cái được đốt hồi đầu năm chơi Tết mua bằng cái tiền ông bà nội phong bao cho lúc chúng mừng tuổi. Chúng thì thảo:

- Mãi mà chưa thấy anh Tuyền ra đóng trò vua Lê Lợi nhỉ?

Hạt mưa mau vẫn xèo xèo trên ngọn lửa xanh li đang vật vờ đè lên mặt cỏ bãi lấp lánh những cái bóng

- Mãi mà chưa thấy anh Tuyền ra đóng trò vua Lê Lợi nhỉ?

Hạt mưa mau vẫn xèo xèo trên ngọn lửa xanh li đang vụt và đề lên mặt cò bãi lấp lánh những cái bóng người áo cụt, đầu mũ tay gậy, linh động như bóng một chiếc đèn kéo quân sống và to tát. Rải rác trên bãi, nhiều lều lè loi ngọn đèn soi vào cái bóng một tráng sinh cầm gậy đứng gác bên cửa lều như một người lính canh thành. Nguyễn nhìn ngọn lửa cháy vù vù. Cùng với tiếng lửa reo, trong lòng Nguyễn có cái gì mới lạ muốn trào ra khỏi khoé mắt vì cảm xúc. Nguyễn muốn đem nửa đời tội lỗi của mình đánh đổi lấy một đêm đốt lửa thiêu liêng của cái nhân loại Sói Con ấm sáng trong trời kia. Nguyễn muốn đem bao nhiêu là năm hoài nghi cũ của mình nhờ cái lò lửa trung tâm bãi trại này chế hóa hộ ra thành được một giây lát tin tưởng chân thành của người tráng sinh yêu đời và đang vui sống kia.

Đã đến lượt thằng Tuyền ra làm trò vui bên ngọn lửa trại. Tường chống chưa nhận ra đứa con trá hình để hát và múa kia, vợ Nguyễn giật lay vạt áo chàng. Đứng cạnh vợ, Nguyễn đành ngây cứng ra như đá tượng. Cặp mắt Nguyễn bị ngọn lửa cháy đang thôi miên. Bằng sức dẫn của thương đau và tủi nhớ, Nguyễn giật lùi về một cái quá vãng tối mò.

MỤC LỤC
NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP
II

	Trang
1) Ngọn đèn dầu lạc (<i>Phóng sự</i>) 1939	5
2) Tàn đèn dầu lạc (<i>Phóng sự</i>) 1941	97
3) Thế là mất một nơi nghỉ mát (<i>Tùy bút</i>)	197
4) Một người muốn đập vỡ đàn (<i>Truyện ngắn</i>) 1940	209
5) Có một người không muốn ôm nữa (<i>Truyện ngắn</i>) 1940	221
6) Con sư tử một năm Quý Sửu (<i>Truyện ngắn</i>) 1940	231
7) Giá đồng quan giám sát (<i>Truyện ngắn</i>) 1940	241
8) Một cảnh rước dâu chạy tang (<i>Truyện ngắn</i>) 1940	249
9) Mượn cái vui của người khác (<i>Truyện ngắn</i>) 1940	261
10) Một người tỉnh rượu đốt cháy rừng trúc (<i>Truyện ngắn</i>) 1941	271
11) Chiếc lư đồng mắt cua (<i>Tùy bút dài</i>) 1941	277
12) Tùy bút I (<i>Tập tùy bút gồm 12 bài</i>) 1941	411
- Một lá thư không gửi	413
- Những ngọn đèn xanh	431
- Và những dịp còi	453
- Gió đã lên	459
- Lại đi nữa	475
- Một buổi mai đã mất	484
- Một lữ khách giữa thành phố chúng ta	496
- Được ôm	505

- Những ngày Thanh Hóa	515
- Một giấc ngủ	526
- Cửa Đại	538
- Đẹp lòng	553
13) Tùy bút II (<i>Tập tùy bút gồm 5 bài</i>) 1943	567
- Phu nhân họ Bồ	569
- Chiếc va ly mới	585
- Một lần đi thăm nhau	611
- Một cái Tết vô duyên	629
- Tựa "Am Sông Tô"	639
14) Tóc chị Hoài (<i>Tùy bút dài</i>) 1943	645
15) Xác ngọc lam (<i>Truyện ngắn</i>) 1943	669
16) Rượu bệnh (<i>Truyện ngắn</i>) 1943	698
17) Đới - Roi (<i>Truyện ngắn</i>) 1943	716
18) Lửa nển trong tranh (<i>Truyện ngắn</i>) 1943	725
19) Loạn âm (<i>Truyện ngắn</i>) 1943	748
20) Hai tấm vé số (<i>Truyện vừa</i>) 1943	765
21) Những đứa con hoang (<i>Tùy bút</i>) 1943	800
22) Bụi đất Kinh (<i>Tùy bút</i>)	821
23) Vong ngô đồng (<i>Tùy bút</i>)	830
24) Nguyễn (<i>Tập truyện gồm 6 truyện</i>) 1945	851
- Nhà Nguyễn	853
- Đôi tri kỷ gượng	937
- Chuyển xe tình	1005
- Cái cà vát đen	1013
- Một người cha về ăn Tết	1022
- Lửa trại	1032

NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP TẬP II

"Nghề văn là nghề của chữ. Chữ với tất cả mọi nghĩa mà mỗi chữ phải có được trong một câu, nhiều câu. Nó là cái nghề dùng chữ nghĩa mà "sinh sự" mà sinh sự thì sự sinh"

Nguyễn Tuân. Trích bài giảng bồi dưỡng người viết trẻ.

(Nguyễn Tuân sửa lại ngày 5-6-1984)

NHÀ SÁCH TRẺ

186 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.3 - Tp. HCM

☎ 8228452 - 9301022 Fax : (84.8) 9301022

Giá: 110.000 đ